

TRƯỜNG ANH VĂN



NHỮNG ĐUÔI CỎ CỦA NỬA ĐÊM



Table of Contents

QUYỀN MỘT

Chương 1: Tấm ga giường khoét lỗ

Chương 2: Mercurochrome

Chương 3: Phụt-ống-nhỏ

Chương 4: Dưới tấm thảm

Chương 5: Lời tuyên bố công khai

Chương 6: Những con quái vật nhiều đầu

Chương 7: Methwold

Chương 8: Tích, tắc

QUYỀN HAI

Chương 9: Ngón tay đang chỉ của người ngư phủ

Chương 10: Rắn và Thang

Chương 11: Tai nạn trong tủ giặt

Chương 12: Đài phát thanh Toàn Án Độ

Chương 13: Tình yêu ở Bombay

Chương 14: Sinh nhật thứ mười của tôi

Chương 15: Ở quán café Pioneer

Chương 16: Alpha và Omega

Chương 17: Thằng nhóc Kolynos

Chương 18: Cây dùi cui của Trung tá Sabarmati

Chương 19: Mạc khải

Chương 20: Cuộc hành quân của lọ gia vị

Chương 21: Hút kiệt và hoang mạc

Chương 22: Jamila Ca sĩ

Chương 23: Saleem đạt đến sự thuần khiết ra sao

QUYỀN BA

Chương 24: Gã buddha

Chương 25: Trong rừng Sundarbans

Chương 26: Sam và con Cọp

Chương 27: Dưới bóng Thánh đường

Chương 28: Đám cưới

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

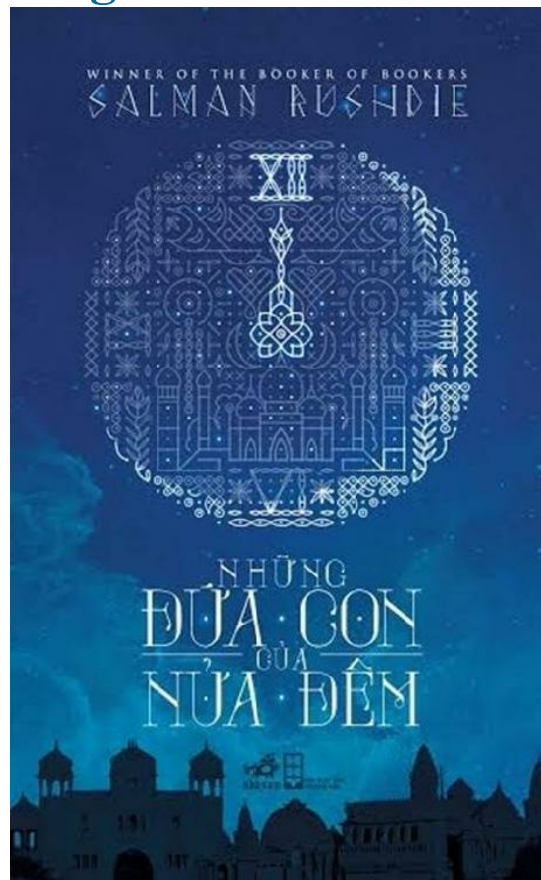
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Downloadsach chia sẻ ebook với mục đích phi lợi nhuận, nhằm tạo điều kiện cho những bạn không thể mua sách cùng nhau đọc.

Những bạn có điều kiện, hãy mua sách để ủng hộ nhà xuất bản và dịch giả!.

Những đứa con của nửa đêm



Những đứa con của nửa đêm



Tác giả: Salman Rushdie



Dịch giả: Nham Hoa



Số trang: 608



Kích thước: 15 x 24cm



Ngày phát hành: 27-03-2014



Giá bìa: 145 000 VND



Công ty phát hành: Nhã Nam



Nhà xuất bản: NXB Văn Học



Chụp pic: sundaefruit



Type

kasachan: 1-5

stupid.devil: 6-11

Frozenz: 12-17

Meobongxu87: 18-23

undead_nd: 24-hết



Beta: sagelc91



Làm ebook: Dâu Lê



Nguồn ebook: <http://www.luv-ebook.com>

Giới thiệu

Cuốn tiểu thuyết lấy bối cảnh quá trình chuyển tiếp của Ấn Độ từ thời thuộc địa Anh sang độc lập rồi tách thành ba quốc gia độc lập Ấn Độ, Pakistan và Bangladesh. Những đứa con của nửa đêm không phải được viết ra để đọc thật nhanh. Đồ sộ như chính nó, huyền hoặc như chính nó, với một người dẫn chuyện lơ đãng có chủ đích, một lượng từ vựng khổng lồ và vô vàn tham chiếu đến lịch sử cũng như thần thoại của một đất nước thịnh vượng bậc nhất về mặt văn hóa. Cuốn sách làm choáng ngợp ngay cả những người đọc dạn dày. Đây là sự trải nghiệm kỳ thú về tình yêu và mất mát, về những số phận trôi dạt giữa lịch sử đầy bão dông, giữa những năng lực diệu kỳ và phép thuật kỳ diệu như cổ tích.

Như mọi tác phẩm khác của “thầy phù thủy” Salman Rushdie, *Những đứa con của nửa đêm* không phải được viết ra để đọc thật nhanh. Đồ sộ như chính nó, huyền hoặc như chính nó, với một người dẫn chuyện lơ đãng có chủ đích, một lượng từ vựng khổng lồ và vô vàn tham chiếu đến lịch sử cũng như thần thoại của một đất nước thịnh vượng bậc nhất về mặt văn hóa, *Những đứa con của nửa đêm* làm choáng ngợp ngay cả những người đọc dạn dày. Nhưng ngay cả chưa cần tường tận đến từng chi tiết tinh xảo, cuốn sách này vẫn là một trải nghiệm đọc kỳ thú, về tình yêu và mất mát, về những số phận trôi dạt giữa lịch sử đầy bão giông, những năng lực diệu kỳ và phép thuật như cổ tích, thật như đời và ảo như mơ.

Những đứa con của nửa đêm đoạt giải Booker lần đầu tiên năm 1981. Năm 1993, nó lại được chính ủy ban bầu chọn của giải thưởng danh giá này trao giải Cuốn sách đoạt giải Booker hay nhất (The Best of the Booker). Thành tích phi thường đó một lần nữa được lặp lại vào năm 2008, đưa *Những đứa con của nửa đêm* trở thành một hiện tượng vô tiền khoáng hậu của văn chương thế giới.



Nhận định

“Một trong những cuốn sách quan trọng nhất từng xuất hiện trong thế giới nói tiếng Anh.”

– New York Review of Books

“Đồ sộ, sống sít, choáng ngợp... một cuốn sách diệu kỳ theo mọi nghĩa.”

– Sunday Times

“Một cuốn sách kỳ vĩ.”

“Bản đồ văn chương của Ấn Độ cần phải được vẽ lại... Những đứa con của nửa đêm vang vọng như một lục địa tìm được tiếng nói của mình.”

- New York Times



Tác giả



SALMAN RUSHDIE

(Sinh 19/6/1947) là nhà văn Anh gốc Ấn, nổi tiếng nhất với tác phẩm *Những đứa con của nửa đêm*. Tác phẩm của ông kết hợp nhuần nhuyễn những yếu tố hiện thực huyền ảo với hư cấu lịch sử, hầu hết lấy bối cảnh lục địa Ấn, với chủ đề xoay quanh những mối quan hệ phức tạp giữa phương Đông và phương Tây. Tiểu thuyết thứ tư của ông. *The Satanic Verses* (tạm dịch: *Những vần thơ của quỷ Satan*, 1988) từng gây nên sự phản đối gay gắt ở nhiều nước Hồi giáo, mà đỉnh cao là án tử hình vắng mặt (Tatwā) do Ayatollah Khomeini, lãnh tụ tôn giáo tối cao của Iran, đưa ra vào ngày 14/2/1989 đối với ông. Rushdie được nước Pháp trao tặng Huân chương Văn học Nghệ thuật vào tháng 1/1999, và được Hoàng hậu Elizabeth II của Anh phong tước Hiệp sĩ vào tháng 6/2007 vì sự nghiệp văn chương. Đến nay, tác phẩm của ông được Nhã Nam dịch ra tiếng Việt và ấn hành gồm *Haroun và biển truyện*, *Nàng phù thủy thành Florence* và *Những đứa con của nửa đêm*.



Mục lục

QUYỂN MỘT

Chương 1: Tấm ga giường khoét lỗ

Chương 2: Mercurochrome

Chương 3: Phụt-ống-nhỏ

Chương 4: Dưới tấm thảm

Chương 5: Lời tuyên bố công khai

Chương 6: Những con quái vật nhiều đầu

Chương 7: Methwold

Chương 8: Tích, tắc

QUYỂN HAI

Chương 9: Ngón tay đang chỉ của người ngư phủ

Chương 10: Rắn và Thang

Chương 11: Tai nạn trong tủ giặt

Chương 12: Đài phát thanh Toàn Ấn Độ

Chương 13: Tình yêu ở Bombay

Chương 14: Sinh nhật thứ mười của tôi

Chương 15: Ổ quán cà phê Pioneer

Chương 16: Alpha và Omega

Chương 17: Thằng nhóc Kolynos

Chương 18: Cây dùi cui của Trung tá Sabarmati

Chương 19: Mạc khải

Chương 20: Cuộc hành quân của lọ gia vị

Chương 21: Hút kiệt và hoang mạc

Chương 22: Jamila Ca sĩ

Chương 23: Saleem đạt đến sự thuần khiết ra sao

QUYỂN BA

Chương 24: Gã buddha

Chương 25: Trong rừng Sundarbans

Chương 26: Sam và con Cọp

Chương 27: Dưới bóng Thánh đường

Chương 28: Đám cưới

Chương 29: Nửa đêm

Chương 30: Abracadabra



Tặng Zafar Rushdie, người mà,
trái với mọi mong đợi, đã ra đời
vào buổi chiều

Giới thiệu

Năm 1975, tôi xuất bản tiểu thuyết đầu tay, *Grimus*, và quyết định dùng bảy trăm bảng tạm ứng để đi du lịch Ấn Độ, với tinh thần càng rẻ càng tốt và đi được càng lâu càng tốt. Chính từ cuộc lữ hành của những chuyến xe khách mười lăm tiếng và những quán trọ khiêm nhường ấy. *Những đứa con của nửa đêm* đã ra đời. Đó là năm Ấn Độ trở thành cường quốc hạt nhân và Margaret Thatcher được bầu làm thủ lĩnh đảng Bảo thủ và Sheikh Mujib, người sáng lập ra Bangladesh, bị ám sát; Năm nhóm Baader-Meinhof bị xét xử tại Stuttgart và Bill Clinton kết hôn với Hillary Rodham và những người Mỹ cuối cùng được di tản khỏi Sài Gòn và Đại Nguyên soái Franco qua đời. Ở Campuchia, đó là Năm Số Không đầm máu dưới thời Khmer Đỏ. Cũng năm đó E.L. Doctorow xuất bản *Ragtime* và David Mamet viết *American Buffalo* và Eugenio Montale đoạt giải Nobel. Và ngay sau khi tôi từ Ấn Độ trở về, Indira Gandhi bị kết tội gian lận bầu cử, và một tuần sau sinh nhật thứ hai mươi tám của tôi bà ban bố Tình trạng Khẩn cấp và thực thi bạo quyền. Đó là khởi đầu của một thời kỳ đen tối sẽ kéo dài đến tận năm 1977 mới kết thúc. Gần như ngay lập tức tôi hiểu rằng bằng cách nào đó bà G. đã chiếm vị trí trung tâm trong dự án văn chương còn đang thai nghén của tôi.

Đã từ lâu tôi muốn viết một cuốn tiểu thuyết của tuổi thơ, khởi nguồn từ những ký ức về thời thơ ấu của tôi ở Bombay. Giờ đây, sau khi đã uống từ thăm sâu của suối nguồn Ấn Độ, tôi ấp ủ một dự án tham vọng hơn. Tôi nhớ đến một nhân vật phụ tên là Saleem Sinai, ra đời lúc nửa đêm khi Ấn Độ giành được độc lập, người xuất hiện trong bản thảo bị vứt bỏ của một cuốn tiểu thuyết chết yểu tên là *The Antagonist*. Khi đặt Saleem vào giữa phác thảo mới của mình, tôi chợt hiểu rằng thời điểm ra đời của nhân vật sẽ buộc tôi nhất thiết phải gia tăng kích cỡ của tầm toan. Nếu muốn để Saleem và Ấn Độ song hành tôi sẽ phải kể câu chuyện của cả hai anh em sinh đôi này. Rồi Saleem, kẻ miệt mài kiếm tìm ý nghĩa, gợi ý cho tôi rằng chính vì gã mà toàn bộ lịch sử Ấn Độ hiện đại đã diễn ra như vậy; rằng lịch sử, tức cuộc đời của tổ-quốc-song-sinh của gã, bằng cách nào đấy, là lỗi *của mình* gã. Từ ý tưởng tuyệt không khiêm nhường ấy, giọng văn đặc trưng của cuốn tiểu thuyết, quả quyết một cách hài hước, ba hoa không biết mệt mỏi, và cùng với nó là, tôi hy vọng, âm hưởng bi thương mỗi lúc một lớn dần từ những lời ngoa nhận càng lúc càng bị kịch của người kể chuyện, đã định hình. Tôi thậm chí đã cho cậu bé và đất nước cậu giống hệt nhau. Khi gã thầy địa lý tàn ác Emil Zagallo giảng cho đám trẻ bài học “địa lý nhân văn” bằng cách ví mũi của Saleem với bán đảo Deccan, sự tàn nhẫn trong câu đùa của gã cũng hiển nhiên là của tôi.

Nhiều trở ngại đã nảy sinh trong quá trình sáng tác. Phần lớn mạng tính văn học, một số có tính thực tiễn đây cấp bách. Sau khi ở Ấn Độ về, tôi hoàn toàn rỗng túi. Cuốn tiểu thuyết trong đầu tôi chắc chắn sẽ dài và kỳ lạ và cần không ít thời gian để viết, mà trong khi đó tôi đã hết tiền. Hệ quả là tôi buộc phải trở lại với thế giới quảng cáo. Trước khi rời nước Anh, trong độ một năm tôi làm copywriter tại Chi nhánh London của Ogilvy & Mather. Người sáng lập hãng, David Ogilvy, có câu châm ngôn bất hủ cho chúng tôi: “Khách hàng không phải là thằng đàn, mà là vợ mình,” trong khi viên giám đốc sáng tạo của chi nhánh (tức là sếp của tôi) Dan Ellerington, nghe đồn là dân gốc Rumani, sở hữu một thứ tiếng Anh mà ta tạm gọi là kỳ quặc. Thành thử trong công ty lưu truyền một giai thoại rằng có lần bà con phải dùng vũ lực để ngăn ông ta không không trình lên Ủy ban Marketing Sữa, để tiếp

nổi chương trình “Drinka pinta milka day” nổi tiếng, một chiến dịch quảng cáo dựa trên thành ngữ độc đáo, câu phương ngôn đậm chất lạc quan Rumanian: “Uống sữa ‘vào’ như ăn muối”. Ở cái thời chưa đến nỗi người khôn của khó ấy. Ogilvy sẵn sàng thuê vài tay lập dị làm việc bán thời gian ở bộ phận sáng tạo, và tôi đã dễ được họ nhận lại tôi để làm một gã may mắn như thế. Tôi làm việc hai hoặc ba ngày một tuần, cơ bản là chia ca với một người khác cũng làm bán thời gian, nhà văn Jonathan Gathorne-Hardy, tác giả cuốn *Bước thăng trầm của Cô bảo mẫu Anh*. Tôi thứ Sáu hàng tuần tôi từ văn phòng công ty gần cầu Waterloo trở về nhà ở thị trấn Kentish, tắm nước nóng thật kỹ, rửa sạch bụi trần, rồi bước ra như một tiểu thuyết gia - hoặc giả tôi tự nhủ lòng như vậy. Giờ đây nhìn lại, tôi không khỏi thoáng tự hào về niềm đam mê dành cho văn chương của tôi thời trẻ, điều đã cho tôi sức mạnh ý chí để cưỡng lại những phỉnh phờ từ kẻ thù của tiềm năng^[1]. Bầy mỹ nhân ngư của xứ sở quảng cáo cát tiếng hát ngọt ngào và dụ hoặc, nhưng tôi nghĩ đến Odysseus tự trói mình vào cột buồm, và bằng cách nào đó đã không xiêu lòng.

[1] Có lẽ Rushdie muốn nhắc đến cuốn tiểu luận *Enemies of Promise* của Cyril Connolly. “Kẻ thù” ở đây là những trở ngại và cảm dỗ khiến nhà văn không hiện thực hóa được tiềm năng văn chương của bản thân.

Dẫu vậy, quảng cáo đã dạy tôi tính kỷ luật, buộc tôi học cách hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào phải hoàn thành, và bắt đầu từ dạo ấy tôi đã coi viết lách như một công việc cần làm, chối bỏ tất cả (ờ... gần như tất cả) sự xa xỉ của cảm hứng nghệ thuật. Và tôi nhớ chính bản làm việc ở Ogilvy là nơi tôi bắt đầu băn khoăn không biết phải đặt tên cuốn tiểu thuyết mới của mình như thế nào.

Tôi dứt khỏi công việc quan trọng là nghĩ khẩu hiệu cho một loại bánh kem mới (“Naughty but nice”), sô cô la thanh Aero (“Irresistibubble”) và tờ *Daily Mirror* (Ngày mai hãy nhìn vào *Giương* - bạn sẽ thích điều mình thấy)^[2] trong vài giờ để tìm giải pháp. Cuối cùng, tôi có hai cái tên và không biết mình phải chọn cái nào: *Midnight’s Children* và *Children of Midnight*. Tôi gõ lộn lượt từng cái ra, hết lần này đến lần khác, và tôi chợt hiểu ra rằng chẳng có gì phải tranh cãi hết, rằng *Children of Midnight* là cái tên tầm thường còn *Midnight’s Children* là cái tên hay. Biết được tên đồng nghĩa với việc hiểu rõ cuốn sách hơn, và từ đó tôi viết dễ dàng hơn, dễ dàng hơn đôi chút.

[2] Những câu quảng cáo này đều dùng thủ pháp chơi chữ nên rất khó dịch sang tiếng Việt. “Naughty but nice” nghĩa đen là “ngịch ngợm nhưng ngon” (bánh kem), nhưng cũng là một cụm từ được dùng để tả một cô gái tinh nghịch nhưng dễ thương. Aero chocolate là một loại sô cô la bên trong có bọt khí. Irresistibubble là từ ghép của irresistible (không thể cưỡng lại) và bubble (bong bóng khí), còn tờ **Daily Mirror** có từ “mirror” nghĩa là “ gương.”

Tôi từng viết và nói ở đâu đó rằng tôi chịu ơn truyền thống kể chuyện truyền khẩu của Ấn Độ; cũng như những nhà văn Ấn Độ vĩ đại, Jane Austen và Charles Dickens - Austen vì đã khắc họa chân dung những phụ nữ kiệt xuất bị giam cầm trong khuôn thước xã hội của thời đại, và tôi biết rất rõ những phụ nữ Ấn Độ với số phận tương tự; Dickens vì cái thành phố đồ sộ và mục ruỗng giống Bombay, và vì khả năng xây dựng những nhân vật thực hơn đời thực và những hình ảnh siêu thực, trên một bối cảnh được quan sát sắc bén tới mức gần như một sự phóng đại của hiện thực. Từ đó những yếu tố hài hước và hoang đường trong tác phẩm của ông dường như đã sinh sôi nảy nở, trở thành những thậm xưng của thế giới thực tại, nhưng đồng thời vẫn không vượt ra khỏi đó. Có lẽ tôi cũng đã nói khá nhiều về thậm vọng tạo ra một thứ khẩu ngữ văn chương cho phép nhịp điệu và hình thái tư duy của các ngôn ngữ Ấn Độ hòa trộn với những đặc trưng của “Hinglish” và “Bambaiyya”^[3], thứ tiếng-lóng-đường-phố đa ngôn ngữ của Bombay. Và, tôi thiết tưởng, độc giả cũng dễ nhận ra sự chú trọng của cuốn sách vào sự trộn chuội và méo mó của ký ức. Mặc dù vậy, đây có lẽ là thời điểm phù hợp để cảm ơn những nguyên mẫu cho các nhân vật hư cấu của tôi: gia đình tôi, bà Mary Menezes ayah của tôi, và các bạn bè của tôi thời thơ ấu.

[3] Hinglish là từ ghép giữa Hindi (tiếng Hindi) và English (tiếng Anh). Còn Bambaiyya là thứ tiếng Hindi đặc trưng của

Vì nhân vật “Ahmed Sinai” mà cha tôi tức giận đến mức không thèm nói chuyện với tôi suốt nhiều tháng; tới khi ông quyết định “tha thứ” cho tôi thì điều ấy lại làm tôi khó chịu đến mức tôi không chịu nói chuyện với ông thêm vài tháng nữa. Ban đầu người tôi lo lắng nhiều hơn về phản ứng với cuốn sách là mẹ tôi, nhưng ngay lập tức bà hiểu rằng đó “chỉ là một câu chuyện - Saleem không phải là con, Amina không phải là mẹ, đó chỉ là những nhân vật,” qua đó cho thấy một đầu óc tỉnh táo hữu ích cho bà hơn nhiều so với những năm học văn học Anh ở Cambridge hữu ích cho ông. Em gái tôi Sameen, hồi bé quả thật được gọi là “con Khi Đồng”, cũng vui vẻ với cách tôi đưa các chất liệu thực tế vào tác phẩm, mặc dù một phần những chất liệu ấy chính là nó. Tôi không dám chắc về phản ứng của các bạn thời thơ ấu như Arif Tayabali, Darab và Fudli Talyarkhan, Keith Stevenson và Percy Karanjia, tuy nhiên tôi phải cảm ơn họ vì đã đóng góp một phần của mình (mà không phải bao giờ cũng là những phần tốt đẹp) vào các nhân vật Sonny Ibrahim, Mắt Chè và Tóc Dầu, Perce Béo và Keith Nội tiết. Evie Burns ra đời từ một cô bé người Úc, Beverly Burns, nụ hôn đầu đời của tôi: tuy nhiên, nàng Beverly ngoài đời không phải là nữ hoàng xe đạp, và tôi mất liên lạc với nàng sau khi nàng quay về Úc. Ở Masha Miovic nhà nữ vô địch bơi ếch có một phần của Alenka Miovic ngoài đời, nhưng độ mấy năm trước tôi nhận được một bức thư từ cha của Alenka, ở Serbia, về *Những đứa con của nửa đêm*, trong đó ông cụ đã đề cập khá thẳng thừng rằng con gái ông không hề nhớ hồi bé đã từng biết tôi ở Bombay. Biết làm sao. Bóng tối buông xuống giữa người được hâm mộ và người hâm mộ.

Về phần Mary Menezes, người mẹ thứ hai của tôi, người ngoài đời chưa bao giờ yêu một nhân viên nhà hộ sinh có tư tưởng cách mạng, hay đánh tráo trẻ sơ sinh, người sống đến một trăm tuổi, người chưa bao giờ kết hôn và luôn gọi tôi là con trai, bà không biết chữ, mặc dù bà nói được bảy tám thứ tiếng, và do vậy không đọc cuốn sách. Nhưng bà đã nói với tôi, một chiều năm 1982 tại Bombay, rằng bà rất tự hào về thành công của nó. Nếu có phản đối gì cách tôi xây dựng nhân vật của bà, thì bà cũng không nói ra.

Tôi viết xong *Những đứa con của nửa đêm* vào giữa năm 1979, và gửi bản thảo cho bạn tôi Liz Calder, biên tập viên của nhà Jonathan Cape. Về sau, tôi mới biết rằng cách đánh giá của người đọc bản thảo đầu tiên rất ngắn và tiêu cực ghê gớm. “Tác giả nên tập trung viết truyện ngắn tới khi nào làm chủ được thể loại tiểu thuyết.” Liz đề nghị một bản đánh giá nữa, và lần này tôi may mắn hơn, vì người đọc thứ hai, Susannah Clapp, phản hồi rất tích cực; cũng như, sau bà, một nhân vật tiếng tăm khác của làng xuất bản, biên tập viên Catherine Carver. Liz mua bản quyền cuốn sách, và sau đó không lâu, tới lượt Bob Gottlieb của nhà Alfred Knopf. Tôi nghỉ việc viết quảng cáo. (Dạo đó tôi đã chuyển từ Ogilvy & Mather sang một công ty khác, Ayer Baker Hegemann.) “À,” Giám đốc Sáng tạo nói khi tôi trình đơn xin nghỉ việc, “Cậu muốn tăng lương?” Không, tôi giải thích, tôi chỉ thông báo theo quy định để có thể nghỉ và toàn tâm theo đuổi nghề viết. “Tôi hiểu,” ông nói. “Cậu muốn tăng nhiều.” Nhưng vào đêm *Những đứa trẻ của nửa đêm* được giải Booker, ông đã gửi điện mừng tôi. “Một người trong chúng ta đã thành công,” bức điện viết.

Bàn tay biên tập của Liz Calder đã giúp tôi tránh khỏi ít nhất hai sai lầm lớn. Bản thảo tôi nộp đầu tiên còn một nhân vật “khán giả” thứ hai, đứng ngoài sân khấu, một nhà báo nữ, người được Saleem gửi bản viết tay câu chuyện đời mình, chính câu chuyện mà anh ta đã đọc cho Padma, “nữ cường nhân

ngâm rau quả,” nghe. Tất cả những người đọc bản thảo ở Cape đều nhất trí rằng nhân vật này không cần thiết, và tôi hết sức mừng vì đã nghe lời khuyên ấy.

Liz còn giúp tôi giải quyết một nút thắt về trình tự thời gian. Trong bản thảo, câu chuyện nhảy từ chiến tranh Ấn-Pakistan 1965 đến cuối chiến tranh Bangladesh, rồi quay ngược lại để giải thích vai trò của Saleem trong cuộc xung đột ấy, và bắt kịp chính nó vào thời điểm quân đội Pakistan đầu hàng, rồi tiếp tục. Liz cho rằng ở đây có quá nhiều lần chuyển dịch thời gian; điều đó sẽ làm gián đoạn sự tập trung của độc giả. Tôi đồng ý cấu trúc lại trình tự thời gian của tác phẩm, và, một lần nữa, rất mừng là mình đã làm vậy. Đóng góp của một biên tập viên xuất sắc thường bị chính đức khiêm tốn của họ xóa nhòa. Nhưng nếu thiếu vắng Liz Calder và sự giúp đỡ từ cô, *Những đứa con của nửa đêm* có lẽ sẽ chẳng thể trở thành nó như ngày nay.

Cuốn sách ra đời bị chậm vì vài cuộc đình công trong ngành xuất bản, nhưng sau cùng nó cũng được phát hành ở London đầu tháng Tư năm 1981, và ngày 6 tháng Tư tôi cùng người vợ đầu Clarissa Luard mở tiệc tại một art gallery nhỏ của anh bạn Tony Stoker ở Langley Court, Covent Garden, để ăn mừng. Tôi vẫn giữ tấm thiệp mời, kẹp trong bản in đầu tiên tôi nhận được, và nhớ cảm xúc của mình khi ấy, trên hết, là nhẹ nhõm. Khi kết thúc cuốn sách, tôi nghĩ rằng sau cùng có lẽ mình cũng viết được một thứ tử tế, nhưng tôi không dám chắc sẽ có người đồng ý với mình, và tôi tự nhủ nếu độc giả nói chung không thích cuốn sách thì nghĩa là chắc tôi không biết thể nào là sách hay, vậy thì không nên phí thời gian cố viết một cuốn như vậy nữa. Nói vậy để thấy rằng rất nhiều điều phụ thuộc vào việc cuốn sách được đón nhận ra sao. May mắn thay, nó được giới phê bình đánh giá tốt; bởi thế nên không khí Covent Garden đêm xuân ấy mới phấn khởi như vậy.

Độc giả phương Tây có xu hướng xem *Những đứa con của nửa đêm* là một chuyện kỳ ảo, trong khi người đọc Ấn Độ thấy nó rất hiện thực, gần như một cuốn sách lịch sử. (“Sách của ngài tôi cũng viết được,” một độc giả từng nói vậy khi tôi diễn thuyết ở Ấn Độ năm 1982. “Tôi biết hết những chuyện đó.”) Tóm lại, nó rất được yêu thích ở hầu như mọi nơi, và đã thay đổi cuộc đời người viết. Tuy vậy, có một độc giả chẳng hề quan tâm đến điều này, ấy là bà Indira Gandhi, và năm 1984, ba năm sau khi cuốn sách ra mắt - khi ấy bà đã trở lại cương vị Thủ tướng - bà đâm đơn kiện nó, cáo buộc nó phỉ báng bà bằng một câu duy nhất. Nó xuất hiện trong đoạn áp chót của Chương 28, “Một đám cưới”, trong đó Saleem giới thiệu vắn tắt cuộc đời của Bà Gandhi. Nó như thế này: “Người ta vẫn đồn rằng Sanjay, con út của Gandhi, oán trách rằng bà, vì hờ hững, đã gây ra cái chết của chồng; rằng việc này khiến gã năm thóp bà vĩnh viễn, thành ra bà không thể từ chối gã bất kỳ điều gì.” Bình thường, quý vị nghĩ, chưa phải thứ khiến một chính trị gia da-mặt-dày phải lôi một nhà văn ra kiện, và một lựa chọn kỳ lạ về casus belli^[4] trong một cuốn sách phê phán gay gắt Indira vì rất nhiều tội ác trong Thời kỳ Khôn cấp. Xét cho cùng, đây là một điều được nói đến khá nhiều ở Ấn Độ hồi đó, thường xuyên xuất hiện trên báo, và trên thực tế được in lại rất nổi bật trên báo chí Ấn Độ (“Câu văn làm bà Gandhi sợ hãi” là dòng tít trang nhất của một tờ báo) sau khi bà đâm đơn. Thế nhưng bà chẳng kiện ai khác ngoài tôi.

[4] Tiếng Latin, nghĩa là hành động/tình huống khiêu khích và gây ra chiến tranh.

Trước khi cuốn sách được xuất bản, các luật sư ở Cape đã lo ngại về những gì tôi chỉ trích bà Gandhi, và yêu cầu tôi soạn cho họ một lá thư để củng cố những luận điểm nêu trong sách. Trong bức thư này tôi chứng minh những gì mình viết là có căn cứ, chỉ trừ đúng một câu mà, như tôi nói, khó lòng kiểm chứng, bởi nó nói về ba người, hai trong đó đã chết, còn người thứ ba sẽ kiện chúng tôi. Tuy

nhân, tôi lập luận, vì tôi đã làm rõ trong văn cảnh rằng đây là một tin đồn, và vì trước kia nó đã từng được đăng báo, nên chúng tôi sẽ không gặp rắc rối gì. Nhóm luật sư nhất trí; thế rồi, ba năm sau, chính câu văn này, gót chân Achilles của cuốn sách, là câu văn bị Bà Gandhi nhặt ra để đâm chúng tôi. Điều này, tôi cho rằng không thể là một sự trùng hợp.

Vụ việc không bao giờ ra đến tòa. Luật về phỉ báng rất nặng về kỹ thuật, và nhắc lại một lời đồn có tính chất phỉ báng cũng tức là phạm tội phỉ báng, do vậy xét về mặt kỹ thuật chúng tôi đã sai. Bà Gandhi không cần bồi thường, chỉ đòi câu văn trên bị xóa bỏ trong các bản in sau này của cuốn sách. Hướng bào chữa duy nhất của chúng tôi khá mạo hiểm: chúng tôi phải chứng minh rằng tội ác của bà trong Thời kỳ Khẩn cấp nghiêm trọng đến mức bà không còn được coi là một người có tư cách tốt và do đó không thể bị phỉ báng. Nói cách khác, về bản chất, chúng tôi sẽ phải đưa bà ra tòa về những hành vi sai trái của bà. Nhưng nếu, cuối cùng, tòa án Anh từ chối công nhận rằng Thủ tướng Ấn Độ không phải là một phụ nữ có tư cách tốt, thì chúng tôi, nói một cách khá sòng sạo, sẽ long trọng tiêu đời. Không có gì ngạc nhiên khi Cape không muốn theo đuổi giải pháp ấy - và khi được biết bà sẵn sàng chấp nhận đây là đơn kiện duy nhất của bà với cuốn sách, tôi đồng ý giải quyết vụ kiện. Nói cho cùng đây là một sự thừa nhận bất ngờ của bà, nếu xét đến nội dung những chương về Thời kỳ Khẩn cấp của *Những đứa con của nửa đêm*. Tôi cảm thấy việc bà sẵn lòng thú nhận như thế là một sự bảo chứng đặc biệt đối với bức tranh Thời kỳ Khẩn cấp được khắc họa trong cuốn sách. Phản ứng của dư luận Ấn Độ về vụ kiện không thuận cho bà Thủ tướng. Bất ngờ thay, chỉ vài tuần sau đó, bà qua đời, bị hai vệ sĩ người Sikh sát hại, vào ngày 31 tháng Mười. “Tất cả những người yêu Ấn Độ chúng ta, hôm nay, đều rơi lệ,” tôi viết trên một tờ báo như vậy. Mặc cho những bất đồng giữa chúng tôi, đó là những lời tự đáy lòng.

Việc này giờ đã thành chuyện cũ. Tôi nhắc lại nó ở đây một phần vì ngay từ đầu tôi đã lo rằng việc đưa những tư liệu đương đại, vốn đang “nóng hổi” tại thời điểm ấy, vào cuốn sách là một sự mạo hiểm - và ý tôi là mạo hiểm văn chương chứ không phải mạo hiểm pháp lý. Một ngày kia, tôi biết, chủ đề Bà Gandhi và Thời kỳ Khẩn cấp sẽ không còn thời sự, không còn làm ai quá lo ngại, và đến lúc đó, tôi tự nhủ, cuốn tiểu thuyết của tôi hoặc sẽ dở đi - bởi nó sẽ mất sức mạnh của tính thời sự - hoặc là sẽ hay lên - bởi một khi tính thời sự đã nhạt, cấu trúc văn chương của tác phẩm sẽ nổi bật hơn, và thậm chí, có lẽ, được đánh giá đúng hơn. Hiển nhiên, tôi hy vọng vào khả năng thứ hai, nhưng chẳng có cách nào biết chắc được. Việc *Những đứa con của nửa đêm* vẫn được quan tâm hai mươi lăm năm sau ngày nó ra đời, bởi vậy, làm tôi rất yên lòng.

Năm 1981, Margaret Thatcher trở thành Thủ tướng Anh, nhóm con tin Mỹ ở Iran được thả, Tổng thống Reagan bị bắn thương, bạo loạn chủng tộc bùng phát tại Anh, Giáo hoàng bị bắn thương, bức *Guernica* của Picasso trở về Tây Ban Nha^[5], và Tổng thống Ai Cập Sadat bị ám sát. Đó là năm ra đời cuốn *Among the Believers* của V.S. Naipaul, *A Flag for Sunrise* của Robert Stone và *Rabbit is Rich* của John Updike. Như mọi tiểu thuyết, *Những đứa con của nửa đêm* là sản phẩm của thời kỳ lịch sử của nó, được thời đại của nó nhào nặn và định hình theo những cách mà chính tác giả cũng không hoàn toàn hiểu hết. Tôi vui mừng khi nó vẫn có vẻ là một cuốn sách đáng đọc, trong thời đại đã rất khác này. Nếu vượt qua sự khảo nghiệm của một hoặc hai thế hệ nữa, có thể nó sẽ trường tồn. Tôi chắc không đợi được đến ngày ấy. Nhưng tôi vui vì đã thấy nó vượt qua rào chắn đầu tiên.

[5] Guernica là bức họa nổi tiếng của Picasso. Trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam, bức họa được trưng bày ở Bảo tàng Nghệ thuật đương đại New York (MoMA), và là điểm hẹn của nhiều cuộc biểu tình chống chiến tranh. Từ năm 1968, nhà độc tài

Franco đã tỏ ý muốn đưa bức tranh về Tây Ban Nha, nhưng Picasso tuyên bố không cho phép chùng nào người dân Tây Ban Nha chưa được hưởng chính thể cộng hòa. Sau khi Franco chết (1975), Tây Ban Nha trở thành nước dân chủ theo mô hình quân chủ lập hiến. Tuy nhiên MoMA không muốn từ bỏ bức tranh quý này, viện cớ đây không chính xác là nền cộng hòa mà Picasso mong muốn. Trước nhiều sức ép và sau nhiều năm đàm phán, cuối cùng MoMA đã đồng ý trả lại bức tranh vào năm 1981.

Salman Rushdie,

London, ngày 25 tháng Mười hai năm 2005

QUYỀN MỘT

Chương 1: Tấm ga giường khoét lỗ

Tôi ra đời ở thành phố Bombay... ngày xưa ngày xưa. Không, như thế không được, không thể né tránh ngày tháng được: Tôi ra đời tại Nhà Hộ sinh của Bác sĩ Narlikar vào 15 tháng Tám năm 1947. Thế còn giờ? Giờ cũng quan trọng chứ. Ờ thì: về đêm. Không, nhất thiết phải rõ hơn... Đúng nửa đêm, nói thế cho nhanh. Những cây kim đồng hồ thành kính chấp tay chào đón tôi ra đời. Ôi dào, nói toẹt ra đi, nói toẹt ra đi: chính vào thời khắc Ấn Độ giành độc lập, tôi bỏ nạo ra giữa thế gian. Trong tiếng hỗn hển. Và, ngoài cửa sổ, là pháo hoa và đám đông. Chỉ vài giây sau, cha tôi bị giập ngón chân cái; nhưng tai nạn ấy chỉ là chuyện vặt nếu đem đặt cạnh điều đã giáng xuống đầu tôi giữa giờ phút tăm tối ấy, bởi dưới ách áp chế ma quái của đám đồng hồ đang bình thản chào tôi kia, tôi đã bị còng tay một cách bí hiểm vào lịch sử, vận mệnh của tôi đã bị xiềng xích không thể chia lìa với đất nước tôi. Suốt ba thập niên kế tiếp, tôi dùng hòng trốn thoát. Thầy bói tiên đoán về tôi, báo chí tung hô sự xuất hiện của tôi, chính trị gia công nhận tính xác thực của tôi. Tôi chẳng có tiếng nói gì trong chuyện này sất. Tôi, Saleem Sinai, về sau được gọi bằng đủ thứ tên, từ Thò Lò, Mặt Nhọ, Hói, Cả Khịt, Phạt Tổ, cả Mạnh Trắng nữa, đã bị trói buộc chặt chẽ với Vận Mệnh - một kiểu liên đới nguy hiểm kể cả vào ngày đẹp trời nhất. Mà lúc ấy đến tự chùi mũi tôi còn chưa làm nổi.

Giờ đây, tuy vậy, thời gian (chẳng có ích gì cho tôi nữa) đang cạn dần. Tôi sắp ba mươi một tuổi. Chắc vậy. Nếu cơ thể rệu rã, lao lực của tôi cho phép. Nhưng tôi không hy vọng cứu được mạng mình, cũng chẳng thể trông chờ có được dù chỉ một ngàn lẻ một đêm. Tôi phải làm việc thật nhanh, nhanh hơn nàng Scheherazade, nếu muốn rút cuộc mình có ý nghĩa - phải, có ý nghĩa - nào đấy. Tôi thừa nhận: hơn tất cả, tôi sợ sự vô nghĩa.

Mà chuyện đề kể thì lại rất nhiều, quá nhiều, vô vàn cuộc đời sự kiện phép lạ nơi chốn tin đồn xoắn xuýt vào nhau, một sự pha trộn đặc quánh của hoang đường và phàm tục! Tôi vốn là kẻ nuốt tươi những cuộc đời; và để biết tôi, chỉ một thằng tôi thôi, quý vị cũng sẽ phải nuốt cho bằng hết. Vô số thứ bị tiêu hóa đang chen lấn xô đẩy trong tôi; và được định hướng bởi duy nhất ký ức về một tấm ga giường lớn màu trắng, chính giữa có một lỗ thủng khá tròn đường kính độ hai mươi xăng ti mét; nắm chặt giấc mơ về mảnh vải lạnh thủng, tàn khuyết ấy, lá bùa hộ mệnh, câu thần chú vùng-oi-mở-ra ấy của tôi, tôi phải khởi sự tái tạo cuộc đời mình từ thời điểm nó thực sự bắt đầu, khoảng ba mươi hai năm trước bất kỳ sự kiện nào hiển nhiên và *hiện tại* như sự ra đời bị đồng hồ chi phối và tội ác vấy bẩn của tôi.

(Tấm vải, thật tình cờ, cũng vấy bẩn, với ba giọt đỏ đã cũ, bạc màu. Như kinh Quran đã dạy: *Hãy tụng, nhân danh Chúa, Đấng Sáng Tạo của ngươi, người tạo ra Con Người từ những hòn máu.*)

Một buổi sớm Kashmir đầu xuân 1915, ông ngoại tôi Adam Aziz vấp mũi vào một bụi cỏ lẫn đất bị sương giá đông cứng lại khi toan cầu nguyện. Ba giọt máu rớt xuống từ lỗ mũi bên trái, đông cứng lại tức thì giữa bầu không khí giòn tan và nằm trước mắt ông trên tấm thảm, đã hóa thành hồng ngọc. Lão đảo ngẩng lên, đến khi người vẫn quỳ nhưng đầu một lần nữa đã vươn thẳng dậy, ông thấy nước mắt vừa ứa ra đã đông cứng lại; và vào thời khắc ấy, khi khinh miệt; dụi những hạt kim cương khỏi bờ mi, ông đã quyết không bao giờ hôn đất vì bất kỳ đức chúa hay người nào nữa. Có điều, quyết định này đã để lại trong ông một cái lỗ, một khoảng trống giữa một khoang nội thể trọng yếu, khiến ông dễ tổn thương trước đàn bà và lịch sử. Nhất thời chưa ý thức được điều này, tuy vừa tốt nghiệp y khoa, ông đứng dậy, cuộn tấm thảm thành một chiếc xi gà lớn, kẹp nó vào nách và ngấm thung lũng bằng đôi mắt sáng, sạch bóng kim cương.

Thế giới đã thanh tân trở lại. Sau mùa đông thai nghén dưới lớp vỏ băng, thung lũng đã lấy mỡ phá vỏ chui ra, ẩm ướt và vàng ươm. Cỏ non nằm dưới đất đợi thời; những dãy núi lui về đóng trại trên đồi trong mùa ấm. (Vào đông, khi thung lũng co mình dưới lớp băng, núi lại tiến sát vào và gằm ghè như những hàm răng giận dữ bao vây thành phố bên hồ.)

Hồi ấy cột sóng phát thanh chưa được dựng lên và đền Sankara Acharya, một nốt rộp đen trên quả đồi màu kaki, vẫn ngự trị những đường phố và hồ nước của Srinagar. Hồi ấy chưa có trại lính đóng bên hồ, chưa có hàng đoàn xe tải và xe jeep như những con rắn dài bất tận nằm kẹt trên đường núi chật hẹp, chưa có quân lính nấp sau những chòm núi bên kia Baramualla và Gulmarg. Hồi ấy du khách chưa bị bắn như gián điệp vì chụp ảnh những cây cầu, và, trừ những nhà thuyền của người Anh trên hồ, thung lũng hầu như không thay đổi từ thời Đế chế Mughal, bất kể bao lần hồi sinh lúc vào xuân; nhưng đôi mắt của ông tôi - cũng hai mươi lăm tuổi như những phần còn lại - lại thấy mọi thứ khác đi... và mũi ông bắt đầu ngứa.

Bí mật về cái nhìn đôi khác của ông tôi: đã năm năm, năm mùa xuân, ông ở xa nhà. (Bụi cỏ lẫn đất nọ, tuy đóng vai trò cốt yếu khi nấu mình dưới nếp gấp vô tình của tấm thảm cầu nguyện, nói cho cùng,

cũng chỉ là chất xúc tác không hơn.) Giờ đây, khi trở về, ông nhìn bằng đôi mắt đã đi nhiều. Thay vì cái đẹp của thung lũng tí hon bị vây bọc giữa hàm răng khổng lồ, ông nhận thấy cái chật chội, cái tiếm cận của chân trời; và thấy buồn, khi về lại quê nhà và cảm thấy cực kỳ tù túng. Ông cũng cảm thấy - một cách khó lý giải - dường như mảnh đất cũ chán ghét sự trở về đem theo học vấn và ống nghe của ông. Bên dưới lớp băng mùa đông, nó từng tỏ ra lạnh lùng vô cảm, nhưng giờ thì không nghi ngờ gì nữa: những năm ở Đức đã trả ông về với một môi trường thù địch. Nhiều năm sau, khi cái lỗ trong ông đã chất đầy thù hận, và ông tìm đến tự hiến sinh trước điện thờ vị thần đá đen ở ngôi đền trên đồi, ông sẽ cố hồi tưởng lại những mùa xuân thơ ấu tại Thiên Đường, trước khi những cuộc viễn du và búi cỏ và xe tăng làm đảo lộn tất cả.

Vào cái buổi sáng khi thung lũng, xỏ chiếc găng là tấm thảm cầu nguyện, đâm vào mũi ông, ông đang cố gắng, một cách kỳ cục, vờ như không có gì thay đổi. Cho nên ông đã dậy giữa cái lạnh cắt da lúc bốn giờ mười lăm, rửa mặt theo đúng nghi thức, mặc đồ và đội chiếc mũ lông cừu cha ông để lại; tiếp đó, ông cấp tám thảm cuộn hình điều thuốc ra mảnh vườn ven hồ trước ngôi nhà cũ tối tăm, rồi trải nó ra trên búi cỏ đang chờ đợi. Đất mềm mại một cách giả trá dưới chân ông và làm ông vừa thấp thỏm vừa không phòng bị. “Nhân danh Chúa, Đấng Đại Lượng, Đấng Từ Bi...” - lời khởi nguyện, được thốt lên với hai bàn tay đặt trước ngực như một cuốn sách, trấn an một phần của ông, song lại khiến một phần khác, lớn hơn, thấy bất an - “Xin ngợi ca Allah, Đấng Sáng Thế...” - nhưng giờ Heidelberg đã xâm chiếm đầu ông; đây là Ingrid, từng là Ingrid của ông một thời gian ngắn, nét mặt giễu cợt ông vì trò con vẹt hướng về Mecca này; còn đây là bạn họ, Oskar và Ilse Lubin, hai kẻ vô chính phủ, nhạo báng lễ cầu nguyện của ông bằng các phản-ý-thức-hệ của họ - “... Đấng Đại Lượng, Đấng Từ Bi, Chúa Tể của Ngày Phán Quyết Cuối Cùng!...” Heidelberg, nơi, cùng với y học và chính trị, ông được dạy rằng Án Độ - cũng như radium - đều do người châu Âu “khám phá” ra; kể cả Oskar cũng hết lòng hâm mộ Vasco da Gama, và đây là điều rất cuộc đã tách Adam Aziz khỏi bạn bè anh, khỏi niềm tin của họ rằng, bằng cách nào đó, anh là phát minh của tổ tiên họ - “Riêng Người chúng con tôn thờ, riêng Người chúng con cầu xin cứu vớt...” - vậy là ông ở đây, bất chấp sự hiện hữu của họ trong đầu, cố gắng tái hợp bản thân với một bản ngã cũ, vốn không biết đến ảnh hưởng của họ nhưng biết tất cả những gì cần biết, chẳng hạn như về sự sùng đạo, về điều ông đang làm, khi hai bàn tay ông, dưới sự dẫn dắt của những ký ức xa xưa, giơ lên cao, ngón cái áp vào tai, các ngón kia xòe ra, khi ông phủ phục xuống - “Chỉ cho chúng con lối thẳng, lối của kẻ được Người ưu ái...” Nhưng chẳng ích gì, ông bị mắc lại giữa một chón lưng chừng xa lạ, bị kẹt giữa niềm tin và hoài nghi, và rốt cuộc đây chỉ là một trò giễu nhại - “... Không phải lối của kẻ hứng chịu thịnh nộ của Người, Không phải lối của kẻ làm lạc.” Ông tội đập đầu xuống đất. Cứ thế ông đập đầu, và mặt đất, phủ lớp thảm cầu nguyện, cuộn lên phía ông. Và giờ tới lượt búi cỏ. Cùng lúc với lời khiển trách của Ilse-Oskar-Ingrid-Heidelberg, cũng như của thung-lũng-và-Thượng-đế, nó giáng trúng chóp mũi ông. Ba giọt máu nhỏ xuống. Sau hồng ngọc là kim cương. Và ông tội, lão đảo ngời thẳng dậy, đã hạ quyết tâm. Đứng lên. Quấn điều thuốc. Đăm đăm nhìn ra hồ. Và bị đẩy xuống chón lưng chừng ấy mãi mãi, không thể sùng bái một Chúa Trời mà sự tồn tại ông không thể hoàn toàn bất tín. Sự thay đổi vĩnh viễn: một cái lỗ.

Chàng bác sĩ trẻ, vừa tốt nghiệp Adam Aziz đứng đối diện mặt hồ mùa xuân, hít vào hơi hướm của đời thay; trong lúc lưng anh (cực kỳ thẳng) quay lại với nhiều đời thay hơn thế. Bố anh đã đột quy lúc anh ở nước ngoài, và mẹ anh đã giữ kín điều này. Giọng mẹ anh, râm rì đầy cam chịu: “... *Vì việc học của con quá quan trọng, con trai.*” Bà mẹ này, suốt đời quanh quẩn trong nhà, dưới lớp purdah [1], bỗng nhiên tìm thấy một sức mạnh lớn lao để bước ra quản lý một hiệu buôn đá quý nhỏ (lam ngọc,

hồng ngọc, kim cương), cái cửa hiệu đã giúp Adam học hết y khoa, với sự trợ giúp của một suất học bổng; thế nên khi trở về nhà anh thấy cái trật tự tường chừng không thể đảo lộn trong gia đình bị lật tung lên, mẹ anh ra ngoài buôn bán trong khi cha anh ngồi ẩn sau tấm màn mà con đột quy đã buông xuống não ông... trên chiếc ghế gỗ, giữa gian phòng tối, ông ngồi phất ra tiếng chim. Ba mươi loài chim khác nhau đến thăm ông, đậu trên bậu cửa chớp phòng ông trao đổi chuyện này chuyện nọ. Trông ông cũng khá vui.

[1]Purdah: mạng che mặt của phụ nữ Ấn Độ theo đạo Hồi hoặc HinDu.

(... Chưa gì tôi đã thấy những sự trùng hợp bắt đầu: chẳng phải bà tôi cũng tìm được một sức mạnh phi thường đó sao... còn con đột quy nữa, nó đâu phải là duy nhất... rồi con Khi Đồng cũng có bầy chim của nó... lời nguyên đã bắt đầu, mà ta vẫn chưa đến được chuyện cái mũi!)

Mặt hồ không còn đóng băng nữa. Băng rất mau tan, như thường lệ; rất nhiều thuyền nhỏ, những chiếc shikara^[2], còn đang dở giấc, và đây cũng là chuyện bình thường. Nhưng trong khi mấy gã lừ đừ ấy vẫn ngủ nướng, trên đất khô, ngáy ngon lành bên cạnh chủ nhân, con thuyền già nhất đã thức dậy khi băng nứt, giống như người già vấp vấp, và bởi thế là chiếc thuyền đầu tiên bơi trên mặt hồ vừa tan băng. Chiếc shikara của Tai... cả điều này, cũng đã thành thông lệ.

[2] Loại thuyền đáy bằng, thường được dùng làm nhà ở trên sông, đặc trưng của dân Kashmir.

Hãy xem lão lái đò Tai mau chóng xuyên qua mặt nước mờ sương, khom lưng đứng ở đuôi thuyền! Nhìn chiếc bơi chèo, một trái tim gỗ gắn trên đoạn cán màu vàng, giần giật rẽ qua lau sậy! Ở vùng này lão bị coi là kỳ quặc bởi lão chèo đứng... và vì những lý do khác nữa. Tai, mang một lời gọi gấp tới cho Bác sĩ Aziz, sắp khởi động vòng quay của lịch sử... trong khi Adam, nhìn xuống dòng nước, hồi tưởng những gì Tai dạy anh nhiều năm trước: “Băng giá luôn chờ đợi, Adam baba^[3], ngay dưới mặt nước thôi.” Mặt Adam xanh biếc, màu xanh đáng kinh ngạc của bầu trời vùng núi, vẫn có thói quen rót vào dòng tử của đàn ông Kashmir; họ vẫn còn chưa quên mất cách nhìn. Họ thấy – đó! Như một bộ xương của hồn ma, ngay dưới mặt nước Hồ Dal! – những hoa văn tinh xảo, những đan xen phức tạp của các mạch ngầm không màu sắc, những dòng chảy lạnh lẽo của tương lai đang chờ đợi. Những năm tháng ở Đức, mặc dù xóa nhòa rất nhiều điều, vẫn chưa tước đi của anh nhân lực. Món quà của Tai. Anh ngẩng lên, thấy rõ nước chữ V của con thuyền đang đến gần, liền vẫy tay. Tai giơ tay - nhưng đây là mệnh lệnh. “Chờ!” Ông tôi chờ; và nhân khoảng lặng này, khi ông trải qua phút bình yên cuối cùng trong đời, một thứ bình yên mờ mờ, âm âm, tốt hơn tôi nên quay sang miêu tả ông.

[3] Baba: cách gọi thân mật dành cho một cậu con trai trong tiếng Hindu.

Gạt khỏi giọng nói nổi ghen tị tự nhiên của một gã xấu xí trước một người đẹp trai lòng lộng, tôi ghi nhận Bác sĩ Aziz là người cao lớn. Đứng áp vào tường ở nhà, anh đo được hai mươi lăm viên gạch (mỗi viên cho một năm tuổi đời), tức một mét chín mươi. Và trắng kiện. Râu anh rậm và đỏ - nó làm mẹ anh khó chịu, bà bảo chỉ các Hajj, người đã hành hương đến Mecca, mới được mọc râu đỏ. Mái tóc, tuy vậy, sẫm hơn đôi chút. Đôi mắt màu trời quý vị biết rồi, Ingrid từng bảo, “Họ đã phát điên với bảng màu khi nặn mặt anh.” Nhưng đặc điểm chủ đạo ở hình thể ông tôi không phải màu sắc hay chiều cao, không phải sức mạnh của tay hay độ thẳng của lưng. Nó đó, phản chiếu trên nước, vẫy vùng như một quả chuối đại giận dữ giữa mặt ông... Adam Aziz, trong lúc đợi Tai, quan sát cái mũi đang nổi sóng. Nó sẽ dễ dàng nổi bật trên khuôn mặt kém ấn tượng hơn; ngay cả ở ông, nó vẫn là cái người ta thấy đầu tiên và sẽ nhớ lâu nhất. “Một cyranose,^[4]” Ilse Lubin nói, và Oskar bổ sung, “Một proboscissimus^[5]” Ingrid tuyên bố, “Anh dùng cái mũi ấy sang sông được đấy.” (Phấn sóng mũi rất rộng.^[6])

[4] Cyranose = Cyrano + nose. Nose là cái mũi, còn Cyrano [de Bergerac] là nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của Edmond Rostand, nổi tiếng với chiếc mũi to.

[5] Một từ do Oskar đặt ra, nghe giống một thuật ngữ Latin, bắt nguồn từ chữ proboscis có nghĩa là vòi voi.

[6] Trong tiếng Anh, chữ bridge vừa có nghĩa là sống mũi, vừa có nghĩa là cái cầu.

Cái mũi của ông tôi: lỗ mũi loe ra, tròn trịa như thân hình vũ nữ. Gồ lên ở giữa là khải hoàn môn của nó, lượn lên, vươn ra, rồi đổ xuống, trải rộng tới môi trên với một nét hất hoàn hảo, lúc này chóp đang nhuộm đỏ. Một cái mũi rất dễ bị vấp vào bụi cỏ. Tôi muốn ghi lại lòng biết ơn của mình với bộ phận vĩ đại này - vì nếu không có nó, ai sẽ tin tôi đích thực là con trai mẹ tôi, cháu ngoại ông tôi ? - cái cơ quan hùng vĩ nghiêm nhiên thuộc về tôi từ lúc lọt lòng ấy. Cái mũi của Bác sĩ Aziz - chỉ có thể sánh với chiếc vòi của thần Ganesh đầu voi - đã nghiêm nhiên xác lập quyền vị gia trưởng của ông. Chính Tai đã dạy ông điều đó. Khi Aadam mới sắp dậy thì, người lái đò hoang phế đã nói, “Đây là cái mũi để gây dựng gia đình đấy, tiểu vương tử ạ. Không thể nhầm lẫn đâu là hậu duệ của nó được. Các đại đế Mughal sẵn sàng chặt bàn tay phải để đổi lấy cái mũi như vậy. Hàng vương triều đang chờ trong đó,” - đến đây giọng Tai sa vào cục cằn - “như gĩ mũi.”

Ở Aadam Aziz, cái mũi biểu hiện vị thế gia trưởng. Ở mẹ tôi, trông nó cao quý và có phần nhẵn nại; ở dì Emerald, hóm hỉnh; ở bác Alia, học thức; ở cậu Hanif nó là bộ phận của một kẻ có tài không gặp vận; cậu Mustapha biến nó thành bộ khịt của kẻ về nhì; con Khi Đồng thoát khỏi nó hoàn toàn, nhưng ở tôi - ở tôi, đó lại là chuyện khác nữa. Nhưng tôi không được tiết lộ hết bí mật của mình một lúc.

(Tai đang đến gần. Lão, người hé lộ quyền năng của cái mũi, người mang đến cho ông tôi thông điệp sẽ phóng ông vào tương lai, đang chèo chiếc shikara vượt qua mặt hồ buổi sớm...)

Không ai nhớ nổi đã bao giờ Tai trẻ. Lão đã miệt mài bơi con thuyền ấy, đứng dằng dứng còng lưng ấy, qua lại Hồ Dal và Nageen... từ vạn kỷ. Người ta chỉ biết đến thế. Lão sống đâu đó trong mây ngũ giác bản thiêu ở xóm nhà gỗ cũ, vợ lão trông ngó sen và đủ thứ rau cỏ kỳ lạ khác trên một trong nhiều mảnh “vườn nổi” dập dềnh trên mặt hồ hai mùa xuân hạ. Chính Tai vui vẻ nhận rằng lão chịu không nhớ mình bao nhiêu tuổi. Vợ lão cũng vậy - lúc lấy nhau là lão đã nhăn nhoe rồi, bà bảo. Gương mặt lão là một bức phù điêu của gió trên nước: từng nếp sóng làm bằng da người. Lão còn độc hại cái răng vàng. Ở thị trấn, lão ít bạn bè. Đám chèo đò và lái buồm ít ai rủ lão làm một hơi hookah^[7] mỗi lần lão bỗng bênh bơi qua chỗ neo thuyền hay một trong rất nhiều hàng xén và quán trà xập xệ ven hồ.

[7] Một dụng cụ để hút thuốc của người Ả Rập, lọc khói thuốc qua một bình nước trước khi đi vào ống hút

Nhận xét khái quát về Tai từng được nhà buôn đá quý, bố của Aadam Aziz, đúc kết từ xưa: “Ôc lão ấy đã rụng mất cùng răng.” (Nhưng nay Aziz sahib già đã ngồi đờ đẫn giữa tiếng chim ríu rít, trong khi Tai vẫn bình thản, uy nghi, tiếp tục.) Đó là một ấn tượng được người lái đò bồi đắp nên từ những câu chuyện của lão, kỳ quái, khoa trương, bất tận, và thường không chỉ cho mình lão nghe. Tiếng lão lan xa trên mặt nước, và cư dân trên hồ cười rúc rích trước những đoạn độc thoại của lão; song với niềm kính nể, thậm chí sợ hãi, ngấm ngấm. Kính nể, bởi lão dờ hơi này biết từng mặt hồ, quả đồi rõ

hơn mọi kẻ phi báng lão; sợ hãi, bởi lão sở hữu một sự cô xưa vĩ đại đến độ thách thức phép đếm, hơn nữa, nó đeo trên cái cổ gà của lão nhẹ tênh đến mức chẳng hề cản trở lão giành được một bà vợ rất đáng thèm muốn và làm với bà bốn mặt con... và chưa hết, còn vài đứa nữa với vài bà vợ bên hồ khác. Máy gã trai trẻ ở bên thuyền chắc hẳn lão có một đồng tiền giấu đâu đây - cả một kho, chắc vậy, rằng vàng vô giá, lọc xọc như hồ đào trong bị. Nhiều năm sau, khi Bác Puffs dỗ tôi cưới con gái bác với đề xuất sẽ nhả răng cô ả ra thay bằng răng vàng, tôi lại nhớ đến kho báu thất truyền của Tai... và, ngày còn bé, Aadam Aziz từng yêu quý lão.

Lão cần mẫn kiếm sống bằng nghề chèo đò, bắt chắp những tin đồn về sự giàu có, chớ nào cỏ khô nào dê nào rau quả nào củi qua sông lấy tiền; cả người nữa. Khi đôi sang dịch vụ chở khách, lão dựng một cái rạp giữa chiếc shikara, một sự kết hợp tươi tắn giữa rèm họa và mái che, thêm nệm cho đủ bộ; và khử mùi con thuyền bằng hương. Cảnh chiếc shikara của Tai đến gần, rèm bay phấp phới, đối với Bác sĩ Aziz luôn là một hình ảnh tiêu biểu báo hiệu mùa xuân. Những sahib người Anh sẽ sớm đến đây và Tai sẽ đưa họ đến Vườn Shalimar và Suối Vua, lăm râm, mũi nhọn, lưng cong. Lão là phần đề sống cho niềm tin của Oskar-Ilse-Ingrid vào tính tất yếu của thay đổi... một lão gia tình kỳ quái và trường tồn của thung lũng. Một Caliban^[8] miền sông nước, hơi quá mê mẩn thứ brandy Kashmir rẻ tiền.

[8] Nhân vật trong vở The Tempest (Con bão) của Shakespeare. Caliban sống trên một hòn đảo, bị Prospero chiếm mất và biến thành nô lệ. Sau này hình tượng Caliban thường được lấy làm ẩn dụ cho người dân bản xứ bị thực dân đô hộ.

Ký ức về bức tường phòng ngủ màu xanh của tôi: trên đó, cạnh lá thư của Thủ tướng, Cậu Bé Raleigh^[9] vắt vẻo nhiều năm, hau hấu nhìn ông lão đánh cá quẩn gì đó nhìn như một tấm dhoti đỏ, ngồi trên - cái gì ? - củi dạt chẳng? - chỉ tay ra biển, kể những chuyện hoang đường... và Cậu Bé Aadam, ông-ngoại-tương-lai của tôi, phải lòng lão lái đò Tai chính bởi những chuyện trên trời dưới biển bất tận khiến thiên hạ nghĩ lão dở hơi ấy. Chuyện của lão có ma thuật, lời lẽ tuôn ra từ miệng lão như tiền qua tay thẳng ngốc, đi qua hai cái răng vàng, lặn với tiếng nấc cụt và hơi rượu, vút lên dãy Himalaya xa tít tắp trong quá khứ, rồi bỏ xuống một chi tiết của hiện tại, cái mũi của Aadam chẳng hạn, để mỗ xẻ ý nghĩa của nó như một con chuột. Tình bằng hữu này đã dìm Aadam vào nước nóng không biết bao nhiêu lần. (Nước sôi. Theo nghĩa đen. Trong lúc mẹ cậu gằm gừ, “Nóng giết người thì mới giết sạch sâu bọ của lão thuyền chài ấy được.”) Thế nhưng, người độc thoại già vẫn dằn dứ neo thuyền trước mỏm vườn hương ra hồ, còn Aziz vẫn ngồi dưới chân lão đến khi có tiếng gọi vào nhà để lên lớp cậu một trận về sự bản thủ của Tai và cảnh cáo về những đạo quân vị trùng chuyên càn quét mà mẹ cậu mừng tượng sẽ nhảy từ hình hài cô xưa hiệu khách ấy sang cái quần thụng hồ cứng trắng tinh của con bà. Nhưng Aadam luôn trở lại bờ hồ để tìm trong sương dáng lưng cong của lão già phóng đặng rách rưới đang chèo con thuyền ma thuật trên mặt nước bị yếm bùa buổi sớm mai.

[9] Sir Walter Raleigh, nhà hàng hải người Anh thời Elizabeth, nhân vật trong bức tranh Thời thơ ấu của Raleigh của John Everett Millias được treo trong phòng ngủ của cậu bé Saleem Sinai.

“Mà thật sự bác bao nhiêu tuổi, hử Taiji?” (Bác sĩ Aziz, trưởng thành, râu đỏ, đang trượt chẳng đến tương lai, nhớ lại cái lần anh hỏi câu hỏi cấm kỵ ấy.) Trong giây lát, im lặng, ầm ào hơn thác nước. Dòng độc thoại, ngưng bật. Tiếng chèo khỏa nước. Cậu đang đi trên shikara với Tai ngồi xôm giữa bày dè, trên một đồng rom, thừa biết roi vọt và bồn tắm đang đợi ở nhà. Cậu đến để nghe chuyện - và chỉ bằng một câu hỏi đã làm người kể chuyện lặng câm.

“Đi, nào, Taiji, bao nhiêu mà, thật ấy?” Và giờ một chai brandy, chả biết từ đâu chui ra: thứ rượu rẻ tiền giấu trong nếp áo chugha xù xì ầm ập. Một cái rùng mình, một tiếng ợ hơi, một tia sáng. Lóe ánh vàng. Và - cuối cùng! - lão lên tiếng. “ Bao nhiêu? Mày hỏi bao nhiêu hử, thằng nhãi chưa ráo máu

đầu, thẳng mũi hếch này.” Tai, dự cảm được lão đánh cá trên tường phòng tôi, trở về dãy núi. “Già lắm, nakkoo^[10]!” Adam, thẳng nakkoo, thẳng mũi hếch, nhìn theo tay lão. “Tôi đã thấy núi non ra đời; vua chúa chết đi. Nghe này. Nghe này, nakkoo...” - chai brandy lần nữa, tiếp theo là cái giọng sắc brandy, và những lời còn dễ say hơn rượu mạnh - “... Tôi đã gặp tay Isa^[11], gã Christ ấy, khi hắn đến Kashmir. Cười đi, cứ cười đi, cái tao giữ trong đầu chính là lịch sử của mây đây. Một thời nó được lưu giữ trong những cổ thư đã mất. Một thời tao biết vị trí của ngôi mộ mà trên bia khắc hai bàn chân bị xuyên thủng, mỗi năm lại rỉ máu một lần. Trí nhớ của tao cũng đang mất dần; nhưng tao biết, dù tao không đọc được.” Chuyện mù chữ, lão phẩy tay bỏ qua; thư tịch sụp đổ dưới cơn thịnh nộ từ bàn tay sục sạo của lão. Sục lại vào túi áo chugha, tìm chai brandy, tới đôi môi nứt nẻ vì lạnh. Tai luôn có đôi môi đàn bà. “Nakkoo, nghe này, nghe này. Tôi đã thấy rất nhiều. Yara, giá mà thấy tay Isa ấy lúc hắn mới đến, râu dài đến dái, đầu trọc lóc như quả trứng. Hắn già và kiệt sức, nhưng rất lễ độ. ‘Ông trước, Taiji,’ hắn bảo thế, rồi ‘Xin mời ngồi’; luôn một giọng kính trọng, không bao giờ gọi tao là thằng điên, cũng không hề gọi tao bằng *tu*. Lúc nào cũng *aap*^[12]. Lịch sự, hả? Mà thằng cha ăn mới kinh chứ! Như chết đói, tao phải bịt tai kinh hãi. Thánh hay quý không biết, nhưng tao thì hắn có thể đánh một phát hét bay đĩa trẻ con. Thì đã sao? Tôi bảo hắn, ăn đi, ních cho thỏa thích, người ta đến Kashmir để hưởng thụ cuộc đời, hoặc chấm dứt nó, hoặc cả hai. Việc của hắn xong rồi. Hắn lên đây để sống cho thoải mái một tí.” Bị mê hoặc bởi bức chân dung nồng nặc brandy của một đấng Christ hói đầu, phì nộn, Aziz lắng nghe và lặp lại từng chữ trước cơn kinh hãi của cha mẹ, những người chỉ biết buồn đá quý và không có thời gian cho mấy chuyện “tâm phào”.

[10] Tiếng Hindi, nghĩa là thẳng hếch mũi lên trời.

[11] Isa nghĩa là một biến thể của Jesus (Christ). Những người theo đạo Hồi, chi phái Ahmadiyya tin rằng Jesus không chết trên cây thập giá mà đã trốn thoát và đến Kashmir.

*[12] Đại từ nhân xưng ngôi thứ hai trong tiếng Hindi. **Tu** mang sắc thái suồng sã, **aap** có sắc thái trang trọng.*

“À, mà không tin hử?” - lão liếm đôi môi nứt nẻ rồi nhăn răng cười, biết rõ là không phải vậy; “Đầu óc mà lại lượn đâu rồi?” - một lần nữa, lão biết Aziz điên cuồng hóng lấy từng lời của lão ra sao. “Chắc bị rơm nó chọc vào đít chứ gì, hả? Ồ, tao xin lỗi, babaji, vì không cho mấy ngòi nệm lụa thêu chỉ vàng - giống như Đại đế Jehangir ngày trước! Mà thấy Đại đế Jehangir xây vườn Shalimar nên tưởng Người là thợ làm vườn chứ gì,” Tai kết tội ông tôi, “Đồ ngốc! Mà thì biết gì? Tên người nghĩa là Bậc Thâu Tóm Thẻ Gian. Tên đây là của thợ làm vườn hử? Trời mới biết ngày nay họ dạy chúng mày cái gì. Trong khi tao”... đến đây người lão phồng lên... “tao biết chính xác trọng lượng của người, tới từng tola! Thử hỏi tao xem bao nhiêu maund, bao nhiêu seer^[13]! Khi vui người nặng lên và ở Kashmir là người nặng nhất. Tôi từng kiêng kiêu cho người... không, không, kìa, mà lại không tin chứ gì, quả dưa chuột tướng trên mặt mày đang ngoe nguẩy như cái quả tí hin trong quần ấy! Rồi, nào, nào, hỏi đi! Kiểm tra xem! Hỏi xem có bao nhiêu vòng dây da quần quanh cán kiêu - đáp án là ba mươi một. Hỏi xem lời trắng trời của Đại đế là gì - tao nói mà nghe, chính là ‘Kashmir’. Miệng người hôi nhưng trái tim nhân hậu. Mà nghĩ tao là ai? Ngỡ chó hoang dòi trá tâm thường dốt nát à? Cút, cút khỏi thuyền mau, mũi mày nặng quá tao chèo không nổi; lại cả bố mày đang chờ đánh cho tuyệt nọc mấy chuyện tâm phào của tao, và mẹ mày sắp luộc da mày lên đây.”

[13] Đơn vị đo lường cổ của Ấn Độ. Một tola bằng 12 gam, một seer bằng 80 tola, một maund bằng 40 seer.

Ở chai brandy của lão lái đò Tai tôi đã thấy, được báo trước, việc cha tôi bị tử tình không chế... và sẽ có một người ngoại quốc hói đầu khác... còn những chuyện tâm phào của Tai lại tiên đoán một thứ khác, sẽ là niềm an ủi của bà tôi lúc tuổi già, và kể chuyện cho bà... và đàn chó hoang cũng chẳng còn xa nữa... Đủ rồi. Tôi đang tự làm mình sợ.

Bất chấp nước sôi và roi vọt, Adam Aziz vẫn theo Tai lênh đênh trên shikara, lần này qua lần khác, giữa dê cỏ khô hoa đồ đặc ngó sen, mặc dù không bao giờ với các sahib người Anh, và hết lần này đến lần khác nghe những câu trả lời kỳ ảo cho duy nhất một câu hỏi đáng sợ ấy: “Kìa Taiji, bác bao nhiêu tuổi rồi, *thật ấy?*”

Nguồn ebooks: <http://www.luv-ebook.com>

Từ Tai, Aadam học được các bí mật của vùng hồ - có thể bơi ở đâu mà không bị rong tảo kéo xuống; mười một loài rắn nước khác nhau; chỗ ếch đẻ trứng; cách nấu ngó sen; và chỗ ba phụ nữ người Anh chết đuối mấy năm trước. “Một đám đàn bà feringhee^[14] mò đến hồ này để chết đuối,” Tai kể. “Có người biết, có người không, riêng tao biết ngay khi ngửi thấy họ. Họ ở dưới nước trốn ai hay cái gì chỉ có trời mới biết - nhưng không trốn nổi tao, baba!” Tiếng cười của Tai, trỗi dậy và lây sang Aadam - một tiếng cười lớn, rền vang, làm người ta kinh hãi khi nó phát ra từ thân hình già nua khô héo ấy nhưng lại hết sức tự nhiên ở người ông đồ sộ của tôi khiến không ai, sau này, biết rằng kỳ thực nó không phải của ông (cậu Hanif tôi thừa kế cái cười này, thành thử cho tới khi cậu chết, một phần của Tai vẫn sống ở Bombay). Và, cũng từ Tai, ông tôi được nghe về những cái mũi.

[14] Tiếng Hindi dùng để chỉ phụ nữ người Bồ Đào Nha hoặc có nguồn gốc Châu Âu nói chung.

Tai gõ lên cánh mũi trái. “Mày biết gì đây không, nakkoo? Nơi thế giới bên ngoài và bên trong gặp nhau. Khi chúng không hòa hợp, mày sẽ cảm thấy ở đây. Thế là mày ngo ngáo dụi cho hết ngứa. Một cái mũi thế kia, đồ ngọc, là của trời ban đấy. Nghe tao: hãy tin ở nó. Khi nó mạch bảo mày, hãy coi chừng, kéo là toi đời. Cứ theo cái mũi là mày sẽ tiến xa.” Lão hăng giọng; ánh mắt lạc vào những dãy núi của quá khứ. Aziz ngồi ngay ngắn lại trên đồng rom. “Hồi trước tao biết một tay sĩ quan - trong đạo quân của tay Iskandar Đại đế ấy^[15]. Tên gã thì khỏi nhắc. Gã cũng có một củ rau lủng lẳng giữa hai mắt hết như mày. Khi đạo quân đóng trại gần Gandhara, gã chết mê một ả điếm trong vùng. Lập tức mũi gã ngứa điên cuồng. Gãi gãi, nhưng vô ích. Gãi hít hơi lá khuynh diệp đun sôi giã nhỏ. Vẫn chẳng ăn thua gì, baba! Con ngứa làm gã phát điên; nhưng thằng ngu độn ấy mặc kệ và ở lại với ả tình nhân bé nhỏ khi đạo quân hồi hương. Gã thành ra - cái gì? - một thằng đàn độn, chẳng đâu vào đâu, một thằng nửa nợ nửa kia với con vợ hay chì chiết và con ngứa mũi, cuối cùng gã tự thọc gươm vào ruột. Mày thấy thế nào, hả?”

[15] Chính là Alexandrer Đại đế, nhưng đọc theo tiếng Hindi.

... Bác sĩ Aziz của năm 1915, người đã bị hồng ngọc và kim cương biến thành một gã nửa-nợ-nửa-kia, hồi tưởng lại chuyện này khi Tai chèo vào tầm gọi dò. Mũi anh vẫn ngứa. Anh gãi, so vai rứt cổ, hắt đầu; thế rồi Tai gọi lớn.

“Ồ này! Bác sĩ Sahib! Con gái lão Ghani chúa đất bị ốm.”

Thông điệp ấy, được truyền đạt cộc lốc, được thổi thừng hét lên qua mặt hồ mặc dù lão lái đò và cậu học trò đã nửa thập niên chưa gặp nhau, được thổi lên qua đôi môi đàn bà không nở nụ cười lâu-ngày-không-gặp, đẩy thời gian vào một cơn bản loạn hồi hải, cuồng, nhòa nhạt của niềm phấn khích...

... “Nghĩ xem, con trai,” mẹ Aadam chiêu một ngụm nước chanh rồi nói, ngả người lên tràng kỷ với vẻ rã rời đầy cam chịu, “xem con tạo xoay vần ra sao. Suốt bao năm đến mắt cá chân ta cũng là bí mật, thế mà giờ ta phải chịu cho một lũ người dung nước lã sấm soi tận mặt.”

... Trong khi lão Ghani chúa đất đứng dưới một bức tranh sơn dầu khổ lớn vẽ Diana, Nữ thần săn bắn, lồng khung vàng vân sóng. Lão ta mang trên mắt cặp kính đen dày, trên môi nụ cười quý quyết lừng danh, và bàn về nghệ thuật. “Ta mua nó từ một tay người Anh mặt vận, Bác sĩ Sahib ạ. Có năm trăm rupee – đây là ta chưa thêm ép giá. Năm trăm đồng bạc có là gì? Anh thấy đấy, ta là người yêu văn hóa.”

... “Thấy không, con trai,” mẹ Aadam nói, khi anh bắt đầu khám cho bà. “Có gì là một người mẹ không làm vì con. Xem ta chịu đựng thế nào. Con là bác sĩ, hãy sờ những vết rộp, những nốt nhọt này đi, để biết rằng đầu ta đau suốt từ sáng đến đêm. Rót nước cho ta, con.”

... Nhưng chàng Bác sĩ trẻ đã rơi vào cơn giằng xé của niềm phấn khích phi-Hippocrat nhất trước tiếng gọi của lão lái đò, và hét, “Cháu đến ngay! Đợi cháu lấy đồ đã!” Mũi chiếc shikara chạm mép vườn. Aadam bỏ vào nhà, tắm thơm như điều thuốc cuộn dưới nách, cặp mắt xanh chớp chớp dưới cái tối tăm đột ngột trong nhà; anh gác điều thuốc lên giá, trên mấy chồng *Vorwärts* và *Làm gì?* của Lenin và các loại truyền đơn khác, những dư âm bụi bặm của cuộc sống Đức đã ít nhiều phai nhạt của anh; anh lôi ra, từ gầm giường, một chiếc cặp da cũ mẹ anh vẫn gọi là “hành trang bác sĩ” của anh, và khi anh lẳng cả người cả cặp lên và lao khỏi phòng, thoáng hiện ra dòng chữ HEIDELBERG, được đóng bằng sắt nung lên lớp da dày cặp. Một tiểu thư nhà địa chủ quả là tin tốt cho một anh bác sĩ đang muốn làm nên cơ nghiệp, cho dù cô nàng đang ốm. Không: vì cô nàng đang ốm.

... Trong khi tôi ngồi đây như một lọ ngâm dưới quảng sáng của cây đèn kiểu Anh, được hình ảnh ông tôi sáu mươi ba năm trước viếng thăm, đòi hỏi được ghi chép lại, lấp đầy lỗ mũi tôi bằng mùi ung thối gay gắt của nỗi hổ nhục đã làm mẹ ông lên nhọt, bằng sức mạnh chua nồng của lòng quyết tâm của Aadam Aziz, mong tạo dựng một sự nghiệp thành đạt ra trò để bà không bao giờ phải quay lại cửa hàng đá quý nữa, bằng mùi ẩm mốc mù lòa tại ngôi nhà lớn âm u nơi chàng Bác sĩ trẻ đang đứng, bôn chôn, trước bức tranh một cô gái phục sức bình dị có đôi mắt sống động, với một con nai bị ghim chặt ở chân trời phía sau, bị mũi tên từ cây cung của cô cắm xuyên người. Hầu hết những điều trọng đại trong cuộc đời ta đều xảy ra vắng mặt ta: nhưng hình như tôi đã tìm thấy ở đâu đó thủ thuật lấp đầy những lỗ hổng trong hiểu biết của mình, nhờ vậy tất cả đều ở trong đầu tôi, đến tận chi tiết cuối cùng, như cách sương mù dường như đổ nghiêng qua bầu không khí buổi sớm... tất cả, chứ không phải chỉ là vài manh mối ai đó tình cờ phát hiện ra, tỉ như khi mở một cái rương cũ bằng tôn đáng lẽ nên được đóng kín và nằm yên dưới lớp mạng nhện.

... Aadam rót thêm nước cho mẹ rồi tiếp tục, trong lo âu, khám cho bà. "Bôi ít kem lên những chỗ mụn rộp này, Amma ạ... Với chứng đau đầu, con có thuốc viên đây. Nhọt thì phải chích. Hay là mẹ đeo mạng khi ngồi bán hàng... để không con mất bất kính nào có thể... mấy lời gièm pha ấy thường nảy ra trong óc..."

... Tiếng chèo vỗ nước. Tiếng nhò bọt xuống hồ. Tai họ khắc rồi lắm bầm giập dữ, “Hay lắm. Một thằng nakkoo nhãi ranh chưa ráo máu đầu, đêch học được gì đã bỏ nhà đi, lúc về đã thành một tay bác sĩ sahib rất oách với cái cặp tương đương toàn máy móc ngoại quốc, và vẫn ngu như cú. Ta thề đấy:

chẳng ra làm sao.”

... Bác sĩ Aziz đứng nhấp nhòm, đổi chân liên tục, dưới áp lực của nụ cười trên môi lão chúa đất, sự hiện diện của nó khiến anh không thể thấy thoải mái; và chờ đợi một phản ứng máy giặt nào đó trước ngoại hình kỳ lạ của mình. Anh đã quen với những co giật tự phát của nỗi kinh ngạc trên mặt người khác trước tầm vóc của anh, gương mặt đầy màu sắc của anh, cái mũi của anh... nhưng Ghani mặt không đổi sắc, và để đáp lại, chàng Bác sĩ trẻ xác định, không được tỏ ra thấp thỏm. Anh thôi không đổi chân. Họ đối diện nhau, người này kiểm chế (hay có vẻ là vậy) thái độ của mình về người kia, xác lập nền tảng cho mối quan hệ tương lai giữa họ. Và Ghani đổi giọng, từ người yêu nghệ thuật thành tay rắn mặt. “Đây là cơ hội lớn cho anh đó, anh bạn trẻ,” lão tiếp. Ánh mắt Aziz lạc sang Diana. Những vết nứt rộng hiện rõ trên làn da hồng ố bản của nàng.

.... Mẹ anh lắc đầu, rên rỉ. “Không, con không biết đâu, con đã thành một anh bác sĩ oách thật, nhưng cái nghề buôn đá này nó khác. Ai sẽ chịu mua viên lam ngọc của một mù đàn bà trùm khăn đen kín mặt? Nó là chuyện xác lập lòng tin. Cho nên họ phải thấy mặt ta; còn ta phải chịu nhọt. Đi đi, đừng bận tâm đến người mẹ khôn khổ này.”

... “Oách lắm,” Tai nhỏ bợt xuống hồ, “cặp oai, người oách. Phì! Nhà thiếu cặp hay sao mà tha về cái của làm bằng da lợn, mới nhìn đã nhớ bản cả người ấy? Và bên trong, có trời mới biết chứa những gì.” Bác sĩ Aziz, ngồi giữa rèm hoa và mùi hương trầm, để suy nghĩ của mình bị bứt khỏi bệnh nhân đang đợi bên kia hồ. Dòng độc thoại cay nghiệt của Tai đột nhập vào tâm thức anh, gây ra một cơn choáng váng đờ đẫn, một thứ mùi như phòng cấp cứu, lẫn át mùi hương... rõ ràng lão đang tức giận về điều gì đó, đang bị ngự trị bởi một cơn thịnh nộ khó hiểu, có vẻ như nhắm vào cậu bé lễ sinh của lão ngày trước, hay, chính xác hơn và kỳ quái hơn, vào chiếc cặp của anh. Bác sĩ Aziz cố khơi mào câu chuyện... “Bác gái có khỏe không? Họ còn nói chuyện bích răng vàng của bác không?”... cố nói lại một tình bạn cũ; nhưng Tai đã nổi cơn, và một trận lũ rửa xả tuôn trào. Cái cặp Heidelberg rung mình trước dòng thác thóa mạ. “Đồ cặp da lợn của quân hiệp chị từ ngoại quốc, rất mấy trò bịt bọm của bọn ngoại bang. Cặp oách lắm. Giờ nếu có người gãy tay, nó sẽ không cho thầy lang bó lá. Giờ người ta phải để vợ nằm cạnh nó, phải nhìn mấy con dao mổ lại gần rạch ruột mình ra. Hay hóm lắm, những gì bọn ngoại bang nhồi nhét vào đầu đám thanh niên nước ta. Ta thề đấy: chẳng ra làm sao. Cái cặp ấy đáng bị rán chín dưới Hỏa ngục cùng trứng dái của quân vô đạo.”

... Lão Ghani chúa đất lấy ngón cái bật dây đai quần. “Phải rồi, cơ hội lớn đây. Trong vùng họ khen anh đấy. Đào tạo y khoa tử tế. Gia đình tử tế... khá tử tế... Và nay mù bác sĩ nhà ta bị ốm nên anh có cơ hội. Mù ấy, suốt ngày đau ốm, già quá rồi, lại không bắt kịp những tiến bộ mới nhất, những gì gì ấy? Ta bảo: dao sắc phải gọt được chuôi. Ta nói để anh biết: trong công việc ta tuyệt đối khách quan. Tình cảm, yêu thương, ta dành riêng cho gia đình. Làm việc cho ta mà chất lượng không hạng nhất, ta đuổi thẳng cổ! Anh hiểu chứ? Đấy: Naseem con ta đang khó ở. Anh sẽ chữa cho nó thật ngon lành. Nhớ rằng ta có nhiều bạn bè; mà bệnh tật thì không kể sang hèn.”

... “Bác còn ngâm rượu rắn nước để bổ dương chứ, Taiji? Bác vẫn thích ăn ngó sen không chấm gia vị chứ?” Những câu hỏi ngập ngừng, bị dòng thác phẫn nộ của Tai đánh dạt sang bên. Bác sĩ Aziz

bắt đầu chuẩn đoán. Đối với lão lái đò, cái cặp đại diện cho Ngoại quốc; nó là vật xa lạ, kẻ xâm lược, sự cấp tiến. Đúng vậy, nó quả thật đi chiếm lĩnh đầu óc chàng Bác sĩ trẻ; đúng vậy, nó dựng dao kéo, thuốc chữa tả sốt rét đầu mùa; đúng vậy, nó án ngữ giữa chàng bác sĩ và người lái đò, biến họ thành thù địch. Bác sĩ Aziz bắt đầu chiến đấu chống lại nỗi buồn, chống lại cơn giận của Tai, nó bắt đầu lây sang anh, hóa thành của anh, nó hiềm khi bùng phát, nhưng khi nó đến là đến, không hề báo trước, với một tiếng gầm từ chôn sâu thẳm nhất trong anh, hủy diệt tất cả; thế rồi biến mất, bỏ lại anh tự hỏi tại sao mọi người lại bức bối đến thế... Họ đã đến gần nhà Ghani. Một người hầu ra đón chiếc shikara, chấp tay đứng đợi trên cầu tàu nhỏ bằng gỗ. Aziz dồn hết tâm trí vào công việc trước mắt.

... “Bác sĩ mọi khi của ngài có đồng ý cho tôi thăm bệnh không, Ghani Sahib?”... Một lần nữa, một câu hỏi ngập ngừng lại nhẹ nhàng bị đánh dạt sang bên. Lão chúa đất đáp, “À, ừ ừ sẽ đồng ý. Mời theo ta.”

... Người hầu nọ vẫn chờ trên cầu tàu. Giữ chắc chiếc shikara để Aadam Aziz trôi ra, tay cặp cặp. Lúc này, rốt cuộc, Tai nói thẳng với ông tôi. Lộ rõ vẻ khinh miệt, Tai hỏi, “Cậu nói xem, Bác sĩ Sahib: trong cái cặp da lợn chết ấy cậu có cái máy bơm bác sĩ ngoại quốc dùng để người không?” Aadam lắc đầu, ngỡ ngàng. Giọng Tai dày thêm những tầng kinh tởm mới. “Cậu biết đấy, cái của giống vòi voi ấy.” Aziz, hiểu ra ý lão, đáp: “Ông nghe ấy ạ? Tất nhiên rồi.” Tai đẩy chiếc shikara rời khỏi cầu tàu. Nhỏ. Bắt đầu chèo đi. “Tạ biết mà,” lão bảo. “Bây giờ cậu sẽ dùng cái máy ấy, thay vì cái mũi đại tướng của mình.”

Ông tôi không buồn giải thích rằng ông nghe giống đôi tai hơn là cái mũi. Ông đang đè nén sự bức bối của bản thân, cơn giận đầy ắp ứ của một đứa trẻ bị ruồng bỏ; vả lại, có người bệnh đang chờ. Thời gian lắng xuống và tập trung vào sự trọng đại của thời điểm ấy.

Ngôi nhà xa hoa nhưng tối tăm. Ghani góa vợ và đám người ở rõ ràng đã thừa cơ sinh nhon. Góc nhà chằng đầy mạng nhện và gờ tường bụi phủ thành lớp. Họ đi dọc một hành lang dài; một trong những cánh cửa mở hé và qua đó Aziz nhìn thấy một gian phòng bừa bãi khủng khiếp. Cảnh tượng ấy, kết hợp với một tia sáng trên cặp kính đen của Ghani, bất ngờ mách bảo Aziz rằng lão chúa đất bị mù. Điều này làm anh càng thấy bất an: một người mù tự nhận mình biết thưởng thức hội họa châu Âu? Và anh cũng kinh ngạc, vì Ghani không hề vấp phải thứ gì... họ dừng lại ngoài một cánh cửa gỗ tẻ nhạt. Ghani nói, “Chờ ở đây hai khắc,” rồi bước vào căn phòng sau cánh cửa.

Nhiều năm sau, Bác sĩ Aadam Aziz thề rằng suốt hai khắc cô độc trên cái hành lang tối đầy mạng nhện ở gia trang của lão chúa đất, anh bị bóp nghẹt bởi một nỗi ham muốn gần như không kiềm chế nổi là quay lại rồi vắt chân lên cổ bỏ chạy. Rợn người trước vẻ quái dị của kẻ mù yêu nghệ thuật, ruột anh như có kiến bò, tác động của thứ nọc độc âm hiểm từ những lời lầm rầm của Tai, mũi anh ngứa đến mức anh tin rằng mình, bằng cách nào đó, đã nhiễm bệnh đường sinh dục, anh cảm thấy chân mình chậm chạp, như thể bị đóng ứng chì, xoay; thấy máu đập giần giật trong thái dương; và bị chế ngự bởi một cảm giác đang đứng giữa bờ sinh tử mãnh liệt đến nỗi suýt nữa đá ra cái quần len Đức.

Anh bắt đầu, trong vô thức, đỏ bừng cả mặt; và đúng lúc này mẹ hiện ra trước mặt anh, ngồi bệt dưới sàn, sau một chiếc bàn thấp, một vết rộp đỏ bừng lan khắp mặt khi bà giơ một viên lam ngọc lên ánh sáng. Mặt mẹ anh có đúng cái vẻ khinh bỉ của lão lái đò Tai. “Mau, mau, chạy đi,” bà nói với anh bằng giọng của Tai, “Đừng lo cho người mẹ khốn khổ này.” Bác sĩ Aziz nghe mình lắp bắp, “Mẹ có đứa con thật vô dụng, Amma; mẹ không thấy trong con có một lỗ thủng bằng quả dưa hấu sao?” Mẹ anh nở một nụ cười đau đớn. “Con luôn là một đứa trẻ vô tâm,” bà thở dài, rồi biến thành một con thằn lằn trên tường thè lưỡi với anh. Bác sĩ Aziz dứt cơn choáng váng, bắn khoăn không hiểu có thật mình vừa lớn tiếng không, tự hỏi mình nói chuyện cái lỗ ấy nghĩa là gì, thấy đôi chân không còn cố chạy trốn nữa, và nhận ra có kẻ đang nhìn mình. Một mụ đàn bà bắp tay to như đồ vật đang nhìn anh chăm chăm, ra hiệu bảo anh theo mụ vào phòng. Tình trạng của tấm sari rách bảo anh mụ là người hầu; nhưng mụ không có vẻ con hầu. “Cậu xanh như tàu lá ấu,” mụ nói. “Mấy tay bác sĩ trẻ các cậu. Vào nhà lạ là gan mặt nhuhn ra. Đi nào, Bác sĩ Sahib, mọi người đang đợi.” Siết chiếc cặp trong tay hơi quá chặt, anh theo mụ đi qua cánh cửa gỗ tếch tối tăm.

... Bước vào một căn phòng ngủ thênh thang cũng tù mù như phần còn lại của ngôi nhà, mặc dù ở đây có vài vật nặng bụi bặm luồn vào từ ô cửa sổ nằm tít trên cao. Những tia sáng mốc meo soi tỏ một cảnh tượng lạ lùng bậc nhất chàng Bác sĩ từng chứng kiến: một hoạt cảnh kỳ quái phi thường đến nỗi chân anh một lần nữa chực xoắn ra cửa. Có hai mụ đàn bà khác, cũng lực lưỡng như hai đồ vật chuyên nghiệp, đứng sừng sững ở đó, mỗi người cầm một góc của một tấm ga trải giường khổng lồ màu trắng, giơ cao quá đầu để nó căng ra như một tấm rèm giữa họ. Lão Ghani hiện ra từ bóng tối vây quanh tấm ga giường hắt nắng và để anh chàng Adam đang sừng sốt cứ thế ngây ngốc nhìn cái hoạt cảnh kỳ dị ấy chừng nửa phút, và vào cuối nửa phút ấy, khi chưa ai lên tiếng, chàng Bác sĩ phát hiện ra:

Ở chính giữa tấm ga, có khoét một cái lỗ, một hình tròn nham nhở đường kính độ hai mươi xăng ti mét.

“Đóng cửa vào, ayah^[16]” Ghani bảo nữ đồ vật đầu tiên, rồi quay sang Aziz, tỏ vẻ bí hiểm. “Vùng này có lắm kẻ ăn không ngồi rồi thì thoảng lại toan trèo vào phòng con gái ta. Con bé cần,” lão gật đầu với ba mụ đàn bà lực lưỡng, “người bảo vệ.”

[16] Vụ nuôi trong những gia đình người Âu ở Ấn Độ hoặc các thuộc địa cũ của Anh.

Aziz vẫn đang nhìn tấm ga giường khoét lỗ. Ghani nói, “Được rồi, nào, anh sẽ khám cho con Naseem nhà ta luôn bây giờ. *Pronto*^[17].”

[17] Ngay lập tức.

Ông tôi liếc quanh phòng. “Nhưng cô ấy đâu, Ghani Sahib?” cuối cùng ông bật ra. Ba mụ đồ vật lộ vẻ khinh miệt và, ông có cảm giác, gồng người lên, đề phòng ông định giở trò gì bất ngờ.

“À, ta hiểu sự bối rối của anh,” Ghani nói, nụ cười quỷ quyệt mở rộng. “Thanh niên các anh ở Tây về nên quên mất vài điều. Bác sĩ Sahib ạ, con gái ta là một cô gái đoan trang, cái đó miễn bàn. Nó không phô bày thân thể trước mũi đàn ông lạ. Anh phải hiểu rằng mình không được phép trông thấy nó,

không, bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không; vì thế ta đã yêu cầu nó đứng sau tấm ga kia. Nó đứng đấy, như một cô gái ngoan!”

Một âm sắc điên dại len vào giọng Bác sĩ Aziz. “Ghani Sahib, vậy ngài nói xem tôi sẽ khám cho cô nhà thế nào nếu không nhìn cô ấy?” Ghani mỉm cười.

“Anh sẽ vui lòng nói rõ bộ phận nào của con gái ta cần khám. Ta sẽ hướng dẫn nó áp chỗ cần khám vào cái lỗ anh thấy kia. Như vậy, theo cách này mọi chuyện sẽ đâu vào đấy.”

“Nhưng mà, rốt cuộc, cô nhà bị đau ở đâu mới được ?” - ông tôi tuyệt vọng hỏi. Lão Ghani, cặp mắt nhướng lên trong hốc, nụ cười méo mó thành một cái nhăn mặt đau xót, đáp: “Khổ thân con bé! Nó lên cơn đau bụng dữ dội, đau ghê gớm ấy.”

“Nếu vậy,” Bác sĩ Aziz dè dặt nói, “cô nhà vui lòng cho tôi xem bụng.”

Chương 2: Mercurochrome

Padma - cô nàng Padma phốp pháp của chúng ta - đang cực kỳ sưng sứa. (Cô không biết đọc và, như mọi người mê cá, ghét người khác biết cái mình không biết. Padma: khỏe khoắn, vui tươi, niềm an ủi của tôi những ngày cuối đời. Nhưng đích thị là một ả chó cái giữ xương.) Cô cố dỗ tôi rời khỏi bàn: “Ăn đi, nào, thức ăn hồng mắt.” Tôi vẫn ương ngạnh gò lưng trên giấy. “Gì mà quý hóa thế,” Padma hỏi, tức tối hươ tay chém gió lia lịa, “ba cái trò viết lách-rặn ỉa này?” Tôi trả lời: giờ tôi đã kể chi tiết chuyện tôi ra đời, giờ tấm ga giường khoét lỗ đã giăng giữa bác sĩ và bệnh nhân, tôi không lùi được nữa. Padma khịt mũi. Đập tay lên trán. “Rồi, chết đói thì chết, kệ thầy nhà anh!” Một cú khịt lớn hơn, dứt khoát... nhưng tôi không lấy thế làm giận. Cô sống bằng nghề quấy một cái vại sùng sục suốt ngày; tối nay có gì đó, cay và chua đã khiến cô bốc hỏa. Hồng dầy, lông tay hơi rậm, cô vùng vằng, hoa chân múa tay, bỏ đi. Khổ thân Padma. Mọi thứ luôn trêu tức cô. Có lẽ cả tên cô cũng vậy: dễ hiểu thôi, vì hồi cô còn bé, mẹ bảo cô được đặt tên theo nữ thần hoa sen, mà danh hiệu quen thuộc nhất của bà trong dân gian lại là “Bà Chúa Phen.”

Trong sự im lặng vừa khôi phục, tôi trở lại với xấp giấy phẳng phát mùi nghệ, sẵn sàng và quyết tâm chấm dứt nỗi thống khổ của mạch truyện bị bỏ lửng từ hôm qua - giống như Scheherazade, bảo toàn tính mạng bằng cách bỏ Quốc vương Shah-ryar cho cơn tò mò gặm nhấm, từng làm đêm này qua đêm khác! Tôi sẽ bắt đầu ngay: bằng việc tiết lộ rằng dự cảm của ông tôi ở hành lang nọ không phải là không có cơ sở. Suốt những năm sau này, ông đã mắc phải cái mà tôi chỉ biết gọi là bùa phép của tấm vải khoét lỗ khổng lồ (nhưng chưa hề vấy bẩn) kia.

“Nữa à?” mẹ Aadam đảo mắt nói. “Ta nói con nghe, con bé đấy sống trong nhung lụa nhiều quá sinh ốm đấy thôi. Ăn lắm của ngọt và được nuông chiều quá mức, vì thiếu bàn tay cứng rắn của người mẹ. Nhưng thôi, đi chăm sóc cô bệnh nhân vô hình của con đi, mẹ con chỉ đau đầu vất vả chẳng làm sao đâu.”

Chả là, những năm ấy, Naseem Ghani con gái lão chúa đất đã mắc phải một số lượng khá bất thường những chứng bệnh vặt, mỗi lần như thế một người lái đò lại được cử đi triệu anh Bác sĩ sahib trẻ cao lớn với chiếc mũi to, người đang gây được tiếng tăm ra trò trong thung lũng. Những cuộc viếng thăm của Aadam Aziz đến căn phòng có một vật nặng và ba mụ đồ vật đã thành chuyện hằng tuần; và mỗi lần anh lại được ban cho thấy, qua tấm vải khoét lỗ, một hình tròn hai mươi xăng ti mét khác nhau của thân thể cô gái. Con đau bụng đầu tiên được tiếp nối bởi một cú tẹo rất nhẹ ở mắt cá chân phải, một cái móng mọc quặp ở ngón cái bàn chân trái, một vết xước tí ti dưới bắp chân trái. (“Uốn ván chết người đấy, Bác sĩ Sahib ạ,” lão chúa đất nói, “Naseem con ta không thể chết vì xước da.”) Rồi đầu gối phải của cô bị tê, và chàng Bác sĩ buộc phải xoa bóp qua cái lỗ trên tấm ga... và được ít lâu các chứng bệnh bắt đầu leo lên cao, né tránh một số vùng không thể nói ra được, và bắt đầu phát ra ở nửa người trên cô gái. Cô mắc một chứng bệnh bí hiểm mà cha cô gọi là Thối Ngón, khiến tay cô bị tróc da; cho tới bệnh yếu xương cổ tay, mà Aadam kê đơn viên calcium; cho đến những cơn táo bón, mà anh cho cô uống thuốc nhuận tràng, vì không đời nào anh lại được phép tiến hành thụt ruột. Cô bị sốt và cả bệnh thân nhiệt thấp. Mỗi lần như vậy chiếc nhiệt kế của anh lại được đặt vào nách cô và anh sẽ âm ừ về sự thiếu hiệu quả tương đối của phương pháp này. Ở nách kia có lần cô phát bệnh nấm da nhẹ và anh phải thoa phấn vàng cho cô; sau lần điều trị này - buộc anh phải xoa phấn tận nơi, nhẹ nhàng nhưng chắc tay, dù thân hình bí ẩn mềm mại kia bắt đầu run rẩy và anh nghe thấy tiếng cười không nén nổi từ sau tấm ga, vì Naseem Ghani rất có máu buồn - cơn ngứa dứt hẳn, nhưng Naseem mau chóng tìm được một cơ sở những lời than vãn mới. Mùa hè cô bị thiếu máu và mùa đông cô bị suyễn. (“Khí quản nó mong manh lắm,” Ghani giải thích, “như mấy ông sáo nhỏ ấy.”) Ở phương xa cuộc Thế chiến đi từ biến động này đến biến động khác, cùng lúc đó tại ngôi nhà chằng đầy mạng nhện Bác sĩ Aziz cũng bước vào cuộc chiến tranh tổng lực chống lại những lời than vãn không dứt từ người bệnh bị chia cắt của mình. Và, suốt những năm tháng chiến tranh ấy, Naseem không hề tái phát chứng bệnh nào. “Chỉ cho thấy một điều,” Ghani bảo, “cậu rất có nghề. Cậu đã chữa, là con bé khỏi hẳn. Nhưng than ôi!” - lão vỗ trán - “nó nhớ thương mẹ nó, con bé tội nghiệp, đến mòn mỏi cả người. Nó là đứa quá tình cảm.”

Vậy là dần dần Bác sĩ Aziz hình dung ra trong đầu chân dung của Naseem, một bức tranh cắt dán xộc xệch từng phần cơ thể được khám riêng rẽ của cô. Ảo tưởng về người phụ nữ bị chia nhỏ ấy bắt đầu ám ảnh anh, và không chỉ trong mơ. Được trí tưởng tượng của anh dán thành hình, cô bám theo anh đi khắp nơi, cô dọn đến ở tiền sảnh trong tâm trí anh, khiến lúc thức hay khi ngủ anh đều cảm thấy nơi đầu ngón tay cái mịn màng của làn da có máu buồn hay đôi cổ tay nhỏ nhắn hoàn mỹ hay vẻ đẹp của mắt cá chân cô; anh ngửi thấy mùi oải hương và hoa nhài của cô; anh nghe thấy giọng nói và tiếng cười thiếu nữ không nén nổi của cô; nhưng cô không có đầu, vì anh chưa bao giờ thấy mặt cô.

Mẹ anh nằm sấp trên giường, tay chân duỗi ra. “Lại đây, lại xoa bóp cho mẹ,” bà nói, “cậu con

bác sĩ có đôi tay biết làm dịu cơn nhức mỏi của mẹ mình. Ấn đi, ấn đi, cậu con mặt như ngỗng ỉa của ta.” Anh bóp vai cho bà. Bà rên rầm, vặn vẹo, thư giãn. “Thấp xuống,” bà bảo, “giờ cao lên. Sang phải. Thế. Cậu con sáng láng của ta không nhìn ra lão Ghani chúa đất đang chơi trò gì. Con ta thông minh lắm, nhưng lại không đoán được vì sao con bé ấy không ngừng ồm ật. Nghe này, con trai: nhìn cái mũi trên mặt mình một lần đi: lão Ghani ấy nghĩ con là một đám khờ cho con bé đấy. Du học nước ngoài này kia. Ta ngồi bán hàng và bị ánh mắt những kẻ xa lạ lột trần ra cốt để con lấy được con bé Naseem ấy! Dĩ nhiên là ta đúng; không thì việc gì lão phải ghé mắt đến nhà ta?” Aziz tiếp tục bóp. “Trời ơi, thôi đi, không cần phải giết tôi vì tôi nói sự thật đâu!”

Đến năm 1918, Aadam Aziz đã chuyển sang sống vì những chuyến đi đều đặn sang bờ hồ bên kia. Và giờ đây nỗi háo hức của anh càng thêm dữ dội, vì rõ ràng là, sau ba năm, lão chúa đất và con gái đã sẵn lòng hạ thấp một số rào cản. Giờ đây, lần đầu tiên, Ghani bảo, “Một khối u ở ngực phải. Có đáng ngại không, Bác sĩ? Xem đi. Xem kỹ vào.” Và kia, đóng khung sau cái lỗ, hình dáng hoàn hảo và đẹp mê hồn, là... “Tôi phải sờ vào đó,” Aziz nói, vật lộn với giọng mình. Ghani vỗ lưng anh. “Sờ đi, sờ đi!” lão nói, “Bàn tay thần y! Cái sờ màu nhiệm, hả, Bác sĩ?” Và Aziz vươn tay ra... “Thứ lỗi cho tôi hỏi thẳng; nhưng có phải cô nhà đang đến tháng?”... Nụ cười bí ẩn xuất hiện trên mặt ba mụ đồ vật. Ghani hòa nhã gật đầu: “Ừ. Không phải ngưng ngưng thế, anh bạn. Mình là người nhà bệnh nhân và bác sĩ rồi.” Và Aziz, “Thế thì không ngại, khối u sẽ tan khi hết kỳ.”... Thế rồi lần sau, “con bé bị căng cơ sau đùi, Bác sĩ Sahib ạ. Đau lắm!” Và kia, giữa tấm ga, làm mất Aadam Aziz mờ đi, là một gò mông tròn trịa và không tưởng... Và lúc này Aziz: “Liệu cô nhà có thể...” Tiếp đó là một lời của Ghani; một tiếng dạ ngoan ngoãn sau tấm ga; một sợi dải rút được rút ra; và chiếc quần thụng rơi khỏi bờ mông thân tiên ấy, căng đầy tuyết trần sau cái lỗ. Aadam Aziz cố ép mình vào khuôn khổ suy nghĩ của nghề y... đưa tay ra... sờ. Và tự thề với mình, trong kinh ngạc, rằng anh thấy cặp mông kia ứng lên một màu hồng thẹn thùng, nhưng nhu thuận.

Tối ấy, Aadam ngẫm nghĩ về bờ mông ứng hồng nọ. Phải chăng ma thuật của tấm ga đã tác động lên cả hai bên lỗ thủng? Trong cơn phấn khích, anh hình dung ra nàng Naseem không đầu ngựa râm ran dưới sự khám xét của mắt anh, nhiệt kế của anh, ống nghe của anh, ngón tay anh, và cố dựng lên trong óc chân dung của *anh*. Dĩ nhiên, cô có thiết thời là chưa thấy gì ngoài hai bàn tay anh... Aadam bắt đầu hy vọng với một niềm tuyệt vọng cấm kỵ rằng Naseem Ghani sẽ phát cơn đau nửa đầu hoặc gãi xước cái cằm chưa lộ diện của mình, để họ có thể nhìn thấy mặt nhau. Anh biết những cảm xúc ấy trái với lương tâm nghề nghiệp; nhưng không làm gì để dè nén chúng. Anh cũng chẳng làm được gì nhiều. Chúng đã có sự sống của riêng mình. Tóm lại: ông tôi đã mắc lưới tình, và đã đi đến chỗ nghĩ về tấm ga giường khoét lỗ như một vật linh thiêng và màu nhiệm, bởi những gì ông thấy qua nó đã lấp đầy cái lỗ xuất hiện trong ông từ khi ông bị một búi cỏ táng vào mũi và bị lão lái đò Tai si nhục.

Đúng ngày cuộc Thế chiến kết thúc, Naseem lên cơn đau đầu được mong mỏi từ lâu. Những trùng hợp lịch sử như thế đã trút rác rưởi lên, và có lẽ đã làm ô uế sự tồn tại của gia đình tôi trên thế giới này.

Anh gần như không dám nhìn vào những gì hiện lên sau cái lỗ trên tấm ga. Biết đâu cô lại gớm ghiếc; có lẽ đó là nguồn cơn của cả vở kịch này... anh nhìn. Và thấy một khuôn mặt mịn màng không hề xấu xí chút nào, một cái nền êm dịu cho đôi mắt lóng lánh như đá quý, sắc nâu điểm những đốm vàng: đôi mắt hổ. Bác sĩ Aziz gục ngã hoàn toàn. Và Naseem thốt lên, “Kìa Bác sĩ, trời ơi, cái mũi *gớm quá!*” Ghani giận dữ, “Này con, cứ liệu...” Nhưng cả bệnh nhân và bác sĩ cùng cười, rồi Aziz nói,

“Phải, phải, cái mẫu vật này gớm mặt thật. Họ bảo tôi rằng có hàng vương triều đang chờ trong đó...”
Và anh phải cắn lưỡi vì suýt nữa định thêm, “...như gi mũi...”

Còn Ghani, người đã mù lòa đứng cạnh tấm ga ba năm ròng, mỉm cười và mỉm cười và mỉm cười, một lần nữa nở nụ cười bí hiểm của lão, phản chiếu trên môi ba mụ đô vật.

Trong khi đó, lão lái đồ, Tai, đã đi tới một quyết định không lý giải được là bỏ tắm. Ở một thung lũng ngập giữa những hồ nước ngọt, nơi những kẻ cùng khổ nhất cũng có thể (và thực sự) tự hào về sự sạch sẽ của bản thân, Tai chọn cách ở bẩn. Đã ba năm, lão không tắm, và cũng không rửa sau khi trả lời tiếng gọi của tự nhiên. Lão vận nguyên bộ đồ ấy, không giặt, từ thời như vậy; nhưng bộ duy nhất của lão trước mùa đông là khoác tấm áo chugha ra ngoài bộ đồ thôi khăn. Chiếc rổ con đựng than nóng lão nhét dưới tấm chugha, theo phong tục ở Kashmir, để giữ ấm khi trời rét buốt, càng làm dậy lên và nổi bật hơn cái mùi ghê tởm ấy. Lão bắt đầu lờ lững chèo qua nhà Aziz, phả luồng hơi kinh khiếp trên người lên mảnh vườn nhỏ và vào nhà. Hoa chết; chim tháo chạy khỏi bậu cửa sổ phòng ông lão Aziz. Dĩ nhiên, Tai mất việc; cụ thể là các vị khách Anh không mặn mà với việc để một cái bể phân chèo đò cho họ. Quanh hồ đồn rằng vợ Tai, phát điên trước sự hồi thối bất ngờ của ông lão, đã nài hỏi lý do. Lão trả lời: “Hỏi anh bác sĩ Tây học, thằng nakkoo, thằng Aziz người Đức ấy.” Đó, phải chăng, là một cố gắng làm tổn thương hai lỗ mũi siêu nhạy cảm của anh Bác sĩ (nơi cơn ngứa báo nguy đã truyền giảm đôi phần nhờ liệu pháp gây mê của ái tình)? Hay một động thái của sự không thay đổi để phản kháng sự xâm lược của món “hành trang bác sĩ” từ Heidelberg? Một lần Aziz đã hỏi chẳng ông lão, làm như vậy để làm gì; nhưng Tai chỉ thờ vào anh rồi chèo đi. Hơi thờ ấy suýt đánh quy Aziz; nó sắc bén như rìu.

Năm 1918, cha của Bác sĩ Aziz, bị tước mất bầy chim, chết trong giấc ngủ; và lập tức mẹ anh, người đã có thể bán đi cửa hiệu đá quý vì việc hành nghề của Aziz khá thành công, và giờ đây coi cái chết của chồng như sự giải thoát cho bà khỏi một cuộc đời chất chồng trách nhiệm, cũng ốm liệt giường và đi theo chồng trước khi bốn mươi ngày tang kỳ kết thúc. Lúc các trung đoàn Ấn Độ trở về khi chấm dứt chiến tranh, Bác sĩ Aziz đã là một đứa con côi, một người tự do - trừ việc trái tim anh đã rơi lọt một cái lỗ bề ngang chừng hai mươi xăng ti mét.

Hệ quả thê lương từ thái độ của Tai: nó hủy hoại quan hệ tốt đẹp của Bác sĩ Aziz với cái xóm nổi trên hồ. Anh, người hồi bé vẫn thoải mái tán chuyện với mấy mụ dân chài và các bà hàng hoa, vấp phải những ánh nhìn ngờ vực. “Hỏi thằng nakkoo, thằng Aziz người Đức ấy.” Tai quy kết anh là kẻ ngoại lai, do vậy là một kẻ không thể tin cậy hoàn toàn. Họ không ưa lão lái đồ, nhưng với họ sự biến đổi hiển nhiên là do anh gây ra cho lão còn đáng ngại hơn. Aziz gặp phải sự nghi ngờ, thậm chí tẩy chay, từ phía những người nghèo; và nó làm tổn thương anh ghê gớm. Giờ anh đã hiểu Tai nhắm đến điều gì: lão đang cố đuổi anh khỏi thung lũng.

Chuyện tắm ga khoét lỗ cũng lọt ra ngoài. Ba mụ đô vật rõ ràng không kín đáo như bề ngoài. Aziz bắt đầu để ý thấy người ta chỉ trỏ mình. Đàn bà con gái bùng miệng cười rúc rích...

“Tôi quyết định dâng thắng lợi cho Tai,” anh nói. Ba mũ đô vật, hai chằng tấm ga, một lượn lò gần cửa, căng đầu nghe anh nói qua lần bông nút lỗ tai. “Em bảo cha làm đấy,” Naseem bảo anh, “Cho mấy mũ lăm mồm ấy từ nay khỏi ngồi lê đôi mách.”) Cặp mắt Naseem, lọt giữa cái lỗ, mở to hơn bao giờ hết.

... Hết như mắt anh, lúc thả bộ trên phố mấy ngày trước, thấy chuyển xe khách cuối cùng của mùa đông xịch tới, sơn đầy những dòng chữ đủ màu - đằng trước, Ý CHÚA chữ lục đồ bóng đỏ; đằng sau chữ vàng bóng xanh hét vang ƠN CHÚA!, và với một màu nâu xác xược, SORRY-BYE-BYE! - và nhận ra, sau tấm mạng che mặt kết bằng vòng và sợi, Ilse Lubin đang bước xuống...

Giờ đây, lão Ghani chúa đất để anh lại một mình với ba vệ sĩ nút tai. “Để chuyện trò đôi chút; quan hệ bác sĩ-bệnh nhân chỉ có thể trở nên sâu sắc trong hoàn cảnh tuyệt đối riêng tư. Giờ ta hiểu rồi, Aziz Sahib - thứ lỗi cho sự đường đột trước kia của ta.” Giờ đây, cái lưỡi Naseem ngày một bạo dạn hơn. “Anh nói chuyện kiểu gì thế? Anh là đàn ông hay thỏ đế? Định bỏ nhà vì một lão chèo đò thói tha!”...

“Oskar chết rồi,” Ilse bảo anh, nhấp một ngụm nước chanh trên chiếc tràng kỷ của mẹ anh. “Như một anh hề. Hắn đi gặp lính để khuyên chúng đừng làm tốt thí. Gã ngốc ấy định ninh chúng sẽ ném súng đi rồi giải tán. Bọn mình từ cửa sổ nhìn xuống, mình chỉ cầu sao chúng đừng giẫm nát hắn. Vừa đến góc phố đối diện duyệt binh trường thì hắn giẫm phải dây giày ngã ra đường. Một chiếc xe sĩ quan lao đến đâm phải hắn, và hắn chết. Suốt đời không buộc chặt được dây giày, thằng khờ ấy”... tới đây những hạt kim cương đông lại trên mi cô... “Ngũ hắc đúng là làm ô danh những người vô chính phủ.”

“Được thôi,” Naseem chịu thua, “vậy là anh có cơ hội kiếm được một chỗ làm tốt. Đại học Agra, danh giá lắm, đừng tưởng em không biết. Bác sĩ trường Đại học!... nghe được đấy. Cứ cho là anh đi đi, đó lại là chuyện khác.” Hàng mi rủ xuống sau cái lỗ. “Em sẽ nhớ anh, tất nhiên rồi...”

“Mình đang yêu,” Aadam Aziz bảo Ilse Lubin. Và sau đó, “... Vậy là mình mới thấy nàng qua cái lỗ trên tấm ga, mỗi lần một phần; và mình thề là mộng nàng đỏ bừng lên.”

“Không khí trên này chắc là có cái gì đó,” Ilse nói.

“Naseem à, tôi được nhận rồi,” Aadam hào hứng nói. “Thư vừa tới hôm nay. Có hiệu lực từ tháng Tư 1919. Cha em bảo ông có thể tìm được người mua lại ngôi nhà của tôi và cả cửa hàng đá quý nữa.

“Tuyệt quá,” Naseem bĩu môi. “Nghĩa là em sẽ phải tìm bác sĩ mới. Hoặc đành gọi lại mũ già chẳng biết mô tê gì kia vậy.”

“Vì cháu mồ côi,” Bác sĩ Aziz nói, “nên cháu phải tự đến thay bậc cha chú. Dù sao cháu cũng đã đến, Ghani Sahib, lần đầu tiên khi không được gọi. Cháu đến không phải vì công việc.”

“Con trai!” Ghani vỗ lưng Aadam. “Tất nhiên là cậu phải cưới con bé. Với một món hồi môn tươm tất hạng A-I! Không phải tốn kém gì sất! Đó sẽ là đám cưới của năm, phải, chắc chắn vậy.”

“Tôi không thể ra đi mà bỏ em lại” Aziz bảo Naseem. Ghani nói, “Bày đặt thế đủ rồi! Khỏi cần tấm vải dờ dẩn này nữa! Bỏ xuống, mấy mụ này, đây giờ đã là đôi uyên ương mới rồi!”

“Cuối cùng,” Aadam Aziz nói, “cuối cùng tôi cũng được thấy em trọn vẹn. Nhưng tôi phải đi đã. Đi thăm bệnh... một người bạn cũ đang ở nhà tôi, tôi phải cho cô ấy biết, cô ấy sẽ rất mừng cho cả hai ta. Một người bạn thân từ Đức.”

“Không, Aadam baba,” người hầu nói, “từ sáng sớm tôi đã không thấy Ilse Begum^[1]. Cô thuê lão Tai chở đi một chuyến shikara.”

[1] Tiếng xưng hô tôn trọng dành cho phụ nữ (cô, bà, phu nhân).

“Biết nói gì đây, thưa cậu?” Tai thẽ thọt. “Tôi rất vinh dự được triệu đến tư gia một bậc rất mực tôn quý như cậu đây. Thưa cậu, tiểu thư thuê tôi chở đi một chuyến ra Vườn Mughal, nhân lúc hồ chưa đóng băng. Cô rất lặng lẽ, thưa Bác sĩ Sahib, cả buổi chả nghe cô nói câu gì. Đêm tôi cũng mãi nghĩ ba chuyện riêng tư dờ dẩn của mấy lão già lắm cảm. Bỗng nhiên lúc tôi nhìn lại thì cô đã không còn trên ghế. Thưa Sahib, tôi thề trên đầu vợ mình, không thể nhìn thấy gì đằng trước lưng ghế, làm sao tôi biết được? Xin cậu tin lão chèo đò khôn khổ từng là bạn của cậu ngày cậu còn nhỏ...”

“Aadam baba,” người hầu già xen vào, “xin cậu thứ lỗi nhưng tôi vừa tìm thấy tờ giấy này trên bàn tiểu thư.”

“Tôi biết cô ấy ở đâu,” Bác sĩ Aziz nhìn Tai trân trối. “Tôi không biết tại sao bác vẫn dính dáng đến cuộc sống của tôi, nhưng bác từng chỉ chỗ đó cho tôi một lần. Bác bảo: có những phụ nữ ngoại quốc đến đây để chết đuối.”

“Tôi ư, Sahib?” Tai ngớ ngàng, hơi thối, ngây thơ. “Cậu đau lòng quá đâm nghĩ quẩn rồi! Mấy chuyện ấy làm sao tôi biết được?”

Và sau khi cái xác, trương phình, quần đầy rong rêu, được một nhóm mấy người lái đò mặt mày vô cảm dùng lưới vét vớt lên, Tai đến chỗ neo thuyền và bảo những người có mặt, khi họ rúm lại trước hơi thở của một con bò thiến mắc bệnh ly từ lão phả ra, “Hắn đổ tội cho ta, chỉ toàn tưởng tượng! Dem mấy ả gái Âu lang chạ về đây rồi nói chúng nhảy xuống hồ là lỗi của ta!... Ta hỏi, làm sao hắn biết đúng chỗ mà tìm? Phải, hỏi hắn xem, hỏi thằng nakkoo Aziz ấy!”

Cô đề lại một lời nhắn. Nó viết: “Mình không cố ý.”

Tôi không bình luận gì; những sự kiện này, dù thế nào đi nữa, cũng đã tuôn ra từ miệng tôi, bị sự vội vã và xúc cảm làm biến dạng, là để người khác phán xét. Bây giờ tôi xin đi vào chủ đề chính, và kể rằng trong mùa đông dài, khắc nghiệt năm 1918-19, Tai đỏ ồm, mắc một dạng bệnh da liễu ác hiểm, na ná thứ ôn dịch châu Âu gọi là Tai ách Vua ban^[2]; nhưng lão nhất định không đến Bác sĩ Aziz, và được một thầy lang vi lượng đồng căn trong vùng chữa trị, Tháng Ba, khi hồ tan băng, đám cưới diễn ra ở ngôi lều lớn trong khuôn viên nhà lão Ghani chúa đất. Khế ước hôn nhân đảm bảo cho Aadam Aziz một món tiền đáng kể, giúp anh mua một căn nhà ở Agra; còn của hồi môn, theo nguyện vọng đặc biệt của Bác sĩ Aziz, gồm cả một tấm ga giường khoét lỗ. Đôi uyên ương mới ngồi trên bục, đeo đầy hoa và rét run, trong khi khách khứa lũ lượt điếu qua và rắc tiền vào lòng họ. Đêm đó ông tôi trải tấm vải khoét lỗ dưới cô dâu và mình, tới khi trời sáng nó được tô điểm bởi ba giọt máu, tạo thành một hình tam giác nhỏ. Khi trời sáng tấm vải được đem ra trưng, và sau lễ hợp cẩn một chiếc xe do lão chúa đất thuê đến để đưa ông bà tôi tới Amritsar, ở đó họ sẽ bắt chuyến tàu Frontier Mail. Núi non quân tụ lại dõi theo ông tôi rời khỏi nhà lần cuối. (Ông sẽ trở về, một lần, nhưng không phải để ra đi.) Aziz nghĩ mình đã trông thấy một người lái đò già nua đứng nhìn theo họ - nhưng có lẽ anh nhầm, vì Tai đang ồm. Nốt rệp hình ngôi đèn trên đỉnh đồi Sankara Acharya, mà tín đồ đạo Hồi vẫn quen gọi là Takht-e-Sulaiman, hay Ngai vàng của Solomon, chẳng hề để tâm tới họ. Từng hàng dương mùa đông trụi lá và những cánh đồng nghệ tuyết phủ đầy sóng quanh họ khi cỗ xe chạy về phía Nam, với một chiếc cặp da cũ đưng, ngoài nhiều thứ khác, một cái ống nghe và một tấm ga giường, nhét trong cặp xe. Bác sĩ Aziz cảm thấy, tự đáy lòng, một cảm giác gần như không trọng lượng.

[2] King's Evil, hay Scrofula: bệnh tràng nhạc. Thời Trung cổ người ta tin rằng bệnh này nếu được nhà vua sờ vào thì sẽ khỏi.

Hay đang rơi.

(... Và bây giờ tôi bị bắt đóng con ma. Tôi lên chín và cả gia đình, bố tôi, mẹ tôi, con Khi Đồng và tôi, đang ở nhà ông bà ở Agra, và lũ cháu – trong đó có tôi - đang dàn dựng vở kịch Năm Mới theo truyền thống; và tôi bị bắt đóng con ma. Bởi vậy - và để giữ bí mật cho vở diễn nghiệp dư sắp tới - tôi sục sạo khắp nhà tìm hóa trang cho con ma. Ông tôi ra ngoài thăm bệnh. Tôi đang ở phòng ông. Và đây trên nóc tủ là một cái rương cũ, phủ đầy bụi và nhện, nhưng không khóa. Và đây, ở trong, là câu trả lời cho lời cầu nguyện của tôi. Không chỉ một tấm ga, mà là một tấm ga đã khoét lỗ sẵn! Nó đây rồi, bên trong chiếc cặp da ở trong cái rương, dưới cái ống nghe cũ và tuýp thuốc xịt hiệu Vicks mốc meo... sự xuất hiện của tấm ga tại vở diễn không khác gì một cú sốc. Ông tôi vừa thấy nó đã chồm dậy và gầm lên. Ông sai bước lên sân khấu và lột áo ma của tôi ngay trước mắt mọi người. Môi bà tôi mím chặt đến mức chúng cơ hồ biến mất. Giữa họ với nhau, một gầm lên với tôi bằng giọng của người lái đò bị lãng quên, một thể hiện cơn giận dữ bằng đôi môi tan biến, họ đã biến con ma đáng sợ thành một mớ bèo nhèo thút thít. Tôi bỏ trốn, cúp đuôi chạy ra mảnh ruộng ngô nhỏ, không hiểu điều gì vừa xảy ra. Tôi ngồi đó - có lẽ đúng ngay chỗ Nadir Khan từng ngồi! - mấy tiếng liền, thề sống thề chết không bao giờ mở một cái rương cấm nữa, và mơ hồ cảm thấy ám ức vì nó không được khóa ngay từ đầu. Nhưng từ cơn thịnh nộ của họ, tôi biết rằng tấm ga, vì lẽ gì đó, thật sự rất quan trọng.)

Tôi bị Padma làm gián đoạn, cô đem bữa tối đến rồi giữ lại, tổng tiền tôi: “Nếu anh định vui đầu nguyệt ngọc cho hồng mắt thì ít nhất anh cũng phải đọc cho tôi nghe.” Tôi trước nay luôn tự đàn hát kiếm cơm - nhưng biết đâu Padma của chúng ta sẽ có ích, vì không gì cản nổi cô đóng vai nhà phê

bình. Cô đặc biệt giận dữ trước nhận xét của tôi về tên mình. “Anh thì biết gì, cậu ảm?” cô quát - huơ tay chém gió. “Ồ làng tôi chẳng việc gì phải xấu hổ nếu được đặt tên theo Bà Chúa Phân sắt. Viết ngay là anh sai cho tôi, sai lè ra ấy.” Thề theo ý nguyện của bông sen của tôi, tôi xin bổ sung, không chút chậm trễ, một khúc tụng ca ngắn về Phân.

Phân, thứ làm đất đai màu mỡ và mùa màng sinh sôi! Phân, thứ được ép thành bánh mỏng như chapati^[3] từ lúc còn tươi và ướt, rồi mang bán cho các hiệp thợ nề để họ đem trát và gia cố tường những ngôi nhà kiểu kachcha^[4] xây từ bùn! Phân, ra đời từ phần hậu thấp kém của gia súc, đã đi một chặng đường dài để xác lập vị thế linh thiêng và thần thánh của mình! Phải rồi, tôi sai, tôi thừa nhận mình có định kiến, chắc chắn rồi, vì cái mùi đen đui ấy quả tình rất dễ làm tổn thương cái mũi nhạy cảm của tôi - hẳn là tuyệt vời xiết bao, đáng yêu biết dường nào khi được mang tên của Đảng Ban Phân!

[3] Một loại bánh mì không men hình tròn và dẹt của Ấn Độ.

[4] Kiểu kiến trúc đặc trưng của Ấn Độ, sử dụng những vật liệu tự nhiên như bùn, tre, gỗ, cỏ.

... Ngày 6 tháng Tư năm 1919, thánh địa Amritsar sục nức (rất huy hoàng, Padma, rất thần tiên!) hương phân. Và có lẽ cái nồng nàn (diễm tuyệt!) ấy không hề làm Cái Mũi trên mặt ông tôi khó chịu - nói cho cùng, nông dân Kashmir vẫn dùng nó, như một thứ vữa, như tôi đã tả ở trên. Ngay ở Srinagar, hình ảnh những người bán rong đẩy xe ba gác chở phân bánh cũng không có gì xa lạ. Nhưng phân ấy khô, hết mùi, hữu ích. Phân ở Amritsar tươi và (tệ hơn) thừa mứa. Mà không phải toàn phân bò. Nó rơi xuống từ mông lũ ngựa đi giữa còng xe của vô số tonga, ikka và gharry^[5] của thành phố; từ những la những người những chó đi theo tiếng gọi của tự nhiên, chan hòa trong tình huynh đệ của cứt. Nhưng cũng có cả bò: đàn bò thiêng lang thang trên phố xá bụi mù, từng con tuân tra lãnh thổ của mình, đánh dấu chủ quyền bằng phân. Và ruồi! Kẻ Thù Số Một Của Cộng Đồng, hoan hỉ vo ve từ động cứt này sang động cứt nóng hổi khác, ăn mừng và thụ phấn chéo cho những tảng vật biểu không ấy. Cả thành phố cũng nhộn nhạo, phản chiếu chuyển động của lũ ruồi. Bác sĩ Aziz đang từ cửa sổ khách sạn nhìn xuống khung cảnh ấy khi một tin đồ Kỳ Na giáo đeo khăn trang đi qua, cầm cây chổi xể quét vỉa hè trước mặt để khỏi giẫm phải một con kiến, hay một con ruồi. Từng làn khói thơm cay bốc lên từ một xe quà vật. “Pakora nóng, pakora nóng đây!” Một phụ nữ da trắng đang hỏi mua lựa ở cửa hiệu bên kia đường, và mấy gã đàn ông đội khăn xếp đang liếc mắt tổng tình cô ả. Naseem - giờ là Naseem Aziz - đang đau đầu ghê gớm; đây là lần đầu tiên cô tái phát một chứng bệnh, nhưng cuộc sống ngoài cái thung lũng bình lặng của cô đã ập tới như một cú sốc với cô. Đầu giường cô để một bình nước chanh tươi, cạn đi rất mau. Aziz đứng bên cửa sổ, hít thành phố vào lồng ngực. Ngọn tháp của Đền Vàng lóe sáng dưới ánh mặt trời. Nhưng mũi anh đang ngứa: có gì không ổn ở đây.

[5] Ba loại xe ngựa kéo phổ biến ở Ấn Độ.

Cận cảnh bàn tay phải ông tôi: móng tay đốt tay ngón tay đều ít nhiều lớn hơn người ta tưởng. Dăm tùm lông đỏ ở mặt trên ngón tay. Ngón cái và ngón trỏ kẹp sát nhau, chỉ bị ngăn cách bởi độ dày của một tờ giấy. Tóm lại: ông tôi đang cầm một tờ truyền đơn. Nó vừa được dúi vào tay ông (ta nhảy sang viên cảnh - dân Bombay ả cũng có vốn từ vựng cơ bản về điện ảnh) lúc ông bước vào sảnh khách sạn. Một thằng oắt thoăn thoắt phóng qua cánh cửa quay, truyền đơn lả tả phía sau, gã chaprassi^[6] đuổi theo. Từng vòng quay điên cuồng quanh cánh cửa, vòng nối vòng; tới khi bàn tay gã chaprassi cũng đòi được cận cảnh, bởi ngón cái ngón trỏ đang kẹp sát nhau, chỉ ngăn cách bởi độ dày của tai thằng oắt. Kẻ gieo rắc rắc rối vì thành niên bị tổng khứ; nhưng ông tôi đã giữ lại bức thông điệp. Lúc này, nhìn ra cửa sổ, ông thấy nó được vọng lại trên bức tường đối diện; và ở kia, trên ngọn tháp thánh đường; và dưới dạng chữ in khổ lớn trên tờ báo kẹp dưới nách một người bán rong. Truyền đơn báo chí thánh đường tường nhà đang hét lớn: *Hartal!* Mà, theo nghĩa đen, là một ngày của khóc thương, của bất

động, của im lặng. Nhưng đây là Ân Độ trong buổi hoàng kim của Mahatma, khi ngôn ngữ cũng phục tùng mệnh lệnh của Gandhiji, và từ này, dưới tác động của ông, đã mang những âm hưởng mới. *Hartal* - 7 tháng Tư, thánh đường báo chí bức tường và truyền đơn đều hưởng ứng, bởi Gandhi đã ra sắc lệnh rằng cả Ân Độ, ngày hôm ấy, sẽ ngừng hoạt động. Để khóc thương, trong hòa bình, sự tiếp tục hiện diện của người Anh.

[6] Nhân viên gác cổng khách sạn.

“Em chẳng hiểu tại sao lại hartal khi không ai chết cả,” Naseem khóc tỉ tê. “Sao tàu không chạy? Mình còn kẹt ở đây bao lâu?”

Bác sĩ Aziz thấy một thanh niên dấn dập nhà binh trên đường, và nghĩ - người Ấn đã chiến đấu cho người Anh; rất nhiều trong số họ đã đi khắp thế giới, và bị Ngoại quốc tiêm nhiễm. Họ sẽ không dễ dàng quay về thế giới cũ. Người Anh đã làm khi định quay ngược thời gian. “Thông qua Đạo luật Rowlatt là một sai lầm,” anh lầm bầm.

“Rowlatt gì ?” Naseem rên rỉ. “Chẳng có ý nghĩa gì với em hết!”

“Cấm vận động chính trị,” Aziz giải thích, rồi trở lại với suy nghĩ của anh. Tai từng nói: “Dân Kashmir khác. Mấy thằng hèn chẳng hạn. Nhét súng vào tay một gã Kashmir, nó sẽ phải tự nổ - không đòi nào gã dám bóp cò. Ta khác dân Ấn, luôn gây chiến.” Aziz, với Tai trong đầu, không thấy mình Ân Độ. Kashmir, nói cho cùng, nếu khắt khe mà xét thì không phải một bộ phận của Đế chế, mà là một tiểu quốc độc lập. Anh không chắc cuộc hartal của truyền đơn thánh đường tường nhà báo chí này là cuộc chiến của mình, dù anh đang đứng trên vùng lãnh thổ bị chiếm đóng. Anh quay đi khỏi cửa sổ...

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

... Và thấy Naseem khóc tỉ tê trên gối. Cô bắt đầu sùi sụt từ khi anh bảo cô, vào đêm thứ hai, nấc đi một tí. “Nấc gì?” cô hỏi. “Nấc sao?” Anh lúng túng nói, “Thì nấc thôi, tức là, như đàn bà ấy...” Cô rú lên kinh hãi. “Trời ơi, tôi lấy phải gì thế này? Tôi biết bọn đàn ông đi Tây về các anh. Các anh gặp những ngư đàn bà gớm ghiếc rồi bắt chúng tôi bắt chước! Nghe này, Bác sĩ Sahib, có chồng hay không chồng, tôi cũng không phải hạng đàn bà... chẳng ra gì.” Đây là một trận chiến mà ông tôi không bao giờ thắng; và nó định tông cho cuộc hôn nhân giữa họ, điều sẽ mau chóng trở thành một địa điểm nổ ra chiến sự thường xuyên và khốc liệt, dưới sự tàn phá của nó cô thiếu nữ sau tấm ga và chàng Bác sĩ trẻ vụng về nhanh chóng biến thành những sinh vật khác biệt, xa lạ... “Gì nữa đây mình?” Aziz hỏi. Naseem vui mặt vào gối. “Còn gì nữa?” giọng cô tắc nghẹn, “Anh, chứ còn gì nữa? Anh muốn tôi trần truồng đi lại trước mặt đàn ông lạ.” (Anh ấy bảo cô bỏ đeo mạng che mặt.)

Anh bảo, “Áo mình phủ kín người mình từ cổ đến tay đến gối. Quần mình che người mình tới tận mắt cá chân. Chỉ còn có bàn chân và mặt. Mình nói xem, mặt và chân mình là tục tĩu à?” Nhưng cô rên rỉ, “Họ sẽ thấy nhiều hơn thế, họ sẽ thấy nổi nhục nhã ê chề ê chề của tôi!”

Và giờ một tai nạn, nó sẽ phóng chúng ta vào thế giới của Mercurochrome... Aziz, bắt đầu mất

bình tĩnh, lôi sạch mạng che mặt của vợ trong va li ra, ném vào cái thùng tôn đựng rác sơn hình Guru Nanak bên hông, rồi châm lửa. Ngọn lửa bùng lên, làm anh bất ngờ, liếm vào tấm rèm. Aadam chạy bỏ ra cửa kêu cứu trong khi tấm rèm rỏ tiền bắt lửa... và người hầu khách trọ thợ giặt đồ xô vào phòng, lấy giẻ lau khăn tắm và quần áo của khách đập bồm bộp lên chỗ vải đang cháy. Nước được xách đến; lửa được dập tắt; và Naseem co rúm ở trên giường trong khi độ ba mươi lăm người Sikh, Hindu và tiện dân chen chúc trong căn phòng đầy khói. Sau cùng họ bỏ đi, và Naseem buông ra hai câu trước khi mím chặt môi lại đầy bướng bỉnh.

“Anh là đồ điên. Cho tôi thêm nước chanh.”

Ông tôi mở cửa sổ, quay lại người vợ trẻ. “Khói phải một lúc nữa mới tan hết; tôi đi dạo một chút. Minh có đi không?”

Môi mím chặt; mắt nhắm tịt; một chữ Không quyết liệt từ cái đầu; thế là ông tôi đi ra phố một mình. Với câu chốt hạ: “Quên chuyện làm một cô gái Kashmir ngoan ngoãn đi. Hãy nghĩ đến việc làm một phụ nữ Ấn Độ hiện đại.”

... Trong khi tại khu Doanh trại, ở Tổng hành dinh của Quân đội Anh, một viên Chuẩn tướng R.E. Dyer đang vuốt sáp lên râu.

Hôm đó là ngày 7 tháng Tư năm 1919, và tại Amritsar ý tưởng lớn lao của Mahatma đang bị bóp méo. Hàng quán đã nghỉ; nhà ga đã đóng; nhưng giờ đây chúng bị đám đông bạo loạn phá tan tành. Bác sĩ Aziz, tay xách cặp da, đang ở ngoài phố, giúp được chỗ nào là giúp. Những nạn nhân bị giẫm đạp bị bỏ lại ngay chỗ họ ngã xuống. Anh băng bó các vết thương, phết bừa Mercurochrome lên đó, khiến chúng nhìn máu me hơn bao giờ hết, nhưng ít nhất cũng được sát trùng. Cuối cùng anh trở về khách sạn, quần áo sưng đỏ bê bết, và Naseem phát hoảng lên. “Để em giúp, để em giúp, lạy đấng Allah, con lấy phải ai thế này, ra đầu đường xó chợ đánh lộn với lũ côn đồ!” Cô xoắn xuýt quanh anh với mấy nùi bông thấm nước. “Em chẳng hiểu sao mình không thể làm một anh bác sĩ đàng hoàng như người ta chỉ chữa những bệnh quan trọng các thứ thôi. Chúa ơi người mình toàn máu thôi! Yên, yên nào, ít nhất cũng để em rửa cho đã!”

“Không phải máu đâu, mình.”

“Mình tưởng em không biết tự nhìn đây hử? Sao lúc bị thương mình cũng cứ phải giữu em thế? Vợ mình cũng không được săn sóc cho mình à?”

“Đấy là Mercurochrome, Naseem. Thuốc đỏ.”

Naseem - người vừa biến thành một cơn lốc hành động, nhặt quần áo, vặn vòi nước - khựng lại. “Anh cố tình làm thế,” cô nói “để biến tôi thành con ngốc. Tôi không ngốc đâu. Tôi cũng đọc mấy

quyền sách rồi đấy.”

Hôm đó là 13 tháng Tư, và họ vẫn kẹt lại Amritsar. “Vụ này chưa xong đâu,” Aadam Aziz bảo Naseem. “Ta không thể đi được, mình thấy đấy: có thể họ sẽ lại cần bác sĩ.”

“Nghĩa là ta phải chờ ở đây đến ngày tận thế à?”

Anh dụi mũi. “Không, không lâu đâu, tôi e rằng không.”

Chiều hôm đó, đường phố bỗng đông nghịt người, tất cả đi về một hướng, bất chấp lệnh Thiết quân luật mới ban bố của Dyer, Aadam bảo Naseem, “Chắc sắp có mít tinh - thể nào cũng gặp rắc rối với quân đội. Họ đã có lệnh cấm mít tinh.”

“Sao mình lại phải đi? Sao không đợi người ta gọi ?”

... Một compound^[7] có thể là bất cứ chỗ nào, từ bãi đất hoang cho đến công viên. Compound lớn nhất Amritsar có tên là Jallianwala Bagh. Ở đây ít cỏ. Mặt đất đầy sỏi đá chai lọ và các thứ khác. Muốn vào được đây, người ta phải đi qua một con hẻm rất hẹp giữa hai tòa nhà. Vào ngày 13 tháng Tư, hàng nghìn người Ấn Độ lũ lượt kéo vào con hẻm này. “Phản đối trong hòa bình” ai đó bảo Bác sĩ Aziz. Bị cuốn theo dòng người, anh đi tới đầu hẻm. Chiếc cặp đến từ Heidelberg trên tay phải, (Không cần phải cận cảnh.) Ông đang rất sợ hãi, tôi biết, vì mũi ông đang ngửa dửng dưng hơn bao giờ hết; nhưng ông là một bác sĩ đã qua đào tạo, ông gạt nó ra khỏi đầu, rồi tiến vào compound. Ai đó đang diễn thuyết rất hăng say. Những người bán rong len lỏi giữa đám đông mời chào channa và của ngọt. Không khí đầy bụi. Xem ra sẽ không có bọn côn đồ hay phá hoại, ít ra là ông tội không thấy. Một nhóm người Sikh trải một mảnh vải ra đất và đang quây quần ăn uống. Không khí vẫn có mùi phân. Aziz đi xuyên vào trung tâm đám đông, đúng lúc Chuẩn tướng R.E. Dyer xuất hiện ở lối vào con hẻm, theo sau là năm mươi binh sĩ ưu tú. Ông ta là Chỉ huy Thiết quân luật ở Amritsar - một nhân vật quan trọng, nói gì thì nói; hai chòm râu chuột sấp cứng đờ lên đầy quan trọng. Đúng lúc năm mươi một người tiến vào trong hẻm, một cơn buồn thay thế cơn ngửa ở mũi ông tôi. Năm mươi một người tiến vào compound và chiếm lĩnh các vị trí, hai lăm bên phải Dyer và hai lăm bên trái; và Aadam Aziz ngừng tập trung vào những sự kiện xung quanh khi cơn ngửa lên đến đỉnh điểm không chịu nổi. Đúng lúc Chuẩn tướng Dyer phát lệnh, cú hắt xì tăng thẳng vào mặt ông. “Hắt – xì!!!” ông hắt xì hơi và cảm người ra trước, mặt thẳng băng, lao theo cái mũi và nhờ đó thoát chết. “Hành trang bác sĩ” của ông xỏ tung ra; chai lọ, dầu xoa bóp và xyranh tung tóe trong đám bụi. Ông điên cuồng sờ soạng dưới chân người ta, cố cứu lấy chỗ dụng cụ trước khi chúng bị giẫm nát. Một tiếng ồn như răng gõ lập cập khi trời rét vang lên, có người ngã đè lên ông. Máu đỏ ướt đầm áo ông. Có tiếng la thét và kêu khóc và tiếng lập cập kỳ quái nọ lại tiếp tục. Dường như càng lúc càng nhiều người ngã chồng lên ông tôi. Ông bắt đầu lo cho cái lưng mình. Cái khóa cặp đang đục lõm ngực ông, gây ra một vết bầm tím nghiêm trọng và bí hiểm đến mức nó sẽ không tan đến tận sau khi ông chết, nhiều năm sau, trên đồi Sankara Acharya hay Takht-e-Sulaiman. Mũi ông gí sát một lọ thuốc viên màu đỏ. Tiếng lập cập ngừng lại và thay bằng tiếng ồn của người và chim. Dường như không hề có tiếng ồn của xe cộ. Năm mươi người của Chuẩn tướng Dyer hạ súng máy xuống rồi rút đi. Họ đã bắn tổng cộng một nghìn sáu trăm năm mươi phát vào đám đông không vũ khí. Trong đó, một nghìn năm trăm mười sáu đã trúng đích, giết hoặc làm bị thương ai đó. “Bắn oách lắm,” Dyer bảo người của mình, “ta vừa làm một việc cực oách.”

[7] Một khu đất rộng có tường hoặc rào vây quanh. Đây là một nghĩa đặc thù của từ này ở Ấn Độ.

Khi ông tôi trở về đêm đó, bà tôi đang rất cố gắng làm một phụ nữ hiện đại, vì thế bà không tỏ vẻ gì khi thấy ông. “Xem ra mình lại đánh đổ Mercurochrome nữa rồi, vụng về ạ,” bà nói, giọng làm lành.

“Máu đây,” ông đáp, và bà ngất xỉu. Khi ông làm bà tỉnh lại với sự trợ giúp từ một chút muối ngửi, bà hỏi, “Mình có sao không?”

“Không,” ông đáp.

“Nhưng mình vừa ở đâu thế, lạy Chúa?”

“Không ở mặt đất này,” ông đáp, và run lên trong vòng tay bà.

Bàn tay tôi, tôi xin thú thực, bắt đầu lẩy bẩy; không hẳn vì câu chuyện của nó, mà vì tôi nhận thấy một vết nứt mảnh, như sợi tóc, vừa xuất hiện trên cổ tay tôi, bên dưới lớp da... Có hề gì. Chúng ta đều nợ cái chết một mạng. Vì thế tôi xin phép kết thúc bằng một tin đồn chưa kiểm chứng rằng lão lái đồ Tai, người đã khỏi bệnh nhiễm trùng tràng nhạc không bao lâu sau khi ông tôi rời Kashmir, không chết cho đến năm 1947, khi mà (vẫn theo lời đồn), điên tiết vì Ấn Độ và Pakistan tranh giành thung lũng của mình, lão đến Chhamb với ý định cụ thể là đứng giữa hai phe đối địch và nói cho chúng biết mặt. Kashmir của dân Kashmir: đây là lời lão. Cố nhiên, họ bắn lão. Oskar Lubin hẳn đã tán thành cử chỉ hùng hồn của lão; R.E. Dyer hẳn đã tán dương tài thiện xạ của những kẻ sát hại lão.

Tôi phải đi ngủ. Padma đang chờ, và tôi cần chút hơi ấm.

Chương 3: Phụng-ống-nhỏ

Xin hãy tin rằng tôi đang tan rã.

Tôi không nói câu này theo nghĩa bóng; và đây cũng không phải khúc dạo đầu của một màn cầu xin lòng thương hại cải lương, bí hiểm, trơ trẽn. Tôi chỉ giản đơn muốn nói rằng người tôi đang nức nạo khắp nơi như một chiếc bình cũ - rằng cái cơ thể khốn khổ của tôi, kỳ quặc, khó thương, phải nếm chịu quá nhiều lịch sử, bị hút kiệt ở trên và hút kiệt ở dưới, bị cửa làm tàn khuyết, bị ống nhổ tẩy não, đã bắt đầu bung ra theo những đường may. Tóm lại, tôi đang phân rã theo đúng nghĩa, hiện giờ vẫn chậm, tuy có dấu hiệu nhanh dần. Tôi chỉ xin quý vị chấp nhận (giống như tôi đã chấp nhận) một điều là chung cuộc tôi sẽ vỡ vụn thành (ước chừng) sáu trăm ba mươi triệu hạt bụi vô danh, tất yếu sẽ bị lãng quên. Đây chính là lý do khiến tôi quyết tâm ký thác tất thảy lên giấy, trước khi tôi quên. (Chúng ta là một dân tộc của những kẻ lãng quên.)

Có những thời khắc hãi hùng, nhưng rồi cũng qua. Sợ hãi như một con thủy quái sủi tăm trời lên hít thở, sục sôi trên bề mặt, nhưng cuối cùng sẽ lặn xuống đáy sâu. Quan trọng là tôi phải giữ được bình tĩnh. Tôi nhai trà và phún xuất về phía chiếc bát rỗng bằng đồng thau, tái hiện trò chơi phụt-ống-nhỏ cổ xưa: trò chơi của Nadir Khan, học của những ông già xứ Agra... và ngày nay người ta có thể mua được thứ “trà tên lửa”, trong đó, cùng với món bánh trà đỏ lợi, là cơn khoái cảm của cocaine gói trong một lá trà. Nhưng thế là ăn gian.

... Từ bản thảo của tôi tỏa ra cái mùi không lẫn được của chutney^[1]. Đã vậy tôi sẽ không vòng vo nữa: Tôi, Saleem Sinai, kẻ sở hữu cơ quan khứu giác nhạy bén nhất trong lịch sử, đã dành trọn những ngày cuối đời cho việc sản xuất gia vị quy mô lớn. Nhưng lúc này, “Đầu bếp á?” quý vị hạ hộc mồm kinh hãi, “Một gã khan-sama thôi à? Có nhẽ đâu thế?” Và, tôi công nhận, tinh thông đồng thời cả nghệ thuật bếp núc lẫn ngôn ngữ là rất hiếm; thế nhưng tôi lại có cả hai. Quý vị ngạc nhiên; có điều thưa quý vị, tôi đâu phải, gã đầu bếp 200-đồng-một-tháng của quý vị, mà là ông chủ của chính tôi, làm việc dưới ánh nhấp nháy màu nghệ^[2] và lục tỏa ra từ nữ thần neon của riêng tôi. Và những chutney với kasaundy^[3] tôi chế biến, nói cho cùng, đều liên hệ với trò viết lách về đêm của tôi - ban ngày giữa những vại rau quả ngâm, ban đêm trên những trang giấy, tôi dành thời gian cho công việc vĩ đại là bảo quản. Ký ức, cũng giống như rau quả, đang được bảo vệ khỏi sự hủy hoại của đồng hồ.

[1] Một thứ nước sốt đặc trưng của Ấn Độ, thành phần gồm có hoa quả băm nhỏ, muối, đường..

[2] Nguyên văn: saffron, tức là hoa nghệ tây, phân biệt với turmeric là củ nghệ. Trong truyện Rushdie chủ yếu dùng khái niệm saffron để chỉ màu vàng nghệ.

[3] Một thứ gia vị cay, thành phần cơ bản là hạt mù tạt.

Nhưng Padma đang ở đây, cạnh khuỷu tay tôi, bắt tôi quay lại với thế giới của cốt truyện tuyến tính, với vũ trụ của rồi-sao-nữa: “Cứ thế này,” Padma phản nản, “anh sẽ hai trăm tuổi trước khi kể được đến chỗ anh chào đời.” Cô làm bộ hứng hờ, chìa cái hông hờ hênh ra trước mặt tôi, nhưng không lừa được tôi. Tôi biết tổng rằng cô, phản đối rầm rĩ thế thôi, cần câu rồi. Chẳng nghi ngờ gì nữa: chuyện tôi kể đã hợp hồn cô, nên bỗng dưng cô thôi không cần nhằn bắt tôi phải về nhà, phải chăm tắm hơn, phải thay bộ quần áo đầy mùi giấm ra, phải rời khỏi dù chỉ một tích tắc cái nhà máy rau quả ngâm tối om này, nơi mùi gia vị không ngừng sủi bọt trong không khí... giờ đây bà chúa phân của tôi cứ thế mắc một cái võng ở góc phòng và nấu nướng cho tôi trên hai cái bếp ga đen kịt, chỉ làm gián đoạn việc viết lách dưới ánh đèn Anglepoise của tôi để phản đối, “Anh liệu mà nhanh lên, kẻo anh sẽ nghèo trước khi kịp cho mình ra đời đấy.” Cố nén niềm tự hào chính đáng của người kể chuyện thành công,

tôi toan dạy dỗ cô. “Mọi thứ - kể cả con người - đều có thể rĩ sang nhau,” tôi giải thích, “như hương vị khi ta nấu ăn. Cái chết của Ilse Lubin chẳng hạn, nó đã rĩ sang ông lão Aadam, đọng thành vũng ở đây cho đến ngày ông gặp Chúa. Tương tự,” tôi nói, chân thành và truyền cảm, “quá khứ đã nhỏ giọt vào tôi... nên ta không thể bỏ qua nó được...” Cái nhún vai của cô, khiến ngực cô sóng sánh đến là thích mắt, ngắt lời tôi. “Với tôi đó là một cách điên khùng để kể chuyện đời anh,” cô kêu, “nếu mãi mà anh chẳng đến được đoạn bố mẹ mình gặp nhau.”

... Và đương nhiên là Padma đang rĩ sang tôi. Trong khi lịch sử tràn ra từ cơ thể nứt nẻ của tôi, bông sen của tôi âm thầm nhỏ giọt vào, với đầu óc thực tế, sự mê tín đến phi lý, tình yêu đầy mâu thuẫn của cô dành cho những chuyện hoang đường - nên cũng là thích hợp khi tôi sắp kể câu chuyện về cái chết của Mian Abdullah. Con Chim ngân nga bạc mệnh: một huyền thoại thời chúng tôi.

... Và Padma là một phụ nữ bao dung, bởi cô đã bên tôi trong những ngày cuối này, dẫu tôi chẳng làm được gì nhiều cho cô. Đúng vậy - một lần nữa, đây là điều phải lẽ cần nói ra trước khi tôi nhảy sang chuyện của Nadir Khan - tôi không còn là đàn ông nữa. Bất chấp muôn vàn tài khéo và đủ kiểu sẵn sóc của Padma, tôi không thể rĩ sang cô, ngay cả khi cô gác chân trái lên chân phải tôi, quặp chân phải quanh eo tôi, ngả đầu lên đầu tôi và kêu lên gừ gừ; kể cả khi cô thì thầm vào tai tôi, “Sáng tác xong rồi, xem ta có bắt cái bút chì kia làm việc được không nào!”; bất chấp mọi cố gắng của cô, tôi không thể phụt vào ống nhô của cô được.

Tự thú thế đủ rồi. Khuất phục trước áp lực bất khả kháng mang tên Padma của chủ nghĩa rồi-sao-nữa, và nhớ đến khoảng thời gian hữu hạn tôi có trong tay, tôi nhảy một phát khỏi Mercurochrome và hạ xuống năm 1942. (Tôi cũng nóng lòng cho bố mẹ mình gặp nhau chứ.)

Có vẻ như cuối hè năm ấy, ông tôi, Bác sĩ Aadam Aziz, mắc phải một dạng bệnh lạc quan cực kỳ nguy hiểm. Đạp xe khắp Agra, ông huyết sáo rất chói tai, rất dở, nhưng hơn hở. Cố nhiên ông chẳng lẽ loi, bởi, bất chấp nỗ lực tốt bậc của nhà chức trách hòng dập tắt nó, dịch bệnh lây lan ấy đã bùng phát trên khắp Ấn Độ, và các biện pháp quyết liệt sắp được thực thi để có thể kiểm soát được bệnh dịch. Mấy ông cụ ở hàng trà trên đỉnh đường Cornwallis nhai trầu và dự báo có sự bất tường. “Tôi sống bằng này đã gấp đôi tuổi tôi đáng thọ,” cụ già nhất bảo, giọng cụ lạo xạo như cái đài cũ vì hàng thập niên đang cọ xát vào nhau quanh dây thanh đới, “mà chưa từng thấy đang con bĩ cực lại lắm người hơn hở đến thế. Nhất định là ma làm.” Đó, kỳ thực, là một thứ virus dẻo dai - riêng thời tiết lẽ ra đã đủ ngăn thứ vi trùng ấy sinh sôi, vì ai cũng thấy là năm nay sẽ hạn. Mặt đất nứt nẻ. Bụi nuốt sạch rìa đường, và có hôm từng vết nứt rộng hoác xuất hiện trên những giao lộ nện đá dăm. Mấy ông cụ nhai trầu ở hàng trà bắt đầu bàn tán về điềm báo; tự trấn an bằng trò phụt-ông-nhỏ, họ đoán già đoán non về vô số chuyện không tên trời mới biết là gì giờ đây có thể nảy ra từ mặt đất nứt nẻ. Hình như cái khăn xếp của tay người Sikh sửa xe đạp tự dừng bật khỏi đầu gã giữa cái nóng buổi chiều, còn tóc gã, chẳng hiểu tại sao, tự nhiên dựng đứng lên. Và, tầm thường hơn, nước đã khan hiếm đến mức dân bán sữa cũng không kiếm nổi nước sạch để pha vào sữa nữa... Ở phương xa, một cuộc Thế chiến nữa đang nổ ra. Ở Agra, cái nóng tăng dần. Nhưng ông tôi vẫn huyết sáo. Các ông cụ hàng trà cảm thấy tiếng huyết sáo của ông, giữa lúc như thế, có phần không hợp cảnh.

(Còn tôi, giống họ, phún xuất và vượt lên mọi nút rạn.)

Cưỡi trên xe đạp, chiếc cặp hành trang buộc ở gác-ba-ga, ông tôi huyết sáo. Bất chấp cơn khó chịu trên mũi, môi ông chu ra. Bất chấp vết bầm trên ngực đã hai mươi ba năm không chịu tan đi, nỗi phẫn khích của ông không hề suy suyển. Hơi thoát ra khỏi môi ông và hóa thành tiếng. Ông huyết sáo giao điệu Đức xưa: *Tannenbaum*.

Dịch bệnh lạc quan bắt nguồn từ một người duy nhất, mà tên ông ta, Mian Abdullah, chỉ riêng đám nhà báo là dùng. Còn với mọi người, ông là Chim ngân nga^[4], một sinh vật hẳn sẽ là hoang đường vì thử nó không tồn tại. “Áo thuật gia thành kẻ chiêu hồn^[5],” đám nhà báo tán, “Mian Abdullah nổi lên từ ghetto lừng danh của giới ảo thuật Delhi để trở thành hy vọng của một trăm triệu người theo đạo Hồi Ấn Độ.” Chim ngân nga là nhà sáng lập, chủ tịch, người hợp nhất và linh hồn xúc tiến Hội nghị Hồi giáo Tự do; năm 1942, lều rạp và diễn đàn mọc lên giữa quảng trường Agra, nơi phiên họp thường niên lần thứ hai của Hội nghị sắp diễn ra. Ông tôi, năm mươi hai tuổi, tóc bạc đi vì năm tháng và những niềm đau khác, bắt đầu huyết sáo khi đi qua quảng trường. Lúc này ông cưỡi xe lượn qua từng góc phố, bó những góc cua lả lướt, luôn lách giữa những bãi phân bò và lũ nhóc... và, vào một thời điểm khác, ở một nơi khác, bảo Quận chúa xứ Cooch Naheen bạn ông: “Tôi khởi đầu là người Kashmir và không hẳn là tín đồ đạo Hồi. Rồi tôi bị một vết bầm trên ngực, biến tôi thành người Ấn Độ. Tôi vẫn không hẳn là tín đồ đạo Hồi, nhưng tôi hết lòng ủng hộ Abdullah. Ông ấy chiến đấu cuộc chiến của tôi.” Mắt ông vẫn xanh màu trời Kashmir... ông về đến nhà, và dù đôi mắt vẫn còn một tia thỏa mãn, tiếng huyết sáo ngừng bật; bởi đợi ông trong mảnh sân đầy lũ ngỗng ác tâm là vẻ mặt khó chịu của bà tôi Naseem Aziz, người mà ông đã sai lầm khi yêu từng mảnh một, người giờ đây đã được hợp nhất và biến thành cái hình hài kỳ vĩ sẽ gắn liền với bà suốt đời, người luôn được biết đến với cái biệt danh kỳ lạ là Mẹ Bê trên.

[4] Hummingbird, tiếng Việt là chim ruồi. Loài chim này được gọi là humming (ngân nga) bird vì khi vỗ cánh phát ra âm thanh u u như tiếng hát. Người dịch dịch sát chữ cho phù hợp với tình tiết truyện.

[5] Nhan đề bài báo có ý chơi chữ: magician và conjurer đều chỉ người làm ảo thuật. Conjure nghĩa là dùng ma thuật triệu tập linh hồn, ám chỉ việc Mian Abdullah đứng ra triệu tập Hội nghị Hồi giáo Tự do.

Bà đã trở thành một phụ nữ to bè, già trước tuổi, với hai nốt ruồi to tướng như ti phù thủy^[6] giữa mặt; và bà cô thủ trong một pháo đài vô hình do bà dựng nên, một thành trì sắt đá của truyền thống và những điều xác tín. Hồi đầu năm, Adam Aziz đặt ảnh phóng to bằng người thật của cả gia đình để treo trên tường phòng khách; ba cô con gái và hai cậu con trai làm mẫu khá ngoan ngoãn, nhưng Mẹ Bê trên nổi đóa lên khi đến lượt. Sau cùng, tay thợ ảnh định rình chụp lúc bà bất ngờ, nhưng bà vớ lấy chiếc máy và đập nó tan tành ngay trên sọ anh chàng. May thay, anh ta sống sót; có điều không đâu trên thế gian này có một bức ảnh bà tôi cả. Bà không phải là người chịu bị nhốt vào cái hộp đen con con của bất kỳ ai. Với bà, phải sống trong nỗi nhục nhã để mặt trần, không che mạng, đã đủ lắm rồi - bà không đòi nào cho phép sự thật ấy được lưu giữ lại.

[6] Thời Trung cổ ở Châu Âu, người ta quan niệm những phụ nữ hành nghề phù thủy trên người sẽ có ba núm vú; núm thứ ba này (có thể là do đột biến gen, thịt thừa, nốt ruồi) là để nuôi quỷ. Hàng nghìn phụ nữ đã bị tòa án tôn giáo kết tội và hỏa thiêu căn cứ vào thuyết này.

Có lẽ việc buộc phải khỏa thân phần mặt, cộng với việc Aziz không ngừng yêu cầu bà nấp ở dưới ông, đã đẩy bà đến chỗ phẫn nộ quyết liệt; và những gia quy do bà thiết lập là một hệ thống tự vệ kiên cố đến nỗi Aziz, sau nhiều nỗ lực bất thành, phần nào đã từ bỏ ý định đột kích vô số công sự và thành lũy của bà, mặc bà, như một con nhện tự mãn cỡ bự, ngự trị cái lãnh địa bà đã chọn. (Và, có lẽ,

đó không phải là một hệ thống tự vệ, mà là một phương thức phòng vệ chống lại chính bà).

Trong số những thứ bà cấm cửa, có mọi vấn đề chính trị. Khi Bác sĩ Aziz muốn nói chuyện này, ông đến chỗ nữ Quận chúa bạn ông, và Mẹ Bề trên sung sĩa lên; nhưng không quá lắm, bởi bà biết những chuyến đi của ông đồng nghĩa với chiến thắng của bà.

Hai tâm điểm trong vương quốc của bà là nhà bếp và nhà kho. Cái đầu tiên tôi chưa vào bao giờ, song tôi nhớ đã dòm qua cánh cửa chớp bị khóa của nhà kho vào thế giới bí hiểm bên trong, thế giới của những giỏ sắt treo trên tường và phủ vải lanh cho khỏi ruồi, của những hộp thiếc mà tôi biết đựng đầy đường phèn và những đồ ngọt khác, của những chiếc rương bị khóa dán nhãn chính tề ngay ngắn, của các thứ hạt và củ cải và bao gạo, của trứng ngỗng và chổi cán gỗ. Nhà kho và bếp là hai lãnh địa không thể từ bỏ của bà, và bà bảo vệ chúng một cách hung tợn. Khi bà có bầu đứa con cuối cùng, di Emerald, chồng bà đề nghị gánh đỡ cho bà công việc nhàm chán là giám sát đầu bếp. Bà không đáp; nhưng hôm sau, khi Aziz đến gần bếp, bà xuất hiện với một cái nồi kim loại trên tay và đứng chặn trước cửa. Bà béo và lại đang bầu, nên lối vào chả còn bao nhiêu. Aadam Aziz cau mày. “Gì thế này, mình?” Bà tôi đáp, “Đây, cái gì không biết, là một cái nồi rất nặng; và nếu tôi tóm được ông vào đây dù chỉ một lần thôi, cái gì không biết, tôi sẽ nhét đầu ông vào đó, thêm tí dahi, và làm, cái gì không biết, một nồi korma.” Tôi không biết từ đâu bà tôi lại biến cái ngữ *cái gì không biết* ấy thành câu cửa miệng, nhưng theo năm tháng nó thâm nhập vào những câu nói của bà mỗi lúc một nhiều. Tôi cứ muốn nghĩ về nó như một tiếng kêu cứu vô thức... như một câu hỏi thực sự. Mẹ Bề trên đang ám thị với chúng ta rằng, bất chấp sự tồn tại và đồ sộ của mình, bà đang trôi dạt trong vũ trụ. Bà không biết, quý vị thấy đấy, cái đó gọi là gì.

... Và tại bàn ăn, với sự độc đoán, bà tiếp tục trị vì. Không món nào được bày ra bàn, không bát đĩa nào được dọn. Cà ri và bát đĩa được bày bố trên chiếc bàn phụ thấp bởi một tay bà, còn Aziz và lũ trẻ bà dọn cho gì thì ăn nấy. Chính bởi tính biểu trưng của quyền lực trong tục lệ này mà, ngay cả khi chồng bà bị chứng táo bón hành hạ, bà không một lần cho phép ông chọn món ăn, và không lắng nghe bất cứ thỉnh cầu hay lời khuyên nào. Pháo đài không chuyển động. Kể cả khi hoạt động của những sinh linh lệ thuộc nó trở nên bất thường.

Suốt thời gian dài ấu náu của Nadir Khan, và suốt những lần đến chơi ngôi nhà ở đường Cornwallis của anh chàng Zulfikar người si mê Emerald và của tay lái buôn reccine-và-vải-giả-da^[7] thành đạt có tên Ahmed Sinai người khiến bác Alia tôi tổn thương sâu sắc đến độ bà ôm hận suốt hai mươi lăm năm trước khi phát tiết một cách cay nghiệt lên mẹ tôi, vòng kim kẹp của Mẹ Bề trên với gia đình chưa từng rơi lỏng; và từ trước khi sự xuất hiện của Nadir kích phát sự im lặng đáng sợ, Aadam Aziz đã cố phá vỡ vòng kim kẹp này, và buộc phải tuyên chiến với vợ mình. (Tất cả những chuyện này nhằm để cho thấy tác động của bệnh lạc quan lên ông là khác thường đến mức nào.)

[7] Reccine cũng là một loại vải giả da, xuất xứ từ Rexine là tên một thương hiệu nổi tiếng của Anh.

... Vào 1932, mười năm trước đó, ông đã giành quyền kiểm soát việc học hành của các con. Mẹ Bề trên rất lo; nhưng đó là vai trò truyền thống của người cha, nên bà chẳng thể phản đối. Alia mười một; cô bé thứ hai, Mumtaz, xấp xỉ chín tuổi. Hai cậu bé, Hanif và Mustapha, lên tám và sáu, cô út Emerald chưa đầy năm tuổi. Mẹ Bề trên quay ra giải bày nỗi lo với người đầu bếp, Daoud. “Lão ấy nhồi vào

đầu lũ trẻ những tiếng gì ta cũng chịu, cái gì không biết, và đủ thứ rác rưởi khác, hẳn rồi.” Daoud quấy thức ăn và Mẹ Bề trên than thở, “Người có tưởng được là, cái gì không biết, con bé tự gọi mình là Emerald? Bằng tiếng Anh, cái gì không biết? Lão ấy rồi sẽ làm hỏng hết bọn trẻ. Rắc vừa thì là thôi, cái gì không biết, người liệu tập trung nấu nướng và bớt hóng hớt chuyện người khác đi.”

Bà đặt ra một điều kiện giáo dục duy nhất: dạy dỗ về giáo lý. Không như Aziz, bị giằng xé bởi nỗi mơ hồ, bà vẫn là người sùng đạo. “Ông có Chim ngân nga của ông,” bà nói, “còn tôi, cái gì không biết, tôi có Tiếng gọi của Chúa. Một tiếng tốt hơn, cái gì không biết, tiếng ngân nga của thằng cha ấy.” Đó là một trong những bình luận chính trị hiếm hoi của bà... thế rồi đến cái ngày Aziz tổng cổ ông thầy giáo lý. Ngón cái và ngón trỏ kẹp lấy tai vị maulvi. Naseem Aziz thấy chồng bà dắt ông lão bắt hạnh râu ria thông thướt ra cửa vườn; há hốc miệng; rồi rú lên khi cái chân chồng bà tiếp xúc với phần mỡ màng của con người khả kính kia. Nổi trận lôi đình, Mẹ Bề trên liền xung trận.

“Đồ không có nhân phẩm!” bà rủa chồng, “Đồ không biết, cái gì không biết, *nhục!*” Lũ trẻ đứng nhìn từ chỗ an toàn dưới mái hiên sau nhà. Và Aziz, “Bà có biết lão dạy con bà những gì không?” Và Mẹ Bề trên phóng câu hỏi đáp trả câu hỏi. “Có thứ gì là ông không từ để gieo tai ương, cái gì không biết, xuống cái nhà này không?” - Nhưng giờ Aziz, “Bà tưởng là chữ Nastaliq^[8] chứ gì? Hả?” - và vợ ông, tiếp tục khởi động, “Ông có ăn thịt lợn không? Cái gì không biết? Có nhò vào kinh Quran không?” Và, cao giọng, ông bác sĩ trả độn, “Hay là vài tiết của ‘Con Bò’^[9]? Bà tưởng thế à?”... Không thêm đề ý, Mẹ Bề trên đạt đến cực điểm: “Ông có gả con gái cho bọn Đức không!?” Rồi dừng lại, hào hển lấy hơi, để ông tôi nói ra, “Lão dạy chúng thù ghét, thừa bà. Lão dạy chúng thù ghét từ tín đồ Hindu đến đạo Phật đến đạo Kỳ Na đến đạo Sikh và những người ăn chay khác có giờ mới biết. Bà muốn con bà đầy thù hận à, đồ đàn bà?”

[8] Một thể văn tự của Ba Tư, phổ biến ở các nước Nam Á.

[9] Chương 2 của kinh Quran

“Ông muốn con ông vô đạo à?” Mẹ Bề trên mừng rỡ ra những binh đoàn của Đại thiên sứ Gabriel giáng hạ giữa đêm để giải lũ con dị giáo của bà xuống hỏa ngục. Bà có những hình dung rất sống động về hỏa ngục. Nó nóng như Rajputana^[10] tháng Sáu và mọi người đều bị bắt học bảy thứ tiếng... “Tôi xin thề, cái gì không biết,” bà tôi nói, “rằng sẽ không một mẫu thức ăn nào đi từ bếp của tôi vào mồm ông! Không, một mẫu chapati cũng không, đến chừng nào ông đón maulvi sahib về và hôn, cái gì không biết, chân ông ấy!”

[10] Ngày nay là Rājasthān, một bang ở Tây Bắc Ấn Độ, khí hậu sa mạc rất khắc nghiệt.

Cuộc chiến đói ăn khởi đầu ngày hôm đó suýt nữa đã trở thành một cuộc quyết đấu sinh tử. Giữ đúng lời thề, khi đến bữa, Mẹ Bề trên không dọn cho chồng, một tí gì, dù chỉ là cái đĩa không. Bác sĩ Aziz lập tức trả đũa, bằng cách dứt khoát tuyệt thực khi ra ngoài. Ngày qua ngày, năm đứa trẻ chứng kiến ông bố từ từ tiêu biến, trong khi bà mẹ lạnh lùng canh gác thức ăn. “Bố có biến mất hoàn toàn được không?” Emerald thích thú hỏi, rồi lo lắng thêm, “Bố đừng làm vậy nhé, trừ phi bố biết cách quay về lại.” Mặt Aziz xuất hiện những hốc lõm; mũi ông dường như cũng gãy đi. Cơ thể ông trở thành một chiến trường và mỗi ngày một mảnh của nó lại nổ tan tành. Ông bảo Alia, cô cả, đưa con hiểu biết: “Trong mọi cuộc chiến tranh, chiến trường chịu sự tàn phá nặng nề hơn cả hai bên tham chiến. Điều này là tất yếu.” Ông bắt đầu phải ngồi xe kéo khi đi thăm bệnh. Bác Hamdard kéo xe bắt đầu lo

lắng cho ông.

Quận chúa xứ Cooh Naheen phái sứ giả đến cầu xin Mẹ Bề trên. “Ấn Độ chưa đủ nhiều người chết đói hay sao?” sứ giả hỏi Naseem, và bà phóng ra một cái nhìn dữ dội của mãng xà^[11] đã sớm trở thành huyền thoại. Tay chấp lại đặt trên đùi, tấm dupatta bằng vải muslin quấn chặt vắt cổ chày quanh đầu, bà dùng cặp mắt không mí xuyên thấu những vị khách và bức mắt họ sụp xuống. Giọng họ hóa đá; tim họ đông cứng lại; và một mình trong phòng giữa đám đàn ông lạ mặt, bà tội ngời ngạo ngẩng, xung quanh là những ánh mắt cúi gằm. “Đủ nhiều, cái gì không biết?” bà kiêu hãnh thốt. “Hừm, có thể. Nhưng, cũng có thể chưa.”

[11] Basilisk: giống mãng xà trong truyền thuyết, ánh mắt có sức mạnh giết người.

Nhưng sự thật là Naseem Aziz rất lo lắng; vì trong khi cái chết vì đói của Aziz sẽ là minh chứng rõ ràng cho sự ưu việt của thể giới quan của bà so với của ông, bà không sẵn lòng làm quả phụ chỉ vì một nguyên tắc; có điều bà không tìm được lối thoát cho tình trạng ấy mà không phải nhượng bộ và mất mặt, và khi đã buộc phải để mặt trần, bà tội tuyệt không cam tâm mất một tí mặt nào.

“Sao mẹ không ốm đi ?” - Alia, đứa con hiểu biết, tìm ra giải pháp. Mẹ Bề trên vội vã rút lui chiến thuật, kêu rằng mình bị đau, tất nhiên là một cơn đau dữ dội, cái gì không biết, và nằm liệt giường. Khi bà vắng mặt, Alia chia nhành ô liu cho cha, dưới hình dáng một bát xúp gà. Hai ngày sau, Mẹ Bề trên ngời dậy (sau khi từ chối cho chồng khám bệnh lần đầu tiên trong đời), tiếp quản lại quyền lực, rồi với một cái nhún vai mặc nhận trước quyết định của con gái, đưa thức ăn cho Aziz cứ như thể đó chỉ là một chuyện hết sức nhỏ nhặt.

Đó là chuyện mười năm trước; thế nhưng, đến 1942, những ông cụ ở hàng trầu vẫn bị cảnh ông bác sĩ huyết sáo khơi dậy những ký ức buồn cười về lần vợ ông thiếu điều nữa đã khiến ông phải diễn trò biến mất, dù ông không biết cách quay trở lại. Mãi đến lúc trời tối họ vẫn huých nhau với những, “Ông có nhớ cái hồi...” và “Khô quắt lại y hệt bộ xương trên dây phơi! Ông ấy còn chả đạp nổi...” và “... tôi nói ông nghe, baba, mụ ấy làm được những chuyện gớm lắm. Tôi nghe nói mụ ta còn mợ cả giấc mơ của con gái, chỉ để biết chúng đang mưu tính gì!” Nhưng khi trời tối hẳn, trò huých nhau ấy cũng tàn, vì đã đến giờ thi đấu. Nhịp nhàng, trong yên lặng, họ nhai; rồi bỗng một cặp môi chum lại, nhưng thứ phun ra không phải là hơi gió. Không phải tiếng sáo, mà là một vòi nước trầu dài, độ phóng ra từ đôi môi già nua, và bay với sự chính xác tuyệt đối vào cái ông nhổ đồng thau cũ kỹ. Tiếng vỗ đùi và sự thán phục kêu “Kình, kình!” và, “Một phát quá cao thủ!” vang lên không ngớt... Quanh mấy ông lão, thị trấn nhật nhòa dần và trò chơi đêm không mục đích. Trẻ con chơi đánh vồng đuôi bắt và vẽ râu lên những tấm áp phích của Mian Abdullah. Và giờ mấy ông cụ đặt cái ông nhổ ra giữa đường, càng lúc càng xa chỗ họ ngồi, và phun những tia nước mỗi lúc một dài hơn về phía nó. Tia nước bay vẫn chuẩn. “Ồ quá đỉnh, yara!” Đám nhóc bụi đời chơi trò né qua né lại giữa những tia nước đỏ, đem trò thi gan này chồng lên môn nghệ thuật nghiêm túc phụt-ông-nhổ... Nhưng đây rồi một chiếc xe quân sự, lũ nhóc chạy tán loạn khi nó tới... đây, Chuẩn tướng Dodson, chỉ huy quân sự của thành phố, ngạt thở vì nóng... còn đây, viên A.D.C.^[12] của ông ta, Thiếu tá Zulfikar, đang chìa cho ông cái khăn. Dodson lau mặt; lũ nhóc chạy tán loạn; cỗ xe húc đổ cái ông nhổ. Một vùng chất lỏng đỏ sẫm, lẫn những cục nhỏ như máu, đọng lại thành một bàn tay đỏ lôm trong bụi đường và chỉ về quyền lực đang rút lui của Raj^[13] đây về kết tội.

[12] Viết tắt của aide-de-camp: sĩ quan phụ tá.

[13] Tên gọi chế độ cai trị của Anh tại tiểu lục địa Ấn Độ trước năm 1947; tên chính thức là “Đế quốc Ấn Độ thuộc Anh”

Hồi ức của một tấm hình mốc meo (có lẽ là tác phẩm của chính anh thợ ảnh tội nghiệp bị nện ung óc, vì mấy bức ảnh phóng to bằng người thật mà suýt nữa thì toi mạng): Adam Aziz, rạng rỡ vì chứng sốt-lạc-quan, bắt tay một người đàn ông trạc sáu mươi, típ người nôn nóng, sôi nổi, một lọn tóc bạc rủ xuống lông mày như một vết sẹo dễ gần. Đó là Mian Abdullah, con Chim ngân nga. (“Ông xem, Bác sĩ Sahib, tôi tập tành kỹ lắm. Ông muốn đâm vào bụng tôi không? Thử đi, thử đi. Người tôi cực ngon đấy.”... Trong ảnh, nếp gấp của chiếc áo trắng rộng giấu đi cái bụng, còn nắm tay ông tôi không siết lại, mà bị nuốt gọn trong bàn tay nhà cự ảo thuật.) Còn đằng sau, nhìn họ đầy độ lượng, là Quận chúa xứ Cooch Naheen, người đang trắng bợt ra từng mảng, một căn bệnh đã rỉ vào lịch sử và bùng phát trên diện rộng không lâu sau Độc lập... “Ta là nạn nhân,” Quận chúa thăm thì, qua đôi môi nhiếp ảnh vĩnh viễn không mấp máy, “nạn nhân bất hạnh của các mối quan tâm liên văn hóa của mình. Da ta là biểu hiện bên ngoài của chủ nghĩa quốc tế trong tâm hồn ta.” Phải, một cuộc đối thoại đang diễn ra trên bức ảnh này, khi, như những nghệ nhân nói tiếng bụng, những kẻ lạc quan gặp thủ lĩnh của họ. Đứng cạnh Quận chúa - nghe cho kỹ đây; sử học và phả hệ chuẩn bị gặp nhau! - là một gã lập dị, thịt nhão, bụng phệ, mắt như nước ao tù, tóc dài như thi sĩ. Nadir Khan, thư ký riêng của con Chim ngân nga. Chân gã, nếu không bị tấm ảnh đóng băng lại, sẽ nhấp nhồm vì bối rối. Gã lí nhí qua nụ cười ngớ ngẩn, gượng gạo, “Thật mà; tôi có làm thơ...” Tới đây Mian Abdullah ngắt lời, cái miệng với hàm răng nhọn sáng loáng oang oang: “Nhưng thơ gì! Ngàn ấy trang chẳng có nổi một vần!” Và Quận chúa, nhỏ nhẹ: “Một nhà thơ cách tân chẳng?” Và Nadir, bẽn lẽn: “Vâng.” Ghê gớm thay sự căng thẳng của cảnh tĩnh, bất động ấy. Sắc nhọn thay câu đùa ấy, khi con Chim ngân nga nói: “Thế thì đã sao; nghệ thuật là phải khơi dậy; nó phải nhắc nhở chúng ta về di sản văn chương huy hoàng của mình!”... Và đó có phải là một bóng đen, hay cái cau mày trên trán viên thư ký?... Giọng Nadir lí nhí trong bức ảnh đã mờ: “Tôi không tin vào nghệ thuật cao sang, Mian Sahib. Ngày nay, nghệ thuật là không phân đẳng cấp; thơ của tôi và ừm - trò chơi phụt-ống-nhỏ đều bình đẳng.”... Lúc này Quận chúa, vốn là người đôn hậu, đùa, “Chà, chắc ta phải để riêng một phòng; chuyên để ăn trà và phụt-ống-nhỏ. Ta có một cái ống nhỏ bằng bạc cực đẹp, khảm thanh kim thạch, các vị nhất định phải đến tập nhé. Hãy để trên tường nhoe nhoét những cú phun không chính xác của bọn ta! Ít ra đó cũng sẽ là những vết nhơ trung thực.” Và lúc này bức ảnh đã cạn lời; giờ tôi mới nhận thấy, bằng tâm nhãn, rằng từ đầu đến cuối con Chim ngân nga luôn nhìn ra phía cửa, ở sau vai ông tôi, ngoài rìa tấm ảnh. Đằng sau cánh cửa, lịch sử đang vẫy gọi. Con chim ngân nga nôn nóng muốn đi... nhưng ông đã ở bên chúng ta, và sự hiện diện của ông đã đem lại cho chúng ta hai sợi chỉ sẽ đeo đuổi tôi suốt những ngày còn lại: sợi dẫn đến ghetto của giới ảo thuật; và sợi kể câu chuyện về Nadir gã thi sĩ không vần, không động từ, và cái ống nhỏ bằng bạc vô giá.

“Vớ vẩn thật,” Padma của chúng ta nói. “Anh làm sao mà nói được? Thôi nghỉ đi; anh mệt quá nghĩ không nổi nữa rồi.” Nhưng khi tôi bảo cô rằng Mian Abdullah có cái đặc điểm kỳ lạ là ngân nga không dứt, ngân nga một cách kỳ quái, chẳng ra nhạc cũng chẳng ra không nhạc, lại như kiểu máy, tiếng ngân nga của động cơ hay máy phát điện, cô lại chấp nhận khá dễ dàng, nói vẻ hiểu biết, “Ừm, nếu ông ta đầy sinh lực như thế, cái đó tôi thấy chả có gì lạ.” Cô lại đóng tai lên rồi; nên tôi cũng hào hứng trở lại câu chuyện và kể rằng tiếng ngân nga của Mian Abdullah lên bổng xuống trầm tương ứng với cường

độ làm việc của ông. Đó là một tiếng ngân có thể xuống thấp tới mức gây nhức răng, còn khi lên đến ngưỡng cao nhất, điên cuồng nhất, nó có khả năng gây ra cơn cuồng dương cho bất kỳ ai ở gần. (“Arre baap,” Padma cười, “thảo nào đám đàn ông khoái ông ta thế!”) Làm thư ký cho ông, Nadir Khan liên tục bị cái quái tật gây rung của ông chủ hành hạ, và tai răng dương vật gã vĩnh viễn tuân theo mệnh lệnh của con Chim ngân nga. Thế thì, tại sao Nadir vẫn ở lại, bất chấp những cơn cuồng dương làm gã sượng sùng trước mặt người lạ, bất chấp những cái răng hàm đau nhức và một lịch làm việc thường kéo dài hai mươi hai tiếng trên hai tư? Không phải bởi vì gã coi đó là bổn phận của nhà thơ, phải tiếp cận trung tâm các sự kiện để truyền tải chúng vào văn chương - tôi tin thế. Cũng không phải vì gã mưu cầu danh vọng. Không: nhưng Nadir có một điểm chung với ông tôi, và thế đủ. Gã, cũng như ông, đã mắc bệnh lạc quan.

Như Adam Aziz, như vị Quận chúa xứ Cooch Naheen, Nadir Khan căm ghét Liên đoàn Hồi giáo (“Cái lũ bợ đỡ ấy!” nữ Quận chúa thốt lên bằng giọng nói trong như bạc, lên xuống từng quãng tám như người trượt tuyết. “Địa chủ với đặc quyền cần bảo vệ! Cái đây thì dính gì đến người theo đạo Hồi? Cả bọn kéo đến xun xoe người Anh rồi lập chính quyền cho họ, nên giờ đảng Quốc đại mới từ chối điều đó!”^[14] Đó là năm nghị quyết “Ra khỏi Ấn Độ” ra đời. “Mà hơn nữa,” Quận chúa phán, “bọn chúng bị điên. Không điên mà lại đòi chia cắt Ấn Độ?”)

[14] Năm 1935 nước Anh đồng ý trao trả quyền tự trị ở cấp tỉnh cho Ấn Độ. Năm 1937, khi bầu cử, đảng Liên đoàn Hồi giáo (Muslim League) thắng và lập ra chính quyền ở Bengal và Punjab, nhưng đảng Quốc đại thắng ở hầu hết các bang khác và từ chối chia sẻ quyền lực với đảng Hồi giáo ở các bang có đông người theo đạo Hồi.

Mian Abdullah, con Chim ngân nga, đã gằn như một tay dựng nên Hội nghị Hồi giáo Tự do. Ông mời thủ lĩnh của hàng chục phe nhóm Hồi giáo lập ra một liên minh lỏng lẻo làm giải pháp thay thế cho sự độc đoán và đặc quyền của phe Liên đoàn. Đây là một ngón chiêu hồn xuất sắc, vì họ đều đến dự cả. Đây là Hội nghị đầu tiên, tại Lahore; Agra sẽ chứng kiến phiên thứ hai. Những căn lều sẽ đông nghịt thành viên của các phong trào nông dân, các nghiệp đoàn lao động thành thị, các chức sắc tôn giáo và phe nhóm địa phương. Nó sẽ chứng kiến sự khẳng định điều đã được nêu ra tại phiên họp thứ nhất: đó là Liên đoàn, với yêu sách chia cắt Ấn Độ, không hề đại diện cho ai ngoài chính họ. “Họ đã quay lưng lại chúng ta,” áp phích Hội nghị viết, “và giờ lại tuyên bố chúng ta đứng sau ủng hộ họ!” Mian Abdullah phản đối chia cắt.

Trong cuộc vật lộn với dịch bệnh lạc quan, người bảo trợ cho con Chim ngân nga, Quận chúa xứ Cooch Naheen, không hề dă động đến những đám mây nơi chân trời. Bà không hề chỉ ra Agra là một cơ sở vững chắc của Liên đoàn Hồi giáo, chỉ nói “Anh bạn Adam, nếu con Chim ngân nga muốn tổ chức Hội nghị ở đây, ta sẽ không khuyên cậu ấy rời sang Allahabad.” Bà gánh toàn bộ phí tổn cho sự kiện mà không hề phàn nàn hay can thiệp; và không, phải nói thẳng là, né tránh việc gây thù chuốc oán trong thành phố. Quận chúa không sống như các tiểu vương Ấn Độ khác. Thay vì săn gà gô, bà cấp học bổng. Thay vì những xi căng đàn ở khách sạn, bà có chính trị. Vậy là bắt đầu có lời đồn thổi. “Đám học giả của mù ta, gồm, ai chả biết họ phải làm nhiệm vụ ngoại khóa. Họ đến phòng mù trọng bóng tối, và mù tuyệt không để họ thấy bộ mặt loang lổ của mù, nhưng mê hoặc họ lên giường bằng giọng hát phù thủy!” Adam Aziz chưa bao giờ tin là có phù thủy. Ông hân thưởng nhóm bạn hữu xuất chúng của bà, những người nói tiếng Ba Tư tự nhiên không khác gì tiếng Đức. Nhưng Naseem Aziz, nửa tin nửa ngờ những lời đồn về Quận chúa, không bao giờ thấp tùng ông tới phủ đệ của bà. “Nếu Thượng đế muốn con người nói nhiều thứ tiếng, bà lý luận, “thì sao lại cho mỗi người một cái lưỡi?”^[15]

[15] Trong tiếng anh chữ tongue (cái lưỡi) cũng có nghĩa là ngôn ngữ.

Vậy là không con bệnh lạc quan nào của con Chim ngân nga được chuẩn bị cho điều sắp xảy ra. Họ chơi phụt-ổng-nhỏ, và lờ đi những vết nứt trên mặt đất.

Đôi khi truyền kỳ làm nên hiện thực, và trở nên hữu ích hơn sự thật. Vậy thì, theo truyền kỳ - nghĩa là theo câu chuyện ngôi lê đã được trau chuốt của mấy ông cụ hàng trâu - Mian Abdullah sa cơ vì đã trót mua, ở ga Agra, một cái quạt lông công, mặc cho Nadir Khan cảnh cáo đó là điếm gở. Thêm nữa là, vào cái đêm của những mảnh trăng lưỡi liềm ấy, Abdullah đang làm việc với Nadir, nên khi văng trăng non mọc lên cả hai đều thấy nó qua cửa kính^[16]. “Mấy chuyện đó can hệ lắm,” mấy ông cụ nhai trâu bảo. “Bọn ta sống lâu lắm rồi, bọn ta biết.” (Padma gục gặc tán thành.)

[16] Theo quan điểm mê tín, nhìn thấy trăng non đầu tháng qua kính là điếm gở.

Văn phòng của Hội nghị đặt tại tầng trệt tòa nhà của khoa sử trong khuôn viên trường Đại học. Abdullah và Nadir sắp hoàn thành công việc buổi tối; tiếng ngân của con Chim ngân nga đang ở tông trầm và răng Nadir đang run cầm cập. Trên tường có một tấm áp phích, thể hiện tinh thần chống Chia cắt ưa thích của Abdullah, một câu thơ của nhà thơ Iqbal: “Có mảnh đất nào không phải là nước Chúa Trời?” Lúc này toán sát thủ vừa vào đến khuôn viên trường.

Sự thật: Abdullah có vô số kẻ thù. Thái độ của người Anh đối với ông luôn mập mờ. Chuẩn tướng Dodson không muốn ông có mặt ở đây. Có tiếng gõ cửa và Nadir ra mở. Sáu mảnh trăng non tiến vào phòng, sáu lưỡi dao cong trên tay sáu kẻ vận đồ đen, đeo khăn che mặt. Hai tên giữ chặt Nadir trong khi những tên còn lại xông vào con Chim ngân nga.

“Đúng lúc này,” mấy cụ già nhai trâu kể, “tiếng ngân của con Chim ngân nga bắt đầu lên cao. Cao nữa, cao mãi, yara, và mắt bọn sát thủ lồi ra khi thấy cái ấy dựng lều dưới áo choàng. Rồi - Allah, rồi! - những lưỡi dao bắt đầu hát và Abdullah hát to hơn, ngân cao lên cao mãi như chưa ngân nga bao giờ. Người ông chắc nịch và những thanh loan đao cong dài không dễ giết nổi ông; một bị gãy khi bổ vào một dẻ sườn, nhưng những lưỡi còn lại mau chóng nhuộm máu. Nhưng lúc này - nghe này! - tiếng ngân nga của Abdullah vượt ra khỏi ngưỡng nghe của tai người, đến tai lũ chó trong thành phố. Ở Agra có khoảng tám ngàn bốn trăm hai mươi con chó hoang. Đêm hôm đó, chắc chắn có con còn mải ăn, có con sắp chết; có con đang tăng tịu và có con không nghe thấy lời kêu gọi. Cứ cho là hai nghìn con đi; tức là còn sáu ngàn bốn trăm hai mươi con đã cẩu, tất cả đều quay đầu phóng về trường Đại học, nhiều con từ tận đầu kia thành phố băng qua đường tàu. Ai cũng biết chuyện này có thật. Ở thành phố tất cả đều trông thấy, trừ những ai lúc đó đang ngủ. Đàn chó phóng rầm rập, như một đạo quân, bỏ lại sau lưng vung vãi nào xương nào phân nào lông rụng... và Abdullahji vẫn ngân nga không dứt, ngân nga ngân nga, và những lưỡi dao vẫn hát. Còn điều này nữa: đột nhiên con mắt của một tên sát thủ phát nổ và rớt ra khỏi tròng. Sau đó người ta tìm thấy những mẩu thủy tinh vụn, bị giã nát trong lớp thảm!”

Họ tiếp, “Khi đàn chó đến nơi Abdullah đã thoi thóp và những lưỡi dao đã cùn... chúng đến như một bầy dã thú, chồm qua cửa sổ, không còn kính vì tiếng ngân nga của Abdullah đã chấn nát tất cả...”

chúng húc vào cửa chính đến khi gỗ vỡ ra... rồi tràn vào khắp nhà, baba!... con cụt chân, con rụng lông, nhưng đa số đều còn ít nhất mấy cái răng, trong đó lại có mấy cái sắc... Và phải thấy là: toán sát thủ hẳn không ngờ đến việc có kẻ can thiệp, bởi vì chúng không hề cất người gác; nên đàn chó tấn công hoàn toàn bất ngờ... hai tên giữ Nadir Khan, gã èo uột ấy, gục xuống dưới sức nặng của bảy thú, với khoảng sáu mươi tám con chó trên cổ..., sau đó bọn giết người bị cắn xé tơi bời đến nỗi không ai có thể nhận diện được chúng.”

“Một lúc nào đó,” họ kể, “Nadir nhào qua cửa sổ bỏ chạy. Bảy chó và đám sát thủ quá bận rộn nên chẳng đuổi theo gã.”

Chó? Sát thủ?... Nếu quý vị không tin, cứ kiểm tra đi. Khám phá về Mian Abdullah và những Hội nghị của ông. Phát hiện ra chúng ta đã quét câu chuyện về ông xuống dưới thảm ra sao... rồi tôi sẽ kể quý vị nghe Nadir Khan, phụ tá của ông, đã sống ba năm dưới thảm nhà tôi thế nào.

Hồi trẻ, gã ở chung phòng với một tay họa sĩ có những bức họa cứ lớn dần lớn dần lên khi anh cố gắng đưa cái toàn vẹn của cuộc sống vào tác phẩm. “Nhìn tôi xem,” anh nói trước khi tự sát, “tôi muốn thành một nhà tiểu họa, nhưng rốt cuộc cái tôi nhận được lại là bệnh chân voi!” Những sự kiện phi đại trong đêm của những lưỡi dao cong ấy khiến Nadir Khan nhớ đến anh bạn cùng phòng, vì một lần nữa cuộc đời, tai quái thay, không chịu ở yên kích cỡ đời thực. Nó trở nên quá kịch tính: điều đó làm gã bấn loạn.

Làm thế nào Nadir Khan chạy ngang thành phố giữa đêm mà không ai để ý? Tôi cho rằng điều này là bởi gã là một thi sĩ tồi, và do đó, là kẻ sống sót bẩm sinh. Khi gã chạy, trong gã phát sinh một nỗi hổ thẹn, cơ thể gã như muốn xin lỗi vì đã xử sự như trong một bộ phim giết gân rẻ tiền, thứ phim các hàng rong vẫn bán ngoài ga, hoặc cho không kèm theo mấy lọ thuốc màu xanh chữa bệnh cảm, thương hàn, liệt dương, nhớ nhà, và nghèo khổ... Đó là một đêm ẩm trời trên đường Cornwallis. Một chậu than đã hết nằm cạnh dãy xe kéo không người. Hàng trà đã đóng cửa và mấy ông lão đang ngủ trên sân thượng, mơ về cuộc đấu ngày mai. Một con bò mất ngủ, nhả nhai một bao thuốc Red & White, thơ thẩn đi qua một gã vô gia cư nằm thù lù một đống, có nghĩa là đến sáng gã sẽ thức dậy, vì cái giống bò không để ý đến người đang ngủ, trừ phi gã sắp chết. Rồi nó ngủ ngời ngời, về ngẫm nghĩ. Bò thiêng cái gì cũng ăn.

Ngôi nhà lớn, cũ kỹ bằng đá của ông tôi, mua bằng tiền bán cửa hàng đá quý và món hồi môn của lão Ghani mù, đứng trong bóng đêm, giữ một khoảng cách tôn nghiêm với con đường. Sau nhà là một khu vườn có tường bao và cạnh cửa vườn là gian nhà phụ thấp tè cho ông lão Hamdard và đứa con trai Rashid chạy xe kéo thuê với giá rẻ. Trước gian nhà phụ là cái giếng có bánh xe nước do bò kéo, từ đó các kênh dẫn nước chảy ra ruộng ngô nhỏ nằm dọc ngôi nhà ra đến cổng của bức tường vành đai chạy dọc đường Cornwallis. Nằm giữa ngôi nhà và mảnh ruộng là một con đường nhỏ cho khách bộ hành và xe kéo. Ở Agra xích lô đã bắt đầu thay thế xe kéo tay. Xe ngựa kéo vẫn làm ăn được, nhưng cũng thưa dần... Nadir Khan rút đầu chuồn qua cổng, ngồi xồm dựa vào bức tường vành đai giây lát, mặt đỏ bừng lên trong khi đá. Rồi, dường như hổ thẹn vì sự thô鄙 trong hành vi của mình, gã chạy ra ruộng ngô rồi chui tọt vào. Được những góc ngô xác xơ vì nắng che khuất phần nào, gã nằm xuống trong tư thế của một bào thai.

Cậu trai Rashid kéo xe đã mười bảy và đang trên đường từ rạp chiếu bóng về nhà. Sáng hôm ấy

cậu thấy hai người đàn ông đẩy một cỗ xe thập gấn hai tấm áp phích vẽ tay không lồ, áp lưng vào nhau, quảng cáo cho bộ phim mới *Gai-Wallah*, có Dev, diễn viên thân tượng của Rashid, thủ vai chính. **NÔNG HỒI SAU NĂM MƯỜI TUẦN VỮ BẢO Ở DELHI! VỪA KẾT THÚC SÁU MƯỜI BA TUẦN THIÊN XA Ở BOMBAY!** Cả hai tấm áp phích gào lên. **HAI NĂM LIÊN CUÔNG NHIỆT!** Bộ phim thuộc loại Viễn Tây phương Đông. Nhân vật chính, Dev, người không mảnh khảnh, một mình rong ruổi trên đồng cỏ, Trông khá giống bình nguyên Ấn-Hằng. *Gai-Wallah* nghĩa là bạn-của-bò và Dev vào vai một kẻ thể thiên hành đạo đơn thương độc mã bảo vệ loài bò. **MỘT MÌNH MỘT NGỰA!** và **HAI TAY HAI SÚNG!**, anh âm thầm bám theo những đàn gia súc được lừa qua đồng cỏ đến lò mổ, đánh bại đám chăn bò và giải cứu những con vật thiêng. (Bộ phim nhắm đến khán giả người Hindu; tại Delhi nó đã gây ra bạo loạn. Người theo Liên đoàn Hồi giáo lừa bò qua rạp chiếu phim đến lò mổ, và đã bị vây đánh.) Ca khúc và vũ điệu trong phim rất hay và có một vũ công rất xinh đẹp, cô sẽ còn duyên dáng hơn nếu không bị bắt múa với cái mũ cao bồi bốn mươi lít trên đầu. Rashid ngồi đây đầu ở tầng trệt^[17] và cũng nhập bọn huyết sáo reo hò. Cậu chén hai cái samosa, tiêu mát khá tiên; mẹ cậu sẽ bực nhưng cậu đã có một bữa vui. Trên đường đạp xe về, cậu dượt vài tuyệt chiêu cưỡi ngựa vừa xem trên phim, ngã thập người sang một bên, thả cho xe tự do đổ dốc, dùng cỗ xe theo cách *Gai-Wallah* dùng con ngựa để ẩn mình trước kẻ thù. Cuối cùng cậu nhôm dậy, bẻ tay lái và trong sự hào hứng của cậu cỗ xe êm ái lướt qua công phóng xuống con đường dọc ruộng ngô. *Gai-Wallah* đã dùng chiêu này để qua mặt một bọn chăn bò khi chúng ngồi giữa rừng cây bụi, uống rượu và đánh bạc. Rashid phanh xe lại và phi thân vào ruộng ngô, chạy **HẾT-TỐC-LỰC!** về phía mấy gã chăn bò không hề nghi ngờ, súng lên cò sẵn sàng. Khi đèn gân đồng lửa của chúng cậu thét lên “tiếng hét căm thù” để làm chúng sợ hãi. **YAAAAAAA!** Dĩ nhiên cậu không hét to thực sự ngay gần nhà Bác sĩ Sahib như thế, nhưng cậu vừa chạy vừa ngoác miệng ra, hét trong im lặng. **THÍCH! THÍCH!** Nadir Khan này giờ vẫn đang khó ngủ và lúc này gã mở mắt ra. Gã thấy - **EEEEYAAAH!** - một bóng người gầy gò hùng hổ lao về phía mình như một đoàn tàu chở thư, hét đến lạc giọng - nhưng chắc gã điếc rồi, vì chẳng nghe thấy tiếng gì! - và gã vừa đứng lên, tiếng la vừa buột khỏi đôi môi quá dày của gã, thì Rashid cũng thấy gã và hét lên thành tiếng. Đồng thanh rú lên kinh hãi, cả hai con ngựa bỏ chạy. Rồi thấy đôi phượng cũng chạy, họ đứng lại, sấm soi nhau qua những góc ngô khô quắt. Rashid nhận ra Nadir Khan, thấy quần áo gã tả tơi và thấy cực kỳ khó hiểu.

[17] Tầng trệt rẻ hơn tầng hai. Hàng đầu lại rẻ hơn cả vì quá gần màn hình. Chi tiết kín đáo nói về cái nghèo của cậu trai.

“Tôi là bạn,” Nadir ngớ ngẩn nói. “Tôi cần gặp Bác sĩ Aziz”

“Nhưng Bác sĩ đang ngủ, và không ở ruộng ngô.” Bình tĩnh nào, Rashid tự nhủ, không nói dóc dẫn nữa! Đây là bạn của Mian Abdullah!... Nhưng Nadir có vẻ không nhận thấy; mặt gã nhăn nhó đầy khổ sở, cố gắng nặn ra mấy chữ mắc kẹt như xơ thịt gà ở kẽ răng... “Tính mạng tôi,” rốt cuộc gã cũng thốt lên được, “đang bị đe dọa.”

Lúc này Rashid, vẫn tràn đầy khí phách của *Gai-Wallah*, trở thành cứu tinh. Cậu dẫn Nadir đến cánh cửa ở hông nhà. Cửa vừa chốt vừa khóa; nhưng Rashid giật một cái, ổ khóa đã bung ra trên tay cậu. “Đồ Ấn ấy mà,” cậu thì thầm, như thể điều đó giải thích tất cả. Và, khi Nadir đã bước vào, Rashid suyt khẽ, “Cứ tin tưởng tuyệt đối ở tôi, sahib. Sẽ cầm như hén! Thề có mái tóc muối tiêu của mẹ tôi.”

Cậu lắp lại cái khóa từ phía ngoài. Để thực sự cứu thoát cánh tay phải của con Chim ngân nga!... Nhưng khỏi cái gì? Khỏi ai?... À, có đôi khi, đời thực đẹp hơn là trên phim.

“Đấy á?” Padma hỏi, đôi chút ngờ ngàng. “Cái gã béo bệu chết nhất đấy á? Rồi hấn sẽ là cha anh

Chương 4: Dưới tấm thảm

Thế là kết thúc dịch bệnh lạc quan. Sáng ra một bà lao công vào văn phòng của Hội nghị Hồi giáo Tự do và phát hiện ra con Chim ngân nga, câm lặng, trên sàn nhà, xung quanh là vết chân chó và những mẩu vụn của bốn sát nhân. Bà ta rú lên; nhưng sau đó, khi nhà chức trách đã đến và đi, bà bị bắt quét dọn căn phòng. Sau khi quét đi vô số lông chó, đập chết vô khối bọ chét và hót từ thảm ra những mảnh vụn của một con mắt thủy tinh vỡ nát, bà khiếu nại với viên quản lý lao công của trường Đại học rằng, nếu những chuyện kiểu này còn xảy ra, bà đáng được lên lương chút đỉnh. Bà có lẽ là nạn nhân sau chót của virus lạc quan, và trong trường hợp của bà căn bệnh không kéo dài, vì viên quản lý, một tay rất rắn, đã đá đít bà luôn.

Đám sát thủ không bao giờ được nhận dạng, kẻ chủ mưu không bao giờ bị chỉ đích danh. Ông tôi được Thiếu tá Zulfikar, A.D.C. của Chuẩn tướng Dodson, mời đến hiện trường viết giấy chứng tử cho bạn mình. Thiếu tá Zulfikar hứa sẽ đến gặp Bác sĩ Aziz để gút lại một số tình tiết; ông tôi xì mũi và ra về. Ngoài quảng trường, những ngôi lều xếp xuống như hy vọng xì hơi; Hội nghị sẽ không bao giờ được tổ chức nữa. Quận chúa xứ Cooch Naheen ngã bệnh. Sau một đời coi nhẹ bệnh tật bà đã để chúng chế ngự mình, và nằm bất động nhiều năm, quan sát bản thân biến dần sang màu ga giường. Trong khi đó, tại ngôi nhà cũ trên đường Cornwallis, những ngày ấy đầy ắp các bà mẹ triển vọng và ông bố tiềm năng. Đây nhé, Padma: cô sắp được biết đến nơi rồi.

Sử dụng cái mũi (vì, mặc dù đã mất đi thứ năng lực từng giúp nó, chỉ mới đây thôi, làm nên lịch sử, nó đã có những năng khiếu khác để bù đắp lại) - hướng nó vào nội tâm, tôi đánh hơi thấy không khí trong ngôi nhà của ông tôi những ngày sau cái chết của niềm hy vọng ngân nga của Ấn Độ; xuyên qua năm tháng phẳng phất tìm đến mũi tôi là một hỗn hợp mùi kỳ dị, tràn ngập nỗi bất an, hơi những điều giấu giếm trộn lẫn với hương ái tình đương đậm chồi nảy lộc và mùi hôi gắt của sự tò mò và sức mạnh ở bà tôi... trong khi liên đoàn Hồi giáo mừng rỡ, tất nhiên là ngấm ngấm, trước sự gục ngã của đối thủ, chúng ta có thể tìm thấy ông tôi (mũi tôi lần ra ông) mỗi sáng đều ngồi trên thứ ông gọi là “thùng sấm sét”, nước mắt ứa ra. Nhưng đây không phải nước mắt đau buồn; đơn giản là Adam Aziz đã trả cái giá của sự Ấn Độ hóa, và bị chứng táo bón hành hạ khổ sở. Ánh mắt hải hùng, ông ngược nhìn cái dụng cụ thật ruột treo trên tường nhà vệ sinh.

Vì sao tôi lại xâm phạm sự riêng tư của ông tôi? Vì sao, trong khi tôi có thể thuật lại, sau cái chết của Mian Abdullah, Adam đã vui mình vào công việc ra sao, đã nhận về mình việc chăm sóc bệnh

nhân ở những khu ổ chuột gần đường sắt - giải cứu họ khỏi những gã lang băm chuyên tiêm nước hạt tiêu cho họ và nghĩ rằng nhện nướng chữa được bệnh mù thế nào - trong khi vẫn tiếp tục hoàn thành chức phận của một bác sĩ trường đại học; trong khi tôi có thể kể tường tận về tình yêu vĩ đại bắt đầu nảy nở giữa ông và cô con gái thứ hai, Mumtaz, người mà nước da đen đã chen vào giữa cô và tình yêu thương của mẹ, nhưng cái thiên tư hiền hậu, chu đáo và mong manh đã giành được sự yêu dấu của người cha với những giằng xé nội tâm vốn thiết tha cần đến đức dịu dàng không thắc mắc của cô; tại sao, trong lúc tôi có thể chọn việc kể về cơn ngửa nay-đã-thành-thường-trục trong mũi ông, tôi lại đắm mình vào hố phân? Vì đây là nơi Adam Aziz có mặt, buổi chiều sau khi ông vừa ký một tờ chứng tử, khi đột nhiên một giọng nói - mềm, hèn nhát, lúng túng, giọng của một gã thi sĩ không vắn - thốt lên với ông từ sâu trong cái tủ giặt to, cũ trong góc buồng, gây cho ông một cú sốc mãnh liệt đến mức nó tỏ ra có tác dụng nhuận tràng, và cái dụng cụ thụt ruột khỏi cần phải gỡ từ trên giá xuống nữa. Rashid cậu trai chạy xe kéo đã cho Nadir Khan vào căn phòng chứa hộp-sấm-sét qua lối đi của người quét dọn, và gã đã trón vào tủ giặt. Trong khi cái cơ vòng còn kinh ngạc của ông dần ra, tai ông nghe thấy một lời cầu xin nơi nung nấu, một lời cầu xin bị bóp nghẹt bởi vải lạnh, đồ lót bẩn, áo cũ, và sự lúng túng của người nói. Và, Adam Aziz đã quyết tâm che giấu Nadir Khan như thế.

Giờ là mùi một cuộc cãi cọ, vì Mẹ Bê trên Naseem đang nghĩ đến ba cô con gái, Alia hai một tuổi, Mumtaz da đen, lên mười chín và Emerald xinh tươi, phù động, chưa tròn mười lăm nhưng trong mắt đã có một ánh nhìn già dặn hơn tất cả những gì có ở hai cô chị. Trong thị trấn, giữa những người phụt-ông-nhỏ và kéo xe, giữa những người đẩy xe áp phích cũng như sinh viên đại học, ba chị em được gọi là “Teen Batti”, ba tia sáng lung linh... làm sao Mẹ Bê trên có thể cho phép một gã đàn ông lạ sống chung nhà với vẻ đoan trang của Alia, nước da đen, tươi sáng của Mumtaz, và đôi mắt của Emerald?... “Ông mất trí rồi; cái chết ấy đã tổn hại đến não ông.” Nhưng Aziz, kiên quyết: “Cậu ta sẽ ở lại.” Dưới hầm, vì che giấu luôn là một yếu tố kiến trúc thiết yếu được tính đến tại Ấn Độ, nên ngôi nhà của Aziz có rất nhiều phòng ngầm, chỉ có thể ra vào bằng cửa lật trên sàn nhà, được trải thảm bên trên... Nadir Khan nghe thấy tiếng âm âm trầm đục của cuộc cãi cọ và sợ cho số phận của mình. Lay Chúa (tôi nghĩ ra suy nghĩ của gã thi sĩ có bàn tay ướt nhep), thế giới này điên rồi... chúng ta có còn là người ở xứ này không? Hay là súc vật? Nếu mình phải đi, chừng nào mấy lưỡi dao kia sẽ tìm đến mình?... Và trong óc gã lướt qua hình ảnh những cái quạt lông công và vầng trăng non nhìn qua cửa kính biến thành một lưỡi dao đỏ lòn phập xuống... Trên tầng, Mẹ Bê trên nói, “Nhà thì toàn con gái trẻ chưa chồng, cái gì không biết; đây là cách ông tôn trọng con gái mình à?” Và giờ là mùi hương của sự mất bình tĩnh; cơn thịnh nộ có sức tàn phá khủng khiếp của Adam Aziz bộc phát, và thay vì chỉ ra rằng Nadir Khan sẽ ở dưới hầm, được quét xuống dưới thảm, nơi anh ta khó lòng phương hại được cọng bà^[1], thay vì đưa ra lời bảo chứng thích hợp cho ý thức của gã thi sĩ không vắn kia về nét đứng đắn, cái ý thức tiến bộ đến mức trong mơ gã cũng không thể có hành động thiếu đứng đắn mà không đổ mặt trong giấc ngủ; thay vì những nẻo đường của lý lẽ ấy, ông tôi gầm lên, “Câm đi, mẹ đàn bà! Cậu ta cần ta che chở: cậu ta sẽ ở lại.” Thế là bùng lên một mùi hương không khoan nhượng, một đám mây quyết tâm dày đặc vây phủ bà tôi, bà nói, “Được lắm. Ông dám bảo tôi, cái gì không biết, câm đi. Đã thế thì từ nay, không một chữ nào, cái gì không biết, sẽ ra khỏi môi tôi.” Và Aziz, rên rỉ, “Ồi, mẹ kiếp, đồ đàn bà, xin miễn cho mấy lời thề điên rồ của mẹ!”

[1] Quét xuống dưới thảm (sweep under the carpet) là một thành ngữ, có nghĩa là tránh nói đến một vấn đề gì đó, với hy vọng lâu ngày người ta sẽ quên nó đi. Ở đây câu này vừa mang nghĩa bóng vừa có nghĩa đen, vì Nadir bị giấu xuống dưới tấm thảm.

Nhưng môi Mẹ Bê trên đã được khâu chặt, và im lặng buông xuống. Mùi của im lặng, như một quả trứng ngỗng ung, lấp đầy mũi tôi; lần át tất cả, nó ngự trị mặt đất... Trong khi Nadir Khan ẩn mình dưới thế giới ngầm mờ tối, bà chủ nhà của gã cũng ẩn mình, sau bức tường triệt âm của sự vô thanh. Đầu

tiên ông tôi thăm dò bức tường, thử tìm kẽ hở; không thấy gì. Cuối cùng ông bỏ cuộc, và chờ đợi những câu nói của bà hé lộ những hình ảnh về nội tâm bà, như đã một lần ông khao khát từng mảnh nhỏ cơ thể bà mà ông được thấy qua tấm ga khoét lỗ; và im lặng tràn ngập ngôi nhà, từ tường sang tường, từ sàn lên trần, đến nỗi ruồi hình như cũng thôi vè vè, muỗi cũng cố nín không vo ve khi đốt; im lặng làm lắng đi tiếng xì xào của bầy ngỗng ngoài sân. Đầu tiên bọn trẻ nói thầm, thể rồi nín lặng: khi ở ruộng ngô, Rashid cậu trai chạy xe kéo đã hét “tiếng hét căm thù” trong lặng lẽ, và giữ lời thề im lặng của riêng cậu mà cậu đã thề trên mái tóc mẹ mình.

Giữa đám lầy câm lặng này, một tối nọ, xuất hiện một người đàn ông thấp lùn, đầu bẹt như cái mũ đội trên đó; chân cong như cây sậy trước gió; mũi gần như chạm vào cái cằm vênh ngược; và giọng nói, do vậy, mảnh và sắc - phải thể nó mới chui lọt cái khe hẹp giữa cơ quan hô hấp và xương hàm... một người đàn ông mà chúng cận thị buộc anh ta phải bước đời mình từng bước một, điều giúp anh ta được cái tiếng là kỹ lưỡng nhưng chậm chạp, và chiếm được cảm tình của thượng cấp nhờ tạo cho họ cảm giác được phục vụ chu đáo mà không bị đe dọa; một người đàn ông mặc bộ quân phục hồ cứng, ép phẳng lì, sặc mùi Blanco^[2] và sự chính trực, khắp người dậy lên, bất chấp ngoại hình của một nhân vật trong vở rối, mùi hương không lẫn đi đâu được của thành công: Thiếu tá Zulfikar, một người đàn ông có tương lai, đèn đèn, như đã hứa, gút lại vài đầu mối. Vụ ám sát Abdullah và sự mất tích đáng ngờ của Nadir Khan đang choán hết tâm trí anh ta, và vì biết việc Aadam Aziz nhiễm virus lạc quan, anh ta nhằm tưởng sự im lặng của ngôi nhà với sự trâm mặc xót thương, và không lưu lại lâu. (Dưới tầng hầm, Nadir ngồi thu lu với gián.) Ngôi lặng lẽ trong phòng khách cùng năm đứa trẻ, chiếc mũ và cây cần đặt cạnh, trên cái đài hiệu Telefunken, chân dung to bằng người thật của các cô cậu nhà Aziz trên tường nhìn anh chàng đăm đăm, Thiếu tá Zulfikar đem lòng yêu. Anh ta cận thị, nhưng anh ta không mù, và trong ánh mắt thành thực đến không tưởng của cô thiếu nữ Emerald, tia sáng lung linh nhất trong “ba tia sáng lung linh”, anh thấy cô hiểu thấu tương lai mình, và, bởi vậy, tha thứ cho ngoại hình của anh; và trước khi ra về, anh quyết định sẽ cưới cô sau một thời gian thích hợp. (“Đấy à?” Padma đoán. “Con bé lằng lơ ấy là mẹ anh à?” Nhưng vẫn còn các bà mẹ triển vọng, và các ông bố tương lai khác, thoang thoảng ra vào giữa chốn im lặng ấy.)

[2] Tên một thứ thuốc tẩy trắng chuyên dụng của quân đội Anh.

Trong thời gian lầy lội không lời đó, đời sống tình cảm của Alia nghiêm nghị, cô chị cả, cũng bắt đầu phát triển; và Mẹ Bề trên, bị giam trong nhà kho và nhà bếp, môi bị khâu kín, không thể - vì bà đã trót thề - bày tỏ sự nghi ngờ về gã lái buôn reccine và vài giả da trẻ tuổi hay đến chơi với con bà. (Aadam Aziz luôn bảo lưu quan điểm các con gái ông được phép có bạn trai.) Ahmed Sinai - “À ha!” Padma reo lên đắc thắng vì nhận ra - gặp Alia ở trường Đại học, và tỏ ra đủ thông minh với cô gái đầu óc, sách vở, với khuôn mặt mà trên đó cái mũi di truyền của ông tôi đã hình thành một vẻ thông thái siêu trọng; nhưng Naseem Aziz không yên tâm về anh chàng, bởi vì anh ta ly dị khi mới hai mươi. (“Ai mà chẳng một lần sai lầm,” Aadam bảo vợ, và tí nữa gây nên một trận cãi vã, vì bà thoáng cảm thấy có gì đó hơi quá riêng tư trong giọng điệu của ông. Nhưng rồi Aadam thêm, “Cứ để vụ ly dị của cậu ta nhạt đi độ một hai năm đã; rồi chúng ta sẽ cho ngôi nhà này được thấy đám cưới đầu tiên, với một căn rạp thật lớn trong vườn, rồi ca sĩ và bánh kẹo các thứ.” Điều này, bất chấp tất cả, là một ý tưởng hấp dẫn với Naseem.) Lúc này, thả bộ giữa những khu vườn quây tường của sự im lặng, Ahmed Sinai và Alia giao tiếp không cần lời nói; nhưng mặc dù tất cả đều chờ đợi lời cầu hôn, sự im lặng hình như đã lây sang cả anh, và câu hỏi ấy vẫn không hề được hỏi. Thời gian này trên gương mặt Alia xuất hiện sự nặng nề, một vẻ bi quan xạm xỉ mà cô sẽ chẳng bao giờ rũ bỏ được hoàn toàn, (“Ồ kia,” Padma trách tôi, “ai lại nói về người mẹ đáng kính của mình như thế.”)

Một điều nữa: Alia đã thừa kế xu hướng tăng cân ở mẹ. Cô rồi sẽ phình to dần lên theo năm tháng.

Còn Mumtaz, người từ bụng mẹ chui ra đen như nửa đêm thì sao? Mumtaz chưa bao giờ thông minh; cũng không xinh đẹp như Emerald; nhưng cô rất tốt, tận tụy, và cô độc. Cô dành thời gian bên cha nhiều hơn cả trong ba chị em, bảo vệ ông trước tâm trạng cáu kỉnh lúc này đang tăng cường vì con ngựa không dứt ở mũi; cô nhận về mình trách nhiệm chăm lo cho các nhu cầu của Nadir Khan, ngày ngày chui xuống thế giới ngầm của gã, mang theo thức ăn, chổi, và còn đồ cả “hộp sấm sét” cho gã, để đến người dọn vệ sinh cũng không thể đoán ra sự có mặt của gã. Mỗi khi cô chui xuống, gã cụp mắt lại; và không một lời, trong căn nhà câm ấy, được thốt ra giữa họ.

Mấy ông già phụt ông nhổ nói gì về Naseem Aziz? “Mụ ấy rình trộm giấc mơ của con gái, chỉ để biết chúng đang tính chuyện gì.” Phải, chẳng có lời giải thích nào khác, ai cũng biết quái sự vẫn xảy ra ở nước ta, cứ nhặt đại một tờ báo là thấy những mẩu tin lá cải hằng ngày về chuyện lạ ở làng này hay làng kia - Mẹ Bề trên bắt đầu mơ giấc mơ của các con gái. (Padma chấp nhận điều này mà không chớp mắt; nhưng cái người ta nuốt ngon lành như một viên laddoo thì Padma lại bác bỏ dễ dàng không kém. Mỗi thánh giả đều có những đức tin kỳ quặc của riêng mình.) Đấy, thế thì: ngủ trên giường mình về đêm, Mẹ Bề trên ghé thăm giấc mơ của Emerald, và phát hiện ở đây một giấc mơ khác - mộng tưởng riêng tư của Thiếu tá Zulfikar, là được sở hữu một biệt thự tiện nghi có bồn tắm cạnh giường. Đó là tham vọng tột đỉnh của viên Thiếu tá; và từ đó Mẹ Bề trên khám phá ra, không chỉ chuyện con gái bà đã bí mật gặp gỡ Zulfy của cô, ở nơi họ có thể tâm tình, mà cả chuyện tham vọng của Emerald còn lớn hơn của người yêu. Và (sao lại không?) trong giấc mơ của Adam Aziz bà thấy ông sải chân leo lên một ngọn núi ở Kashmir, với một lỗ hồng to bằng nắm tay ở bụng, và đoán rằng ông không còn yêu bà nữa, và thấy trước cả cái chết của ông; nên nhiều năm sau, khi nghe tin, bà chỉ nói, “Ồ, ta biết mà, rốt cuộc thì cũng.”

... Giờ thì chẳng bao lâu nữa, Mẹ Bề trên nghĩ, con Emerald nhà ta sẽ cho tay Thiếu tá của nó biết về vị khách dưới hầm; và ta sẽ có thể nói chuyện trở lại. Nhưng rồi một đêm bà lén vào giấc mơ của Mumtaz, con bé đen đúa mà bà chưa bao giờ yêu được vì nước da dân chài Nam Ấn của nó, và nhận ra là rắc rối chưa dừng lại ở đây; vì Mumtaz Aziz - giống như kẻ si mê cô dưới hầm - cũng đang yêu.

Không có bằng chứng. Sự xâm nhập giấc mơ - hay hiểu biết của người mẹ, hay trực giác của đàn bà, gọi nó là gì tùy quý vị - là một điều sẽ không có giá trị gì trước tòa, và Mẹ Bề trên biết rằng kết tội con gái làm trò trên bệ trong dậu dưới mái nhà cha mình là một chuyện rất nghiêm trọng. Thêm vào đó, có gì sắt đá đã len vào Mẹ Bề trên; bà quyết định không làm gì hết, tiếp tục im lặng, để Adam Aziz khám phá ra tư tưởng tân tiến của lão đã làm con cái hư hỏng đến mức nào - mặc cho lão tự phát hiện ra, sau một đời lão bắt bà im lặng với những quan niệm truyền thống đúng đắn của bà. “Một người đàn bà cay nghiệt,” Padma nói; và tôi tán thành.

“Sao?” Padma hỏi. “Có thật không?”

Phải: theo một nghĩa nào đó: thật.

“Có chuyện trên bệch trong dâu thật à? Dưới hầm? Không có cả người giám hộ?^[3]”

[3] Nguyên văn: chaperone, một phụ nữ lớn tuổi chịu trách nhiệm tháp tùng các thiếu nữ chưa chồng.

Hãy xét đến tình tiết - giảm nhẹ, nếu quả là có những tình tiết ấy. Những điều dường như hợp lệ trong lòng đất, sẽ thành lỗ bịch hay thậm chí sai trái giữa thanh thiên bạch nhật.

“Gã bệu đó làm chuyện ấy với cô gái đen khôn khổ? *Thật à?*”

Gã ở dưới đó cũng lâu rồi - đủ lâu để bắt đầu nói chuyện với lũ gián bay vè vè và sợ một ngày kia người ta sẽ đuổi gã đi và mơ thấy những lưỡi dao cong và bầy chó tru lên và ước giá như giá như con Chim ngân nga còn sống để khuyên gã phải làm gì, để phát hiện ra rằng không thể viết thơ trong lòng đất; rồi cô ấy xuất hiện mang theo đồ ăn và không nề hà đổ bỏ cho gã và gã cụp mắt xuống nhưng gã thấy một mắt cá chân như thể phát ra ánh sáng của lòng nhân ái, đen như màu của đêm trong lòng đất...

“Ai ngờ gã lại làm được chuyện đó.” Padma tỏ vẻ ngưỡng mộ. “Cái gã già béo vô dụng ấy!”

Và rốt cuộc trong ngôi nhà ấy, nơi mọi người, kể cả kẻ tị nạn dưới hầm lẫn trốn những kẻ thù vô diện, thấy lưỡi mình khô rang dính sát vào vòm họng; nơi hai cậu con trai phải ra tận ruộng ngô với cậu trai kéo xe để giỡn cợt về gái điếm và đo xem của ai dài hơn và lén lút thì thầm về ước mơ thành đạo diễn (giấc mơ của Hanif, đã làm kinh hãi bà mẹ chuyên xâm nhập giấc mơ của cậu, người tin rằng điện ảnh là sự mở rộng của kinh doanh nhà thổ); nơi cuộc đời đã bị biến thành dị dạng vì bị lịch sử đột nhập, rốt cuộc giữa cái tối tăm của thế giới ngằm gã không nhìn nổi nữa, gã thấy mắt mình từ từ ngược lên, qua một đôi dép xinh xắn đến cái quần thụng rồi đến chiếc kurta rộng rồi lên trên tấm dupatta, tấm vải của sự khiêm nhường, đến khi bốn mắt gặp nhau, thế rồi

“Thế rồi? Ở kia, baba, thế rồi sao?”

E thẹn, cô mỉm cười với gã.

“Hả?”

Và từ đó, thế giới ngằm xuất hiện những nụ cười, và có gì đó đã bắt đầu.

“Đào, thì đã sao? Anh định nói là chỉ có *thế thôi*?”

Chỉ thế thôi: cho đến tận ngày Nadir Khan xin gặp ông tôi - lời gã gần như không ai nghe rõ trong màn sương của im lặng - và hỏi cưới con gái ông.

“Khô thân cô gái,” Padma kết luận, “gái Kashmir vốn trắng như núi tuyết, riêng cô lại hóa ra đen. Chà, chà, có lẽ nước da làm cô khó kiếm được đám nào tử tế, chắc thế; mà gã Nadir ấy đâu có ngốc. Giờ thì họ sẽ phải cho gã ở lại, cho gã ăn, cho gã một mái nhà, còn gã chỉ việc chui nhủi như một con giun béo mẫm dưới lòng đất. Ừ, có lẽ gã chả ngốc tẹo nào.”

Ông tôi cố sức thuyết phục Nadir Khan rằng gã không gặp nguy hiểm nữa; đám sát thủ chết rồi, Mian Abdullah mới là mục tiêu thật sự của chúng; nhưng Nadir Khan vẫn mơ thấy những lưỡi dao biết hát, và van nài, “Chưa đâu, Bác sĩ Sahib; xin ngài, một thời gian nữa.” Vậy là một đêm cuối hè 1943 - một lần nữa trời lại hạn hán - ông tôi, giọng ông nghe thật xa xăm và ma quái trong ngôi nhà nơi chẳng có mấy lời được nói ra ấy, tập hợp các con trong phòng khách nơi treo chân dung chúng. Khi bước vào chúng mới thấy vắng mặt mẹ, bà đã quyết định tiếp tục giam mình trong phòng với tấm mạng nhện im lặng của mình; nhưng lại có một luật sư và (dù miễn cưỡng, Aziz đã chiều theo ý nguyện của Mumtaz) một giáo sĩ, đều do Quận chúa xứ Cooch Naheen đầu ồm cử đến, và đều “cực kỳ kín đáo”. Và Mumtaz cũng có mặt trong váy áo cô dâu, bên cạnh cô trên chiếc ghế đặt trước cái đài là thân hình quá khổ, tóc xuôi, gương ngáp của Nadir Khan. Và thế là đám cưới đầu tiên ở ngôi nhà là một đám cưới không lều bạt, không ca sĩ, không bánh kẹo và với số khách khứa tối thiểu; và sau khi nghi lễ đã kết thúc và Nadir Khan đã vén mạng che mặt cô dâu - gây cho Aziz một cú sốc đột ngột, làm ông trẻ lại trong giây lát, và trở về lại Kashmir, ngồi trên bục trong khi mọi người rắc tiền lên lòng ông - ông bắt các con thề không tiết lộ sự hiện diện dưới hầm của ông anh rể mới. Emerald, đầy miễn cưỡng, là người hứa cuối cùng.

Sau đó, Aadam Aziz bảo các con trai giúp ông mang đủ thứ đồ đạc xuống qua cánh cửa lật ở phòng khách: nào rèm nào nệm nào đèn và một chiếc giường lớn tiện nghi. Và cuối cùng Nadir cùng Mumtaz bước xuống căn hầm; cánh cửa lật khép lại, thăm trải ra và Nadir Khan, người yêu vợ một cách nhẹ nhàng nhất trong đám đàn ông, đưa cô xuống thế giới ngầm của gã.

Mumtaz Aziz bắt đầu sống một cuộc đời hai mặt. Ban ngày cô là một thiếu nữ chưa chồng, sống trinh bạch cùng song thân, học hành tàm tạm ở trường đại học, nuôi dưỡng cái thiên tính ân cần, cao thượng và nhẫn nại sẽ trở thành phẩm chất đặc trưng suốt đời cô, cho tới tận cái ngày cô bị những chiếc tủ giặt biết nói của quá khứ công kích, rồi bị nghiền bẹp gí như một tấm bánh tráng; nhưng về đêm, chui xuống qua một ô cửa lật, cô bước vào căn phòng tân hôn biệt lập, thấp đèn mà vị hôn phu bí mật của cô vẫn gọi là Taj Mahal, vì Taj Bibi là cái tên từng được dùng để gọi một Mumtaz khác - Mumtaz Mahal, vợ của Hoàng đế Shah Jehan, có nghĩa là “chúa tể thiên hạ.” Khi nàng mất, ông xây cho nàng một lăng tẩm được biến thành bát tử trên bư thiếp và hộp sô cô la, với những hành lang lộ thiên sức mùi nước đá và những bức tường phủ đầy graffiti, và có tiếng vọng vẫn được hướng dẫn viên hét thử cho du khách nghe dù đã có biển viết bằng ba thứ tiếng xin mọi người im lặng. Như Shah Jehan và Mumtaz của ông, Nadir và vị hôn thê da sạm của gã nằm kề bên nhau, và đồ vật khảm thanh kim thạch là đồng hành của họ vì nữ Quận chúa liệt giường sắp chết xứ Cooch Naheen đã gửi tặng họ làm quà cưới cái ống nhổ bằng bạc điêu khắc rất tinh xảo, khảm thanh kim thạch và dát đá quý. Trong cái biệt viện tiện nghi, thấp đèn ấy, đôi vợ chồng chơi trò chơi của mấy ông già.

Mumtaz gói trầu cho Nadir, nhưng lại không thích cái vị ấy. Cô nhớ nước nibu pani^[4]. Tia của gã đỏ, của cô xanh. Đây là thời gian hạnh phúc nhất đời cô. Về sau, cô nói, khi đột im lặng dài kia chấm dứt, “Lẽ ra sau này chúng con sẽ có con; có điều chuyện không ổn, vậy thôi.” Mumtaz Aziz suốt đời yêu trẻ con.

[4] Nước chanh.

Trong khi đó, Mẹ Bề trên trải qua những ngày tháng lờ đờ trong gong kìm của sự im lặng đã trở nên tuyệt đối đến mức cả những người hầu cũng nhận chỉ thị qua ngôn ngữ ký hiệu, và một lần lão đầu bếp Daoud vì mãi nhìn bà, cố hiểu những cử chỉ loạn xạ đến phát buồn ngủ của bà, và do đó không nhìn về nồi nước thịt sôi sục sắp sửa đổ xuống chân lão và nướng chín nó như một quả trứng năm ngón; lão há miệng hét nhưng chẳng có tiếng gì thoát ra, và từ đó lão đĩnh ninh mù già có phép phù thủy, và sợ hãi đến nỗi không dám nghỉ việc ở chỗ mù. Lão ở lại đến khi chết, đi cà nhắc quanh sân và bị lũ ngỗng đuổi đánh.

Những năm ấy không hề dễ dàng. Hạn hán dẫn đến chế độ khẩu phần, và với những ngày không thịt và những ngày không gạo kéo dài triền miên, thật khó khăn khi phải nuôi thêm một miệng ăn đang lẫn trốn. Mẹ Bề trên buộc phải tiêu lạm vào cái kho của bà, nó khiến cơn giận của bà đặc lại như nước xốt trên bếp lửa. Râu bắt đầu mọc ra từ những nốt ruồi trên mặt bà. Mumtaz lo lắng nhận ra mẹ cô mỗi tháng một phình to hơn. Những lời không nói ra được trong bà đang thổi bà phồng lên... Mumtaz có cảm giác da mẹ mình bắt đầu căng ra như chực vỡ.

Và Bác sĩ Aziz luôn vắng nhà ban ngày, lẩn tránh sự im lặng chết chóc, nên Mumtaz, người luôn ở dưới đất về đêm, hồi đó rất ít được gặp người cha cô yêu thương; còn Emerald đã giữ lời, không hề tiết lộ bí mật của gia đình cho viên Thiếu tá; nhưng ngược lại, cũng không cho nhà biết về mối quan hệ của cô với anh ta, mà theo cô là công bằng; và ở ruộng ngô Mustapha với Hanif và Rashid cậu trai xe kéo bắt đầu nhiệm sự đờ đẫn của thời kỳ ấy; và rớt cuộc ngôi nhà trên đường Cornwallis trôi dạt đến tận ngày mùng 9 tháng Tám năm 1945, khi mọi thứ thay đổi.

Lịch sử gia đình, dĩ nhiên, có những quy định cụ thể về chế độ dinh dưỡng. Người ta chỉ được nuốt và tiêu hóa phần nào được phép, những khẩu phần halal^[5] của quá khứ, đã vắt kiệt sắc đỏ, kiệt máu. Tiếc thay, như vậy khiến câu chuyện mất đi ít nhiều hương vị; do đó tôi sắp trở thành thành viên đầu tiên và duy nhất trong gia đình mạo phạm luật halal. Không cho giọt máu nào thoát khỏi thân thể câu chuyện, tôi đi đến cái phần không thể nói ra; và, không chút e dè, tiếp tục.

[5] Những loại thịt được phép ăn và được giết mổ theo đúng quy cách của luật đạo Hồi.

Sự kiện gì xảy ra vào tháng Tám năm 1945? Quận chúa xứ Cooch Naheen chết, nhưng đó không phải là cái tôi định kể, dù lúc từ giã cõi đời bà đã trắng bợt như ga giường đến nỗi khó mà nhìn ra bà trong bộ đồ ngủ; đã hoàn thành phận sự của mình là lưu lại cho câu chuyện của tôi cái ống nhổ bằng bạc, bà té nhị rút lui nhanh chóng... cũng năm 1945, mùa mưa vẫn về. Trong rừng già Miến Điện, Orde Wingate và lữ đoàn Chindit của mình, cũng như đạo quân về phe Nhật của Subhas Chandra Bose, đều bị dìm trong mùa mưa vừa trở lại. Những người biểu tình Satyagraha^[6] ở Jullundur, nắm bắt bạo động trên đường xe lửa, đều ướt sũng. Những vết nứt trên mặt đất khô hạn đã lâu bắt đầu khép miệng; khăn

mặt được chèn vào cửa ra vào và cửa sổ của tòa nhà trên đường Cornwallis, và phải vất vả thay liên tục. Muối sinh sôi từ những vũng nước trên khắp các lề đường. Và căn hầm - lăng Taj Mahal của Mumtaz - trở nên ẩm thấp, đến nỗi cuối cùng cô đổ bệnh. Những ngày đầu cô giấu không cho ai biết, nhưng khi mắt cô vằn đỏ và cô bắt đầu run lên vì sốt, Nadir, sợ cô viêm phổi, van nài cô gặp cha để ông khám bệnh. Cô nằm liệt nhiều tuần sau đấy trên chiếc giường thời con gái, và Aadam Aziz túc trực bên giường con, đắp khăn lạnh lên trán khi cô lên cơn sốt. Ngày mùng 6 tháng Tám bệnh phát. Sáng mùng 9, Mumtaz đã đỡ hơn và ăn được một ít thức ăn đặc.

[6] Triết lý đấu tranh chính trị phi bạo lực của Mahatma Gandhi.

Và giờ ông tôi đi lấy chiếc cặp da cũ có chữ HEIDELBERG đóng bằng sắt nung lên mặt da ở đáy cặp, vì ông đã quyết định rằng, do cô rất suy kiệt, tốt hơn ông nên khám sức khỏe toàn diện cho cô. Khi ông mở cặp, cô bắt đầu khóc.

(Và giờ chúng ta đã tới đây. Padma: đến rồi đây.)

Mười phút sau, quãng thời gian dài im lặng chấm dứt vinh viễn khi ông tôi gào lên, xộc ra từ phòng người bệnh. Ông rống lên gọi vợ, các con gái, các con trai. Phổi ông rất khỏe và âm thanh này đến tai Nadir Khan ở dưới hầm. Không khó khăn gì để gã đoán ra được nguyên nhân sự náo loạn ấy.

Cả gia đình tập hợp quanh chiếc đài trong phòng khách, dưới những bức ảnh không có tuổi. Aziz bế Mumtaz vào phòng và đặt cô lên chiếc ghế dài. Mặt ông rất đáng sợ. Quý vị hình dung được mũi ông cảm thấy thế nào chứ? Bởi ông đang ôm trong lòng một quả bom sắp phải ném xuống: đó là, hai năm sau ngày cưới, con gái ông vẫn là trinh nữ.

Đã ba năm từ ngày Mẹ Bè trên cấm khẩu. “Con gái, có đúng không?” Im lặng, vật vờ trong những góc nhà như một tấm mạng nhện rách, cuối cùng cũng bị thổi bay; nhưng Mumtaz chỉ gật đầu: Vâng. Đúng.

Rồi cô lên tiếng. Cô bảo cô yêu chồng và chuyện kia sau này rồi sẽ ổn. Anh là người tốt và chừng nào việc có con trở nên khả thi anh nhất định sẽ làm được chuyện ấy. Cô bảo hôn nhân không nên phụ thuộc vào chuyện ấy, cô nghĩ vậy, cho nên cô mới không muốn nhắc tới nó, và cha cô thật không phải khi lớn tiếng nói cho cả nhà biết như thế. Lẽ ra cô còn nói nhiều hơn; nhưng Mẹ Bè trên đã bùng nổ.

Ba năm lời lẽ trong bà tuôn trào (nhưng cơ thể bà, phải khấn cấp căng ra để chứa chúng, không hề co lại). Ông tôi đứng chết trân bên chiếc Telefunken khi bão tố trút xuống đầu. Đây là ý ai? Ai bày ra cái kế hoạch rò rỉ, cái gì không biết, cho quân hèn hạ không làm nổi đàn ông ấy đến ở cái nhà này? Cho gã ở đây, cái gì không biết, tự do như chim, cái ăn cái ở ba năm giờ, ông quan tâm gì đến những ngày không thịt, ông thì biết đâu gạo châu củi quế? Ai là kẻ nhu nhược, cái gì không biết, phải, kẻ nhu nhược đầu bạc đã cho phép cái đám cưới trái luân thường này? Ai đã dắt con gái mình vào, cái gì không biết, *giường* quân vô lại ấy? Đầu ai rớt những thứ ngu đàn khôn nạn chẳng ma nào hiểu nổi, cái gì không biết, nào ai mềm nhũn ra vì những tư tưởng ngoại quốc hoang đường đến nỗi đẩy con mình vào một đám cưới bất bình thường đến thế? Ai cả đời đã xúc phạm Chúa, cái gì không biết, và đây là báo ứng lên đầu ai? Ai đã gieo tai ương vào chính nhà mình... bà nhấc móc ông tôi đúng một giờ mười chín phút, và khi bà chấm dứt thì mây cũng kiệt nước và ngôi nhà đầy những vũng nước nhỏ. Và, trước khi bà kết thúc, cô út Emerald đã làm một điều hết sức kỳ lạ.

Hai tay Emerald giơ lên ngang mặt, gập lại thành nắm đấm, riêng ngón trỏ thò ra. Ngón trỏ thọc vào lỗ tai và dường như nhắc nhở Emerald khỏi ghé cho đến khi cô bỏ chạy, tay vẫn nút trên tai, chạy – HẾT TỐC LỰC! - mà không có tấm dupatta, ra ngoài phố, qua những vũng nước, qua cái gác xe kéo, qua hàng trầu nơi mấy ông già mới vừa thận trọng lộ mình ra giữa bầu không khí trong lành sau cơn mưa, và tốc độ của cô làm kinh ngạc lũ nhóc đang vào vị trí, đang chờ bắt đầu trò né qua né lại giữa những tia nước trầu, vì tất cả đều rất xa lạ với việc thấy một thiếu nữ, nhất lại là một trong ba Teen Batti, hoảng hốt chạy một mình qua những con phố sũng mưa với ngón tay nút tai và không có dupatta trên vai. Ngày nay, ở thành thị không thiếu gì các cô tiểu thư hiện đại, thời trang, không quấn dupatta; nhưng hồi ấy mấy ông cụ buồn bã chắt lưỡi, vì một phụ nữ không có dupatta là một phụ nữ không có danh giá, và không rõ vì sao Emerald Bibi lại quyết định để danh giá ở nhà? Mấy ông già thấy khó hiểu, nhưng Emerald hiểu. Cô nhìn thấy, rõ ràng, trong trẻo, trong bầu không khí sau mưa, rằng căn nguyên những rắc rối của gia đình cô chính là gã phệ hèn nhát (phải, Padma) trốn trong lòng đất kia. Nếu trừ bỏ được gã mọi người sẽ lại hạnh phúc như xưa... Emerald chạy không dừng bước đến khu Doanh trại. Nơi quân đội đồn trú; nơi Thiếu tá Zulfikar ở đó! Phá bỏ lời thề, đi tôi chạy đến văn phòng anh ta.

Zulfikar là một cái tên nổi tiếng với tín đồ đạo Hồi. Đó là tên thanh gươm hai mũi của Ali, cháu trai của Nhà Tiên tri Muhammad. Đó là thứ vũ khí thế giới chưa từng thấy bao giờ.

Ồ, phải: còn một chuyện nữa cũng xảy ra trên thế giới vào hôm đó. Một thứ vũ khí thế giới chưa từng thấy bao giờ đang được ném xuống người dân da vàng ở Nhật Bản. Nhưng tại Agra, Emerald sử dụng vũ khí bí mật của riêng cô. Nó có đôi chân vòng kiềng, lùn, đầu bẹt; mũi gần chạm cằm; nó ao ước một ngôi nhà lớn hiện đại có bồn tắm lắp ngay cạnh giường.

Chưa bao giờ Thiếu tá Zulfikar tuyệt đối tin chắc liệu Nadir Khan có đứng sau vụ ám sát con Chim ngân nga hay không; nhưng anh ta nôn nao chờ cơ hội làm sáng tỏ việc này. Khi Emerald kể cho anh ta về lăng Taj Mahal dưới lòng đất, anh ta phấn khích đến mức quên cả giận dữ, liền bỏ đến đường Cornwallis đem theo một tiểu đội mười lăm người. Họ xông vào phòng khách, dẫn đầu là Emerald. Dì tôi: sự phản bội mang gương mặt tuyệt mỹ, không dupatta, mặc quần thụng hồng. Aziz chết lặng nhìn toán lính cuộn tấm thảm phòng khách rồi nâng cánh cửa sập lên trong khi bà tôi ra sức vỗ về Mumtaz. “Đàn bà thì phải lấy đàn ông,” bà bảo, “chứ không lấy chuột, cái gì không biết! Con không phải xấu hổ khi bỏ, cái gì không biết, con sâu ấy.” Nhưng con gái bà vẫn khóc.

Không hề có Nadir dưới thế giới ngầm! Được tiếng gầm đầu tiên của Aziz đánh động, bị chôn vùi bởi nỗi bồn chồn tràn ngập lòng gã dễ dàng hơn trận mưa mùa gió chướng, gã biến mất. Cánh cửa lật của một trong mấy nhà vệ sinh bị bật tung - phải, đúng nơi gã từng gọi Bác sĩ Aziz từ chỗ ẩn náu trong tủ giặt, sao lại không. Chiếc “hộp sấm sét” bằng gỗ - một “ngai vàng” - nằm chổng chơ, cái bô trắng men trống không lăn lóc trên tấm thảm xơ dừa. Nhà vệ sinh có cửa thông ra con ngõ cạnh ruộng ngô; cửa mở toang. Nó vốn được khóa ở ngoài, nhưng chỉ bằng khóa Ấn Độ, nên rất dễ phá... và trong gian biệt viện dưới ánh đèn mờ của Taj Mahal, là cái ống nhỏ sáng bóng và một lời nhắn, gửi Mumtaz, do chồng cô ký, ba từ, sáu âm tiết, ba dấu chấm than:

Talaaq! Talaaq! Talaaq!

Tiếng Anh thiếu đi cái âm hưởng sét đánh của tiếng Urdu, và dù sao quý vị cũng biết nó nghĩa là gì. Tôi ly dị em. Tôi ly dị em. Tôi ly dị em.

Nadir Khan đã làm chuyện nên làm.

Ồi con thịnh nộ kinh hồn của Thiếu tá Zulfy khi biết con chim đã bay khỏi tổ! Trước mắt anh ta chỉ có một màu: đỏ. Ồi con giận có thể sánh ngang với trận lôi đình của ông tôi, dù chỉ hé lộ qua những cử chỉ nhỏ nhặt! Thiếu tá Zulfy, đầu tiên, lòng lộn đi ra đi vào trong niềm tuyệt vọng; sau cùng trấn tĩnh lại; và lao ra qua nhà tắm, qua ngai vàng, dọc ruộng ngô, qua cánh cổng bức tường vành đai. Chẳng thấy tấm hơi gì của gã thi sĩ không vằn béo bệu, tóc dài vừa đào tẩu. Nhìn bên trái: không có gì. Bên phải: cũng không. Chàng Zulfy điên dại cân nhắc, rồi cầm đầu chạy qua dây xích lô. Mấy ông già đang chơi phụt-ống-nhỏ và cái ống nhỏ đang để giữa đường. Lũ nhóc, né qua né lại giữa những tia nước trà. Thiếu tá Zulfy chạy, cầm đầu cầm cổ. Qua giữa mấy ông già và cái đích, song anh ta lại thiếu cái

lanh lẽ của lũ nhóc. Một khoảnh khắc thật đen đui: một tia nước đỏ bay thấp và mạnh bắn ngay chóc vào háng anh chàng. Một vệt ố như bàn tay tím lầy dừng cái quần nhà binh; siết chặt; chặn anh ta lại. Thiếu tá Zulfy khựng lại trong cơn cuồng nộ. Ôi, còn đen đui hơn; vì một đầu thủ thứ hai, tưởng rằng anh lính điên dại sẽ chạy tiếp, phun ra một tia thứ hai. Bàn tay đỏ thứ hai siết chặt bàn tay thứ nhất và tròn vện một ngày đen đui của Thiếu tá Zulfy... chậm rãi, quả quyết, anh ta bước tới cái ống nhỏ mà đá nó đi, vào đám bụi. Anh ta nhảy lên nó - một! hai! nữa! - giẫm nó bẹp rúm, và nhất định không cho thấy nó làm đau chân anh. Rồi, với ít nhiều kiêu hãnh, anh ta tập tễnh bỏ đi, quay lại chiếc xe đậu trước nhà ông tôi. Máy ông già nhặt lại cái đồ đựng vừa bị hành hạ tàn tệ ấy và bắt đầu gò nó lại hình dáng cũ.

“Em sắp lấy chồng,” Emerald bảo Mumtaz, “nếu chị không chịu khó vui vẻ lên một chút thì thật bất nhã. Mà chị cũng phải dặn dò em này nọ chứ.” Lúc này, dù mỉm cười với em gái, Mumtaz tự nhủ ở địa vị Emerald nói vậy thật quá hỗn xược; và, có lẽ chỉ vô tình, gia tăng áp lực lên cây bút chì cô dùng để vẽ hoa văn bằng phẩm henna lên lòng bàn chân em gái. “Nào!” Emerald ré lên, “Không cần phải cẩu thả! Em chỉ nghĩ ta nên cố gắng làm bạn của nhau.”

Quan hệ của mấy chị em đã có phần trở nên căng thẳng sau khi Nadir Khan mất tích; và Mumtaz không hề thích việc Thiếu tá Zulfikar (người đã quyết định không buộc tội ông tôi chứa chấp một đối tượng bị truy nã, và dàn xếp việc ấy với Chuẩn tướng Dodson) đến xin phép, và được phép, cưới Emerald. “Như thế khác nào tống tiền,” cô nghĩ. “Gì thì gì, còn Alia thì sao? Con gái lớn không nên lấy chồng sau chót, và xem chị ấy kiên nhẫn với anh lái buôn của mình thế nào.” Nhưng cô không nói gì, chỉ nở nụ cười nhẵn nại, dành trọn đức chu đáo của cô cho việc chuẩn bị lễ cưới, và bằng lòng chịu khó vui vẻ một chút; trong khi Alia tiếp tục chờ đợi Ahmed Sinai. (“Cô ấy sẽ chờ đến hết đời,” Padma đoán: chính xác.)

Tháng Một năm 1946. Lều rạp, bánh kẹo, khách khứa, hát hò, cô dâu ngất xỉu, chú rể đứng dờ như phỗng trước quá nhiều ánh mắt nhìn vào: một đám cưới linh đình... tại đây, anh lái buôn vải giả da, Ahmed Sinai, thấy mình hút vào câu chuyện với nàng Mumtaz vừa ly dị. “Em yêu trẻ con? - trùng hợp quá, tôi cũng thế...” “Em chưa có con à, cô gái tội nghiệp? À, thực tế là, vợ tôi không thể...” “Ôi, không; khổ thân anh quá; tâm tính cô ấy chắc xấu lắm nhỉ!” “...Ôi, như địa ngục... xin lỗi em. Cảm xúc mãnh liệt nó cuốn tôi đi.” “- Có sao đâu; anh đừng nghĩ đến nữa. Chị ấy có ném bát đĩa các thứ không?” “Có ném không ấy à? Một tháng liền chúng tôi phải ăn bằng giấy báo!” “Không, trời ơi, anh bốc phét ghê quá!” “Ôi, nào có ăn thua, có qua được mắt em đâu. Nhưng cô ấy có ném thật.” “Khổ thân anh quá.” “Không - em. Em mới khổ chứ.” Và nghĩ: “Người đâu mà duyên thế, bên cạnh Alia lúc nào trông anh ấy cũng rất buồn chán...” Và, “Cô gái này, mình chả để ý bao giờ, nhưng trời ơi...” Và, “thấy rõ là anh ấy yêu trẻ con; mà như vậy mình có thể...” Và, “... Ừm, quan trọng gì cái nước da...” Dễ nhận thấy là, khi cần phải hát, Mumtaz tìm được nhiệt tình để hòa vào mọi khúc ca; trong khi Alia vẫn im lặng. Cô đã bị bầm tím còn nặng hơn cả cha mình hồi ở Jallianwala Bagh; nhưng quý vị không thấy dấu vết gì ở cô.

“Chà, em gái u sầu, cũng đã biết yêu đời rồi đấy nhỉ.”

Tháng Sáu năm ấy, Mumtaz tái giá. Chị cô - học theo mẹ mình - sẽ không nói chuyện với em gái cho đến ngày, ngay trước khi cả hai qua đời, nhìn thấy cơ hội báo thù. Aadam Aziz với Mẹ Bè trên cố gắng, nhưng bất thành, thuyết phục Alia rằng chuyện như thế vẫn xảy ra, thà biết sớm còn hơn muộn, rằng Mumtaz bị tổn thương sâu sắc và cần một người đàn ông giúp cô vượt qua... và lại, Alia có đầu óc, cô sẽ ổn thôi.

“Nhưng, nhưng,” Alia nói, “có ai lấy sách làm vợ đâu.”

“Em đổi tên đi,” Ahmed Sinai bảo. “Đã đến lúc bắt đầu cuộc đời mới. Hãy vứt Mumtaz và Nadir Khan của cô ta ra cửa sổ, anh sẽ chọn cho em một cái tên mới. Amina. Amina Sinai: em thấy sao?”

“Anh nói sao cũng được, ông xã,” mẹ tôi đáp.

“Dào ôi,” Alia, đứa con khôn ngoan, viết trong nhật ký, “ai thèm dính vào ba cái trò cưới xin này? Không phải mình: không; không đời nào.”

Mian Abdullah là sự khởi đầu hụt của rất nhiều kẻ lạc quan; phụ tá của ông (cái tên không được nhắc đến tại nhà ông tôi) là ngoặt sai lầm của mẹ tôi. Nhưng đó là những năm hạn hán; rất nhiều mùa màng gieo trồng vào giai đoạn ấy rốt cuộc chẳng thu được gì.

“Chuyện gì xảy ra với gã bệu kia?” Padma bức bối hỏi, “Anh không định bảo là anh sẽ không *kể* đấy chứ?”

Chương 5: Lời tuyên bố công khai

Rồi đến một tháng Một hư ảo, một giai đoạn tĩnh lặng trên bề mặt đến mức tưởng như năm 1947 chưa hề bắt đầu. (Trong khi, dĩ nhiên, trên thực tế...) Khi mà Phái đoàn Nội các - gồm Pethick-Lawrence già cả, Cripps khéo léo, A.V. Alexander bình gia^[1] - chứng kiến kế hoạch chuyển giao quyền lực của mình đổ bể. (Nhưng dĩ nhiên, trên thực tế, chỉ sáu tháng nữa là đến...) Khi mà đức ngài toàn quyền, Wavell, biết rằng mình thế là hết, xong phim, hay nói theo ngôn ngữ biểu cảm của ta, funtoosh, (một điều, dĩ nhiên, trên thực tế, chỉ đây nhanh mọi sự, vì nó mở đường cho vị toàn quyền cuối cùng xuất hiện, người sẽ...) Khi mà Ngài Attlee hình như còn mãi định đoạt tương lai của Miến Điện với Ngài Aung San. (Trong khi, dĩ nhiên, trên thực tế, ông ta đang dăn dò viên toàn quyền cuối cùng, trước khi tuyên bố bổ nhiệm; vị toàn-quyền-cuối-cùng tương lai đang yết kiến đức vua và được trao đặc mệnh toàn quyền; cho nên sớm, sớm thôi...) Khi mà Hội đồng Lập hiến tạm ngừng hoạt động, dù chưa nhất trí được về bản Hiến pháp. (Nhưng, dĩ nhiên, trên thực tế, Bá tước Mountbatten, viên toàn quyền cuối cùng, sẽ đến với chúng ta bất kỳ lúc nào, với tiếng tích tắc vô tình, với lưỡi dao nhà binh có thể xẻ tiêu lục địa làm ba, với bà vợ chột cửa nhà vệ sinh ăn vụng ức gà.) Và giữa cái tĩnh lặng như gương mà qua nó người ta không thể thấy bộ máy không lồ đương rầm rập vận hành, mẹ tôi,

tân Amina Sinai phu nhân, trông vẫn bình lặng và không thay đổi mặc dù những điều lớn lao đang diễn ra dưới da bà, một sớm tỉnh dậy, với cái đầu ong ong vì mất ngủ và cái lưỡi đóng dày một lớp giác-ngủ-chưa-ngủ, bỗng thấy mình buột miệng nói lớn, mà không hề chủ định, “Mặt trời làm gì ở đây thế này, Allah? Mọc nhầm chỗ rồi.”

[1] Năm 1946, chính phủ Anh cử phái đoàn đại diện nội các sang Ấn Độ để đàm phán chuyển giao quyền lực với hy vọng thành lập thể chế liên bang. Dẫn đầu đoàn là ba nhân vật kể trên. Huân tước Pethick-Lawrence là Bộ trưởng Ngoại giao về Ấn Độ; Cripps là Chủ tịch Ủy ban Thương mại, Alexander là Chủ tịch Cao ủy Hải quân.

... Tôi phải ngắt lời mình. Hôm nay tôi không định thế, vì dạo này Padma tỏ ra khó chịu mỗi khi câu chuyện của tôi trở nên tự tri; mỗi khi, như một anh múa rối kém tài, tôi để lộ bàn tay điều khiển những sợi dây; nhưng tôi chỉ muốn nói một lời phản đối. Vậy nên chen giữa một chương mà, bằng sự tình cờ may mắn, tôi đặt tên là “Lời Tuyên bố Công khai”, tôi đưa ra (bằng ngôn từ mạnh nhất có thể) lời cảnh báo toàn diện về y học sau: “Một lão Bác sĩ N.Q. Baligga nào đấy,” tôi muốn công bố - từ trên mái nhà! Từ loa của các thánh đường! - “là một lão lang băm. Đáng bị nhốt lại, bị tước giấy phép và ném qua cửa sổ. Hay nặng hơn: phải hứng chịu trò lang băm của chính lão, phát cùi hủi vì một viên thuốc kê sai. Đồ ngu dốt khốn kiếp,” tôi nhấn mạnh, “có mắt như mù!”

Xả giận xong rồi, tôi phải tạm để mẹ mình nghĩ ngợi thêm chút nữa về hành vi kỳ quặc của mặt trời, để giải thích rằng Padma của chúng ta, kinh hãi vì tôi đề cập đến sự rạn nứt, đã bí mật phò thác cho lão Baligga - lão ju-ju này! lão lang vườn ấy! - và do đó, tên đại bịp ấy, kẻ tôi sẽ không hạ mình tô điểm bằng cách mô tả lão, liền mò đèn. Tôi, hoàn toàn ngây thơ và cũng vì Padma, đồng ý cho lão khám. Lẽ ra tôi phải sợ điều tồi tệ nhất; điều tồi tệ nhất là cái lão đem lại. Quý vị tin được thì cứ tin: lão lừa bịp ấy tuyên bố tôi nguyên vẹn! “Tôi không thấy nứt gì cả,” lão trầm giọng như đưa đám, nhưng khác Nelson tại Copenhagen^[2] ở chỗ lão không có con mắt sáng nào, cái mù của lão không phải là lựa chọn của thiên tài ngoan cường mà là tại ương tất yếu của ngu xuẩn! Đui mù, lão nghi vấn về tình trạng tâm lý của tôi, gieo nghi ngờ về độ tin cậy của tôi trong vai trò nhân chứng. Và còn nữa Chúa mới biết: “Tôi không thấy nứt gì cả.”

[2] Đô đốc Horatio Nelson của hải quân Anh. Trong trận chiến Copenhagen năm 1801, Nelson nhận được tín hiệu rút lui, giờ ông nhòm lên bên mắt chốt và nói: “Tôi không thấy tín hiệu gì hết.” Kết quả quân Anh giành chiến thắng, buộc Đan Mạch phải ngồi vào đàm phán.

Cuối cùng, chính Padma đã xua lão đi. “Không sao đâu, Bác sĩ Sahib,” cô nói, “chúng tôi sẽ tự chăm lo cho anh ấy.” Trên mặt cô tôi thấy một sự tự ý thức về lỗi lầm khờ dại của mình... Baligga thế là xéo, vĩnh viễn không trở lại những trang sách này. Nhưng lạy Chúa! nào nghề y – nghề nghiệp của Aadam Aziz - đã tụt xuống đến mức ấy? Đến cái bề phốt rặt những Baligga này? Sau cùng, nếu thế thật, thì ai cũng tự lo thân được chẳng cần bác sĩ... một điều đưa tôi trở về với lý do tại sao một sáng nọ Amina Sinai thức giấc với mặt trời trên môi.

“Nó mọc nhầm chỗ rồi!” bà buột miệng thốt lên; rồi, giữa cơn mụ mị đang tan dần của một đêm khó ngủ, nhận ra trong cái thảng ảo giác này mình đã trở thành nạn nhân của một trò ảo thuật ra sao, vì mọi chuyện chẳng qua là bà vừa thức dậy ở Delhi, tại nhà người chồng mới, nhìn ra hướng Đông, về phía mặt trời; nên sự thật của vấn đề là mặt trời vẫn ở đúng chỗ, chỉ có vị trí của bà là thay đổi... nhưng kể cả khi đã tiêu hóa xong suy nghĩ giản đơn ấy, và cất nó đi cùng nhiều nhầm lẫn tương tự bà gặp phải từ khi đến đây (vì sự lẫn lộn về mặt trời thường xuyên xảy ra với bà, như thể trí óc bà từ chối

tiếp nhận sự thay đổi của hoàn cảnh, vị trí mới, trên mặt đất của giường bà), có gì đó trong ảnh hưởng lộn xộn của nó vẫn lưu lại và khiến bà không thể thấy hoàn toàn thanh thản.

“Cuối cùng, ai cũng có thể sống vắng cha,” Bác sĩ Aziz bảo con gái khi chia tay; và Mẹ Bè trên bờ sùng, “Lại thêm một đứa con côi trong nhà, cái gì không biết, nhưng có sao, Muhammad cũng là con côi đấy thôi; và con cũng có thể nói vậy về Ahmed Sinai của con, cái gì không biết, ít nhất nó cũng là dân Kashmir một nửa.” Rồi, tự tay mình, Bác sĩ Aziz chuyển chiếc rương tôn xanh lên khoang tàu nơi Ahmed Sinai chờ cô dâu. “Món hồi môn này xét ra thì chẳng nhỏ nhưng cũng không quá lớn,” ông nói. “Chúng ta chẳng phải là crorepati^[3], con cũng biết. Nhưng chúng ta đã cho con đủ; Amina sẽ cho con nhiều hơn.” Trong chiếc rương xanh là: âm trà bằng bạc, sari thêu kim tuyến, những đồng vàng của các bệnh nhân hàm ơn biểu Bác sĩ Aziz, một viện bảo tàng trong đó những vật trưng bày tượng trưng cho những căn bệnh được chữa và những sinh mệnh được cứu. Lúc này Adam Aziz nhắc bổng con gái lên (bằng chính tay mình), trao cô, sau món hồi môn, vào vòng tay người đàn ông đã đổi tên và do đó đã tái sinh cô, bởi vậy theo một nghĩa nào đó đã trở thành cha đồng thời là chồng cô... ông đi (bằng chính chân mình) dọc sân ga khi đoàn tàu bắt đầu lăn bánh. Như một tay chạy tiếp sức ở cuối vòng đua, ông đứng đó, bị vây phủ giữa khối bụi và những người bán truyện tranh và cái hỗn loạn của những cây quạt lông công và quả vật và hết thấy cái huyền ảo trĩu trĩu của đám phu khuân vác ngồi xôm và bầy thú thạch cao trên xe đẩy khi con tàu vào guồng chạy về hướng thủ đô, bắt tốc độ đề vào vòng đua tiếp. Trên khoang tàu Amina Sinai phu nhân ngồi (nguyên đại nguyên kiện) gác chân lên chiếc rương tôn xanh, vì cao hơn một tấc nên không nhét vừa găm ghề. Với đôi xăng đan gác lên bảo tàng khóa kín đựng những thành tựu của cha mình, cô tăng tốc tiến vào cuộc đời mới, bỏ lại sau lưng Adam Aziz để ông dồn hết tâm huyết cho nỗ lực kết hợp các kỹ thuật của Tây y và hakim^[4], một nỗ lực sẽ từ từ khiến ông kiệt quệ, khiến ông nhận ra rằng sự thống trị của mê tín dị đoan, sùng thần bái quỷ và vô số điều huyền bí khác sẽ không bao giờ bị phá vỡ ở Ấn Độ, vì các hakim từ chối không hợp tác; trong khi ông già đi và thế giới trở nên ít thực hơn, ông bắt đầu hoài nghi đức tin của mình, nên trước khi ông nhìn thấy Chúa mà chưa bao giờ ông có thể tin hay không tin, có lẽ ông đang đợi chờ cuộc gặp gỡ ấy.

[3] Triệu phú (một crore là 10 triệu rupee) .

[4] Thầy thuốc điều trị theo phương pháp cổ truyền của đạo Hồi.

Khi tàu rời ga Ahmed Sinai bật dậy chốt cửa khoang lại rồi sập cửa chớp xuống, trước sự ngạc nhiên của Amina; nhưng rồi bỗng có tiếng thỉnh thỉnh ở ngoài, và có bàn tay vịn nắm đấm cửa cùng tiếng nài nỉ “Cho chúng con vào với, maharaj! Maharajin, bà có đấy không, bảo ông nhà mở cửa đi.” Và luôn như thế, trên mọi chuyến tàu trong truyện này đều có những nắm đấm ấy, những giọng nói ấy đập cửa van nài; trên tuyến Frontier Mail đi Bombay và mọi tuyến tàu nhanh những năm ấy; và nó luôn luôn đáng sợ, cho đến khi rút cuộc tôi là kẻ ở ngoài, cố sống cố chết bám chặt, cầu xin: “Kìa, maharaj! Cho con vào với, hỡi ngài tôn kính.”

“Dân lậu vé” Ahmed Sinai nói, nhưng không đơn giản như vậy. Họ là một lời tiên tri. Sẽ sớm có những lời tiên tri khác.

... Và lúc này mặt trời đang ở nhâm chỗ. Mẹ tôi nằm trên giường và thấy thấp thỏm; nhưng cũng háo hức vì điều vừa xảy ra trong bà và, cho tới lúc này, vẫn là bí mật của riêng bà. Cạnh bà, Ahmed Sinai ngáy hết cỡ. Ông không bị mất ngủ; không hề, bất chấp những rắc rối đã khiến ông đem về nhà một cái túi xám đựng đầy tiền và giấu dưới gầm giường khi tưởng Amina không để ý. Cha tôi ngủ ngon lành, cuộn mình trong sự bao bọc êm ái của thiên tư vĩ đại nhất ở mẹ tôi, điều hóa ra còn giá trị hơn

rất nhiều những thứ trong cái rương tôn xanh: Amina Sinai đã dành cho Ahmed món quà là sự ân cần không mệt mỏi của bà.

Không một ai nhần nại như Amina. Đen sậm làn da, long lanh đôi mắt, mẹ tôi sinh ra đã là người tỉ mỉ nhất trên đời. Cần mẫn, bà cắm hoa trên từng hành lang, từng căn phòng của ngôi nhà ở thành Delhi cũ; thăm được chọn với sự cẩn thận vô biên. Bà có thể bỏ ra hai mươi lăm phút nghĩ ngợi về vị trí của một cái ghế. Trước khi bà hoàn thành việc xây tổ ấm, tia tốt chỗ này một tí, sửa sang chỗ kia một tẹo, Ahmed đã thấy chỗ ở của gã mồ côi là mình đây trở nên đầy dịu dàng và yêu thương. Amina sẽ dậy trước ông, đút cần mẫn thôi thúc bà lau chùi mọi thứ, kể cả mấy tấm màn tre (đến khi ông bằng lòng thuê một hamal làm việc đó); nhưng điều mà Ahmed không bao giờ biết là năng khiếu của bà được áp dụng chuyên chú nhất và bền bỉ nhất không phải lên những ngoại vật trong cuộc sống của họ, mà là lên chính bản thân Ahmed Sinai ông.

Vì sao bà lấy ông? - Vì muốn nguôi ngoai, vì cần con cái. Nhưng đầu tiên chứng mất ngủ bao bọc não bà đã cản trở mục đích thứ nhất; còn con cái thì chẳng phải bao giờ cũng đến ngay. Vậy là Amina thấy mình mơ thấy một khuôn mặt thi sĩ không được phép mơ và tỉnh giấc với một cái tên không được phép nói ra trên môi. Quý vị hỏi: rồi bà làm thế nào? Tôi trả lời: bà nghiền răng và quyết tâm chấn chỉnh lại mình. Bà tự nhủ thế này: “Đồ ngu dốt vô ơn, mày không thấy bây giờ chồng mày là ai sao? Mày không biết một người chồng đáng được nhận những gì sao?” Để tránh sự tranh cãi vô bổ quanh câu trả lời đúng cho hai câu hỏi này, tôi xin nói rằng, đối với mẹ tôi, một người chồng đáng được nhận sự trung thành tuyệt đối, và tình yêu toàn tâm toàn ý. Nhưng có một khó khăn: Amina, đầu óc chất chứa Nadir Khan và bệnh mất ngủ, thấy mình không thể mang lại cho Ahmed Sinai những điều đó một cách tự nhiên. Vậy là, vận dụng cái thiên tư cần mẫn vốn có, bà bắt đầu rèn cho mình yêu ông. Để làm được điều đó bà chia ông, trong đầu bà, thành từng bộ phận cấu thành riêng rẽ, cơ thể cũng như hành vi, phân loại ông thành nào môi nào khẩu tất nào định kiến nào sở thích... tóm lại, bà đã mắc phải bùa phép của tấm ga giường khoét lỗ của cha mẹ mình, vì bà đã quyết tâm đem lòng yêu chồng theo từng mảnh một.

Mỗi ngày bà chọn một mảnh của Ahmed Sinai, và tập trung toàn bộ thân tâm vào nó cho tới khi nó trở nên hoàn toàn quen thuộc; cho tới khi bà thấy sự ưa thích dâng lên trong lòng rồi hóa thành cảm mến và, cuối cùng, tình yêu. Cứ như thế bà đi đến chỗ si mê giọng nói quá to của ông và cái cách nó chọc vào màng nhĩ bà làm bà rùng mình; và cái quái tật là luôn vui vẻ cho đến khi cạo râu xong - sau đó sáng nào cũng vậy, tính tình ông trở nên gay gắt, cục cằn, quy củ và xa cách; và đôi mắt kèn kèn ẩn chứa điều bà tin chắc là một nội tâm nhân hậu sau một cái nhìn mơ hồ u ám; và cái cách môi dưới ông trề ra so với môi trên; và cả chiều cao khiêm tốn khiến ông cấm tiệt bà đi giày cao gót... “Lạy Chúa,” bà tự nhủ, “xem ra ở mỗi người đàn ông có cả triệu thứ để yêu!” Nhưng bà không sùng bái. “Rốt cuộc,” bà thầm lý luận, “có ai thật sự hiểu người khác trọn vẹn?”, và tiếp tục học cách yêu và ngưỡng mộ thói ưa đồ nướng, tài trích thơ Ba Tư của ông, nếp nhăn giận dữ nơi chân mày ông... “Cứ thế này,” bà thầm nhủ, “sẽ luôn có gì đó mới mẻ ở anh ấy để yêu; và cuộc hôn nhân này sẽ chẳng thể nhàm chán được.” Cứ thế, một cách cần mẫn, mẹ tôi ổn định cuộc sống ở thành phố cũ. Cái rương tôn nằm im chưa mở trong cái tủ cũ.

Và Ahmed, không hề biết hay nghi ngờ, thấy bản thân và cuộc sống của mình chịu ảnh hưởng của

vợ, cho đến khi, từng chút một, ông trở nên giống - và sống ở một nơi giống - một gã đàn ông ông chưa từng biết trong một căn phòng dưới mặt đất ông chưa từng thấy. Dưới tác động của thứ nhân thuật mơ hồ đến nỗi có lẽ Amina không ý thức được mình đang thực hiện nó, Ahmed Sinai thấy tóc mình thưa dần, và phần còn lại trở nên xuôi và nhờn; ông nhận ra mình sẵn lòng để nó mọc chòm quá tai. Đồng thời, da dầy ông bắt đầu căng ra, đến khi biến thành cái bụng nhão, mềm mà tôi sẽ rất thường chết ngạt trong đó và không một ai trong chúng tôi, ở mọi cấp độ của ý thức, so sánh với sự mập lùn của Nadir Khan. Cô em họ xa Zohra bảo ông, là lời, “Anh phải ăn kiêng đi, anh giai, kéo chúng em chả chạm được đến anh mà hôn đâu!” Nhưng chẳng ăn thua gì... và từng chút một Amina tạo dựng ở Delhi Cũ một thế giới của nệm mềm và rèm trên cửa sổ, để ánh sáng càng ít lọt vào càng tốt... bà lên vải đen vào mảnh; và hết thấy những sửa đổi vụn vặt ấy góp phần vào cái kỳ công Hercules của bà, cái nhiệm vụ chấp nhận, từng mảnh một, rằng bà phải yêu một người đàn ông mới. (Nhưng bà vẫn dễ tổn thương trước hình ảnh trong mơ cầm kỳ của... và luôn bị hấp dẫn bởi những người đàn ông bụng mềm, tóc dài và xuôi.)

Từ thành phố cũ không thể nhìn thấy thành phố mới. Ở thành phố mới, một chủng tộc những kẻ chinh phục da hồng đã xây những cung điện đá hồng; nhưng nhà cửa trên những con ngõ hẹp của thành phố cũ đều nhồi ra, chen chúc, nhón nháo, chắn hết tầm nhìn của nhau về những dinh thự của quyền lực nhuộm sắc hồng. Hơn nữa cũng chẳng ai nhìn về hướng ấy. Ở những muhalla, hay khu dân cư của người đạo Hồi, tập trung quanh Chandni Chowk, người ta thỏa mãn với việc nhìn vào mảnh sân biệt lập của đời mình; với việc buông mảnh xuống cửa sổ và hiên nhà. Ở những con ngõ hẹp, đám thanh niên rồi việc nắm tay và ngoắc tay và hôn nhau khi gặp gỡ và đứng thành vòng tròn mông chia ra, mặt quay vào. Nơi này không có cây xanh, còn lũ bò thì tránh xa, biết rằng ở đây chúng chả thiêng gì. Chuông xe đạp réo liên hồi. Và vượt lên âm thanh chói tai ấy là tiếng rao của những hàng hoa quả rong: *Ai hoa quả dê-Ê, chà là ngon dê-Ê!*

Cùng những thanh âm này, vào buổi sáng tháng Một khi mẹ tôi và cha tôi đều đang có một bí mật giấu người kia, còn có tiếng lép kẹp bòn chòn của bước chân Ngài Muscapa Kemal và Ngài S.P. Butt; và tiếng lóc cóc liên hồi từ cái trống dugduggee của Lifafa Das.

Khi những bước chân lép kẹp đầu tiên vang lên trên những con hẻm ở muhalla, Lifafa Das cùng chiếc hộp vạn hoa và cái trống vẫn còn ở đâu đó khá xa. Bốn bàn chân lép kẹp xuống taxi và rảo bước trên mấy con ngõ hẹp; trong khi đó, ở ngôi nhà góc phố, mẹ tôi đứng trong bếp rang khichri cho bữa sáng và nghe lỏm cha tôi nói chuyện với cô em họ xa Zohra. Những bàn chân lép kẹp đi qua những người bán hoa quả và những kẻ rồi việc nắm tay nhau; mẹ tôi nghe lỏm: “...Đôi vợ chồng son nhà anh, em chả nhin được cứ phải đến ngắm, thật là *sieu sàng* khôn xiết!” Trong khi những bàn chân lại gần, cha tôi đổi màu thật sự. Hồi ấy ông đang ở vào độ chín của sự quyến rũ; môi dưới ông chưa trề lắm, nếp nhăn giữa hai hàng lông mày mới chỉ lờ mờ... và Amina, đang đảo khichri nghe thấy Zohra ré lên, “Ui, đồ mặt kia! Cơ mà anh trắng thật, anh giai ạ!...” Và ông cho cô ả nghe Đài phát thanh Toàn Ấn Độ tại bàn, điều Amina không được phép; Lata Mangeshkar đang ca một bản tình ca ai oán khi “Y như em, anh thấy hông,” Zohra tiếp tục “Chúng ta sẽ có những bé con hồng hào đáng yêu, một cặp trời sinh, nhì, anh giai, một đôi vợ chồng da trắng đẹp đẽ?” Những bàn chân vẫn lép kẹp và bàn tay vẫn đảo chảo khi “Da đen khổ thật đấy, anh giai nhì, sáng ra thức dậy đã thấy nó nhìn mình chằm chằm, và soi gương là thấy bằng chứng sự thấp kém của mình! Tất nhiên là họ biết; ngay dân da đen cũng biết da trắng đẹp

hơn, anh nghĩ vậy không?” Những bàn chân đã rất gần và Amina khệ nệ bước vào phòng ăn với cái nồi trên tay, hết sức tập trung kiểm chế bản thân, tự nhủ Sao ả phải đến đúng ngày mình có tin muốn nói kia chứ rồi lát mình còn phải xin tiền trước mặt ả. Ahmed Sinai thích bà nói ngọt khi xin tiền ông, thích bà phỉnh nó ra khỏi túi ông bằng sự mơn trớn và những lời âu yếm, đến khi cái khăn ăn trôi lên trên lòng ông khi trong quần ông có gì ngộ nguây; còn bà không màng, bằng sự cần mẫn bà đã học cách yêu cả điều này, và mỗi khi bà cần tiền sẽ có những vuốt ve và “Janum, cuộc sống của em, nhé...” và “... Tí chút thôi, để em làm mấy món ngon và trả hóa đơn...” và “Mình rộng rãi mà, đưa bao nhiêu tùy mình, em biết là sẽ đủ”... những thủ đoạn của lũ ăn mày và bà sẽ phải làm vậy trước mặt cô ả mắt thô lỗ hay cười rúc rích và nói chuyện dân da đen oang oang ấy. Những bàn chân đã ở sát cửa và Amina trong phòng khách với món khichri nóng hổi đã sẵn sàng, hết sức gần cái đầu ngu ngốc của Zhora, vừa lúc ả thốt lên, “À, ai có mặt thì không tính nhé, *tất nhiên rồi!*” để phòng xa, không rõ mình có bị nghe lỏm không, và “Kìa, Ahmed, anh giai, anh thật quá tệ khi nghĩ ý em muốn nói cả chị Amina dễ thương của chúng ta, người thật sự không quá đen mà chỉ như một phụ nữ da trắng đứng dưới bóng râm thôi!” Trong khi Amina với cái nồi trên tay nhìn mái đầu xinh đẹp kia và nghĩ Có nên không? Và, mình có Dám không? Rồi tự vỗ về bản thân rằng: “Hôm nay là một ngày quan trọng đối với mình; và ít nhất ả cũng nhắc đến chuyện con cái; bây giờ mình sẽ dễ nói...” Nhưng đã quá trễ, tiếng nức nở của Lata trên đài đã nhấn chìm tiếng chuông nên không ai nghe thấy lão Musa giúp việc ra mở cửa; Lata đã che lấp tiếng chân thập thỏm lép kẹp lên cầu thang; nhưng thỉnh linh chúng đã ở đây, bước chân của Ngài Musupha Kemal và Ngài S.P. Butt, đang lệt bệt dừng lại.

“Bè lũ bất lương vừa thực hiện một hành vi phá hoại!” Ngài Kemal, người gầy nhất mà Amina Sinai từng thấy, đã châm ngòi, bằng thứ cổ ngữ kỳ lạ (bắt nguồn từ tính thích tranh tụng của ông ta, hệ quả là ông ta đã nhiễm cái giọng điệu chốn pháp đình), một phản ứng dây chuyền của nỗi sợ hãi khôi hài, được ngài S.P. Butt nhỏ thó, the the, dặt dẹo, có gì hoảng loạn nhảy nhót như một con khỉ trong mắt, làm gia tăng đáng kể khi thốt lên bốn chữ này: “Phải, bọn hỏa tặc!” Lúc này Zohra trong một phản xạ kỳ quặc siết chặt cái đài vào ngực, bóp nghẹt Lata giữa hai bầu vú, rú lên, “Ôi Chúa ơi, Ôi Chúa ơi, hỏa tặc nào, ở đâu? Ở đây à? Ôi Chúa ơi tôi thấy rục lên rồi!” Amina đứng sững với khichri trên tay dăm dăm nhìn hai người đàn ông mặc âu phục trong khi chồng bà, bí mật giờ đã ném đi theo gió, râu đã cạo nhưng đồ chưa mặc, bật dậy hỏi, “Cái godown?”

Godown, gudam, kho hàng, quý vị gọi sao cũng được; nhưng Ahmed vừa hỏi xong thì một sự câm lặng đã vây phủ căn phòng, dĩ nhiên trừ giọng hát của Lata Mangeshkar vẫn vọng ra từ khe ngực Zohra; vì ba người đàn ông này cũng chung nhau một sản nghiệp lớn như vậy, tọa lạc tại khu công nghiệp ở ngoại ô thành phố. “Xin đừng là cái godown, Chúa phù hộ,” Amina âm thầm cầu khẩn, bởi việc kinh doanh reccine và vải giả da đang thuận lợi - qua Thiếu tá Zulfikar, giờ là sĩ quan phụ tá của Sở chỉ huy Quân sự tại Delhi, Ahmed Sinai đã ký được hợp đồng cung cấp áo giả da và khăn trải bàn không thấm nước cho chính Quân đội - và một số lượng lớn thứ nguyên liệu mà cuộc sống của họ trông vào được chứa ở kho hàng ấy. “Nhưng ai lại làm chuyện đó?” Zohra rền rĩ song ca với cặp vú biết hát của mình. “Bọn điên rồ nào lại sống ra xã hội giữa thời buổi này?”... và đây là lần đầu tiên Amina nghe thấy cái tên mà chồng mình giấu giếm, cái tên mà, vào thời ấy, gieo rắc nỗi khiếp sợ cho rất nhiều người. “Đó là Ravana,” S.P. Butt đáp... nhưng Ravana là tên con quỷ nhiều đầu; vậy thì, lẽ nào, mặt đất này đang đầy quỷ dữ? “Chuyện vớ vẩn gì thế?” Amina, thốt lên với lòng căm ghét mê tín dị đoan của cha mình, yêu cầu câu trả lời; và Ngài Kemal đáp ứng. “Đó là tên một bọn cùng đồ, thừa bà; một

phường những quân nghịch tặc đốt nhà. Giờ đang là thời loạn lạc; thời loạn lạc.”

Trong godown: từng súc từng súc vải giả da; và hàng hóa được Ngài Kemal nhập vào, gạo trà đậu lăng - ông ta thu mua số lượng lớn trên khắp cả nước, như một hình thức phòng vệ trước con quái vật đói khát lăm lăm nhiều mồm là quân chúng, bởi, bằng không, với ngần ấy cái đầu, nó sẽ ép giá cả giữa thời buổi sung túc xuống thấp (đến nỗi những thương gia một lòng kính Chúa sẽ chết đói trong khi con quái vật béo ra... Kinh tế học tức là khan hiếm” Ngài Kemal lập luận, “cho nên sự tích trữ của tôi không chỉ duy trì giá cả ở mức phải chăng, mà còn củng cố chính cơ cấu kinh tế.” Và trong kho còn có hàng dự trữ của Ngài Butt, đóng trong từng hộp các tông in dòng chữ AAG BRAND. Tôi không cần mách các vị rằng aag nghĩa là lừa. S.P. Butt là một nhà sản xuất diêm.

“Nguồn tin của chúng tôi, chỉ cho biết có một đám cháy tại khu công nghiệp,” Ngài Kemal nói. “Kho hàng chính xác chưa được xác định.”

“Nhưng sao lại là của ta.” Ahmed Sinai hỏi. “Tại sao, ta vẫn còn thời gian nộp tiền mà?”

“Nộp tiền?” Amina ngắt lời. “Nộp cho ai? Nộp cái gì? Minh, janum, cuộc sống của em, chuyện gì xảy ra thế?”... Nhưng “Ta phải đi thôi,” S.P. Butt nói, và Ahmed Sinai đi luôn, vẫn mặc bộ đồ ngủ nhàu nhĩ, lẹp kẹp bỏ ra khỏi nhà với ông bạn gầy và ông bạn dặt dẹo, bỏ lại món khichri chưa đựng đũa, mấy người đàn bà mắt tròn, Lata nghệt giọng, và lơ lửng trong không khí cái tên của Ravana... “một băng đảng những kẻ bất hảo, thừa bà; một lũ sát nhân vô đạo và táng tận lương tâm!”

Và những lời run rẩy cuối cùng của S.P. Butt: “Đám hỏa tặc Hindu khốn kiếp, Begum Sahiba. Nhưng người đạo Hồi chúng ta làm gì được?”

Người ta biết gì về Ravana? Rằng ngoài mặt nó tỏ ra là một phong trào chống đạo Hồi cuồng tín, phong trào mà, vào cái thời trước bạo loạn Chia cắt, cái thời đầu lộn có thể được vớt vớt ngay nhiên không bị trừng phạt giữa sân những giáo đường Thứ Sáu, không có gì là xa lạ. Rằng nó cho người, giữa nửa đêm, vẽ khẩu hiệu lên tường ở cả thành phố mới lẫn cũ: KHÔNG CHIA CẮT! HOẶC LÀ DIỆT VONG! DÂN HỒI LÀ BỌN DO THÁI CỦA CHÂU Á!, vân vân. Và rằng nó đốt trụi những nhà máy, cửa hiệu, kho hàng của người đạo Hồi. Nhưng không chỉ có vậy, và điều này thì ít người biết: đằng sau lớp mặt nạ hằn thù sắc tộc ấy, Ravana là một tổ chức kinh doanh được trù tính khôn ngoan. Những cú điện thoại nặc danh, những thư cắt dán từ báo được gửi đến các thương gia đạo Hồi, cho họ lựa chọn giữa hoặc trả một khoản tiền duy nhất, dứt điểm, hoặc nhìn cơ nghiệp của mình bị thiêu rụi. Điều lý thú là, chúng cho thấy mình rất giữ lời. Tuyệt không có lần thứ hai. Và chúng không nói chơi: văng những chiếc túi xám đầy tiền bảo kê, lửa sẽ liếm đến cửa hiệu nhà máy kho hàng. Đa số đều nộp tiền, thà như vậy còn hơn giải pháp mạo hiểm là tin vào cảnh sát. Cảnh sát, vào năm 1947, không phải là đối tượng người Hồi có thể trông cậy. Và người ta còn nói (tuy tôi không dám chắc việc này) rằng, khi thư tổng tiền đến, chúng gồm cả một danh sách “khách hàng mãn nguyện”, những người đã đóng tiền và yên ổn làm ăn. Ravana - như tất cả dân chuyên nghiệp - có giấy giới thiệu đảng hoàng.

Hai người đàn ông mặc âu phục, một vận đồ ngủ, chạy qua những con hẻm ở muhalla đạo Hồi đến chiếc taxi đang đợi họ trên Chandni Chowk. Họ thu hút những ánh mắt tò mò: không chỉ vì trang phục đa dạng của họ, mà còn bởi họ cố không chạy. “Đừng tỏ ra sợ hãi,” Ngài Kemal nói, “Bình tĩnh thôi.” Nhưng chân họ cứ mất kiểm soát và chạy cuống lên. Một cách giật cục, cứ chạy hộc tốc được một quãng lại đi bộ mấy bước chẳng theo lề lối gì, họ rời khỏi muhalla; và, trên đường, vượt qua mặt một thanh niên với chiếc hộp vận hoa bằng sắt sơn đen có bánh xe, tay cầm cái trống dugdugee: Lifafa Das, đang trên đường đến địa điểm sắp diễn ra lời truyền tin quan trọng^[5] đã mang lại cái tên cho chương sách này. Lifafa Das lắc trống và rao: “Lại xem vận vật đi, lại xem vận vật đi, lại xem đi! Lại xem Delhi, lại xem Ấn Độ, lại xem đi! Lại xem, lại xem đi!”

[5] Theo Kinh Thánh Đại thiên sứ Gabriel báo cho đức Mẹ Maria biết bà sẽ mang thai con của Chúa. Tin đồn Thiên Chúa giáo kỷ niệm sự kiện này bằng lễ Truyền tin (Annunciation) vào ngày 25 tháng Ba hằng năm.

Nhưng Ahmed Sinai còn những thứ khác phải xem.

Bọn trẻ con ở muhalla đặt biệt hiệu cho hầu hết cư dân ở đây. Một nhóm ba người hàng xóm được gọi là “ba gã gà chọi” vì họ gồm một tay người Sindh và một tay người Bengal, hai nhà bị ngăn cách bởi một trong vài hộ người Hindu hiếm hoi của muhalla. Hai tay người Sindh và Bengal có rất ít điểm chung - họ không nói cùng thứ tiếng hay nấu cùng loại thức ăn: nhưng họ đều là tín đồ đạo Hồi, và đều ghét tay người Hindu ở giữa. Họ đổ rác sang nhà gã từ sân thượng. Họ văng những câu chửi đa ngôn ngữ vào gã từ cửa sổ. Họ ném thịt vụn trước cửa nhà gã... trong khi gã, để trả đũa, thuê lũ nhóc ném đá vào cửa sổ hai nhà kia, những hòn đá gói trong những bức thông điệp; “Chờ đấy,” thông điệp viết, “rồi sẽ đến lượt mày”... lũ trẻ ở muhalla không gọi cha tôi bằng tên thật. Chúng gọi ông là “người không theo nổi cái mũi của mình”.

Ahmed Sinai là người sở hữu một khả năng định hướng kém cỏi đến nỗi, nếu để ông tự xoay xở, ông có thể bị lạc ngay giữa những ngõ ngách vòng vèo ở gần nhà. Đã nhiều lần lũ nhóc bụi đời tình cờ bắt gặp ông đang lang thang trong tuyệt vọng, và được ông cho hẳn một chavanni bốn anna^[6] để hộ tống ông về nhà. Tôi nhắc đến điều này vì tôi tin rằng cái năng khiếu rẽ nhầm đường này của cha tôi không chỉ hành hạ ông suốt đời; nó còn là lý do khiến ông say mê Amina Sinai (bởi vì nhờ có Nadir Khan, bà đã cho thấy mình cũng có thể rẽ nhầm đường); và, hơn thế nữa, sự bất lực không thể đi theo cái mũi của chính mình ở ông đã rõ sang tôi, trong chừng mực nào đó đã che mờ cái di sản khừu giác mà tôi thừa kế từ những nơi khác, và khiến tôi, suốt nhiều năm ròng rã, không thể đánh hơi ra con đường đúng... Nhưng giờ nói thế đủ rồi, vì tôi đã cho ba thương gia đủ thời gian đến được khu công nghiệp. Tôi chỉ nói thêm rằng (theo quan điểm của tôi là hệ quả trực tiếp từ việc ông thiếu khả năng định hướng) cha tôi là một người, ngay giữa thời điểm thắng lợi vẫn tỏa ra mùi hôi của thất bại ở tương lai, cái hơi hám của một cú rẽ nhầm ở ngay góc phố trước mặt, một thứ mùi không thể gột sạch bằng những lần tắm rửa thường xuyên. Ngài Kemal, người ngửi ra nó, nội riêng với S.P. Butt: “Mấy gã Kashmir này, ông bạn ạ: có tiếng là không tắm bao giờ.” Sự vu khống ấy gắn kết cha tôi với lão lái dò Tai... Tai trong gọng kìm của cơn thịnh nộ tự diệt khiến lão từ bỏ việc làm người sạch sẽ.

[6] Một rupee = 4 chavanni; một chavanni = 4 anna.

Tại khu công nghiệp, những người gác đêm đang ngủ ngon lành giữa tiếng ồn ào của xe cứu hỏa. Tại sao? Thế nào? Vì họ đã có giao ước với băng Ravana, và, khi được báo trước về cuộc viếng thăm

sắp tới của chúng, lẽ làm một liều thuốc ngủ và kéo mấy cái giường charpoy ra xa các tòa nhà trong khu công nghiệp. Bằng cách này, băng Ravana tránh được bạo lực, còn mấy tay gác đêm thì cải thiện được đồng lương bèo bọt. Đó là một sự dàn xếp hữu hảo và chẳng phải là không thông minh.

Đứng giữa những người gác đêm đang ngủ, Ngài Kemal, cha tôi, và S.P. Butt nhìn chỗ xe đạp bị hỏa táng bốc lên bầu trời theo những đám mây đen kịt. Butt cha Kemal đứng bên mấy chiếc xe cứu hỏa, lòng ngập tràn nhẹ nhõm, vì đó là godown của Arjuna Indiabike đang cháy - cái thương hiệu Arjuna, lấy tên vị anh hùng trong thần thoại Hindu, không che giấu được sự thật là công ty này thuộc về người đạo Hồi. Tắm trong cảm giác nhẹ nhõm, cha Kemal Butt hít thở bầu không khí ngập ngụa xe đạp bị phóng hỏa, ho khạc sặc sụa khi khói từ lớp xe bị hỏa thiêu, bóng ma bị hóa hơi của xích chuông ghi đông xắc cọt, những bộ khung bị chuyển hóa về chất của Arjuna Indiabikes đi vào rồi lại đi ra khỏi phổi họ. Một tấm mặt nạ bìa thô thiển được cắm lên cột điện tín ở trước cái godown đang cháy - tấm mặt nạ của nhiều khuôn mặt - tấm mặt nạ quý dữ hình những bộ mặt gằm ghè, với đôi môi cong rộng ngoác và lỗ mũi đỏ lôm. Những bộ mặt của con quái vật nhiều đầu, Quý vương Ravana, giận dữ nhìn xuống thân hình những người gác đêm đang ngủ ngon lành đến nỗi không một ai, kể cả lính cứu hỏa, lẫn Kemal, lẫn Butt, lẫn cha tôi, nữ làm phiền họ; trong khi tro của pêđan và sẫm xe từ trên trời rơi rắc lên người họ.

“Làm ăn tệ quá,” Ngài Kemal nói. Không phải ông ta đang thông cảm. Ông ta đang phê phán chủ nhân của công ty Arjuna Indiabike.

Trông kia: đám mây của tai họa (cũng là của sự nhẹ nhõm) bốc lên và tụ lại như một khối cầu giữa bầu trời buổi sớm không màu. Nhìn cách nó lao về phía Tây tới trung tâm của thành phố cũ; cách nó trở, lạy Chúa, như một ngón tay, trở xuống muhalla đạo Hồi gần Chandni Chowk!... Nơi, đúng lúc này, Lifafa Das đang cất tiếng rao ở chính con ngõ nhà Sinai.

“Lại xem mọi thứ đi, xem cả thế gian đi, lại xem đi!”

Đã sắp đến thời điểm của lời tuyên bố công khai. Tôi không phủ nhận là mình háo hức: tôi đã quanh quẩn ở hậu trường câu chuyện của chính tôi quá lâu, và tuy vẫn còn một lúc nữa tôi mới có thể tiếp quản, nhưng ngó vào một cái cũng hay. Vậy là, với một niềm kỳ vọng, tôi bám theo ngón tay đang trở giữa bầu trời và nhìn xuống khu của cha mẹ tôi, xuống những xe đạp, những hàng rong mời chào món đậu chiên cuộn trong giấy báo, những kẻ rồi việc chia mông, nắm tay trên phố, những mảnh giấy bay lả tả và những cơn lốc ruồi nho nhỏ bu quanh mấy quầy bánh kẹo... tất cả được rút ngắn lại dưới góc nhìn từ tít trên cao của tôi. Có cả lũ nhóc, hàng đàn hàng lũ, bị hút ra đường bởi liếng lốc cốc mê hoặc từ cái trống dugduggee của Das và tiếng rao của anh, “Dunya dekho”, lại xem cả thế gian! Những cậu bé không quần soóc, cô bé không áo lót, và những đứa trẻ khác, bảnh bao hơn trong đồng phục trắng, quần soóc thắt thắt lưng chun có khóa con rắn hình chữ S, những thằng bé béo tròn ngón tay múp míp; tất cả ủa đến chiếc hộp đen có bánh xe, kể cả một con bé nọ, một con bé có hàng lông mày dài rậm liền một đường che rợp hai mắt, đứa con gái tám tuổi của chính gã người Sindhi thô lỗ, kẻ hiện giờ

thậm chí đã treo lá cờ của cái quốc gia vẫn đang là hư cấu, của Pakistan trên mái nhà, người hiện giờ thậm chí đang văng tục với tay hàng xóm trong khi con gái gã lao ra đường với đồng chavanni trên tay, với nét mặt của một bà hoàng con, và án mạng lần khuất sau khóe môi. Tên nó là gì? Tôi không biết; nhưng tôi biết hàng lông mày ấy.

Lifafa Das, vì một sự tình cờ đen đủi đã bày cái hộp vạn hoa màu đen cạnh bức tường mà ai đó đã nguệch ngoạc vẽ một chữ thập ngoặc (hồi ấy quý vị thấy nó khắp nơi; đảng cực đoan R.S.S.S. vẽ nó lên mọi bức tường; không phải chữ thập Quốc xã, có chiều ngược lại, mà là biểu tượng quyền lực của đạo Hindu từ xa xưa. Svasti tiếng Phạn nghĩa là tốt lành)... anh chàng Lifafa Das mà sự xuất hiện được tôi thổi kèn giống trống nầy giờ là một chàng trai vô hình cho tới khi anh cười, khi anh trở nên đẹp đẽ, hoặc lắc trống, khi anh trở nên không cưỡng lại được với trẻ con. Dân dugduggee: ở khắp Ấn Độ, họ rao, “Dilli dekho,” “lại xem Delhi!” Nhưng đây là Delhi, nên Lifafa Das đã sửa lại lời rao cho phù hợp. “Lại xem cả thế gian, lại xem vạn vật đi!” Câu sáo ngữ phóng đại này, sau một thời gian, bắt đầu giầy vò tâm trí anh; buro thiếp chui vào cái hộp vạn hoa của anh mỗi lúc một nhiều, trong khi anh nỗ lực, một cách tuyệt vọng, để mang lại điều đã hứa, để nhét mọi thứ vào cái hộp. (Tôi chợt nhớ đến anh bạn họa sĩ của Nadir Khan: có phải đây là căn bệnh của Ấn Độ, cái khao khát gói trọn cả hiện thực này? Tệ hơn: có phải tôi cũng bị nhiễm rồi không?)

Trong chiếc hộp vạn hoa của Lifafa Das là những bức ảnh Taj Mahal, Đền Meenakshi, và sông Hằng linh thiêng; nhưng cùng với những cảnh trí nổi tiếng này người chủ hộp vạn hoa cảm thấy nổi thôi thúc phải đưa vào những hình ảnh đương đại hơn - Stafford Cripps rời dinh cơ của Nehru; tiện dân được người ta chạm vào^[7]; từng đám đông trí thức nằm ngủ trên đường xe lửa; ảnh phim^[8] của một diễn viên người Âu đang đội một núi hoa quả trên đầu - Lifafa gọi nàng là Carmen Verandah; thậm chí cả một bức ảnh cắt từ báo, rồi dán lên bìa, của một đám cháy ở khu công nghiệp. Lifafa Das không tin vào việc bảo vệ khán giả của anh khỏi diện mạo không phải lúc nào cũng dễ chịu của thời đại... và thông thường, khi anh vào mấy con ngõ này, cả người lớn lẫn trẻ con đều ra xem cò gì mới trong cái hộp đặt trên bánh xe của anh, và một trong số những khách hàng thường xuyên nhất chính là Begum Amina Sinai.

[7] Đảng cấp thấp kém nhất trong xã hội Ấn Độ. Theo quan niệm cũ, người ở đảng cấp cao hơn nếu chạm vào tiện nhân thì sẽ bị ô uế, phải tắm thật kỹ để tẩy rửa sự nhơ bẩn ấy.

[8] Publicity still, hoặc film still, là những bức ảnh chụp trực tiếp cảnh phim, hoặc một khung hình cắt ra từ bộ phim, chủ yếu dùng cho mục đích quảng cáo.

Nhưng hôm nay, có gì đó kích động trong không khí; có gì đó dễ vỡ và đầy đe dọa phủ lên muhalla khi đám mây của những chiếc xe Indiabike bị hỏa thiêu lơ lửng trên đầu... và lúc này nó sống ra, khi con bé với một hàng lông mày liền kia ré lên, giọng nó ngọng lịu một vẻ ngây thơ mà nó không sở hữu, “Tao tước! Tránh ra... cho tao thêm! Tao không *them* được!” Bởi vì đã có những con mắt áp vào hàng lỗ trên hộp, đã có mấy đứa trẻ bị hút vào dòng buro thiếp, và Lifafa nói (mà không dừng tay - anh tiếp tục quay cái cần để giữ cho chuỗi buro thiếp chuyển động trong hộp), “Chỉ mấy phút thôi, bibi; rồi ai cũng sẽ đến lượt; đợi một tí thôi.” Nghe vậy bà hoàng con một lông mày nói, “Không! Không! Tôi muốn tước!” Lifafa ngừng cười - trở nên vô hình - và nhún vai. Một cơn thịnh nộ bạo phát trên gương mặt bà hoàng con. Và giờ một lời thóa mạ trời dậy; một câu nói sắc nhọn chết người run lên trên môi con nhỏ. “Mày *to gan* đấy, mò thối muhalla này! Tao biết mày: bố tao biết mày: ai cũng biết mày là

dân Hindu!!”

Lifafa Das đứng im lặng, quay tay quay trên cái hộp; nhưng lúc này vị nữ thần valkyrie^[9] tóc đuôi ngựa một lông mày đang hát và chỉ những ngón tay múp míp vào anh, con lũ con trai mặc đồng phục trắng và khóa thắt lưng hình rắn hòa theo, “Hindu! Hindu! Hindu!” Rồi những tấm màn vọt lên; và từ cửa sổ bố con nhỏ thò đầu ra, nhập cuộc, văng tục vào một mục tiêu mới, rồi tay người Bengal cũng tham gia bằng tiếng Bengal... “Quân hiệp mẹ! Kẻ xâm hại con gái chúng tao!”... và sức nhớ là trước đó báo đã đưa tin về những vụ hãm hiếp trẻ em đạo Hồi, nên đột nhiên ai đó rú lên - giọng đàn bà, của ả Zhora ngu ngốc cũng nên, “Kẻ hiếp dâm! Arre lạy Chúa họ tìm ra thằng badmaash rồi! Nó kia *kia!*!” Và giờ sự điên dại của đám mây như ngón tay đang trở và toàn bộ sự phi thực hỗn loạn của thời kỳ ấy đã siết chặt muhalla, và những tiếng hét được vọng lại từ mọi ô cửa sổ, còn lũ học trò bắt đầu hát, “Hiếp dâm! Hiếp dâm! Hiếp-hiếp- hiếp-dâm!” mà thực sự không biết mình đang nói gì; bọn nhóc lùi xa khỏi Lifafa Das và anh cũng đi, kéo lê cái hộp có bánh xe, cô rời khỏi đây, nhưng giờ anh đã bị bao vây giữa những giọng nói sắc mùi máu, mấy gã rồi việc trên phố tiến về phía anh, đám đàn ông xuống xe đạp, một cái bình lao đi trong không khí rồi vỡ vụn trên bức tường bên cạnh anh; anh dựa lưng vào một cánh cửa khi một gã tóc chải lật bóng nhẫy nhăn nhó cười ngọt ngào với anh và hỏi “Sao, ông bạn: có phải ông không hả? Ông bạn Hindu, người dâm ô con gái tội này? Ông bạn sùng bái ngẫu tượng^[10], người ngủ với chị ruột?” Và Lifafa “Không, vì lòng kính...”, nở nụ cười ngớ ngẩn... thế rồi cánh cửa sau lưng anh bật mở, và anh ngã ra sau, ngồi bệt xuống một hành lang lạnh tột bên cạnh mẹ tôi Amina Sinai.

[9] Nữ thần trong thần thoại Bắc Âu, có nhiệm vụ tuyển chọn và tiếp dẫn các chiến binh tử trận vào cung điện của thần Odin.

[10] Đạo Hindu sùng bái thần tượng, ngược với đạo Hồi là đơn thần giáo, chỉ có duy Chúa Trời.

Bà đã ở một mình cả buổi sáng với ả Zhora cười rúc rích và với dư âm của cái tên Ravana, không hay biết chuyện xảy ra ngoài khu công nghiệp, để đầu óc luẩn quẩn nghĩ về chuyện thế giới này dường như đang hóa điên; và khi cơn gào rú bắt đầu và, Zohra - trước khi bà kịp ngăn ả lại - hòa theo, có chút gì đó sắt lại trong bà, chút gì đó ý thức rằng bà là con gái của cha bà, chút gì đó bóng ma ký ức về Nadir Khan núp trong ruộng ngô tròn những lưỡi dao cong, chút gì đó cảm giác ngứa ngáy nơi đường mũi, và bà đi xuống nhà để sắm vai cứu tinh, mặc cho Zohra rú lên, “Chị làm gì thế, chị dâu, con quái vật ấy, vì Chúa, đừng cho hấn vào đây, chị mất trí rồi à?”... Mẹ tôi mở cửa và Lifafa Das ngã vào.

Hãy hình dung bà sáng hôm ấy, một bóng đen giữa đám đông say máu và con mồi, cái bụng căng ra với một bí mật vô hình chưa nói: “Nào, nào,” bà tán thưởng đám đông. “Anh hùng gớm nhỉ! Anh hùng quá đi chứ, tôi thề đấy! Vòn vẹn năm chục người chống lại con quái vật kinh khủng là một cậu thanh niên! Allah, thật khiến mắt tôi ngời lên vì kiêu hãnh.”

... Và Zohra, “Vào đi, chị dâu!” Và gã tóc mượt, “Bệnh thằng goonda này làm gì, Begum Sahiba? Làm thế này không đúng đâu.” Và Amina, “Tôi biết cậu ta. Cậu ấy là người tử tế. Thôi, đi đi, tất cả hết việc làm rồi hay sao? Giữa một muhalla đạo Hồi mà định xé xác con người ta à? Thôi, giải tán hết đi.” Nhưng đám đông đã hết bất ngờ, và lại xô về phía trước... và giờ. Giờ nó đến.

“Nghe đây,” mẹ tôi quát lên, “Nghe cho rõ đây. Tôi sắp có con. Tôi là một người mẹ sắp sinh con, và tôi sẽ che chở cho người đàn ông này. Tiến lên đi, nếu các người muốn giết, giết luôn một người mẹ để cả thế giới biết các người là hạng người gì!”

Đây là đầu đuôi vì sao sự xuất hiện của tôi - sự giáng hạ của Saleem Sinai - lại được tuyên bố trước tập hợp đông đảo quần chúng trước khi bố tôi biết chuyện. Có vẻ như, ngay từ thời khắc được hoài thai, tôi đã là tài sản công cộng.

Nhưng mặc dù mẹ tôi nói đúng khi bà thực hiện lời tuyên bố công khai, bà lại cũng sai. Đây là lý do: đứa bé bà đang mang trong bụng cuối cùng sẽ không phải là con bà.

Mẹ tôi đến Delhi; cần mẫn chuyên tâm vào việc yêu chồng; bị ả Zohra và món khichri và những bước chân lép kẹp cản trở không kịp báo tin cho ông; nghe tiếng gào rú; thực hiện lời tuyên bố công khai. Và nó đã hiệu nghiệm. Lời truyền tin về tôi đã cứu một mạng người.

Sau khi đám đông tản đi, lão Musa giúp việc ra đường cứu nột cái hộp vạn hoa của Lifafa Das, trong khi Amina đưa cho anh thanh niên có nụ cười đẹp để hết cốc nước chanh này đến cốc nước chanh khác. Có vẻ như chuyện vừa qua đã hút kiệt không chỉ chất lỏng mà có cả chất ngọt trong anh, vì mỗi cốc anh đều bỏ bốn thìa đường đầy, trong khi Zohra rúm ró vì khiếp hãi trên chiếc sofa.

Và, một hồi lâu sau, Lifafa Das (được bổ sung nước nhờ nước chanh, được làm ngọt vì đường) nói: “Begum Sahiba, bà là một phụ nữ cao quý. Nếu bà cho phép, tôi xin chúc phúc cho gia đình bà; cho cả em bé chưa ra đời. Nhưng - xin bà đồng ý - tôi muốn làm một việc nữa cho bà.”

“Cảm ơn cậu,” mẹ tôi nói, “nhưng cậu không phải làm gì cả.”

Nhưng anh đã tiếp (đường làm anh ngọt giọng). “Anh họ tôi Shri Ramram Seth, là một nhà tiên tri tài ba, Begum Sahiba. Xem tay, chiêm tinh, đoán số... Nếu bà vui lòng đến gặp anh ấy, anh ấy sẽ tiết lộ cho bà tương lai của cậu nhà.”

Thầy bói tiên đoán về tôi... tháng Một năm 1947, mẹ tôi Amina Sinai được đề nghị món quà là một lời tiên đoán để đền đáp món quà một sinh mạng của bà. Và bất chấp Zohra: “Có họa diên mới đi cùng thằng cha này, chị Amina, đừng nghĩ đến việc đó, dù chỉ một giây, thời buổi này là phải cẩn thận”; bất chấp hồi ức về sự hoài nghi của cha bà và của ngón cái vàng óng trở nắm quanh tai vị maulvi, lời đề nghị ấy đã chạm tới một nơi trong mẹ tôi trả lời rằng Có. Mặc trong niềm phấn khích phi logic của tình mẫu tử tình khôi mà bà chỉ vừa trở nên chắc chắn, “Có,” bà đáp, “Lifafa Das, mấy ngày nữa, cậu vui lòng gặp tôi ở cổng Thành Đỏ. Rồi cậu sẽ dẫn tôi đến gặp anh họ cậu.”

“Tôi sẽ đợi mỗi ngày,” anh chấp tay lại; rồi đi.

Zohra choáng váng đến nỗi, khi Ahmed Sinai quay về, cô ả chỉ biết lắc đầu rồi nói, “Vợ chồng son các vị; điên như cú ấy; thôi tôi mặc kệ anh chị với nhau!”

Musa, lão giúp việc già, cũng giữ miệng. Lão luôn giữ mình ở hậu trường cuộc sống của gia đình tôi, luôn như vậy, trừ có hai lần... một lần khi lão bỏ đi; một lần khi lão quay về để hủy hoại cả thế giới một cách tình cờ.

Chương 6: Những con quái vật nhiều đầu

Trừ phi, tất nhiên, chẳng có gì là tình cờ hết; khi ấy Musa - bất chấp mọi già nua tận tụy của lão - không là gì khác hơn một trái bom hẹn giờ khê khàng tích tắc đến thời điểm định trước; nếu vậy, chúng ta nên - một cách lạc quan - đứng dậy reo mừng, bởi nếu mọi sự đều được sắp đặt trước, thì tức là tất cả chúng ta đều có ý nghĩa, và được giải thoát khỏi nỗi khiếp sợ khi biết mình chỉ là ngẫu nhiên, không hề có *tại sao*; hoặc là, dĩ nhiên, chúng ta có thể - như những kẻ bi quan - buông xuôi ngay tại đây ngay lúc này, nhận thức được sự vô ích của suy nghĩ quyết định hành động, vì ta có nghĩ gì cũng chẳng đem lại khác biệt nào; tất cả vẫn sẽ xảy ra như nó sẽ xảy ra. Vậy thì, sự lạc quan ở đâu? Trong định mệnh hay trong hỗn độn? Cha tôi đã lạc hay bị quan khi mẹ tôi báo tin cho ông (sau khi tất cả xóm giềng đã biết), và ông trả lời, “Tôi bảo mình rồi; đó chỉ là vấn đề thời gian”? Việc mẹ tôi có thai hình như đã được vận mệnh an bài; sự ra đời của tôi, tuy vậy, phần lớn là hệ quả của tình cờ.

“Đó chỉ là vấn đề thời gian,” cha tôi nói, với mọi vẻ mãn nguyện; nhưng thời gian vốn bất ổn, theo kinh nghiệm của tôi, không phải thứ có thể tin cậy. Nó thậm chí có thể bị chia cắt: đồng hồ ở Pakistan chạy nhanh hơn các đồng nghiệp Ấn Độ nửa tiếng... Ngài Kemal, người không muốn dây dưa gì đến chuyện Chia cắt, rất hay nói: “Đây là minh chứng cho sự dớ dẩn của kế hoạch ấy! Bọn Liên đoàn này định chuẩn đi với hẵn ba mươi phút đây mà! Thời Gian Không Chia Cắt,” Ngài Kemal kêu lên, “Phải thế mới được!” Và S.P. Butt nói, “Nếu chúng có thể thay đổi thời gian như thế, còn gì là thực nữa đây? Tôi hỏi ông? Còn gì là thật?”

Đó hình như là ngày của những câu hỏi lớn. Tôi trả lời, xuyên qua những năm tháng không đáng tin cậy, cho S.P. Butt, người đã bị cắt cổ trong đợt bạo loạn Chia cắt và đánh mất hứng thú với thời gian: “Cái gì là thực và cái gì là thật không nhất thiết phải là một.” *Thật*, với tôi, là điều gì đó từ những buổi đầu đời ẩn trong những câu chuyện Mary Pereira kể tôi nghe: Mary ayah của tôi, người không phải mẹ, nhưng còn hơn cả mẹ; Mary người biết hết về tất cả chúng tôi. *Thật* là điều ẩn ngay sau đường chân trời mà ngón tay lão đánh cá đang chỉ về, ở bức tranh trên tường phòng tôi, khi cậu bé Ralieggh lắng nghe những câu chuyện của lão. Giờ đây, viết ra chuyện này dưới quầng sáng Anglepoise của mình, tôi đo lường sự thật dựa trên những gì xa xưa ấy: Liệu Mary có kể như vậy không? tôi tự hỏi. Liệu ông lão

đánh cá kia có nói thế này chẳng?... Và theo tiêu chí ấy, sự thật không thể phủ nhận là, vào một ngày tháng Một năm 1947, mẹ tôi được nghe hết về tôi, sáu tháng trước khi tôi chào đời, trong khi cha tôi gặp phải một quỷ vương.

Amina Sinai vẫn đợi thời điểm thích hợp để chấp nhận đề nghị của Lifafa Das; nhưng hai ngày liền sau vụ cháy nhà kho của Indiabike, Ahmed Sinai ở lì trong nhà, không hề đến văn phòng ở Connaught Place, như thể đang tôi luyện mình cho một cuộc chạm trán không lấy gì làm dễ chịu. Hai ngày liền túi tiền màu xám vẫn yên vị những tưởng trong bí mật dưới gầm giường phía ông. Cha tôi tỏ ra không hề muốn nói về lý do xuất hiện cái túi xám; nên Amina tự nhủ, “Kệ anh ấy; ai mà thèm?” vì bà cũng có bí mật của mình, đang kiên nhẫn đợi bà cạnh cổng Thành Đỏ trên đỉnh Chandni Chowk. Trề môi ra trong cơn giận hờn bí mật, mẹ tôi giữ Lifafa Das cho riêng bà. “Trừ phi và trừ khi anh ấy cho mình biết anh ấy đang tính chuyện gì, việc gì mình phải nói?” bà lý luận.

Và rồi một buổi tối tháng Một lạnh giá, khi Ahmed Sinai bảo “Tối nay tôi phải ra ngoài”; rồi mặc bà van nài “Trời lạnh đây - mình ôm mất...”, ông khoác lên người bộ âu phục và tấm áo choàng, bên dưới chiếc túi xám bí ẩn nọ lòi lên một cục lộ liễu đến mức kỳ quái; nên rốt cuộc bà bảo, “Mặc ấm vào,” và thả cho ông đi đâu thì đi, và hỏi “Mình về muộn à?” Và ông trả lời, “Ừ, tất nhiên.” Năm phút sau khi ông đi, Amina Sinai lên đường đến Thành Đỏ, thẳng tiến vào trung tâm cuộc phiêu lưu của bà.

Một cuộc hành trình bắt đầu ở một tòa thành; cuộc kia lẽ ra phải kết thúc ở một tòa thành, nhưng lại không. Cuộc này dự báo tương lai, cuộc kia xác định vị trí địa lý cho tương lai ấy. Trên một hành trình, lũ khi nhảy múa mua vui; trong khi, ở nơi kia, một con khi cũng nhảy múa, nhưng mang đến tai ương. Ở cả hai cuộc phiêu lưu, đều có vai trò của lũ kền kền. Và những con quái vật nhiều đầu núp ở cuối cả hai con đường.

Từng chuyện một, nhĩ... và đây là Amina Sinai dưới những bức tường cao của Thành Đỏ, nơi các Mughal từng trị vì, từ tầm cao ấy, quốc gia mới sẽ được tuyên bố thành lập... dù không phải đế vương hay tín sứ, mẹ tôi vẫn được chào đón nồng nhiệt (bất chấp thời tiết). Trong ánh sáng cuối ngày, Lifafa Das hoan hỉ, “Begum Sahiba! Ôi, bà đến thật là hay quá!” Làn da đen trong tấm sari trắng, bà ra hiệu cho anh lên taxi; anh đưa tay định mở cửa sau; nhưng tay tài xế búng tay, “Mày nghĩ gì thế? Mày nghĩ mày là ai? Mau, lên ghế trước mà ngồi, thằng ranh vặt, để bà đây ngồi ghế sau!” Vậy là Amina ngồi chung ghế với chiếc hộp vạn hoa màu đen có bánh xe, trong khi Lifafa Das tạ lỗi, “Xin lỗi nhé, Begum Sahiba? Ý tốt không tính là mạo phạm.”

Nhưng đây, dứt khoát không chờ đến lượt, là một chiếc taxi khác, dừng lại ngoài một tòa thành khác và thả xuống ba ông khách mặc âu phục, mỗi người xách một chiếc túi xám cộm lên dưới lần áo khoác... một dài như đời người và mảnh như một lời nói dối, người thứ hai nhìn như không xương sống, và người thứ ba môi dưới trề ra, cái bụng có chiều nhão phệ, mái tóc đang thưa dần, nhờn và chờm quá đỉnh tai, giữa hai hàng lông mày là một nếp nhăn mách bảo rằng, khi ông ta về già, nó rồi sẽ hằn sâu thành vết sẹo của một người đàn ông cay nghiệt, cáu kỉnh. Tay tài xế tỏ ra hồ hởi, bất chấp cái

lạnh. “Purana Qila!” anh ta xướng to, “Mời quý khách xuống! Thành Cổ, đến nơi rồi!”... Có rất, rất nhiều thành phố Delhi, và Thành Cổ, đông đảo nát đen ngòm ấy, là một Delhi xa xưa đến nỗi đặt cạnh nó, Thành phố Cũ của chúng tôi chỉ như một đứa trẻ còn quần tã. Phế tích của một thời đại cổ xưa đến mức hoang đường này chính là nơi Kemal, Butt và Ahmed Sinai bị một cú điện thoại nặc danh triệu đến, “Tối nay. Thành Cổ. Sau lúc mặt trời lặn. Nhưng cấm báo cảnh sát... bằng không cái godown funtoosh!” Ôm chặt mấy cái túi xám, họ tiến vào cái thế giới cổ xưa, đồ nát ấy.

... Ôm chặt túi xách, mẹ tôi ngồi cạnh chiếc hộp vạn hoa, trong khi Lifafa Das ngồi ghế trước cạnh tay tài xế cầu kính đang lấy làm khó hiểu, dẫn đường cho xe chạy vào những con phố ở đằng sau Bruh điện Trung tâm; và khi tiến vào những con đường đắp cao nơi cái nghèo ngồn dân lớp tarmac^[1] như một trận hạn hán, nơi con người ta sống cuộc đời vô hình (bởi vì họ chịu chung lời nguyên vô hình với Lifafa Das, và chẳng phải ai cũng có nụ cười rạng rỡ), có điều gì mới mẻ dôn dập ủa đến trong bà. Dưới áp lực của những con phố mỗi phút một chật chội hơn, mỗi tắc một đông đúc hơn, bà đã đánh mất “con mắt thành thị” của mình. Khi có con mắt thành thị, quý vị không thể nhìn thấy những con người vô hình, những người mắc chứng phù tinh hoàn và đám ăn mày ngồi xe hộp không có tác động đến quý vị, và những đoạn ống bê tông của cống thoát nước tương lai nhìn không ra hình hài những cư xá.^[2] Mẹ tôi đánh mất con mắt thành thị và sự mới mẻ của những gì bà đang thấy khiến bà đỏ mặt, sự mới mẻ như một trận mưa đá dâm lên má bà. Kia, trời ơi. lũ trẻ xinh xắn kia có hàm răng đen sì! Ai mà tin nổi... những bé gái phơi trần đầu vú! Kinh khủng quá đi mất! Và, Allah-tobah, xin Chúa chờ che, những người đàn bà quét rác với - không! - *góm ghiếc quá!* - cột sông sụm xuống, dẫm bó chổi tre, không ký hiện đăng cấp; tiện dân, lạy đức Allah!... và người què nham nhảm khắp nơi, được những bậc cha mẹ yêu con làm cho tàn phế để đảm bảo cho chúng nguồn thu nhập trọn đời từ ỉn xin... phải, ăn mày ngồi xe hộp, những người trưởng thành với đôi chân con nít, trong những hộp gỗ có bánh xe, làm bằng giầy trượt patanh vứt đi và thùng đựng xoài cũ; mẹ tôi kêu lên, “Lifafa Das, quay lại đi!”... nhưng anh cười nụ cười rạng rỡ của anh, rồi nói, “Từ đây ta phải đi bộ,” Thấy rằng không thể quay lại được nữa, bà bảo chiếc taxi đợi, và tay tài xế cầu khẩn nọ đáp, “Vâng, tất nhiên, với một quý bà thì còn có việc gì khác ngoài đợi, bà khi bà về tôi sẽ phải đánh xe chạy lùi ra tận đường lớn, vì ở đây làm gì có chỗ quay đầu!”... Trẻ con giật vạt sari của bà, những cái đầu ở khắp nơi chăm chăm nhìn mẹ tôi, bà thì tự nhủ, cứ như mình bị một con quái vật góm ghiếc vây quanh, một sinh vật toàn đầu là đầu; rồi bà tự đánh chính, không, tất nhiên không phải quái vật, những con người khôn khô này - vậy thì là cái gì? Một dạng quyền lực, một lực lượng không nhận thức được sức mạnh của mình, một sức mạnh thôi rữa thành bất lực vì chưa hề được sử dụng... Không, đây không phải là những con người thôi rữa, đầu gì đi nữa. “Mình đang sợ,” mẹ tôi thấy mình nghĩ vậy, đúng lúc một bàn tay chạm vào tay bà. Quay lại, bà thấy mình đang nhìn vào gương mặt của - không thể nào! - một người đàn ông da trắng, bàn tay rách rưới chìa ra, và giọng nói như một bài hát nước ngoài cao vút, “Bỏ thí chút gì đi, Begum Sahiba...” rồi cứ lặp đi lặp lại như đĩa hát bị vấp trong khi bà bối rối nhìn khuôn mặt trắng trẻo với hàng mi dài và chiếc mũi khoằm quý phái - bối rối, vì anh ta da trắng, mà ỉn xin vốn không phải dành cho người da trắng. “... Lặn lội từ tận Calcutta lên đây, đi bộ,” anh ta nói, “tro phủ đây người, bà thấy đấy, Begum Sahiba, vì nỗi nhục nhã đã có mặt ở đó trong vụ Thẩm sát - tháng Tám năm ngoái, bà nhớ không, Begum Sahiba, hàng nghìn người bị đâm chết trong bốn ngày ngập tiếng kêu gào...” Lifafa Das bất lực đứng đó, không biết phải xử sự ra sao trước một người da trắng, dù là ỉn xin, rồi “... Bà có nghe nói tới gã người Au không?” người ỉn xin hỏi, “... Phải, trong đám sát nhân, Begum Sahiba, đi ngoài phố giữa đêm với tấm áo vậy máu, một gã da trắng, phát điên vì tương lai vô định của những kẻ như gã; bà có nghe không?” Và giờ, giọng nói như hát khó hiểu ấy tạm dừng, thế rồi: “Hắn là chồng tôi.” Đến bây giờ mẹ tôi mới nhìn bộ ngực bị ép chặt dưới mớ áo rách... “Bỏ thí cho nỗi nhục của tôi.” Kéo tay bà. Lifafa Das kéo tay kia, thì thảo, Hijra, lại cái ấy mà, đi thôi Begum Sahiba; và Amina đứng bất động khi bị kéo về hai hướng ngược nhau, những muốn nói Đợi đây, người phụ nữ da trắng, đợi tôi xong việc đã, tôi sẽ đưa bà về nhà, cho bà ăn cho bà mặc, trả bà về thế giới của bà; nhưng đúng lúc đó người đàn bà nhún vai và tay không bỏ đi xuống con phố hẹp dần, nhỏ dần thành một điểm cho đến khi biến mất - ngay tức thì! - vào cái bản tiện xa xăm của con đường. Và giờ Lifafa Das, một vẻ kỳ quái hiện ra trên mặt, nói, “Họ funtoosh rồi! Xong hẳn! Rồi họ sẽ đi sớm thôi; khi đó chúng ta sẽ được tự do mà giết lẫn nhau.” Khẽ đặt một bàn tay lên bụng, bà theo anh tiến vào một ô cửa tối om,

trong khi khuôn mặt bà bùng cháy.

[1] Thứ vật liệu lát đường là hỗn hợp của nhựa đường (tar) và đá dăm (marcadam). Rushdie chủ ý dùng những từ có gốc Anh (tarmac và reccine đều là hai thương hiệu ở Anh) để thể hiện sự xâm thực toàn diện của Anh trên đất Ấn Độ.

[2] Những đoạn ống bê tông cỡ lớn dùng làm đường ống thoát nước là nơi trú ngụ của những người vô gia cư.

... Trong khi đó, tại Thành Cổ, Ahmed Sinai chờ đợi Ravana. Cha tôi giữa buổi hoàng hôn: đứng giữa khung cửa tối om của cái từng là một căn phòng giữa những tường thành đổ nát, môi dưới trề ra dày thịt, tay chấp sau lưng, đầu ngổ ngang chuyện tiền nong. Ông chưa bao giờ là người hạnh phúc. Ông mơ hồ ngửi thấy mùi thất bại từ tương lai; ông xử tệ với người hầu; có lẽ ông ước rằng, thay vì theo chân người cha quá cố vào ngành kinh doanh vải giả da, ông đã có dũng khí đeo đuổi cái hoài bão ban đầu của mình, sắp xếp lại kinh Quran theo trình tự thời gian chuẩn xác. (Có lần ông bảo tôi: “Khi Muhammad tiên tri, họ chép lời Ngài lên lá cọ, cất tạm bợ trong một cái hộp. Lúc Ngài mất, Abu Bakr và những người khác cố nhớ lại cho đúng thứ tự; nhưng trí nhớ của họ không được tốt cho lắm.” Một cú rẽ nhầm nữa: lẽ ra viết lại một cuốn sách thiêng, cha tôi nắp trong một đồng đồ nát, chờ đợi lũ yêu quái. Chẳng có gì lạ khi ông không hạnh phúc; vì tôi sẽ chẳng giúp được gì. Vừa ra đời, tôi đã làm giập nát ngón chân ông.)... Người cha bất hạnh của tôi, tôi nhắc lại, luôn cúi kính khi nghĩ về tiền bạc. Đến vợ ông, người phỉnh từng đồng rupee từ ông, và móc túi ông hằng đêm. Đến bà vợ cũ (sau cùng chết bất đắc kỳ tử, khi cãi vã với một người đánh xe lạc đà và bị con lạc đà cắn vào cổ), người viết cho ông những lá thư xin xỏ bất tận, dù đã có khoản bồi thường ly dị. Và đến cô em họ Zohra, người cần tiền hồi môn từ ông, để cô ả có thể nuôi con mình lớn lên, cưới con ông, và nhờ thế càng đào mỏ ông được nhiều hơn. Rồi những lời hứa hẹn tiền nong của Thiếu tá Zulfikar (thời kỳ này, Thiếu tá Zulfy và cha tôi rất hợp nhau). Ngài Thiếu tá viết những lá thư nói, “Anh cần phải quyết định vì Pakistan khi nó ra đời, vì nó nhất định sẽ ra đời. Đó chắc chắn là mỏ vàng cho những người như chúng ta. Hãy để em giới thiệu anh với chính M.A.J,” nhưng Ahmed Sinai không tin ở Muhammad Ali Jinnah, và không đáp ứng đề nghị của Zulfy; nên khi Jinnah trở thành Tổng thống Pakistan, sẽ có thêm một cú rẽ nhầm nữa để ta ngẫm nghĩ. Và, cuối cùng, những lá thư từ bạn cũ của cha tôi, Bác sĩ phụ khoa Narlikar, ở Bombay. “Bọn Anh đang lũ lượt bỏ đi, Sinai bhai... Nhà đất rẻ như bèo! Bán hết đi; lên đây; mua; và sống xa hoa đến hết đời!” Các tiết kinh Quran không có chỗ trong một cái đầu đầy tiền đến thế... và, trong lúc đó, ông ở đây, cạnh S.P. Butt người sẽ chết trên một chuyến tàu tới Pakistan, và Mustapha Kemal người sẽ bị côn đồ giết hại trong ngôi nhà đồ sộ của ông ta ở đường Cột Cờ, trên ngực là dòng chữ “quân đầu cơ hiếp mẹ” viết bằng chính máu ông... cạnh hai nhân vật xấu số này, chờ đợi trong bóng tối bí mật của một gian phòng đổ nát, theo dõi kẻ tổng tiền đến lấy tiền. “Góc Tây Nam,” cú điện ra lệnh, “Tháp canh. Cầu thang đá bên trong. Leo lên. Chiếu nghỉ trên cùng. Để tiền lại. Rút. Hiếu chưa?” Coi thường mệnh lệnh, họ núp trong căn phòng đổ nát; đầu đó trên đầu họ, giữa chiếu nghỉ trên cùng của tháp canh, ba chiếc túi xám nằm chờ giữa bóng tối đang đổ về.

... Giữa bóng tối đang đổ về trên một lối cầu thang ngọt ngạt, Amina Sinai leo đến với lời tiên tri. Lifafa đang vỗ về bà; bởi vì giờ đây khi bà đã đi taxi vào cái chai chật chội nơi đến lượt anh có quyền thương hại bà, anh cảm thấy một sự thay đổi ở bà, một sự hồi hận về quyết định của mình; anh trấn an bà khi họ trèo lên. Lối cầu thang tối tăm ấy đầy những mắt, những con mắt lấp loáng sau cửa chớp trước cảnh tượng người phụ nữ da đen leo cầu thang, những con mắt liếm láp người bà như những cái lưỡi mèo linh hoạt, thô ráp; và trong khi Lifafa Das nói, êm dịu, mẹ tôi cảm thấy ý chí bà xẹp dần, Cái gì đến, sẽ đến, sức mạnh ý thức và sự tự chủ rỉ từ bà vào khối bọt biển đen ngòm của bầu không khí ở

cầu thang. Chân bà lê từng bước nặng nề theo chân anh, lên những tầng trên cùng của tòa chawl^[3] đồ sộ tù mù, khu chung cư xập xệ nơi Lifafa Das và mấy ông anh họ có một góc nhỏ, tít trên mái... ở đây, sát mái, bà thấy ánh sáng tối tăm len xuống đầu những người què đang xếp hàng. “Anh họ thứ hai của tôi là thầy lang bó xương,” Lifafa Das nói. Bà trèo qua những người đàn ông gãy tay, những người đàn bà bàn chân bị quặt ngược thành những góc khó tin, qua những người lau cửa sổ bị ngã và thợ nề rạn xương, con gái một bác sĩ bước vào một thế giới cổ xưa hơn bơm tiêm và bệnh viện; cho đến khi, rốt cuộc, Lifafa Das nói, “Đến nơi rồi, Begum,” và dẫn bà qua một gian phòng nơi ông thầy lang bó xương đang buộc cành và lá cây vào những chân tay giập nát, băng những cái đầu vỡ bằng lá cọ, cho đến khi bệnh nhân bắt đầu giống những cái cây nhân tạo, cành lá trồi ra từ vết thương... rồi ra đến một mảnh sân thượng rộng và bằng phẳng trát xi măng. Amina, mắt hấp háy trong bóng tối trước ánh sáng của những ngọn đèn lồng, nhận ra những hình thù quái dị trên sân thượng: khi mùa may; cây nhảy nhót; rần lắc lư trong sọt; và trên bức tường bao, bóng những con chim lớn, hình dáng cũng khoằm và dữ tợn như cái mỏ của chúng: kền kền.

[3] Một kiểu chung cư rẻ tiền, tiện nghi sơ sài, chỉ có ở tiểu lục địa Ấn Độ.

“Arre baap,” bà kêu lên, “cậu đưa tôi đến đâu thế này?”

“Không phải lo đâu, Begum,” Lifafa Das đáp. “Đây là các anh họ của tôi. Anh thứ ba và thứ tư. Anh kia là người múa khi...”

“Tập luyện ấy mà, Begum!” một giọng nói thốt lên. “Bà xem: khi ra trận và hy sinh vì tổ quốc!”

“... còn kia, anh xiếc chồn với rắn.”

“Xem chồn nhảy kia, Sahiba! Xem rắn múa kia!”

“... Còn lũ chim?... ”

“Không sao đâu, thưa Bà: chẳng qua có Tháp Im lặng^[4] của Bái hỏa giáo ở ngay gần đây; khi đó không có người chết, lũ kền kền lại đến. Giờ chúng ngủ rồi; ban ngày chúng thích xem các anh tôi luyện tập,” tôi nghĩ vậy.

[4] Kiến trúc thiên táng của Bái Hỏa giáo, thi hài được đặt lộ thiên trên đỉnh tháp.

Một căn phòng nhỏ, ở đầu kia sân thượng. Ánh sáng trào ra qua cánh cửa khi Amina tiến vào... và thấy, trong nhà, một người đàn ông trạc tuổi chồng mình, một người to béo có mấy tầng cằm, mặc chiếc quần trắng ố bẩn, áo ca rô đỏ, không đi giày, đang bồm bẻm nhai hạt hồi và uống một chai Vimto, ngồi xếp bằng trong một căn phòng trên tường là tranh vẽ mọi hóa thân của thần Vishnu, và mấy thông báo: BIẾT VIẾT, và KHÁCH NHỒ NƯỚC BỌT LÀ TẬT XẤU. Chả có đồ đạc gì... và Shri Ramram Seth đang ngồi xếp bằng, cách mặt đất hai mươi xăng ti mét.

Tôi phải thừa nhận: xấu hổ thay, mẹ tôi rú lên...

... Trong khi, tại Thành Cổ, bây giờ rú lên giữa những thành lũy. Thành phố đổ nát này, bị con

người bỏ hoang, giờ là nơi trú ngụ của langoor. Đuôi dài và mặt đen, lũ khỉ bị ám ảnh bởi một ý niệm tối thượng về sứ mệnh. Lên lên lên chúng treo, nhảy lên những đỉnh cao nhất của tòa thành, đánh dấu lãnh địa, rồi toàn tâm toàn ý vào việc tháo dỡ, từng hòn đá một, toàn bộ pháo đài. Padma, thật đấy: em chưa bao giờ đến đó, chưa bao giờ đứng dưới ánh hoàng hôn nhìn những sinh vật lông lá, quyết tâm, tận lực ấy xoay xở với từng viên đá, kéo rồi lại lay, lay rồi lại kéo, gỡ từng viên một ra... ngày ngày, dưới tay lũ khỉ, từng viên đá lăn xuống những bức tường, nảy lên ở chỗ góc và mặt lồi, lao xuống con hào bên dưới. Một ngày kia sẽ không còn Thành Cổ nữa; cuối cùng, chẳng còn gì ngoài một đồng gạch vụn nằm dưới chân lũ khỉ đang reo hò chiến thắng... và đây là một con khỉ, chạy dọc những bức tường thành - tôi sẽ gọi nó là Hanuman, lấy tên vua khỉ đã giúp Hoàng tử Rama đánh bại gã Ravana đầu tiên, Hanuman của những cỗ chiến xa biết bay... Quan sát nó khi nó lại gần ngọn tháp này - lãnh địa của nó; khi nó nhảy kêu chạy từ góc này sang góc kia giữa vương quốc của mình, chà mông lên đá; rồi dừng lại, đánh hơi thấy gì đó đáng lẽ không có ở đây... Hanuman bỏ về phía hốc tường này, ở chiều nghiêng trên cùng, nơi ba người đàn ông đã bỏ lại ba vật xám mềm kỳ lạ. Và trong khi lũ khỉ nhảy nhót trên gác thượng đằng sau nhà bưu điện, chú khỉ Hanuman nhảy nhót đầy cuồng nộ. Vồ lấy mấy vật xám nọ. Rồi, chúng buộc khá lỏng lẻo, chẳng tốn công lay đi kéo lại, kéo đi lay lại lắm đâu... xem Hanuman đây, kéo lê từng viên đá xám mềm ra mép dốc đứng của bức tường thành ngoài. Nhìn nó xé chúng ra: rột! rột! roạt!... Nhìn nó thành thạo bóc giấy từ bên trong mấy vật xám ra, rắc chúng xuống như một trận mưa bông bành để gột rửa những viên đá rơi dưới hào!... Giấy rơi xuống với một vẻ duyên dáng lười nhác, miễn cưỡng, chìm xuống như một hồi ức tươi đẹp vào hàm răng của bóng tối; và giờ, đập! thui! lại đập! ba hòn đá xám mềm lăn khỏi mép tường, rơi rơi vào bóng đêm, và cuối cùng vọng lên một tiếng tồm khe khẽ đầy sâu muộn. Hanuman, công việc xong xuôi, hết hứng thú, hối hả chạy đến một chóp tháp xa xa trong vương quốc của mình, bắt đầu lay một hòn đá.

... Trong khi, bên dưới, cha tôi trông thấy một hình thù kỳ quái nhô ra từ bóng tối. Không hay biết tí gì về tai họa vừa xảy ra trên đầu mình, ông quan sát con quái vật từ bóng tối của căn phòng đổ nát: một sinh vật mặc quần thụng rách rưới trong cái mao hình yêu tinh, một thứ đầu ác quỷ bằng giấy bồi mỗi mặt đều là những bộ mặt cười nhăn nhó... đặc phái viên của băng Ravana. Kẻ nhận tiền. Tim đập thình thịch, ba thương gia nhìn con ma chui ra từ ác mộng của một bác nông dân ấy biến mất vào lối cầu thang dẫn lên chiều nghiêng; và một lát sau, giữa cái tĩnh lặng của đêm trống trải, vang lên tiếng chửi thề vô cùng người của con quỷ. “Quân hiệp mẹ! Bọn hoạn quan từ lỗ nẻ chui lên!”... Không hiểu chuyện gì, họ thấy kẻ hành hạ quái dị của họ hiện ra, lao thẳng vào bóng đêm, biến mất. Những lời chửi rửa của gã... “Lũ giao hợp đẳng đít! Quân lợn đê! Đồ ăn phân chính mình!”... lớn vồn trong gió. Giờ họ leo lên, sự bối rối khiến tâm thần họ hoảng loạn; Butt tìm thấy một mẫu vải xám bị xé rách; Mustapha Kemal cúi xuống một đồng rupee nhàu nát; và có lẽ, phải, sao lại không, cha tôi thoáng liếc thấy bóng đen lông lá của một con khỉ... và họ đoán.

Và giờ là tiếng rền rĩ của họ và tiếng rửa the thé của ngài Butt vọng lại lời chửi bới của con quái vật; và một trận chiến nổ ra, không lời, trong đầu bọn họ: tiền hay godown hay godown hay tiền? Ba thương gia cân nhắc, trong nỗi sợ hãi câm lặng, câu đố trọng yếu này - nhưng mà, dù họ có phò mặc chỗ tiền cho đàn chó và người chuyên bói rác, làm sao chặn được những kẻ châm lửa? - và rốt cuộc, sau khi không ai hé răng nói gì, quy luật khó cưỡng của tiền tươi thóc thật đã chiếm lĩnh họ; họ bỏ xuống cầu thang đá, dọc bãi cỏ, qua những làn cổng đổ nát, rồi chạy - TÁN LOẠN! - xuống đường hào, bắt đầu vốc rupee nhét vào túi, xúc thật lực cào thật lực vơ thật lực, mặc kệ những bãi nước đá

và quả thôi, ôm niềm tin trái ngược mọi khả năng rằng đêm nay - nhờ hồng ân của... - chỉ một lần đêm nay thôi, băng cướp sẽ không thể giáng xuống đòn báo thù của mình như đã hứa. Nhưng, tất nhiên...

... Nhưng, tất nhiên, Ramram Nhà Tiên tri không phải đang thật sự lơ lửng giữa không trung, cách mặt đất hai mươi xăng ti mét. Tiếng hét của mẹ tôi lắng đi; bà nhìn kỹ lại; và bà nhận thấy một cái giá nhỏ, chò ra từ trong tường. “Trò rẻ tiền,” bà tự nhủ, và, “Mình làm gì ở đây thế này, ở cái xó xỉnh tồi tàn của kền kền đang ngủ và thợ múa khi, chờ nghe những thứ dở dẩn gì không biết từ một lão guru^[5] bay lên bằng cách ngồi trên giá?”

[5] Bậc đạo sư thông thái, người hướng dẫn về tinh thần cho tín đồ Hindu.

Điều Amina Sinai không biết là, lần thứ hai trong lịch sử, tôi chuẩn bị buộc thế giới cảm thấy sự hiện diện của mình. (Không: không phải con nòng nọc giả mạo trong bụng bà đâu: tôi muốn nói bản thân tôi, trong vai trò lịch sử của mình, vai trò mà các vị thủ tướng đã viết “... đây là, theo một nghĩa nào đó, tấm gương của hết thảy chúng ta.” Đêm hôm đó, những thế lực vĩ đại đang vận động; và tất cả những ai có mặt sắp cảm nhận được quyền năng của chúng, và khiếp sợ.)

Mấy anh em họ - từ một đến bốn - vây quanh ô cửa người phụ nữ da đen vừa bước vào, bị thu hút như những con ngài tới ánh nến là tiếng hét của bà... Lặng lẽ quan sát bà dưới sự hướng dẫn của Lifafa Das tiến đến ông thầy bói không ra dáng thầy bói, là ông lang bó xương người dụ rắn và anh xiếc khi. Giờ là những tiếng thì thảo khích lệ (và có phải cả tiếng khúc khích sau những bàn tay thô kệch?): “Ôi sẽ là một số mệnh tuyệt vời lắm đấy, Sahiba!” và, “Kìa, anh, bà đây đang chờ!”... Nhưng tay Ramram này là ai? Một tên buôn bán cò con, một gã xem tướng hai hào, một kẻ ban phát mấy lời tiên đoán bùi tai cho những phụ nữ khờ khạo - hay là hàng xịn, người nắm giữ chìa khóa? Và Lifafa Das: có phải anh chỉ thấy, ở mẹ tôi, một phụ nữ có thể thỏa mãn với một trò bịp hai rupee, hay anh nhìn thấy sâu hơn, tới tận trái tim dưới lòng đất của nỗi yếu đuối trong bà? - Và khi lời tiên tri đến, có phải mấy anh em họ cũng kinh ngạc? - Rồi vụ sùi bọt mép? Cái đó thì sao? Và có thực là mẹ tôi, dưới tác động xáo trộn của buổi tối kích động này, đã từ bỏ sự kiểm soát đối với bản ngã quen thuộc của bà - mà bà vừa cảm thấy tuột khỏi mình rơi vào khối bọt biển hút nước của bầu không khí không ánh sáng trên cầu thang - và bước vào một trạng thái tâm lý mà chuyện gì cũng có thể xảy ra và đáng tin? Và còn một khả năng khác, kinh khủng hơn; nhưng trước khi nói lên nghi vấn của mình, tôi phải miêu tả, chính xác hết mức có thể, bất chấp tấm màn mờ đục của những mơ hồ này, điều thật sự đã xảy ra: tôi phải mô tả mẹ tôi, tay nghiêng ra chìa về phía người xem tướng đang lại gần, mắt thao láo như một chú cá chim - còn mấy anh em (khúc khích?), “Lời đoán số bà sắp nghe sẽ thật hết sảy, Sahiba!” và, “Nói đi, anh, nói đi!” - nhưng tấm màn đã lại buông xuống, nên tôi không dám chắc - có phải ông ta bắt đầu giống một gã xiếc rong rẻ tiền, nhai lại một lượt những kết hợp rỗng tuếch của đường sinh đường tâm và những đứa con sẽ trở thành triệu phú, trong khi các ông em họ tung hô, “Chà, chà!” và “Phán chuẩn quá, yara!” - thế rồi, có phải ông ta biến đổi? - có phải Ramram bỗng dờ ra - mắt trợn ngược đến khi chỉ còn lòng trắng - có phải ông ta, bằng giọng nói kỳ quái như một tấm gương, hỏi, “Bà cho phép tôi chạm vào đó chứ, thưa Bà?” - trong khi mấy ông em họ lặng đi như kền kền đang ngủ - và có phải mẹ tôi, cũng kỳ quái như thế, đáp, “Phải, tôi cho phép,” biến ông ta thành người đàn ông thứ ba trong đời chạm vào bà, ngoài người thân trong gia đình? - và có phải, đúng thời khắc ấy, một luồng điện như chớp giật nhoáng qua giữa những ngón tay múp míp và làn da người mẹ? Và mặt mẹ tôi, nghệt ra như thổ, nhìn nhà tiên tri mặc áo ca rô bắt đầu xoay tròn, mắt vẫn trắng dã trên cái mềm mại của khuôn mặt; rồi chột một cơn

rùng mình lan qua người ông ta và vẫn giọng nói cao vút kỳ dị kia phát ra từ đôi môi ông ta (tôi phải miêu tả cả đôi môi ấy nữa - nhưng để sau, vì giờ...) “Con trai.”

Mấy anh em nín lặng - lũ khi cổ tròng dây ngừng chí chóc - rần hồ mang cuộn mình trong gió - và người thầy bói đi vòng tròn, thấy lịch sử cất tiếng nói qua môi mình. (Phải thế chẳng?) Bắt đầu, “Con trai... gớm thay đứa con trai!” Và nó đến, “Một đứa con trai, Sahiba, sẽ không bao giờ già hơn tổ quốc mình - không già hơn cũng chẳng trẻ hơn.” Và giờ, nỗi sợ thực sự trong lòng người dụ rần người múa chồn người bó xương và anh chàng hộp vạn hoa, bởi vì chưa bao giờ họ thấy Ramram như thế, trong lúc ông ta tiếp tục, ngân nga, cao vút lên: “Có hai cái đầu - nhưng bà sẽ chỉ thấy một - sẽ có đầu gối và mũi, mũi và đầu gối.” Mũi và gối và gối và mũi... nghe kỹ nhé, Padma; ông ta nói cấm có sai! “Bảo chí ca ngợi nó, hai mẹ nuôi dạy nó! Tụi đập xe mê nó - nhưng đám đông sẽ chê nó! Chị em sẽ khóc; hồ mang sẽ ngóc...” Ramram, vẫn chạy vòng quanh nhanhnhữanhanhnữa, trong khi bốn anh em xi xầm, “Gi thế này, baba?” và, “Lạy Chúa, Shiva, phù hộ chúng con!” Trong khi Ramram, “Đồ giết che khuất nó, giọng nói dẫn dắt nó! Bạn bè thương tổn nó - máu sẽ phản bội nó!” Và Amina Sinai, “Thế nghĩa là sao? Tôi không hiểu - Lifafa Das - ông ấy bị sao thế?” Thế nhưng, mắt trắng dã và người xoay tít quanh bà đang đờ ra như tượng, Ramram Seth vẫn không dừng lại: “Ông nhổ tẩy não nó, bác sĩ hút kiệt nó - rừng già sẽ chiếm nó - phù thủy tái chiếm nó! Lính tráng kết án nó - bạo chúa sẽ răn nó...” Trong khi Amina cầu xin lời giải thích và mấy anh em rơi vào một cơn kinh hãi xoắn xuýt tay chân không kìm nổi vì có gì đó đã chi phối tất cả và không ai dám chạm vào Ramram Seth khi ông xoay tít đến đỉnh điểm: “Nó sẽ có con trai mà không có con trai! Nó sẽ già trước khi nó già! *Và nó sẽ chết... trước khi nó mất.*”

Có phải vậy chẳng ? Có phải khi đó Ramram Seth, bị tàn phá có một sức mạnh lớn hơn sức mạnh của ông ta lưu chuyển qua cơ thể, đột nhiên ngã vật ra đất và sùi bọt mép? Có phải cây gậy của người múa chồn được nhét vào giữa hàm răng lập cập? Có phải Lifafa Das đã nói. “Begum Sahiba, xin bà đi cho: anh tôi đổ bệnh rồi”?

Và cuối cùng người dụ rần - hay tay múa khi, hay ông lang bó xương, hay cả Lifafa Das của chiếc hộp vạn hoa có bánh xe - đã nói, “Tiên đoán nhiều quá, giờ ạ. Tối nay Ramram nhà ta tiên đoán nhiều quá đây mà.”

Nhiều năm sau, khi ngấp nghé bước vào thời kỳ lâm cầm, khi đủ thứ bóng ma trào ra từ quá khứ mà nhảy múa trước mắt bà, một lần nữa mẹ tôi gặp lại anh chàng hộp vạn hoa, người được bà cứu mạng bằng cách tuyên bố về sự giáng hạ của tôi và đã báo đáp bằng cách dẫn bà đến với quá nhiều tiên đoán, và bình thần bảo anh, không chút cay đắng. “Cậu quay lại rồi à,” bà nói, “Ừm, để tôi nói cậu nghe điều này: tôi ước gì khi ấy mình hiểu được điều anh cậu nói - về máu, đầu gối và mũi. Vì biết đâu đấy? Tôi đã có thể có một đứa con trai khác.”

Như ông tôi vào buổi đầu, giữa một hành lang đầy mạng nhện trong ngôi nhà một người mù, rồi một lần nữa vào hồi kết; như Mary Pereira sau khi mất đi Joseph của mình, và như tôi, mẹ tôi có biệt tài nhìn thấy ma.

... Nhưng giờ, bởi vẫn còn nhiều câu hỏi và mơ hồ nữa, tôi buộc phải nói lên vài điều nghi ngờ. Nghi ngờ cũng là một con quái vật với quá nhiều đầu; vậy thì, vì sao tôi không thể ngăn mình thả nó xông vào mẹ ruột của tôi?... Từ nào, tôi tự hỏi, sẽ miêu tả khách quan cái bụng của lão thầy bói? Và ký ức - cái ký ức mới mẻ, biết tuốt của tôi, chứa đựng hầu hết cuộc đời của cha mẹ ông bà và tất cả mọi người - đáp lời: mềm; nhão như bánh bột ngô. Một lần nữa, miễn cưỡng, tôi hỏi: tình trạng đôi môi lão ta thế nào? Và câu trả lời hiển nhiên: đầy; dày thịt; thi sĩ. Và lần thứ ba tôi lục vẩn ký ức của mình: thế còn mái tóc? Đáp án: thưa; đen; xuôi; chờm qua tai. Và giờ nỗi nghi ngờ vô căn cứ của tôi đặt câu hỏi tới hậu... phải chăng Amina, trong trắng nhường kia, kỳ thực đã... bởi sự yếu lòng trước những người đàn ông giống Nadir Khan, có thể nào bà lại... trong tâm trạng kỳ dị ấy, và xúc động trước bệnh tình của lão thầy bói, lẽ nào bà không... “Không!” Padma quát lên, thịnh nộ. “Sao anh dám ám chỉ? Về người phụ nữ tốt bụng ấy - mẹ đẻ ra anh? Rằng bà ấy sẽ? Anh chẳng biết cái gì mà cũng dám nói thế?” Và, tất nhiên, như mọi khi, cô đúng. Nếu cô mà biết, cô sẽ nói rằng chẳng qua tôi chỉ muốn báo thù, vì điều tôi đích xác đã thấy Amina làm, nhiều năm về sau, qua ô cửa sổ bụi bặm của Pioneer Café; và có lẽ cái ý niệm phi lý của tôi đã sinh ra từ đó, nảy nở một cách phi logic ngược thời gian, rồi chín muồi khi tìm đến cuộc phiêu lưu sớm hơn và, phải, hầu như chắc chắn là trong sạch này. Phải, hẳn là như thế. Nhưng con quái vật không chịu nằm xuống... “À,” nó bảo, “thế còn chuyện bà ấy nổi cơn tam bành - cái hôm Ahmed thông báo họ sẽ chuyển xuống Bombay?” Giờ nó nhại lại bà: “Anh - lúc nào cũng anh quyết. Còn tôi thì sao? Nhỡ tôi không muốn thì sao... Tôi chỉ vừa thu xếp cái nhà này tinh tươm xong và vừa mới...!” Nào, Padma: có phải đây là tâm huyết của người nội trợ - hay là sự nguy trang?

Phải - ngờ vực vẫn lẫn quất đâu đây. Con quái vật chất vấn, “Tại sao bà ấy không, bằng cách này hay cách khác, kể cho chồng về chuyến đi của mình?” Câu trả lời của bị cáo (Padma của chúng ta lên tiếng thay cho mẹ tôi vắng mặt): “Nhưng thử nghĩ xem ông ấy sẽ tức giận thế nào, lạy Chúa! Ngay cả khi không có vụ hỏa tặc khiến ông ấy đau đầu! Một đám đàn ông lạ; bà ấy thì một thân một mình; ông ấy lại chả điên lên! Điên hẳn ấy!”

Những nghi ngờ không đáng... tôi phải gạt bỏ chúng; phải gìn giữ sự nghiêm khắc của mình lại cho sau này, khi, thiếu vắng sự mơ hồ, không còn tấm rèm che phủ, bà trao cho tôi những bằng chứng rõ ràng, xác thực, không thể chối cãi.

... Nhưng, tất nhiên, khi cha tôi trở về nhà đêm ấy, với mùi cống rãnh lẫn át thứ hơi hám quen thuộc của thất bại tương lai, trên mắt và má ông nước mắt hòa tro chảy thành dòng; lỗ mũi ông đầy lưu huỳnh còn đầu đầy thứ bụi xám của vải giả da ám khói... vì tất nhiên là chúng đã đốt trụi cái godown.

“Nhưng còn đám gác đêm?” - ngủ, Padma, ngủ. Được cảnh báo trước rằng hãy uống thuốc ngủ để phòng khi... Mấy gã lala dững cảm, mấy tay chiến binh Pathan ấy, những kẻ, sinh ra ở thành thị, chưa từng thấy đèo Khyber^[6], mở những gói giấy nhỏ, trút thứ bột màu gỉ sắt vào ấm chè sôi sục. Họ kéo mấy cái giường bạt ra rõ xa khỏi godown của cha tôi để tránh xà nhà rơi và cơn mưa tàn lửa; rồi nằm dài trên giường bạt họ nhấp nước chè và tiến vào cơn mụ mị ngọt đắng của thuốc ngủ. Đầu tiên họ om sòm cả lên, lớn tiếng tán tụng những ả gái điếm ưa thích của mình bằng tiếng Pushtu; rồi lẫn ra cười rình rích khi những ngón tay mềm mại của thuốc ngủ ngó ngoáy cù vào sườn họ... đến khi tiếng cười nhường chỗ cho giấc mơ và họ lang thang trên những con đèo ở biên giới của thuốc ngủ, cười bầy

ngựa của thuốc ngủ, và cuối cùng đạt đến một trạng thái vô giác không mộng mị mà không gì trên đời có thể đánh thức họ dậy chừng nào thuốc ngủ còn chưa chạy hết vòng được lực.

[6] Lala - người nhút nhát, ngại va chạm. Pathan, một tộc người cư trú tại vùng biên giới giữa Afghanistan và Pakistan. Đèo Khyber nằm ở đây.

Ahmed, Butt và Kemal đến nơi bằng taxi - anh lái xe, phát hoảng vì ba người đàn ông tay siết chặt từng nắm tiền nhàu nát bốc mùi gớm ghiếc hơn cả địa ngục vì những vật chất chẳng thơm tho gì mà chúng tiếp xúc dưới hào nước, lẽ ra đã không chờ họ, có điều nếu vậy họ sẽ từ chối trả tiền anh. “Tha cho tôi, các ngài ời,” anh nài nỉ, “tôi là một kẻ bé mọn; đừng bắt tôi ở đây...” nhưng lúc đó lưng họ đã đi xa khỏi anh, tiến về ngọn lửa. Anh nhìn họ chạy, tay siết chặt những đồng rupee nhoe nhoét cả chua và cứt chó; miệng há hốc, anh trần trối nhìn cái godown đang cháy, nhìn từng đám mây giữa trời đêm, và như tất cả những người có mặt, anh buộc phải hít thứ không khí ngập ngụa vải giả da và diêm và gạo cháy. Tay bùng mắt, dòm qua kẽ tay, anh tài xế bé nhỏ râu quặp thấy Ngài Kemal, mảnh như một cây bút chì điên loạn, quật đá túi bụi lên thân hình say ngủ của những người gác đêm; và anh suýt nữa đã bỏ cả tiền xe mà chạy trong kinh hoàng vào lúc cha tôi hét lên, “Coi chừng!”... nhưng, vẫn ở lại bất chấp tất cả, anh thấy cái godown vỡ tung ra dưới sức mạnh của những lưỡi lửa liếm vào, anh thấy trào ra khỏi cái godown cả một dòng dung nham không tưởng của gạo đậu lăng đậu xanh áo khoác không thấm nước hộp diêm và rau quả dầm nấu chảy, anh thấy từng bông hoa nóng đỏ của ngọn lửa nở bung lên trời khi các thứ trong nhà kho chảy tràn ra nền đất cứng vàng như một bàn tay cháy đen của sự tuyệt vọng. Phải, tất nhiên cái godown đã bị đốt trụi, nó hóa thành than hồng từ trên trời trút lên đầu họ, nó xộc vào những cái miệng há hốc của đám gác đêm mình mảy thâm tím song vẫn ngáy... “Chúa cứu vớt chúng ta,” Ngài Butt nói, và Mustapha Kemal, thực tế hơn, trả lời: “Ôn Chúa là ta đã được bảo hiểm cẩn thận.”

“Đúng lúc đó,” về sau Ahmed Sinai bảo vợ, “đúng lúc đó tôi quyết định từ bỏ nghề buôn vải giả da. Bán cả văn phòng, cả thương hiệu, quên sạch những gì tôi biết về kinh doanh reccine. Lúc đó - không trước, không sau, tôi cũng đi đến quyết định, sẽ không nghĩ ngợi gì về vụ Pakistan dớ dẩn của gã Zulfy chồng con bé Emerald nhà mình nữa. Giữa hơi nóng hầm hập của đám cháy ấy,” cha tôi thổ lộ - và giải phóng cơn tam bành của bà vợ - “tôi quyết định dọn đến Bombay, chuyển sang kinh doanh bất động sản. Nhà cửa ở đây đang rẻ như bèo,” ông bảo bà trước khi bà kịp lên tiếng phản đối, “Narlikar biết.”

(Nhưng sẽ đến lúc, ông gọi Narlikar là quân phản bội.)

Trong dòng họ nhà tôi, bao giờ chúng tôi cũng đi khi bị xô đẩy - mùa đông băng giá năm 48 là ngoại lệ duy nhất. Lão lái dò Tai đuổi ông tôi khỏi Kashmir; Mercurochrome xua ông tôi khỏi Amritsar; sự tan vỡ của cuộc sống dưới thảm trực tiếp dẫn đến việc mẹ tôi rời bỏ Agra; và những con quái vật nhiều đầu đẩy cha tôi tới Bombay, để tôi có thể ra đời ở đó. Đến cuối tháng một năm ấy, lịch sử rất cuộc đã, bằng một loạt cú xô đẩy, tự dẫn mình đến thời điểm gần như sẵn sàng để tôi xuất đầu lộ diện. Có những điều bí ẩn không thể giải đáp được chừng nào tôi chưa bước lên sân khấu... chẳng hạn như điều bí ẩn trong lời nhận xét khó hiểu nhất của Shri Ramram: “Sẽ có cái mũi và đầu gối: đầu gối, và cái mũi.” Món tiền bảo hiểm đến; tháng Một kết thúc; và trong quãng thời gian cần thiết để đóng cửa

hoạt động kinh doanh ở Delhi và dọn đến thành phố mới, nơi - như Bác sĩ phụ khoa Narlikar biết rõ - nhà đất tạm thời đang rẻ như bèo, mẹ tôi chuyên tâm vào cái kế hoạch phân đoạn để học cách yêu chồng của bà. Bà bắt đầu cảm thấy một niềm say mê sâu sắc với hình dấu hỏi của đôi tai ông; với độ sâu đặc biệt của rốn ông, nơi ngón tay bà có thể vào đến hết đốt thứ nhất, mà chưa cần phải ấn; dần dần bà yêu cả cái lồi của đầu gối ông; nhưng, dù cố gắng đến mấy (và vì đang dành cho bà sự ưu đãi do thiếu bằng chứng, tôi sẽ không đưa ra đây một lý do khả dĩ nào), có một bộ phận ở ông bà không bao giờ yêu nổi, dù đó chính là thứ ông sở hữu, hoạt động hoàn toàn bình thường, còn Nadir Khan chắc chắn là thiếu; vào những đêm ông nháp nhồm trên bụng bà - khi đưa bé trong tử cung bà chỉ nhỏ bằng con ếch - bà không có chút khoái cảm nào.

... “Đừng, đừng nhanh thế, janum, cuộc sống của em, lâu hơn chút nữa đi,” bà nói; và Ahmed, nhằm kéo dài thời gian, cố nghĩ đến đám cháy, đến điều cuối cùng xảy ra vào cái đêm rực lửa ấy, ngay khi quay đầu bỏ đi thì ông nghe thấy một tiếng kêu ghê rợn trên không, và, ngẩng lên, kịp thấy một con kền kền - giữa đêm! - một con kền kền từ Tháp Im lặng bay trên đầu, và vừa đánh rơi bàn tay Parsee^[7] đang ăn dở, bàn tay phải, cái bàn tay - lúc này! - tát thẳng vào mặt ông khi rơi xuống; trong khi Amina, nằm dưới ông ở trên giường, tự trách mình: Sao mày không thích được, đồ đàn bà ngu xuẩn, từ nay mày phải cố vào.

[7] Nguyên văn: Parsee, tín đồ Bái hỏa giáo, đặc biệt là hậu duệ của những người từ Ba Tư chạy sang Ấn Độ trong khoảng thế kỷ 7-8 Công nguyên.

Ngày mùng 4 tháng Sáu, đôi vợ chồng đồng sàng dị mộng rời Bombay trên chuyến tàu Frontier Mail. (Có tiếng đập cửa, tiếng người cố sống cố chết cầu xin, tiếng nắm đấm kêu gào, “Maharaj! Mở cửa đi, một tích tắc thôi! Trời ơi, từ dòng sữa của lòng nhân từ, hỡi ngài tôn quý, làm ơn cứu vớt!” Và có cả - giấu dưới đồng hồ môn trong chiếc thùng tôn xanh - một chiếc ống nhỏ cầm ký bằng bạc, khảm thanh kim thạch, chế tác tinh xảo.) Cùng ngày, Bá tước Mountbatten xứ Miến Điện tổ chức họp báo, tại đó ông ta tuyên bố việc Chia cắt Ấn Độ, và treo tờ lịch đếm ngược của mình lên tường: bảy mươi ngày nữa là đến thời điểm chuyển giao quyền lực... sáu mươi chín... sáu mươi tám... tích, tắc.

Chương 7: Methwold

Ngự dân đến đây đầu tiên. Trước tiếng tích tắc của Mountbatten, trước lũ quái vật và những lời tuyên bố công khai; khi hôn nhân dưới lòng đất vẫn là điều không tưởng và ông nhô còn chưa ai biết đến; sớm hơn Mercurochrome; xưa hơn các nữ đô vật chẳng những tắm ga giường khoét lỗ; và trước, trước nữa, xa hơn Dalhousie và Elphinstone, trước khi Công ty Đông Ấn xây Pháo đài, trước William Methwold đầu tiên; vào buổi bình minh của lịch sử, khi Bombay vẫn là một hòn đảo hình quả tạ tay, thất lại ở giữa thành một dải bờ hẹp lung linh mà từ đó ta có thể thấy cảng biển tự nhiên đẹp và rộng nhất châu Á, khi Mazagaon và Worli, Matunga và Mahirm, Salsette và Colaba vẫn còn là đảo - nói cách khác, trước thời kỳ lấn biển, trước khi tetrapod^[1] và cọc chìm biển vùng Bảy Đảo thành một bán đảo, dài như một bàn tay tham lam xò rộng, vươn về phía Tây ra biển Ả Rập; ở thế giới ban sơ trước

thời của những tháp đồng hồ, ngư dân - được gọi là Koli - chèo những chiếc dhow Ả Rập, giương những cánh buồm đỏ trên nền mặt trời sắp lặn. Họ bắt cá chim cùng cua bể, và biến tất cả chúng ta thành dân mê cá. (Hay gần như tất cả. Padma đã quy phục dưới ma thuật huyền ngư của họ; nhưng tại nhà tôi, chúng tôi bị lây tính khác người từ huyết thống Kashmir, với sự lãnh đạm băng giá của bầu trời xứ Kashmir, và tiếp tục là dân ăn thịt.)

[1] Những khối bê tông lớn có bốn chân, được sử dụng để lấp đất lấn biển.

Khi ấy còn có cả dừa và lúa. Và, trên hết, có sự ngự trị từ ái của nữ thần Mumbadevi, mà tên tuổi - Mumbadevi, Mumbabai, Mumbai - hẳn đã có thể trở thành tên thành phố. Nhưng hồi ấy, người Bồ Đào Nha đặt tên nơi này là Bom Bahia vì cảng biển của nó, chứ không phải vì vị thần của ngư dân bắt cá chim... người Bồ Đào Nha là những kẻ xâm lăng đầu tiên, sử dụng cảng để che chở cho tàu buôn và chiến hạm của mình; nhưng rồi, một ngày năm 1633, một nhân viên ở Công ty Đông Ấn tên là Methwold hình dung ra một viễn cảnh. Viễn cảnh này - giấc mơ về một Bombay thuộc Anh, thành lũy kiên cố, sẽ bảo vệ một dải Tây Ấn trước mọi kẻ xâm nhập - đó là một ý tưởng có sức mạnh ghê gớm đến mức khiến thời gian chuyển động. Lịch sử dâng trào; Methwold chết; năm 1660, Charles II nước Anh đính hôn với Catharine của Gia tộc Braganza Bồ Đào Nha - chính cái bà hoàng Catharine sẽ suốt đời đóng vai đào phụ cho ả Nell bán cam^[2]. Nhưng bà có niềm an ủi này - rằng chính món hồi môn của mình đã đem Bombay đặt vào tay người Anh, hẳn là trong một chiếc thùng tôn xanh, và đem viễn cảnh của Methwold một bước nữa đến gần hiện thực. Sau đó không bao lâu, là đến ngày 21 tháng Chín năm 1668, khi Công ty Đông Ấn rút cuộc đã chạm được tay vào hòn đảo... và rồi họ bắt tay làm, với Pháo đài và dự án lấn biển, và trong chớp mắt một thành phố ra đời, Bombay, mà có một bài ca cũ hát rằng:

Prima in Indis,

Cửa ngõ vào Ấn Độ

Ngôi sao của phương Đông

Mặt ngoảnh về phương Tây

[2] Gwyn Nell, một người bán cam chuyển nghề làm diễn viên, sau này trở thành tình nhân của Charles II.

Bombay của chúng ta, Padma! Hồi ấy nó khác lắm không có hộp đêm hay nhà máy rau quả ngâm hay khách sạn Oberoi-Sheraton hay phim trường; nhưng thành phố phát triển với tốc độ chóng mặt, có một nhà thờ và một bức tượng kỳ mã của vị vua chiến binh Sivaji xứ Mahratta (mà chúng tôi nghĩ là) sống dậy về đêm và phóng sấm sập trên những nẻo đường thành phố - dọc Đại lộ Marine Drive! Trên bãi biển Chowpatty! Qua những ngôi nhà đồ sộ trên Đồi Malabar, quanh Góc phố Kemp, ngả nghiêng dọc bờ biển tới tận Scandal Point! Và phải, sao lại không, chạy mãi chạy mãi, xuống đường Warden nhà tôi, dọc những bể bơi chia khu của Breach Candy, ngược lên Đền Mahalaxmi nguy nga và Cầu lạc bộ Willington cũ kỹ... Suốt thời thơ ấu của tôi, mỗi khi Bombay rơi vào thời kỳ đen tối, một kẻ mất ngủ đi đêm nào đó sẽ kể rằng mình đã thấy bức tượng phóng qua; tai họa, ở thành phố thời thơ ấu của tôi, nhảy múa theo điệu nhạc ma quái từ những chiếc móng bằng đá xám của một con ngựa.

Và giờ họ ở đâu, những cư dân đầu tiên ấy ? Trong số họ dừa là khá nhất. Dừa vẫn bị chặt đầu hằng ngày trên bãi biển Chowpatty; trong khi ở bãi Juhu, dưới ánh mắt uể oải của các minh tinh màn

bạc ngũ tại Khách sạn Sun 'n' Sand, những cậu bé vẫn thoăn thoắt trèo dừa và hái xuống thứ quả râu xồm. Dừa có cả một lễ hội của riêng mình, Ngày Dừa, được tổ chức chỉ vài hôm trước ngày sinh đồng thời điểm của tôi. Về phần dừa, quý vị có thể yên tâm. Lúa thì không may mắn thế; những ruộng lúa giờ đây đã vùi dưới bê tông; chung cư mọc lên nơi lúa từng ngâm mình trong bùn và từ đó ta có thể nhìn thấy biển. Thế nhưng, ở thành phố, chúng ta vẫn là dân nghiện gạo. Gạo Patna, Basmati, Kashmiri, ngày ngày vẫn đổ về thành thị; cho nên thứ gạo gốc, nguyên thủy vẫn lưu dấu ấn trên tất cả chúng ta, và không thể nói là đã chết đi vô ích. Về phần Mumbadevi - ngày nay bà không được ưa chuộng lắm, đã bị thay thế bằng thần Ganesh đầu voi trong sự sùng bái của cư dân. Lịch lễ hội cho thấy sự suy vi của bà: Ganesh - "Ganpati Baba" - có lễ hội Ganesh Chaturthi của mình, khi những đám rước hoành tráng được tiền hô hậu ủng, diễu hành đến Chowpatty mang theo tượng thạch cao của vị thần, rồi ném xuống biển. Ngày Ganesh là dịp lễ cầu mưa, nó gọi gió mùa về, nó cũng được tổ chức vài ngày trước khi tôi xuất hiện cuối kỳ tích tắc đếm ngược - nhưng còn ngày của Mumbadevi ở đâu? Nó không có trong lịch. Lời nguyện cầu của dân đánh cá chim, câu khẩn vái của người săn cua bể đi về đâu?... Trong số những cư dân đầu tiên, ngư dân Koli có kết cục thảm nhất. Ngày nay bị nhồi vào một ngôi làng tí hon ở ngón cái của bán đảo hình bàn tay, họ được công nhận là đã mang đến cái tên cho một quận - Colaba. Nhưng hãy đi đến cuối Đê Colaba - qua những hàng quần áo rẻ tiền và quán ăn Iran và những căn hộ hạng xoàng của giáo viên, nhà báo và thư ký - quý vị sẽ tìm thấy họ, mắc kẹt giữa căn cứ hải quân và biển cả. Và đôi khi những phụ nữ Koli, tay tanh mùi ruột cá và thịt cua, lại ngạo nghễ chen lên hàng người chờ xe buýt ở Colaba, với tấm sari màu gấc (hay tím) xắn lên đầy khiêu khích giữa hai chân, với một ánh nhìn nhói lòng của những lần thất bại và bị tước đoạt xa xưa trong đôi mắt lồi có phần giống cá của họ. Một pháo đài, rồi đến một thành phố, cướp đất của họ; máy đóng cọc đã (rồi tetrapod sẽ) đánh cắp từng mảnh biển của họ. Nhưng những chiếc dhow Ả Rập vẫn đây, vẫn chiều chiều dong buồm trên bóng hoàng hôn... tháng Tám năm 1947, người Anh, kẻ chấm dứt sự thống trị của chài lưới, dừa, lúa và Mumbadevi, chuẩn bị đến lượt mình ra đi; không có sự thống trị nào là vĩnh cửu.

Và ngày 19 tháng Sáu, hai tuần sau khi đến nơi bằng tàu Frontier Mail, cha mẹ tôi bước vào cuộc mặc cả kỳ quái với một người Anh sắp ra đi như vậy. Tên ông ta là William Methwold.

Lội vào Điện trang Methwold (ta đang bước vào vương quốc của tôi, tiến vào trái tim của tuổi thơ tôi; cô tôi bỗng đứng nghen lại) rẽ khỏi đường Warden ở đoạn giữa bên xe buýt và một dãy cửa hàng nhỏ. Hiệu đồ chơi Chimalkers; Thiên Đường của Độc giả^[3]; hiệu kim hoàn Chimanbhoy Fatbhoy; và, trên hết, Bombelli hàng Bánh kẹo, với bánh Hàu tước, với Sô Cô La Dài Cả Mét! Những cái tên lừng lẫy; nhưng giờ chưa phải lúc. Đi qua cậu bé thị động bằng bìa đang giơ tay chào ở Hiệu giặt là Band Box, con đường đưa ta về nhà. Ngày ấy tòa cao ốc màu hường của đám đàn bà nhà Narlikar (sự mô phỏng xấu xí cột sóng phát thanh ở Srinagar!) thậm chí còn chưa có trọng suy nghĩ của bất kỳ ai; con đường đi lên một quả đồi thấp, không cao hơn ngôi nhà hai tầng là mấy; nó lượn vòng ra biển, nhìn xuống Cầu lạc bộ Bơi lội Breach Candy, nơi dân da hồng có thể bơi trong cái bể hình Ấn-Độ-thuộc-Anh mà chẳng sợ cọ xát phải một làn da đen; và kia, bề thế tọa lạc xung quanh một vòng xuyên nhỏ, là bốn tòa cung điện của William Methwold, trên đó treo những tấm biển rồi sẽ - nhờ tôi - tái xuất hiện nhiều năm sau, những tấm biển hai chữ; hai thôi, nhưng đã lừa được cặp cha mẹ khờ khạo của tôi vào trò chơi quái dị của Methwold: BÁN NHÀ.

Diện trang của Methwold: bốn tòa nhà giống hệt nhau có phong cách kiến trúc tương xứng với những chủ nhân đầu tiên (nhà của kẻ chinh phục! Biệt thự La Mã; những ngôi nhà ba tầng của các vị thần, trên một đỉnh Olympus hai tầng, một ngọn Kailash^[4] lùn!) - những dinh thự rộng, vững chãi có mái đỏ chữ A và tháp canh bốn góc, những ngọn tháp trắng ngà đội mũ ngói đỏ chóp nhọn (rất hợp để nhốt các nàng công chúa!) - những ngôi nhà có hàng hiên, nối với khu của người hầu bằng cầu thang sắt xoắn ốc khuất ở mặt sau - những ngôi nhà mà chủ nhân của chúng, William Methwold, đặt tên một cách vương giả theo những cung điện châu Âu: Biệt thự Versailles, Biệt thự Buckingham, Biệt thự Escorial và Sans Souci. Hoa giấy bò khắp nơi; cá vàng bơi giữa những bể nước xanh lơ; xương rồng mọc trong thạch viên; những cây xâu hồ bé xíu chen chúc dưới mấy gốc me; có bướm và hoa hồng và cả ghế mây trên thảm cỏ. Và vào cái ngày giữa tháng Sáu ấy, Ngài Methwold bán những cung điện trông không của mình với cái giá thấp đến kỳ cục - nhưng có một số điều kiện. Và bây giờ, không đến đủ thêm nữa, tôi giới thiệu ông ta với quý vị, vẹn nguyên với đường ngôi nằm giữa mái tóc... một vị thần Titan cao mét tám, tay Methwold này, mặt tươi màu hoa hồng và tuổi trẻ vĩnh cửu, ông ta có mái tóc đen dày chuốt dầu thơm, rẽ ngôi ở chính giữa. Rồi ta sẽ nói về cái ngôi giữa này, mà sự thẳng thớm như cây thông nòng sừng khiến Methwold trở nên không cưỡng nổi trước đàn bà, khiến họ không sao kiềm chế được nổi ham muốn vồ tung nó lên... Mái tóc của Methwold, rẽ ngôi giữa, liên quan rất mật thiết đến sự ra đời của lồi. Đó là một trong những đường viền mái tóc mà dọc theo nó lịch sử và tình dục sẽ vận động. Như diễn viên xiếc đi dây. (Nhưng bất chấp tất cả, ngay cả tôi, người chưa từng gặp ông ta, chưa từng quan sát hàm răng sáng loáng ung dung hay mái tóc chải chuốt câu kỳ ấy, cũng không thể đem lòng oán hận ông ta được).

[4] Một đỉnh núi thuộc dãy Himalaya, được coi là nơi ở của thần linh.

Còn mũi ông ta? Trông nó thế nào? Nổi bật? Phải, hẳn rồi, di sản của người bà quý tộc Pháp - từ Bergerac! - mà dòng máu chảy trong huyết quản ông ta biếc màu bích thủy và khiến nét hào hoa phong nhã ấy tối lại với một điều gì đó độc địa hơn, một ánh ngọt ngào chết chóc của ngài đáng.

Diện trang của Methwold được bán với hai điều kiện: rằng mỗi ngôi nhà được mua kèm theo tất cả mọi thứ bên trong, và toàn bộ đồ đạc phải được chủ nhân mới lưu giữ; việc chuyển giao thực sự sẽ không diễn ra cho đến nửa đêm 15 tháng Tám.

“Mọi thứ?” Amina Sinai hỏi. “Em không thể vứt đi cả một cái thìa? Allah, cái chụp đèn kia... Em không thể bỏ đi một cái *lược*?”

“Thượng vàng hạ cám,” Methwold nói. “Đây là điều kiện của tôi. Ngẫu hứng, Ngài Sinai... ngài sẽ cho phép tay thực dân sắp cuốn gói chơi trò chơi nhỏ của hấn chứ? Bọn tôi còn gì mấy để làm nữa đâu, dân Anh bọn tôi, ngoài việc chơi trò chơi.”

“Mình nghe này, nghe này, Amina,” sau này Ahmed nói, “Mình muốn sống ở cái phòng khách sạn này suốt đời à? Cái giá ấy rất tuyệt; quá tuyệt là đằng khác. Và ông ta còn làm gì được sau khi đã bàn giao giấy tờ? Lúc đó mình thích vứt cái chụp đèn nào thì vứt. Có chưa đầy hai tháng...”

“Các vị sẽ uống cocktail trong vườn nhé?” Methwold nói, “Sáu giờ chiều hằng ngày. Giờ cocktail. Hai mươi năm nay chưa từng sai trật.”

“Nhưng lạy Chúa, cái màu sơn... tủ đồ thì chật ních quần áo cũ, janum... ta sẽ phải sống với đồng vali, chẳng có chỗ để cất lấy một bộ quần áo!”

“Làm ăn quá tệ, Ngài Sinai *a*,” Methwold nhấp một ngụm Scotch giữa xương rồng và hoa hồng, “Chưa thấy thế bao giờ. Mấy trăm năm chính quyền tử tế, thế rồi đột nhiên, cấp dứt đi luôn. Ngài phải thừa nhận là chúng tôi không phải cái gì cũng xấu: làm đường sá. Trường học, tàu hỏa, và chế độ nghị viện, toàn những thứ tốt kém. Taj Mahal Mahal cứ đổ nát dần cho đến khi một người Anh chịu để mất đến nó. Và giờ, đột nhiên, độc lập. Bảy mươi ngày để cuốn gói. Tôi cực lực phản đối việc này, nhưng biết làm gì bây giờ?”

“... Nhìn mấy vết ố trên thảm mà xem, janum; suốt hai tháng ta phải sống như những người Anh ấy à? Mình ngó vào nhà tắm chưa? Không có nước cạnh hồ xí. Trước giờ em có tin đâu, nhưng hóa ra đúng thật, lạy Chúa, họ chỉ chùi dít bằng giấy thôi!...”

“Ngài nói xem, Ngài Methwold,” giọng Ahmed Sinai biến đổi, trước mặt một người Anh nó biến thành sự bất chước kịch cớm chất giọng Oxford lè nhè, “sao nhất thiết phải trì hoãn? Kể ra, bán luôn là hay nhất. Giải quyết dứt điểm đi.”

“... Rồi tranh vẽ mấy cụ già người Anh ở khắp nơi, baba! Đến chỗ để treo ảnh cha tôi trên tường cũng chẳng còn!...”

“Dường như, Ngài Sinai,” Ngài Methwold rót thêm rượu vào cốc khi mặt trời lao xuống biển Ả Rập ở phía sau bể bơi Breach Candy, “bên dưới cái ngoại hình Anh quốc cứng nhắc này ẩn chứa một tâm hồn mang nỗi thèm khát ẩn dụ rất Ấn Độ.”

“Và uống rượu nhiều quá, janum... như thế không tốt.”

“Tôi không hiểu lắm - Ngài Methwold, ừm - chính xác ngài muốn nói...”

“... Chà, ngài biết đấy: ở mức độ nào đó, tôi cũng đang chuyển giao quyền lực. Ngựa ngáy muốn làm điều đó cùng lúc với đức ngài Raj. Như tôi nói ấy: trò chơi. Chiều ý tôi chứ, Sinai? Nói cho cùng: cái giá này, chính ngài đã thừa nhận, không hề tệ.”

“Ông ta điên rồi à, janum? Minh nghĩ sao: giao dịch thế có an toàn không, nếu ông ta bị dờ hơi ?”

“Nghe này, bà xã,” Ahmed Sinai nói, “ta nói chuyện này thế đủ rồi. Ngài Methwold là người tử tế; con nhà dòng dõi; người có phẩm giá; tôi sẽ không để tên ông ấy bị... Và hơn nữa, những người mua khác chẳng ai làm rộn như mình đâu, tôi đảm bảo... Chưa kể, tôi đã nhận lời rồi, việc này chấm dứt ở

đây.”

“Làm cái kẹo giòn,” Ngài Methwold nói, chìa ra cái đĩa. “Tự nhiên đi, Ngài S.. Phải, một chuyện kỳ quái. Chưa từng thấy gì như thế. Mấy tay hàng xóm cũ của tôi - toàn dân ở nát đất Ấn Độ này rồi - tự nhiên, cấp đít đi luôn. Chả ra gì. Thấy Ấn Độ mát ngon. Sau một đêm. Quá khó hiểu với một gã đơn giản như tôi. Như thể họ phải sạch tay - không muốn mang theo một mẫu nào. “Thôi bỏ đi,” họ bảo. Về quê, làm lại từ đầu. Mà có thiếu tiền đâu, chẳng ai thiếu cả, ông biết đấy, nhưng ngay cả thế vẫn quá Dị. Bỏ tôi lại, ôm cả cái nhà. Rồi tôi nảy ra một ý tưởng.”

“... **Phải, quyết định, quyết định,**” Amina **kích động nói,** tôi thì ngồi một đồng ở đây với đứa bé, tôi thì còn làm được gì nữa? Tôi phải sống ở nhà người lạ với đứa bé đang lớn dần, thì sao ?... Ôi, mình bắt tôi làm những gì thế này...”

“Đừng khóc,” Ahmed nói, đi tới đi lui trong phòng, “Ngôi nhà ấy tốt mà. Mình biết là mình cũng thích nó. Mà có hai tháng... chưa đầy hai tháng... sao, nó đập à? Để tôi xem nào... Đâu? Đây à?”

“Đấy,” Amina nói, lấy tay quẹt mũi, “Đập khiếp lên được ấy.”

“Ý tưởng của tôi,” Ngài Methwold giải thích, mắt đăm đăm nhìn mặt trời sắp lặn, “là dàn dựng việc chuyển giao tài sản của riêng tôi. Bỏ lại tất cả, ngài thấy đấy? Chọn những người thích hợp, như ngài chẳng hạn, Ngài Sinai! - rồi bàn giao tất cả nguyên vẹn tuyệt đối: trong tình trạng hoạt động hoàn hảo. Thử nhìn xem: mọi thứ đều ngon nghề, ngài có công nhận không? Chuẩn không cần chỉnh, tui tôi vẫn nói. Hay, như các vị trong tiếng Hindu: Sabkuch ticktock hai. Mọi thứ đều ngon lành.”

“Mấy ngôi nhà này cũng toàn người tử tế đang mua thôi,” Ahmed đưa cho Amina cái khăn mùi soa, “hàng xóm mới, tử tế... nhà ông Homi Catrack bên Điện Versailles, người Parsee, nhưng là chủ ngựa đua. Sản xuất phim này kia. Rồi nhà Ibrahim bên Sans Souci, Nussie Ibrahim cũng đang có thai, hai người có thể là bạn bè... và ông lão Ibrahim, có mấy đôn điền sisal^[5] hoành tráng ở châu Phi. Gia đình tử tế.”

[5] Một loài cây cho sợi, dùng để bện dây thừng.

“... Và sau đó tôi muốn làm gì với ngôi nhà cũng được...?”

“Ừ, sau đó, tất nhiên, ông ta đi rồi còn đâu...”

“... Tất cả đã được thu xếp đâu vào đấy,” William Methwold nói. “Ngài có biết ông tổ tôi là người có ý tưởng xây dựng cả thành phố này không? Một kiểu Raffles của Bombay^[6]. Là hậu duệ của cụ, trong thời khắc trọng đại này, tôi thấy, tôi không biết, cần phải đóng vai của mình. Phải, tuyệt vời... bao giờ ngài dọn đến? Nói một câu là tôi dọn ra Khách sạn Taj ngay. Mai à? Tuyệt lắm. Sabkuch ticktock hai.”

[6] Sir Thomas Stamford Raffles, người thiết lập thương cảnh Anh ở Singapore năm 1818.

Đây là những người đã sống quanh tôi thời thơ ấu: Ngài Homi Catrack, đại gia điện ảnh và chủ ngựa đua, có đứa con gái ngớ ngẩn Toxy, phải bị nhốt cùng bà bảo mẫu, Bi-Appah, người đàn bà đáng sợ nhất tôi từng biết; rồi nhà Ibrahim ở Sans Souci, ông lão Ibrahim Ibrahim có chòm râu dê và sisal, hai ông con trai Ismail và Ishaq, và cô vợ Nussie nhỏ thó le te đen đui của Ismail, mà tụi tôi vẫn gọi là Nussie-vịt-bầu vì cái dáng đi lạch bạch, chủ nhân của cái tử cung trong đó thằng Sonny bạn tôi đang lớn dần, ngay lúc này, càng lúc càng đến gần hơn cái tai ương với chiếc kẹp phụ khoa... Biệt thự Escorial được chia thành nhiều căn hộ. Tầng trệt là nhà Dubash, chồng là một nhà vật lý sẽ trở thành ngọn hải đăng của trung tâm nghiên cứu nguyên tử Trombay, vợ là một phụ nữ tầm thường mà dưới vẻ nhạt nhẽo ẩn giấu một sự cuồng tín tôn giáo thực thụ - nhưng tôi sẽ để nó nằm yên đó, chỉ đề cập đến việc họ là bố mẹ thằng Cyrus (mà vài tháng nữa mới được thụ thai), sư phụ đầu tiên của tôi, đứa chuyên đóng vai con gái trong những vở kịch ở trường, và biệt hiệu là Cyrus-đại-đế. Tầng trên là ban của bố tôi Bác sĩ Narlikar, người cũng mua một căn hộ ở đây... ông ta cũng đen như mẹ tôi: có khả năng tỏa sáng rực rỡ mỗi khi hưng phấn hay hứng tình; ghét trẻ con, dù chính ông ta đưa chúng tôi ra đời; và sẽ giải phóng ra thành phố, khi ông ta chết, một đám đàn bà có thể làm mọi chuyện và không chướng ngại gì cản được bước tiến của họ. Và, cuối cùng, ở tầng cao nhất, là Trung tá Sabarmati và Lila - Sabarmati, ngôi sao đang lên của Hải quân, cùng cô vợ với những sở thích đắt tiền; anh ta vẫn chưa tin nổi vận may của mình khi kiếm được cho cô nàng một căn nhà rẻ thế. Họ có hai con trai, mười tám tháng và bốn tháng, sẽ lớn lên thành hai thằng nhóc một chậm chạp một hiếu động, biệt hiệu Mất Ghè và Tóc Dầu; cả hai không biết (sao mà biết được?) rằng tôi sẽ hủy hoại cuộc đời tụi nó... Được William Methwold lựa chọn, những người sẽ hình thành trung tâm thế giới của tôi dọn đến Điện trang, và chịu đựng sự ngẫu hứng kỳ quặc của người Anh nọ - vì cái giá, nói cho cùng, quá tốt.

... Ba mươi ngày nữa là đến ngày chuyển giao quyền lực và Lila Sabarmati đang nói chuyện điện thoại, “Làm sao chị chịu được hả, Nussie? Ở đây phòng nào cũng có lũ vẹt biết nói, và trong almirah^[7] tôi thấy đây vấy bị nhậy căn với xu chiêng cũ!”... Rồi Nussie mách Amina, “Cá vàng, Allah, tôi không chịu nổi bọn nó, nhưng Methwold sahib tự mình đến cho chúng ăn... rồi mấy nòi Bovril^[8] dở mà ông ấy bảo tôi không được vứt đi... điên rồi, chị Amina ạ, chúng ta đang làm gì thế này?”... Còn ông lão Ibrahim nhất định không chịu bật cái quạt trần trong phòng ngủ, lưng búng, “Cái máy ấy sẽ rơi - nó sẽ chặt đầu tao xuống giữa đêm - thứ nặng như thế thì dính trên trần được bao lâu?”... Còn Homi Catrack, một dạng nhà tu khô hạnh, thì buộc phải nằm trên một chiếc đệm to và êm, ông ta bị đau lưng và mất ngủ, còn những vòng đen hệ quả của giao phối cận huyết trong mắt ông ta bị bao quanh bởi từng quầng thâm mắt ngủ, và đám người làm bảo nhau, “Thảo nào các sahib ngoại quốc đều bỏ đi, sahib ạ, họ chắc là thèm ngủ chết được.” Nhưng tất cả vẫn kiên gan bám trụ; và ngoài những vận đề cũng có cả những ưu điểm. Hãy nghe Lila Sabarmati (“cô ả ấy - đẹp đến nỗi khó mà đứng đắn được” mẹ tôi nói)... “Một chiếc pianola^[9], chị Amina! Và nó vẫn chạy. Suốt ngày em chỉ ngồi và ngồi, bật đủ thứ trên trời dưới biển! “Đôi Tay Trắng Xanh Em Yêu Bên Vườn Shalimar... vui thật, vui lắm ấy, chị chỉ cần nhân cần đáp!”... Còn Ahmed Sinai tìm thấy một tủ cocktail ở Biệt thự Buckingham (vốn là tư gia của chính Methwold trước khi trở thành nhà tôi); ông đang khám phá sự hưng phấn đến từ whisky Scotch hảo hạng và nói, “Thì sao? Ngài Methwold chỉ hơi lập dị một chút, thế thôi - chả lẽ chúng ta không chiều nổi ông ấy? Với nên vẫn mình lâu đời của mình, chả lẽ chúng ta không thể vẫn mình như ông ấy?”... và làm một hơi cạn cốc. Ưu và nhược điểm: “Cả một lũ chó phải trông nom, chị Nussie,” Lila Sabarmati cần nhận. “Em ghét chó, ghét lắm ấy. Và em mèo bé bỏng choochie của em, *để sưng* lắm cơ, nó sợ chết khiếp đi ấy!”... Và Bác sĩ Narlikar, lung linh lên vì bức bối, “Ngay đầu giường tôi! Toàn tranh trẻ con, anh Sinai! Đây anh xem: Béó! Hồng! Ba đứa! Nghe có được không?”... Nhưng giờ khi chỉ còn hai mươi ngày nữa, tình hình lắng dịu dần, mặt gai góc của mọi việc cũng nhòa đi, nên tất cả không ai nhận thấy điều đang diễn ra: tòa Điện trang, Điện trang của Methwold, đang thay đổi họ.

Tối tối cứ sáu giờ họ lại ra vườn, bày tiệc cocktail, và khi William Methwold ghé thăm, họ vào rất ngọt những vai giả giọng Oxford lè nhè; và họ học, về quạt trần và bếp ga và chế độ ăn thích hợp cho lũ vẹt đuôi dài, còn Methwold giám sát sự biến đổi của họ, lăm râm khe khẽ. Nghe cho kỹ: ông ta đang nói gì? Phải, đúng vậy. “Sabkuch ticktock hai,” William Methwold lăm râm. Ngon lành cả.

[7] *Tủ quần áo*

[8] *Một nhãn hiệu nước thịt hầm của Anh*

[9] *Loại đàn piano tự động, chơi những cuộn nhạc bấm lỗ*

Khi ấn bản Bombay của tờ *Thời báo Ấn Độ* vốn đang tìm kiếm một phóng sự chân dung hấp dẫn nhằm chào mừng ngày Độc lập sắp tới, tuyên bố sẽ trao giải thưởng cho bất kỳ bà mẹ Bombay nào có thể sắp xếp sinh em bé đúng vào thời điểm ra đời của quốc gia mới, Amina Sinai, vừa tỉnh dậy sau một giấc mơ bí ẩn về giấy bầy ruồi, bèn dán mắt vào tờ báo. Tờ báo được gi vào mũi Ahmed Sinai; và ngón tay Amina, đặc thẳng chọc vào trang báo, nhấn mạnh sự quả quyết tuyệt đối trong giọng bà.

“Thấy chưa, janum ?” Amina tuyên bố. “Chính là em đấy.”

Hiện lên, trước mắt họ, là viễn cảnh về những dòng tit in đậm loan tin “Một Tám hình Duyên dáng của Bé Sinai - Đứa trẻ của Giờ phút Huy hoàng này!” - một viễn cảnh về những tám-hình-em-bé A-1 thượng-hạng trang-nhất cỡ-đại; nhưng Ahmed bắt đầu phản bác, “Thử tính đến khả năng trượt xem, Begum,” cho đến khi bà mím chặt môi lại đầy bướng bỉnh, và lặp lại, “Không có nhưng nhị gì cả; chắc chắn đó là em; em biết chắc là như thế. Đừng hỏi sao em biết.”

Mặc dù Ahmed thuật lại lời tiên đoán của vợ mình cho William Methwold như một chuyện cười bên bàn cocktail, Amina vẫn không lay chuyển, kể cả khi Methwold bật cười, “Trực giác của phụ nữ - tuyệt thật, bà S.! Nhưng quả thật, bà khó có thể chờ đợi chúng tôi sẽ...” Ngay cả trước áp lực từ ánh mắt khó chịu của cô ả hàng xóm Nussie-vịt-bầu, người cũng đang có thai, và cũng đọc tờ *Thời báo Ấn Độ*, Amina vẫn không sòn lòng, vì lời tiên tri của Ramram đã ngấm sâu vào tim bà.

Thành thực mà nói, càng về sau trong thời kỳ mang bầu, Amina càng thấy lời thầy bói mỗi lúc một đè nặng hơn lên vai bà, đầu bà, quả bóng căng tròn của bà, nên khi mắc vào mạng nhện của nỗi lo âu sẽ sinh ra một đứa trẻ hai đầu, bà đã bằng cách nào đó thoát khỏi cái ma lực vi diệu của Điện trang Methwold, và miễn nhiễm với tiệc cocktail, vẹt đuôi dài, pianola và giọng Anh. Ban đầu, có gì đó mơ hồ trong sự quả quyết của bà rằng mình sẽ giành được giải thưởng của tờ *Thời báo*, bởi bà đã thuyết phục bản thân rằng nếu phần này trong lời đoán mệnh của ông thầy bói ứng nghiệm, nó sẽ chứng tỏ rằng những gì còn lại cũng chính xác như vậy, bất kể ý nghĩa của chúng là gì. Cho nên đó không hề là âm sắc của niềm tự hào và mong đợi thuần túy khi mẹ tôi đáp, “Chẳng trực giác gì hết, Ngài Methwold ạ. Đây là sự thật được bảo đảm.”

Với chính mình bà nói thêm: “Còn điều này nữa: ta sẽ có một đứa con trai. Nhưng nó sẽ cần được chăm sóc rất nhiều, nếu không thì...”

Tôi cảm thấy, sâu trong huyết quản mẹ tôi, có lẽ sâu hơn bà nghĩ, những tư tưởng siêu nhiên của Naseem Aziz bắt đầu tác động tới suy nghĩ và hành động của bà - những tư tưởng đã thuyết phục Mẹ Bề trên rằng máy bay là phát minh của quỷ dữ, rằng máy ảnh có thể đánh cắp linh hồn ta, rằng hồn ma cũng là một phần tất yếu của hiện thực như Thiên Đường, rằng đặt những vành tai rất thánh nào đấy giữa ngón cái và ngón trỏ là một tội lỗi không hơn không kém, lúc này đang thăm thẳm vào cái đầu đang tối lại của con gái bà. “Dù chúng ta đang ngồi giữa đồng rác Anh quốc này,” mẹ tôi bắt đầu nghĩ, “đây vẫn là Ấn Độ, và những người như Ramram Seth vẫn biết cái mà họ biết.” Cứ thế, thái độ hoài nghi của người cha kính yêu của bà bị thay thế bằng tính cả tin của bà ngoại tôi; và, đồng thời, đốm lửa phiêu lưu Amina thừa kế từ Bác sĩ Aziz đã bị dập tắt bởi một sức nặng khác, có trọng lượng tương đương.

Tới khi mùa mưa đến vào cuối tháng Sáu, cái bào thai đã thành hình tròn vẹn trong tử cung bà. Đầu gối và mũi đã xuất hiện; và có bao nhiêu cái đầu thì bấy nhiêu đã vào vị trí. Thớ từng (vào buổi ban đầu) nhỏ bằng một dấu chấm đã to dần lên thành một dấu phẩy, một từ, một câu, một đoạn, một chương; lúc này nó bùng nổ với những bước phát triển phức tạp hơn, trở thành, có thể nói, một quyển sách - hẳn là một cuốn bách khoa toàn thư - thậm chí cả một ngôn ngữ... như vậy để nói rằng cái khối u trên người mẹ tôi đã phát triển quá to, và trở nên quá nặng, đến nỗi trong khi đường Warden dưới chân ngọn đồi hai tầng nhà tôi ngập đầy nước mưa vàng khè bắn thiu và những chiếc xe buýt bỏ không bắt đầu hoen gỉ và bọn trẻ con bơi giữa con đường chất lỏng còn những tờ báo ướt sũng chìm trong nước, Amina thấy mình trong một gian tháp canh hình tròn dưới tầng một, hầu như không thể di chuyển dưới trọng lượng của trái bóng nặng như chì.

Mưa không dứt. Nước ngấm vào dưới những ô cửa nơi từng đóa tulip thủy tinh màu nháy múa trên các ô kính nép chì. Khăn tắm, được ốp vào khung cửa, hút nước cho đến khi nặng trĩu, sũng nước, vô dụng. Biển: xám xịt và trĩu nặng và vươn dài để gặp những quãng mây nơi chân trời bị co hẹp. Mưa đánh trổng vào tai mẹ tôi, góp phần vào sự hỗn loạn của thầy bói và tính cả tin kế thừa từ mẹ và sự hiện diện gây xáo trộn của những vật thuộc sở hữu người lạ, khiến bà tưởng tượng ra đủ thứ kỳ quái. Nằm chết gí dưới đứa con đang lớn dần, Amina hình dung ra bà là một tên giết người bị kết án dưới thời đại đế Mughal, cái thời mà chết vì bị nghiền nát dưới một tảng đá là một hình phạt phổ biến... và những năm sau này, mỗi lần nhìn lại giai đoạn ấy, ở cuối thời kỳ trước khi bà làm mẹ, giai đoạn khi tiếng tích tắc của những tờ-lich đếm ngược hối thúc mọi người đến ngày 15 tháng Tám, bà sẽ bảo: “Tôi chẳng biết gì về chuyện ấy cả. Với tôi, cứ như thể thời gian đã dừng lại hoàn toàn. Đứa bé trong bụng tôi đã dừng hết đồng hồ lại. Tôi tin chắc là thế. Đừng cười: chị có nhớ cái tháp đồng hồ dưới chân đồi không? Tôi nói chị nghe, sau mùa mưa năm ấy, nó không bao giờ chạy nữa.”

... Và Musa, lão bộc của cha tôi, người đã theo hai vợ chồng đến Bombay, chạy đi khoe với những người hầu khác, dưới bếp của những cung điện ngói đỏ, dưới dãy nhà của người hầu, đằng sau Điện Versailles và Escorial và Sans Souci: “Đó là một đứa bé mười-rupee hẳn hoi; phải rồi! Một con cá chim mười-đồng cỡ bự, chờ mà xem!” Đám người hầu rất vui; vì sinh nở là chuyện tốt và một đứa bé

bụ bẫm là điều tốt hơn cả...

... Còn Amina, chủ nhân cái bụng đã dừng tất cả đồng hồ lại, ngồi bất động trong căn phòng ở một ngọn tháp và bảo chồng, “Mình sờ thử xem... đây, mình thấy không?... thằng bé to khỏe chưa; mảnh trắng bé bỏng của chúng ta.”

Mãi tới khi mùa mưa kết thúc, và Amina đã trở nên nặng đến nỗi hai người hầu nam phải đan tay thành cái ghế để nâng bà lên, Wee Willie Winkie mới trở lại hát ở sân khấu tròn giữa bốn ngôi nhà; và mãi đến lúc ấy Amina mới nhận ra bà không chỉ có một, mà đến hai kinh địch (hai người bà biết) cho giải thưởng của tờ *Thời báo Ấn Độ*, và rằng, tiên tri hay không, nó cũng sẽ là một cú về đích cực kỳ khít khao.

“Wee Willie Winkie đó là tên anh, ca hát kiếm ăn trước giờ lừng danh!”

Cựu ảo thuật gia và chủ hộp vạn hoa và ca sĩ... ngay từ trước khi tôi ra đời, cái khuôn đã định hình. Các nghệ sĩ tạp kỹ sẽ thao túng đời tôi.

“Hy vọng rằng quý vị thấy thoải mái... Hay quý vị thấy thoải trống? Ôi, đùa đấy, quý bà và quý nương, hãy cười lên xem nào.”^[10]

[10] Nguyên văn: Ladies and ladahs. Ladies tiếng Anh là quý bà, quý cô, đọc gần giống như ladah, tiếng Hindi nghĩa là người yêu dấu, cung.

Caodiềntraí, một gã hề với chiếc phong cầm, anh đứng giữa vòng tròn sân khấu. Trong vườn của Biệt thự Buckingham, ngón chân cái của cha tôi ngo nguậy (cùng chín anh bạn đồng nghiệp) bên cạnh và bên dưới cái ngói giữa của William Methwold... đi xăng đan, tròn xoe và không hay biết mình sắp đến hồi mạt vận. Còn Wee Willie Winkie (mà tên thật ta không bao giờ biết) pha trò và hát. Từ hiên nhà ở tầng một Amina xem và nghe; và, từ hiên nhà hàng xóm, cảm thấy sự sắc nhọn trong ánh mắt ganh đua tị nạnh của Nussie-vịt-bầu.

... Trong khi tôi, ở bàn mình, cảm thấy sự châm chích từ thái độ nồn nóng của Padma. (Tôi, đôi khi, ao ước có một thính giả sắc sảo hơn, một người hiểu được sự cần thiết của nhịp điệu, tiết tấu và màn đạo đầu vi tế của những hợp âm thứ về sau sẽ nổi lên, trời dậy, chiếm lĩnh cả giai điệu; một người sẽ biết, chẳng hạn, rằng cho dầu sức nặng của em bé và mùa mưa đã làm cảm lạnh chiếc đồng hồ trên tháp của Điện trang, song nhịp đập trầm ôn từ tiếng tích tắc của Mountbatten vẫn ở đây, êm dịu nhưng quyết tuyệt, và chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi nó lập đây tại ta bằng tiếng nhạc giữ nhịp đều đặn, thì thùng.) Padma nói: “Giờ tôi chả muốn biết gì về gã Winkie này sất; cả ngày lẫn đêm tôi chờ đợi mà anh vẫn chưa chịu ra đời!” Nhưng tôi khuyên cô kiên nhẫn; mọi thứ đều ở đúng chỗ của nó, tôi khiển trách bông sen-phân của mình, vì cả Winkie nữa, cũng có mục đích và vị thế của anh, giờ anh đang chọc gheo các bà mạng thai đứng trên hiên nhà họ, ngừng hát để nói, “Hắn các bà đã nghe nói về giải thưởng? Tôi cũng thế. Vanita nhà tôi cũng sắp đến kỳ sinh nở, sắp rồi; biết đâu chính cô ấy chứ không phải các vị sẽ được lên báo!”... và Amina nhún vai, còn Methwold mỉm cười (có phải là một nụ cười gượng gạo? Vì sao?) dưới cái ngói giữa, và môi cha tôi trề ra vẻ hiểu biết trong khi ngón chân cái ngo nguậy và ông nói, “Thằng cha này hèn; hắn đùa quá trớn rồi.” Nhưng giờ Methwold với một thái độ rất giống với sự bối rối - thậm chí ăn năn - trách Ahmed Sinai, “Vớ vẩn, ông bạn. Chúc nghiệp của thằng hề, ông biết đấy. Được phép khiêu khích và nhạo báng. Chiếc van an toàn quan trọng của xã

hội.” Và cha tôi nhún vai, “Hmm.” Nhưng anh ta rất khôn ngoan, tay Winkie này, bởi anh ta đang xoa dịu tình hình, nói, “Sinh nở là chuyện tốt; hai ca là hai chuyện tốt! Quá tốt^[11], các bà, đùa đấy, thấy không?” Và không khí thay đổi khi anh đưa ra một ý tưởng độc đáo, một suy nghĩ quyết định, có sức mạnh áp đảo: “Quý bà, quý ông, quý vị phải làm gì để thấy thoải mái ở nơi này, giữa quá khứ dài lâu của Methwold sahib? Tôi nói các vị nghe: nghe có thể kỳ lạ; không thực; nhưng đây giờ là một ngôi nhà mới, thưa quý bà, quý nương, và không ngôi nhà mới nào là thật chừng nào nó còn chưa chứng kiến một đứa trẻ ra đời. Đứa trẻ sẽ làm quý vị thấy đây là nhà mình.” Sau đó, là một bài hát: “Daisy, Daisy...” Và Ngài Methwold, hòa theo, nhưng vẫn có gì đó u ám nhuộm bản chân mây ông ta...

[11] Hai chuyện tốt (two fine) đồng âm với quá tốt (too fine).

... Và đây là lý do: phải, đó là tội lỗi, bởi Winkie nhà ta có thể khôn ngoan và hài hước đấy, nhưng vẫn chưa đủ khôn ngoan, và giờ đã đến lúc tiết lộ bí mật đầu tiên của cái ngôi giữa trên đầu William Methwold, bởi nó đã nhỏ giọt xuống và nhuộm bản mặt ông ta: một ngày nọ, từ lâu trước tiếng tích tắc và vụ rao bán thượng vàng hạ cám, Ngài Methwold đã mời Winkie và Vanita của anh đến, hát riêng, trong căn phòng giờ là phòng khách chính của nhà tôi; và sau một lúc ông ta bảo, “Này, Wee Willie, giúp ta một việc nhé, anh bạn: ta cần mua thuốc theo đơn này, đau đầu kinh khủng, cầm nó ra Kemp’s Corner rồi bảo tay dược sĩ bán cho, người hầu nhà này lặn ra cầm hết rồi.” Winkie, một anh nhà nghèo, bảo Dạ sahib ngay đây sahib rồi chạy đi; và thế là Vanita còn lại một mình, với cái ngôi giữa, cảm thấy nó phát ra một sức hút không thể cưỡng lại lên những ngón tay mình, và khi Methwold ngồi bất động trên chiếc ghế mây, mặc bộ vét mỏng màu kem với một nhánh hồng trên ve áo, cô thấy mình lại gần ông ta, ngón tay xò ra, cảm thấy ngón tay mình chạm vào mái tóc; tìm thấy cái ngôi giữa, và bắt đầu vò rối nó.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Thế nên giờ đây, chín tháng sau, Wee Willie Winkie đùa cợt vì đứa trẻ sắp ra đời của vợ mình và vết nhơ hiện lên trên vàng trán một người Anh.

“Thì sao?” Padma nói. “Thì việc gì đến tôi, cái tay Winkie và cô vợ mà anh còn chưa kể tôi nghe bao giờ này?”

Có những người chẳng bao giờ thỏa mãn; nhưng riêng Padma thì sẽ, sớm thôi.

Và giờ cô sắp thấy bức bối hơn; vì rằng, rút ra khỏi những sự kiện ở Điện trang Methwold theo một vòng xoắn ốc bay vút lên cao - khỏi cá vàng và chó và thi trẻ sơ sinh và ngôi giữa, khỏi ngón cái và mái ngói - tôi đang bay ngang thành phố tươi tắn và sạch sẽ sau những cơn mưa; bỏ Ahmed và Amina lại với những bài hát của Wee Willie Winkie, tôi bay về Thành Cổ, qua Đài phun nước Flora, đến một tòa nhà lớn chìm trong ánh sáng mờ đục của đèn vải thô và mùi thơm của những lư hương đang đưa... bởi vì ở đây, tại Nhà thờ Thánh Thomas, Cô Mary Pereira đang tìm hiểu về màu sắc của Chúa.

“Xanh,” vị linh mục trẻ thành kính nói. “Mọi bằng chứng hiện có, con ta, đều cho thấy Đức Christ Jecsus là sắc pha lê mỹ lệ nhất của màu trời xanh nhạt.”

Người phụ nữ nhỏ bé phía sau ô cửa sổ gỗ mất cáo của phòng xưng tội lặng đi trong giây lát. Sự im lặng của bản khoả, ngẫm nghĩ. Rồi: “Nhưng sao lại thế, thưa Cha? Con người đâu có *xanh*. Cả thế gian rộng lớn này đâu có ai màu xanh!”

Sự ngỡ ngàng của người phụ nữ nhỏ bé, gặp phải sự bối rối nơi vị linh mục... bởi cô không được chờ đợi sẽ phản ứng như thế. Đức Giám mục đã dặn, “Thắc mắc của người vừa cải đạo... khi hỏi về màu sắc hầu như lúc nào họ cũng... quan trọng là phải tạo ra cầu nối, con ạ. Hãy nhớ,” Đức Giám mục tiếp tục, “Chúa tể là tình yêu; mà Krishna, thần ái tình của đạo Hindu, luôn được vẽ với làn da xanh. Bảo họ là xanh; nó sẽ như một cây cầu nối hai đức tin; một cách khéo léo, con hiểu chứ; mà hơn nữa xanh là một màu trung tính, tránh được những rắc rối thường gặp về màu sắc, tránh cho con khỏi chuyện da đen da trắng: phải, nói chung ta chắc chắn đó là câu trả lời đúng.” Cả Đức Giám mục cũng có thể sai, đức cha trẻ tuổi tự nhủ, nhưng lúc này cha đang lâm vào thế bí, bởi người phụ nữ nhỏ bé rõ ràng đã mất bình tĩnh, và bắt đầu thốt ra một lời quở trách nghiêm khắc qua khung cửa gỗ: “Câu trả lời gì mà lại là xanh, thưa Cha, sao lại tin vào một thứ như thế? Cha nên viết cho Đức Thánh Cha Giáo hoàng ở Rome, người nhất định sẽ chấn chỉnh cha; nhưng chẳng cần phải là Giáo hoàng mới biết con người không đời nào có màu xanh!” Vị linh mục trẻ tuổi nhắm mắt lại; thở sâu; phản kích. “Họ nhuộm da xanh,” ông ngập ngừng. “Người Pict; dân du mục Ả Rập da xanh: nếu được học hành thì con sẽ thấy, con ạ...” Nhưng giờ một cái khịt mũi quyết liệt vang lên trong phòng xưng tội. “Sao, thưa Cha? Cha đem Chúa ra so sánh với những kẻ man di *mọi rợ*? Lạy Chúa, con đến phải bịt tai lại vì hổ thẹn!”... Và còn nhiều, nhiều nữa, trong khi vị linh mục trẻ đang bị cái dạ dày hành hạ khôn khổ đột nhiên nảy ra phán đoán rằng còn gì đó nghiêm trọng hơn ẩn sau câu chuyện da xanh này, và lên tiếng hỏi; vậy là bài phê bình nhường chỗ cho nước mắt, còn vị linh mục trẻ hốt hoảng nói, “Nào, nào, chắc chắn Hào quang Thần thánh của Đức Chúa không chỉ thuần túy xuất phát từ màu da”... Và một giọng nói giữa dòng lũ nước mặn: “Vâng, thưa Cha, nói cho cùng cha cũng không quá tệ; con cũng bảo anh ấy thế, chính xác chỉ có vậy thôi, nhưng anh ấy văng tục loạn lên và không thềm nghe...” Thế đấy, *anh ấy* đã bước vào câu chuyện, và giờ tất cả tung tóe ra, và Cô Mary Pereira, nhỏ bé đồng trinh bán loạn, thực hiện lời thú tội sẽ mang đến cho chúng ta manh mối quan trọng về động cơ của cô khi, vào cái đêm tôi chào đời, cô thực hiện đóng góp sau cùng và quan trọng nhất đối với toàn thể lịch sử Ấn Độ thế kỷ 20 kể từ thời ông tôi vập mũi cho đến thời tôi trưởng thành.

Lời thú tội của Mary Pereira: như mọi nàng Mary, cô có Joseph của mình. Joseph D’Costa, một hộ lý ở phòng khám trên đường Pedder tên là Nhà Hộ sinh của Bác sĩ Narlikar (“À há!” Padma cuối cùng đã thấy sự liên hệ), nơi cô làm bà đỡ. Ban đầu mọi chuyện rất tốt đẹp; gã đưa cô đi uống trà hay lassi hay falooda và nói ngon nói ngọt với cô. Gã có cặp mắt như hai mũi khoan đường, cứng và kêu lọc cọc, song gã ăn nói dịu dàng dễ nghe. Mary, nhỏ nhắn, tròn trịa, đồng trinh, ngất ngây trước sự quan tâm của gã; nhưng giờ mọi chuyện đã thay đổi.

“Thình lình thình lình anh ấy cứ khịt mũi ngửi không khí liên tục. Một cách buồn cười lắm, mũi héch lên. Con hỏi, ‘Anh bị cảm hay sao, Joe?’ Nhưng anh ấy bảo không; không, anh ấy đáp, anh đang ngửi gió Bắc. Nhưng con bảo, Joe, ở Bombay gió thổi từ biển vào, từ hướng Tây cơ mà, Joe...” Bằng giọng chực vỡ òa, Mary Pereira thuật lại cơn thịnh nộ sau đó của Jospeh D’Costa, gã bảo, “Cô chả

hiều gì hết, Mary, bây giờ gió thổi từ phương Bắc, và nó sặc mùi chết chóc. Nền độc lập này chỉ dành cho bọn nhà giàu; người nghèo đang buộc phải giết lẫn nhau như ruồi. Ở Punjab, ở Bengal. Bạo loạn, bạo loạn, dân nghèo giết dân nghèo. Nó ở trong gió ấy.”

Và Mary: “Anh nói gì điên khùng thế, Joe, sao anh lại nghĩ đến những chuyện tồi tệ ấy? Ta vẫn có thể sống yên bình kia mà?”

“Thôi bỏ đi, cô chả hiểu gì hết.”

“Nhưng Joseph, cho dù chuyện giết chóc ấy có thật, họ là người Hindu và đạo Hồi thôi mà; sao lại kéo người Thiên Chúa tử tế vào cuộc chiến ấy? Đám người kia họ chém giết nhau từ đời nào đời nào.”

“Cô với lão Christ của cô. Chẳng lẽ cô không nhồi nôi vào đầu cái sự thật đó là tôn giáo của dân da trắng à? Thần da trắng để cho dân da trắng. Ngay lúc này dân mình đang chết. Chúng ta phải đánh trả; phải chỉ cho họ thấy đâu là kẻ thù thực sự, cô hiểu chưa?”

Và Mary, “Thế nên con mới hỏi về màu sắc, thưa Cha... và con khuyên Joseph, con khuyên, khuyên mãi, đánh nhau là xấu, bỏ những ý nghĩ điên rồ ấy đi; nhưng rồi anh ấy không nói chuyện với con nữa, và bắt đầu giao du với những kẻ dữ dằn, và họ bắt đầu đồn đại về anh ấy, thưa Cha, rằng họ chính mắt thấy anh ấy ném gạch vào xe tải, rồi đốt chai xăng nữa, anh ấy phát điên rồi, thưa Cha, họ bảo anh ấy giúp đốt xe buýt và đánh bom tàu điện, và gì nữa con không biết. Không biết làm sao, thưa Cha, con kể hết cho em gái. Em gái con Alice, một cô gái tốt lắm, thưa Cha. Con nói: ‘Anh Joe, anh ấy ở gần lò mổ, biết đâu cái mùi ấy đã xông lên mũi và làm anh ấy lú lẫn.’ Thế là Alice đến tìm anh ấy, ‘Em sẽ nói giúp chị,’ con bé nói; nhưng rồi, Chúa ơi điều gì đang xảy ra với thế giới này... con thú thật với Cha... Ôi baba...” Và cơn lũ đang nhấn chìm lời cô, những bí mật đang rỉ ra mặn chát từ mắt cô, bởi Alice trở về bảo rằng theo ý mình Mary mới là người đáng trách, vì đã giảng đạo với Joseph đến khi gã chán ngấy cô, trong khi đáng ra phải ủng hộ cái sự nghiệp ái quốc thức tỉnh người dân của gã. Alice trẻ hơn Mary; và xinh xắn hơn; và sau đó còn có thêm những tin đồn, chuyện Alice-và-Joseph, và Mary đâm ra quần trí.

“Con bé ấy,” Mary nói, “Nó thì biết gì ba thứ chính trị chính em này? Nhưng để quắp được Joseph của con nó sẽ nhại lại bất cứ điều gì nhặng nhít gì anh ấy nói, y như một con chim mynah ngu ngốc. Con thề, thưa Cha...”

“Cẩn thận, con ta. Con đang rất gần sự báng bổ đấy...”

“Không, thưa Cha, con thề có Chúa, con không biết có gì là mình sẽ không làm để giành lại anh ấy. Phải: bất chấp... mặc cho những gì anh ta... trời-ôi-trời-ơiiii!”

Nước mắt ướt đầm sàn phòng xung tội... và giờ, phải chăng đã xuất hiện một mâu thuẫn mới nơi vị linh mục trẻ? Có phải cha, bất chấp những cơn quần quai của cái dạ dày bất ổn, đang cân nhắc trên chiếc cân vô hình sự thiêng liêng của nghi lễ xung tội và mối đe dọa đối với xã hội văn minh của một

kẻ như Joseph D’Costa? Có phải cha sẽ, trên thực tế, hỏi Mary địa chỉ Joseph của cô, để rồi tiết lộ... Tóm lại, liệu đức cha trẻ tuổi dạn dày đảo lộn, bị giám mục ám ảnh này đã hành xử giống, hay không giống, Montgomery Clift trong *Tôi thú tội?* (Xem nó mấy năm trước tại rạp Đế chế Mới, tôi không chắc lắm.) - Nhưng không; một lần nữa, tôi phải bóp nghẹt những nghi ngờ vô căn cứ của mình. Điều đã xảy ra với Joseph có lẽ kiểu gì cũng sẽ xảy ra. Và trong mọi tình huống, mối liên quan duy nhất của vị linh mục trẻ với lịch sử của tôi là việc ông là người ngoài cuộc đầu tiên nghe nói về lòng căm thù người giàu dễ lây của Joseph D’Costa, và nỗi khổ đau vật vã của Mary Pereira.

Ngày mai tôi sẽ tắm gội cạo râu; tôi sẽ mặc một chiếc kurta mới, bóng loáng và hồ cứng, thêm quần pajama cho đủ bộ. Tôi sẽ đi đôi dép sáng như gương, mũi cong vút, tóc chải gọn gàng (mặc dù không rẽ ngôi giữa), răng trắng bóc... tóm lại, tôi sẽ bảnh bao hết cỡ. (“Ôn Chúa” từ Padma đang bấu môi.)

Ngày mai, cuối cùng, đã đến lúc kết thúc những câu chuyện mà tôi (không có mặt khi chúng ra đời) phải lôi ra từ chôn sâu kín quay cuồng trong đầu óc mình; vì tiếng nhạc cầm nhịp từ cuốn lịch đếm ngược của Mountbatten không thể bị phớt lờ lâu hơn nữa. Tại Điện trang Methwold, lão Musa vẫn tích tắc như một trái bom hẹn giờ; nhưng chẳng ai nghe thấy, vì lúc này một tiếng động khác đang trỗi dậy, vang rền, giục giã; tiếng từng giây trôi qua, tiếng cái nửa đêm định mệnh đang tới gần.

Chương 8: Tích, tắc

Padma có thể nghe thấy nó: không gì dồn nén sự hồi hộp như đếm ngược. Tôi quan sát đóa hoa-phân của tôi làm việc hôm nay, quây những vại rau quả dầm như một cơn lốc, như thế làm thế sẽ khiến thời gian trôi nhanh hơn. (Mà có lẽ là có; thời gian, theo kinh nghiệm của tôi, cũng biến thiên và bất ổn như nguồn điện của Bombay. Nếu quý vị không tin, cứ gọi cho dịch vụ báo giờ tự động thì biết - gần với lưới điện, nó thường bị sai vài tiếng. Trừ phi kẻ sai là chính chúng ta... không dân tộc nào có từ chỉ “hôm qua” và “ngày mai” là một lại được coi là nắm chắc về thời gian cả^[1])

[1] Trong tiếng Hindi, chữ *kai* trong mệnh đề thì tương lai nghĩa là “ngày mai,” nhưng trong mệnh đề thì quá khứ lại có nghĩa là “hôm qua.”

Nhưng hôm nay, Padma nghe thấy tiếng tích tắc của Mountbatten... Do Anh sản xuất, nó đập với sự chính xác lạnh lùng. Và giờ nhà máy đã trống không; hơi còn lớn vồn, nhưng những vại rau quả dầm đã lặng; và tôi đã giữ lời. Ăn vận chỉnh chu, tôi chào đón Padma khi cô xô đến bàn tôi, ngồi phệt xuống sàn cạnh tôi, ra lệnh: “Bắt đầu.” Tôi nở một nụ cười thỏa mãn; cảm thấy đàn con của nửa đêm xếp hàng trong đầu mình, chen lấn xô đẩy như mấy mụ dân chài Koli; tôi bảo tụi nó đợi, không lâu nữa đâu; tôi hắng giọng, khẽ lắc cây bút một cái; rồi bắt đầu.

Ba mươi hai năm trước thời điểm chuyển giao quyền lực, ông tôi vấp mũi vào mặt đất Kashmir. Hồng ngọc và kim cương xuất hiện. Và có lớp băng của tương lai, chực chờ dưới làn nước. Và có một lời thề: không cúi đầu trước thần hay người. Lời thề ấy tạo ra một lỗ hồng, tạm thời được lấp đầy bởi một người đàn bà sau một tấm ga khoét lỗ. Một lão lái đò từng tiên đoán về những vương triều nắp trong mũi ông tôi giận dữ chờ ông qua một hồ nước. Có những lão chúa đất mù và những nữ đô vật. Và một tấm ga trong một gian phòng tắm tối. Ngày hôm đó, di sản của tôi bắt đầu hình thành - màu xanh của bầu trời Kashmir - nhỏ vào mắt ông tôi; sức chịu đựng của cụ bà tôi rồi sẽ biến thành tính nhẫn nại của chính mẹ tôi và sự sắt đá sau này của Naseem Aziz; năng lực trò chuyện với chim của cụ ông tôi rồi sẽ theo dòng huyết thống quanh co di truyền vào mạch máu của con Khi Đồng em tôi; xung đột giữa chủ nghĩa hoài nghi rằng ông ngoại và tính cả tin đàng bà ngoại; và trên hết là bản chất ma quái của tấm ga giường khoét lỗ, đã định cho mẹ tôi phải học yêu một người đàn ông theo từng mảnh, và kết án tôi phải nhìn cuộc đời mình - ý nghĩa của nó, cấu trúc của nó - cũng theo từng mảnh một; thế nên khi tôi hiểu được nó, thì đã là quá muộn.

Năm tháng tích tắc trôi đi - và di sản của tôi lớn dần, bởi giờ đây tôi có túi răng vàng huyền thoại của lão lái đò Tai, và chai rượu của lão báo hiệu về những tử tình của cha tôi; tôi có Ilse Lubin cho chuyện tự tử và rắn ngâm rượu cho chuyện bổ dương; tôi có Tai-ủng-hộ-sự-không-thay-đổi đối nghịch với Aadam-cổ-xúy-tiến-bộ; rồi, còn nữa tôi có mùi hôi của lão lái đò không tắm đã đuổi ông bà tôi xuôi Nam, và khiến Bombay trở thành điều có thể.

... Và giờ, bị Padma và tiếng tích tắc thôi thúc, tôi tiếp tục, thu thập Mahatma Gandhi và phong trào hartal của ông, tiêu hóa ngón-cái-và-ngón-trỏ, nuốt trọn thời khắc Aadam Aziz không biết mình là người Kashmir hay Ấn Độ; giờ tôi đang uống Mercurochrome và nhuộm hình những bàn tay sẽ tái hiện trong bãi nước trầu lênh láng, và tôi đang nốc cặn Dyer, bộ ria và các thứ; ông tôi được cái mũi cứu sống và một vết bầm xuất hiện trên ngực ông, vĩnh viễn không tan biến, nhờ vậy ông và tôi tìm thấy trong cơn nhức nhối bất tận của nó câu trả lời cho câu hỏi kia, Ấn Độ hay Kashmir? Bị nhuộm màu bởi vết bầm của một chiếc khóa cặp Heidelberg, chúng tôi quyết định chung số phận với Ấn Độ; nhưng sự xa lạ của cặp mắt xanh vẫn còn đó. Tai chết, song ma thuật của lão vẫn đeo đuổi chúng tôi, biến chúng tôi thành tách biệt.

... Chạy học tốc, tôi dừng lại để nhặt trò phụt-ống-nhỏ. Năm năm trước ngày một quốc gia ra đời, di sản của tôi lại lớn lên, để bao gồm một dịch bệnh lạc quan sẽ bùng phát lần nữa vào thời của tôi, và những vết nứt trên mặt đất rồi-sẽ-đã-được tái sinh dưới da tôi, và con Chim ngân nga cựu ảo thuật gia người đã khởi đầu một hàng dài các nghệ sĩ xiếc rong vẫn luôn song hành với cuộc đời tôi, và cặp nốt ruồi như núp vú phù thủy và sự thù ghét ảnh chụp và câu cáigìkhôngbiết của bà tôi, và những cuộc chiến của chết đói và im lặng, và sự thông thái của bác Alia tôi sẽ biến thành kiếp gái già và nổi cay đắng để rồi cuối cùng bùng nổ trong một đòn báo thù chết chóc, và tình yêu của Emerald và Zulfikar rồi sẽ cho phép tôi bắt đầu một cuộc cách mạng, và những lưỡi dao cong, những vàng trắng sát nhân được lặp lại trong cái tên mẹ “gọi yêu” tôi, chand-ka-tukra thơ ngây của bà, mảnh tr... yêu dấu của bà... giờ đây, đang lớn dần, bông bênh trong bể nước ối của quá khứ, tôi được nuôi lớn bởi một tiếng ngân vút lên caomãicaomãi cho đến khi đàn chó tới cứu viện, bởi một cuộc đào tẩu vào ruộng ngô và sự giải cứu xuất phát từ Rashid, cậu trai kéo xe với trò khi *Gai Wallah* khi cậu chạy - HẾT TỐC LỰC! - và hét lên trong im lặng, khi cậu tiết lộ bí mật của những ổ khóa Ấn Độ và đưa Nadir Khan

vào một buồng vệ sinh có chứa cái tủ giặt; phải, tôi đang nặng lên theo từng giây, béo ra nhờ tủ giặt và tình yêu dưới-tắm-thăm của Mumtaz và gã thi sĩ không vắn, phính lên khi nuốt giấc mơ của Zulfikar về chiếc bồn tắm đặt cạnh giường và một lăng Taj Mahal trong lòng đất và cái ống nhỏ bằng bạc khảm thanh kim thạch; một cuộc hôn nhân tan rã, và nuôi lớn tôi; một bà dì phản bội chạy giữa phố phường Agra, bỏ quên lòng tự trọng, và nó cũng nuôi lớn tôi; giờ đây những khởi đầu hụt đã chấm dứt, và Amina đã thôi không là Mumtaz, còn Ahmed Sinai đã trở thành, theo một nghĩa nào đó, cha cô và đồng thời là chồng cô... di sản của tôi gồm cả năng khiếu này, cái năng khiếu tự tạo ra cha mẹ mới cho mình mỗi khi cần thiết. Cái quyền năng cho ra đời những ông bố và bà mẹ: cái điều Ahmed muốn nhưng không bao giờ có được.

Qua dây nhau của mình, tôi hấp thu những kẻ lậu vé và sự nguy hiểm của việc mua quạt lông công; sự cần mẫn của Amina rỉ vào tôi, và những thứ đáng ngại hơn - tiếng bước chân lộp cộp, nhu cầu của mẹ tôi phải nài tiền cho tới khi cái khăn ăn trong lòng cha tôi bắt đầu run rẩy và dựng lên một túp lều nhỏ - rồi tro hỏa táng của những chiếc Arjuna Indiabike, rồi cái hộp vạn hoa mà Lifafa Das cố nhét mọi thứ trên đời vào, rồi bè lũ bắt lương thực hiện hành vi phá hoại; những quái vật nhiều đầu căng phình trong tôi - những quý vương Ravana đeo mặt nạ, những con bé tám tuổi có tật nói ngọng và một hàng lông mày liền, những đám đông gào thét Kẻ hiệp dân. Những lời tuyên bố công khai đang nuôi dưỡng tôi lớn dần đến thời khắc của mình, và chỉ còn bảy tháng nữa thôi.

Biết bao nhiêu sự vật con người ý tưởng chúng ta mang theo vào thế giới này, bao nhiêu khả năng và cả sự giới hạn của khả năng! - Bởi hết thảy những điều này đều là cha mẹ của đứa trẻ ra đời nửa đêm hôm đó, và với mỗi một đứa trẻ nửa đêm là lại thêm ngàn ấy nữa. Trong số cha mẹ của nửa đêm: thất bại của kế hoạch của Phái đoàn Nội các; quyết tâm của M.A. Jinnah, kẻ sắp chết và muốn thấy Pakistan ra đời khi ông ta còn sống, và sẽ làm bất kỳ việc gì để đảm bảo điều đó - chính tay Jinnah mà cha tôi, rẽ nhảm như thường lệ, từng từ chối gặp; rồi Mountbatten với sự hồi hã bất thường và bà vợ khoái ức gà; rồi còn nhiều, nhiều nữa - Thành Đỏ và Thành Cổ, khí và kèn kèn đánh rơi những bàn tay, rồi những gã lại cái da trắng, rồi thầy lang bó xương và người luyện chôn và Shri Ramram Seth người tiên đoán quá nhiều. Và giấc mơ sắp xếp lại kinh Quran của cha tôi cũng có chỗ của mình; rồi vụ đốt godown đi biến ông thành lái buôn bất động sản thay vì vải giả da; rồi cái mẩu của Ahmed mà Amina không thể nào yêu. Để hiểu được chỉ một cuộc đời thôi, quý vị sẽ phải nuốt cả thế giới. Tôi đã bảo rồi.

Rồi ngư dân, rồi Catharine xứ Braganza, rồi Mumbadevi dứa gạo; tượng Shiva và điện trang của Methwold; một cái bể bơi hình Ấn Độ thuộc Anh và ngọn đồi cao bằng tòa nhà hai tầng; một cái ngôi giữa và một cái mũi thừa kể từ Bergerac; một ngọn tháp đồng hồ không hoạt động và một vòng xuyên nhỏ; nổi thềm khát một ẩn dụ Ấn Độ ở một người Anh và hành động quyến rũ vợ một nghệ sĩ phong cầm. Vệt đuôi dài, quạt trần, *Thời báo Ấn Độ* đều là một phần của hành trang tôi mang vào đời... vậy quý vị có lấy làm lạ rằng tôi là một thằng bé nặng không? Jesus da xanh rỉ vào tôi; và nỗi tuyệt vọng của Mary, và dã tính cách mạng của Joseph, và sự nhẹ dạ của Alice Pereira... tất cả đều tạo ra tôi.

Nếu tôi có vẻ hơi kỳ dị, hãy nhớ tới sự phong phú điên rồ của di sản của tôi... có lẽ, nếu muốn giữ mình là một cá nhân giữa đám đông lúc nhúc, người ta phải tự biến mình thành dị dạng..

“Rốt cuộc,” Padma nói với vẻ thỏa mãn, “anh đã học được cách kể chuyện thực nhanh rồi đây.”

13 tháng Tám, 1947: bất hòa trên thiên giới. Sao Mộc, sao Thổ và sao sao Kim đang kỳ xung khắc; chưa hết, ba ngôi xung tinh này đang di chuyển vào cung hãm nhất. Các nhà chiêm tinh thành Benares gọi tên nó đầy sợ hãi: “Karamstan! Chúng đi vào Karamstan!”

Trong khi các nhà chiêm tinh đưa ra những thông báo hoảng loạn cho các thủ lĩnh đảng Quốc đại, mẹ tôi ngã mình ngủ trưa. Trong khi Bá tước Mountbatten hồi tiếc vì Ban Tham mưu của mình thiếu những chuyên gia thần bí học, cái bóng quay chậm chậm của một chiếc quạt trần ru Amina vào giấc ngủ. Trong khi M.A. Jinnah, yên trí rằng Pakistan của mình sẽ ra đời sau chỉ mười một tiếng nữa, tròn một ngày trước Ấn Độ độc lập, vốn còn tận ba mươi lăm tiếng, đang giấu cợt những lời phản đối của các ông thầy tử vi, lắc đầu với vẻ khoái trá, đầu Amina cũng đang quay qua quay lại.

Nhưng bà đang ngủ. Và suốt những ngày mang thai nặng như đeo đá ấy, một giấc mơ kỳ quái về giấy bầy ruồi không ngừng ám ảnh giờ ngủ của bà... trong đó, lúc này, như mọi lần, bà đang lang thang trong một quả cầu thủy tinh đầy những dải giấy nâu dính đu đưa, bám chặt vào quần áo bà và xé toạc chúng ra khi bà vấp lên vấp xuống giữa rừng giấy không thể xuyên thủng ấy; và giờ bà vật lộn, xé giấy, nhưng nó túm lấy bà, tới khi bà trần truồng, với đũa tre quấy đập trong bà, và đám xúc tu dài của giấy dính ruồi vươn ra chụp lấy cái bụng phập phồng của bà, giấy dính chặt vào tóc mũi răng vú đùi bà, và khi bà há miệng toan kêu thì một núi giấy nâu dính chẹn ngang đôi môi vừa hé mở.

“Amina Begum!” Musa gọi. “Dậy đi! Ác mộng, Begum Sahiba!”

Những sự kiện của vài tiếng cuối cùng ấy - chỗ cặn cuối cùng trong di sản của tôi: khi còn ba mươi lăm tiếng nữa, mẹ tôi mơ thấy bà bị dính vào thứ giấy nâu như một con ruồi. Và vào giờ cocktail (ba mươi tiếng nữa) William Methwold đến thăm cha tôi ở khu vườn của Biệt thự Buckingham. Ngôi giữa sỏi bước bên cạnh và bên trên ngón cái, Ngài Mechwold hồi tưởng lại. Những câu chuyện về Methwold đầu tiên, người đã mơ thành phố này thành hiện thực, lấp đầy bầu không khí buổi tối trong ánh hoàng hôn sau chót ấy. Và cha tôi - bập bẹ giọng Oxford lè nhè, nóng lòng gây ấn tượng với tay người Anh sắp ra đi - bèn đáp, “Thật ra, nhà tôi cũng là một dòng họ khá danh giá. ông bạn già ạ.” Methwold lắng nghe: đầu ngửa lên, hoa hồng đỏ nơi ve áo màu kem, mũ rộng vành che mái tóc rẽ ngôi, một tia thích thú kín đáo trong mắt... Ahmed Sinai, được whisky bôi trơn, bị sự ngạo mạn thô thúc, hào hứng tiếp tục đề tài ấy. “Dòng dõi Mughal, thực tế là vậy.” Thế là Methwold, “Không! Thật à? Ông bôn tôi chứ hả?” Và Ahmed, đã trót đi quá xa, đành phải tiếp tục. “Ngoại hôn, tất nhiên; nhưng Mughal, chắc chắn đấy.”

Đó là chuyện, ba mươi tiếng trước khi tôi ra đời, cha tôi đã cho thấy ông cũng khát khao những tổ tiên hư cấu ra sao... ông đã đi đến chỗ sáng chế ra một cây phả hệ mà, nhiều năm sau đó, khi whisky đã xóa mờ ký ức và những chai-tửu-tinh làm ông lẫn lộn, sẽ xóa sạch đi mọi vết tích của hiện thực ra sao... và, để gia cố cho luận điểm của mình, ông đã mang vào đời chúng tôi ý tưởng về lời nguyên của

dòng họ như thế nào.

“Chính thế,” cha tôi nói khi Methwold ngửa mái đầu u ám không cười, “nhiều gia tộc lâu đời có những lời nguyện như thế. Trong dòng họ nhà tôi nó được truyền từ con trai cả cho con trai cả - chỉ bằng chữ viết, bởi nói ra không thôi cũng đủ giải phóng quyền năng của nó, ông biết đấy.” Và giờ Methwold: “Hay thật! Và ông biết những lời ấy?” Cha tôi gật đầu, môi trề ra, ngón chân bắt động khi ông gõ trán để nhấn mạnh. “Ồ đây cả; nhớ nằm lòng hết. Chưa có ai động đến từ khi một cụ tổ cãi lộn với Hoàng đế Babar và buông lời nguyện lên chính con trai mình Humayun... câu chuyện kinh khủng, mà... bọn học trò ai cũng biết.”

Và rồi sẽ đến lúc cha tôi, vật lộn trong sự lẫn tránh tuyệt đối khỏi hiện thực, tự nhốt mình trong một căn phòng màu xanh và cố nhớ lại một lời nguyện ông đã mơ ra vào một buổi tối trong vườn nhà mình khi ông đứng gõ tay lên thái dương cạnh hậu duệ của William Methwold.

Giờ đây, bị trói cùng những giấc mơ về giấy bầy ruồi và các tổ tiên tưởng tượng, tôi vẫn còn hơn một ngày nữa mới ra đời... nhưng giờ tiếng tích tắc lạnh lẽo kia tái lập vị thế của mình: còn hai mươi chín tiếng, hai mươi tám, hai mươi bảy...

Còn những giấc mơ nào được mơ vào cái đêm cuối cùng ấy? Có phải là - phải rồi, sao lại không? - Bác sĩ Narlikar, không hề biết về tấn kịch sắp xảy ra ở Nhà Hộ sinh của mình, đã lần đầu tiên mơ về tetrapod? Có phải vào cái đêm cuối cùng ấy, trong khi Pakistan đang ra đời ở phía Bắc và Tây của Bombay - cậu Hanif tôi, người đã chuyển (giống chị mình) đến Bombay, và đem lòng yêu một nữ diễn viên, nàng Pia thần thánh (“Gia tài của nàng là gương mặt!” từ *Illustrated Weekly* từng viết), lần đầu tiên tưởng tượng ra cái thiết bị điện ảnh rồi sẽ sớm mang đến cho ông bộ phim đầu tiên trong ba phim bom tấn của ông?... Có vẻ lắm; thần thoại, ác mộng, truyền kỳ đều có trong không khí. Có điều này là chắc chắn: vào cái đêm cuối cùng ấy, ông tôi Adam Aziz, giờ còn lại một mình ở ngôi nhà cổ lớn trên đường Cornwallis - ngoại trừ bà vợ mà sức mạnh ý chí dường như tăng lên trong khi Aziz kiệt quệ đi vì tuổi tác, và một cô con gái, Alia, mà sự đồng trinh cay đắng sẽ kéo dài đến ngày một quả bom chế bà làm đôi mươi tám năm sau đó - bỗng nhiên bị giam cầm trong những đai kim loại khổng lồ của hoài niệm, và nằm thao thức khi chúng đè siết lên ngực ông; đến khi cuối cùng, vào năm giờ sáng 14 tháng Tám - còn mười chín tiếng nữa - ông bị một sức mạnh vô hình đẩy khỏi giường và kéo tới trước một cái thùng tôn cũ. Mở nó ra, ông thấy: những tạp chí tiếng Đức cũ; cuốn *Làm gì?* của Lenin; một tấm thảm cầu nguyện được gấp lại; và cuối cùng là thứ mà ông vừa cảm thấy một nỗi thôi thúc không cưỡng nổi phải nhìn lần nữa - trắng, được gấp lại và tỏa sáng yếu ớt dưới ánh bình minh - ông tôi lấy ra, từ chiếc thùng tôn của quá khứ, một tấm ga giường ô bẩn và khoét lỗ, và phát hiện thấy cái lỗ đã to ra; thấy có những lỗ khác, nhỏ hơn trên mặt vải xung quanh; và bị bóp nghẹt trong cơn thịnh nộ điên cuồng của niềm hoài nhớ ông lay vợ dậy và làm bà sững sốt khi ông vừa quát lên vừa vung vẩy lịch sử của bà trước mũi bà:

“Nhảy cấn! Nhìn xem, Begum: nhảy cấn! Bà quên không bỏ băng phiến rồi!”

Nhưng giờ tiếng đếm ngược không chối bỏ được nữa... mười tám tiếng; mười bảy; mười sáu... và

tại Nhà Hộ sinh của Bác sĩ Narlikar, đã có thể nghe thấy tiếng thét của một phụ nữ đang đau đẻ. Wee Willie Winkie đang ở đây; với vợ anh Vanita; cô ở trong tình trạng đau đẻ kéo dài, không có kết quả đã tám tiếng đồng hồ. Con đau đầu tiên nhói lên đúng lúc, cách đây hàng trăm cây số, M.A. Jinnah tuyên bố sự ra đời vào nửa đêm của một quốc gia Hồi giáo... nhưng cô vẫn quần quai trên một cái giường trong “buồng từ thiện” của Nhà Narlikar (dành riêng cho con nhà nghèo)... mắt cô lồi phên nửa ra khỏi đầu; người cô bóng nhẫy mồ hôi, nhưng đứa bé không tỏ vẻ gì là sắp chui ra, và bố nó cũng không có mặt; lúc này là tám giờ sáng, nhưng, theo tình hình này, vẫn có khả năng là đứa bé đang chờ đến nửa đêm.

Tin đồn trong thành phố: “Đêm qua bức tượng lại phi!”... “Và các tinh tú đang không thuận!”... Nhưng bất chấp những điềm chẳng lành này, thành phố vẫn bình thản, với một huyền sử mới lóe lên nơi khóe mắt, Tháng Tám ở Bombay: tháng của hội hè, tháng của sinh nhật Krishna và Ngày Dừa: riêng năm nay - mười bốn tiếng nữa, mười ba, mười hai - trên lịch còn có thêm một ngày lễ nữa, một huyền sử mới để ăn mừng, vì một đất nước trước đây chưa từng tồn tại sắp sửa giành được tự do, phóng chúng ta vào một thế giới mà dù có năm ngàn năm lịch sử, dù đã phát minh ra cờ vua và thông thương với Ai Cập thời Trung đế chế^[2], vẫn chỉ hoàn toàn là tưởng tượng vào một xứ sở huyền bí, một đất nước sẽ chẳng bao giờ tồn tại nếu không có những nỗ lực của một ý chí tập thể phi thường - nếu không phải trong một giấc mơ mà chúng ta đều sẵn lòng mơ; đó là một ảo tưởng tập thể được chia sẻ từ nhiều góc độ giữa người Bengal và Punjab, Madras và Jat, và theo định kỳ sẽ cần được thánh hóa và tái sinh, điều chỉ có thể thực hiện được bằng những nghi lễ của máu. Ấn Độ, huyền sử mới - một tiểu thuyết tập thể mà trong đó mọi thứ đều là có thể, một ngụ ngôn mà chỉ hai huyền thoại vĩ đại khác mới xứng là đối thủ: tiền và Chúa.

[2] Nguyên tác: Middle Kingdom Egypt, vương quốc Ai Cập thời kỳ 2080-1640 trước Công nguyên.

Tôi đã là, trong thời của tôi, bằng chứng sống cho bản chất hoang đường của giấc mơ tập thể này; nhưng tạm thời, tôi phải chia tay với những ý tưởng khái quát, vĩ mô này để tập trung vào một nghi lễ riêng tư hơn; tôi sẽ không miêu tả những vụ đổ máu tập thể đang diễn ra ở biên giới tỉnh Punjab bị tách (nơi những quốc gia bị chia cắt đang tắm mình trong máu của nhau, và một tay Thiệu tá Zulfikar mặt hề Punchinello^[3] đang mua lại điền sản của dân tị nạn với giá thấp đến nỗi bịch, đặt nền tảng cho một gia tài sẽ cạnh tranh được với Thủ hiến bang Hyderabad); tôi sẽ ngoảnh mặt không nhìn cảnh lực ở Bengal và cuộc đi bộ dài vì hòa bình của Mahatma Gandhi. Ich kỷ? Đầu óc hẹp hòi? À, có thể; nhưng theo ý tôi thì có thể thông cảm được. Nói cho cùng, ai cũng chỉ sinh ra có một lần.

[3] Nhân vật trong hài kịch dân gian của Ý, có cái mũi khoằm và nhọn.

Còn mười hai tiếng nữa. Amina Sinai, vừa tỉnh dậy khỏi cơn ác mộng giấy bầy ruồi, sẽ không ngủ lại cho đến sau... Ramram Seth đang choán hết đầu bà, bà đang lênh đênh giữa một vùng biển động nơi những con sóng của niềm háo hức xen lẫn với những hố thẳm đen ngòm, vắng vát, dầm nước của nỗi sợ hãi. Nhưng còn gì đó khác cũng đang hoạt động. Hãy nhìn tay bà - khi, không hề có chỉ dẫn của ý thức, chúng ấn mạnh lên bụng bà; hãy nhìn môi bà, mấp máy mà bà không hề biết, “Nào, rùa con, con không muốn bị hực lên báo chứ!”

Còn tám tiếng nữa... vào bốn giờ chiều hôm đó, William Methwold lái chiếc 1946 Rover đen lên ngọn đồi cao bằng hai tầng nhà. Ông ta đỗ xe ở vòng xuyên giữa bốn tòa biệt thự quý tộc; nhưng hôm nay ông ta không thăm ao cá hay vườn xương rồng; ông ta không chào Lila Sabarmati với câu cửa miệng, “Cái pianola sao rồi? Mọi thứ ngon lành cả chứ” - và ông ta cũng không chào ông lão Ibrahim

đang ngồi dưới bóng râm của mái hiên tầng trệt, đu đưa trên chiếc ghế đu và ngắm ngời về cây sisal; không nhìn đến cả Catrack lẫn Sinai, ông ca đứng vào vị trí chính giữa vòng xuyên. Hoa hồng trên ve áo, mũ màu kem áp cứng trước ngực, ngời giữa lấp lánh dưới nắng chiều, William Methwold đắm đắm nhìn ra trước mặt, qua tháp đồng hồ và đường Warden, vượt bể bơi hình bản đồ của Breach Candy, qua những con sóng vàng lúc bốn giờ chiều, và giờ tay chào; trong khi ngoài xa, phía trên chân trời, mặt trời bắt đầu đường lặn dài về phía biển.

[©STE.NT](http://STE.NT)

Còn sáu tiếng nữa. Giờ cocktail. Những người kế tục William Methwold đang ở ngoài vườn - trừ Amina ngồi trong phòng-tháp, né tránh những cái liếc mắt ganh đua nhẹ nhàng được ném về phía bà từ Nussie-nhà-bên, cô ta cũng đang thúc giục Sonny của mình tụt xuống và chui ra giữa hai chân cô ta, hẩn thê; một cách tò mò họ quan sát tay người Anh, đứng bất động và cứng đờ như cây thông nòng sủng mà trước đây chúng ta đã so sánh với cái ngời giữa của ông ta; tới khi họ bị thu hút vào nhân vật mới xuất hiện. Một người đàn ông cao, mình dầy, cổ đeo ba vòng hạt, lưng quần một cái đai bằng xương gà; làn da đen nhem nhuốc bồ hóng, tóc thưa và dài - không mặc gì trừ chuỗi nạt và bồ hóng, vị sadhu sải bước giữa những biệt thự lợp ngói đỏ. Musa, lão đầy tớ già, bước xuống định xua ông ta đi; nhưng ngần ngừ, không biết phải ra lệnh cho một tu sĩ ra sao. Rẽ qua bức màn lưỡng lự của Musa, vị sadhu tiến vào khu vườn của Biệt thự Buckingham; đi thẳng qua mặt cha tôi đang ngờ ngàng; ngồi yên vị, xếp bằng tròn, dưới cái vòi nước nhỏ giọt trong vườn.

“Cụ muốn gì ở đây, sadhuji ?” - Musa, không tránh khỏi sự tôn kính; vị sadhu, bình thản như mặt hồ: “Ta đến để chờ đón sự giáng hạ của Người. Của Mubarak - Kẻ được Ban phước. Nó sắp xảy ra rồi.”

Tin hay không thì tùy; tôi được tiên đoán hai lần liền! Và vào cái ngày mọi thứ đều đặc biệt đúng lúc, sự nhạy cảm về thời điểm của mẹ tôi đã không phụ lòng bà; lời cuối cùng vừa rồi môi vị sadhu thì lập tức vang lên, từ căn phòng-tháp tầng một với những bông tulip thủy tinh nhảy múa trên cửa sổ, một tiếng hét chói tai, một ly cocktail gồm ba phần bằng nhau của sợ hãi, háo hức và đắc thắng... “Arre Ahmed!” Amina Sinai hét lên, “Janum, đưa bé! Nó sắp ra rồi - cực đúng giờ!”

Điện phập phù trên khắp Điện trang Methwold... và đây là Homi Catrack, với dáng chạy hồi hả hốc hác mắt trũng sâu, đề nghị: “Chile Studebaker của tôi ngài cứ tùy nghi sử dụng, Sinai Sahib; lấy luôn đi - đi ngay đi!”... và khi vẫn còn năm tiếng ba mươi phút nữa, nhà Sinai, chồng và vợ, lái xuống quả đồi cao bằng hai tầng nhà trong chiếc xe đi mượn; kia là ngón chân cái cha tôi ấn xuống chân ga; kia là tay mẹ tôi ấn xuống cái bụng vàng trắng; và giờ họ đã đi khuất, vòng qua khúc quanh, qua Hiệu giặt là Band Box và Thiên Đường của Độc giả, qua nữ trang của Fatbhoy và đồ chơi của Chimalker, qua những thanh Sô cô la Dài Cả Mét và những cánh cổng ở Breach Candy, phóng đến Nhà hộ sinh của Bác sĩ Narlikar, nơi, trong một buồng từ thiện, Vanita của Wee Willie vẫn đang hôn hên và rặn, cột sống cong lại, mắt lồi ra, và một bà đỡ tên gọi Mary Pereira cũng đang đợi đến thời khắc của mình... thế nên cả Ahmed của môi trề và bụng nhão và tổ tiên hư cấu, lẫn Amina da sạm bị tiên tri ám ảnh đều không có mặt khi mặt trời lặn xuống lần cuối cùng trên Điện trang của Methwold, và vào đúng thời

khắc của lần biến mất sau cùng ấy - còn năm tiếng hai phút nữa - William Methwold giờ cánh tay trắng, dài lên quá đầu. Bàn tay trắng lơ lửng trên mái tóc đen vuốt dầu thơm; những ngón tay trắng thon dài xoắn về phía cái ngói giữa, và bí mật thứ hai và sau chót được tiết lộ, vì những ngón tay đã cong lại, vồ lấy mái tóc; khi rút khỏi đầu ông ta, chúng không nhả con mồi ra; và vào khoảnh khắc khi mặt trời vừa biến mất Ngài Methwold đứng trong ánh ngày tàn ở Điện trang của mình với mái tóc trên tay.

“Một gã hói!” Padma thốt lên. “Mái tóc bóng lộn của gã... tôi biết mà; đẹp quá hóa rởm!”

Hói, hói; đầu bóng lộn! Bị tiết lộ: trò lừa đảo đã bị người vợ một nghệ sĩ phong cầm. Như Samson, sức mạnh của William Methwold nằm ở mái tóc; nhưng giờ, mảng đầu hói lung linh giữa chiều chạng vạng, ông ta ném mái tóc qua cửa sổ vào xe; phân phát, với thái độ có vẻ bất cần, giấy chứng nhận sở hữu đã ký tên cho các cung điện của mình; rồi lái xe đi. Không một ai ở Điện trang Methwold gặp lại ông ta nữa; nhưng tôi, người chưa gặp ông ta lần nào, lại thấy không thể quên được con người này.

Bỗng nhiên tất cả đều màu nghệ và xanh lục. Amina Sinai ở một căn phòng có tường màu nghệ và đồ gỗ màu xanh. Trong buồng bên cạnh, Vanita của Wee Willie Winkie, da xanh, lòng trắng trên mắt vẫn màu nghệ, đứa bé rút cuộc đã bắt đầu chui ra bằng lối bên trong, nơi cũng có, hẳn rồi, màu sắc tương tự. Từng phút màu nghệ và từng giây màu xanh trôi đi trên những chiếc đồng hồ treo tường. Bên ngoài Nhà Hộ sinh của Bác sĩ Narlikar, có pháo hoa và đám đông, cũng tuân theo những màu sắc của đêm - pháo bông màu nghệ, mưa lấp lánh màu xanh; đàn ông mặc áo màu zafaran, đàn bà quần sari màu chanh. Trên một tấm thảm màu nghệ-và-xanh, Bác sĩ Narlikar bảo Ahmed Sinai. “Tôi sẽ đích thân chăm sóc cho Begum của anh,” ông ta nói, với giọng nhẹ nhàng mang màu sắc của buổi tối, “Không phải lo gì cả. Anh chờ ở đây; phòng rộng tha hồ mà đi lại.” Bác sĩ Narlikar, mặc dù ghét trẻ con, lại là một bác sĩ phụ khoa lành nghề. Khi rảnh rồi ông ta giảng bài viết lách phát truyền đơn nhiec móc cả nước về chủ đề tránh thai. “Ngừa Thai,” ông ta nói, “là Ưu Tiên Số Một Của Cộng Đồng. Một ngày kia tôi sẽ nhồi được điều đó vào những cái đầu ngu dốt của thiên hạ, thế là tôi sẽ rảnh nợ.” Ahmed Sinai mỉm cười, gượng gạo, thấp thỏm. “Riêng tối nay,” cha tôi nói, “quên bài giảng đi - đỡ đứa nhỏ giùm tôi.”

Hai mươi chín phút nữa là tới nửa đêm. Nhà Hộ sinh của Bác sĩ Narlikar đang hoạt động với nhân sự tối thiểu; có nhiều người vắng mặt, nhiều nhân viên thích ăn mừng sự ra đời sắp đến của đất nước hơn, nên sẽ không trợ giúp sự ra đời của lũ trẻ đêm nay. Áo màu nghệ, váy màu xanh, họ tụ tập trên những con phố trang hoàng, dưới những dãy ban công bắt tận của thành phố, nơi những ngọn đèn *dia* bằng đất nung đỏ đầy thứ dầu bí ẩn; bắc nổi trong những ngọn đèn nối liền mọi ban công và mái nhà, và những ngọn bắc này cũng tuân theo kiểu phối màu hai tông của chúng ta: phân nửa số đèn cháy màu nghệ, nửa kia rực màu xanh.

Luồn lách xuyên qua con quái vật nhiều đầu tức đám đông kia là một chiếc xe cảnh sát, sắc vàng và lam của những bộ cảnh phục bị ánh đèn kỳ bí biến thành màu nghệ và xanh. (Ta đang ở trên đường

đề Colaba, chỉ giây lát thôi, để hé lộ rằng hai mươi bảy phút trước nửa đêm, cảnh sát đang truy lùng một tên tội phạm nguy hiểm. Tên gã: Joseph D’Costa. Gã hộ lý đang vắng mặt, đã vắng mặt mấy ngày nay, khỏi công việc ở Nhà Hộ sinh, khỏi căn phòng của gã gần lò mổ, và khỏi cuộc đời nàng Mary đồng trinh sầu muộn.)

Hai mươi phút trôi qua, với những tiếng aaah từ Amina Sinai, mỗi lúc một gắt hơn và gấp hơn, và những tiếng aaah yếu ớt mệt mỏi từ Vanita ở phòng bên cạnh. Con quái vật trên đường phố đã bắt đầu ăn mừng; huyền sử mới chảy trong huyết mạch nó, thay máu cho nó bằng thứ huyết cầu màu nghệ và xanh. Và ở Delhi, một người đàn ông gân guốc nghiêm nghị ngồi trong Nhà Quốc hội chuẩn bị phát biểu. Ở Điện trang Methwold, cá vàng lửng lơ bất động trong ao khi mọi người đi từ nhà này sang nhà kia mang theo hạt dẻ cười và kẹo viên, ôm nhau và hôn nhau - hạt dẻ cười cười màu xanh được đánh chén, và những viên laddoo màu nghệ. Hai đứa trẻ chui ra theo lối bí mật trong khi ở Agra một ông bác sĩ già ngồi bên vợ, người có hai nốt ruồi trên mặt như núm vú phù thủy; và giữa bầy ngỗng say ngủ và những hồi ức bị nhậy cảm, vì sao đó họ đâm ra nín lặng chẳng biết phải nói gì. Và ở mọi thành phố mọi thị trấn mọi làng mạc, những ngọn đèn *dia* cháy trên cổng vòm bậu cửa hiên nhà, trong khi tàu hỏa cháy ở Punjab, với những lưỡi lửa xanh của sơn phòng rộp và màu nghệ rừng rực của nhiên liệu bị đốt cháy, như những ngọn *dia* lớn nhất thế gian.

Và thành phố Lahore, cũng đang cháy.

Người đàn ông gân guốc nghiêm nghị rời khỏi ghế. Người xúc nước thiêng từ sông Tanjore, ông ta đứng dậy, trán bôi tro thánh, ông ta hắng giọng. Không hề có văn bản trong tay, không hề học thuộc một câu chữ chuẩn bị trước nào, Jawaharlal Nehru bắt đầu: “... Nhiều năm về trước, chúng ta có một lời ước định với vận mệnh; và giờ đây đã tới lúc chúng ta thực hiện cam kết của mình - dù không trọn vẹn hay đi đến tận cùng, nhưng hết sức thực chất...”

Hai phút nữa là mười hai giờ. Tại Nhà Hộ sinh của Bác sĩ Narlikar, viên bác sĩ da đen phát sáng, với sự trợ giúp của một bà đỡ tên là Flory, một phụ nữ mảnh mai nhân hậu không đóng vai trò gì quan trọng, động viên Amina Sinai: “Rặn đi! Mạnh nữa!... Tôi thấy cái đầu rồi!...” trong khi ở phòng bên một ông Bác sĩ Bose - với Cô Mary Pereira bên cạnh - đảm trách giai đoạn cuối của cơn đau đẻ dài hai mươi bốn tiếng của Amina... “Thế, rồi; một lần nữa thôi, cố lên; sắp rồi, và sau đó là xong...!” Đàn bà rên rỉ và la hét trong khi ở một căn phòng khác đàn ông im lặng. Wee Willie Winkie - hát không nổi nữa – ngồi bệt trong góc nhà, người gật gù lên xuống, lên xuống... còn Ahmed Sinai đang tìm một cái ghế. Nhưng trong phòng này không có ghế; đó là căn phòng được bố trí để đi lại; thế là Ahmed Sinai mở một cánh cửa, tìm thấy một cái ghế ở một bàn tiếp tân bỏ không, nhắc nó lên, đem nó về căn phòng đi lại, nơi Wee Willie Winkie gật gù, gật gù, đôi mắt trống rỗng như người mù... cô ấy sẽ sống? hay là không?... và giờ, cuối cùng, đã tới nửa đêm.

Con quái vật trên đường phố đã bắt đầu cất tiếng gầm, trong khi ở Delhi một người đàn ông gân guốc đang nói, “... Vào đúng thời khắc nửa đêm, khi cả thế giới chìm trong giấc ngủ, Ấn Độ tỉnh giấc để được sống và tự do...” Và dưới tiếng gầm của con quái vật còn có hai tiếng la, hét, gầm rống, tiếng gào khóc của hai đứa trẻ mới chào đời, tiếng phản đối vô hiệu của chúng trộn lẫn với tiếng ồn ào của

độc lập lơ lửng màu-nghệ-và-xanh giữa bầu trời đêm - “Một thời khắc đã đến, đến một lần hiem hoai trong lịch sử, khi chúng ta từ cái cũ bước sang cái mới; khi một thời đại kết thúc; và khi linh hồn một dân tộc bị áp bức lâu nay cất lên tiếng nói...” trong khi ở một căn phòng trải thảm màu nghệ-và-xanh, Ahmed Sinai vẫn đang bưng cái ghế khi Bác sĩ Narlikar bước vào thông báo: “Vào đúng nửa đêm, người anh em Sinai ạ, Begum Sahiba của anh đã sinh hạ một đứa bé to khỏe: một đứa con trai!” Lúc này cha tôi bắt đầu nghĩ về tôi (không biết rằng...); với hình ảnh khuôn mặt tôi lấp đầy suy nghĩ ông quên mất cái ghế; bị tình yêu với tôi ám ảnh (mặc dù...), bị nó lấp đầy từ đỉnh đầu đến ngón tay, ông đánh rơi cái ghế.

Phải, là lỗi tại tôi (bất chấp tất cả)... chính sức mạnh của khuôn mặt tôi, của tôi chứ không ai khác, đã khiến tay Ahmed Sinai buông cái ghế ra; và khiến cái ghế rơi xuống, với gia tốc mười mét trên giây, và khi Jawaharlal Nehru tuyên bố trước Nhà Quốc hội, “Hôm nay chúng ta chấm dứt một thời kỳ bất hạnh,” khi những vỏ ốc xà cừ loa lên tin tức về tự do, chính tại tôi mà cha tôi cũng hét lên, vì cái ghế rơi xuống đã làm giập nát ngón chân ông.

Và giờ chúng ta đến với nó; tiếng hét khiến tất cả xô đến; cha tôi và vết thương của ông đã cướp đi một khoảnh khắc huy hoàng ngắn ngủi của hai bà mẹ đang đau đớn, của hai ca sinh nở đồng thời lúc nửa đêm - vì Vanita cuối cùng cũng đã cho ra đời một đứa bé có kích cỡ lạ thường: “Anh không tin nổi đâu,” Bác sĩ Bose nói, “Nó cứ chui ra mãi, mỗi lúc lại thấy thẳng bé quẩy đạp ra thêm, một anh cu cỡ bự mười đồng hăn hoai!” Và Narlikar, đang rửa ráy: “Của tôi cũng thế.” Nhưng đó là chuyện một lúc sau - ngay bây giờ Narlikar và Bose đang chăm sóc ngón chân cho Ahmed Sinai; các bà đỡ đã được chỉ đạo tắm và quấn tã cho đôi trẻ sơ sinh; và giờ Cô Mary Pereira sẽ đóng góp phần mình.

“Đi đi,” cô bảo Flory tội nghiệp, “xem chị có giúp được gì không, ở đây để em lo được rồi.”

Và khi còn lại một mình - hai đứa trẻ trong tay - hai sinh linh trong quyền hạn của mình - cô đã làm điều đó vì Joseph, hành động cách mạng bí mật của riêng cô, thầm nghĩ Anh ấy nhất định sẽ yêu mình vì điều này, khi cô đổi thẻ tên của hai đứa trẻ khổng lồ, ban cho đứa trẻ nghèo một cuộc đời đầy đặc quyền và đầy dọa đứa trẻ nhà giàu bằng phong cầm và đói khổ... “Hãy yêu em, Joseph!” là điều Mary Pereira nghĩ trong đầu, và sau đó là xong. Nơi cổ chân đứa bé cỡ bự mười đồng có đôi mắt xanh như bầu trời Kashmir - cũng là đôi mắt xanh như Methwold - và cái mũi ấn tượng như của người ông quê Kashmir - cũng là cái mũi của người bà từ Pháp - cô buộc vào cái tên này: Sinai.

Màu nghệ bảo bọc tôi khi, nhờ có tội ác của Mary Pereira, tôi trở thành đứa trẻ được chọn của nửa đêm, người mà cha mẹ không phải cha mẹ mình, người mà đứa con sẽ không phải con mình... Mary đem đứa trẻ nằm trong bụng mẹ tôi, đứa trẻ sẽ không trở thành con bà, một con cá chim mười đồng khác, nhưng có đôi mắt đã kịp ngả màu nâu, và đầu gối cũng lồi như Ahmed Sinai, bọc nó vào màu xanh, rồi trao nó cho Wee Willie Winkie người đang nhìn cô chờ đợi, người hầu như không thấy đứa con mới chào đời, người không bao giờ hay biết chuyện những cái ngói giữa... Wee Willie Winkie, người vừa biết rằng Vanita đã không qua nổi cơn vượt cạn. Lúc mười hai giờ ba phút, khi các bác sĩ rồi rút với ngón chân giập nát, Vanita đã bị băng huyết và qua đời.

Thế là tôi được trao cho mẹ tôi; và bà không hề nghi ngờ tính chân thực của tôi dù chỉ một giây. Ahmed Sinai, ngón chân bó nẹp, ngồi bên giường khi bà nói: “Xem kia, janum, thằng bé tội nghiệp, nó có cái mũi của ông ngoại.” Ông nghệt mặt nhìn khi bà kiểm tra cho chắc là chỉ có một cái đầu; rồi bà thở phào nhẹ nhõm, hiểu rằng cả thầy bói cũng chỉ có năng lực giới hạn.

“Janum,” mẹ tôi hơn hờ nói, “mình phải gọi bên báo đi. Gọi chỗ tờ *Thời báo Ấn Độ* ấy. Em bảo mình thế nào? Em thắng rồi.”

“... Đây không phải lúc để phê phán hẹp hòi hoặc thiếu tính xây dựng,” Jawaharlal Nehru nói với Quốc hội. “Không phải lúc để hận thù. Chúng ta phải xây ngôi nhà tráng lệ của Ấn Độ tự do, nơi mọi người con của đất nước có thể an cư.” Một lá cờ trải ra: nó màu nghệ, trắng và xanh.

“Một người Anh?” Padma thốt lên kinh hãi. “Anh nói cái gì thế? Anh là người Ấn gốc Anh à? Tên anh không phải là của anh à?”

“Tôi là Saleem Sinai,” tôi bảo cô, “Thò Lò, Mặt Nhọ, Cả Khịt, Hói, Mảnh Trăng. Ý em là sao - không phải của tôi?”

“Bấy lâu nay anh lừa tôi,” Padma tức giận than vãn. Mẹ anh, anh gọi bà; cha anh, ông anh, dì anh. Anh là cái thứ gì mà chẳng buồn ngay cả nói ra sự thật bố mẹ mình là ai? Anh chẳng buồn quan tâm rằng mẹ anh đã chết khi sinh ra anh? Rằng bố anh khéo vẫn còn sống đâu đó, không xu dính túi, đói khổ? Anh là quái vật hay là gì?”

Không: tôi không phải quái vật. Tôi cũng không phạm tội lừa đảo. Tôi đã cung cấp manh mối... nhưng có một điều quan trọng hơn thế. Đó là: về sau khi chúng tôi khám phá ra tội ác của Mary Pereira, tất cả đều nhận ra rằng *chẳng có gì thay đổi!* Tôi vẫn là con trai họ: họ vẫn là bố mẹ tôi. Trong một kiểu thất bại tập thể của trí tưởng tượng, chúng tôi hiểu ra mình đơn giản không thể nghĩ vượt ra ngoài quá khứ củamình... nếu quý vị có hỏi cha tôi (ngay cả ông, bất chấp mọi chuyện đã xảy ra!) con trai ông là ai, không điều gì trên đời có thể khiến ông chỉ về phía thằng bé lem luốc, đầu gối gõ nhau của người chơi phong cầm. Cho dù thằng Shiva này, nó sẽ lớn lên thành một người hùng thực thụ.

Thế đây: có đầu gối và cái mũi, cái mũi và đầu gối. Kỳ thực, khắp nước Ấn Độ mới ra đời, giấc mơ mà chúng tôi đều chia sẻ ấy, những đứa trẻ đang được sinh ra chỉ có một phần là hậu duệ của cha mẹ chúng - những đứa trẻ của nửa đêm cũng là những đứa con của *thời đại*: được hoài thai bởi lịch sử, quý vị hiểu chứ. Điều ấy có thể xảy ra. Đặc biệt là ở một đất nước mà bản thân nó cũng là một thứ giấc mơ.

“Đủ rồi,” Padma hậm hực. “Tôi không muốn nghe nữa.” Chờ đợi một đứa trẻ hai đầu kiêu này, cô bực bội khi nhận được một kiêu khác. Dù sao chẳng nữa, dù cô có nghe hay không, tôi vẫn có nhiều chuyện cần ghi lại.

Ba ngày sau khi tôi ra đời, Mary Pereira bị giăng xé trong nỗi ăn năn. Joseph D’Costa, trên đường lẩn trốn xe cảnh sát đang săn lùng, hiển nhiên đã bỏ rơi Alice em gái cô cũng như Mary; và người phụ nữ nhỏ bé tròn trịa - không thể, giữa niềm kinh hãi, thú nhận tội ác của mình - nhận ra rằng mình đã là một con ngốc. “Đồ lừa ở đâu không biết!” cô tự rủa; nhưng vẫn giữ bí mật. Tuy nhiên, cô quyết định làm một việc gần như bồi thường. Cô thôi việc ở Nhà Hộ sinh và tiếp cận Amina Sinai bằng “Thưa bà, mới gặp em bé của bà một lần tôi đã thấy yêu. Bà có đang cần ayah không?” Và Amina, ánh mắt ngời lên tình mẫu tử, “Có”. Mary Pereira (“Anh gọi bà là mẹ cũng không sai đâu,” Padma chen vào, chứng tỏ cô vẫn quan tâm, “Bà đã tạo ra anh còn gì”), từ giờ phút ấy, dành trọn đời để nuôi nấng tôi, và do đó ràng buộc phần đời còn lại với ký ức về tội ác của mình.

Ngày 20 tháng Tám, Nussie Ibrahim nổi gót mẹ tôi vào bệnh viện trên đường Pedder, và thằng Sonny nổi gót tôi ra đời – nhưng nó chân chừ không chịu ló đầu ra; một cặp forcep buộc phải đi vào mà lôi nó ra; Bác sĩ Bose, trong lúc nóng vội, ấn hơi mạnh tay, và Sonny xuất hiện với hai vết lõm nhỏ ở hai bên thái dương, hai hốc forcep nông sẽ khiến nó trở nên hấp dẫn không cưỡng nổi như mái tóc của William Methwold đã làm với tay người Anh. Bọn con gái (Evie, con Khỉ Đồng, những đứa khác) vươn tay ra vuốt ve hai thung lũng nhỏ xinh của nó... điều sẽ dẫn đến rắc rối giữa bọn tôi.

Nhưng tôi đã để dành mẫu tin thú vị nhất đến phút chót. Vậy giờ tôi xin tiết lộ rằng, một ngày sau khi tôi ra đời, mẹ tôi và tôi được viếng thăm tại một phòng ngủ màu nghệ và xanh bởi hai nhân vật từ tờ *Thời báo Ấn Độ* (ấn bản Bombay). Tôi nằm trong chiếc cũi xanh, bọc trong màu nghệ, ngược mắt nhìn họ. Có một tay phóng viên, anh này để hết thời gian phỏng vấn mẹ tôi; và một tay thợ ảnh cao, mũi khoằm, anh này dành trọn sự chú ý cho tôi. Hôm sau, tin tức cùng hình ảnh đã xuất hiện trên báo...

Vừa mới đây thôi, tôi đến một khu vườn xương rồng nơi có lần, từ nhiều năm trước, tôi đã chôn một quả địa cầu đồ chơi bằng thiếc bị móp nặng và được dính lại bằng Scotch Tape^[4]; và lấy ở bên trong ra những thứ tôi đã nhét vào ngăn ấy năm về trước. Giờ đây, cầm chúng trên tay trái, khi đang viết, tôi vẫn thấy được - dù cả hai đã ngả vàng và lên mốc - một thứ là một lá thư, một lá thư gửi riêng cho tôi, ký tên Thủ tướng Ấn Độ; còn kia là một mảnh giấy cắt ra từ báo.

^[4] Một nhãn hiệu băng dính của Anh.

Nó có tiêu đề: ĐỨA TRẺ CỦA NỬA ĐÊM

Và một dòng chữ: “Một tấm hình duyên dáng của Bé Saleem Sinai, ra đời đêm qua đúng vào thời khắc độc lập của Đất nước ta - Đứa Trẻ hạnh phúc của Giờ Phút huy hoàng ấy!”

Và một bức hình lớn: một bức-hình-em-bé A-l thượng-hạng trang-nhất cỡ-dại, trên đó đến giờ tôi vẫn có thể nhìn ra một đứa trẻ có những vết bớt hoen trên má và cái mũi thò lò lấp lánh. (Bức hình có chú thích: *Ảnh: Kalidas Gupta.*)

Bất kể cái tiêu đề, dòng chữ và bức hình, tôi phải kết án hai vị khách vì tội tầm thường hóa; những nhà báo đơn thuần, tầm nhìn không vượt quá số báo hôm sau, họ không hề có khái niệm gì về tầm quan trọng của sự kiện mình đang đưa tin. Với họ, đó chỉ là một câu chuyện giật gân hấp dẫn độc giả không hơn.

Làm sao tôi biết được? Bởi vì, cuối buổi phỏng vấn, tay thợ ảnh cho mẹ tôi một tấm séc - trị giá một trăm rupee.

Một trăm rupee! Có thể nào tưởng tượng ra một con số bé mọn, rẻ mạt đến thế không? Đó là con số mà một người có thể, nếu là người có đầu óc để thấy như vậy, thấy bị sỉ nhục. Tôi, tuy thế, sẽ chỉ cảm ơn họ vì đã tán tụng sự ra đời của tôi, và tha thứ cho họ vì thiếu một sự nhạy cảm lịch sử thực thụ.

“Đừng tinh tướng,” Padma dẫn dắt nói. “Một trăm rupee cũng không bé lắm đâu; nói cho cùng, ai mà chẳng ra đời, có gì là to tát kia chứ.”

Chương 9: Ngón tay đang chỉ của người ngư phủ

Liệu người ta có thể ghen với những dòng chữ? Có thể căm ghét trò viết lách ban đêm như thể đó là một kẻ tình địch bằng xương bằng thịt? Tôi không thể nghĩ ra lý do gì khác cho phản ứng kỳ cục của Padma; và cách giải thích này ít nhất có ưu điểm là nó cũng kỳ lạ ngang với cơn phẫn nộ mà cô đã rơi vào khi, tối nay, tôi phạm phải sai lầm là viết (và đọc to) một từ đáng lẽ không được nói ra... bắt đầu từ cuộc viếng thăm của lão lang băm, tôi đã đánh hơi thấy một sự bất mãn lạ lùng nơi Padma, tỏa ra thứ mùi bí hiểm từ tuyến eccrine (hay apocrine^[1]). Ước chế, có lẽ vậy, vì sự vô vọng của những nỗ lực cô thực hiện về đêm nhằm hồi sinh “cây bút chì kia” của tôi, quả dưa chuột vô dụng trốn trong quần tôi, cô ngày càng cáu bẳn. (Rồi phản ứng bức tức của cô, đêm qua, khi tôi tiết lộ bí mật về sự ra đời của mình, rồi sự khó chịu khi thấy tôi coi thường món tiền một trăm rupee.) Tôi tự trách mình: đắm chìm vào công trình tự truyện này, tôi đã không để tâm đến cảm xúc của cô, và khởi đầu đêm nay bằng những nốt nhạc sai lầm tai hại nhất.

[1] Tuyến eccrine là tuyến mồ hôi thường trên cơ thể con người, có chức năng điều hòa thân nhiệt. Còn tuyến apocrine là tuyến sản sinh ra mùi con người (còn gọi là tuyến rưng đầu), tập trung ở vùng nách và cơ quan sinh dục. Tuyến apocrine thường hoạt động khi sự kích thích tình dục.

“Bị tám ga giường khoét lỗ kết án sống cuộc đời của những mảnh vụn,” tôi viết rồi đọc to, “tôi dù vậy đã thành công hơn ông tôi; bởi trong khi Aadam Aziz vẫn là nạn nhân của tám ga, tôi đã thành chủ nhân của nó - và Padma mới là người giờ đã mắc bùa phép của nó. Ngồi trong bóng tối được yểm bùa, tôi ban phát những hình ảnh liếc qua mỗi ngày của bản thân - trong khi cô, người liếc nhìn ngôi xỏm của tôi, bị mê hoặc, bất lực như con chồn bị đóng băng bất động bởi cặp mắt lắc lư không chớp của con rắn hổ mang, bị tê liệt - phải! - trước tình yêu.”

Từ ấy đấy: tình yêu. Được viết-ra-rồi-đọc-lên, nó đẩy giọng cô lên một độ cao chói tai khác thường; nó giải phóng từ môi cô một sự hung bạo hằn đã làm tổn thương tôi, nếu như tôi còn có thể bị lời lẽ làm thương tổn. “Yêu *anh?*” Padma của chúng ta ré lên đầy khinh bỉ, “Vì cái gì, lạ Chúa? Anh thì được tích sự gì, hả tiểu vương tử,” - và giờ là cú *đòn kết liễu* của cô - “với tư cách một *người yêu?*” Cánh tay vươn dài, lông tay lung linh dưới ánh đèn, cô chọc một ngón trở đầy khinh miệt về phía cái dương căn phải thừa nhận là không hoạt động của tôi; một ngón tay dài, to, cứng ngắc vì ghen tuông, đáng tiếc thay lại chỉ làm cho tôi nhớ tới một ngón tay khác, đã mất từ lâu... thế nên cô, thấy mũi tên của mình chệch đích, rút lên, “Đồ điên ở đâu ấy! Lão bác sĩ ấy nói đúng!” rồi điên cuồng lao ra khỏi phòng. Tôi nghe tiếng bước chân loẹt quẹt xuống cầu thang sắt dẫn xuống sàn nhà máy; tiếng bàn chân hối hả giữa những vại rau quả dầm phủ vải đen; rồi tiếng một cánh cửa, mở ra rồi đóng sầm lại.

Bị bỏ rơi như thế, tôi bèn, không có lựa chọn nào khác, trở lại với công việc.

Ngón tay đang chỉ của người người phủ: tâm điểm không thể lãng quên của bức tranh treo trên bức tường màu thiên thanh ở Biệt thự Buckingham, thẳng ngay trên cái cũi màu xanh da trời, nơi, hồi là Bé Saleem, đứa trẻ của nửa đêm, tôi đã sống những ngày đầu đời. Cậu bé Raleigh - và ai nữa? - ngồi, đóng khung trong gỗ tếch, dưới chân người thủy thủ già, sần sùi, đang vá lưới - phải chăng ông ta có bộ ria hải mã? - với cánh tay phải, duỗi dài hết cỡ, vươn về phía một chân trời mệnh mông nước, trong khi những chuyên nước non của ông dập dờn quanh đôi tai háo hức của Raleigh - và ai nữa? Bởi vì hiển nhiên là có một cậu bé khác trong tranh, ngồi xếp bằng trong cổ diềm xếp nếp và áo dài cài khuy... và giờ một hồi ức trở lại với tôi: về bữa tiệc sinh nhật khi một bà mẹ hãnh diện và một ayah cũng hãnh diện không kém đã mặc cho một đứa trẻ có cái mũi Gargantua đúng cái cổ diềm ấy, đúng cái áo dài ấy. Một người thợ may ngồi trong căn phòng màu thiên thanh, dưới ngón tay đang chỉ, mà sao chép y phục của các quý tộc Anh... “Kìa, *de srong* chưa!” Lila Sabarmati thốt lên trong nỗi hổ thẹn vĩnh viễn của tôi, “Cứ như thằng bé vừa bước từ *trong tranh* ra ấy?”

Trong một bức tranh treo trên tường phòng ngủ, tôi ngồi cạnh Walter Raleigh, dõi mắt theo một ngón tay đang chỉ của người ngư phủ; mắt căng ra ở chân trời, mà phía sau là - cái gì? - tương lai của tôi, có thể; số kiếp đặc biệt của tôi, mà tôi đã biết từ đầu, qua một sự hiện diện sáng mờ sắc xám tại căn phòng màu thiên thanh ấy, lúc đầu còn mơ hồ, nhưng không thể bỏ qua... bởi ngón tay kia còn chỉ xa hơn chân trời sáng mờ ấy, nó chỉ ra ngoài khung gỗ tếch, qua một mảng tường ngấn màu thiên thanh, lái ánh mắt tôi tới một cái khung khác, trong đó treo số mệnh không thể trốn thoát của tôi, bị cố định vĩnh viễn dưới tấm kính: đây là một bức-hình-em-bé cỡ-đại với dòng chú thích tiên tri, còn đây, bên cạnh nó, một lá thư trên thứ giấy da bê hảo hạng, dập nổi dấu quốc huy - bốn con sư tử Sarnath đứng trên pháp luân ở trên bút tích của Thủ tướng, đến nơi, qua Vishwanath cậu bé đưa thư, một tuần sau khi ảnh tôi xuất hiện trên trang nhất tờ *Thời báo Ấn Độ*.

Báo chí tôn vinh tôi; chính trị gia khẳng định vị thế của tôi. Jawaharlal Nehru đã viết: “Bé Saleem thân mến, lời chúc muộn màng của tôi nhân sự kiện đáng mừng của thời khắc cháu ra đời! Cháu là người mới nhất mang gương mặt xa xưa nhưng cũng vĩnh viễn trẻ trung ấy của Ấn Độ. Chúng ta sẽ dõi theo cuộc đời của cháu với sự quan tâm sát sao nhất; nó sẽ là, theo một nghĩa nào đó, tấm gương của bản thân chúng ta.”

Và Mary Pereira, kinh hoàng, “Chính phủ ư, thưa Bà? Họ sẽ để mắt đến thằng bé? Nhưng vì sao, thưa Bà? Nó có làm sao đâu?” - Và Amina, không nhìn ra âm sắc sợ hãi trong giọng nói của người ayah: “Đó chỉ là một cách nói thôi Mary; nó không có nghĩa như họ nói đâu.” Nhưng Mary không yên tâm; và bao giờ cũng vậy, mỗi khi bước vào phòng đứa bé, mắt cô lại chớp dáo dác về bức thư trong khung kính; mắt cô đảo quanh, xem Chính phủ có đang theo dõi không; đôi mắt ngờ vực: họ biết gì? Có ai trông thấy không?... Về phần mình, khi lớn lên, tôi cũng không thực sự chấp nhận lời giải thích của mẹ tôi; nhưng nó ru tôi vào một cảm giác an toàn giả tạo; thế nên, mặc dù đôi chút nghi ngờ của Mary đã rỉ sang tôi, tôi vẫn bị bắt ngờ khi...

Có lẽ ngón tay của người ngư phủ không chỉ vào bức thư đóng khung, bởi nếu ta theo nó đi xa hơn nữa, nó sẽ dẫn ta qua cửa sổ ra ngoài, xuống ngọn đồi hai tầng, qua đường Warden, vượt bể bơi Breach Candy, và ra tới một mặt biển khác, không phải mặt biển trong tranh; một mặt biển nơi cánh

buồm của những chiếc dhow Koli rực đỏ trong ánh mặt trời sắp lặn... một ngón tay kết tội, khi ấy, buộc chúng ta phải nhìn vào những con người bị tước đoạt của thành phố.

Hoặc giả - và ý tưởng này làm tôi hơi rùng mình bất chấp cái nóng - đó là một ngón tay cảnh cáo, mục đích là thu hút sự chú ý vào *chính nó*; phải, có thể nó là, sao lại không, lời tiên tri về một ngón tay khác, một ngón tay không khác biệt với chính nó, mà sự xuất hiện trong câu chuyện của tôi sẽ tiết lộ thứ logic đáng sợ của Alpha và Omega... lạy Chúa, gôm thay ý tưởng ấy! Bao nhiêu tương lai từng treo trên cái cũi của tôi, chỉ chờ tôi hiểu được? Bao nhiêu lời cảnh báo đã được gửi đến cho tôi - bao nhiêu đã bị tôi bỏ qua?... Nhưng không. Tôi sẽ không làm “đồ điên ở đâu ấy”, nói theo cách diễn đạt sinh động của Padma. Tôi sẽ không bị cuốn theo những lạc đề gần dơ^[2]; chừng nào tôi còn sức kháng cự lại những rạn nứt.

[2] Ở đây Rushdie um chơi chữ. Nguyên tác: “cracked digressions”. Cracked vừa có nghĩa là gần dơ, vừa có nghĩa là bị rạn nứt.

Khi Amina Sinai và Bé Saleem về nhà trên chiếc Studebaker đi mượn, Ahmed Sinai mang theo lên xe một bịch giấy manila. Trong bịch giấy: một hũ rau quả dầm, đã đổ hết kasaundy chanh, đã rửa, luộc, tiết trùng - và giờ, đổ đầy lại. Một cái bình dầy kín, với một lớp màng cao su phủ kín cái nắp thiếc và cố định bằng một sợi chun buộc xoắn. Cái gì được bịt kín dưới cao su, bảo quản trong thủy tinh, giấu trong giấy manila? Đây: quay về nhà cùng bố, mẹ và em bé là một lượng nước muối trong đó chứa một cái dây rốn nổi lửng lơ. (Nhưng nó là của tôi hay của Đứa bé kia? Đó là điều tôi không thể nói được.) Trong khi cô ayah mới tuyển, Mary Pereira, đến Điện trang Methwold bằng xe buýt, một cái dây rốn du hành trong học để găng tay trên chiếc Studey của một đại gia điện ảnh. Trong khi Bé Saleem lớn lên thành người lớn, đoạn dây rốn lửng lơ không thay đổi trong nước muối đóng chai, đằng sau một cái tủ gỗ tếch. Và, nhiều năm sau, khi gia đình tôi bước vào cuộc lưu đày ở Xứ Sở của những kẻ Thuần Khiết, khi tôi đấu tranh hướng tới sự thuần khiết, những sợi dây rốn sẽ gặp thời trong chốc lát.

Không có gì bị vứt đi; cả đứa bé lẫn nhau thai đều được giữ lại; cả hai đều về đến Điện trang Methwold; cả hai đều đợi đến thời của mình.

Tôi không phải là một đứa trẻ đẹp đẽ. Những bức-hình-em-bé cho thấy gương mặt trắng tròn của tôi quá to; quá tròn vành vạnh. Vùng cằm bị thiếu một cái gì đó. Làn da trắng trẻo ôm lấy đường nét khuôn mặt tôi - nhưng những vết bớt làm nó biến dạng; một vết ô sẫm chảy xuống chân tóc bờ Tây, một mảng khác nhuộm sẫm cái tai bên Đông. Và thái dương tôi: quá nổi bật: hai mái vòm Byzantine hình củ hành. (Sonny Ibrahim và tôi sinh ra để làm bạn của nhau - khi bọn tôi cụng trán, hai hõm forcep của Sonny cho phép hai thái dương củ hành của tôi nằm lọt ở trong, khít khao như mộng mộc.) Amina Sinai, nhẹ nhõm khôn tả khi thấy tôi chỉ có một cái đầu, ngắm nó với sự trù mến của người mẹ nhân lên gấp bốn, nhìn nó qua một màn sương đẹp đẽ hóa, phớt lờ vẻ kỳ dị băng giá của đôi mắt màu thiên thanh, hai thái dương như cặp sừng còi, và cả cái mũi dứa chuột ngoại cỡ của tôi.

Cái mũi của Bé Saleem: nó to khủng bố; và chảy nước.

Đặc điểm thú vị của giai đoạn đầu đời của tôi: to và kém xinh đẹp như vậy, có vẻ như tôi không được vừa ý. Ngay từ những ngày đầu, tôi đã triển khai một chương trình tự tăng trưởng đầy anh dũng. (Như thể tôi biết rằng, để gánh vác những gánh nặng của cuộc sống tương lai, tôi cần phải khá đô con.) Đến giữa tháng Chín, tôi đã vắt kiệt bầu sữa không hề ít ỏi của mẹ tôi. Một bà vú được thuê tạm nhưng bà ta bỏ chạy, cạn khô như sa mạc chỉ sau hai tuần, cáo buộc Bé Saleem định cắn đứt đầu vú mình bằng hai hàng lợi không răng. Tôi chuyển qua bú bình và nốc cạn từng lượng lớn hợp chất: những núm vú trên bình sữa cũng lạnh đủ, mình oan cho bà vú tố cáo tôi. Những ghi chép trong cuốn sổ-tay-em-bé rất tỉ mỉ; chúng cho thấy tôi nở ra gần như trông thấy, tăng kích cỡ từng ngày; nhưng đáng tiếc là không có phép đo phần mũi nào được thực hiện nên tôi không thể kết luận liệu cơ quan hô hấp của mình có phát triển với tốc độ tương đương, hay nhanh hơn những phần còn lại. Tôi phải nói rằng mình có hệ trao đổi chất khỏe mạnh. Chất thải được bài tiết dào dạt từ các cửa ngõ thích hợp; từ mũi tôi đổ ra một dòng thác chất nhờn lỏng lánh. Từng bình đoàn mũi soa, từng trung đoàn tã lót tìm đường chui vào cái tủ giặt lớn trong phòng tắm của mẹ tôi... trút rác thải qua đủ mọi cửa, tôi vẫn giữ đôi mắt ráo hoảnh. “Thằng bé ngoan thế cơ chứ, Bà nhỉ,” Mary Pereira nói, “Cầm có khóc bao giờ.”

Bé Saleem ngoan ngoãn là một đứa trẻ lặng lẽ; tôi hay cười, song không thành tiếng. (Như con trai tôi, tôi bắt đầu bằng cách đánh giá tình hình, nghe ngóng trước khi nhảy sang ê a và, sau đó, nói chuyện.) Có một thời gian Amina và Mary sợ rằng thằng bé bị câm; nhưng, đúng lúc họ sắp nói với ông bố (mà họ đã giữ bí mật nỗi lo lắng của mình - không ông bố nào muốn một đứa con khuyết tật), thằng bé lại bật thốt ra tiếng, và trở nên, ở mọi tình huống trên phương diện ấy, hoàn toàn bình thường. “Cứ như thế,” Amina thì thầm với Mary, “nó đã quyết định cho chúng ta được yên lòng.”

Còn một vấn đề nghiêm trọng hơn. Amina và Mary mất vài ngày mới nhận ra điều này. Bận rộn với những quy trình đồ sộ và phức tạp để hóa thân thành một bà mẹ hai đầu, tầm nhìn bị che phủ bởi một màn sương mờ lút hơi thối, họ không nhận ra sự bất động của mí mắt tôi. Amina, nhớ lại, trong thời kỳ bà mang bầu, sức nặng của đứa con chưa ra đời đã giữ thời gian lắng đọng như một mặt hồ xanh lặng ngắt ra sao, bắt đầu tự hỏi phải chăng điều ngược lại đang xảy ra - phải chăng đứa bé sở hữu một thứ ma lực nào đó với toàn bộ thời gian trong phạm vi kề cận quanh mình và đang tăng tốc nó, thế nên mẹ-và-ayah không bao giờ có đủ thời gian để làm mọi thứ cần làm, thế nên đứa trẻ mới có thể phát triển với một tốc độ dường như không tưởng; lạc lối trong những huyền tưởng về trật tự thời gian ấy, bà không nhận thấy vấn đề của tôi. Chỉ khi bà đã rũ bỏ ý tưởng ấy và tự nhủ tôi chẳng qua là một thằng bé phồng phao phàm ăn, một đứa trẻ phát triển sớm, tấm màn của tình mẫu tử mới hé ra đủ để bà và Mary rú lên, đồng thanh: “Kìa, baap-re-baap! Kìa, Bà! Đây, Mary! Thằng bé không hề chớp mắt!”

Cặp mắt quá xanh: xanh-Kashmir, xanh-đứa-trẻ-bị-tráo, với sức nặng của dòng nước mắt không trào, quá xanh không thể chớp. Lúc được cho ăn, mắt tôi không hề hấp háy; lúc nàng Mary đồng trình bế tôi qua vai và kêu lớn, “Ui, nặng thế, lạy Chúa tôi!” tôi ợ hơi mà không chớp mắt. Lúc Ahmed Sinai lật bàn chân bó ngón tới bên cũi tôi nằm, tôi nhượng bộ cặp môi trẻ bằng cái nhìn chăm chú và bất động... “Khéo ta nhầm, Bà ạ,” Mary nêu ý kiến. “Khéo sahib nhỏ đang bắt chước chúng ta - thấy ta chớp thì chớp theo.” Và Amina: “Ta thay nhau chớp thử xem sao.” Mí mắt luân phiên mở-ra-đóng-lại, họ quan sát màu xanh băng giá nơi tôi; nhưng không có một rung động dù là nhỏ nhất; cho đến khi

Amina tự mình giải quyết vấn đề và thò tay vào nôi để vuốt mí mắt tôi xuống. Chúng khép lại: hơi thở tôi biến đổi, ngay tức thì, sang nhịp thở thỏa mãn của giấc ngủ. Sau đó, suốt mấy tháng, mẹ và ayah thay phiên nhau mở và khép mí mắt cho tôi. “Nó sẽ học được, Bà ạ,” Mary vỗ về Amina, “Nó là một đứa bé ngoan, nhất định nó sẽ biết cách thôi.” Tôi học được thật: bài học đầu tiên của đời tôi: không ai mở mắt mà đối mặt với đời mãi được.

Giờ đây, nhìn lại qua đôi mắt ấu thơ, tôi có thể thấy tất cả một cách hoàn hảo - kinh ngạc thay những gì ta nhớ được khi ta cổ. Điều tôi thấy: thành phố, phơi mình như một con thằn lằn hút máu dưới cái nóng mùa hè. Bombay của chúng ta: trông nó như một bàn tay nhưng kỳ thực nó là một cái miệng, luôn mở to, luôn đói khát, nuốt lương thực và nhân tài từ khắp nơi trên đất Ấn. Một con đĩa lộng lẫy, không sản xuất gì ngoài phim ảnh bush-shirt^[3] cá biển... giữa cơn dư chấn hậu Chia cắt, tôi thấy Vishwanath cậu bé đưa thư đạp xe về phía quả đồi hai tầng nhà tôi, phong bì da bê trong xác cốt, cưỡi chiếc Arjuna Indiabike cũ kỹ phóng qua một chiếc xe buýt đang gi nát - bị bỏ không dù chưa tới mùa mưa, vì tay tài xế bỗng nhiên quyết định chạy sang Pakistan, tắt máy rồi bỏ đi, để lại cỗ xe đầy hành khách mắc kẹt, bấu vào cửa sổ, bám lấy nóc xe, phòi ra ở cửa lên xuống... tôi có thể nghe tiếng họ chửi rủa, đồ-lợn-đẽ, quân-đôn-mạt; nhưng họ sẽ bấu chặt cái chỗ ngồi phải giành giật mới có được ấy suốt hai giờ trước khi phó mặc cỗ xe cho số phận. Và, và: đây là người Ấn Độ đầu tiên bơi vượt Eo biển Anh quốc, Ngài Pushpa Roy, xuất hiện trước công bề bơi Breach Candy. Đâu đó mũ tắm màu nghệ, quần bơi xanh quần khăn tắm ngả màu cò, ngài Pushpa đây đã tuyên chiến với chính sách chỉ-da-trắng của bề tắm. Ông ta cầm bánh xà phòng Mysore mùi đàn hương; ưỡn thẳng người; sải bước qua công... nơi đám Pathan làm thuê túm lấy ông ta, người Ấn bảo vệ người Âu khỏi cuộc binh biến của người Ấn như thường lệ; rồi ông tạ trở ra, anh dũng kháng cự, bị quặt tay điệu ra đường Warden và lẳng xuống đất. Người bơi vượt biển nhào ra giữa đường, tránh khỏi lạc đà taxi xe đạp trong gang tấc (Vishwanath đánh tay lái để tránh bánh xà phòng của ông ta)... nhưng ông tạ không nhụt chí; lui húi đứng lên; lui húi phủi quần áo; và thề hôm sau sẽ trở lại. Suốt những năm tuổi thơ của tôi, điểm nhấn của ngày là cảnh Pushpa người vận động viên bơi, mũ màu nghệ và khăn tắm ngả màu cò, lao mình trái với ý muốn ra đường Warden. Và rồi cuộc cuộc vận động bất khuất của ông đã thắng lợi, bởi ngày nay Bề bơi cho phép một số người Ấn - “tầng lớp ưu tú” - bước xuống làn nước hình bản đồ của mình. Nhưng Pushpa không thuộc tầng lớp ưu tú; đã già và bị lãng quên, ông đứng nhìn Bề bơi từ xa... và giờ quần chúng đang ủa vào tôi mỗi lúc một nhiều - chẳng hạn như Bano Devi, người nữ đô vật nổi tiếng thời ấy, người chỉ đấu với đàn ông và dọa sẽ lấy bất kỳ ai thắng mình, hệ quả của lời thề ấy là cô ta chưa thua một keo nào; và (giờ ở gần nhà hơn), vị sadhu dưới vòi nước trong vườn nhà tôi, tên là Purushottam, người mà tụi tôi (Sonny, Mát Chẻ, Tóc Dầu, Cyrus và tôi) luôn gọi là Puru-ông-guru - tin rằng tôi là Mubarak, Kể được Ban phước, ông hiến dâng đời mình để đổi theo tội, và dành trọn thời gian cho việc dạy cha tôi xem chỉ tay và phù phép xua mụn cóc khỏi mẹ tôi; rồi đến sự kinh địch giữa lão người ở cũ Musa và cô ayah mới Mary, điều sẽ tích tụ cho tới khi bùng nổ; tóm lại, cuối năm 1947, cuộc sống ở Bombay đang đầy ắp, phong phú, vô định hình một cách đa dạng chưa từng thấy... trừ một việc là tôi đã đến; tôi đã bắt đầu chiếm lĩnh vị trí trung tâm vũ trụ; và khi xong việc, tôi sẽ đem ý nghĩa đến cho tất cả. Quý vị không tin tôi? Nghe kia: bên nôi tôi, Mary Pereira đang hát một bài hát ngắn:

Bất cứ gì con muốn thành, con sẽ được:

Con sẽ được thành, bất cứ gì con muốn.

[3] Bush-shirt là loại áo sơ mi may theo kiểu áo jacket đi rừng (safari jacket). Đây là một sản phẩm đặc trưng ra đời trong quá trình khai phá Ấn Độ của thực dân Anh.

Cho tới trước lễ cắt bao quy đầu của tôi do một ông thợ cạo hờ hám ếch tại Hiệu Thợ cạo Hoàng gia trên đường Gowalia Tank thực hiện (tôi mới được hơn hai tháng), tôi đã rất dặt khách tại Điện

trang Methwold. (Nhân tiện, về chuyện cắt bao quy đầu: tôi thề là tôi vẫn nhớ lão thợ cạo cười nhăn nhó, lão túm lấy tôi nơi da quy đầu, trong khi thằng nhỏ của tôi ngoe nguẩy điên cuồng như một con rắn trơn tuột; và lưỡi dao cạo đi xuống, và cơn đau; nhưng tôi được kể rằng, lúc đó, tôi thậm chí cũng không chớp mắt.)

Phải, tôi là một thằng bé rất được ưa thích: hai bà mẹ của tôi, Amina và Mary, trông thấy tôi bao nhiêu cũng không đủ. Trong mọi vấn đề thực tiễn, họ là những đồng minh thân cận nhất. Sau khi tôi được cắt bao quy đầu, họ cùng tắm cho tôi; và cùng khúc khích khi cái bộ phận mới tổn thương của tôi ngoe nguẩy giận dữ trong nước tắm. “Ta phải coi chừng thằng nhóc này, Bà ạ,” Mary láu lỉnh nói, “Cái ấy của nó có sự sống riêng đấy!” Và Amina, “Chắc, chắc, Mary, cô gớm quá, thật đấy...” Nhưng rồi trong tiếng nấc nghẹn của cơn cười không nhìn nổi, “Bà xem kìa, quả ót bé bỏng tội nghiệp của cu cậu!” Vì nó lại đang ve vẩy, giãy giụa như một con gà bị cắt tiết... Cùng nhau, họ chăm chút cho tôi cực kỳ chu đáo; nhưng về vấn đề tình cảm, họ lại là tử địch. Có lần, khi đẩy tôi đi rong qua Vườn treo trên Đồi Malabar, Amina nghe lỏm thấy Mary nói với mấy cô ayah khác, “Này: đây là thằng con mập mạp của tôi” - và cảm thấy một sự uy hiếp kỳ lạ. Bé Saleem trở thành, kể từ đó, chiến trường của tình yêu của họ; họ nỗ lực vượt mặt đối phương trong việc biểu lộ tình yêu thương; trong khi thằng bé, đã biết nháy mắt, ợ hơi thật to, hấp thụ tình cảm của họ, lấy nó để tăng tốc độ phát triển, phình ra và nuốt chửng vô số cái ôm ấp hôn hít bẹo-cầm-nựng-nịu, tích nập cho thời khắc khi nó có được đặc tính cốt lõi của nhân loại: mỗi ngày, và chỉ vào những giờ phút hiếm hoi tôi bị bỏ lại một mình với ngón tay đang chỉ của người ngư phủ, tôi cố rướn mình đứng lên trong cũi.

Nguồn ebook: <https://www.luv-ebook.com>

(Và trong khi tôi nỗ lực vô ích để đứng dậy bằng hai chân, Amina cũng bị bóp nghẹt trong một quyết tâm vô vọng - bà cố sức trục xuất khỏi đầu mình giấc mơ về người chồng không thể gọi tên, vốn đã thay thế giấc mơ về giấy bẫy ruồi từ cái đêm sau khi tôi ra đời; một giấc mơ với tính chân thực mãnh liệt đến mức nó ở lại với bà suốt những giờ bà tỉnh ngủ. Trong đó, Nadir Khan đến bên giường bà và làm bà có thai; một sự phi lý quái hiểm đến nỗi làm Amina lẫn lộn về nguồn gốc của đứa trẻ, và đem đến cho tôi, đứa trẻ của nửa đêm, một người cha thứ tư để đặt cạnh Winkie và Methwold và Ahmed Sinai. Lo lắng nhưng bất lực trong vòng kiềm tỏa của giấc mơ, từ đó mẹ tôi Amina bắt đầu hình thành một màn sương mù tội lỗi rồi sẽ, nhiều năm sau, bao quanh đầu bà như một vòng hoa đen tăm tối.)

Tôi chưa bao giờ được nghe Wee Willie Winkie thời đỉnh cao. Sau nỗi mất mát mù lòa kia, thị lực của ông dần hồi phục; nhưng có gì đó gay gắt và cay đắng đã len vào giọng hát của ông. Ông bảo đó là bệnh suyễn, và tiếp tục đến Điện trang Methwold mỗi tuần một lần để hát những bài hát vốn, cũng như ông, là tàn tích của thời đại Methwold. “Chúc Ngủ Ngon, Quý Bà,” ông hát; và, để cập nhật, bổ sung “Mây Rồi Sẽ Sớm Tan” vào vốn biểu diễn của mình, và, sau đó ít lâu, “Cún Con Trên Cửa Sổ Giá Nhiều Tiền?” Đặt một đứa bé khá bự với cặp đầu gối gõ nhau đầy khiếp hãi trên tấm thảm nhỏ cạnh ông trong vòng xuyên, ông ca những bài ca đầy niềm hoài cổ, và không ai nữ đuổi ông đi. Winkie và ngón tay người ngư phủ là hai trong số ít những thứ thời William Methwold còn sót lại, vì sau khi

người Anh biến mất, những người kế tục ông ta đã tổng khứ khỏi các cung điện những đồ đạc họ ruồng bỏ. Lila Sabarmati bảo lưu chiếc pianola; Ahmed Sinai giữ lại tủ whisky; ông lão Ibrahim chấp nhận những chiếc quạt trần; nhưng lũ cá vàng chết, vài con vì đói, những con khác vì bị nhồi nhét khủng khiếp đến mức chúng nổ tung thành những đám mây nhỏ vảy và thức ăn cá chưa tiêu hóa; đàn chó chạy rông, và sau cùng thôi không quanh quẩn ở Điện trang nữa; và chỗ quần áo bạc màu trong những chiếc tủ cũ được phân phát cho các bà quét dọn và những người hầu khác ở Điện trang, thế nên suốt nhiều năm về sau những người thừa kế William Methwold được phục vụ bởi những người đàn ông và đàn bà mặc áo sơ mi và váy vải hoa ngày một rách nát của chủ nhân đời trước của họ. Nhưng Winkie và bức tranh trên tường của tôi sống sót; ca sĩ và ngư phủ trở thành thông lệ trong đời sống của chúng tôi, giống như giờ cocktail, nay đã thành một thói quen quá mạnh mẽ không thể dứt bỏ. “Mỗi giọt lệ và niềm đau nhỏ bé,” Winkie hát, “càng kéo em lại gần anh...” Còn giọng ông càng lúc càng kém đi, tới khi nghe như một cây đàn sitar mà bầu cộng hưởng, làm bằng vỏ bí ngô sơn mài, đã bị chuột gặm từ lâu; “Vì bệnh suyễn,” ông búống bình bào chữa. Trước khi chết, ông mất giọng hoàn toàn; bác sĩ sửa đổi kết quả chẩn đoán thành ung thư vòm họng; nhưng họ lại sai, bởi Winkie không chết vì bệnh mà vì nổi cay đắng mất đi người vợ mà sự bất trình ông chưa từng hoài nghi. Con trai ông, được đặt tên là Shiva theo vị thần sáng tạo và hủy diệt, ngồi dưới chân ông trong những ngày đầu ấy, lặng lẽ chịu đựng gánh nặng là căn nguyên (hoặc giả nó nghĩ vậy) sự suy sụp từ từ của cha mình; và dần dà, theo năm tháng, chúng tôi chứng kiến đôi mắt nó ngập một nỗi căm giận không thể nói thành lời; chúng tôi chứng kiến nắm tay nó siết lại quanh từng viên sỏi rồi ném đi (ban đầu vô hại, nhưng ngày một nguy hiểm hơn khi nó lớn) ra khoảng trống xung quanh. Khi thằng lớn của Lila Sabarmati lên tám, nó tự ý chọc ghẹo Shiva về tính khó gần, cái quần cộc không hò, cặp đầu gối củ lạc; thế là thằng bé đã bị tội ác của Mary dày dọa trong kiếp nghèo với đàn phong cầm liền ném một hòn đá bẹt và sắc, cạnh bén như dao cạo, làm kẻ chòng ghẹo nó mù mắt phải. Sau tai nạn của Mắt Chẽ, Wee Willie Winkie đến Điện trang Methwold một mình, bỏ lại đứa con trai bước vào những mê cung u tối mà về sau chỉ một cuộc chiến tranh mới giải thoát được nó.

Vì sao Điện trang Methwold tiếp tục chịu đựng Wee Willie Winkie bất chấp sự hư hoại trong giọng hát của ông và hành vi bạo lực của con ông: ông từng, một lần, cho họ một gợi ý quan trọng về cuộc sống. “Đứa trẻ đầu tiên chào đời,” ông nói, “sẽ biến quý vị thành thật.”

Là hệ quả trực tiếp từ gợi ý của Winkie, tôi, trong những ngày đầu, cực kỳ đắt khách. Amina và Mary giành giật sự chú ý của tôi; nhưng ở mọi nhà tại Điện trang đều có người muốn biết tôi; và sau cùng Amina, cho phép niềm tự hào về tiếng tăm của tôi lấn át tâm lý miễn cưỡng để tôi ra khỏi tầm mắt, đồng ý cho mượn tôi, dưới hình thức xoay tua, cho các gia đình trên đồi. Được Mary Pereira đẩy đi trong cỗ xe nôi màu thiên thanh, tôi bắt đầu cuộc diễu hành chiến thắng quanh các cung điện lợp ngói đỏ, ban vinh dự cho lần lượt từng nhà với sự hiện diện của mình, và khiến chúng trở nên thật với chủ nhân. Và giờ, nhìn lại bằng đôi mắt của Bé Saleem, tôi có thể vén màn hầu hết mọi bí mật của hàng xóm, bởi những người lớn đã sống cuộc đời họ trước mặt tôi mà không hề e dè bị quan sát, không biết rằng, nhiều năm sau, ai đó sẽ nhìn lại qua đôi mắt trẻ thơ và quyết định bật mí điều bí mật.

Thế nên đây là ông lão Ibrahim, đang chết mòn trong lo âu vì, ở châu Phi, các chính phủ đang quốc hữu hóa các đồn điền sisal của ông; đây là con cả của ông Ishaq đang buồn bực về việc kinh doanh khách sạn lâm vào cảnh nợ nần, khiến ông ta buộc phải vay tiền đám anh chị trong vùng; đây là cặp

mắt của Ishaq, đang thèm khát cô em dâu, mặc dù vì sao Nussie vệt bầu có thể khơi dậy ham muốn tình dục ở ai đó vẫn là điều bí ẩn đối với tôi; và đây là chồng Nussie, Ismail tay luật sư, người đã thu được một bài học quan trọng từ ca đẻ forcep của đứa con trai: “Ồ đời chẳng có gì chui ra trót lọt cả,” ông ta bảo cô vợ vệt bầu, “trừ phi nó được ép ra.” Áp dụng triết lý ấy vào sự nghiệp luật gia của mình, ông ta đeo đuổi một sự nghiệp hối lộ quan tòa và dàn xếp bồi thẩm; mọi đứa trẻ đều có quyền năng thay đổi cha mẹ và Sonny đã biến cha mình thành một gã lừa đảo hết sức thành công. Và, chuyển sang Biệt thự Versailles, đây là Bà Dubash với bàn thờ thần Ganesh của bà ta, được nhét vào góc một căn hộ với sự bừa bộn siêu nhiên đến mức, ở nhà tôi, chữ “dubash” trở thành một động từ nghĩa là “bày bừa”... “Ôi, Saleem, con lại dubash phòng con rồi, cái thằng da đen này!” Mary sẽ kêu ca. Và giờ căn nguyên của sự bừa bộn, nghiêng người qua mái chiếc xe nôi để bẹo cằm tôi: Adi Dubash, nhà vật lý, thiên tài của hạt nhân nguyên tử và rác rưởi. Bà vợ, đã có thai Cyrus-đại-đế, lùi lại sau, nuôi lớn đứa con, có một điều gì đó cuồng tín lóe lên trong khóe mắt, đang lặng lẽ chờ thời; nó sẽ không trỗi dậy cho đến khi Ông Dubash, người ngày ngày phải làm việc với những vật chất nguy hiểm nhất trên đời, chết vì nghẹn một quả cam mà bà vợ quên không tách hạt. Tôi không bao giờ được mời tới căn hộ của Bác sĩ Narlikar, viên bác sĩ phụ khoa ghét trẻ con; nhưng tại nhà Lila Sabarmati và Homi Catrack tôi trở thành một tên nhòm trộm, một kẻ đồng lõa tí hon với một ngàn lẻ một sự bất trình của Lila, và cuối cùng là nhân chứng cho sự khởi đầu của cuộc tư thông giữa cô vợ viên sĩ quan hải quân với tay trùm-phim-và-chủ-ngựa-đua; điều rồi sẽ đến lúc phục vụ đặc lực cho tôi khi tôi toan tính một hành động trả thù nào đó.

Ngay cả một đứa trẻ cũng phải đối diện với vấn đề định nghĩa bản thân; và tôi buộc phải nói rằng sự nổi tiếng sớm của tôi có những mặt khó khăn riêng của nó, vì tôi bị tấn công tới tấp bởi một sự đa dạng hỗn loạn về cách nhìn nhận vấn đề, là Kẻ được Ban phước với vị guru dưới vôi nước, kẻ nhòm trộm với Lila Sabarmati; trong mắt Nussie-vệt-bầu tôi là một địch thủ, và một địch thủ thành công hơn, của thằng Sonny nhà cô ta (mặc dù, rất đáng khen, cô ta không bao giờ thể hiện sự cay cú, và cũng hỏi mượn tôi như tất cả mọi người); với bà mẹ hai đầu của tôi, tôi là đủ thứ bé bỏng trên đời - họ gọi tôi là joonoo-moonoo, và putch-putch, và mảnh trăng nhỏ bé.

Nhưng, nói cho cùng, một đứa bé có thể làm được gì ngoài việc nuốt hết tất cả và hy vọng sau này sẽ hiểu ra? Kiên nhẫn, mắt ráo hoảnh, tôi hấp thụ thư-Nehru và lời tiên tri của Winkie; nhưng ấn tượng sâu sắc hơn tất thảy lại đến vào ngày cô con gái ngớ ngẩn của Homi Catrack gửi suy nghĩ của cô ta qua vòng xuyên vào cái đầu trẻ thơ của tôi.

Toxy Catrack, với cái đầu ngoại cỡ và cái miệng nhỏ dài; Toxy, người đứng ở ô cửa sổ có song sắt trên gác thượng, trần truồng, thủ dâm với những động tác của sự ghê tởm bản thân tội độ; người nhỏ bợt rất mạnh và thường là qua song sắt, đôi khi trúng đầu bọn tôi... có hai mươi một tuổi, một cô gái điên dờ ngô ngọng, sản phẩm của nhiều năm giao phối cận huyết; nhưng trong đầu tôi cô rất đẹp, vì cô đã không đánh mất những thiên khiếu mọi đứa trẻ sinh ra đều có nhưng sẽ bị cuộc đời từng bước bào mòn đi. Tôi không nhớ được bất kỳ điều gì Toxy nói khi cô gửi ý nghĩ của mình đến thì thầm với tôi; có lẽ chẳng có gì ngoài tiếng ú ớ và nhỏ bợt; nhưng cô đã cho cánh cửa trong trí óc tôi một cú huých khế, thế nên khi một biến cố xảy ra trong một cái tủ giặt thì có lẽ chính Toxy đã khiến nó thành có thể.

Tạm thời như thế là đủ rồi, về những ngày đầu đời của Bé Saleem - chưa gì sự hiện diện của tôi đã tác động đến lịch sử; chưa gì Bé Saleem đã thay đổi mọi người xung quanh; và, ở trường hợp cha tôi, tôi cho rằng chính tôi đã đẩy ông vào những sự quá đà đã dẫn đến, có lẽ là tất yếu, giai đoạn hải hùng của sự đóng băng.

Ahmed Sinai không bao giờ tha thứ cho con trai vì đã làm giập ngón chân ông. Ngay cả khi đã tháo nẹp, ông vẫn hơi tập tễnh. Cha tôi cúi xuống cũi của tôi và nói, “Chà, con trai: con định thế nào là khởi đầu thế ấy. Chưa gì con đã bắt đầu cho bố già tội nghiệp của con ăn đòn rồi!” Theo quan điểm của tôi, câu này chỉ phân nửa là đùa. Bởi vì, với sự ra đời của tôi, tất cả đã thay đổi với Ahmed Sinai. Vị thế của ông trong gia đình bị lung lay khi tôi xuất hiện. Đột nhiên sự ân cần của Amina đã tìm thấy những mục tiêu khác; bà không bao giờ phỉnh tiền của ông nữa, và tấm khăn trên lòng ông ở bàn ăn sáng đôi khi lại nhói lên nỗi buồn hoài niệm về những ngày tháng cũ. Bây giờ là “Con mình cần cái này cái nọ,” hay “Janum, mình phải đưa tôi tiền cho cái nọ cái kia.” Quá tệ, Ahmed Sinai nghĩ. Cha tôi luôn tự cho mình là quan trọng.

Và thế là chính thành tích của tôi đã khiến cho Ahmed Sinai, trong những ngày đầu tôi ra đời, rơi vào hai ảo tưởng sinh đôi mà rồi sẽ trở thành sự sụp đổ của ông, vào thế giới không có thực của yêu tinh và vùng đất trong lòng biển.

Một hồi ức về cha tôi trong một tối mùa lạnh, ngồi trên giường tôi (dạo ấy tôi lên bảy) mà kể cho tôi, với chất giọng hơi quánh lại, chuyện người đánh cá tìm thấy yêu tinh trong một cái chai bị dạt lên bãi biển... “Đừng bao giờ tin lời hứa của yêu tinh, con trai! Thả chúng ra là chúng sẽ nuốt tươi con!” Và tôi, rụt rè - vì tôi có thể ngửi thấy mùi hiểm nguy trong hơi thở cha tôi: “Nhưng, Abba, yêu tinh sống được trong chai thật à?” Và thế là cha tôi, trong một cơn thay đổi tâm trạng chóng mặt, cười rầm lên và rời khỏi phòng, trở lại với một cái chai màu xanh sẫm có nhãn trắng. “Nào,” ông trầm giọng hỏi, “con có muốn xem yêu tinh trong này không?” “Không!” tôi sợ hãi ré lên; nhưng “Có!” con Khi Đồng em tôi reo to từ giường bên cạnh... và co rúm lại trong nỗi khiếp sợ háo hức, chúng tôi xem ông vặn nút rồi lấy bàn tay bịt cổ chai lại đầy vẻ kịch tính; và giờ, trên tay kia, một chiếc bật lửa xuất hiện. “Thế là tiêu đời lũ yêu tinh gian ác!” cha tôi kêu lên; rồi, nhấc tay ra, gií ngọn lửa vào cổ chai. Kinh hãi, con Khi và tôi quan sát một ngọn lửa ma quái, lam-lục-vàng, chậm chậm di chuyển xuống theo vòng tròn ở mặt trong chai; tới khi, xuống đến đáy, nó bùng lên giãy lắt rồi tắt ngấm. Hôm sau tôi khơi mào hàng tràng cười khi bảo Sonny, Mắt Chẻ và Tóc Dầu, “Bố tao chiến đấu với yêu tinh; ông đánh bại chúng; thật đấy!...” Và có thể thật. Không bao lâu sau khi tôi ra đời, Ahmed Sinai, bị tước bỏ những sự phỉnh nịnh và quan tâm, bắt đầu cuộc đấu tranh trọn đời với những chai đựng yêu tinh. Nhưng tôi đã nhầm một điều: ông không thắng.

Tủ cocktail đã kích thích khẩu vị ông; nhưng sự xuất hiện của tôi mới là điều đẩy ông đến với nó... Hồi ấy, Bombay mới được tuyên bố là bang cấm rượu. Cách duy nhất kiếm rượu là lấy được chứng nhận nghiện rượu; và thế là một giống bác sĩ mới sinh sôi, bác sĩ-tửu tinh, một trong số này, Bác sĩ Sharabi, được giới thiệu với cha tôi qua ông Homi Catrack hàng xóm. Sau đó, cứ vào ngày đầu tháng

cha tôi và Ngài Catrack và nhiều nhân vật khả kính nhất của thành phố lại xếp hàng ngoài cánh cửa kính sần tại phòng mổ của Bác sĩ Sharabi, đi vào, rồi quay ra với những tờ tem phiếu rượu màu hồng be bé. Nhưng khẩu phần cho phép quá ít so với nhu cầu của cha tôi; thế là ông bắt đầu sai cả người hầu đi; và thợ làm vườn, người bùng bê, tài xế (giờ chúng tôi đã có ô tô, một chiếc 1946 Rover có gờ lên xuống, giống của William Methwold), thậm chí cả lão Musa và Mary Pereira, đem về cho cha tôi càng lúc càng nhiều tem hồng, ông mang tem hồng tới Bách hóa Vijay đổi diện hiệu thợ cạo cắt bao quy đầu ở Đường Gowalia Tank để đổi lấy những túi giấy nâu đựng rượu, bên trong là những chai màu xanh kêu lạnh canh, chứa đầy tử tinh. Và cả whisky nữa: Ahmed Sinai xóa nhòa đường nét của bản thân bằng cách uống những chai xanh và nhãn đỏ của người hầu. Người nghèo, chẳng có gì khác để kiếm tiền, bán danh tính họ trên những mẫu giấy hồng; còn cha tôi biến chúng thành chất lỏng và nốc cạn.

Vào sáu giờ mỗi tối, Ahmed Sinai bước vào thế giới của tử tinh; và mỗi sáng, mắt đỏ ngầu, đầu nhức nhối vì kiệt lực sau trận chiến suốt đêm, ông không cạo râu ngồi vào bàn ăn sáng; và theo dòng chảy của năm tháng, tâm trạng phấn khởi trước khi cạo râu của ông bị thay thế bởi sự kiệt quệ cáu bẳn của cuộc chiến giữa ông với những linh thần trong chai.

Sau khi ăn sáng, ông xuống nhà. Ông dành riêng hai phòng ở tầng trệt để làm văn phòng, vì khả năng định hướng của ông vẫn kém như thường lệ, và ông không thích thú gì cái ý tưởng bị lạc giữa Bombay trên đường đi làm; nhớ đường đi xuống một lượt cầu thang thì cả ông cũng làm được. Đường nét nhạt nhòa, cha tôi thực hiện những giao dịch bất động sản; và cơn giận tăng dần của ông trước việc mẹ tôi chuyên chú vào đứa con tìm được một lối xả mới sau cánh cửa văn phòng - Ahmed Sinai bắt đầu ve vãn các cô thư ký. Sau nhiều đêm mà trận cãi vã với những chai rượu đôi khi bùng phát với những lời lẽ cay nghiệt - “Vợ với chả con! Thế này thì tôi mua quách một thằng con rồi thuê một mụ vú nuôi - có khác gì đâu?” Và rồi nước mắt, và Amina, “Ôi, ja-num - đừng dẫn vật em!”, và thế là khơi lên, “Dẫn vật cái chân tôi! Cô nghĩ chồng đòi hỏi vợ quan tâm là dẫn vật à? Chúa cứu con khỏi lũ đàn bà ngu độn!” - cha tôi tập tễnh xuống cầu thang để lòi mắt ra nhìn các cô gái Colaba. Và sau một thời gian Amina bắt đầu để ý thấy thư ký của ông không ai ở được lâu, họ đột ngột bỏ đi, hăm hăm lao ra khỏi cửa nhà tôi không hề báo trước; và quý vị phải tự đánh giá đây là bà giả mù, hay bà chấp nhận điều đó như một sự trừng phạt, nhưng tóm lại bà không có phản ứng gì, tiếp tục dồn hết thời gian cho tôi; hành động duy nhất của bà để ghi nhận sự việc là đặt cho các cô gái một cái tên chung. “Mấy ả lai Anh ấy,” bà bảo Mary, để lộ một chút hợm hĩnh, “tên thì kỳ cục, Fernand với Alonso này kia, họ thì, trời ạ! Sulaca với Colaco cái gì không biết. Việc gì ta phải bận tâm về các ả? Loại đàn bà rẻ tiền. Ta gọi tắt là đám gái Coca-Cola của ông ta - tên mấy ả nghe đều rủa rủa cả.”

Trong khi Ahmed véo: những cặp mộng, Amina trở nên cam chịu; nhưng có lẽ nếu bà tỏ ra quan tâm thì ông hẳn đã thấy vui.

Mary Pereira nói, “Những cái tên đấy không hề kỳ cục, thưa Bà; nói Bà bỏ quá, nhưng đấy là những từ Thiên Chúa tốt đẹp.” Amina liền nhớ lại vụ cô em họ Zohra của Ahmed đem da đen ra làm trò cười - và, cuống lên để xin lỗi, bà phạm vào sai lầm của Zohra: “Ôi, không phải nói *em* đâu, Mary, sao em có thể nghĩ rằng chị đang giễu em?”

Đầu sừng, mũi dừa chuột, tôi nằm trong cũi lắng nghe; và mọi chuyện xảy ra, đều vì tôi mà xảy ra... Một ngày tháng Một năm 1948, lúc năm giờ chiều, cha tôi được Bác sĩ Narlikar đến thăm. Những cái ôm hôn như thường lệ, rồi những cái vỗ lưng. “Làm tí cò nhé?” bố tôi hỏi, theo nghi thức, vì các cuộc viếng thăm này đang trở thành thông lệ. Họ sẽ chơi cò theo lối Ấn Độ xưa, trò chơi shatranj, và, được giải phóng khỏi những phức tạp trong cuộc sống bởi sự giản đơn của bàn cờ, Ahmed sẽ mơ tưởng trong một giờ đồng hồ về chuyện sắp xếp lại kinh Quran; thế rồi đến sáu giờ, giờ cocktail, giờ của tửu tinh... song tối nay Narlikar nói, “Không.” Và Ahmed, “Không? *Không* là sao? Nào, ngồi, chơi, buôn chuyện...” Narlikar ngắt lời: “Tối nay, người anh em Sinai ạ, có thứ này tôi phải cho anh xem.” Giờ họ đang ngồi trên chiếc 1946 Rover, Narlikar quay cần khởi động rồi nhảy lên; và họ đang chạy về phía Bắc theo đường Warden, qua đền Mahalaxmi bên trái và sân golf Willingdon Club bên phải, bỏ trường đua ngựa lại sau, lẩn bánh dọc Hornby Vellard cạnh con đê biển; sân vận động Vallabhbhai Patel đã nằm trong tầm mắt, với những hình nộm đô vật khổng lồ bằng bìa, Bano Devi Người đàn bà Bất khả Chiến bại và Dara Singh, dũng sĩ đệ nhất... những người bán channa và dặt chó đi dạo tản bộ bên bờ biển. “Dừng lại,” Narlikar ra lệnh, và họ xuống xe. Họ đứng nhìn ra biển; gió biển thổi mát mặt họ; ngoài xa, ở cuối con đường hẹp lát xi măng giữa những con sóng, là hòn đảo đặt lăng tẩm của vị thánh Haji Ali. Khách hành hương đang rải bước giữa Vellard và lăng mộ.

“Đó,” Narlikar chỉ, “Anh thấy gì?” Và Ahmed, hoang mang, “Chả thấy gì sất. Lăng. Người. Thế này là sao, ông bạn già?” Và Narlikar, “Không phải cái đấy. *Kia kia!*” Và giờ Ahmed thấy ngón tay đang chỉ của Narlikar trở vào lối đi lát xi măng... “Con đường bờ biển?” ông hỏi, “Cái đó thì sao? Vài phút nữa thủy triều sẽ lên và phủ kín nó; ai chả biết...” Narlikar, làn da tỏa sáng như một ngọn hải đăng, trở nên triết lý. “Chính thế, người anh em Ahmed; chính thế. Đất và biển; biển và đất; cuộc tranh đấu muôn đời, phải không?” Ahmed, không hiểu gì, im lặng. “Một thời nơi đây từng có bảy hòn đảo,” Narlikar nhắc ông, “Worli, Mahim, Salsette, Matunga, Colaba, Mazagaon, Bombay. Người Anh hợp chúng lại. Biển, người anh em Ahmed, trở thành đất. Đất nổi lên, và không chìm xuống dưới thủy triều!” Ahmed thấy thèm whisky; môi ông bắt đầu trề ra trong khi khách hành hương rải bước trên con đường hẹp. “Ý tưởng,” ông chất vấn. Và Narlikar, rực rỡ ánh quang huy: “Ý tưởng, Ahmed bhai, là *đây!*”

Nó chui ra từ túi ông: một mô hình thạch cao nhỏ cao hai tấc: cái tetrapod! Như một cái logo ba chiều của Mercedes-Benz, ba chân đứng trên tay ông, chân thứ tư vươn lên theo kiểu linga giữa trời đêm, nó làm cha tôi chết lặng. “Cái gì thế?” ông hỏi; và Narlikar liền bảo ông: “Đây là cục cưng sẽ làm chúng ta giàu hơn cả Hyderabad, bhai! Món đồ chơi nhỏ bé sẽ biến anh, anh và tôi, thành chủ nhân của *nó!* Ông chỉ về nơi biển đang ào đến trên lối đi lát xi măng không người... Vùng đất dưới mặt biển, bạn ơi! Chúng ta phải sản xuất thứ này hàng nghìn chiếc - hàng chục nghìn! Chúng ta phải bỏ thầu những hợp đồng lấn biển: cả một gia tài đang đợi; đừng bỏ lỡ, người anh em, đây là cơ hội cả đời người đấy!”

Vì sao cha tôi bằng lòng mơ giấc mơ kinh doanh của một bác sĩ phụ khoa? Vì sao, từng chút một, viễn cảnh về những khối tetrapod bê tông kích thước thật hành quân trên con đường ven biển, những kẻ chinh phục bốn chân giành chiến thắng trước biển cả, lại hớp hồn ông hoàn toàn như với vị bác sĩ phát sáng? Vì sao, những năm sau này Ahmed lại dâng hiến bản thân cho cái ảo tưởng của mọi cư dân vùng đảo - cái huyền thoại chinh phục những con sóng? Có thể vì ông sợ bỏ lỡ một ngã rẽ nữa; có thể vì tình

bằng hữu của những ván shatranj; hoặc có lẽ vì sự đáng tin cậy của Narlikar - “Vốn của anh và quan hệ của tôi, Ahmed bhai, còn có khó khăn gì được? Mọi nhân vật tiếng tăm ở thành phố này đều có một đứa con trai do tay tôi đón ra đời; sẽ không cửa nào đóng. Anh sản xuất; tôi sẽ kiếm hợp đồng! Năm mươi - năm mươi; ăn đồng chia đủ!” Nhưng, theo quan điểm của tôi, có một cách giải thích đơn giản hơn. Cha tôi, bị tước đoạt sự quan tâm của vợ, bị thay thế bởi con trai, bị nhòa đi vì whisky và tử tinh, đang cố gắng khôi phục vị thế của mình trong thế giới này; và giấc mơ tetrapod cho ông cơ hội ấy. Toàn tâm toàn ý, ông lao vào trò đại dốt đồ sộ ấy; thư được viết; cửa được gõ, tiền hối lộ được trao tay; tất cả góp phần biến Ahmed Sinai thành một cái tên quen thuộc ở những hành lang của Sachivalaya - trên các lối đi của Văn phòng Bang người ta đánh hơi thấy một tay người Hồi đang vãi tiền như nước. Và Ahmed Sinai, uống đến ngủ mê mết, không hay biết về mối hiểm nguy ông đang dần thân vào.

Cuộc sống của chúng tôi, ở giai đoạn này, được định hình bằng thư tín. Thủ tướng viết cho tôi khi tôi mới bảy ngày tuổi - trước khi biết tự chùi mũi tôi đã nhận được thư hâm mộ từ độc giả của *Thời báo Ấn Độ*; và một sáng tháng Một, cả Ahmed Sinai cũng nhận được một bức thư mà ông sẽ chẳng bao giờ quên được.

Đôi mắt đỏ ngầu ở bữa sáng được tiếp nối bằng cái cảm cạo nhẵn của ngày làm việc; tiếng chân xuống tầng; tiếng giạt mình khúc khích của cô gái Coca-Cola. Tiếng cọt két của cái ghế bị kéo lại gần chiếc bàn phủ vải giả da màu lục. Tiếng kim khí của lưỡi dao rọc bằng kim loại được nhắc lên, va chạm vào máy điện thoại trong giây lát. Tiếng xoẹt ngắn của kim loại xén vào lớp phong bì; và một phút sau, Ahmed chạy ngược lên cầu thang, la gọi mẹ tôi, hét lớn:

“Amina! Lại đây, mình! Bọn con hoang nhét hai hòn của tôi vào xô đá rồi!”

Những ngày sau khi Ahmed nhận được thư chính thức thông báo việc đóng băng toàn bộ tài sản của ông, cả thế giới nhất tề lên tiếng... “Ồ kìa, janum, mình ăn nói thế à!” Amina đang nói - và có phải tôi tưởng tượng ra, hay một đứa bé vừa đỏ mặt trong cái cũi màu thiên thanh?

Và Narlikar, xuất hiện trong cơn hốt hoảng dầm dề, “Lỗi tại tôi mọi đàng; bọn ta đã quá phớt lờ. Bây giờ đang buổi rối ren, Sinai bhai - đóng băng tài sản của một gã người Hồi, họ bảo, rồi ép gã chạy sang Pakistan, bỏ lại tất cả của cải. Tóm đuôi thần lằn rồi thì nó sẽ tự đứt đuôi! Cái gọi là chính quyền thế tục này có những ý tưởng ranh mãnh thật.”

“Tất cả,” Ahmed Sinai nói, “tài khoản ngân hàng, trái phiếu tiết kiệm; tiền thuê nhà từ bất động sản ở Kurla - phong tỏa, đóng băng hết. Theo lệnh, thư viết. Theo lệnh chúng sẽ không để cho tôi có lấy bốn anna, mình ạ - không có lấy một chavanni để xem hộp vụn hoa!”

“Tại mấy bức hình đăng báo,” Amina quả quyết. “Không thì làm sao quân khốn nạn ma lạnh tinh tướng ấy biết ai mà khởi tố? Trời ơi, janum, lỗi tại em..”

“Không có lấy mười xu để mua một xiên channa,” Ahmed Sinai thêm, “không có lấy một anna để bố thí cho ăn mày. Đóng băng - như trong tủ lạnh!”

“Lỗi tại tôi,” Ismail Ibrahim nói, “Lẽ ra tôi phải cảnh báo anh, Sinai bhai, tôi đã nghe nói tới mấy vụ đóng băng này - chỉ những người Hồi giàu có mới bị chọn, tất nhiên rồi. Anh phải chiến đấu...”

“...máu lửa vào!” Homi Catrack hồi thúc, “Như một con mãnh sư! Như Aurangzeb - tổ tiên của anh, phải không nhỉ? - như Quận chúa xứ Jhansi! Để xem chúng ta rơi vào cái đất nước kiểu gì!”

“Ổ đất nước này hãy còn tòa án đấy,” Ismail Ibrahim thêm; Nussie-vịt-bầu cười một nụ cười đàn đụt trong khi cho Sonny bú; ngón tay cô ta chuyển động, vô thức vuốt ve hai hốc lõm của nó, đi lên đi xuống, quay qua quay lại, theo một nhịp điệu đều đặn, bất biến... “Anh phải tiếp nhận sự hỗ trợ pháp lý của tôi,” Ismail bảo Ahmed. “Hoàn toàn miễn phí. Không, không, đừng nhắc đến chuyện đấy. Có nhẽ đâu thế? Mình là hàng xóm cơ mà.”

“Phá sản,” Ahmed nói, “Đóng băng, như nước ấy.”

“Mình lại đây,” Amina ngắt lời ông; sự dâng hiến trời dậy ở tầm cao mới, bà dẫn ông về phòng... “Janum, mình cần nằm xuống một lát.” Và Ahmed: “Thế này là sao, mình? Giữa lúc như thế này – trắng tay; mặt vụn; nát vụn như đá - vậy mà mình lại nghĩ đến...” Nhưng bà đã đóng cửa; dép đã được đá tung ra, cánh tay bà vươn về phía ông; và không bao lâu sau bàn tay bà lần xuống xuống xuống; và rồi, “Ôi trời ơi, janum, em tưởng mình chỉ nói bậy nhưng đúng thật! Lạnh quá, Allah, lạnh quáááá, như hai cục đá tròn ấy!”

Những chuyện như vậy vẫn xảy ra; sau khi Chính quyền đóng băng tài sản của cha tôi, mẹ tôi bắt đầu thấy chúng càng lúc càng lạnh hơn. Vào ngày đầu tiên, con Khi Đồng được thụ thai - vừa kịp lúc, vì sau đó, mặc dù Amina nằm bên chồng hàng đêm để sưởi ấm cho ông, mặc dù bà cuộn mình ôm chặt ông khi thấy ông run bần bật lúc những ngón tay băng giá của thịnh nộ và bất lực từ dương căn của ông vươn lên, bà không chịu nổi việc sờ tay vào đó nữa bởi hai hòn đá nhỏ của ông đã trở nên buốt lạnh tới mức không thể cầm được.

Họ - chúng tôi - đáng lẽ phải đoán được chuyện tồi tệ sẽ xảy ra. Tháng Một năm đó, Bãi biển Chowpatty, cả Juhu và Trombay nữa, ngổn ngang xác cá chim báo điềm gở, những cái xác trôi, không bóng dáng một lời giải thích, ngựa bưng, như những ngón tay đầy vảy dạt vào bờ.

Chương 10: Rắn và Thang

Và những điếm gỡ khác: có người thấy sao chổi nổ tung trên Vịnh Back; báo đưa tin có người thấy hoa chảy máu; rồi vào tháng Hai lũ rắn trốn thoát khỏi Viện Schaapsteker. Người ta đồn rằng một gã dụ rắn người Bengal bị điên, một tay Tubriwallah, đang lang thang khắp nước, dụ lũ bò sát ra khỏi tình trạng giam cầm, dẫn chúng thoát khỏi các trại rắn (như Viện Schaapsteker, nơi người ta nghiên cứu chức năng y học của nọc rắn và điều chế huyết thanh kháng độc) bằng ma thuật Pied Piper^[1] từ cây sáo, để bảo thủ việc chia cắt xứ Bengal Trù phú thân yêu của gã. Được một thời gian, tin đồn bổ sung rằng gã Tubriwallah ấy cao ngoài hai thước, da xanh lơ. Gã là thần Krishna giáng hạ để trừng phạt con dân của người; gã là đức Jesus màu thiên thanh của các nhà truyền giáo.

[1] Tên một nhân vật truyền kỳ ở Đức, người dùng tiếng sáo để dụ đàn chuột khỏi thị trấn Hamelin. Sau khi không được trả công như cam kết, anh ta dùng chính tiếng sáo này để dụ trẻ con trong thị trấn bỏ đi.

Hình như, dưới tác động của sự ra đời bị đánh tráo của tôi, trong khi tôi to lên với tốc độ chóng mặt, mọi thứ có thể sinh chuyện bắt đầu sinh chuyện. Trong mùa đông của loài rắn đầu năm 1948, trong mùa nóng và mùa mưa tiếp nối, sự kiện chất chồng sự kiện, cho nên đến khi con Khỉ Đồng ra đời vào tháng Chín chúng tôi đều kiệt sức, và sẵn sàng để nghỉ ngơi vài năm.

Lũ hổ mang trốn thoát biến mất vào hệ thống cống rãnh của thành phố; cạp nong xuất hiện trên xe buýt. Các lãnh tụ tôn giáo mô tả việc đàn rắn trốn thoát như một lời cảnh báo - rắn thần Naga đã được phóng thích, họ ngân nga, để trừng phạt việc đất nước này công khai từ bỏ những thần linh của nó. (“Chúng ta là một Quốc gia thế tục,” Nehru tuyên bố, và cả Morarji lẫn Patel lẫn Menon đều tán thành; song Ahmed Sinai vẫn run bần bật dưới tác động của vụ đóng băng.) Và một ngày, khi Mary bắt đầu hỏi, “Giờ ta sẽ sống ra sao, thưa Bà?” Homi Catrack giới thiệu chúng tôi với chính Bác sĩ Schaapsteker. Ông ta tám một tuổi; lưỡi thò ra thụt vào liên hồi giữa cặp môi mỏng dính; và sẵn sàng trả tiền mặt thuê một căn hộ tầng trên cùng nhìn ra biển Ả Rập. Ahmed Sinai, trong những ngày ấy, đã nằm liệt giường; cái lạnh buốt giá của vụ đóng băng thấm đẫm giường chiếu ông; ông nốc từng lượng lớn whisky cho mục đích điều trị nhưng nó không thể làm ông ấm lên... thế nên chính Amina đã đồng ý cho ông bác-sĩ-rắn già thuê tầng trên cùng Biệt thự Buckingham. Vào cuối tháng Hai, nọc rắn bước vào cuộc đời chúng tôi.

Bác sĩ Schaapsteker là một người khơi dậy những câu chuyện hoang đường. Những người giúp việc mê tín hơn ở Viện nghiên cứu của ông thề rằng ông có khả năng hằng đêm mơ thấy bị rắn cắn, và nhờ vậy luôn miễn nhiệm trước những cú cắn của chúng. Mấy người khác rỉ tai nhau rằng ông chính là nửa người nửa rắn, kết quả của một cuộc hôn phối phi tự nhiên giữa một người đàn bà và một con rắn hổ mang. Nỗi ám ảnh của ông với nọc độc của rắn cạp nong - *bungarus fasciatus* - đã sớm thành huyền thoại. Nhân loại chưa biết tới loại huyết thanh kháng độc nào cho cú cắn của rắn bungarus: nhưng Schaapsteker đã dành trọn đời đi tìm nó. Mua những con ngựa suy nhược từ tàu ngựa Catrack (và những tàu khác), ông tiêm vào chúng từng liều nhỏ nọc độc; nhưng lũ ngựa, chẳng giúp ích gì, không hình thành được kháng thể, sùi bọt mép, chết đứng và buộc phải đem nấu thành cao. Người ta bảo rằng Bác sĩ Schaapsteker – “Sharpsticker^[2] sahib” – giờ đây đã có năng lực hạ sát lũ ngựa chỉ đơn giản bằng cách lại gần chúng với một ông tiêm dưới da... nhưng Amina không để tâm đến mấy chuyện tâm phào ấy. “Đây là một ông già lịch lãm,” bà bảo Mary Pereira; “Việc gì phải bận tâm đến những kẻ đơm đặt về ông ấy? Ông ấy trả tiền nhà, và cho phép nhà ta sống.” Amina biết ơn ông bác-sĩ-rắn người Âu, đặc biệt là khi vào những ngày tháng tài sản bị đóng băng, khi Ahmed dương như không có dũng khí để chiến đấu.

[2] Tên Schaapsteker (tiếng Đức) phát âm khá giống với Sharp-stick-er, hiểu nôm na là người có cây gậy nhọn, ám chỉ việc Bác sĩ Schaapsteker dùng kim tiêm để tiêm nọc rắn vào lũ ngựa.

“Cha mẹ kính yêu,” Amina viết, “Thề có quỷ thần hai vai, con không hiểu vì sao những chuyện này lại đổ xuống đầu chúng con... Ahmed là một người đàn ông tốt, nhưng tai biến này đã đánh quỵ anh ấy. Nếu cha mẹ có lời khuyên cho con gái mình, thì con trẻ đang rất cần đến nó.” Ba ngày sau khi nhận bức thư này, Aadam Aziz và Mẹ Bề trên tới Nhà ga Trung tâm Bombay trên chuyến tàu Frontier Mail; và Amina, lái xe đưa họ về trên chiếc 1946 Rover của nhà tôi, nhìn qua cửa sổ thấy Trường đua Mahalaxmi; và nảy ra mầm mống đầu tiên cho ý tưởng táo tợn của bà.

“Thứ trang trí tân thời này với bọn trẻ như anh chị thì được, cái gì không biết,” Mẹ Bề trên nói. “Nhưng cho tôi một cái tràng kỷ kiểu cũ để tôi ngồi. Cái thứ ghế này mềm quá thể, cái gì không biết, làm tôi thấy như sắp ngã.”

“Nó ồm à?” Aadam Aziz hỏi. “Bố khám và kê đơn cho nó nhé?”

“Giờ không phải lúc núp trên giường,” Mẹ Bề trên tuyên bố, “Giờ nó phải là một thằng đàn ông, cái gì không biết, và làm nhiệm vụ của đàn ông.”

“Khí sắc bố mẹ tốt quá,” Amina thốt lên, thầm nghĩ bố bà đang trở thành một ông lão hình như mỗi năm qua đi lại một thấp hơn; trong khi Mẹ Bề trên đã rộng ra đến mức những cái ghế bành, dầu mềm, cũng phải rên lên dưới sức nặng của bà... và đôi khi, trong một ảo ảnh của ánh sáng, Amina ngỡ như mình thấy, ở chính giữa người cha bà, một quầng tối giống như một cái lỗ.

“Còn gì ở cái đất Ấn Độ này?” Mẹ Bề trên nói, vung tay chém gió. “Thôi, bỏ hết đi, sang Pakistan mà sống. Nhìn thằng Zulfikar xem nó ăn nên làm ra thế nào - nó sẽ giúp mày khởi nghiệp. Hãy làm một thằng đàn ông, con ạ - đứng dậy và bắt đầu lại!”

“Anh ấy không muốn nói gì lúc này,” Amina nói, “anh ấy cần nghỉ ngơi.”

“Nghỉ ngơi?” Aadam Aziz gầm lên. “Nó đúng là ngừ ẻo uột!”

“Cả Alia, cái gì không biết,” Mẹ Bề trên nói, “một thân một mình, sang Pakistan - cả nó cũng đang có cuộc sống đang hoàng, dạy học ở một trường tử tế. Họ bảo nó sẽ thành hiệu trưởng sớm thôi.”

“Suyt, mẹ, anh ấy muốn ngủ... ta sang phòng bên đã...”

“Có lúc để ngủ, cái gì không biết, và cũng có lúc phải thức! Nghe này: Mustapha đang kiếm được hàng mấy trăm đồng một tháng, cái gì không biết, trong Ngạch Công chức. Chồng mày là gì? Oách quá không cần làm việc à?”

“Mẹ, anh ấy đang buồn bực. Thân nhiệt anh ấy thấp lắm...”

“Mày cho nó ăn những gì? Kể từ hôm nay, cái gì không biết tao sẽ quản chuyện bếp núc nhà mày. Thanh niên bây giờ như con nít ấy, cái gì không biết!”

“Xin theo ý mẹ.”

“Tao nói mày nghe, cái gì không biết, tại mấy bức ảnh trên báo cả. Tao đã bảo - phải không? - cái đó rồi chẳng hay ho gì đâu. Ảnh nó lấy mất hồn vía của mày. Trời ạ, cái gì không biết, lúc tao xem ảnh mà mày đã trong suốt đến mức tao thấy cả chữ ở mặt kia hằn xuyên qua mặt mày!”

“Nhưng đây chỉ là...”

“Thôi đừng có trình bày với tao, cái gì không biết! Tao tạ ơn Chúa là mày đã hồi phục sau cái vụ chụp ảnh ấy!”

Từ hôm đó, Amina được giải phóng khỏi cái nhiệm vụ cấp bách là điều hành gia đình. Mẹ Bê trên ngồi ở đầu bàn, phân phát thức ăn (Amina mang đồ ăn lên cho Ahmed đang nằm trên giường, thỉnh thoảng rên rầm, “Tan tành, mình ơi! Vỡ vụn - như một trụ băng!”); trong khi, dưới bếp, Mary dành thời gian chuẩn bị, để khoản đãi các vị khách, một vài món xoài dầm, chutney chanh và kasaundy dưa chuột hảo hạng và thanh tao nhất trên đời. Và giờ, được trả về vị thế con gái trong nhà của chính mình, Amina bắt đầu thấy cảm xúc từ thức ăn của người khác rỉ vào bà - bởi Mẹ Bê trên phân phát món cà ri và thịt viên của sự bảo thủ, những món ăn thâm đậm cá tính người nấu; Amina ăn cá salan của sự ương ngạnh và biriani^[3] của lòng quyết tâm. Và, mặc dù những món rau quả dầm của Mary có hiệu ứng trung hòa phần nào - vì cô đã khuấy vào đó cảm giác tội lỗi trong tim mình, và nỗi sợ bị phát giác, cho nên, thơm ngon như vậy, chúng có sức mạnh biến người ăn thành nạn nhân của những nỗi thấp thỏm không tên và những giấc mơ về những ngón tay kết tội - khẩu phần do Mẹ Bê trên cung cấp lấp đầy Amina với một niềm phẫn nộ, và thậm chí mang lại đôi chút dấu hiệu của sự cải thiện ở ông chồng bại tướng của bà. Vậy là cuối cùng đã đến cái ngày Amina, trước giờ vẫn nhìn tội vung về chơi với lũ ngựa đồ chơi bằng gỗ đàn hương trong bồn tắm, vẫn hít vào cái mùi ngọt ngào của gỗ đàn hương từ nước tắm tỏa ra, đột nhiên tái phát hiện trong bà dòng máu phiêu lưu thừa kế từ người cha đang nhạt nhòa đi, dòng máu đã đưa Adam Aziz rời bỏ vùng quê thung lũng trên núi; Amina quay sang Mary Pereira mà bảo, “Đủ lắm rồi. Nếu không ai trong cái nhà này đứng ra thu xếp mọi việc cho ổn thỏa thì tôi sẽ tự lo!”

[3] Một thứ cơm trộn nhiều gia vị ăn kèm với thịt hoặc rau.

Bầy ngựa đồ chơi phi nước đại đằng sau đôi mắt Amina khi bà để Mary lau người cho tội và tiến về phòng mình. Những hình ảnh bà ghi nhớ về Trường đua Mahalaxmi chạy nước kiệu nhanh trong đầu bà khi bà gạt mớ sari và váy lót sang bên. Cơn rạo rực của một âm mưu táo tợn làm máu dồn lên má bà khi bà mở nắp một cái thùng tôn cũ... nhét đầy ví tiền xu và tiền giấy của những bệnh nhân biết ơn và khách mời đám cưới, mẹ tôi đi tới trường đua.

Với con Khi Đồng đang lớn dần trong bụng, mẹ tôi hiện ngang tiến vào bãi giữ ngựa của trường đua mang tên vị nữ thần tài lộc; dừng cảm chịu đựng những cơn ghen và chứng phù nề, bà đứng xếp hàng trước cửa sổ nhà Tote^[4], đặt tiền vào những kèo xiên ba ngựa^[5] và kèo ngoài bảng ăn to^[6]. Mù tịt những điều cơ bản nhất về ngựa, bà bắt những con ngựa cái có tiếng là không có cửa thắng khi đua đường trường; bà đặt tiền vào những đô kẻ vì thích nụ cười của họ. Nắm chặt cái ví đựng đầy những

của hồi môn đã nằm yên trong rương không ai đụng đến từ khi mẹ bà gói ghém chúng lại, bà điên cuồng vỗ tay cổ vũ những con ngựa đực có bề ngoài phù hợp với Viện Schaapsteker... và thắng, và thắng, và thắng.

[4] Một tòa nhà trong trường đua Mahalaxmi, nơi nhận đặt cửa và thanh toán tiền thắng đua ngựa. The Tote là một công ty cá cược lớn của Anh thành lập năm 1926 và được sự bảo trợ của chính phủ.

[5] Người đánh cá chỉ thắng nếu ba con ngựa họ chọn ở ba vòng đua đều thắng.

[6] Những con ngựa được đánh giá là rất ít cơ hội chiến thắng, do vậy nên tỉ lệ đánh cá rất cao.

“Tốt đấy,” Ismail Ibrahim nói, “Tôi luôn cho rằng anh chị phải chiến đấu với bọn khốn nạn ấy. Tôi sẽ bắt đầu thủ tục ngay... nhưng sẽ cần tiền đấy, Amina. Chị có tiền mặt không?”

“Tiền sẽ sẵn sàng cho anh.”

“Không phải cho tôi,” Ismail giải thích, “Dịch vụ của tôi là, như tôi nói, miễn phí, *gratis* hoàn toàn. Nhưng, nói chị bỏ quá, chắc chị cũng biết cái lệ nó thế, ta phải có tí quà cáp cho người ta để bôi trơn...”

“Đây,” Amina đưa ra một cái phong bì, “Trước mắt thế này đủ chưa?”

“Lạy Chúa,” Ismail Ibrahim kinh ngạc đánh rơi cái gói, và những đồng rupee mệnh giá lớn vung vãi khắp sàn phòng khách của ông ta, “Chị kiếm ở đâu ra...” Và Amina, “Tốt hơn anh đừng hỏi - còn tôi sẽ không hỏi anh tiêu thế nào.”

Tiền của Schaapsteker trả tiền ăn cho nhà tôi; nhưng lũ ngựa mới chiến đấu cuộc chiến của chúng tôi. Chuỗi vận may của mẹ tôi trên đường đua rất dài, một via lộc rất dày, đến nỗi nếu nó không xảy ra trên thực tế thì chắc chẳng ai tin nổi... tháng này qua tháng khác, bà đặt cửa vào kiểu tóc chín chu ưa nhìn của một tay đô kê hoặc màu lông khoang đẹp đẽ của một con ngựa; và bà không bao giờ rời đường đua mà thiếu một chiếc phong bì lớn nhét đầy tiền.

“Mọi chuyện tiến triển tốt,” Ismail Ibrahim bảo bà, “Nhưng chị Amina, có Chúa mới biết chị đang tính chuyện gì. Có đảng hoàng không? Có hợp pháp không?” Và Amina: “Anh đừng bận tâm. Ta phải học cách sống chung với lũ thôi. Tôi đang làm chuyện cần phải làm.”

Suốt thời gian đó chưa một lần nào mẹ tôi thích thú với những chiến thắng oanh liệt ấy; bởi vì bà không chỉ bị cái thai đè nặng - ăn những món cà ri tràn ngập những định kiến xa xưa của Mẹ Bê trên, bà đã bị thuyết phục rằng đánh bạc là thứ xấu xa thứ nhì trên đời, chỉ sau rượu chè; bởi vậy, dù không phải tội phạm, bà vẫn bị cảm giác tội lỗi giày vò.

Mụn cóc hành hạ hai bàn chân bà, mặc dù Purushottam vị sadhu, người ngồi dưới vòi nước vườn nhà tôi đến khi nước nhỏ xuống tạo thành một mảng hơi giữa mái tóc sum suê rối bù trên đầu ông cụ, là

một bậc kỳ tài trong việc làm phép xua chúng đi; nhưng suốt mùa đông rã và mùa nóng, mẹ tôi đã chiến đấu cuộc chiến của chồng mình.

Quý vị hỏi: làm sao thế được? Làm sao một bà nội trợ, dù cần mẫn đến đâu, dù quyết tâm thế nào, thắng hàng gia tài nhờ cá ngựa, ngày đua này qua ngày đua khác, tháng này qua tháng khác? Quý vị tự nhủ: à há, tay Homi Catrack ấy, ông ta là chủ ngựa đua; và ai cũng biết phần lớn các cuộc đua được dàn xếp; Amina chắc đã nhờ ông hàng xóm mách nước! Một giả thiết hợp lý; song Ngài Catrack thua cũng thường xuyên như thắng; ông ta thấy mẹ tôi tại trường đua và choáng váng trước thành công của bà. (“Xin anh,” Amina đề nghị, “Catrack Sahib, hãy xem đây là bí mật của hai ta. Cờ bạc là chuyện xấu xa; nếu mẹ tôi mà phát hiện ra thì xấu hổ lắm.”) Và Catrack, gật đầu trong sựng sốt, đáp, “Sẽ như chị muốn.”) Vậy là không phải tay người Parsee đứng sau vụ này - nhưng có lẽ tôi có thể đưa ra một lời giải thích khác. Nó đây, trong cái cũi màu thiên thanh trong căn phòng màu thiên thanh với ngón tay đang chỉ của người ngư phủ trên tường: đây, mỗi khi mẹ cậu ra đi tay nắm chặt chiếc ví đựng đầy bí mật, là Bé Saleem, người đã có được vẻ mặt tập trung cao độ nhất, có đôi mắt bị chiếm hữu bởi một sự đơn nhất về mục đích có sức mạnh lớn lao đến nỗi nó làm chúng tôi lại thành màu xanh hải quân sẫm, và có cái mũi co giật một cách kỳ lạ mỗi khi cậu bé có vẻ như đang dõi theo một sự kiện xa xôi nào đó, đang điều khiển nó từ xa, như mặt trăng kiểm soát thủy triều.

“Sắp lên tòa rồi,” Ismail Ibrahim nói, “tôi nghĩ chị có thể tương đối yên tâm... lạy Chúa, Amina, chị tìm thấy Mỏ vàng của Vua Solomon đấy à?”

Khi vừa đủ lớn để chơi cờ^[7], tôi đã say mê trò Rắn và Thang. Ôi sự cân bằng hoàn hảo giữa phần thưởng và hình phạt! Ôi những lựa chọn tưởng chừng ngẫu nhiên bằng cách quăng súc sắc! Lông ngóng trèo thang, tuồn tuột trườn rắn, tôi đã sống những ngày hạnh phúc nhất đời mình. Khi, trong thời gian thử thách của tôi, cha tôi thách thức tôi nắm vững trò shatranj, tôi làm ông nổi cáu bằng cách đưa ra đề xuất mời ông thay vào đó hãy thử vận may của mình giữa những cái thang và bày rắn đang chực tấp.

[7] Nguyên văn: board games, những trò chơi có bàn cờ (cờ tướng, cờ vua, cá ngựa, v.v...).

Mọi trò chơi đều có đạo lý; và trò Rắn và Thang chứa đựng, điều không trò chơi nào khác có thể mong làm được, sự thật vĩnh hằng là với mỗi cái thang ta trèo, lại có một con rắn đang chực chờ sau góc khuất; và với mỗi con rắn, một cái thang sẽ bù đắp lại. Nhưng không chỉ có vậy; không chỉ là câu chuyện củ cà rốt và cây gậy đơn thuần; bởi ẩn chứa trong trò chơi này là tính hai mặt bất biến của vạn vật, tính nhị nguyên của lên và xuống, thiện và ác; lý tính rành mạch của những cái thang cân bằng với sự ngoằn ngoèo bí hiểm của quái xà; trong sự mâu thuẫn giữa cầu thang và hổ mang ta có thể thấy, một cách ẩn dụ, mọi mâu thuẫn có thể tồn tại, Alpha và Omega, cha và mẹ; đây là cuộc chiến của Mary và Musa, và sự đối lập giữa đầu gối và mũi... song tôi đã phát hiện ra, từ rất sớm trong đời, rằng trò chơi này chiếu một khía cạnh cốt yếu, khía cạnh của sự mơ hồ - bởi vì, như những sự kiện sắp sửa cho thấy, ta hoàn toàn có thể trượt xuống một cái thang và leo lên vịnh quang nhờ nọc một con rắn... Tuy nhiên trước mắt, để cho mọi chuyện được đơn giản, tôi chỉ ghi lại rằng ngay khi phát hiện ra cái thang dẫn tới chiến thắng thể hiện qua may mắn tại trường đua của bà, mẹ tôi lập tức được nhắc nhở rằng công rãnh của đất nước này vẫn lúc nhúc đầy những rắn.

Hanif em trai Amina không sang Pakistan. Đeo đuổi giấc mơ thời thơ ấu mà anh từng thì thầm với Rashid cậu trai chạy xe kéo trong một ruộng ngô ở Agra, anh đến Bombay tìm việc làm ở những xưởng phim lớn. Với sự tự tin trước tuổi, anh không chỉ thành công trong việc trở thành người trẻ nhất được giao đạo diễn một bộ phim trong lịch sử điện ảnh Ấn Độ; anh còn cưới và cưới được một trong những ngôi sao sáng nhất của cái thiên đường celluloid^[8], nàng Pia thần nữ, mà gương mặt chính là hạnh vận của nàng, và những tấm sari nàng mặc được dệt từ thứ vải rõ ràng là được những người thiết kế làm ra nhằm chứng minh rằng hoàn toàn có thể tích hợp mọi màu sắc nhân loại biết tới lên một mẫu hoa văn duy nhất. Mẹ Bê trên không chấp thuận nàng Pia thần nữ; nhưng cả nhà thì riêng có Hanif là nằm ngoài vòng kiểm tỏa của bà; một chàng trai vui tươi, vạm vỡ với tiếng cười vang rền của lão lái đò Tai và cơn giận hờn nhiên, bùng nổ của cha mình Adam Aziz, anh đưa nàng về sống giản dị trong một căn hộ nhỏ, không hào nhoáng theo kiểu Bollywood trên đường Marine Drive, bảo nàng, “Tha hồ sống như Hoàng đế khi anh đã thành danh.” Nàng ưng thuận; nàng là ngôi sao trong bộ phim đầu tay của anh, có một phần vốn của Homi Catrack và phần còn lại là của D.W. Rama Studios (Pvt) Ltd - có tên là *Đôi tình nhân Kashmir*, và một buổi tối giữa những ngày tháng đua ngựa của bà, Amina Sinai tới dự buổi khởi chiếu. Cha mẹ bà không tới, vì sự thù ghét điện ảnh của Mẹ Bê trên, điều giờ đây Adam Aziz không còn sức lực để phản kháng - cũng như ông, người từng chiến đấu cùng Mian Abdullah chống lại Pakistan, đã không còn tranh luận với bà khi bà tán tưng quốc gia này, giữ lại vừa đủ sức lực để khẳng định một mực không chịu di cư; nhưng Ahmed Sinai, được hồi sinh nhờ tài nấu nướng của mẹ vợ, nhưng chán ghét sự tiếp tục hiện diện của bà, trở dậy và đập tung vợ mình. Họ yên vị, cạnh Hanif, Pia và ngôi sao nam của bộ phim, một trong những “tình lang” thành công nhất của điện ảnh Ấn Độ, I.S. Nayyar. Và, dù họ không hay biết, một cơn rần đã đợi sau cánh gà... nhưng trước mắt, ta hãy cho phép Hanif Aziz có thời khắc thăng hoa của mình; vì *Đôi tình nhân Kashmir* chứa đựng một ý tưởng sẽ mang đến cho cậu tôi một thời kỳ vinh quang huy hoàng, tuy rằng ngắn ngủi. Hồi ấy các tình lang và tình nương của họ không được phép đụng chạm nhau trên màn bạc, vì quan ngại những nụ hôn nồng nàn giữa họ có thể làm băng hoại thể hệ trẻ của đất nước... nhưng ba mươi ba phút sau khi *Đôi tình nhân* diễn ra, một tiếng rì rầm choáng ngợp bắt đầu nổi lên trong khán giả buổi mở màn, bởi vì Pia và Nayyar bắt đầu hôn - không hôn nhau - mà hôn *các thứ*.

[8] *Chất liệu làm phim nhựa 35mm.*

Pia hôn một trái táo, đầy mê đắm, với toàn bộ sự căng đầy của đôi môi tô son; rồi chuyển nó cho Nayyar; anh chàng đặt, lên mặt kia của nó, một cái miệng nồng nàn sinh lực. Đây là sự ra đời của cái sẽ được biết đến với cái tên nụ hôn gián tiếp - và đây quả là một ý tưởng tinh tế hơn nhiều so với bất kỳ điều gì trong nền điện ảnh đương đại của chúng ta; thật đầy ấp khát khao và nhục cảm! Khán giả điện ảnh (những người, ngày nay, sẽ hưởng ứng rầm rĩ cảnh một đôi tình nhân trẻ nhao vào sau một bụi cây sau đó sẽ rung lắc một cách kỳ cục - khả năng ám chỉ của chúng ta đã tụt xuống mức thấp làm sao) xem, dán mắt vào màn ảnh, trong khi tình yêu của Pia và Nayyar, trên cái nền là Hồ Dal và bầu trời xanh băng giá xứ Kashmir, tự biểu lộ qua những nụ hôn đặt lên những tách hồng trà Kashmir; bên đài phun nước Shalimar họ áp môi vào một lưới gươm... nhưng giờ, giữa thời khắc đỉnh cao vinh quang của Hanif, cơn độc xà từ chối chờ đợi; dưới tác động của nó, đèn khán phòng bật sáng. Trên hình dáng to hơn người thật của Pia và Nayyar, đang hôn những trái xoài và hát nhép theo băng, hình dáng một người đàn ông rụt rè, râu ria lơ phơ xuất hiện, hùng dũng tiến lên sân khấu bên dưới màn hình, micro trên tay. Con Độc xà có thể mang những hình hài không ai ngờ nhất; giờ đây, trong lớp viên quản lý rạp phim kém năng lực này, nó phóng ra nọc độc của mình. Pia và Nayyar nhạt dần rồi câm lặng; và giọng nói được khuếch đại của người đàn ông có râu thốt lên: “Thưa quý bà quý ông, xin thứ lỗi; nhưng có

một tin dữ.” Giọng ông ta vỡ òa - một tiếng nức nở của con Độc xà, để dồn sức mạnh vào hàm răng! – rồi tiếp tục, “Chiều nay, tại Nhà Birla ở Delhi, Mahatma kính yêu của chúng ta đã bị sát hại. Một tên điên đã bắn vào bụng người, thừa quý bà quý ông - Bapu của chúng ta không còn nữa!”

Khán giả bắt đầu gào khóc trước khi ông ta ngừng lời; nọc độc từ những lời ông ta nói xâm nhập vào huyết quản họ - có những người đàn ông trưởng thành lăn lộn trên lối đi, tay ôm bụng, không cười mà khóc, Hai Ram! Hai Ram! - và đàn bà bứt tóc: những kiểu đầu đẹp đẽ nhất thành phố xô tung quanh tai những quý bà trúng độc - những minh tinh màn bạc gào rú như những mục đánh cá và không khí xuất hiện một mùi kinh khủng - rồi Hanif thì thầm, “Ra khỏi đây thôi, chị gái - nếu một gã người Hồi làm điều này thì cái giá phải trả sẽ là địa ngục.”

Với mỗi cái thang, lại có một con rắn... và suốt bốn mươi tám giờ sau cái kết dở dang của *Đôi tình nhân xứ Kashmir*, gia đình tôi ở yên sau những bức tường của Biệt thự Buckingham (“Chặn bàn ghế vào cửa, cái gì không biết!” Mẹ Bề trên ra lệnh. “Nếu nhà có người hầu Hindu, cho họ về!”); và Amina không dám đến trường đua.

Nhưng với mỗi con rắn, lại có một cái thang: và cuối cùng đài phát thanh cho chúng tôi một cái tên. Nathuram Godse. “Ồn Trời,” Amina bật ra, “Tên đấy không phải của người Hồi!”

Và Aadam, người mà tin tức về cái chết của Gandhi đã đặt lên một gánh nặng tuổi tác mới: “Gã Godse này chẳng có gì đáng biết ơn hết!”

Amina, dù vậy, đang ngập tràn cảm giác bông bênh của niềm nhẹ nhõm, bà đang ngất ngây chạy trên chiếc thang dài của niềm nhẹ nhõm... “Nói cho cùng, sao lại không? Bằng việc là Godse gã đã cứu mạng chúng ta!”

Ahmed Sinai, sau khi trở dậy từ cái có vẻ là giường bệnh của mình, tiếp tục xử sự như một người tàn phế. Bằng một giọng nói như kính mờ, ông bảo Amina, “Vậy là mình đã bảo Ismail đưa vụ việc ra tòa; hay lắm, tốt; nhưng chúng ta sẽ thua thôi. Ở những tòa án này phải mua được quan tòa...” Và Amina, lao đến Ismail, “Không bao giờ - không bao giờ trong bất kỳ hoàn cảnh nào - anh được cho Ahmed biết về chuyện tiền nong. Một người đàn ông phải giữ sự tự tôn của mình.” Và rồi, sau đó, “Không, janum, em không đi đâu cả; không, đứa bé không làm em mệt gì hết; mình nghỉ đi, em phải đi chợ - chắc em sẽ tạt qua thăm Hanif - đàn bà bọn em, mình biết đấy, phải có việc làm cho hết ngày!”

Và trở về nhà với những chiếc phong bì đầy ắp giấy bạc... “Cầm đi, Ismail, giờ ông ấy dậy rồi ta phải nhanh và cẩn thận!” Và ngồi ngoan ngoãn bên mẹ bà mỗi tối, “Vâng, tất nhiên là mẹ đúng, và Ahmed sẽ sớm trở nên giàu có, rồi mẹ xem!”

Và những lần trì hoãn liên miên tại tòa; và những chiếc phong bì, dóc sạch; và đứa trẻ lớn dần, tiến đến gần thời điểm Amina sẽ không thể nhét người vào sau tay lái chiếc 1946 Rover nữa; và bà

còn hên nữa không?; và Musa và Mary, học hặc như hai con cạp giã.

Điều gì khơi mào cuộc chiến?

Tàn dư gì của tội lỗi sợ hãi hồ thẹn, được thời gian ngâm trong ruột Mary, đã khiến cô chú ý? Không chú ý? khiêu khích ông lão giúp việc bằng cả chục cách khác nhau - bằng một cái hếch mũi để biểu thị vị thế bề trên; bằng việc hăm dọa lần tràng hạt ngay trước mũi người tín đồ đạo Hồi sùng đạo; bằng việc chấp nhận danh hiệu mausi, mẹ nhỏ, do những người hầu khác tại Điện trang dành tặng, và bị Musa xem như sự đe dọa đối với vị trí của mình; bằng sự thân thiết quá đáng với Begum Sahiba - những tiếng thì thầm khúc khích nơi góc nhà, vừa đủ to để ông lão Musa nguyên tắc, cứng nhắc, chuẩn mực nghe được và cảm thấy như bị lừa gạt?

Hạt cát nhỏ bé nào, giữa biển khơi tuổi tác giờ đây đang tràn qua ông lão giúp việc, đã nằm lại giữa môi ông và tích tụ thành viên ngọc trai đen của sự thù hận - những cơn tê bại bất thường nào đã tác động lên Musa, khiến tay chân ông cứng đờ ra, khiến những cái bình bị vỡ, những gạt tàn bị đổ, và một lời ám chỉ mơ hồ về sự sa thải sắp đến - từ đôi môi vô tình hay cố ý của Mary? - lớn dần lên thành một nỗi sợ hãi ám ảnh rồi sẽ quay lại phản pháo người khơi dậy nó?

Và (không bỏ qua các nhân tố xã hội) đâu là cái hệ quả tàn nhẫn của thân phận người hầu, của căn phòng cho người hầu nằm sau một gian bếp ám đen khói lò, nơi Musa buộc phải ngủ cùng với thợ làm vườn, thằng bé sai vặt, và hamal - trong khi Mary đường hoàng ngủ trên tấm thảm cói cạnh đĩa trẻ mới ra đời?

Và Mary có đáng trách hay không? Có phải việc cô không thể đi nhà thờ - vì ở nhà thờ có buồng xưng tội, mà trong buồng xưng tội người ta không thể giữ bí mật - đã lên men trong cô và khiến cô trở nên hơi gay gắt, hơi cay độc?

Hay chúng ta phải nhìn vượt ra khỏi phạm trù tâm lý học đi tìm câu trả lời trong những tuyên bố kiểu như, có một con rắn đang nằm chờ Mary, và kiếp số của Musa là phải biết đến sự mơ hồ của những cái thang? Hay xa hơn nữa, vượt ra khỏi chuyện rắn-và-thang, chúng ta có nên nhìn thấy Bàn tay của Vận mệnh trong sự cãi cọ này - và bảo rằng, để Musa có thể trở lại như một hồn ma bùng nổ, để ông lão có thể đảm nhiệm vai trò Bom-ở-Bombay, việc bài bố một cuộc ra đi là cần thiết... hay, trượt từ những điều cao siêu như thế xuống chỗ kỳ cục, có thể nào tại Ahmed Sinai - người bị whisky kích thích, người bị tửu tình kích động đến chỗ thô lỗ thái quá - đã làm ông lão giúp việc nổi giận đến nỗi tội ác của ông, điều giúp ông san bằng kỷ lục của Mary, đã được thực hiện xuất phát từ lòng kiêu hãnh bị tổn thương của một người lão bộc bị lãng nhục - và hoàn toàn không liên quan gì đến Mary hết?

Ngừng đặt câu hỏi, tôi tự giới hạn mình trong khuôn khổ những thực tế: Musa và Mary thường trực trong tình trạng găm ghè nhau. Và đúng: Ahmed đã lăng mạ ông, và những nỗ lực vỗ về của Amina có thể đã không thành công; và đúng: bóng ma lú lẫn của tuổi tác đã khiến ông tin rằng mình sẽ bị đuổi việc, không báo trước, bất cứ lúc nào; và thế rồi Amina tình cờ phát hiện ra, vào một sáng tháng Tám, rằng ngôi nhà đã bị trộm đột nhập.

Cảnh sát tới. Amina kê khai những đồ bị mất: một cái ống nhỏ bằng bạc khảm lam ngọc; tiền vàng; ấm trà khảm đá quý và bộ đồ trà bằng bạc; những đồ vật trong một cái thùng tôn xanh. Đám người ở bị xếp hàng trong sảnh và hứng chịu sự đe dọa của thanh tra Johnny Vakeel. “Xem nào, thú nhận đi” - ngón dùi cui gõ nhẹ lên chân ông ta - “bằng không các người sẽ thấy có gì bọn ta không thể làm với các người. Các người muốn đứng một chân cả ngày lẫn đêm chứ? Các người muốn bị gội nước vào người, lúc thì nóng sôi, lúc lại lạnh cóng chứ? Bọn ta có rất nhiều phương pháp ở Sở Cảnh sát...” Và giờ một tràng nhón nháo từ đám người hầu, Không phải cháu, Thanh tra Sahib, cháu là đứa thật thà; vì lòng khoan dung, xin ngài cứ khám, sahib! Và Amina: “Thế này thì quá lắm, thưa ngài, ngài đi quá xa rồi. Mary của tôi tôi biết, gì thì gì, là người trong sạch. Tôi sẽ không để cô ấy bị xét hỏi đâu.” Sự khó chịu bị kiềm chế của viên sĩ quan. Một cuộc khám xét tư trang được tiến hành - “Để đề phòng, thưa Bà. Bọn này trí thông minh có giới hạn - biết đâu bà lại phát hiện ra tên trộm sớm khiến thủ phạm không kịp tẩu thoát cùng tang vật!”

Cuộc khám xét thành công. Trong bó chăn của Musa ông lão giúp việc: một cái ống nhỏ bạc. Cuộn trong dùm quần áo của ông: những đồng tiền vàng, một cái ấm trà bằng bạc. Giấu dưới cái giường charpoy: một bộ đồ trà bị mất. Và giờ Musa sụp xuống chân Ahmed Sinai; Musa đang van vãn, “Tha thứ cho con, sahib! Con quẫn trí; con nghĩ ông sắp quăng con ra đường!” nhưng Ahmed Sinai không lắng nghe; cảm giác băng giá đang hành hạ ông; “Ta thấy yếu quá,” ông nói, và rời khỏi phòng; còn Amina, choáng váng, hỏi: “Nhưng, Musa, sao ông lại thê độc như vậy?”

... Bởi vì, trong quãng thời gian giữa lúc xếp hàng ở hành lang và những phát hiện tại nơi ở của những người hầu, Musa đã bảo ông chủ: “Không phải con, sahib. Con mà ăn cắp của ông, con sẽ phát bệnh hủi! Bộ da già của con sẽ lở loét!”

Amina, nét mặt đầy kinh hãi, chờ đợi câu trả lời của Musa. Khuôn mặt ông lão giúp việc méo lại thành một lớp mặt nạ giận dữ; từng chữ phun ra. “Begum Sahiba, tôi chỉ lấy những đồ quý của bà, còn bà, và sahib của bà, và bố ông ta, đã cướp đi cả đời tôi; rồi khi tôi già bà lại sỉ nhục tôi bằng những áyah Thiên Chúa giáo.”

Im lặng tràn ngập Biệt thự Buckingham - Amina từ chối buộc tội nhưng Musa đang bỏ đi. Bó chăn trên lưng, ông lão bước xuống cây cầu thang sắt xoắn ốc, khám phá ra rằng thang có thể đi xuống cũng như lên; ông xuống đòi bỏ đi, để lại một lời nguyên lên ngôi nhà.

Và (có phải chính bởi lời nguyên đó?) Mary Pereira sắp khám phá ra rằng kể cả khi thắng trận, kể cả khi những cây cầu thang vận hành có lợi cho ta, ta cũng không thể tránh khỏi con rắn.

Amina nói, “Tôi không thể kiếm thêm tiền cho anh, Ismail; như vậy chưa đủ sao?” Và Ismail, “Tôi hy vọng thế - nhưng ai biết được - chị có thể nào...?” Nhưng Amina: “Vấn đề là, bây giờ tôi to quá rồi, không chui vào xe được nữa. Chỗ ấy buộc phải đủ thôi.”

Thời gian một lần nữa chậm lại đối với Amina; một lần nữa đôi mắt bà nhìn qua lớp kính thủy tinh chì, nơi những bông tulip đỏ, thân xanh, nhảy múa thật đều; lần thứ hai, ánh mắt bà lưu lại trên ngọn tháp đồng hồ đã không hoạt động từ mùa mưa năm 1947; một lần nữa, trời lại mưa. Mùa đua đã kết thúc.

Ngọn tháp đồng hồ màu xanh lơ: to bè, bong tróc, không hoạt động. Nó đứng trên lớp bê tông phủ nhựa đường ở cuối vòng xuyên - mái bằng của tầng trên cùng những ngôi nhà dọc đường Warden, dựa lưng vào ngọn đồi hai tầng của chúng tôi, thế nên nếu ta leo lên bức tường bao của Biệt thự Buckingham, lớp nhựa đường đen phẳng sẽ nằm dưới chân ta. Và dưới lớp nhựa đường đen, là trường mẫu giáo Breach Candy, mà từ đó, mỗi chiều trong học kỳ, đều vang lên tiếng nhạc réo rắt từ cây đàn dương cầm của Cô Harrison, chơi những điệu nhạc chẳng đổi thay của tuổi thơ; và bên dưới nữa, là những cửa hàng, Thiên Đường của Độc giả, hiệu kim hoàn Fatbhoy, hiệu đồ chơi Chimalker và cửa hàng bánh Bombelli, cửa sổ đầy những thanh Sô Cô La Dài Cả Mét. Cửa tháp đồng hồ vốn là phải khóa, nhưng đây là một cái khóa rẻ tiền thuộc loại Nadir Khan hẳn sẽ nhận ra: sản xuất tại Ấn Độ. Và ba tôi liền ngay trước sinh nhật đầu tiên của tôi, Mary Pereira, đứng bên cửa sổ phòng tôi lúc về khuya, để ý thấy một bóng người lướt qua trên mái nhà, tay bung những vật không ra hình thù gì; một cái bóng khiến trong cô tràn ngập một nỗi kính sợ không định hình được. Sau đêm thứ ba, cô nói với mẹ tôi; cảnh sát được gọi đến; và Thanh tra Vakeel trở lại Điện trang Methwold, cùng với một biệt đội những cảnh sát sừng sỏ - “toàn thiện xạ cả, Beguin Sahiba; bà cứ mặc bọn tôi giải quyết!” - những người, cải trang làm phu quét dọn, súng giấu trong lần áo rách, giám sát chặt chẽ tòa tháp đồng hồ trong lúc quét rác trong vòng xuyên.

Đêm xuống. Đằng sau những tấm rèm và màn sáo, các cư dân của Điện trang Methwold sợ sệt ngóng về phía tháp đồng hồ. Đám phu quét dọn, một cách kỳ cục, tiếp tục công việc trong bóng tối. Johnny Vakeel chiếm lĩnh một vị trí trên hiên nhà tôi, súng trường không để lộ... và, tới nửa đêm, một cái bóng leo lên bức tường bên của trường Breach Candy và tiến về ngọn tháp, vai lủng lẳng một cái túi... “Phải để hắn vào,” Vakeel đã bảo Amina; “Phải đảm bảo rằng ta bắt đúng đối tượng.” Đối tượng, nhẹ bước trên mái nhà rải nhựa đường, đến bên ngọn tháp; tiến vào.

“Thanh tra Sahib, ông còn chờ gì nữa?”

“Suyt, Begum, đây là điệp vụ của cảnh sát; xin bà lui vào trong nhà. Chúng tôi sẽ tóm hắn khi hắn trở ra; bà cứ nhớ lời tôi. Bắt sống,” Vakeel nói với vẻ thỏa mãn, “như một con chuột sập bẫy.”

“Nhưng hắn là ai?”

“Ai biết được,” Vakeel nhún vai. “Một gã badmaash là cái chắc. Thời nay quân bắt lương nhân nhân khắp nơi.”

... Và rồi sự im lặng của màn đêm bị xé toạc bởi một tiếng thét duy nhất, tắc nghẹn; ai đó lao đảo dựa vào mặt trong cánh cửa của tháp đồng hồ; nó bị giật tung ra; một tiếng đổ sầm; và thứ gì đó chảy

thành vệt trên nền nhựa đường đen. Thanh tra Vakeel chồm lên và ra tay, lia khẩu súng trường lên, bắn từ ngang hông hệt như John Wayne; đám phu quét dọn móc vũ khí của xạ thủ trong chổi ra và khai hỏa... tiếng rú phấn khích của phụ nữ, tiếng hét của người hầu... im lặng.

Thứ gì nằm đó, nửa nâu nửa đen, vằn vện và xoắn xuýt trên nền nhựa đường đen? Thứ gì, rỉ máu đen, kích động Bác sĩ Schaapsteker rít lên từ vọng lâu trên gác thượng: “Đồ đàn độn! Anh em với gián! Con của lũ lại cái!”... thứ gì, lưỡi thò thụt, đã chết khi Vakeel lao lên mái nhà phủ nhựa đường?

Và trong cánh cửa tháp đồng hồ? Sức nặng nào, khi sụp xuống, đã gây ra tiếng đổ sầm vang dội nhường ấy? Tay ai đã giật tung cửa; gót chân ai hiện rõ hai lỗ đỏ, chảy máu, đầy ứ thứ nọc độc không có thuốc giải, thứ nọc đã giết chết từng tàu đầy lũ ngựa già nua? Thi thể ai được khiêng ra khỏi tháp bởi những người đàn ông mặc thường phục, không quan tài, với những phu quét dọn giả trang trong vai người hộ quan? Tại sao, khi ánh trăng rơi vào khuôn mặt xác chết, Mary Pereira lại ngã phịch như một tải khoai tây xuống sàn, mắt trợn trừng, trong một cơn ngất xỉu bất ngờ và đầy kịch tích?

Và xếp sát tường ở bên trong ngọn tháp đồng hồ: những máy móc kỳ lạ có gắn đồng hồ rẻ tiền này là gì - tại sao có nhiều chai lọ miệng nút đầy giẻ như thế?

“May mà bà gọi quân của tôi tới, Begum Sahiba,” Thanh tra Vakeel bảo. “Đó là Joseph D’Costa - trong danh sách Truy nã Đặc biệt của tụi tôi. Săn hắn đâu cả năm nay rồi. Một gã badmaash cực kỳ tàn độc. Bà phải nhìn mấy bức tường trong tháp! Từng giá, chất đầy tận nóc toàn bom tự chế. Sức công phá đủ để thổi bay cả quả đồi này xuống biển!”

Mê lô chồng chất mê lô; cuộc đời bỗng có màu sắc của một phim chớp bóng Bombay; rần tiếp bước thang, thang theo gót rần; trong hoàn cảnh của quá nhiều tai biến như vậy, Bé Saleem ngã bệnh. Như thể không đủ sức tiêu hóa nhiều biến động đến thế, cậu nhắm mắt lại, đỏ và nóng rực lên. Trong khi Amina ngóng đợi kết quả vụ Ismail kiện Chính quyền Bang; trong khi con Khi Đồng lớn dần trong bụng bà; trong khi Mary lâm vào một trạng thái sốc mà cô sẽ chỉ hoàn toàn hồi phục khi hồn ma của Joseph tìm về ám cô; trong khi sợi dây rốn lơ lửng trong lọ ngâm và những món chutney của Mary làm giấc mơ của chúng tôi tràn ngập những ngón tay đang chỉ; trong khi Mẹ Bề trên điều hành gian bếp, ông ngoại khám bệnh cho tôi và nói, “Ta sợ rằng không có gì nghi ngờ nữa; thằng bé tội nghiệp bị thương hàn.”

“Lạy Chúa trên trời,” Mẹ Bề trên nắc lên, “Ma quỷ nào đã đến, cái gì không biết, gieo tai ương xuống cái nhà này?”

Đây là những gì tôi được nghe về trận ốm suýt nữa đã chặn tôi lại trước khi tôi kịp bắt đầu: cả ngày lẫn đêm, vào cuối tháng Tám năm 1948, mẹ và ông ngoại trông nom tôi; Mary lê mình ra khỏi nỗi dằn vặt và đắp khăn lạnh lên trán tôi; Mẹ Bề trên hát ru và bón thức ăn cho tôi; ngay cả cha tôi, tạm thời quên mất tình trạng rối loạn của mình, cũng đứng cuống quýt bắt lức trên ngưỡng cửa. Nhưng khi

đêm xuống, Bác sĩ Aziz, kiệt quệ như một con ngựa già, nói, “Ta đã làm hết khả năng rồi. Nó sẽ chết trước khi trời sáng.” Và trong bối cảnh đám đàn bà khóc lóc và cơn đau đẻ vừa phát của mẹ tôi do bị kích thích trước sự đau khổ và cảnh bút tóc của Mary Pereira, có tiếng gõ cửa; người hầu báo tên Bác sĩ Schaapsteker; người đưa cho ông tôi một cái chai nhỏ và nói, “Tôi không giấu giếm gì cả: thứ này hoặc chữa hoặc chết. Đứng hai giọt; rồi chờ xem.”

Ông tôi, ngồi ôm đầu giữa đồng kiến thức y khoa đồ nát của mình, hỏi, “Cái gì đây?” Và Bác sĩ Schaapsteker, gần tám mươi hai tuổi, lưỡi thò thụt nơi khoe miệng: “Nọc độc hổ mang chúa pha loãng. Nó đã từng hiệu nghiệm.”

Rắn có thể dẫn đến vinh quang, cũng như thang có thể xuống dốc: ông tôi, biết chẳng nào tôi cũng chết, cho tôi uống nọc rắn hổ. Cả gia đình đứng nhìn nọc độc lan khắp người đứa bé... và sáu tiếng sau, thân nhiệt của tôi trở lại bình thường. Từ đó, tốc độ lớn của tôi mất đi những đặc tính phi thường; nhưng cái mất đi được bù đắp bằng thứ khác: sinh mệnh, và một ý thức sớm về sự mơ hồ của loài rắn.

Trong khi thân nhiệt tôi hạ xuống, em gái tôi ra đời tại Nhà Hộ sinh của Bác sĩ Narlikar. Hôm đó là mùng 1 tháng Chín; và ca sinh nở bình yên, trôi chảy đến mức nó đi qua hầu như không ai chú ý tại Điện trang Methwold; bởi vì đúng ngày hôm đó Ismail Ibrahim tới thăm cha mẹ tôi ở bệnh viện và thông báo họ đã thắng kiện... Trong khi Ismail ăn mừng, tôi bấu tay vào song cũi; trong khi ông ta kêu lên, “Đóng băng thế đủ rồi! Tài sản của anh lại là của anh! Theo lệnh của Tòa án Tối cao!”, tôi đỏ mặt tía tai rướn lên khỏi trọng lực; và trong khi Ismail thông báo, vẻ thần nhiên, “Sinai bhai, nền pháp trị đã giành một chiến thắng vang dội,” và né tránh ánh mắt hân hoan đắc thắng của mẹ tôi, tôi, Bé Saleem, vừa tròn một tuổi, hai tuần và một ngày, nâng mình đứng thẳng trong cũi.

Những sự kiện của ngày hôm ấy có tác động kép: tôi lớn lên với đôi chân vòng kiềng không chữa được, bởi vì tôi đứng dậy quá sớm; còn con Khỉ Đồng (gọi vậy vì vạt tóc dày màu vàng đỏ của con bé, sẽ không sẫm lại tới khi nó lên chín) thì hiểu rằng, nếu muốn nhận được sự chú ý trong đời, nó sẽ phải gây rất nhiều náo động.

Chương 11: Tai nạn trong tủ giặt

Đã tròn hai ngày từ khi Padma sầm sập ra khỏi đời tôi. Trong hai ngày, vị trí của cô bên vại kasaundy xoài được một phụ nữ khác đảm nhận – eo cũng dày, lông tay cũng rậm; nhưng trong mắt tôi, chẳng thay thế được gì cả! – trong khi bông sen-phân của tôi đã biến mất đi đâu không rõ. Một sự cân bằng bị phá vỡ; tôi cảm thấy những vết nứt toác ra theo chiều dài cơ thể mình; vì đột nhiên tôi còn lại một mình, thiếu sự lắng nghe cần thiết, và thế là không đủ. Tôi bị bóp nghẹt trong nắm tay bất ngờ của

một cơn phần nộ: tại sao tôi lại bị tông đồ độc nhất của mình đối xử phi lý đến thế? Bao người khác đã kể chuyện trước tôi; bao người khác đâu có bị bỏ rơi vội vàng như thế. Khi Valmiki, tác giả *Ramayana*, đọc kiệt tác của mình cho Ganesh đầu voi chép, vị thần ấy có bỏ rơi ông nửa chừng không? Tất nhiên là không. (Lưu ý rằng, mặc dù xuất thân đạo Hồi, tôi cũng là dân Bombay đủ để thông thạo những truyền thuyết Hindu, và thật tình tôi rất khoái cái hình ảnh thần Ganesh vòi voi, tai ve vẩy, cặm cũi ngồi chép chính tả!)

Làm sao để tiếp tục mà vắng Padma? Làm sao để từ bỏ sự vô ri và mê tín của cô, đối trọng cần thiết cho sự toàn tri chất chưa kỳ tích của tôi? Làm sao để làm việc mà thiếu vắng sự trần tục đầy mâu thuẫn của tâm hồn cô, điều giữ – đã giữ? – đôi chân tôi trên mặt đất? Tôi đã trở thành, qua cảm nhận của tôi, đỉnh của một tam giác cân, được nâng đỡ cân bằng bởi hai vị thần song sinh, nam thần cuồng dại của ký ức và nữ thần hoa sen của hiện tại... nhưng giờ liệu tôi có nên chấp nhận tính đơn chiều hạn hẹp của một đường thẳng?

Tôi đang, có lẽ, trốn sau tất cả những câu hỏi này. Phải, có lẽ đúng thế. Tôi nên nói một cách giản đơn, không có tấm áo choàng là dấu chấm hỏi: Padma của chúng ta đã bỏ đi, và tôi nhớ nàng. Phải, chính thế.

Nhưng vẫn còn việc cần phải làm: ví dụ:

Mùa hè năm 1956, khi hầu hết mọi thứ trên đời còn lớn hơn tôi, con Khi Đồng em tôi phát sinh một quái tật là châm lửa đốt giày. Trong khi Nasser đánh chìm tàu ở kênh đào Suez, bởi vậy làm giảm tốc độ di chuyển của thế giới bằng cách buộc tất cả phải đi vòng qua Mũi Hảo Vọng, em tôi cũng nỗ lực ngăn cản bước tiến của chúng tôi. Buộc phải tranh đấu để được chú ý, bị ám ảnh bởi nhu cầu đặt mình ở trung tâm mọi sự kiện, kể cả những sự kiện chẳng dễ chịu gì (nó dù gì cũng là em tôi; nhưng chẳng Thủ tướng nào viết thư cho nó, chẳng ản giả nào dõi theo nó từ dưới vòi nước ngoài vườn; không được tiên đoán, không được chụp hình, đời nó là một sự đấu tranh từ phút đầu tiên), nó mang cuộc chiến của mình vào thế giới của giày dép, hy vọng rằng, chắc vậy, bằng cách đốt giày chúng tôi, nó sẽ làm chúng tôi đứng yên đủ lâu để nhận thấy nó ở đó... nó không hề cố gắng giấu giếm tội lỗi của mình. Khi bố tôi vào phòng và thấy một đôi Oxford đen đang cháy, con Khi Đồng đứng ngay cạnh đó, diêm trong tay. Lỗ mũi ông bị tấn công bởi thứ mùi chưa từng có của giày da bắt lửa, trộn lẫn với xi đánh giày Hoa Anh Đào và một chút dầu Ba-Trong-Một... “Nhìn kia, Abba!” con Khi Đồng duyên dáng nói, “Đẹp chưa kia – hết như màu tóc con!”

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Bất chấp mọi cảnh cáo, những bông hoa đỏ tươi tắn của nỗi ám ảnh của em gái tôi nở rộ khắp Điền trang mùa hè năm ấy, mẫn khai trên những đôi xăng đan của Nussie-vịt-bầu và giày dép đại gia của Homi Catrack; những lưỡi lửa màu tóc liếm lên đôi giày da lộn mòn vệt đế của Ngài Dubash và đôi guốc gót nhọn của Lila Sabarmati. Bất chấp việc diêm bị giấu kỹ còn người hầu luôn cảnh giác, con Khi Đồng vẫn tìm ra cách, không sờn lòng trước mọi trừng phạt và đe nẹt. Trong một năm liền, thỉnh thoảng, Điền trang Methwold lại bị khói của những đôi giày bị hỏa thiêu tấn công; cho tới khi tóc con

bé sẫm lại thành màu nâu vô danh, và nó dường như mất hứng thú với những que diêm.

Amina Sinai, căm ghét ý tưởng đánh đập con cái, bản tính không có khả năng cao giọng, lâm vào cảnh gần như hết cách; và con Khi Đồng bị phạt, ngày này qua ngày khác, bằng sự im lặng. Đây là hình thức kỷ luật được mẹ tôi lựa chọn: không thể đánh con, bà ra lệnh cho chúng tôi khóa miệng lại. Một vài âm hưởng, không nghi ngờ gì nữa, của sự im lặng ghê gớm mà bằng nó chính mẹ đã hành hạ Aadam Aziz vẫn quanh quẩn bên tai bà – vì rằng, cả im lặng cũng có tiếng vang, rộng hơn và kéo dài hơn tiếng vọng của bất cứ âm thanh nào – và với một tiếng “*Suyt!*” dứt khoát, bà sẽ đặt ngón tay lên môi và lệnh cho lưỡi chúng tôi bất động. Đó là một hình phạt chưa bao giờ thất bại trong việc dọa tôi phải phục tùng; con Khi Đồng, tuy vậy, được làm bằng chất liệu khó uốn nắn hơn. Trong câm lặng, sau đôi môi mím chặt như của bà ngoại, nó âm mưu hóa thiêu đồ da – như đã có lần, đã lâu rồi, một con khi khác, ở một thành phố khác, đã thực hiện một hành vi khiến việc căn godown chứa vài giả da bị đốt trụi trở thành không tránh khỏi...

Tôi xấu bao nhiêu thì con bé xinh đẹp (dù có thể hơi gầy gò) bấy nhiêu; nhưng nó, ngay từ đầu, đã tàn phá như một cơn lốc và ầm ĩ ngang một đám đông. Hãy đếm số cửa sổ và bình hoa bị vỡ một cách vô-tình-có-chủ-ý; hãy liệt kê, nếu quý vị có thể, số thức ăn không hiểu vì sao đã bay khỏi những cái đĩa ăn tối phản chủ của con bé, làm ô bẩn những tấm thảm Ba Tư quý giá! Im lặng, quả thật, là hình phạt khắc nghiệt nhất nó có thể phải nhận; nhưng nó gánh chịu một cách tươi tỉnh, ngây thơ vô tội đứng giữa đồng đồ nát của những ghế gãy và đồ trang trí vỡ vụn.

Mary Pereira nói, “Con bé ấy, Con Khi ấy! Đáng lẽ phải sinh ra với bốn chân!” Nhưng Amina, mà ký ức về lần sinh hụt trong gang tấc một thằng bé hai đầu vẫn ngoan cố chưa chịu phai mờ, trong tâm trí hét lên, “Mary! Cô nói cái gì thế hả? Đến nghĩ như vậy cũng không được!”... Bất chấp sự phản đối của mẹ tôi, một thực tế là phản động vật ở con Khi Đồng cũng ngang với phần con người; và, như tất cả người hầu và trẻ con ở Điện trang Methwold đều biết, nó có khả năng nói chuyện với chim, và với mèo. Cả chó nữa: nhưng sau lần nó bị cắn, năm lên sáu, bởi một con chó hoang bị nghi mắc bệnh dại, và bị lôi đi, vừa khóc lóc vừa quấy đạp, tới bệnh viện Breach Candy, mỗi buổi chiều trong ba tuần, để nhận một mũi tiêm vào bụng, có vẻ như con bé hoặc đã quên mất ngôn ngữ của chúng hoặc đã từ chối không dính dáng gì đến chúng nữa. Từ chim nó học hát; từ mèo nó học được một hình thái độc lập nguy hiểm. Con Khi Đồng giận dữ nhất khi nghe ai đó nói với nó những lời yêu thương; khao khát được thương yêu, bị tước đoạt điều đó bởi cái bóng áp đảo của tôi, nó có xu hướng tấn công bất cứ ai dành cho nó điều nó muốn, như thể để bảo vệ mình trước khả năng bị đánh lừa.

... Chính vào thời điểm như thế Sonny Ibrahim thu hết can đảm bảo nó: “Này, nghe đây, em gái của Saleem – đừng ấy hơi bị được đấy. Tớ, ừm, đừng ấy biết đấy, rất khoái đừng ấy...” Và lập tức con bé thẳng tiến đến chỗ bố mẹ thằng nhóc đang uống lassi trong khuôn viên biệt thự Sans Souci và bảo, “Dì Nussie, cháu chẳng biết anh Sonny nhà dì đang chơi trò gì. Mới vừa nãy cháu thấy anh ấy và Cyrus sau bụi cây, đang chà xát cái soo-soo buồn cười lắm ấy!”...

Con Khi Đồng rất xấu nét tại bàn ăn; nó giẫm nát các luống hoa; nó nhận biệt hiệu đứa trẻ rắc rối; nhưng nó với tôi vẫn cực kỳ thân thiết, bất chấp những bức thư đóng khung gửi đến từ Delhi và sadhu-

dưới-vòi-nước. Từ đầu, tôi đã quyết định coi nó là đồng minh, chứ không phải là đối thủ; và, bởi thế cho nên, nó chưa từng oán trách tôi vì sự nổi bật của tôi trong nhà, nó bảo, “Có gì mà oán trách? Chẳng lẽ đây là lỗi của anh nếu cả nhà đều thấy anh rất oách?” (Nhưng khi, nhiều năm sau, tôi phải phải đứng sai lầm của Sonny, nó cũng đối xử với tôi y hệt.)

Và chính con Khi Đồng là người, bằng việc trả lời một cú điện thoại gọi nhầm nào đó, đã khởi đầu chuỗi sự kiện dẫn đến tai nạn của tôi trong một cái tủ giặt màu trắng bằng gỗ thanh ken sát.

Chưa gì, ở cả tuổi gần lên chín, tôi đã biết ngàn này: ai nấy đều chờ đợi ở tôi. Nửa đêm và anh-em-bé, các nhà tiên tri và thủ tướng đã tạo nên quanh tôi một màn sương lung linh và không thể tránh né của sự kỳ vọng... trong đó bố tôi kéo tôi vào cái bụng nhào xệ của ông trong cái mát mẻ của giờ cocktail và bảo: “Toàn thứ oách! Con trai: có gì không nằm trên giá chờ con? Thành tích oách, cuộc đời oách!” Trong khi tôi, hết ngọ nguậy cái môi trề lại đến ngón chân cái, làm ướt áo ông với dòng nước mũi muôn đời vẫn chảy của tôi, mặt đỏ rực và ré lên, “Thả con ra, Abba! Mọi người thấy kia!” Và ông, làm tôi ngượng đến mức khó tin, ồm ồm, “Kệ cho họ thấy! Cho cả thế giới thấy ta yêu con trai ta thế nào!”... còn bà tôi, đến chơi với chúng tôi mùa đông nọ, cũng khuyên tôi: “Chỉ cần xắn tay nỗ lực, cái gì không biết, cháu bà sẽ ăn đứt bất cứ ai trên đời này!”... Trôi dạt giữa đám mây mù của niềm trông đợi ấy, tôi đã sớm cảm thấy trong mình những cử động đầu tiên của con vật không hình thù mà, trong những đêm vắng-Padma này, vẫn sục sạo cào cấu ruột gan tôi: gánh chịu lời nguyện của vô vàn hy vọng và biệt danh (tôi đã kịp có tên Cả Khịt và Thò Lò), tôi đâm lo sợ rằng tất cả đã nhầm – rằng sự tồn tại rất được trống giông cờ mở của tôi rồi sẽ hóa ra là hoàn toàn vô dụng, rỗng tuếch, không có lấy tí ti mục đích nào. Và chính vì trốn chạy con quái vật này mà tôi hình thành thói quen nấu mình, từ khi còn nhỏ, trong cái tủ giặt to màu trắng của mẹ tôi, bởi vì tuy sinh vật này ở trong tôi, song sự hiện diện êm dịu của vải lạnh bản bao bọc xung quanh dường như đã ru được nó vào giấc ngủ.

Bên ngoài tủ giặt, bị vây quanh bởi những con người dường như sở hữu một ý thức về mục đích rõ ràng kinh khủng, tôi vui mình trong những chuyện thần tiên. Hatim Tai và Người Dơi, Siêu Nhân và Sinbad đã giúp tôi qua được gần chín năm ấy. Khi đi chợ với Mari Pereira – khiếp hãi trước chuyện cô có khả năng đoán tuổi gà bằng cách xem cổ con gà, trước sự quyết liệt tuyệt đối khi cô nhìn chăm chăm vào mắt những con cá chim chết – tôi trở thành Aladdin, đang du hành trong một hang động kỳ bí; trông những người hầu lau chùi bình lọ với một sự tận tâm vừa trịnh trọng vừa mơ hồ, tôi tưởng tượng ra bốn mươi tên cướp của Ali Baba nấp trong những chiếc bình phủ bụi; trong vườn, khi đắm đắm nhìn Purushottam vị sadhu bị nước xói mòn, tôi hóa thành thần đèn, và nhờ đó, trốn tránh được, trong đa số trường hợp, cái ý nghĩ kinh khủng rằng tôi, đơn độc trong vũ trụ này, chẳng có ý niệm gì về việc tôi nên là ai, hay tôi cần hành xử thế nào. Mục đích: nó lên đến sau lưng tôi khi tôi đứng trên cửa sổ phòng mình nhòm xuống những cô bé người Âu nhảy chân sáo trong bể bơi hình bản đồ bên bờ biển. “Biết tìm nó ở đâu?” tôi hét to; con Khi Đồng, ở chung căn phòng màu thiên thanh với tôi, giặt bẩn cả người lên. Khi ấy tôi sắp lên tám, nó gần bảy tuổi. Đó là một tuổi rất sớm để băn khoăn về ý nghĩa cuộc đời.

Nhưng trong tủ giặt không có người hầu; xe buýt nhà trường cũng vắng bóng. Khi sắp lên chín tôi

bắt đầu đi học ở trường Trung học Nam sinh Cathedral và John Connon trên đường Outram ở khu Thành Cổ; được tắm tấp và chải chuốt mỗi sáng, tôi đứng dưới chân quả đồi hai tầng nhà mình, mặc quần soóc trắng, đeo thắt lưng chun sọc xanh có khóa hình rắn, cặp đeo trên vai, quả dưa chuột cỡ bự hình cái mũi vẫn chảy thò lò như thường lệ; Mắt Chẻ và Tóc Dầu, Sonny Ibrahim và Cyrus-đại-đế khôn sớm cũng đứng đợi. Và trên xe buýt, giữa những hàng ghế lóc xọc và tiếng cọt kẹt hoai cộ của những ô cửa sô, chao ôi những lời quả quyết! Chao ôi những sự chắc chắn gần-chín-tuổi về tương lai! Sonny huyền hoang: “Tao sẽ trở thành võ sĩ đấu bò; Tây Ban Nha! Chiquita! Ê, toro, toro^[1]!” Cái cặp gior ra như tấm muleta của Manolete^[2], nó vào vai tương lai của mình khi cỗ xe lóc xọc chạy qua góc phố Kemp, qua (Hiệu thuốc) Thomas Kemp & Công ty, bên dưới tấm poster vị rajah^[3] của Hàng không Ấn Độ (“Hẹn gặp lại, cá sấu! Ta đi London trên Hàng không Ấn Độ đây!”) và tấm biển còn lại, trên đó, suốt thời thơ ấu của tôi, Nhóc Kolynos, một tiểu tinh linh răng sáng bóng đội chiếc mũ xanh, kiểu gia tinh, màu điệp lục lung linh, quảng cáo chất lượng cho Kem Đánh Răng Kolynos: “Giữ Răng Shạch và Giữ Răng Sháng! Giữ Răng Kolynos *Cực Bóng Loáng!*” Cậu bé trên tấm biển, lũ nhóc trên xe buýt: một chiều, bị sự chắc chắn là phăng, chúng biết mình sinh ra để làm gì. Đây là Keith Colalo Nội Tiết, một thằng bé bị phù tuyến giáp, môi đã lún phún râu: “Tao sẽ quản lý các rạp phim của ông già; bọn lợn chúng mày muốn xem phim, chúng mày sẽ phải xin tao chỗ ngồi!”... Và Perce Fishwala Mập, mà bệnh béo phì không có căn nguyên gì khác ngoại ăn quá nhiều, và là đứa, cùng với Keith Nội Tiết, nắm giữ vị trí đặc quyền đầu gấu lớp học: “Xi! Chẳng là gì sất! Tao sẽ có kim cương và ngọc lục bảo và nguyệt thạch! Và ngọc trai to như hòn đái tao!” Bô Perce Mập quản lý của hàng kim hoàn còn lại của thành phố; kinh địch của nó là con trai Ngài Fatbhoy, là đứa, vốn nhỏ người và một sách, luôn thất thế trong cuộc chiến của những đứa trẻ có tinh hoàn ngọc trai... Và Mắt Chẻ, tuyên bố tương lai của nó sẽ là vận động viên Test cricket^[4], thậm nhiên xem bên trong mắt trống rỗng của mình nhẹ như không; và Tóc Dầu, thằng anh đầu bù tóc rối bao nhiêu thì nó chửi chu bóng, mướt bấy nhiêu, nói, “Chúng mày đúng là lũ ích kỷ! Tao sẽ theo bố tao vào Hải quân; tao sẽ bảo vệ đất nước tao!” Và thế là nó hứng một trận mưa nào thước kẻ, compa, viên mực... trên xe buýt, khi nó lạch xạch chạy qua Bãi biển Chowpatty, khi nó rẽ trái ra khỏi Marine Drive cạnh căn hộ của Hanif, ông chủ yêu thích của tôi, thằng tiến qua Bến xe Victoria đến Đài phun nước Flora, vượt Nhà ga Churchgate và Chợ Crawford, tôi giữ im lặng; tôi là Clark Kent điềm đạm đang bảo vệ thân phận bí mật của mình^[5]; nhưng nó là cái quái gì nhỉ? “Ê, Thò Lò!” Keith Nội Tiết réo lên, “Ê, chúng mày bảo thằng Cả Khịt lớn lên sẽ thành gì?” Và tiếng hét đáp lại từ Perce Fishwala Mập, “Pinocchio!” Và cả lũ hòa theo, ré lên một đoạn điệp khúc của bài “Người tôi chẳng còn sợi dây nào!”... trong khi Cyrus-đại-đế ngồi lặng lẽ như thiên tài, lên kế hoạch cho tương lai của trung tâm nghiên cứu hạt nhân hàng đầu đất nước.

[1] Chiquita: tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là em gái bé bỏng. Toro nghĩa là con bò.

[2] Muleta là tấm vải đỏ của võ sĩ đấu bò. Manolete là một võ sĩ nổi tiếng của Tây Ban Nha những năm 40.

[3] Tiểu vương Ấn Độ.

[4] Còn gọi là Cricker Đối kháng, một hình thức thi đấu cricket, mỗi trận có thể kéo dài đến 5 ngày, đòi hỏi sức bền rất lớn ở mỗi cầu thủ.

*[5] Trong series truyện tranh và phim **Superman**, Clark Kent là bộ mặt ngoài đời của Siêu nhân.*

Rồi, ở nhà, là con Khỉ Đồng với trò đốt giày; và bố tôi, người đã trỗi dậy từ sâu thẳm của sự suy sụp để rơi vào, một lần nữa, trò rô đại của những tetrapod... “Biết tìm nó ở đâu?” tôi khấn cầu trước cửa sổ phòng mình; ngón tay người ngư phủ chỉ, một cách dễ gây ngộ nhận, về phía biển.

Bị cấm cửa bên ngoài tủ giặt: những tiếng réo: “Pinocchio! Mũi dưa chuột! Mặt nhòn!” Giấu mình trong nơi ẩn náu, tôi được an toàn trước ký ức về Cô Kapadia, cô giáo tại nhà trẻ Breach Candy,

người, vào ngày đầu tiên tôi đi học, từ trên bảng ngoảnh lại chào tôi, thấy mũi tôi, giật mình đánh rơi cái lau bảng và làm giập móng chân cái của cô, trong một sự tái hiện chói tai song ít tiếng vang cái tai nạn lưng lầy của cha tôi; vùi mình trong đồng mùi soa bản và pajama nhàu nhĩ, tôi có thể quên đi, trong một chốc, sự xấu xí của mình.

Thương hàn tấn công tôi; nọc cạp nong cứu sống tôi; và sự phát triển quá sớm, quá nóng của tôi nguội dần. Tới khi tôi gần chín tuổi, Sonny Ibrahim đã cao hơn tôi bốn xăng ti mét. Nhưng có một thứ ở Bé Saleem dường như miễn nhiễm với bệnh tật và chiết-xuất-từ-rắn. Giữa hai mắt tôi, nó mọc ra trước và cắm xuống, như thể tất cả sinh lực tăng trưởng của tôi, bị ép ra khỏi phần còn lại cơ thể tôi, đã quyết định dồn sức vào cú đâm độc nhất vô nhị này... giữa hai mắt tôi và ở trên môi tôi, mũi tôi nở bung như một quả bí ngô đoạt giải. (Thế nhưng, tôi lại không phải mọc răng khôn; làm người nên biết bằng lòng với những gì mình có.)

Trong mũi có gì? Đáp án quen thuộc: “Đơn giản thôi. Bộ máy hô hấp; cơ quan khứu giác; lông.” Nhưng trong trường hợp của tôi, câu trả lời còn đơn giản hơn, dù rằng, tôi phải thừa nhận, hơi kinh tởm: trong mũi tôi là nước mũi. Thật lầy làm tiếc, tôi phải, không may thay, nhấn mạnh vào chi tiết: tình trạng ngạt mũi buộc tôi phải hô hấp qua đường miệng, cho tôi lượng không khí của một con cá vàng hỗn hển; sự ghệt thở kinh niên đầy dọa tôi sống một tuổi thơ không mùi hương, những ngày tháng không biết tới hương xạ và hoa nhài và kasaundy xoài và món kem nhà làm; cả quần áo bản nữa. Một sự tàn phế ở thế giới bên ngoài tú giặt có thể trở thành một ưu thế một khi ta ở trong. Nhưng chỉ trong thời gian ta lưu lại đó mà thôi.

Ấm ảnh về mục đích, tôi lo lắng về cái mũi của mình. Mặc những áo quần cay đắng thường xuyên tìm đến từ bà bác hiệu trưởng Alia, tôi đi học, chơi cricket kiểu Pháp, đánh lộn, bước vào những chuyện thần tiên... và lo lắng. (Hồi đấy, bác Alia bắt đầu gửi cho bọn tôi một dòng bắt tận quần áo trẻ con, mà trong từng đường chỉ bà dường như đã khâu vào nỗi bất giác già của bà; con Khi Đồng và tôi xúng xính trong những món quà bà tặng, mặc đầu tiên là những món đồ con nít của nỗi cay đắng, rồi đến những tấm quần yếm của niềm oán giận; tôi lớn lên trong những chiếc quần soóc trắng hồ bằng thứ hồ của sự ghen tị, trong khi con Khi mặc những chiếc váy hoa xinh xắn của lòng đố kỵ không phai mờ ở Alia... không hay biết rằng tú quần áo của mình đang trói mình vào tấm lưới nhện báo thù của bà, chúng tôi cứ thế sống cuộc đời ăn vận bảnh bao.) Mũi tôi: đặc chất voi như vòi của thần Ganesh, nó lẽ ra, tôi nghĩ, phải là một cỗ máy thở siêu việt; một bộ khịt vô đối, như chúng ta vẫn nói; thay vào đó, nó bị ghệt kinh niên, và vô dụng không khác gì một cái sikh-kabab bằng gỗ.

Đủ rồi. Tôi ngồi trong tú giặt và quên đi cái mũi; quên đi sự kiện chinh phục Đỉnh Everest năm 1953 – khi thằng Mất Chê lem luốc khúc khích, “Êu, tội mày! Tội mày bảo Tenzing có len nỗi lên mặt thằng Cả Khịt không?” – và cả những lần cãi cọ giữa bố mẹ về cái mũi tôi, điều Ahmed Sinai không bao giờ chán đồ lỗi cho cha của Amina: “Chưa bao giờ họ nhà tôi có một cái mũi như thế! Chúng tôi có những cái mũi hoàn hảo: mũi kiêu hãnh, mũi hoàng gia, mình ạ!” Ahmed Sinai đã bắt đầu, tại thời điểm này, tin vào cái dòng tộc hư cấu ông đã sáng tạo ra vì William Methwold; say tửu tình bí tỉ, ông thấy dòng máu Mughal chảy trong huyết quản... Quên cả cái đêm khi tôi tám tuổi rưỡi, và cha tôi, hơi thở sặc mùi tửu tinh, bước vào phòng, giật chăn khỏi người tôi mà quát: “Mày đang làm cái gì thế hả?

Lợn! Đồ lợn rách giò rơi xuống!” Tôi nhìn lên, ngái ngủ; vô tội; ngờ ngác. Ông lại gầm lên: “Phù, phù! Đồ thối thây! Trời phạt những đứa như mày! Chưa gì ông ấy đã khiến mũi mày to như cây bạch dương. Trời sẽ làm mày còi cọc; sẽ làm cứt mày quắt lại!” Và mẹ tôi, khoác áo ngủ chạy vào căn phòng đang sững sờ, “Janum, vì lòng thương xót; thằng bé chỉ đang ngủ thôi mà.” Tửu tinh gầm lên qua môi cha tôi, áp chế ông hoàn toàn: “Nhìn mặt nó xem! Đòi thuở nhà ai vì ngủ mà có cái mũi như thế?”

Bên trong tủ giặt không có gương; những câu đùa thô lỗ không chui vào đó, những ngón tay đang chỉ cũng không. Trận lôi đình của các ông bố bị bóp nghẹt bởi những ga giường bản và nịt ngực thay ra. Cái tủ giặt là một cái lỗ giữa thế gian, một nơi vắng mình tự đặt mình ra ngoài, vượt khỏi chuẩn mực xã hội; điều này biến nó thành nơi ẩn náu lý tưởng nhất. Ở trong tủ giặt, tôi giống như Nadir Khan trong thế giới ngầm của anh ta, an toàn trước mọi sức ép, giấu mình trước những đòi hỏi của cha mẹ và lịch sử...

... Cha tôi, kéo tôi vào cái bụng nhào xê của mình, nói bằng giọng ghen ngào của cảm xúc tức thời: “Được rồi, được rồi, thế, thế, con ngoan lắm; con có thể là bất cứ gì con muốn; con chỉ cần muốn cho đủ thôi! Giờ ngủ đi...” Và Mary Pereira, lặp lại lời ông trong câu hát ru của mình: “Bất cứ gì con muốn thành, con sẽ được; Con sẽ được thành, bất cứ gì con muốn!” Tôi đã ngộ ra rằng gia đình tôi tin tưởng tuyệt đối vào những quy tắc kinh doanh hiệu quả; họ mong đợi một món lợi tức ra từ khoản đầu tư vào tôi. Con nít được cái ăn chỗ ở tiền quà nhímátđàingày và sự yêu thương, tất cả có vẻ như là một dạng bồi thường cho việc chúng bị sinh ra. “Người tôi chẳng có sợi dây nào!” chúng hát; song tôi, Pinocchio, nhìn rõ những sợi dây. Các ông bố bà mẹ bị thôi thúc vì động cơ lợi nhuận – không hơn, không kém. Đôi lấy sự quan tâm của họ, họ trông đợi, từ tôi, món lợi tức không lồ của sự vĩ đại. Đừng hiểu nhầm tôi. Tôi chẳng lấy thế làm điều. Tôi, hồi ấy, là một đứa trẻ biết vâng lời. Tôi ước ao đem đến cho họ điều họ muốn, điều các ông thầy bói và những lá thư lòng khung đã hứa với họ; tôi chỉ không biết phải làm thế nào. Sự vĩ đại ở đâu ra? Làm sao để có được chút đỉnh? *Khi nào?*... Khi tôi lên bảy, Aadam Aziz và Mẹ Bê trên tới thăm chúng tôi. Vào ngày sinh nhật thứ bảy của mình, một cách ngoan ngoãn, tôi chịu cho mặc đồ giống như cậu bé trong bức tranh người ngư phủ; nóng và bị bó chặt trong bộ trang phục ngoại quốc, tôi cười, cười mãi. “Kìa, mảnh trắng bé bỏng của tôi!” Amina thốt lên khi cắt chiếc bánh phủ những con giống bọc đường, “Yêu xế! Cầm có rỏ nước mắt bao giờ!” Dem bao cát ra chặn dòng nước lũ chực trào ra sau mắt, những giọt nước mắt vì oi bức và thiếu những Thanh Sô Cô La Dài Cả Mét trong đồng quà sinh nhật, tôi đem một lát bánh đến cho Mẹ Bê trên đang ôm nằm trên giường. Tôi được đeo một cái ông nghe; nó lủng lẳng trên cổ tôi. Bà cho phép tôi khám; tôi kê cho bà tập thể dục nhiều hơn. “Bà phải đi từ đầu phòng đến cái almirah rồi trở lại, mỗi ngày một lần. Bà có thể dựa vào cháu; cháu là bác sĩ.” Nhà quý tộc người Anh đeo ông nghe đỡ người bà có mụn ruồi phù thủy đi ngang phòng; tập tễnh, cọt két, bà làm theo. Sau ba tháng điều trị như vậy, bà hoàn toàn bình phục. Hàng xóm đến mừng, đem theo rasgulla và gulab-jaman và các thức kẹo khác. Mẹ Bê trên, ngồi uy nghi trên chiếc takht giữa phòng khách, tuyên bố: “Thấy cháu tôi chưa? Nó chữa cho tôi đây, cái gì không biết. Thiên tài! Thiên tài, cái gì không biết; đó là năng khiếu Trời ban.” Có thật thế không? Tôi có nên thôi lo lắng không? Có phải thiên tài là điều tuyệt không liên quan tới việc mong muốn được, hay học hỏi cách, hay hiểu biết về, hay có khả năng để? Một điều, đến thời điểm đã định, sẽ lơ lửng choàng lên vai tôi như một tấm pashmina tinh xảo, hoàn mỹ? Sự vĩ đại như khăn san rủ xuống; thứ chẳng bao giờ phải mang tới dhobi^[6]. Không ai nện thiên tài lên một tảng đá... Một manh mối ấy, một câu nói vô tình của bà tôi, là hy vọng độc nhất của tôi; và, sau này hóa ra, bà không sai sự thật bao nhiêu. (Tai nạn sắp xảy đến với tôi; và những đứa trẻ của nửa đêm đang đợi.)

[6] Thợ giặt.

Nhiều năm sau, tại Pakistan, vào đúng cái đêm mái nhà sắp sụp xuống đầu bà và ép bà dẹp lép hơn cả cái bánh xèo, Amina Sinai nhìn thấy cái tủ giặt cũ hiện hình về. Khi nó hiện ra bên trong mi mắt bà, bà chào nó như một ông anh họ không-thật-sự-được chào đón. “Lại là mày đây,” bà bảo nó, “Ừ,

sao lại không? Độ này mọi thứ cứ quay trở lại với ta. Có vẻ như ta chẳng thể bỏ lại bất cứ thứ gì.” Bà đã trở nên già trước tuổi như mọi phụ nữ trong gia đình tôi; cái tú gọi cho bà nhớ đến cái năm khi lần đầu tiên tuổi già âm thầm bò lên người bà. Cái oi bức dữ dội của năm 1956 – mà Mary Pereira bảo tôi là do bầy côn trùng vô hình phun lửa tí xíu gây ra – lại vo ve bên tai bà lần nữa. “Những mụn cóc bắt đầu hành hạ tôi rồi,” bà nói to, và viên sĩ quan Dân Phòng đến đốc thúc lệnh tắt điện nở nụ cười buồn và nghĩ, Ngày trước người già tự khâm liệm cho họ trọng chiến tranh; như thế họ sẵn sàng để chết khi cần. Anh ta luôn lách ra về giữa cả núi khăn bông phế phẩm chất gần chật kín căn nhà, để Amina lại nói chuyện quần áo bản một mình... Nussie Ibrahim – Nussie vịt bầu – từng ngưỡng mộ Amina: “Chỉ có cái *phong thái*, cái *dáng điệu* thật hết sảy! Em thề đó là một kỳ quan trong mắt em: chị lướt đi như thể đứng trên một chiếc *xe đẩy* vô hình!” Nhưng vào mùa hè của lũ côn trùng oi bức, người mẹ duyên dáng của tôi rút cuộc đã bại trận trước đám mụn cóc, bởi vị sadhu Purushottam đột nhiên mất đi pháp lực. Nước đã xói hói một mảng trên đầu ông; dòng nước nhỏ giọt đều đặn qua năm tháng đã xói mòn ông. Phải chăng ông đã vỡ mộng về thằng bé được bạn phước, Mubarak của ông? Phải chăng vì tôi nên thân chú của ông mất đi pháp lực? Với vẻ gấp rắc rồi nghiêm trọng, ông bảo mẹ tôi, “Yên tâm; chỉ cần chờ thôi; tôi nhất định sẽ chữa khỏi chân cho bà.” Nhưng bệnh mụn cóc của Amina ngày càng nặng; bà tới gặp bác sĩ và họ đóng băng chúng bằng carbon dioxide ở độ không tuyệt đối; nhưng như thế chỉ khiến chúng mọc lại dữ dội hơn gấp bốn, thế nên bà bắt đầu tập thể dục, những ngày lả lướt của bà đã một đi không trở lại; và bà nhận ra lời chào hỏi không lẫn vào đâu được của tuổi già. (Ngập trong huyền thoại, tôi biến bà thành một selkie^[7] – “Amma, có lẽ mẹ là nàng tiên cá thật ấy, hóa thành người vì tình yêu trao cho một chàng trai – nên mỗi bước chân cũng như bước trên dao!” Mẹ tôi mỉm cười, nhưng không thành tiếng.)

[7] Một sinh vật trong truyền thuyết Scotland, ở dưới nước thì là hải cẩu nhưng hóa thành người lúc lên bờ.

1956. Ahmed Sinai và Bác sĩ Narlikar chơi cờ và tranh luận – cha tôi ghét cay ghét đắng Nasser, trong khi Narlikar ngưỡng mộ ông ta ra mặt. “Thằng cha ấy phá hoại việc kinh doanh,” Ahmed bảo; “Nhưng hẳn có cá tính,” Narlikar đáp, rực sáng đầy say sưa, “Chả ai dọa nổi hẳn.” Cùng lúc đó, Jawaharlal Nehru đang tham khảo các nhà chiêm tinh về Kế hoạch Năm Năm của đất nước, để tránh một Karamstan khác; và trong khi thế giới kết hợp giữa hiếu chiến và ma thuật; tôi nằm giấu mình trong chiếc tủ giặt không còn thật sự đủ rộng để cảm thấy thoải mái nữa; và Amina Sinai thấy lòng đầy tội lỗi.

Bà đang cố gắng gạt khỏi đầu cuộc phiêu lưu tại trường đua ngựa; nhưng không thoát được cảm giác ăn năn mà những món ăn mẹ bà nấu đã gây ra trong bà; thế nên không khó để bà nghĩ đến đám mụn cóc như một hình phạt... không chỉ vì hành động táo tợn nhiều năm trước tại Mahalaxmi, mà còn vì không cứu được chồng khỏi những tấm tem phiếu rượu màu hồng; vì tính cách bất thuần, không nữ tính của con Khi Đồng; và vì kích cỡ cái mũi của đứa con trai độc nhất. Giờ đây nhìn lại bà, tôi thấy dường như một màn sương tội lỗi đã bắt đầu tụ lại quanh đầu bà – làn da đen của bà tiết ra mây đen lơ lửng trước mắt bà. (Padma sẽ tin; Padma sẽ hiểu điều tôi muốn nói!) Và khi cảm giác tội lỗi trong bà tăng lên, màn sương đặc lại – phải, sao không? – có những ngày ta hầu như không thấy đầu bà từ cổ trở lên!... Anima đã trở thành một trong những người hiếm hoi ghé lưng ra đón lấy những gánh nặng của thế gian; bà bắt đầu tỏa ra cái hấp lực của một người tình nguyện phạm tội; và từ đó ai tiếp xúc với bà cũng cảm thấy nổi thôi thúc mãnh liệt nhất phải thú nhận những tội lỗi thầm kín của chính mình. Khi họ đã quy phục trước ma lực của mẹ tôi, bà sẽ nở một nụ cười dịu dàng buồn bã âm thầm với họ, và họ sẽ bỏ đi, nhẹ nhõm, trút lại gánh nặng của họ lên vai bà; và màn sương tội lỗi lại dày thêm. Amina nghe về chuyện người hầu bị đánh đập và quan chức được hối lộ; khi cậu Hanif tôi và cô vợ nàng Pia thần thánh tới chơi họ thuật là những vụ cãi cọ tới từng chi tiết nhỏ; Lila Sabarmati giải bày những lần thất

tiết của mình với đôi tai cao quý, sẵn lòng, nhẫn nại của bà; còn Mary Pereira phải không ngừng tranh đấu với sự căm dỗ gần như không thể cưỡng lại là thú nhận tội ác của mình.

Đôi mắt với những tội lỗi của thế gian, mẹ tôi mỉm cười âm thầm và nhắm chặt mắt lại; và đến trước khi mái nhà đổ xuống đầu bà, thị lực của bà đã suy giảm nặng nề; nhưng bà vẫn nhìn thấy cái tủ giặt.

Thật ra tận cùng cảm giác tội lỗi của mẹ tôi là gì? Ý tôi là thật sự, ẩn dưới đám mụn cóc và những tửu tinh và những lời thú tội? Đó là một nỗi bất an không nói nổi thành lời, một nỗi dằn vặt thậm chí không thể gọi tên, và nó không còn tự giới hạn trong những giấc mơ về một người chồng dưới lòng đất... mẹ tôi đã rơi (cũng như cha tôi rồi sẽ sớm rơi) vào bùa phép của chiếc điện thoại.

Vào những buổi chiều của hè năm ấy, những buổi chiều nóng như khăn bông, điện thoại sẽ reo. Khi Ahmed Sinai nằm ngủ trong phòng, chùm chìa khóa dưới gối và sợi dây rốn trong tủ, tiếng điện thoại réo xuyên thủng tiếng vo ve của lũ côn trùng oi bức; và mẹ tôi, tập tễnh vì mụn cóc, lê bước ra hành lang để nghe máy. Và giờ, về mặt này là gì, mà vấy bẩn mặt bà với màu của máu khô?... Không biết rằng bà bị theo dõi, những mấp máy như cá này của đôi môi bà là gì, những thì thầm tắc nghẹt này nữa?... Và tại sao, sau khi đã nghe cả năm phút, mẹ tôi mới nói, bằng cái giọng như thủy tinh vỡ “Xin lỗi, nhầm số rồi”? Tại sao kim cương lóng lánh trên mi bà?... Con Khi Đồng thì thảo với tôi, “Lần sau có chuông, mình thử tìm hiểu xem.”

Năm ngày sau. Lại là buổi chiều; song hôm nay Amina đi vắng, sang chơi nhà Nussie-vịt-bầu, khi chiếc điện thoại đòi hỏi sự chú ý. “Mau! Mau kéo nó đánh thức bố dậy!” Con Khi, nhanh nhẩu như tên nó, nhắc ông nghe lên khi Ahmed Sinai còn chưa kịp thay đổi kiểu ngáy... “À lô? Vâng? Đây là bảy không năm sáu một; à lô?” Chúng tôi lắng nghe, từng sợi thần kinh căng như dây đàn; nhưng mãi không thấy gì. Rồi, khi chúng tôi sắp sửa bỏ cuộc, giọng nói nọ cất lên. “... À... vâng... a lô...” Và con Khi, gần như hét lên, “À lô? Ai đấy ạ?” Lại im lặng; giọng nói nọ, không thể ngăn nổi mình lên tiếng, cân nhắc câu trả lời; thế rồi, “... A lô... Đây là Công ty Vận tải Shanti Prasad phải không ạ?...” Và con Khi, nhanh như chớp: “Vâng, quý khách cần gì?” Lại nín lặng; giọng nói, lộ vẻ bối rối, gần như biết lỗi, đáp: “Tôi muốn thuê một chiếc xe tải.”

Ôi lý do kém thuyết phục của giọng nói qua điện thoại! Ôi những lời ngớ ngẩn không lừa được ai của hồn ma! Giọng nói trên điện thoại đâu phải giọng của khách thuê xe tải; nó mềm, hơi đầy đặn, giọng của một nhà thơ... nhưng từ đó, điện thoại reo thường xuyên; đôi khi mẹ tôi nhắc máy, lắng nghe trong im lặng khi miệng bà làm những động tác của cá, và sau cùng, khi đã quá trễ, nói, “Xin lỗi, nhầm số”; và những lần khác con Khi và tôi bầu quanh máy, tai dán vào ống nghe, trong khi con Khi nhận đơn hàng thuê xe tải. Tôi băn khoăn: “Ê, Khi, mày nghĩ sao? Không lẽ ông ta chả bao giờ tự hỏi tại sao xe không *đến*?” Và nó, mắt mở to, giọng lấp lập: “Trời, anh có nghĩ rằng... hay là xe *có đến*!”

Nhưng tôi không thấy có khả năng nào là xe có đến; và một hạt giống ngờ vực tí ti đã được gieo

vào tôi, một tia le lói tí ti của ý nghĩ rằng mẹ chúng tôi có thể có bí mật – Amma của chúng tôi! Người luôn bảo, “Giữ bí mật là nó sẽ thối ra trong ruột; không nói thật là sẽ bị đau bụng!” – một tia lửa nhỏ xíu mà việc tôi trải qua trong tủ giặt sẽ thổi bùng lên thành một trận cháy rừng. (Vì lần này, quý vị thấy đấy, bà cho tôi bằng chứng.)

Và giờ, rốt cuộc, đã đến thời khắc của quần áo bẩn. Mary Pereira rất hay bảo tôi rằng, “Nếu cậu muốn làm người lớn, baba, cậu phải thật sạch sẽ. Thay quần áo,” cô dặn, “tắm rửa thường xuyên. Đi đi, baba, không là tôi gửi cậu đến bác thợ giặt, cho bác ấy đem cậu lên đá giặt bây giờ.” Cô đem cả sâu bọ ra dọa tôi: “Rồi, cứ ở bẩn đi, rồi sẽ chẳng có ai yêu cậu hết, trừ lũ ruồi. Chúng sẽ đậu lên người cậu khi cậu ngủ; chúng đẻ trứng dưới da cậu!” Phần nào, lựa chọn về chỗ ẩn náu của tôi là một hành động mang tính thách thức. Coi khinh dhobi^[8] và lũ nhặng, tôi giấu mình vào nơi không sạch sẽ; tôi tìm thấy sức mạnh và sự vô về từ ga giường và khăn tắm; mũi tôi tự do rúc vào đám vải lạnh sẽ chịu kiếp bị dện lên đá; và bao giờ cũng vậy, khi chui ra thế giới từ bụng cón cá voi gỗ của tôi, sự minh triết chín chắn và buồn thảm của đồ giặt bẩn vẫn quần lay tôi, dạy tôi triết lý của sự lãnh tĩnh và phẩm-giá-bất-chấp-tất-cả và tính tất yếu không tránh khỏi khủng khiếp của xà phòng.

[8] Quần áo bẩn.

Một chiều tháng Sáu, tôi rón rén trên hành lang của ngôi nhà đang say ngủ, tới nơi trú ẩn tôi đã chọn cho mình; lên qua mẹ tôi đương say giấc nồng để chui vào sự im lặng ộp gạch men trắng của phòng tắm của bà; mở nắp đích đến của tôi lên; rồi gieo mình vào một lô mềm mại những vải vóc (chủ yếu là trắng) của nó, nơi ký ức duy nhất về những cuộc viếng thăm trước của tôi. Thở dài khe khẽ, tôi hạ cái nắp xuống, và đề quần dài và áo vét xoa dịu đi nỗi đau tồn tại, không mục đích và sắp tròn chín tuổi.

Có điện tích trong không khí. Sự oi bức, vo ve như ruồi. Một tấm khăn voan, lửng lơ đầu đó giữa trời, chờ chực để nhẹ nhàng buông xuống vai tôi... đầu đó, một ngón tay đặt lên đĩa số; đĩa số quay tròn và quay tròn, xung điện chạy dọc dây cáp, bảy, không, năm, sáu, một. Điện thoại đồ chuông. Tiếng chuông réo tắc nghẹt xuyên vào tủ giặt, nơi một cậu bé sắp-lên-chín nằm giấu mình co ro... Tôi, Saleem, cứng người lại vì sợ bị phát hiện, bởi lúc này thêm nhiều tiếng ồn vọng vào trong tủ: tiếng lò xo giường kêu kẹt; tiếng dép loẹt quẹt dọc hành lang; tiếng điện thoại im bật khi đang réo nửa chừng; và – hay là tưởng tượng? Có phải giọng bà quá khẽ nghe không rõ? – tiếng từng chữ, thốt lên quá muộn như thường lệ: “Xin lỗi. Nhầm số rồi.”

Và giờ, tiếng chân tập tễnh quay lại phòng ngủ; và những nỗi sợ khủng khiếp nhất của cậu bé đang trốn đã thành hiện thực. Nắm cửa xoay tròn, hét lên cảnh báo cậu; từng bước chân sắc như dao cạo cắt sâu vào cậu khi chúng bước trên nền gạch men trắng lạnh. Cậu đông cứng lại như băng, cứng đờ như khúc gỗ; mũi cậu lặng lẽ nhỏ nước lên quần áo bẩn. Một sợi dải rút quần – vật báo hiệu hình rắn của tai họa! – luồn vào lỗ mũi trái của cậu. Khịt mũi tức là chết: cậu từ chối nghĩ đến điều đó.

... Bị siết chặt trong gọng kìm của nỗi khiếp sợ, cậu thấy mắt mình nhìn xuyên qua một khe hở giữa chỗ quần áo bẩn... và thấy một người đàn bà đang khóc trong nhà tắm. Mưa rơi từ một đám mây đen dày. Và giờ thêm nhiều âm thanh, nhiều chuyển động: giọng mẹ cậu bắt đầu cất lên, hai âm tiết, lặp đi lặp lại: và tay bà bắt đầu hoạt động. Đôi tai bị bóp nghẹt vì đồ lót căng ra bắt lấy hai âm thanh – âm

này: *Dir? Bir? Dil?* – và âm kia: *Ha? Ra?* Không – Na. Ha và Ra bị loại trừ; Dil và Bir biến mất vĩnh viễn; và cậu bé nghe thấy, bên tai, một cái tên không được nói ra kể từ khi Mumtaz Aziz trở thành Amina Sinai: Nadir. Nadir. Na. Dir. Na.

Và tay bà chuyển động. Lạc trong ký ức của mình về những ngày tháng khác, về chuyện xảy ra sau khi những ván phụt-ống-nhỏ trong một căn hầm ở Agra, chúng hờn hờ vồ vập má bà, chúng áp vù bà chặt hơn bất kỳ thứ nịt vú nào; và giờ chúng mơn trớn cái bụng trần của bà, chúng rê sâu xuống dưới... phải, đây là điều mình vẫn làm, tình yêu của em, như thế là đủ, đủ cho em, mặc dù cha em bắt mình, rồi anh chạy, và giờ thì điện thoại, Nadirnadirnadirnadirnadir... bàn tay nâng điện thoại giờ đây nâng thật, trong khi ở chỗ khác bàn tay kia làm gì? Hành vi gì, sau khi đặt ống nghe xuống, bàn tay kia đang thực hiện!... Không quan trọng; vì ở đây, trong không gian riêng tư bị theo dõi của mình, Amina Sinai lặp lại một cái tên xa xưa, lần này qua lần khác, đến khi cuối cùng bà bật ra, “Arre Nadir Khan, anh từ đâu ra thế hả?”

Bí mật. Một cái tên đàn ông. Những cử động chưa-bị-bắt-gặp-bao-giờ của đôi tay. Trong óc một đứa trẻ chất đầy những suy nghĩ không hình thù, bị giằng xé bởi những ý niệm nhất định không chịu lắng xuống thành lời; và trong một lỗ mũi trái, một dây dãi rút đang như rắn trườn lên lên lên, nhất định không chịu bị lò đi...

Và giờ – ôi bà mẹ vô sĩ! Kẻ lộ mặt ở hai lòng, với những xúc cảm không có chỗ trong cuộc sống gia đình; và còn nữa: ôi kẻ phô bày trắng trợn Trái Xoài Đen! – Amina Sinai, lau khô nước mắt, bị thôi thúc bởi một nhu cầu nhỏ nhất hơn; và khi mắt phải của con trai bà ghé qua những nếp gờ trên nóc tủ giặt, mẹ tôi gỡ sari ra! Trong khi tôi, nín lặng trong tủ giặt: “Đừng làm thế đừng làm thế đừng!”... nhưng tôi không nhắm mắt lại được. Đôi đồng tử không chớp thu vào hình ảnh lộn ngược của tấm sari rơi xuống sàn, một hình ảnh, như thường lệ, được não bộ lật ngược; qua đôi mắt xanh băng giá tôi thấy cái xi líp nối tiếp tấm sari; và rồi – ôi kinh khủng thay! – mẹ tôi, đóng khung trong đồ giặt và nếp gờ, cúi xuống nhặt quần áo lên! Và nó đấy, đốt bỏng vống mạc tôi – hình ảnh bộ mông mẹ tôi, đen như màn đêm, tròn và cong, không giống gì trên đời hơn là một trái xoài Alfonso khổng lồ màu đen! Ở trong tủ giặt, thất thần trước hình ảnh ấy, tôi vật lộn với bản thân... sự tự kiểm soát trở thành bắt buộc đồng thời là bất khả... dưới tác động sét đánh của trái Xoài Đen, thần kinh tôi sụp đổ; sợi dãi rút chiến thắng; và trong khi Amina Sinai ngồi lên bồn cầu, tôi... sao? Không phải hắt xì; nó chưa đến mức hắt xì. Cũng không phải nhăn mũi; nó lớn hơn thế. Đã đến lúc nói thẳng: choáng váng trước giọng nói hai âm tiết và đôi tay vồ vập, kinh hoàng trước trái Xoài Đen, mũi của Saleem Sinai, phản ứng trước chứng cứ về sự hai lòng của người mẹ, run rẩy vì sự xuất hiện của cặp mông mầu thân, đầu hàng sợi dãi rút, và bị chế ngự bởi một *cú khịt* thảm họa – làm thay đổi thế giới – không thể đảo ngược. Sợi dãi rút nhoi lên thêm nửa tác trong lỗ mũi tôi đau nhói. Nhưng những thứ khác cũng nhoi lên: bị cú hít vào kích động ấy lôi kéo, chất lỏng trong mũi không ngừng bị hút lên lên lên, nước mũi xộc thẳng lên, ngược trọng lực, ngược tự nhiên. Xoang mũi chịu một áp lực quá sức chịu đựng... cho đến khi, trong cái đầu sắplênchín ấy, có gì đó vỡ ra. Nước mũi bắn vọt qua con đập thùng, ủa vào những dòng kênh mới tối đen. Dịch nhầy, lên cao hơn mức cao nhất được định sẵn cho dịch nhầy. Nước thải, chạm tới tận, có lẽ, ranh giới của não bộ... có một cú sốc. Có gì đó tích điện đã bị nhiễm ảm.

Đau.

Và rồi tiếng ồn, điếc tai đa thanh kinh dị, *trong đầu cậu bé!*... Trong cái tủ giặt gỗ màu trắng, bên trong khăn phòng tắm tối của hộp sọ của tôi, mũi tôi bắt đầu hát.

Nhưng giờ không còn thời gian để nghe, vì một giọng nói đã ở rất gần. Amina Sinai đã mở ô cửa dưới của tủ giặt; tôi lặn ra long lóc với quần áo bẩn quần quanh đầu như cái màng thóp. Sợi dải rút bẩn khỏi mũi tôi; và giờ ánh chớp lóe lên xuyên qua vầng mây đen quanh mẹ tôi – và một nơi ảm náu đã mất đi vĩnh viễn.

“Con không có nhìn!” tôi ré lên qua những ga với gối. “Con không thấy gì sất, Ammi, con thề!!”

Và nhiều năm sau, trên chiếc ghế mây giữa mớ khăn tắm ế và một cái đài loan báo những tin thẳng trợn bị cường điệu hóa, Amina sẽ nhớ lại rằng với ngón cái và ngón trỏ kẹp quanh tai thẳng con dối trá, bà đã lôi nó đến chỗ Mary Pereira, người như thường lệ đang ngủ trên tấm chiếu cỏ trong căn phòng màu thiên thanh ra sao; bà đã lệnh, “Con lừa non này; thẳng vô tích sự rách gòr rơi xuống này sẽ không được nói gì suốt một ngày” thế nào... Và, ngay trước khi mái nhà sập xuống đầu, bà đã nói to: “Lỗi tại tôi. Tôi đã nuôi dạy nó chẳng ra gì.” Giữa tiếng bom nổ xé nát không gian, bà thêm, điềm đạm nhưng quả quyết, dành những lời cuối cùng trên thế gian cho bóng ma của một chiếc tủ giặt: “Giờ thì đi đi, tao chán nhìn mày lắm rồi.”

Trên đỉnh Sinai, Nhà Tiên tri Musa hay Moses nghe thấy những lời răn vô hình; trên Đỉnh Hira, Nhà Tiên tri Muhammad (còn có tên là Mohammed, Mahomet, Nhà-Tiên-Tri-Sau-Chót, và Mahound) đối thoại với Đại thiên sứ (Gabriel hay Jibreel, tùy quý vị). Và trên sân khấu của trường Trung học Nam sinh Cathedral và John Connon, tổ chức “dưới sự bảo trợ” của Hiệp hội Giáo dục Anh-Scotland, thẳng Cyrus-đại-đế bạn tôi, đóng vai nữ như thường lệ, nghe tiếng Thánh Joan nói những câu thoại của Bernard Shaw. Nhưng Cyrus là trường hợp cá biệt: không như Joan, nghe thấy những giọng nói ngoài đồng, mà như Musa hay Moses, như Muhammad Nhà Tiên tri tối hậu, tôi nghe thấy những giọng nói trên một ngọn đồi.

Muhammad (cầu cho tên người được bình an, tôi xin bổ sung; tôi không muốn xúc phạm bất kỳ ai) nghe thấy một giọng nói bảo ông rằng “Hãy tụng!” và nghĩ là mình hóa điên; tôi nghe thấy, đầu tiên, ong ong khắp đầu toàn tiếng lú lù, như một kênh đài chưa dò đúng sóng; và với đôi môi bị khóa theo lệnh mâu thân, tôi không thể đòi hỏi sự an ủi. Muhammad, ở tuổi bốn mươi, tìm kiếm và nhận được sự trấn an từ vợ và bằng hữu: “Đích thực,” họ bảo ông, “anh là Sứ giả của Chúa”; tôi, hứng chịu hình phạt này khi gần chín tuổi, không thể tìm sự trợ giúp từ con Khi Đồng hay cầu viện những lời vỗ về từ Mary Pereira. Bị bắt cảm lạnh từ tối qua đêm đến sáng, tôi vật vã, trong đơn độc, để tìm hiểu điều đã xảy đến với mình; tới khi sau cùng tôi thấy tấm khăn choàng của thiên tài pháp phối bay xuống, như một cánh bướm thêu, dải khăn san của sự vĩ đại rủ lên vai tôi.

Giữa cơn oi bức của cái đêm nín lặng ấy (chỉ có tôi nín lặng; bên ngoài tôi, biển loạt soạt như tiếng giấy ở xa xăm; quạ rúc trong cơn quần quai của những ác mộng lông vũ; tiếng xành xạch của những chiếc taxi rề rà vọng đến từ đường Warden; con Khi Đồng, trước khi thiếp đi với vẻ mặt đóng băng lại thành một chiếc mặt nạ làm bằng nổi tò mò, nài nỉ, “Đi nào, Saleem; có ai nghe đâu; anh đã làm gì? Kể kể kể đi!”... trong khi, bên trong tôi, những giọng nói dội vào thành hộp sọ) tôi bị bóp nghẹt trong những ngón tay nóng hổi của niềm hưng phấn – đám côn trùng ngó ngoáy của cơn phấn khích nhảy múa trong bụng tôi – bởi vì sau cùng, theo một cách nào đấy mà hồi ấy tôi không hoàn toàn hiểu, cánh cửa mà Toxy Catrack từng đẩy khế trong đầu tôi đã bị mở bung ra; và qua đó tôi thoáng thấy – dù hãy còn mờ ảo, chưa định hình, huyền bí – lý do khiến tôi được sinh ra đời.

Gabriel hay Jibreel bảo Muhammad: “Hãy tụng!” Và thế là mở đầu khúc Thần tụng, tiếng Ả Rập gọi là al-Quran: “Hãy tụng: nhân danh Chúa, Đấng Sáng Tạo của người, người đã tạo ra Con Người từ những hòn máu...” Đây là chuyện trên Đỉnh Hira ngoài Mecca Sharif; trên ngọn đồi cao hai tầng đối diện bể bơi Breach Candy, những giọng nói cũng lệnh cho tôi đọc theo: “Ngày mai!” Tôi khấp khởi nghĩ thầm. “Ngày mai!”

Khi mặt trời lên, tôi đã phát hiện ra rằng những giọng nói ấy có thể kiểm soát được – tôi là một cái đài, và có thể chỉnh âm lượng lên xuống; tôi có thể chọn từng giọng riêng lẻ; thậm chí, tôi có thể, bằng nỗ lực của ý chí, tắt cái tai nội tại vừa được phát hiện ấy đi. Nỗi sợ hãi rời bỏ tôi nhanh một cách đáng kinh ngạc; lúc trời sáng, tôi đã nghĩ, “Chà, cái này còn hay hơn Đài phát thanh Toàn Ấn Độ, chà; hơn cả Đài Ceylon!”

Để thể hiện lòng trung thành của cô em: khi hai mươi bốn giờ vừa hết, lập tức, con Khi Đồng chạy sang phòng mẹ tôi. (Hôm đó là Chủ nhật; chắc vậy: không phải đến trường. Hoặc cũng có thể là ngày thường – đó là mùa hè của những cuộc biểu tình thổ ngữ, và trường học thường phải đóng cửa, vì nguy cơ bạo lực trên các tuyến xe buýt).

“Hết giờ rồi!” nó kêu, lay mẹ tôi tỉnh giấc. “Amma, dậy đi: đến giờ rồi: anh ấy được nói chưa?”

“Thôi được,” mẹ tôi nói, bước sang căn phòng màu thiên thanh để ôm tôi, “lần này mẹ tha. Nhưng từ nay cấm không được trốn trong đó nữa...”

“Amma,” tôi hăm hờ nói, “Ammi của con, mẹ nghe này. Con phải kể mẹ nghe chuyện này. Chuyện quan trọng. Nhưng, trước hết, phải gọi Abba đã.”

Và sau một lúc những “Hả?”, “Sao?” và “Không được,” mẹ tôi nhìn thấy có gì đó bất thường trong mắt tôi liền lo lắng gọi Ahmed Sinai dậy, “Janum, mình lại đây. Tôi chẳng biết thằng Saleem nó bị làm sao ấy.”

Cả nhà và người ayah tề tựu trong phòng khách. Giữa những bình pha lê mài và nệm phòng, đứng trên tấm thảm Ba Tư dưới quầng bóng xoay tít của những chiếc quạt trần, tôi mỉm cười với ánh mắt thấp thỏm của họ và chuẩn bị cho sự mặc khải của mình. Nó đây rồi; khởi đầu của sự hoàn vốn cho

những đầu tư của họ; món cổ tức đầu tiên của tôi – món đầu tiên, tôi tin chắc, trong số rất nhiều... bà mẹ đen, ông bố môi trề, con Khi em gái tôi, và người ayah che-giấu-tội-lỗi bần chồn chờ đợi trong nỗi hoang mang.

Nói ra đi. Thẳng tuột, không màu mè. “Cả nhà nên được biết đầu tiên,” tôi nói, cố tạo cho lời mình ngữ điệu của người lớn. Và rồi tôi bảo họ. “Hôm qua, con nghe thấy những giọng nói. Những giọng nói nói chuyện với con bên trong đầu con. Con nghĩ – Ammi, Abboo, con thực sự nghĩ là – các Đại thiên sứ bắt đầu nói chuyện với con.”

Đây! Tôi nghĩ. Đây! Nói rồi đây! Giờ sẽ có những cái vỗ lưng, kẹo ngọt, những lời tuyên bố công khai, có thể thêm những bức ảnh; giờ ngực họ sẽ căng lên niềm hãnh diện. Ôi sự ngây thơ con nít! Vì sự thành thực của mình – vì nỗ lực nhiệt thành tuyệt vọng làm vừa lòng người khác của mình – tôi bị tất cả các bên tấn công. Kể cả con Khi: “*Chúa* ơi, Saleem, tất cả những tamasha này, tất cả những trò vè này, chỉ vì một trong mấy *trò đùa* ngu ngốc của anh à?” Tệ hơn con Khi là Mary Pereira: “Lạy Đấng Jesus Chris! Xin Người cứu vớt! Lạy Đức Thánh Cha ở Rome, hôm nay con nghe phải một điều quá sức báng bô!” Và tệ hơn Mary Pereira là mẹ tôi Amina Sinai: trái Xoài Đen giờ đã được giấu kín, những cái tên không thể gọi tên còn nóng hổi trên môi, bà kêu lên, “Xin Trời xá tội! Thằng bé sẽ khiến mái nhà sập xuống đầu chúng ta!” (phải chăng đó cũng là lỗi của tôi?) Và Amina tiếp tục: “Thằng giặc đen! Đồ goonda! Ôi Saleem, con bị nhũn não rồi à? Chuyện gì đã xảy ra với bé con yêu dấu của mẹ – lẽ nào con đang biến thành một đứa điên rồ – một *kẻ hành hạ người khác*!?” Và tệ hơn tiếng rú của Amina là sự im lặng của cha tôi; tệ hơn nỗi khiếp hãi của bà là cơn cuồng nộ ngự trị trên trán ông; và khủng khiếp hơn hết thấy là bàn tay ông, đột nhiên xòe ra, những ngón tay chuôn mẩn, những khớp tay chắc nịch, khỏe như bò mộng, giáng cho tôi một cú dữ dội vào mang tai, khiến tôi ngã lăn lông lốc giữa căn phòng choáng váng trong bầu không khí kinh hoàng và làm vỡ nát cái mặt bàn bằng kính mờ màu lục; khiến cho, mới lần đầu tiên trong đời chắc chắn về bản thân, tôi đã bị ném vào một thế giới màu xanh, mờ đục như thủy tinh đầy những cạnh sắc, một thế giới nơi tôi không còn có thể kể cho những người quan trọng nhất về những gì xảy ra trong đầu tôi; những mảnh thủy tinh xanh khía toạc tay tôi khi tôi lao vào cái vũ trụ quay cuồng ấy nơi tôi bị dày dọ, cho tới khi quá quá muộn, phải bị dấn vật bởi nỗi nghi ngờ thường trực rằng tôi sinh ra *để làm gì*.

Trong căn phòng tắm ốp gạch men trắng bên cạnh cái tủ giặt, mẹ tôi Mercurochrome cho tôi; gạc phủ lên vết thương của tôi, trong khi từ ngoài cửa giọng cha tôi ra lệnh, “Bà nó, hôm nay cấm không ai được cho nó ăn. Bà nghe chưa? Cho nó ôm bụng đói mà tận hưởng trò đùa của mình!”

Đêm đó, Amina Sinai sẽ mơ thấy Ramram Seth lơ lửng cách mặt đất mười lăm xăng ti mét, mắt trợn trừng trắng dã, ngâm nga: “Đồ giặc che lấp nó, giọng nói dằn dặt nó!”... nhưng khi, sau vài ngày bị giấc mơ ấy đè nặng trên vai trên từng bước đi, bà thu hết can đảm hỏi đứa con ô nhục về tuyên bố tào tợn của nó, thằng bé trả lời với cái giọng cũng kìm nén như những giọt nước mắt không rơi suốt thời thơ ấu: “Con đùa ấy mà, Amma. Một trò đùa ngu dại, như mẹ nói ấy.”

Bà mất, chín năm sau, mà không hề phát hiện ra sự thật.

Chương 12: Đài phát thanh Toàn Ấn Độ

Hiện thực là vấn đề điểm nhìn; càng ngược về quá khứ, mọi thứ càng có vẻ rõ ràng và hợp lý hơn – nhưng ta càng tiếp cận hiện tại, tất cả lại không tránh khỏi tỏ ra càng lúc càng kì lạ. Quý vị thử hình dung mình trong một rạp phim lớn, đầu tiên ngồi ở phía sau, rồi từ từ dịch lên, từng hàng một, đến khi gần như gí mũi vào sát màn hình. Những khuôn mặt diễn viên từ từ nhòa đi thành những hạt sạn nhảy múa; những chi tiết bé tí trở nên to lớn một cách quái dị; ảo ảnh nhòa đi – hay đúng hơn, ta nhận ra ảo ảnh ấy *chính là* hiện thực... ta đã đi từ 1915 đến 1956, vậy là ta đã lại gần màn ảnh hơn đáng kể... vậy thì, từ bỏ hình ảnh ẩn dụ này, tôi nhắc lại, hoàn toàn không cảm thấy hổ thẹn, lời khẳng định khó tin của mình: sau vụ tai nạn kỳ dị trong tủ giặt, tôi trở thành một thứ đài phát thanh.

... Nhưng hôm nay tôi thấy hoang mang, Padma chưa trở lại – tôi có nên báo cảnh sát không? Có phải cô đã thành Người Mất Tích? – và khi vắng mặt cô, những điều tôi chắc chắn đều đang tan rã. Ngay cả cái mũi cũng giờ trò với tôi – ban ngày, khi đi giữa những vại rau quả dầm được đội quân chị em khỏe mạnh, tay lông lá, cực kỳ thạo việc coi sóc, tôi bỗng không phân biệt được giữa mùi chanh vàng với chanh xanh. Đội ngũ nhân công bụng miệng cười khúc khích: sahib tội nghiệp đã vương phải – cái gì? – hẳn không phải là *lười tình* chứ?... Padma, và những vết nứt đang lan khắp người tôi, tỏa ra như mạng nhện từ mũi tôi; và cái nóng... trong những hoàn cảnh như thế này hẳn người ta cũng được phép nhắm lẫn chút đỉnh. Đọc lại những gì đã viết, tôi phát hiện ra một lỗi về trình tự thời gian. Vụ ám sát Mahatma Gandhi xảy ra, trong bản thảo này, nhằm ngày. Nhưng tôi không thể tiết lộ, vào lúc này, thứ tự thực tế của các sự kiện; ở Ấn Độ của tôi, Gandhi sẽ tiếp tục chết nhằm thời điểm.

Liệu một lỗi lầm có khiến toàn bộ công trình trở nên vô giá trị? Có phải tôi đã đi quá xa, với nhu cầu tuyệt vọng về lẽ sống, đến nỗi sẵn sàng bóp méo tất cả - viết lại trọn vẹn lịch sử thời đại mình chỉ cốt để đặt bản thân vào vị trí trung tâm? Hôm nay, trong cơn bối rối, tôi không phán xét được. Tôi sẽ phải nhường việc này lại cho người khác. Giờ đây, tôi đã hết đường lùi; tôi phải kết thúc những gì tôi đã mở đầu, kể cả khi, vô phương tránh né, cái tôi kết thúc hóa ra không phải là cái tôi đã mở đầu.

Ye Akashvani hai. Đây là Đài phát thanh Toàn Ấn Độ.

Vừa ra ngoài đường nóng như sôi để ăn cho xong bữa ở một quán cà phê Iran gần nhà, tôi đã trở lại ngồi dưới quảng sáng về đêm của ánh đèn Anglepoise, chỉ có chiếc đài bán dẫn rẻ tiền làm bầu bạn. Một đêm nóng; trong không khí sục sôi ngập mùi hương dai dẳng từ những vại rau quả dầm cam lạnh; những giọng nói trong đêm tối. Hơi rau quả dầm, nồng nặc như mùi trong cái nóng, kích thích thứ nước quả tiết ra từ ký ức, nhấn mạnh những tương đồng và khác biệt giữa hồi ấy và bây giờ... hồi ấy trời nóng; bây giờ trời cũng nóng (trái mùa). Hồi ấy cũng như bây giờ, có người thao thức trong

bóng tối, nghe thấy những giọng nói vô hình. Hồi ấy cũng như bây giờ, một bên tai bị điếc. Và nỗi sợ hãi, nảy nở trong cái nóng... điều đáng sợ (hồi ấy hay bây giờ) không phải là những giọng nói. Cậu bé, nhóc-Saleem-hồi-ấy, sợ một ý nghĩ – cái ý nghĩ rằng cơn thịnh nộ của cha mẹ cậu có thể dẫn tới việc họ rút lại tình yêu; rằng dẫu có bắt đầu tin cậu đi nữa, họ cũng sẽ xem thiên tư của cậu như một thứ dị tật ô nhục... trong khi tôi, bây giờ, vắng Padma, gửi những lời này vào bóng tối và sợ rằng sẽ chẳng ai tin. Cậu ấy và tôi, tôi và cậu... tôi không còn năng lực của cậu; cậu chưa từng có năng lực của tôi. Có những lúc cậu như người lạ, gần như... ở cậu không có vết nứt nào. Không có mạng nhện nào tỏa khắp người cậu trong cái nóng.

Padma sẽ tin tôi; nhưng còn đâu nữa Padma. Hồi ấy cũng như bây giờ, có một cơn đói. Nhưng ở một dạng khác: bây giờ không phải cơn đói-hồi ấy vì bị cắt bữa tối, mà cơn đói vì bị mất đi người đầu bếp.

Và một sự khác biệt khác, hiển nhiên hơn: hồi ấy, những giọng nói không đến qua những lá van dao động của chiếc đài bán dẫn (vốn sẽ không bao giờ, ở xứ chúng tôi, thôi tượng trưng cho sự bất lực – từ khi có vụ hồi lộ triệt sản lấy đài đầy tai tiếng, cái máy kêu oe oe ấy đã đại diện cho điều đàn ông có thể làm trước khi lưỡi kéo xoẹt qua và nút buộc thít lại)... hồi ấy, cậu bé sắp lên chín trên giường lúc nửa đêm chẳng cần đến máy móc.

Khác biệt mà tương đồng, chúng tôi gắn kết với nhau nhờ cơn nóng. Một màn sương-nhiệt bập bùng, hồi ấy và bây giờ làm thời kỳ-hồi ấy của nhòa vào của tôi... nỗi hoang mang của tôi, đi qua làn sóng-nhiệt, cũng là của cậu.

Thứ gì mọc khỏe nhất trong cái nóng: mía; dừa; các loại kê như bajra, ragi và jowar; hạt lanh, và (nếu có nước) chè và lúa. Xứ nóng quê ta cũng là nơi sản xuất bông lớn thứ hai thế giới – ít nhất, đây là vào thời tôi học môn địa lý dưới ánh mắt dữ tợn của ông Emil Zagallo, và cái nhìn sắt lạnh hơn của một hiệp sĩ chinh phạt người Tây Ban Nha trong khung tranh. Nhưng mùa hè nhiệt đới cũng sản sinh ra nhiều kỳ hoa dị thảo: những bông hoa lạ lẫm của sự nở bùng tưởng tượng, để lấp đầy những đêm bức đồ mờ hội bằng thứ mùi nồng như nùi xạ, mang đến cho người ta những giấc mơ tăm tối của sự bất mãn... hồi ấy cũng như bây giờ, trong không khí sặc mùi bất ổn. Đám diễu hành ngôn ngữ đòi chia cắt bang Bombay theo biên giới của ngôn ngữ - đầu đoàn người này là giấc mơ về Maharashtra, dẫn dắt đoàn người kia là ảo vọng về Gujarat^[1]. Cái nóng ăn mòn ranh giới giữa ảo tưởng và hiện thực trong tâm trí con người, khiến tất cả trở thành như có thể; sự hỗn loạn nửa tỉnh nửa mê của giấc ngủ trưa khiến đầu óc con người mù mịt, và không khí tràn ngập cái dính ráp của niềm ham muốn bị kích thích.

[1] Năm 1956, sau khi mở rộng, bang Bombay bao gồm hai khu vực chính là vùng nói tiếng Gujarat ở phía Bắc và vùng nói tiếng Maharashtra (Marathi) ở phía Nam. Xung đột giữa hai cộng đồng này dẫn tới việc năm 1960 Bombay bị tách ra, trên cơ sở ngôn ngữ, thành hai bang Maharashtra và Gujarat như ngày nay.

Thứ gì mọc khỏe nhất trong cái nóng: ảo tưởng ; sự điên rồ; dục vọng.

Năm 1956, hồi ấy, ngôn ngữ hành quân trên đường phố lúc ban ngày; về đêm, chúng nổi loạn trong đầu tôi. “Chúng ta sẽ dôi theo cuộc đời của cháu với sự quan tâm sát sao nhất; nó sẽ là, theo một nghĩa nào đó, tấm gương của bản thân chúng ta.”

Đã đến lúc nói về những giọng nói.

Nhưng giá mà Padma của chúng ta ở đây...

Tôi đã nhầm về các Đại thiên sứ, tất nhiên rồi. Bàn tay cha tôi, giáng vào tai tôi trong một hành động (có ý? vô tình?) tái hiện một bàn tay khác, không cơ thể, từng táng thẳng vào mặt ông – ít ra cũng có tác dụng khai sáng; nó buộc tôi phải xem xét lại và rốt cuộc là từ bỏ cái vị thế ban đầu, tập tọng làm Nhà Tiên tri của tôi. Nằm trên giường vào chính cái đêm bị ruồng rẫy ấy, tôi rút sâu vào trong nội tâm của mình, mặc cho con Khỉ Đồng lấp đầy căn phòng màu xanh của bọn tôi với những lời vắn vẹo: “Nhưng mà anh làm thế *làm gì*, Saleem? Người lúc nào cũng vô cùng ngoan ngoãn như anh?”... tới khi nó ngủ thiếp đi trong bất mãn, môi vẫn mấp máy không thành tiếng, và tôi còn lại một mình với dư âm traten lộn đĩnh của cha tôi, lũng bùng bên tai trái, rì rầm: “Không Michael hay Anael; chẳng phải Gabriel; quên đi Cassiel, Sachiel và Samael! Các Đại thiên sứ không còn giao tiếp với người trần. Thần tụng đã được hoàn thành ở Ả Rập từ lâu; nhà tiên tri cuối cùng sẽ chỉ xuất hiện để báo hiệu Ngày Tận Thế.” Đêm đó, hiểu ra những giọng nói trong đầu mình vượt xa các thiên sứ về số lượng, tôi quyết định, không phải là không có chút nhẹ nhõm, rằng tôi cuối cùng đã không được chọn chủ trì ngày tận thế. Những giọng nói trong tôi, không có chút gì là hoảng hốt, hóa ra lại trần tục, và đông đảo, như cát bụi.

Ngoại cảm, phải rồi; cái kiểu quý vị vẫn luôn đọc được trên báo lá cải. Nhưng xin quý vị kiên nhẫn – chờ đợi. Chỉ đợi thôi. Nó là ngoại cảm thật; nhưng đồng thời còn hơn cả ngoại cảm. Đừng gạch tên tôi dễ dàng quá thế.

Ngoại cảm, phải rồi: tiếng độc thoại nội tâm của tất cả cái được gọi là ức triệu con người, của mọi tầng lớp và giai cấp, chen vai thích cánh trong đầu tôi. Ban đầu, khi tôi còn thỏa mãn với vai trò khán giả - trước khi tôi bắt đầu *hành động* – có một vấn đề về ngôn ngữ. Những giọng nói rầm rì bằng đủ thứ tiếng từ thổ ngữ Malayalam đến Naga, từ cái thuần khiết của tiếng Urdu ở Lucknow đến giọng líu ríu của tiếng Tamil miền Nam. Tôi chỉ hiểu đôi chút những gì được nói bên trong bốn vách sọ của mình. Chỉ sau này, khi bắt đầu thăm dò kỹ hơn, tôi mới phát hiện ra, dưới những tín hiệu bề mặt ấy – những chuyện bề nổi mà tôi “bắt” được từ đầu tới giờ - ngôn ngữ nhòa đi, và bị thay thế bằng những hình-thái-ý nghĩ mà bất kỳ ai cũng hiểu được và ưu việt vượt xa ngôn từ... nhưng đây là sau khi tôi nghe thấy, bên dưới sự hỗn loạn đa ngôn ngữ trong đầu mình, những tín hiệu quý giá kia, khác hẳn tất cả mọi thứ khác, hầu hết đều khế và xa xăm, như từng hồi trống vắng vọng mà nhịp đập dai dẳng cuối cùng đã xuyên qua cái lao xao chợ cá của những giọng nói trong tôi... những bí mật ấy, những tiếng gọi nửa đêm ấy, người gọi người giống mình... những ngọn đèn hiệu vô thức của những đứa trẻ của nửa đêm, không phát tín hiệu gì khác ngoài sự tồn tại của mình, truyền đi vồn vện: “Tôi.” Từ phương Bắc xa xăm, “Tôi.” Và Nam Đông Tây: “Tôi.” “Tôi.” “Tôi nữa.”

Nhưng tôi không được đi trước chính tôi. Ban đầu, trước khi đột phá đến cảnh giới hơn-cả-ngoại-cảm, tôi tự thỏa mãn với việc lắng nghe; và từ sớm tôi đã “chỉnh” được cái tai nội thể của mình hướng

về những giọng nói mà tôi hiểu được; và cũng không bao lâu sau tôi đã dò ra, trong đám đông, tiếng của gia đình tôi; và của Mary Pereira; và của bạn bè, bạn học, thầy cô. Ngoài phố, tôi học cách xác định dòng-suy-nghĩ của khách bộ hành – hiệu ứng Doppler tiếp tục vận hành ở những môi trường siêu nhiên này, những giọng nói cũng to lên và nhỏ dần khi người ta đi qua.

Tất cả những chuyện này, bằng cách nào đấy tôi đã giữ kín trong lòng. Bị nhắc nhở mỗi ngày (bởi tiếng ù trong tai trái, tức cái tai ma quái) về cơn thịnh nộ của cha tôi, và nóng lòng muốn giữ tai phải hoạt động tốt, tôi cảm như thóc. Với một thằng bé chín tuổi, nỗi khó khăn khi phải giấu kín điều mình biết gần như không thể vượt qua; nhưng may mắn thay, những người gần gũi nhất và thân yêu nhất cũng nóng lòng quên đi sự bông bột của tôi như tôi nóng lòng che giấu sự thật.

“Ôi, cậu Saleem! Gớm thay những gì cậu nói hôm qua! Thật là xấu hổ: cậu nên súc miệng xà phòng đi!”... Buổi sáng sau sự hổ nhục của tôi, Mary Pereira, run lên vì phần nộ như món thạch của cô, đề xuất phương thức hoàn hảo cho quá trình cải tạo của tôi. Gục đầu xuống về ăn năn, tôi đi, không nói câu nào, vào nhà tắm, và tại đó, dưới cái nhìn kinh ngạc của cô ayah và con Khi, chà xát răng lưỡi vòm họng lợi bằng cái bàn chải đánh răng phết thứ Xà phòng Coal Tar hơi cay đầy bột. Tin tức về màn sám hối đầy kịch tính của tôi lan nhanh khắp nhà, do Mary và con Khi truyền đi; và mẹ ôm lấy tôi, “Thế chứ, bé ngoan; chúng ta sẽ không nhắc chuyện này nữa,” Còn Ahmed Sinai gục gặc gầm gừ ở bàn ăn sáng, “Ít ra nó cũng biết dừng cảm nhận lỗi khi đùa quá trớn.”

Khi những vết thủy tinh cửa mờ dần, dường như những tuyên bố của tôi cũng bị xóa mờ theo; và đến sinh nhật thứ chín của tôi, ngoài tôi ra không ai còn nhớ gì đến cái ngày tôi đã đem các Đại Thiên sứ ra bốn cột. Vị thuốc tẩy còn bám trên lưỡi tôi suốt nhiều tuần, nhắc nhở tôi về sự cần thiết phải kín miệng.

Ngay cả con Khi Đồng cũng thỏa mãn với cách tôi trình diễn sự ăn năn – trong mắt nó, tôi đã lấy lại phong độ, và một lần nữa là Cô Tấm trong nhà. Để thể hiện sự sẵn lòng tái lập trật tự cũ, nó châm lửa đốt đôi dép ưa thích của mẹ tôi, và giành lại vị trí hợp pháp của mình trong sổ đen gia đình. Đối với người ngoài, còn nữa – thể hiện sự bảo thủ không ai có thể nghi ngờ ở một đứa con gái “liên anh” như thế - nó sát cánh với cha mẹ tôi gửi bí mật về phút lầm lạc của tôi với bạn bè của cả tôi lẫn nó.

Ở một đất nước nơi bất kỳ sự dị thường nào về thể chất hay thần kinh của đứa trẻ cũng là căn nguyên nỗi hổ nhục sâu xa của gia đình, cha mẹ tôi, những người đã quen với những vết bớt trên mặt, mũi dứa chuột và chân vòng kiềng, kiên quyết từ chối tìm thấy ở tôi bất kỳ điều gì đáng hổ thẹn nữa; về phần mình, tôi không một lần nào dă động đến tiếng ong ong ở tai đến tiếng chuông báo hiệu chứng điếc thi thoảng lại reo lên, đến những cơn đau rời rạc. Tôi học được rằng bí mật không phải lúc nào cũng xấu.

Nhưng hãy tưởng tượng sự náo loạn trong đầu tôi! Nơi, sau gương mặt xấu xí, trên cái lưỡi đầy vị xà phòng, sát bên mạng nhện bị thủng, ẩn náu một tâm trí không lấy gì làm ngăn nắp, chứa trăm thứ bả răn như túi áo một thằng bé lên chín... hãy tưởng tượng quý vị bằng cách nào đó ở trong đầu tôi nhìn ra qua đôi mắt tôi, nghe thấy những âm thanh, những giọng nói, và rồi không kể được với ai, điều khó nhất là giả bộ ngạc nhiên, như khi mẹ bảo Này Saleem đoán xem nhà ta sẽ đi dã ngoại ở Aarey Milk

Colony và tôi phải Ôii hay quá!, khi tôi đã biết tổng từ lâu vì nghe được giọng nói nội tâm không thành lời của bà Và vào ngày sinh nhật tôi nhìn thấy mọi món quà trong óc người tặng từ trước cả khi chúng được mở ra Và trò chơi tìm kho báu phá sản vì ở đó trong đầu cha tôi là vị trí của từng chỉ dẫn tới mọi giải thưởng Rồi những chuyện khó khăn hơn nhiều như chạy vào tìm cha tôi trong văn phòng ở tầng trệt, đây rồi, và ngay khi bước vào, đầu tôi đã tràn ngập những thứ nhớp nhúa cóChúamớibiết bởi vì ông đang nghĩ đến cô ả thư ký, Alice hoặc Fernanda, cô nàng Coca – Cola mới nhất của ông, ông chậm rãi lột đồ cô ả trong đầu mình và nó trong cả đầu tôi nữa, cô nàng trần truồng ngồi trên cái ghế mặt mây và bây giờ đứng dậy, những vết mắt lưới lẩn khuất trên mông, đây là cái cha tôi đang nghĩ, CHA TÔI, giờ ông nhìn tôi rất buồn cười Sao thế con trai con không khỏe à Dạ khỏe Abba khỏe ạ, con đi đây CON PHẢI ĐI CÓ VIỆC phải làm bài tập, Abba, và bỏ chạy, đông thẳng trước khi ông phát hiện ra vẻ khả nghi trên mặt tôi (cha tôi vẫn bảo rằng mỗi khi tôi nói dối trên trán tôi liền xuất hiện một tia sáng đỏ)... Quý vị bảo có khó không, cậu Hanif đến đưa tôi đi xem đấu vật, và từ trước khi đến sân vận động Vallabhai Patel trên đê biển Hornby Vellard tôi đã thấy buồn Chúng tôi hòa cùng đám đông đi qua hình nộm bìa cứng của Dara Singh và Tagra Baba và các võ sĩ khác và nỗi buồn của cậu, ông cậu yêu thích của tôi đang rót vào tôi, nó như một con thần lẩn sống ngay dưới bờ đậu ở sự vui tươi của cậu, ẩn giấu dưới tiếng cười rền vang một thời từng là tiếng cười của lão lái đò Tai, chúng tôi ngồi hai chỗ cực đẹp khi quảng sáng đèn pha nhảy múa trên lưng đôi đô vật đang khóa chặt nhau và tôi bị nghẹt trong gọng kìm không thể phá vỡ của nỗi buồn phiền của cậu tôi, nỗi buồn phiền vì sự nghiệp điện ảnh thất bại, hết bom xịt này đến bom xịt khác, có lẽ cậu sẽ chẳng bao giờ kiếm được bộ phim nào nữa Nhưng tôi không được để nỗi buồn ứa ra trên mặt Cậu chen vào dòng suy nghĩ của tôi, Này phaelwan, này chú nhóc đô vật, làm gì mà mặt chảy ra thế, trông dài hơn cả một bộ phim dở rồi, cháu ăn channa nhé? pakora? gì hả? Và tôi lắc đầu, Không, không có gì ạ, Hanif mamu, thế là cậu yên tâm, quay đi, bắt đầu hò hét Cổ lên Dara, phải thế chứ, cho hân nếm mùi vị đi, Dara yara! Và khi về nhà mẹ tôi đang ngồi xôm ngoài hành lang với hộp kem, nói bằng giọng-nói-bên-ngoài của bà, Muốn giúp mẹ làm kem không, con trai, vị hạt dẻ cười khoái khẩu của con đây, và tôi ngồi quay cái cần, nhưng giọng-nói-bên-trong của bà cứ nảy qua nảy lại bên trong đầu tôi, tôi có thể thấy bà đang cố gắng lấp đầy mọi góc ngách suy nghĩ của mình bằng những chuyện hằng ngày, giá cả chim, danh mục các việc vặt trong nhà, phải gọi tay thợ điện đến sửa cái quạt trần ở phòng ăn, bà đang tập trung một cách tuyệt vọng vào các bộ phận của chồng mình để yêu, nhưng cái từ không được phép nhắc tới kia vẫn án ngữ ở đó, hai âm tiết đã rỉ ra khỏi bà trong phòng tắm vào ngày hôm đó, Na Dir Na Dir Na, đôi với bà, việc gác máy khi có người gọi nhầm số ngày một khó khăn hơn ME TÔI tôi cho các vị biết khi một đứa trẻ chui vào những suy nghĩ của người lớn chúng có thể làm thằng bé phát điên thực sự. Và kể cả về đêm, vẫn không thôi, tôi thức dậy vào đúng nửa đêm với giấc mơ của Mary Pereira trong đầu Đêm này qua đêm khác Luôn vào cái giờ ma thịnh của tôi^[2], mà cũng có ý nghĩa đặc biệt với cô Giấc mơ của cô bị giày vò bởi hình ảnh của một gã đàn ông đã chết từ nhiều năm trước, Joseph D'Costa, giấc mơ mách cho tôi cái tên, nó phủ trong một lớp cảm giác tội lỗi tôi không hiểu được, đúng thứ tội lỗi vẫn rỉ sang tất cả chúng tôi mỗi lần chúng tôi ăn món chutney cô làm, ở đây có một điều bí ẩn, nhưng vì nó không ở bề mặt tâm trí cô nên tôi không thể tìm ra, và trong lúc ấy, Joseph ở đó, hằng đêm, đôi khi mang hình người, nhưng không phải luôn luôn, có khi gã là chó sói, hoặc ốc sên, hoặc cây chổi, nhưng chúng tôi (cô-mơ, tôi-nhìn vào) biết đó là gã, tà ác không dung tha đây về buộc tội, nguyên rửa cô bằng ngôn ngữ của những hóa thân của gã, tru lên với cô khi là Joseph-chó-sói, phủ lên cô những vết bò nhớp nhúa của Joseph-con-sên, quạt cô bằng đầu quét của cái chổi hóa thân của gã... và sáng ra khi cô bảo tôi tắm rửa sạch sẽ chuẩn bị đi học tôi phải nuốt vào những câu hỏi, tôi chín tuổi và bị lạc trong mớ hỗn độn những mảnh đời người khác đang nhòa lẫn với nhau trong cái nóng.

[2] Theo dân gian châu Âu, nửa đêm là giờ ma lực tối thịnh, là lúc phù thủy thi triển pháp thuật. Ý Saleem nói đây là lúc năng lực siêu nhiên của mình đạt đến cực điểm.

Để kết thúc câu chuyện về những ngày đầu cuộc sống được biến cải của mình, tôi phải bổ sung một lời thú tội đau lòng: tôi nhận ra mình có thể cải thiện đánh giá của bố mẹ về tôi bằng cách sử dụng năng lực mới này vào chuyện bài vở - nói ngắn gọn, tôi bắt đầu ăn gian ở lớp. Như thế nghĩa là, tôi bắt sóng giọng nói nội tâm của giáo viên và các bạn học thông minh hơn, và lấy thông tin từ trong đầu họ.

Tôi phát hiện ra rằng trong số thầy cô có rất ít người có thể ra đề kiểm tra mà không duyệt trước đáp án tối ưu trong đầu – và tôi cũng biết rằng trong những trường hợp hiếm hoi khi giáo viên còn bận tâm về việc khác, chuyện tình ái riêng tư hay khó khăn về tài chính, tôi vẫn luôn có thể tìm được lời giải trong bộ óc phát triển sớm, phi thường của thằng thần đồng lớp tôi, Cyrus-đại-đế. Điểm số của tôi bắt đầu cải thiện rõ rệt – nhưng không quá lộ liễu, vì tôi luôn luôn làm cho bài mình khác đi với bản gốc bị ăn trộm; kể cả khi đạo bằng ngoại cảm nguyên bài luận Anh văn của Cyrus, tôi cũng thêm thắt vài sửa đổi tầm thường của riêng tôi. Mục đích của tôi là để tránh bị hoài nghi; dù không thành công, song tôi cũng không bị phát hiện. Dưới cặp mắt sục sôi, tra xét của Emil Zagallo tôi vẫn thánh thiện đầy vô tội; trước sự ngỡ ngàng lắc đầu khó hiểu từ thầy Tandon dạy tiếng Anh, tôi tiến hành gian lận trong im lặng – biết rằng họ sẽ không tin sự thật ngay cả khi, vì tình cờ hay rò rỉ, tôi để lời đuôi.

Tóm lại là: vào thời khắc quyết định trong lịch sử quốc gia non trẻ của chúng ta, vào thời điểm các Kế hoạch Năm Năm đang được xây dựng và các cuộc bầu cử đang tới gần và những đoàn biểu tình ngôn ngữ đang giành giật Bombay, một đứa trẻ chín tuổi tên là Saleem Sinai bỗng có được một năng lực kỳ diệu. Bất chấp nhiều mục đích quan trọng mà năng lực ấy có thể được sử dụng phục vụ đất nước nghèo khổ, kém phát triển của mình, thằng bé đã quyết định che giấu tài năng, phung phí nó vào những trò thị dâm tằm phào và gian dối vụn vặt. Cách hành xử này – không phải, tôi thừa nhận, cách hành xử của anh hùng – là hệ quả trực tiếp của sự bán loạn trong tâm trí thằng bé, luôn lẫn lộn giữa đạo đức - khát vọng muốn làm điều đúng – và được lòng người khác – cái khát vọng có phần mơ hồ hơn là làm điều được tán thành. Sợ thất sủng với phụ huynh, nó bùng bít thông tin về sự biến hóa của mình; tìm kiếm sự tán dương từ phụ huynh, nó lạm dụng năng lực này ở trường. Khuyết điểm này trong tính cách của nó có thể được tha thứ một phần bởi tuổi đời non nớt; song chỉ có một phần thôi. Tư duy lẫn lộn sẽ còn đeo đẳng sự nghiệp của nó nhiều.

Tôi có thể rất khắt khe khi phán xét bản thân nếu muốn.

Thứ gì tọa lạc trên mái Nhà trẻ Breach Candy – cái mái, quý vị hẳn còn nhớ, có thể leo lên từ vườn trong Biệt thự Buckingham, chỉ cần trèo qua bức tường bao? Thứ gì, không còn khả năng thực hiện chức năng như thiết kế ban đầu, đã dỗi theo chúng tôi năm đó khi ngay đến mùa đông cũng quên trở lạnh – thứ gì đã quan sát Sonny Ibrahim, Mất Chẻ, Tóc Dầu và tôi, khi chúng tôi chơi kabaddi, và cricket kiểu Pháp, và ném tháp, thi thoảng có sự tham gia của Cyrus-đại-đế và những đứa bạn khác đến chơi: Perce Fishwala Mập và Keith Colaco Nội Tiết? Thứ gì có mặt mỗi khi Bi-Appah, bảo mẫu của Toxy Catrack, từ trên gác thượng nhà Homi quát vọng xuống: “Bọn nhãi ranh! Đồ phá làng phá xóm! Có im đi không!”... thế là cả bọn ù té chạy, rồi quay lại (khi bà ta đã mất dạng) làm mặt câm về phía ô cửa sổ bà ta vừa đứng? Nói tóm lại, đó là thứ gì, cao và xanh và bong tróc, trông xuống cuộc đời chúng tôi, thứ dường như, có một thời, là vật ghi dấu thời gian, chờ đợi không chỉ quãng thời gian sắp tới khi bọn tôi bắt đầu mặc quần dài, mà có lẽ còn chờ cả sự xuất hiện của Evie Burns? Có lẽ quý vị cần gợi ý: thứ gì có lần từng chứa bom? Đây là nơi Joseph D’Costa chết vì rắn cắn?... Khi, sau vài tháng dằn vặt nội tâm, rốt cuộc cũng muốn tìm nơi lẫn tránh tiếng người lớn, tôi đã tìm thấy nó ở ngọn tháp đồng hồ cũ, nơi không có ai buồn khóa cửa; và tại đây, giữa nỗi cô đơn của thời gian đang rỉ sét, tôi đã, trong tự mâu thuẫn, bước những bước ngập ngừng đầu tiên vào cuộc đời tiếng tăm mà tôi sẽ

không bao giờ thoát khỏi nữa... không bao giờ, tới khi mẹ Góa phụ...

Bị cấm cửa khỏi tủ giặt, tôi bắt đầu, khi nào có thể, thừa lúc không ai nhìn thấy lên vào ngọn tháp của thời gian què quặt. Khi ở vòng xuyên sạch bóng người vì trời nóng hay vì tình cờ hay vì ánh mắt soi mói; khi Ahmed cùng Amina đến Câu lạc bộ Willingdon chơi bài canasta buổi tối; khi con Khi Đồng vắng mặt, mãi lân la quanh các nữ thần tượng mới kiếm được, đội bơi lặn của Trường Nữ sinh Walsingham... tức là, khi hoàn cảnh cho phép, tôi lại chui vào nơi ẩn náu bí mật, nằm dài trên tấm thảm rơm lấy trộm từ dãy nhà của người ở, nhắm mắt lại, và thả cho bên tai nội thể vừa thức tỉnh (thông với mũi tôi, như mọi cái tai) tự do lang thang khắp thành phố - và xa hơn, từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây, lắng nghe đủ mọi chuyện. Để thoát khỏi áp lực khó gánh từ việc nghe trộm người thân, tôi đem thuật này học tập với người lạ. Như vậy việc tôi tham gia vào những vấn đề thời sự của Ấn Độ xuất phát hoàn toàn từ những lý do thấp hèn – rầu rĩ vì tiếp xúc với quá nhiều riêng tư, tôi sử dụng thể giới bên ngoài ngọn đồi nhà tôi để tiêu sấu.

Thế giới được khám phá từ ngôi tháp đồng hồ hồng: ban đầu, tôi chỉ là một du khách không hơn, một đứa trẻ dòm qua những cái lỗ kỳ diệu từ cỗ máy “Dilli-dekho” riêng tư. Tiếng trống dugduggee lóc cóc bên tai trái (đã hồng) của tôi khi tôi lần đầu nhìn thấy Taj Mahal qua đôi mắt một bà người Anh to béo bị tiêu chảy; sau đó để cân bằng giữa Nam và Bắc, tôi nhảy xuống đền Meenakshi ở Madurai và yên ấm tọa trong góc nhìn trùm lên, thần bí của một thầy tu đang tụng niệm. Tôi thăm thú Connaught Place tại New Delhi trong bộ dạng của một anh lái xe tuktuk, chua chát cảm râm với khách về việc xăng lên giá; ở Calcutta, tôi ngủ vạ vật trong một đoạn ống nước thải. Lúc này đã bị con bộ du hành cắn cho tôi tả, tôi lao xuống Mũi Comorin và biến thành một ả dân chài có tấm sari chặt bao nhiêu thì tiết hạnh lỏng bấy nhiêu... đứng trên cát đỏ dạt vào từ ba biển, tôi đóng đũa với một gã đồng nát bờ biển người Dravida bằng một thứ tiếng tôi không hiểu; rồi trèo lên dãy Himalaya, chui vào túp lều tiền sử rêu phong của một bộ lạc Goojar, dưới ánh hào quang của cây cầu vòng tròn tuyệt đối và tầng băng tích chên vênh của băng hà Kolahoi. Tại pháo đài vàng của Jaisalmer tôi nếm thử cuộc sống nội tâm của một phụ nữ dệt váy đính thủy tinh và ở Khajuraho tôi là một cậu trai làng đang tuổi lớn, bồi rối tột độ trước những bức phù điêu Tantra hoa tình ở đền Chandela tọa giữa cánh đồng, nhưng chẳng thể móc mắt mình ra được... trong cái giản đơn lạ lẫm của viễn du tôi tìm được một chút bình yên. Nhưng, cuối cùng, viễn du cũng thôi không thỏa mãn; cơn tò mò bắt đầu ngo ngoáy; “Thử xem,” tôi tự nhủ, “điều gì đang thực sự diễn ra quanh đây.”

Được cái tinh thần chiết trung của tuổi lên chín thôi thúc, tôi nhảy vào đầu các ngôi sao điện ảnh và cầu thủ bóng chày – tôi biết được sự thật đằng sau câu chuyện lá cải của tờ *Filmfare* về vũ công Vyjayantimala, và tôi đứng trên vạch với Polly Umrigar tại sân vận động Brabourne; tôi là Lata Mangeshkar ca sĩ hậu trường^[3] và Bubu anh hề ở rạp xiếc phía sau khu Civil Lines... và một cách tất yếu, từ quá trình nhảy-cóc-tâm-trí ấy, tôi khám phá ra chính trị.

[3] Playback singer, ca sĩ chuyên thu âm giọng hát trong những bộ phim ca nhạc để diễn viên hát nhép theo.

Lần này tôi là một tay địa chủ ở Uttar Pradesh, mỡ bụng trùm lên dải rút quần khi ra lệnh cho nông nô châm lửa đốt ngũ cốc thừa... lần khác tôi chết đói ở Orissa, nơi vẫn thiếu lương thực như thường lệ: tôi hai tháng tuổi và mẹ tôi đã kiệt sữa. Tôi chiếm lĩnh, trong giây lát, tâm trí một nhân viên đảng Quốc

đại, đang dứt lốt một ông giáo làng để ông ta đem uy tín ủng hộ cho đảng của Gandhi và Nehru tại chiến dịch tranh cử sắp tới; và cả suy nghĩ của một nông dân Kerela người đã quyết định bầu cho đảng Cộng sản. Độ táo tợn của tôi tăng dần: một buổi chiều nọ tôi cố ý xâm nhập vào đầu ngài Thủ hiến Bang, do vậy tôi phát hiện ra, hơn hai mươi năm trước khi nó thành trò cười khắp nước, rằng Morarji Desai hằng ngày đều “uống nước của mình”... tôi ở trong ông ta, nếm thấy vị ẩm khi ông ta ừng ực tu hết cốc nước tiểu sỏi bọt. Và cuối cùng tôi đạt đến đỉnh cao: tôi hóa thành Jawaharhal Nehru, Thủ tướng và tác giả của bức thư lồng khung kính: tôi ngồi với con người vĩ đại ấy giữa một đám chiêm tinh gia rằng khuyết, râu xồm mà điều chỉnh Kế hoạch Năm Năm sao cho nó hài hòa với nhạc điệu của các vì tinh tú... đời sống thượng lưu là chuyện rất đau đầu. “Nhìn ta đây!” tôi hãnh diện trong im lặng. “Ta có thể đi bất cứ nơi nào ta muốn!” Ở tòa tháp nơi có lần từng chất đầy tận nóc thứ thuốc nổ của lòng thù hận của Joseph D’Costa, cụm từ này (đi kèm hiệu ứng âm thanh tích tắc phù hợp) nảy ra hoàn chỉnh trong tâm trí tôi: “Ta là quả bom ở Bombay... xem ta nổ đây!”

Vì trong tôi bỗng nảy sinh cảm giác rằng tôi bằng cách nào đó đang tạo ra một thế giới; rằng những suy nghĩ mà tôi nhảy vào ấy chính là *của tôi* rằng những cơ thể tôi chiếm lĩnh hành động theo lệnh tôi; rằng, khi thời sự, nghệ thuật, thể thao, toàn bộ sự đa dạng phong phú của một đài phát thanh hạng-nhất rót vào trong tôi, tôi bằng cách nào đó đang *khiến chúng xảy ra*... như thế để nói rằng, tôi đã lâm vào ảo tưởng của người nghệ sĩ, và xem hằng hà sa số sự vật hiện tượng trên xứ sở này là thứ vật liệu thô chưa định hình của tài năng ở tôi. “Cái quái gì ta cũng tìm ra được!” tôi đắc thắng “Chẳng có gì là ta không thể biết!”

Hôm nay, với sự chiêm nghiệm từ những năm tháng đã qua, đã mất, tôi có thể nói rằng cái tinh thần vĩ đại hóa bản thân chiếm lĩnh tôi hồi ấy là một phản xạ, sinh ra từ bản năng tự phòng vệ. Ví thử tôi không tin rằng chính chính mình nắm quyền kiểm soát đám đông thác lũ ấy, tập hợp các bản thể đó hẳn đã hủy diệt bản thể của tôi... nhưng ở đó trong tháp đồng hồ của mình, ngập tràn sự tự mãn của con phản kích, tôi hóa thành Sin, vị thần mặt trăng cổ đại (không, không phải của Ấn Độ: tôi đã du nhập ông ta từ miền Hadhramaut xa xưa), có năng lực hành-động-từ-xa và thay đổi thủy triều của thế giới.

Nhưng cái chết, khi viếng thăm Điện trang Methwold, vẫn làm tôi bất ngờ.

Mặc dù việc đóng băng tài sản đã kết thúc từ nhiều năm trước, vùng dưới thắt lưng của Ahmed Sinai vẫn tiếp tục lạnh như băng. Kể từ cái ngày ông kêu lên, “Bọn con hoang nhét hai hòn của tôi vào xô đá rồi!”, và Amina đã áp chúng vào tay để ủ ấm khiến ngón tay bà dính vào chúng vì lạnh, bộ phận sinh dục của ông đã chuyển sang ngủ đông, một con ma mút trong khối băng, như con người ta tìm thấy ở Nga năm 56. Mẹ tôi Amina, người kết hôn để có con, cảm thấy từng sự sống chưa thành hình mục ruỗng trong tử cung bà và tự oán trách mình vì đã trở nên không quyến rũ đối với chồng, vì đám mụn cóc rồi các thứ. Bà tâm sự về nỗi buồn này với Mary Pereira, nhưng người ayah chỉ bảo bà rằng chẳng thể tìm được niềm vui nào ở “bọn đàn ông”; họ vừa nói chuyện vừa cùng làm rau quả dầm, và Anima khuấy những thất vọng của bà vào một món chutney chanh cay không bao giờ thất bại trong việc làm người ăn trào nước mắt.

Mặc dù giờ làm việc của Ahmed Sinai tràn ngập mơ tưởng về các cô nàng thư ký khóa thân nhận lệnh, những viễn cảnh về các cô nàng Fernanda hay Poppy đi lại giữa phòng trong bộ trang phục ngày họ ra đời với vết ghé mây lằn ngang dọc trên mông, cái cơ quan kia của ông nhất định không đáp ứng; và một ngày, khi cô Fernanda hay Poppy thật đã ra về, ông đang chơi cờ cùng bác sĩ Narlikar, thì cái lưỡi (cũng như nước cờ của ông) bị các tử tinh làm mềm ra, và ông vụng về thú nhận, “Narlikar, tôi có vẻ đã hết hứng thú với chuyện ấy rồi.”

Một ánh vui mừng tỏa ra từ viên bác sĩ phụ khoa bừng sáng; gã cuồng hạn chế sinh đẻ trong con người viên bác sĩ da sẫm, phát sáng nhào ra từ mắt ông ta và thốt nên bài diễn văn này: “Hoan hô!” Bác sĩ Narlikar kêu lên, “người anh em Sinai, *phải thế chứ!* Anh – và, tôi xin phép, tôi – phải, anh và tôi, Sinai bhai, là những con người có phẩm giá tinh thần hiếm hoi! Những sự ô nhục hào hển của xác thịt không dành cho chúng ta – há chẳng phải là điều tốt đẹp hơn sao, tôi hỏi anh, khi kiêng cử sinh đẻ - khi tránh đưa thêm một sinh linh khốn khổ nữa vào đám đông lúc nhúc đang ăn mày đất nước ta lúc này, thay vào đó, dồn sinh lực cho nhiệm vụ cho họ *thêm đất để trú chân?* Tôi nói anh hay, bạn ạ: anh và tôi và những khối tetrapod của ta: từ chính đại dương ta sẽ sản sinh ra đất!” Để thánh hóa bài diễn thuyết này, Ahmed Sinai lại rót rượu; cha tôi và Bác sĩ Narlikar nâng ly vì giấc mơ bê tông bốn chân của họ.

“Đất, đúng! Tình, không!” Bác sĩ Narlikar nói, giọng hơi run; cha tôi lại rót đầy cốc của mình.

Cho đến những ngày cuối năm 1956, giấc mơ lần biến với sự trợ giúp của hàng nghìn hàng nghìn khối tetrapod bê tông lớn – chính cái giấc mơ là căn nguyên gây ra vụ đóng băng – còn giờ đây là, với cha tôi, một hình thức thay thế cho sinh hoạt tình dục mà hậu quả của cuộc đóng băng đã tước đi của ông – có vẻ thực sự sắp đơm hoa kết trái. Tuy nhiên, lần này, Ahmed Sinai đã thận trọng trong việc tiêu tiền; lần này ông giấu mặt sau hậu trường, và tên ông không xuất hiện trên một giấy tờ nào; lần này, ông đã học được những bài học từ vụ đóng băng và quyết tâm gây chú ý về mình càng ít càng tốt; thế nên khi Bác sĩ Narlikar phản bội ông bằng cách lặn ra chết, không để lại tài liệu gì về sự tham gia của cha tôi vào dự án tetrapod, Ahmed Sinai (người có xu hướng, như ta đã thấy, phản ứng tiêu cực trước tai họa) bị nuốt chửng vào miệng con rắn dài của sự suy sụp mà từ đó ông sẽ không trỗi dậy được cho tới khi, vào những ngày cuối đời, ông rút cuộc đã tìm thấy tình yêu với vợ mình.

Đây là câu chuyện đồn về đến Điện trang Methwold: Bác sĩ Narlikar đến thăm bạn gần Marine Drive; kết thúc chuyến thăm, ông quyết định thả bộ xuống Bãi biển Chowpatty làm một đĩa bhel-puri và ít sữa dừa. Đi thoăn thoắt dọc vỉa hè cạnh con đê biển, ông bắt kịp khúc đuôi một đoàn diễu hành ngôn ngữ đang di chuyển chậm rãi, hát trong hòa bình. Bác sĩ Narlikar tới gần nơi, được sự cho phép của Hội đồng Thành phố, ông đã cho đặt một khối tetrapod biểu trưng, độc nhất trên con đê biển, như một hình thức biểu tượng chỉ đường đến tương lai; và ở đây ông để ý thấy một chuyện khiến ông mất đi lý trí. Một toán phụ nữ ăn xin đã bu quanh khối tetrapod và đang làm lễ *puja*. Họ thắp đèn dầu dưới chân khối bê tông; một người đã vẽ biểu tượng chữ *Om* lên đầu ngọn của nó; họ vừa cầu nguyện vừa tẩy rửa cho khối tetrapod một cách kỹ lưỡng và thành kính. Điều kỳ diệu của công nghệ đã bị biến

thành Shiva-linga; Bác sĩ Narlikar, đích thủ của sự sinh sản, diên đại lên trước cảnh tượng này, điều khiến ông cảm thấy như tất cả các lực lượng xa xưa đen tối cường dương của Ấn Độ cổ đại, phần thực đã được giải phóng lên cái vẻ đẹp của bê tông vô sinh thế kỷ 20... xông thẳng đến, ông chửi rửa đám người đang hành lễ, tỏa sáng dữ dội trong cơn thịnh nộ; tới nơi, ông đá văng những ngọn đèn *dia* nhỏ của họ; người ta kể ông còn toan đẩy họ. Và ông bị cặp mắt của những người điều hành ngôn ngữ bắt gặp.

Tại những người điều hành ngôn ngữ nghe thấy sự tục tằn của lưỡi ông; chân những người điều hành đứng lại, giọng họ cao lên phê phán. Những nắm đầm run lên; những tiếng chửi văng ra. Thế là ông bác sĩ tử tế, giận quá mất khôn, quay sang đám đông mà phỉ báng động cơ của họ, hậu duệ của họ, chị em của họ. Im lặng bao trùm và thực thi quyền lực của nó. Im lặng hướng những đôi chân người điều hành về phía viên bác sĩ phụ khoa tỏa sáng, đứng giữa khối tetrapod và đám đàn bà rên rỉ. Trong im lặng những bàn tay điều hành vươn tới Narlikar và trong cảm nín ông bầu chặt khối bê tông bốn chân khi họ cố lôi ông về phía họ. Trong vô thanh tuyệt đối, cơn khiếp đảm cho Bác sĩ Narlikar sức mạnh của loài hà; tay ông dính chặt vào khối tetrapod không thể tách ra. Đám người điều hành dồn sức lên khối tetrapod... trong lặng lẽ họ bắt đầu lắc nó; trong cảm lặng sức mạnh của số đông áp đảo trọng lượng của nó. Trong một buổi tối bị chế ngự bởi sự tĩnh lặng ma quỷ khối tetrapod nghiêng đi, chuẩn bị trở thành cá thể đầu tiên thuộc loại này hạ thủy và bắt đầu sự nghiệp lấn biển vĩ đại. Bác sĩ Suresh Narlikar, miệng há ra thành một chữ A không thành tiếng, bám vào nó như một động vật thân mềm phát sáng... người và khối bê tông bốn chân rơi xuống không một tiếng động. Nước bắn lên phá tan ma thuật.

Người ta bảo khi Bác sĩ Narlikar rơi xuống và bị nghiền chết dưới trọng lượng vật ám ảnh yêu dấu của ông, không ai gặp khó khăn gì để xác định vị trí thi thể bởi vì nó phát sáng lung linh xuyên qua làn nước như một đồng lửa.

“Mày có biết chuyện gì không?” “Ê mày, vụ gì thế?” - bọn trẻ con, trong đó có tôi, tụ tập ngoài bờ rào khuôn viên Biệt thự Escorial, nơi có căn hộ độc thân của Bác sĩ Narlikar; và một người hamal của gia đình Lila Sabarmati, lấy vẻ đau buồn trang trọng, thông báo với chúng tôi, “Họ đã đưa thi hài ông ấy về, liệm trong lụa.”

Tôi không được vào xem thi hài Bác sĩ Narlikar khi nó nằm bọc trong hoa nghệ trên chiếc giường đơn cứng; nhưng kiểu gì tôi cũng biết hết, bởi tin tức về nó lan xa khỏi phạm vi căn phòng của ông. Chủ yếu tôi nghe từ đám người hầu ở Điện trang, những người thấy rất tự nhiên khi công khai nói về cái chết, nhưng lại hiếm khi nói gì nhiều về cuộc sống, vì trong cuộc sống mọi thứ đều hiển nhiên. Từ chính người hầu của Bác sĩ Narlikar, tôi biết rằng cái xác, do nuốt một lượng lớn nước biển, tiếp thu các đặc tính của nước: nó đã trở thành một khối lỏng, và nhìn vui, buồn hay vô cảm còn tùy thuộc vào cách ánh sáng rọi vào nó. Người làm vườn nhà Homi Catrack cụt lùn nói: “Nhìn xác chết quá lâu rất nguy hiểm; hoặc ta sẽ hấp thu một phần của nó vào người, rồi còn hậu quả nữa.” Tội tôi hỏi: hậu quả? hậu quả gì? hậu quả nào? ra sao? Và Purushottam vị ẩn giả, lần đầu tiên trong nhiều năm đã rời vị trí

dưới vòi nước ngoài Biệt thự Buckingham, bảo: “Xác chết khiến người sống nhìn thấy bản thân quá rõ ràng; sau khi đối diện với nó, họ bị phóng đại lên.” Kết luận khác thường này, kỳ thực, xuất phát từ thực tế, bởi sau đây, Bi-Appah bảo mẫu của Toxy Catrack, người giúp tắm rửa cho xác chết, trở nên the thé hơn, cáu bẳn hơn và đáng sợ hơn bao giờ hết; và hình như bất kỳ ai đã thấy xác Bác sĩ Narlikar trong thời gian nằm quan đều bị ảnh hưởng, Nussie Ibrahim trở nên ngu ngốc hơn và vệt hơn, và Lila Sabarmati, ở căn hộ trên đầu người chết và đã giúp dọn dẹp phòng ốc, kể từ đó đã nhượng bộ thói trăng hoa vốn luôn tiềm ẩn trong cô ta, và dần thân vào một con đường sẽ kết thúc bằng những viên đạn, và ông chồng Trung tá Hải quân Sabarmati điều khiển giao thông trên con đường Colaba bằng cây dùi cui bất thường nhất...

Gia đình tôi, tuy nhiên, tránh xa xác chết. Cha tôi nhất định không đi viếng và không bao giờ nhắc đến tên người bạn quá cố, chỉ gọi ông ta là: “quân phản bội”.

Hai ngày sau, khi báo đưa tin, Bác sĩ Narlikar đột nhiên có một gia đình khổng lồ toàn họ hàng là phụ nữ. Suốt đời là người độc thân và thù ghét đàn bà, ông lại bị nhận chìm, khi chết, dưới một biển các mục đàn bà đồ sộ, rậm rĩ, bát diện oai phong, bò ra từ mọi góc ngách của thành phố, từ chân vắt sữa bò tại công ty Sản phẩm sữa Amul đến các phòng vé rạp phim, từ những quầy soda vỉa hè đến những cuộc hôn nhân không hạnh phúc; vào một năm của những cuộc tuần hành những người đàn bà nhà Narlikar hình thành đoàn diễu hành của riêng họ, một dòng chảy vĩ đại của nữ tính ngoại cỡ đổ lên ngọn đồi hai tầng nhà chúng tôi để nhồi vào căn hộ Bác sĩ Narlikar chật ních đến nỗi từ dưới đường nhìn lên có thể thấy khuỷu tay họ nhô ra khỏi cửa sổ và móng họ tràn ra hiên nhà. Suốt một tuần mọi người đều mất ngủ vì không khí ngập tràn tiếng than khóc của đám đàn bà Narlikar; nhưng bên dưới sự gào rú ấy, họ đã chứng tỏ oai phong đúng như bề ngoài. Họ chiếm quyền quản lý Nhà Hộ sinh; họ điều tra mọi thỏa thuận làm ăn của Narlikar; và họ cắt cha tôi khỏi dự án tetrapod một cách lạnh lùng hết mức. Sau ngàn ấy năm, cha tôi chẳng còn lại gì ngoài một cái lỗ ở túi áo, trong khi đám đàn bà đem xác Narlikar đến Banares để hỏa thiêu, và những người hầu ở Điện trang thì thảo với tôi rằng họ nghe nói tro của ông Bác sĩ được rải xuống dòng sông Hằng linh thiêng ở bậc thềm M anikarnika lúc trời sẩm tối, nhưng chúng không chìm, mà lênh bênh trên mặt nước như một đàn đom đóm nhỏ li ti, và bị cuốn trôi ra biển, nơi ánh sáng kỳ dị của chúng hẳn đã làm kinh sợ thuyền trưởng của những con tàu.

Về phần Ahmed Sinai: tôi thề rằng từ sau cái chết của Narlikar và sự xuất hiện của những người đàn bà, ông bắt đầu, theo nghĩa đen, phai màu... dần dần, da ông bọt ra, tóc ông mất màu, đến khi chỉ sau vài tháng ông trở nên trắng tuyết đối, trừ màu sẫm của đôi mắt (Mary Pereira bảo Amina: “Ông ta lạnh lẽo từ trong máu; nên giờ da ông ấy mới đóng băng, băng trắng như tử lạnh.”) Tôi phải nói, với tất cả sự thành thực, rằng mặc dù tỏ vẻ lo âu vì sự biến đổi của mình thành da trắng, rồi đi khám bác sĩ này kia, ông lại ngấm ngấm hài lòng khi họ không giải thích nổi vấn đề hay kê được đơn thuốc, vì đã từ lâu ông ghen tị với sự phân bổ sắc tố của người châu Âu. Một hôm, khi đã được phép cười đùa trở lại, (một khoản thời gian tương đối đã qua từ cái chết của Bác sĩ Narlikar), ông bảo Lila Sabarmati vào giờ cocktail: “Ai ưu tú dưới da đều trắng cả; tôi chỉ là đã ngừng giả bộ đấy thôi.” Hàng xóm của ông, da ai nấy đều sẫm hơn, cười lịch sự và cảm thấy hổ thẹn một cách lạ lùng.

Chứng cứ gián tiếp đã cho thấy cú sốc về cái chết của Narlikar là nguyên nhân mang đến cho tôi

một ông bố bạch tuyết để đặt cạnh bà mẹ đen huyền; nhưng (mặc dù tôi không biết quý vị sẵn sàng nuốt được bao nhiêu) tôi sẽ đánh bạo đưa ra một cách giải thích khác, một lý thuyết được phát triển trong sự riêng tư trù tượng của ngôi tháp đồng hồ của tôi... bởi vì qua những cuộc du hành tâm linh thường xuyên của mình, tôi đã phát hiện một điều khá kỳ lạ: suốt chín năm đầu Độc lập, một hiện tượng rối loạn sắc tố tương tự (mà bệnh nhân đầu tiên được ghi nhận có lẽ là Quận chúa xứ Cooch Naheen) đã hành hạ một phần không nhỏ giới doanh nhân cả nước. Trên khắp Ấn Độ, tôi chạm mặt nhiều doanh nhân người Ấn thành đạt, họ phát tài nhờ Kế hoạch Năm Năm lần một, vốn tập trung xây dựng ngành thương nghiệp... những người đã hoặc đang trở nên rất, rất đổi nhợt nhạt! Đường như những nỗ lực phi thường (thậm chí anh dũng) của việc tiếp quản từ người Anh và trở thành chủ nhân vận mệnh của chính mình đã vắt kiệt màu sắc trên má họ... trong trường hợp này, có lẽ cha tôi là nạn nhân muộn màng của một hiện tượng phổ biến, tuy không mấy ai chú ý. Giới doanh nhân Ấn Độ đang ngả trắng.

Như vậy là đủ cho một ngày nghiền ngẫm. Nhưng Evelyn Lilith Burns sắp tới; Pionee Café đã gần đến đau lòng và – thiết yếu hơn – những đứa trẻ khác của nửa đêm, trong đó có Shiva bản thể đối lập của tôi, hấn với đôi đầu gối chết chóc, đang thúc ép dữ dội. Sớm thôi, những vết nứt sẽ đủ rộng để chúng thoát ra...

Nhân tiện: đầu đó vào cuối năm 1956, có nhiều khả năng là anh hát rong kiêm người chồng mọc sừng Wee Willie Winkie cũng đã qua đời.

Chương 13: Tình yêu ở Bombay

Rong Ramzàn, tháng nhịn ăn, chúng tôi đi xem phim đều đặn hết mức có thể. Sau khi bị lay tỉnh lúc năm giờ sáng dưới bàn tay cần mẫn của mẹ tôi; sau bữa sáng trước bình minh với dưa hấu và nước chanh đường, và đặc biệt vào hăng sáng Chủ nhật, con Khỉ Đông và tôi luân phiên (hoặc đôi khi đồng thanh) nhắc nhở Amina: “Buổi chiều mười rưỡi sáng! Hôm nay là ngày Metro Cub Club^[1], Amma, đi mààà!” Sau đó là chuyến đi trên chiếc Rover đến rạp chiếu bóng nơi chúng tôi chẳng được chén Coca-Cola hay khoai tây chiên, không kem Kwaliti hay samosa bọc trong giấy nhòn mỡ; nhưng ít nhất thì ở đó cũng có điều hòa, rồi phù hiệu Cub Club gắn trên quần áo, rồi các cuộc thi, rồi tuyên bố sinh nhật do người dẫn chương trình có hàng rìa thừa thực hiện; và rốt cuộc, bộ phim, sau phần trailer với lời thiệu “Bom Tấn Tiếp Theo” hay “Sắp Khởi Chiếu”, rồi phim hoạt hình (“Sắp Đến Rồi, Bộ Phim Lớn, Nhưng Trước Hết...!”): *Quentin Durward*, có thể, *Scaramouche*. “Táo tợn!” bọn tôi sẽ bạo nhau khi hết phim, vào vai nhà phê bình; rồi, “Một phim giải trí om sòm, tục tĩu!” – dù cả bọn chẳng biết thế nào là táo tợn với tục tĩu. Gia đình tôi không siêng cầu nguyện lắm (trừ dịp Eid-ul-Fitr^[2], khi cha tôi đưa tôi đến nhà thờ vào thứ Sáu để đón ngày lễ bằng cách thả mùi soa quanh đầu tôi rồi giũ trán tôi xuống đất) ... nhưng bọn tôi luôn sẵn lòng nhịn ăn, vì mê rạp chiếu bóng.

[1] Metro là một rạp chiếu phim lớn ở Bombay, ra đời năm 1938, có chính sách chiếu phim ưu đãi vào cuối tuần dành cho trẻ em (Cub Club có nghĩa là Câu lạc bộ Thiếu Nhi).

[2] Kỳ lễ kéo dài ba ngày, kết thúc tháng ăn chay Ramadan.

Evie Burns và tôi cùng nhất trí: ngôi sao điện ảnh vĩ đại nhất thế giới là Robert Taylor. Tôi thích Jay Silverheels trong vai Tonto; nhưng kenmo-sabay^[3] của anh, Clayton Moore, theo ý tôi, quá béo để vào vai chàng Kỵ sĩ Độc hành.

[3] Biệt danh Tonto dùng để gọi chàng Kỵ sĩ Độc hành.

Evelyn Lilith Burns đến vào ngày đầu năm mới, 1957, cùng ông bố góa vợ của nàng dọn đến một căn hộ ở một trong hai tòa nhà bê tông chề bề, xấu xí đã mọc lên, mà hầu như không ai để ý, ở mặt thấp hơn của ngọn đồi nhà tôi, và được phân chia một cách kỳ lạ: người Mỹ và những người ngoại quốc khác sống (như Evie) ở Noor Ville; những câu chuyện thành công của người Ấn mới phát kết thúc ở Laxmi Vilas. Từ độ cao của Điện trang Methwold, chúng tôi trông xuống tất cả bọn họ, da trắng cũng như da nâu; nhưng chưa một ai dám trông xuống Evie Burns – trừ một lần. Chỉ duy nhất một lần có người được leo lên trên nàng.

Trước khi tôi xỏ vào chân chiếc quần dài đầu đời, tôi đã phải lòng Evie; nhưng tình yêu, năm ấy, là một điều kỳ lạ, phản ứng dây chuyền. Để tiết kiệm thời gian, tôi sẽ đặt cả bọn lên cùng một hàng ghế trong rạp Metro; Robert Taylor được phản chiếu trong mắt bọn tôi khi cả bọn ngồi trong cơn mê chớp bóng – và theo thứ tự mang tính biểu tượng: Saleem Sinai ngồi-bên-cạnh-và-đem-lòng-yêu Evie Burns người ngồi-bên-cạnh-và-đem-lòng-yêu Sonny Ibrahim người ngồi-bên-cạnh-và-đem-lòng-yêu con Khỉ Đổng người ngồi bên cạnh lối đi và đang đói muốn chết... Tôi yêu Evie trong khoảng sáu tháng cuộc đời mình; hai năm sau, nàng trở về Mỹ, cầm dao đâm một bà già và bị gửi vào trường giáo dưỡng.

Một sự bày tỏ ngắn gọn lòng biết ơn của tôi ở thời điểm này là thích hợp: nếu Evie không đến sống giữa chúng tôi, câu chuyện đời tôi có lẽ đã chẳng bao giờ vượt khỏi những chuyến-du-lịch-trong-tháp-đồng-hồ và ăn gian ở lớp... và sẽ không có cao trào ở một nhà trọ cho góa phụ, không có bằng chứng rõ ràng về ý nghĩa của tôi, không có hồi kết tại một nhà máy nức mùi nơi có sự ngự trị của hình hài nhảy múa nhấp nháy, màu nghệ-và-lục của nữ thần Mumbadevi bằng đèn neon. Nhưng Evie Burns (nàng là rắn hay thang? Câu trả lời quá hiển nhiên: *cả hai*) đã đến, hoàn mỹ với chiếc xe đạp màu bạc đã giúp tôi không chỉ khám phá ra những đứa trẻ nửa đêm, mà còn đảm bảo việc chia cắt Bombay sẽ thành hiện thực.

Để bắt đầu với buổi đầu: tóc nàng làm bằng rom nhồi bù nhìn, da nàng rắc rải đầy tàn nhang và răng nàng ngu trong lòng kim loại. Hàm răng này dường như là thứ duy nhất trên trái đất mà trước nó nàng bất lực – chúng mọc bừa bãi, chen chúc chồng lấn nhau một cách hiểm ác, làm nàng đau ghê gớm mỗi khi ăn kem (tôi tự cho phép mình khái quát vấn đề: người Mỹ đã làm chủ vũ trụ, nhưng lại không thể kiểm soát được miệng mình; trong khi đó Ấn Độ thì bất lực, nhưng những đứa con của nó lại có xu hướng sở hữu hàm răng hoàn hảo).

Bị chứng nhức răng hành hạ, Evie của tôi hào hùng vượt lên khỏi cơn đau. Từ chối thần phục trước xương và lợi, nàng ăn bánh và uống Coca mỗi khi nhức răng; và không một lần ca thán. Một đứa trẻ cứng cỏi, Evie Burns: cuộc chế phục nỗi đau đón đã khẳng định quyền uy của nàng với tất cả chúng tôi. Người ta tổng kết rằng mọi người Mỹ đều cần một biên giới: đau đón là biên giới của nàng, và nàng quyết tâm mở rộng nó.

Có lần, tôi bèn lên đưa cho nàng một vòng hoa đeo cổ (bà-hoàng-của-đêm^[4] cho Lily-of-the-eve^[5] của tôi), mua từ một bà hàng rong trên Scandal Point bằng tiền tiêu vặt của tôi. “Đây không đeo hoa,” Evelyn Lilith nói, và tung chuỗi hoa bị hất hủi lên trời, xé toạt nó trước khi rơi xuống bằng một viên đạn từ khẩu súng hơi Daisy bách phát bách trúng của nàng. Tàn hủy hoa bằng một khẩu Daisy^[6], nàng đã chính thức tuyên cáo rằng nàng không bao giờ chịu xiềng xích, dù chỉ bởi một vòng hoa: nàng là lily-of-the-eve^[7] đồng bóng quay cuồng của chúng tôi. Là Eva nữa. Trái táo của Adam trong mắt tôi^[8].

[4] Một tên gọi của hoa dạ hương, vốn rất phổ biến ở vùng Tây Ấn.

[5] Hoa dạ bách hợp. Rushdie chơi chữ: Evie đọc gần giống eve, Lilith đọc gần giống Lily.

[6] Nghĩa là hoa cúc.

[7] Lill (Lilith) của ngôn Đồi (nơi tọa lạc của Diền trang Methwold).

[8] Rushdie chơi chữ: trái táo của Adam liên hệ đến câu chuyện trái cấm trong Kinh Thánh. Đồng thời *apple of one's eyes* trong tiếng anh có nghĩa là niềm kiêu hãnh tình yêu của ai đó.

Nàng xuất hiện ra sao: Sonny Ibrahim, Mất Chẻ và Tóc Dầu Sabarmati, Cyrus Dubash, con Khi Động và tôi đang chơi cricket Pháp tại vòng xuyên giữa bốn tòa cung điện của Methwold. Cuộc chơi Đầu Năm Mới: Toxy vỗ tay trên cửa sổ có chân song; ngay cả Bi-Appah cũng đang vui vẻ và, không một lần, rửa xả bọn tôi. Cricket – kể cả cricket kiểu Pháp, và kể cả đồ trẻ con chơi – vẫn là một trò chơi lạng lẹ: hòa bình xúc dầu lạnh. Tiếng da và gỗ liễu chạm nhau; tiếng vỗ tay lác đác; tiếng thét thi

thoảng^[9] - “Ném! Ném đi, thưa ngài!” – “Không thì *seo??*” Nhưng nàng Evie cười xe đạp không tiêu hóa được mấy thứ đó.

[9] Da và gỗ liễu: quả bóng chơi cricket khâu bằng da, còn cây gậy làm bằng gỗ liễu.

“Ê, mày! Kẻ lũ chúng mày! Ê lèmseothếhử? Bọn mày điếc rồi à?”

Tôi đang vụt bóng (phong nhã như Ranji, dũng mãnh như Vinoo Mankad) khi nàng phóng lên đồi trên chiếc xe hai bánh, tóc rơm tung bay, tàn nhang rực cháy, niềng răng nhấp nháy những thông điệp dạng tín hiệu đèn dưới ánh mặt trời, một con bù nhìn cười viên đạn bạc... “Ê, đồ thò lò mũi xeng! Đừng xem quả bóng ngu ngác ấy nữa, đồ hãm tài! Để tao cho mài xem cái đáng xem!”

Không thể khắc họa Evie Burns mà không vẽ nên một chiếc xe đạp; và không phải bất cứ chiếc xe hai bánh nào, mà là chiếc cuối cùng của dòng xe cổ trứ danh, một chiếc Arjuna Indiabike mới coóng, tay lái kiểu xe đua quần băng, năm tầng líp và yên bọc vải giả da báo. Và khung xe màu bạc (màu, tôi khỏi cần nhắc quý vị, con chiến mã của Kỵ sĩ Độc hành)... Mắt Chẻ nhếch nhác và Tóc Dầu chỉnh chu, Cyrus thần đồng và Khi Đồng, Sonny Ibrahim và tôi – lũ bạn chí cốt, những đứa con đích thực của Điền trang, những kẻ kế thừa hợp pháp từ khi ra đời của nó – Sonny với nét ngây thơ chậm chạp vốn có từ khi kẹp forcep bóp lổm não nó và tôi với hiểu biết bí mật đầy nguy hiểm của mình – phải, tất cả bọn tôi, võ sĩ đấu bò và đồ độc hải quân tương lai này nọ, đứng đờ ra, mắt chữ o mồm chữ a khi Evie Burns bắt đầu đạp xe, nhanhnhữanhanhnữanhanhnữa chạy quanh chạy quanh vòng xuyên. “Nhìn đây nè: xem tao đây, lũ quê mùa!”

Hết lên lại xuống cái yên da báo, Evie biểu diễn. Một chân trên yên, một chân vươn ra sau, nàng lượn quanh bọn tôi; nàng tăng tốc rồi chòng cây chuối trên yên! Nàng có thể cười lên bánh trước, mặt quay ra sau, và đạp pêđan ngược... trọng lực là nô lệ, tốc độ và môi trường của nàng, và chúng tôi biết một quyền lực đã giáng hạ giữa chúng tôi, một ma nữ trên bánh xe, và hoa trên bờ gậu rắc cánh lên nàng, bụi trong vòng xuyên trời dậy thành những đám mây hoan hô, bởi vì vòng xuyên cũng đã tìm thấy nữ chủ nhân của mình: nó là tấm toan dưới nét cọ của hai bánh xe quay tít của nàng.

Lúc này cả lũ nhận ra nàng nữ kiệt của chúng tôi giắt một cây súng hơi Daisy bên hông phải... “Chưa hết đâu, lũ vô dụng!” nàng hét lên, và rút súng ra. Đạn của nàng ban cho đá khả năng bay; chúng tôi liệng từng đồng anna lên không và nàng bắn hạ chúng, chết cứng. “Mục tiêu! Thêm mục tiêu!” và Mắt Chẻ hy sinh bộ bài rummy yếu dẫu không một lời oán thán, để nàng có thể bắn rụng đầu những quân vua. Annie Oakley^[10] đeo niềng răng – không ai dám nghi ngờ tài thiện xạ của nàng, trừ một lần, và đó là lúc mà triều đại của nàng kết thúc, trong cuộc đại xâm lược của loài mèo; và sẽ còn có những tình tiết giảm nhẹ.

[10] Một nhân vật có thật của miền Viễn Tây, nổi tiếng về tài thiện xạ.

Mặt đỏ bừng, mồ hôi vã ra, Evie Burns xuống xe và tuyên bố: “Từ giờ trở đi, ở đây sẽ có thủ lĩnh mới. Được chứ, các chàng Indian? Có ý kiến gì không?”

Không có ý kiến gì; lúc ấy, tôi biết là mình đã yêu.

Ở bãi biển Juhu cùng Evie: nàng thắng cuộc đua lạc đà, uống được nhiều sữa dừa nhất trong cả bọn tôi, mở được mắt dưới làn nước mặn cay sè của Biển Ả Rập.

Lẽ nào sáu tháng lại tạo ra sự khác biệt lớn thế? (Evie lớn hơn tôi nửa tuổi). Lẽ nào nó cho phép ta nói chuyện bằng vai phải lứa với người lớn? Người ta thấy Evie tán gẫu với ông lão Ibrahim Ibrahim; nàng bảo Lila Sabarmati đang dạy nàng trang điểm; nàng đến thăm Homi Catrack để tán gẫu về súng ống. (Một điều trớ trêu đầy bi kịch trong đời Homi Catrack là ông ta, người sẽ có một ngày bị súng chĩa vào, lại là một *kẻ đam mê* súng ống đích thực... Ở Evie, ông ta thấy một đồng bạn, một đứa trẻ không mẹ, không như Toxy nhà ông, mà sắc sảo như dao và sáng láng như chai. Rất tình cờ, Evie không phí chút thông cảm nào dành cho Toxy Catrack tội nghiệp. “Đầu có vấn đề,” nàng hồ hững nhận xét, “Nên bị trừ bỏ như chuột.” Nhưng Evie: chuột không hề yếu! Mặt em toát lên nét của loài gặm nhấm còn nhiều hơn là từ cả người của con bé Tox bị em khinh miệt.

Đó là Evelyn Lilith; và chỉ vài tuần từ khi nàng đến, tôi đã kích phát một phản ứng dây chuyền mà rồi tôi sẽ không bao giờ hồi phục hoàn toàn từ hệ quả của nó.

Nó bắt đầu từ Sonny Ibrahim, Sonny-nhà-bên, Sonny đầu bẹp forcep, thằng đã kiên nhẫn ngồi trong cánh gà câu chuyện của tôi, đợi đến lượt mình. Hồi đó, Sonny là đứa suốt ngày bầm tím: không chỉ forcep làm lồm nó. Yêu con Khi Đồng (mặc dù theo nghĩa lên-chín-tuổi của từ này) không hề là chuyện dễ dàng.

Như đã nói, em gái tôi, sinh sau và không được tung hô, bắt đầu phản ứng dữ dội trước mọi lời tuyên bố yêu đương. Dù rằng nó được cho là biết nói tiếng chim và mèo, nhưng những lời êm ái của người tình chỉ khơi dậy trong nó cơn hung bạo gần như dã thú; nhưng Sonny quá thật thà để biết sợ mà tránh. Đã mấy tháng nay, nó quấy rầy con bé bằng những tuyên bố như, “Em gái Saleem, ấy là mẫu người rất được đấy!” hay, “Nghe này, ấy có muốn làm bạn gái tớ không? Ta có thể đi xem phim cùng ayah của ấy, có thể...” Và cũng trong ngần ấy tháng, nó đã buộc thằng bé lãnh đủ vì tình yêu của mình – đặt điều với mẹ thằng bé; đẩy nó vào vũng bùn một cách vô-tình-có-chủ-ý; một lần còn tấn công nó, để lại những vết cào dài bằng móng tay và vẻ tổn thương của một con chó ốm trong mắt cu cậu; nhưng cu cậu vẫn không khôn ra. Thế là, cuối cùng, con bé đã âm mưu cú báo thù ghê gớm nhất.

Con Khi Đồng học trường nữ sinh Walsingham trên Đường Biển Nepean; một ngôi trường toàn người Âu cao lớn, cơ bắp cực kỳ, bơi như cá và lặn như tàu ngầm. Vào giờ nghỉ, tôi có thể thấy họ từ cửa sổ phòng ngủ của mình, họ nô giỡn trong cái bể bơi hình bản đồ của Câu lạc bộ Breach Candy, nơi chúng tôi bị, dĩ nhiên, cấm cửa... và khi tôi phát hiện ra con Khi Đồng không biết vì sao đã gắn bó với đám vận động viên bơi cách biệt thiên hạ ấy, như một kiểu linh vật, có lẽ lần đầu tiên trong đời tôi thực sự thấy ám ức với nó... nhưng có tranh cãi với nó cũng chẳng để làm gì; nó cứ đi đường nó. Lũ con gái da trắng đô con mười lăm tuổi cho nó ngồi cùng trên chiếc xe buýt của trường Walsingham. Ba đứa như thế sẽ đợi nó mỗi sáng tại đúng nơi Sonny, Mắt Chè, Tóc Dầu, Cyrus đại đế và tôi chờ xe buýt của trường Cathedral.

Một sáng nọ, vì lý do gì đấy tôi quên rồi, chỉ có Sonny và tôi là hai đứa con trai ở bến xe buýt. Hình như lúc ấy đang có dịch ốm hay sao đó. Con Khi Đồng chờ đến khi Mary Pereira ra về để bọn tôi lại, dưới sự săn sóc của đám vận động viên bơi đô con; và rồi bỗng nhiên sự thật của điều nó đang mưu tính lóe lên trong đầu tôi khi, không vì lý do cụ thể, tôi bắt vào suy nghĩ của nó; và tôi hét lên: “Này!” – nhưng đã quá muộn. Con Khi Đồng rít lên, “Anh đừng có dính vào!”, thế rồi nó và ba đứa vận động viên bơi đô con nhảy bổ vào Sonny Ibrahim, đám vô gia cư và ăn mày và thư ký đập xe đứng xem với vẻ thích thú công khai, bởi bọn nó đang xé từng mảnh quần áo khỏi người thằng bé... “Mẹ kiếp, mày cứ trơ mắt ra nhìn thế à?” Sonny kêu cứu, nhưng tôi bị bất động, làm sao tôi có thể chọn phe giữa em gái và thằng bạn chí cốt, và nó, “Tao sẽ mách bố tao!”, giọng đầy nước mắt, trong khi con Khi “Cho mày chừa thói nói năng bố láo - cho mày chừa nhé,” giày nó, văng mắt; sơ mi không còn nữa; áo vét, bị một đứa vận động viên nhảy cầu giật ra, “Cho mày chừa trò viết thư tình ướm ất”, giờ tất cũng chẳng còn, và nước mắt giàn giụa, và “Kìa!”, con Khi kêu lên; chiếc xe buýt trường Walsingham chạy tới và những kẻ tấn công cùng em gái tôi nhảy lên phóng đi, “Ta-ta-ba-ta, đồ tình lang!” chúng ré lên, và Sonny bị bỏ lại giữa đường, ở vĩa hè đối diện hiệu Chimalker và Thiên Đường của Độc giả, trần truồng như ngày mới lột lòng; hõm forcep lấp loáng như hai hốc nước trên đá, vì Vaseline đã từ trên tóc chảy xuống; và mắt nó cũng ướm đầm, khi nó meo mào, “Vì sao nó lại làm thế hở mày? Vì sao, tao chỉ nói rằng tao thích...”

“Tao chịu,” tôi nói, không biết nhìn đi đâu, “Nó cứ thế đấy.” Và cũng không hề biết rằng, sẽ có một ngày nó đối xử với tôi còn tồi tệ hơn.

Nhưng đó là chín năm sau... trong khi đấy, đầu 1957, các chiến dịch tranh cử đã bắt đầu: phe Jan Sangh vận động xây nhà nghỉ dưỡng cho bò thiêng đã về già; ở Kerala, E.M.S. Namboodiripad hứa hẹn rằng Chủ nghĩa Cộng sản sẽ đem đến cái ăn việc làm cho mọi người; ở Madras, đảng Anna-D.M.K. của C.N. Annadurai thổi bùng lên ngọn lửa của chủ nghĩa vùng miền; đảng Quốc đại phản công bằng các cải cách như Luật thừa tự Hindu, cho phụ nữ Hindu có quyền thừa kế bình đẳng... tóm lại, mọi người đều mài mê cầu xin cho mục đích của mình; tôi, tuy thế, bị cứng lưỡi trước mặt Evie Burns, và phải tìm đến Sonny Ibrahim để nhờ nó ra mặt cầu xin giúp tôi.

Ở Ấn Độ, chúng tôi luôn dễ tổn thương trước người Âu... Evie mới chỉ ở cùng bọn tôi có mấy tuần, vậy mà chưa gì tôi đã bị hút vào một trò mô phỏng kỳ cục văn học châu Âu^[11] (chúng tôi đã học *Cyrano*, dạng giản lược, ở trường; tôi cũng đã đọc sách tranh *Tác phẩm kinh điển có Minh họa*.) Có lẽ không có gì quá đáng khi bảo rằng châu Âu lặp lại chính mình, ở Ấn Độ, dưới dạng hí kịch... Evie là người Mỹ. Cũng thế thôi.

[11] Trong vở kịch *Cyrano de Bergerac*, nhân vật chính (*Cyrano*) được người bạn nhờ tỏ tình hộ với một cô gái trong khi chính *Cyrano* cũng đem lòng yêu cô gái đó. Tình cảnh của Sonny và Saleem cũng vậy.

“Ồ kìa, ông bạn, thế không công bằng, sao mày không tự đi mà nói?”

“Nghe này, Sonny,” tôi nài nỉ, “mày là bạn tao, đúng không?”

“Đúng, nhưng mày có thêm giúp...”

“Nó là em tao, Sonny, làm sao tao có thể?”

“Không, cho mày tự đi mà làm cái trò bần...”

“Này, Sonny, ông bạn, nghĩ xem. Nghĩ thôi. Với bọn con gái cần phải khéo léo, hả. Mày thấy con Khi nổi cơn tam bành rồi đấy. Mày có kinh nghiệm rồi, ờ, mày đã kinh qua chuyện đó. Lần này mày sẽ biết phải nhẹ nhàng ra sao. Tao thì biết gì đâu, ông bạn? Khéo nó còn chả thích tao tạo ạo nào. Hay mày muốn tao bị xé rách hết quần áo? Như thế sẽ làm mày hả dạ?”

Và thằng Sonny ngây thơ, tốt tính, “...Ờ, không...”

“Thế được rồi. Mày đi đi. Ca tụng tao một tí. Bảo đừng để ý đến mũi tao. Tính cách mới là quan trọng. Mày làm được chứ?”

“...Ừừừmmm... tao... thôi được, nhưng mày cũng phải nói với em mày nữa, hả?”

“Tao sẽ nói, Sonny. Tao biết hứa gì bây giờ. Mày biết tính nó rồi đấy. Nhưng nhất định tao sẽ nói.”

Quý vị có thể bào bình bố trận kỹ lưỡng bao nhiêu tùy ý, nhưng đàn bà chỉ cần nhắc tay một cái thôi là hủy sạch luôn. Bao nhiêu chiến dịch tranh cử thắng lợi, thì có gấp đôi chỗ ấy thất bại... từ hiên Biệt thự Buckingham, qua khe nan của tấm màn sáo, tôi theo dõi Sonny Ibrahim vận động đối tượng bầu cử tôi lựa chọn... và tôi nghe thấy tiếng cử tri, cái giọng mũi lên cao của Evie Burns, rạch nát không khí bằng vẻ khinh miệt: “Ai? Nó á? Seo cậu không biểu nó đi mà xì mũi đi? Thằng cả khịt ấy? Mỗi đi *xe đạp* mà cũng không biết!”

Quả có thể thật.

Và sẽ còn tồi tệ hơn thế; bởi vì lúc này (dù tấm màn chia cảnh tượng ra thành từng khe hẹp) tôi có thấy nét mặt Evie bắt đầu dịu lại và thay đổi? – Evie có đưa tay (bị tấm màn che theo chiều dọc) về phía nhân viên vận động tranh cử của tôi? – và các ngón tay của Evie (móng bị cắt cụt lủn) có chạm vào hai lỗ thái dương Sonny, đầu ngón tay phủ một lớp Vaseline đang rỏ xuống? và Evie có hay không bảo rằng: “Còn cậu, như cậu đây này, cậu rất *đáng yêu*”? Tôi xin buồn bã xác nhận rằng tôi có; nó có; chúng có; nàng có.

Saleem Sinai mê Evie Burns; Evie yêu Sonny Ibrahim; Sonny phát cuồng lên vì con Khi Đồng; nhưng con Khi nói sao?

“Đừng làm em buồn nôn, Allah,” con bé bảo khi tôi cố gắng – khá cao thượng, nếu xét đến cái cách nó đã phụ tôi – bào chữa cho trường hợp của Sonny. Các cử tri đã phủ quyết cả hai chúng tôi.

Tôi vẫn chưa bỏ cuộc. Những cảm dỗ yêu mị từ Evie Burns – mà tôi phải thừa nhận là chả bao giờ để ý đến tôi – đã dẫn tôi đến cú ngã bất khả kháng. (Nhưng tôi không giận gì nàng; vì cú ngã lại dẫn đến một sự trôi dạt.)

Trong bí mật, ở tháp đồng hồ của mình, tôi tạm dừng những cuộc lang thang xuyên tiểu lục địa để cân nhắc việc tán tỉnh nàng Eve tàn nhang. “Quên trò mai mối đi,” tôi tự khuyên mình, “việc này cậu phải tự làm.” Cuối cùng, tôi đã lên kế hoạch: tôi phải chia sẻ những quan tâm của nàng, phải biến đam mê của nàng thành của tôi... súng ống chưa bao giờ hấp dẫn tôi. Tôi bèn hạ quyết tâm học đi xe đạp.

Evie, ngày ấy, đã nhường bộ trước nhiều đề nghị của bọn trẻ trên đôi xin nàg dạy nghệ-thuật-đạp-xe; thế nên việc tôi phải làm chỉ đơn giản là xếp hàng theo học. Chúng tôi tề tựu giữa vòng xuyên. Evie, nữ chủ nhân tối cao của vòng xuyên, đứng giữa năm đứa nhóc đạp xe đang lầy bầy, tập trung cao độ... trong khi tôi đứng bên nàg, không xe đạp. Cho đến khi Evie xuất hiện, tôi chưa tỏ ra hứng thú với xe đạp bao giờ, nên chẳng ai mua cho tôi một cái... khiêm nhường, tôi cam chịu đòn roi từ cái lưới của Evie.

“Mày sống ở xó nào thế hả, mũi bự? Tính mượn xe tao sao?”

“Không,” tôi nói dối với vẻ biết lỗi, và nàng dịu lại. “Thôi được, thôi được,” Evie nhún vai, “Lên yên đi, để xem trình mày đến đâu nào.”

Tôi xin tiết lộ ngay rằng, khi cưỡi lên chiếc Arjuna Indiabike bạc, lòng tôi ngập tràn cơn phấn khích thuần khiết nhất; rằng, khi Evie đi vòng vòng, tay giữ ghi đông xe, than thở, “Thăng bằng chưa? Chưa à? Giờiii, mất thời gian quá!” – khi Evie và tôi sánh đôi cùng bước, tôi thấy... nói sao nhỉ... hân hoan...

Vòng này rồi vòng khác... Cuối cùng, để nàng đẹp ý, tôi lắp bắp, “Được rồi... tớ nghĩ là tớ... để tớ,” và lập tức tôi còn lại một mình một xe, nàng đã ban cho tôi một cú đẩy tiễn biệt, và sinh vật màu bạc ấy lấp lánh phóng qua vòng xuyên không sao điều khiển được... Tôi nghe nàng hét to: “Cái phanh! Bóp cái phanh chết tiệt đi, đồ nhà quê!” – nhưng tay tôi không cử động được, người tôi dờ ra như khúc gỗ, và kìa COI CHỪNG trước mặt là hai chiếc bánh màu xanh của Sonny Imbrahim, trên đường va chạm, TRÁNH RA ĐỒ ĐIÊN, Sonny trên yên, cổ chuyển hướng và tránh, nhưng màu xanh vẫn lao về phía sắc bạc, Sonny đánh lái phải nhưng tôi cũng đi hướng ấy UHIDA XE CỦA TAO và bánh bạc chạm bánh xanh, khung hôn khung, tôi bay lên qua ghi đông về phía Sonny trong khi nó cũng đang theo một đường cong đồng dạng bay về phía tôi RẦM xe đập đổ xuống đất bên dưới bọn tôi, khóa chặt nhau trong một vòng tay thắm thiết RẦM lơ lửng giữa không trung Sonny và tôi gặp nhau, đầu nó chào đón đầu tôi.. Hơn chín năm trước tôi chào đời với hai thái dương lồi, và Sonny được forcep ban cho hai hốc lõm; tất cả dường như đều có lý do của nó, vì lúc này thái dương lồi của tôi đã tìm thấy đường vào hốc lõm của Sonny. Vừa như in. Đầu lắp khít vào nhau, chúng tôi bắt đầu trở lại mặt đất, may mắn thay không rơi trúng hai chiếc xe, SÀMM trong chốc lát cả thế gian biến mất.

Rồi Evie và đám tàn nhang của nàng bốc hỏa, “Giờ ời thằng đàn kia, đóng cút mũi kia, mày làm

hồng xe t...” Nhưng tôi không nghe gì hết, bởi tai nạn trong vòng xuyên đã hoàn thành điều mà tai họa trong tủ giặt đã bắt đầu, và chúng ở đó trong đầu tôi, giờ đã lên phía trước, không còn là một âm thanh yếu ớt ở hậu trường tôi chưa từng nhận thấy, tất cả bọn chúng, phát đi tín hiệu tôi-ở-đây của mình, từ Đông Tây Nam Bắc... những đứa trẻ khác chào đời vào thời khắc nửa đêm ấy, gọi vang: “Tôi”, “Tôi”, “Tôi” và “Tôi”.

“Này! Này, đầu cứt mũi! Mày có sao không?... Này, mẹ nó đâu rồi?”

Gián đoạn, lúc nào cũng gián đoạn! Các phần khác nhau của cuộc đời có phần phức tạp của tôi, với thái độ ương ngạnh hoàn toàn vô lý, từ chối yên vị trong từng ngăn riêng rẽ. Những giọng nói tràn ra khỏi tháp đồng hồ của chúng để xâm chiếm vòng xuyên, nơi đáng lẽ là lãnh địa của Evie... và giờ, chính vào thời điểm lẽ ra tôi phải miêu tả những đứa trẻ phi thường của tiếng tích tắc, tôi lại bị chuyển tàu Frontier Mail giăng ra – lồi biến vào thế giới đang mục nát của ông bà tôi, vậy là Adam Aziz lại chen ngang vào lúc câu chuyện của tôi đang hé mở tự nhiên. Đành vậy. *Cái gì chữa không được thì phải chịu thôi.*

Tháng Một năm ấy, trong quá trình tôi hồi phục từ cú sang chấn nghiêm trọng sau vụ tai nạn xe đạp, bố mẹ đưa chúng tôi đến Agra dự một cuộc đoàn tụ gia đình mà sau đó hóa ra còn tồi tệ hơn vụ Lỗ đen Calcutta đầy tai tiếng (và có thể là hư cấu)^[12]. Suốt hai tuần chúng tôi buộc phải nghe Emerald với Zulfikar (đã lên Thiếu tướng nhưng cứ đòi được gọi là Đại tướng) khoe quan hệ và nội bóng gió về sự giàu sang ghê gớm của họ, nay đã leo lên thứ bảy trong các gia sản tư nhân lớn nhất Pakistan; thăng Zafar nhà đầy toan (nhưng chỉ đúng một lần!) giật cái đuôi sam đỏ đang nhạt dần của con Khỉ. Và chúng tôi buộc phải chứng kiến trong sự khiếp đảm câm lặng, cảnh chú Công chức Nhà nước Mustapha và bà vợ lai Iran Sonia đánh và quật lũ ranh con không tên tuổi giới tính nhà ấy đến mức không ai nhận ra; và cái mùi vị cay nghiệt từ phận gái già của Alia ngập trọng không khí làm hồng hết độ ăn; và cha tôi sẽ rút lui sớm để bắt đầu cuộc chiến ban đêm bí mật chống lại các tử tinh; và còn tồi tệ hơn nữa, hơn nữa, hơn nữa.

[12] Một nhà tù ở Pháo đài William, Calcutta. Theo một số tư liệu lịch sử, năm 1756, Thống đốc Belgal đã giam giữ một số tù nhân chiến tranh người Anh ở đây, dẫn đến cái chết của nhiều người trong số họ.

Một đêm tôi tỉnh dậy đúng mười hai giờ đêm và thấy giấc mơ của ông ngoại ở trong đầu tôi, và vì thế không thể tránh khỏi nhìn ông theo cách ông nhìn nhận bản thân – một ông già lụ khụ mà ở giữa cơ thể, khi ánh sáng thích hợp, có thể thấy một cái bóng khổng lồ. Khi niềm tin đã tiếp cho tuổi trẻ của ông sức mạnh khô kiệt dần dưới tác động tổng hợp của tuổi già, Mẹ Bề trên và sự thiếu vắng bạn bè chung chí hướng, một cái lỗ cũ đã tái xuất hiện chính giữa người ông, biến ông thành một ông già dẫn đeo, trống rỗng như bao ông già khác, nơi Chúa (và các sự mê tín khác) mà ông đã đối đầu bấy lâu nay đang bắt đầu tái lập sự thống trị của Người... trong khi đó, Mẹ Bề trên dành trọn hai tuần tìm đủ mọi tiểu xảo để sỉ nhục cô vợ diễn viên bị khinh miệt của cậu Hanif tôi. Và đó cũng là lúc tôi được chọn vào vai con ma trong một vở kịch trẻ con, và tìm thấy, trong chiếc cặp da cũ trên gác xép của ông tôi, một tấm ga giường đã bị nhậy bẩn, nhưng cái lỗ to nhất lại do người gây ra: vì phát hiện này tôi được đền đáp (quý vị còn nhớ) bằng tiếng gầm từ cơn thịnh nộ của ông bà.

Nhưng cũng có một thành tựu. Tôi được làm bạn với chú Rashid kéo xe (chính là người, hồi còn trẻ, đã hét lên trong im lặng ở ruộng ngô và dẫn Nadir Khan trốn vào nhà vệ sinh của Aadam Aziz): xòe cánh ra ấp tôi – và không cho bố mẹ tôi biết, sau tai nạn của tôi họ chắc hẳn sẽ cấm tiết vụ này – chú dạy tôi đi xe đạp. Đến khi ra về, tôi đã giấu bí mật này đi cùng những cái khác: chỉ có điều, tôi không định giữ bí mật vụ này quá lâu.

... Và trên tàu về nhà, có những giọng nói bầu vú phía ngoài khoang: “Đi mà, maharaj! Mở đi, thưa ngài tôn kính!” – giọng những kẻ lậu vé giao tranh với những giọng tôi muốn nghe, những giọng mới trong đầu tôi – thế rồi về đến Nhà ga Trung tâm Bombay, rồi tới chuyến xe về nhà, qua trường đua và ngôi đền, và giờ Evelyn Lilith Burns đang đòi hỏi tôi kết thúc phần của nàng trước khi tập trung vào những thứ cao hơn.

“Về nhà rồi!” con Khi kêu lên. “Hu raa... Bay-về-Bom!” (Nó đang bị thất sủng. Ở Agra, nó đã hỏa thiêu đôi bốt của ngài Đại tướng.)

Do yêu cầu về lưu trữ nên Ủy ban Tái cơ cấu Liên bang đã đệ trình báo cáo lên Ngài Nehru bắt đầu từ tháng Mười năm 1955; một năm sau đó các khuyến nghị của nó đã được thực hiện. Ấn Độ đã được chia mới, thành mười bốn bang và sáu “vùng lãnh thổ” trực thuộc trung ương. Nhưng đường biên giới các bang này không được cấu thành bởi sông, hay núi, hay bất cứ đặc điểm địa hình tự nhiên nào; mà chúng là, thay vào đó, những bức tường tự ngữ. Ngôn ngữ chia cắt chúng tôi: Kerala là của những người nói tiếng Malayalam, ngôn ngữ duy nhất trên thế giới có tên đọc xuôi hay ngược đều như nhau; ở Karnataka nghĩa là quý vị phải nói tiếng Kanarese; còn bang Madras bị cắt cụt – ngày nay gọi là Tamil Nadu – chứa đựng những người *am hiểu* tiếng Tamil. Tuy nhiên, do một sơ suất nào đấy, không ai động chạm đến bang Bombay; và tại thành phố của Mumbadevi, các đoàn diễu hành ngôn ngữ ngày một dài hơn và ồn ào hơn và cuối cùng đã chuyển hóa thành những đảng phái chính trị, Samyukta Maharashtra Samiti (“Đảng Maharashtra thông nhất”) đại diện cho tiếng Marathi và đấu tranh đòi thành lập bang Deccan của người Maharashtra, và Maha Gujarat Parishad (“Đảng Gujarat Vĩ đại”), diễu hành dưới khẩu hiệu của ngôn ngữ Gujarat và mơ về một bang phía Bắc Thành phố Bombay, trải dài đến tận Bán đảo Kathiawar và Đám muối Kutch... Tôi đang hâm nóng món lịch sử nguội ngắt này, những cuộc đấu tranh xưa cũ giữa cái gai góc khô khan của tiếng Marathi ra đời từ sự oi bức khô cằn vùng Deccan và âm sắc mềm mại lầy lội, rất Kathiawa của tiếng Gujarat, để giải thích vì sao, vào một ngày tháng Hai năm 1957 ngay sau khi chúng tôi trở về từ Agra, Điện trang Methwold lại bị chia cắt với thành phố bởi một dòng người hò hát bao phủ đường Warden kín hơn cả nước mùa mưa, một đoàn diễu hành dài đến mức mất hai ngày mới đi hết, và có tin đồn rằng pho tượng Sivaji đã sống dậy để dẫn đầu đoàn với vẻ lạnh lẽo của đá. Người biểu tình mang cờ đen; nhiều người trong đó là chủ cửa hàng đang đóng cửa^[13]; nhiều người là thợ dệt đình công từ Mazagaon và Matunga; nhưng ở ngọn đồi nhà mình, chúng tôi chẳng biết gì về công việc của họ; với trẻ con bọn tôi, những vệt kiến bò bất tận của ngôn ngữ trên đường Warden có hấp lực mãnh liệt không kém gì bóng đèn với lũ thiêu thân. Đó là một cuộc biểu tình mãnh liệt, cuồng nhiệt đến độ nó làm cho mọi cuộc diễu hành trước biến mất khỏi tâm trí như thể chúng chưa từng xảy ra – và bọn tôi đều bị cầm xuống đôi dù chỉ để ngó nghiêng tí đỉnh. Vậy ai là đưa tảo tợn nhất hội? Ai giục cả bọn lên xuống ít nhất nửa đường, đến chỗ con đường đôi lượn vòng lao vào đường Warden ở một khúc quanh dọc chữ U? Ai bảo, “Việc gì mà sợ? Mình chỉ xuống nửa đường để ngó một tí thôi”?... Lũ nhóc Ấn không vâng lời, mắt tròn xoe, đi theo nữ thủ lĩnh Mỹ mặt tàn nhang, (“Họ giết bác sĩ Narlikar – chính họ đấy,” Tóc Dầu cảnh báo bọn tôi với một giọng run rẩy. Evie nhỏ lên giày nó.)

[13] Hartal, hình thức đóng cửa hàng không kinh doanh để bày tỏ thái độ đau buồn hoặc phản kháng.

Nhưng tôi, Saleem Sinai, còn chuyện hệ trọng hơn phải làm. “Evie,” tôi nói với giọng nhẹ nhàng hờ hững, “Muốn xem tớ đi xe đạp chứ?” Không trả lời. Evie đang chìm đắm vào cảnh tượng ấy... và có phải đó là vân tay nàng trong hõm forcep bên trái của Sonny Ibrahim, hằn lên Vaseline cho cả thế gian nhìn thấy? Một lần nữa, và hơi có ý nhấn mạnh, tôi nói, “Tớ làm được mà, Evie. Để tớ lấy xe con Khi. Cậu thích xem chứ?” Và giờ Evie, tàn nhẫn, “Tao đang xem cái này. Cái này hay. Sao tao phải xem *mày*?” Và tôi, giờ đã hơi rơm rớm, “Nhưng tớ đã *biết* rồi, Evie, cậu *phải*...” Tiếng gầm gào từ đường Warden phía dưới nhận chìm lời tôi. Lưng nàng quay về tôi; rồi lưng của Sonny, lưng của Mất Chẻ và Tóc Dầu, rồi phần hậu trí thức của Cyrus-đại-đế... em tôi, cũng thấy dấu vân tay, tỏ ra bất bình, xúi tôi: “Làm đi. Làm đi, cho cô ả xem. Cô ả tưởng mình là ai?” Tôi leo lên xe nó... “Tớ đi này, Evie, xem này!” Đạp theo hình tròn, vòng vòng quanh lũ nhóc. “Thấy chưa? Cậu thấy chưa?” Một giây phút hả hê đắc thắng; và rồi Evie, cụt hứng hết kiên nhẫn chán chả buồn chết, “Lạy Thánh Peter, mày có xê ra không thì bầu? Tao muốn xem *cái đó*!” Ngón tay, móng bị găm cụt các thứ, trở xuống về cuộc biểu tình ngôn ngữ; tôi bị hất hủi vì đoàn diễu hành của Samyukta Maharashtra Samiti! Và mặc dù con Khi, người rất trung thành, “Nhu thế không công bằng! Anh ấy làm giỏi đấy chứ.” – và bất chấp sự hưng phấn trong bản thân việc đó – trong tôi có gì đó rối tung lên; và tôi đạp vòng quanh Evie, nhanhnhữnnhanhnhữnnhanhnhữnn, nước mắt nước mũi dạt dào “Rốt cuộc cậu bị làm sao thế hả? Tớ phải làm gì để...” Thế rồi có gì đó lẩn át tất cả, bởi tôi nhận ra tôi chẳng cần hỏi nàng, mà chỉ cần chui vào cái đầu tàn nhang, miệng nẹp kim loại ấy mà tìm kiếm, chỉ một lần là tôi sẽ biết điều gì đang diễn ra... thế là tôi vào, vẫn tiếp tục đạp xe, nhưng ở phía trước tâm trí nàng chỉ toàn những người diễu hành tiếng Marathi, mấy bài hát pop Mỹ kẹt trong góc các suy nghĩ của nàng, nhưng không có điều tôi quan tâm; và lúc này, chỉ lúc này, lúc này lần đầu tiên trên đời, lúc này bị thôi thúc bởi nước mắt của tình yêu không được đáp lại, tôi bắt đầu dò dẫm... Tôi thấy mình xô đẩy, ngụp lặn, dùng vũ lực tìm đường đi vào sau phòng tuyến của nàng... vào chốn bí mật nơi có bức ảnh mẹ nàng mặc áo ngủ hồng, cầm đuôi một con cá tí xiu giơ lên, và tôi còn đang sục sạo sâunữasâu nữasâu nữa, nó đâu rồi, cái hấp dẫn nàng, thì nàng bỗng giật mình quay ngoắt lại chăm chăm nhìn vào tôi trong khi tôi đạp xe vòngquanhvòngquanhvòngquanhvòngquanhvòng...

“Ra ngay!” Evie Burns hét lên. Tay giơ lên trán. Tôi đạp xe, mắt nhắm lệ, ngụp vàovàovào: đến nơi Evie đứng ở ngưỡng cửa một phòng ngủ ộp ván, tay cầm một, một thứ gì đó sắc và lóe sáng với màu đỏ đang rò xuống, trên ngưỡng cửa một, lạy Chúa và trên giường có một người đàn bà mặc áo hồng, lạy Chúa, và Evie cầm một, và đỏ vấy lên hồng, và có một người đàn ông xuất hiện, lạy Chúa, và không không không không không...

“CÚT RA CÚT RA CÚT RA!” Bọn nhóc ngơ ngác nhìn Evie hét lên, đoàn diễu hành ngôn ngữ bị quên đi, rồi lại bắt ngờ được nhớ đến, vì Evie đã nắm lấy đuôi xe của con Khi CẬU LÀM GÌ THẾ EVIE rồi đẩy nó CÚT RA MAU ĐỒ VÔ DỤNG CÚT XUỐNG HỎA NGỤC ĐI! – Nàng đẩy tôi thật lực, và tôi mất kiểm soát sầm sập lao xuống dốc vòng qua khúc cua chữ U xuốngxuống, LẠY CHÚA ĐOÀN BIỂU TÌNH qua tiệm giặt là Band Box, qua Noor Ville và Laxmi Vila, AAAAA và lao xuống miệng đoàn diễu hành, nào đầu nào chân nào người, những làn sóng biểu tình rẽ ra khi tôi đến, kêu gào thảm thiết, đâm thẳng vào lịch sử trên chiếc xe đạp mất lái, của con gái.

Những bàn tay nắm lấy ghi đông khi tôi chậm lại giữa đám đông cuồng nhiệt. Những nụ cười đầy răng chắc khỏe vây quanh tôi. Nhưng không phải cái cười thân thiện. “Chà chà, có cậu laad-sahid từ ngọn đồi giàu có xuống gia nhập với chúng ta này!” Bằng tiếng Marathi mà tôi gần như chả hiểu gì, đó là môn bắt bắt nhất của tôi ở trường, và những nụ cười hỏi, “Cậu muốn gia nhập S.M.S hử, tiểu hoàng tử?” Và tôi, đại khái cũng biết họ nói gì, nhưng choáng quá đâm ra nghĩ gì nói nấy, lắc đầu Không. Và những nụ cười, “Ô hô! Cậu nawab trẻ không thích tiếng của ta! Thế cậu ta thích gì?” Lại một nụ cười nữa, “Chắc là Gujarati! Cậu nói tiếng Gujarati chứ, cậu chủ?” Nhưng tiếng Gujarati của tôi cũng chả hơn gì Marathi; tôi chỉ biết có một câu chuyện của thứ tiếng ầm thấp vùng Kathiawar; và những nụ cười, giục giã, và những ngón tay, đâm thọc, “Nói đi, cậu chủ nhỏ! Nói vài câu Gujarati đi!” – thế là tôi nói vài câu tôi biết, một câu về tôi nghe được ở trường từ Keith Colaco Nội tiết, mà thằng đầy hay dùng khi nó bắt nạt mấy đứa người Gujarat, một câu về để chế nhạo ngữ điệu của thứ tiếng này:

Soo che? Saru che!

Danda le ke maru che!

Mi thế nào? – Tau khỏe re! – Để tau lấy gậy nện tòi đầu mi! Một câu tầm phào; một bài vớ vẩn; chín từ vô nghĩa... song khi tôi nói lên, những cái cười mím chuyển thành cười phá; thế rồi những giọng ở gần tôi rồi xa hơn rồi xa hơn nữa bắt đầu hát tiếp câu về MI THẾ NÀO? TAU KHỎE RE!, và họ hét hứng với tôi, “Thôi đi đạp xe tiếp đi, cậu cả,” họ giễu, ĐỂ TAU LẤY GẬY NỆN TÒE ĐẦU MI, tôi chạy biến lên đồi trong khi bài về của tôi lan ra phía trước và sau, lên tận đầu và xuống tận cuối đoạn người kéo-dài-hai-ngày, trở thành, trên đường đi của nó, một bài hát chiến tranh.

Buổi chiều hôm đó, đầu đoàn diễu hành của Samyukta Maharashtra Samiti va chạm tại Góc Phố Kemp, với đầu đoàn biểu tình của Maha Gujarat Parishad; những giọng S.M.S. cất lên “Soo che? Saru che!!” và những cổ họng M.G.P. há ra phần nộ; dưới những tấm poster Tiểu vương Hàng không Ấn Độ và Cậu bé Kolynos, hai bên đâm bổ vào nhau với bầu máu nóng không hề nhỏ, và theo nhịp điệu câu về nhỏ bé của tôi, cuộc bạo loạn ngôn ngữ đầu tiên nổ ra, mười lăm người chết, hơn ba trăm người bị thương.

Theo cách này, tôi trở thành người trực tiếp chịu trách nhiệm về việc khơi mào làn sóng bạo lực kết thúc bằng sự chia cắt bang Bombay mà hệ quả của nó là thành phố trở thành thủ phủ của bang Maharashtra – vậy là ít nhất tôi cũng về phe thắng cuộc.

Cái gì ở trong đầu Evie? Tội ác hay giấc mơ? Tôi không bao giờ tìm ra; nhưng tôi đã học được một thứ khác: *khi ta đi sâu vào đầu người khác, họ có thể cảm thấy ta ở đó.*

Sau ngày hôm ấy, Evelyn Lilith Burns không muốn dính gì với tôi nữa; nhưng, kỳ lạ thay, tôi cũng hết bệnh tương tư. (Đàn bà luôn là người thay đổi đời tôi: Mary Pereira, Evie Burns, Jamila Ca sĩ, Parvati phù thủy phải trả lời câu hỏi tôi là ai; và cả Mụ Góa phụ, người tôi giữ lại cho cái kết; và sau

cái kết, là Padma, nữ thần phân của tôi. Đàn và đã nhào nặn đời tôi ra trò, song có lẽ họ chưa bao giờ ở trung tâm – có lẽ vị trí lẽ ra họ phải lấp đầy, cái lỗ giữa người tôi mà tôi thừa kế từ ông ngoại Aadam Aziz, đã bị những giọng nói trong tôi chiếm giữ quá lâu. Hoặc cũng có lẽ - cần phải tính đến mọi khả năng – họ luôn luôn làm tôi hơi e sợ.)

Chương 14: Sinh nhật thứ mười của tôi

“Ôi thưa ông, em biết nói gì? Lỗi tại em mọi đàng!”

Padma đã quay về. Và, giờ khi tôi đã bình phục khỏi cơn ngộ độc và trở lại bàn làm việc, lại xoắn xuýt đến nỗi không yên lặng được. Hết lần này đến lần khác, bông sen trở lại của tôi dẫn vật bản thân, đâm bộ ngực nặng nề, rên rỉ đến rát họng. (Với tình trạng mong manh của tôi, kiểu này khá là mệt mỏi; nhưng tôi không trách gì cô cả.)

“Cứ tin em đi, thưa ông, rằng em quan tâm sức khỏe của ông biết mấy! Thật là những sinh vật kỳ lạ, đàn bà chúng em, không phút nào yên dạ được khi người đàn ông của mình ốm đau phiền muộn... Ông khỏe rồi là em mừng lắm, ông chẳng biết đâu!”

Câu chuyện của Padma (kể bằng chính lời cô, và đọc lại cho cô nghe để được phê duyệt bằng những đảo mắt, than vãn, đâm ngực): “Chỉ tại lòng kiêu hãnh và tự cao ngạo của em, Saleem baba, xui khiến em rời bỏ ông, mặc dầu công việc ở đây rất tốt, và ông thì rất cần người chăm sóc! Nhưng chưa được bao lâu em đã nóng ruột muốn quay về.”

“Thế là em nghĩ, làm sao để trở lại với cái người sẽ chẳng yêu em mà chỉ ngồi viết nhăng viết cuội? (Tha lỗi cho em, Saleem baba, nhưng em phải nói thật. Và tình yêu, với đàn bà chúng em, là thứ lớn lao nhất.)”

“Thế là em đi tìm một ông thầy, ông ấy dạy em phải làm gì. Trong túi còn mấy đồng, em bắt xe buýt về quê để đào cây thuốc, có nó dương căn của ông sẽ có thể được đánh thức dậy... hãy tưởng tượng, thưa ông, em đã khấn những lời này: ‘Hỡi cây thuốc được Bò Mộng nhờ lên!’ Rồi em nghiền cây thuốc với nước với sữa và đọc, ‘Hỡi cây thuốc tráng dương ích khí! Được thần Varuna^[1] sai Gandharva đào lên! Hãy cho ngài Saleem của ta sức mạnh. Nhiệt như Ngọn lửa của thần Indra. Như linh dương đực, hỡi cây thuốc, mi có mọi sức mạnh trên đời, mi có quyền năng của Indra, và sinh lực của thú hoang’.”

[1] Theo kinh Vệ Đà, Varuna là thần của bầu trời, của nước. Trong thần thoại Hindu, Varuna là thần nước, đặc biệt là các đại dương.

“Mang theo món thuốc này em trở về, thấy ông vẫn một mình như mọi khi và luôn chúm mĩ vào viết lách. Nhưng lòng ghen tuông, em thề, em đã bỏ lại sau; nó lộ ra ngoài mặt và làm ta già đi. Ôi Chúa tha thứ cho em, em lặng lẽ bỏ thang thuốc vào thức ăn của ông!... Thế rồi, hai-hai, xin Thượng đế tha thứ cho con, nhưng con chỉ là một mục đàn bà bình thường, nếu thầy pháp bảo vậy, làm sao con dám cãi?... Nhưng ít nhất thì bây giờ ông đã khá hơn, tạ ơn Chúa, và mong sao ông đừng giận.”

Dưới dược lực từ liều thuốc của Padma, tôi bị mê sảng một tuần liền. Đóa sen-phân của tôi (qua hàm răng nghiền chặt) thề rằng tôi cứng đờ như tấm ván, miệng sùi bọt mép. Tôi còn bị sốt. Trong cơn mê sảng tôi ú ớ về rắn; nhưng tôi biết Padma không phải xà tinh, và không bao giờ muốn hại tôi.

“Tình yêu, thưa ông,” Padma than thở, “nó làm đàn bà hóa điên.”

Tôi nhắc lại: tôi không trách Padma. Dưới chân dãy Tây San cô tìm kiếm cây thuốc trắng dương, *mucuna pruritus* và rễ cây *feronia eleplantum*; ai biết cô đã tìm thấy gì? Ai biết thứ gì, được nghiền với sữa và trộn với thức ăn của tôi, đã ném ruột gan tôi vào trạng thái “khuấy đảo” và từ đó, như mọi sinh viên môn vũ trụ học Hindu đều biết, Indra đã tạo ra vật chất, bằng cách khuấy món súp khởi nguyên trong thùng sữa vĩ đại của mình? Có hề gì. Đó là một nỗ lực cao quý; nhưng tôi đã vượt quá giới hạn có thể tái tạo – mục Góa phụ đã kết liễu tôi. Kể cả cây *mucuna* thật cũng không thể đặt dấu chấm hết cho sự bất lực của tôi; *feronia* sẽ không thể nào khơi dậy được trong tôi “sinh lực của thú hoang”.

Dù vậy, một lần nữa tôi lại ngồi trước bàn; một lần nữa Padma ngồi dưới chân tôi, thúc giục tôi. Tôi lại cân bằng như trước – phần đế tam giác cân của tôi đã vững chãi. Tôi bay lượn trên đỉnh, trên hiện tại và tương lai, và cảm thấy mạch văn đã trở lại với ngòi bút của mình.

Một thứ ma thuật đã được thực thi; và hành trình đi tìm tình dược của Padma đã nối kết tôi trong chốc lát với thế giới của tri thức cổ xưa và học vấn của giới phù thủy mà ngày nay bị hầu hết chúng ta kinh rě; nhưng (bất chấp những cơn co thắt dạ dày và sốt và sùi bọt mép) tôi lấy làm mừng vì nó đã xâm nhập vào những ngày cuối cùng của tôi, bởi nghiền ngẫm nó cũng đồng nghĩa với việc tìm lại một chút ý niệm đã mất về tỉ lệ.

Nghĩ mà xem: lịch sử, trong phiên bản của tôi, bước sang một thời kỳ mới vào ngày 15 tháng Tám năm 1947 – nhưng theo một phiên bản khác, cái ngày không thể tránh khỏi ấy chỉ là một sát na không hơn trong Kỷ nguyên Tăm tối, Kali-Yuga, khi con bò của Pháp^[2] chỉ còn đứng, chênh vênh, trên duy nhất một chân! Kali-Yuga, cú đổ thất bại trọng trờ xúc xắc của đất nước này; thời kỳ tồi tệ nhất; kỷ nguyên khi tài sản mạng lại cho con người đấng cấp, khi giàu sang tương đương với phẩm giá, khi dục vọng trở thành sự gắn kết duy nhất giữa đàn ông và đàn bà, khi dôi trả đem lại sự thành công (có gì đáng ngạc nhiên khi, ở một thời kỳ như thế, tôi cũng lăn lộn giữa cái tốt và cái xấu?)... bắt đầu từ thứ Sáu, ngày 18 tháng Hai, năm 3102 trước Công nguyên; và chỉ kéo dài có 432.000 năm! Đã kịp thấy mình có phần bé mọn, tôi vẫn phải bộ sung rằng Kỷ nguyên Tăm tối chỉ là giai đoạn thứ tư của chu kỳ Maha Yuga hiện tại, vốn có độ dài, tổng cộng, gấp mười lần; và khi tính rằng phải mất một ngàn Maha Yuga mới bằng một Ngày của Brahma, quý vị sẽ hiểu ý tôi khi nói đến tỉ lệ.

[2] Theo quan niệm của đạo Hindu, biểu trưng của Pháp (dharma) là con bò. Trong kỷ nguyên đầu tiên, hoàng kim của thế giới (Satya Yuga), con bò có bốn chân, nhưng qua mỗi kỷ nguyên, Pháp lại tiêu hao mất một phần tư. Đến kỷ nguyên Kali, con

bồ của Pháp chỉ còn có một chân. Có thể hiểu là thời mạt pháp.

Một chút khiêm nhường vào thời điểm này (khi tôi đang run rẩy chuẩn bị giới thiệu Những đứa trẻ) không có gì là, như tôi thấy, lạc lõng.

Padma đổi thế ngồi, lún túng. “Ông nói gì vậy?” cô hỏi, mặt hơi đỏ lên. “Đây là chuyện của Bà la môn; có liên quan gì đến em chứ?”

... Sinh ra và được giáo dưỡng theo truyền thống đạo Hồi, tôi bỗng nhiên thấy mình choáng ngợp trước một nguồn tri thức cổ xưa hơn; trong khi ở đây cạnh tôi là Padma của tôi, mà sự trở về của nàng tôi đã mong mỏi biết bao nhiêu... Nàng Padma của tôi! Nữ thần Hoa sen; Người Sở hữu Phân; người Ngọt Như Mật và Làm Bằng Vàng; có hai đứa con là Hơi ẩm và Bùn...

“Ông chắc là chưa hết sốt,” cô phản đối, cười khúc khích. “Cài gì mà làm bằng vàng, hở ông? Và ông thừa biết em làm gì có co...”

... Padma cùng với các dạ xoa^[3], những vị thần đại diện cho các bảo vật thiêng liêng của trái đất, cho các con sông thiêng Ganga Yamuna Sarasvati^[4], và với các nữ thần cây, là một trong các thần Bảo hộ Sự sống, mê hoặc và an ủi phạm nhân khi họ đi qua lưới mộng của Ảo ảnh^[5]... Padma, đài Sen, mọc ra từ rốn của thần Vishnu, và từ đó chính Brahma đã ra đời; Padma Nguồn cội, mẹ của Thời gian!...

[3] Yaksa, tiếng Hán là dạ xoa. Theo đạo Hindu và đạo Phật, dạ xoa là các linh thần bảo vệ những báu vật của tự nhiên ẩn dưới lòng đất và dưới gốc cây.

[4] Ba con sông thiêng của Ấn Độ, trong đó Ganga (sông Hằng) và Yamuna là hai con sông có thật, còn con sông thứ ba, Sarasvati, chỉ tồn tại trong thần thoại.

[5] Maya, chỉ thế giới hiện tượng đang liên tục thay đổi trong mắt của phạm nhân chưa giác ngộ.

“Này,” giọng cô bắt đầu có vẻ lo âu, “đưa em sờ trán xem nào!”

... Và tôi, trong hệ thống những thứ này, ở đâu? Có phải tôi (được mê hoặc và an ủi bởi sự trở về của cô) chỉ là phạm nhân – hay còn gì hơn thế? Ví dụ như – phải, sao lại không – vòi ma mút, mũi Ganesh như tôi đây – thần Voi, chẳng hạn. Người, giống như thần mặt trắng Sin, điều khiển nước, ban phát mưa... có mẹ là Ira, ái phi của Kashyap, tức Quy Lão, chúa tể và tổ tiên của muôn loài trên trái đất... thần Voi, đồng thời là cầu vòng, và sấm sét, vị thần mà ý nghĩa biểu tượng, tôi phải bổ sung, rất nhiều nghi vấn và không rõ ràng^[6].

[6] Kashyap (con rùa) là một trong bảy đẳng trí giả (rishi) do thần Vishnu tạo ra, và là thủy tổ của muôn loài. Ira là một trong mười người vợ của Kashyap, sinh ra một đàn voi. Con voi trắng Airavata là vật cưỡi của thần Indra. Indra khi cưỡi voi một tay cầm lưỡi tầm sét, một tay cầm cầu vòng. Bản thân chữ Airavata cũng có nghĩa là cầu vòng.

Ừ thì: khó nắm bắt như cầu vòng, khó dự đoán như sấm sét, ba hoa như Ganesh, có vẻ như tôi, rốt cuộc, đã có một vị trí trong kho tàng tri thức cổ xưa.

“Lạy Chúa.” Padma bỏ đi tìm khăn để đắp nước lạnh, “trán ông như đang bốc hỏa ấy! Tốt hơn ông nên nằm xuống; giờ này chưa thể viết lách được đâu! Mê sảng đang nói đây mà; không phải ông.”

Nhưng tôi đã mất một tuần; vậy nên, sốt hay không sốt, tôi cũng phải tiếp tục; bởi vì, sau khi (tạm thời) vắt kiệt cái bút pháp kể-chuyện-ngày-xưa này, tôi sắp tiến tới trung tâm kỳ ảo của câu chuyện của chính tôi, và phải viết một cách công khai chân xác, về những đứa trẻ nửa đêm.

[©STE.NT](#)

Hãy hiểu điều tôi sắp nói: trong giờ đầu tiên của ngày 15 tháng Tám năm 1947 – từ nửa đêm đến một giờ sáng – không dưới một nghìn lẻ một đứa trẻ đã chào đời bên trong đường biên giới của quốc gia Ấn Độ chủ quyền non trẻ. Về bản chất, đây không phải là một sự kiện bất thường (tuy rằng con số này mang âm hưởng văn chương một cách kỳ lạ) - ở thời kỳ đó, tỉ lệ sinh trên mảnh đất này vượt tỉ lệ tử khoảng 687 người một giờ. Điều khiến sự kiện này đáng chú ý (đáng chú ý! có một từ trung tính thể đây, nếu quý vị thích!) là bản chất của những đứa trẻ này, mỗi người trong số chúng đều, do một biến dị sinh học, hoặc do một thể lực siêu nhiên nào đó vào thời điểm ấy, hoặc chỉ dễ hiểu là sự trùng hợp (tuy rằng một sự ngẫu nhiên xảo hợp ở quy mô ấy sẽ làm choáng váng cả C.G.Jung), được phú cho những đặc tính, thiên khiếu, hay năng lực chỉ có thể được miêu tả bằng hai chữ kỳ diệu. Cứ như thể - nếu quý vị cho phép tôi một khoảnh khắc tưởng tượng trong cái mà nếu không có nó thì sẽ là sự tường thuật nghiêm túc nhất tôi có thể thực hiện, tôi cam đoan vậy – cứ như thể lịch sử, đến một thời điểm của tầm vóc và triển vọng tối cao, đã quyết định gieo xuống, vào thời khắc ấy, những hạt giống của một tương lai rồi sẽ hoàn toàn khác bất kỳ thứ gì thế giới này từng chứng kiến cho đến thời điểm ấy.

Nếu một phép màu tương tự có xảy ra bên kia biên giới, tại quốc gia vừa-bị-cắt-ra Pakistan, tôi cũng không biết gì cả; linh lực của tôi, trong thời gian tồn tại của chúng, bị giới hạn không chỉ bởi Biển Ả Rập, vịnh Bengal, dãy Himalaya, mà cả đường biên giới nhân tạo đã cắt xẻ Punjab và Bengal.

Lẽ tất nhiên, một số đứa trẻ đã không thể sống sót. Suy dinh dưỡng, bệnh tật và những rủi ro của cuộc sống hằng ngày đã lấy đi không dưới bốn trăm hai mươi sinh mệnh trước thời điểm tôi đến sự tồn tại của chúng; mặc dù có thể giả định rằng tất cả những cái chết này, cũng có mục đích của nó, bởi vì 420^[7], không biết từ bao giờ đã là con số gắn liền với lừa đảo, dối trá và gian lận. Vậy thì, có thể nào, những đứa bé biến mất ấy bị đào thải vì chúng, trên một phương diện nào đó, không xứng đáng, và không phải là những đứa con đích thực của nửa đêm ấy? A, trước hết, đây lại là một cuộc du ngoạn khác vào cõi giả tưởng; thứ hai, nó còn tùy thuộc vào cách nhìn cuộc đời vừa đây rầy thần quyền vừa tàn bạo đến dã man này. Đó cũng là một câu hỏi không thể trả lời; mọi cố gắng tìm hiểu sâu hơn bởi thể chỉ là vô ích.

[7] Khoản 420 trong Luật Hình sự Ấn Độ, ra đời từ 1862, là điều khoản quy định về tội lừa đảo. 420 do vậy trở thành tên lóng để chỉ những kẻ hành nghề lừa đảo.

Tới năm 1957, năm trăm tám mươi một đứa trẻ sống sót đều sắp đến sinh nhật thứ mười, phần lớn hoàn toàn không biết đến sự tồn tại của nhau, mặc dù có một số ngoại lệ nhất định. Tại thị trấn Baud, bên bờ sông Mahanadi ở Orissa, có một cặp chị em song sinh đã trở thành huyền thoại trong vùng bởi vì bất chấp nhan sắc bình phàm đến kinh ngạc, cả hai đều có khả năng làm mọi người đàn ông gặp mặt

mình si mê họ một cách vô vọng và tự diệt, đến nỗi bậc cha mẹ ngõ ngàng của họ không ngừng bị làm phiền bởi một dòng người đến cầu hôn một hoặc thậm chí cả hai đứa trẻ bí hiểm; những ông già đã từ bỏ sự thông thái của chòm râu và đám thanh niên đáng lẽ phải mê mẩn mấy cô đào trong ánh chiều bóng rong vẫn viếng thăm Baud mỗi tháng một lần; và cả một dòng người khác, phiền toái hơn gồm những tang gia nguyên rủa hai chị em vì đã bỏ bùa mê thuốc lú khiến con trai họ có những hành vi bạo hành bản thân, những nhát dao và đòn roi chết người, thậm chí (có một trường hợp) tự thiêu. Mặc dù vậy, ngoại trừ mấy trường hợp cá biệt hiếm hoi ấy, những đứa con của nửa đêm đã lớn lên mà hầu như không biết tới những anh chị em đích thực của mình, những đồng-bạn-được-lựa-chọn trên khắp chiều dài và bề rộng của viên kim cương thô và thiếu cân xứng Ấn Độ.

Thế rồi, dưới tác động của một cú sốc sau một tai nạn xe đạp, tôi, Saleem Sinai, bỗng nhiên biết về tất cả bọn họ.

Với những ai có nếp suy nghĩ quá cứng nhắc để có thể chấp nhận được những sự thật ấy, tôi xin nói thế này: chuyện là như thế đấy; không có cách nào chối bỏ sự thật đâu. Tôi đành phải chia vai ra hứng gánh nặng ngờ vực từ những kẻ hoài nghi. Nhưng không một ai biết đọc tại đất nước Ấn Độ này của chúng tôi lại có thể hoàn toàn miễn nhiễm khỏi kiểu tin tức mà tôi sắp sửa hé lộ - không một độc giả nào của nền báo chí nước nhà có thể bỏ qua hàng loạt đứa trẻ thần kỳ và dị nhân đủ loại - dù phải thừa nhận là ở cấp độ thấp hơn. Mới tuần trước, có một cậu bé người Bengal tuyên bố mình là Rabindranath Tagore đầu thai và bắt đầu ứng khẩu những vần thơ vào loại xuất sắc, trước sự kinh ngạc của cha mẹ; và chính tôi còn nhớ được có những đứa trẻ hai đầu (đôi khi một đầu người, một đầu thú) và những đặc điểm kỳ dị khác như sừng bò.

Tôi phải nói ngay rằng không phải mọi thiên phú của những đứa trẻ đều đáng mong muốn, thậm chí không được chính chúng mong muốn; và, với một số trường hợp những đứa trẻ sống sót nhưng bị tước mất những phẩm chất mà nửa đêm ban cho. Ví dụ (để song hành với chuyện hai chị em ở Baud) để tôi kể chuyện một cô bé ăn mày tại Delhi tên là Sundari, ra đời ở một con phố phía sau Bru điện Trung tâm, không xa cái mái nhà nơi Amina Sinai đã lắng nghe Ramram Seth là mấy, người có một sắc đẹp dữ dội đến mức chỉ trong khoảnh khắc cô bé chào đời nó đã làm mù cả mẹ cô lẫn các bà hàng xóm sang đỡ đẻ giúp; cha cô, khi xông vào phòng khi nghe tiếng hét của mấy người đàn bà, được họ cảnh báo kịp thời; nhưng chỉ một thoáng nhìn cô con gái là đã làm thị lực ông tổn thương nặng nề đến mức từ đó trở đi ông không thể phân biệt người Ấn và du khách ngoại quốc, một thương tật ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng lực kiếm tiền của một ăn mày như ông. Sau đó, suốt một thời gian Sundari buộc phải quấn một tấm giẻ ngang mặt; cho tới khi bà cô già nua tàn nhẫn của mẹ cô bé giơ đôi tay xương xẩu đón lấy cô và rạch chín nhát lên mặt cô bằng một con dao làm bếp. Vào thời điểm tôi biết về cô, Sundari đang có một nguồn thu nhập ổn định, bởi không một ai đã nhìn cô mà không thấy xót thương cho một cô gái rõ ràng đã từng đẹp lóa mắt người mà giờ dung nhan lại bị hủy hoại tàn nhẫn đến vậy; cô nhận được nhiều tiền bố thí hơn bất kỳ ai trong nhà.

Vì không có một đứa trẻ nào lại đi ngờ rằng thời điểm ra đời của mình lại có liên quan tới sự dị thường ở chúng, tôi cũng phải mất một thời gian mới khám phá ra. Ban đầu, sau tai nạn xe đạp (đặc biệt sau khi những người điều hành ngôn ngữ đã thanh tẩy Evie Burns ra khỏi đầu tôi), tôi tự thỏa mãn

với việc khám phá ra, từng cái một, bí mật của những sinh thể huyền bí đã bắt ngờ xuất hiện trong trường linh giác của tôi, hăng say sưu tầm chúng, theo cách mấy đứa nhóc sưu tầm côn trùng, hoặc đếm tàu hỏa; đánh mất hứng thú với lưu bút và mọi hình thái khác của bản năng hái lượm, tôi liền, mỗi khi có thể, đắm mình vào thế giới biệt lập và tươi sáng hơn trên tổng thể, của năm trăm tám mươi một đứa trẻ. (Hai trăm sáu mươi sáu trong số tụi tôi là con trai; và về số lượng chúng tôi bị phe con gái áp đảo – ba trăm mười lăm người bọn họ, kể cả Parvati. Parvati-phù-thủy.)

Những đứa trẻ nửa đêm!... Từ Kerala, một cậu bé có khả năng bước vào trong gương và bước ra qua bất kỳ bề mặt phản quang nào trên mặt đất - qua mặt hồ hay (tuy khó khăn hơn) vỏ kim loại bóng loáng của những chiếc ô tô... một cô bé người Goa có biệt tài nhân bội cá... rồi những đứa trẻ có khả năng biến hình; một người sói từ Đồi Nilgiri, và từ vùng lưu vực mệnh mông Vindhya, một cậu bé có thể tùy ý tăng giảm kích cỡ của mình, và (một cách ma mãnh) là nguyên nhân của những hoảng loạn và đồn đại về sự tái xuất của người Khổng lồ... ở Kashmir, có một đứa trẻ mắt xanh mà tôi không xác định được giới tính, vì bằng cách ngậm mình vào nước cậu (hay cô) có thể hoán đổi nó theo ý cô (hay cậu) ta muốn. Bọn tôi có người gọi nó là Narada, người gọi nó là Markandaya, tùy câu chuyện cổ tích nào về chuyển đổi giới tính bọn tôi được nghe... gần Jalna, chính giữa trung tâm bình nguyên Deccan khô hạn tôi phát hiện ra một đứa trẻ có năng lực tìm ra nguồn nước, và ở Budge-Budge, ngoại ô Calcutta, một cô bé lưỡi sắc mà mỗi lời có sức mạnh gây ra thương tích, nên sau khi vài người lớn thấy mình chảy máu ở ạt vì vài lời châm chọc cô thuận miệng ném ra, họ quyết định nhốt cô vào lồng tre thả trôi sông Hằng tới rừng Sunbards (sào huyết của yêu ma quỷ quái); nhưng không ai dám lại gần cô, và cô đi giữa thị trấn, bao bọc trong khoảng chân không của nỗi khiếp sợ; không ai có can đảm từ chối cô thức ăn. Còn có một cậu bé ăn kim loại và một cô bé ngón tay xanh tới mức trồng được những trái cà tím tuyệt hảo giữa sa mạc Thar; và còn nữa còn nữa còn nữa... choáng ngợp trước số lượng của chúng và trước muôn hình vạn trạng huyền bí của những năng lực chúng sở hữu, lúc buổi đầu tôi ít để tâm đến những cái tôi bình thường của chúng; nhưng, một cách tất yếu, những vấn đề của chúng tôi, khi nó phát sinh, là những vấn đề rất đời thường, con người, bắt nguồn từ tính-cách-và-môi-trường; trong những cuộc cãi lộn, bọn tôi chỉ là một lũ nhóc.

Một thực tế đáng chú ý: giờ sinh càng sát nửa đêm, năng lực của bọn tôi càng lớn. Những ai sinh vào những giây cuối của một tiếng ấy chỉ (nói thực là) hơn quái nhân rạp xiếc đôi chút: những cô bé có râu, một cậu bé mang cặp mang hoàn chỉnh của cá chép Mahaseer, cặp song sinh dính nhau với hai cơ thể lủng lẳng dưới một cái đầu và cổ - cái đầu có thể nói hai giọng, một nam, một nữ, và đủ mọi ngôn ngữ lẫn thổ ngữ của tiểu lục địa; nhưng bất chấp sự dị thường của mình chúng vẫn chỉ là những kẻ kém may mắn, những rủi ro sống của một giờ linh thiêng ấy. Càng gần nửa tiếng đầu càng xuất hiện những năng lực lý thú và hữu ích hơn - ở rừng Gir có một cô bé phù thủy sờ vào đầu là chữa lành vết thương ở đấy, con trai một chủ trại chè giàu có tại Shillong được ban phước (mà cũng có thể là họa) không thể quên bất kỳ điều gì cậu ta từng nhìn hay nghe thấy. Song, những đứa trẻ ra đời vào phút đầu tiên – chính những đứa trẻ này đã được dành tặng những tài năng cao quý nhất mà loài người từng mơ tới. Nếu cô, Padma, tình cờ sở hữu một giấy khai sinh trong đó thời gian được ghi chính xác từng giây, cô sẽ biết hậu duệ nào của một đại gia tộc ở Lucknow (chào đời hai mươi một giây sau nửa đêm) ở tuổi lên mười đã thành thạo bí quyết của thuật giả kim đã thất truyền, nhờ nó cậu ta đã khôi phục sản nghiệp của gia tộc trâm anh thế phiệt nhưng đã suy vi của mình; và đứa con gái nhà thợ giặt nào từ Madras (mười bảy giây sau) chỉ cần nhắm mắt là bay cao hơn bất cứ loài chim nào; và đứa con trai

nhà thợ bạc nào tại Benarsi (mười hai giây sau nửa đêm) được phú cho năng lực du hành vượt thời gian và nhờ vậy có thể tiên đoán tương lai và biết rõ quá khứ... một năng lực mà, vốn dĩ trẻ dại, chúng tôi tin tưởng tuyệt đối khi nhắc đến những gì đã qua và bị lãng quên, nhưng giấu cợt khi cậu ta cảnh cáo về kết cục của chính chúng tôi... may mắn thay, không có bút lục nào về những chuyện này; và, về phần mình, tôi sẽ không tiết lộ - hoặc nếu làm ra vẻ tiết lộ thì sẽ nguy hại - tên tuổi và thậm chí cả địa danh; bởi vì, tuy những thông tin này sẽ là chứng cứ tuyệt đối cho những gì tôi kể, song giờ đây, sau tất cả mọi chuyện, những đứa trẻ của nửa đêm vẫn xứng đáng được yên; có lẽ được quên; nhưng tôi hy vọng (trong tuyệt vọng) là vẫn nhớ...

Parvati-phù-thủy sinh ra ở Delhi Cũ, giữa một ghetto chen chúc quanh những bậc thềm của Thánh đường Thứ Sáu. Nơi này không phải là một khu ổ chuột thông thường, mặc dầu những túp lều dựng từ thùng hàng cũ và những miếng tôn lượn sóng và những mảnh bao đay, đứng nháp nhô chen chúc dưới bóng thánh đường này trông chẳng khác gì những ngôi nhà xập xệ khác... vì đây là khu trại của những ảo thuật gia, phải, chính nơi đã sinh ra một con Chin ngân nga mà những lưỡi dao đã rạch nát và bày chó hoang không kịp cứu... cái ổ chuột của giới pháp sư, nơi các fakir và xảo thuật gia và huyền giả tài ba nhất từ mọi miền lũ lượt đổ về, tìm kiếm vận may tại thủ đô. Cái mà họ thấy là lều tôn, cảnh sát bạo hành, và chuột... Cha Parvati từng là ảo thuật gia lưng lầy nhất xứ Oudh; cô lớn lên giữa những nghệ nhân phúc ngữ có thể bảo đá kể chuyện và nghệ nhân uốn dẻo có thể nuốt chân và người nuốt lửa có thể khạc lửa qua hậu môn và những anh hề bi có thể khóc ra nước mắt thủy tinh; cô từng bình thân đứng giữa đám đông há hốc miệng khi cha cầm đinh xuyên cổ cô; và suốt thời gian ấy cô đã bảo toàn bí mật của riêng cô; một điều lớn lao hơn bất kỳ trò ảo thuật tầm thường nào quanh cô; bởi vì Parvati-phù-thủy, ra đời sau nửa đêm chỉ bảy giây, chính là người được ban tặng quyền năng của bậc chân tài, người khai sáng, thiên tài đích thực về phù chú và pháp thuật, môn nghệ thuật không cần xảo thuật.

Vậy là, trong lũ trẻ nửa đêm, đứa thì có năng lực biến hình, bay, tiên tri, phù thủy... riêng hai chúng tôi ra đời đúng nửa đêm. Saleem và Shiva, Shiva và Saleem, mũi và đầu gối và đầu gối và mũi... với Shiva, một giờ này đã ban cho gã sự thiện chiến (của Rama, người giương được cây cung không ai giương nổi; của Arjuna và Bhima; dũng khí của Kuru cùng Pandava^[8] hợp nhất, không ai cản nổi, trong gã!)... còn với tôi là tài năng siêu việt hơn hết - khả năng nhìn thấu trái tim và khối óc của con người.

[8] Kuru: một bộ tộc nổi tiếng là thiện chiến trong sử thi Mahabharata. Bhima và Arjuna là hai trong số năm anh em Pandava, những chiến binh dũng mãnh bậc nhất ở vương quốc Kuru.

Nhưng đang là Kali-Yuga; những đứa trẻ của một giờ đêm tối lại chào đời, tôi sợ là, giữa kỷ nguyên của bóng tối; cho nên dù thấy tỏa sáng là việc dễ dàng, chúng tôi lại luôn mơ hồ về việc thế nào là tốt.

Đây; tôi nói ra rồi đây. Tôi là – chúng tôi là thế đấy.

Nhìn Padma như thể mẹ cô vừa chết – vẻ mặt cô, với cái miệng không ngừng há ra ngậm lại, là mặt một con cá chim mắc cạn. “Ôi baba!” cuối cùng cô thốt lên. “Ôi baba! Ông ốm rồi; ông vừa nói gì vậy?”

Không, vậy thì dễ dàng quá. Tôi từ chối trốn tránh trong bệnh tật. Chớ mắc sai lầm khi xem những gì tôi vừa tiết lộ chỉ toàn là những lời mê sảng; thậm chí những ảo tưởng vĩ cuồng của một đứa trẻ cô độc, xấu xí. Tôi đã tuyên bố từ trước rằng tôi không nói ẩn dụ; những gì tôi viết (và đọc to cho Padma đang choáng váng) không là gì khác ngoài sự thật theo nghĩa đen, sự thật thê-có-từng-sợi-tóc-trên-đầu-mẹ-tôi.

Hiện thực có thể chứa đựng yếu tố ẩn dụ; điều này không làm nó ít thực hơn. Một ngàn lẻ một đứa trẻ ra đời; có một ngàn lẻ một khả năng trước đây chưa hề tồn tại hiện diện ở cùng một nơi; và có một ngàn lẻ một ngõ cụt. Lũ trẻ của nửa đêm có thể được lấy làm đại diện cho nhiều thứ, tùy vào góc nhìn của mỗi người: chúng có thể được xem như ván bài tối hậu của tất cả những gì cổ hủ và lạc hậu ở đất nước chìm đắm trong thần thoại này của chúng tôi, mà sự thất bại, trong bối cảnh kinh tế hiện đại hóa thế kỷ 20, là điều hoàn toàn đáng mong ước; hoặc niềm hy vọng đích thực vào tự do, mà giờ đây đã bị triệt tiêu vĩnh viễn; nhưng chúng không thể nào là sự hư cấu kỳ quặc của một đầu óc lèm bèm, bệnh tật. Không: bệnh tật không có chỗ đứng ở đây.

“Được rồi, được rồi, baba,” Padma cố gắng vỗ về tôi. “Làm gì mà gắt gỏng thế? Ông nghỉ đi, nghỉ đi một tí, em chỉ yêu cầu có vậy thôi.”

Những ngày trước sinh nhật thứ mười của tôi hiển nhiên là một thời kỳ đầy ảo giác; song ảo giác không ở trong đầu tôi. Cha tôi, Ahmed Sinai, bị cái chết phẫn nộ của Bác sĩ Narlikar và ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ của tửu-tinh-và-tonic xô đẩy, đã lánh mình vào một cõi mộng của những ảo tưởng đáng lo ngại; và khía cạnh âm ỉ nhất trong sự suy sụp từ từ của ông đó là, suốt một thời gian dài, mọi người nhăm nó với điều hoàn toàn ngược lại... Đây là mẹ của Sonny, Nussie-vịt-bầu, trò chuyện cùng Amina một tối nọ ngoài vườn: “Nhà chị độ này thật hạnh phúc, chị Amina, khi anh Ahmed nhà chị đương độ sung sức! Người đâu mà giỏi giang, vì gia đình phấn đấu làm ăn phát đạt thế đấy!” Cô ta nói đủ to cho ông nghe thấy; và mặc dù ông vờ như đang dặn bảo người làm vườn phải làm gì với cây hoa giấy héo, mặc dù ông làm ra vẻ khiêm tốn và nghiêm khắc với bản thân, nó vẫn rất không thuyết phục, bởi cái cơ thể núng nính của ông đã bắt đầu, mà ông không ý thức được, tỏ ra vênh vao và khệnh khạng. Ngay tới Purushottam, vị sadhu chán nản dưới vòi nước ngoài vườn, cũng thấy phát ngượng.

Người cha phai nhạt của tôi... suốt mười năm ông luôn có tâm trạng vui vẻ tại bàn ăn sáng trước khi cạo râu; nhưng khi râu ông ngả trắng theo nước da ngày một nhạt dần, cái niềm vui vẻ cố định này không còn là tất yếu nữa; và rồi cũng đến cái ngày lần đầu tiên ông nổi cáu vào bữa sáng. Đây là cái ngày thuế được tăng lên và ngưỡng chịu thuế đồng thời bị hạ xuống; cha tôi ném tờ *Thời báo Ấn Độ* bằng một động tác dữ tợn và trợn mắt nhìn quanh bằng con mắt đỏ sọc mà tôi biết chỉ xuất hiện khi nào ông nổi giận. “Hết như đi vệ sinh!” ông bùng nổ, một cách bí hiểm; trà trứng bánh mì run lẩy bẩy trước cơn thịnh nộ bộc phát. “Ta vén áo lên và tụt quần xuống! Bà nó, cái chính quyền này sẽ đi vệ sinh trên đầu chúng ta!” Và mẹ tôi, bùng đỏ dưới làn da ngăm đen, “Janum, bọn trẻ kia, em xin anh,” nhưng ông đã sầm sập bỏ đi, để tôi lại với một ý niệm rõ ràng về hàm ý của người khác khi họ bảo đất nước này sẽ đi tiêu.

Trong những tuần tiếp theo cái cảm buổi sáng của cha tôi tiếp tục nhạt dần và không chỉ có sự bình yên ở bàn ăn sáng biến mất: ông bắt đầu quên mất người đàn ông đã từng là mình trong những ngày tháng trước sự phản bội của Narlikar. Những nề nếp của đời sống gia đình chúng tôi bắt đầu suy đồi. Ông bắt đầu tránh có mặt ở bàn ăn sáng, để Amina không thể dỡ tiền từ ông; nhưng, bù lại, ông trở nên bất cẩn với tiền bạc, quần áo ông thay ra còn đầy cả tiền giấy lẫn tiền xu, thế nên bằng cách móc túi ông bà vẫn kiếm được đủ tiêu. Nhưng một chỉ dấu đáng buồn hơn của việc ông rút ra khỏi cuộc sống gia đình là ông hầu như không kể chuyện cho chúng tôi vào giờ ngủ nữa, và nếu như ông có kể thì chúng tôi cũng không thích, bởi chúng đã trở nên nghèo túng tẻ nhạt và kém thuyết phục. Đề tài thì vẫn vậy, hoàng tử quý lùn ngựa bay và những cuộc phiêu lưu đến các xứ sở diệu kỳ, nhưng từ giọng kể chiếu lệ của ông, chúng tôi có thể nghe ra những tiếng kẽo kẹt và rên rỉ của một trí tưởng tượng đang hoen gỉ, mục nát.

Cha tôi đã chìm đắm vào một cơn trầm mê. Hình như cái chết của Narlikar và sự chấm dứt của giấc mơ tetrapod đã cho Ahmed Sinai thấy bản chất bất trắc của quan hệ giữa người với người; ông quyết định dứt bỏ mọi mối liên hệ kiểu ấy. Ông chuyển sang thức dậy trước hừng đông và nhốt mình cùng cô ả Fernanda hay Flory hiện thời trong văn phòng ở tầng trệt, mà bên ngoài cửa sổ hai cây xanh cao đến độ ngăn hết hầu hết ánh sáng ban ngày lọt vào. Vì rằng bọn tôi hiếm khi dám làm phiền ông, cha tôi rơi vào một cơn cô đơn sâu, một trạng thái ít thấy ở đất nước quá đông đúc của chúng tôi đến mức gần như bất thường; ông bắt đầu từ chối thức ăn nhà nấu để sống bằng những của rẻ của ôi do cô ả thư ký mua về hằng ngày đựng trong cặp lồng, paratha nguội ngắt và samosa rau nhão nhoét và dầm chai nước có ga. Một mùi kỳ quái bay ra từ khe cửa văn phòng ông; Amina cho đó là hơi không khí tù đọng và thức ăn rẻ tiền; nhưng tôi tin rằng đó là mùi hương cũ, nay đã trở lại mạnh mẽ hơn, cái mùi xa xưa của thất bại từng lớn vờn quanh ông từ buổi ban đầu.

Ông bán tháo nhiều chung cư và nhà tập thể ông đã mua với giá rẻ ngày mới tới Bombay, nền tảng cho sự phát đạt của gia đình tôi. Nhằm giải phóng mình khỏi mọi mối quan hệ làm ăn với nhân loại – kể cả với những khách trọ vô danh ở Kurla và Worli, ở Matunga và Mazagaon, và Mahim – ông thanh lý bất động sản, để bước vào không gian bí hiểm và trừu tượng của đầu cơ tài chính. Nhốt mình ở văn phòng, vào những ngày ấy, mối liên hệ duy nhất của ông với thế giới bên ngoài (trừ các ả Fernanda tội nghiệp) là chiếc điện thoại. Suốt ngày ông chìm trong những cuộc đàm thoại với thiết bị này, trong khi nó rót tiền của ông vào cổ phần abc hay cổ phiếu xyz, trong khi nó đầu tư vào trái phiếu chính phủ hoặc cổ phiếu mất giá, bán thường hay bán không theo lệnh ông... và luôn luôn kiếm được giá hời nhất trong ngày. Với một chuỗi vận may chỉ có thể sánh ngang với thành công của mẹ tôi với bầy ngựa nhiều năm trước, cha tôi và chiếc điện thoại ào ạt đổ bộ vào thị trường chứng khoán, một chiến công còn ấn tượng hơn khi xét đến tật nghiện rượu ngày một nặng của Ahmed Sinai. Say sưa túy lúy, thế nhưng ông vẫn ngất ngưỡng trên những cơn sóng trừu tượng của thị trường tiền tệ, phản ứng trước những biến động và thay đổi ngẫu hứng, khó lường của nó theo cách một chàng trai phản ứng trước từng ý tưởng phù phiếm nhỏ nhất của người mình yêu... ông cảm nhận được khi nào một cổ phiếu lên giá, khi nào thì đạt đỉnh; và bao giờ ông cũng rút ra trước khi sụt giá. Đây là cách ông nguy trang việc đắm mình trong nỗi cô đơn trừu tượng của những ngày ôm điện thoại, cách những thắng lợi tài chính của ông đã che giấu sự đoạn tuyệt từ từ của ông với hiện thực; nhưng dưới vỏ bọc của khối tài sản liên tục sinh sôi ấy, tình trạng của ông ngày một tệ hơn.

Rốt cuộc cô ả thư ký mặc váy hoa cuối cùng của ông cũng bỏ đi, không sống nổi trong một bầu không khí loãng và trù tượng đến mức khó thở; bấy giờ cha tôi gọi Mary Pereira tới và dỗ cô bằng, “Mary, chúng ta là bạn, phải không, ta và chị?” và người đàn bà tội nghiệp đáp, “Vâng, sahib, em biết; ông sẽ chăm nom em lúc em về già,” và hứa giúp ông tìm người thay thế. Hôm sau cô dắt em mình đến, Alice Pereira, người đã làm việc với mọi loại ông chủ và có một sức chịu đựng gần như vô biên với đàn ông. Alice cùng Mary đã làm lành từ sau vụ cãi vã về Joe D’Costa; cô em thường lên gác chơi với tụi tôi vào cuối ngày, mang nét tươi tắn và hoạt bát của cô đến bầu không khí có phần ngột ngạt ở nhà tôi. Tôi mến cô, và từ cô chúng tôi mới biết về những hành vi cực đoan nhất của cha tôi, mà nạn nhân là một con vẹt đuôi dài và một con chó lai.

Đến tháng Bảy, Ahmed Sinai đã bước vào một trạng thái say xỉn gần như triền miên; một hôm, Alice kể lại, ông bỗng nhiên lái xe đi mất, làm cô lo nhỡ ông bị làm sao, và bằng cách nào đó rồi cũng trở về được với một cái lồng chim phủ vải, trong đó, theo lời ông, là con chim ông mới mua, một con bulbul hay họa mi Ấn Độ. “Có Chúa mới biết,” Alice tiết lộ, “ông nói về chim bulbul với tôi trong bao lâu; đủ mọi chuyện thần tiên về tiếng hót của chúng; một vị Calipha bị tiếng hót ấy mê hoặc ra sao, tiếng hót ấy có thể kéo dài thêm vẻ đẹp của đêm thế nào; có Chúa mới biết con người khôn khổ ấy làm nhảm điều gì, trích dẫn hết tiếng Ba Tư tới Ả Rập, tôi chẳng hiểu mô tê gì. Nhưng khi ông bỏ tấm phủ ra, trong lồng chẳng có gì khác ngoài một con vẹt biết nói, chắc là một gã lừa đảo nào đấy ngoài chợ Chor đã sơn lại lông con vật! Tôi biết nói làm sao với con người tội nghiệp ấy, quá háo hức với con chim, cứ ngồi đó gọi, “Hót đi, bulbul bé nhỏ! Hót đi!”... mà buồn cười lắm, ngay trước khi chết vì ngộ độc sơn nó cứ nhại lại lời ông, nguyên xi như thế - không cả cộ kiểu chim đâu, mà bằng giọng của chính ông: “*Hót đi! Bulbul bé nhỏ, hót đi!*”

Nhưng như thế chưa phải là tệ nhất. Một ngày sau khi đang ngồi cùng tôi trên cầu thang xoắn ốc của người hầu, Alice bảo, “Baba, tôi không hiểu bây giờ bố cậu bị sao nữa. Cả ngày cứ ngồi đó nguyên rửa con chó!”

Con chó lai mà nhà tôi gọi là Sherri đã lững thững leo lên ngọn đồi hai tầng từ đầu năm và cứ thế nhận chúng tôi là chủ, không hề biết đời là một cuộc hiểm nguy đối với động vật ở Điện trang Methwold; và trong cơn say Ahmed Sinai đã biến nó thành con chuột lang cho thí nghiệm của ông về lời nguyên của gia tộc.

Đây chính là lời nguyên hư cấu ông đã tưởng tượng ra nhằm gây ấn tượng với William Methwold, song giờ đây ở những khoang hóa lỏng của tâm trí ông các tửu tinh thuyết phục ông rằng đó không phải là hư cấu, chỉ là ông đã quên mất những lời đó; vậy là ông ở lì hàng giờ liền trong cái văn phòng cô độc đến phát điên để thí nghiệm công thức... “Ôi những lời nguyên rửa ông ấy trút lên con vật tội nghiệp!” Alice nói, “tôi tự hỏi vì sao nó còn chưa lăn ra chết!”

Nhưng Sherri vẫn ngồi một góc và nhe răng cười ngó ngán với ông, dứt khoát không ngả tím^[9] hay mọc nhọt, cho đến một tối nọ, ông bưng bưng rời khỏi văn phòng và lệnh cho Amina chở cả nhà đến Hornby Vellard. Sherri cũng đi theo. Chúng tôi tản bộ, mặt mũi ngơ ngác, dọc theo Vellard, rồi ông bảo, “Tất cả, lên xe.” Có điều ông không cho Sherri lên... khi chiếc Rover do cha tôi cầm lái tăng tốc chạy đi, nó bắt đầu đuổi theo chúng tôi trong khi con Khỉ gào thét Bóoibóo! còn Amina cầu xin

Janum dùng mà còn tôi cầm bắt trong kinh hãi, chúng tôi phải chạy hàng cây số, gần hết đường tới sân bay Santa Cruz, trước khi ông báo thù được con chó cái vì nhất định không quy phục tà thuật của ông... nó vỡ một động mạch khi đang chạy và chết ộc máu ra từ miệng và hậu môn, dưới cái nhìn của một con bò đốm.

*[9] Rushdie dùng khái niệm “ngả tím” (turn purple) với nghĩa kép, vừa có nghĩa là tím mặt lại vì tức giận, vừa nghĩa là trở thành quý tộc. Thời La Mã và Byzantine màu tím là màu áo đặc trưng của hoàng đế. Tiếng Anh có thành ngữ **born in the purple**, nghĩa là sinh ra trong gia đình quyền quý. Ở đây ám chỉ việc Ahmed Sinai bốc phét với Methwold rằng nhà ông là dòng dõi các hoàng đế Mughal.*

Con Khi Đồng (vốn không hề thích chó) khóc mất một tuần liền; mẹ tôi đâm lo nó mất nước, bắt nó uống hàng gallon^[10], tưới nước vào nó, theo lời Mary, như thể nó là một bãi cỏ; riêng tôi thì khoái con cún cha tôi mua tặng tôi nhân dịp tôi sinh nhật mười tuổi, hành động có lẽ xuất phát từ một thoáng ăn năn: tên nó là Nữ nam tước Simki von der Heiden, và nó có một cây phả hệ đầy lèn lèn những con chó nòi Alsace đoạt chức vô địch, mặc dù sau này mẹ tôi phát hiện ra con này cũng giả chả khác gì con bulbul nhái, cũng hư cấu chả khác gì lời nguyên bị lãng quên và tổ tiên Mughal của cha tôi; và sáu tháng sau nó chết vì bệnh hoa liễu. Kể từ đó nhà tôi không nuôi con gì nữa.

[10] Một gallon = 4,55 lít.

Cha tôi không phải là người duy nhất hướng đến sinh nhật thứ mười của tôi với tâm trí u mê trong mây mù của những giấc mơ; bởi vì còn có Mary Pereira, mãi mê theo đuổi thú làm chutney, kasaundy và rau quả dầm đủ kiểu, và bắt chấp vẻ hơn hờ bề ngoài của cô em Alice, gương mặt cô vẫn có vẻ gì đó ám ảnh.

“Xin chào, Mary!” Padma – người dường như đã sinh lòng thương cảm người ayah tội lỗi của tôi – chào đón cô trở lại sân khấu. “Điều gì dẫn vật *cô ấy* vậy?”

Thế này, Padma: bị hành hạ vì những cơn ác mộng giày vò của Joseph D’Costa, Mary ngày càng khó ngủ hơn. Biết rõ những giấc mơ gì đang đợi mình, cô ép mình thức; mắt cô thâm quầng, bao phủ một lớp màng mỏng, mờ đục; và dần dần, sự mờ ảo trong cái nhìn của cô đã pha trộn tỉnh và mơ thành hai thứ rất giống nhau... một tình trạng rất nguy hiểm, Padma. Không chỉ công việc bị ảnh hưởng, mà có những thứ trong mơ bắt đầu thoát ra ngoài. Trên thực tế, Joseph D’Costa đã vượt qua ranh giới mơ hồ ấy, và bắt đầu xuất hiện tại Biệt thự Buckingham, không phải dưới dạng ác mộng, mà như một con ma thực thụ. Chỉ bị mình Mary Pereira (ở thời điểm này) nhìn thấy, gã bắt đầu ám cô ở khắp nơi trong nhà tôi, nơi gã, trước nỗi kinh hãi và hổ thẹn của cô, thần nhiên coi như nhà mình. Cô nhìn thấy gã trong phòng khách, ở giữa đám bình pha lê và tượng sứ Dresden và bóng quạt trần xoay tròn, uể oải ngồi trên ghế bành, đôi chân dài rách rưới vắt qua tay ghế; cặp mắt trắng dã và bàn chân đầy vết rạn nứt. Một lần cô thấy gã trên giường Amina Begum vào buổi chiều, nằm giải thẽ ngay cạnh mẹ tôi đang ngủ, và cô bật thốt, “Ê, này! Cút ra khỏi đây! Người tưởng người là ai, quý tộc à?” - nhưng chỉ khiến mẹ tôi ngơ ngác thức dậy. Hồn ma Joseph theo ám Mary trong tâm lặng; và điều đáng sợ nhất là cô thấy mình bắt đầu quen với gã, cô thấy những rung động yêu thương bị lãng quên của mình thức dậy trong cô, và mặc dù tự nhủ như thể là rồ dại, trong cô bắt đầu tràn đầy thứ tình yêu hoài vọng với linh hồn gã hộ lý

đã chết.

Nhưng tình yêu ấy không được đáp lại; cặp mắt trắng dã của Joseph luôn luôn vô cảm; môi gã luôn luôn một nụ cười ngiệt ngã, nhạo báng; và rốt cuộc cô nhận ra rằng cái hồn ma mới này cũng chẳng khác gì gã Joseph-trong-mơ trước kia (mặc dù nó không xỉ vả cô), và để vĩnh viễn thoát khỏi gã cô sẽ phải làm điều không tưởng là thú nhận tội ác của mình với mọi người. Nhưng cô không thú nhận, có lẽ đây là lỗi của tôi – bởi vì Mary yêu tôi như đứa con trai không hoài thai và không thể hoài thai của chính cô, và nếu thú nhận cô sẽ làm tôi tổn thương ghê gớm, thế nên vì tôi cô chịu đựng hồn ma của lương tâm và đứng bếp trong tình trạng bị ma ám (cha tôi một tối say mềm đã đuổi người đầu bếp) nấu bữa tối cho gia đình tôi, và trở thành, một cách tình cờ, hiện thân của dòng mở đầu cuốn sách dạy tiếng Latin của tôi, *Ora Maritima*: “Bên bờ biển, người ayah nấu ăn.” *Ora Maritima, ancilla cenam parat*. Nhìn vào mắt của người ayah nấu ăn, rồi ta sẽ thấy nhiều hơn mọi cuốn sách giáo khoa.

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, rất nhiều gà sẽ về chuồng.

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, rõ ràng là thời tiết bất thường – bão, lũ, mưa đá khi trời không một gợn mây – tiếp nối cái nóng không chịu nổi của năm 1956, đã phá hỏng Kế hoạch Năm Năm lần thứ hai. Chính phủ buộc phải – mặc dù kỳ bầu cử đang tới gần – thông báo với quốc tế rằng Ấn Độ không thể tiếp nhận thêm viện trợ phát triển, trừ phi bên cho vay sẵn lòng dẫn nợ vô thời hạn. (Tuy vậy, tôi sẽ không phóng đại tình hình: tuy sản lượng thép thành phẩm chỉ đạt 2,4 triệu tấn khi kết thúc Kế hoạch vào năm 1961, và tuy, trong năm năm ấy, số người mất đất và thất nghiệp thực tế gia tăng, cao hơn suốt thời thuộc địa Anh, song cũng có những thành tựu đáng kể. Sản lượng sắt tăng gần gấp đôi; sản lượng điện đã tăng gấp đôi; sản lượng than tăng vọt từ 38 triệu lên 55 triệu tấn. Bốn triệu rưỡi mét vải cô tông được sản xuất hằng năm. Ngoài ra là một số lượng lớn xe đạp, máy công cụ, động cơ diesel, bơm nước và quạt trần. Nhưng tôi không thể không kết thúc bằng một điều đáng buồn: nạn mù chữ không suy giảm; dân số tiếp tục bùng nổ.)

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, chúng tôi đón cậu Hanif đến chơi, người đã tự làm mình bị ghét ghê gớm tại Điện trang Methwold bằng cách cười hô hố, “Sắp bầu cử rồi! Hãy coi chừng đảng Cộng sản!”

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, khi cậu Hanif lơ lửng, mẹ tôi (người đã bắt đầu biến mất trong những chuyến “đi mua sắm” bí ẩn) liền đỏ mặt tưng bừng một cách khó hiểu.

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, tôi được tặng một con cún giống Alsace với một cây phả hệ giả, con vật rồi sẽ sớm chết vì bệnh giang mai.

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, mọi người tại Điện trang Methwold đều cố tỏ ra vui vẻ, nhưng bên dưới lớp vecni mỏng này ai nấy đều bị ám ảnh chung một suy nghĩ: “Mười năm, lạy Chúa! Chúng đã đi đâu! Ta đã làm gì?”

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, ông già Ibrahim tuyên bố ủng hộ đảng Maha Gujarat; xét đến chuyện chiếm hữu thành phố Bombay, ông già đã đặt cửa vào bên thua cuộc.

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, một gương mặt đỏ bừng khơi dậy sự nghi ngờ trong tôi, tôi rình mò suy nghĩ của mẹ tôi; và những gì tôi thấy dẫn tôi đến chỗ theo dõi bà, đến chỗ trở thành một tay thám tử táo tợn như huyền thoại Dom Minto của Bombay, và đến những khám phá trọng đại ở và trong vùng phụ cận của quán café Pioneer.

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, tôi có một bữa tiệc, với sự có mặt của gia đình tôi, vốn đã quên mất cách vui vẻ, của đám bạn cùng lớp từ trường Cathedral, được bố mẹ gửi đến, và một số tay bơi nữ của bể bơi Breach Candy, mấy con bé vẫn cho con Khi Đồng lân la chơi cùng và nấn cơ bắp của chúng; về phía người lớn, có Mary và Alice Pereira, nhà Ibrahim và Homi Catrack và cậu Hanif và Mợ Pia, và Lila Sabarmati, người mà ánh mắt của cả lũ con trai (và cả Homi Catrack) đều dính chặt vào, trước vẻ khó chịu ra mặt của Pia. Nhưng thành viên duy nhất của hội trên đồi có mặt là thằng Sonny Ibrahim trung thành, người đã bất chấp lệnh cấm đối với bữa tiệc do một Evie Burns cay cú ban ra. Nó chuyển đến tôi một thông điệp: “Evie bảo nói với mày rằng mày bị trục xuất khỏi băng.”

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, Evie, Mắt Chẽ, Tóc Dầu và cả thằng Cyrus-đại-đế xông vào chỗ trốn bí mật của tôi; bọn nó chiếm tháp đồng hồ, và tống tôi ra khỏi nơi trú ẩn.

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, Sonny có vẻ không vui, và con Khi Đồng tách ra khỏi đám vận động viên bơi và cực kỳ tức giận Evie Burns. “Em sẽ cho nói một bài học,” nó bảo tôi. “Anh cứ yên tâm, anh trai; em sẽ cho nó nếm mùi.”

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, bị một lũ trẻ bỏ rơi, tôi phát hiện ra năm trăm tám mươi một đứa trẻ khác cũng đang mừng sinh nhật; nhờ vậy tôi khám phá ra bí mật về giờ sinh gốc của mình; và, vừa bị trục xuất khỏi một băng, tôi quyết định tự lập băng của mình, cái băng sẽ trải suốt chiều dài và chiều rộng của đất nước, và có tổng hành dinh đặt sau hàng lông mày của tôi.

Vào sinh nhật thứ mười của tôi, tôi ăn cắp chữ viết tắt của Metro Cub Club – đồng thời cũng là tên viết tắt của hội cricket Anh đang du đấu – và lấy nó đặt cho Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm^[11], cái M.C.C. của chính tôi.

[11] Nguyên văn Mildnight Children's Conference.

Khi tôi lên mười mọi chuyện như thế đấy: bên ngoài đầu tôi chỉ toàn rắc rối, ở trong thì toàn những sự diệu kỳ.

Chương 15: Ở quán café Pioneer

Không có màu gì ngoại trừ màu xanh và đen tường màu xanh trời màu đen (không có mái nhà) sao màu xanh mù Góa phụ màu xanh nhưng tóc mù thật đen. Mù Góa phụ ngồi trên một cái ghế cao thật cao cái ghế màu xanh mặt ghế màu đen tóc mù rẽ ngôi giữa bên trái thì xanh bên phải thì đen. Trời cao vọi vọi cái ghế thì xanh mặt ghế thì đen cánh tay mù Góa phụ dài như thần chết da tay màu xanh móng tay dài và sắc và đen. Giữa bốn bức tường là lũ trẻ màu xanh tường màu xanh cánh tay mù Góa phụ vươn dài như rắn con rắn màu xanh lũ trẻ rú lên móng tay mù thì đen chúng cào cánh tay mù Góa phụ đang lùa lũ trẻ chạy và rú lên bàn tay mù Góa phụ cuốn quanh chúng xanh và đen. Và giờ từng đưa một bị tiếng ú ớ bị bóp nghẹt tay mù Góa phụ nhấc lên từng đưa một lũ trẻ màu xanh máu chúng màu đen chảy ra dưới những móng tay khía vào tung tóe màu đen lên tường (màu xanh) cứ từng đưa một bàn tay cong cong nhấc lũ trẻ lên cao tít trên bầu trời đen kịt không có bóng sao mù Góa phụ cười lười mù màu xanh nhưng răng mù đen. Và lũ trẻ bị xé thành hai mảnh dưới hai bàn tay mù Góa phụ chúng vo vo từng nứa đưa trẻ vo chúng thành những quả bóng nhỏ bóng màu xanh đêm màu đen. Và từng quả bóng nhỏ bay vào trời đêm giữa những bức tường lũ trẻ rú rít khi từng đưa một qua tay mù Góa phụ. Và trong một góc con Khỉ với tôi (tường màu xanh bóng tối màu đen) bò rúm bò rỏ tường cao rộng xanh lẫn với đen không có mái nhà và bàn tay mù Góa phụ vươn ra từng đưa một bọn trẻ thét lên và ú ớ và những quả bóng và bàn tay la thét và ú ớ và từng vũng đen bắn tung tóe. Giờ chỉ còn mù và tôi không còn tiếng thét bàn tay mù Góa phụ vươn ra lùa bắt lùa bắt da mù xanh móng tay mù đen xòe vào góc lùa bắt lùa bắt trong khi bọn tôi co rúm lại ở trong góc da bọn tôi màu xanh nổi sợ màu đen và giờ Bàn Tay vươn tới vươn tới và nó em gái tôi đẩy tôi khỏi góc còn nó rúm rỏ ngó trần trần bàn tay móng tay cong cong la thét và ú ớ và màu đen bắn tung tóe và cao tít lên trời và mù Góa phụ cười vang xé toang tôi đang vo thành những quả bóng bóng màu xanh và bay vào đêm đêm màu đen...

Hôm nay cơn sốt dứt. Suốt hai ngày (tôi nghe nói vậy) Padma ngồi thâu đêm bên tôi, đắp khăn lạnh lên trán tôi, ôm tôi qua từng cơn co giật và giấc mơ về bàn tay mù Góa phụ; suốt hai ngày cô tự oán trách mình vì phương thuốc thảo dược vô danh của cô. “Nhưng,” tôi trấn an cô, “lần này, không phải vì thế đâu.” Tôi nhận ra cơn sốt này; nó xuất phát từ trong tôi chứ không phải đâu khác; giống như một mùi hôi, nó bốc ra qua những kẽ nứt của tôi. Tôi lên cơn sốt đúng như thế này vào ngày sinh nhật thứ mười, và nằm liệt giường hai ngày; giờ đây, khi ký ức bắt đầu rỉ khỏi tôi, cơn sốt cũ này đã trở lại. “Đừng lo,” tôi nói, “tôi nhiễm thứ vi khuẩn này từ gần hai mươi một năm trước.”

Ở đây không chỉ có chúng tôi. Đang là buổi sáng tại nhà máy rau quả dầm; mọi người đã đưa con trai tôi đến thăm tôi. Ai đó (là ai không quan trọng) đứng cạnh Padma bên giường tôi, bế con tôi trên tay. “Baba, ơn Chúa là anh đã khỏe, anh không hình dung nổi anh đã nói gì khi mê sảng đâu.” Ai đó lo lắng cất lời, cố gắng chen chân vào câu chuyện của tôi trước thời điểm; nhưng không ăn thua... ai đó, chủ nhân sáng lập nhà máy rau quả dầm này, cũng như công việc phụ trợ của nó là đóng chai, người đã chăm sóc đưa con không ai hiểu được của tôi, như đã từng... khoan đã! Chỉ một chút nữa là người này đã dụ được tôi nói ra, nhưng may thay tôi hãy còn tỉnh táo, dù có sốt hay không! Ai đó sẽ phải lùi lại

và tiếp tục ẩn danh chờ đèn lợt; và thế nghĩa là phải đợi đến phút chót. Tôi đưa mắt từ người đó sang Padma. “Chớ có nghĩ,” tôi quả trách cô, “rằng vì tôi sốt, mà những gì tôi kể không hoàn toàn chính xác. Mọi chuyện đã xảy ra đúng như tôi miêu tả.”

“Trời ơi, ông và những câu chuyện của ông,” cô kêu lên, “suốt ngày, suốt đêm – ông tự làm mình đồ ồm! Nghỉ đi một tí, nào, có chết ai đâu?” Tôi mím môi lại đầy bướng bỉnh; và giờ cô, đột nhiên đổi giọng: “Nào, nói em nghe: ông có thích món gì không?”

“Chutney xanh,” tôi đòi, “Xanh non – xanh như châu châu.” Và một người tôi không thể nhắc tên nhớ ra và bảo Padma, “Ta hiểu ý nó rồi.”

... Tại sao, vào thời điểm quyết định này, khi đủ mọi thứ đang chờ để được tường thuật – khi quán café Pioneer đã ở rất gần, rồi sự kinh dị giữa đầu gối và mũi nữa – tôi lại đưa một món gia vị vào cuộc đối thoại? (Tại sao tôi lại phí thời gian, của câu chuyện này, vào một món rau quả dầm quế mùa, trong khi tôi có thể miêu tả kỳ bầu cử năm 1957, khi cả Ấn Độ đang chờ đợi, hai mươi một năm về trước, đã bỏ phiếu?). Bởi vì tôi đánh hơi; và nhận thấy, sau vẻ mặt lo âu của những người đến thăm, một làn hơi sắc mùi nguy hiểm. Tôi quyết tâm tự vệ; nhưng tôi cần sự trợ giúp của chutney...

Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa giới thiệu cho quý vị nhà máy lúc ban ngày. Đây là những gì chưa được miêu tả: qua lớp cửa kính xanh nhạt, phòng tôi trông ra một cầu treo bằng sắt rồi nhìn xuống tầng chế biến, nơi những vại đồng sôi lục đục, nơi những phụ nữ tay khỏe đứng trên bậc gỗ, khuấy những cái muôi cán dài qua làn hơi chua ngắt của dung dịch ngâm; trọng khi (nhìn về phía kia, qua một ô cửa xanh nhạt trông ra thế giới) đường ray tỏa ánh sáng đục dưới nắng sớm, nối nhau cách quãng đều đặn ở trên là hàng cột tín hiệu rồi bù của hệ thống điện khí hóa. Vào ban ngày, nữ thân neon màu xanh-và-nghê của chúng tôi không nhảy múa bên trên cửa nhà máy; chúng tôi tắt nạng đi để tiết kiệm điện. Nhưng xe điện vẫn đang tiêu thụ năng lượng: từng đoàn tàu nội hạt màu vàng-và-nâu xinh xịch chạy về phía Nam đến Ga Churchgate từ Dadar đến Borivli, từ Kurla và đường Bassein. Hàng đàn ruồi người đậu dày thành từng lớp áo choàng quần trắng quanh tàu; và tôi không phủ nhận rằng, bên trong nhà máy, quý vị cũng có thể thấy ruồi. Nhưng để bù lại thì cũng có thạch sùng, nằm ngửa bất động trên trần nhà, má của chúng gợi nhớ đến bán đảo Kathiawar... cả các âm thanh cũng đang chờ được nghe thấy: tiếng vại rau quả dầm sôi sục, tiếng hò hát vang trời, tiếng chửi rửa thô tục, những câu đùa tục tĩu của đám phụ nữ tay lông lá; tiếng nhắc nhở thính mũi mỏng mồi của độc cộng; tiếng lanh canh lan khắp nơi của dây chuyền đóng chai nằm kề bên; và tiếng tàu hỏa rầm rập, và tiếng vo ve (không thường xuyên, song không tránh khỏi) của lũ ruồi... trong khi chutney màu xanh châu châu đang được chiết từ vại ra, được đem lên trên một cái đĩa vừa được lau sạch, có những vạch màu nghệ và xanh ở viền, cùng với một đĩa bánh dày tú hú bánh trái từ cửa hàng Iran gần đó; trong khi những-gì-bây-giờ-đã-được-giới-thiệu diễn ra như thường lệ, và những gì bây-giờ-có-thể-nghe-thấy tràn ngập trong không khí (chưa kể những thứ có thể ngửi thấy), tôi, một mình trên giường, trong văn phòng, giật mình nhận ra rằng việc đi dã ngoại đang được đề xuất. “... Khi anh khỏe hơn,” một người không thể nhắc tên đang nói, “một ngày ở Elephanta, sao lại không, làm một chuyến xuống máy, trong động phù điêu đẹp tuyệt vời; hay là Bãi Juhu, đi bơi, uống nước dừa và xem đua lạc đà; thậm chí Aarey Milk Colony nữa!...”^[1] Và Padma, “Không khí trong lành, phải rồi, và cậu bé sẽ thích đi cùng bố.” Và người nọ, vỗ vỗ đầu con trai tôi: “Rồi, tất nhiên rồi, cả nhà ta sẽ đi. Đi Picnic; đi dã ngoại. Baba, như vậy sẽ tốt cho anh...”

[1] Đây là những địa danh du lịch nổi tiếng ở Bombay. Elephanta là một hòn đảo ngoài khơi Bombay, có một hệ thống các hang động được điêu khắc công phu trong giai đoạn từ thế kỷ 5 đến 8.

Khi chutney vào, do người hầu bung, tới phòng tôi, tôi vội vàng đặt dấu chấm hết cho những đề

xuất ấy. “Không,” tôi từ chối. “Tôi còn phải làm việc.” Và tôi thấy ánh mắt trao đổi giữa Padma và người kia; và tôi hiểu mình đã nghi ngờ đúng. Bởi vì tôi đã từng bị lừa đi dã ngoại một lần rồi! Đã một lần, những nụ cười và gợi ý giả tạo về Aarey Milk Colony đã đánh lừa tôi ra khỏi nhà và leo lên một chiếc xe; và rồi đột nhiên có những bàn tay tóm lấy tôi, có những hành lang bệnh viện và bác sĩ và y tá giữ chặt tôi trong khi một chiếc mặt nạ up thuốc tê xuống mũi tôi và một giọng nói vang lên, Đếm đi, đếm đến mười... Tôi biết họ đang mưu tính gì. “Nghe này,” tôi nói, “tôi không cần bác sĩ.”

Và Padma, “Bác sĩ? Ai bảo cần b...” Nhưng cô chẳng lừa được ai hết; và tôi mỉm cười nói, “Nào, cả nhà, ăn chutney đi. Tôi có vài chuyện quan trọng muốn kể cho mọi người.”

Và trong khi chutney – chính thứ chutney mà, hồi năm 1957, người ayah Mary Pereira của tôi đã làm thật tuyệt hảo; thứ chutney màu xanh châu chấu sẽ vĩnh viễn gắn liền với những ngày tháng ấy – đem họ quay lại thế giới quá khứ của tôi, trong khi chutney làm họ mềm môi và dễ tiếp nhận, tôi nói chuyện với họ, dịu dàng, đầy thuyết phục, và nhờ vào một hỗn hợp của gia vị và thuật hùng biện, giữ mình thoát khỏi bàn tay đám lang băm nguy hiểm. Tôi bảo: “Con trai tôi sẽ hiểu. Tôi kể chuyện đời mình cho nó, cũng là cho mọi sinh linh khác, cốt để sau này, khi tôi đã bại trong cuộc chiến với những vết nứt, nó sẽ biết. Đạo đức, nhận định, tính cách... tất cả đều bắt đầu với ký ức... và tôi đang sao lưu.”

Chutney xanh trên pakora cay, trôi xuống dạ dày ai đó; màu xanh châu chấu trên chapati nhạt, biến mất sau đôi môi Padma. Tôi thấy họ yếu dần, bèn ép tới. “Tôi chỉ kể sự thật,” tôi nói lại lần nữa. “Sự thật của ký ức, bởi vì ký ức có sự thật riêng của nó. Nó lựa chọn, xóa bỏ, sửa đổi, phóng đại, giảm thiểu, tôn vinh, và bôi nhọ nữa; nhưng cuối cùng nó tại ra hiện thực của riêng nó, một phiên bản đa dạng nhưng thường khá nhất quán của các sự kiện; và không một người tỉnh táo nào lại tin phiên bản của người khác hơn của chính mình.”

Phải: tôi nói “tỉnh táo”. Tôi biết họ nghĩ gì: “Nhiều đứa trẻ chế ra bạn bè tưởng tượng; nhưng một ngàn lẻ một đứa! Thế thì điên quá!” Những đứa trẻ nửa đêm đã lay chuyển niềm tin của Padma đối với câu chuyện của tôi; nhưng tôi đã đưa cô về nẻo chính, và giờ không ai nhắc đến chuyện dã ngoại nữa.

Tôi đã thuyết phục họ ra sao: bằng cách nói về con trai tôi, người cần phải biết câu chuyện của tôi; bằng cách giải thích quá trình vận động của ký ức; và bằng các phương tiện khác, cái thành thật đến ngây thơ, cái ranh ma như chồn cáo. “Ngay cả Muhammad,” tôi nói, “lúc đầu cũng cho rằng mình bị điên: hai người tưởng ý nghĩ ấy chưa từng nảy ra trong óc tôi? Nhưng Đấng Tiên tri có Khadija, có Abu-Bakr để bảo chứng cho ông về sự chân thực của Tiếng gọi; không ai phản bội ông khiến ông vào tay lũ bác sĩ tâm thần.” Lúc này, chutney xanh đã lấp đầy tâm trí họ những suy tưởng của nhiều năm về trước; tôi thấy khuôn mặt họ xuất hiện vẻ tội lỗi, và hổ thẹn. “Sự thật là gì?” Tôi hỏi tu từ, “Thế nào là tỉnh trí? Liệu Jesus có sống dậy từ dưới mồ? Người Hindu có không thừa nhận – Padma – thế giới là một thứ giấc mơ; rằng Brahma đã mơ, và đang mơ thành vũ trụ; rằng chúng ta chỉ thấy lơ mơ qua lưới-mộng, nghĩa là Maya. Maya,” tôi lấy giọng giảng giải, cao đạo, “có thể được định nghĩa là tất cả những gì hư ảo; là lừa gạt, giả tạo và trá ngụy. Quỷ hồn, u linh, ảo tượng, xảo thuật, hình thái bề ngoài của sự vật: tất cả đều là thành phần của Maya. Nếu tôi nói có những chuyện xảy ra, những chuyện mà

mọi người, lạc lối trong giấc mơ của Brahma, thấy khó tin, thì trong chúng ta ai đúng ai sai? Ăn chutney nữa đi,” tôi duyên dáng thêm, và tự mình lấy thêm kha khá. “Rất là ngon đấy.”

Padma bắt đầu khóc. “Em chưa bao giờ nói rằng em không tin,” cô sùi sụt. “Dĩ nhiên, ai cũng có cách kể chuyện của riêng mình; nhưng...”

“Nhưng,” tôi cắt ngang đầy quả quyết, “cô cũng muốn - phải không – biết điều gì sẽ xảy ra? Về những bàn tay nhảy múa mà không chạm, và đầu gối? Và sau đó, cây ba toong kỳ lạ của Trung tá Sabarmati, và dĩ nhiên về mẹ Góa phụ? Và lũ trẻ - chúng sẽ ra sao?”

Và Padma gật đầu. Phát mệt với bác sĩ với viện tâm thần; mọi người đã để yên cho tôi viết (một mình, trừ có Padma dưới chân tôi). Chutney và tài hùng biện, thần học và sự tò mò: đây là những thứ đã giải cứu tôi. Còn một thứ nữa – gọi nó là giáo dục, hay đẳng cấp xuất thân; Mary Pereira hẳn sẽ bảo đó là nét “con nhà nòi”. Bằng cách phô trương học vấn và bằng sự thuần khiết trong khẩu ẩm, tôi làm họ hồ thẹn tới chỗ cảm thấy không đủ tư cách phán xét tôi; một hành động không đáng hoàng cho lắm, nhưng khi xe cấp cứu đang phục sau góc phố, thì cách nào cũng hợp lệ. (Nó ở đây thật: tôi nghĩ thấy.) Gì thì gì, tôi đã có một lời cảnh báo quý giá. Cố gắng áp đặt cách nhìn sự vật của mình lên người khác là một điều nguy hiểm.

Padma: nếu cô có chút nghi ngờ độ khả tín của tôi, ờ, nghi ngờ đôi chút không có gì sai. Đàn ông ngạo mạn thường mắc những sai lầm ghê gớm. Đàn bà cũng vậy.

Trong khi đó, tôi mười tuổi, và đang tìm cách trốn vào cốp xe của mẹ tôi.

Đó chính là tháng khi Purushottam vị sadhu (người tôi chưa hề thổ lộ về cuộc sống bên trong của tôi) cuối cùng đã tuyệt vọng về sự tồn tại bất động của mình, và mắc chứng nấc trí mạng đã hành hạ ông cả một năm, thường xuyên giật người ông lên khỏi mặt đất mấy tấc làm cái đầu nước xối trọc lóc của ông đập một cách đáng ngại vào cái vòi nước, và cuối cùng giết chết ông, khiến một tối nọ vào giờ cocktail, ông gục sang một bên khi chân vẫn xếp bằng tròn, bỏ lại đám mụn cóc của mẹ tôi vô phương cứu chữa; khi tôi thường đứng ngoài vườn của Biệt thự Buckingham về tối, ngắm từng vệ tinh Sputnik bay ngang trời, và cảm thấy vừa hoan hỉ vừa cô đơn như Laika bé bỏng, con chó đầu tiên và vẫn là duy nhất được phóng vào vũ trụ (nữ nam tước Simki von der Heiden, sắp mắc chứng giang mai, đứng cạnh tôi, dõi theo đốm sáng của Sputnik II bằng đôi mắt Alasce – đó là một thời kỳ loài chó đặc biệt quan tâm tới cuộc đua vào không gian; khi Evie Burns và băng của nàng chiếm cứ tháp đồng hồ của tôi, còn tủ giặt đã bị cấm và trở nên quá nhỏ, thế nên để đảm bảo bí mật và tỉnh táo, tôi buộc phải giới hạn việc viếng thăm bọn trẻ nửa đêm vào thời điểm riêng tư, lặng lẽ của riêng chúng tôi – tôi giao tiếp với chúng mỗi nửa đêm và chỉ vào nửa đêm, múi giờ dành riêng cho những điều kỳ diệu, và vì lý do nào đấy nằm ngoài thời gian; và khi – để đi vào vấn đề - tôi đã quyết tâm chứng minh, bằng cách tai nghe mắt thấy, điều khủng khiếp tôi thoáng thấy khi ngồi đằng trước trong tâm trí mẹ tôi. Kể từ khi tôi trốn trong tủ giặt và nghe được hai âm tiết tai tiếng này, tôi đã nghi ngờ người mẹ đầy bí mật của mình; những lần đột nhập dòng suy nghĩ của bà đã khẳng định những nghi ngờ ấy; vậy là với một ánh mắt kiên định, và một quyết tâm sắt đá, tôi viếng thăm Sonny Ibrahim vào một buổi chiều sau giờ học, với

một ý định cầu viện sự giúp đỡ của nó.

Tôi tìm thấy Sonny trong phòng nó, tứ bề treo đầy poster võ sĩ đấu bò Tây Ban Nha, đương rầu rĩ chơi Cricket Trong Nhà một mình. Thấy tôi, nó buồn bã thốt lên, “Ê mày tao rất xin lỗi về vụ Evie con nhỏ không chịu nghe ai cả mà rút cuộc mày làm cái quái gì nó thể hờ?”... Nhưng tôi oai vệ giơ một tay lên, ra lệnh và nhận được sự im lặng.

“Bây giờ không phải lúc,” tôi nói. “Vấn đề là, tao cần biết cách mở khóa không cần chìa.”

Một sự thật về Sonny Ibrahim: bất chấp mọi giấc mơ võ sĩ đấu bò, thiên tài của nó nằm ở vương quốc của đồ cơ khí. Lâu nay, nó đảm nhiệm việc bảo dưỡng tất cả xe đạp ở Điện trang Methwold đổi lấy truyện tranh và nguồn cung cấp nước ngọt có ga miễn phí. Ngay cả Evelyn Lilith Burns cũng gửi gắm chiếc Indiabike yêu quý cho nó chăm sóc. Dường như mọi thứ máy móc đều bị chinh phục bởi niềm hoan hỉ hồn nhiên của nó khi nâng niu mỗi bộ phận chuyển động của chúng; không thiết bị nào cưỡng nổi sự săn sóc của nó. Nói cách khác: Sonny Ibrahim đã trở thành (thuần túy bắt nguồn từ khát khao khám phá) một tay mở khóa thiện nghệ.

Giờ đây khi có cơ hội chứng tỏ lòng trung thành với tôi, mắt nó sáng lên. “Mày cứ để đây tao! Dẫn tao đến đó!”

Khi chắc chắn không bị ai chú ý, bọn tôi bò dọc lối đi giữa Biệt thự Buckingham và Sans Souci của nhà Sonny; bọn tôi đứng sau chiếc Rover cũ của nhà tôi; và tôi trở cái cốp xe. “Đây này,” tôi bảo, “tao cần mở được từ bên ngoài, và cả bên trong nữa.”

Mắt Sonny mở to. “Ê, mày đang mưu tính gì thế? Định bí mật bỏ nhà ra đi hả?”

Đề ngón tay lên môi, tôi làm bộ bí hiểm. “Không nói được, Sonny,” tôi nghiêm trang đáp, “thông tin tuyệt đối bí mật.”

“Trời ơi,” Sonny nói, và trong ba mươi giây nó chỉ cho tôi cách mở cốp xe bằng một mẫu nhựa mảnh màu hồng. “Mày giữ lấy,” Sonny Ibrahim bảo, “Mày cần nó hơn tao.”

Ngày xưa ngày xưa có một bà mẹ, người, để có thể làm mẹ, đã đồng ý đổi tên; người đã đề ra cho mình nhiệm vụ phải sinh lòng yêu chồng từng chút một, nhưng lại không thể yêu được một bộ phận, cái bộ phận, lạ lùng thay, lại biến giấc mơ làm mẹ của bà thành có thể; người có đôi chân tập tễnh vì mụn cóc và đôi vai oằn xuống dưới chât chồng tội lỗi của thế gian; người có đức ông chồng mà cái bộ phận không thể yêu được đã không thể hồi phục sau tác động của một vụ đóng băng; và người, cũng như chồng mình, cuối cùng đã bị sự bí hiểm của điện thoại cám dỗ, dành thời gian nghe lời những người gọi nhảm số... không lâu sau sinh nhật thứ mười của tôi (khi tôi đã hồi phục sau cơn sốt vừa quay về hành hạ tôi sau gần hai mươi một năm cách quãng), mới đây Amina Sinai nói lại thói quen là đột nhiên

lên đường, và luôn ngay sau một cuộc gọi nhậm, thực hiện những cuộc mua sắm khẩn cấp. Nhưng giờ, trốn trong cốp chiếc Rover, đồng hành cùng bà là một tên lậu vé, nằm trốn trong và được sự che chở của mấy tấm nệm ăn cắp, tay nắm chặt một mẩu nhựa mảnh màu hồng. Chao ôi, những vất vả ta phải chịu đựng nhân danh đạo lý! Những va đập và bầm tím! Những hít thở bầu không-khí-cốp-xe ộp cao su qua hàm răng lập cập! Và thường trực, nỗi sợ bị phát hiện... “Nhờ mẹ đi mua sắm thật thì sao? Nhờ tự nhiên cốp xe bật mở? Nhờ lũ gà sống bị tổng vào, chân bị trói, cánh bị nẹp, một lũ gà cánh đập phành phạch mở mở túi bụi xâm nhập nơi ẩn náu của tôi? Nhờ bà thấy tôi, lạy Chúa, tôi sẽ phải im lặng một tuần liền!”

Đầu gối tôi co lại dưới cằm – được bảo vệ khỏi va vào gối bằng một mảnh nệm cũ sòn – tôi lên đường đến nơi chưa biết trong cốp xe của sự bất chính mang tên người mẹ. Mẹ tôi lái xe rất cẩn thận; bà đi chậm, kỹ lưỡng ở từng cú rẽ; nhưng cuối cùng tôi vẫn thâm tím đầy người và bị Mary Pereira rầy la ra trò vì tội gây sự đánh nhau.

“Lạy Chúa lòng lành nhờ giờ nên chúng nó mới không giã cậu nát thành từng mảnh Chúa ở rồi ra lớn lên cậu sẽ thành thứ gì không biết hả đồ da đen hư đồn đồ haddi-phaelwan^[2] đồ đồ vật da bọc xương!”

[2] Tiếng Hindi, cũng có nghĩa là đồ vật da bọc xương; haddi nghĩa là gây guộc.

Để tạm quên đi bóng tối rung xóc, tôi thâm nhập vào, với sự thận trọng tối đa, phần tâm trí đảm nhiệm việc lái xe của mẹ tôi, và nhờ vậy có thể nắm được lộ trình chuyến đi. (Và cũng phát hiện, trong tâm trí thường ngày ngăn nắp của mẹ tôi, một mức độ xáo trộn đáng báo động. Từ hồi ấy, tôi đã bắt đầu phân loại mọi người theo mức độ ngăn nắp bên trong, và nhận ra mình thích tí người bừa bãi hơn, những người mà suy nghĩ, vốn không ngừng tràn sang nhau khiến những hình ảnh mong ngóng đồ ăn chen vào những toan tính nghiêm túc để kiếm sống còn những huyền tưởng tình dục in hằn lên những suy tư chính trị, có mối liên hệ gần gũi với bộ não ngổ ngang trăm thứ bà rần của tôi, nơi mọi thứ đụng đầu nhau, và điểm trắng của ý thức nhảy tứ tung như một con bọ chết hết thứ này sang thứ khác... Amina Sinai, người mà bản năng sắp xếp cần mẫn đã ban cho một trí não ngăn nắp đến gần như bất thường, là một ca tuyến mộ kỳ lạ vào hàng ngũ của sự hỗn loạn.)

Chúng tôi đi về phía Bắc, qua bệnh viện Breach Candy và đền Mahalaxmi, về phía Bắc dọc theo Horaby Vellard, qua sân vận động Vallabhbhai Petel và đảo lăng Haji Ali, phía Bắc của nơi từng là (trước khi giấc mơ của William Methwold đầu tiên thành hiện thực) đảo Bombay. Chúng tôi đang hướng tới quần thể vô danh những chung cư và làng chài và xưởng dệt và studio phim mà thành phố này chuyển hóa thành ở vùng phía Bắc (không xa đây đâu! Không hề xa nơi tôi ngồi và thấy các đoàn tàu địa phương!)... một khu vực mà, hồi đó, hoàn toàn xa lạ với tôi; tôi nhanh chóng bị mất phương hướng và buộc phải tự thừa nhận mình đã bị lạc. Rốt cuộc, đến cuối một con đường nhánh đầy người-ngủ-trong-ống-cống và tiệm sửa xe và người lớn và trẻ con nhếch nhác, chúng tôi dừng lại. Một lũ trẻ con bu lấy mẹ tôi khi bà bước xuống; bà, người không nở xua một con ruồi, phân phát những đồng xu nhỏ, vì vậy càng khiến đám đông phình ra ghê gớm. Cuối cùng, bà cũng vùng vẫy thoát ra được và đi về cuối phố; một thằng bé nài nỉ “Nau se đi, Begum? Nau se sổ một hạm nhất đây, Begum? Con trông xe đến khi bà về, Begum? Con trông xe chuẩn lắm, bà hỏi mà xem!”... kinh hãi, tôi chờ đợi bà trả lời.

Làm sao tôi chui từ cốp xe ra được dưới mắt thẳng nhai trông xe này? Nó phiền toái đã đành; và hơn nữa, việc tôi chui ra sẽ gây chú ý trên phố... mẹ tôi đáp, “Không.” Bà biến mất ở cuối đường; thẳng nhai lau và trông xe hệt sau cùng cũng bỏ cuộc; có một khoảnh khắc khi mọi con mắt đều đổ dồn vào một chiếc xe thứ hai chạy qua, vì ngộ nhỡ nó cũng đỗ lại và thả xuống một quý bà cho tiền xu như cho lạc; và vào thời điểm đó (tôi đã quan sát từ vài cặp mắt để chọn thời điểm thích hợp) tôi thi triển tuyệt chiêu với mảnh nhựa hồng và trong nháy mắt đã đứng trên đường cạnh cốp xe đóng kín. Mím chặt môi đầy cương quyết, phớt lờ mọi bàn tay chìa ra, tôi cất bước theo hướng mẹ tôi vừa đi, một gã thám tử tí hên với cái mũi chó săn và một cái trống gõ vang rền ở nơi đáng lẽ là trái tim tôi... và tới trước cửa, vài phút sau đó, và quán Café Pioneer.

Kính bản ở cửa sổ; kính bản trên bàn – Pioneer Café chả là gì nếu so sánh với những Gaylord hay Kwality ở phần huy hoàng hơn của thành phố; một cơ ngơi thật sự lúi xùi, với dăm tấm biển sơn quảng cáo LASSI LUNG LING và FALOODA PHI PHẠM và BHELPURY ĐÚNG CHẤT BOMBAY, với nhạc phim phát ra từ chiếc đài rẻ tiền đặt bên quầy thu ngân, một gian phòng dài hẹp xanh xao trong ánh đèn tuýp lập lòe, một thế giới cấm kỵ nơi những gã đàn ông rậm rứt ngồi quanh mấy chiếc bàn bọc vải giả da với bộ bài nhàu nát và ánh mắt vô cảm. Nhưng bất chấp tất cả vẻ hoang tàn ảm đạm ấy, Pioneer Café là nơi ký gửi rất nhiều mộng ước. Hằng sáng, nơi này sẽ đầy rẫy những kẻ vô công rồi nghề đẹp mã nhất thành phố, mọi gã du côn và tài xế taxi và buôn lậu mặt hàng và mạch nước đua ngựa, những kẻ đã từng, đã lâu rồi, đến thành phố này với giấc mơ về ngôi sao điện ảnh, về những ngôi nhà thiếu thốn mỹ đến dị dạng và những khoản thu nhập trộn thuế; vì cứ sáu giờ sáng, các studio lớn sẽ cử mấy gã chạy vật đến Pioneer Café để lừa diễn viên quần chúng cho buổi quay ngày hôm đó. Trong vòng nửa giờ mỗi sáng, khi D.W. Ram Studio và Filmistan Talkies và R.E. Films tuyển người, Pioneer là nơi hội tụ mọi tham vọng và ước mơ của thành phố; sau đó đám tuyển trạch viên rút đi, dẫn theo những kẻ may mắn của ngày hôm đó, và quán cà phê vắng dần về trạng thái tri trệ quen thuộc với ánh đèn tuýp. Vào giờ ăn trưa, một nhóm giấc mơ khác đặt chân đến quán, để dành cả chiều vui đầu quanh cỗ bài và Lassi Lung Ling và biri^[3] nặng – những con người khác với những niềm hy vọng khác: khi đó tôi chưa rõ nhưng buổi chiều Pioneer có tiếng là nơi lui tới của đảng Cộng sản. Khi đó là buổi chiều, tôi nhìn thấy mẹ tôi vào Pioneer Café; không dám đi theo bà, tôi đứng ngoài đường, gí mũi vào một góc cửa kính nhem nhuốc phủ mạng nhện; mặc kệ mọi ánh mắt soi mói – vì bộ đồ trắng của tôi, dù bị cốp xe vấy bẩn, vẫn được hồ cứng; tóc tôi, dù bị cốp xe làm rối, vẫn được xúc dầu kỹ lưỡng; giày tôi, dù bị trầy xước, vẫn là đôi giày đế kép của con nhà giàu – tôi dõi theo bà khi bà ngập ngừng và tập tễnh vì mụn cóc đi qua dãy bàn ọp ẹp và đám đàn ông rậm rứt; tôi thấy bà ngồi xuống một chiếc bàn khuất bóng ở cuối căn phòng hẹp; thế rồi tôi thấy người đàn ông đứng dậy để đón bà.

[3] Một loại thuốc lá rẻ tiền ở Ấn Độ.

Da mặt gã thông thành nếp, cho thấy một thời gã từng thừa cân; răng gã ố xỉn vì ăn trầu. Gã mặc một tấm kurta trắng sạch thủa khuyết kiểu Lucknow^[4]. Gã có mái tóc dài, dài kiểu thi sĩ, rủ qua tai; nhưng trên đỉnh đầu lại hói bóng. Hai âm tiết kỳ vọng vọng bên tai tôi: Na. Dir. Nadir. Tôi nhận ra mình ao ước trong tuyệt vọng rằng tôi chưa từng quyết tâm đến đây.

[4] Một kiểu thêu xuất xứ từ Lucknow, thủ phủ bang Uttar Pradesh, Đông Bắc Ấn Độ.

Ngày xưa ngày xưa có một người chồng trong lòng đất đã bỏ đi để lại lời nhắn ly dị đầy yêu thương; một thi sĩ của những bài thơ không có cả vần, mạng sống do chó hoang cứu thoát. Sau một thập niên thất lạc gã bỗng từ dưới đất chui lên, bộ da lông thông như tưởng nhớ một thời tròn trịa; và, như

người vợ năm xưa, gã có một cái tên mới... Nadir Khan nay là Qasim Khan, ứng viên chính thức của đảng Cộng sản chính thức của Ấn Độ. Lal Qasim. Qasim Đỏ. Không có gì là vô tình hết: không phải tự nhiên ngưng có màu đỏ. Chú Hanif tôi đã nói, “Coi chừng dân Cộng sản!” và mẹ tôi đỏ bừng mặt; chính trị và tình cảm hội tụ trên má bà... qua màn ảnh bằng kính, bản thủ, hình vuông của ô cửa sổ tại Pioneer Café, tôi xem Amina Sinai và kẻ không-còn-là Nadir đóng cảnh yêu đương; họ diễn xuất với sự vụng về của một diễn viên nghiệp dư đích thực.

Trên mặt bàn bọc vải giả da là một bao thuốc lá: State Express 555. Những con số cũng có ý nghĩa: 420, tên của bọn lừa đảo; 1001, con số của đêm, của phép thuật của những thực tại khác – một con số được thi nhân ưa thích và bị chính trị gia căm ghét, đối với họ mọi phiên bản khác của thế giới đều là mối đe dọa; và 555, mà suốt nhiều năm tôi nghĩ là con số tà ác nhất, mật mã của Quỷ, của Ma vương, của chính Shaitan! (Cyrus-Đại-đế bảo tôi thế, và tôi không hề nghĩ đến khả năng nó nhằm lẫn. Nhưng nó nhằm thật: con số ma quỷ thực sự không phải 555, mà là 666: thế nhưng trong đầu tôi, một làn hắc khí vẫn tỏa ra từ ba số năm cho đến ngày nay)... Nhưng tôi lạc đề mất rồi. Chỉ cần nói nhãn hiệu ưa thích của Nadir-Qasim là loại State Express nói trên; rằng con số năm được lặp lại ba lần trên bao; và rằng nhà sản xuất của nó là W.D.& H.O. Wills. Không thể nhìn thấy mặt mẹ tôi, tôi tập trung vào bao thuốc lá, cắt cảnh từ góc máy hai người sang quay cực cận gói nicotine này.

Nhưng giờ những bàn tay tiến vào khuôn hình – đầu tiên là tay Nadir-Qasim, vẻ mềm mại thi sĩ đã ít nhiều chai cứng; đôi tay run rẩy như ánh nến bò ngang mặt vải giả da, rồi rút lại; rồi một đôi tay đàn bà, đen như mun, nhích về phía trước như những con nhện duyên dáng; tay nhấc lên, khỏi mặt bàn giả da, tay lơ lửng trên ba số năm, bắt đầu vũ điệu kỳ lạ nhất, nhô lên, hạ xuống, xoay tròn quanh nhau, quán quýt bện xoắn lấy nhau, những bàn tay khát khao đụng chạm, những bàn tay vươn dài căng cứng run rẩy đòi hỏi được vậy – nhưng rồi cuộc luôn luôn rút lại, đầu ngón tay né tránh đầu ngón tay, bởi vì điều tôi đang chứng kiến trên màn kính lem luốc, nói cho cùng, là một bộ phim Ấn Độ, nơi tiếp xúc da thịt là cấm kỵ vì lo ngại nó sẽ làm hoen ố các mầm non thế hệ trẻ Ấn Độ; và dưới gầm bàn là những bàn chân và ở trên là hai khuôn mặt; chân tiến về phía chân, mặt nhẹ nhàng ngả về phía mặt, nhưng đều đột ngột khựng lại trong một nhát cắt kiểm duyệt tàn nhẫn... hai kẻ xa lạ, mỗi người mang một cái tên-màn-bạc không phải tên khai sinh của họ, diễn hai vai diễn nửa miễn cưỡng. Tôi bỏ đi trước khi bộ phim kết thúc, chuồn trở vào cốp chiếc Rover chẳng ai lau chẳng ai trông, vừa ước gì mình đã không đi xem, vừa không thể cưỡng lại ham muốn xem lại từ đầu lần nữa.

Điều cuối cùng tôi nhìn thấy: tay mẹ tôi nhấc ly Lassi Lung Linh còn phân nửa lên; môi mẹ tôi khẽ khàng và hoài nhớ chạm vào chiếc cốc đóm hoa; tay mẹ tôi chìa chiếc cốc cho Nadir-Qasim của bà; gã cũng đặt, lên bên kia cốc nước, đôi môi thi sĩ của gã. Vậy là đời đã bắt chước thứ nghệ thuật xấu xa, và chị của cậu Hanif tôi đã mang về gợn dục của nụ hôn gián tiếp vào không gian u ám màu xanh đèn tuýp của Pioneer Café. Tóm lại: vào đỉnh hè 1957, ở cao điểm của chiến dịch tranh cử, Amina Sinai đỏ mặt một cách khó hiểu khi có người tình cò đề cập đến đảng Cộng sản Ấn Độ. Con trai bà – trong mớ suy nghĩ hỗn loạn vẫn còn chỗ cho một nỗi ám ảnh nữa, bởi vì một bộ óc mười tuổi dư sức dung nạp mọi ám ảnh – bám theo bà tới phía Bắc thành phố, và theo dõi một cảnh phim chất chứa nỗi đau của tình yêu bất lực. (Giờ đây khi Ahmed Sinai đã bị đóng băng, Nadir-Qasim không còn ở thể bất lợi về tình dục; giằng xé giữa một người chồng nhốt mình trong phòng và nguyên rửa chó, với một người chồng cũ từng, trong yêu thương, từng chơi phụt-ống-nhỏ, Amina Sinai chỉ còn biết hôn-cốc và

múa-tay.) Câu hỏi: tôi có bao giờ, sau lần đó, cầu viện tới sự phục vụ của mảnh nhựa hồng? Tôi có bao giờ trở lại quán cà phê của diễn viên phụ và phe Marxist? Tôi có bao giờ chất vấn mẹ tôi về bản chất ghê tởm của hành vi của bà – vì có người mẹ nào lại có lý do gì để - mặc kệ mấy chuyện ngày-xưa-ngày-xưa – trước sự chứng kiến của đứa con trai duy nhất, sao bà có thể sao bà có thể sao bà có thể? Trả lời: tôi không có; tôi không có; tôi không có.

Việc tôi làm: khi bà đi “mua sắm”, tôi tạm trú trong tâm trí bà. Không còn hăm hở tận mắt mình thu thập chứng cứ, tôi ngự trong đầu mẹ tôi, ngược lên phía Bắc thành phố; trong cuộc hành vi khó ai ngờ này, tôi ngồi ở Pioneer Café lắng nghe những cuộc đối thoại về triển vọng thắng cử của Qasim Đô; thoát xác nhưng hoàn toàn hiện hữu, tôi theo sát mẹ tôi khi bà tháp tùng Qasim trên đường vận động, ngược xuôi những chung cư trong quận (có phải đây chính là những dãy nhà cha tôi mới bán đi, phó mặc khách trọ của ông cho số phận?), khi bà hỗ trợ gã tìm người sửa vòi nước và vật nài chủ nhà tiến hành sửa chữa và tẩy uế. Amina Sinai dẫn bước giữa những kẻ khốn cùng thay mặt cho đảng Cộng sản – một sự thật chưa bao giờ thôi làm bà kinh ngạc. Có lẽ bà làm vậy vì cuộc sống của chính bà ngày một nghèo đi; nhưng ở tuổi lên mười tôi không sẵn sàng cho sự cảm thông; và theo cách của riêng mình, tôi bắt đầu mơ những giấc mơ báo thù.

Người ta kể rằng vị Caliph huyền thoại, Haroun al-Rashid, rất thích đi vi hành trong dân chúng thành Baghdad; tôi, Saleem Sinai, cũng đã bí mật chu du khắp ngõ ngách thành phố của tôi, nhưng khó mà nói rằng tôi thích thú. Miêu tả chân xác cái thất thường và kỳ quái, và mặt đối lập của chúng, nghĩa là các phiên bản được kịch tính hóa, cách điệu của cuộc sống thường ngày – những kỹ năng này, đồng thời cũng là thái độ tư duy, tôi đã nhảy – hoặc có thể đã hấp thu – từ nhân vật bá đạo nhất trong lũ trẻ nửa đêm, kinh dị của tôi, đứa trẻ bị đánh tráo cùng tôi, đứa con danh nghĩa của Wee Willie Winkie: Shiva-đầu-gối-bự. Đó là những kỹ năng, đối với hẳn, được vận dụng một cách hoàn toàn vô thức, và hệ quả của nó là tạo ra một bức tranh thế giới với độ nhất quán đáng kinh ngạc, trong đó người ta có thể thuận miệng đề cập, một cách tùy tiện, tới những vụ sát hại gái điểm độ ấy bắt đầu nhan nhản trên báo-chí-via-hè (còn xác chết nhan nhản trên vỉa hè), trong khi tiếp tục mải mê đắm đuối với từng chi tiết phức tạp của một nước bài nhất định. Cái chết, và thua bài đối với Shiva đều như nhau; dẫn đến sự hung bạo lạnh lùng, đáng sợ của hẳn, mà cuối cùng... nhưng, để bắt đầu bằng những sự khởi đầu:

Mặc dù, phải thừa nhận, đó là lỗi của tôi, tôi vẫn phải nói rằng nếu tôi chỉ là một cái đài phát thanh, quý vị mới nắm được phần nửa sự thật. Thường suy nghĩ có tính ngôn từ bao nhiêu thì cũng có tính hình ảnh hoặc thuần túy biểu tượng bấy nhiêu; và dẫu sao, để giao tiếp được với, và để hiểu, các đồng nghiệp của tôi tại Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm, tôi cần mau chóng vượt qua giai đoạn ngôn từ. Xuất hiện trong những tâm trí đa dạng bất tận của chúng, tôi buộc phải chui xuống dưới lớp vỏ ngoài của những suy nghĩ bề nổi bằng đủ thứ tiếng không ai hiểu nổi, với hệ quả tất yếu (và được phô bày từ trước) là chúng sẽ nhận biết sự có mặt của tôi. Nhớ đến tác động sâu sắc của sự nhận biết ấy ở Evie Burns, tôi đã phải trải qua khá nhiều gian khổ hòng giảm nhẹ cú sốc mà sự xuất hiện của tôi gây ra. Với mọi trường hợp, tín hiệu tiêu chuẩn đầu tiên tôi phát đi là hình ảnh gương mặt tôi, với một nụ cười mà tôi tin là điềm đạm, thân thiện, tự tin và có phong thái lãnh đạo, và một bàn tay chìa ra của tình bằng hữu. Tuy vậy, sự khởi đầu đã có nhiều va vấp. Phải mất ít lâu, tôi mới nhận ra rằng hình ảnh của tôi bị chính mặc cảm ngoại hình của tôi bóp méo nghiêm trọng; bởi thế nên bức chân dung tôi gửi đi qua sóng-ý-thức trên toàn quốc, toét miệng cười như con mèo Cheshire, là một bức chân dung gồm

guốc hết mức có thể, phô bày một cái mũi bị phóng đại kỳ khôi, một cái cằm hoàn toàn không tồn tại và hai vết nhọ khổng lồ hai bên thái dương. Không có gì ngạc nhiên khi tôi thường bị chào đón bằng những tiếng rú giật mình kinh hãi. Bản thân tôi cũng từng bị chân dung tự họa của đám bạn mười tuổi này làm cho hoảng sợ như thế. Khi hiểu ra vấn đề, tôi khuyến khích các thành viên của Hội nghị, từng người một, nhìn vào gương, hoặc một vũng nước lặn; và nhờ đó chúng tôi tìm ra được ngoại hình thực của nhau. Rắc rối duy nhất là thành viên từ Kerala (người có thể đi xuyên gương, chắc quý vị còn nhớ) lại vô ý chui ra từ tấm gương ở một nhà hàng tại khu thượng lưu ở New Delhi, và phải vội vã rút lui; còn thành viên mắt xanh đến từ Kashmir thì ngã xuống hồ và vô tình hoán đổi giới tính, rơi xuống thì là con gái còn nhô lên lại thành một cậu bé xinh trai.

Khi tôi lần đầu giới thiệu bản thân với Shiva, tôi thấy trong tâm trí gã hình ảnh được chứng thực của một thằng bé lùn, mặt chuột, răng mòn vẹt và cặp đầu gối lớn nhất thế gian.

Đối diện với một bức tranh hình thù quái dị đến thế, tôi tự cho phép nụ cười trong bức chân dung tôi phát đi hé lộ một chút khinh miệt; bàn tay tôi chìa ra bắt đầu lấy bầy và co giật. Còn Shiva, cảm nhận được sự có mặt của tôi, ban đầu phản ứng cực kỳ hung bạo; những con sóng sục sôi thịnh nộ làm bông ở trong đầu tôi; nhưng rồi, “Ê, này, tao biết mày! Mày là thằng nhà giàu ở Điền trang Methwold, phải không?” Và tôi, cũng ngạc nhiên không kém, “Con trai Winkle – người làm thằng Mắt Chẻ bị chột!” Hình ảnh của hắn phồng lên kiêu hãnh. “Phải, phải, tao đây. Không đứa nào dám trêu vào tao!” Việc nhận ra nhau làm tôi đâm khuôn sáo: “Ồ! Bỏ mày thế nào? Đạo này không thấy ông ấy...” Và ở hắn, có gì rất gần sự nhẹ nhõm: “Ông ấy à? Bỏ tao chết rồi.”

Im lặng trong giây lát; rồi bắn khoả – không tức giận nữa, rồi Shiva, “Êu, nghe này, trò này oách phết – mày làm thế nào hả?” Tôi bắt đầu màn giải thích quen thuộc, nhưng được một tí hắn đã ngắt lời, “Ồ! Nghe này, ông già bảo tao cũng ra đời vào đúng nửa đêm – mày hiểu không, thế tức là tao với mày là đồng thủ lĩnh cái hội của mày! Nửa đêm là nhất, hả? Thế - bọn nó sẽ phải nghe theo tội mình sai bảo!” Trước mắt tôi hiện ra hình ảnh một Evelyn Lilith Burns thứ hai, và quyền uy hơn... gạt bỏ ý tưởng nhẩn tâm này, tôi giải thích, “Đó không là ý tưởng chính xác của tao khi lập ra Hội nghị; tao mừng tượng ra một, mày biết đấy, một kiểu liên đoàn các cá nhân bình đẳng thì đúng hơn, mọi quan điểm đều được tự do bày tỏ.” Có gì như một tiếng khịt mũi dần vang vọng giữa những bức tường của đầu tôi. “Cái đấy, ông bạn ạ, chỉ là rác rưởi. Ta làm được gì với một băng như thế? Đã làm băng thì phải có trùm. Mày nhìn tao đây” – (lại phồng lên đầy kiêu hãnh) “tao cai quản một băng trên Mantunga này được hai năm rồi. Từ hồi tao lên tám. Lớn bé đủ cả. Mày thấy sao hả?” Và tôi, một cách không chủ đích, “Nó làm gì, băng của mày ấy – nó có nội quy các thứ không?” Tiếng cười của Shiva bên tai tôi... “Khà, thằng công tử bột: có một thôi. Tất cả nghe lời tao, không là tao lấy đầu gối kẹp tội nó phọt cút ra!” Tuyệt vọng, tôi tiếp tục cố gắng thuyết phục Shiva tán thành quan điểm của tôi: “Vấn đề là, bọn mình tồn tại hẳn phải vì một *mục đích* nào đó, đúng không? Ý tao là, phải có một lý do, đồng ý chứ? Cho nên tao nghĩ rằng, chúng ta nên cố gắng tìm hiểu xem đó là gì, để rồi, mày biết đấy, kiểu như cống hiến đời mình cho...” “Đồ nhà giàu,” Shiva hét, “mày đếch biết gì sất! Mục đích gì, hả? Cả cái thế giới thối nát này làm đếch gì có lý do, hử? Lý do gì mà mày thì giàu còn tao thì nghèo? Chết đói thì có lý do gì, hả? Có Chúa mới biết có bao nhiêu triệu thằng ngốc sống ở đất nước này, và mày nghĩ có mục đích đấy! Này, nghe đây – mày giành được gì thì cố mà giành, làm được gì thì cố mà làm, rồi thì cố mà chết. Lý do đấy, công tử ạ. Còn lại đều là rắm hết!”

Bây giờ tôi, trên giường vào nửa đêm, bắt đầu lung lay... “Nhưng lịch sử,” tôi đáp, “và Thủ tướng đã viết cho tao một lá thư... và chả lẽ mày không tin cả... ai biết được chúng ta có thể...” Hấn, bản thể đối lập của tôi, Shiva, ngắt lời: “Nghe này, nhóc – ọc mày toàn thứ điên rồ, xem ra tao phải tiếp quản vụ này. Mày đi bảo tất cả bọn nhóc quái dị kia thế!” Mũi và gối và gối và mũi... sự kinh dị khởi đầu vào đêm đó sẽ không bao giờ chấm dứt, cho đến khi hai lưỡi dao chém xuống, xuống xuống xuống... liệu linh hồn Mian Abdullah, người bị dao hạ sát nhiều năm trước, có rí sang tôi, ngấm vào tôi ý tưởng về chủ nghĩa liên bang mở và làm tôi dễ bị thương vì dao, tôi chẳng thể khẳng định; nhưng thời điểm đó tôi tìm thấy một nguồn dũng khí liên bảo Shiva, “Mày đừng hòng quản lý được Hội nghị; không có tao, tụi nó thậm chí không nghe thấy lời mày nữa kia!”

Và hấn, khẳng định lời tuyên chiến: “Công tử bột, bọn nó sẽ muốn biết về tao; mày cứ thử ngăn tao xem!”

“Rồi,” tôi đáp lại, “Tao sẽ.”

Shiva, vị thần hủy diệt, người quyền lực nhất trong các thần; Shiva, vũ công siêu phàm nhất; người cười bò; người không có sức mạnh nào có thể kháng cự... thằng nhóc Shiva, theo lời hấn, phải chiến đấu để sinh tồn từ nhỏ. Đến khi bố hấn, độ một năm trước đó, bị mất giọng hoàn toàn, thì Shiva còn phải bảo vệ mình trước tình phụ tử đăm đuôi của Wee Willie Winkie. “Lão bịt mắt tao, giờ ạ! Lão quán giẻ quanh mắt tao rồi dắt tao lên sân thượng, giờ ạ! Tụi mày biết tay lão cầm gì không? Một cây búa chớ đẽ, giờ ạ! Một cây búa! Lão khôn kiếp định đập gãy hai chân tao – chuyện này vẫn xảy ra, mày biết đó, công tử bột, họ làm thế với trẻ con để suốt đời chúng có thể ăn xin kiếm sống – mày mà què thì mày xin được nhiều hơn! Và thế là tao bị đẩy đến nằm lăn ra trên sân thượng, giờ ạ; và rồi...” Và rồi búa giáng xuống cặp đầu gối to hơn và lồi hơn bất kỳ tay cảnh sát nào, một mục tiêu ngon ăn, nhưng giờ cặp đầu gối ra đòn, nhanh như chớp, đầu gối mở ra – nghe thấy hơi gió của cây búa đang nện xuống và mở rộng ra; và cây búa bổ xuống giữa hai đầu gối, cán vẫn nằm trong tay bố hấn; thế là, hai đầu gối sập lại như hai nắm đấm. Cây búa, nện lớp cốp một cách vô hại xuống nền bê tông. Cổ tay của Wee Willie Winkie, bị kẹp giữa hai đầu gối của đứa con trai bịt mắt. Từng tiếng thở khàn khàn thoát ra từ đôi môi của người cha thống khổ. Thế nhưng hai đầu gối, vẫn khép vào vào vào, chặt nữa và chặt nữa, đến khi rắc một tiếng. “Ép vỡ cổ tay lão! Cho lão biết tay - quá chuẩn, hả? Tao thề đấy!” Shiva và tôi ra đời vào lúc Ma Kết đang trời dậy; chòm sao này đã bỏ mặc tôi, nhưng lại ban cho Shiva một tài năng. Ma Kết, như mọi nhà chiêm tinh đều biết, là thiên tượng chủ về đầu gối.

Vào ngày bầu cử, 1957, đảng Quốc đại Toàn Ấn nếm một cú sốc nặng nề. Mặc dù họ thắng cử, nhưng mười hai triệu phiếu đã biến đảng Cộng sản thành đảng đối lập lớn nhất; và ở Bombay, bất chấp nỗ lực của Sếp Patil, một số lượng lớn cử tri đã không đánh dấu chữ thập lên biểu tượng hình-bò-thiên-và-bê-non của đảng Quốc đại, mà ưu ái hai logo ít biểu cảm hơn của Samyukta Maharashtra

Samiti và Maha Gujarat Parishad. Khi hiềm họa Cộng sản được thảo luận ở trên đồi, mẹ tôi tiếp tục đỏ mặt; và chúng tôi xuôi tay chấp nhận sự chia cắt bang Bombay. Một thành viên của Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm đã đảm đương một vai phụ trong kỳ bầu cử. Đứa con trai danh nghĩa của Winkie, Shiva, đã được tuyên mộ bởi - ừm, có lẽ tôi sẽ không nêu đích danh; nhưng chỉ có một đảng có nhiều tiền đề chi như thế - và vào ngày bầu cử, người ta sẽ thấy hấn và băng của hấn, tự xưng là Những tay Cao bồi, đứng ngoài một phòng bỏ phiếu ở phía Bắc thành phố, đưa cầm côn lớn, đưa tung hứng với đá, đưa thì xĩa răng bằng dao, tất cả đều khuyến khích các cử tri bỏ phiếu một cách khôn ngoan và thận trọng... và khi vòng bỏ phiếu kết thúc, niêm phong ở trên hòm phiếu có bị phá? Hiện tượng nhồi phiếu có xảy ra? Dầu gì đi nữa, sau khi kiểm phiếu, kết quả cho thấy Qasim Đỏ bị thua một cách sít sao; và các khách hàng của kinh dịch của tôi đều hết sức hài lòng.

... Nhưng giờ Padma hỏi, nhẹ nhàng, “Hôm đó là ngày nào?” Và, không hề suy nghĩ, tôi đáp: “Đâu đó vào mùa xuân.” Lúc ấy tôi mới chợt nhận ra mình vừa phạm một sai lầm nữa – rằng kỳ bầu cử năm 1957 xảy ra trước, không phải sau, kỳ sinh nhật thứ mười của tôi; nhưng dù tôi giày vò đầu óc bản thân thế nào, trí nhớ của tôi vẫn từ chối, một cách bướng bỉnh, thay đổi trình tự các sự kiện. Điều này thật đáng lo. Tôi không biết có gì không ổn.

Cô nói, cố an ủi tôi một cách vô ích: “Ông mong chờ gì mà mặt ngẩn ra thế? Ai chả có lúc quên mấy chuyện nhỏ nhặt, bao giờ chẳng thế!” Nhưng nếu chuyện nhỏ đã qua, liệu chuyện lớn có sắp đến gần?

Chương 16: Alpha và Omega

Bạo loạn bùng nổ tại Bombay những tháng sau bầu cử; bạo loạn bùng nổ trong suy nghĩ của tôi khi nhớ lại những ngày ấy. Sai lầm của tôi khiến tôi buồn phiền ghê gớm; nên bây giờ, để lấy lại cân bằng, tôi sẽ trả mình về mảnh đất quen thuộc của Điền trang Methwold; gạt lịch sử của Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm sang một bên, và nổi đầu ở Pioneer Café sang bên kia, tôi sẽ kể quý vị nghe về sự sụp đổ của Evie Burns.

Cái tên tôi đặt cho chương này có chút kỳ cục. “Alpha và Omega” chằm chằm nhìn tôi từ trang giấy, đòi được giải thích – một nhan đề lạ lẫm cho chương sẽ đánh dấu nửa chặng đường câu chuyện của tôi, một cái tên sắc mùi khởi đầu và kết thúc, trong khi quý vị có thể nói nó nên liên quan hơn tới phần giữa; nhưng, không chút hối hận, tôi không có ý định thay đổi nó, mặc dù có nhiều nhan đề khác để lựa chọn, như “Từ Khi đến Vượt^[1]” hay “Ngón Tay Tái Xuất,^[2]” hay - một cách bóng gió hơn – “Con Ngỗng Đực”, một sự ám chỉ, rất hiển nhiên, tới loài chim thần thoại, hamsa hay parahamsa^[3], tượng trưng cho khả năng cư ngụ ở cả hai thế giới, vật chất và tâm linh, thế giới của đất-và-nước và thế giới của không trung, của bay lượn. Nhưng nó đã là “Alpha và Omega”; nó sẽ vẫn là “Alpha và Omega”. Bởi vì ở đây có những sự khởi đầu, và đủ loại kết thúc; nhưng quý vị sẽ sớm hiểu ý tôi.

[1] Nguyên văn: *rhesus*, một họ khỉ phổ biến ở châu Á.

[2] Nguyên văn: *Finger Redux*. **Redux** là một từ phổ biến trong cách đặt tên phim, ví dụ như *Apocalypse Now Redux* hay *Ashes of Time Redux*.

[3] *Hamsa* trong tiếng Hindi là thiên nga, còn *parahamsa* tức là “siêu thiên nga”. Đây là danh hiệu dành cho những bậc trí giả Hindu đã “đạt đạo”, nghĩa là ung dung tự tại trong thế giới vật chất cũng như trong thế giới tâm linh, cũng giống như thiên nga sống thoải mái cả trên cạn lẫn dưới nước.

Padma bực bội chắt lưỡi. “Ông lại nói nhăng rồi,” cô phê bình, “Thế ông có kể chuyện Evie không thì bảo?”

... Sau kỳ bầu cử, Chính quyền Trung ương tiếp tục trù trừ lưỡng lự về tương lai của Bombay. Bang sẽ được chia cắt; rồi không chia cắt nữa; rồi chia cắt lại góc đầu dây. Về phần thành phố - nó sẽ là thủ phủ của Maharashtra; hoặc là của cả Maharashtra lẫn Gujarat; hoặc thành một bang độc lập... trong khi chính phủ cố gắng suy tính xem phải làm cái quỷ gì, các cư dân của thành phố quyết định phải đẩy nhanh tiến trình đó. Bạo động bùng phát (và quý vị vẫn có thể nghe khúc chiến ca cũ của đảng Mahratta - *Mi thế nào? – Tau khỏe re! – Để tau lấy gậy nên tòi đầu mi!* – bay lên từ cuộc loạn đả); và góp phần làm tình hình tồi tệ hơn, thời tiết cũng gia nhập cuộc hỗn chiến. Một cơn đại hạn xảy ra; đường sá nứt nẻ; ở các làng, nông dân phải giết bò; và đúng ngày Giáng sinh (ngày mà ý nghĩa của nó không thẳng bé nào theo học trường dòng và có người ayah theo đạo Cơ đốc chăm sóc lại không biết) hàng loạt tiếng nổ lớn vang lên tại Bể chứa nước Walkeshwar và các đường ống nước ngọt chính, nơi khởi đầu nguồn sống của thành phố bắt đầu phun nước lên không như những con cá voi thép khổng lồ. Báo chí xôn xao bàn tán về kẻ phá hoại; các phỏng đoán về danh tính và mối quan hệ chính trị của nhóm tội phạm chen vai thích cánh cạnh những tin tức về làn sóng sát hại gái điếm vẫn tiếp diễn. (Tôi đặc biệt lưu tâm đến việc kẻ sát nhân để lại một “chữ ký” kỳ lạ. Thi thể các cô bướm đêm đều bị siết chết ngạt; quanh cổ có vết bầm tím, những vết bầm quá lớn so với dấu ngón tay cái, nhưng hoàn toàn phù hợp với dấu tích để lại bởi một cặp đầu gối vĩ đại, có sức mạnh siêu nhiên.)

Tôi lạc đề rồi. Mấy chuyện này, cái nhíu mày của Padma chắt vắn, thì liên can gì đến Evelyn Lilith Burns? Ngay lập tức, vô lấy sự chú ý này, tôi đưa ra câu trả lời: những ngày sau vụ hủy hoại hệ thống cấp nước của thành phố, đàn mèo hoang của Bombay bắt đầu hội tụ ở những khu vực trong thành phố nơi nước vẫn còn tương đối dồi dào; nghĩa là, những khu khá giả, nơi mỗi nhà đều có bể nước ngầm hoặc trên mái. Và, do đó, ngọn đồi hai tầng của Điện trnag Methwold đón nhận đợt xâm lăng của một đội quân đã miêu đói khát; mèo lúc nhúc khắp bùng binh, mèo leo lên giàn hoa giấy và nhảy vào phòng khách, mèo đánh đổ lọ hoa để uống thứ nước thiu mùi cuống hoa, mèo cắm trại trong nhà tắm, húp chất lỏng từ bồn cầu, mèo tràn lan trong bếp các cung điện của William Methwold. Đội ngũ người hầu của Điện trang hoàn toàn thất bại trong nỗ lực đánh đuổi cuộc đại xâm lăng của lũ mèo; các quý bà ở Điện trang chỉ còn biết thốt lên những tiếng cảm thán bất lực của nỗi kinh hoàng. Những con sâu cắt mèo khô khốc rải khắp nơi; các khu vườn bị hủy hoại chỉ vì sức mạnh quân số của bầy dã miêu; và đến đêm, giấc ngủ trở thành điều không thể, bởi đạo quân ấy tìm ra giọng nói, và hát lên cơn khát của mình với vầng trăng. (Nữ hầu tước Simki von der Heiden từ chối chiến đấu với bầy mèo; nó bắt đầu bộc lộ

những dấu hiệu của căn bệnh sẽ sớm đẩy nó đến chỗ diệt vong.)

Nussie Ibrahim gọi cho mẹ tôi thông báo, “Chị Amina, ngày tận thế đến rồi.”

Cô ta nhầm; bởi vì vào ngày thứ ba của cuộc đại xâm lăng của lũ mèo, Evelyn Lilith Burns lần lượt đến từng nhà ở Điện trang, khẩu súng hơi Daisy hờ hững trên tay, và đề xuất, để đổi lấy tiền thưởng, chấm dứt đại dịch mèo luôn và ngay.

Cả ngày hôm ấy, Điện trang Methwold vang vọng tiếng súng hơi của Evie, lẫn với tiếng ngoao đau đớn của bầy mèo, khi Evie săn trọn đạo quân, từng con một và kiếm bọn tiền. Nhưng (như lịch sử rất thường cho thấy), thời khắc vinh quang nhất cũng chứa đựng mầm mống của sự suy tàn tối hậu; và quả có vậy, bởi vì trò khủng bố của Evie với lũ mèo, trong con mắt con Khi Đồng, đích thị là giọt nước tràn ly.

“Anh ạ,” con Khi lầm lì bảo tôi, “em đã hứa là sẽ cho con nhỏ đây biết tay, bây giờ, ngay bây giờ, đã đến lúc rồi.”

Những câu hỏi không thể trả lời: phải chăng em gái tôi đã học được tiếng mèo, như với tiếng chim? Phải chăng tình cảm của nó với đời sống loài mèo đã đẩy nó đi quá giới hạn... khi cuộc đại xâm lăng của lũ mèo xảy ra, mái tóc của con Khi đã kịp ngả sang màu nâu; nó đã chấm dứt tất đốt giày; nhưng, không hiểu vì sao, trong nó vẫn còn một sự dữ tợn mà không ai trong tội tôi có được; và nó đi thẳng xuống chỗ bùng binh, rồi hét đến vỡ giọng: “Evie! Evie Burns!! Mày bước ra đây, ngay lập tức, dù mày đang ở đâu!”

Đứng giữa lũ mèo đang tháo chạy, con Khi chờ đợi Evelyn Burns. Tôi bước lên hiên nhà ở tầng một để quan sát; ở hiên nhà mình, Sonny và Mắt Chẻ và Tóc Dầu và Cyrus đều đang theo dõi. Chúng tôi thấy Evie Burns xuất hiện từ đằng bếp của Biệt thự Versailles; cô nàng đang thổi khói bốc ra từ nòng súng.

“Bọn Ăn tội mài nên tạ ơn trời vì có tao ở đây,” Evie tuyên bố, “không thì bọn mài bị mèo ăn sạch rồi!”

Chúng tôi thấy Evie nín lặng khi nhìn thấy thứ đang căng thẳng ngự trị trong mắt con Khi; và như một cái bóng con Khi nhào lên Evie và một trận chiến bùng nổ và kéo dài một quãng thời gian tưởng như vài giờ (nhưng cũng có thể chỉ vài phút). Chìm trong đám bụi giữ bùng binh, cả hai lẫn lộn đám đá cào cào cắn xé, từng nắm tóc bay ra từ đám bụi và khuỷu tay và chân đi tất trắng lấm lem và đầu gối và những mảnh váy tung ra từ đám mây; người lớn chạy đến, người hầu không thể gỡ hai đứa ra, và cuối cùng bác làm vườn của Homi Catrack phải dùng vòi xịt nước để tách chúng ra... con Khi Đồng đứng dậy, hơi xộc xệch và giữ tà váy ướt nước, phớt lờ tiếng hét đe dọa trừng phạt phát ra từ môi Amina Sinai và Mary Pereira; vì giữa nền đất đầm nước của bùng binh, Evie Burns nằm đấy, niềng răng gãy, tóc bết đầy bụi và nước bọt, khí phách và ách thống trị của cô nàng với chúng tôi bị bẻ gãy một lần và mãi mãi.

Vài tuần sau bố nàng cho nàng về hẳn Mỹ. “Để hưởng một nền giáo dục tử tế, tránh xa bọn man rợ này,” thấy bảo ông ta nói vậy; tôi chỉ nghe tin về nàng một lần, sáu tháng sau, khi đột nhiên nàng viết cho tôi một lá thư báo tin nàng vừa đâm một cụ già vì can tội phản đối nàng hành hung một con mèo. “Tao cho cụ ấy một nhát ra trò,” Evie viết, “Bảo con em mày nó chỉ gặp may thôi.” Tôi nghiêng mình trước bà lão vô danh ấy: bà đã gánh nợ thay con Khi.

Đáng chú ý hơn cả thông điệp cuối cùng của Evie là một suy nghĩ giờ đây chợt nảy ra trong tôi, khi tôi nhìn ngược đường hầm thời gian. Giữ trước mắt hình ảnh con Khi và Evie lăn lộn trên đất, tôi dường như đã nhận ra động lực của trận chiến sinh tử ấy, một động cơ sâu xa hơn nhiều chuyện ngược đãi bấy mèo: hai đứa đánh nhau vì tôi. Evie và em tôi (hai đứa, trên nhiều khía cạnh, không hề khác biệt nhau) đâm đá và cào cấu, ngoài mặt là vì số phận của đám con thú hoang đói khát; nhưng có lẽ những cú đá của Evie là nhằm vào tôi; có lẽ đó là bạo lực xuất phát từ nỗi giận dữ trước việc tôi xâm nhập vào đầu nàng; và chắc hẳn sức mạnh của con Khi là sức mạnh lòng trung thành của anh em một nhà, và hành vi gây chiến của nó kỳ thực là hành động của tình yêu.

Máu, hồi ấy, đã đổ giữa bùng binh. Một cái tên bị gạt bỏ khác cho chương sách này – chắc quý vị cũng biết – là “Đặc Hơn Nước Lã”. Giữa những ngày khan hiếm nước ấy, một thứ nước đặc hơn nước lã đã chảy xuống mặt Evie Burns; lòng trung thành của huyết thống đã thôi thúc con Khi Đồng; và trên đường phố, những kẻ bạo loạn làm cho nhau đổ máu. Những vụ giết người đâm máu xảy ra, và có lẽ không thích hợp lắm nếu kết thúc bản danh sách điệp huyết này bằng cách đề cập, một lần nữa, việc máu dôn lên má mẹ tôi. Năm ấy, mười hai triệu lá phiếu được tô màu đỏ, và đỏ là màu của máu. Máu sẽ sớm đổ nữa: các nhóm máu, A và O, Alpha và Omega – và một loại nữa, một khả năng thứ ba – cũng phải được tính đến. Cả các nhân tố khác: tính tương đồng hợp tử, và kháng thể Kell, và đặc tính bí hiểm nhất của huyết dịch, có tên là rhesus, đồng thời cũng là một loài khi^[4].

[4] Rhesus factor là một dạng protein đi kèm với hồng cầu. Đây là hệ tiêu chí phân loại nhóm máu quan trọng thứ hai sau hệ ABO. Khoảng 85% nhân loại mang Rh dương tính, còn lại là âm tính. Những người có Rh- chỉ có thể nhận máu từ người cùng có Rh-.

Vạn vật đều có hình dạng, nếu ta tìm kiếm nó. Không thể né tránh hình thái.

Nhưng trước khi tới ngày của máu, tôi sẽ cất cánh (như loài ngỗng parahamsa có thể bay từ môi trường này sang môi trường khác) và quay lại, trong chốc lát, với câu chuyện của thế giới bên trong tôi; bởi vì mặc dù sự sụp đổ của Evie Burns chấm dứt giai đoạn tẩy chay tôi của lũ trẻ trên đồi, tôi vẫn thấy khó lòng tha thứ; và trong một thời gian, giữ thái độ cô độc và xa cách, tôi đắm mình vào những sự kiện trong đầu tôi, trong giai đoạn lịch sử sơ khai của hiệp hội những đứa trẻ nửa đêm.

Thành thật mà nói: tôi không thích Shiva. Tôi ghét sự cục cằn trong giọng lưỡi, sự thô tục trong ý tưởng của hắn; và tôi bắt đầu nghi ngờ hắn về một loạt những tội ác khủng khiếp, bởi vì hắn, duy nhất trong lũ trẻ nửa đêm, có thể đóng cửa chặn tôi khỏi bất kỳ dòng suy nghĩ nào mà hắn muốn giữ cho

riêng mình – một việc, tự thân nó, càng gia tăng nỗi căm ghét và nghi ngờ của tôi với thằng cha mặt chuột ấy hơn. Tuy nhiên, gì thì gì tôi vẫn là đứa công bằng; và sẽ là bất công nếu cách ly hẳn khỏi các thành viên khác của Hội nghị.

Tôi phải giải thích rằng khi năng lực trí tuệ của tôi phát triển, tôi nhận ra mình không chỉ thu nhận được tín hiệu từ lũ trẻ; và gửi đi được thông điệp của mình; tôi còn có thể (bởi tôi cố về không thoát được cái ẩn dụ “đài phát thanh” này) đóng vai trò một mạng lưới quốc gia, nghĩa là bằng cách mở tâm trí mình cho tất cả lũ trẻ, tôi có thể biến nó thành một dạng diễn đàn, nơi chúng có thể nói chuyện với nhau, qua tôi. Vậy là, trong những ngày đầu năm 1958, năm trăm tám mươi một đứa trẻ sẽ tề tựu, trong một tiếng, từ nửa đêm đến một giờ sáng, tại Lok Sabha^[5] hay là Nghị viện của não bộ của tôi.

[5] Hạ viện của Quốc hội Ấn Độ.

Chúng tôi cũng hỗn tạp, âm ỉ và vô kỷ luật như bất kỳ hội năm trăm tám mươi đứa trẻ mười tuổi nào; và bổ sung cho sự hoạt náo tự nhiên ấy, còn có sự hứng khởi của chúng tôi khi phát hiện ra nhau. Sau một tiếng đồng hồ hò hét huyền thuyên cãi cọ cười cợt đến khản cổ, tôi sẽ là đi vào một giấc ngủ sâu đến mức không thể gặp ác mộng, và tỉnh dậy với một cơn nhức đầu; nhưng tôi mặc kệ. Khi thức, tôi phải đối mặt với nỗi đa bất hạnh từ sự dối trá của mẫu thân và sự suy sụp của phụ thân, từ sự tráo trở của tình bằng hữu và đủ kiểu bạo hành học đường; còn khi ngủ, tôi là trung tâm của thế giới hấp dẫn nhất mà trẻ con từng khám phá ra. Cho dù có Shiva, được ngủ vẫn thích hơn.

Việc Shiva quả quyết rằng hấn (hay hấn-và-tôi) là lãnh đạo tất nhiên của nhóm chúng tôi hay do hấn (và tôi) ra đời vào đúng nửa đêm, tôi buộc phải thừa nhận, có một lý lẽ ủng hộ khá vững chắc. Đối với tôi hồi ấy – và bây giờ vẫn vậy – phép màu của nửa đêm về bản chất quả thật có tính thứ bậc rất rõ ràng, năng lực của bọn trẻ suy giảm đáng kể theo khoảng cách từ thời điểm ra đời của chúng đến nửa đêm; nhưng ngay điều này cũng là một quan điểm bị tranh cãi gay gắt. “Ýcậulàgìsaocậucóthểnóithế,” chúng đồng thanh, thằng bé từ rừng Gir có gương mặt trống trơn không đường nét (trừ mắt lỗ mũi và khoang miệng), và có thể biến thành bất kỳ khuôn mặt nào theo ý nó, rồi Harilal người chạy nhanh như gió, và có Chúa mới biết còn có bao nhiêu đứa nữa... “Ai dám bảo cái này tốt hơn cái kia?” Rồi, “Mày biết bay không? Tao biết *này!*” và “Ồ, tao nữa, mày biết biến một con cá thành năm mươi không?” và, “Hôm nay tao đã đến thăm ngày mai. Mày làm được không. Không thì -” ... đối diện với một cơn bão phản đối cỡ đó, cả Shiva cũng phải đổi giọng; nhưng hấn sẽ tìm ra một giọng điệu mới, nguy hiểm hơn nhiều – nguy hiểm cho Lũ Trẻ, và cho tôi.

Vì tôi đã nhận ra mình không miễn nhiệm với sự căm dỗ của vai trò lãnh đạo. Rốt cuộc, ai phát hiện Lũ Trẻ? Ai sáng lập Hội nghị? Ai cung cấp chỗ họp? Tôi chẳng phải là người đồng lớn tuổi nhất đó ư, và chẳng lẽ tôi không được tiếp nhận sự tôn trọng và phục tùng xứng với vai bề trên của tôi? Chẳng phải người cung cấp trụ sở hội cũng là người điều hành hội hay sao?... Nghe vậy, Shiva, “Quên mày đi. Cái trò hội hè ấy chỉ dành cho bọn cậu ầm chúng mày thôi!” Nhưng – riêng lần này – hấn đã bị yếu thế. Parvati-phù-thủy, con gái của nhà ảo thuật từ Delhi, thế chỗ tôi (cũng như, nhiều năm sau, cô sẽ cứu mạng tôi), lên tiếng, “Không, nghe này, tất cả mọi người: thiếu Saleem ta sẽ không đi đến đâu cả, không thể nói chuyện hoặc làm gì khác, cậu ấy nói đúng. Hãy để cậu ấy làm thủ lĩnh!” và tôi, “Không, gì mà *thủ lĩnh*, hãy xem tở như một... một đại ca, thế thôi. Phải; chúng ta là một gia đình, kiểu

vậy. Tớ chỉ là người lớn tuổi nhất, tớ ấy.” Nghe vậy Shiva bèn đáp, đầy khinh miệt, nhưng không phản bác được, “Được rồi, đại ca: vậy giờ chúng em phải làm gì?”

Lúc này tôi bèn giới thiệu cho Hội nghị về ý niệm đã đeo đẳng tôi bấy lâu nay: ý niệm về mục đích, và ý nghĩa. “Ta phải nghĩ,” tôi nói, “xem ta sinh ra làm gì.”

Tôi ghi lại, một cách chính xác, quan điểm của một số thành viên tiêu biểu của Hội nghị (trừ những quái-nhân-rạp-xiếc, và những người, giống như cô bé ăn xin bị rách mắt ở Sundari, đã mất năng lực, và có xu hướng im lặng suốt các cuộc tranh luận, như những người bà con nghèo trong bữa cỗ): trong số các triết lý và mục tiêu được nêu ra có chủ nghĩa tập thể - “Ta nên tập hợp lại và sống ở đâu đó, nhỉ? Ta có cần gì từ người khác đâu?” - và chủ nghĩa cá nhân - “Cậu bảo *chúng ta*; nhưng việc chúng ta ở bên nhau không quan trọng; quan trọng là mỗi người trong chúng ta có một tài năng để sử dụng vì lợi ích của bản thân” - báo hiếu - “Dù có thể đỡ đần cha mẹ bằng cách nào, đó cũng là điều chúng ta sinh ra để làm” - và cách mạng con nít - “Giờ đây ta phải cho tất cả trẻ con biết rằng có thể sống không cần cha mẹ!” - chủ nghĩa tư bản - “Thử xem ta có thể kinh doanh những gì! Bọn ta, lạy đức Allah, sẽ giàu phải biết!” - và chủ nghĩa vị tha - “Đất nước cần người tài; ta nên hỏi chính phủ muốn sử dụng năng lực của chúng ta ra sao” - khoa học - “Nên cho họ nghiên cứu chúng ta” - và tôn giáo - “Hãy công bố cho cả thế giới về chúng ta, để tất cả có thể vinh danh Đức Chúa” - dũng cảm - “Ta phải xâm lược Pakistan!” - và hèn nhát - “Trời ơi, phải giữ bí mật, thử nghĩ xem họ sẽ làm gì ta, ném đá vì tội phù thủy rồi gì nữa không biết!”; những tuyên bố về nữ quyền và đòi hỏi cải thiện tình hình cho tiện dân; những đứa trẻ không đất mơ có đất và những bộ tộc trung du mơ xe Jeep; và cả những ảo tưởng về quyền lực. “Họ không thể ngăn chặn ta! Bọn ta biết phép thuật, biết bay, biết đọc suy nghĩ, biết biến người thành ếch, hóa phép ra vàng ra cá, và họ sẽ đem lòng yêu chúng ta, và chúng ta có thể biến mất vào gương và thay đổi giới tính... làm sao họ đánh lại ta được?”

Tôi không phủ nhận mình đã thất vọng. Đáng ra tôi không cần phải thế; ở bọn trẻ này không có gì khác thường ngoài năng lực của chúng; đầu óc chúng chứa toàn những điều bình thường, bố mẹ tiền bạc cái ăn đất đai của cải danh vọng quyền lực Chúa Trời. Không đâu, trong suy nghĩ của Hội nghị, tôi có thể tìm được điều gì mới mẻ như chính bản thân chúng tôi... nhưng hồi ấy tôi cũng đi nhầm đường; cái nhìn của tôi cũng không tinh táo gì hơn người khác; và ngay khi Soumitra thẳng bé vượt thời gian bảo, “Tao bảo thật nhé, mấy chuyện này vô ích thôi - họ sẽ kết liễu cả bọn trước khi ta kịp bắt đầu!” chúng tôi đều phớt lờ nó; với niềm lạc quan của tuổi trẻ - một thể độc hại hơn của căn bệnh từng nhiễm vào ông tôi, Adam Aziz - chúng tôi khước từ nhìn vào mặt tối, và không một đứa nào trong bọn cho rằng mục đích của Lũ Trẻ của Nửa Đêm có khả năng là hủy diệt; rằng chúng tôi sẽ không có ý nghĩa gì cho đến khi chúng tôi bị triệt hạ.

Vì sự riêng tư của mọi người, tôi sẽ không phân biệt các giọng nói với nhau; vì cả những lý do khác. Trước hết, câu chuyện của tôi không thể xử lý được toàn diện năm trăm tám mươi một tính cách; thứ nữa, lũ trẻ, mặc dù có những năng lực riêng rẽ và khác biệt, song vẫn là, trong đầu tôi, một dạng quái vật nhiều đầu, nói chuyện bằng vô số ngôn ngữ của tháp Babel; chúng là kết tinh của sự đa dạng, và tôi không thấy có lý do gì để phân tích chúng vào lúc này. (Nhưng có một số ngoại lệ. Cụ thể, là Shiva; và Parvati-phù-thủy.)

... Định mệnh, vai trò lịch sử, thiên ý: đây là những miếng ăn quá lớn với thực quản những đứa trẻ lên mười. Kể cả, có lẽ, với tôi; bất chấp sự khiển trách thường xuyên từ ngón tay đang chỉ của người ngư phủ và lá thư của Thủ tướng, tôi không ngừng sao nhãng khỏi những sự diệu kỳ mà việc khịt mũi mang lại, do những điều nhỏ nhặt của cuộc sống hằng ngày, do thấy đói hay buồn ngủ, do chơi trò khi cùng con Khi, hay ra rạp xem *Cobra Woman* hay *Vera Cruz*, do niềm mong mỏi được mặc quần dài ngày một tăng, do cảm giác hưng hực không thể giải thích dưới-thắt-lưng, bắt nguồn từ buổi Giao lưu Học đường sắp tới, khi chúng tôi, lũ con trai của trường Trung học Nam sinh Cathedral và John Cannon, sẽ được phép nhảy kiểu boxstep và điệu Nón Mexico^[6] với các cô gái từ trường kết nghĩa – như Masha Miovic nữ vô địch bơi ếch (“Yahooo,” Keith Colaco Nội tiết rú lên) và Elithzabeth Purkiss hay Janey Jaskson – các cô gái châu Âu, lạy Chúa, với tà váy buông lơi và các kiểu hôn! – tóm lại, sự tập trung của tôi liên tục bị chiếm lĩnh bởi những nỗi dằn vặt vô đau đớn, choán đầy tâm trí của sự trưởng thành.

[6] Boxstep là một kỹ thuật khiêu vũ phổ biến, các bước nhảy chuyển động thành hình vuông. Nhiều điệu nhảy như waltz, rumba... đều sử dụng kỹ thuật này. Điệu Mexican Hat là điệu nhảy chính thức của Mexico.

Kể cả một con ngỗng biểu tượng, cuối cùng, cũng phải hạ cánh xuống mặt đất; vì thế với tôi lúc này (cũng như hồi ấy), giới hạn câu chuyện trong những khía cạnh thần kỳ còn xa mới là đủ; tôi phải trở lại (như đã từng trở lại) với sự bình phàm; tôi phải cho máu được đổ.

Thương tích đầu tiên của Saleem Sinai, và nhanh chóng được tiếp nối bằng vết thương thứ hai, xảy ra vào một ngày thứ Tư đầu năm 1958 – thứ Tư của buổi Giao lưu rất được chờ đợi – với sự bảo trợ của Hiệp hội Giáo dục Anh-Scotland. Nghĩa là, nó xảy ra ở trường.

Kẻ tấn công Saleem: đẹp trai, hung hăng, với bộ ria bờm xờm của dân man rợ: tôi xin giới thiệu chân dung hùng hổ, chuyên bút tóc của Thầy Emil Zagallo, người dạy chúng tôi địa lý và thể dục, và là người, sáng hôm đó, đã vô tình thúc đẩy cuộc đời tôi rơi vào khủng hoảng. Zagallo tự nhận mình là dân Peru, và ưa gọi chúng tôi là bọn Anh điêng rừng rú, mê hột cườm^[7]; lão treo bức tranh in hình một người lính cứng đờ, đầy mồ hôi, đội mũ thiếc chớp nhọn và mặc quần chèn bằng kim loại trên băng và có cái kiểu chọc ngón tay vào bức tranh mỗi khi bực bội và quát lên, “Nhìn thôi chưa, lũ mọi rợ? Người này chính là văn minh! Liệu mà kính trọng hãn ta, hãn ta có *kiếm* đời!” Rồi lão vút cây cạo trong không khí giữa bốn bức tường đá. Bọn tôi gọi lão là Pagal-Zagal, Zagallo khủng, vì bất chấp mọi chuyện ba hoa của lão về loài lạc đà không bướu và conquistador^[8] và Thái Bình Dương, tại tôi biết tổng, với sự chính xác tuyệt đối của tin đồn, là lão sinh ra trong một chung cư tại Mazagaon và bà mẹ người Goa^[9] của lão bị một tay đại lý tàu biển bỏ rơi khi về nước; vậy nên lão không những chẳng phải là người “Anh quốc” mà khéo còn là con hoang cũng nên. Biết vậy, chúng tôi hiểu tại sao Zagallo nhái giọng Nam Mỹ, tại sao lão luôn cúi kính, tại sao lão hay đâm vào tường đá ở lớp; nhưng hiểu biết ấy không làm chúng tôi hết sợ. Và sáng thứ Tư này, chúng tôi biết sẽ gặp rắc rối, bởi vì tiết học Nhà Thờ Không Bắt Buộc đã bị hủy.

[7] Khi khám phá ra châu Mỹ, người châu Âu nhầm đây là Ấn Độ, nên gọi thổ dân ở đây là người Anh điêng (Indian - tức người Ấn). Zagallo coi thổ dân châu Mỹ là người Anh điêng “xịn”, nên gọi người Ấn là “Anh điêng rừng rú”. Thổ dân châu Mỹ rất thích hột cườm, đây là một mặt hàng người châu Âu thường dùng để trao đổi với dân bản xứ.

[8] Llama là một loài lạc đà không bướu phổ biến ở Nam Mỹ. Conquistador là danh hiệu chỉ những người Tây Ban Nha đi chinh phục Mexico và Peru vào thế kỷ 16.

Hai tiết học sáng thứ Tư là giờ địa lý của Zagallo; nhưng chỉ lũ ngốc và những thằng có bố mẹ có định kiến tôn giáo mới đi học, vì thời gian này chúng tôi có thể chọn hành quân đến Nhà thờ St Thomas theo đội hình cá sấu, một hàng dài con trai thuộc đủ mọi dòng tôn giáo trên đời, trốn học đến nép vào bầu ngực Đức Chúa được cẩn thận dán nhãn tùy chọn của tín đồ Cơ đốc. Điều đó làm Zagallo tức điên, nhưng lão đành bất lực; tuy nhiên, hôm nay, mắt lão ánh lên một tia đen tối, vì Con Quạ (tức là thầy Crusoe hiệu trưởng) đã thông báo lúc Chào cờ buổi sáng rằng giờ đi Nhà thờ bị hủy. Với cái giọng sổng sượng, sin sít phát ra từ bộ mặt một con ếch bị gây tê, ông ta tuyên án chúng tôi hai giờ địa lý với Pagal-Zagal, khiến cả bọn ngỡ ngàng, vì chúng tôi chưa hề nhận ra rằng Chúa cũng được phép thực thi quyền lựa chọn. Mặt mày ử dột, cả bọn lũ lượt tiến vào hang ổ của Zagallo; một trong những thằng ngốc khốn khổ mà bố mẹ chẳng bao giờ cho đi Nhà thờ tàn nhẫn thì thảo vào tai tôi, “Cứ chờ đấy: hôm nay lão ấy sẽ cho chúng mày chết.”

Padma: lão làm thật đấy.

Ủ rũ ngồi trong lớp gồm có: Keith Colaco Nội tiết, Perce Fishwala Mập, Jimmy Kapadia, thằng được học bổng và có bố lái taxi, Sabarmati Tóc Dầu, Sonny Ibrahim, Cyrus-đại-đế và tôi. Còn nhiều đứa khác, nhưng giờ không có thời gian, bởi với cặp mắt nheo lại khoái trá, Zagallo khùng đang ra lệnh cho chúng tôi trật tự.

“Địa lý nhân văn,” Zagallo tuyên bố. “Đây là *giê*? Kapadia?”

“Dạ thưa thầy em không biết thưa thầy.” Sáu bàn tay bay lên – năm thuộc về bọn ngốc bị cấm đi nhà thờ, bàn tay còn lại tất nhiên của Cyrus-đại-đế. Nhưng Zagallo hôm nay đang khát máu: những kẻ sùng đạo sẽ ném mùi đau khổ. “Quân mán rừng,” lão tát tai Jimmy Kapadia, rồi tiện tay xoắn tai nó, “Lên lớp vài lần thì sẽ biết!”

“Ồi ời vâng thưa thầy em xin lỗi thưa thầy...” Sáu bàn tay đang vẫy, nhưng tai Jimmy vẫn có nguy cơ bị đứt lìa ra. Chủ nghĩa anh hùng trong tôi trỗi dậy... “Thưa thầy xin thầy dừng lại tìm bạn ấy có vấn đề thưa thầy!” Quả thế thật; nhưng sự thật rất nguy hiểm, vì lúc này Zagallo quay ngoắt sang tôi: “Chà, một anh cu lý sự, hả?” và tôi bị túm tóc dắt lên trước lớp. Trước ánh mắt nhẹ nhõm của bạn bè đồng học – *ơn Chúa là nó không phải mình* – tôi quần quai trong đau đớn với mớ tóc bị cầm tù.

“Trả lời câu hỏi xem nào. Địa lý nhân văn là cái gì?”

Đau đớn lấp kín đầu tôi, xóa bỏ mọi ý tưởng gian lận bằng ngoại cảm: “Ái không thưa thầy không thưa ấy ồi!”

... Và giờ có thấy một câu đùa trên trời rơi xuống đầu Zagallo, một câu đùa kéo dẫn mặt lão thành hình mô phỏng của một nụ cười; có thể thấy bàn tay lão thọc ra trước, ngón-cái-và-ngón-trỏ xòe ra; để ý thấy ngón-cái-và-ngón-trỏ kẹp chặt chóp mũi của tôi và kéo xuống ra sao... mũi kéo đi đâu, đầu theo

đến đó, và rút cuộc mũi tôi chúi xuống và đôi mắt nhòe nước của tôi buộc phải nhìn chăm chặp vào đôi chân đi xăng đan với móng chân cẩu bần của Zagallo trong khi lão phô bày sự dí dỏm của mình.

“Nhìn đi, các ông mãnh – xem ở đây ta có gì? Hãy chiêm ngưỡng, bộ mặt gớm ghiếc của sinh vật nguyên thủy này. Nó làm các cậu nghĩ đến?”

Và những phản hồi hăm hở: “Thưa thầy con quý.” “Thưa thầy giống thằng em họ em!” “Không ạ thưa thầy giống cây rau thưa thầy nhưng em không biết loại gì.” Tới khi Zagallo, hét át những om sòm: “Im lặng, lũ khỉ con! Vật thể này” – giật mũi tôi một phát - “đời chính là địa lý nhân văn!”

“Sao thưa thầy đâu thưa thầy cái gì thưa thầy?”

Zagallo phá lên cười. “Không thấy à?” lão cười hô hô. “Trên mặt con đã nhân xâu xí này các cậu không thấy bản đồ toàn *Ấn Độ*?”

“Có thưa thầy không thưa thầy như thế nào thưa thầy!”

“Nhìn đây – bán đảo Deccan buông thông xuống!” Lại Ối-mũi-em lần nữa.

“Thưa thầy thưa thầy nếu đó là bản đồ Ấn Độ thì hai vết nhò là gì thưa thầy?” Đó là Keith Colaco Nội tiết đâm ra táo tợn. Rúc rích, khúc khích từ đám bạn tôi. Còn Zagallo, sải bước và giải đáp câu hỏi: “Mấy vết nhò này,” lão thốt, “là Pakistan! Cái bớt bên tai phải là Cánh Đông; còn bên má trái nhò nhoè nhoét này, Cánh Tây! Nhớ lấy, các ông mãnh: Pakistan là vết nhò trên mặt Ấn Độ!”^[10]

[10] Khi mới tách khỏi Ấn Độ, Pakistan bao gồm hai vùng lãnh thổ phía Đông và phía Tây. Sau nhiều mâu thuẫn và xung đột, phía Đông tách ra thành Bangladesh ngày nay, còn phía Tây là Pakistan bây giờ.

“Hô hô,” cả lớp cười, “Câu đùa tuyệt đỉnh, thưa thầy!”

Nhưng giờ mũi tôi đã chịu đựng đủ rồi; tổ chức cuộc nổi dậy tự phát chống lại ngón-cái-và-ngó-trở đang túm chặt nó, nó phát động vũ khí của riêng mình... một giọt nước mũi nhòn bóng chui ra khỏi lỗ mũi phải, rồi rút xuống tay Zagallo. Perce Fishwala Béo hét lên, “Thưa thầy, xem kìa! Nước mũi của nó, thưa thầy! Đấy có phải đảo *Ceylon*^[11] không ạ?”

[11] Ceylon, tức Sri Lanka, là hòn đảo lớn ở phía Đông Nam Ấn Độ.

Tay nhoen nhoét nước mũi, Zagallo mất hứng đùa cợt. “Đồ súc vật,” lão rửa tôi, “Có thấy mày vừa làm gì không?” Tay Zagallo thả mũi tôi ra; quay sang tóc. Thứ bị mũi chối bỏ được chui vào mái tóc rẽ ngôi chính chu của tôi. Và giờ, một lần nữa, tóc tôi bị túm lấy; một lần nữa, bàn tay lại kéo... nhưng lần này là kéo lên, và đầu tôi bị giật thẳng lên, chân tôi nhấp nhóm trên đầu ngón, còn Zagallo, “Mày là cái gì? Nói xem mày là gì!”

“Thưa thầy đồ súc vật thưa thầy!”

Bàn tay kéo mạnh nữa cao nữa. “Nhắc lại.” Lúc này đã đứng bằng móng chân, tôi rú lên: “Ááii thừa thầy đồ súc vật đồ súc vật xin thầy ááii!”

Lại mạnh hơn nữa và cao hơn nữa... “Lần nữa!” Nhưng nó đột nhiên kết thúc; chân tôi lại đứng trên đất bằng; và cả lớp rơi vào cơn im bất chết chóc.

“Thưa thầy,” Sonny Ibrahim lên tiếng, “thầy giật đứt tóc nó rồi, thưa thầy.”

Và giờ cả bọn nhao nhao: “Thưa thầy, máu.” “Nó chảy máu thưa thầy.” “Thưa thầy em đưa nó lên ý tá nhé?”

Ngài Zagallo đứng trơ như tượng với một nắm tóc của tôi trong tay. Trong khi tôi – quá choáng để cảm thấy đau – sờ lên mảng đầu chỗ Zagallo vừa tạo thành một mảng trọc lóc, một hình tròn mà tóc sẽ vĩnh viễn không mọc lại, và nhận ra rằng lời nguyện khi tôi chào đời, lời nguyện gắn kết tôi với đất nước tôi, vừa tìm thấy thêm cho mình một hình thức biểu hiện không ngờ mới.

Hai hôm sau, Crusoe Qua thông báo rằng, thật không may, Thầy Emil Zagallo sẽ rời trường vì lý do cá nhân; nhưng tôi biết lý do thật là gì, Tóc bị nhổ của tôi đã dính chặt vào tay lão, như vết máu không rửa sạch được, và không ai muốn một giáo viên mọc lông ở bàn tay, “Dấu hiệu bị điên đầu tiên,” như thằng Keith Nội tiết hay nói, “còn dấu hiệu thứ hai là nhìn xem có không.”^[12]

[12] Một câu đùa quen thuộc ở Anh. Một người bảo: dấu hiệu bị điên đầu tiên là mọc lông ở bàn tay. Theo phản xạ, người nghe sẽ giơ tay lên nhìn. Người kia sẽ nói tiếp: dấu hiệu thứ hai là nhìn xem (ở tay) có không.

Di sản của Zagallo: một mảng trọc như sư; và, tệ hại hơn, một lô câu chọc ghẹo mới, mà lũ bạn cùng lớp ném vào tôi khi đứng chờ xe buýt đưa bọn tôi về nhà thay đồ cho buổi Giao lưu: “Thò Lò thành Hói rồi!” và “Thằng Cả Khịt có mặt-bản-đồ!” Khi Cyrus xuất hiện trong hàng, tôi cố gắng chĩa mũi dùi vào nó, bằng cách mở đầu bài hát: “Cyrus-hôi-hám, để trong nôi cám, vào năm bốn tám,” nhưng không một ai hưởng ứng cả.

Vậy là chúng tôi đến buổi Giao lưu Trường Cathedral. Nơi những hành vi bất nạt trở thành công cụ của vận mệnh và ngón tay bị biến đổi thành vòi phun, còn Masha Miović, tay bơi ếch lừng danh, ngã lăn ra bất tỉnh... Tôi đến buổi Giao lưu trên đầu vẫn còn băng bó. Tôi đến muộn, vì thuyết phục được mẹ cho tôi đi không phải việc dễ dàng; thế nên khi tôi bước vào Hội trường Lớn, dưới những dải cờ đuôi nheo và những chùm bóng bay và ánh mắt ngờ vực nặng tính nghề nghiệp của các nữ giám hộ xương xẩu, những cô nàng xinh nhất đều đã nhảy box-step hay Nón Mexico với một lũ bạn nhảy nhìn tự mãn phát ghét. Lễ tất nhiên, các lớp trưởng xí được những em oách nhất; tôi nhìn bọn họ với cơn ghen tị dữ dội; Guzder và Joshi và Stevenson và Rushdie và Tayarkhan và Tayabali và Jussawalla và Wagle và King; tôi cố chen vào giữa họ nhân những điệu xin-thứ-lỗi^[13] nhưng khi thấy cái đầu băng bó, quả dưa chuột hình cái mũi và hai vết nhọt trên mặt tôi họ chỉ cười và quay đi... Hờn giận nở bùng trong ngực, tôi gặm khoai tây chiên và nóc Bubble-Up và Vimto và tự nhủ, “Lũ dở người ấy; bọn nó mà biết mình là ai lại chả tránh đường ngay tắp lự!” Song nỗi sợ hãi phải bộc lộ bản chất thật của tôi

vẫn mạnh hơn niềm ham muốn có phần mơ hồ với các cô gái châu Âu quay cuồng khiêu vũ.

[13] Điệu nhảy trong đó người tham gia được phép chen vào một cặp đôi để đôi bạn nhảy.

“Này, Saleem, đúng không? Này, anh bạn, cậu sao thế?” Tôi bị lôi ra khỏi cơn mộng ngày càng đáng, cô đơn (đến cả Sonny cũng có bạn nhảy; nhưng mà, nó có hai hõm forcep và không mặc quần lót – căn nguyên sự hấp dẫn của nó) bởi một giọng nói đến từ sau vai trái tôi, một giọng trầm khàn, đầy hứa hẹn – nhưng cũng đầy tai ương. Giọng con gái. Tôi giật mình quay ngoắt lại và thấy mình đang nhìn chăm chăm vào một mỹ nhân có mái tóc màu vàng óng và bộ ngực nổi bật và lừng danh... lạ Chúa, nàng mười bốn tuổi, nàng nói chuyện với tôi làm gì?... “Tớ tên là Masha Miovic,” mỹ nhân lên tiếng, “Tớ biết em cậu.”

Dĩ nhiên rồi! Những thần tượng của con Khi, các tay bơi ở trường Walsingham, chắc chắn phải biết nhà nữ vô địch bơi ếch của trường! “Tớ biết...” tôi lấp bắp, “Tớ biết tên cậu.”

“Và tớ cũng vậy,” nàng chỉnh lại nơ cho tôi, “thế là hòa nhé.” Qua vai nàng tôi thấy Keith Colaco Nội tiết và Perce Béo nhìn chúng tôi chây dãi và nỗ lực ra vì ghen tị. Tôi thẳng lưng và uốn vai ra. Masha Miovic hỏi lần nữa về vết băng bó của tôi. “Chả có gì đâu,” tôi nói với một giọng mà tôi hy vọng là trầm âm. “Tai nạn thể thao ấy mà.” Và rồi, cố gắng mãnh liệt để giữ giọng mình bình tĩnh, “Cậu có muốn... muốn nhảy không?”

“Được thôi,” Masha Miovic nói, “Nhưng không ôm sát^[14] đâu đấy.”

[14] Nguyên văn: smooch, một kiểu khiêu vũ trong đó hai người ôm sát nhau và nhảy chậm rãi, tình tứ.

Saleem lên sàn cùng Masha Miovic, thế không ôm sát. Saleem và Masha, đi bài Nón Mexico; Masha và Saleem, nhảy điệu box-step bằng tất cả tài năng! Tôi tự cho phép mình có một vẻ mặt khệnh khạng; thấy chưa, chả cần là lớp trưởng mới kiếm được bạn gái nhé!... Điệu nhảy kết thúc; và, vẫn cười trên đỉnh sóng của niềm phấn khích, tôi hỏi, “Cậu có muốn đi dạo một tí không, ngoài sân ấy?”

Masha Miovic cười kín đáo. “Ừm, chỉ một tí thôi; và không nắm tay, nhé?”

Không nắm tay. Saleem thề. Saleem và Masha, thanh thoi tản bộ... trời ơi, phê thật đấy. Đây mới là cuộc sống. Tạm biệt Evie, xin chào Bơi ếch... Keith Colaco Nội tiết và Perce Fishwala Béo bước ra từ bóng tối của khoảnh sân. Hai đứa khúc khích: “Hi hi.” Masha Miovic ngờ ngàng khi chúng chặn đường chúng tôi. “Hê hê.” Perce Béo nói, “Masha, hô hô. Cậu có cuộc hẹn oách nhì.” Và tôi, “Im đi, thằng kia.” Tức thì Keith Nội tiết, “Cậu biết vết thương chiến trận của nó từ đâu ra không, Mashy?” Và Perce Béo, “Hii hôô haa.” Masha nói, “Đừng *thô lỗ* thế; cậu ấy bị tai nạn khi chơi thể thao!” Perce Béo và Keith Nội tiết khoái chí cơ hồ ngã ngửa ra; rồi Fishwala bóc trần tất cả. “Zagallo giật tóc nó ra ở lớp đấy!” Hii hôô. Còn Keith, “Thò Lò trọc lóc!” Rồi cả hai đồng thanh, “Cả Khịt mặt bản đồ!” Mặt Masha Miovic lộ vẻ khó hiểu. Và còn có một thứ nữa, hơi hướm một tâm hồn tinh quái về tình dục đang chớm nở... “Saleem, chúng nói về cậu *thô lỗ* quá!”

“Ừ,” tôi đáp, “kệ bọn nó.” Tôi toan kéo nàng bỏ đi. Nhưng nàng tiếp tục, “Cậu không định bỏ qua cho chúng đấy chứ?” Những giọt hưng phấn đậu trên môi nàng; lưỡi nàng đánh vào góc miệng; đôi mắt Masha Miovic bảo, *Cậu là gì? Đàn ông hay chuột nhắt?*... và dưới bùa mê của nữ vô địch bơi ếch, một thứ khác trôi vào đầu tôi: hình ảnh cặp đầu gối bất khả chiến bại; và giờ tôi xông đến Colaco và Fishwala; khi hai đứa còn mải cười, đầu gối tôi thúc vào háng thằng Nội tiết; trước khi nó gục xuống, một động tác gấp gối tương tự đã cho Perce Béo đo ván. Tôi quay sang tình nương; nàng hoan hô, khe khẽ. “Này bạn, được đấy.”

Nhưng giờ thời khắc của tôi đã qua; Perce Béo đã lồm cồm đứng dậy, và Keith Nội tiết đang lao về phía tôi... rũ bỏ mọi sự lên mặt đàn ông, tôi quay đầu bỏ chạy. Hai thằng đầu gấu liền đuổi theo và sau lưng chúng là tiếng gọi của Masha Miovic, “Chạy đi đâu thế, người hùng bé bỏng?” Nhưng thời gian đâu cho cô nàng lúc này, không thể để bọn nó tóm được, chạy ngay vào lớp học gần nhất sập cửa lại, nhưng vương chân thằng Perce Béo và giờ chúng đã vào trong và tôi nhao ra cửa, tôi vươn tay phải túm lấy nó, ráng mở nó ra, *cố mà chạy ra ngoài*, chúng sập cửa lại, nhưng tôi kéo bằng sức mạnh của nỗi sợ hãi, tôi mở ra được vài tấc, bàn tay tôi vòng ra quanh cửa và nó sập xuống quá nhanh tôi chưa kịp rút tay ra nó đã sập lại. Khục một cái. Và phía ngoài, Masha Miovic vừa đến nơi và nhìn xuống sàn; và thấy một phần ba trên của ngón tay giữa của tôi nằm đó như một mẩu kẹo cao su nhai kỹ. Đây là lúc nàng ngất xỉu.

Không đau. Tất cả đều rất xa xăm. Perce Béo và Keith Nội tiết bỏ chạy, để cầu cứu hoặc trốn. Tôi nhìn vào tay mình, hoàn toàn vì tò mò. Ngón tay tôi đã trở thành một vòi phun: huyết dịch phụt ra theo nhịp tim tôi. Không hề biết ngón tay lại chứa nhiều máu thế. Đẹp thật. À y tá đây rồi, đừng lo, cô ạ. Xước da ấy mà. *Mọi người điện thoại cho bố mẹ cháu rồi; thầy Crusoe đang đi lấy chìa khóa xe.* Y tá rít một cục bông tẩm vào chỗ cắt. Thấm đầy như kẹo bông màu đỏ. Và giờ Crusoe. Lên xe đi, Saleem, mẹ em đến thẳng bệnh viện rồi. Vâng thưa thầy. Còn cái mẩu, ai cất cái mẩu chưa? Dạ hiệu trưởng đây ạ. Cảm ơn cô, y tá. Chắc chả dùng đến đâu nhưng ai biết được. Em cầm lấy để thầy lái xe, Saleem... và cầm đầu ngón tay đứt trong bàn tay trái không bị tổn thương, tôi được chở đến bệnh viện Breach Candy qua những con phố vang vọng của đêm.

Ở bệnh viện: tường trắng căng cứng thương tất cả nhao nhao nói. Lời lẽ tuôn ra xung quanh tôi như suối. “Ôi xin Chúa bảo bọc chúng con, mảnh trăng bé bỏng của mẹ, chúng làm gì con thế này?” Nghe

vậy Crusoe già, “He he. Bà Sinai. Tai nạn thế là thường. Con trai mà.” Nhưng mẹ tôi nổi cơn điên, “Trường lớp kiêu gì thế? Ông Caruso? Ngón tay con tôi đứt lìa mà ông ăn nói thế à? Nghe không trôi đâu. Không đâu, thưa ông.” Và giờ, trong lúc Crusoe, “Thật ra tên tôi là – như Robinson ấy mà, bà biết đấy – he he,” bác sĩ tiến lại và một câu hỏi được đặt ra, mà câu trả lời sẽ đổi thay cả thế giới.

“Bà Sinai, bà vui lòng cho biết nhóm máu. Cậu bé bị mất máu. Có khả năng sẽ phải truyền bổ sung. Và Amina: “Tôi nhóm A; nhưng chồng tôi nhóm O.” Và giờ bà không kìm nổi nữa, òa khóc, nhưng bác sĩ vẫn, “À, nếu vậy, bà có biết con bà...” Nhưng bà, con gái một bác sĩ, phải thừa nhận rằng bà không trả lời được câu hỏi: Alpha hay Omega? “Nếu vậy phải làm một xét nghiệm nhanh; về kháng nguyên rhesus?” Mẹ tôi, qua làn nước mắt: “Hai vợ chồng tôi, đều rhesus dương tính.” Và bác sĩ, “À, tốt, ít ra là vậy.”

Nhưng khi tôi lên bàn mổ - “Cứ nằm yên, con trai, ta sẽ gây tê cục bộ cho con, không, thưa bà, cậu bé đang bị choáng, không thể gây mê toàn phần được, được rồi con trai, cứ giữ ngón tay lên và giữ yên đấy, y tá đỡ cậu bé đi, chỉ một loáng là xong ngay ấy mà” - trong lúc bác sĩ phẫu thuật khâu ngón tay cụt và thi triển phép màu cây gậy móng tay, đột nhiên ở hậu cảnh có tiếng lao xao, như xa hàng triệu dặm, và “Gia đình ta có bà hai Sinai không ạ” và tôi không nghe rõ... từ ngữ bỗng bành qua khoảng không vô tận... Bà Sinai, bà chắc chứ? O và A? A và O? Và rhesus âm tính, cả hai người? Đồng hợp tử hay dị hợp tử? Không, chắc phải có nhầm lẫn gì đó, làm sao nó có thể... Tôi rất tiếc, tuyệt đối rõ ràng... dương tính... và không phải A hay O... xin lỗi, thưa Bà, nhưng cậu nhà có phải... nhận nuôi hay là... Cô y tá chen vào giữa tôi và tiếng nói chuyện xa hàng dặm, nhưng không ăn thua, bởi lúc này mẹ tôi đã rú lên, “Nhưng tất nhiên ông phải tin tôi chứ, bác sĩ; lạy Chúa, *tất nhiên nó là con chúng tôi!*”

Không phải A hay O. Và kháng nguyên rhesus: âm một cách không tưởng. Và tương đồng hợp tử không cho thấy bằng chứng gì. Và tồn tại trong máu, các kháng thể Kell hiếm. Và mẹ tôi, nức nở, nức-nở-nức-nở, nức nở... “Tôi không hiểu. Tôi là con gái bác sĩ, nhưng tôi không hiểu.”

Có phải Alpha cùng Omega đã lật mặt tôi? Có phải rhesus đang chìa ngón tay không thể trả lời vào tôi? Và có phải Mary Pereira sẽ buộc phải... Tôi tỉnh dậy giữa một căn phòng lạnh, trắng, cửa sổ treo mảnh sáo và có Đài phát thanh Toàn Ấn Độ làm bầu bạn. Tony Brent đang hát: “Buồm Đỏ Dưới Hoàng Hôn”.

Ahmed Sinai, khuôn mặt bị tàn phá bởi whisky và bây giờ bởi một điều tệ hại hơn, đứng sau tấm màn. Amina, khe khẽ thì thầm. Một lần nữa, những tiếng được tiếng mất từ xa hàng triệu dặm. Janumđừnghà. Emxinanh. Không, anh nói gì vậy. Tất nhiên là thế. Tất nhiên anh là. Sao anh có thể nghĩ rằng em đã. Của ai mới được chứ. Chúa ơi, anh đừng đứng đó và nhìn em như thế. Em thề. Emthềtrênđầumẹem. Suyt, thằng bé nó...

Một khúc ca khác của Tony Brent, người mà chương trình tiết mục hôm nay giống của Wee Willie Winkie một cách bí hiểm: “Cún Con Trên Cửa Sổ Giá Nhiều Tiền?” lửng lơ trong không khí, bỗng

bềnh trên sóng phát thanh. Cha tôi bước đến giường tôi, đổ bóng sừng sững xuống tôi, tôi chưa thấy ông như thế bao giờ. “Abba...” Và ông, “Lẽ ra ta phải biết. Nhìn xem, ta ở đâu trên khuôn mặt ấy. Cái mũi đấy, lẽ ra ta phải...” Ông quay gót rời khỏi phòng; mẹ tôi theo gót ông, quần trí đến nỗi không buồn thì thầm nữa: “Không, janum, em không thể để anh tin vào những điều như thế về em! Em sẽ tự tử! Em sẽ,” và cánh cửa đóng sập lại sau lưng họ. Từ ngoài vọng vào một âm thanh: một tiếng chát. Hay một cái tát. Hầu hết những điều trọng đại của đời ta đều xảy ra vắng mặt ta.

Tony Brent bắt đầu rử rĩ bài ca mới nhất vào bên tai nghe rõ của tôi: và trấn an tôi, rất du dương, rằng “Mây Rồi Sẽ Sớm Tan.”

... Và giờ tôi, Saleem Sinai, dự kiến trong giây lát sẽ dành cho tôi-hồi-đó cơ hội được hồi cố; phá bỏ tính thống nhất và thông lệ của văn chương chuẩn mực, tôi cho hẳn được thấy trước những gì sắp tới, chỉ để hẳn có thể được phép suy nghĩ những ý nghĩ sau: “Ồi sự đối lập vĩnh cửu giữa bên trong và bên ngoài! Vì mỗi con người, bên trong hẳn ta, là tất cả trừ một tổng thể, tất cả trừ tính đồng nhất; đủ loại tất cả bất kỳ thứ gì được nhồi nhét ở bên trong hẳn, phút trước hẳn là người này sang phút sau đã thành người khác. Cơ thể, mặt khác, lại cực kỳ thuần nhất. Không thể phân tách, một bộ y-phục-một-mảnh, một ngôi đền thiêng, tùy quý vị. Bảo tồn tính nhất thể này là điều rất quan trọng. Nhưng mất mát của ngón tay tôi (được dự báo một cách dễ hiểu bằng ngón tay đang chỉ của người ngư phủ của Raleigh), chưa kể việc một vạt tóc nào đó bị giật khỏi đầu tôi, đã phá bỏ tất cả. Bởi thế chúng ta lâm vào một tình thế hội đủ mọi yếu tố của một cuộc cách mạng; và tác động của nó đối với lịch sử chắc chắn sẽ kinh ngạc ra trò. Mở nút cơ thể^[15], và Chúa mới biết ta sẽ cho trào ra những gì. Đột nhiên ta sẽ mãi mãi khác ta trước kia; và thế giới đổi thay đến độ cha mẹ có thể thôi không là cha mẹ nữa, yêu thương có thể hóa thành căm ghét. Và những điều đó, hãy nhớ rằng, mới chỉ là tác động đối với đời tư. Hệ quả đối với không gian của hoạt động công chúng^[16], quý vị sẽ thấy, đang - đã - và sẽ không kém phần sâu sắc.”

[15] Nguyên văn: uncork (mở nút chai). Rushdie dùng chữ này vì nó rất giống cảnh máu ngón tay của Saleem bị đứt: máu ngón tay trông cũng giống nút chai, còn rượu vang cũng có màu đỏ như máu.

[16] Sphere of public action: thuật ngữ có lẽ xuất phát từ khái niệm “public sphere” của Jurgen Habermas. Ông quan niệm rằng giữa không gian của cá nhân (private sphere) và không gian của chính quyền (government sphere) tồn tại một không gian chung, nơi công chúng trao đổi, tranh luận, thể hiện quan điểm về các vấn đề chung. Không gian này có thể là một không gian vật lý như quảng trường, quán cà phê; cũng có thể là một không gian trừu tượng như báo chí, sách vở, tác phẩm nghệ thuật.

Cuối cùng, thu hồi món quà về khả năng tiên tri, tôi để quý vị lại với hình ảnh một cậu bé lên mười, ngón tay băng kín, ngồi trên giường bệnh, ngẫm nghĩ về máu và tiếng-động-chan-chát và nét mặt chua cha mình; ông kính từ từ chuyển sang góc rộng, tôi cho phép nhạc nền lần át lời tôi, bởi vì Tony Brent đã đi đến cuối điệu liên khúc, và bài kết của ông, cũng giống của Winkie: “Chúc Ngủ Ngon, Quý Bà!” là tên bài hát. Đầy tươi vui, nó cứ mãi du dương, du dương, du dương...

(Mờ dần)^[17]

[17] Fade out: hiệu ứng khi kết thúc cảnh phim, hình ảnh mờ dần và âm thanh nhỏ dần đi.

Chương 17: Thăng nhóc Kolynos

Từ người ayah đến mẹ Góa phụ, tôi luôn là mẫu người thụ động hứng chịu tai ương; nhưng Saleem Sinai, nạn nhân kinh niên, vẫn nhất quyết xem hẳn ta là nhân vật chính. Bất kể tội ác của Mary; gạt sang một bên bệnh thương hàn và nọc rắn; bỏ qua hai tai nạn, trong tủ giặt và vòng xuyên (khi Sonny Ibrahim, bậc thầy phá khóa, cho phép cặp sừng-thái dương mới nhú của tôi nhập vào hai hõm forcep của nó, và qua sự kết hợp này mở cánh cửa đến lũ trẻ nửa đêm); không đếm xỉa đến tác động từ cú đẩy của Evie và sự phản bội của mẹ tôi; bất chấp việc mất tóc vì trò bạo hành cay nghiệt của Emil Zagallo và mất ngón tay vì trò khiêu khích liếm môi của Masha Miovic; ngoảnh mặt với mọi dấu hiệu cho thấy điều ngược lại, bây giờ tôi sẽ cụ thể hóa, với phong thái và sự nghiêm túc phù hợp ở một con người khoa học, tuyên bố chủ quyền của mình đối với vị trí trung tâm của mọi sự kiện.

“... cuộc đời của cháu, nó sẽ là, theo một nghĩa nào đó, tấm gương của bản thân chúng ta,” Thủ tướng đã viết, buộc tôi, một cách khoa học, phải đối diện với câu hỏi: Theo nghĩa nào? Như thế nào, trên phương diện gì, sự nghiệp một cá nhân có thể tác động lên vận mệnh một dân tộc? Tôi phải trả lời bằng các trạng từ và gạch giữa: tôi được gắn kết với lịch sử theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, cả chủ động lẫn bị động, theo cách mà các nhà khoa học (tiên tiến một cách đáng ngưỡng mộ) của nước ta có lẽ sẽ định danh là “dạng thức liên kết”, hình thành bởi cấu trúc đối ngẫu kết hợp của hai cặp trạng từ đối lập nêu trên. Đây là lý do phải có gạch ngang: theo nghĩa đen một cách chủ động và theo nghĩa bóng-một cách bị động, theo nghĩa bóng-một cách chủ động và theo nghĩa đen-một cách bị động, tôi và thế giới của tôi xoắn xuýt với nhau không gỡ ra được.

Nhận thấy vẻ ngơ ngác phi khoa học ở Padma, tôi đành quay lại với sự thiếu chính xác của ngôn ngữ bình dân: Bằng sự kết hợp của “chủ động” và “nghĩa đen”, tôi muốn nói, dĩ nhiên, mọi hành vi của tôi đi trực tiếp - *theo nghĩa đen* - tác động, hoặc thay đổi lộ trình của, những sự kiện lịch sử tầm cỡ, chẳng hạn như cái cách tôi đem tới cho đoàn diễu hành ngôn ngữ một khúc chiến ca. Sự kết hợp của “bị động” và “nghĩa bóng” bao hàm mọi xu thế và sự kiện chính trị-xã hội mà, chỉ bằng sự tồn tại của mình, đã tác động đến tôi theo nghĩa bóng - ví dụ, bằng cách tìm hiểu nghĩa hàm ẩn của chương nhan đề “Ngón Tay Đang Chỉ Của Người Ngu Phủ”, quý vị sẽ nhận ra mối liên hệ không tránh khỏi giữa cố gắng nhảy vọt đến tuổi trưởng thành, lớn hết cỡ của quốc gia non trẻ với nỗ lực tăng trưởng sớm, bùng nổ của chính tôi... Kế tiếp, “bị động” và “nghĩa đen”, khi có gạch giữa, bao gồm mọi giây phút khi các sự kiện quốc gia ảnh hưởng trực tiếp đến tôi và gia đình - trong đề mục này quý vị có thể liệt kê việc đóng băng tài sản của cha tôi, và cả vụ nổ Bể chứa nước Walkeshwar, khởi đầu cho cuộc đại xâm lăng của đàn mèo. Và cuối cùng là “dạng thức” của “chủ động-nghĩa bóng”, tập hợp các sự kiện trong đó những thứ tôi làm hoặc được làm với tôi được phản chiếu lên tâm vĩ mô của các vấn đề đại chúng, còn sự tồn tại cá nhân của tôi đã được minh chứng là đồng nhất, một cách hình tượng, với lịch sử. Thương tích ở ngón tay giữa của tôi là một ví dụ tiêu biểu, bởi vì khi tôi bị chia tách khỏi đầu ngón tay

mình và máu (không phải Alpha hay Omega) phun ra thành vòi, điều tương tự đã xảy ra trong lịch sử, và đủ loại tất cả bất kỳ thứ gì bắt đầu trút xuống đầu ta; nhưng bởi vì lịch sử vận hành ở quy mô vĩ đại hơn bất kỳ cá nhân nào, phải mất rất nhiều thời gian hơn để khâu vá vết thương và thu dọn chiến trường.

“Bị động-nghĩa bóng”, “thụ động-nghĩa đen”, và “chủ động-nghĩa bóng”: Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm là cả ba; nhưng chưa bao giờ nó thành điều tôi mong mỏi nhất: chúng tôi chưa từng hoạt động ở chế độ đầu tiên và ý nghĩa nhất của các “dạng thức liên kết”. Chế độ “chủ động-nghĩa đen” bỏ qua chúng tôi.

Thay đổi không hồi kết: Saleem chín ngón được đưa ra công bệnh viện Breach Candy bởi một y tá thấp đậm tóc vàng hoe, có gương mặt đóng băng thành một nụ cười thiếu thành thật đến đáng sợ. Cậu hấp háy mắt trước ánh sáng chói chang của thế giới bên ngoài, cố dõi mắt vào hai hình bóng đang dập dờn tiến về phía cậu từ ánh mặt trời; “Thấy chưa?” cô y tá nựng, “Thấy ai đến đón con chưa?” Và Saleem nhận ra rằng có điều gì đó khủng khiếp đã xảy đến với thế giới này, vì bố mẹ cậu, những người đáng lẽ phải đến đón cậu, *trên dọc đường* đã bị biến hóa thành ayah Mary Pereira và Cậu Hanif.

Cậu Hanif rền vang như còi tàu cập bến, tỏa mùi như một nhà máy thuốc lá cũ. Tôi rất yêu quý cậu, vì giọng cười, vì cái cằm không cạo, vì cái dáng điệu của một tạo vật được nhào nặn hơi lỏng lẻo, vì tính thiếu khả năng phối hợp khiến mỗi cử động của cậu đều chất chứa nguy cơ. (Khi cậu đến Biệt thự Buckingham mẹ tôi giấu tiệt đồng bình pha lê mài.) Người lớn chưa từng tin tưởng cậu sẽ cư xử đúng phép tắc (“Coi chừng đảng Cộng sản!” cậu gầm lên, và họ đỏ mặt), điều gắn bó cậu với tất cả trẻ con - trẻ con nhà khác, vì cậu với Pia không có con. Cậu Hanif mà một ngày nọ sẽ, không hề báo trước, bước ra khỏi sân thượng nhà mình.

... Cậu vỗ lưng tôi thật mạnh, đẩy tôi nhào vào vòng tay Mary. “Chào, cậu đồ vật nhỏ! Trông khỏe rồi đây!” Nhưng Mary, nồn nồn, “Nhưng gây quá, lạy Chúa! Người ta cho cậu ăn thiếu à? Cậu thích pudding bột ngô không? Chuối dầm đường nhé? Họ cho cậu khoai chiên chứ?”... trong khi Saleem mãi nhìn quanh thế giới này nơi mọi thứ dường như vận động quá nhanh; giọng cậu, khi nói được thành lời, nghe the the, như thể bị ai đó tua nhanh: “Amma-Abba?” cậu hỏi. “Con Khi?” Và giọng Hanif rền vang, “Rồi, chuẩn không cần chỉnh! Chú bé hơi bị tinh tươm đấy! Đi nào phaelwan: làm một chuyến Packard^[1], nhé?” Và cùng lúc một Mary Pereira dòn dập, “Bánh sô cô la nhé,” cô hứa hẹn, “laddoo, pista-ki-lauz, samosa nhân thịt và kulfi nữa. Cậu gây quá, baba, gây gió thổi bay ấy.” Chiếc Packard đang lăn bánh, nhưng lại không rẽ sang đường Warden, lên ngọn đồi hai tầng; và Salcem, “Hanif mamu, mình đi đâu...” Chưa kịp nói hết câu; Hanif ồm ồm, “Mợ Pia đang đợi cháu! Chúa ơi, rồi cháu xem, ta sẽ có một dịp vui chơi oách nhất quả đất!” Giọng cậu hạ xuống đây âm mưu: “Rất nhiều,” cậu nói về bí hiểm, “*trò vui*” Và Mary, “Arre baba, phải rồi! Bít tết này! Chutney xanh nữa!”...

[1] Một dòng xe ô tô đắt tiền của Mỹ.

“Không ăn loại sẫm đâu,” tôi nói, sau cùng cũng bó tay chịu trói; vẻ nhẹ nhõm hiện lên trên má hai kẻ bất giữ. “Không không không,” Mary lấp bắp, “xanh nhạt chứ, baba. Đúng ý cậu.” Và, “Xanh nhạt!” Hanif gầm gừ, “Chúa ơi, xanh như châu châu.”

Nhanh quá... chúng tôi đến Kemp's Corner rồi, xe lao vùn vụt xung quanh như đạn bắn... nhưng một thứ không hề thay đổi. Trên tấm biển quảng cáo, thằng nhóc Kolynos cười toét miệng, nụ cười tinh linh vĩnh cửu của chú bé đội mũ xanh diệp lục, cái cười ngớ ngẩn của Nhóc bắt lão, kẻ mãi mãi bóp tuýp thuốc đánh răng bắt tận lên chiếc bàn chải xanh sáng: *Giữ Răng Sạch và Giữ Răng Sáng! Giữ Răng Kolynos Cực Bóng Loáng!*... và quý vị có thể nghĩ về tôi giống như một thằng Nhóc Kolynos bắt đắc dĩ, nản khủng hoảng và thay đổi ra từ tuýp thuốc không đáy, bóp thời gian lên chiếc bàn chải ẩn dụ; thứ thời gian trắng, sạch, có sọc màu xanh diệp lục^[2].

[2] Màu trắng và xanh lá cây là hai màu của quốc kỳ Pakistan.

Đây, như vậy, là sự mở đầu cho cuộc lưu đày thứ nhất của tôi. (Sẽ có cuộc thứ hai, rồi thứ ba.) Tôi chịu đựng không kêu ca. Tôi, tất nhiên, biết rằng có một câu hỏi không bao giờ được phép hỏi; rằng tôi được đem cho mượn, như một cuốn truyện tranh của Thư viện sách cũ Scandal Point, không kỳ hạn; và rằng chừng nào cha mẹ muốn tôi trở lại; họ sẽ cho gọi tôi về. Chừng nào, chậm chí là nếu: bởi tôi đã tự trách mình không ít về vụ đày ải này. Chẳng phải chính tôi đã tự gây cho mình thêm một dị tật nữa để bổ sung vào chân vòng kiềng mũi dưachuột sừng thái dương mánhọ? Có phải ngón tay cụt của tôi chính là (như tuyên bố về những giọng nói đã suy t là), đối với song thân khôn khổ đã nhiều của tôi, giọt nước tràn ly? Rằng tôi không còn là một vụ làm ăn hời, không còn xứng đáng với sự đầu tư tình yêu và bảo bọc của họ?... Tôi quyết định tưởng thưởng cho cậu mợ tôi vì lòng nhân ái đã dang tay đón về một sinh vật thảm hại như thằng tôi, bằng cách đóng vai đứa cháu mẩu mực và đợi chờ diễn biến. Có lúc tôi ao ước con Khi sẽ đến gặp tôi, hay chỉ gọi cho tôi thôi cũng được; nhưng chìm đắm vào những chuyện ấy chỉ tổ chọc thủng quả bóng bình tâm trong tôi, nên tôi cố hết sức xua chúng khỏi đầu. Ngoài ra, sống với Hanif và Pia Aziz hóa ra đúng như những gì cậu tôi đã hứa: rất nhiều trò vui.

Họ bày ra với tôi đủ thứ trò về mà trẻ con trông đợi, và đón nhận rất tự nhiên, từ những người lớn không con cái. Căn hộ nhìn xuống Marine Drive của họ không lớn, nhưng có một cái ban công mà từ đây tôi có thể thả vớ lạc xuống đầu khách bộ hành; không có phòng ngủ riêng, nhưng tôi được dành cho một chiếc sofa trắng êm ấm sọc xanh lá (một bằng chứng sớm vì sự biến đổi của tôi thành Nhóc Kolynos); ayah Mary, người rõ ràng đã theo tôi dần bước lưu đày, ngủ dưới sàn bên cạnh tôi. Ban ngày, cô nhồi dạ dày tôi bằng các thứ bánh kẹo cô đã hứa (bây giờ tôi tin rằng do mẹ tôi thanh toán) lẽ ra tôi đã béo tướng lên, chỉ có điều một lần nữa tôi lại bắt đầu phát triển theo hướng khác, và đến cuối năm của lịch sử được tăng tốc (khi tôi mới mười một tuổi rưỡi) tôi đã đạt chiều cao tối đa của người lớn; như thế ai đó đã tùm lầy phần mô mỡ^[3] của tôi và bóp thật lực, hơn với bất kỳ tuýp thuốc đánh răng nào, đến nỗi từng xăng tí mét trời lên từ người tôi dưới áp lực ấy. Được hiệu ứng Kolynos cứu thoát khỏi bệnh béo phì, tôi tắm mình trong nỗi hân hoan của cậu mợ khi có đứa trẻ trong nhà. Khi tôi đánh đồ 7 Up ra thậm hay hất xì lên bữa tôi, cùng lắm cậu tôi cũng chỉ rầy “Hãy dè! Cái thằng!” với cái giọng còi hơi rền vang, nhưng lại ngoác miệng ra cười rất phản tác dụng. Trong khi đó, mợ Pia sẽ trở thành người kế tiếp trong danh sách dài các phụ nữ đã bỏ bùa và rút cuộc hủy hoại tôi hoàn toàn và triệt để.

[3] Nguyên văn: puppy fat, phần mô mỡ tự nhiên ở trẻ con, thường tự tiêu đến tuổi trưởng thành.

(Tôi phải đề cập rằng, lúc ở căn hộ trên Marine Drive, tình hoàn của tôi, giã từ sự bảo vệ của xương chậu, đã đưa ra quyết định quá sớm và không báo trước là rơi xuống hai bìn nhỏ đựng chúng. Sự kiện này cũng có vai trò trong những gì diễn ra sau đây.)

Mumani - vợ tôi - nàng Pia Aziz thân thánh: sống với nàng tức là tồn tại giữa trung tâm nóng bỏng và ướt át của một bộ phim Bombay. Ngày ấy, sự nghiệp điện ảnh của cậu tôi đã bước vào giai đoạn thoái trào chao đảo, và bởi vì đời là như thế, ngôi sao của Pia cũng xuống theo. Trong phong thái của nàng, suy nghĩ về thất bại là điều không tưởng. Không được đóng phim, Pia đã biến đời nàng thành một cuốn phim, trong đó tôi được đóng ngày càng nhiều vai phụ. Tôi là chú Tiểu Đồng trung thành: Pia mặc áo lót, cặp hông mềm mại tròn căng trước cặp mắt lảng tránh trong tuyệt vọng của tôi, cười khúc khích trong khi mặt nàng, lấp lánh nhờ kẻ antimony^[4], chớp lên đầy quyền uy. “Lại đây, cậu bé, có gì mà xấu hổ, giữ mấy nếp sari này để ta gấp nào.” Tôi còn là Bạn tâm tình Tin cậy của nàng. Trong khi cậu tôi ngồi ở ghế sofa sọc diệp lục và đèn máy chữ ra những kịch bản rồi sẽ chẳng ai dựng thành phim, tôi lắng nghe những lời độc thoại hoài cổ của vợ tôi, và cố rời mắt khỏi hai quả cầu không sao chịu nổi, tròn như dưa hấu, vàng ruộm như xoài: tôi muốn nói đến, chắc quý vị đã đoán ra, bộ ngực đáng ngưỡng mộ của Pia mumani. Trong khi nàng, ngồi trên giường, một tay vắt ngang lông mày, hùng hồn tuyên bố: “Chàng trai, cháu biết không, vợ là một diễn viên vĩ đại; vợ đã thể hiện nhiều vai chính! Nhưng, nhìn xem, số mệnh sẽ làm gì! Một thời cậu bé ạ, có Chúa mới biết những ai sẽ vật nài van vì được đến căn hộ này; một thời phóng viên tờ *Điện ảnh* và *Nữ thân Mền bạc* sẵn sàng hỏi lộ để được vào! Phải, và nhảy múa, rồi ở nhà hàng Venice ai cũng biết vợ - cả đám tài tử nhạc jazz quỳ dưới chân vợ, phải, kể cả gã Braz^[5] ấy. Ôi, sau *Đôi tình nhân xứ Kashmir*, còn có ngôi sao nào lớn hơn? Không phải Poppy, chẳng phải Vyjayantimala, không một ai!” Và tôi, gật đầu dứt khoát, không-dĩ-nhiên-rồi-làm-gì-có-ai, trong khi hai trái dưa mỹ miều của nàng nhấp nhô và... Với một tiếng cảm thán náo nùng, nàng tiếp tục: “Nhưng kể cả thời ấy, lúc đang ở đỉnh cao danh vọng, mỗi bộ phim là một kiệt tác trăm năm có một, ông cậu này của cháu vẫn thích sống trong một căn hộ hai buồng như một anh thư ký! Thế nên vợ cũng không đòi hỏi; vợ không như mấy đứa diễn viên rẻ tiền; vợ sống giản dị và không vùi vĩnh xe Cadillac và điều hòa nhiệt độ và giường Dunlopillo mua tận bên Anh; không cần bể bơi hình dáng như bikini giống của ả Roxy Vishwanatham! Ở đây, vợ đã sống, như một người vợ nhà thường dân; tại đây, lúc này, vợ đang chết mòn! Chết mòn, thực sự. Nhưng vợ biết: nhan sắc là gia tài của vợ; nói cho cùng, tiền tài vợ nào có cần gì?” Và tôi, hăm hở tán thành: “Mumani, không; không cần gì hết.” Nàng khóc thảm thiết; bên tai bị tát điếc của tôi cũng như bị xuyên thủng. “Phải, dĩ nhiên rồi, các người đều muốn tôi khôn khó! Cả thế giới đều muốn Pia này đôi rách! Kể cả hân ta, cậu của cháu, ngồi viết ba cái kịch bản chán lẩn chán lóc! Ôi Chúa ơi, vợ bảo cậu, đưa nhảy múa vào, hoặc các thăng cảnh! Cho vai ác thật ác, sao lại không, vai nam chính thì thật anh hùng! Nhưng cậu bảo, không, đây chỉ toàn rác rưởi, giờ anh mới hiểu - dù trước đây cậu không kiêu hãnh thế đâu! Bây giờ cậu phải viết về những con người bình thường và những vấn đề xã hội! Và vợ bảo, ừ, Hanif, làm đi, thế hay đây; nhưng đưa vào một ít ngôn ngữ quen thuộc, một vài đoạn nhảy múa cho Pia của anh, rồi bị kịch và chính kịch nữa; đây là điều Công chúng muốn!” Mặt nàng rung lên. “Cháu biết cậu đang viết gì không? Về...” trong nàng như thể con tim sắp tan nát “... Cuộc đời Bình dị ở một Nhà máy Rau quả dầm!”

[4] Một hóa chất màu bạch kim, được dùng làm phấn kẻ mắt từ rất sớm trong lịch sử.

[5] Braz Golsaves, một nghệ sĩ saxophone có thật, gương mặt tiêu biểu của nhạc jazz Ấn những năm 1950-70.

“Suyt, mumani, suyt,” tôi nài, “Hanif mamu nghe thấy đấy!”

“Cho anh ấy nghe!” Nàng bùng lên, rồi khóc nức nở. “Cho cả mẹ anh ấy nữa, ở Agra; họ sẽ làm vợ chết vì tủi nhục!”

Mẹ Bè trên chưa bao giờ có cảm tình với nàng dâu diễn viên. Tôi từng nghe bà bảo mẹ tôi: “Đi lấy một ả đào hát, cái gì không biết, con trai tôi đã trải chiếu ngủ dưới cổng, chẳng mấy chốc, cái gì không biết, nó sẽ cho thằng bé uống rượu và ăn thịt lợn^[6].” Sau cùng, bà đành chấp nhận cuộc phối ngẫu không tránh khỏi này một cách miễn cưỡng; nhưng bà bắt đầu viết những bức tâm thư răn dạy Pia. “Nghe này, con gái,” bà viết, “bỏ cái nghề diễn viên này đi con ạ. Tôi tính gì phải làm những điều ô nhục như thế? Lao động, ừ, các cô có tư tưởng hiện đại, nhưng trần trướng múa may trên màn ảnh!”

Trong khi chỉ cần ít tiền con có thể lấy lại thương quyền của một cây xăng tốt. Mẹ có thể bỏ tiền túi ra mua cho con chỉ trong hai phút. Ngồi ở văn phòng, thuê nhân viên; thế mới là công việc đáng hoàng.” Không ai biết Mẹ Bề trên mơ giấc mơ về cây xăng, thứ sẽ ngày một ám ảnh bà khi về già, từ đâu ra; nhưng bà mang nó ra để giội bom Pia, trước sự chán ghét của nữ diễn viên.

[6] Tín đồ đạo Hồi không được phép ăn thịt lợn.

“Sao bà ấy không bảo tôi đi đánh máy tốc ký ?” Pia than thở với Hanif và Mary và tôi trong lúc ăn sáng. “Sao không lái taxi, hay ngồi dẹt cũi? Tôi nói thật, cái chuyện xăng xe xè xừ này nó làm tôi phát rồ.”

Cậu tôi run lên (lần duy nhất trong đời) bên bờ vực giận dữ. “Ồ đây có mặt trẻ con,” cậu bảo, “và bà ấy là mẹ cô; tôn trọng bà một chút.”

“Tôn trọng thì dễ thôi,” Pia hàm hàm bỏ đi, “nhưng bà ấy muốn *xăng cơ*.”

... Và vai phụ tôi trân quý nhất được diễn mỗi lần Pia và Hanif tụ tập chơi bài thường xuyên với bạn bè, tôi được đôn lên chiếm giữ vị trí thiêng liêng của cậu con trai mẹ chưa từng có. (Sinh ra từ một cuộc hôn phối thâm lặng, tôi có nhiều mẹ hơn phân lớn các bà mẹ có nhiều con; sinh ra cha mẹ là một trong những thiên khiếu dị thường của tôi - một hình thái sinh sản nghịch đảo, ngoài tầm kiểm soát của những biện pháp tránh thai, thậm chí của chính mẹ Góa phụ.) Khi khách tới chơi, Pia Aziz sẽ kêu lên: “Các bạn, nhìn đây, đây là thái tử của tôi! Hòn ngọc trên chiếc nhẫn! Hạt trai trên dây chuyền của tôi!” Và mẹ sẽ kéo tôi về phía mình, ghì đầu tôi khiến mũi tôi bị dúi vào ngực mẹ và khoan khoái nằm lọt giữa cặp gối êm ái không thể diễn tả thành lời là đôi bầu... không thể chịu đựng nổi thứ khoái cảm ấy, tôi giăng đầu ra. Nhưng tôi là nô lệ của mẹ; và tôi biết vì sao mẹ cho phép mình suông sã với tôi đến thế. Có tính hoàn sớm, lớn nhanh, thế nhưng tôi vẫn mang (một cách gian trá) chiếc phù hiệu của sự ngây thơ về tính dục: Saleem Sinai, trong thời gian tạm trú tại nhà cậu, vẫn mặc quần soóc. Đôi đầu gối trần là bằng chứng cho Pia thấy tôi vẫn còn là con nít; bị đôi tát cao đến gối lừa dối, mẹ ghì mặt tôi vào vú mẹ trong khi giọng hát hoàn mỹ như tiếng sitar^[7] thủ thủ vào bên tai tốt của tôi: “Bé ơi, bé ơi, đừng sợ; mây rồi sẽ sớm tan.”

[7] Một loại đàn dây cổ truyền của Ấn Độ, hình dáng gần giống như đàn guitar.

Vì cậu tôi, và vì cả bà mẹ kịch nghệ, tôi diễn xuất (ngày càng trơn tru) vai đứa con trai thay thế. Vào ban ngày ta sẽ tìm thấy Hanif Aziz trên chiếc sofa sọc, bút chì và cuộn vở học trò trên tay, biên soạn thiện sử thi rau quả dâm của mình. Cậu vận tấm lungi^[8] quen thuộc quần hờ hững quanh eo và cài chặt bằng kim băng; đôi chân lông lá thò ra dưới lân vải. Móng tay cậu ó vàng vì suốt đời hút Gold Flakes; móng chân cũng xỉn màu tương tự. Tôi hình dung ra cảnh cậu hút thuốc bằng ngón chân. Bị ấn tượng mạnh trước cảnh ấy, tôi hỏi cậu rằng trên thực tế cậu có làm được chiêu này không; thế là không nói một lời, cậu nhét điều Gold Flake vào giữa ngón cái và ngón trỏ và oản người thành một tư thế vận vẹo kỳ quái. Tôi vỗ tay rồi rút, nhưng hình như cậu lên cơn đau suốt cả ngày hôm đó.

[8] Một kiểu xà rộng của Ấn Độ.

Tôi chăm chú cho cậu như một đứa con hiếu thảo: đổ gạt tàn, gọt bút chì, đem nước uống; trong khi cậu, người sau những khởi đầu đậm chất ngụ ngôn đã nhớ ra mình là con của cha mình và dồn hết tâm huyết chống lại tất cả những gì mang hơi hướm phi hiện thực, nguệch ngoạc ra cái kịch bản yếu mệnh của cậu.

“Sonny Jim,” cậu bảo tôi, “đất nước khốn nạn này đã mơ mộng năm ngàn năm nay. Đã đến lúc nó cần tỉnh giấc.” Hanif thích phản đối hoàng tử và yêu quái, thần thánh và anh hùng, hay, đúng ra, phản đối toàn bộ những hình tượng của điện ảnh Bombay; trong ngôi đền của những ảo tưởng, cậu trở thành đại tư tế của hiện thực; trong khi tôi, biết rõ về bản chất thần kỳ của mình, điều gắn bó tôi vượt mọi yếu tố giảm trừ với đời sống thần thoại của Ấn Độ, cắn môi và không biết nhìn đi đâu.

Hanif Aziz, nhà biên kịch hiện thực duy nhất làm việc trong nền công nghiệp điện ảnh Bombay, đang viết câu chuyện về một nhà máy rau quả dầm được thành lập, quản lý và vận hành hoàn toàn bằng bàn tay phụ nữ. Có những cảnh lớn miêu tả sự hình thành của công đoàn; những đoạn miêu tả chi tiết quá trình làm rau quả dầm. Cậu sẽ tham vấn Mary Pereira về các công thức; họ sẽ thảo luận, hàng giờ liền, về hỗn hợp tuyệt hảo của chanh vàng, chanh xanh với garam masala^[9]. Thật trớ trêu khi vị đại tông đồ của chủ nghĩa tự nhiên này đồng thời là một nhà tiên tri tài năng (dù vô thức) về vận mệnh của gia đình mình; trong những nụ hôn gián tiếp của *Đôi tình nhân xứ Kashmir*, cậu đã bạo trước các cuộc gặp gỡ của mẹ tôi với Nadir-Qasim của bà ở Pioneer Café; và trong cái kịch bản về chutney chưa lên phim của cậu cũng ẩn chứa một lời tiên đoán với độ chính xác chết người.

[9] Một thứ bột nêm phổ biến ở Bắc Ấn, thành phần gồm nhiều loại gia vị khác nhau.

Cậu vây hãm Homi Catrack bằng kịch bản. Catrack chẳng sản xuất cái nào; chúng nằm trong căn hộ nhỏ ở Marine Drive, bao phủ mọi bề mặt có thể, khiến ta phải nhặt chúng khỏi nắp bồn cầu nếu muốn mở nó lên; nhưng Catrack (vì từ tâm? Hay vì một lý do khác, sẽ-sớm-được-tiết-lộ?) vẫn trả lương xưởng phim cho cậu tôi. Nhờ thế họ mới sống được, Hanif và Pia, bằng sự hào phóng của người đàn ông mà rồi đây, khi đến lúc, sẽ thành người thứ hai bị ám sát bởi Saleem phồng lên như nấm.

Homi Catrack nài nỉ cậu, “Chỉ một cảnh yêu đương thôi?” Còn Pia, “Anh nghĩ gì thế, dân quê họ sẽ bỏ tiền đi xem phụ nữ ngâm Alfonso à?” Nhưng Hanif, ngoan cố: “Đây là phim lao động, không phải phim hôn hít. Và không ai ngâm Alfonso cả. Phải dùng loại xoài có hạt lớn hơn.”

Hồn ma của Joe D’Costa, theo chỗ tôi biết, không theo Mary Pereira đến chốn lưu đày; tuy nhiên, sự vắng mặt của gã chỉ gia tăng sự hoang mang trong cô. Cô bắt đầu, trong những ngày ở Marine Drive, sợ hãi sẽ hiện hình trước mắt những người khác ngoài cô, và tiết lộ, khi cô vắng mặt, những bí mật khủng khiếp về chuyện xảy ra tại Nhà Hộ sinh của Bác sĩ Narlikar vào đêm Độc lập. Thế nên sáng nào cô cũng rời căn hộ trong tình trạng lo sợ đến nhून người, và cơ hồ ngã quỵ khi đến Biệt thự Buckingham; chỉ khi thấy Joe vẫn vô hình và im lặng cô mới thở phào. Nhưng khi về đến Marine Drive, ngập trong samosa và bánh trái và chutney, nỗi hoang mang lại bắt đầu tích tụ... nhưng do đã quyết tâm (bản thân đã có đủ phiền phức) bỏ ngoài đầu mọi chuyện trừ Lũ trẻ, tôi không hiểu vì sao.

Hoang mang hấp dẫn hoang mang; suốt những chuyến đi, ngồi trên xe buýt chật như nêm (tàu điện đã ngừng hoạt động), Mary nghe được đủ mọi loại tin đồn và chuyện ngòi lê đôi mách, mà cô kể lại cho tôi như những sự thật tuyệt đối. Theo lời Mary, đất nước này đang bị bóp nghẹt trong cuộc xâm lăng của các thế lực siêu nhiên. “Phải, baba, họ bảo ở Kurukshetra một bà cụ người Sikh đang ngủ trong lều bỗng tỉnh dậy và thấy cuộc chiến cổ xưa giữa phe Kuru và Pandava^[10] diễn ra ngay bên

ngoài! Tin đăng khắp trên báo, bà cụ chỉ cho người ta chỗ bà nhìn thấy chiến xa của Arjuna và Karna, và quả có vết bánh xe trên bùn thật! Baap-re-baap, lắng điêm gờ quá: ở Gwalior người ta nhìn thấy hồn ma Quận chúa xứ Jhansi^[11]; và thấy những con rakshasa nhiều đầu như Ravana^[12], làm chuyện ấy với phụ nữ và kéo đổ gốc cây bằng một ngón tay. Tôi là một con chiên ngoan đạo, baba; nhưng tôi cũng phát hãi khi họ bảo mộ của Đức Jesus được tìm thấy ở Kashmir. Trên bia khắc hai bàn chân bị đóng đinh và một bà dân chài địa phương thề rằng đã thấy chúng rỉ máu - máu thật, xin Chúa cứu vớt chúng con! - vào đúng ngày Thứ Sáu Lành^[13]... điều gì đang xảy ra thế, baba, sao mấy thứ cổ đại ấy không chết rập đi và đừng ám những người tử tế nữa?” Và tôi, mắt mở to, lắng nghe; và mặc dù cậu Hanif cười âm lên, tôi vẫn, đến bây giờ, nửa tin nửa ngờ rằng vào thời đại của những sự kiện bị đẩy nhanh tốc độ và những giờ phút bệnh tật, quá khứ của Ấn Độ đã sống dậy để đánh bại hiện tại; quốc gia thế tục vừa ra đời này đã nhận được một lời nhắc nhở chân động về thời cổ đại huy hoàng của nó, khi dân chủ và quyền bỏ phiếu của phụ nữ đều vô nghĩa... khiến cho tất cả bị chế ngự bởi một khát khao hồi cổ, và, quên đi cái huyền thoại mới về tự do, họ quay lại với các lễ thói cũ, lòng trung thành và định kiến địa phương chủ nghĩa xa xưa, và cái cơ thể chính trị^[14] này bắt đầu rạn nứt. Như tôi đã nói: chặt có một đầu ngón tay thì rồi đủ thứ vòi phun của sự hỗn loạn sẽ được mở nắp. “Rồi thì trâu bò, ba ba, bỗng dung biến mất; bup! Thế là ở làng quê, nông dân phải chết đói.”

[10] Trận huyết chiến Kurukshetra giữa phe Kuru và năm anh em nhà Pandava, được miêu tả rất chi tiết trong sử thi Mahabharata.

[11] Lakshmi Bai, Quận chúa (Rani) xứ Jhansi ở Bắc Ấn, là một trong những thủ lĩnh của phong trào nổi dậy ở Ấn Độ năm 1857, chống lại ách thống trị của Công ty Đông Ấn thuộc Anh. Bà hy sinh tại Gwalior trong một trận đánh chống quân Anh.

[12] Rakshasa là một loài quỷ trong thần thoại Ấn Độ. Quỷ vương Ravana, vua của loài Rakshasa, chính là kẻ đã bắt cóc nàng Sita, vợ của Rama, trong sử thi Ramayana.

[13] Ngày Thứ Sáu Lành là ngày tín đồ Thiên Chúa kỷ niệm sự kiện Chúa Jesus bị đóng đinh câu rút.

[14] Nguyên văn: body politic, một khái niệm ẩn dụ, bắt nguồn từ thời Phục hưng, so sánh một quốc gia với cơ thể con người.

Đúng vào thời điểm này, tôi cũng bị một con quỷ kỳ lạ nhập vào; song để quý vị có thể hiểu đúng ý tôi, tôi phải bắt đầu câu chuyện về việc này từ một buổi tôi vô hại, khi Hanif và Pia Aziz đón một nhóm bạn đến chơi bài.

Mợ tôi mắc cái tật hay cường điệu; bởi vì mặc dù thiếu vắng *Filmfare* và *Screen Goddess*, nhà cậu tôi vẫn là nơi, nhiều người lui tới. Vào những tối chơi bài, ngôi nhà sẽ chật ních những nhạc công jazz tán phét về các cuộc cãi cọ và bài phê bình trên tạp chí Mỹ, và những ca sĩ mang bình xịt họng trong xác tay, và những thành viên của vũ đoàn Uday Shankar, đang nỗ lực hình thành một phong cách nhảy mới bằng cách kết hợp ba lễ phương Tây và bharata natyam^[15]; có những nhạc công vừa ký hợp đồng biểu diễn ở nhạc hội của Đài phát thanh Toàn Ấn, Sangeet Sammelan; có những họa sĩ bất đồng quan điểm dữ dội. Không khí dày đặc tào lao chính trị và các chủ đề khác. “Trên thực tế, tôi là họa sĩ duy nhất ở Ấn Độ vẽ với một cảm quan đích thực của trách nhiệm về ý thức hệ!” - “Ồ, tội thằng Ferdy quá, sậu vụ này còn lâu mới kiếm được ban nào.” - “Menon? Chớ có nhắc đến Krishna với tôi. Tôi biết hần hồi hần còn nguyên tác. Như tôi đây, chưa bao giờ từ bỏ...” “... Ở này, Hanif, dạo này sao không thấy Lal Qasim ở đây nhỉ?” Và cậu tôi, liếc nhìn tôi với vẻ bồn chồn: “Suyt... Qasim nào ? Tôi chả quen ai tên thế cả.” .

[15] Điệu nhảy cổ truyền của bang Tamil Nadu ở miền Nam Ấn Độ.

... Và hòa trộn với cái nhộn nhạo trong căn hộ, là những sắc màu và âm thanh của Marine Drive: những khách bộ hành dắt chó đi dạo, mua hoa nhài và channa từ những gánh hàng rong; tiếng van nài của đám ăn mày và bán bhel-puri; và ánh đèn chiếu sáng thành một chiếc kiềng khổng lồ, lượn tròn và lên tận Đồi Malabar... Tôi đứng trên ban công với Mary Pereira, ngoảnh bên tai điếc vào những tin đồn cô đang thì thầm, sau lưng tôi là thành phố và trước mắt là hội chơi bài đang tụ tập và tán gẫu. Và một ngày nọ, giữa những con bạc, tôi nhận ra hình thù khắc khổ, cặp mắt trũng sâu của Ngài Homi Catrack. Người chào tôi bằng một vẻ vồn vã bối rối: “Xin chào, nhóc! Khỏe chứ hả? Tất nhiên, tất nhiên là khỏe rồi!”

Cậu Hanif tôi chơi tá là một cách say mê; nhưng cậu là nô lệ của một nỗi ám ảnh kỳ quái - nghĩa là, cậu quyết tâm không hạ bài chừng nào chưa có đủ một dãy mười ba con cơ. Luôn luôn cơ, tất cả đều cơ, và không gì khác ngoài cơ. Trong cuộc kiếm tìm sự hoàn hảo không thể đạt tới này, cậu tôi sẽ bỏ đi những bộ ba ngon lành và nguyên những dây bích tép rô, trước cơn ngạc nhiên huyền ảo của bạn bè. Tôi thấy tay kèn shehnai^[16] danh tiếng Ustad Changez Khan (người có mái tóc nhuộm, khiến vào những tối trời nóng, tai anh bị đổi màu vì dòng chất lỏng màu đen chảy xuống) bảo cậu tôi: “Thôi nào, anh bạn; vứt cái chặt cơ này đi, cứ chơi như anh em ở đây thì đã sao.” Cậu tôi đôi mắt căm đồ ấy; rồi rên vạng át tiếng ồn, “Không, mẹ kiếp biến đi với quỷ sứ và để yên cho tôi chơi!” Cậu chơi bài như một thằng ngốc; nhưng tôi, người chưa từng thấy sự chuyên nhất về mục đích nào như thế, những muồn vỗ tay.

[16] Một loại kèn của Ấn Độ, hình dáng giống kèn ôboa.

Một khách quen của những đêm bài bạc lầy lùnh ở nhà Hanif Aziz là một tay nhiếp ảnh biên chế của tờ *Thời báo Ấn Độ*, một kho chuyện giật gân và tai tiếng. Cậu tôi giới thiệu tôi với ông ta: “Đây là người đã đưa cháu lên trang nhất đấy, Saleem. Đây là Kalidas Gupta. Một thợ ảnh kém cỏi; một gã badmaash chính hiệu. Chớ nói chuyện lâu với ông ấy; đầu cháu sẽ xoay mòng mòng với các xì căng đan!” Kalidas có mái đầu bạc và chiếc mũi chim ưng. Tôi thấy ông ấy thật tuyệt. “Chú biết nhiều xì căng đan thật à?” Tôi hỏi; nhưng ông ấy chỉ nói, “Nhóc ạ, ta mà kê ra, chúng sẽ làm bỏng tai nhóc đấy.” Nhưng ông ta chẳng bao giờ biết được tên tôi phạm thiên tài, *Các hạ xám*^[17] đứng sau vụ tai tiếng lớn chưa từng thấy tại thành phố này, không phải ai khác ngoài Saleem Thò lò. Nhưng tôi không được chạy trước. Câu chuyện về cây dùi cui kỳ lạ của Trung tá Sabarmati phải được tường thuật đúng thời điểm. Hậu quả (bất chấp bản chất lươn lẹo của thời gian vào năm 1958) không được phép đi trước nguyên nhân.

*[17] Eminence grise, biệt danh của François Leclerc du Tremblay, cánh tay phải của Hồng y Giáo chủ Richelieu. Ông đứng sau màn trường nhưng có tầm ảnh hưởng rất lớn tới chính trường nước Pháp thời Louis XIII, dù không được phong Hồng y, nhưng vẫn được tôn xưng là Các hạ, còn xám là vì ông mặc tăng y màu xám của dòng tu Capuchin. Ở đây dịch là **Các hạ xám**, theo cách dịch của Anh Vũ và Trần Việt ở **Ba người lính ngự lâm**.*

Tôi đứng một mình ngoài ban công. Mary Pereira vào bếp giúp Pia chuẩn bị sandwich và pakora phết pho mát; Hanif Aziz vẫn chìm đắm trong cuộc kiếm tìm mười ba con cơ; và giờ Ngài Homi Catrack đi ra đứng cạnh tôi. “Hít thở không khí trong lành hả,” ông ta hỏi. “Dạ vâng,” tôi đáp. “Thế,” ông ta hít thật sâu. “Thế, thế. Đờn vẫn hậu đãi nhóc chứ? Anh bạn nhỏ xuất sắc. Cho bác bắt tay cái nào.” Bàn tay mười tuổi bị nuốt thõm trong nắm tay của đại gia điện ảnh (tay trái; còn tay phải bị tàn khuyết đang buông xuôi lơ lửng bên sườn)... và giờ một cú sốc. Lòng bàn tay trái cảm thấy một mẩu giấy nhét vào – mẩu giấy ma quái, do một nắm tay linh hoạt tuần sang! Nắm tay của Catrack siết chặt; giọng ông ta thấp xuống, xì xì, như rấn hổ mang; không thể nghe thấy từ căn phòng kê chiếc sofa sọc xanh, từng lời của ông ta xuyên vào bên tai tốt của tôi: “Đưa cái này cho mợ mày. Bí mật, bí mật.

Được chứ? Cầm bóp xép; kéo tao cho cảnh sát cắt lười.” Và giờ, lớn tiếng và hồ hởi, “Tốt! Tinh thần cháu phấn khởi thế bác rất mừng!” Homi Catrack vỗ vỗ đầu tôi; rồi quay lại chiếu bài.

Bị cảnh sát đe dọa, tôi đã im lặng suốt hai thập niên; nhưng hết rồi. Giờ đây, mọi thứ phải được phơi bày.

Chiếu bài kết thúc sớm: “Thằng bé phải đi ngủ,” Pia thì thầm, “Mai nó phải đi học lại rồi.” Tôi không tìm thấy cơ hội nào ở riêng với mẹ; tôi bị an trí trên sofa khi tay trái vẫn nắm chặt mảnh giấy. Mary nằm ngủ dưới sàn... Tôi quyết định giả vờ gặp ác mộng. (Ma lanh không phải quá xa lạ với tôi.) Tuy nhiên, không may là tôi mệt quá ngủ thiếp đi; và hóa ra, không việc gì phải giả vờ: bởi vì tôi đã nằm mơ thấy vụ sát hại thằng bạn cùng lớp Jimmy Kapadia.

... Chúng tôi đang đá bóng ở cầu thang chính trong trường, trên nền gạch đỏ, hết trôi lại trượt. Trên nền gạch đỏ máu có lát một chữ thập đen. Thầy Crusoe đứng trên đầu cầu thang: “Cấm trượt trên thành cầu thang đấy, ngày xưa có cậu bị ngã ở chỗ chữ thập rồi.” Jimmy đá bóng ngay trên chữ thập. “Vụ chữ thập là bịa,” Jimmy bảo, “Họ nói dối để mình chơi mất vui.” Mẹ nó gọi điện thoại đến. “Đừng nghịch Jimmy nhé tim con yếu đấy.” Chuông vào lớp. Điện thoại gác máy, và giờ chuông đổ... Không gian trong lớp nhoe nhoét viên mực, Perce Béo và Keith Nội tiết đang quậy. Jimmy muốn một cây bút chì, huých vào sườn tôi. “Ê mày, có bút chì không, tao mượn. Một tí thôi.” Tôi đưa. Zagallo bước vào. Tay lão giờ lên ra lệnh im lặng: hãy nhìn tóc tôi mọc trên tay lão! Zagallo đội mũ lính chì chớp nhợp... Tôi phải đòi lại cây bút chì. Vươn ngón tay ra chọc chằng Jimmy một phát. “Thưa thầy, thầy nhìn kìa, Jimmy bị ngã!” “Thưa thầy em thấy Thò lò nó chọc!” “Thò lò vừa bắn Kapadia, thưa thầy!” “Đừng nghịch Jimmy nhé tim con yếu đấy.” “Trật tự,” Zagallo quát to, “Lũ mán rừng, cầm mồm.”

Jimmy nằm một đồng dưới sàn. “Thưa thầy họ sẽ dựng một chữ thập chứ thưa thầy?” Nó mượn bút chì, tôi chọc, nó ngã. Bỏ nó lái xe taxi. Giờ chiếc taxi chạy vào lớp; một đồng dhobi được chất lên ghế sau, Jimmy thế là đi. Reng, chuông reo. Bỏ Jimmy hạ cờ trên taxi xuống. Bỏ Jimmy nhìn tôi: “Thò lò, mày phải trả tiền xe.” “Nhưng thưa bác cháu không có tiền.” Và Zagallo: “Chúng ta sẽ ghi nợ cho mày.” Nhìn thấy tóc tôi trên tay Zagallo. Lửa trào ra từ mắt Zagallo. “Năm chăm chiếu, một mạng người?” Jimmy chết rồi; năm trăm triệu hãy còn sống. Tôi bắt đầu đếm: một hai ba. Những con số diễu quanh năm mồ Jimmy. Một triệu hai triệu ba triệu bốn. Ai thèm quan tâm nếu có ai, có ai chết. Một trăm triệu và một hai ba. Bây giờ những con số diễu quanh lớp học. Thành thị huynh huých hai trăm triệu ba bốn năm. Năm trăm triệu hãy còn sống nhăn. Và có mỗi mình tôi...

... Trong đêm tối, tôi bừng tỉnh khỏi giấc mơ về cái chết của Jimmy Kapadia sau đó trở thành giấc mơ về sự-hủy-diệt-bởi-những-con-số, kêu la gầm rú gào thét, nhưng vẫn nắm mảnh giấy trong tay; và cánh cửa bật mở, hiện ra cậu Hanif và mẹ Pia. Mary Pereira cố vỗ về tôi, nhưng Pia thật quyền uy, mẹ là một cơn gió lốc thần tiên của váy ngủ và dupatta, mẹ ẵm tôi trên tay: “Không sao! Kim cương của mẹ, không sao rồi!” Và cậu Hanif, ngái ngủ: “Nào, phaelwan! Ổn cả rồi; sang đây, sang đây với cậu; bé nó sang, Pia!” Và giờ tôi đã an toàn trong vòng tay Pia,; “Riêng tối nay, ngọc trai của mẹ, con có

thề nguyền với chúng ta.” - và tôi nằm đó, rúc giữa mợ và cậu, cuộn mình nép vào những đường cong thơm mùi nước hoa của mưmani của tôi.

Hãy tưởng tượng, nếu quý vị có thể, niềm hân hoan đột ngột của tôi; hãy tưởng tượng cơn ác mộng tan biến khỏi tâm trí tôi với tốc độ nào, khi tôi rúc vào tấm váy ngủ phi thường của mợ! Khi mợ trở mình, cho thoải mái, và một trái dưa vàng ruộm mơn trớn má tôi! Khi bàn tay Pia tìm và nắm chặt tay tôi... tôi bèn thực thi nhiệm vụ của mình. Khi tay mợ nắm lấy tay tôi, mảnh giấy được chuyển từ tay sang tay. Tôi cảm thấy người mợ dờ ra, im lặng; rồi, cho dù tôi rúc lại gần nữa gần nữa gần nữa, mợ đã quên bằng mất tôi; mợ đang đọc trong bóng tối, và người mợ càng cứng đờ hơn; và rồi bỗng nhiên tôi hiểu rằng mình đã bị lừa, rằng Catrack là kẻ thù của tôi; và chỉ sự đe dọa của cảnh sát mới ngăn được tôi mách cậu.

(Hôm sau, ở trường, tôi được biết về cái chết bí thảm của Jimmy Kapadia, do nhồi máu cơ tim. Ta có thể giết một người bằng cách mơ thấy người đó chết? Mẹ tôi vẫn luôn bảo thế; và, nếu thế thật, thì Jimmy Kapadia là nạn nhân đầu tiên bị tôi sát hại. Homi Catrack sẽ là người kế tiếp.)

Nguồn ebooks: <http://www.luv-ebook.com>

Lúc tôi quay về sau ngày đầu tiên trở lại trường, vừa đắm mình trong sự bẽ mặt bất thường của Perce Béo và Keith Nội tiết (“Này, ờ, bọn tao đâu biết ngón tay mày... à, bọn tao có vé xem phim miễn phí tối mai đây, mày muốn đi không?”) và sự nổi tiếng cũng bất ngờ không kém của tôi (“Hết Zagallo rồi! Mày chắt đây! Mất tóc như thế cũng đáng!”), mợ Pia vắng nhà. Tôi ngồi im lặng cạnh cậu Hanif trong khi, ở dưới bếp, Mary Pereira chuẩn bị bữa tối. Đây là cảnh một gia đình nhỏ yên bình, nhưng sự bình yên bị phá vỡ, đột ngột, bởi tiếng cửa mở đánh sầm một cái. Hanif buông bút chì xuống khi Pia, vừa đóng sầm cửa chính, đẩy tung cửa phòng khách thô bạo không kém. Rồi cậu vui vẻ ồm ồm, “Kìa, bà xã: gì mà kịch tính thế?”... Nhưng Pia không dễ xoa dịu. “Viết lách đi,” mợ nói, vung tay chém gió, “Allah, khỏi cần dừng lại vì tôi! Tài ba cho lắm vào, đi đái ở cái nhà này cũng thấy dấu vết thiên tài của anh. Anh đẹp ý chưa, chồng tôi? Ta kiếm được nhiều tiền nhỉ? Chúa tử tế với anh nhỉ?” Hanif vẫn hồ hởi. “Kìa Pia, có ông khách bé của ta ở đây. Mình ngồi xuống, uống trà đi...” Nữ diễn viên Pia như đóng băng lại với một vẻ khó tin. “Ôi Chúa ơi! Tôi rơi vào cái nhà thế này bao giờ không! Đòi tôi tan nát, và anh mời tôi trà; mẹ anh thì mời tôi xăng! Đilen hết cả rồi...” Và cậu Hanif, giờ đã nhịu mày: “Pia, thằng bé...” Một tiếng rít. “Ahaaa! Thằng bé - nhưng thằng bé cũng đã chịu đựng; nó vẫn đang chịu đựng; nó biết rõ thế nào là mất mát, là lẻ loi! Tôi đây, cũng đã bị bỏ rơi: tôi là một diễn viên kiệt xuất, và tôi ngồi đây, vây quanh là chuyện về những tay buru tá và những gã đánh xe lừa! Anh biết gì về nỗi đau của đàn bà? Chỉ biết ngồi, ngồi, nhận bố thí của một lão chủ xưởng phim người Parsee giàu có, chả cần biết vợ mình phải đeo đồ mỹ ký và hai năm trời không có lấy một tấm sari mới; đàn bà tuy giỏi chịu đựng thật, nhưng, người chồng yêu quý ạ, anh đã biến đòi tôi thành sa mạc! Đi đi, mặc kệ tôi, để yên cho tôi nhảy qua cửa sổ! Bây giờ tôi sẽ sang phòng ngủ,” mợ kết thúc, “và nếu anh không nghe thấy gì nữa thì đó là vì tim tôi đã tan nát và tôi đã chết.” Lại những tiếng sập cửa: đó là một màn đi vào đây ẩn tượng.

Cậu Hanif đã bẻ cây bút chì, khi lơ đãng, làm đôi. Cậu lắc đầu khó hiểu: “Cô ấy làm sao thế?”

Nhưng tôi biết. Tôi, người mang bí mật, người bị cảnh sát đe dọa, tôi biết và cần môi. Vì, mắc kẹt giữa cuộc hôn nhân của cậu vợ mình, tôi đã phá vỡ nguyên tắc tôi vừa tự đặt ra và xâm nhập vào đầu Pia; tôi đã thấy vợ đến Homi Carrack và biết rằng, mấy năm nay, vợ là tình nhân của lão; tôi đã nghe lão bảo vợ rằng đã chán nhan sắc của vợ, và nay lão đã có người khác; và tôi, vốn đã căm ghét lão vì quyền rũ vợ yêu dấu của tôi, thì nay căm ghét lão dữ dội gấp đôi vì đã bắt vợ hứng chịu nỗi nhục nhã bị ruồng bỏ.

“Sang với vợ đi,” cậu tôi nói. “Biết đâu con sẽ làm vợ vui lên.”

Cậu bé Saleem đi qua những lần cửa bị sập liên tục đến nơi ẩn lánh của người vợ bị kịch; và bước vào, để thấy thân hình mỹ lệ tuyệt trần của vợ đang nằm soải trong lả lơi huyền diệu trên chiếc giường cưới – nơi, mới đêm qua, thân thể nép sát vào thân thể - nơi giấy tuôn từ tay sang tay... tay vợ run bần bật nơi tim; ngực vợ phập phồng; và cậu bé Saleem lắp bắp: “Vợ, ôi vợ, con xin lỗi.”

Một tiếng than thống thiết vang lên. Đôi cánh tay đào thương, xò ra hướng về phía tôi. “Ôi! Hỡi ôi! Ôi hỡi ôi!” Chẳng cần mời gọi thêm nữa, tôi lao về phía vòng tay ấy; tôi nhào vào giữa chúng, nằm lên trên vợ đang thổn thức của tôi. Đôi cánh tay khép lại quanh tôi, chặtnữachặtnữa, những móng tay bầu xuyên tấm áo học trò trắng, nhưng tôi mặc kệ! - nhưng tôi mặc kệ - bởi có gì đẩy bắt đầu giằng giật dưới chiếc thắt lưng khóa chữ S của tôi. Bên dưới tôi, vợ Pia vặn vẹo trong nỗi tuyệt vọng và tôi vặn vẹo theo vợ, vẫn nhớ giữ bàn tay phải không loạn động. Tôi giữ cứng nó ở ngoài vòng cuộc đảo điên. Bằng một tay, tôi bắt đầu vuốt ve vợ, không ý thức được mình đang làm gì, tôi mới lên mười và vẫn mặc quần cộc, nhưng tôi đang khóc bởi vợ đang khóc, và âm thanh ấy tràn ngập căn phòng - và trên giường khi hai cơ thể vặn vẹo, hai cơ thể dần dần bắt một thứ nhịp điệu, không thể gọi tên không thể tưởng tượng, hông rướn lên lên phía tôi, trong khi vợ la lớn, “Ôi! Ôi Chúa ơi, Ôi Chúa ơi, Ôi!” Và có lẽ tôi cũng la, tôi không dám chắc, có gì đó đã thay đau buồn ngự trị ở đây, trong khi cậu tôi mãi bẻ gãy những cây bút chì trên một chiếc sofa sọc khi vợ oằn oại và quần quai dưới tôi, và cuối cùng bị bóp nghẹt bởi một sức mạnh lớn hơn sức mạnh của mình tôi hạ tay phải xuống, tôi đã quên bằng ngón tay đau, và khi nó chạm vào vú vợ, vết thương ấn lên làn da...

“Yaaouuuu!” Tôi gào lên đau đớn; và vợ, choàng tỉnh khỏi bùa mê khiếp đảm của mấy phút giây ấy, đẩy tôi khỏi người vợ và giáng một cái tát vang dội vào mặt tôi. May thay, đấy là má trái; bên tai tốt của tôi không gặp nguy cơ tổn thương nào. “*Badmaash!*” vợ tôi thét lên, “Một nhà toàn kẻ điên loạn và biến thái, khôn nạn thân tôi, có người đàn bà nào khổ sở như tôi không?”

Ngoài cửa có tiếng đằng hắng. Tôi đã đứng dậy, lấy bẫy vì đau. Pia cũng đứng dậy rồi, tóc vợ chảy xuống như từng hàng nước mắt. Mary Pereira đứng ở ngưỡng cửa, đằng hắng, mặt đỏ bừng trong cơn bối rối, tay cầm một gói giấy.

“Baba, xem tôi quên cái gì này,” rốt cuộc cô cũng nói nên lời. “Giờ cậu là người lớn rồi: nhìn xem, mẹ gửi cho cậu một đôi quần dài trắng rất đẹp này.”

Sau khi mất tự chủ một cách khinh suất đến thế trong lúc cố gắng an ủi mẹ tôi, tôi khó lòng tiếp tục ở lại căn hộ trên Marine Drive. Thường xuyên có các cuộc điện thoại dài và căng thẳng trong mấy ngày sau đấy; Hanif thuyết phục ai đó, trong khi Pia khoa tay múa chân, rằng có lẽ bây giờ, sau năm tuần... và một tối nọ sau khi tôi ở trường về, mẹ tôi lái chiếc Rover cũ đến đón tôi, và cuộc lưu đày đầu tiên của tôi kết thúc.

Cả trên chuyến xe về nhà, lần sau này, tôi đều không nhận được lời giải thích nào về cuộc lưu đày của tôi. Bởi vậy, tôi quyết định rằng mình sẽ không nghĩ đến chuyện đặt câu hỏi. Bây giờ tôi đã mặc quần dài, tôi, bởi vậy, là một người đàn ông, và phải gánh chịu khó khăn như một người đàn ông. Tôi bảo mẹ tôi: “Ngón tay con cũng ổn rồi. Hanif mamu dạy con cầm bút theo cách khác, nên con có thể viết bình thường.” Bà dường như đang rất tập trung lái xe. “Kỳ nghỉ này rất vui,” tôi lịch sự bổ sung. “Cảm ơn mẹ đã cho con đi.”

“Ôi bé con,” bà bật thốt, “mặt con như mặt trời mới mọc thế kia, mẹ biết nói gì đây? Hãy ngoan ngoãn với cha con; dạo nay ông ấy không được vui.” Tôi bảo rằng tôi sẽ cố gắng ngoan; bà dường như bị loạng choạng tay lái và xe chúng tôi chạy sát sát đầy nguy hiểm qua một chiếc xe buýt. “Thế giới này thật là,” một lúc sau bà nói. “Bao chuyện kinh khủng xảy ra mà ta chẳng biết vì đâu.”

“Con biết,” tôi tán thành. “Ayah đã kể con nghe.” Mẹ tôi nhìn tôi đầy kinh hãi, rồi ngoảnh nhìn Mary ở ghế sau. “Đồ đàn bà đen đúa,” bà kêu lên, “cô đã kể những gì?” “Tôi giải thích về những quái sự mà Mary đã kể cho tôi, song những tin đồn gở dường như đã làm mẹ tôi bình tâm lại. “Con thì biết gì,” bà thở dài, “con chỉ là một đứa trẻ.”

Tôi biết gì hả, Amma? Tôi biết về Pioneer Café! Đột nhiên, trên đường về, một lần nữa trong tôi lại dâng lên khao khát báo thù người mẹ bội bạc của tôi, một khao khát đã nhạt đi dưới ánh hào quang rực rỡ của cuộc lưu đày, nhưng giờ đã quay lại và hợp nhất với nỗi căm ghét mới phát sinh với Homi Catrack. Niềm khao khát hai đầu này là một con quái vật đã chế ngự tôi, và đẩy tôi đến chỗ làm điều tồi tệ nhất mà tôi từng làm... “Mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi,” mẹ tôi nói, “đấy rồi con xem.”

Vâng thưa mẹ

Tôi chợt nhận ra mình đã không nhắc gì, trong suốt chương này, tới Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm; nhưng, thực tình mà nói, hồi ấy, với tôi chúng không có vẻ gì là rất quan trọng. Tâm trí tôi còn nhiều chuyện khác.

Mấy tháng sau, khi Mary Pereira sau cùng đã thú nhận tội lỗi của cô, và tiết lộ bí mật về việc mười một năm bị hồn ma của Joseph D’Costa theo ám, chúng tôi mới biết rằng, sau khi lưu đày trở về, cô choáng váng trước tình trạng mà hồn ma đã rơi vào khi cô vắng mặt. Nó đã bắt đầu mọc rễ, dẫn đến một số thứ đã tiêu biến: một cái tai, mấy ngón chân, hầu hết răng; và có một cái lỗ to hơn quả trứng ở giữa bụng. Lo âu vì cái hồn ma đang rửa nát này, cô hỏi nó (khi chắc chắn không ai nghe được) “Lạy Chúa, Joe, anh đã làm gì bản thân thế?” Gã đáp lại rằng trách nhiệm về tội lỗi của cô đã dồn cả lên vai gã cho đến chừng nào cô thú nhận, và nó đang hủy hoại cơ thể gã. Từ thời khắc đấy, việc cô thú nhận đã trở thành tất yếu; nhưng mỗi lần nhìn tôi cô lại thấy có gì ngăn cản cô làm điều đó. Tuy nhiên, đó chỉ là vấn đề thời gian.

Trong khi đó, và hoàn toàn không biết mình sắp bị bóc mẽ là kẻ mạo danh đến nơi, tôi đang cố gắng đón nhận trở lại một Điện trang Methwold đã có một vài thay đổi. Trước hết, cha tôi dường như không muốn dính dáng gì đến tội nữa, một thái độ làm tôi thấy tổn thương nhưng (nếu xét cơ thể tàn khuyết của tôi) hoàn toàn dễ hiểu. Thứ hai, vận may của con Khi Đồng đã thay đổi rõ rệt. “Vị trí của mình ở nhà này,” tôi buộc phải tự thừa nhận, “đã bị tiếm đoạt.” Bởi bây giờ chính con Khi mới là đứa được cha tôi cho phép vào chốn ẩn cư trừu tượng là văn phòng của ông, con Khi là người bị ông ôm đến ngạt thở vào cái bụng nhão xệ, và là người buộc phải gánh vác những giấc mơ của ông về tương lai. Tôi còn nghe thấy Mary Pereira hát ru con Khi bằng bài đồng dao từng là ca khúc chủ đề của tôi suốt thời thơ ấu: “Bất cứ gì con muốn thành,” Mary hát, “con sẽ được; Con sẽ được thành, bất cứ gì con muốn!” Cả mẹ tôi dường như cũng lấy tâm trạng ấy; và giờ em gái tôi là đứa được phân khoai tây chiên lớn nhất vào bữa tối, rồi phần nargisi kofta^[1] thêm, rồi phần pasada^[2] ngon nhất. Trong khi tôi – bất cứ khi nào ai đó trong nhà tỉnh cờ nhìn tôi – cảm thấy rõ một nếp hằn sâu giữa lông mày họ, và một bầu không khí lúng túng và nghi ngại. Nhưng tôi đâu thể phản nản? Con Khi Đồng đã chịu đựng vị trí đặc biệt của tôi gần đây năm. Chỉ trừ có lần tôi ngã từ trên cây ngoài vườn xuống sau khi nó huých tôi (mà nói cho cùng cũng có thể chỉ là tai nạn), nó đã chấp nhận vị thế quan trọng của tôi với sự độ lượng tuyệt vời và cả lòng trung thành nữa. Giờ đây tới lượt tôi; đã mặc quân dài, tôi cần tỏ ra người lớn trước việc bị giáng cấp. “Cái sự trưởng thành này,” tôi tự nhủ, “khó khăn hơn mình tưởng.”

[1] Thịt viên.

[2] Thịt nấu cà ri trộn sốt kem sữa chua.

Phải nói rằng con Khi ngạc nhiên không kém gì tôi trước việc được thăng cấp thành đứa con cưng. Nó cố gắng hết sức để bị thật sủng, nhưng dường như nó không thể mắc lỗi. Đạo ấy nó bắt đầu đan dẫu với đạo Thiên Chúa, một phần vì ảnh hưởng của đám bạn người Âu ở trường và phần khác nhờ sự hiện diện luôn tay lần tràng hạt của Mary Pereira (người, không thể đến nhà thờ vì sợ hãi bùng xung tội, sẽ chiêu đãi chúng tôi những sự tích trong Kinh Thánh); tuy nhiên, tôi tin phần lớn đây là một nỗ lực của con Khi nhằm giành lại vị trí cũ, dễ chịu của nó trong cũi chó^[3] của gia đình (và, nhân nói chuyện chó, Nữ nam tước Simki đã an giấc ngàn thu khi tôi vắng mặt, bị thói lang chạ ru vào giấc ngủ).

[3] Nguyên văn: in the doghouse, nghĩa bóng là bị vào sổ đen, bị ghét bỏ.

Em tôi hết lời ca ngợi Đức Jesus dịu dàng hiền hậu^[4]; mẹ tôi cười lơ đãng và vỗ vỗ đầu nó. Nó đi quanh nhà ngâm ngợi thánh ca; mẹ tôi nhập tâm giai điệu rồi hát theo. Nó đòi một bộ đồ nữ tu thay cho

bộ váy y tá ưa thích; yêu cầu ấy được chuẩn y. Nó lấy chỉ khâu hạt đậu gà thành tràng hạt, và làm râm Kính-mừng-Mary-đầy-ơn-phước, và bố mẹ tôi khen nó khéo tay. Dẫu vậy vì không thể bị trừng phạt, nó vươn đến đỉnh điểm của sự sùng đạo, tụng Đức Chúa Cha từ sáng đến tối, nhịn ăn trong Mùa Chay thay vì vào Lễ Ramzan^[5], qua đó hé lộ dấu hiệu không bị nghi ngờ của sự cuồng tín mà, về sau, sẽ bắt đầu chi phối tính cách con bé; thế nhưng, có vẻ như, mọi người vẫn chịu đựng nó. Sau cùng, nó trao đổi với tôi. “Chà, anh ạ,” nó bảo, “xem ra từ giờ trở đi em đành phải làm con ngoan, còn mọi trò vui sẽ về phần anh.”

[4] Câu đầu trong một bài thánh ca do Charles Wesley, người khởi xướng Phong trào Giám lý (Methodist) vào giữa thế kỷ 18, sáng tác.

[5] Mùa Chay (Lent) là thời gian bốn mươi ngày trước lễ Phục sinh, là thời gian nhịn ăn của tín đồ Cơ đốc; còn Ramzan (Ramadan) là tháng nhịn ăn của đạo Hồi.

Có lẽ nó đúng; sự thiếu quan tâm rõ ràng của cha mẹ đối với tôi lẽ ra đã dành cho tôi một phạm vi tự do lớn hơn; nhưng tôi chìm đắm trong những thay đổi đang diễn ra trên mọi khía cạnh cuộc sống của tôi, và trò vui, trong hoàn cảnh ấy, là thứ khó mà có được. Tôi đang biến đổi về thể chất; chưa gì, râu tơ đã lún phún nơi cằm tôi, còn giọng tôi lên bổng xuống trầm, ngoài tầm kiểm soát, trên thang âm vực. Tôi cảm nhận sâu sắc sự kỳ dị của bản thân: tứ chi dài ra làm tôi trở nên lóng ngóng, và bộ dạng tôi hẳn là rất hề, bởi vì tôi lớn nhanh vượt hết áo quần và tay chân lộ ngọc thời hẳn ra ngoài quần áo. Tôi cảm thấy mình như bị chơi xấu, mà thủ phạm là đám quần áo ve vẩy đầy hoạt kê quanh cổ chân và cổ tay tôi; và kể cả khi hướng vào nội tâm với Lũ trẻ bí mật của mình, tôi cũng thấy sự thay đổi, và tôi không thích thế.

Sự tan rã từ từ của Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm – mà cuối cùng đã sụp đổ vào ngày quân Trung Quốc tràn qua dãy Himalaya đánh xuống, làm bể mặt fauj^[6] Ấn Độ - khi đó đã diễn ra được một thời gian. Khi những háo hức ban đầu tan đi, sự chán nản, rồi đến bất đồng, tất yếu sẽ nảy sinh. Hoặc (nói một cách khác) khi một ngón tay bị tàn khuyết, và từng vòi máu trào ra, muôn vẻ xấu xa đều trở thành có thể... cho dù những rạn nứt của Hội nghị có là hệ quả (chủ động-nghĩa bóng) từ việc tôi bị cụt ngón tay hay không, điều chắc chắn là chúng đang toác rộng. Ở trên Kashmir, Narada-Markandaya đang chìm đắm trong những giấc mơ duy ngã của một Narcissus^[7] đích thực, và chỉ quan tâm duy nhất đến khoái cảm của việc không ngừng hoán đổi giới tính; trong khi Soumitra thẳng nhóc du hành thời gian, bị tổn thương bởi vì chúng tôi từ chối lắng nghe nó miêu tả một tương lai trong đó (theo lời nó) đất nước này sẽ do một ông già lùn cần uống nước tiêu và dứt khoát không chịu chết năm quyền, và người ta sẽ quên mất mọi bài học, và Pakistan sẽ tách làm đôi như một con trùng amip, và hai thủ tướng của hai nửa sẽ bị kẻ kẻ vị mình ám sát, và hai người này – nó thể thốt bất chấp việc chúng tôi không tin – sẽ được gọi bằng cùng một cái tên... Sourmitra bị tổn thương thường xuyên vắng mặt trong những buổi họp mặt về đêm của chúng tôi, mỗi lần đều biệt tích khá lâu trong mê cung chẳng chịt như mạng nhện của Thời gian. Còn hai chị em ở Baud thì thỏa mãn với khả năng bỏ bùa những gã khờ trẻ cũng như già. “Hội nghị này thì ích lợi gì?” chúng hỏi. “Đây đã có quá nhiều kẻ si mê rồi.” Còn nhà giả kim của bọn tôi thì bận rộn với phòng thí nghiệm do bố (người đã được nó tiết lộ bí mật) xây cho; mãi mê với viên Điểm kim thạch, nó chẳng còn mấy thời gian cho chúng tôi. Chúng tôi đã mất nó về tay sự cám dỗ của vàng.

[6] Quân đội.

[7] Nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, nổi tiếng đẹp trai, mê đắm vẻ đẹp của bản thân đến nỗi ngày ngày soi mình xuống nước, cuối cùng chết đuối và hóa thành hoa thủy tiên.

Và còn cả tác động của những nhân tố khác. Trẻ con, dầu có pháp thuật, cũng không miễn nhiễm trước cha mẹ; và khi những định kiến và thế giới quan ở người lớn bắt đầu chiếm lĩnh suy nghĩ của chúng, tôi nhận ra bọn trẻ đến từ Mahatrasra thì ghét dân Gujarat, bọn da trắng ở miền Bắc thì dè bủi “lũ mọi đen” Dravidian^[8]; xuất hiện sự thù địch về tôn giáo; và nảy sinh vấn đề giai cấp trong hội đồng. Đám nhà giàu nhả mũi khinh bỉ khi phải ngồi chung chiếu với những kẻ thấp hèn hơn; những đứa xuất thân Bà la môn bắt đầu khó chịu ngay từ việc cho phép suy nghĩ của mình tiếp xúc với suy nghĩ của đám tiện dân; trong khi, ở tầng lớp thấp, áp lực của nghèo đói và Chủ nghĩa Cộng sản ngày càng rõ rệt... và, trên tất cả những điều đó, có sự xung đột giữa các tính cách, và cả trăm cuộc cãi cọ khóc lóc rầm rĩ vốn là điều không thể tránh khỏi ở cái nghị viện gồm toàn một lũ nhóc chưa đủ lớn.

[8] Dravidian: một nhóm ngôn ngữ ở miền Nam Ấn Độ và Sri Lanka, bao gồm tiếng Tamil và Kannada.

Theo cách này Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm đã ứng nghiệm lời tiên đoán của Thủ tướng và trở thành, trên thực tế, một tấm gương của đất nước; chế độ bị-động-nghĩa-đen đang vận hành mặc dầu tôi cố cưỡng lại, với sự tuyệt vọng ngày một lớn, và sau cùng là với sự cam chịu ngày càng tăng... “Hỡi các anh chị em!” tôi phát thanh, bằng một giọng nói tâm linh cũng khó kiểm soát như giọng nói thể chất của tôi, “Không thể để điều này xảy ra! Không thể cho phép mâu thuẫn bất tận của quần-chúng-bị-trị-và-giai-cấp-thống-trị, của tư-bản-và-lao-động, của ta-và-địch xen vào giữa chúng ta! Ta,” tôi nói một cách hăng say, “phải là lực lượng thứ ba, ta phải là sức mạnh can thiệp vào song đề tiến thoái lưỡng nan này; bởi chỉ có khác đi, mới hơn, ta mới hiện thực hóa được triển vọng mà sự ra đời của chúng ta đã mang lại!” Cũng có người ủng hộ tôi, và không ai nhiệt tình bằng Parvati-phù-thủy; nhưng tôi thấy bọn trẻ tuột khỏi tay mình, mỗi đứa đều vướng bận với cuộc đời riêng, cũng như, thực lòng mà nói, tôi cũng vướng bận với đời tôi. Cứ như thể cái hội nghị huy hoàng của chúng tôi không hơn một món đồ chơi thời trẻ con là mấy, như thể quần dài đang hủy hoại những gì nửa đêm đã tạo ra... “Ta phải thống nhất một chương trình,” tôi kêu gọi, “Kế hoạch Năm năm của riêng ta, sao lại không?” Nhưng tôi có thể nghe thấy, đằng sau lời kêu gọi đầy lo âu của mình, tiếng cười khoái trá của đại kinh địch của tôi; và Shiva xuất hiện trong đầu chúng tôi, nhạo báng, “Không, cậu âm ả; chẳng có lực lượng thứ ba nào hết; chỉ có tiên-bạc-và-ngheo-đói, đầy-đủ-và-thiếu-thốn, phải-và-trái; chỉ có ta-chống-lại-cả-thế-giới! Thế giới không đồng nghĩa với ý thức, công tử bột ả; thế giới không có chỗ cho lũ mơ tưởng cùng những mộng mơ của chúng; thế giới, Thò lò bé bỏng ơi, là vật chất. Vật chất và những kẻ làm ra chúng thống trị thế giới; nhìn Birla, và Tata^[9], và các nhân vật quyền lực khác đi: họ làm ra vật chất. Vì vật chất, đất nước này được điều hành. Không vì con người. Vì vật chất, Hoa Kỳ và Liên Xô cấp viện trợ; song năm trăm triệu người vẫn nhìn đói. Có vật chất, mới có thì giờ mơ mộng; không có, thì phải chiến đấu.” Bọn Trẻ, lắng nghe chúng tôi tranh cãi một cách hứng thú... hoặc có lẽ không, có lẽ ngay cả cuộc đối thoại này cũng không thu hút được sự quan tâm của chúng. Và giờ tôi: “Nhưng con người không phải là đồ vật; nếu ta đoàn kết lại, nếu ta yêu thương nhau, nếu ta cho thấy rằng đây, chính đây, sự đoàn kết giữa người với người này, Hội nghị này, những-đứa-trẻ-sát-cánh-bên-nhau-vượt-mọi-thăng-trầm này, có thể là con đường thứ ba...” Nhưng Shiva, khịt mũi: “Cậu âm ời, toàn chém gió thôi. Gì mà tâm-quan-trọng-của-cá-nhân. Gì mà triển-vọng-của-lòng-nhân-đạo. Ngày nay, con người chỉ là một thứ đồ vật không hơn không kém.” Và tôi, Saleem, sụp đổ: “Nhưng... quyền tự quyết... hy vọng... còn tâm hồn vĩ đại, hay còn gọi là *mahatma*, của nhân loại... rồi thì ca, còn nghệ thuật, còn...” Lập tức Shiva chớp lấy chiến thắng: “Thấy chưa? Tao biết là mày sẽ thành như thế. Nhão nhoét, như cơm nát. Ủy mị như các bà mẹ, Biên đi, ai cần mớ rác rưởi của mày? Chúng tao còn phải sống. Mẹ kiếp, mũi-dưa-chuột, tao chán ngấy cái Hội nghị của mày rồi. Chẳng liên quan đéch gì.”

[9] Ghanshyam Das Birla là nhà tư bản lớn trong ngành dệt và giấy, còn Tata là một gia đình đại tư bản công nghiệp của Ấn Độ.

Quý vị hỏi: đây là những đứa trẻ lên mười? Tôi trả lời: Đúng, nhưng. Quý vị bảo: trẻ lên mười, cứ cho là sắp mười một đi, thảo luận về vai trò của cá nhân trong xã hội? Và mâu thuẫn giữa tư bản và lao động? Cuộc thảo luận có đi sâu làm rõ sức ép nội tại của khu vực nông nghiệp và công nghiệp

hóa? Và xung đột giữa những di sản văn hóa-xã hội? Lũ trẻ chưa đầy bốn ngàn ngày tuổi có trao đổi về bản sắc cá nhân, và những xung đột có tính kế thừa của chủ nghĩa tư bản? Mới sống chưa đến một trăm ngàn giờ, bọn trẻ có đối chiếu Gandhi với Mác-Lê, quyền lực với bất lực? Tập thể có đối lập với cá nhân? Chúa có chết về tay trẻ con? Dù chấp nhận sự thật của các hiện tượng được cho là kỳ diệu, liệu chúng ta có thể tin rằng lũ nhóc con lại nói chuyện như những ông già râu rậm?

Tôi đáp: có lẽ không phải bằng những lời này; có lẽ hoàn toàn không bằng lời, mà bằng thứ ngôn ngữ thuần khiết hơn của ý nghĩ; nhưng đúng, chắc chắn, gốc rễ của vấn đề là như vậy; vì trẻ con là bình chứa để người lớn rót chất độc của họ vào, và chính thuốc độc của người lớn đã hủy hoại chúng tôi. Thuốc độc, và cách nhiều năm sau đó, một mụ Góa phụ cầm dao.

Tóm lại: sau khi quay lại Biệt thự Buckingham, kể cả thứ muối của lũ trẻ nửa đêm cũng trở nên nhạt nhẽo; giờ đây, có những đêm tôi thậm chí chẳng buồn khởi động mạng truyền thanh toàn quốc của mình; và con quỷ lẩn khuất trong tôi (nó có hai đầu) có thể ung dung tiếp tục những trò ma quỷ của nó. (Tôi không bao giờ biết Shiva có tội hay vô tội trong các vụ sát hại gái điếm; nhưng tác động của Kali-Yuga lớn đến mức ngay cả tôi, người tốt và nạn nhân bẩm sinh, cũng chắc chắn phải chịu trách nhiệm về hai cái chết. Đầu tiên là Jimmy Kapadia; thứ hai là Homi Catrack.)

Nếu như có một lực lượng thứ ba, thì đó chính là tuổi thơ. Nhưng nó đã chết; hay đúng hơn, bị sát hại.

Dạo ấy chúng tôi ai cũng có vấn đề. Homi Catrack có đứa con ngớ ngẩn Toxy, còn nhà Ibrahim có những mối lo khác: Ismail bố của Sonny, sau nhiều năm hồi lộ quan tòa và đoàn bồi thẩm, nay có nguy cơ bị Hội đồng luật sư điều tra; còn Ishaq bác của Sonny, của khách sạn hạng hai Embassy ở gần Đài phun nước Flora, bị đồn là đang lún sâu vào nợ nần với giới băng đảng địa phương, và thường xuyên lo sợ bị “làm thịt” (hồi ấy, ám sát đã trở thành chuyện thường ngày giống như oi bức)... cho nên có lẽ không có gì ngạc nhiên khi tất cả chúng tôi đều quên bằng sự tồn tại của Giáo sư Schaapsteker. (Người Ấn càng già càng to ra và quyền lực hơn; nhưng Schaapsreker là người Âu, và loại người như ông không may thay cứ nhạt nhòa đi theo năm tháng, và, thường biến mất hoàn toàn.)

Nhưng giờ, bị, có lẽ, con quỷ trong tôi xui khiến, đôi chân tôi dẫn tôi leo cầu thang lên tầng trên cùng của Biệt thự Buckingham, nơi tôi thấy một ông già gàn dở, nhỏ bé và teo tóp một cách khó tin, cái lưỡi hẹp không ngừng thò thụt giữa hai môi – lập lè, liếm láp: cựu chuyên gia tìm kiếm huyết thanh kháng độc, kẻ hạ sát ngựa, sahib Sharpsticker, nay đã chín mươi hai và không còn Viện nghiên cứu mang tên ông nữa, mà đã nghỉ hưu ở căn hộ tối tăm trên tầng thượng, chất đầy các loại thực vật nhiệt đới và rần ngâm nước muối. Tuổi già, không làm rụng nổi răng và túi nọc của ông, đã biến ông thành một hóa thân của loài rắn; như những người Âu lưu lại đây quá lâu, máu điên rồ cổ xưa của Ấn Độ đã ngấm não ông, làm ông quay ra tin vào những điều mê tín của đám nhân viên của Viện, mà theo lời họ ông là hậu duệ cuối cùng của một dòng tộc được mở đầu khi một con hổ mang chúa giao phối với một người đàn bà, sinh ra một đứa trẻ hình người (nhưng cốt rắn)... dường như cả đời mình tôi chỉ cần rẽ

vào góc phố là lại gặp phải một thế giới mới và bị thay hình đổi dạng một cách dị thường. Leo lên một cái thang (hoặc một cầu thang), và ta sẽ thấy một con rắn đang chờ ta.

Rèm lúc nào cũng rủ; bên trong căn hộ của Schaapsteker, mặt trời không mọc và không lặn, và đồng hồ không tích tắc. Là con quỷ, hay cảm giác chung về nỗi cô độc đã kéo chúng tôi lại gần nhau?... Bởi vì, vào những ngày tháng con Khi thăng tiến còn Hội nghị suy tàn, tôi bắt đầu leo lên cầu thang mỗi khi có thể, và lắng nghe những lời cảm râm của ông già điên dại, xì xì như rắn.

Lời chào đầu tiên, khi tôi lập cập bước vào cái hang không khóa của ông, là: “Chà, cậu bé – đã khỏi bệnh thương hàn rồi đấy.” Câu nói ấy khuấy động thời gian như một quầng mây bụi lò dờ và tái hợp tôi với tôi-hồi-một-tuổi; tôi nhớ lại chuyện Schaapsteker đã cứu mạng tôi bằng nọc rắn thế nào. Kể từ hôm đó, suốt mấy tuần, tôi ngồi dưới chân ông, và ông đã hé cho tôi thấy con rắn hổ mang đang cuộn tròn trong tôi.

Ai đã kể, vì muốn tốt cho tôi, về sức mạnh yêu dị của loài rắn? (Cái bóng của chúng giết chết bò; nếu chúng chui vào giấc mơ của một người, vợ người ấy sẽ có thai; ai giết rắn thì dòng họ ấy sẽ tuyệt tự suốt hai mươi đời.) Ai đã miêu tả cho tôi – với sự trợ giúp của sách vở và những cái xác nhồi – kẻ thù truyền kiếp của rắn hổ mang? “Phải hiểu kẻ thù, nhóc ạ,” ông xì xì, “bằng không chúng sẽ giết cháu chết chắc.”... Dưới chân Schaapsteker, tôi nghiên cứu chôn và lợn lòi, già đây^[10] mỏ dao găm và loài hươu barasinha chuyên lấy móng giẫm nát đầu rắn; rồi cây Ai Cập, rồi cò quặm^[11]; cao một mét hai, bạo dạn, mỏ khoằm, có ngoại hình và cái tên làm tôi nảy sinh ý nghĩ nghi ngờ về Alice Pereira của cha tôi; rồi ó buteo, chồn hôi, chồn ăn mật trú ngụ trên đồi; chim việt dã, lợn lòi peccary, rồi loài chim cangamba đáng sợ. Schaapsteker, từ sâu thẳm của sự lão suy, dạy bảo tôi về cuộc đời. “Phải tỉnh táo, nhóc ạ. Bắt chước hành vi của rắn. Phải bí mật; ẩn trong bụi cỏ mà tấn công.”

[10] Một loài chim hình dáng gần giống cò, khá phổ biến ở Ấn Độ (ở Đồng Tháp Mười cũng có), mỏ to, dày và nhọn, thường ăn rắn.

[11] Danh pháp trong tiếng Việt là diều ăn rắn. Một số thuyết cho rằng cái tên “chim thư ký” xuất phát từ việc loài chim này có chòm lông trên đầu giống như bút lông mà thư ký thời xưa hay giắt ở tai.

Một lần ông bảo: “Cháu phải xem ta như cha. Cái mạng của cháu chẳng phải do ta ban cho lần nữa?” Với tuyên bố này, ông đã chứng tỏ ông cũng mắc phải bùa phép của tôi y như tôi mắc phải của ông; ông đã chấp nhận mình là một trong số vô vàn cha mẹ mà chỉ mình tôi là có quyền năng cho ra đời. Và mặc dầu, sau một thời gian, tôi cảm thấy không khí trong các căn phòng của ông quá ngột ngạt, và bỏ ông lại, một lần nữa, trong sự cô độc mà ở đó ông sẽ không bao giờ bị ai làm phiền nữa, ông cũng đã chỉ cho tôi phải hành động ra sao. Bị con quỷ hai đầu của khát vọng báo thù thiêu đốt, tôi sử dụng năng lực ngoại cảm (lần đầu tiên) làm vũ khí; và nhờ vậy tôi khám phá chi tiết về mối quan hệ của Homi Catrack với Lila Sabarmati. Lila và Pia vốn là kỳ phùng địch thủ về nhan sắc; người vợ của ứng cử viên sáng giá cho danh hiệu Thủy sư Đô đốc chính là tình nhân mới của đại gia điện ảnh. Trong khi Trung tá Sabarmati diễn tập trên biển, Lila và Homi cũng thực hiện những màn thao diễn của riêng họ; trong khi con sư tử của biển cả trông đợi cái chết của ngài đương kim Đô đốc, Homi và Lila cũng sắp có cuộc hẹn với thần Chết. (Có sự trợ giúp của tôi.)

“Phải bí mật,” sahib Sharpsticker đã dặn; một cách bí mật, tôi theo dõi kẻ thù của tôi, Homi, và

người mẹ lằng lộn của Mắt Chẻ và Tóc Dầu (hai đứa đạo này rất hợp hính, thật ra là từ khi báo chí loan tin việc Trung tá Sabarmati được đề bạt chỉ thuần túy là thủ tục. *Chỉ là vấn đề thời gian...*). “Thứ đàn bà phóng đảng,” con quỷ ở trong tôi thì thầm không thành tiếng, “Kẻ phạm tội thất tiết tồi tệ nhất! Chúng ta sẽ biến ngươi thành một tấm gương tày liếp; sẽ lấy ngươi làm minh chứng về số phận chờ đợi kẻ dâm đảng. Ôi kẻ ngoại tình vô tâm! Chẳng lẽ ngươi không thấy lang chạ đã gây ra hậu quả gì cho nữ nam tước Simki von der Heiden lưng lầy? – mà vốn là, nói một cách thẳng thừng, một con chó cái, giống hệt như ngươi.”

Cách nhìn của tôi về Lila Sabarmati đã đi cùng tuổi tác; nói cho cùng, cô ả và tôi có một điểm chung – mũi cô ta, cũng như tôi, sở hữu quyền năng phi thường. Tuy nhiên, ở cô ta là thứ ma thuật hoàn toàn trần tục: một cái nhãn mũi đủ sức mê hoặc vị Đô đốc sắt đá nhất; một hơi lửa nhỏ xíu từ lỗ mũi đủ để khơi dậy ngọn lửa kỳ lạ trong trái tim của đại gia điện ảnh. Tôi hơi ân hận về việc đã phản bội cái mũi ấy; việc đó gần như đâm sau lưng một người anh em họ.

Điều tôi khám phá ra: cứ mười giờ sáng Chủ nhật, Lila Sabarmati lại lái xe đưa Mắt Chẻ và Tóc Dầu đến rạp Metro dự cuộc gặp gỡ hàng tuần của Metro Cub Club. (Cô ta tình nguyện đưa cả lũ chúng tôi đi luôn; Sonny và Cyrus, con Khỉ và tôi chất lên chiếc Hindustan sản xuất tại Ấn Độ của cô ta.) Và trong khi chúng tôi lái xe đến chỗ Lana Turner hay Robert Taylor hay Sandra Dee, Ngài Homi Catrack cũng đang chuẩn bị cho một cuộc hẹn hàng tuần. Trong khi chiếc Hindustan của Lila lạch xạch chạy dọc bên đường xe lửa, Homi đang thắt một chiếc khăn lụa màu kèm quanh cổ; trong khi cô ta dừng đèn đỏ, lão khoác chiếc măng tô đi rừng màu Technicolor^[12]; khi cô ta dẫn chúng tôi vào bóng tối của phòng chiếu, lão đeo cặp kính râm gọng vàng; và khi cô ta để chúng tôi lại xem phim, lão ta cũng bỏ rơi một đứa trẻ. Toxy Catrack chưa bao giờ không phản ứng với những chuyện đi của lão bằng việc gào khóc giãy giụa quấy đạp; con bé biết điều gì sắp sửa xảy ra, và ngay cả Bi-Appah cũng không kiềm chế được nó.

[12] Bush-coat hay Safari jacket là loại áo khoác đi rừng thường được các nhà thám hiểm Anh sử dụng. Còn Technicolor là loại phim màu điện ảnh phổ biến trong giai đoạn 1920-1950.

Ngày xưa ngày xưa có Radha và Krishna, có Rama và Sita, có Laila và Majnu; rồi cả (bởi chúng tôi không phải là không bị Tây hóa) Romeo và Juliet, rồi Spencer Tracy và Katherine Hepburn. Thế gian có vô số chuyện tình, và mọi đôi tình nhân, theo một nghĩa nào đó chính là hóa thân của tiên nhân. Khi Lila lái chiếc Hindustan tới một địa chỉ trên Đê Colaba, cô ta là Juliet bước ra ban công; khi Homi khăn màu kem, kính râm mạ vàng phóng đến gặp cô ta (cũng trên chiếc Studebaker từng chở mẹ tôi đến Nhà Hộ sinh của Bác sĩ Narlikar), lão là Leander bơi vượt eo Hellespont đến với ngọn nến bập bùng của nàng Hero^[13]. Về vai trò của tôi trong chuyện này – tôi sẽ không đặt tên cho nó.

[13] Theo thần thoại Hy Lạp, chàng trai Leander đem lòng yêu Hero và hàng đêm bơi vượt eo Dardanelles (một eo biển nhỏ ở Tây Bắc Thổ Nhĩ Kỳ, tên cũ là Hellespont) để đến với nàng. Hero thắp một ngọn nến trên tháp cao để làm mốc dẫn đường cho Leander.

Tôi thừa nhận: việc tôi làm không đáng mặt anh hùng. Tôi không chiến đấu với Homi trên lưng ngựa, với ánh mắt bùng bùng và lưỡi gươm rực lửa; thay vào đó, bắt chước hạnh vi của loài rắn, tôi bắt đầu cắt từng mẩu báo. TỪ ỦY BAN GIẢI PHÓNG GOA PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO SATYAGRAHA^[14], tôi tách ra TR và U; PHÁT NGÔN VIÊN CỦA QUỐC HỘI ĐÔNG PAKISTAN BỊ ĐIỀN cho tôi phụ âm “NG”, tôi tìm được “TÁ” ẩn trong NEHRU CẬN NHẮC TỪ CHÚC Ở QUỐC HỘI; giờ sang chữ thứ hai, tôi cắt được “SAB” từ BẢO ĐỘNG, BẮT BỐ HÀNG LOẠT Ở ĐẤT ĐỎ KERALA: BỌN PHÁ HOẠI LỘNG HÀNH: GHOST CÁO BUỘC ĐẢNG QUỐC ĐẠI LÀ

GOONDA^[15], và lấy được “ARM” từ HOẠT ĐỘNG TẠI BIÊN GIỚI CỦA QUÂN TRUNG QUỐC LÀ VI PHẠM NGUYÊN TẮC BANDUNG^[16]. Để hoàn thành cái tên, tôi xén mấy chữ “ATP” từ THỦ TƯỚNG TUYÊN BỐ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA DULLES^[17] THIẾU NHẤT QUẢN, KHÓ DỰ ĐOÁN. Cắt gọt lịch sử cho phù hợp với âm mưu độc địa của mình, tôi chộp lấy VI SAO INDIRA GANDHI GIỜ ĐÂY là CHỦ TỊCH ĐẢNG QUỐC ĐẠI và giữ hai chữ “VI SAO”; nhưng tôi không chịu bám vào mỗi chính trị, mà quay sang mục thể thao để lấy chữ “VÔ” trong TRUNG PHÒNG CỦA MOHUN BAGAN, LẤY VÔ. Quảng cáo P.K. BA CÁI MỘT PHÒNG, NHAI ĐI NHAI LẠI VẬY KHÔNG MẤT MÙI! cho tôi chữ “ÔNG”, và chữ “ĐỀN” tôi lấy trong cái tin bí thảm NHẤN DÂN ĐẾN DỰ LỄ TANG ABUL KAAM AZAD. Một lần nữa tôi buộc phải tìm kiếm trong những mẩu tin ngắn: TAI NẠN TRÊN ĐÈO NAM: SHEPRA NGÃ CHẾT^[18] cho tôi chữ “COL” tôi đang rất cần, nhưng “ABA” thì khó tìm, mãi mới xuất hiện tại mục quảng cáo phim: ALI-BABA, TUẦN SIÊU ĐÌNH ĐAM THỨ MƯỜI BAY – MUA NHANH KÈO HẾT!... Những ngày tháng ấy là lúc Sheikh Abdullah, con Sư tử xứ Kashmir, đang vận động trung cầu dân ý để quyết định tương lai của bang; dũng khí của ông cho tôi âm tiết “ĐỀ”, vì nó dẫn đến cái tíť ABDULLAH BỊ BẮT ĐÊM QUA VI KÍCH ĐỘNG DƯ LUẬN – PHÁT NGÔN VIÊN CỦA CHÍNH PHỦ. Rồi cả Acharya Vinobha Bhave, người đã dành mười năm vận động giới địa chủ quyên tặng ruộng cho người nghèo trong chiến dịch bhoodan của mình, tuyên bố số quyền tặng đã vượt ngưỡng một triệu hecta, và phát động hai chiến dịch mới, kêu gọi quyên tặng nguyên cả các làng xã (“gramdan”) và cuộc đời của mỗi cá nhân (“jivandan”). Khi J.P.Narayan tuyên bố công hiến đời mình cho sự nghiệp của Bhave, cái tíť NARAYAN ĐI CON ĐƯỜNG CỦA BHAVE đã cho tôi chữ “ĐƯỜNG” tôi mới mất kiếm tìm. Đến đây là sắp xong rồi; ngắt một chữ “VÀO” từ PAKISTAN SẮP RỜI VÀO HỒN LOẠN CHÍNH TRỊ: ĐẦU ĐÁ BÊ PHẢI LẠM CHÍNH TRƯỜNG ĐIỀU ĐÚNG, và chữ “CHỦ NHẬT” từ đầu báo *Tin nhanh Chủ nhật*, tôi thấy mình chỉ còn thiếu đúng một chữ. Những sự kiện ở Đông Pakistan cấp cho tôi chữ sau chót. TỬ BAY GIẾT CHẾT PHÓ PHÁT NGÔN VIÊN ĐÔNG PAKISTAN: PHÁT TANG SÁNG NAY cho tôi chữ “SÁNG”. Tôi cần một dấu chấm hỏi ở cuối câu, và tìm được nó ở tận cùng nỗi băn khoăn dai dẳng của những ngày tháng lạ lùng ấy: SAU NEHRU, LÀ AI?

[14] Hình thức phản kháng bất bạo động do Mahatma Gandhi khởi xướng.

[15] Trong cuộc bầu cử năm 1957, đảng Cộng sản thắng cử ở bang Kerala nên đây được gọi là “đất Đỏ”. Ghost tức là Tiến sĩ P.C.Ghost, một chính trị gia Ấn Độ, Thống đốc bang Tây Bengal giai đoạn 1947-1948.

[16] Những nguyên tắc của Phong trào Không liên kết, được thông qua tại Hội nghị Bandung năm 1955.

[17] John Foster Dulles, Ngoại trưởng Mỹ giai đoạn 1953-1959.

[18] Nguyên văn: South Col, là con đèo nối giữa đỉnh Everest và đỉnh Lhotse, hai ngọn núi cao thứ nhất và thứ tư của dãy Himalaya. Sherpa là một tộc người sống ở khu vực Himalaya, thường được thuê làm người dẫn đường, giúp đỡ cho các nhà leo núi.

Trong không gian bí mật của nhà tắm, tôi dán lời nhắn đã hoàn chỉnh - nỗ lực đầu tiên của tôi nhằm sắp xếp lại lịch sử - lên một tờ giấy; như rắn, tôi nhét lá thư vào túi, như nọc độc trong túi nọc. Một cách xảo quyệt, tôi bố trí một tối tụ tập với Mắt Chẻ và Tóc Dầu. Chúng tôi chơi trò “Sát nhân trong Bóng tối”... Giữa một trò chơi sát nhân, tôi lên vào almirah của Trung tá Sabarmati và nhét lá thư chết người vào túi trong của bộ quân phục chưa mặc của ông ta. Vào thời khắc ấy (giấu mà làm gì) tôi cảm nhận được sự hưng phấn của rắn khi mổ trúng con mồi, và cảm thấy nanh nó ngấp vào gót chân nạn nhân...

TRUNG TÁ SABARMATI (thư của tôi viết)

VÌ SAO VỢ ÔNG ĐẾN ĐƯỜNG ĐÊ COLABA

VÀO SÁNG CHỦ NHẬT?

Không, tôi không còn tự hào về việc mình làm; nhưng hãy nhớ rằng con quỷ báo thù có hai đầu. Khi lật mặt sự phản bội của Lila Sabarmati, tôi cũng hy vọng sẽ tạo nên một cú sốc cảnh tỉnh cho chính mẹ tôi. Một ná hai chim; sẽ có hai người đàn bà bị trừng phạt, mỗi người bị một nanh của cái lưỡi rắn chẻ đôi của tôi xuyên qua. Không có gì sai nếu nói rằng sự kiện sẽ được biết đến dưới cái tên “vụ tai tiếng của Sabarmati” kỳ thực đã khởi đầu từ một quán cà phê tằm tối ở phía Bắc thành phố, nơi một thằng nhóc trốn vé được xem vở ba lê của những bàn tay xoay tròn.

Tôi đã bí mật; tôi đã ẩn trong bụi cỏ mà tấn công. Cái gì xui khiến tôi? Những bàn tay ở Pioneer Café; những cú điện thoại nhảm số; những mẫu giấy dính vào tay tôi ngoài ban công, và chuyển tay dưới lớp ga giường; thái độ đạo đức giả của mẹ tôi và niềm đau khổ khôn nguôi của Pia: “Ôi! Hối ôi! Ôi hối ôi!”... Nọc độc của tôi là loại ngấm chậm; nhưng ba tuần sau, nó đã phát tác.

Mãi sau này tôi mới biết, sau khi nhận được tin nhắn nặc danh của tôi, Trung tá Sabarmati đã viện đến sự phục vụ của Dom Minto trứ danh, thám tử tư nổi tiếng nhất Bombay. (Minto, già và đi tập tễnh, khi ấy đã bắt đầu hạ giá.) Ông chờ đến khi nhận được báo cáo của Minto. Thế rồi:

Sáng Chủ nhật ấy, sáu đứa trẻ ngồi thành một hàng ở Metro Cub Club, xem *Francis Con La Biết Nói Và Ngồi Nhà Mạ*. Quý vị thấy đây, tôi có bằng chứng ngoại phạm; tôi không hề ở gần hiện trường vụ án. Giông Sin^[19], vàng trắng lưỡi liềm, tôi tác động từ xa lên thủy triều của trái đất... trong khi một con lừa nói chuyện trên màn ảnh, Trung tá Sabarmati đến kho vũ khí Hải quân. Ông mượn một khẩu súng ngắn ổ quay nòng dài, hoạt động tốt; kèm cả đạn. Ông cầm, trong tay trái, một mẫu giấy trên đó địa chỉ được bàn tay sạch sẽ của viên thám tử tư ghi lại; trong tay phải, ông cầm khẩu súng không bao. Bắt taxi, viên Trung tá chạy đến Đê Colaba. Ông trả tiền xe, súng trong tay đi xuống một con hẻm nhỏ qua mấy hàng bán áo và đồ chơi, rồi bước lên cầu thang của một tòa chung cư thụt vào từ mặt hẻm và nằm cuối một khoảnh sân bê tông. Ông bấm chuông ở căn hộ 18c; tiếng chuông được một gia sư người Ấn lai Anh đang dạy tiếng Latin ở căn hộ 18b nghe thấy. Khi cô vợ Lila của Trung tá Sabarmati ra mở cửa, ông giáng súng vào bụng cô và bắn hai phát. Cô ngã ra sau; ông bước qua cô, và tìm thấy Ngài Homi Catrack đang từ hồ xỉ nhôm dậy, dít chưa kịp chùi, cuống quýt xé rách quần lên. Trung tá Vinoo Sabarmati bắn ông ta một phát vào bộ phận sinh dục, một vào tim và một xuyên mắt phải. Khẩu súng không lắp giảm thanh; nhưng khi nó ngưng tiếng, một cơn im lặng khủng khiếp trùm lên căn hộ. Ngài Catrack ngồi xuống hồ xỉ sau khi bị bắn và nhìn như đang cười.

[19] *Thần Mặt Trăng trong thần thoại Hy Lạp. Sin + ai = Sinai.*

Trung tá Sabarmati ra khỏi tòa chung cư với khẩu súng bốc khói trên tay (ông bị tay gia sư tiếng Latin đang khiếp đảm nhìn thấy qua khe cửa); ông sải bước trên Đê Colaba đến khi trông thấy một viên cảnh sát giao thông đứng trên bục. Trung tá Sabarmati bảo viên cảnh sát, “Tôi vừa mới giết vợ mình và tình nhân của cô ta bằng khẩu súng này; tôi xin tự nộp mình cho...” Nhưng ông vừa nói vừa vung vẩy khẩu súng trước mũi viên cảnh sát; làm anh ta hãi quá vứt cả cây dùi cui điều khiển giao thông mà chạy. Trung tá Sabarmati, bị bỏ lại một mình trên bục cảnh sát giữa dòng xe cộ bỗng trở nên hỗn loạn,

bắt đầu phân luồng giao thông, lấy cây súng đang bốc khói thay dùi cui. Đây là tình cảnh của ông khi bị phát hiện bởi toán mười hai cảnh sát có mặt mười phút sau, những người đã dừng cảm nhảy bổ lên người ông và giữ rịt chân tay ông, và tước từ ông cây dùi cui bất thường mà với nó, trong mười phút, ông đã điều khiển giao thông một cách thành thạo.

Một tờ báo viết về vụ Sabarmati: “Đó là một sân khấu nơi Ấn Độ khám phá ra mình đã là gì, mình đang là gì, và mình sẽ trở thành gì.”... Nhưng Trung tá Sabarmati chỉ là một con rối; tôi chính là nghệ nhân múa rối, và cả đất nước diễn vở kịch của tôi - chỉ có điều tôi không định thế! Ai mà nghĩ rằng ông ta sẽ... tôi chỉ muốn... một vụ tai tiếng, phải, một lời dọa nạt, một bài học cho mọi người vợ và mẹ không chung thủy, chứ không phải như vậy, không, không bao giờ.

Kinh hoàng trước hậu quả của những việc mình làm, tôi lướt trên những làn-sóng-suy-nghĩ hỗn loạn của thành phố... tại Bệnh viện Đa khoa Parsee, một bác sĩ nói, “Begum Sabarmati sẽ sống; nhưng bà ấy sẽ phải rất cẩn thận khi ăn uống.”... Nhưng Homi Catrack đã chết... Và ai được yêu cầu làm luật sư cho bị cáo? – Ai đã nói, “Tôi sẽ bào chữa cho ông ấy miễn phí và không lấy tiền?” – Ai, từng chiến thắng trong vụ Đóng Băng, giờ đây là chiến binh của viên Trung tá? Sonny Ibrahim nói, “Nếu có ai cứu được ông ta thì chính là bồ tao.”

Trung tá Sabarmati là kẻ giết người nổi tiếng nhất trong lịch sử luật pháp Ấn Độ. Các ông chồng tán thưởng việc ông ta trừng phạt cô vợ lăng nhăng; các phụ nữ chung thủy thấy sự chính chuyên của mình là xứng đáng. Trong đầu hai đứa con trai của Lila, tôi tìm thấy suy nghĩ này: “Mình đã biết bà ấy như thế. Mình đã biết một người lính Hải quân sẽ không chấp nhận chuyện này.” Một cây bút của tờ *Tuần san ảnh Ấn Độ*, khi viết bài khắc họa chân dung đi kèm bức biếm họa màu của viên Trung tá cho mục “Nhân vật trong Tuần”, nhận xét: “Trong vụ Sabarmati, những cảm xúc cao thượng của sử thi Ramayana đã kết hợp với cái lương rẻ tiền của phim ảnh Bombay; nhưng về phần nhân vật chính, tất cả đều nhất trí về sự đàng hoàng của anh ta; và không thể phủ nhận đó là một gã trai hấp dẫn.”

Việc tôi trả thù mẹ tôi và Homi Catrack đã kích phát một vụ khủng hoảng trên toàn quốc... bởi điều luật Hải quân quy định rằng người đã chịu án tù dân sự đùng hòng mơ tưởng hàm Thủy sư Đô đốc. Vậy là các Đô đốc, các chính trị gia của thành phố, và tất nhiên cả Ismail Ibrahim, đòi hỏi: “Trung tá Sabarmati phải ở nhà tù của Hải quân. Ông ta vô tội đến khi nào bị chứng minh là có tội. Sự nghiệp của ông ấy không được phép bị hủy hoại nếu có thể tránh được điều này.” Và nhà chức trách: “Được.” Và Trung tá Sabarmati, an toàn ở buồng giam của Hải quân, đã phát hiện ra hình phạt của sự nổi tiếng – ngập trong thư từ cô vũ, ông ta đợi ngày xử án; hoa chắt đây xà lim, và mặc dầu ông ta yêu cầu chế độ dinh dưỡng kham khổ chỉ gồm cơm và nước, người hâm mộ nhấm ông bằng những cặp lồng đầy biriani và pista-ki-lauz và các món bổ dưỡng khác. Và, chen hàng ở Tòa Hình sự, vụ án được xử sớm gấp hai bình thường... Công tố viên nói, “Bị cáo bị buộc tội giết người cấp độ một^[20].”

[20] *Cấp độ nặng nhất trong hệ thống luật của Anh: giết người có chủ đích và có tính toán.*

Răng nghiến chặt, mắt cứng cõi, Trung tá Sabarmati đáp: “Vô tội.”

Mẹ tôi nói, “Ôi lạy Chúa, con người khôn khồ, thâm quá, phải không?”

Tôi nói, “Nhưng người vợ bất trinh là một điều khủng khiếp, Amma...” và bà quay mặt đi.

Bên công tố nói, “Đây là một vụ án hai năm rưỡi. Ta có đủ động cơ, cơ hội, lời thú tội, tử thi, và quá trình dự mưu: khẩu súng được ký mượn, bọn trẻ được cho đi xem phim, báo cáo của viên thám tử. Còn gì để nói? Xin hết.”

Và dư luận: “Người tốt như thế mà... Allah!”

Ismail Ibrahim nói: “Đây là một trường hợp tự tử bất thành.”

Nghe vậy, dư luận: “?????????”

Ismail Ibrahim diễn giải: “Khi Trung tá nhận được báo cáo của Dom Minto, ông ấy muốn tận mắt kiểm chứng sự việc; và nếu đúng, sẽ tự sát. Ông ấy ký mượn khẩu súng; là cho chính ông ấy. Ông ấy đến địa chỉ trên Đê Colaba trong trạng thái tuyệt vọng về tinh thần; không phải như kẻ giết người, mà như một người đã chết! Nhưng ở đây – thấy vợ mình ở đây, thừa bồi thẩm đoàn! – thấy cô ta lỏa lồ bên lão nhân tình trơ trẽn! – thừa bồi thẩm đoàn, trước mắt con người tử tế, con người cao quý này chỉ còn màu đỏ. Đỏ, chắc chắn rồi, và trong cơn phần nộ bột phát, ông ấy đã hành động như vậy. Bởi vậy không hề có quá trình dự mưu, bởi vậy không thể tính là giết người cấp độ một. Giết người thì có, nhưng máu lạnh thì không. Thừa bồi thẩm đoàn, các vị phải kết luận ông ấy không phạm tội như cáo trạng.”

Và cả thành phố xôn xao, “Không, quá đáng rồi... Lần này Ismail Ibrahim đã đi quá xa... nhưng, nhưng... bồi thẩm đoàn của ông ta phần lớn là phụ nữ... và họ không giàu... bởi vậy dễ bị tác động gấp đôi, trước sự quyến rũ của viên Trung tá và ví tiền của tay luật sư... biết đâu đấy? Ai dám chắc?”

Bồi thẩm đoàn nói, “Vô tội.”

Mẹ tôi kêu lên, “Ôi, tuyệt quá!... Nhưng, nhưng: đây có phải là *công lý*?” Và quan tòa, trả lời bà: “Bằng thẩm quyền được trao cho tôi, tôi hủy bỏ phán quyết lỗi bịch này. Có tội như cáo trạng.”

Ôi, làn sóng công phần của những ngày ấy! Khi giới chức sắc Hải quân và các giám mục và các chính khách đòi hỏi, “Sabarmati phải ở nhà tù của Hải quân trong khi chờ khiếu nại lên Tòa Đại hình.” Và các quan chức cảnh sát, nhượng bộ, “Cũng được.” Vụ Sabarmati hồi hải leo lên, lao thẳng đến phiên phúc thẩm ở Tòa Đại hình với một tốc độ vô tiền khoáng hậu... và viên Trung tá nói với luật sư, “Tôi cảm thấy như tương lai không còn trong tầm kiểm soát; như có điều gì đó đã ngự trị... hãy gọi đó là Vận mệnh.”

Tôi nói: “Hãy gọi đó là Saleem, hay Thò Lò, hay Cả Khịt, hay Mặt Nhọ; hãy gọi đó là mảnh trăng

bé bỏng.”

Phán quyết của Tòa Đại hình: “Có tội như cáo trạng.” Báo chí giật tít: SABARMATI CUỐI CÙNG SẼ VÀO TÙ DÂN SỰ? Ismail Ibrahim tuyên bố: “Chúng tôi sẽ đấu tranh tới cùng! Tới tận Tòa án Tối cao!” Và giờ, quả bom chấn động. Một tuyên bố của đích thân Thống đốc Bang: “Thật khó khăn khi tạo nên một ngoại lệ với luật pháp; nhưng xét sự phụng sự của Trung tá Sabarmati với tổ quốc, tôi cho phép ông ta tiếp tục ở trại giam Hải quân trong khi chờ phán quyết của Tòa án Tối cao.”

Lại thêm nhiều tít báo, châm chích như muối: CHÍNH QUYỀN BANG XEM THƯỜNG LUẬT PHÁP! VỤ SABARMATI TRỞ THÀNH NỖI NHỤC QUỐC THỂ!... Khi tôi nhận ra báo chí đã trở mặt với viên Trung tá, tôi biết ông ta thế là hết.

Phán quyết của Tòa án Tối cao: “Có tội!”

Ismail Ibrahim nói: “Ân xá! Chúng tôi sẽ xin Tổng thống Ấn Độ ân xá!”

Và giờ những vấn đề lớn lao sẽ được cân nhắc tại Rashtrapati Bhavan – đằng sau cánh cổng của Dinh Tổng thống, một người sẽ phải quyết định xem liệu có thể đặt một người lên trên luật pháp; liệu vụ sát hại nhân tình của vợ có thể bị gạt sang một bên vì một sự nghiệp Hải quân; và còn những thứ cao hơn – liệu Ấn Độ sẽ thượng tôn pháp luật, hay tiếp tục tuân theo quy tắc cổ xưa về sự siêu việt vượt trên tất cả của người anh hùng? Nếu chính Rama còn sống, liệu ta có bỏ tù anh ta vì giết chết kẻ bắt cóc Sita? Những vấn đề lớn lao; sự can thiệp đầy hận thù của tôi vào lịch sử thời đại của tôi đương nhiên không phải là điều vụn vặt.

Tổng thống Ấn Độ nói, “Tôi sẽ không ân xá cho người này.”

Nussie Ibrahim (mà đức ông chồng vừa thua vụ án lớn nhất đời) rên rỉ, “Ôi! Hời ôi!” Và nhắc lại một nhận xét cũ: “Chị Amina, con người tử tế ấy phải đi tù – em nói chị nghe, thì nghĩa là ngày tận thế đến rồi!”

Một lời thú tội, rập rình trên môi tôi: “Tất cả là tại con, Amma; con muốn dạy cho mẹ một bài học. Amma, đừng đi gặp đàn ông khác, người mặc áo thừa khuyết kiểu Lucknow; hôn hít chén trà thế đủ rồi, mẹ của con! Con giờ đã mặc quần dài và có thể nói chuyện với mẹ như một người đàn ông!” Nhưng những lời ấy không bao giờ trào ra khỏi tôi; không cần phải vậy, bởi vì tôi nghe thấy mẹ tôi trả lời một cuộc gọi nhầm số - và bằng một giọng kỳ lạ, kìm nén, nói vào ống nghe những lời này: “Không; ở đây không có ai tên thế cả; xin hãy tin lời tôi, và đừng bao giờ gọi nữa.”

Phải, tôi đã dạy cho mẹ tôi một bài học; và sau vụ Sabarmati bà không bao giờ gặp lại Nadir-Qasim bằng xương bằng thịt của bà, không bao giờ nữa, cho đến cuối đời; nhưng, bị tước mất gã, bà trở thành nạn nhân của số phận chung dành cho mọi phụ nữ trong nhà tôi, tức là lời nguyện bị giã trước

tuổi; người bà bắt đầu co lại, bà đi tập tễnh ngày càng rõ hơn, và trong mắt bà có vẻ trống rỗng của tuổi tác.

Sự trả thù của tôi mang đến cùng với nó một số diễn biến tôi không chờ đợi; và có lẽ nổi bật nhất trong đó là sự xuất hiện, ở những mảnh vườn của Điền trang Methwold, của một loài hoa lạ, làm từ gỗ và tôn, trên đó có chữ sơn tay màu đỏ tươi... những tấm biển quảng cáo định mệnh mọc lên ở mọi mảnh vườn trừ vườn nhà tôi, bằng chứng cho thấy quyền năng của tôi đã vượt khỏi tầm hiểu biết của chính tôi, và rằng, sau một lần bị lưu đày khỏi quả đồi hai tầng của mình, giờ đây đồi lại tôi đã thành công trong việc đuổi đi tất cả mọi người.

Biển quảng cáo trong vườn của Biệt thự Versailles, Biệt thự Escorial và Sans Souci; biển quảng cáo gập đầu với nhau trong làn gió biển của giờ cocktail. Ở mỗi tấm biển người ta đều đọc thấy sáu chữ giống nhau, đều màu đỏ tươi, đều cao ba mươi xăng ti mét: BÁN NHÀ. Đó là thông điệp trên biển.

BÁN NHÀ – Biệt thự Versailles, chủ nhân của nó chết trên bồn cầu; việc rao bán do mục bảo mẫu dữ tợn Bi-Appah thực hiện thay mặt Toxy ngu ngốc khốn khổ; sau khi vụ mua bán hoàn thành, người chăm sóc và người được chăm sóc biến mất mãi mãi, và Bi-Appah ôm, trong lòng mục, một cái va li căng phòng tiền... tôi không biết điều gì xảy đến với Toxy, nhưng xét đến lòng tham của người bảo mẫu, tôi tin là chẳng có gì tốt đẹp... BÁN NHÀ, căn hộ của nhà Sabarmati ở Biệt thự Escorial; Lila Sabarmati bị từ chối quyền chăm sóc hai con và phai nhạt khỏi đời chúng tôi, trong khi Mất Chẻ và Tóc Dầu gói ghém đồ đạc đến nương nhờ sự chăm sóc của Hải quân Ấn Độ, cơ quan đã đặt mình vào vị trí *in loco parentis* tới khi bố chúng mãn hạn ba mươi năm tù. Cũng BÁN NHÀ, là biệt thự Sans Souci của nhà Ibrahim, bởi Khách sạn Embassy của Ishaq Ibrahim đã bị xã hội đen đốt trụi vào ngày Trung tá Sabarmati gánh chịu thất bại tối hậu, như thể giới tội phạm của thành phố đã trừng phạt gia đình tay luật sư vì thất bại của ông ta; sau đó Ishaq Ibrahim bị cấm hành nghề, *do có bằng chứng vi phạm chuẩn mực nghề nghiệp* (trích báo cáo của Hội đồng Luật sư Bombay); “gặp khó khăn” về tài chính, nhà Ibrahim cũng biến mất khỏi đời chúng tôi; và cuối cùng đã BÁN NHÀ, là căn hộ của Cyrus Dubash và bà mẹ, bởi vì, giữa dư luận ầm ĩ về vụ Sabarmati, và hầu như chẳng được ai để ý, nhà vật lý hạt nhân đã chết cái chết vì hóc-hột-cam, do đó mở đường cho chứng cuồng tín tôn giáo của bà mẹ trút xuống đầu Cyrus và chuyển vận bánh xe của thời kỳ mạc khải vốn sẽ là chủ đề cho chương tiếp theo của tôi.

Những tấm biển gập gù giữa các khu vườn đang mất dần ký ức về cá vàng và giờ-cocktail và bầy mèo xâm lăng; và ai gỡ chúng xuống? Ai kế thừa những người thừa kế của William Methwold?... Họ ủa đến như ong vỡ tổ từ nơi đã từng là nhà của bác sĩ Narlikar: những mục đàn bà bụng béo và oai phong phát góm, ngày càng béo và oai phong hơn bao giờ hết nhờ sự giàu có nhờ tetrapod ban cho (bởi vì đó là những năm của công cuộc lần biển vĩ đại). Đám đàn bà nhà Narkilar – từ Hải quân họ mua lại căn hộ của Trung tá Sabarmati, và từ bà Dubash sắp ra đi ngôi nhà của Cyrus; họ trả Bi-Appah bằng những tờ bạc cũ, và các chủ nợ của nhà Ibrahim được vỗ yên bằng tiền của Narkilar.

Cha tôi, duy nhất trong tất cả cư dân từ chối bán nhà; họ trả giá rất cao, song ông vẫn lắc đầu. Họ

trình bày giấc mơ của họ - giấc mơ san bằng tòa nhà rồi dựng lên trên quả đồi hai tầng một tòa cao ốc vươn ba mươi tầng lên trời, một ngọn tháp khải hoàn màu hồng, cột mốc của tương lai của họ; Ahmed Sinai, mãi mê quên hết sự đời, nhất định không nghe. Họ bảo ông, “Đến khi xung quanh ông chỉ còn gạch vụn, ông sẽ phải bán tháo thôi”; ông (nhớ đến sự phản bội mang hình hài tetrapod của họ) chẳng hề lay chuyển.

Nussie-vịt-bầu nói, khi dọn đi, “Em đã bảo mà, chị Amina – kết thúc rồi! Thế giới này kết thúc rồi!” Lần này cô ta vừa đúng vừa sai: sau tháng Tám 1958, thế giới vẫn quay; nhưng thế giới tuổi thơ của tôi, quả thật, đã đến hồi kết thúc.

Padma – cô có, hồi còn nhỏ, một thế giới của riêng mình không? Một quả cầu nhôm, trên đó in hình các lục địa và đại dương và địa cực? Hai bán cầu rẽ tiền bằng kim loại, ốp vào nhau bằng chân đế nhựa? Không, tất nhiên là không; nhưng tôi thì có. Đây là một thế giới chi chít địa danh: *Đại Tây Dương* và *Amazon* và *Chi tuyến Nam*. Và, ở Bắc Cực, có dòng chú thích: SẢN XUẤT TẠI ANH. Cho đến tháng Tám của những tấm biển gập gù và sự tham lam vô độ của đám đàn bà nhà Narlikar, thế giới bằng nhôm này đã bị mất chân đế; tôi tìm băng dính Scotch và dán trái đất lại quanh đường Xích đạo, và rồi, tính ham chơi lấn át lòng kính nể, bắt đầu mang nó ra đá bóng. Trong thời kỳ dư chấn của vụ Sabarmati, khi bầu không khí tràn ngập nỗi ăn năn của mẹ tôi và bi kịch riêng tư của những hậu duệ của Methwold, tôi đá quả cầu nhôm loảng xoảng khắp Điền trang, vững tâm là thế giới còn nguyên vẹn (dẫu rằng phải dán băng dính) và vẫn ở dưới chân tôi... cho đến khi, vào cái ngày Nussie-vịt-bầu nói ra lời than vãn sắc mùi mật thể cuối cùng – vào cái ngày Sonny Ibrahim thôi không còn là Sonny-nhà-bên – con Khi Đồng em gái tôi bỗng nhảy xổ vào tôi trong một cơn thịnh nộ khó hiểu, thét lên: “Giờ ạ, anh thôi ngay cái trò này đi; chả lẽ hôm nay anh không thấy *buồn* một tí nào à?” Rồi, nhảy vọt lên cao, nó hạ xuống Bắc Cực bằng cả hai chân, và nghiền thế giới thành bụi của con đường dưới gót giày phần nộ của nó.

Dường như, rốt cuộc, sự ra đi của Sonny Ibrahim, kẻ si tình bị sỉ nhục của nó, người nó từng lột truồng ở giữa đường, đã tác động đến con Khi Đồng, bắt chấp chuyện cả đời nó đã chối bỏ khả năng tồn tại của tình yêu.

Chương 19: Mạc khải^[1]

*[1] Mạc khải (một cách viết/đọc khác là Mặc khải), nghĩa đen trong tiếng Hán là “vén rèm lên”; còn nghĩa tôn giáo, theo định nghĩa của Linh mục Trần Văn Kiệm là “cho biết điều bí nhiệm”. Người dịch dùng chữ này để dịch chữ **Revelation** trong nguyên tác, nhằm giữ được màu sắc và ẩn dụ tôn giáo của văn bản.*

Hãy biết, hỡi kẻ vô thần, rằng giữa Đêm tối mịt mùng của KHOẢNG KHÔNG VỮ TRỤ giữa buổi hồng hoang từng tồn tại tinh cầu KHUSROVAND thần thánh!!! Ngay cả GIỚI KHOA HỌC HIỆN ĐẠI giờ đây cũng thừa nhận rằng *hàng thế hệ qua* họ đã DỐI TRÁ hồng bưng bít NHÂN LOẠI, những người *có quyền được biết* về sự HIỆN TÔNG ĐÍCH THỰC Bất Khả Tư Nghì^[2] của XỨ SỞ THIÊN LIỆNG CỦA SỰ THẬT!!! Các Trí thức hàng đầu trên TOÀN THẾ GIỚI, kể cả Mỹ quốc, tuyên truyền về ÂM MƯU CHỐNG TÔN GIÁO của cộng sản, DO THÁI, v.v..., nhằm giấu giếm THÔNG TIN SỐNG CÒN này! Nay Màn đã vén lên. ĐỨC KHUSRO thần thánh đã giáng hạ với Những Bằng Chứng Không Thể Chối Cãi. Hãy Đọc và Tin!

[2] Tài liệu này có lẽ do mẹ của Cyrus viết ra nên có nhiều lỗi chính tả rất sơ đẳng.

Hãy biết rằng hành tinh Khusrovand ĐÍCH THỰC – HIỆN TÔNG là nơi cư ngụ của các Thánh mà sự Thuần khiết Tinh thần đã đạt đến Cảnh giới khiến họ, qua TU TẬP THIÊN ĐỊNH &c., đã có được quyền năng VÌ LỢI ÍCH CHÚNG SINH, những quyền năng Ngoài Sức Tưởng Tượng! Họ NHÌN XUYỀN thép, và có thể BỂ CONG XÀ NHÀ bằng RĂNG!!!

*** BÂY GIỜ ***

Lần đầu tiên, quyền năng ấy được sử dụng

Phục Vụ Các Bạn! ĐỨC KHUSRO đang ở

*** ĐÂY ***

Hãy nghe về sự Sụp Đổ của Khusrovand: tên XÍCH QUỲ *Bhimutha* (HẮC ÁM thay tên hẩn!) trút xuống một trận Thiên Thạch Vũ (đã được các ĐÀI THIÊN VĂN THỂ GIỚI ghi chép kỹ càng, nhưng không Giải Thích)... một CÒN MƯA ĐÁ kinh hoàng, đến mức Khusrovand tươi đẹp bị HỦY HOẠI và các Thánh bị TIÊU DIỆT.

Nhưng *Juraell* cao quý và *Khalila* kiều diễm rất tinh táo. HỖ SINH BẢN THÂN trong tư thế nhập định của Pháp môn Kundalini^[3], họ đã bảo tồn được LINH HỒN của đứa con chưa đản sinh, ĐỨC KHUSRO. Bước vào cảnh giới Nhất thể Đích thực trong Trạng thái Nhập định Yoga Siêu việt (mà quyền năng ngày nay được CÔNG NHẬN ở KHÁP THẾ GIỚI!), họ đã chuyển hóa Tinh thần Cao quý của mình thành một Tia QUANG TUYẾN NĂNG LƯỢNG SINH LỰC KUNDALINI, mà tia LASER nổi tiếng ngày nay chỉ là một sự bắt chước & *Sao chép* tầm thường. Thông qua TIA này, Linh hồn Khusro chưa đản sinh phi hành, vượt qua HỒ THẠM KHÔNG ĐÁY của Khoảng Không Vũ Trụ Vô Tận, đến khi MAY MẮN! mang nó đến Duniya (Thế Giới) của chúng ta & và yên vị trong TỦ CUNG người nữ chủ nhân khiêm nhường của một Gia Đình Parsi Tử Tế.

[3] Tiếng Sanskrit, nghĩa là con rắn. Yaga quan niệm rằng năng lượng tiềm ẩn của phụ nữ nằm cuộn tròn như rắn ở gốc xương sống.

Vậy là Đứa Trẻ ra đời & Nhân phẩm chân chính & TRÍ TUỆ Vô song (ĐẬP TAN luận điệu DỐI

TRÁ, rằng mọi người Sinh Ra Đều Bình Đẳng! Tiều nhân và Thánh nhân có bình đẳng không? TẤT NHIÊN LÀ KHÔNG!!) Nhưng có một THỜI GIAN khí chất thực sự của người bị Ẩn giấu, cho tới khi vào vai một vị Thánh Địa Cầu trong một bộ phim TÂM LÝ (được CÁC NHÀ PHÊ BÌNH HÀNG ĐẦU khen ngợi, sự Thuần Khiết trong Diễn Xuất của Người Thách Thức mọi Tín Nệm), người THỨC TỈNH & biết MÌNH LÀ AI. Nay người đã lấy lại TÊN THẬT của mình,

ĐỨC

KHUSRO

KHUSROVANI

BHAGWAN

và khiêm nhường Xuất Thế, với Vạch Tro trên Lòng Mây Đẳng Khổ Hạnh^[4], để chữa lành Bệnh Tật và chấm dứt Hận Hấn & CHIẾN ĐẤU chống những Đạo quân của *Bhimutha* ở bất cứ đâu chúng TỐI. HÃY BIẾT SỢ! Vì MƯA ĐÁ của *Bhimutha* CŨNG sẽ trút xuống đầu chúng ta! Chớ tin những lời DỐI TRÁ của đám chính khách thi sĩ Cộng sản & vân vân. GỬI TRỌN NIỆM TIN vào Đức Thánh Duy Nhất Đích Thực.

[4] Thần Shiva thường được minh họa có ba vạch tro màu trắng trên trán, tượng trưng cho ba vị thần, hoặc ba thế giới. Tro theo quan niệm của đạo Hindu là biểu tượng của cái chết và sự tái sinh. Các nhà tu khổ hạnh thờ Shiva thường bôi tro lên khắp cơ thể.

KHUSRO KHUSRO KHUSRO

KHUSRO KHUSRO KHUSRO

& gửi tiền Quyên góp đến PO Box 555, Bưu Điện Trung Tâm,

Bombay-1.

PHÚC LÀNH! CÁI ĐẸP! SỰ THẬT!!!

Om Hare Khusro Have Khusrovand Om

Cyrus-đại-đế có một nhà vật lý nguyên tử ở cương vị người cha và, trong vai trò người mẹ, một giáo đồ cuồng tín mà đức tin trong bà ta đã lên men do bị đè nén nhiều năm dưới tư duy lý tính độc đoán của ông Dubash; và khi bố của Cyrus chết hóc vì một quả cam mà mẹ nó quên không gỡ hột, Bà Dubash đã tận lực xóa bỏ dấu ấn của người chồng quá cố khỏi tính cách của con trai – và nhào nặn lại Cyrus theo hình mẫu kỳ quái của chính bà ta, *Cyrus-hôi-hám, để trong nôi cáng, vào năm bốn tám* – Cyrus thẳng thần đồng ở lớp – Cyrus vào vai Thánh Joan trong vở kịch của Shaw – tất cả những thẳng Cyrus này, mà chúng tôi đã trở nên thân thuộc, mà chúng tôi đã lớn lên cùng, nay đã biến mất; và ở chỗ

chúng mọc lên hình ảnh khoa trương, bình thần tựa cừu của Đức Khusro Khusrovand. Ở tuổi lên mười, Cyrus biến mất khỏi trường Cathedral và sự nổi lên như sao băng của vị guru giàu nhất Ấn Độ bắt đầu. (Có bao nhiêu người Ấn thì có bấy nhiêu Ấn Độ; và, khi đặt cạnh Ấn Độ của Cyrus, Ấn Độ của tôi xem ra quá đổi trần phàm.)

Tại sao nó để điều đó xảy ra? Tại sao poster chẳng khắp thành phố, và quảng cáo rải kín báo chí, mà không có lấy một lời cầu nhàu từ cậu bé thần đồng?... Bởi vì Cyrus (mặc dù nó thường lên lớp bọn tôi, một cách không phải là không tinh quái, về các Bộ Phận trên Cơ Thể Phụ Nữ) kỳ thực là một thằng nhóc thuộc loại dễ bảo nhất, và không bao giờ nghĩ đến chuyện bắt lại mẹ nó. Vì mẹ, nó mặc một thứ váy kim tuyến và đội khăn xếp; để trọn đạo làm con, nó cho phép hàng triệu tin đồ hôn ngón tay út của mình. Nhân danh lòng hiếu thảo, nó hết lòng vào vai Đức Khurso, đức thánh hài đồng thành công nhất trong lịch sử; chẳng bao lâu nó đã được những đám đông nửa triệu người tụng hô, rồi gán cho mọi điều kỳ diệu; những tay guitar người Mỹ đến ngồi dưới chân nó, tất cả đều mang theo sổ séc. Đức Khusrovand sở hữu một đội kế toán, các thiên đường thuế^[5], một du thuyền sang trọng đặt tên là *Khusrovand Starship*, và một chiếc máy bay – *Chuyến cơ Ngăn sao của Đức Khusro*. Và đầu đó trong thằng bé với nụ cười yếu ớt, không ngừng rắc rải hồng ân ấy... ở một nơi vĩnh viễn bị ẩn giấu dưới cái bóng có uy lực đáng sợ của mẹ nó (bà ta, xét cho cùng, từng sống dưới một mái nhà với đám phụ nữ nhà Narlikar; ai biết bà ta thân cận với họ thế nào? Ai biết cái oai phong ghê gớm của họ đã rỉ sang bà ta tới đâu?), phảng phất bóng ma của một thằng bé từng là bạn tôi.

[5] Những quốc gia/vùng lãnh thổ có thuế thu nhập thấp. Giới nhà giàu thường chuyển tài sản đến hoặc định cư ở đây để tránh phải đóng nhiều thuế.

“Là Đức Khusro ấy à?” Padma hỏi, vẻ kinh ngạc. “Ông định nói về vị mahaguru^[6] vừa chết đuối ở biển năm ngoái?” Phải, Padma; ông ta không thể đi trên mặt nước; và rất ít người từng tiếp xúc với tôi lại được an hưởng một cái chết tự nhiên... hãy cho phép tôi thú nhận rằng tôi có phần cay cú trước việc Cyrus được tôn sùng như thánh sống. “Lẽ ra đó phải là mình,” tôi đã nghĩ vậy. “Mình mới là đứa trẻ thần kỳ; thế mà không chỉ vị thế độc tôn trong nhà, mà kể cả phẩm chất đích thực, sâu thẳm trong tôi, nay cũng đã bị nâng mất.”

[6] Maha + guru. Maha tiếng Hindi nghĩa là lớn, vĩ đại.

Padma: tôi chưa từng trở thành một “mahaguru”; hàng triệu người chưa từng ngồi dưới chân tôi; và đó là lỗi của tôi, bởi vì một ngày, nhiều năm trước, tôi đã đi nghe bài giảng của Cyrus về các Bộ Phận trên Cơ Thể Phụ Nữ.

“Hả?” Padma lắc đầu, khó hiểu. “Lại gì nữa đây?”

Nhà vật lý nguyên tử Dubash sở hữu một bức tượng tuyệt mỹ bằng cẩm thạch – một thiếu nữ khỏa thân – và với sự trợ giúp của pho tượng, con trai ông sẽ thuyết trình những bài giảng chuyên môn về giải phẫu sinh lý phụ nữ cho khán giả là một bọn nhóc cười rúc rích. Không cho không; Cyrus-đại-đế có tính phí. Đổi lấy bài học giải phẫu, nó đòi truyện tranh – và tôi, quá đổi ngây thơ, đã nộp cho nó tập quý giá nhất trong bộ *Supermam*, tập giới thiệu cốt truyện, về vụ nổ ở Hành tinh Krypton và chiếc phi thuyền-tên lửa mà Jor-El cha cậu bé đã gửi cậu vượt không gian, hạ cánh xuống trái đất và được vợ chồng nhà Kent hiền lành, trung hậu nuôi nấng... chẳng lẽ không ai nhìn ra? Suốt ngần ấy năm, chẳng lẽ không ai hiểu rằng điều Bà Dubash đã làm là cải biên rồi tái chế huyền thoại có tầm ảnh hưởng nhất trong số các huyền thoại hiện đại – truyền thuyết về sự xuất hiện của Siêu nhân? Tôi nhìn những biển

quảng cáo thổi kèn giống trống về sự giáng hạ của Đức Khusro Khusrovand Bhagwan; và thấy mình, một lần nữa, buộc phải nhận trách nhiệm về những sự kiện của cái thế giới hỗn độn, hoang đường của tôi.

Tôi ngưỡng mộ cơ chân của Padma chăm chú của tôi biết mấy! Cô ngồi xổm ở đó, cách tôi vài bước, sari xắn lên kiểu dân chài. Cơ bắp chân không có dấu hiệu gì là căng cứng; cơ đùi, hằn lên những nếp dưới lớp sari, bộc lộ sự dẻo dai đáng khen ngợi. Đủ khỏe để ngồi xổm mãi, đồng thời thách thức cả trọng lực và cơn chuột rút, Padma của tôi nhẩn nha lắng nghe câu chuyện dài dòng tôi kể; Ôi nữ cường nhân rau quả dầm! Yên lòng biết bao về chắc nịch, vỗ về biết mấy cảm giác vững chãi toát ra từ bắp tay cô... vì niềm ngưỡng mộ của tôi còn lan sang cánh tay cô, đôi tay có thể vật tay tôi xuống trong tích tắc, và, khi siết lấy tôi hàng đêm trong những cái ôm vô ích, không cho tôi cơ hội trốn thoát. Giờ đã qua cơn khủng hoảng, chúng tôi sống trong sự hòa hợp tuyệt đối: tôi kể, cô nghe tôi kể; cô chăm sóc, và tôi vui lòng đón nhận sự chăm sóc của cô. Tôi, trên thực tế, hoàn toàn mãn nguyện với chất cơ bắp không phàn nàn ở Padma Mangroli, người, không hiểu vì đâu, lại hứng thú với tôi hơn là câu chuyện của tôi.

Vì sao tôi lại quyết định diễn giải về hệ thống cơ bắp của Padma: những ngày này, bởi, vì chính những cơ bắp ấy, không kém bất cứ điều gì hay người nào (chẳng hạn con trai tôi, hãy còn chưa biết đọc), mà tôi kể câu chuyện này. Bởi tôi đang lao về phía trước với tốc độ chóng mặt; sai sót là khó tránh, và cường điệu, và những biến đổi xung đột nhau về giọng điệu; tôi đang chạy đua với những vết nứt, nhưng tôi vẫn ý thức được rằng đã có những sai sót, và rằng, khi quá trình phân rã của tôi tăng tốc (tốc độ viết của tôi phải chật vật mới theo kịp), nguy cơ về tính bất khả tín tăng lên... trong hoàn cảnh ấy, tôi đang học cách lấy cơ bắp của Padma làm chỉ dấu cho mình. Khi cô chán, tôi phát hiện trong thớ thịt cô những nếp nhăn hờ hững; khi cô thấy thiếu thuyết phục, má cô bắt đầu giật khê. Vũ điệu của hệ thống cơ bắp của cô giúp tôi không chệch đường ray; bởi vì trong tự truyện, cũng như trong mọi loại hình văn học, điều thực sự diễn ra không quan trọng bằng điều tác giả thuyết phục được độc giả tin vào... Padma, với việc chấp nhận câu chuyện về Cyrus-đại-đế, đã cho tôi dũng khí đẩy nhanh tiến độ, bước vào thời kỳ thâm nhất trong năm thứ mười một của đời tôi (những điều tồi tệ hơn còn, đã còn, ở phía trước) – vào tháng Tám-và-Chín, khi mạch máu trào ra nhanh hơn máu.

Nguồn ebook: <https://www.luv-ebook.com>

Mấy tấm biển gập gù được hạ xuống chưa bao lâu thì đội giải phóng mặt bằng của đám đàn bà nhà Narlikar đã tiến vào; Biệt thự Buckingham bị bao trùm trong cơn bão bụi ầm ào từ những cung điện đang chết của William Methwold. Được bụi che khuất tầm nhìn từ đường Warden phía dưới, chúng tôi mặc dù vậy vẫn bị tổn thương qua đường điện thoại; và chính điện thoại đã báo tin, qua giọng nói run rẩy của mợ Pia, về việc chú Hanif thân yêu của tôi đã tự tử. Mất đi khoản thu nhập từ Homi Catrack, cậu tôi đã đem theo giọng nói rền vang và nỗi ám ảnh về những con cơ và về hiện thực lên nóc tòa nhà ở Marine Drive; cậu đã bước ra giữa làn gió biển buổi tối, và (khi rơi xuống) làm cho đám ăn mày kinh hãi tới mức họ thôi giả mù mà vừa la hét vừa chạy tán loạn... lúc chết cũng như lúc sống, Hanif Aziz gương cao ngạo cờ sự thật và khiến giả tạo phải tháo chạy. Cậu mới gần ba mươi tư tuổi. Ăn

mạng sản sinh ra cái chết; khi giết Homi Catrack, tôi đồng thời đã giết cậu mình. Đó là lỗi của tôi; và chết chóc vẫn chưa dừng ở đó.

Cả đại gia đình họp mặt tại Biệt thự Buckingham: từ Agra, Aadam Aziz và Mẹ Bề trên; từ Delhi, cậu Mustapha, người Công Chức đã trau chuốt kỹ năng tán đồng ý kiến của cấp trên đến độ họ không buồn lắng nghe cậu nữa, nguyên do khiến cậu chẳng bao giờ được đề bạt; cùng cô vợ Sonia nửa Iran và mấy đứa con bị đánh như tử đến đàn đụt cả người đi, khiến tôi không nhớ nổi là có bao nhiêu đứa; và từ Pakistan, bác Alia cay đắng, cả Đại tướng Zulfikar và dì Emerald, mang theo hai mươi bảy kiện hành lý với hai người hầu, và không ngừng xem đồng hồ và hỏi hôm nay ngày mấy. Thằng Zafar con họ cũng tới. Và, để cho đủ mặt, mẹ tôi đưa mợ Pia đến ở nhà chúng tôi, “ít ra là trong bốn mươi ngày tang kỳ, em dâu ạ.”

Suốt bốn mươi ngày, chúng tôi bị vây hãm trong bụi; bụi luồn vào dưới những tấm khăn bông ướt chẹn quanh mọi cửa sổ, bụi ranh mãnh len vào theo mỗi người đến viếng, bụi ngấm qua tường rồi lơ lửng như một vòng hoa tang không hình thù trong không khí, bụi nhấn chìm những tiếng khóc than theo nghi thức và những lời rủa rới cay nghiệt của đám họ hàng đau khổ; tàn dư của Điện trang Methwold lắng xuống người bà tôi và kích động bà nổi một cơn cuồng nộ; chúng làm lỗ mũi bị bóp hẹp của Đại tướng Zulfikar mặt Punchinello ngứa ngáy và khiến ông ta hắt xì vào cằm mình. Giữa màn sương bụi ma quái, đôi khi chúng tôi dường như có thể nhận thấy những hình hài của quá khứ, ảo ảnh chiếc pianola bị nghiền nát vụn của Lila Sabarmati hay song sắt nhà tù trên cửa sổ xà lim của Toxy Catrack; bức tượng khỏa thân của ông Dubash nhảy múa dưới dạng bụi qua các phòng, và đám poster đầu bò của Sonny Ibrahim viếng thăm chúng tôi như những đám mây. Đám đàn bà nhà Narlikar đã dọn đi trong lúc xe ủi làm việc; chỉ còn lại mình chúng tôi giữa cơn bão bụi, khiến tất cả mọi người có vẻ ngoài của đồ đạc bị bỏ quên, như thể chúng tôi là những bàn ghế bị vứt bỏ hàng thập niên không ga phủ; tất cả nhìn như hồn ma của chính mình. Chúng tôi là một vương triều sinh ra từ một cái mũi – con quái vật mỏ khoằm trên mặt Aadam Aziz, và bụi, xâm nhập vào lỗ mũi chúng tôi trong thời kỳ tang trở, phá vỡ sự kiềm chế của mọi người, bào mòn các khuôn khổ cho phép mỗi gia đình tồn tại; trong cơn bão bụi của những cung điện đang chết, tất cả đã nói và thấy và làm những điều mà từ đó chúng tôi vĩnh viễn không thể phục hồi.

Tất cả bắt đầu từ Mẹ Bề trên, có lẽ vì năm tháng đã làm bà lên cân cho đến khi trông bà giống ngọn núi Sankara Acharya tại Srinagar quê bà, nên bà phơi bày diện tích bề mặt lớn nhất cho bụi tấn công. Từ cơ thể như núi của bà sập đổ xuống một âm thanh như tuyết lở, mà, khi biến thành lời, trở thành một trận công kích dữ dội nhằm vào mợ Pia, người góa phụ đang đau khổ. Chúng tôi đều nhận thấy *mumani* của tôi đang xử sự bất thường. Có một cảm giác không ai nói ra, rằng một diễn viên với vị thế như mợ lẽ ra phải đáp ứng thách thức cho vai trò quả phụ một cách xứng tầm; trong vô thức chúng tôi háo hức được thấy mợ đau khổ, chờ đợi được xem một đào thương tài sắc biên diễn thảm kịch của bản thân, mong ngóng một vở *raga*^[7] bốn mươi ngày trong đó tài hoa và nhuần nhị, đau thương thảm thiết và tuyệt vọng âm thầm hòa quyện trong một tỷ lệ chuẩn mực của nghệ thuật; nhưng Pia vẫn câm lặng, mắt khô, và trấn tĩnh đến mức làm ai nấy đều cụt hứng. Amina Sinai và Emerald Zulfikar gào khóc rồi bứt tóc, cô gắng khơi dậy ngọn lửa tài năng trong Pia; nhưng cuối cùng, khi có vẻ như không gì lay chuyển nổi Pia, Mẹ Bề trên mặt kiên nhẫn. Bụi ngấm vào cơn thịnh nộ vì thất vọng ở bà gia tăng độ cay nghiệt của nó. “Con đàn bà ấy, cái gì không biết,” Mẹ Bề trên găm lên, “tao đã bảo mà? Con trai tao, Allah, đáng lẽ nó phải thành đạt lắm, nhưng không, cái gì không biết, nó buộc thằng bé hủy hoại đời mình; nó phải nhảy khỏi mái nhà, cái gì không biết, để thoát được ả.”

[7] *Tiếng Phạn nghĩa là màu sắc, sắc thái. Đây là một loại hình âm nhạc cổ truyền của Ấn Độ, thường dùng để biểu đạt những sắc thái cảm xúc tôn giáo.*

Lời đã thốt ra; không thể thu lại. Pia như hóa đá; nội tâm tôi lầy bầy như bánh bột ngô. Mẹ Bê trên hầm hầm tiếp tục; bà thề độc trên từng sợi tóc trên đầu đứa con trai đã chết. “Chùng nào nó chưa tỏ lòng thương xót con tao, cái gì không biết, chùng nào nó chưa rửa nước mắt cho đáng mặt làm vợ, đừng hòng tao sẽ ăn lấy một miếng. Xấu xa ô nhục thay, cái gì không biết, cái cách nó ngồi đó với antimony trên mặt thay vì nước mắt!” Ngôi nhà rung động với tiếng vọng này của cuộc chiến cũ giữa bà và Aadam Aziz. Và đến ngày thứ hai mươi trong bốn mươi ngày, ai nấy đều sợ bà tôi sẽ chết vì đói và bốn mươi ngày này sẽ phải bắt đầu lại từ đầu. Bà nằm cát bụi phủ đầy trên giường; chúng tôi chờ đợi và lo sợ.

Tôi đã phá vỡ thế bế tắc giữa bà và mẹ tôi; do vậy ít ra tôi có thể chính đáng tự nhận là đã cứu một mạng người. Vào ngày thứ hai mươi, tôi đi tìm Pia lúc ấy đang ngồi chờ, dẫn như người mù trong căn phòng ở tầng trệt; để kiểm soát cho cuộc viếng thăm, tôi vụng về xin lỗi về những hành vi nông nổi của mình ở căn hộ trên Marine Drive. Pia lên tiếng, sau một lúc im lặng xa vắng, “Bao giờ cũng kịch,” mẹ nói, bình thản, “Cả ở người thân, cả trong công việc. Anh ấy chết vì căm ghét những gì kịch; vì thế ta không khóc.” Lúc đó tôi không hiểu; nhưng giờ tôi biết Pia Aziz hoàn toàn đúng. Bị tức đi sinh kế vì vứt bỏ phong thái giât gân rở tiền của điện ảnh Bombay, cậu tôi sai bước ra khỏi mái nhà; kịch đã khơi cảm hứng cho (và, có lẽ, đã làm hoen ố) cú nhảy trở lại mặt đất^[8] sau cùng của cậu. Pia nhất định không khóc là để tỏ lòng tưởng nhớ cậu... song nỗ lực thừa nhận điều này đã khoan thủng bức tường tự chủ của mẹ. Bụi khiến mẹ hắt xì; cơn hắt xì khiến nước mắt trào dâng; và giờ nước mắt chảy không dừng, và cuối cùng chúng tôi đều được chứng kiến màn trình diễn tất cả đã kỳ vọng, bởi một khi đã chảy chúng thấy như Đài phun nước Flora, và chính mẹ cũng không cưỡng lại được tài năng của mình; mẹ định hình cơn lũ bằng bản năng của người nghệ sĩ, triển khai từng chủ đề xuyên suốt và các mô típ phụ trợ, rồi đâm bộ ngực kỳ vĩ theo một cách khiến người ta nhìn mà đau lòng, khi vò bóp, khi đập liên hồi... mẹ xé quần áo và bứt tóc. Đây là một cơn trào dâng của nước mắt, và nó thuyết phục được Mẹ Bê trên ăn uống. Dal và hạt dẻ cười chạy vào bà tôi trong khi nước muối từ mẹ tôi trào ra như lũ. Lúc này Naseem Aziz sụp xuống cạnh Pia, ôm lấy mẹ, biến màn độc diễn thành song tấu, pha trộn điệu nhạc chị em giảng hòa với những hòa âm đẹp để khó cảm lòng nổi đau thương. Tay chúng tôi ngửa ngáy một niềm tán thưởng khó bề diễn tả. Và cao trào hãy còn ở phía trước, vì Pia, người nghệ sĩ, đã đưa nỗ lực bi tráng của mình đến một hồi kết tuyệt đích. Gục đầu trong lòng mẹ chồng, mẹ nói bằng một giọng phục tùng và trống rỗng, “Mẹ, con bất hiệu cuối cùng xin nghe lời mẹ; mẹ bảo con làm gì, con làm nấy.” Và Mẹ Bê trên, giàn giụa nước mắt: “Con gái ơi, Aziz cha con và ta sắp đi Rawalpindi; chúng ta sẽ an hưởng tuổi già ở gần đứa con gái út, Emerald. Con sẽ đi cùng, ta sẽ mua cho con một trạm xăng.” Và thế là giấc mơ của Mẹ Bê trên bắt đầu thành sự thật, và Pia Aziz đã bằng lòng từ bỏ thế giới phim ảnh đổi lấy thế giới xăng dầu. Cậu Hanif tôi chắc hẳn sẽ tán thành, tôi nghĩ vậy.

[8] Nguyên văn *dive to earth* (nhảy xuống đất) đọc gần giống *down to earth* nghĩa là không viễn vông, thực tế.

Bụi tác động tới tất cả chúng tôi trong bốn mươi ngày ấy; nó làm Ahmed Sinai cáu bẳn và gắt gỏng, nên ông nhất định không bồi tiếp các ông em đồng hao và bắt Alice Pereira chuyển thông điệp đến mọi người đang than khóc, những thông điệp được chính ông gào lên từ văn phòng: “Bé cái mồm lại! Tôi đang phải làm việc giữa lúc om sòm âm ỉ này đây!” Điều này khiến Đại tướng Zulfikar và Emerald liên tục xem lịch ngày và lịch chuyến bay, trong khi thằng Zafar con họ bắt đầu bộc phét với con Khi Đồng rằng nó sẽ bảo bố nó sắp xếp cho hai đứa lấy nhau. “Mày thế là may mắn lắm đấy,” thằng em họ hợm hĩnh này bảo em gái tôi, “Bố tao là đại gia ở Pakistan.” Nhưng mặc dù Zafar thừa kế

ngoại hình của bố nó, bụi đã đè nén khí phách của con Khi Đồng, nên nó chẳng lòng dạ nào choảng nhau với thằng kia. Trong khi đó, bác Alia phát tán nỗi thất vọng xa xưa, bụi bặm của mình trong không khí, và những người họ hàng kỳ dị nhất của tôi, gia đình cậu Mustapha, ngồi lảm lì ở góc nhà và bị lãng quên như thường lệ; bộ ria của Mustapha Aziz, được vuốt sáp và hai đầu vênh lên một cách kiêu hãnh khi cậu mới tới, từ lâu đã rũ xuống dưới tác động đầy trầm uất của bụi.

Và rồi, vào ngày thứ hai mươi hai của tang kỳ, ông tôi, Aadam Aziz, nhìn thấy Chúa.

Năm ấy ông tôi sáu mươi tám tuổi – vẫn già hơn thế kỷ này mười tuổi. Nhưng mười sáu năm thiếu vắng sự lạc quan đã để lại hậu quả nặng nề; mắt ông vẫn xanh, nhưng lưng thì còng. Lê bước quanh Biệt thự Buckingham trong chiếc mũ chòm râu và chiếc áo chugah dài – cũng bị phủ một lớp bụi mỏng – ông trệu trạo nhai cà rốt sống, ứa từng sợi nước bọt xuống bờ cằm màu trắng với hàm râu muối tiêu. Và trong khi ông tàn tạ, Mẹ Bề trên ngày càng to hơn và khỏe hơn; bà, người từng miêu tả một cách tội nghiệp khi trông thấy Mercurochrome, thì nay dường như lại lớn mạnh trên sự suy yếu của ông, như thể cuộc hôn nhân của họ là một thứ phối ngẫu huyền bí, trong đó ả hồ ly đội lốt nàng khuê nữ ngây thơ hiện thân trước mắt người đàn ông, và, sau khi dẫn dụ họ đến cuộc động phòng hoa chúc, liền khôi phục bản chất thật, đáng sợ của mình và bắt đầu hút cạn linh hồn họ... bà tôi, hồi ấy, đã mọc ra một bộ ria tươi tốt không kém hàng ria trấu bụi trên môi đứa con trai duy nhất còn sống là mấy. Bà ngồi khoanh chân trên giường, phết lên môi một chất lỏng bí hiểm đóng cứng lại quanh bộ ria rồi sẽ bị một bàn tay mạnh mẽ, quả quyết, giật ra; nhưng bài thuốc ấy chỉ càng làm quái chứng này trầm trọng thêm.

“Ông ấy đã thành ra như một đứa trẻ, cái gì không biết,” Mẹ Bề trên bảo các con của ông tôi, “và Hanif đã kết liễu ông ấy,” Bà cảnh báo chúng tôi rằng ông bắt đầu nhìn thấy nhiều thứ. “Ông ấy nói chuyện với người vô hình,” bà lớn tiếng thì thầm trong khi ông vừa tha thần trong phòng vừa mút răng, “Ông ấy gọi tướng lên, cái gì không biết! Giữa canh khuya!” Và bà nhại ông: “Hô, Tai? Bác đấy à?” Bà kể cho lũ trẻ bọn tôi nghe về người lái đò, về con Chim ngân nga, và về Quận chúa xứ Cooch Naheen. “Ông lão tội nghiệp sống quá lâu, cái gì không biết; người làm cha không nên nhìn thấy con mình chết trước.”... Và Amina, lắng nghe, lắng đầu thông cảm, không hề biết rằng Aadam Aziz sẽ để lại cho bà di sản này – rằng cả bà, trong những ngày cuối đời, sẽ được những thứ chẳng có lý do gì để quay lại viếng thăm.

Chúng tôi không thể dùng quạt trần vì bụi; mồ hôi chảy xuống mặt người ông quy ngã của tôi và lưu lại những vệt bùn trên má ông. Thỉnh thoảng ông lại túm lấy bất cứ ai ở gần, rồi nói hết sức tỉnh táo: “Chừng nào chưa tự lập làm vua cha truyền con nối thì cái nhà Nehru^[9] này chưa vừa lòng đâu!” Hoặc, nhều dãi vào mặt Tướng Zulfikar đương rúm rỏ: “À, Pakistan bất hạnh! Giới cầm quyền phụng sự đất nước thật chả rạ gì!” Nhưng những lúc khác dường như ông tưởng tượng ra mình đang ở trong một hiệu đá quý, và lảm bảm, “... Ừ: có ngọc lục bảo và hồng ngọc...” Con Khi thì thầm với tôi, “Ông sắp chết à?”

[9] Jawaharlal Nehru là Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ. Con gái ông, Indira Gandhi, và cháu ngoại ông, Rajiv Gandhi, đều là Thủ tướng nước này.

Điều đã rỉ từ Aadam Aziz sang tôi: tính dễ tổn thương trước phụ nữ, và cả căn nguyên của nó, nghĩa là cái lỗ ở trung tâm của ông, hệ quả của thất bại của ông (mà cũng là của tôi) trong việc tin hoặc không tin ở Chúa. Và một điều nữa – điều mà, ở tuổi mười một, tôi nhận ra trước tất cả mọi người. Ông tôi đã bắt đầu rạn nứt.

“Ồ đầu à?” Padma hỏi, “Ý ông là não có vấn đề?”

Lão lái đò Tai bạo: “Băng giá luôn rình rập, Aadam baba, ngay dưới mặt nước thôi.” Tôi nhìn thấy vết rạn trong mắt ông – một đường gân không màu, mỏng mảnh trên nền xanh; tôi thấy một mạng lưới những đường nứt lan tỏa dưới làn da sần sùi của ông; và tôi trả lời câu hỏi của con Khi: “Anh nghĩ vậy.” Khi bốn mươi ngày tang kỳ chưa kết thúc, da ông đã bắt đầu nứt và rụng và tróc; ông gần như không há miệng ăn được bởi vì khỏe môi nứt nẻ; còn rằng ông bắt đầu rụng lông như ruồi dính Flit^[10]. Nhưng cái chết rạn nứt có thể rất chậm; và khá lâu sau chúng tôi mới biết về những vết nứt khác, về chứng bệnh gặm nhấm xương ông, khiến cuối cùng xương cốt ông đã tan thành bột trong cái bao dãi dầu mưa nắng từng là bộ da của ông.

[10] Một nhãn hiệu thuốc diệt côn trùng của Mỹ phổ biến trong thời kỳ 1930-1960.

Padma đột nhiên có vẻ hoảng hốt. “Ông nói gì vậy? Này ông: có phải ý ông là ông cũng... thứ quái quỷ gì lại ăn mòn được cả xương người? Có phải...”

Không có thời gian để dừng lại lúc này; không có thời gian để thông cảm hay sợ hãi; tôi đã đi xa hơn mức cần thiết. Lùi lại đôi chút về thời gian, tôi phải nói rằng cũng đã có một thứ từ tôi rỉ sang Aadam Aziz; bởi vì vào ngày thứ hai mươi ba của tang kỳ, ông yêu cầu toàn gia đình tập hợp trong chính căn phòng của bình pha lê (khởi cần giấu chúng đi vì cậu tôi nữa) và nệm gối, và quạt trần bất động, chính căn phòng nơi tôi từng thông báo về những huyền tưởng của mình... Mẹ Bề trên từng nói, “Ông ấy đã thành như một đứa trẻ”; như một đứa trẻ, ông tôi thông báo rằng, ba tuần sau khi biết tin về cái chết của đứa con trai mà ông ngỡ đang sống yên vui, ông đã tận mắt nhìn thấy Chúa, đức Chúa với cái chết mà ông đã cố gắng cả đời để tin vào. Và, như với một đứa trẻ, chẳng ai tin ông. Trừ một người... “Phải, nghe đây,” ông nói, lời ông là sự mô phỏng yếu ớt của giọng nói rền vang ngày xưa, “Ừ, Quận chúa? Ngài có đây không? Và Abdullah? Lại ngồi đi, Nadir, có tin mới đây – Ahmed đâu? Alia sẽ muốn nó có mặt... Chúa, các con ạ; Chúa, người ta đối kháng suốt cuộc đời. Oskar? Ilse? – Không, dĩ nhiên. Ta biết họ chết rồi. Các con nghĩ ta già rồi, khéo còn lần thần nữa; nhưng ta đã gặp Chúa.” Và câu chuyện, dù đông dài và ngắt quãng, nhưng đã từ từ hé lộ: lúc nửa đêm, ông tỉnh giấc trong căn phòng tối. Có ai đó ở đây – ai đó, không phải vợ ông. Mẹ Bề trên, vẫn ngáy trên giường. Nhưng có ai đó. Ai đó với lớp bụi phát sáng trên người, phản quang từ vàng trắng sắp lặn. Và Aadam Aziz, “Hô, Tai? Bác đây à?” Và Mẹ Bề trên, ú ớ trong giấc ngủ, “Ồi, ngủ đi, ông nó, quên chuyện đó đi...” Nhưng cái người nọ, cái vật nọ, lại kêu lên (làm ông) thẳng thốt, “Đức Jesus Christ Toàn năng!” (Giữa đám bình pha lê mai, ông tôi cười hê hê với vẻ ăn năn, vì trót nhắc đến cái tên dị giáo.) “Đức Jesus Christ Toàn năng!” và ông tôi nhìn, và thấy, phải, hai bàn tay thủng lỗ chỗ, hai bàn chân rồ liu riu, như ông từng thấy ở một... Nhưng ông dụi mắt, lắc lắc đầu, cất tiếng: “Ai? Tên gì? Nói gì thế?” Và nhân ảnh nọ, thẳng thốt, và làm ông cũng thẳng thốt, “Chúa! Chúa!” Và sau một khắc im lặng, “Ta không nghĩ là ông nhìn thấy ta.”

“Nhưng ta đã nhìn thấy Ông ta,” ông nói dưới những cánh quạt trần bất động. “Phải, ta không thể phủ nhận, chắc chắn ta đã thấy”... Và nhân ảnh: “Ông là người có đứa con trai mới chết”; và ông tôi, một cơn đau dậy lên trong ngực: “Tại sao? Tại sao lại thế?” Sinh vật nọ, sở dĩ hiện hình vì bụi phủ lên, đáp lời: “Chúa có lý do của mình, ông lão ạ; đời là thế mà, phải không?”

Mẹ Bè trên cho chúng tôi giải tán. “Ông lão không hiểu mình nói gì đâu, cái gì không biết. Đúng thật là, đầu hai thứ tóc rồi đâm ra báng bổ!” Nhưng Mary Pereira ra đi với gương mặt trắng bệch như ga trải giường; Mary biết Adam Aziz đã nhìn thấy ai – người, mục rữa vì gánh chịu trách nhiệm về tội lỗi của cô, cả chân tay đều thủng lỗ chỗ; người bị rắn cắn xuyên gót chân; người đã chết trong ngọn tháp đồng hồ gần đó, và bị nhận nhầm là Chúa.

Tôi có thể kết thúc câu chuyện của ông tôi ngay ở đây, lúc này; tôi đã kể đến tận đây, và chưa chắc sau này sẽ còn cơ hội nữa... đầu đó thắm sâu trong tình trạng lão suy của ông, cái tình trạng khiến tôi không khỏi nhớ đến sự điên rồ của giáo sư Schaapsteker ở tầng trên, đã bắt rễ ý niệm cay đắng rằng Chúa, với thái độ hờ hững trước việc Hanif tự sát, đã chứng tỏ ông ta có tội trong việc này; Adam nắm chặt ve áo nhà binh của Đại tướng Zulfikar và thì thào: “Vì ta chưa bao giờ tin, hắn đã cướp con trai ta!” Và Zulfikar: “Không, không, Sahib Bác sĩ, ông đừng nên tự làm khổ mình...” Nhưng Adam Aziz không bao giờ quên những gì ông đã thấy, dù chi tiết về vị thần linh cụ thể mà ông gặp cứ nhòa dần trong tâm trí ông, chỉ để lại một cơn thèm khát mãnh liệt và nhỏ dãi là được báo thù (một nỗi khao khát quen thuộc với cả hai chúng tôi)... khi kết thúc bốn mươi ngày tang kỳ, ông sẽ từ chối đi Pakistan (theo kế hoạch của Mẹ Bè trên) bởi đó là một đất nước được xây nên dành riêng cho Chúa; và trong những năm cuối đời ông thường gây tai tiếng khi lập cập chống gậy bước vào các thánh đường và đền thờ, buông lời chửi rủa và quật bất kỳ tín đồ hay giáo sĩ nào ở trong tầm gậy. Ở Agra, mọi người chịu đựng ông vì kính trọng đức độ của ông ngày trước; mấy ông già ở hàng trầu trên Đường Conrwallis chơi trò phụt-ông-nhỏ và hồi tưởng trong niềm thương cảm về quá khứ của Sahib Bác sĩ. Mẹ Bè trên đành nhượng bộ ông, nếu không vì lý do nào khác thì chính là lý do này – tính đả phá tín ngưỡng trong hành vi lảm cảm của ông chắc chắn sẽ gây tai tiếng tại một đất nước nơi chẳng ai biết về ông.

Bên dưới những lần thẩn và giận dữ của ông, những vết nứt tiếp tục lan rộng; căn bệnh này gặm sòn sột xương ông, trong khi thù hằn ăn nốt những phần còn lại. Tuy nhiên, mãi đến 1964, ông mới qua đời. Chuyện xảy ra như sau: ngày thứ Tư, 25 tháng Mười hai năm 1963 – vào đúng Giáng sinh! – Mẹ Bè trên thức giấc, và không thấy chồng đâu. Chạy bỏ ra sân nhà, giữa bầy ngỗng kêu phì phì và ánh hừng đông nhàn nhạt, bà gọi người giúp việc; và được báo rằng Sahib Bác sĩ đã bắt xe kéo chạy ra ga. Khi bà ra tới ga, tàu đã khởi hành; và cứ như thế ông tôi, nghe theo một niềm thôi thúc không tên, bắt đầu hành trình cuối cùng của mình, để ông có thể kết thúc câu chuyện của ông ở nơi đó (và chuyện của tôi) khởi đầu, tại một thành phố có núi non bao quanh và nằm trên mặt hồ.

Thung lũng nấu mình trong chiếc vỏ trứng bằng băng, núi non đã tiến lại gần, *như một hàm răng giận dữ ngoác miệng ngoạm lấy thành phố trên hồ*... mùa đông ở Srinagar; mùa đông ở Kashmir. Vào thứ Sáu, ngày 27 tháng Mười hai, người ta trông thấy một người đàn ông trùng khớp về nhân dạng với ông tôi, khoác chugha, mồm chảy dãi, ở gần Thánh đường Hazratbal. Vào bốn giờ bốn mươi lăm phút sáng thứ Bảy, Haji Muhammad Khakil Ghanai phát hiện ra, ở nội điện của Thánh đường, vụ đánh

cấp thánh tích trên quý nhât của thung lũng; sợi tóc thiêng của Đấng Tiên tri Muhammad.

Là ông? Không phải ông? Nếu là ông, vì sao ông không vào Thánh đường, gậy trong tay, và nện các tín đồ như ông đã quen làm? Nếu không phải ông, thì tại sao? Có tin đồn về một âm mưu của Chính quyền Trung ương “làm nhụt ý chí của cộng đồng Hồi giáo Kashmir”, bằng cách đánh cắp sợi tóc thiêng của họ; và cả những tin đồn trái chiều về các *agent provocateur*^[11] của Pakistan, những kẻ chắc hẳn đã ăn trộm thánh tích nhằm châm ngòi bạo loạn... phải không? Hay không phải? Tại biên kỳ lạ này kỳ thực là một âm mưu chính trị, hay là nỗ lực tối hậu nhằm trả thù Đức Chúa của một người cha mất con? Trong mười ngày, không gian bếp đạo Hồi nào đỏ lửa; dân tình bạo động và đốt xe cộ; nhưng ông tôi nay đã đứng trên chính trị, và không ai thấy ông gia nhập một đoàn biểu tình nào. Ông là người mang một sứ mệnh đơn độc; và người ta chỉ biết rằng vào ngày 1 tháng Một năm 1964 (nghĩa là thứ Tư, chỉ một tuần sau khi ông rời Agra), ông hướng về quả đồi được các tín đồ đạo Hồi gọi một cách sai lầm là Takht-e-Sulaiman, ngai vàng của Solomon, trên đỉnh sừng sững một cột phát thanh, và nót rập đen hình ngôi đền của Acharya^[12] Sankara. Bỏ lại sau cơn hoang mang của cả thành phố, ông trèo lên; trong khi chứng rạn nứt bên trong căn mẫn gặm mòn xương ông. Không ai nhận ra ông.

[11] Những đối tượng được thuê để kích động người khác có hành vi phạm pháp.

[12] Người có đạo hạnh, đóng vai trò hướng dẫn tín đồ tụ tập tôn giáo. (Adi) Shankara là một bậc thầy có tầm ảnh hưởng rộng lớn của Ấn Độ giáo (sinh/mất vào khoảng 788-820 Công nguyên).

Bác sĩ Aadam Aziz (*đã về lại Heidelberg*) chết năm ngày trước khi Chính quyền thông báo cuộc truy tìm quy mô lớn sợi tóc độc nhât của Nhà Tiên tri đã thắng lợi. Khi các bậc rất thánh của Quốc gia tề tựu để xác minh sợi tóc, ông tôi chẳng thể cho họ biết sự thật được nữa. (Nếu họ nhầm... nhưng tôi không thể giải đáp câu hỏi tôi vừa đặt ra.) Bị bắt – và sau đó được phóng thích do sức khỏe yếu – là một gã Abdul Rahim Bande nào đó; nhưng có lẽ ông tôi, ví thử ông còn sống, sẽ rọi một ánh sáng kỳ lạ hơn vào vụ này... giữa trưa ngày 1 tháng Một, Aadam Aziz lên đến ngoài đền Sankara Acharya. Người ta thấy ông vung cây can lên; trong đền, những người đàn bà đang làm lễ puja trước bộ Shivalinga^[13] rút lại – như đàn bà từng rút lại trước cơn thịnh nộ của một bác sĩ khác, bị ám ảnh về tetrapod; vừa lúc đó rạn nứt chiếm lĩnh ông, chân ông rũ xuống trong khi xương ông tan rã, và chấn động của cú ngã khiến bộ xương ông vỡ nát không thể nào cứu vãn. Người ta nhận ra ông nhờ những giấy tờ trong túi áo chugha: một bức ảnh đưa con trai, và lá thư viết dở (và may thay, đề đúng địa chỉ) gửi vợ mình. Thi hài ông, không vận chuyển được vì quá dễ vỡ, được chôn cất tại thung lũng nơi ông sinh ra.

[13] Bộ thờ hình linga, tượng trưng cho thần Shiva.

Tôi quan sát Padma; cơ bắp của cô có dấu hiệu co giật một cách lơ đãng. “Thử nghĩ xem,” tôi nói, “chuyện xảy ra với ông tôi chẳng phải rất kỳ quái hay sao? Thử so sánh nó với riêng sự thật về những om sòm rất thánh quanh vụ trộm một sợi tóc; bởi từng chi tiết của nó đều là thật, và nếu đem so sánh, thì cái chết của mọi ông già khác chắc chắn là hết sức bình thường.” Padma có vẻ thư giãn; cơ bắp cô phát ra tín hiệu cho tôi tiếp tục. Bởi vì tôi đã dừng lại ở Aadam Aziz quá lâu; có lẽ vì tôi sợ hãi điều tiếp theo tôi phải kể; nhưng mặc khải là điều không thể tránh khỏi.

Một thông tin cuối cùng: sau cái chết của ông tôi, Thủ tướng Jawaharhal Nehru lâm bệnh và không bao giờ hồi phục. Căn bệnh hiểm nghèo này rốt cuộc đã giết chết ông vào ngày 27 tháng Năm năm 1964.

Nếu lúc trước tôi không định làm anh hùng, Zagallo đã chẳng giật tóc tôi. Nếu tóc tôi vẫn còn nguyên vẹn, Keith Nội tiết với Perce Béo đã chẳng trêu tôi; Masha Miovic đã không dụ tôi đến chỗ mất ngón tay. Và từ ngón tay tôi trào ra dòng máu không-phải-Alpha-cũng-như-Omega, và đẩy tôi vào cảnh lưu đày; và ở nơi lưu đày trong tôi trỗi dậy niềm khao khát báo thù dẫn đến vụ sát hại Homi Catrack; và nếu Homi không chết, có lẽ cậu tôi sẽ không bước từ mái nhà ra giữa làn gió biển; và rồi ông tôi sẽ không tới Kashmir và bị vớ vụn vì gắng sức leo lên đồi Sankara Acharya. Mà ông tôi lại là người sáng lập ra gia đình tôi, và số phận của tôi lại gắn liền, qua ngày sinh của tôi, với vận mệnh của đất nước tôi, mà người cha của đất nước này là Nehru. Cái chết của Nehru: liệu tôi có thể né tránh cái kết luận rằng, kể cả điều này, cũng là lỗi của tôi?

Nhưng giờ chúng ta trở lại với năm 1958; bởi vì vào ngày thứ ba mươi bảy của tang kỳ, sự thật, vốn hằng rình rập Mary Pereira – và do đó rình rập tôi – trong hơn mười một năm, cuối cùng đã được phơi bày; sự thật, trong hình hài một người đàn ông già, rất già, người mà mùi hôi thối của Địa ngục xộc thẳng vào cả hai lỗ mũi bị nghẹt của tôi, người bị rụng ngón tay ngón chân còn cơ thể thì tứ tung mụn nhọt và lỗ thủng, leo lên ngọn đồi hai tầng nhà chúng tôi, và từ vùng mây bụi hiện ra trước mắt Mary Pereira đang lau chùi những tấm màn sáo ở hiên nhà.

Tại đây, lúc này, ác mộng của Mary đã thành hiện thực; tại đây, hiện hình sau màn bụi, là hồn ma của Joe D’Costa, đang đi đến văn phòng ở tầng trệt của Ahmed Sinai! Như thể việc hiện thân trước Aadam Aziz là chưa đủ... “Arre, Joseph,” Mary rú lên, đánh rơi mảnh giẻ lau, “anh đi ngay đi! Đừng có đến đây! Đừng đem những khổ sở của anh đến làm phiền các sahib! Chúa ơi, Joseph, đi, đi mau, anh định giết tôi hôm nay à!” Nhưng hồn ma đã đi đến con đường vào nhà.

Mary Pereira, bỏ mặc đám màn sáo, để kệ chúng treo xiên xẹo, lao vào trung tâm ngôi nhà, phủ phục dưới chân mẹ tôi – đôi tay nhỏ múp míp chấp lại cầu xin – “Begum Sahiba! Begum Sahiba, tha thứ cho con!” Và mẹ tôi, ngỡ ngàng: “Cái gì thế này, Mary? Ai làm gì cô nào?” Nhưng Mary không còn tâm trí để đối thoại, cô khóc lóc điên cuồng, nức nở: “Lạy Chúa giờ của con đã điểm, Bà kính mến, chỉ xin bà cho con ra đi yên ổn, đừng bắt con vào jailkhana^[14]!” Rồi thì, “Mười một năm, thưa Bà, bà xem con có một lòng yêu quý nhà ta không, hờ Bà, cả cậu bé mặt như trắng rằm kia nữa; nhưng giờ thì con xong rồi, con là đồ đàn bà xấu xa, con sẽ chết cháy dưới hỏa ngục! Funtoosh!” Mary rên rỉ, và một lần nữa, “Hết cả rồi; *funtoosh!*”

[14] Jail trong tiếng Anh nghĩa là nhà tù. Đây là một từ được Ấn hóa (jail + khana) và vẫn mang nghĩa này.

Tôi vẫn chưa đoán ra điều gì sắp đến; ngay cả khi Mary ôm choàng lấy tôi (giờ tôi đã cao hơn cô; nước mắt cô thấm ướt cổ tôi): “Ôi, baba, baba; hôm nay con phải biết một việc, một việc ghê gớm ta đã làm; nhưng giờ hãy theo ta...” và người đàn bà nhỏ bé ấy thẳng người đứng dậy với một khí phách phi thường...”... tôi sẽ nói ra tất cả trước tên Joseph ấy. Begum, các cháu, tất cả các ông các bà, xin mọi người vào văn phòng của sahib, và tôi sẽ nói.”

Đời tôi được đánh dấu bằng những lời tuyên bố công khai; Amina tại một con hẻm Delhi, còn

Mary ở một văn phòng không ánh mặt trời... cả đại gia đình lũ lượt theo sau với vẻ ngỡ ngàng, tôi đi xuống lầu cùng Mary Pereira, người không ngừng nắm chặt tay tôi.

Thứ gì ở trong phòng với Ahmed Sinai? Thứ gì đã đem đến cho cha tôi một nét mặt trên đó tửu tinh và tiền bạc bị xua đi và thay thế bởi một cái nhìn của nỗi thống khổ cùng cực? Thứ gì ngời rúm rỏ ở góc phòng, phả đầy mùi trứng thối vào không khí? Thứ gì, hình dáng tựa như người, mắt ngón tay và ngón chân, gương mặt sùi bong bóng như suối nước nóng ở New Zeland (mà tôi đã thấy trong Cuốn sách Kỳ diệu về Những kỳ quan)?... Không còn thời gian giải thích nữa, vì Mary đã bắt đầu nói, lú lú tiết lộ một bí mật được che giấu đã hơn mười một năm, lôi tất cả chúng tôi ra khỏi cõi mộng mà cô đã tạo nên khi tráo thẻ tên, đẩy chúng tôi vào nỗi kinh hoàng của sự thật. Và suốt khoảng thời gian ấy, cô ấp ủ tôi; như một người mẹ bảo vệ đứa con, cô che chắn tôi trước gia đình tôi. (Những người sắp sửa biết... cũng như tôi... rằng họ không phải là...)

... Lúc ấy vừa quá nửa đêm và ở ngoài đường họ bắn pháo hoa và tụ tập, con quái vật nhiều đầu gầm rú, tôi làm thế vì Joseph của tôi, sahib, nhưng xin đừng bắt tôi vào tù, thằng bé là một đứa trẻ ngoan, sahib, tôi là một người đàn bà khôn khéo, sahib, chỉ một sai lầm, chỉ một phút trong bấy nhiêu năm, đừng jailkhana mà sahib, tôi sẽ đi, mười một năm tôi cống hiến nhưng tôi sẽ đi ngay, sahib, chỉ có điều đây là một thằng bé ngoan, sahib, ngài không được đuổi nó đi, sahib, sau mười một năm nó là con trai ngài... Ôi, bé con có gương mặt như mặt trời mới mọc. Ôi bé Saleem mảnh trắng của ta, con phải biết rằng cha con là Winkie còn mẹ con đã qua đời...

Mary Pereira chạy ra khỏi phòng.

Ahmed Sinai lên tiếng, với một giọng xa xăm như tiếng chim: “Kia, trong góc nhà, là lão đầy tớ già Musa, kẻ từng một lần ăn cắp của ta.”

(Có câu chuyện nào chịu nổi nhiều thế từ sớm thế không? Tôi liếc sang Padma; xem ra cô bị choáng, như một con cá.)

Ngày xưa ngày xưa, có một người hầu, kẻ ăn cắp của cha tôi; kẻ thề rằng hấn vô tội; kẻ tự nguyện rằng bệnh hủi sẽ giáng xuống đầu nếu hấn là tên dối trá; kẻ đã bị chứng minh là nói dối. Hấn bỏ đi trong ô nhục; nhưng từ hồi đó tôi đã bảo hấn là một trái bom hẹn giờ, và hấn đã quay về để phát nổ. Quả thật, Musa đã mắc chứng hủi; và đã vượt qua sự im lặng suốt ngàn ấy năm quay về xin cha tôi tha thứ, để lão được giải thoát khỏi lời nguyền tự gieo này.

... Một kẻ được gọi là Chúa dù không phải Chúa; một kẻ khác bị nhầm là ma, nhưng không phải ma; và một người thứ ba phát hiện ra rằng mặc dù tên hấn là Saleem Sinai, hấn không phải là con của cha mẹ hấn...

“Ta tha thứ cho ngươi,” Ahmed Sinai bảo lão hủi. Kể từ hôm đó, ông đã được chữa khỏi một trong các chứng ám ảnh của mình; ông không bao giờ cố gắng khám phá lời nguyền (hoàn toàn hư cấu) của dòng họ nữa.

“Tôi chẳng biết kể theo cách nào khác,” tôi bảo Padma. “Quá đau đớn; tôi đành huých toẹt ra, một cách nghe thật điên rồ, như vậy thôi.”

“Ôi, thưa ông,” Padma òa khóc nức nở, “Ôi, thưa ông, thưa ông!”

“Thôi nào,” tôi nói, “Chuyện qua đã lâu rồi.”

Nhưng nước mắt của cô không dành cho tôi, lúc này đây, cô đã quên mất thứ-gặm-mòn-xương-dưới-lớp-da; cô đang khóc vì Mary Pereira, người mà, như tôi đã nói, cô đã trở nên đặc biệt có cảm tình.

“Thế rồi cô ấy ra sao?” cô hỏi, mắt đỏ hoe. “Cô Mary ấy?”

Một cơn giận vô cớ bỗng siết chặt tôi. Tôi hét: “Cô đi mà hỏi cô ta!”

Hỏi cô ta đã về quê ở thành phố Panjim thuộc bang Goa ra sao, hỏi cô ta đã kể cho người mẹ già nua về câu chuyện nhục nhã của mình thế nào! Hỏi cô ta xem bà mẹ đã nổi điên khi biết về vụ tai tiếng ấy ra sao! (vừa khéo thay: đó là thời kỳ người già dễ mất đi óc minh mẫn)! Hỏi xem: cô con gái và bà mẹ có ra đường để tìm kiếm sự tha thứ? Có phải đây là thời điểm mười năm một lần xác ướp của Thánh Francis Xavier (linh thiêng không kém sợi tóc của Đấng Tiên tri) được đem ra từ hầm mộ ở Nhà thờ Bom Jesus và diễu hành quanh thành phố? Có phải Mary và cụ bà Pereira quản trí đều phủ phục lên cổ linh xa; có phải bà lão đã hóa dại vì đau khổ trước tội lỗi của con gái? Có phải bà Pereira, miệng than, “Ôi! Hỡi ôi! Ôi hỡi ôi!”, đã trầy trật treo lên linh sàng nhằm hôn chân Đức Thánh? Giữa đám đông vô kể, có phải bà lão Pereira đã phát cơn cuồng đạo? Hỏi xem! Có hay không việc bà lão, trong cơn kích động điên cuồng, đã đặt môi quanh ngón cái của bàn chân trái của Thánh Francis? Hãy tự hỏi xem: có phải mẹ của Mary đã *cắn đứt ngón chân ấy*?

“Sao?” Padma rên rỉ, khiếp đảm trước cơn giận của tôi. “Sao, *hỏi gì?*”

... Và chuyện này có đúng không: có phải báo chí đã dựng chuyện khi đưa tin bà cụ đã bị thần linh trừng phạt; khi họ trích dẫn nguồn tin từ Giáo hội và các nhân chứng, mô tả cảnh bà cụ bị hóa đá ra sao? Không à? Hỏi cô ta xem có phải Giáo hội đã cho điêu bức tượng đá hình một bà già khắp các thành phố làng mạc ở Goa, cho tất cả thấy điều gì xảy đến với những kẻ mạo phạm “thánh thần”? Hỏi xem: có phải người ta đã trông thấy bức tượng cùng lúc tại mấy làng – và có phải thế là giả mạo, hay là một phép màu còn lớn lao hơn?

“Ông thừa biết em chẳng hỏi ai được,” Padma tru tréo... nhưng tôi, cảm thấy cơn giận đã lắng xuống, sẽ không mặc khải gì nữa trong đêm nay.

Nói trắng ra thì: Mary Pereira rời bỏ chúng tôi, và đi về nhà mẹ ở Goa. Nhưng Alice Pereira vẫn ở lại; Alice tiếp tục làm việc ở văn phòng của Ahmed Sinai, đánh máy, đưa đồ ăn nhẹ và nước uống có ga.

Về phần tôi – khi tang kỳ của cậu Hanif kết thúc, tôi bước vào chuyến lưu đày thứ hai.

Chương 20: Cuộc hành quân của lọ gia vị

Tôi buộc lòng đi đến kết luận rằng Shiva, kinh địch của tôi, người anh em tráo đổi của tôi, sẽ không được vào diễn đàn của tâm trí tôi nữa; vì những lý do tôi phải thừa nhận là thấp hèn. Tôi sợ hấn sẽ khám phá ra cái điều mà tôi biết chắc mình sẽ không giấu nổi hấn – bí mật về sự ra đời của chúng tôi. Shiva, người coi thế giới là vật chất, người cho rằng chỉ có thể kiến giải lịch sử như một cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ của cá-nhân-chống-lại-đám-đông, chắc chắn sẽ quyết tâm đòi lại quyền vị khi chào đời của hấn; và; khiếp đảm trước ý nghĩ gã địch thủ đầu gối gồ nhau sẽ thế chỗ mình tại căn phòng màu xanh của tôi thời thơ ấu, trong khi tôi, lẽ tất nhiên, phải rầu rĩ rời bỏ quả đồi hai tầng để đến với khu ổ chuột phía Bắc thành phố; nhất định không thừa nhận rằng lời tiên đoán của Ramram Seth là dành cho con trai của Winkie, rằng Shiva mới là người được Thủ tướng viết thư cho, và vì Shiva ngư phủ mới chỉ về phía biển... tóm lại, định cho mười một năm làm con của tôi một giá trị vượt xa huyết thống đơn thuần, tôi quyết rằng bản thể đối lập mang xu hướng hủy diệt và bạo lực của tôi sẽ không bao giờ được tham gia những cuộc họp ngày càng bè phái của Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm nữa; rằng tôi sẽ bảo vệ bí mật của tôi – và đã từng của Mary - bằng cả tính mạng mình.

Thời kỳ này, có những đêm tôi tránh không nhóm họp Hội nghị gì cả - không phải vì sự chuyển hướng đáng thất vọng của nó, mà chẳng qua vì tôi biết, để dựng lên một rào chắn bao quanh hiểu biết mới của tôi và ngăn được lũ trẻ tiếp cận nó thì phải có thời gian, và máu lạnh; sau cùng, tôi đã tự tin là mình sẽ làm được... nhưng tôi lại sợ Shiva. Hung bạo và mạnh mẽ nhất trong Lũ trẻ, hấn sẽ đột nhập được vào nơi kẻ khác không vào được. Ở mọi hoàn cảnh, tôi né tránh các bạn thiếu niên đồng bào^[1], và rồi đột nhiên tất cả trở nên quá muộn, bởi vì, sau khi đã lưu đày Shiva, tôi phát hiện ra mình cũng bị ném vào một chuyến lưu đày mà từ đó tôi không thể liên lạc với hơn năm trăm đồng nghiệp của mình nữa: tôi bị quăng qua đường biên giới ra-đời-từ-Chia-cắt sang Pakistan.

[1] Fellow-Children đọc gần giống Fellow-Citizen (quốc dân đồng bào).

Cuối tháng Chín năm 1958, tang kỳ của cậu tôi Hanif Aziz đến hồi kết thúc; và kỳ diệu thay, đám mây bụi vẫn bao phủ chúng tôi được một trận mưa rào lạnh làm nặng xuống. Khi đã tắm rửa và mặc quần áo mới giặt và bật quạt trần lên, chúng tôi bước ra từ nhà tắm, lòng ngập tràn, trong chốc lát, một niềm lạc quan ảo tưởng của sự sạch sẽ còn tươi mùi xà phòng; và tìm thấy một Ahmed Sinai bụi bặm, chưa tắm rửa, tay cầm chai whisky, mắt vằn máu, ngả nghiêng leo từ văn phòng lên lầu dưới ách kiểm

tỏa mê loạn của tử tinh. Ông tiếp tục đánh vật, trong thế giới trừu tượng của riêng ông, với những hiện thực không ai ngờ nổi mà mạc khải của Mary đã giải phóng ra; và dưới tác động quắc cần câu của rượu, đã nổi một trận lôi đình khôn bề tả xiết mà ông trút lên, không phải Mary đã quay gót ra đi, cũng không phải đứa bé bị tráo ở bên ông, mà là mẹ tôi – hay, tôi nên gọi, là Amina Sinai. Có lẽ vì biết mình phải xin bà tha thứ, nhưng sẽ không làm, Ahmed Sinai rửa xả vợ hàng giờ trước sự choáng váng của gia đình bà; tôi sẽ không nhắc lại những cái tên ông đã gọi bà, hay những nẻo đường ti tiện ông khuyên bà nên chọn cho đời mình. Nhưng rốt cuộc Mẹ Bề trên là người đã ra tay can thiệp.

“Đã một lần, con gái ta,” bà lên tiếng, phớt lờ Ahmed vẫn đang lèm bèm: “cha con và ta, cái gì không biết, nói rằng không có gì phải xấu hổ khi từ bỏ một kẻ không đáng mặt làm chồng. Giờ ta nói lại: con có, cái gì không biết, một người chồng ti tiện không lời nào tả xiết. Bỏ hẳn đi; ngay hôm nay, và đem lũ trẻ, cái gì không biết, đi xa khỏi những lời chửi rửa mà hắn phun ra khỏi mép như thứ súc vật, cái gì không biết, đầu cống miệng rãnh. Ta nói, đưa lũ trẻ đi, cái gì không biết - *cả hai* đứa,” bà nói, ghi chặt tôi vào ngực. Một khi Mẹ Bề trên đã hợp pháp hóa tôi, chẳng có ai phản đối bà; giờ đây nhìn lại, sau nhiều năm, tôi thấy dường như cả người cha lèm bèm chửi bới của tôi cũng bị tác động bởi sự hậu thuẫn bà dành cho đứa bé thò lò mười một tuổi.

Mẹ Bề trên an bài tất cả; mẹ tôi giống như mát tit - đất sét của chợ gốm - dưới bàn tay toàn năng của bà. Thời điểm đó, bà tôi (tôi phải tiếp tục gọi bà như thế) vẫn tin rằng bà và Adam Aziz sẽ sớm sang Pakistan định cư; vì vậy bà dặn di Emerald đem tất cả chúng tôi theo – Amina, con Khi, tôi, kể cả vợ Pia - rồi đợi bà sang sau. “Chị em thì phải đùm bọc nhau, cái gì không biết,” Mẹ Bề trên bảo, “những khi hoạn nạn.” Di Emerald khó chịu ra mặt; nhưng cả di và Đại tướng Zulfikar vẫn tuân lời. Và, do cha tôi đang trong một tình trạng điên dại khiến chúng tôi lo sợ cho an toàn của mình, và vì nhà Zulfikar đã đặt vé trên một chuyến tàu nhỏ neo đêm đó, tôi rời ngôi nhà đã gắn bó suốt đời ngày hôm ấy, để Ahmed Sinai lại một mình với Alice Pereira; bởi vì khi mẹ tôi rời bỏ người chồng thứ hai, tất cả người hầu cũng bỏ đi.

Ở Pakistan, giai đoạn phát triển vũ bão thứ hai của tôi kết thúc. Và, ở Pakistan: tôi phát hiện ra: không rõ vì sao sự tồn tại của đường biên giới đã “làm nhiều” việc thu phát suy nghĩ của tôi với hơn-năm-trăm-đứa-trẻ; do đó, không chỉ một lần nữa bị lưu đày khỏi nhà mình, tôi còn bị lưu đày khỏi tặng vật trời ban cho chỉ tôi và chính tôi khi chào đời: món quà của những đứa trẻ nửa đêm.

Chúng tôi buông neo ngoài Rann xứ Kutch^[2] vào một chiều oi bức, Cái nóng vọ ve bên tai điếc của tôi; nhưng tôi quyết định ở lại trên boong, ngắm từng chiếc ghe nhỏ, phảng phất báo điềm gở và dhow của dân chài làm dịch vụ chở hàng giữa tàu của chúng tôi và Rann, vận chuyển những đồ vật phủ bạt đen qua lại, qua lại. Dưới khoang tàu, người lớn chơi bài bingo; tôi chịu không rõ con Khi đang ở đâu. Đây là lần đầu tiên tôi đi tàu thật sự (mấy lần lên thăm tàu chiến Mỹ ở cảng Bombay chỉ là đi tham quan, không tính; chưa kể sự bối rối khi đi cùng hàng chục bà bầu bụng chửa vượt mặt, những người luôn tham gia những đoàn du khách này với hy vọng mình sẽ lâm bồn và sinh ra những đứa trẻ có tư cách mang quốc tịch Mỹ, do ra đời trên biển). Tôi chăm chú nhìn Rann qua màn hơi nóng. *Rann xứ Kutch*... Tôi luôn nghĩ đó là một cái tên huyền bí, và nửa-sợ-nửa-mong được đến đây, khu vực tắc kè hoa nửa năm là đất còn nửa năm là biển này, nơi người ta đồn rằng đại dương khi rút đi sẽ bỏ lại đủ thứ phế tích kỳ dị, như rương châu báu, xác sứa trắng như ma, và đôi khi cả những hình thù quái dị-

truyền kỳ còn ngấp ngoai của nhân ngư. Lần đầu chiêm ngưỡng dải đất lưỡng thê này, vũng lầy của ác mộng này, đáng lẽ tôi phải cảm thấy hưng phấn; nhưng ối bức và những sự kiện vừa qua vẫn làm tâm tình tôi trĩu nặng; môi trên của tôi hãy còn ướt nước mũi như con nít, nhưng tôi đã bị đè nặng bởi xúc cảm của việc bước từ một thời thơ ấu quá dài và thò lò mũi xanh sang tuổi trưởng thành quá sớm (tuy còn chảy mũi). Giọng tôi trầm xuống; tôi phải bắt đầu cạo râu; và mặt tôi lấm chàm nốt máu ở chỗ dao cạo đã gọt đi những đầu trứng cá... người quản lý đi qua bảo tôi, “Nên xuống dưới thì hơn, con trai. Giờ này đang nóng nhất đây.” Tôi hỏi về những chuyến ghe chở hàng. “Tiếp tế ấy mà,” ông ta đáp rồi bỏ đi, để tôi lại ngẫm nghĩ về một tương lai chả có gì đáng mong đợi, ngoài sự hiếu khách miễn cưỡng của Đại tướng Zulfikar, kiểu tự mãn hợm hĩnh của dì Emerald, người không nghi ngờ gì sẽ thích thú phô trương sự thành đạt và địa vị trần tục của mình với bà chị gái đau khổ và bà chị dâu góa bụa, và thái độ vênh váo đầu teo chân tay to của Zafar con họ... “Pakistan”, tôi nói to, “Đúng là cái xứ rác rưởi!” Thế mà chúng tôi thậm chí còn chưa đến nơi... Tôi nhìn đoàn ghe, chúng như đang chèo xuyên qua màn sương vắng vát. Boong tàu dường như cũng lắc lư dữ dội, mặc dù trời đang gần như lặng gió; và dù tôi cố bám vào lan can, sàn tàu vẫn quá nhanh so với tôi: nó lao đến và đập thẳng vào mũi tôi.

[2] Rann trong tiếng Hindi là hoang mạc. Rann of Kutch là vùng đồng lầy ngập mặn lớn, nằm vắt qua biên giới giữa tỉnh Kutch ở bang Gujarat thuộc Ấn Độ và tỉnh Sindh của Pakistan.

Tôi đã tới Pakistan như vậy đây, với một cơn say nắng nhẹ để bổ sung cho hai bàn tay trắng, và kiến thức về sự ra đời của mình; mà tên của con tàu là gì nhỉ? Đồi tàu chị em nào dạo ấy vẫn chạy tuyến Bombay và Karachi trước khi chính trị chấm dứt hành trình của chúng? Tàu của chúng tôi là S.S.Sabarmati; chiếc chị em của nó, vừa qua mặt chúng tôi trước khi tàu cập cảng Karachi, là Sarasvati. Chúng tôi cười động cơ hơi nước đi đầy trên con tàu mang tên viên Trung tá, một lần nữa cho thấy ta không thể nào thoát khỏi sự trùng hiện.

Chúng tôi đến Rawalpindi trên một chuyến tàu nóng, bụi mù. (Viên Tướng và Emerald đi khoang Có Điều Hòa; họ mua cho chúng tôi vé hạng nhất bình thường.) Nhưng khi đến Pindi trời đã mát và tôi đặt chân, lần đầu trong đời, đến một thành phố miền Bắc... Tôi nhớ đây là một đô thị hạng thấp, không có gì nổi bật; trại lính, hàng hoa quả, một ngành sản xuất đồ thể thao; những người nhà binh cao lớn ngoài phố; xe Jeep; thợ khắc gỗ; polo^[3]. Một thành phố có thể trở nên rất, rất lạnh. Và trong một khu quy hoạch đô thị mới và đắt đỏ, một tòa nhà đồ sộ có tường cao cắm dây thép gai bao quanh và lính gác đi tuần: nhà của Đại tướng Zulfikar. Cạnh chiếc giường đội của đức ông Đại tướng có một bồn tắm; trong nhà có một khẩu lệnh: “Chấn chỉnh lại đi!”; người hầu mặc quân phục và đội mũ nồi xanh; buổi tối mùi nhang và chara^[4] bốc lên từ nơi ở của họ. Đồ đạc trong nhà đắt tiền và đẹp một cách bất ngờ; thâm mỹ của Emerald không chệch vào đâu được. Đây là một ngôi nhà âm đạm, thiếu sinh khí, vì cái không khí nhà binh của nó; kê cả lũ cá vàng trong bể ốp tường ở phòng ăn dường như cũng nhả bong bóng một cách uể oải; có lẽ cư dân thú vị nhất của tòa nhà thậm chí không phải là người. Quý vị chắc sẽ cho phép tôi, trong giây lát, mô tả về con chó Bonzo của ngài Đại tướng. Xin lỗi: con chó cái già sần thỏ của ngài Đại tướng.

[3] Môn thể thao du nhập từ Anh, luật giống khúc côn cầu, nhưng người chơi cưỡi ngựa và thi đấu trên cỏ.

[4] Bhang là hỗn hợp lá và hoa của cây cannabis (còn gọi là marijuana) cái, dùng làm thuốc hút hoặc đồ uống. Charas là chiết xuất nhựa cây cannabis, dùng làm thuốc phiện.

Sinh vật già nua mong manh bị bấu cổ này đã sống một đời cực kỳ lười nhác và vô dụng; nhưng trong lúc tôi hồi phục sau cơn say nắng, nó đã là tác giả vụ náo nhiệt đầu tiên từ khi chúng tôi ở đây - một kiểu trailer^[5] cho “cuộc cách mạng của lọ gia vị”. Một hôm Đại tướng Zulfikar đưa nó tới thao trường, nơi ông ta sẽ quan sát một nhóm lính dò mìn thao diễn tại một bãi mìn được chuẩn bị đặc biệt. (Đại tướng khao khát cho rải mìn toàn bộ biên giới Ấn-Pak. “Chấn chỉnh lại đi!” ông ta sẽ quát, “Hãy cho bọn Hindu ấy có cái mà lo sợ! Ta sẽ cho lũ xâm lược ấy nổ tan xác, chẳng còn quái gì mà đầu thai nữa.” Tuy nhiên, ông ta không đặc biệt quan tâm tới biên giới Đông Pakistan, với quan điểm là “lũ mọi đen ấy tự biết lo thân.”)... Và lúc này Bonzo giăng tuốt dây, và bằng cách nào đó thoát khỏi những bàn tay hốt hải vô bắt của đám jawan trẻ, lạch bạch đi vào bãi mìn.

[5] Một đoạn phim ngắn, đóng vai trò giới thiệu, quảng bá cho một bộ phim sắp được công chiếu.

Kinh hoàng tốt độ. Toán lính mìn dò dẫm như một đoạn phim quay chậm đầy khiếp đảm ra khỏi vùng phát nổ. Tướng Zulfikar và các sĩ quan hụp xuống nắp sau đài quan sát, chờ đợi vụ nổ... Nhưng chẳng có gì; và khi những tinh hoa của Quân đội Pakistan từ trong thùng rác hay sau băng ghế ló ra, họ thấy Bonzo tao nhã bước đi giữa thửa ruộng gieo toàn hạt chết chóc, mũi gí sát đất, Bonzo-kẻ-vô-ưu, rất đỗi ung dung. Đại tướng Zulfikar ném chiếc mũ lưỡi trai lên trời. “Quá tuyệt vời!” ông ta kêu lên bằng cái giọng mỏng quẹt len từ giữa mũi và cằm ra, “Lão phu nhân đây đánh hơi được mìn!” Bonzo được tuyên mộ ngay lập tức vào quân ngũ, giữ vai trò lính-dò-mìn-bốn-chân mang quân hàm thượng sĩ.

Tôi đề cập đến thành tích của Bonzo vì nó cho Đại tướng cây gậy để đả chúng tôi. Đám người nhà Sinai chúng tôi – và Pia Aziz – là những thành viên vô tích sự, năng suất lao động bằng không trong gia đình Zulfikar, và Đại tướng không muốn chúng tôi quên điều đó. “Đến một con chó săn thỏ già cóc để còn biết tự nuôi thân,” chúng tôi nghe được ông ta lẩm bẩm, “thế mà nhà này lại đầy những kẻ không biết tự chấn chỉnh bản thân cho ra hồn.” Nhưng trước khi tháng Mười kết thúc ông ta sẽ phải biết ơn (ít nhất là) về sự có mặt của tôi... và sự lột xác của con Khi cũng không còn xa nữa.

Bọn tôi đi học cùng ông em họ Zafar, cái thằng không còn háo hức cưới em gái tôi lắm nữa khi chúng tôi nay đã là con một gia đình đổ vỡ; nhưng vụ mất mặt nhất của nó xảy ra vào một cuối tuần khi chúng tôi được đưa đến căn nhà nghỉ trên núi của Đại tướng ở Nathia Gali, trên Murree một quãng. Tôi đang trong tình trạng rất hưng phấn (bệnh của tôi mới khỏi): núi non! Biết đâu sẽ có cả báo! Trời lạnh và rét buốt! – vì thế tôi chẳng nghĩ ngợi gì khi Đại tướng hỏi tôi có thể ngủ chung giường với Zafar không, và thậm chí không đoán ra khi họ trải một tấm cao su trên đệm... Tôi tỉnh giấc sau nửa đêm giữa một vùng tương chất lỏng âm ẩm, khai nồng và bắt đầu la cứu mạng. Ngài Đại tướng xuất hiện bên giường và bắt đầu đánh thẳng con tôi bời hoa lá. “Mày lớn bằng này rồi! Khốn kiếp! Vậy mà mày vẫn thế! Chấn chỉnh lại đi! Đồ vô dụng! Có ai cư xử khốn nạn như mày không? Chỉ lũ hèn nhát mới thế! Trời nguyên rửa tao nếu tao có thằng con hèn nhát...” Tật dãi dầm của Zafar em họ tôi, tuy vậy, tiếp tục là nỗi hổ thẹn của gia đình; bất chấp đòn roi, chất lỏng ấy vẫn chảy dọc chân nó; và một hôm điều này xảy ra lúc nó đang thức. Nhưng đây là sau khi một số nước đi nhất định đã, nhờ sự phụ tá của tôi, được thực hiện bằng lọ gia vị, cho tôi thấy tuy ở đất nước này sống ngoại cảm bị nhiều, các chế độ liên kết hình như vẫn vận hành; một cách chủ động-nghĩa đen cũng như nghĩa bóng, tôi đã góp phần thay đổi vận mệnh của Xứ Sở của những kẻ Thuần Khiết.

Con Khi Đồng và tôi, ngày ấy, là những nhân chứng bất lực trước cảnh mẹ tôi ngày một héo hon. Bà, người luôn cần mẫn trong cái nóng, đã bắt đầu héo tàn dưới cái lạnh phương Bắc. Bị tước đi hai người chồng, bà đồng thời bị tước đi (trong mắt bà) ý nghĩa cuộc sống; rồi còn có một mối quan hệ cần vun đắp lại, giữa mẹ và con trai. Một đêm bà siết chặt tôi và nói, “Yêu thương, con ta, là một điều người mẹ học được; nó không ra đời cùng đứa trẻ, mà hun đúc theo thời gian; và trong mười một năm, mẹ đã học yêu con như con trai của mẹ.” Nhưng đằng sau vẻ dịu dàng của bà là một sự xa cách, như thể bà đang thuyết phục chính mình... cũng sự xa cách này, trong tiếng thì thào nửa đêm của con Khi, “Ê, anh trai, hay mình đổ nước lên thằng Zafar – mọi người sẽ nghĩ là nó đái dầm?” – và chính cảm giác về khoảng cách này đã cho tôi thấy rằng, dù gọi tôi bằng *con trai* và *anh trai*, óc tưởng tượng của họ phải nỗ lực để tiêu hóa lời thú tội của Mary; khi đó chưa biết rằng họ sẽ không thể thành công trong việc tái định hình *anh trai* và *con trai*, tôi vẫn khiếp sợ Shiva; và do đó bị nhấn càng sâu hơn vào trái tim ảo tưởng của nỗi khát khao chứng tỏ tôi xứng đáng với tình ruột thịt của họ. Bất chấp sự công nhận của Mẹ Bề trên, tôi chưa từng thấy yên lòng cho đến khi, trên một hiên nhà sau-đó-hơn-ba-năm, cha tôi bảo, “Lại đây, con trai; lại đây để ta yêu con.” Có lẽ vì vậy nên tôi đã xử sự như thế vào cái đêm 7 tháng Mười năm 1958.

... Một thằng bé mười một tuổi, Padma, biết rất ít về tình hình nội trị Pakistan; nhưng nó có thể thấy, vào cái hôm tháng Mười ấy, rằng một bữa tiệc tối bất thường đang được chuẩn bị. Saleem lên mười một không biết gì về Hiến pháp 1956 và việc nó ngày một bị xói mòn; nhưng cặp mắt cậu đủ sắc sảo để phát hiện những sĩ quan an ninh Quân đội, và quân cảnh, xuất hiện vào buổi chiều và bí mật nấp sau những bụi cây trong vườn. Đấu tranh phe phái và sự kém cỏi về nhiều mặt của Ngài Ghu-lam Mohammed^[6] là điều bí ẩn với cậu bé; nhưng cậu thấy rõ dì Emerald đã đeo lên những món nữ trang đẹp nhất của mình. Vợ hời hợt bôn-thủ-tướng-trong-hai-năm chưa từng làm cậu khúc khích; song cậu có thể cảm thấy, trong bầu không khí kịch tính bao trùm tòa nhà của Đại tướng, có gì như một hồi kết sắp hạ màn. Chẳng biết gì về sự nổi lên của đảng Cộng hòa, nhưng cậu vẫn tò mò về danh sách khách mời dự tiệc của Zulfikar; mặc dù cậu đang ở một đất nước nơi những cái tên không gọi lên điều gì – ai là Chaudhuri Muhammad Ali? Hay Suhrawadry? Hay Chundrigar, hay Noon?^[7] - sự nặc danh của khách mời, điều được chú ý của cậu bảo vệ kỹ lưỡng, là một điều khó hiểu. Mặc dù cậu đã một lần cắt từng ngón cái tí Pakistan từ báo ra - TÙ BAY GIẾT CHẾT PHÓ PHÁT NGÔN VIÊN ĐÔNG PAKISTAN - cậu chịu không biết vì sao, vào sáu giờ tối, một đoàn xe limousine màu đen chạy qua những bức tường có lính gác của Điện trang Zulfikar; vì sao cờ pháp phới trên nóc capô xe; vì sao người ngồi trên xe không một ai cười; hay vì sao Emerald và Pia và mẹ tôi đằng sau Đại tướng Zulfikar với vẻ mặt có lẽ thích hợp với đám ma hơn là một buổi giao tế xã hội. Ai cái gì đang chết? Ai vì sao đến trong những chiếc limousine? – Tôi chịu không có khái niệm gì; nhưng tôi đứng sẵn sàng sau lưng mẹ tôi và chăm chú nhìn những ô kính mờ trên từng chiếc xe bí hiểm.

[6] Có lẽ là Malik Ghulam Muhammad, Toàn quyền (Đại diện cho Nữ hoàng Anh) Pakistan từ năm 1951 đến 1956.

[7] Thủ tướng thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy của Pakistan trong giai đoạn 1955-1958.

Cửa xe mở ra; các nội hầu, sĩ quan phụ tá nhảy xuống xe và mở cửa sau, đứng nghiêm chào; một bầy cơ nhỏ bắt đầu giật trên má dì Emerald. Thế rồi, những ai từ những cỗ xe pháp phới cờ bước xuống? Những cái tên nào sẽ được gán cho một dãy hoành tráng những bộ ria, những gậy chỉ huy, những cặp mắt sắc lẹm, những huân chương và những sao vừa xuất hiện? Saleem chẳng biết tên cũng như số thứ tự; tuy nhiên, quân hàm là cái có thể nhận ra. Mề đay và sao, được đeo một cách kiêu hãnh trên ngực và vai, báo hiệu sự xuất hiện của các sếp lớn thứ thiệt. Và từ xe sau cùng bước ra một người

đàn ông cao lớn có cái đầu tròn đáng kinh ngạc, tròn như quả cầu nhôm dù không kẻ các đường kinh và vĩ tuyến; có cái đầu tinh cầu, nhưng ông ta không được ghi địa danh như quả cầu con Khi từng giẫm bẹp; cũng không được SẢN XUẤT TẠI ANH (dù chắc chắn là được đào tạo tại Sandhurst^[8], ông ta đi giữa những mê-day-và-sao đang giơ tay chào; đến bên dì Emerald; và làm động tác chào tất cả.

[8] Học viện Quân sự Hoàng gia Anh.

“Ngài Tổng tư lệnh,” dì tôi nói, “hoan nghênh ngài đến tệt xá.”

“Emerald, Emerald,” cái miệng trên quả đầu hình trái đất lên tiếng – cái miệng nằm ngay dưới một hàng ria chẵn chu, “Sao phải khách sáo thế, takalluf thế?” Nghe vậy dì bèn chào đón ông ta với, “Nếu vậy, Ayub, hôm nay trông ngài thật tuyệt.”

Ông ta khi ấy là Đại tướng, tuy chức Thống chế không còn xa nữa... chúng tôi theo sau ông ta vào nhà; chúng tôi nhìn ông ta uống (nước) và cười (to); tại bàn ăn, chúng tôi lại quan sát ông ta, xem ông ta nốc như lực điền, khiến bộ ria nhoe nhoét rau quả đậm... “Nghe này, Em^[9],” ông ta bảo, “Lần nào ta đến cũng thịnh soạn thế này! Nhưng ta chỉ là một anh lính bình thường; dal và cơm từ bếp nhà này đã là đại tiệc với ta rồi.”

[9] Cách gọi ngắn và thân mật tên Emerald.

“Một người lính, thưa ngài,” dì tôi đáp, “nhưng bình thường thì không! Không bao giờ!”

Quần dài cho tôi tư cách có mặt tại bàn ăn, cạnh ông em họ Zafar, vây quanh là mê-day-và-sao; tuy nhiên, tuổi tác còn non nớt đặt chúng tôi vào thế buộc phải im lặng. (Đại tướng Zulfikar cho tôi một cú suýt kiêu nhà binh, “Chỉ hó hé một tiếng là ta sẽ tổng mày xuống nhà của lính gác. Muốn ngồi lại thì phải ngồi im. Rõ chưa?” Ngồi im như thóc, Zafar và tôi được nghe nhìn thoải mái. Nhưng Zafar, không giống tôi, sẽ không nỗ lực chứng tỏ mình đáng mặt con nhà...)

Bọn trẻ mười một tuổi nghe thấy gì trong bữa tối? Chúng hiểu gì từ những lời đề cập hờ hênh của giới nhà binh về “cha Suhrawardy đây, luôn phản đối Ý Tưởng Pakistan” – hay về Noon, “lẽ ra thằng chạ phải tên là Xế Chiều^[10], hả?” Và thông qua những trao đổi về dàn xếp bầu cử và tiền bản, mối hiểm nguy tiềm ẩn nào đã ngấm vào da bọn trẻ, khiến lông tơ trên tay chúng dựng đứng lên? Và khi vị Tổng tư lệnh trích dẫn kinh Quran, bao nhiêu phần ý nghĩa lọt vào những đôi tai mười một tuổi?

[10] Noon trong tiếng Anh có nghĩa là buổi trưa.

“Kinh viết rằng,” người đàn ông đầu tròn hỏi, và đám mê-day-và-sao im lặng. “*Aad và Thamoud đều bị ta hủy diệt. Quý dữ đã khiến chúng nghĩ những hành vi lầm lạc của mình là đúng đắn, đầu chúng là những kẻ tinh minh.*”^[11]

[11] Aad và Thamoud là hai bộ lạc Ả Rập thời cổ đại. Theo kinh Quran, Đức Allah đã giáng thiên tai hủy diệt hai bộ lạc này vì tội bất kính và mạo phạm.

Như thể một ám hiệu vừa được phát ra; một cái vẫy tay của dì tôi cho toàn bộ người hầu lui ra. Chính dì cũng đứng dậy rút lui; mẹ tôi và Pia nổi gót. Zafar và tôi cũng đứng dậy; nhưng ông ta, chính

ông ta, nói vọng qua chiều dài của chiếc bàn lộng lẫy: “Hai người đàn ông nhỏ tuổi nên ở lại. Nói cho cùng, đây là tương lai của chúng.” Hai người đàn ông nhỏ tuổi, sợ hãi nhưng cũng tự hào, ngồi lại và im lặng, rậm rạp tuân lệnh.

Chỉ còn lại đàn ông. Nét mặt của đầu tròn biến đổi; có gì đó đen tối hơn, có gì đó loang lổ và quyết liệt đã chiếm lĩnh nó... “Mười hai tháng trước,” ông ta nói, “ta nói chuyện với tất cả quý vị. Cho đám chính khách một năm - chẳng phải ta đã nói vậy ư?” Những cái gật đầu; những tiếng rì rầm tán thành. “Quý vị, ta đã cho họ một năm; tình hình đã đi đến chỗ không thể chịu đựng được; và ta không định chịu đựng thêm nữa!” Nhưng mề-day-và-sao lấy bộ mặt nghiêm nghị, đầy vẻ kinh bang tế thế. Từng hàm răng nghiền lại, từng đôi mắt đau đáu nhìn vào tương lai. “Vì thế, tối nay,” - phải, tôi đã ở đó! Cách ông ta có vài mét - Đại tướng Ayub và tôi, tôi và Ayub Khan lão luyện! – “tôi sẽ giành quyền kiểm soát Đất nước.”

Những đứa trẻ mười một phản ứng thế nào trước một lời tuyên bố đảo chính? Nghe những lời, “... tình hình tài chính đất nước đang hỗn loạn khủng khiếp, tham nhũng và ô trọc ở khắp mọi nơi...”, hàm răng chúng có nghiền chặt? Ánh mắt chúng có chăm chú vào một ngày mai tươi sáng hơn? Những đứa trẻ mười một ngồi im nghe khi Đại tướng thốt lên, “Hiến pháp theo đây bị bãi bỏ! Các cơ quan lập pháp Trung ương và Địa phương bị giải tán! Các chính đảng ngay lập tức bị thủ tiêu!” – quý vị nghĩ chúng có cảm giác gì?

Khi Đại tướng Ayub Khan nói, “Lệnh Giới nghiêm bắt đầu có hiệu lực,” cả em họ tôi Zafar và tôi chột hiệu rằng giọng ông ta – cái giọng chứa đầy quyền lực và sự quyết đoán và hương vị đậm đà của những món tử của dì tôi – đang nói ra điều mà chúng tôi chỉ biết một từ để diễn tả: phản bội. Tôi tự hào nói là mình giữ được cái đầu lạnh; song Zafar không kiềm chế nổi một bộ phận khác khó xử hơn. Chát lỏng trào ra mặt trước quần nó; chát lỏng màu vàng của nỗi sợ hãi theo chân nó rỉ xuống làm ó tẩm thắm Ba Tư; đám mề-day-và-sao ngửi thấy gì đó, ngoảnh lại nhìn nó với ánh mắt miệt thị không giấu giếm; rồi (điều tệ hại nhất) phá lên cười.

Đại tướng Zulfikar chỉ vừa nói, “Nếu ngài cho phép, thưa ngài, tôi sẽ phác họa lộ trình hành động đêm nay,” thì ông con tè ra quần. Trong cơn thịnh nộ lạnh lùng chú tôi lẳng thẳng con ra ngoài; “Ma cô! Đàn bà!” bám theo Zafar ra khỏi phòng ăn, trong giọng nói mỏng sắc của bố nó; “Đồ hèn! Lại cái! Hindu!” vọt ra từ khuôn mặt Punchinello và đuổi theo thẳng bé lên cầu thang... Ánh mắt Zulfikar dừng lại ở tôi. Từ chúng toát ra một vẻ cầu khẩn. *Hãy cứu lấy danh dự của gia đình ta. Lấy lại thể diện cho ta sau việc thẳng ranh kia không nín nổi.* “Này, nhóc!” chú tôi nói, “Cháu muốn lên đây giúp ta không?”

Tất nhiên, tôi gật đầu. Chứng tỏ sự nam tính, sự đáng mặt làm con của mình, tôi trợ giúp chú tôi trong khi ông thực hiện cuộc cách mạng. Và bằng cách đó, bằng cách giành được lòng biết ơn của ông, bằng cách làm lặng đi tiếng cười khùng khục của hội mề-day-và-sao, tôi đã tạo cho mình một người cha mới; Đại tướng Zulfikar trở thành cái tên mới nhất trong hàng ngũ những người sẵn lòng gọi tôi là “anh cu”, hay “cậu cả”, hay chỉ đơn giản là “con trai ta”.

Chúng tôi tiến hành cách mạng ra sao: Đại tướng Zulfikar mô tả kế sách hành binh; tôi di chuyển các lọ gia vị để minh họa khi ông nói. Dưới sự kiểm soát của chế độ liên kết chủ động-nghĩa bóng, tôi di chuyển những lọ muối và bát chutney: Bình mù tạc này là Đại đội A trấn giữ Bưu Điện Trung Tâm; hai lọ gia vị bao vây một cái muống nhỏ, tức là Đại đội O đã chiếm sân bay. Nằm vận mệnh đất nước trong tay, tôi dịch chuyển mắm muối và dao đĩa; bắt giữ những đĩa biriani^[12] hết bằng mấy cốc nước; giao những lọ muối đồn trú, và sẵn sàng tác chiến, quanh mấy bình nước. Và khi Đại tướng Zulfikar dứt lời, cuộc hành quân của bộ đồ ăn cũng đến hồi kết thúc. Ayub Khan dường như đã an ổn trên ghế; có phải cái nháy mắt của ông ta với tôi là do tôi tưởng tượng ra? – dù gì đi nữa, vị Tổng Tư lệnh nói, “Tốt lắm, Zulfikar; màn trình diễn được đây.”

[12] Một kiểu cơm rang trộn nhiều gia vị của Ấn Độ.

Suốt những nước đi do lọ gia vị và vân vân thực hiện, có một vật trang trí trên bàn không được bắt giữ: một bình kem bằng bạc nguyên chất, mà, trong vụ đảo chính trên bàn của chúng tôi, tượng trưng cho Nguyên thủ quốc gia, Tổng thống Iskander Mirza; trong ba tuần, Mirza vẫn là Tổng thống.

Một đứa trẻ mười một tuổi chẳng thể phán xét một Tổng thống có thực sự thối nát hay không, kể cả khi mê-day-và-sao bảo thế; mười một không phải tuổi để đánh giá liệu mối liên hệ của Mirza với đảng Cộng hòa nhược tiểu có đáng khiến ông ta mất chức dưới chế độ mới không. Saleem Sinai không đưa ra phán xét chính trị; nhưng khi, chỉ có thể vào nửa đêm, ngày 1 tháng Mười một, chú tôi lay tôi dậy và thì thào, “Đi nào, con trai, đã tới lúc con ném mùi thực tế rồi!”, tôi mau lẹ nhảy khỏi giường; tôi mặc đồ và ra đi trong đêm tối, tự hào ý thức rằng chú tôi ung được tôi tháp tùng hơn chính con trai ông.

Nửa đêm. Rawalpindi chạy ngược chiều chúng tôi ở tốc độ bảy mươi dặm một giờ. Phía trước hai bên phía sau chúng tôi đều có mô tô. “Mình đang đi đâu hở chú Zulfy?” *Cứ chờ xem*. Chiếc limousine đen cửa kính mờ dừng lại trước một ngôi nhà tối tăm. Quân cảnh gác cổng bỗng súng đạn chéo; chúng mở ra, nhường đường cho chúng tôi. Tôi đi, đều bước, bên cạnh chú tôi, qua những hành lang tranh tối tranh sáng; đến khi xông vào một căn phòng tối, nơi một quầng sáng từ vàng trắng soi tỏ chiếc giường bốn cột. Một chiếc màn rủ xuống giường như vải liệm.

Một người đàn ông tỉnh giấc, hốt hoảng, *cái quái gì thế này...* Nhưng Đại tướng Zulfikar rút ra một khẩu colt nòng dài; nòng súng bị tổng vào ư ư giữa hàm răng bị tách ra của người nọ. “Câm mồm,” chú tôi nói, một cách thừa thãi. Người đàn ông trần truồng to béo lẩy bẩy bước xuống giường. Đôi mắt, dò hỏi: *Người sẽ bắn ta chứ?* Mồ hôi lặn xuống cái bụng phệ, phản chiếu ánh trắng, rồi rỏ xuống soo-soo của ông ta; nhưng nó lạnh toát; ông ta không toát mồ hôi vì nực. Ông ta trông như một Ông Phật Cười trắng bệch; nhưng không cười. Mà run. Khẩu súng được rút khỏi miệng ông ta. “Đằng sau quay. Đi đều bước!”... Và nòng súng lại gí vào giữa hai gò cặp mông béo múp. Người đàn ông rú lên, “Vì Chúa, hãy cẩn thận; cái đó đã mở chốt an toàn rồi!” Đám jawan cười rúc rích khi da thịt lở lỏ bước ra dưới ánh trắng, bị đẩy vào chiếc limousine đen. Đêm đó tôi ngồi cạnh một người đàn ông trần truồng trong khi chú tôi đưa ông ta đến một sân bay quân sự; tôi đứng nhìn chiếc máy bay đợi ông ta lướt trên đường băng, tăng tốc, bay đi. Điều bắt đầu, một cách chủ động-nghĩa bóng, với lọ gia vị, giờ đã kết thúc; tôi không chỉ lật đổ một chính quyền – mà còn đẩy một vị tổng thống vào cảnh lưu đày.

Nửa đêm có nhiều con; nhưng không phải mọi hậu duệ của Độc lập đều là con người. Bạo lực,

tham nhũng, nghèo đói, tướng lĩnh, hỗn loạn, lòng tham và lợ gia vị... tôi phải dần bước lưu đầy mới hiểu rằng những đứa con của nửa đêm đa dạng hơn là tôi - kể cả tôi từng mơ tới.

“Đúng thế thật à?” Padma hỏi. “Ông ở đây thật à?” Đúng thế thật mà. “Người ta bảo Ayub là người tốt trước khi tha hóa,” Padma nói; đây là một câu hỏi. Nhưng Saleem, mới mười một, không phán xét mấy chuyện này. Cuộc hành binh của lợ gia vị không đòi hỏi ở tôi những lựa chọn đạo đức. Điều Saleem quan tâm: không phải biến động xã hội, mà là sự tái hòa nhập của cá nhân. Quý vị thấy nghịch lý không – cú đột kích trí mạng nhất của tôi vào lịch sử đến thời điểm này lại khởi phát từ một động cơ thuộc loại hẹp hòi nhất. Dù sao, đó cũng không phải đất nước *tôi* – hay hồi đó thì chưa. Không phải đất nước tôi, mặc dù tôi sống ở đây – như kẻ tị nạn, không phải công dân; nhập cảnh bằng hộ chiếu Ấn Độ của mẹ tôi, đáng lẽ tôi đã gặp phải không ít hoài nghi, thậm chí bị trục xuất hoặc bắt giữ vì làm gián điệp, nếu không nhờ tôi còn thơ ấu và nhờ thế lực của người giám hộ có gương mặt như Punch^[13] của tôi - suốt bốn năm ròng rã.

[13] Punch vừa là cách viết tắt của Punchinello, vừa có nghĩa là cú đấm. Gương mặt như Punch bởi vậy còn hàm ý là mặt như bị đấm (khiến cái mũi cụp hẳn vào sát miệng).

Bốn năm vô nghĩa.

Trừ việc trở thành một thiếu niên. Trừ việc chứng kiến mẹ tôi tan rã. Trừ việc quan sát con Khi, kém tôi một tuổi có tính quyết định, ăn phải thứ bùa mê ám độc của cái xứ sở bị Chúa thống trị ấy; con Khi, một thời từng hoang dại và bất trị, nay có những biểu hiện của sự nhu thuận và phục tùng mà, ban đầu, chắc hẳn chính nó cũng cảm thấy giả dối; con Khi, học nấu ăn và tề gia nội trợ, cách mua gia vị ngoài chợ; con Khi, đoạn tuyệt hoàn toàn với di sản của ông ngoại nó, bằng cách học kinh tiếng Ả Rập và cầu nguyện vào mọi lúc theo quy định; con Khi, phơi bày chất cuồng tín thanh giáo mà ngày trước nó đã hé lộ khi xin bộ đồ nữ tu; nó, người hất hủi mọi lời giải bày tình yêu trần tục, bị quyến rũ bởi tình yêu của một Đức Chúa mang tên bức phù điêu trong một đền thờ dị giáo được xây dựng quanh một khối thiên thạch khổng lồ: Al-Lah, trong Qa’aba, đền thờ Tảng Đá Đen vĩ đại^[14].

[14] Tại đất thánh Mecca, trong Thánh đường Masjid al-Haram có một đền thờ hình khối lập phương (Qa’aba). Theo kinh sách, khối đá đen được chính Muhammad ốp vào góc tường phía Đông của đền thờ này. Saleem tin theo thuyết cho rằng trước khi đạo Hồi ra đời, khối đá này từng là linh vật của các tín đồ dị giáo (tức là đa thần giáo). Bản thân tên Chúa Trời trong đạo Hồi (Allah) cũng là tên được người Mecca thời đó gọi vị thần Sáng Tạo trong tôn giáo của họ.

Nhưng chỉ thế mà thôi.

Bốn năm xa cách lũ trẻ nửa đêm; bốn năm không có đường Warden và Breach Candy và Scandal Point và sự căm dỗ của Sô Cô La Dài Cả Mét; xa trường Cathedral và bức tượng Sivaji kỳ mã và những người bán dưa hấu gần Cổng vòm Ấn Độ; xa Divali và Ganesh Chaturthi và Ngày Dừa; bốn năm cách biệt người cha ở một mình trong căn nhà ông không chịu bán; một mình, chỉ có Giáo sư Schaapsteker, ở căn hộ trên gác và từ chối tiếp xúc với con người, làm bầu bạn.

Chả lẽ suốt bốn năm không có chuyện gì xảy ra? Tất nhiên, không hẳn thế. Em họ tôi, Zafar, người không bao giờ được cha tha thứ vì đái dầm khi có sự hiện diện của lịch sử, buộc phải chấp nhận rằng nó sẽ nhập ngũ ngay khi đến tuổi. “Ta muốn thấy mày chứng tỏ mày không phải là đàn bà,” ông bố bảo

nó.

Và Bonzo chết; Đại tướng Zulfikar nhỏ dòng lệ nam nhi.

Và lời thú nhận của Mary phai mờ dần cho đến khi, bởi không ai nhắc đến, nó thành ra như một cơn ác mộng; đối với tất cả trừ tôi.

Và (không hề có sự trợ giúp nào từ tôi) quan hệ giữa Ấn Độ và Pakistan ngày một xấu đi; hoàn toàn không được tôi hỗ trợ, Ấn Độ chiếm đóng Goa – “cái nhọt Bò Đào Nha trên mặt Mẹ Ấn Độ”; tôi ngồi ngoài và không đóng vai trò nào trong việc Pakistan giành được viện trợ quy mô lớn từ Mỹ, tôi cũng không có lỗi trong những vụ giao tranh lẻ tẻ trên biên giới Trung - Ấn ở vùng Aksai Chin thuộc Ladakh^[15]; cuộc điều tra dân số Ấn Độ năm 1961 cho thấy tỷ lệ biết chữ là 23,7%, nhưng tôi không có tên trong báo cáo thống kê. Vấn đề tiền dân tiếp tục nhức nhối; tôi không làm gì để giảm bớt nó; và trong cuộc bầu cử năm 1962, đảng Quốc đại Toàn Ấn Độ giành 361 trên 494 ghế trong Lok Sabha, và hơn 61% số ghế tại Hội đồng Lập pháp. Cả trong việc này cũng không thể nói bàn tay vô hình của tôi đã cử động; trừ, có lẽ, theo nghĩa bóng: *status quo*^[16] vẫn được duy trì ở Ấn Độ; trong đời tôi, cũng không có gì thay đổi.

[15] Bang nằm ở tận cùng phía Bắc Ấn Độ.

[16] Tiếng Latin, có nghĩa là nguyên trạng.

Thế rồi, vào 1 tháng Chín năm 1962, chúng tôi kỷ niệm sinh nhật lần thứ mười bốn của con Khi Đồng. Lúc này (và mặc dầu ông chú tiếp tục ưu ái tôi) chúng tôi đã được ấn định là thành phần xã hội thấp kém, những bà con nghèo bất hạnh của nhà Zulfikar danh giá; bởi vậy bữa tiệc khá tẻ nhạt. Con Khi, tuy vậy, vẫn thể hiện mọi diện mạo tươi vui. “Đó là bốn phần của em, anh ạ,” nó bảo. Tôi cơ hồ không tin nổi tai mình. Nhưng có lẽ em tôi có linh cảm về số phận của nó; có lẽ nó biết về sự biến hóa đang chờ đợi mình; sao tôi có thể nghĩ rằng chỉ mình có quyền năng tiên tri?

Có lẽ, lúc ấy, nó đoán biết rằng khi đội nhạc công được thuê bắt đầu trình diễn (có shehnai và vina; rồi sẽ tới lượt sarangi và sarod; tabla và sitar^[17] diễn tấu màn vận đáp điệu luyện của mình), Emerald Zulfikar sẽ bất ngờ tập kích nó với vẻ tao nhã tàn nhẫn, yêu cầu, “Coi nào, Jamila, đừng ngồi như quả dưa thể chứ, hát cho chúng ta nghe như một nàng khuê nữ đích thực xem nào!”

[17] Những nhạc cụ cổ truyền của Ấn Độ.

Và rằng với câu nói này bà dì băng lãnh như ngọc^[18] của tôi sẽ bắt đầu, một cách vô tình, quá trình em tôi hóa thân từ khi thành ca sĩ; bởi vì mặc dù nó phản đối với nét vụng về phụng phịu của tuổi mười bốn, nó vẫn bị bà dì áp đặt của tôi không nể nang gì lôi xềnh xệch lên bục dành cho ban nhạc; và mặc dù trông nó như đang ước ao sàn nhà bỗng nhiên nứt ra dưới chân mình, nó vẫn chấp tay lại; thấy rằng không còn lối thoát, con Khi bắt đầu hát.

[18] Nguyên văn: emerald-icy. Rushdie chơi chữ, vì Emerald có nghĩa là ngọc lục bảo.

Tôi là người không giỏi miêu tả cảm xúc, tôi nghĩ vậy - bởi tin rằng khán giả của tôi có khả năng *tham gia* vào câu chuyện; tự mình hình dung ra những gì tôi không thể tái hiện, để câu chuyện của tôi cũng là của quý vị... nhưng khi em tôi cất lên tiếng hát, tôi bị dòn dập dưới một cảm xúc mãnh liệt

đến nỗi tôi không thể hiểu nỗi cho tới khi, mãi về sau, tôi được người gái điếm già nhất thế gian điếm hóa cho. Bởi vì, ngay từ nốt nhạc đầu tiên, Con Khỉ Đồng đã trút bỏ cái biệt danh của nó; nó, người từng trò chuyện với chim (giống như, lâu rồi, giữa một thung lũng miền sơn cước, cụ ngoại nó từng làm), hẳn đã học được nghệ thuật ca hát từ những loài chim biết hát. Bằng một tai lành và một tai điếc, tôi lắng nghe giọng hát không tỳ vết của nó, mà ở tuổi mười bốn đã là giọng của một người đàn bà thành thực, ngập tràn sự thuần khiết của đôi cánh thiên thần và nỗi đau của phận lưu đày và vẻ cao bay của đại bàng và sự vô tình của nhân sinh và giai điệu của họa mi và sự hiện hữu muôn nơi đầy vinh quang của Chúa; giọng hát sau này được ví với Bilal, người muezzin^[19] của Mahammad, phát ra từ đôi môi một thiếu nữ có phần hơi gây guộc.

[19] Muezzin là người được chọn đứng trên tháp của thánh đường để cất tiếng gọi mọi tín đồ cầu nguyện. Bilal al-Habashi được xem là muezzin đầu tiên, do chính Muhammad đích thân lựa chọn. Bilal nổi tiếng là có chất giọng rất đẹp.

Điều tôi không hiểu sẽ phải chờ tới lượt để được kể; giờ tôi xin ghi lại rằng em tôi đã làm nên tên tuổi ở bữa tiệc sinh nhật thứ mười bốn của mình, và từ đó được gọi là Jamila Ca sĩ; và tôi, khi nghe “Tám Dupatta Muslin Đỏ Của Em” và “Shahbaz Qalandar”^[20], hiểu rằng quá trình bắt đầu từ cuộc lưu đày thứ nhất của tôi sắp sửa hoàn thành trong lần đày ải thứ hai; rằng, từ giờ trở đi, Jamila mới là đứa trẻ quan trọng, và rằng tôi phải mãi mãi đứng thứ hai sau tài năng của nó.

[20] Shahbaz Qalandar là một ẩn giả tu tập theo phái thần bí sống vào thế kỷ 13, có ảnh hưởng lớn về tôn giáo cả với đạo Hồi lẫn Hindu. Ông thường mặc trang phục đỏ (lưu ý: hai bài hát đều liên hệ đến màu đỏ).

Jamila hát – tôi, khiêm nhường, cúi đầu. Nhưng trước khi em có thể bước trọn vẹn vào vương quốc của mình, một điều nữa sẽ phải xảy ra: tôi phải bị kết liễu một cách triệt để.

Chương 21: Hút kiệt và hoang mạc

Thứ-gặm-mòn-xương durt khoát không dừng lại... chỉ còn là vấn đề thời gian. Đây là điều giúp tôi chi trì: tôi bám víu vào Padma. Padma là điều quan trọng – cơ bắp của Padma, cánh tay lông lá của Padma, Padma bông sen thanh khiết của tôi... người, bối rối, ra lệnh: “Đủ rồi. Bắt đầu. Bắt đầu đi.”

Phải, cần phải bắt đầu từ bức điện tín. Viễn cảm cho tôi đứng trên người khác; viễn thông lại kéo tôi xuống...

Ngày xưa ngày xưa, Amina Sinai đang gọt mụn cóc ở chân thì bức điện đến... Không, như thế không được, không thể né tránh ngày tháng được: mẹ tôi, bàn chân phải gác trên đầu gối trái, đang nạo những nốt chai trên gan bàn chân bằng một cái giũa nhọn đầu vào ngày 9 tháng Chín năm 1962. Thế còn giờ? Giờ cũng quan trọng. À, vậy thì: vào buổi chiều. Không, phải cụ thể hơn... Khi đồng hồ điểm ba giờ, tức là, mặc dù ở phương Bắc, thời điểm nóng nhất trong ngày, người hầu đem cho bà một tấm phong bì đặt trên đĩa bạc. Vài giây sau, ở tí New Delhi, Bộ trưởng Quốc phòng Krishna Menon (tự

mình chủ xướng, trong khi Nehru đi vắng để tham dự Hội nghị các Thủ tướng thuộc khối Thịnh vượng chung) đưa ra quyết định trọng đại nếu cần thiết sẽ dùng vũ lực với quân đội Trung Quốc ở vùng biên giới trên dãy Himalaya. “Quân Trung Quốc phải bị đánh bật khỏi Triều Thag La,” ông Menon nói vào thời điểm mẹ tôi xé phong bì. “Không được phép tỏ ra khiếp nhược.” Nhưng quyết định này chỉ là chuyện vặt khi đặt cạnh hệ quả mà bức điện của mẹ tôi mang lại; vì trong khi cuộc hành quân trực xuất kẻ thù, mật danh LEGHORN, được chú định sẽ thất bại, và cuối cùng sẽ biến Ấn Độ thành một kịch trường chết chóc nhất, Kịch trường Chiến tranh, bức điện sẽ ném tôi, một cách âm thầm nhưng đích xác, đến với biên cố sẽ kết thúc với việc tôi bị trục xuất vĩnh viễn khỏi cái thế giới bên trong tôi. Trong khi quân đoàn Ấn Độ XXXIII đang hành động theo chỉ đạo của Menon được truyền đạt đến Đại tướng Thapar, tôi cũng bị đặt vào một tình thế hiểm nghèo; như thể những sức mạnh vô hình đã kết luận tôi đã vượt quá giới hạn những gì tôi được phép làm hoặc biết hoặc là; như thể lịch sử đã quyết định đặt tôi chắc chắn ở vị trí của mình. Tôi hoàn toàn không được có ý kiến gì trong việc này; mẹ tôi đọc bức điện, bật khóc và nói, “Các con, ta về nhà thôi.”...và sau đó, như tôi đã nói khi bắt đầu câu chuyện trong một bối cảnh khác, chỉ còn là vấn đề thời gian.

Bức điện viết: XIN VỀ NGAY SINAI SAHIB BỊ BỤP TIM ÓM NẶNG LẮM SALAAMS ALICE PEREIRA.

“Tất nhiên là phải về ngay, chị thân yêu,” dì Emerald bảo bà chị, “Có điều, cái *búp tim* này, lạy Chúa, là gì không biết?”

Có khả năng, thậm chí có nhiều khả năng, tôi mới là sử gia đầu tiên ghi lại câu chuyện về cuộc-đời-và-thời-đại ly kỳ không chối cãi được của mình. Người nào nói gót tôi, dù sao đi nữa, tất yếu sẽ phải đến với tài liệu này, cuốn cẩm nang này, cuốn Hadith hay Purana hay *Grundrisse*^[1] này, để tìm hướng đi và cảm hứng. Tôi khuyên những nhà luận giải kinh điển tương lai rằng: khi nghiên cứu những sự kiện xảy ra tiếp sau “Bức điện búp tim”, hãy nhớ rằng ở chính giữa tâm cơn bão đổ xuống đầu tôi – hay dùng một ẩn dụ khác, lưỡi kiếm đã đánh ra *đòn sát thủ* với tôi – là một sức mạnh hội tụ duy nhất. Tôi muốn nói đến viễn thông.

[1] Hadith là tập hợp những cuốn sách về những tập quán và truyền kỳ về Muhammad và các tông đồ, được xem như tài liệu cơ bản của Hồi luật. Purana là tập hợp các Phạn văn không thuộc kinh Vệ Đà, giải thích về sự sinh diệt của vũ trụ và sự tích các thần trong đạo Hindu. Grundrisse là cách gọi tắt Grundrisse der Kritik der Politischen Ökonomie (Đại cương Phê phán Kinh tế Chính trị), một bản thảo có ý nghĩa rất quan trọng trong các trước tác của Karl Marx.

Điện tín, và sau điện tín, tới điện thoại, là tác nhân hủy hoại tôi; tuy nhiên, với sự độ lượng, tôi sẽ không kết ai vào tội âm mưu; mặc dù dư luận sẽ dễ tin rằng giới nắm quyền kiểm soát truyền thông đã quyết tâm giành lại vị thế độc quyền đối với sóng thông tin trên toàn quốc... Tôi phải quay về (Padma đang cau mày) với chuỗi sự kiện tầm thường của nguyên-nhân-và-hệ-quả: chúng tôi đến sân bay Santa Cruz trên một chiếc Dakota, vào 16 tháng Chín; nhưng để giải thích về bức điện, tôi phải đi xa hơn ngược chiều thời gian.

Nếu Alice Pereira đã một lần phạm tội, khi đánh cắp Joseph D’Costa của Mary chị cô, thì những năm sau này, cô đã đi được một chặng dài trên con đường chuộc tội; bởi suốt bốn năm qua cô là người duy nhất bầu bạn với Ahmed Sinai. Sống biệt lập trên quả đồi phủ bụi một thời từng là Điện trang

Methwold, thiên tính hay giúp đỡ của cô phải đáp ứng những đòi hỏi nặng nề. Ông sẽ bắt cô ngồi với ông đến nửa đêm trong khi ông nốc tửu tinh và lèm bèm về những bất công trong đời mình; ông nhớ ra, sau nhiều năm quên lãng, giấc mơ cũ về những bất công trong đời mình; ông nhớ ra, sau nhiều năm quên lãng, giấc mơ cũ về dịch và sắp xếp lại kinh Quran, và đổ lỗi cho gia đình đã làm ông suy nhược tới mức không còn đủ tinh lực để bắt đầu một sứ mệnh tầm cỡ ấy; ngoài ra, vì có cô ở đó, cơn giận của ông thường nhắm vào cô, dưới hình thức một tràng dài những lời chửi bới tục tằn và rửa xả vô dụng được ông chế ra trong những ngày chìm đắm vào nỗi quên đời. Cô nỗ lực thông cảm với ông: ông cô đơn, mối quan hệ từng là không thể thất bại của ông với điện thoại nay đã bị hủy hoại sau những biến động kinh tế của thời kỳ này; sự nhay bén trong vấn đề tài chính cũng bắt đầu từ bỏ ông... và cả ông cũng trở thành con mồi của những nỗi sợ kỳ quái. Khi con đường do Trung Quốc xây ở vùng Aksai Chin bị phát hiện, ông bắt đầu tin rằng việc bỏ mọi da vàng đến Điện trang Methwold chỉ là chuyện sớm chiều; và chính Alice đã phải trấn an ông bằng Coca-Cola ướp đá, và bảo, “Có gì mà sợ. Bọn Khựa ấy bé tí, đánh sao nổi jawan của chúng ta. Cứ yên tâm mà uống Coca của ông đi; sẽ chẳng có gì xảy ra đâu.”

Cuối cùng ông làm cô kiệt quệ; nhưng rốt cuộc cô vẫn ở lại, chỉ vì cô yêu cầu và nhận được những khoản tăng lương đáng kể, và gửi hầu hết số tiền về Goa chu cấp cho chị Mary; nhưng vào ngày 1 tháng Chín, kể cả cô cũng không cưỡng nổi những thỉnh phờ từ chiếc điện thoại.

Đến lúc đó, cô cũng đã dành thời gian bên thiết bị ấy nhiều không kém gì ông chủ, nhất là mỗi khi đám đàn bà nhà Narlikar gọi lên. Những phụ nữ ghê gớm nhà Narlikar, vào thời điểm ấy, đang vây hãm cha tôi, gọi điện cho ông ngày hai lần, dỗ dành thuyết phục ông bán nhà, nhắc ông rằng tình thế của ông rất tuyệt vọng, lượn lờ trên đầu ông như kèn kèn lượn trên một godown đang cháy... vào ngày 1 tháng Chín, như con kèn kèn ngày xưa, họ giáng xuống một cánh tay quạt trúng giữa mặt ông, bởi họ đã hối lộ Alice Pereiroa để cô rời bỏ ông. Không thể chịu đựng ông hơn nữa, cô kêu lên, “Ông tự đi mà nghe điện thoại! Tôi đi đây.”

Đêm đó, tim của Ahmed Sinai bắt đầu trương lên. Chát chứa đầy thù hận cay đắng đau buồn tự thương thân, nó phồng lên như trái bóng bay, nó đập quá nhanh, ngừng đập, và cuối cùng đánh quỵ ông như một con bò mộng; ở bệnh viện Breach Candy, bác sĩ phát hiện tim cha tôi thực tế đã biến dạng – một chỗ sưng mới lòi hẳn ra bên dưới tâm thất trái. Nó đã, nói bằng chữ của Alice, “bụp” ra.

Alice tìm thấy ông vào hôm sau, khi, tình cờ, cô quay lại lấy cái ô bỏ quên; như một thư ký mẫu mực, cô viện tới quyền năng của điện tử viễn thông, điện thoại gọi xe cứu thương và điện báo cho chúng tôi. Do chế độ kiểm duyệt thư tín giữa Ấn Độ và Pakistan, “bức điện bụp tim” mất nguyên nhân một tuần mới đến được Amina Sinai.

“Bay-yề-Bom!” tôi hét lên hoan hỉ, làm đám cu li ở sân bay giật mình. “Bay-về-Bom!” tôi reo vui, bắt chấp tất cả, cho tới khi con bé Jamila mới-trở-nên-nghiêm-túc nói, “Kìa, Saleem, *thiệt tình, thôi đi!*” Alice Pereira đón chúng tôi tại sân bay (điện tín đã báo trước cho cô); và sau đó chúng tôi lên một chiếc taxi đen-và-vàng chính hiệu Bombay, tôi vừa đắm mình trong tiếng rao channa-nóng-đề,

trong chen chúc lạc đà xe đạp và người người người, vừa nghĩ thành phố của Mumbai làm Rawalpindi nhìn chả khác gì một cái làng, vừa khám phá lại nơi này, đặc biệt là những màu sắc – sắc rực rỡ bị lãng quên của họa phượng và hoa giấy, sắc xanh ngắt của nước chứa trong bể ở Đền Mahalaxmi^[2], sắc đen-và-trắng nhưc mắt từ những cái ô của cảnh sát giao thông và sắc xanh-và-vàng từ đồng phục của họ; nhưng phần lớn là màu xanh xanh xanh của biển... chỉ có màu xám xịt trên gương mặt tiêu tụy của cha tôi là làm tôi quên đi vẻ rực rỡ muôn màu của thành phố, và khiến tôi tỉnh táo lại.

[2] Đền thờ của đạo Hindu thường có một bể nước thiêng cho tín đồ tắm rửa để thanh trừ bệnh tật.

Alice Pereira bỏ chúng tôi tại bệnh viện để trở về làm việc cho đám đàn bà nhà Narkilar; và giờ một bất ngờ xảy ra. Mẹ tôi, Amina Sinai, bừng tỉnh khỏi trạng thái đờ đẫn và nổi trâm uất và màn-sương-tội-lỗi và cơn đau-mụn-cóc khi vừa thấy mặt cha tôi, và hình như đã tìm lại tuổi trẻ một cách thần kỳ; với đức cần mẫn thiên phú đã phục hồi trọn vẹn, bà khởi sự quá trình giúp Ahmed hồi phục, dưới sự thôi thúc của một quyết tâm không gì cản nổi. Bà đưa ông về căn phòng ngủ ở tầng một nơi bà đã chăm sóc ông qua trận đóng băng; bà ở bên ông cả ngày lẫn đêm, rót sinh lực vào cơ thể ông. Và tình yêu của bà đã được đền đáp, bởi vì Ahmed Sinai không chỉ hồi phục hoàn toàn đến mức làm các bác sĩ người Âu ở Breach Candy phải sửng sò, mà còn có một thay đổi tuyệt đối kỳ diệu hơn đã xảy ra, ấy là, khi Ahmed trở lại là mình dưới sự săn sóc của Amina, ông không trở lại với con người từng nhọc công nguyên rửa bà vật lộn với tử tnh, mà với con người vốn có của ông, chan chứa ăn năn và tha thứ và tiếng cười và lòng khoan dung và phép màu thần diệu nhất, ấy là tình yêu. Ahmed Sinai, đến cuối cùng, đã đem lòng yêu mẹ tôi.

Và tôi là con dê té thần họ đem phụng hiến cho tình yêu của họ.

Họ thậm chí đã bắt đầu ngủ chung trở lại; và dù rằng em tôi – với một thoáng tái hiện của con Khi trước kia – nói, “Cùng giường ấy à, Allah, *chhi-chhi*, gớm quá!”, tôi thấy mừng cho họ; và thậm chí, trong giây lát, vui mừng hơn cho chính tôi, bởi vì tôi đã về lại miền đất của Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm. Trong khi những tit báo hành quân ra trận, tôi khôi phục mối quan hệ với các đồng bạn phi thường của mình, không hề biết có bao nhiêu cái kết đang chờ đợi sẵn.

Vào ngày 9 tháng Mười – QUÂN ĐỘI AN SẴN SÀNG CHO MỘT NỖ LỰC TOÀN DIỆN – tôi thấy có thể triệu tập Hội nghị (thời gian và những nỗ lực của tôi đã dựng lên rào chắn cần thiết quanh bí mật của Mary). Chúng trở lại đầu tôi; đó là một tối vui mừng, một tối để chôn vùi những bất đồng cũ, để cùng nỗ lực toàn diện vì sự đoàn tụ. Chúng tôi nhắc lại, hết lần này tới lần khác, niềm vui hội ngộ; phớt lờ một sự thật sâu xa hơn – rằng chúng tôi cũng giống mọi gia đình, rằng những cuộc đoàn tụ gia đình trong hình dung bao giờ cũng tươi vui hơn là trên thực tế, và rằng sẽ đến lúc mọi gia đình phải đường ai nấy đi. Vào 15 tháng Mười - ÁN ĐỘ BỊ TẤN CÔNG DÙ KHÔNG KHỎI MÀO – những câu hỏi tôi hằng sợ hãi và cố gắng không khơi mào bắt đầu: *Tại sao Shiva không có mặt? Và: Tại sao cậu phải khóa trái một phần tâm thức?*

Vào ngày 20 tháng Mười, quân Ấn Độ bị quân Trung Quốc đánh bại – đập tan tại triền Thag La. Thông cáo chính thức của Bắc Kinh tuyên bố: *Vì mục đích tự vệ, bộ đội biên phòng Trung Quốc buộc*

phải kiên quyết giáng trả. Nhưng khi, cũng đêm ấy, lũ trẻ nửa đêm phát động một cuộc hiệp đồng công kích vào tôi, tôi chẳng có phòng tuyến nào. Chúng tấn công tôi ở chính diện và từ mọi hướng, kết tội tôi giấu diếm, quanh co, chuyên quyền, tự phụ; tâm trí tôi, không còn là nghị trường, đã trở thành chiến trường nơi chúng đồ sát tôi. Không còn là “anh Hai Saleem”, tôi tuyệt vọng im nghe chúng xé xác tôi; bởi, bất chấp mọi âm-thanh-và-cuồng-nộ của chúng, tôi không thể khai mở thứ tôi đã niêm phong; tôi không thể buộc mình nói cho chúng biết bí mật của Mary. Kể cả Parvati-phù-thủy, bao lâu nay là người ủng hộ tôi nhiệt tình nhất, cuối cùng cũng mất kiên nhẫn với tôi. “Ôi, Saleem”, cô nói, “Chúa mới biết cái đất Pakistan ấy đã làm gì cậu; nhưng cậu khác xưa nhiều quá.”

Ngày xưa, lâu rồi, cái chết của Mian Abdullah đã hủy hoại một Hội nghị khác, vốn tồn tại được hoàn toàn nhờ vào sức mạnh ý chí của ông; giờ đây, khi lũ trẻ nửa đêm mất lòng tin ở tôi, chúng đồng thời mất đi niềm tin vào điều tôi đã tạo dựng cho chúng. Từ 20 tháng Mười đến 20 tháng Mười một, tôi tiếp tục triệu tập – hay cố gắng triệu tập – những phiên họp ban đêm; nhưng chúng tháo chạy khỏi tôi, không phải từng người mà hàng mười và hai mươi đứa một; mỗi đêm, số người sẵn lòng tiếp sóng lại ít đi; mỗi tuần, cả trăm đứa rút về với cuộc sống riêng. Trên dãy Himalaya, người Gurkha và Rajput tháo chạy tán loạn khỏi quân đội Trung Quốc, còn ở thượng nguồn tâm trí tôi, một đạo quân khác cũng bị tiêu diệt vì nhiều thứ - hục hặc, định kiến, chán nản, ích kỷ - những điều tôi cứ tưởng là quá nhỏ nhất, quá vụn vặt không thể chạm đến chúng.

(Nhưng lạc quan, như một căn bệnh mạn tính, dứt khoát không tiêu tan; tôi đã tiếp tục tin – giờ vẫn tiếp tục – rằng điều-chúng-tôi-chia-sẻ cuối cùng sẽ lần át điều-chia-rẽ-chúng-tôi. Không: tôi sẽ không nhận trách nhiệm chủ yếu về sự kết thúc của Hội nghị Những đứa trẻ; bởi vì thứ đã hủy diệt mọi cơ hội tái sinh của nó chính là tình yêu của Ahmed và Amina Sinai).

... Còn Shiva? Shiva, người bị tôi lạnh lùng chiếm đoạt quyền vị hợp pháp từ khi ra đời? Không một lần, trong tháng sau cùng ấy, tôi huy động ý nghĩ của mình để tìm kiếm hấn; nhưng sự tồn tại của hấn, đâu đó trong thế giới này, không ngớt giày vò từng góc ngách tâm trí tôi. Shiva-kẻ-hủy-diệt, Shiva Đầu-gối-gỗ-nhau... hấn trở thành, với tôi, đầu tiên là cơn đau nhói của tội lỗi; rồi một nỗi ám ảnh; và cuối cùng, khi hồi ức về sự hiện tồn của hấn mờ đi, hấn trở thành một dạng triết lý; hấn đã thành đại diện, trong tâm thức tôi, của mọi hận thù và bạo lực và sự-đồng-thời-yêu-ghét-mọi-vật-chất-trên-thế-gian; đến nỗi tận bây giờ, khi nghe chuyện xác chết đuổi nỗi lệnh phệnh như bóng bay trên dòng Hooghly và vỡ tung khi tàu bè quẹt phải; hay tàu hỏa bị đốt, hay chính trị gia bị sát hại, hay bạo loạn ở Orissa hay Punjab, tôi lại có cảm giác có bàn tay Shiva đè nặng lên mọi chuyện, chú định rằng chúng ta phải không ngại bì bõm trong vũng lầy giết chóc hăm hiếp lòng tham chiến tranh – rằng Shiva, tóm lại, đã tạo ra chúng ta như bây giờ. (Hấn cũng ra đời vào nửa đêm; hấn, như tôi, gắn kết với lịch sử. Các chế độ liên kết - nếu tôi đúng khi nghĩ rằng chúng áp dụng cho tôi – cũng cho phép hấn tác động lên dòng chảy của thời đại.)

Tôi nói như thể tôi không bao giờ gặp lại hấn nữa; thực ra là có. Nhưng chuyện đó, đương nhiên, cũng phải xếp hàng như các chuyện khác; tôi chưa đủ khỏe mạnh để kể cổ sự ấy ngay lúc này.

Căn bệnh lạc quan, đạo ấy, một lần nữa đạt đến độ quy mô đại dịch; tôi, trong khi đó, bị một cơn viêm xoang hành hạ. Được kích phát một cách kỳ quái sau trận thua ở triền Thag La, dư luận lạc quan về cuộc chiến trở nên béo tốt (và nguy hiểm) như một trái bóng bơm quá căng; tuy nhiên, cái khoang mũi chịu khổ đã lâu của tôi, bao giờ cũng trong tình trạng quá căng, cuối cùng đã bùng nổ trong cuộc chiến với chứng nghẹt mũi. Trong khi các nghị sĩ tuôn ra những diễn từ về “bọn bành trướng Trung Hoa” và “máu các jawan tuấn đạo của chúng ta”, mắt tôi bắt đầu trào nước; trong khi cả quốc gia tự thổi phồng lên, tự thuyết phục mình rằng tiêu diệt bọn lùn da vàng là chuyện trong tầm tay, xoang mũi tôi cũng căng phồng và làm biến dạng một khuôn mặt vốn đã gây sững sốt tới mức chính Ayub Khan đã nhìn chằm chằm vào nó với vẻ kinh ngạc không giấu giếm. Bị căn bệnh lạc quan kiểm soát, sinh viên đốt Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai bằng hình nộm; với cơn sốt lạc quan hiển hiện trên lông mày, đám đông tấn công các thợ giày, lái buôn đồ cổ và chủ quán ăn Hoa kiều. Bùng bùng ý chí lạc quan, Chính phủ thậm chí còn giam giữ các công dân Ấn Độ gốc Hoa – giờ được coi là “ngoại kiều thù địch” – trong các trại ở Rajasthan. Tập đoàn công nghiệp Birla đã hiến tặng một trường bắn mini cho đất nước; nữ sinh bắt đầu tham gia diễu hành của quân đội. Nhưng tôi, Saleem, cảm thấy như sắp chết vì ngạt thở. Không khí, bị dịch lạc quan làm đặc quánh lại, từ chối đi vào phổi tôi.

Ahmed và Amina Sinai nằm trong số những bệnh nhân nặng nhất của dịch lạc quan vừa tái phát; đã lây bệnh qua vật chủ là tình yêu vừa nảy nở, họ lại hòa mình vào cơn phản kích của xã hội trong một niềm hăm hở. Khi Morarji Desai, ngài Bộ trưởng Tài chính uống-nước-tiểu, phát động phong trào “Kim khí làm vũ khí”, mẹ tôi liền quyên tặng vòng vàng và khuyên tai lục bảo; lúc Morarji gợi ý về trái phiếu quốc phòng, Ahmed Sinai liền mua cả mớ. Chiến tranh dường như đã đem đến cho Ấn Độ một bình minh mới; trên tờ *Thời báo Ấn Độ*, một bức biếm họa có tên “Chiến tranh với Trung Quốc” vẽ Nehru đang xem các đồ thị về “Độ Hòa nhập Cảm xúc”, “Hòa hợp Chủ-Thợ” và “Niềm tin của Nhân dân vào Chính phủ” và reo lên, “Chưa bao giờ tình hình lại tốt như thế này!” Bồng bềnh trên biển lạc quan, chúng tôi – đất nước, cha mẹ tôi, tôi – mù quáng trôi về phía rặng đá ngầm.

Là một dân tộc, chúng tôi bị ám ảnh với những sự trùng hợp. Mỗi điểm tương đồng giữa chuyện này với chuyện kia, giữa những thứ tưởng như không liên quan, khiến chúng tôi hớn hở vỗ tay khi phát hiện ra. Nó là một dạng khát khao hình thái của cả một dân tộc – hay có lẽ đơn giản là biểu hiện của niềm tin sâu sắc của chúng tôi rằng hình thái ẩn náu trong hiện thực; rằng ý nghĩa chỉ hiển lộ trong một sát na. Thế nên điểm báo là điểm yếu của chúng tôi... chẳng hạn, khi lá cờ Ấn Độ lần đầu được kéo lên, cầu vồng xuất hiện trên cánh đồng nọ ở Delhi, một cây cầu vồng màu nghệ và xanh; và chúng tôi thấy như được ban phước. Ra đời giữa sự trùng hợp, tôi nhận ra nó liên tục săn đuổi tôi... trong khi người dân Ấn Độ mù quáng hướng đến một thảm bại quân sự, tôi cũng đang đến gần (mà hoàn toàn không biết) một thảm họa của riêng tôi.

Biếm họa trên *Thời báo Ấn Độ* nói về “Độ Đoàn kết Cảm xúc”, ở Biệt thự Buckingham, mẩu sót lại cuối cùng của Điện trang Methwold, cảm xúc chưa bao giờ đoàn kết thế. Ahmed và Amina sống những ngày tháng như đôi chim cu đang thời ve vãn; và trong khi tờ *Nhân dân Nhật báo* của Bắc Kinh phê phán “Chính quyền Nehru rút cuộc đã trút bỏ tấm áo Không Liên Kết”, hai anh em tôi không phê phán gì, bởi lần đầu tiên sau nhiều năm chúng tôi không phải giả vờ giữ lập trường không liên kết trong cuộc chiến giữa bố mẹ chúng tôi; điều chiến tranh đã gây ra cho Ấn Độ, việc chấm dứt mọi hành động thù địch lại giành được ở ngọn đồi hai tầng của nhà tôi. Ahmed Sinai thậm chí đã từ bỏ trận

chiến hằng đêm với tử tinh.

Đến ngày 1 tháng Mười một - **ẤN ĐỘ TẤN CÔNG DƯỚI SỰ YỂM TRỢ CỦA PHÁO BINH** – đường mũi của tôi lâm vào tình trạng cực kỳ nghiêm trọng. Mặc dù mẹ bắt tôi chịu đựng sự tra tấn hàng ngày của Bình xịt Vick's và dầu Vick's pha với nước (thứ mà, với chấn trum kín đầu, tôi bị bắt phải hít thật lực), xoang mũi tôi dứt khoát không phản ứng trước mọi cách điều trị. Đây chính là ngày cha tôi dang tay và nói. “Lại đây, con trai – lại đây để ta yêu con.” Trong cơn cuồng điên hạnh phúc (có lẽ, rốt cuộc, bệnh lạc quan đã nhiễm vào tôi) tôi cho phép mình bị ép tới ngạt thở trong cái bụng nhào xệ của ông; nhưng đến khi ông buông tôi ra, nước mũi đã nhoe nhoét chiếc bush-shirt của ông. Tôi nghĩ đó là sự kiện cuối cùng đã kết án tôi; bởi vì chiều hôm ấy, mẹ tôi phát động tấn công. Vờ như sắp gọi cho bạn, bà thực hiện một cú điện thoại nào đấy. Trong khi quân Ấn tấn công dưới sự yểm trợ của pháo binh, Amina Sinai lên kế hoạch cho sự sụp đổ của tôi, dưới sự bảo vệ của một lời nói dối.

Trước khi kể câu chuyện tôi bước vào sa mạc của những năm cuối đời mình ra sao, tôi phải thú nhận rằng tôi có khả năng đã trách oan uổng cha mẹ mình. Không một lần, theo chỗ tôi biết, không một lần trong suốt quãng thời gian sau mạc khải của Mary, họ tiến hành tìm kiếm đứa con máu mủ đích thực của mình; và tôi đã, ở vài thời điểm trong câu chuyện này, quy thất bại ấy cho việc thiếu khả năng tưởng tượng – tôi đã nói, ít nhiều, rằng tôi vẫn là con họ bởi vì họ không thể hình dung ra tôi ở ngoài vai trò đó. Và còn có những cách suy diễn tồi tệ hơn – như họ ngần ngại dang tay đón vào lòng một thằng bé bất bơ đã sống mười một năm nơi đầu đường xó chợ; nhưng tôi muốn nêu ra một động cơ cao quý hơn: có lẽ, bất chấp tất cả, bất chấp mũi-dưa-chuột-mặt-nhỏ cảm-lem thái-dương-sừng chân-vòng-kiềng ngón-tay-cụt đầu-sur-cọ và (phải thừa nhận là họ không biết) tai trái điếc, bất chấp cả việc nửa-đêm-tráo-trẻ của Mary Pereira... có lẽ, tôi nghĩ, mặc dù tất cả những kích động ấy, bố mẹ tôi vẫn yêu tôi. Tôi đã rút chạy khỏi họ vào thế giới bí mật của tôi; sợ họ ghét bỏ, tôi không thừa nhận một khả năng là tình yêu của họ mạnh hơn sự xấu xí, mạnh hơn cả máu thịt. Có nhiều khả năng là, điều được thu xếp qua một cú điện thoại, điều cuối cùng đã xảy ra vào 21 tháng Mười một năm 1962, được thực hiện vì những lý do cao quý nhất; đó là, cha mẹ đã hủy hoại tôi vì tình yêu.

Ngày 20 tháng Mười một là một ngày khủng khiếp; đêm đó là một đêm khủng khiếp... sáu ngày trước, vào sinh nhật thứ bảy mươi ba của Nehru, cuộc giao tranh dữ dội với phía Trung Quốc đã bắt đầu; quân Ấn – **JAWAN XUNG TRẬN!** – đã tấn công quân Tàu ở Walong. Tin về thảm bại tại Walong, và cuộc tháo chạy của Tướng Kaul với bốn tiểu đoàn, đến tai Nehru từ thứ Bảy ngày 18; vào thứ Hai ngày 20, nó loan khắp báo đài và tới Điện trang Methwold. **NEW DELHI TỐT CÙNG HOẢNG LOẠN! ẤN ĐỘ TOÀN QUÂN TAN TÁC!** Ngày hôm đó – ngày cuối cùng của cuộc đời cũ của tôi – tôi và em gái và cha mẹ tôi quây quần quanh chiếc đài Telefunken, trong khi viễn thông gieo rắc nỗi sợ Chúa trời và Trung Quốc vào tim chúng tôi. Và lúc này cha tôi nói ra một điều định mệnh: “Mình à,” ông trầm giọng, trong khi tôi và Jamila run lên vì sợ hãi, “Begum Sahiba, đất nước này kết thúc rồi. Phá sản, Funtoosh.” Tờ báo buổi tối loan báo sự kết thúc dịch bệnh lạc quan: **TINH THẦN DÂN CHÚNG BỊ HÚT KIỆT**. Và sau kết thúc này, còn có những cái kết khác; những thứ khác cũng sẽ bị hút đi.

Tôi lên giường mà đầu đầy những khuôn mặt sủng ông xe tăng Trung Quốc... nhưng đến nửa đêm,

đầu tôi lại trống rỗng và im lặng, bởi Hội nghị nửa đêm cũng đã tiêu tan; người duy nhất trong đám trẻ ma thuật sẵn lòng nói chuyện cùng tôi là Parvati-phù-thủy, và chúng tôi, chán nản cùng cực vì điều Nussie-vịt-bầu chắc hẳn sẽ gọi là “ngày tận thế”, chẳng thể làm gì hơn ngoài việc chuyện trò trong im lặng.

Và còn nhiều sự hút kiệt khác, bình thường hơn: một vết nứt xuất hiện tại Đập Thủy Điện Bhakra Nangal vĩ đại, và hồ chứa nước khổng lồ ở đằng sau chảy tràn qua khe nứt... và cái liên doanh lấn biển của đám đàn bà nhà Narlikar, miễn nhiệm với lạc quan và thất bại hay bất kỳ thứ gì ngoài cảm dỗ của tiền tài, tiếp tục hút đất ra từ lòng biển... nhưng vụ tiêu thoát sau cùng, thật sự đem đến cái tên cho chương này, xảy ra vào sáng hôm sau, ngay khi tôi vừa thở phào và nghĩ, rốt cuộc, cũng phải có gì đó kết thúc tốt đẹp chứ... vì buổi sáng chúng tôi nghe được một tin mừng đến không tưởng là Trung Quốc đã đột ngột, tuy không cần phải vậy, ngừng tiến quân; sau khi kiểm soát được dãy Himalaya, họ rõ ràng đã thỏa mãn; NGỪNG BẮN! báo chí reo mừng, và mẹ tôi cơ hồ ngất xỉu vì nhẹ nhõm. (Người ta đồn rằng Đại tướng Kaul bị bắt làm tù binh; Tổng thống Ấn Độ, Tiến sĩ Radhakrishnan, bình luận, “Rất tiếc là, thông tin này hoàn toàn sai sự thật”)

Bất chấp đôi mắt rờn nước và xoang mũi sưng phồng, tôi vẫn vui; bất chấp cả sự kết thúc của Hội nghị Những đứa trẻ, tôi vẫn tắm mình trong ánh hân hoan của hạnh phúc đang tràn ngập Biệt thự Buckingham; thế nên khi mẹ tôi gợi ý, “Nhà ta đi ăn mừng nào! Một chuyến dã ngoại, hai đứa thấy sao?”, đương nhiên là tôi sốt sắng đồng ý. Đó là sáng ngày 21 tháng Mười một; chúng tôi giúp làm sandwich và paratha; chúng tôi dừng lại ở một hàng nước ngọt và chất một xô nhôm đựng đá và một thùng Coca lên cốp chiếc Rover; bố mẹ đằng trước, con cái đằng sau, chúng tôi xuất phát. Jamila Ca sĩ hát cho chúng tôi nghe trên đường.

Qua xoang mũi đang bồng rắt, tôi hỏi: “Mình đi đâu đây? Juhu? Elephanta? Marve? Đâu ạ?” Và mẹ tôi, cười gượng gạo: “Bí mật, con cứ chờ xem.” Qua phố xá đầy những đám đông nhẹ nhõm reo mừng, chúng tôi phóng đi... “Ta nhầm đường rồi”, tôi thốt lên: “Đây đâu phải đường ra biển?” Cả bố mẹ tôi đồng thanh, đầy trấn an, đầy vui vẻ: “Chỉ dừng một chỗ thôi, rồi ta đi; bố mẹ hứa.”

Điện tịn triệu hồi tôi; vô tuyến điện^[3] làm tôi khiếp sợ; nhưng điện thoại mới là kẻ đặt trước ngày giờ địa điểm hủy hoại tôi... và bố mẹ đã nói dối tôi.

[1] Tức là sóng phát thanh.

... Chúng tôi dừng lại trước một tòa nhà lạ lẫm trên đường Carnac. Ngoại thất: đồ nát. Mọi cửa sổ: buồng mảnh. “Đi với bố chứ, con trai?” Ahmed Sinai xuống xe; tôi, vui mừng được tháp tùng bố đi công chuyện, hớn hờ đi cạnh ông. Trên cửa gắn một tấm biển đồng: *Phòng khám Tai Mũi Họng*. Và tôi, bỗng nhiên cảnh giác: “Cái gì đây, Abba? Sao mình lại đến...” Và tay ông, siết chặt vai tôi – thế rồi một người đàn ông áo trắng – và y tá – rồi “À vâng, thưa ngài Sinai ra đây là cậu Saleem – rất đúng giờ - tốt, tốt”; trong khi tôi “Abba, không – còn chuyến picnic...”; nhưng các bác sĩ đã dẫn tôi đi mất, cha tôi tụt lại sau, người đàn ông áo trắng gọi với ông, “Sẽ không lâu đâu – mà đình chiến mừng quá, hả?” Và y tá, “Cháu vui lòng đi theo cô để thay quần áo và gây mê.”

Lừa đảo! Lừa đảo, Padma! Tôi bảo rồi: đã một lần, đã ngoại lừa tôi; thế rồi đến một bệnh viện và một căn phòng với cái giường cứng và những ngọn đèn treo trần sáng lòa và tôi gào khóc, “Không không không,” và y tá, “Nào đừng ngốc thế, cháu thành người lớn đến nơi rồi, nằm xuống đi,” và tôi, nhớ lại khoang mũi đã bắt đầu mọi thứ trong đầu tôi, dịch mũi bị hít lênlênlên một-nơi-nước-mũi-không-nên-đến ra sao, mối liên hệ được thiết lập, và giải phóng những tiếng nói ở trong tôi thế nào, liền quấy đạp la hét tới mức họ phải ghì tôi xuống. “Thiệt tình,” cô y tá nói, “đứa bé này thật là, tôi chưa thấy bao giờ.”

Và thế là điều bắt đầu trong tủ giặt đã kết thúc trên bàn mổ; bởi vì tay chân tôi bị ghì chặt xuống, và một người đàn ông bảo, “Cháu sẽ không cảm thấy gì đâu, còn dễ hơn cả cắt amidan, chữa xoang nhanh í mà, nhaoáng cái là xong,” và tôi “Không đừng mà không,” nhưng giọng nói lại tiếp, “giờ chú sẽ áp chiếc mặt nạ này lên mặt cháu, cứ đếm đến mười nhé.”

Đếm. Những con số bước đều một hai ba.

Tiếng khí thoát ra xì xì. Những con số giảm đạp tôi bốn năm sáu.

Những khuôn mặt bông bênh trong sương mù. Và vẫn những con số hỗn loạn, tôi đang khóc, tôi nghĩ vậy, những con số bước thỉnh thoảng bảy tám chín.

Mười.

“Chúa ơi, thằng bé vẫn tỉnh. Thật bất thường. Tốt nhất là thêm liều nữa – cháu nghe được chú chứ? Saleem, phải không? Ngoan lắm, đếm đến mười lần nữa nhé!” Đừng hòng bắt được tôi. Hằng hà sa số tập hợp trong đầu tôi. Chủ nhân của những con số, tôi. Chúng lại đến rồi mười một mười hai.

Nhưng họ sẽ không đòi nào để tôi dậy cho đến khi... mười ba mười bốn mười lăm... Ôi Chúa Ôi Chúa màn sương vàng vắt và tôi rơi ngược lại rơi rơi, mười sáu, qua mặt chiến tranh và lọ gia vị, rơi rơi, mười bảy mười tám mười chín.

Hai

Xưa có một cái tủ giặt và một thằng bé khịt quá mạnh. Mẹ nó cởi đồ và phô ra một Trái Xoài Đen. Những giọng nói xuất hiện, song không phải của các Tổng thiên thần. Một bàn tay, làm điếc bên tai trái. Và thứ gì sinh trưởng mạnh nhất trong mùa nóng: ảo tưởng, sự phi lý, dục vọng. Có chuyện ầm náu trong tháp đồng hồ, và gian lận trên lớp. Và tình yêu ở Bombay nảy nở từ một tai nạn xe đạp; sừng-thái-dương nhập vào hôm-forcep, và năm trăm tám mươi một đứa trẻ tìm đến đầu tôi. Những đứa trẻ của nửa đêm: đã có thể là hiện thân của niềm hy vọng và tự do, và cũng có thể là những-kẻ-dị-hợm-đáng-bị-kết-liều. Parvati-phù-thủy, người trung thành hơn cả, và Shiva, kẻ trở thành một triết lý sống. Có câu hỏi về mục đích, và cuộc tranh luận giữa ý thức và vật chất. Có đầu gối và mũi và mũi và đầu

gối.

Bắt đầu có cái cọ, và thế giới người lớn thâm nhiễm vào thế giới trẻ con; ích kỷ và hợm hĩnh và thù ghét xuất hiện. Và sự bất khả của một triết lý thứ ba; nỗi sợ của việc cuối-cùng-sẽ-chẳng-đi-đến-đâu bắt đầu lớn dần. Và điều không ai đề cập: rằng mục đích của năm trăm tám mươi một đứa trẻ nằm ở trong sự hủy diệt của chúng; rằng chúng đã ra đời, chỉ để trở thành không gì cả. Những lời tiên tri bị phớt lờ khi chúng nói đến cái kết cục này.

Và những mặc khải, và sự đóng cửa một tâm trí; và lưu đầy, và lần trở về sau-bốn-năm; ngò vục gia tăng, bất đồng nảy nở, từng mười, hai mươi người bỏ đi. Rồi, đến cuối cùng, chỉ còn một giọng nói ở lại; song bệnh lạc quan vẫn dai dẳng – điều-chúng-ta-chia-sẻ vẫn còn cơ hội khuất phục điều-chia-rẽ-chúng-ta.

Cho đến khi:

Im lặng bên ngoài tôi. Một gian phòng tối om (buông mảnh). Không nhìn thấy gì (không có gì để nhìn).

Im lặng bên trong tôi. Một mối liên kết bị cắt đứt (vĩnh viễn). Không nghe thấy gì (không còn gì để nghe).

Im lặng, như một hoang mạc. Và một cái mũi thông, thoáng (khoang mũi tràn ngập không khí). Không khí, như một kẻ đốt đèn, xâm phạm tư thất của tôi.

Hút kiệt. Tôi đã bị hút kiệt. Chim parahamsa, đã hạ cánh.

(Vĩnh viễn.)

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Ôi, nói toẹt ra đi, nói toẹt ra đi: ca phẫu thuật mà danh nghĩa là hút kiệt xoang mũi sung phòng của tôi và việc nạo hút một-lần-cho-mãi-mãi đường mũi của tôi gây hậu quả là cắt đứt bất cứ mối liên kết nào từng được thiết lập trong tử giết; và tước bỏ của tôi khả năng ngoại cảm được mũi phú cho; và trục xuất tôi khỏi triển vọng về những đứa trẻ nửa đêm.

Cái tên chứa đựng số phận của con người; sống như chúng ta đang sống ở một nơi những cái tên chưa có được sự vô nghĩa của phương Tây, và vẫn không chỉ đơn thuần là những âm tiết, ta chính là nạn nhân của danh tự của mình. *Sinai* hàm chứa Ibn Sina, pháp sư bậc thầy, đạo sĩ Sufi^[4] lão luyện; và cũng là mặt trăng Sin, vị thần cổ đại của xứ Hadhramaut^[5], với chế độ liên kết riêng của mình, với quyền năng tác-động-từ-xa lên thủy triều của trái đất. Nhưng Sin cũng là chữ S, xoắn xuýt như linh xà, là mãng xà cuộn tròn trong một cái tên. Rồi còn có sự ngẫu nhiên khi phiên âm – Sinai, trong văn tự La

Mã (nhưng Nastaliq thì không) là tên của chôn-mạc-khải, của thoát-hải, của những điều rắn và của bê vàng^[6]; nhưng khi tất cả những điều đó đã được nói và làm, khi Ib Sina bị lãng quên còn vàng trắng đã lặn, khi rắn nấu mình còn mạc khải chấm dứt, đó là cái tên của một hoang mạc^[7] - của căn cỗi, vô sinh, cát bụi; tên của sự kết thúc.

[4] Sufi: từ dùng để gọi những người tu hành theo tông phái thần bí (sufism) thuộc đạo Hồi.

[5] Tên một thành bang nằm ở phía Nam bán đảo Ả Rập, ngày nay thuộc Cộng hòa Yemen.

[6] Rushdie nhắc đến nhiều điển tích tôn giáo liên quan đến đỉnh Sinai. Đây là nơi (i) Tổng Thiên thần Gabriel đã giảng hạ và giao tiếp với Muhammad; (ii) theo tín ngưỡng Do Thái, đức Jehovah phán rằng tín đồ phải cởi giày khi đặt chân lên đỉnh Sinai vì đây là thánh địa; (iii) cũng tại đây, Moses đã nhận được hai tấm bia đá trên khắc Mười Điều Răn của Chúa; (iv) Aaron đã đúc tượng con bê bằng vàng làm thần vật tượng trưng cho Chúa để người Israel chiêm bái khi Moses vắng mặt.

[7] Bán đảo Sinai (ngày nay thuộc Ai Cập) là một khu vực có địa hình chủ yếu là sa mạc.

Tại Ả Rập – *Arabia Deserta*^[8] – thời của Nhà Tiên tri Muhammad, có nhiều nhà tiên tri khác cũng thuyết giảng: Maslama của bộ lạc Banu Hanifa ở Yamama, nằm ở trung tâm Ả Rập, và Hanzala ibn Safwan, và Khalid ibn Sinan. Chúa của Maslama là ar-Rahman, đấng Từ bi; ngày nay tín đồ đạo Hồi cầu nguyện Allah, ar-Rahman^[9]. Khalid ibn Sinan được cử đến thuyết giáo cho bộ lạc ‘Abs; một thời gian, ông được họ tin theo, nhưng rồi thất bại. Không phải bao giờ các nhà tiên tri cũng là giả mạo chỉ vì họ bị lịch sử vượt mặt, và nuốt chửng. Sa mạc chưa bao giờ vắng bóng những người có đạo hạnh.

[8] Sa mạc Ả Rập.

[9] Theo kinh Quran, ar-Rahman là tên của Chúa (Allah). Rushdie ám chỉ Chúa của đạo Hồi là một đức Chúa “tổng hợp”, dung nạp những yếu tố từ tôn giáo khác.

“Mình ạ,” Ahmed Sinai nói, “đất nước này kết thúc rồi.” Sau vụ ngừng bắn và hút xoang, những lời này trở lại ám ảnh ông; và Amina bắt đầu thuyết phục ông di cư sang Pakistan, nơi các chị em còn sống của bà đang định cư, và nơi mẹ bà sẽ đến sau cái chết của cha bà. “Một khởi đầu mới,” bà gợi ý, “Janum, như vậy sẽ hay lắm. Quả đồi bị Chúa ruồng bỏ này còn gì cho ta nữa đâu?”

Vậy là rốt cuộc, sau bao sóng gió, Biệt thự Buckingham được giao vào tay đám đàn bà nhà Narlikar; và sau hơn mười lăm năm lỡ hẹn, gia đình tôi chuyển đến Pakistan, Xứ Sở của những kẻ Thuần Khiết. Ahmed Sinai hầu như không lưu lại gì; có nhiều cách chuyển tiền với sự trợ giúp của các công ty đa quốc gia, và cha tôi rành chuyện đó. Còn tôi, tuy buồn khi chia tay nơi chôn nhau cắt rốn, nhưng không phải không vui khi được đi khỏi một thành phố nơi Shiva đang rình rập đầu đó như một quả mìn được chôn giấu kỹ càng.

Nhà tôi, rốt cuộc, rời Bombay vào tháng Hai năm 1963; và, vào ngày xuất hành, tôi cầm một quả địa cầu nhôm cũ ra vườn rồi chôn nó giữa những bụi xương rồng. Ở trong: một lá thư của Thủ tướng,

một bức-hình-em-bé trang-nhất-cỡ-đại, với lời chú thích “Em bé của Nửa đêm”... Có thể chúng không phải là thánh tích – tôi không định so sánh những kỷ vật vụn vặt của đời mình với sợi tóc ở Hazratbal của Đấng Tiên tri, hay di hài của Thánh Francis Xavier tại Nhà thờ Bom Jesus – nhưng chúng là tất cả những gì sót lại từ quá khứ của tôi: một quả địa cầu nhôm móp méo, một lá thư ố mốc, một tấm ảnh. Chẳng còn gì khác, kể cả cái ống nhổ bạc. Ngoại trừ một hành tinh bị Con Khỉ giẫm nát, mọi kỷ lục còn lại được phong ấn trong hai cuốn thiên thư đóng kín, Sidijeen and Illiyun, hai cuốn Thiện Thư và Ác Thư; dù gì đi nữa, chuyện là như thế.

... Chỉ khi chúng tôi đã ở trên chiếc S.S.*Sabarmati* và buông neo ngoài Rann xứ Kutch, tôi mới nhớ tới cụ Schaapsteker; và, đột nhiên, tự nhủ có ai thông báo cho cụ rằng chúng tôi sắp đi không. Tôi không dám hỏi, sợ câu trả lời có thể là không; bởi vậy khi tôi nghĩ đến cảnh đội giải phóng mặt bằng vào việc, và hình dung ra những cỗ máy hủy diệt đập thủng văn phòng của cha tôi và căn phòng thiện thanh của tôi, kéo đổ cây cầu thang sắt cuốn của người hầu và căn bếp nơi Mary Pereira đã khuấy nổi súp của mình vào chutney và rau quả dầm, thăm sát hàng hiên nơi mẹ tôi từng ngồi với đứa bé như tảng đá trong bụng, tôi cũng tưởng tượng ra một quả cầu lăn^[10] không lồ đâm sầm vào lãnh địa của Sharpsticker sahib, và ra chính ông già mất trí, nhợt nhạt kiệt quệ lưỡi chẻ, bị phơi ra ở đó trên nóc một tòa nhà đang vỡ vụn, giữa những ngôi tháp sụp đổ và mái ngói đỏ, ông cụ Schaapsteker nhăn nhoe già đi, chết dần dưới ánh mặt trời đã bao năm ông không nhìn thấy. Nhưng có lẽ tôi đang kịch tính hóa vấn đề; có lẽ tôi bị nhiễm tất cả những điều này từ một bộ phim cũ tên là *Chân trời đã mất*, trong đó những phụ nữ xinh đẹp và nhăn nhoe và chết đi khi rời bỏ Shangri-La.

[10] Một quả bóng bằng sắt rất lớn, treo trên đầu cần cầu như con lắc đồng hồ. Đây là thiết bị chuyên dùng để phá nhà, rất thịnh hành vào những năm 1950, 1960.

Với mỗi con rắn, có một cái thang; với mỗi cái thang, là một con rắn. Chúng tôi đến Karachi vào ngày 9 tháng Hai – và chỉ sau vài tháng, em gái tôi Jamila đã bước lên bệ phóng của một sự nghiệp sẽ đem lại cho nó cái tên *Thiên thần của Pakistan* và *Họa mi của Đức tin*; chúng tôi rời Bombay, nhưng vẫn được thơm lây. Còn một điều nữa: mặc dù tôi bị hút kiệt – mặc dù chẳng còn tiếng ai nói chuyện trong đầu tôi, và sẽ chẳng bao giờ nữa – nhưng lại có một sự bù đắp: ấy là, lần đầu tiên trong đời, tôi biết thế nào là niềm hân hoan tột bậc khi sở hữu một khướu giác.

Chương 22: Jamila Ca sĩ

Đó hóa ra là một khướu giác nhạy bén tới mức có thể nhận biết được mùi nồng nặc nhớp nháp của sự đạo đức giả đằng sau nụ cười hồ hởi mà bà bác không chồng Alia dùng để chào đón chúng tôi ở cầu cảng Karachi. Trở nên cay nghiệt không thể nào cứu vãn từ khi cha tôi bội bạc ngã vào vòng tay em bà nhiều năm trước, bà bác hiệu trưởng của tôi đã trở thành một hình hài đồ sộ, nặng nề của niềm ghen tuông chưa hề mờ nhạt; lớp lông đen, rậm của nỗi oán hận tua tủa mọc lên từ hầu hết mọi lỗ hổng trên da bà. Và có thể bà đã lừa được cha mẹ tôi và Jamila bằng vòng tay dang rộng, bằng dáng chạy

lạch bạch về phía chúng tôi, bằng tiếng reo vui “Ahmed bhai, đợi mãi! Nhưng thà muộn còn hơn không!”, bằng lời mời hiếu khách – và tất yếu sẽ được nhận lời – của con yêu nhèn nhện; nhưng tôi, kẻ đã từng sống gần hết thời thơ ấu trong mớ găng tay cay đắng và mũ quả bóng của lòng đố kỵ của bà, kẻ đã bị nhiễm (mà không hề biết) căn bệnh thất bại từ những món đồ em bé có bề ngoài vô hại mà trong đó bà đã đan vào lòng thù hận của mình, và người, thêm vào đó, vẫn nhớ rất rõ cảm giác khi bị khát vọng trả thù ám ảnh, tôi, Saleem-bị-hút-kiệt, người thấy ngay mùi phức hận rỉ ra từ các tuyến nội tiết của bà. Tôi, tuy vậy, hoàn toàn bất lực trong việc phản đối; chúng tôi bị lừa lên chiếc Datsun^[1] của chí phức thù của bà rồi bị chở theo đường Bunder tới nhà bà ở Guru Mandir – như một bầy ruồi, nhưng còn ngu ngốc hơn, vì chúng tôi ăn mừng việc bị cầm tù.

[1] Một model ô tô do hãng Nissan sản xuất.

... Nhưng cái khứu giác ấy thật ghê gớm! Phần đông chúng ta bị giới hạn, từ lúc nằm nôi, chỉ có khả năng nhận biết một phổ mùi hẹp nhất có thể; tôi, tuy nhiên, trước nay chẳng hề ngửi thấy mùi gì, và bởi thế không hề biết đến mọi sự kiêng kỵ về mùi. Hệ quả là tôi có xu hướng không làm bộ thản nhiên khi ai đó phát trung tiện – điều làm tôi gặp phải không ít rắc rối với phụ huynh; tuy nhiên, điều quan trọng hơn là sự tự do khứu giác cho phép tôi hít được nhiều hơn rất rất nhiều so với những mùi có nguồn gốc thuần túy vật chất mà phần còn lại của nhân loại bằng lòng với việc ngửi thấy chúng. Vậy là, kể từ những ngày đầu tiên của tuổi thiếu niên trên đất Pakistan, tôi bắt đầu thu nạp những hương vị bí ẩn của thế gian, mùi thơm nồng nhiệt nhưng chóng phai của ái tình chớm nở, tới mùi cay âm trầm hơn, dai dẳng hơn của thù hận. (Không bao lâu sau khi đặt chân lên “Xứ Sở của những kẻ Thuần Khiết,” tôi đã phát giác trong bản thân sự nhơ bần tột cùng của tình yêu em gái; và ngọn lửa âm ỉ trong bác tôi đã xộc vào cánh mũi tôi từ sớm.) Mũi sẽ đem lại kiến thức, nhưng quyền-năng-tác-động-lên-sự-kiện thì không; cuộc xâm lăng Pakistan của tôi, vũ trang (nếu đó là từ phù hợp) chỉ bằng biến tướng mới của gien di truyền về mũi, đã cho tôi năng lực đánh-hơi-ra-sự-thật, ngửi-thấy-có-gì-trong-không-khí, và lần theo dấu vết; nhưng không cho tôi năng lực duy nhất mà kẻ xâm lăng cần đến; sức mạnh để chế ngự kẻ thù.

Tôi sẽ không phủ nhận: tôi chưa bao giờ tha thứ cho Karachi vì không là Bombay. Nằm giữa sa mạc và những con suối nước mặn ẩm đậm, trên bờ lô nhô những rặng đước lùn, thành phố mới dường như có một bề ngoài xấu xí đến mức lu mờ cả sự xấu xí của tôi; do phát triển quá nhanh – dân số tăng gấp bốn lần từ 1947 – nó có hình thù dị dạng đầy u burous của một gã lùn khổng lồ. Vào sinh nhật thứ mười sáu, tôi được tặng một chiếc xe tay ga Lambretta; cưỡi chiếc xe không cửa kính đi khắp phố phường, tôi hít thở mùi tuyệt vọng cam chịu số kiếp của cư dân khu ổ chuột và thái độ phòng thủ đầy tự mãn của đám nhà giàu; tôi bị hút theo dấu mùi của những số phận trắng tay và cả sự cuồng tín, bị lừa xuống một hành lang dài dưới lòng đất mà cuối đường là cánh cửa dẫn đến Tai Bihi, người điếm già nhất thế gian... nhưng tôi đang đánh mất sự tự chủ. Trung tâm của Karachi của tôi là nhà của Alia Azia, một tòa nhà lớn, cũ kỹ trên đường Clayton (bà hẳn đã dật dờ ở đây suốt nhiều năm như một hồn ma không có ai để ám), một kiến trúc của bóng tối và sơn đã ố vàng, chiều chiều lại nằm ở khu này. Kể cả khi, nhiều năm sau, ở ghetto của giới ảo thuật, sống dưới cái bóng của một thánh đường khác, cái bóng từng (ít ra trong một thời gian) là một vùng nửa tối chở che và không đe dọa, tôi chưa bao giờ đánh mất cái nhìn hình thành ở Karachi về bóng râm của các thánh đường, mà ở đó, tôi luôn thấy như ngửi thấy mùi hẹp hòi, căm hận, kết tội của bác tôi. Người ẩn nhẫn chờ thời: nhưng đòn báo thù, khi đã ra tay, thì trí mạng.

Đó là, hồi ấy, một thành phố của ảo ảnh; bị cắt đứt khỏi sa mạc, song nó không triệt để thành công trong việc phá vỡ quyền năng của sa mạc. Ốc đảo tỏa sáng trên mặt đường nhựa của phố Elphinstone, dịch trạm^[2] lung linh giữa những túp lều lụp xụp quanh cây cầu đen, Kala Pul. Ở thành phố không mưa ấy (mà điểm chung duy nhất với thành phố nơi tôi ra đời là cả hai đều khởi đầu từ một làng chài), sa mạc tuy ẩn mình nhưng vẫn giữ được quyền năng buôn-bán-ảo-tượng, mà hệ quả là người dân Karachi chỉ sở hữu một khả năng nắm bắt hiện thực cực kỳ trơn trượt, và do đó sẵn sàng tìm đến lãnh tụ của họ để được chỉ điểm cái gì là thật còn cái gì không. Bị bao vây giữa những cơn cát ảo tưởng và hồn ma các hoàng đế cổ đại, và cả ý niệm rằng tên của tín ngưỡng nền tảng của thành phố này nghĩa là “phục tùng”, các bằng hữu công dân mới của tôi tỏa ra mùi đồ luộc nhạt nhẽo của sự thuần phục, điều dễ gây trầm cảm cho một cái mũi từng ngửi – vào phút chót, và tuy chỉ trong chốc lát – mùi bất phục tùng cay nồng gia vị của Bombay.

[2] Nguyên văn: caravanserais, khách sạn dành cho các đoàn lữ hành (caravan) nằm dọc những tuyến đường thương mại xuyên lục địa như Con đường Tơ lụa.

Đến nơi không bao lâu – và, có lẽ, cảm thấy ức chế trong không khí phủ-bóng-thánh-đường của tòa nhà trên đường Clayton – cha tôi quyết chí xây một ngôi nhà mới. Ông mua một lô đất ở khu vực sành điệu nhất của “giới thượng lưu”, khu quy hoạch đô thị mới; và vào sinh nhật thứ mười sáu, Saleem không chỉ được một chiếc Lambretta – tôi còn biết đến quyền năng thần bí của dây rôn.

Thứ gì, ngậm trong nước muối, mười sáu năm nằm trong almirah của cha tôi, chỉ chờ một ngày như thế? Thứ gì, lơ lửng như rắn nước trong cái bình cũ, theo gia đình tôi vượt biên và kết cục là được chôn xuống đất Karachi cứng, cần cỗi? Thứ gì từng nuôi dưỡng sự sống trong một tử cung – thứ gì này bơm vào đất một sức sống phi thường, và cho ra đời một bungalow^[3] hiện đại, lệch tầng, kiểu Mỹ?... Né tránh những câu hỏi học hiêm này, tôi xin giải thích rằng, vào sinh nhật thứ mười sáu của tôi, gia đình tôi (kể cả bác Alia) tề tựu trên lô đất trên đường Korangi; dưới sự theo dõi của những cặp mắt công nhân và một hàm râu giáo sĩ, Ahmed trao cho Saleem một cây cuốc chim; tôi bỏ nhát cuốc khởi công vào đất. “Một khởi đầu mới,” Amina nói, “Inshallah^[4], chúng ta giờ đã là những con người mới.” Được mong ước cao quý nhưng bất khả đạt của bà thôi thúc, một người thợ mau chóng khoét rộng cái lỗ tôi vừa đào; và giờ một bình ngậm được đưa ra. Nước muối được trút lên mặt đất khô hạn; và thứ-còn-lại-bên-trong được giáo sĩ ban phước. Sau đó, một sợi dây rôn – của tôi? Hay của Shiva? – được trồng xuống đất; và ngay lập tức, một ngôi nhà bắt đầu mọc lên. Có bánh kẹo và nước ngọt; vị giáo sĩ, biểu lộ một cơn đói ghê gớm, tiêu thụ hết ba mươi chín chiếc laddoo; và Ahmed Sinai không một lời phản nản về sự tốn kém. Tinh thần của sợi dây rôn mới chọn thôi thúc đội thợ; nhưng mặc dù móng được đào rất sâu, chúng vẫn không ngăn được ngôi nhà sụp đổ trước khi chúng tôi kịp đến sống ở đây.

[3] Kiểu nhà nhỏ, một hoặc một tầng rưỡi, có hiên rộng, kiến trúc xuất xứ từ Ấn Độ.

[4] Còn có cách viết khác là Insha 'Allah, nghĩa là theo Chúa.

Phỏng đoán của tôi về dây rôn: tuy chúng sở hữu quyền năng làm nhà cửa mọc lên, song hiển nhiên là một số sợi làm việc này tốt hơn các sợi khác. Thành phố Karachi đã minh chứng cho điều đó; rõ ràng là được xây dựng trên những dây rôn hoàn toàn không thích hợp, nơi đây đầy rẫy những căn nhà dị dạng, những đứa trẻ còi cọc gù lưng bởi sinh mạch thiếu dưỡng chất, những ngôi nhà bị mù một cách bí hiểm, không có một cửa sổ nào đủ lớn, những căn nhà nhìn như đài phát thanh hay máy điều hòa hay xà lim, những cao ốc điên rồ đầu nặng trĩu, gục xuống một cách đều đặn đơn điệu, như những gã say xỉn; một cơn bùng nổ của những căn nhà điên dại, mà sự thiếu thốn về điều kiện sinh hoạt chỉ thua kém sự xấu xí bất thường của chúng. Thành phố này che khuất sa mạc; nhưng dây rôn, hoặc là sự

cần cỗi của đất, đã khiến nó phát triển thành một thứ gì đó quái dị.

Có khả năng nhắm mắt nghĩ thấy niềm vui và nỗi buồn, đánh hơi được thông minh hay ngu dốt, tôi đến Karachi và tuổi thiếu niên – với ý thức, lẽ tất nhiên, rằng những quốc gia non trẻ của tiểu lục địa và tôi đều đã bỏ tuổi thơ lại đằng sau; rằng những nỗi đau lớn dần và những biến đổi bối rối lạ lẫm của giọng nói đang chờ đợi tất cả chúng tôi. Hút xoang đã kiểm duyệt cuộc sống nội tâm của tôi; nhưng ý thức liên kết của tôi chưa bị hút kiệt.

Saleem xâm lược Pakistan với vũ khí duy nhất là cái mũi siêu sắc bén; nhưng, điều tồi tệ nhất là, gã đã đi *nhầm đường*! Mọi cuộc chinh phục thành công ở khu vực này của thế giới đều bắt đầu từ phương Bắc; mọi kẻ chinh phạt đều theo đường bộ. Vô tri giương buồm ngược chiều gió của lịch sử, tôi đến Karachi từ phía Đông Nam, theo đường biển. Những gì tiếp nối đáng lẽ phải không làm tôi bất ngờ mới phải.

Nhìn lại lịch sử, lợi thế khi tràn xuống từ phương Bắc là hiển nhiên. Hai tướng của Umayyad^[5], Hajjaj bin Yusuf và Muhammad bin Qasim, đều từ phía Bắc xuống; người Ismaili^[6] cũng vậy. (Biệt viện Honeymoon, nơi nghe nói Aly Khan^[7] đã nghỉ lại với Rita Hayworth, nhìn xuống lô đất vui dây rôn của nhà tôi; nghe đồn rằng mình tinh mẫn bạc này đã gây xôn xao dư luận khi đi dạo ngoài vườn trong một loạt váy ngủ kiểu Hollywood huyền bí, mỏng tang. Ôi tính siêu việt khó cưỡng của phương Bắc! Từ phương nào Mahmud xứ Ghazni đã tập kích bình nguyên sông Ấn^[8], mang theo một ngôn ngữ sở hữu không dưới ba hình thái của ký tự S? Câu trả lời tất yếu: sé, sin và swad^[9] là những kẻ xâm lăng phương Bắc. Và Muhammad bin Sam Ghuri^[10], người lật đổ các Ghaznavid và lập nên Vương triều Delhi? Những đứa con của Sam Ghuri cũng hành quân Nam tiến.

[5] Một triều đại thống trị Bắc Phi và Tây Á sau khi Muhammad qua đời. Vào năm 711, Hajjaj bin Yusuf khi đó là Tổng trấn thành Baghdad đã sai Muhammad bin Qasim dẫn quân sang Ấn Độ.

[6] Một nhánh của Hồi giáo dòng Shi'ite, xem Ismail là thủ lĩnh tinh thần (imam) thứ bảy. Vào thế kỷ 19, một bộ phận lớn của cộng đồng này đã chạy từ Ba Tư sang Ấn Độ.

[7] Hoàng tử và người đứng đầu dòng Hồi giáo Ismaili, chồng thứ ba của diễn viên Rita Hayworth.

[8] Sultan xứ Ghazni, thuộc Afghanistan ngày nay, người chinh phục vùng Bắc Ấn vào thế kỷ 11, và du nhập tiếng Ả Rập (ngôn ngữ có ba hình thái của chữ S) vào Ấn Độ.

[9] Ba âm trong tiếng Ả Rập, khi phiên âm sang bảng chữ cái Latin đều được thể hiện bằng chữ S.

[10] Sultan xứ Ghur, thuộc Afghanistan ngày nay, người đã đánh bại hậu duệ của Mahmud xứ Ghazni.

Rồi Tughlaq^[11], rồi các Đại đế Mughal... nhưng tôi nói như vậy là rõ rồi. Chỉ cần bổ sung rằng tư tưởng, cũng như quân viễn chinh, đã tràn xuống phương Nam Nam Nam từ các cao nguyên phương Bắc: Sikandar But-Shikan huyền thoại, Kẻ hủy hoại Thánh tượng của Kashmir, kẻ vào cuối thế kỷ 14 đã tàn phá mọi đền đài Hindu ở Thung lũng (tạo một tiền lệ cho ông tôi), đã từ trung du tiến xuống đồng bằng châu thổ; và năm trăm năm sau, phong trào mujahideen^[12] của Syed Ahmed Barilwi cũng đi

nẻo đường đã mòn dấu chân ấy. Tư tưởng của Barilwi: tiết chế, căm ghét tín đồ Hindu, thánh chiến... những triết lý và những ông hoàng (nói thể cho gọn) đều đến từ hướng đối lập với tôi.

[11] Một vương triều gốc Thổ, cai trị Delhi vào thế kỷ 14.

[12] Một phong trào du kích Hồi giáo cực đoan. Barilwi là một lãnh tụ đạo Hồi vào cuối thế kỷ 18 và đầu 19, đã khởi xướng cuộc thánh chiến (jihad) chống lại người Sikh ở bang Punjab.

Cha mẹ Saleem nói, “Chúng ta đều phải trở thành con người mới”; ở xứ sở của những kẻ thuần khiết, thuần khiết trở thành lý tưởng của chúng tôi. Nhưng Saleem đã vĩnh viễn bị vấy bẩn chất Bombay, đầu gã chứa đầy đủ thứ tôn giáo không phải của Allah (như những tín đồ đạo Hồi đầu tiên của Ấn Độ, các thương nhân Mopla^[13] xứ Malabar, tôi sống ở một đất nước nơi dân số thần linh ngang ngửa số lượng con người, thế nên, trong cơn phản kháng vô thức chống lại cả bầu thánh thần sợ không gian hẹp, gia đình tôi đã đi theo đạo đức kinh doanh, thay vì tôn giáo); và cơ thể gã rồi sẽ bộc lộ sự ưa thích rõ rệt đối với người không thuần khiết. Như dân Mopla, tôi bị vận mệnh định sẵn là một kẻ trái đời; nhưng, cuối cùng, thuần khiết đã phát hiện ra tôi, và ngay cả tôi, Saleem, cũng được tẩy rửa mọi điều lầm lạc.

[13] Cộng đồng đạo Hồi ở bang Kerala, hậu duệ của những người Moor và Ả Rập kết hôn với những phụ nữ địa phương ở Malabar.

Từ sau sinh nhật thứ mười sáu, tôi theo học lịch sử ở trường trung học của bác Alia; nhưng kể cả học hành cũng không làm tôi cảm thấy mình là một phần của quốc gia thiếu vắng những đứa trẻ nửa đêm ấy, nơi các bạn đồng học của tôi xuống đường tuần hành đòi hỏi một xã hội khát khe hơn, Hồi giáo hơn – chứng tỏ rằng họ chủ định trở thành phần đề của sinh viên mọi nơi khác trên thế giới, bằng cách đòi hỏi nhiều-luật-hơn-thay-vì-ít-đi. Cha mẹ tôi, tuy vậy, quyết tâm bám rễ tại đất này; mặc dù Ayub Khan và Bhutto đang tạo dựng liên minh với Trung Quốc (nước mới đây còn là kẻ thù của chúng tôi), Ahmed cùng Amina bỏ ngoài tai mọi lời phê phán quê hương mới của họ; và cha tôi tậu một nhà máy khăn tắm.

Ngày ấy, cha mẹ tôi toát ra một vẻ rạng rỡ mới mẻ; màn sương tội lỗi ở Amina đã tan đi, mụn cóc có vẻ không làm khổ bà nữa; trong khi đó Ahmed, dù vẫn trắng bệch, cảm thấy băng dưới dương căn ông tan dần dưới hơi ấm của tình yêu vừa tìm thấy của ông đối với vợ mình. Đôi khi sáng ra, Amina có vết răng trên cổ; chốc chốc bà lại bật cười khúc khích, như một cô học trò. “Hai anh chị, thiệt tình,” Alia chị bà nói, “Cứ như vợ chồng son, hay cái gì không biết.” Nhưng tôi có thể ngửi ra điều gì ẩn sau hàm răng của Alia; điều gì ở lại khi những lời lẽ thân thiện thốt ra... Ahmed Sinai lấy tên vợ đặt cho sản phẩm của mình: Khăn tắm hiệu Amina.

“Mấy đại gia này là ai hả? Đám Dawood, Saigol, Haroon^[14] này?” ông hào hứng, bỏ qua các gia tộc giàu có nhất xứ này. “Valika với Zulfikar là ai hả? Ta thừa sức ăn gỏi mười tên một lúc. Hãy chờ xem!”, ông hứa, “Trong vòng hai năm, cả thế giới sẽ lau người bằng khăn hiệu Amina. Loại khăn bông xù tốt nhất! Dây chuyền tiền tiến nhất! Chúng ta sẽ làm cả thế giới khô và sạch; nhà Dawood và Zulfikar sẽ phải nặn nỉ xin bí quyết của ta; và ta sẽ bảo, phải, khăn này hảo hạng; nhưng bí quyết không nằm ở khâu sản xuất; chính tình yêu đã chinh phục tất cả.” (Tôi nhận ra, trong diễn văn của cha tôi, tác động dai dẳng của virus lạc quan.)

[14] Những gia tộc kinh doanh giàu có và thế lực bậc nhất ở Ấn Độ thời kỳ đó.

Nhãn hiệu Amina có chinh phục cả thế giới nhân danh sự sạch sẽ (điều đúng ngay sau...)? Nhà Valika và Saigol có đến hỏi Ahmed Sinai, “Chúa ơi, tội tôi mù tịt đấy, ờ, anh làm thế nào thế?” Thứ khăn bông hảo hạng, mẫu mã được Ahmed Sinai đích thân thiết kế - hơi lờ loẹt một tí, nhưng không sao, sản phẩm của tình yêu mà – có quét sạch hơi ẩm trên người dân Pakistan cũng như các thị trường xuất khẩu? Dân Nga Hoa Kỳ Anh Cát Lợi có quần quanh người cái tên được bắt tử hóa của mẹ tôi?... Chuyện về Nhãn hiệu Amina phải chờ một chút; bởi vì sự nghiệp của Jamila Ca sĩ sắp sửa cất cánh; và căn nhà dưới bóng thánh đường trên đường Clayton vừa được Bác Puffs viếng thăm.

Tên thật của bác là Thiếu tá (đã về hưu) Alauddin Latif; bác nghe nói về giọng hát của em gái tôi từ “anh bạn chí cốt Đại tướng Zulfikar; từng ở chung với hắc hời ‘47 trong Lực lượng Biên phòng.” Bác xuất hiện ở nhà Alia Aziz không lâu sau sinh nhật thứ mười lăm của Jamila, rạng rỡ và đầy sinh lực, phô ra cái miệng đầy răng vàng nguyên chất. “Tính tôi đơn giản,” bác giải thích, “như Tổng thống đáng kính của chúng ta. Tôi giữ tiền ở đâu an toàn.” Như Tổng thống đáng kính của chúng ta, đầu ngài Thiếu tá là một hình cầu hoàn hảo; không như Ayub Khan, Latif rời quân ngũ để gia nhập ngành giải trí. “Ông bầu số một vô đối ở Pakistan, ông bạn ạ,” ông bảo cha tôi. “Chẳng có bí quyết gì ngoài tính tổ chức; cái nét Nhà binh từ xưa, đánh chết chưa chữa.” Thiếu tá Latif có một đề xuất: ông muốn nghe Jamila hát, “Và nếu cô bé hát hay bằng hai phần trăm những gì tôi nghe kể thôi, thưa ngài tôn kính, tôi sẽ làm cô nổi tiếng! Ồ, vâng, sau một đêm, chắc chắn! Quan hệ: chỉ cần có thể; quan hệ và tài tổ chức; và Thiếu tá (đã về hưu) Latif tôi đây có tất cả. *Alauddin* Latif,” ông nhấn mạnh, cười lấp lánh vàng với Ahmed Sinai, “Ông biết chuyện đó chứ? Tôi chỉ cần chà xát cây đèn cũ kỹ, thế là thần Đèn hiện ra mang theo danh vọng và tiền tài. Con gái ông sẽ ở trong những bàn tay cực tốt. *Cực* tốt.”

May mắn cho đội quân fan hâm mộ của Jamila Ca sĩ là Ahmed Sinai là một người chồng đang yêu; mềm lòng vì hạnh phúc của bản thân, ông không thể từ chối Thiếu tá Latif ngay tại chỗ. Ngày nay tôi cũng cho rằng bố mẹ tôi đã đi đến kết luận rằng năng khiếu của con gái họ quá phi thường không thể giữ riêng cho mình; ma thuật siêu phàm trong tiếng hát thiên thần của Jamila bắt đầu dạy họ về nhu cầu cấp thiết tất yếu của tài năng. Nhưng Ahmed và Amina có một bản khoản. “Con gái chúng tôi,” Ahmed nói – tự đáy lòng ông luôn là người truyền thống hơn trong hai vợ chồng – “là con nhà gia giáo; vậy mà ông muốn mang nó lên sân khấu, trước mặt có Chúa mới biết bao nhiêu gã đàn ông lạ...?” Viên Thiếu tá tỏ ra phật ý. “Thưa ngài,” ông nghiêm giọng, “ngài nghĩ tôi là người kém nhạy cảm ư? Bản thân tôi cũng có con gái, ông bạn ạ. Bày đũa, ơn Chúa. Mở cho chúng một đại lý du lịch nho nhỏ; nhưng giao dịch hoàn toàn qua điện thoại. Thực ra, là đại lý qua điện thoại lớn nhất vùng. Thực tế, chúng tôi gửi lái tàu hỏa sang Anh; tài xế xe buýt nữa. Ý tôi là,” bác vội vàng bổ sung, “con gái ngài sẽ được tôn trọng y như con tôi. Chính ra còn hơn thế; cô ấy sẽ là một ngôi sao!”

Các cô con gái của Thiếu tá Latif – Sana và Rafia và năm –afia khác – được gọi chung, bởi phần còn lại của con Khi trong em tôi, là “các Puffia”; đầu tiên bố các cô có biệt danh “Bố-Puffia,” và sau đó là Bác – một cách gọi xã giao – Puffs. Bác không hề nói ngoa; trong vòng sáu tháng Jamila Ca sĩ sẽ có đĩa hát ăn khách, một đội quân hâm mộ, mọi thứ; tất cả, như tôi sắp giải thích, mà không cần lộ mặt.

Bác Puffs trở thành một gương mặt quen thuộc trong cuộc sống của chúng tôi; hầu như tối nào bác cũng đến ngôi nhà ở đường Clayton, vào lúc tôi vẫn coi là giờ cocktail, để uống nước lựu và đề nghị Jamila hát đôi chút. Em, giờ đã trở thành một thiếu nữ rất mực dịu hiền, luôn chiều ý bác... sau đó bác sẽ đặng hăng như bị mắc gì ở cổ rồi bắt đầu thân mật trêu tôi về chuyện lập gia đình. Những nụ cười hai bốn karat làm tôi lóa mắt trong khi bác, “Đến tuổi cưới vợ rồi đấy, chàng trai. Nghe bác: kiếm một con bé sáng dạ nhưng sâu răng; cháu sẽ có bạn đời và kết sắt cả hai trong một!” Con gái Bác Puffs, bác cam đoan, cô nào cũng đáp ứng tiêu chuẩn trên... Tôi, ngượng ngịu, nghĩ thấy rằng bác chỉ nói đùa một nửa, sẽ thốt lên, “Ôi, Bác *Puffs*!” Bác biết cái biệt danh này; khá thích nó là khác. Vỗ đùi tôi, bác thốt, “Làm cao, hử? Được lắm. OK, cậu trai: cháu lấy quách một đứa nhà bác, bác đảm bảo sẽ nhỏ sạch răng của nó; khi cháu cưới nó về, nó sẽ có một nụ cười bạc triệu làm của hồi môn!” Ngay sau đó mẹ tôi thường cố tình chuyển chủ đề; bà không hào hứng với ý tưởng của Bác Puffs, bất kể hàm răng giả kia đắt tiền đến đâu... vào tối đầu tiên ấy, cũng như rất thường xuyên sau này, Jamila hát cho Thiếu tá Alauddin Latif nghe. Giọng em lướt qua cửa sổ và làm tiếng xe cộ lặng im; chim ngưng hót và, ở tiệm bán kẹo bên kia đường, đài bị tắt đi; đường phố đầy người đứng yên bất động, và giọng em tôi tràn qua họ... khi em kết thúc, chúng tôi nhận thấy Bác Puffs đang khóc.

“Một viên ngọc,” bác nói, xịt còi hơi vào chiếc mũi soa, “Thưa Ông Bà, con gái hai vị là một viên ngọc. Tôi xin ngả mũ kính phục. Kính phục. Cô bé đã cho tôi thấy rằng một giọng ca vàng còn đáng giá hơn một miệng răng vàng.”

Và khi tiếng tăm của Jamila Ca sĩ lên cao đến mức em không thể né tránh một buổi công diễn, chính Bác Puffs đã tung tin em bị một tai nạn ô tô khủng khiếp, làm em bị biến dạng; chính Thiếu tá (đã nghỉ hưu) Latif đã chế ra tấm chadar lụa trắng lừng danh, giấu-đi-tất-cả của em^[15], tấm rèm hoặc màn, thêu kim tuyến và thư pháp tôn giáo, mà em e lệ ngời sau mỗi lần công diễn. Tấm chadar của Jamila Ca sĩ được hai nhân vật dẻo dai, cơ bắp, cũng quân khấn (song đơn giản hơn) từ đầu đến chân, chẳng lên sân khấu – thông tin chính thức nói họ là tùy nữ của em, nhưng xác định giới tính của họ sau lớp burqa^[16] là điều bất khả; và chính giữa tấm vải, viên Thiếu tá khoét một cái lỗ. Đường kính: tám xăng ti mét. Chu vi: được viền chỉ vàng tinh xảo. Lịch sử gia đình tôi một lần nữa trở thành vận mệnh của một quốc gia như thế đấy, bởi vì khi Jamila hát với cặp môi áp vào lỗ hồng thêu kim tuyến, Pakistan đã phải lòng một cô bé mười lăm tuổi mà đất nước này mới được thoáng nhìn qua một tấm vải khoét lỗ vàng-và-trắng.

[15] Loại khăn trùm đầu và thân trên, chỉ để lộ mặt của phụ nữ theo đạo Hồi.

[16] Một loại áo choàng trùm kín đầu và toàn thân được phụ nữ đạo Hồi mặc khi ra nơi công cộng.

Tin đồn tai nạn đã chính thức xác lập vị thế của em trong lòng người hâm mộ; những buổi hòa nhạc của em ken đầy khán giả trong nhà hát Bambino ở Karachi và lấp kín Shalimar-bagh ở Lahore; đĩa hát của em liên tục đứng đầu bảng doanh thu. Và khi em trở thành tài sản quốc gia, “Thiên thần của Pakistan”, “Giọng ca của Đất nước”, “Bullbul-e-Din” hay là họa-mi-của-đức-tin, và bắt đầu nhận được một ngàn lẻ một lời cầu hôn quả quyết mỗi tuần; khi em trở thành đứa con cưng của cả nước và trở thành một hiện tượng đe dọa lấn át vị thế của em trong chính gia đình tôi, em cũng đồng thời biến thành con mồi của loài virus song sinh của danh vọng, con thứ nhất biến em thành nạn nhân của chính hình ảnh của mình trong mắt dư luận, bởi vì tin đồn tai nạn buộc em luôn phải quấn burqa vàng-và-trắng, kể cả ở trường của bác Alia, nơi em tiếp tục theo học; trong khi con virus thứ hai làm em mắc

bệnh cường điệu và đơn giản hóa bản thân, một hiệu ứng phụ khó tránh đối với các ngôi sao, khiến lòng sùng tín mù quáng và gây mù quáng và chủ nghĩa dân tộc cực đoan đã nhen nhóm ở em thì nay bắt đầu chi phối tính cách em, tới mức gần như loại trừ mọi thứ khác. Danh vọng cầm tù em trong túp lều vàng; và, là tân nhiệm ái-nữ-của-quốc-gia, cá tính em bắt đầu chịu nhiều ảnh hưởng từ những khía cạnh khắc nghiệt nhất trong tính cách của dân tộc hơn là từ thể giới trẻ thơ của những năm em còn là con Khi.

Giọng hát của Jamila Ca sĩ liên tục xuất hiện trên Đài Tiếng nói Pakistan, vì thế với các làng quê của cả Cảnh Tây lẫn Đông^[17], em trở thành như một siêu nhân, chẳng biết đến mệt mỏi, một thiên thần hát cho đồng bào mình ngày cũng như đêm; trong khi Ahmed Sinai, mà chút âu lo sót lại về sự nghiệp của con gái đã được còn hơn cả được trấn an bằng thụ nhập hoành tráng của em (tuy ông từng là một người Delhi, song giờ thì ông đã là một người đạo Hồi Bombay đích thực, đặt tiền bạc lên gần như trên hết), bắt đầu thích thú bảo em tôi: “Thầy không, con gái: đoan trang, thuần khiết, nghệ thuật và đầu óc kinh doanh có thể hoàn toàn đồng nhất với nhau; khôn ngoan như bố già của con mới giải quyết được vụ này.” Jamila mỉm cười ngọt ngào và tán đồng... em từ một cô gái gầy gò như con trai đang hóa thành một mỹ nhân mảnh mai, mắt một mí, da vàng óng, có mái tóc dài gần đủ để ngồi lên; kể cả mũi em cũng đẹp. “Ồ con gái tôi,” Ahmed Sinai kiêu hãnh bảo Bác Puffs, “chính những gien quý tộc của đảng nhà tôi lại trội hơn.” Bác Puffs ném một cái liếc nhìn nghi vấn, kỳ cục về phía tôi và hăng giọng. “Một thiếu nữ cực xinh xắn, thừa ngài,” bác bảo cha tôi, “Đỉnh cao, hết sảy.”

[17] Thời điểm này Pakistan vẫn bao gồm hai phần lãnh thổ nằm phía Đông và phía Tây Ấn Độ. Năm 1971, Đông Pakistan mới ly khai và trở thành Bangladesh.

Tiếng sấm rền của những tràng pháo tay chưa bao giờ tắt bên tai em tôi; ở buổi hòa nhạc đầu tiên, nay đã thành huyền thoại tại Bambino (ghế của chúng tôi do Bác Puffs lo – “Chỗ oách nhất ở nhà hát!” – cạnh bầy Puffia của bác, ai nấy đều đeo mạng... Bác Puffs huých tôi, “Này, nhóc – chọn đi! Cứ thoải mái! Nhớ nhé: món hội môn!”, còn tôi đỏ bừng mặt và chăm chú nhìn lên sân khấu), tiếng reo “*Oaa! Oaa!*” đôi khi át cả giọng Jamila; và sau buổi diễn chúng tôi tìm thấy Jamila sau cánh gà ngấp trong một biển hoa, tới nỗi chúng tôi phải đánh vật để len qua vườn long não đang bùng nổ của tình yêu từ cả quốc gia, để tìm thấy em đang gần như ngất lịm, không phải vì kiệt sức, mà vì hương thơm quá mãnh liệt của lòng ái mộ từ biển hoa kia đã lấp kín căn phòng. Tôi cũng thấy đầu bắt đầu bồng bênh; đến khi Bác Puffs bắt đầu ném từng ô hoa qua cửa sổ - chúng được một đám đông người hâm mộ nhặt lại – trong lúc bác rên lên, “Hoa thì tốt thôi, bố khi, nhưng một anh thư dân tộc thì cũng phải thổ chú!”

Tiếng vỗ tay cũng vang lên, trong buổi tối Jamila Ca sĩ (và gia đình) được mời đến Dinh Tổng thống để hát cho vị tổng chỉ huy của các lọ gia vị. Phớt lờ những tin tức trên báo nước ngoài về những khoản tiền tham nhũng và tài khoản tại nhà băng Thụy Sĩ, chúng tôi kỳ cọ đến khi sáng bóng lên; một gia đình kinh doanh khẩn tằm dứt khoát phải sạch không tỳ vết. Bác Puffs dành cho hàm răng vàng một màn đánh bóng đặc biệt kỹ càng; và trong một đại sảnh nằm dưới tầm mắt những chân dung đeo vòng hoa của Muhammad Ali Jinnah, người sáng lập Pakistan, Quaid-i-Azam^[18], và của bạn và người kế nhiệm bị ám sát của ông – Liaquat Ali, một tấm vải khoét lỗ được trưng lên cho em tôi hát. Tiếng hát của em cuối cùng cũng tắt; một giọng nói của tua ngũ vàng tiếp nối bài hát viên kim tuyến của em. “Jamila, con ta,” chúng tôi nghe, “giọng hát của con sẽ là lưỡi gươm của sự thuần khiết; là vũ khí của chúng ta để thanh tẩy tâm hồn con người.” Tổng thống Ayub là, như tự ông thừa nhận, một người lính đơn giản; ông ta tiêm nhiễm vào em tôi những phẩm chất nhà binh, giản đơn về trung-thành-với-lãnh-tự và tin-vào-Chúa; và em, “Ý nguyện của Tổng thống là tiếng lòng của cháu.” Qua ô tròn trên tấm vải khoét lỗ, Jamila Ca sĩ cống hiến hết mình cho lòng yêu nước; và diwan-i-khas, tòa ngự khán phòng

này, vang dậy tiếng pháo tay, song lịch thiệp, không phải tiếng oaa oaa ồn ã của bên người tại Bambino mà là sự tán thưởng chính quy từ đội mê-đay-và-sao đeo tua ngù cùng tràng vỗ tay hân hoan từ bậc cha mẹ đang ứa lệ. “Tôi nói!” Bác Puffs thì thầm, “cực đỉnh, hả?”

[18] Lành tỵ vĩ đại.

Những gì tôi nghĩ thấy, Jamila có thể hát lên. Sự thật cái đẹp niềm vui nỗi đau: mỗi thứ đều có hương riêng, có thể phân biệt được qua mũi tôi; mỗi thứ, trong màn trình diễn của Jamila, có thể tìm được tiếng nói lý tưởng của mình. Mũi tôi, giọng em: chúng đích thực là những thiên khiếu bổ sung cho nhau; nhưng chúng lại ngày một xa nhau. Trong khi Jamila hát những bài ca yêu nước, mũi tôi hình như lại lưu luyến những mùi xấu xí hơn xâm nhập vào nó: nỗi cay đắng của Bác Alia, mùi thối hoăng bất biến từ đám bạn học đầu óc thủ cựu của tôi; thế nên khi em thăng hoa tới trời cao, tôi rơi vào cống rãnh.

Tuy nhiên, nhìn lại, tôi nghĩ khi ấy tôi đã yêu em rồi, từ lâu trước khi có người bảo tôi... có bằng chứng gì cho tình yêu em gái không thể thổ lộ của Saleem không? Có đấy. Jamila Ca sĩ có chung một đam mê với con Khi Đồng đã tan biến; em khoái bánh mì. Chapati, paratha, tandoori nan? Đúng, nhưng. À, vậy thì: men nở có được chuộng hơn^[19]? Có; em tôi – bất chấp lòng yêu nước – không ngót thềm thưởng bánh mì ủ men. Và, ở khắp Karachi, đâu là nguồn bánh mì men nở chất lượng duy nhất? Không phải hàng bánh; thứ bánh mì ngon nhất thành phố được trao tay qua ô cửa sập duy nhất trên một bức tường kín như bưng, vào mỗi sáng thứ Năm, bởi các xơ của dòng tu kín Santa Ignacia. Mỗi tuần, cưỡi chiếc Lambretta, tôi mang về cho em những ổ bánh nóng hôi hổi tinh khôi của các xơ. Bất chấp những dòng người xếp hàng rồng rắn; coi nhẹ mùi cay, nồng, ngộp hơi phân của những phở hẹp quanh tu viện; phớt lờ mọi công việc khác vào thời điểm đó, tôi đi lấy bánh mì. Tư tưởng phê bình hoàn toàn vắng bóng trong tim tôi; chưa một lần tôi hỏi chẳng lẽ em không thấy cái di tích cuối cùng này của đoạn tình duyên cũ giữa em với Thiên Chúa giáo có chút không hay với vai trò mới Họa mi của Đức tin của em.

[19] Bánh mì trộn men nở (yeast) là kiểu bánh mì của châu Âu. Các loại bánh mì kiểu Ấn như chapati, paratha và tandoori nan không dùng men này.

Có thể nào truy nguyên một tình yêu trái luân thường? Có phải Saleem, người hằng khao khát một vị trí trung tâm của lịch sử, đã mê đắm những gì gã thấy ở cô em gái, người hội tụ những hy vọng của chính gã vào cuộc đời? Có phải thằng Thò-Lò-nhung-giờ-hết-rồi khắp người thương tích, một thành viên của Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm toàn thân tan nát không khác gì cô gái ăn xin Sundari đầy mặt sẹo dao, đã phải lòng sự toàn thiện toàn mỹ mới mẻ của đứa em? Từng là Mubarak, Kẻ được Ban phước, có phải tôi ái mộ ở em sự trọn vẹn của những mộng ước thầm kín nhất đời tôi?... Tôi sẽ chỉ nói rằng tôi chưa ý thức được điều gì xảy ra với mình cho đến khi, với chiếc scooter giữa cặp đùi mười sáu tuổi, tôi bắt đầu theo hơi những ả làng chơi.

Trong lúc Alia âm ỉ cháy; vào buổi ban đầu của khăn bông Hiệu Amina; ở thời kỳ thánh hóa của Jamila Ca sĩ; khi căn nhà lệch tầng, mọc lên theo lệnh của dây rốn, còn lâu mới hoàn thành; trong giai đoạn tình yêu muộn đơm hoa của cha mẹ tôi; bị bao vây giữa những tín niệm có phần căn cỗi ở miền đất của những kẻ thuần khiết, Saleem Sinai bắt đầu chấp nhận chính mình. Tôi không nói rằng gã không buồn; từ chồi kiểm duyệt quá khứ, tôi thừa nhận gã cũng lầm lì, cũng thường xuyên bất hợp tác, và chắc chắn là đây trứng cá như hầu hết các cậu trai cùng lứa. Những giấc mơ của gã, bị tước bỏ những đứa trẻ của nửa đêm, chìm trong một nỗi hoài nhớ đến độ buồn nôn, khiến gã bật dậy ọc ọc vì mùi xạ nặng nề của cơn hồi tiếc đè nén các giác quan; có những ác mộng về những con số đều bước một hai ba, về

một cặp đầu gối linh hoạt như tay^[20], siết chặt, bóp nghẹt... nhưng cũng có một năng khiếu mới, một chiếc Lambretta, và một tình yêu khiêm nhường, nhu thuận (tuy còn vô thức) dành cho em gái... Bút cặp mắt người kể chuyện khỏi quá khứ đang được trần thuật, tôi nhận mạnh rằng Saleem, hồi-ây-và-bây-giờ, đã thành công trong việc hướng sự chú ý của bản thân vào tương lai đến-nay-vẫn-chưa-được-kể. Trón khỏi, bất cứ khi nào có thể, căn nhà nơi hơi cay gắt từ sự ghen tị của bà bác biến cuộc đời thành quá sức chịu đựng, và một trường trung học tràn ngập những mùi khó chịu không kém, tôi nhảy lên con thiết mã và khám phá những nẻo đường mùi ở thành phố mới của tôi. Và sau khi biết tin về cái chết của ông tôi ở Kashmir, tôi càng thêm quyết tâm nhấn chìm quá khứ vào món mùi-hàm đặc quánh, sôi sục của hiện tại... Ôi những buổi đầu vắng vất trước khi có cơ chế phân loại! Chẳng có hình thù gì (trước khi tôi khởi sự định hình chúng), đủ thứ mùi vị tràn vào trong tôi: mùi phân hủy thể lương của phân súc vật trong những khu vườn của bảo tàng trên đường Frere, mùi hơi người mừng mủ của những gã trai mặc quần thụng nắm tay nhau tối tối ở Sadar^[21], mùi sắc như dao của những tia bã trâu và vị đắng ngọt lẫn lộn của trâu và nha phiến: tôi có thể đánh hơi thấy “trâu tên lửa” từ những con hẻm đông nghịt hàng rong giữa phố Elphinstone và đường Victoria. Mùi-lạc-đà, mùi-ô-tô, mùi hăng như muối mặt của khói xe tuk-tuk, hương thuốc lá lậu và “tiền đen”, xú khí cạnh tranh của đám tài xế xe buýt và mùi mồ hôi đơn thuần của hành khách bị lèn như cá hộp. (Một gã tài xế, hồi ấy, quá cay cú vì bị địch thủ ở hãng khác vượt mặt – mùi buồn nôn của thất bại trào ra từ tuyến nội tiết của gã – nên đã đánh xe đến nhà đối thủ vào buổi đêm, bóp còi đến khi anh bạn khôn khổ kia ló ra, rồi cán qua anh ta dưới hàng lớp xe sặc mùi, như bác tôi, phục hận.) Các thánh đường rót vào tôi mùi tinh dầu của sự sùng đạo; tôi ngửi thấy mùi quyền lực nồng đậm phát tán từ đoàn mô tô cấm cờ Quân đội; từ áp phích ở rạp chiếu bóng tôi nhận ra mùi hào nhoáng rẻ tiền từ những phim Viễn Tây^[22] nhập khẩu và những phim võ thuật bạo lực nhất từ trước đến giờ. Có một thời gian, tôi như người say thuốc, đầu tôi quay mòng mòng trước sự phức tạp của mùi; nhưng rồi niềm khát khao mãnh liệt với hình thái của tôi đã lên tiếng, và tôi đã sống sót.

[20] Nguyên văn: prehensile, nghĩa đen là có khả năng cầm nắm. Tính từ này được dùng miêu tả các loài động vật có chi hoặc đuôi có khả năng cầm nắm như khỉ, vượn.

[21] Khu trung tâm thương mại của Karachi.

[22] Nguyên văn: spaghetti Western, một dòng phim Viễn Tây kinh phí thấp vào thập niên 1950-60, tiêu biểu nhất là những phim của Sergio Leone như A Fistful of Dollars.

Quan hệ Ấn-Pakistan ngày càng xấu đi; biên giới bị đóng cửa, khiến chúng tôi không thể đi Agra viếng ông tôi; chuyện Mẹ Bê trên di cư sang Pakistan cũng bị chậm lại ít nhiều. Trong lúc này, Saleem đang phát triển một lý thuyết tổng quát về mùi: quy trình phân loại đã bắt đầu. Tôi coi cách tiếp cận khoa học này là cách bày tỏ lòng tôn kính của riêng mình với linh hồn ông tôi... để bắt đầu, tôi hoàn thiện kỹ năng phân loại, cho đến khi tôi có thể phân biệt số lượng vô tận các loại cau và (khi nhắm mắt) mười hai nhãn hiệu đồ uống có ga trên thị trường. (Từ lâu trước khi nhà bình luận người Mỹ Herbert Feldman đến Karachi để bắt bình trước việc thành phố này có tới một chục thứ nước ngọt có ga nhưng chỉ có ba nhà cung cấp sữa đóng chai, tôi có thể bịt mắt mà phân biệt Pakola với Hoffman's Mission, Cirra Cola với Fanta. Feldman coi những đồ uống này là biểu hiện của chủ nghĩa đế quốc tư bản; còn tôi, ngửi ra được đâu là Canada Dry và đâu là 7-Up, tách biệt chính xác Pepsi với Coca, lại quan tâm hơn đến việc vượt qua bài test khứu giác tinh tế chúng đặt ra. Double Kola và Kola Kola, Perri Cola và Bubble Up đều được bịt mắt nhận diện và gọi tên.) Chỉ khi chắc chắn nắm vững các mùi vật chất tôi mới chuyển sang những mùi khác chỉ mình tôi ngửi thấy: hương vị của cảm xúc và một ngàn lẻ một động cơ làm nên con người: tình yêu và sự chết, lòng tham và khiêm nhường, đã-từng và chưa-từng được dán nhãn và sắp xếp chẵn chu trong các ngăn kéo của tâm trí tôi.

Những nỗ lực sắp xếp đầu tiên: tôi thử phân loại mùi theo màu – quần lót đùn sồi và mực in trên tờ *Daily Jang* có chung một chất màu xanh, trong khi gỗ tếch lâu năm và rầm mới đều màu nâu sẫm. Ô tô và nghĩa địa được tôi xếp chung màu xám... ngoài ra còn có cách phân loại theo hạng cân: mùi hạng ruồi (giấy), mùi hạng gà (cơ thể vừa tắm xà phòng, cỏ), hạng bán trung (mồ hôi và hoa quỳnh); shahi-korma và dầu xe đạp xếp hạng bán nặng trong hệ thống của tôi, trong khi hoắc hương, tức giận, phản trắc và phẫn nộ nằm trong số những mùi hạng nặng của trần thế. Và tôi có cả hệ thống hình học: sự tròn trịa của niềm vui và góc cạnh của tham vọng; có mùi hình elip, rồi thì ô van và hình vuông... một nhà tư tưởng học của khurū jāg, tôi du ngoạn đường Bunder và khu P.E.C.H.S^[23]; một nhà hồ điệp học, tôi đánh bầy những làn hơi như bầy bướm vào mảnh lưới của lông mũi tôi. Ôi kỳ diệu thay những cuộc du hành trước buổi ra đời của triết lý!... Bởi tôi sẽ sớm nhận ra rằng, công việc của tôi, nếu muốn có chút giá trị nào, phải có một khía cạnh đạo đức; rằng sự phân loại duy nhất quan trọng là phân cấp chi tiết đến vô hạn những mùi tốt và xấu. Nhận rõ bản chất cốt lõi của đạo đức, người được mùi gì là thiêng liêng hoặc báng bổ, tôi đã phát minh ra, trong sự cô lập của những cuộc rong ruổi bằng xe máy, môn khoa học của luân lý mũi.

[23] Một khu dân cư khá giả ở Karachi.

Thiên liêng: mạng purdah, thịt halal, tháp của muezzin, và thăm cầu nguyện; báng bổ: đĩa hát của Tây, thịt lợn, rượu. Giờ tôi mới hiểu, tại sao các giáo sĩ (thiên liêng) từ chối lên máy bay (báng bổ) vào đêm trước Id-ul-Fitr, thậm chí không chịu lên những chiếc xe tóa ra thứ mùi bí hiểm đối lập với lòng kính Chúa, để chắc chắn mình có thể nhìn thấy trăng non^[24]. Tôi học được sự tương khắc về mùi giữa đạo Hồi và chủ nghĩa xã hội, cũng như mâu thuẫn cố hữu giữa hương nước hoa cạo râu của các thành viên câu lạc bộ Sind và mùi nghèo khổ của đám ăn mày vạ vật ở công viên câu lạc bộ... tuy nhiên, càng ngày tôi càng bị thuyết phục bởi một sự thật xấu xí – nghĩa là cái thiên liêng, cái tốt, rất ít thu hút tôi kể cả khi những mùi hương ấy vây phủ em tôi khi em hát; trong khi mùi hăng nơi cống rãnh đường như sở hữu một sự hấp dẫn khó cưỡng, chết người. Ngoài ra, tôi mới mười sáu; có những thứ đang sôi sục dưới thất lụng, sau lớp quần vải thô màu trắng; và không một thành phố nhốt phụ nữ trong nhà nào lại thiếu gái điếm. Trong khi Jamila hát những điệu thần thánh và tình-yêu-tổ-quốc, tôi khám phá sự báng bổ và dục vọng. (Tôi dự định để đốt; cha tôi đã trở nên không những yêu thương mà còn hào phóng).

[24] Ngắm trăng sau khi kết thúc tháng Ramadan là một nghi lễ thiên liêng của người đạo Hồi.

Bên ngoài Lăng Jinnah vĩnh viễn không hoàn thiện, tôi kiếm gái làng chơi. Tụi thanh niên đến đây để cưa cẩm các cô gái Mỹ, dắt họ vào khách sạn hoặc bể bơi; tôi thích trả tiền và duy trì sự độc lập của mình. Và cuối cùng tôi đánh hơi ra người gái điếm trong gái điếm, người sở hữu một tài năng là tấm gương cho tài năng của tôi. Tên ả là Tai Bibi, và ả nói mình đã năm trăm mười hai tuổi.

Nhưng mùi của ả! Thứ mùi nồng đậm nhất mà gã, Saleem, từng ngửi thấy; gã bị mê muội vì một thứ gì trong đó, một thứ khí độ để vương lưu dấu trong sử sách... gã thấy mình nói với sinh vật không răng ấy: “Tuổi tác của bà không quan trọng; quan trọng là cái mùi.”

(“Lạy Chúa,” Padma ngắt lời, “Gớm quá đi mất – sao ông có thể?”)

Mặc dù ả chưa bao giờ hé lộ mối liên hệ nào với một người lái đò Kashmir, cái tên ả tạo ra lực hút mãnh liệt nhất trong mọi lực hút; mặc dù ả có lẽ chỉ bốn Saleem khi nói, “Cậu trai, ta năm trăm mười hai tuổi rồi,” cảm quan lịch sử của gã vẫn bị khuấy gọi. Nghĩ gì về tôi tùy quý vị; tôi đã trải qua

một chiều nóng, ẩm trong căn phòng trọ với một tấm nệm đầy rận và một ngọn đèn trần trụi và ả gái điếm già nhất thế gian.

Rốt cuộc điều gì làm tôi không cưỡng nổi Tai Bibi? ả có tài câu dẫn gì mà khiến những gái điếm khác phải hổ thẹn? Thứ gì làm cánh mũi mới trở nên nhạy cảm của Saleem phát điên? Padma: người gái điếm cô đại của tôi sở hữu khả năng kiểm soát tuyến nội tiết toàn diện đến mức có thể biến đổi mùi cơ thể cho giống bất kỳ ai trên đời. Các tuyến eccrine và apocrine tuân theo chỉ thị của ý muốn cổ xưa của ả; và dù ả bảo, “Chớ hy vọng ta đứng dậy làm với cậu, cậu không đủ tiền trả đâu,” thuật tỏa hương của ả vẫn vượt quá sức chịu đựng của Saleem.

(... “*Chhi-chhi*,” Padma bịt tai lại, “Lạy Chúa, người đâu mà bản thiêu tởm lợm thế. Thật tôi không ngờ!”...)

Vậy là hấn ở đó, gã trai xấu xí dị dạng này, cùng với mục khộm già, người bảo, “ta sẽ không đứng dậy, ta bị mụn cóc,” và nhận ra hai chữ mụn cóc có vẻ đã kích thích gã; thì thảo bí mật về khả năng điều khiển tuyến eccrine-và-apocrine, ả hỏi gã có muốn ả thử bắt chước mùi của ai không, gã có thể tả và ả có thể thử, cứ vừa thử vừa sửa như vậy họ có thể... đầu tiên gã rụt lại, Không không không, nhưng ả dễ dàng gã bằng giọng nói như tiếng vò giấy, cho đến khi, bởi gã chỉ có một mình, cách biệt với thế gian và mọi thời gian, một mình với lão nương thần bí hoang đường này, gã bắt đầu miêu tả các mùi với sức thấu cảm của cái mũi kỳ diệu, còn Tai Bibi bắt đầu phỏng theo miêu tả của gã, và làm gã kinh hoàng khi bằng cách thử-và-sửa, ả thành công trong việc tái tạo mùi cơ thể mẹ gã các cô dì gã, ô hô cậu thích thế phải không sahibzada bé bỏng, tiếp tục đi, cứ thoải mái dí mũi sát vào đi, cậu là một anh chàng rất ngộ đây... cho đến khi đột nhiên, vì vô tình, phải, tôi thề rằng mình không bảo ả làm thế, đột nhiên trong quá trình thử-và-sửa mùi hương vạn lần không được phép nói ra ấy lan ra từ cơ thể già nua cũ kỹ nhăn nheo nứt nẻ của ả, và giờ gã không thể che giấu điều ả nhìn thấy, ô hô, sahibzada bé bỏng, ta vừa chạm phải cái gì đây, cậu không cần nói cô ta là ai nhưng chắc chắn đây là người ấy rồi.

Và Saleem, “Thôi đi thôi đi.” Nhưng Tai Bibi, với sự tàn nhẫn của tuổi lão niên cười hăng hắc, truy vấn. “Ô hô, phải, chắc chắn rồi, ý trung nhân của cậu, sahibzada bé bỏng – ai thế? Em họ cậu chẳng? Hay em gái...” Tay Saleem siết chặt thành nắm đấm; bàn tay phải, bắt chập một ngón tay tàn khuyết, nghĩ đến bạo lực... và giờ Tai Bibi, “Lạy Chúa đúng rồi! Em gái cậu! Nào, đánh ta đi, cậu không thể giấu cái điều đang chầm chệ trong đầu cậu đâu!...” Và Saleem thu dọn quần áo quỳnh quáng xỏ chân vào quần Cầm đi mục già Trong khi ả Đi đi, cứ đi đi, nhưng nếu cậu không trả tiền ta sẽ, ta sẽ, rồi cậu xem ta có từ việc gì, và giờ từng tờ rupee bay vung vãi trong phòng lả tả rơi xuống quanh ả kỷ nữ năm trăm mười hai tuổi, Cầm cầm đi và dừng ló cái mặt xấu xí của mục ra, trong khi ả Cẩn thận đẩy tiểu vương tử cậu cũng chẳng đẹp đẽ gì lắm đâu, giờ đã mặc đồ và chạy bỏ khỏi căn hộ, chiếc Lambretta đang chờ nhưng lũ ranh con đã đái lên yên, cậu phóng đi thật nhanh, nhưng sự thật vẫn bám theo, và giờ Tai Bibi thò đầu ra cửa sổ và hét lên, “Ê, bhaenchud! Ê, chú bé ngủ với em gái, định chạy đi đâu? Sự thật vẫn là thật là thật...!”

Quý vị có thể hỏi rất hợp lý rằng: Chẳng lẽ chuyện xảy ra đúng như... Và chắc mục ta không thể đã năm trăm... nhưng tôi đã thề thú nhận tất cả, và tôi khẳng định rằng tôi biết bí mật không thể nói ra về

tình yêu của mình với Jamila Ca sĩ từ miệng và tuyến mùi của người gái điếm vô tiền khoáng hậu nọ.

“Bà Braganza nói đúng,” Padma rầy la tôi, “Bà nói trong đầu lũ đàn ông chẳng có gì ngoài đất.” Tôi tảng lờ cô; Bà Braganza, và bà Fernandez em gái bà ta, sẽ được xử lý khi đến lượt; tạm thời, người sau phải bằng lòng với vai trò kế toán nhà máy trong khi người trước chăm sóc con trai tôi. Trong lúc tôi, nhằm giành lại sự say mê chú ý từ Padma Bibi nổi loạn của tôi, kể một chuyện cổ tích.

Ngày xưa ngày xưa, tại tiểu quốc Kif phương Bắc xa xôi, một vị tiểu vương có hai cô con gái xinh đẹp, một cậu con trai cũng đẹp trai không kém, một chiếc Rolls-Royce mới cóng, và quan hệ chính trị tuyệt vời. Vị tiểu vương, tức Nawab này, tin tưởng nhiệt thành vào sự tiến bộ, và vì thế đã dàn xếp cho con gái lớn đính hôn với con trai Đại tướng Zulfikar giàu sang danh tiếng; phần cô thứ hai ông kỳ vọng cuộc hôn phối với quý tử của chính Tổng thống. Về chiếc ô tô, chiếc đầu tiên xuất hiện ở thung lũng núi non bao quanh của ông, ông yêu nó gần như yêu con đẻ; ông xót xa khi thấy thần dân của mình, những người đã quen lấy đường sá ở Kif làm nơi giao tế xã hội, cãi cọ và chơi phụt-ông-nhỏ, dứt khoát không chịu nhường đường cho xe. Ông ban một chỉ dụ giải thích rằng chiếc xe đại diện cho tương lai, vì thế người dân phải tránh đường cho xe đi; dân tình phớt lờ cáo thị, cho dù nó được dán lên tường, mặt tiền cửa hàng và thậm chí, theo lời đồn, lưng bò. Cáo thị thứ hai có tính cưỡng bức hơn, lệnh cho dân chúng phải dẹp đường khi nghe tiếng còi xe; dân xứ Kif, tuy vậy, tiếp tục hút thuốc và nhả bã trầu và cãi cọ trên đường. Cáo thị thứ ba, có minh họa là một bức vẽ máu me, cảnh cáo rằng chiếc xe sẽ chẹt qua bất cứ ai không nghe còi. Dân Kif liền bổ sung những hình vẽ rất phi báng vào bức tranh trên thông báo; và thế là vị Nawab, một người tử tế nhưng lòng kiên nhẫn không phải là vô hạn, đã dọa sao làm thế thật. Khi ca sĩ nổi tiếng Jamila đến đây cùng gia đình và ông bầu để biểu diễn tại lễ đính hôn của cậu em họ, xe đưa em thẳng từ biên giới tới tận hoàng cung mà không gặp phiền toái gì; và Nawab tự hào, “Khỏi lo; chiếc xe nay đã được tôn trọng. Tiến bộ đã đến nơi này.”

Con trai của Nawab, Mutasim, người đã chu du nước ngoài và để kiểu tóc tên gọi “đầu bọ dừa”, là một nguồn lo lắng của cha mình; bởi mặc dù cậu đẹp trai đến mức, mỗi khi cậu ra phố ở Kif, các cô gái mũi đính châu báu đều ngất xỉu trước hơi nóng từ vẻ đẹp của cậu, cậu dường như không để tâm đến mấy chuyện đó, và thỏa mãn với bầy ngựa polo và cây guitar mà với nó cậu chơi những bài hát phương Tây kỳ lạ. Cậu mặc bush-shirt in hình nốt nhạc và biển tên đường ngoại quốc chen chúc trên cơ thể nửa kín nửa hở của những cô gái da hồng. Nhưng khi Jamila Ca sĩ, giấu mặt sau tấm burqa thêu kim tuyến, đến cung điện, Mutasim Anh tuấn – người mãi chu du ngoại quốc nên chưa biết tin đồn về ngoại hình biến dạng của em – đắm ám ảnh về chuyện xem mặt em; cậu tương tư lẫn lóc trước cái nhìn của đôi mắt e lệ mà cậu được thấy qua tấm vải khoét lỗ.

Những ngày ấy, Tổng thống Pakistan đã ra sắc lệnh bầu cử; dự kiến sẽ diễn ra một ngày sau lễ đính hôn, theo một hình thức bỏ phiếu có tên là Dân chủ Đại diện. Một trăm triệu người Pakistan được chia làm một trăm hai mươi phần xấp xỉ bằng nhau, mỗi phần do một Đại Cử tri đại diện. Đoàn bầu cử, gồm một trăm hai mươi nghìn “ĐCT” này sẽ bỏ phiếu bầu ra Tổng thống. Ở Kif, 420 Đại Cử tri gồm giáo sĩ, thợ quét rác, tài xế của Nawab, và nhiều nông dân trồng hashish^[25] nộp tô ở đồn điền của Nawab, và các thần dân trung thành khác; Nawab đã mời tất cả họ dự lễ henna của con gái^[26]. Ông, tuy vậy, buộc phải mời hai gã badmash, hai sĩ quan xuất ngũ của Đảng Liên minh Đối lập. Hai gã badmash

này không ngọt mềm cài cọ nhau, nhưng Nawab vẫn nhã nhặn và hiếu khách. “Tối nay các vị là quý khách của tôi,” ông bảo chúng, “còn ngày mai là chuyện khác.” Hai gã badmash ngầu ngiên như chưa bao giờ nhìn thấy đồ ăn, nhưng mọi người – kể cả Mutasim Anh tuấn, vốn kém cha cậu về khoản nhẫn nại – đều được dẫn phải thết đãi chúng tử tế.

[25] Một dạng cây thuốc phiện phổ biến ở Ấn Độ và Trung Đông.

[26] Nghi thức vẽ hoa văn bằng phẩm màu (làm từ cây henna) lên người cô dâu.

Quý vị sẽ không ngạc nhiên khi biết rằng, Đảng Liên minh Đối lập (C.O.P) quy tụ toàn những kẻ lưu manh và vô lại nhất hạng, đoàn kết với nhau chỉ bởi quyết tâm lật đổ Tổng thống và quay về thời kỳ tồi tệ trước kia khi chính quyền dân sự, thay vì quân sự, là những kẻ móc túi công khó; nhưng chẳng rõ vì đâu, chúng lại kiếm được một thủ lĩnh đức cao vọng trọng. Đó là Phu nhân Fatima Jinnah, em gái của người sáng lập quốc gia, một phụ nữ già nua khô héo đến mức Nawab ngỡ rằng bà đã chết lâu rồi và được nhồi rom bởi một nghệ nhân bậc thầy – một phán đoán được sự ủng hộ của cậu con, người từng xem một bộ phim tên là *El Cid*, trong đó một người chết đã dẫn đoàn quân ra trận... nhưng dù thế nào thì bà ta vẫn ở đó, tham gia tranh cử vì bất mãn trước việc Tổng thống bất lực trong việc hoàn thành ộp cằm thạch lăng của anh bà; một địch thủ đáng gờm, vì miễn nhiệm mọi vụ không và hiềm nghi. Người ta còn bảo việc bà phản đối Tổng thống đã lung lay niềm tin của dân chúng ở ông – ông há chẳng phải là, nói cho cùng, sự tái sinh của các anh hùng vĩ đại của đạo Hồi năm xưa? Của Muhammad bijn Sam Ghuri, của Iltutmish^[27] hay các Đại đế Mughal? Ngay ở Kif, Nawab thấy đề can của C.O.P xuất hiện ở những nơi kỳ quái; thậm chí còn có kẻ cả gan dán một tấm lên cốp chiếc Rolls-Royce. “Loạn rồi,” Nawab bảo con trai. Mutasim đáp, “Đó là những gì bầu cử đem lại – bọn cọ nhà xí và phỏ may phải bỏ phiếu bầu ra người cầm quyền?”

[27] Shams-ud-din Iltutmush, Sultan thứ ba của vương triều Mamluk gốc Thổ ở Delhi.

Nhưng hôm nay là một ngày vui; trong khuê phòng, chị em vẽ những hoa văn henna tinh tế lên bàn tay và chân của con gái Nawab; Đại tướng Zulfikar cùng công tử Zafar sẽ sớm xuất hiện. Giới cai trị tại Kif gạt bỏ cuộc bầu cử ra khỏi đầu, từ chối nghĩ đến hình hài rệu rã của Fatima Jinnah, mader-i-millat hay là người mẹ của dân tộc, người quá đỗi lạnh lùng lựa chọn con đường làm phức tạp thêm việc lựa chọn của các con bà.

Nơi diễn ra bữa tiệc của Jamila Ca sĩ, niềm vui cũng đang ngự trị. Cha em, một nhà sản xuất khăn tắm, người dường như không thể xa lìa bàn tay mềm mại của vợ mình, kêu lên, “Thấy chưa? Con gái ai đang biểu diễn kia? Có phải con nhà Haroon không? Là con gái nhà Valika? Hay khuê nữ nhà Dawood hay Saigol? Còn khuya!” ... Nhưng Saleem con ông, một gã trai bất hạnh có gương mặt như tranh biếm họa, dường như bị bóp nghẹt trong một nỗi bất an sâu kín, có lẽ bị ngợp trước việc mình luôn có mặt ở những sự kiện lịch sử lớn lao; gã liếc cô em gái tài năng với một vẻ gì đó nhìn như nỗi hổ thẹn trong ánh mắt.

Chiều hôm đó, Mutasim Anh tuấn dắt Saleem anh trai Jamila ra một góc và cố gắng làm thân với gã; cậu dắt Saleem đi xem đàn công nhập từ Rajasthan trước khi Chia cắt và bộ sưu tập sách bùa chú quý giá của Nawab, từ đó cậu lấy ra những lá bùa và thần chú sẽ giúp cậu trị vì một cách anh minh; và trong lúc Mutasim (vốn dĩ không phải mẫu người trẻ thông minh hay thận trọng gì lắm) đưa Saleem đi quanh sân polo, cậu thú nhận mình đã viết một đạo bùa-yêu lên một tấm da, với hy vọng áp được nó

lên tay nàng Jamila nổi danh và làm nàng phải lòng mình. Đến lúc này Saleem bắt đầu có hơi hướm một con chó cắn cẩu và toan bỏ đi; nhưng Mutasim quay sang nài nỉ muốn biết Jamila Ca sĩ thật sự trông ra sao. Saleem, dù vậy, giữ im lặng; cho đến khi Mutasim, nổi một cơn si mê cuồng dại, xin được gã đưa đến gần Jamila để áp lá bùa lên tay nàng. Giờ Saleem, với một ánh mắt giảo hoạt mà chàng Mutasim trúng tia sét ái tình không nhận thấy, bảo, “Đưa lá bùa đây”; và Mutasim, người, tuy am hiểu địa lý các thành phố châu Âu, nhưng lại ngây thơ về ba chuyện ma thuật, bèn giao lá bùa cho Saleem, tưởng rằng nó vẫn sẽ linh nghiệm nhân danh cậu, kể cả khi do người khác dán.

Bóng tối buông xuống hoàng cung; đoàn xe chở Đại tướng và Begum Zulfikar, công tử Zafar, và các bạn hữu của họ, đều đã tới. Nhưng giờ gió bỗng đổi chiều, bắt đầu thổi từ phương Bắc: một trận gió lạnh, cũng là một trận gió làm say người, vì ở phía Bắc của Kif có những đồng hashish phì nhiêu nhất, và vào mùa này trong năm, cây cái đã chín và đến kỳ phát dục. Không khí tràn ngập hương dục vọng nồng nàn của loài cây này, và ai hít phải đều bị phê thuốc đến một độ nào đó. Cơn cuồng hi ngây ngô của hashish đã tác động lên các tài xế của đoàn hộ tống, vốn phải nhờ vận may cùng cực mới đến được cung điện, sau khi đã hát tung một cơ số hiệu cắt tóc vỉa hè và đột nhập ít nhất một quán trà, để lại người dân xứ Kif lo âu không biết những cỗ xe không ngựa tân kỳ này, sau khi đã đánh cắp đường phố, giờ có tịch biên nốt nhà họ không.

Trận gió Bắc xâm nhập cái mũi khổng lồ và nhạy cảm cao độ của Saleem, anh trai Jamila, và làm gã dờ dẩn đến nỗi ngủ quên trong phòng; và bởi vậy bỏ lỡ những sự kiện của một buổi tối mà, về sau gã nghe kể lại, trận gió hashish đã biến đổi thái độ của quan khách trong lễ đính hôn, làm họ cười rũ rượi và đăm đuôi nhìn nhau đầy khiêu khích bằng những cặp mắt nặng trĩu; các viên Tướng đeo tua ngù ngồi giăng chân trên ghế thếp vàng và mơ tới Thiên Đường. Lễ mehndi^[28] diễn ra trong một bầu không khí phủ phê hết sức buồn ngủ đến nỗi không ai hay biết chú rể đã hoàn toàn thả lỏng đến mức tè ra quần; và cả hai gã badmash hay hục hặc của C.O.P cũng nắm tay nhau hát dân ca. Và khi Mutasim Anh tuấn, bị ngấm tinh lực dồi dào của cây hashish, toan lao vào sau tấm màn lụa thêu kim tuyến với duy nhất một cái lỗ, Thiều tá Alauddin Latif đã kiềm chế cậu với vẻ tươi cười hoan hỉ, ngăn cậu nhìn mặt Jamila Ca sĩ mà thậm chí chưa cần cho cậu chảy máu mũi. Buổi tối kết thúc với toàn bộ quan khách ngủ gục tại bàn; riêng Jamila Ca sĩ được ngài Latif cười toe toét và ngái ngủ hộ tống về phòng.

[28] Tíc là lễ vẽ henna.

Vào nửa đêm, Saleem tỉnh dậy thấy mình vẫn nắm chặt lá bùa ma thuật của Mutasim Anh tuấn trong tay phải; và vì cơn gió Bắc vẫn đang thổi nhẹ nhàng vào căn phòng, gã đi đến quyết định sẽ, đi dép và mặc áo ngủ, lên qua những hành lang tối tăm của cung điện đẹp đẽ này, qua tập hợp mọi phế tích của một thế giới đang mục nát: những bộ giáp gỉ sét và những tâm thảm lâu đời cung cấp hàng thế kỷ thức ăn cho cả tỷ con nhậy trong cung điện, cá chép khổng lồ bơi trong đại dương thủy tinh, và vô số chiến lợi phẩm đi săn trong đó có một con gà gô vàng đã xin màu đậu trên chân để gỡ tét, kỷ niệm ngày một Nawab tiền nhiệm, trong cuộc đi săn cùng Nam tước Curzon^[29] và đoàn tùy tùng, đã hạ 111, 111 con gà gô trong một ngày; gã lên qua những bức tượng chim chết đến khu khuê phòng nơi phụ nữ trong cung điện đang ngủ, rồi, hếch mũi đánh hơi, gã chọn một cánh cửa, xoay nắm đấm lên vào.

[29] Toàn quyền Anh tại Ấn Độ vào đầu thế kỷ 20.

Một chiếc giường đồ sộ mắc màn chống muỗi đón luồng ánh sáng không màu từ vầng trăng nửa đêm đầy kích động; Saleem bước về phía nó, rồi dừng lại, bởi gã vừa thấy, ở cửa sổ, hình dáng một người đàn ông đang cố leo vào phòng. Mutasim Anh tuấn, bị cơn cuồng si và trận gió hashish biến

thành trơ trẽn, đã quyết tâm xem mặt Jamila, bằng mọi giá... Và Saleem, vô hình trong bóng tối của gian phòng, quát lên: “Giơ tay lên! Nếu không ta bắn!” Saleem chỉ bốc phét; nhưng Mutasim, tay vẫn bám vào bậc cửa sổ và chịu toàn bộ trọng lượng của cậu, không biết điều đó, và rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan: cứ bám và bị bắn, hay buông tay và ngã? Cậu cố gắng phản bác, “Cả cậu cũng không được ở đây,” cậu bảo, “tôi sẽ mách Amina Begum.” Cậu đã nhận ra giọng kẻ uy hiếp mình; nhưng Saleem bèn chỉ ra thế yếu của cậu, và Mutasim, sau khi nài nỉ “Được rồi, nhưng đừng có bắn,” được phép tụt xuống theo đường cậu đã leo lên. Sau hôm đó, Mutasim thuyết phục cha cậu đưa ra lời cầu hôn chính thức với cha mẹ Jamila; nhưng em, được sinh ra và nuôi lớn thiếu vắng tình yêu, vẫn giữ nỗi căm ghét cũ với tất cả những kẻ nói yêu em, nên từ chối cậu ta. Cậu bỏ Kif đến Karachi, nhưng em vẫn không đoái hoài những lời cầu hôn dai dẳng của cậu ta; rồi cuộc cậu nhập ngũ và hy sinh trong cuộc chiến tranh năm 1965.

Bi kịch của Mutasim Anh tuấn, dầu vậy, chỉ là một tình tiết thứ yếu trong câu chuyện của chúng ta; bởi lúc này Saleem và em gái còn lại một mình, và em, bị cuộc trao đổi giữa hai gã trai đánh thức, bèn hỏi, “Saleem? Có chuyện gì thế?”

Saleem lại gần giường em; tay gã lần tìm tay em; và lá bùa được áp lên da em. Chỉ đến lúc này Saleem, lười mềm ra bởi ánh trăng và cơn gió thấm đẫm dục vọng, mới phé bỏ mọi ý niệm về sự thuần khiết và thú nhận tình yêu của mình cho cô em đang há miệng ngờ ngàng.

Một khoảnh khắc im lặng; rồi em thốt, “Ôi, không, sao anh có thể...”, song ma thuật của lá bùa đang tranh đấu với mãnh lực của lòng căm ghét tình yêu trong em; nên mặc dù cơ thể em cứng lại và co giật như một đồ vật, em vẫn nghe gã giải thích rằng không có tội lỗi gì cả, gã đã nghĩ thông rồi, xét cho cùng, họ không phải là anh em thực sự; máu chảy trong huyết quản của gã và em không phải là một; trong cơn gió của cái đêm rồ dại ấy gã cố gắng tháo gỡ mọi nút thắt mà kể cả lời thú nhận của Mary Pereira cũng không làm nổi; nhưng ngay trong lúc nói gã đã có thể nghe thấy lời mình trống rỗng, và nhận ra mặc dù điều gã nói là sự thật rành rành, nhưng còn có những sự thật khác đã trở nên quan trọng hơn bởi chúng đã được hợp pháp hóa theo thời gian; và mặc dù không việc gì phải hổ thẹn hay kinh hãi, gã nhìn thấy hai cảm xúc đó trên trán em, gã ngửi thấy chúng trên da em, và, tồi tệ hơn, gã cảm thấy và ngửi thấy chúng trong và trên chính bản thân mình. Vậy là, cuối cùng, kể cả tấm da ma thuật của Mutasim Anh tuấn cũng không đủ quyền năng mang Saleem Sinai và Jamila Ca sĩ lại bên nhau; gã rời phòng em mà đầu cúi gằm, theo sau là ánh mắt như con nai hoảng hốt của em; và sẽ tới lúc hiệu lực của câu thần chú hoàn toàn tan biến, và em giáng một đòn trả thù khủng khiếp. Khi gã rời phòng những hành lang của cung điện đột nhiên tràn ngập tiếng hét hãi hùng của nàng quận chúa mới hứa hôn, người vừa bừng tỉnh khỏi giấc mơ về đêm tân hôn trong đó chiếc giường cưới của nàng bỗng nhiên và không rõ vì đâu đầm đìa một thứ chất lỏng khai khai màu vàng; sau đấy, nàng bắt đầu dò hỏi, và khi biết được sự thật có tính tiên tri của giấc mơ này, liền hạ quyết tâm không bao giờ dậy thì chừng nào Zafar còn sống, nhờ đó nàng có thể ở lại tấm cung và tránh được nỗi kinh hoàng khai nồng của sự yếu hèn của hấn.

Sáng hôm sau, hai tên badmash của đảng Liên minh Đối lập tỉnh giấc thấy mình đã trở về giường tự bao giờ; nhưng khi mặc xong quần áo, chúng mở cửa phòng và thấy hai trong số những người lính đô con nhất Pakistan bên ngoài, đứng hòa bình ở đó với hai cây súng bông chèo, bịt kín lối ra. Hai tên badmash hết la hét lại phỉnh phờ, nhưng hai người lính trấn thủ ở đây đến khi các hòm phiếu được niêm phong; rồi họ lặng lẽ rút lui. Hai tên badmash đi tìm Nawab, thấy ông ta trong vườn hồng đẹp hiếm có của mình; chúng hoa tay múa chân và to tiếng; những lời lẽ như nhạo-báng-công-lý được nói ra, và trò-bầu-cử-dối-trên-lừa-dưới; rồi thì thủ đoạn hèn hạ; nhưng Nawab chỉ cho chúng thấy mười ba giống hồng Kin do chính tay ông lai tạo. Chúng tiếp tục lèm bèm – cái-chết-của-dân-chủ, bạo-chúa-chuyên-quyền – cho đến khi ông ta cười đầm đìa, đầm đìa, rồi nói, “Các bạn ạ, hôm qua con gái ta đính ước với Zafar Zulfikar; không bao lâu, ta hy vọng, đứa kia sẽ cưới chính quý tử của Tổng thống. Thử nghĩ xem – ta sẽ mất thể diện thế nào, ta sẽ ô danh ra sao, nếu như có dù chỉ một lá phiếu ở Kif chống lại thông gia tương lai của ta! Các bạn, ta là một kẻ coi trọng danh dự; cho nên cứ ở nhà ta, ăn, uống; chỉ đừng hỏi xin điều ta không thể cho.”

Và tất cả chúng tôi sống hạnh phúc... dù gì đi nữa, dù thiếu cái kết hư cấu truyền thống của cổ tích, câu chuyện của tôi quả thật vẫn kết thúc một cách hoang đường; bởi khi các Đại Cử tri hoàn thành nhiệm vụ, các báo *Jang*, *Bình minh*, *Thời báo Pakistan* đều loan báo thắng lợi áp đảo của đảng Liên đoàn Hồi giáo của Tổng thống trước đảng Liên minh Đối lập của Mader-i-Millat; và qua đó chứng minh cho tôi rằng tôi chỉ là kẻ tung-hứng-sự-thật khiêm nhường nhất; và rằng ở một đất nước mà sự thật là cái được người ta chỉ đạo là sự thật, hiện thực đúng nghĩa gần như đã ngừng tồn tại, thế nên điều gì cũng có thể là thật trừ cái mà người ta bảo ta là thật; và có lẽ đây chính là khác biệt giữa tuổi thơ Ấn Độ và tuổi thiếu niên Pakistan của tôi – rằng ở thời kỳ thứ nhất tôi bị bao vây bởi một vô hạn những hiện thực khác nhau, trong khi ở thời kỳ thứ hai tôi trôi dạt, mất phương hướng, giữa một số lượng cũng bất tận như thế những giả tạo, phi hiện thực và lừa dối.

Một chú chim nhỏ thì thâm vào tai tôi: “Phải công bằng chứ! Không ai, không nước nào, độc quyền về sự giả dối hết.” Tôi chấp nhận lời phê bình; tôi biết, tôi biết. Và, nhiều năm sau, mẹ Góa phụ biết. Và Jamila: người mà với em điều-được-hợp-pháp-hóa-là-sự-thật (bởi Thời gian, bởi thói quen, bởi tuyên bố của người bà, bởi sự thiếu trí tưởng tượng, bởi sự đón nhận của người cha) đã chứng tỏ xác tín hơn điều em vẫn biết là sự thật.

Chương 23: Saleem đạt đến sự thuần khiết ra sao

Cái đang chờ được kể: sự tái xuất của tiếng tích tắc. Nhưng giờ thời gian đang đếm ngược đến một cái kết, không phải một sự ra đời; và cũng cần nhắc tới một nỗi uể oải, một cơn mệt mỏi rộng khắp sâu sắc đến độ cái kết, khi nó đến, sẽ là lối thoát duy nhất, bởi vì con người, cũng như các quốc gia và nhân vật hư cấu, hoàn toàn có thể mất hết động lực, và khi đó chẳng còn gì hơn ngoài việc kết thúc với

chúng.

Vàng trắng rụng mất một mảnh còn Saleem đã đạt đến sự thuần khiết ra sao... đồng hồ đang tích tắc; và bởi vì mọi cuộc đếm ngược đều cần số không... cho phép tôi thông báo: hồi kết đến vào ngày 22 tháng Chín năm 1965; và thời khắc chính xác khi kim-chạy-về-không là, lẽ tất yếu, đúng nửa đêm. Mặc dù chiếc đồng hồ tháp cũ ở nhà bác Alia tôi (vốn chỉ đúng giờ nhưng luôn reo chuông chậm hai phút) không hề có cơ hội đồ chuông.

Bà ngoại tôi Naseem Aziz tới Pakistan vào giữa năm 1964, bỏ lại sau lưng một Ấn Độ nơi cái chết của Nehru đã châm ngòi một cuộc chiến giành quyền lực gay gắt. Moraji Desai, Bộ trưởng Tài chính, và Jagjivan Ram, nhân vật thế lực nhất giới tiện dân, đã đoàn kết nhằm quyết tâm ngăn chặn sự thành lập một vương triều của nhà Nehru^[1]; bởi thế Indira Gandhi đã bị khước từ quyền lãnh đạo. Tân Thủ tướng là Lal Bahdur Shastri, một thành viên khác của thế hệ các chính khách có vẻ như đã được ngâm dung dịch bất tử; tuy nhiên, trong trường hợp của Shastri, đó chỉ là maya, ảo tưởng. Nehru và Shastri đều đã chứng minh đầy đủ tính bất tử của mình; song vẫn còn đó những kẻ khác, siết chặt Thời gian trong những ngón tay xác ướp và từ chối để nó vận động... tuy nhiên, ở Pakistan, đồng hồ vẫn tiếp tục tích tắc.

[1] Indira Gandhi là con gái duy nhất của Nehru, do đó việc Indira có cơ hội lên nắm quyền Thủ tướng được Rushdie ám chỉ là hình thành một vương triều của nhà Nehru.

Ngoài mặt, Mẹ Bề trên không tán thành sự nghiệp của em tôi; nó có hơi hướng ngôi sao màn bạc quá rõ. “Gia đình ta, cái gì không biết,” bà thờ dãi với Pia mumani, “còn khó kiểm soát hơn cả giá xăng.” Tuy nhiên, có thể bà lại ngấm ngầm ấn tượng, vì bà vốn kính nể quyền lực và địa vị và Jamila bây giờ đã được coi trọng đến mức được chào đón tại những nhà quyền thế và danh vọng nhất xứ này... bà tôi định cư tại Rawalpindi; tuy nhiên, với một biểu hiện lạ lùng của tinh thần độc lập, bà quyết định không sống ở dinh cơ của Đại tướng Zulfikar. Bà và vợ Pia dọn đến một ngôi bungalow khiêm nhường ở khu phố cũ của Karachi; và chung tiền tiết kiệm lại mua thương quyền của cây xăng hằng-mơ-ước.

Naseem không bao giờ nhắc tới Aadam Aziz, cũng không thấy bà thương nhớ ông; như thể bà thấy nhẹ nhõm khi người ông cầm câu của tôi, người thời trẻ từng khinh miệt phong trào Pakistan và nhiều khả năng là đổ tội cho Liên đoàn Hồi giáo vì cái chết của Mian Abdullah bạn ông, bằng cách chết đi đã cho phép bà một mình đi đến Xứ sở của những kẻ Thuần khiết. Quay lưng lại với quá khứ, Mẹ Bề trên tập trung vào xăng và dầu. Cây xăng có vị trí đặc địa, ở gần đường cao tốc Rawalpindi-Lahore – nó làm ăn rất khá. Pia và Naseem thay phiên ngồi trọn ngày trong buồng kính dành cho quản lý trong khi nhân viên đổ xăng cho ô tô và xe tải Quân đội. Họ chứng tỏ là một cặp đôi hoàn hảo. Pia thu hút khách hàng bằng ngọn hải đăng nhất mực từ chối phai mờ của nhan sắc; trong lúc Mẹ Bề trên, bị niềm đau góa bụa biến thành một người đàn bà quan tâm đến đời người khác hơn chính đời mình, bắt đầu mời khách hàng vào buồng kính làm mấy chén hồng trà Kashmir; ban đầu họ nhận lời với đôi chút e dè, nhưng khi nhận ra bà cụ không định làm khổ họ bằng trò kể lể chuyện xưa bất tận, họ thư giãn, lỏng cổ áo và lưỡi, và Mẹ Bề trên có thể đắm mình trong sự vô danh đầy ơn phước của những cuộc đời người khác. Trạm xăng nhanh chóng nổi tiếng khắp vùng, đám tài xế bắt đầu đi chệch tuyến đường để

tạt vào đây - thường là hai ngày liên tiếp, để vừa mãn nhãn với người mơ thần thánh vừa được dốc bầu tâm sự với người bà muôn đời kiên nhẫn của tôi, người đã hình thành đặc tính thấm hút như một miếng bọt biển, và luôn đợi đến khi khách đã hoàn toàn kết thúc mới vắt khỏi môi dăm giọt lời khuyên đơn giản, chắc nịch – trong khi ô tô của họ được nhân viên đổ xăng và đánh bóng, bà tôi sẽ nạp lại và đánh bóng đời họ. Bà tọa trong buồng xung tôi bằng kính của mình và giải quyết những ưu phiền của thế gian; gia đình bà, dù vậy, dường như đã mất sự quan trọng trong mắt bà.

Rậm rìa, mầu quyền, kiêu hãnh: Naseem Aziz đã tìm ra cách riêng để đối diện với thảm kịch; nhưng trong quá trình tìm ra nó bà đã biến thành nạn nhân đầu tiên của cái tình thần uể oải lãnh đạm đã biến kết thúc thành lối thoát khả thi duy nhất. (Tích, tác.)... Tuy nhiên, bề ngoài, bà không thể hiện một chút ý định nào là sẽ theo chồng vào khu vườn long não^[2] dành cho người ngay thẳng; có vẻ bà có nhiều điểm chung hơn với các nhà lãnh đạo Bành tồ của Ấn Độ bị bà từ bỏ. Bà ngày càng to ra, với một tốc độ báo động; đến nỗi bà phải gọi thợ đến nới rộng buồng kính. “Làm to thật to vào,” bà chỉ đạo, với một tia hải hược hiếm hoi, “Biết đâu trăm năm nữa ta vẫn ở đây, cái gì không biết, và có Chúa mới biết lúc ấy ta to bằng ngần nào; ta không muốn cứ mười mười hai năm lại phải phiền đến các anh.”

[2] Theo Kinh Quran: người lương thiện sẽ được uống trong chiếc cốc ướp trong Suối Long não, nơi những kẻ phụng sự Chúa thanh tẩy bản thân.

Pia Aziz, tuy vậy, không bằng lòng với cuộc đời “xăng dầu xe cộ.” Mơ bắt đầu một chuỗi dan díu với các đại tá vận động viên cricket cầu thủ polo nhà ngoại giao, điều rất dễ giấu diếm một Mẹ Bè trên đã không còn quan tâm đến việc làm của mọi người trừ khách lạ; nhưng mặt khác lại là đề tài đàm tiếu của cả một thành phố mà nói cho cùng khá nhỏ. Di Emerald quở trách Pia; mơ đáp, “Cô muốn tôi suốt đời rên rỉ và bứt tóc? Tôi hãy còn trẻ, người trẻ thì có quyền vui tìm một chút.” Emerald mím môi: “Nhưng phải đứng đắn một tí... còn danh giá gia đình...” Pia hất đầu. “Đứng đắn phần cô, em gái,” mơ nói, “còn tôi, tôi sẽ sống.”

Nhưng tôi thấy như có gì đó trống rỗng trong sự lập ngôn của Pia; rằng cả mơ cũng cảm thấy cá tính của mình rút kiệt dần theo năm tháng; rằng những cuộc yêu đương cuồng nhiệt là nỗ lực tuyệt vọng cuối cùng của mơ để hành xử “xứng tầm” – theo cách một phụ nữ như mơ phải làm. Lòng mơ không ở đây; đâu đó bên trong mình, mơ cũng đang chờ đợi một kết thúc... Gia đình tôi luôn dễ tổn thương trước những thứ từ trên trời rơi xuống, kể từ khi Ahmed Sinai ăn cái tát của bàn tay kền-kền-đánh-rơi; và sét đánh giữa trời là chuyện chỉ còn một năm nữa.

Sau tin ông tôi mất và việc Mẹ Bè trên đến Pakistan, tôi bắt đầu liên tục mơ về Kashmir; mặc dù tôi chưa từng đặt chân tới Shalimar-bagh, tôi làm điều đó về đêm; tôi bồng bênh trên shikara và leo lên đồi Sankara Acharya như ông tôi từng làm; tôi thấy củ sen và dãy núi như hàm răng gặm ghè. Điều này cũng có thể xem như biểu hiện của sự cô lập đã tác động tới tất cả chúng tôi (trừ Jamila, người đã có Chúa và đất nước giúp em tiếp bước) - một nhắc nhở về sự tách biệt của gia đình tôi với Ấn Độ lẫn Pakistan. Tại Rawalpindi, bà tôi uống hồng trà Kashmir, ở Karachi, cháu bà tắm trong một dòng nước hồ gĩa chưa hề thấy. Chẳng bao lâu nữa giấc mơ Kashmir sẽ ngấm vào đầu óc toàn bộ người dân Pakistan; mối-liên-hệ-với-lịch-sử từ chối bỏ rơi tôi, và tôi thấy giấc mơ của mình, vào năm 1965, biến thành tài sản chung của cả dân tộc, thành một nhân tố đặc biệt quan trọng của cái kết sắp đến, khi đủ mọi thứ trên trời rơi xuống, và tôi cuối cùng đã được thanh tẩy.

Saleem không thể chìm xuống sâu hơn: tôi có thể ngửi thấy, trên người tôi, xú khí bề-phốt của sự bất chính. Tôi đã tới Xứ sở của những kẻ Thuần khiết, và lại tìm vui với gái điếm – khi đáng lẽ phải khởi đầu một cuộc sống mới, ngay thẳng, thì tôi lại, thay vào đó, cho ra đời một tình yêu không thể nói tới (và không được đáp lại). Bị ám ảnh bởi những dấu hiệu đầu tiên của tư tưởng định mệnh rồi đây sẽ chế ngự tôi, tôi cưỡi con Lambretta chạy khắp thành phố; Jamila và tôi tránh mặt nhau càng nhiều càng tốt, không thể, lần đầu tiên trong đời, nói với người kia lấy một lời.

Thuần khiết – cái lý tưởng cao cả nhất! – cái phẩm chất thiên thần được lấy làm tên cho Pakistan, và rỏ xuống từ từng nốt nhạc trong những bài hát của em tôi! – có vẻ đã ở rất xa; làm sao tôi biết rằng lịch sử - vốn có thẩm quyền tha thứ cho những kẻ phạm tội - ở thời điểm ấy lại đang đếm ngược đến giây phút nó sẽ, chỉ bằng một chiêu, gột rửa tôi từ đầu đến chân?

Cùng lúc đó, những thế lực khác đều đang phát huy ảnh hưởng; Alia Aziz bắt đầu trút xuống đòn báo thù khủng khiếp của bà cô ế chồng.

Những ngày ở Guru Mandir: mùi trà, mùi đồ ăn, mùi ngọt ngạt từ bóng râm của ngọn tháp, ngón tay dài, đang chỉ của giáo đường; trong khi niềm căm hận của bác Alia đối với người đàn ông đã bỏ rơi mình và cô em gái đã lấy hấn ta hóa thành một thứ hữu chất, hữu hình, nó lù lù trên tấm thảm ở phòng khách của bà như một con tắc kè vĩ đại, bốc mùi nôn mửa; nhưng xem ra tôi là người duy nhất ngửi thấy, vì kỹ năng che giấu cảm xúc của Alia đã phát triển nhanh không kém gì bộ râu trên cằm bà cũng như sự thuần thực của bà trong việc sử dụng thạch cao để, mỗi tối, vật trụi hàm râu của mình đến tận chân.

Đóng góp của bác Alia tôi vào vận mệnh các quốc gia – thông qua trường tiểu học và trung học của bà – không thể bị coi nhẹ. Cho phép nổi bi phần gái già ngấm vào giáo trình, gạch ngói và cả học trò tại cơ sở giáo dục song sinh của mình, bà đã nuôi dạy nên một bộ lạc những trẻ con và thiếu niên luôn cảm thấy mình bị ám ảnh bởi một lòng thù hận xa xưa, mà không rõ tại sao. Ôi sự căn cổ hiện diện muôn nơi của các trinh nữ già! Nó biến lớp sơn tường nhà bà thành chua chát; bàn ghế nhà bà lồi lên vì bị nhồi nhét quá nhiều cay đắng; nỗi ức chế gái già được khâu vào các nếp rèm. Như rất lâu trước đây từng được khâu vào những món đồ con nít của nỗi cay đắng, thoát ra từ vết nứt của thế gian.

Niềm vui của bác Alia: nấu ăn. Thứ bà đã, qua bao năm tháng thống hận trong cô độc, nâng lên tầm nghệ thuật: kỹ năng tiêm nhiễm cảm xúc vào thức ăn. Đối thủ trên cơ bà về thành tựu trong lĩnh vực này: ayah cũ của tôi, Mary Pereira. Kẻ, ngày nay, đã vượt mặt cả hai đầu bếp kỳ cựu ấy: Saleem Sinai, thợ-cả-ngâm-rau-quả của nhà máy rau quả dầm Braganza... dù gì đi nữa, trong thời gian chúng tôi sống tại tư gia của bà ở Guru Mandir, bà cho chúng tôi ăn biriani bất hòa và nargisi kofta xịch mích; và dần dà từng chút một, đến cả sự hòa hợp của tình yêu tuổi xé chiều ở cha mẹ tôi cũng bắt đầu

lạc nhịp.

Nhưng cũng phải kể đến những ưu điểm của bác tôi. Về chính trị, bà phản đối gay gắt thứ nhà-nước-quân-đội-bảo-sao-làm-vậy; giá thử bà không có một viên Đại tướng làm em rể, hai ngôi trường tiểu học và trung học chắc đã bị tước khỏi tay bà từ lâu. Tôi xin phép không mô tả bà hoàn toàn qua lăng kính tăm tối của tâm trạng chán nản của cá nhân tôi: bà từng lưu giảng tại Liên Xô và Mỹ. Đồng thời, đồ ăn bà nấu rất ngon. (Bất chấp thành phần bí mật của chúng.)

Nhưng không khí và đồ ăn trong ngôi nhà dưới bóng thánh đường ấy bắt đầu gây hậu quả... Saleem, dưới sự xáo trộn kép của mối tình khốn khổ và thức ăn của Alia, bắt đầu mất ngủ như gấc mỗi khi hình ảnh em gái hiện lên trong tâm trí; trong khi Jamila, bị thôi thúc một cách vô thức bởi nỗi mong mỏi không khí trong lành và thức ăn không nếm những cảm xúc đen tối, ngày càng ít ở nhà, mà thay vào đó lưu diễn ngược xuôi khắp đất nước (nhưng không bao giờ đến Cánh Đông). Vào những dịp ngày một hiếm hoi khi hai anh em thấy mình ở cùng một phòng, cả hai sẽ nhảy dựng lên, hoảng hốt, cách đất một tấc, rồi đáp xuống, nhìn chăm chăm vào chỗ vừa nhảy khỏi, như thể chỗ đấy đột nhiên nóng giãy như lò bánh mì. Những lần khác, cả hai tự cho phép mình có những hành xử mà ý nghĩa của chúng chắc đã rõ như ban ngày, nếu không phải tâm trí mỗi người trong nhà còn vướng bận những việc khác: chẳng hạn, Jamila bắt đầu đeo tấm mạng đi đường vàng-trắng cả ở nhà cho đến khi biết chắc anh mình đã ra ngoài, cho dù em thấy vầng đầu vì nóng; trong khi Saleem – người vẫn tiếp tục, với tác phong nô lệ, đi lấy bánh mì men nở từ nữ tu viện dòng Santa Ignacia – tránh đưa bánh tận tay em; thỉnh thoảng gã nhờ bà bác đọc địa làm trung gian. Alia nhìn gã với vẻ hài hước rồi hỏi, “Sao thế, cậu bé – không mắc bệnh truyền nhiễm chứ hả?” Saleem mặt đỏ bừng bừng, sợ rằng bà đã đoán ra chuyện gã qua lại với gái ăn sương; và có thể thế thật, nhưng bà đang rình con cá to hơn.

... Gã bắt đầu có thiên hướng chìm trong những cơn lặng lẽ dài, trầm tư, rồi tự mình phá vỡ nó khi đột nhiên bật ra một từ vô nghĩa: “Không!” hay “Nhưng!”, hay thậm chí những tiếng cảm thán bí hiểm hơn, như “Bang!” và “Whaam!” Những lời vô nghĩa giữa những cơn im lặng mờ mịt: như thể Saleem đang thực hiện một cuộc đối thoại nội tâm căng thẳng tới độ đến mức từng mẩu vụn, hoặc là nỗi đau của nó, chốc chốc lại sủi lên bề mặt của môi gã. Sự bất ổn nội tâm này đích thực đã bị món cà ri bất an mà chúng tôi buộc phải ăn làm trầm trọng hơn; và sau cùng, khi Amina bị đẩy vào tình trạng nói chuyện với những chiếc tủ giặt vô hình còn Ahmed, trong cảnh khốn khổ sau cú đột quy, chẳng còn làm được gì nhiều ngoài nhều dãi và cười ngây ngô, còn tôi thì lặng lẽ dăm chiêu trong tình trạng thu mình khép kín, bác Alia chắc rất hả hê với kết quả của đòn báo thù dành cho nhà Sinai; trừ phi, bản thân bà cũng bị rút kiệt bởi khát vọng bà ấp ủ bấy lâu nay đã hoàn thành; trong trường hợp này, chính bà cũng cạn kiệt hy vọng vào tương lai, và trong tiếng bước chân bà xuất hiện những bội âm trống rỗng khi bà rình mò đi lại trong cái bệnh viện tâm thần là nhà bà, với cái cảm phủ kín thạch cao để nhổ râu, trong khi cháu gái bà nhảy dựng lên khỏi những mảng sàn đột nhiên nóng giãy và cháu trai bà vô cớ rú lên, “Yaa!” và người một thời theo đuổi bà chạy dãi xuống hầm và Amina chào hỏi những hồn ma phục sinh từ quá khứ: “Lại là người đẩy hả; ừ, sao lại không? Xem ra chả có gì chịu biến đi cả.”

Tích, tặc... Vào tháng Một năm 1965, mẹ tôi Amina Sinai phát hiện ra mình có thai lần nữa, sau mười bảy năm. Khi đã chắc chắn, bà đem tin vui này kể cho bà chị Alia, qua đó cho bác tôi cơ hội

hoàn thiện đòn bẩy của mình. Không ai biết Alia đã nói gì với mẹ tôi; thứ bà khuấy vào món ăn đến nay vẫn còn là suy đoán; nhưng tác động đối với Amina thì rất mãnh liệt. Bà bị dẫn dắt bởi ác mộng về một đứa trẻ quái thai có não là củ súp lơ; bà bị bóng ma của Ramram Seth hành hạ, và lời tiên tri cũ về đứa trẻ hai đầu lại làm bà hóa điên một lần nữa. Lúc này mẹ tôi bốn mươi hai tuổi; và nỗi sợ (cả tự nhiên lẫn do Alia khơi dậy) mang thai vào tuổi này đã bào mòn cái hào quang rực rỡ quanh mẹ tôi từ khi bà sản sóc cha tôi hồi sinh trong một tình yêu tuổi xế chiều; dưới sự tác động từ món korma bảo thù của bác tôi – với những dự cảm không lành và bạch đậu khấu làm gia vị - mẹ tôi đâm ra sợ hãi đứa con của bà. Mỗi tháng qua đi, cái tuổi bốn mươi hai của bà bắt đầu gây hậu quả ghê gớm; sức nặng của bốn thập niên tăng lên từng ngày, đè bẹp mẹ tôi dưới tuổi tác của bà. Vào tháng thứ hai, tóc bà bạc trắng. Sang tháng thứ ba, mặt bà rúm lại như một quả xoài héo nẫu. Đến tháng thứ tư, bà đã thành một bà lão, da dày và nhăn, và một lần nữa bị mụn cóc hành hạ, và gặp một hiện tượng bất khả kháng là mọc râu khắp mặt; bà dường như một lần nữa bị phủ một màn sương hồ thẹn, như thể đứa bé là tai tiếng với một phụ nữ hiển nhiên là đã cao tuổi như bà. Khi đứa bé của những ngày tháng hoang mang ấy lớn dần trong bà, sự tương phản giữa sức trẻ của nó và tuổi già của bà ngày càng tăng; chính vào thời điểm này, bà suy sụp xuống chiếc ghế mây cũ và được những bóng ma quá khứ viếng thăm. Sự tan rã của mẹ tôi choáng váng ở tính đột ngột của nó; Ahmed Sinai, chứng kiến trong bất lực, bỗng nhiên thấy mình cạn kiệt dũng khí, hoang mang, không người dẫn lối.

Tới tận bây giờ, tôi vẫn thấy khó viết về những ngày tháng khi mọi hy vọng về tương lai đều kết thúc, khi cha tôi thấy nhà máy khăn bông sụp đổ trong tay mình. Ảnh hưởng của quỷ thuật bếp núc của Alia (tác động lên cả dạ dày ông, khi ông ăn, lẫn mắt ông, khi ông nhìn vợ mình) với ông giờ đây đã rõ mồn một: ông sao nhãng việc quản lý nhà máy, và cáu kỉnh với công nhân.

Để tổng kết sự đổ vỡ của Khăn tắm hiệu Amina: Ahmed Sinai bắt đầu hành xử độc đoán với công nhân như đã một lần, tại Bombay, ông xử tệ với người giúp việc, và cố gắng khắc vào đầu công nhân, thợ dệt lành nghề lẫn thợ đóng gói, những quy tắc vĩnh cửu của quan hệ chủ-tớ. Hậu quả là đội ngũ lao động của ông dần lũ bỏ đi, với những giải thích kiểu, “Tôi không phải thẳng cọt nhà xí của ông, sahib, tôi là thợ dệt chính quy Bạc Một,” và nói chung là từ chối thể hiện lòng biết ơn đúng mức với ông vì đã rủ lòng thuê họ. Bị bóp nghẹt trong cơn thịnh nộ làm quẩn trí của những hộp cơm trưa do bác tôi chuẩn bị, ông đuổi họ đi hết, và thuê một bọn ăn chực làm biếng chỉ rình tẩu tán bông cuộn và linh kiện máy móc, nhưng sẵn sàng khom lưng quỳ gối theo ý chủ; và tỉ lệ khăn lỗi tăng vọt đáng báo động, nhiều hợp đồng không hoàn thành, số khách hàng quay lại giảm đáng báo động. Ahmed Sinai bắt đầu đưa về nhà từng núi – Himalaya! – khăn phế phẩm, bởi vì kho của nhà máy đã đầy tràn những sản phẩm không đạt chuẩn của sự quản lý yếu kém của ông; ông uống rượu trở lại, và tới hè năm ấy ngôi nhà ở Guru Mandir lại ngập trong những lời lẽ tục tĩu xưa cũ của cuộc chiến giữa ông và các tử tinh, và chúng tôi phải lách người đi qua từng ngọn Everest và Nanga Parbat của khăn bông kém phẩm chất xếp dọc cả hành lang lẫn đại sảnh.

Chúng tôi đã tự nộp mình cho nỗi oán giận âm ỉ của bà bác to béo; trừ ngoại lệ duy nhất là Jamila, người ít bị tác động hơn cả vì thường xuyên vắng mặt dài ngày, sự sụp đổ của tất cả chúng tôi đều được bà hàm như ninh kỹ. Đó là một thời kỳ rất đau đớn và hỗn loạn, khi tình yêu của cha mẹ tôi tan rã dưới sức nặng tổng hợp từ đứa con của họ và nỗi uất ức già cỗi của bác tôi; rồi dần dà hỗn loạn và đổ vỡ ngấm qua cửa sổ tòa nhà và chiếm lĩnh từng trái tim và khối óc của dân tộc, thế nên chiến tranh, khi

nó nổ ra, được bọc trong chính cái màn sương mê loạn của phi hiện thực mà cuộc sống của chúng tôi đã bắt đầu lọt vào.

Cha tôi đang đến gần cú đột quy với một tốc độ ổn định; nhưng trước khi quả bom phát nổ trong đầu ông, một ngôi nổ khác đã được đốt: vào tháng Tư năm 1965 chúng tôi nghe tin về những sự kiện kỳ quái ở Rann xứ Kutch.

Trong khi chúng tôi giẫy giụa như ruồi mắc vào lưới nhện báo thù của bác tôi, cối xay lịch sử tiếp tục xoay vần. Uy tín của Tổng thống Ayub đã suy giảm: những điều ông tiếng vẹ về gian lận trong cuộc bầu cử năm 1964 rõ lên, không sao dập được. Rồi còn vấn đề của con trai Tổng thống: Gauhar Ayub, người được tập đoàn Gandhara Industries^[3] bí hiểm của hân biến thành siêu siêu giàu sau có một đêm. Ôi những chương hồi bất tận về các thế-gia-công-tử lưu manh! Gauhar, với mọi trò bắt nạt và chửi bới của hân; sau này, tại Ấn Độ, Sanjay Gandhi với Công ty Ô tô Maruti và Đoàn thanh niên Quốc đại của hân; và mới đây nhất, là Kami Lal Desai... những đứa con vĩ nhân hủy đi tiếng tăm của cha mẹ. Nhưng tôi, cũng có một đứa con trai; Aadam Sinai, bay đến đôi diện với tiền lệ, sẽ đảo ngược xu thế này. Con có thể hơn cha, mà cũng có thể kém... tuy nhiên, vào tháng Tư năm 1965, không khí đang xôn xao về sự làm lỗi của những đứa con. Và con ai đã trèo tường vào Dinh Tổng thống vào ngày 1 tháng Tư – người cha vô danh nào để ra tên thôi tha đã chạy đến gần Tổng thống và nã súng vào bụng ngài? Một số người cha có hồng ân được vô danh trước lịch sử; dù sao chẳng nữa, kẻ ám sát đã thất bại, do súng của gã đã bị hóc một cách kỳ diệu. Con trai ai đó bị cảnh sát giải đi và nhổ từng chiếc răng, chậm lựa đốt từng móng tay; thuốc lá cháy dở không nghi ngờ gì đã được gí vào đỉnh dương vật gã, vì thế chắc gã sát thủ hụt, vô danh ấy cũng chẳng được an ủi bao nhiêu nếu biết rằng gã chẳng qua đã bị cuốn theo một ngọn thủy triều lịch sử trong đó những đứa con trai (sang cũng như hèn) thường xuyên bị đánh giá là hành xử đặc biệt xấu xa. (Không, tôi không định loại trừ bản thân.)

[4] Tập đoàn công nghiệp của Pakistan, do tướng Khan Khattak, bố vợ của Gauhar Ayub thành lập năm 1963.

Cuộc ly dị của tin tức và hiện thực: báo chí trích dẫn các nhà kinh tế nước ngoài – PAKISTAN LÀ HÌNH MẪU CHO CÁC NƯỚC MỚI NỔI – trong khi nông dân (không được lên báo) nguyên rửa cái gọi là “cách mạng xanh”, tố rằng hầu hết các giếng khoan mới đào không dùng được, nhiễm độc, và đặng nào cũng sai vị trí; trong khi các bài xã luận ca tụng sự chính trực của người lãnh đạo đất nước, thì tin đồn, dày đặc như ruồi, đề cập tới các tài khoản ở ngân hàng Thụy Sĩ và xe ô tô mới của con trai Tổng thống. Tờ *Bình Minh* của Karachi nói đến một bình minh khác – QUAN HỆ TỐT ĐẸP ẤN-PAK CHẴNG CÒN BAO XA? – nhưng ở Rann xứ Kutch, lại một đứa con trai kém cỏi nữa sắp phát hiện một câu chuyện khác.

Ở thành thị: ảo ảnh và dối trá; ở phía Bắc, trên vùng núi cao: quân Trung Quốc đang làm đường và lên kế hoạch nổ bom hạt nhân; nhưng đã đến lúc chuyển từ cái tổng thể sang cái cụ thể; hay, chính xác hơn, là sang con trai ngài Đại tướng, em họ tôi, chàng Zafar Zulfikar đái dầm. Người đã trở thành, từ tháng Tư đến tháng Bảy, hình mẫu cho tất cả mọi đứa con trai gây thất vọng của xứ sở này; lịch sử, vận động thông qua gã, cũng đang gờ ngón tay chỉ vào Gauhar, vào Sanjay-của-tương-lai lẫn Kanti-Lal-sắp-tới; và, lẽ tự nhiên, vào tôi.

Nào – cậu em Zafar. Người có nhiều điểm tương đồng với tôi ở thời điểm ấy... trái tim tôi chất

chứa một tình yêu cấm kỵ; quần gã, mặc cho mọi nỗ lực của gã, vẫn liên tục chứa đầy một thứ khác hữu hình hơn, nhưng cũng cấm kỵ không kém. Tôi tưởng đến những cặp tình nhân huyền thoại, cả hạnh phúc và oan trái – Shah Jehan và Mumtaz Mahal, và cả Montague-và-Capulet; gã mơ tới vị hôn thê người Kif, mà chuyện không chịu dậy thì kể cả sau sinh nhật thứ mười sáu chắc hẳn đã làm cô trở nên giống như, trong mắt gã, ảo tưởng về một tương lai không thể đạt đến... tháng Tư năm 1965, Zafar được điều đi tập trận tại khu vực do Pakistan kiểm soát ở Rann xứ Kutch.

Sự tàn nhẫn của những kẻ tự chủ tiểu tiện với người yếu bàng quang: Zafar, mặc dù mang hàm Trung úy, trở thành trò cười của cả căn cứ quân sự Abbottabad. Chuyện kể rằng gã bị bắt đeo một thứ quần lót cao su như quả bóng quanh cơ quan sinh dục, để bộ quân phục quang vinh của Quân đội Pakistan không bị ô uế; lũ lính trơn, khi gã đi qua, làm bộ phồng má ra thổi, như thể đang bơm căng quả bóng lên. (Tất cả những việc này về sau bị công khai, trong bản tường trình gã viết, giữa đầm lầy nước mắt, sau khi bị bắt vì tội giết người.) Có khả năng việc Zafar được điều tới Rann xứ Kutch do một sĩ quan cấp trên cao mưu bày ra, chỉ nhằm giải thoát cho gã khỏi tuyến lửa của những trò đùa ở Abbottabad... Việc không tự chủ được tiểu tiện đã đẩy Zafar Zulfikar đến một tội ác ghê tởm không kém gì tôi. Tôi yêu em gái; còn gã... nhưng hãy để tôi kể câu chuyện cho đúng trình tự.

Từ sau Chia cắt, vùng Rann đã là “lãnh thổ tranh chấp”; mặc dù, trên thực tế, chẳng bên nào có lòng dạ tranh chấp. Trên dãy đồi trải dọc vĩ tuyến 23, đường biên giới không chính thức, Chính phủ Pakistan đã thiết lập một chuỗi trạm biên phòng, mỗi trạm có vốn vẹn sáu lính đồn trú và một đèn báo hiệu. Một số trạm, vào ngày 9 tháng Tư năm 1965, bị Ấn Độ chiếm đóng; một toán quân Pakistan (trong đó có ông em Zafar của tôi), đang tập trận tại đây, đã bước vào một cuộc giao tranh tám mươi hai ngày để bảo vệ biên giới. Cuộc chiến ở Rann kéo dài tới tận 1 tháng Bảy. Sự thật chỉ có bấy nhiêu; mọi thứ còn lại ẩn náu dưới bầu không khí hai lần mờ mịt của phi hiện thực và nguy tạo, vốn tác động tới tất cả mọi vụ việc vào thời kỳ ấy, đặc biệt là mọi sự kiện ở Rann đầy rẫy ảo tượng này... vì thế câu chuyện tôi sắp kể đây (mà về cơ bản chính là những gì Zafar em họ tôi đã kể) có nhiều khả năng là sự thật không kém bất kỳ cái gì; tức là, bất kỳ cái gì trừ những cái chúng ta chính thức được nghe.

... Khi toán lính trẻ Pakistan tiến vào địa hình đầm lầy của Rann, trán họ bỗng toát mồ hôi lạnh và nhớp nháp, và họ bị chất xanh thẫm như đáy biển của ánh sáng ở đây làm khiếp đảm; họ nhớ lại những sự tích càng làm họ khiếp hãi hơn – truyền kỳ về những chuyện kinh dị xảy ra trên vùng đất lương thiện này, về những quái vật biển có đôi mắt sáng rực, về những nhân ngư nằm vùi phần đầu của cá dưới nước, hít thở, còn phần hạ thể hoàn mỹ và trần truồng của người thì nằm trên bờ, cảm dỗ những kẻ nhẹ dạ vào một cuộc hoan lạc chết người, vì ai cũng biết không kẻ nào có thể sống sót khi yêu người cá... bởi thế nên khi đến được trạm biên phòng và tham chiến, họ đã thành một đám những cậu trai mười bảy ô hợp, sợ sệt, và chắc chắn đã bị tiêu diệt, nếu như không phải quân Ấn còn nhiễm thứ chướng khí màu xanh của Rann lâu hơn họ; bởi thế trong thế giới phù thủy ấy một cuộc chiến điên rồ đã nổ ra trong đó hai bên đều cho rằng mình nhìn thấy hiện thân của ma quỷ chiến đấu bên cạnh kẻ thù; nhưng cuối cùng, quân Ấn chịu thua; nhiều người trong số họ sụp đổ trong nước mắt và òa khóc, Ôn Chúa, kết thúc rồi; họ kể về những thứ bày nhầy to tướng trườn quanh các trạm gác vào ban đêm, những hồn ma chết đuối dật dờ giữa không trung với từng búi rong biển và vỏ sò trong lỗ rốn.

Những gì toán lính Ấn đầu hàng nói, mà em họ tôi nghe thấy: “Tuy nhiên, các trạm gác không có người; chúng tôi thấy trống thì vào thôi.” Bí ẩn về các trạm biên phòng bị bỏ hoang, ban đầu, không gây thắc mắc cho toán lính trẻ Pakistan, những người được trên chỉ thị trấn giữ chúng đến khi lính gác mới được điều đến; ông em họ Trung úy của tôi thấy bàng quang và ruột già liên tục bài tiết với tần suất khủng bố trong bảy đêm trấn giữ một trong các trạm gác với chỉ năm jawan làm đồng đội. Trong những đêm tràn ngập tiếng rú của bầy phù thủy và tiếng sục sạo trườn trượt không tên của bóng tối, sáu gã trai rơi vào một trạng thái hèn hạ đến nỗi không còn ai cười em họ tôi nữa, tất cả còn đang bận đái ra quần mình. Một gã jawan khiếp sợ thì thầm trong không khí ma quái của đêm-trước-đêm-cuối “Này, nếu phải đồn trú ở đây để được lĩnh lương, chắc tao cũng chạy mẹ nó luôn!”

Trong tình trạng suy sụp bèo nhèo như bún nát, toán lính ngồi run rẩy ở Rann; và rồi vào đêm cuối cùng nỗi sợ khủng khiếp nhất của họ đã thành sự thật: họ nhìn thấy một đạo quân ma từ bóng tối tiến về phía mình; họ ở trạm gác gần biển nhất, và dưới ánh trăng màu lục họ trông thấy buồm của những con tàu ma, những chiếc dhow quý; và đạo quân ma lạnh lùng tiến lại, mặc tiếng gào rú của bọn lính, những bóng ma khiêng rương hòm mộc rêu và những chiếc cồng kỳ quái phủ vải chất đầy những thứ không rõ là gì; và khi đội quân ma bước vào cửa đồn, ông em họ tôi bủn rủn ngã xuống chân chúng mà lấp bắp trong cơn khiếp đảm.

Bóng ma đầu tiên bước vào trạm gác bị mất vài chiếc răng và đeo một lưỡi dao cong ở thắt lưng; khi thấy toán lính trong chòi, mắt nó rục lên một cơn thịnh nộ đỏ ngầu. “Chúa tha tội!”, hồn ma thủ lĩnh nói, “Bọn ngu-vớ-mẹ chúng mày ở đây làm gì? Chưa được đâm mõm đủ hay sao?”

Không phải ma; là buôn lậu. Sáu gã lính trẻ nhận ra mình rơi vào một tình thế lố bịch của nỗi khiếp hãi hèn hạ, và mặc dù cố gỡ gạc lại thể diện, sự ô nhục của họ đã trọn vẹn một cách ê chề... và giờ là mấu chốt câu chuyện. Bọn buôn lậu này hoạt động cho ai? Tên ai buột ra khỏi miệng tên thủ lĩnh, và làm mắt em họ tôi tròn lên kinh hãi? Gia tài của ai, ban đầu được xây trên sự cùng khổ của các gia đình Hindu di tản năm 1947, nay tiếp tục sinh sôi nhờ những chuyến hàng lậu dịp xuân-hè qua Rann không ai canh gác rồi từ đây vào các thành phố Pakistan? Viên Đại tướng mặt Punch nào, giọng mỏng như dao cạo, chỉ huy đội quân ma này?... Song tôi nên tập trung vào các sự kiện. Vào tháng Bảy năm 1965, Zafar em họ tôi về phép tại nhà cha gã ở Rawalpindi; một buổi sáng, gã chậm chậm đi đến phòng cha mình, mang trên vai không chỉ ký ức về cả ngàn lần bị nhục mạ và ăn đòn thời thơ ấu; không chỉ nỗi nhục của việc đái dầm suốt đời; mà cả sự thật rằng cha gã chính là người chịu trách nhiệm về chuyện-xảy-ra-ở-Rann, khi Zafar Zulfikar trở thành một mớ bèo nhèo lấp bắp dưới sàn nhà. Em họ tôi thấy cha gã trong bồn tắm cạnh giường, và cắt cổ ông ta bằng một lưỡi dao dài, cong của dân buôn lậu.

Ấn sau những bài báo – ĐỘT XÂM PHẠM ĐÊ HÈN CỦA QUÂN ẤN BỊ CÁC CHÀNG TRAI PAKIS OAI HÙNG ĐẨY LÙI – sự thật về Đại tướng Zulfikar đã trở thành một việc mù mờ, không rõ ràng; bọn lính biên phòng ăn hối lộ trở thành, trên báo chí, NHỮNG NGƯỜI LÍNH VÔ TỘI BỊ QUÂN ẤN THẨM SÁT; còn ai sẽ loan truyền câu chuyện về hành vi buôn lậu quy mô lớn của chú tôi? Có vị Tướng nào, có chính trị gia nào không sở hữu những chiếc đài bán dẫn từ hành vi bất hợp pháp của chú tôi, điều hòa nhiệt độ và đồng hồ ngoại nhập từ tội lỗi của ông? Đại tướng Zulfikar chết; em họ Zafar vào tù và được miễn kết hôn với một quận chúa đất Kif, người ngoan cố không chịu hành

kinh chính là để được miễn kết hôn với gã; và những vụ việc ở Rann xứ Kutch đã trở thành, tạm gọi là, mồi lửa, của ngọn lửa lớn sẽ bốc lên vào tháng Tám, ngọn lửa của sự kết thúc, mà ở đó Saleem, cuối cùng và mặc cho gã phản kháng, đã đạt đến sự thuần khiết hằng lần tránh gã.

Về phần dì Emerald tôi: dì được phép di cư; dì đã chuẩn bị ra đi, dự định sang Suffolk ở Anh, nơi dì sẽ ở cùng thượng cấp cũ của chồng dì, Chuẩn tướng Dodson, người đã bắt đầu, khi về già, sống trong sự bầu bạn và chăm sóc của những bàn tay Ấn Độ cùng lứa với ông, xem những bộ phim cũ về Delhi Durbar và vua George V tới Cổng vòm Ấn Độ... dì mong ngóng ngày được đến với cơn trầm mê trống rỗng của niềm hoài cổ và mùa đông nước Anh khi chiến tranh bùng nổ và giải quyết mọi vấn đề của chúng tôi.

Vào ngày đầu tiên của thời kỳ “hòa bình giả tạo” kéo dài vồn vẹn ba mươi bảy ngày, cơn đột quỵ giáng xuống Ahmed Sinai. Nó làm ông bị liệt hẳn nửa người trái, trả ông về thời sơ sinh cười ê a và dãi lòng thông; ông cũng lảm nhảm những lời vô nghĩa, và đặc biệt thích những chữ đùa bỡn hồi con nít chỉ chất bài tiết. Khúc khích “Xi cục!” hay “Su-su!”, cha tôi đã đi đến cuối sự nghiệp lên voi xuống chó của mình, và, một lần nữa, cũng là lần cuối, lạc đường và thất bại trong cuộc chiến với các tử tinh. Ông ngồi đó, đờ đai và cười sằng sặc, giữa núi khăn tắm lỗi của đời ông; giữa núi khăn tắm lỗi, mẹ tôi, bẹp gí dưới sức nặng của cái thai khủng, ảm đạm gục đầu khi bà đón nhận cuộc viếng thăm của cây đàn pianola của Lila Sabarmati, hoặc hồn ma Hanif em bà, hoặc đôi bàn tay nhảy múa, như thiêu-thân-quanh-ngọn-lửa, lượn lờ, lượn lờ quanh tay bà... Trung tá Sabarmati đến thăm bà với cây dùi cui kỳ quái trong tay, và Nussie-vịt-bầu thì thảo, “Kết thúc rồi, chị Amina, thế giới này kết thúc rồi!” vào đôi tai khô héo của mẹ tôi... và giờ, sau khi vật lộn vượt qua cái hiện thực bệnh hoạn của những năm ở Pakistan, sau khi nỗ lực lý giải đôi chút về những việc dường như là (qua màn sương trả hận của bác Alia) một chuỗi báo ứng vì chúng tôi đã rút bỏ nguồn cội Bombay của mình, tôi đã đến được thời điểm phải kể cho quý vị về những kết thúc.

Tôi sẽ nói điều này một cách thật minh bạch: tôi khẳng định rất chắc chắn rằng mục tiêu bí mật của cuộc chiến tranh Ấn Độ-Pakistan năm 1965 không gì khác hơn là xóa sổ gia đình đang chìm trong bóng tối của tôi khỏi mặt đất này. Để hiểu được giai đoạn lịch sử mới đây của thời đại chúng ta, quý vị chỉ cần nghiên cứu kế hoạch ném bom của cuộc chiến này với con mắt phân tích và không định kiến.

Ngay cả kết thúc cũng có sự bắt đầu; mọi thứ phải được kể theo trình tự. (Nói cho cùng, tôi luôn có Padma làm nhiệm vụ đề bẹp mọi mưu toan thắng xe trước bò của tôi.) Đến tháng Tám năm 1965, lịch sử gia đình tôi đã đi đến một tình trạng mà điều-mà-kế-hoạch-ném-bom-đạt-được đã đem lại một sự giải thoát ân huệ. Không: hãy để tôi dùng cái từ quan trọng ấy: nếu chúng tôi muốn được thanh tẩy, thì có lẽ một sự kiện tâm cỡ như tôi sắp kể đây là cần thiết.

Alia Aziz, thỏa mãn với đòn báo thù tàn độc; dì Emerald, góa bụa và đợi kiếp lưu đày, cuộc phóng đảng vô nghĩa của mợ Pia và đời ần dật trong-buồng-kính của bà tôi Naseem Aziz; em họ tôi Zafar, cùng nàng quận chúa vĩnh viễn không dậy thì của gã và viễn cảnh đá dầm ra nệm của xà lim; sự

thu mình về thời con nít của cha tôi và sự lão hóa chóng mặt và ám ảnh của bà bầu Amina Sinai... tất cả những tình cảnh thê thảm này sẽ được tiêu giải nhờ việc Chính phủ theo đuổi giấc mơ về thăm Kashmir của tôi. Trong thời gian ấy, việc em tôi sắt đá cự tuyệt đáp lại tình yêu của tôi đã đẩy tôi chìm sâu vào một tâm thức phó mặc số mệnh; tư tưởng bất cần tương lai mới này đã xui khiến tôi nói với Bác Puffs rằng tôi sẵn sàng cưới bất kỳ cô Puffia nào bác chọn cho tôi. (Khi làm vậy, tôi đã kết án tất cả; bất kỳ ai định thiết lập quan hệ với nhà tôi đều chịu chung số phận với chúng tôi.)

Tôi sẽ cố thôi làm ra vẻ bí hiểm. Quan trọng là tập trung vào những sự kiện cụ thể. Nhưng sự kiện nào? Một tuần trước sinh nhật thứ mười tám của tôi, vào ngày 8 tháng Tám, quân Pakistan mặc giả dân thường đã vượt qua giới tuyến ngừng bắn tại Kashmir và xâm nhập vào địa phận Ấn Độ, hay là không? Tại Delhi, Thủ tướng Shastri thông báo về “đợt xâm nhập quy mô lớn... nhằm lật đổ chính quyền”; song đây là Zulfikar Ali Bhutto, Ngoại trưởng Pakistan, phản pháo: “Chúng tôi tuyệt đối phủ nhận mọi liên hệ với cuộc nổi dậy chống bạo quyền của thổ dân Kashmir.”

Nếu việc này có thật, thì động cơ là gì? Một lần nữa, một loạt giả thiết được nêu ra: mối hận thù dai dẳng bị vụ Rann xư Kutch khơi dậy; tham vọng giải quyết, một-lần-cho-mãi-mãi, mâu thuẫn lâu năm về việc ai-có-quyền-sở-hữu-Thung-lũng-Hoàn-mỹ... Hay là cái động cơ không xuất hiện trên mặt báo: áp lực từ những khó khăn chính trị nội bộ của Pakistan – chính phủ Ayub đang lung lay, một cuộc chiến tranh ở thời điểm này là liều thuốc hoàn hảo. Là lý do này hay đấy hay kia? Để đơn giản hóa vấn đề, tôi đưa ra hai lý do của riêng tôi: chiến tranh nổ ra bởi vì tôi đã mơ Kashmir vào trong ảo tưởng của giới cầm quyền; hơn nữa, tôi vẫn chưa thuần khiết và chiến tranh là để tách tôi khỏi tội lỗi của mình.

Jihad, Padma! Thánh chiến.

Nhưng ai tấn công? Ai phòng thủ? Ngày sinh nhật thứ mười tám của tôi, hiện thực lại có thêm một biến động khủng khiếp nữa. Từ thành lũy của Pháo đài Đỏ tại Delhi, một Thủ tướng Ấn Độ (không phải ông ngày xưa viết thư cho tôi) gửi cho tôi lời chúc sinh nhật này: “Chúng ta hứa rằng, vũ lực sẽ được đáp trả bằng vũ lực, và mọi hành động thù địch sẽ không bao giờ được phép thành công!” Trong khi đó, xe jeep gắn loa phóng thanh chào đón tôi tại Guru Mandir, trấn an tôi rằng “Bọn khiêu khích Ấn Độ sẽ bị đánh bại hoàn toàn! Chúng ta là dòng dõi chiến binh! Một người Pathan; một người Hồi Punjab bằng mười tên babu-có-vũ-trang!”^[5]

[5] Patthan, hay còn gọi là Pashtun, một tộc người nổi tiếng Pashto ở Pakistan. Babu tức là người Ấn Độ.

Jamila Ca sĩ được triệu lên phương Bắc, để hát cho những người lính đáng-giá-bằng-mười của chúng ta. Ở nhà tôi, người hầu sơn đen các cửa sổ; về đêm, cha tôi, trong cơn ngộ ngân của thời thơ ấu thứ hai, mở cửa sổ và bật đèn lên. Gạch đá bay vèo vèo qua các ô cửa: quà sinh nhật mười tám tuổi của tôi. Thế nhưng tình hình ngày một phức tạp hơn: vào ngày 30 tháng Tám, quân Ấn có vượt giới tuyến ngừng bắn gần Uri để “đánh đuổi bè lũ Pakistan xâm lược” – hay là bắt đầu một đợt tấn công? Khi, vào ngày 1 tháng Chín, những chiến sĩ mười-lần-dũng-mãnh-hơn của chúng ta vượt giới tuyến ở Chhamb, họ là kẻ khiêu khích hay là không phải?

Có điều chắc chắn là: Jamila Ca sĩ đã hát cho quân Pakistan đi vào cõi chết; và các muezzin từ

trên tháp thánh đường – phải, kể cả đường Clayton – cam đoan với chúng tôi rằng bất cứ ai tử chiến sa trường sẽ được vào thẳng Vườn Long não. Triết lý mujahid của Syed Ahmed Barilwi ngự trị bầu không khí; chúng tôi được mời gọi hy sinh “như chưa bao giờ sinh”.

Và trên sóng phát thanh, xiết bao hủy diệt, xiết bao hỗn loạn! Trong năm ngày đầu chiến tranh, Đài tiếng nói Pakistan đưa tin tiêu diệt nhiều máy bay hơn toàn bộ số Ấn Độ từng sở hữu; trong tám ngày, Đài phát thanh Toàn Ấn Độ thăm sát Quân đội Pakistan đến tận, và vượt đáng kể, người cuối cùng. Rối trí tột độ vì sự điên rồ kép của chiến tranh và cuộc sống riêng, tôi bắt đầu có những tư tưởng tuyệt vọng...

Những hy sinh vĩ đại: ví dụ, ở trận Lahore? – Vào ngày 6 tháng Chín, quân Ấn vượt biên giới ở Wagah, bởi vậy mở rộng ghê gớm phạm vi của cuộc chiến, giờ đây không còn giới hạn tại Kashmir nữa; và những hy sinh vĩ đại có xảy ra, hay không? Có thật là thành phố hầu như không được phòng thủ, vì cả Bộ binh và Không quân Pakistan tập trung cả ở Kashmir? Tiếng nói Pakistan nói: Ôi một ngày đáng nhớ! Ôi bài học nhớ đời về cái giá chết người của sự khinh địch! Quân Ấn, tin chắc sẽ chiếm được thành phố, *dừng lại ăn sáng*. Đài phát thanh Toàn Ấn (A.I.R.) loan tin Lahore thất thủ; đồng thời, một máy bay tư nhân phát hiện những kẻ xâm lược đang ăn sáng. Trong khi B.B.C. đưa lại tin của A.I.R., dân quân Lahore được điều động. Lắng nghe Tiếng nói Pakistan! – người lớn, trẻ con, ông già, bà cả đều chiến đấu với quân Ấn Độ; họ bảo vệ từng cây cầu, bằng mọi vũ khí trong tay! Người tàn tật nhét lựu đạn đầy túi, giật chốt, lao mình cản bước tiến xe tăng Ấn; các cụ bà móm mém cầm đinh ba đâm lòi ruột quân Ấn! Người lớn, trẻ con, họ ngã xuống đến người cuối cùng: nhưng họ đã cứu được thành phố, kìm chân quân Ấn đến khi có Không quân chi viện! Các liệt sĩ, Padma! Các anh hùng, trên đường tới vườn Hương! Nơi đàn ông được nhận bốn houri, chưa hề bị người hay yêu tinh chạm tới; còn đàn bà, bốn mỹ nam không kém phần cường tráng. *Hồng ân nào của Chúa người sẽ chối từ?* Cuộc thánh chiến này thật kỳ dị: chỉ bằng một hy sinh tột bậc, con người có thể chuộc lại mọi tội lỗi của mình! Chẳng có gì ngạc nhiên khi Lahore đứng vững; quân Ấn có gì để trông đợi? Chỉ có cửa đầu thai – thành gián, có thể lắm, hoặc bọ cạp, hoặc lang băm – thực khó mà so sánh được.

Nhưng là thế hay không phải thế? Có thật chuyện xảy ra như vậy không? Hay Đài phát thanh Toàn Ấn – *một trận đấu xe tăng lớn, Pakistan thiệt hại nặng nề, 450 xe bị tiêu diệt* – mới nói sự thật?

Không có gì là thật; không có gì là chắc chắn. Bác Puffs đến chơi ngôi nhà trên đường Clayton, và miệng bác không còn chiếc răng nào. (Trong chiến tranh của Ấn Độ với Trung Quốc, khi lòng trung thành của chúng tôi còn khác bây giờ, mẹ tôi đã hiến vòng vàng và khuyên tai đá quý cho phong trào “Kim khí làm Vũ khí”; nhưng cái đó có là gì nếu so với sự hy sinh cả một miệng vàng?) “Đất nước này,” bác lúng búng nói, qua hàm lợi không răng, “không thể, mẹ kiếp, thiếu tiền vì sự phù phiếm của một cá nhân!” Nhưng bác có làm thế hay không? Có thực hàm răng đã được hy sinh nhân danh cuộc thánh chiến, hay đang nằm trong tủ nhà bác? “Ta e rằng,” bác Puffs móm mém, “cháu sẽ phải chờ để được nhận món hồi môn ta hứa.” Tinh thần dân tộc hay sự bủn xỉn? Hàm lợi trống trơn của bác có phải là bằng chứng tuyệt đối của lòng yêu nước, hay một thủ đoạn trơn tuột để tránh phải gắn đầy vàng vào một cái miệng Puffia?

Và có lính dù hay là không? “...được thả xuống tất cả các thành phố lớn,” Đài tiếng nói Pakistan thông báo. “Mọi công dân khỏe mạnh sẵn sàng vũ khí; bắn ngay khi thấy mục tiêu sau giờ giới nghiêm chiều.” Nhưng ở Ấn Độ, “bất chấp trò khiêu khích bằng không kích của Pakistan,” đài này khẳng định, “chúng ta đã không đáp trả!” Biết tin ai? Có thật các máy bay oanh tạc của Pakistan đã thực hiện “đợt không kích táo tợn” đúng lúc một phần ba Không lực Ấn Độ đang bắt lực đầu trên đường băng? Có hay là không? Và những điều dạ vũ trên không trung, Mirage và Mystère của Pakistan đấu với những chiếc MiG có cái tên kém lãng mạn của Ấn Độ^[6]: những ảo ảnh và bí ẩn đạo Hồi có giao chiến với những kẻ xâm lược Hindu, hay tất cả chỉ là một thứ ảo tượng kinh hồn? Bom có rơi? Đạn có nổ? Thậm chí có thiệt hại nào về nhân mạng trên thực tế?

[1] Mirage (ảo ảnh) và Mystère (bí ẩn) là hai loại máy bay chiến đấu của Pháp sản xuất.

Còn Saleem? Gã làm gì trong lúc chiến tranh?

Đây: trong khi chờ gọi nhập ngũ, tôi đi tìm những quả bom thân thiện, tiêu trừ tất cả, đem lại giấc ngủ và mang đến Thiên Đường.

Tư tưởng phó mặc số mệnh mới xâm chiếm tôi gần đây đã phát triển lên một hình thái đáng sợ hơn; chìm trong sự tan rã của gia đình, của cả hai đất nước mà tôi thuộc về, của mọi thứ mà một tâm trí tỉnh táo có thể gọi là thật, lạc lối trong nỗi đau của tình yêu ô uế, không được đáp lại, tôi tìm kiếm sự lãng quên của – tôi đang làm nó nghe có vẻ quá cao xa; không thể sử dụng bất kỳ từ ngữ khoa trương nào. Nào, thì thẳng thắn: tôi lang thang trên đường đêm thành phố, kiếm tìm cái chết.

Ai đã chết trong cuộc thánh chiến này? Ai, trong lúc tôi khoác kurta và pajama trắng, phóng Lambretta trên phố xá giới nghiêm, tìm được điều tôi đang tìm kiếm? Ai, bị chiến tranh biến thành liệt sĩ, thẳng tiến tới vườn Hương? Hãy nghiên cứu sơ đồ ném bom; hãy tìm hiểu bí mật của những phát súng trường.

Đêm 22 tháng Chín, từng đợt không kích đánh xuống mọi thành phố Pakistan. (Mặc dù Đài phát thanh Toàn Ấn...) Máy bay, thật hoặc hư cấu, rải những trái bom thực hoặc huyền thoại. Theo đó, có một thực tế, hoặc sự nguy tạo của một trí tưởng tượng bệnh hoạn, là chỉ có ba quả bom đánh trúng Rawalpindi và phát nổ, quả thứ nhất giáng xuống ngôi bungalow nơi bà tôi Naseem Aziz và mẹ Pia đang núp dưới gầm bàn; quả thứ hai xé nát một chái của nhà tù thành phố, và giải thoát cho em họ tôi Zafar khỏi kiếp sống tù đầy; quả thứ ba phá hủy một dinh thự lớn tối tăm, xung quanh là tường bao có lính canh; lính canh vẫn đứng gác, nhưng không ngăn được Emerald Zilfekar bị tổng tiền tới một nơi xa hơn Suffolk. Đêm đó, di lại có khách là Nawab xứ Kif và cô con gái lì lợm không chịu lớn; người cũng được giải thoát khỏi sự tất yếu phải trở thành một phụ nữ trưởng thành. Ở Karachi, ba quả bom cũng là đủ. Máy bay Ấn Độ, e ngại việc phải bay thấp, thả bom từ rất cao; phần lớn đều rơi xuống biển một cách vô hại. Một quả bom, tuy nhiên, đã tiêu diệt Thiếu tá (đã giải ngũ) Alauddin Latif và bảy Puffia của ông, nhờ vậy giải phóng tôi khỏi lời hứa hôn vĩnh viễn; và còn có hai quả bom cuối cùng. Trong khi đó, ngoài mặt trận, Mutasim Anh tuần chui ra khỏi lều để đi tiểu tiện; một âm thanh như muỗi vo ve (hay không vo ve) lao về phía cậu, và cậu chết với cái bàng quang đầy nước, dưới tác động của một viên đạn bắn tĩa.

Và tôi vẫn phải kể cho quý vị về hai-quả-bom-cuối-cùng.

Ai sống sót? Jamila Ca sĩ, người mà bom không thể tìm ra; tại Ấn Độ, gia đình cậu Mustapha tôi, những người mà bom chẳng buồn động đến; nhưng cô em họ xa Zohra bị lãng quên của cha tôi đã chuyển cùng chồng đến Amritsar, và một quả bom đã tìm thấy họ.

Và hai-quả-bom-nữa đang đòi được kể.

... Trong khi tôi, không hề biết mối liên hệ sâu xa giữa cuộc chiến và bản thân mình, vẫn khờ khạo đi tìm bom; cứ tới giờ giới nghiêm tôi lại đi, nhưng chẳng viên đạn dân phòng nào tìm thấy tôi... và từng tấm lửa bốc lên trên một ngôi bungalow tại Rawalpindi, những tấm lửa khoét lỗ, chính giữa có một lỗ tròn tối màu bí hiểm, lớn dần thành hình hài nghi ngút khói của một bà già to béo mặt đầy nốt ruồi... thế là lần lượt từng người một, cuộc chiến xóa sổ gia đình bị rút kiệt, tuyệt vọng của tôi khỏi trái đất này.

Nhưng giờ đồng hồ đã đếm ngược về không.

Cuối cùng, tôi lái chiếc Lambretta trở về nhà, và đến bùng binh Guru Mandir với tiếng phi cơ gầm rú trên đầu, những ảo ảnh và bí ẩn, trong lúc cha tôi trong cơn ngộ ngốc vì đột quy đang bật đèn và mở cửa sổ khắp nhà, mặc dù một sĩ quan Dân phòng vừa ghé qua để đảm bảo lệnh tắt đèn được thực thi triệt để; khi Amina đang bảo bóng ma của cái tủ giặt trắng cũ, “Cút đi – ta nhìn thấy mày thế đủ rồi,” thì tôi phóng vụt qua những chiếc jeep Dân phòng mà từ đó những nắm đấm giận dữ giơ lên chào đón tôi; và trước khi gạch đá kịp dập tắt ánh đèn trong nhà bác Alia, tiếng tru ấy vang lên, và đáng lẽ tôi phải biết rằng muốn tìm chết thì chẳng cần đi đâu xa, nhưng tôi hãy còn đứng ngoài phố dưới cái bóng nửa đêm của thánh đường khi nó đến, vùn vụt lao về phía những cửa sổ sáng đèn của sự si ngốc của cha tôi, cái chết tru lên như chó hoang, hóa thân thành một cơn mưa gạch đá vôi vữa và những tấm lửa và một cơn sóng chấn lực dữ dội đến mức nó hất văng tôi khỏi chiếc Lambretta, trong khi bên trong ngôi nhà của sự cay nghiệt tột cùng của bác tôi cha tôi mẹ tôi dì tôi và đứa em trai hoặc gái chưa ra đời người chỉ còn một tuần nữa sẽ bắt đầu cuộc sống, tất cả họ tất cả họ tất cả bị đè bẹp hơn cả bánh đa, ngôi nhà sập xuống đầu họ như khuôn bánh quế, trong khi trên đường Korangi, quả bom cuối cùng, lẽ ra dành cho nhà máy lọc dầu, lại rơi xuống một ngôi nhà lệch tầng kiểu Mỹ mà dây rốn vẫn còn chưa kịp hoàn thành; nhưng tại Guru Mandir, nhiều câu chuyện đang đến hồi kết thúc, chuyện của Amina và người chồng dưới lòng đất nhiều năm trước và đức cần mẫn của bà và lời tuyên bố công khai và đứa-con-traì-không-phải-là-con-bà và vận may của bà với ngựa và mụn cóc và những bàn tay nhảy múa tại quán cà phê Pioneer và thất bại cuối cùng trước chị gái bà, chuyện của Ahmed người luôn lạc đường và môi dưới trề ra và cái bụng nhão xệ và trắng bệch ra trong một vụ đóng băng và rơi vào tình trạng trầm mê và làm chó ộc máu giữa đường và yêu vợ quá muộn và chết vì dễ tổn thương trước những-thứ-trên-trời-rơi-xuống; giờ đây tất cả đã bết hơn cả bánh đa, và xung quanh họ ngôi nhà nổ tung đổ sụp, một khoảnh khắc hủy diệt dữ dội đến mức những gì đã bị chôn sâu trong những thùng tôn bị lãng quên cũng bắn tung lên trời trong khi những đồ vật con người ký ức khác bị vùi dưới đồng đồ nát không còn hy vọng gì cứu vãn; từng ngón tay của vụ nổ vục xuống sâu sâu tận đáy một chiếc almirah và mở tung chiếc thùng tôn xanh, bàn tay đang siết lại của vụ nổ lẳng các thứ trong thùng lên

không, và giờ một vật đã nấu mình không lộ diện suốt nhiều năm đang xoay tròn trong đêm tối như một mảnh trăng quay tít, một vật hắt ánh sáng từ mặt trăng và giờ đang rơi rơi xuống khi tôi choáng váng đứng dậy sau vụ nổ, một vật xoắn xoay quay cuồng nhào lộn lao xuống, loáng bạc như ánh trăng, một cái ống nhỏ bằng bạc khảm thanh kim thạch được chế tác tinh xảo, quá khứ lao thẳng về phía tôi như một bàn tay bị kèn kèn đánh rơi để trở thành thứ-thanh-tây-và-giải-phóng-tôi, vì lúc này khi ngược mắt lên tôi bỗng thấy một cảm giác nhói lên sau gáy rồi sau đó là chỉ một sát na ngắn ngủi nhưng vô hạn của sự thấu triệt tuyệt đối khi tôi ngã nhào ra trước và nằm sóng soài trước giàn thiêu của cha mẹ tôi, một khoảnh khắc vi tế nhưng bất tận của minh triết, trước khi tôi bị tước sạch quá khứ hiện tại ký ức thời gian liêm sỉ và tình yêu, một vụ nổ trong chớp mắt nhưng cũng vĩnh hằng trong đó tôi cúi đầu đứng tôi thuận tòng đứng trước sự cần thiết của đòn đánh ấy, và rồi tôi trống rỗng và tự do, bởi vì mọi Saleem đang trào ra khỏi tôi, từ em bé trong bức-hình-em-bé trang-nhất-cỡ-đại đến gã trai mười tám với tình yêu ô uế nhớp nhơ, cứ thế tuôn trào hồ thẹn và tội lỗi và muốn-làm-vừa-lòng-người-khác và cần-được-yêu và quyết-tâm-tìm-kiếm-một-vai-trò-lich-sử và lớn-lên-quá-nhanh, tôi được giải thoát khỏi Thò Lò và Mặt Nhọ và Hói và Cả Khịt và Mặt Bản Đồ và tử giặc và Evie Burns và đoàn diễu hành ngôn ngữ, được giải phóng khỏi Thăng nhóc Kolynos và bộ ngực của Pia mumani và Alpha-và-Omega, được xá tội sát hại Homi Catrack và Hanif và Aadam Aziz và Thủ tướng Jawallharhal Nehru, tôi đã trút bỏ những ả gái điểm năm trăm tuổi và những lời thú nhận tình yêu vào nửa đêm tăm tối, tự do rồi, khỏi lo nghĩ rồi, ngã nhào xuống mặt đường, được phục hồi sự trong sạch và thuần khiết nhờ một mảnh trăng trên trời rơi xuống, sạch trơn như một hộp gỗ đựng bút mực, bị tẩy não (cũng như đã được tiên đoán) bởi cái ống nhỏ bạc của mẹ tôi.

Sáng 23 tháng Chín, Liên Hiệp Quốc tuyên bố Ấn Độ và Pakistan đã chấm dứt những hành động thù địch. Ấn Độ chiếm đóng gần 1.300 km² lãnh thổ Pakistan; còn Pakistan mới chinh phục được 880 km² giấc mơ Kashmir của mình. Người ta nói sở dĩ hai bên ngừng bắn vì đã cạn kiệt đạn dược, gần như cùng lúc; vậy là những kêu gọi khẩn thiết của giới ngoại giao quốc tế, và việc vận động vì động cơ chính trị đối với giới lái súng, đã ngăn chặn sự diệt vong triệt để của gia đình tôi. Một vài người trong chúng tôi sống sót, bởi vì không ai bán cho những kẻ sát nhân tiềm năng bom đạn máy bay cần thiết để hoàn tất việc hủy diệt chúng tôi. Tuy nhiên, sáu năm sau, lại có một cuộc chiến khác.

QUYỀN BA

Chương 24: Gã buddha

Một điều khá rõ ràng (bởi nếu không tôi sẽ phải đưa ra vào thời điểm này một cách lý giải hoang đường nào đó cho sự tiếp tục tồn tại của tôi trong “hồng trần gió bụi” này) là quý vị có thể liệt tôi vào danh sách những kẻ cuộc chiến năm 65 không tận diệt được. Bị ông nhổ tẩy não, Saleem chỉ hứng chịu sự tẩy xóa một phần, chỉ bị xóa sạch, trong khi những kẻ khác, kém may mắn hơn, bị xóa sổ; nằm bất tỉnh dưới cái bóng buổi đêm của một thánh đường đạo Hồi, tôi sống sót nhờ sự cạn kiệt của trận mưa rác thải bom đạn.

Nước mắt – thứ mà thiếu vắng cái lạnh Kashmir, tuyệt đối không có cơ hội đông cứng thành kim cương - lăn dài trên gò má đầy đặn như bầu ngực của Padma. “Ôi, ông ơi, cái cuộc chiến tamasha này, người tốt thì giết thẳng dốt lại tha!” Gương mặt như có một đàn sên vừa bò xuống từ đôi mắt đỏ hoe, để lại những vệt dính dính bóng nhẫy, Padma khóc thương gia tộc bị bom ép bẹp của tôi. Mắt ráo hoảnh như thường lệ, tôi độ lượng không phản ứng trước hàm ý lăng mạ vô tình ẩn trong câu cảm thán đằm lệt của Padma.

“Hãy khóc cho người sống,” tôi nhẹ nhàng quở trách cô, “Người chết đã có vườn long não.” Hãy xót cho Saleem! Người, bị chặn lại trước thảm cỏ Thiên Đường bởi trái tim vẫn tiếp tục đập, một lần nữa tỉnh giấc trong mùi kim loại lạnh lạnh của phòng bệnh; người sẽ không được các houri, chưa hề bị người hoặc yêu tinh chạm đến, chiêu đãi sự an ủi vĩnh hằng như đã hứa - tôi có may mắn được nhận sự chăm sóc hậm hực, khua bô xúng xoảng của một nam hộ lý đô con, tay này, trong lúc băng bó đầu cho tôi, cay cú lâu bầu rắng, chiến tranh thì mặc chiến tranh, các sahib bác sĩ muốn Chủ nhật phải được đi nghỉ nhà mát ven biển. “Chú mày chết giấc thêm một ngày nữa có phải tốt không,” hấn lăm bầm, trước khi đi tiếp cho đến cuối phòng để nhân rộng màn khích lệ tinh thần ấy.

Hãy xót cho Saleem - người, mồ côi và được thanh tẩy, bị tước đoạt cả trăm lần cảm xúc ngày ngày tằm tức như kim chích của cuộc sống gia đình, một cảm xúc mà riêng nó cũng đủ xì hơi quả khinh khí cầu hoang đường của lịch sử và thu nhỏ nó lại một kích cỡ con người dễ kiểm soát hơn, bị giật đứt rễ và ném không thương tiếc xuyên năm tháng, bị trời định phải lao không-ký-ức đến một tuổi trưởng thành mà mọi khía cạnh của nó mỗi ngày một trở nên dị hợm.

Những vệt sên bò còn ướt trên má Padma. Buộc phải thử một chiêu dễ dành kiểu “Coi kia, coi kia”, tôi bèn bắt chước trailer phim. (Ngày xưa ở Metro Cub Club tôi mới mê chúng làm sao! Ôi những tiếng chếp môi trước hình ảnh dòng chữ BOM TẤN KỲ SAU in trên nền nhung xanh lượn sóng! Ôi cơn nhỏ dãi háo hức trước khi màn ảnh loan tin SẮP RA MẮT! - Bởi triển vọng về một tương lai

huyền bí dường như luôn luôn là, với tâm thức tôi, thuốc giải hoàn hảo cho nỗi thất vọng của hiện tại.) “Thôi nào, thôi nào,” tôi vỗ về cô khán giả ngồi xồm khóc thương của tôi, “tôi đã kể hết đâu! Còn một vụ điện giật, một khu rừng mưa nhiệt đới, một kim tự tháp đầu người giữa cánh đồng thẳm dẫm dịch tủy xương; những vụ hút chết, một ngọn tháp thánh đường gào rú! Padma, còn nhiều chuyện đáng kể lắm: những thử thách sau này của tôi, trong cái giỏ tàng hình, và dưới bóng một thánh đường khác; hãy chờ đón linh cảm của Resham Bibi và cái bữu môi của Parvati-phù-thủy! Tình phụ tử và sự phản bội nữa, và tất nhiên cả mụ Góa phụ vô phương tránh thoát ấy, kẻ đã bỏ sung vào lịch sử bị hút-kiệt-ở-trên của tôi nỗi nhục nhã cuối cùng là trống-rỗng-ở-dưới... tóm lại, vẫn còn vô số những bom-tán-kỳ-sau và sắp-ra-mắt; chương này kết thúc khi có người mất đi cha mẹ, nhưng một chương mới cũng sẽ bắt đầu.”

Phần nào nguôi ngoai trước hứa hẹn của tôi về một câu chuyện kỳ thú, Padma của tôi khịt mũi; chùi đi chất nhớt của động vật thân mềm, lau khô mắt; hít vào thật sâu... và, với anh chàng bị ông nhỏ tẩy não ta vừa gặp lần trước trên giường bệnh, độ năm năm đã trôi qua trước khi đóa sen-phân của tôi thở ra.

(Trong khi Padma, để tự trấn tĩnh, nín thở, tôi tự cho phép mình chen vào một cận cảnh theo phong-cách-chớp-bóng-Bombay - một cuốn lịch bị gió thốc vào, từng tờ nổi nhau vèo vèo bay đi - biểu thị năm tháng trôi qua; tôi chèn lên tới tập những toàn cảnh về bạo loạn đường phố, những trung cảnh về xe buýt bốc cháy và những thư viện Anh ngữ thuộc sở hữu của Hội đồng Anh và Trung tâm Thông tin Hoa Kỳ đang rừng rực lửa; qua cuốn lịch đang lật trang vùn vụt chúng ta nhìn thấy sự sụp đổ của Ayub Khan, Đại tướng Yahya nhậm chức tổng thống, vì lời hứa tuyên cử... nhưng giờ đôi môi Padma đang hé ra, và không còn thời gian để lẩn quẩn với hình ảnh đối lập dữ dội của Z.A. Bhutto và Sheikh Mujib-ur-Rahman; không khí hít vào bắt đầu được thở ra trong vô hình từ miệng cô, và những gương mặt trong mơ của lãnh đạo Đảng Nhân dân Pakistan và Liên đoàn Awami mờ dần rồi nhòa đi; luồng hơi từ phổi cô phả ra, nghịch lý thay, làm cơn gió đang lật từng tờ lịch của tôi lắng xuống, và dừng lại ở một ngày cuối năm 1970, trước cuộc bầu cử chia đôi đất nước, trước cuộc chiến tranh giữa Cánh Tây với Cánh Đông, P.P.P. với Liên đoàn Awami, Bhutto với Mujib... trước cuộc bầu cử 1970, và cách xa sân khấu đại chúng, ba anh lính trẻ đang trên đường đến một doanh trại bí ẩn ở Đồi Murree.)

Padma đã lấy lại sự tự chủ; “Được rồi, được rồi,” cô bắt bình ra mặt, vung tay xua đi những giọt nước mắt, “Ông còn chờ gì hử? Bắt đầu đi,” bông sen uy nghi ra lệnh cho tôi, “Bắt đầu lại từ đầu.”

Doanh trại trên đồi này sẽ không thể tìm thấy trên bản đồ; nó nằm cách đường Murree quá xa để tiếng sủa của lũ chó trong trại có thể đến tai người qua đường, kể cả những tay lái mô tô thính tai nhất. Hàng rào thép gai bao quanh trại được ngụy trang rất kỹ; cổng vào không có tên hay ký hiệu. Nhưng nó đã và đang tồn tại; mặc dù sự tồn tại của nó bị phủ nhận kịch liệt - chẳng hạn, khi Dacca thất thủ, khi viên tướng Pakistan bại trận Tiger Niazi bị bắn chí cột và người chiến thắng, Tướng Sam Manekshaw của Ấn Độ, chất vấn về chuyện này, con Cọp cười khẩy: “Biệt đội Liệp Khuyển chuyên Săn lùng và

Hoạt động tình báo? Chưa nghe bao giờ; ông bị bịp rồi, ông bạn già. Nói ông bỏ quá, ý tưởng lố bịch hết sức.” Bất chấp những gì Cọp nói với Sam, tối nhắn mạnh: doanh trại này vẫn luôn ở đó...

... “Mạnh mẽ lên!” Chuẩn tướng Iskandar hét ba tay lính mới, Ayooba Baloch, Farooq Rashid và Shaheed Dar. “Các cậu giờ đã là một đội CUTIA^[1] rồi!” Gõ cây dùi cui vào dùi, ông ta xoay gót và bỏ họ lại giữa bãi tập, đồng thời bị nướng dưới mặt trời vùng núi và đóng băng vì khí lạnh vùng núi. Ngực ưỡn, vai ngang, người cứng đờ với ý thức phục tùng, ba gã thanh niên nghe thấy tiếng cười khùng khục của tay cần vụ của Chuẩn tướng, Lala Moin: “*Ra các cậu là mấy thằng hăm phải nhận con chó-người ấy à!*”

[1] Viết tắt của Canine Unit for Tracking and Intelligence Activities, Biệt đội Liệp Khuyển chuyên Săn lùng và Hoạt động tình báo.

Trên giường cá nhân đêm đó: “Săn lùng và tình báo!”, Ayooba Baloch thì thảo, vẻ tự hào. “Gián điệp, bọn mày ạ! Kiểu O.S.S. 117! Cứ cho bọn mình gặp tụi Hindu ấy xem - có gì là ta không làm! Bình! Bóóp! Một lũ èo uột, bọn Hindu ấy! Toàn thằng ăn rau! Rau,” Ayooba dè bịu, “bao giờ cũng thua thịt.” Người gã đồ sộ như xe tăng. Mái tóc húi cua cắt sát lông mày.

Và Farooq, “Mày nói có chiến tranh không?” Ayooba khịt mũi. “Chứ sao? Làm sao mà không được? Sahib Bhutto chẳng đã hứa cho mỗi nông dân một hecta đất? Mà đất ấy ở đâu ra? Để có ngân ấy đất, phải chiếm Punjab và Bengal! Mày cứ chờ xem; bầu cử xong, khi đảng Nhân dân đã thắng - tha hồ Bình! Bóóp!”

Farooq vẫn băn khoăn: “Bọn Ấn nó có quân Sikh, mày ơi. Tóc dài râu rậm, khi trời nóng nó ngứa rồ lên, làm chúng hóa điên và chiến đấu điên cuồng...!”

Ayooba cười sảng sặc. “Một lũ ăn chay, tao thề, ờ... làm sao chiến nổi bọn trâu bò như tụi mình?” Nhưng Farooq lại cao và người dầy.

Shaheed Dar thì thảo, “Nhưng hấn nói thế là sao nhỉ: chó người?”

... Sáng hôm sau. Trong một căn lều treo bảng đen, Chuẩn tướng Iskandar chà các khớp ngón tay lên ve áo trong khi một tay thượng sĩ Najmuddin lên lớp cho các tân binh. Theo công thức hỏi - đáp; Najmuddin đưa ra cả câu hỏi và trả lời. Không ai được phép ngắt lời. Trong lúc bên trên tấm bảng hai bức chân dung quảng hoa của Tổng thống Yahya và Liệt sĩ Mutasim dòm xuống đầy nghiêm khắc. Và qua những cánh cửa (đóng kín), tiếng chó sủa dai dẳng... Từng câu hỏi và trả lời của Najmuddin cũng được sửa thành tiếng. Các cậu đến đây làm gì? - Luyện tập. Lĩnh vực gì? - Truy-lùng-và-bắt-giữ. Hoạt động ra sao? - Theo từng đội liệp khuyển ba người và một chó. Có điểm gì đặc biệt? - Không có sĩ quan chỉ huy, phải tự mình quyết định, đồng thời đòi hỏi ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm đạo Hồi cao độ. Mục tiêu của đơn vị? - Nhổ tận gốc những phần tử phản động. Đặc điểm của những phần tử này? - Lén lút, khéo ngụy trang, có-thể-là-bất-cứ-ai. Những mục đích của chúng? - Đáng thống hận: hủy hoại cuộc sống gia đình, giết Chúa, cướp của địa chủ, thủ tiêu cơ chế kiểm duyệt phim. Gây hậu quả ra sao? - Diệt vong Nhà nước, vô chính phủ, ngoại bang đô hộ. Những nguy cơ nổi bật? - Kỳ bầu

cử sắp tới; và tiếp đến là chính quyền dân sự. (Tù chính trị đã và đang được thả. Đủ loại côn đồ đang hoành hành.) Nhiệm vụ cụ thể của đội? - Chấp hành mệnh lệnh không thắc mắc; sẵn lòng không mệt mỏi; bắt giữ không thương xót. Phương thức hoạt động? - Âm thầm, hiệu quả, nhanh gọn. Cơ sở pháp lý của việc bắt giữ? - Luật Phòng vệ Pakistan, cho phép bắt giữ những phần tử phản động, và có thể bị cầm cố trong sáu tháng. Ghi chú: có thể gia hạn thêm sáu tháng. Hỏi gì nữa không? - Không. Tốt. Các cậu là Biệt đội CUTLA 22. Phù hiệu mẫu khuyến sẽ được khâu lên ve áo mọi người. Chữ CUTIA, dĩ nhiên, có nghĩa là *chó cái*. Còn con chó người?

Khoanh chân, mắt xanh, lừ lừ nhìn về phía trước, nó ngồi dưới gốc cây. Bò đê không mọc ở độ cao này; nó đành bằng lòng với một gốc chinar^[2]. Mũi nó: phồng to, như quả dưa chuột, chòm mũi tím tái vì lạnh. Đầu nó có một vết hói từng bị tay lão Zagallo tóm lấy. Và một ngón tay cụt mà phần bị đứt rơi xuống chân Masha Miovic sau khi Keith Nội tiết sập cửa. Và mặt nhỏ như bản đồ... “*Hấất xì!*” (Nó nhỏ.)

[2] Một loài cây hình dáng như cây phong, mọc ở vùng núi phía Bắc Ấn Độ.

Răng nó ố bần; lợi đỏ màu nước cốt trâu. Một tia nước trâu đỏ phún xuất khỏi môi nó, rơi trúng, với độ chính xác đáng khen ngợi, một cái ống nhỏ bằng bạc được gò rất tinh xảo, đặt trước mặt nó. Ayooba Shaheed Farooq nhìn trần trời với vẻ kinh ngạc. “Chớ có lấy đi cái ấy của nó,” Thượng sĩ Najmuddin chỉ cái ống nhỏ, “Sẽ làm nó điên lên.” Ayooba lên tiếng, “Dạ thưa sếp em tưởng sếp bảo ba người và một...” nhưng Najmuddin sửa, “Miễn hỏi! Phục tùng không thắc mắc! Đây là chó săn của các cậu; thế thôi. Giải tán.”

Lúc đó, Ayooba và Farooq mười sáu tuổi rưỡi. Shaheed (người đã nói dối tuổi) có lẽ ít hơn một tuổi. Bởi vì họ còn quá trẻ, chưa có thời gian để có được dạng ký ức giúp con người nắm bắt chắc chắn về hiện thực, như ký ức về tình yêu hay nạn đói, những anh lính trẻ đặc biệt dễ bị tác động bởi những truyền thuyết và chuyện ngồi lê đôi mách. Trong vòng hai mươi bốn giờ, qua những câu chuyện tại phòng ăn tập thể với các đội CUTIA khác, con chó-người đã được thần thoại hóa triệt để... “Xuất thân từ một thế gia!” - “Đưa con đàn độn, họ tống nó vào Quân đội để rèn giữa nó nên người!” - “Bị tai nạn hồi chiến tranh ‘65, chả nhớ được gì sất!” - “Mà này, nghe nói nó là anh trai của...” - “Không, mày ơi, điên à, cô ấy tốt lắm, mày biết đấy, giản dị và sùng đạo, sao có thể bỏ mặc anh trai?” - “Với cả nó dứt khoát không nhắc đến chuyện đó.” - “Tao nghe được một chuyện kinh khủng, cô ấy ghét nó, mày ạ, vì thế cô ấy mới!” - “Không trí nhớ, không để ý tới người khác, sống như một con chó!” - “Nhưng vụ đánh hơi là hoàn toàn thật đấy! Mày thấy mũi nó không?” - “Ồ, mẹ ơi, nó có thể theo dấu mọi thứ trên đời!” - “Qua nước, baba, xuyên đá! Thật là một con chó săn kinh khủng, chưa thấy bao giờ!” - “Mà nó không cảm thấy gì hết! Thật đấy! Tê liệt, tao thề; tê liệt từ-đầu-đến-chân! Mày chạm vào nó, nó cũng không biết - chỉ nhờ mùi mà nó biết mày ở đó!” - “Chắc tại vết thương chiến tranh!” - “Nhưng còn cái ống nhỏ, mày ạ, chẳng ai biết vì sao? Lúc nào cũng kè kè như kỷ vật tình yêu!” - “Nói thật, tao mừng là rơi vào ba thằng mày; nó cứ làm tao rờn rợn, ờ, hai con mắt xanh ấy.” - “Mày biết tại sao người ta phát hiện ra cái mũi nó không? Nó đi vào bãi mìn, mày ạ, tao thề, rồi thản nhiên đi ra, cứ như nó ngửi thấy đồng mìn vậy!” - “Ồi, không, mày nói gì thế, chuyện đấy cũ rồi, đấy là chuyện về con chó đầu tiên của cả chương trình CUTIA, con Bonzo, ông ạ, đừng lộn xộn chứ!” - “Mà này, Ayooba, coi chừng đấy, người ta bảo có một số V.I.P. để mắt đến nó đấy!” - “Ồ, tao đã bảo mà, Jamila Ca sĩ...” - “Dào, câm đi, bọn tao nghe ba chuyện cổ tích của mày đủ rồi!”

Khi Ayooba, Farooq và Shaheed đã làm quen với chuyên gia săn lùng kỳ quái, vô cảm của họ (ấy là sau sự kiện trong nhà xí), họ đặt cho hắn cái biệt hiệu buddha, “ông già”; không chỉ vì hắn chắc phải hơn họ bảy tuổi, và từng tham gia cuộc chiến ’65 sáu năm trước, khi ba anh lính trẻ còn chưa mặc quần dài, mà còn vì từ hắn tỏa ra một không khí hết sức cổ xưa. Buddha là một kẻ già trước thời đại.

Ôi sự mơ hồ may mắn trong cách phiên âm! Chữ “buddha” trong tiếng Urdu, nghĩa là ông già, được phát âm với hai chữ D nặng và bật hơi. Nhưng cũng có một Buddha, với hai chữ D đọc mềm hơn, có nghĩa là người-giác-ngộ-dưới-gốc-bồ-đề... Ngày xưa ngày xưa, có một hoàng tử, không chịu đựng nổi những khổ đau của thế gian, đã có khả năng vừa xuất thế lại vừa nhập thế; vừa hiện hữu, nhưng lại không hiện hữu; thân ở một nơi, nhưng tâm lại ở nơi khác. Tại Ấn Độ cổ đại, Đức Phật Cồ Đàm giác ngộ dưới gốc bồ đề ở Gaya; tại vườn Lộc Uyển Người dạy đệ tử cách thoát ly những ưu phiền thế tục và đắc đạo; và nhiều thế kỷ sau, Saleem gã buddha ngồi dưới một gốc cây khác, không nhớ được khổ đau, tê dại như băng, bị xóa sạch như một tấm bảng đá... Với một chút bối rối, tôi buộc phải công nhận rằng mất trí nhớ là một thủ thuật thường được các nhà làm phim giật gân của chúng ta sử dụng. Khẽ cúi đầu chào, tôi thừa nhận rằng cuộc đời mình, một lần nữa, lại mang màu sắc của phim chớp bóng Bombay; nhưng nói cho cùng (gạt vấn đề đầu thai nhiều tranh cãi sang một bên) chỉ có một số giới hạn những phương thức để tái sinh. Vì thế, tuy lấy làm tiếc về tình tiết cải lương ấy, tôi vẫn phải kiên trì nhấn mạnh rằng, tôi, hắn, đã trùng sinh; rằng, sau nhiều năm khát khao được là người quan trọng, mọi nỗ lực của tôi đã bị tẩy sạch hoàn toàn; rằng, sau sự trả thù bằng cách bỏ rơi tôi của Jamila Ca sĩ, người tống tôi vào Quân đội để cho khuất mắt, tôi (hay hắn) đã chấp nhận số phận mà tôi coi như cái giá phải trả cho tình yêu, và ngồi không oán trách dưới một gốc chinar; rằng, bị xóa sạch lịch sử, buddha đã học được nghệ thuật phục tùng, và chỉ làm những gì được yêu cầu. Tóm lại: tôi trở thành công dân Pakistan.

Một điều có lẽ không tránh khỏi là, sau một thời gian tập luyện gã buddha bắt đầu làm Ayooba Baloch khó chịu. Có lẽ vì hắn cô tình sống tách khỏi những người lính khác, trong một chòi rơm khổ hạnh ở cuối dãy chuồng chó; hoặc vì người ta rất hay thấy hắn ngồi xếp bằng dưới gốc cây của hắn, tay ôm cái ống nhô, ánh mắt lơ đãng và một nụ cười ngơ ngác trên môi - như thể hắn lấy làm mừng vì đã mất não! Thêm vào đó, Ayooba, tín đồ trung thành của thịt, có lẽ thấy con chó săn của đơn vị không đủ nam tính. “Chả khác gì brinjal^[3]” tôi cho phép Ayooba cắn nhai, “tao thề - một củ rau chính hiệu.”

[3] Cà tím.

(Ta cũng có thể, từ góc nhìn bao quát hơn, kết luận rằng cảm giác khó chịu đã lây lan trong không khí vào thời điểm cuối năm. Chẳng phải cả Tướng Yahya và Ngài Bhutto cũng khó chịu và nóng máu trước việc Sheik Mujib nằng nặc đòi được quyền thành lập chính phủ mới? Cái đảng Liên đoàn Awami đáng ghét ấy của dân Bengal đã thắng 160 trên 162 ghế tối đa ở Cánh Đông; đảng P.P.P. của Ngài Bhutto chỉ giành được 81 khu bầu cử phía Tây. Phải, một cuộc bầu cử rất khó chịu. Không khó hình dung ra cả Yahya lẫn Bhutto, đều dân Cánh Tây, bức bối đến mức nào! Và khi những nhân vật quyền uy còn phát cáu, làm sao trách được một anh lính trơn? Sự khó chịu của Ayooba Baloch, ta hãy tạm kết luận, đặt gã ngang hàng với những nhân vật ưu tú, nếu không muốn nói là danh giá.)

Trong quá trình thao diễn, lúc Ayooba Shaheed Farooq trầy trật leo trèo theo buddha khi hấn lần theo từng dấu vết mờ nhạt nhất qua bờ bụi núi non sông suối, ba cậu trai buộc phải thừa nhận khả năng của hấn; nhưng Ayooba, lười lười như cỗ xe tăng, vẫn chất vấn: “Mày không nhớ gì thật à? Không gì cả? Allah, mày không thấy *buồn* à? Mày cũng phải có cha mẹ chị em ở đâu đó chứ,” nhưng buddha nhẹ nhàng ngắt lời gã: “Đừng có nhồi vào đầu tao cái lịch sử này. Tao là tao, thế thôi.” Giọng hấn cực kỳ thuần khiết, “Tiếng Urdu chính gốc Lucknow, *chà, chà!*” Farooq nói đầy ngưỡng mộ, đến nỗi Ayooba Baloch, người ăn nói thô hào như thổ dân, im bật; và ba cậu trai bắt đầu tin còn nhiệt thành hơn vào những lời đồn. Cả ba không tự chủ được bị hấp dẫn bởi gã đàn ông có cái mũi dừa chuột và cái đầu chồi bỏ mọi ký ức gia đình lịch sử, và tuyệt đối không chứa đựng gì ngoài mùi này... “như một quả trứng ung bị người ta hút kiệt,” Ayooba làu bàu với đồng đội, và rồi, trở lại chủ đề trung tâm của gã, thêm, “Allah, đến cái mũi hấn cũng giống củ rau.”

Cảm giác bất an vẫn đeo đẳng họ. Họ có cảm thấy, trong sự trống rỗng tê liệt của buddha, dấu vết của sự “phản động”? - Vì sự chối bỏ quá-khứ-và-gia-đình của hấn há chẳng phải là dạng hành vi phá hoại mà họ dốc lòng “nhỏ tận gốc” hay sao? Tuy nhiên, các sĩ quan trong trại giả điếc trước những thỉnh cầu của Ayooba “Báo cáo sếp, tụi em có thể đổi một con chó thật không?”... thế nên Farooq, một kẻ theo đuôi bẩm sinh, người đã kịp tôn Ayooba làm đàn anh và người hùng của gã, than, “Biết làm sao được? Nhà hấn quan hệ rộng thế, chắc là một số sếp lớn đã bảo ngài Chuẩn tướng phải chịu đựng hấn, có vậy thôi.”

Nguồn ebook: <https://www.luv-ebook.com>

Và (mặc dù không ai trong bộ ba này diễn đạt được tư tưởng ấy) tôi cho rằng ẩn sâu dưới nền móng của sự bất an của họ là nỗi sợ của chứng tâm thần phân liệt, của sự chia rẽ, thứ được chôn chặt như một sợi dây rốn trong mỗi trái tim Pakistan. Ngày ấy, hai cánh Đông và Tây của đất nước này bị ngăn cách bởi khối đất Ấn Độ không thể bắc cầu; trong khi quá khứ với hiện tại cũng bị chia cắt bởi một vực sâu không thể bắc cầu. Tôn giáo là chất keo của Pakistan, gắn kết hai nửa đất nước với nhau; giống như ý thức - sự nhận biết bản thân như một thực thể đồng nhất trong thời gian, một sự hòa trộn của quá khứ và hiện tại - là chất keo của nhân cách, gắn kết cái ta trước kia và cái ta bây giờ. Triết lý thế đủ rồi: điều tôi muốn nói là: bằng cách từ bỏ ý thức, đoạn tuyệt với lịch sử, gã buddha đã tạo ra tấm gương xấu nhất trong mọi tấm gương - và nhân vật bất chước tấm gương ấy không ai khác ngoài Sheikh Mujib, khi ông ta lãnh đạo Cánh Đông ly khai và tuyên bố độc lập dưới cái tên “Bangladesh”! Phải, Ayooba Shaheed Farooq đã có lý khi cảm thấy bất an - bởi vì ngay trong sâu thẳm của sự rút lui khỏi mọi trách nhiệm, tôi vẫn phải chịu trách nhiệm, thông qua sự vận hành của chế độ liên kết theo nghĩa bóng, về những sự kiện thù địch trong năm 1971.

Nhưng tôi phải trở lại với ba đồng đội mới của mình, để có thể kể về tai nạn trong nhà xí: có Ayooba, cỗ xe tăng, người chỉ huy cả đội, và Farooq, người vui vẻ nghe theo. Gã trai thứ ba, tuy vậy, thuộc mẫu người âu sầu hơn, kín đáo hơn, và do đó đồng cảm với tôi nhất. Vào ngày sinh nhật thứ mười lăm Shaheed Dar đã nói dối tuổi của mình để nhập ngũ. Hôm ấy, ông bố nông dân cây rế quê Punjab của gã đất Shaheed ra đồng và khóc ướm đầm bộ quân phục mới của thằng bé. Ông lão Dar giải

thích cho con về tên gã, nghĩa là “kẻ tuần đạo”, và bày tỏ hy vọng gã sẽ chứng tỏ mình xứng đáng với nó, và có lẽ sẽ trở thành người đầu tiên trong nhà được vào vườn hương, bỏ lại sau thế giới khốn khổ này, nơi một người bố không dám mong vừa trả được nợ vừa nuôi nổi mười chín đứa con. Quyền năng áp đảo từ những cái tên, cùng hệ quả là một viễn cảnh tuần đạo đang đến gần, bắt đầu giày vò ghê gớm tâm trí Shaheed; trong mơ, gã bắt đầu thấy cái chết của mình, hiện ra dưới hình hài một quả lựu sáng rực rỡ, lơ lửng trong không khí sau lưng gã, bám theo gã đi khắp nơi, chờ đợi thời cơ. Viễn tượng ám ảnh và phần nào kém hào hùng về cái chết với quả lựu đã biến Shaheed thành một anh chàng hướng nội, không cười.

Hướng nội, không cười, Shaheed lặng lẽ quan sát từng đội CUTIA được điều từ trại ra mặt trận; và ngày một tin rằng thời khắc của gã, và của quả lựu, đã tới rất gần. Từ cuộc ra đi của những biệt đội ba người-một-chó trên xe jeep ngụy trang, gã suy ra một cuộc khủng hoảng chính trị đang lên cao; đang là tháng Hai, và nổi bức bối của những nhân vật danh giá ngày một rõ rệt hơn. Tuy nhiên Ayooba-xe-tăng vẫn giữ cái nhìn cục bộ. Con bức bối của gã cũng đang tích tụ, song đối tượng của nó là gã buddha.

Ayooba trở nên say mê người đàn bà duy nhất trong trại, một đứa cọ nhà xí gây gò chắc không thể quá mười bốn và đầu vú mới bắt đầu nhú lên dưới manh áo tả tơi: loại thấp hèn, rõ ràng, nhưng ở đây chỉ có thế, và so với một đứa cọ nhà xí thì con nhỏ có hàm răng khá đẹp và một thân hình khờ khạo dưới con mắt hấp háy của đám lính tráng... Ayooba bắt đầu đi theo con nhỏ, và bởi thế mới phát hiện thấy nó chui vào chòi rơm của buddha, và bởi thế gã mới dựa cái xe đạp vào tường rồi đứng lên yên, và bởi thế gã mới bị ngã, vì gã không thích điều gã thấy. Sau đó gã nói chuyện với con nhỏ, thô bạo tóm lấy tay nó: “Tại sao lại làm chuyện đó với thằng khùng ấy - tại sao, trong khi anh, Ayooba, có thể...?” và con nhỏ nói em thích con chó-người, hẳn rất ngộ, hẳn chẳng cảm thấy gì, hẳn nấc cái vòi nước của hẳn bên trong em mà vẫn chẳng cảm thấy gì, nhưng em thích, và hẳn nói hẳn khoái mùi của em. Sự thật thà của con nhỏ cầu bơ, sự thành thực của đứa cọ nhà xí, làm Ayooba ghê tởm; gã chửi con nhỏ là đồ có linh hồn bằng cứt lợn, và lưỡi cũng đóng đầy phân; và trong khi máu ghen nổi lên gã nghĩ ra trò chơi khăm bằng điện cực, cái bẫy hổ xí dẫn điện. Địa điểm ấy hấp dẫn gã; nó chứa đựng một thứ công lý đầy chất thơ.

“Không cảm thấy, hử?” Ayooba cười khẩy với Farooq và Shaheed, “Chờ đấy: tao sẽ cho hẳn nhảy dựng lên.”

Vào hôm 10 tháng Hai (khi Vahya, Bhutto và Mujib từ chối hội đàm cấp cao), buddha cảm thấy thiên nhiên vẫy gọi. Một Shaheed có phần âu lo và một Farooq hớn hờ lảng vảng quanh nhà xí; trong Ayooba, sau khi đã dùng kẹp điện cực nối hai tấm đế chân kim loại của hổ xí với ắc quy một chiếc jeep, đứng tí đằng xa, sau nhà xí, cạnh chiếc xe đang nổ máy. Buddha xuất hiện, mắt nở to như phê thuốc, và dáng điệu như đi-trong-mây, và khi hẳn bỗng bèngh trôi vào nhà xí, Farooq reo lên, “Ohe! Ayooba, yara!” và cười khúc khích. Ba tên lính con nít chờ đợi tiếng tru đầu đón ê chề báo hiệu con chó săn ngô ngốc của họ bắt đầu đá, khiến dòng điện theo dòng nước màu vàng chạy lên, chích vào cái vòi nước tê dại và nấc-gái-cầu-bơ của hẳn.

Nhưng chẳng có tiếng rú nào; Farooq, ngỡ ngác và cảm thấy bị lừa, nhíu mày; và một lúc sau Shaheed đâm lo liền hét gọi Ayooba Baloch, “Bớ Ayooba! Mày làm gì thế?” Ayooba-xe-tăng đáp; “Mày nghĩ sao hả, tao bật điện năm phút trước rồi!”... Và giờ Shaheed chạy - HẾT TỐC LỰC! - vào nhà xí, để thấy buddha vẫn đang đái với vẻ mặt thỏa mãn đờ đẫn, tiếp tục xả một cái bâng quang tích nước có để đã hai tuần liền, trong khi dòng điện chạy vào người hắn qua quả dưa chuột dưới hạ thể (và hiển nhiên hắn không hề hay biết), khiến người hắn tích đầy điện và có những tia lửa điện xanh lè nổ lách tách ở đầu cái mũi ngoại cỡ của hắn; và Shaheed, không đủ can đảm sờ vào sinh vật hoang đường có thể hấp thụ điện qua vòi nước của hắn, hét lên, “Ngắt điện, trời ơi, kéo hắn biến thành hành phi mất!” Buddha từ nhà xí bước ra, hờ hững, tay phải cài khuy quần còn tay trái cầm ống nhổ bạc; và ba tên lính con nít hiểu ra điều này là thật, Allah, tê cứng như băng, gây tê trước cảm xúc cũng như ký ức... Một tuần liền sau vụ này, không ai có thể động vào buddha mà không bị điện giật, và kể cả con nhỏ dọn nhà xí cũng không thể mò đến với hắn ở chòi.

Điều kỳ lạ là, sau vụ điện cực, Ayooba Baloch thôi không căm ghét buddha nữa, thậm chí bắt đầu tôn trọng hắn; nhóm lập khuyến nhờ giây phút kỳ quặc này mà được hun đúc thành một đội thực thụ, sẵn sàng xông pha chiến đấu với những kẻ tác ác trên trái đất.

Ayooba-xe-tăng không thể làm buddha bị sốc; nhưng nơi mà anh lính trơn thất bại, kẻ quyền lực lại thành công. (Khi Yahya và Bhutco quyết định làm Sheikh Mujib nhảy dựng lên, họ không phạm một sai lầm nào.)

Ngày 15 tháng Ba năm 1971, hai mươi biệt đội của CUTIA tập trung tại một căn lán treo băng đen. Tám hình quảng hoa của Tổng thống nhìn xuống sáu mươi một người và mười chín chó; Yahya Khan vừa chuyển đến Mujib cảnh ôliu đề xuất đối thoại trực tiếp với chính ông ta và Bhutto, để giải quyết mọi nỗi bức bối: nhưng bức chân dung ông ta vẫn duy trì một vẻ mặt lạnh lùng tuyệt hảo, không lộ bất kỳ manh mối gì về ý định thật, gây sốc của mình... trong khi Chuẩn tướng Iskandar chà xát các khớp ngón tay lên ve áo, Thượng sĩ Najmuddin truyền đạt mệnh lệnh: sáu mươi một người cùng mười chín chó được yêu cầu cởi bỏ quần phục. Một cơn sột soạt nhón nháo nổi lên trong lán: phục tùng không thắc mắc, mười chín người tháo vòng nhận dạng khỏi cổ chó. Bầy chó, được huấn luyện hoàn hảo, có nhướn mày song kiếm chế không phát ra tiếng; và buddha, nghiêm chỉnh chấp hành, bắt đầu cởi đồ. Sáu chục con người theo sau hắn; sáu chục con người quay về tư thế nghiêm trọng nháy mắt, lạnh run lẩy bẩy, cạnh từng chồng mũ nồi giày quần và áo chui đầu màu xanh khuy tay đập da xếp ngay ngắn. Sáu mươi một người, không mặc gì ngoài đồ lót không lành lặn, được phân phát: (từ Lala Moin tay cần vụ) quần áo dân thường được Quân đội chuẩn y. Najmuddin sửa lệnh; một lúc sau tất cả lại chỉnh tề đứng đó, người bận lungi và kurta, người đội khăn xếp Pashtun. Có người mặc quần vải rayon rẻ tiền, người vận sơ mi kẻ sọc. Buddha mặc dohti và kameez; hắn thoải mái, nhưng xung quanh nhiều người ngơ ngậy vì mặc không vừa. Đây, dù vậy, là quân vụ; không một lời phản đối, của người lẫn chó, được thốt ra.

Ngày 15 tháng Ba, sau khi tuân thủ những chỉ thị về trang phục, hai mươi đội CUTIA bay đến

Dacca, qua đường đảo Ceylon; trong số đó có Shaheed Dar, Farooq Rashid, Ayooba Baloch và buddha của họ. Cũng sang Cánh Đông theo đường vòng này là sáu mươi ngàn quân thiện chiến nhất của Cánh Tây: sáu mươi ngàn, như sáu mươi một người này, đều mặc thường phục. Viên Tổng chỉ huy (mặc com lê xanh hai hàng cúc rất sành điệu) là Tikka Khan; sĩ quan chịu trách nhiệm về Dacca, vũ sư thần phục và rút cuộc là đầu hàng của nó, tên gọi Tiger Niazi. Ông ta mặc bush-shirt với quần vải, đầu đội một chiếc mũ nỉ nhỏ khá chơi.

Qua đảo Ceylon chúng tôi bay, sáu mươi nghìn và sáu mươi một hành khách lương thiện, tránh bay qua không phận Ấn Độ, và do đó mất cơ hội chứng kiến, từ độ cao bảy ngàn mét, cảnh ăn mừng của đảng Tân Quốc đại của Indira Gandhi, vì vừa giành thắng lợi áp đảo - 350 trên 515 ghế tối đa ở Lok Sabha - cũng trong một cuộc bầu cử mới diễn ra. Chẳng-biết-đến-Indira, không được thấy khẩu hiệu tranh cử của bà, GARIBI HATAO, Xóa Bỏ Đói Nghèo, được tuyên truyền rầm rộ ở tường và băng rôn trên khắp viên kim cương Ấn Độ vĩ đại, chúng tôi hạ cánh ở Dacca vào đầu xuân, và được chở đến một trại lính trên những chiếc xe buýt dân sự được đặc biệt trưng thu vì mục đích này. Tuy nhiên, ở chặng cuối này của hành trình, chúng tôi không tránh khỏi nghe thấy đám câu hát, phát ra từ một chiếc máy hát không ai nhìn thấy. Bài hát tên là “Amar Sonar Bangla” (“Bengal Hoàng Kim Của Chúng Ta, tác giả: R. Tagore) và có đoạn: “Mỗi độ xuân về, hương xoài của Người làm tim con mê cuồng một nỗi hân hoan^[4].” Tuy nhiên, chúng tôi không ai biết tiếng Bengal, và nhờ thế được bảo vệ trước tư tưởng băng hoại âm hiểm trong lời hát, tuy rằng chân chúng tôi có vô tình đánh nhịp (phải thừa nhận như vậy) theo điệu nhạc.

[4] Một câu trong bài Quốc ca của Bangladesh.

Ban đầu, Ayooba Shaheed Farooq và buddha không được cho biết tên thành phố họ vừa đặt chân đến. Ayooba, mừng tượng ra cảnh tiêu diệt bọn ăn chay, thì thào: “Tao đã bảo mà! Giờ ta sẽ cho chúng biết tay! Tuyệt chiêu gián điệp! Thường phục và các thứ! Biệt đội 22, xung phooong! Binh! Chát! Hự!”

Nhưng chúng tôi không ở Ấn Độ; mục tiêu của chúng tôi không phải là những kẻ ăn chay; và sau nhiều ngày chờ dài cổ, quân phục được trả lại cho chúng tôi. Lần thay hình đổi dạng thứ hai này diễn ra vào ngày 25 tháng Ba.

Ngày 25 tháng Ba, Yahya và Bhutto đột ngột cắt đứt hội đàm với Mujib và quay về Cánh Tây. Đêm xuống; Chuẩn tướng Iskandar, theo sau là Najmuddin và Lala Moin, khệ nệ dưới sức nặng của sáu mươi một bộ quân phục và mười chín cái vòng cổ, xộc vào trại của CUTIA. Lúc này Najmuddin: “A lê hấp! Chỉ làm cầm hỏi! Cấp cấp như luật lệnh!” Các hành khách đi máy bay mặc quân phục và cầm vũ khí; trong khi Chuẩn tướng Iskandar rút cuộc đã thông báo mục đích chuyến đi. “Thằng cha Mujib ấy,” ông tiết lộ, “chúng ta sẽ cho hắn ném mùi. Chắc chắn ta sẽ làm hắn nhảy dựng lên!”

(Hôm đó là 25 tháng Ba, sau khi hội đàm với Bhutto và Yahya đổ vỡ, Sheikh Mujib-ur-Rahman liền tuyên bố thành lập nước Cộng Hòa Bangladesh.)

Các biệt đội CUTIA từ trại chui ra, leo lên xe jeep đang chờ sẵn; trong khi qua loa phong thanh trong căn cứ, tiếng hát thu âm của Jamila Ca sĩ cất lên những bài ca yêu nước. (Còn Ayooba, huých buddha: “Nghe kìa, coi nào, chẳng lẽ mày không nhận ra - thử nghĩ xem, đây chả phải là người thân

của mày à - Allah, chẳng này ngoài trò đánh hơi ra thì thật vô dụng!”)

Vào nửa đêm – chẳng lẽ còn có thể vào thời điểm nào khác? - sáu mươi ngàn quân tinh nhuệ rời doanh trại; các hành-khách-bay-với- tư-cách-dân-thường lúc này bấm nút khởi động xe tăng. Tuy nhiên, riêng Ayooba Shaheed Farooq cùng buddha được chọn tháp tùng Chuẩn tướng Iskandar trong sứ mệnh trọng đại nhất của đêm hôm đó. Phải, Padma: lúc Mujib bị bắt, chính tôi là người đánh hơi thấy ông ta. (Họ đưa cho tôi một chiếc áo cũ của ông ấy; có mùi rồi thì chuyện đơn giản thôi.)

Padma gần như quẫn trí vì đau đớn. “Nhưng thưa ông, không phải là ông, không thể là ông, sao ông có thể làm một việc như thế...?” Padma: là tôi đây. Tôi đã thề sẽ kể hết; không giấu giếm một mẫu sự thật nào. (Nhưng trên mặt cô đang có những vết sên bò, và hẳn là cô phải có lý do.)

Thế nên - tin tôi hay không thì tùy, nhưng chuyện là thế đó! - tôi phải nhấn mạnh rằng tất cả đã kết thúc, tất cả lại bắt đầu, khi một cái ống nhỏ đập vào gáy tôi. Saleem, với sự mòn mỏi khát khao ý nghĩa, khát khao mục đích xứng đáng, khát khao thiên-tài-như-một-tấm-khăn-san, đã ra đi; và sẽ không trở lại cho đến khi một cơn rã rùng nhiệt đới... - tuy nhiên, vào lúc này, chỉ còn lại buddha; kẻ không nhận ra giọng hát người thân; kẻ không nhớ cả cha lẫn mẹ; kẻ mà với hắn nửa đêm chẳng có ý nghĩa gì; kẻ, ít lâu sau tai nạn thanh tẩy hắn, tỉnh dậy trên một giường bệnh quân y, và chấp nhận Quân ngũ là số phận của mình; kẻ tuân theo cuộc sống mà hắn rơi vào, và làm tròn nhiệm vụ; kẻ phục tùng mệnh lệnh, kẻ sống cả trong-thế-giới-này và không-trong-thế-giới-này; kẻ cúi đầu quy phục; kẻ có thể truy ra cả người lẫn thú giữa phố xá hoặc dưới dòng sông; kẻ không biết và cũng chẳng quan tâm đến việc làm thế nào, dưới sự bảo trợ của ai, là ân huệ dành cho ai, và do ai xúi bẩy vì lòng thù hận mà hắn bị nhét vào bộ quân phục này; người, nói tóm lại, chỉ là chó săn chính thức của Biệt đội CUTIA số 22 không hơn không kém.

Nhưng bệnh mất trí nhớ này thật tiện biết mấy, nó bào chữa được nhiều việc biết bao! Vậy nên hãy cho phép tôi tự phê bình: triết lý chấp nhận mà buddha tuân thủ cũng có hậu quả không hơn và cũng chẳng kém phần bất hạnh so với nỗi-khát-thèm-vai-trò-trung-tâm trước kia của hắn; và ở đây, tại Dacca, những hậu quả này sắp được phơi bày.

“Không, không đúng,” Padma của tôi nắc lên; hầu hết những gì xảy ra đêm hôm đó cũng bị phủ nhận như thế.

Nửa đêm, 25 tháng Ba năm 1971, qua trường Đại học, nơi đang bị pháo kích, buddha dẫn quân lính vào sào huyệt của Sheikh Mujib. Sinh viên và giảng viên từ ký túc xá chạy ra; những loạt đạn chào đón họ, và Mercurochrome đỏ loang mặt cỏ. Sheikh Mujib, dù vậy, không bị bắn; chịu xiềng xích và xô đẩy, ông ta được Ayooba dẫn ra một chiếc xe hòm chờ sẵn. (Như lần trước, sau cuộc cách mạng của các lọ gia vị... nhưng Mujib không trần truồng; ông ta mặc một bộ pajama sọc xanh vàng.) Và khi xe chúng tôi chạy trên đường phố, Shaheed ngó qua cửa sổ thấy những cảnh tượng không-phải-không-thể-nào là thật: quân lính đi vào nhà phụ nữ không hề gõ cửa; phụ nữ, bị lôi ra giữa đường, cũng bị đi

vào, và cũng lại không ai buồn gõ cửa. Và các tòa báo, cháy bốc lên thứ khói vàng đen bản thủ của những tờ lá cải rẻ tiền, và trụ sở các nghiệp đoàn, bị đập nát thành gạch vụn, và cống rãnh lề đường đầy ứ những người không đơn giản là đang ngủ - họ nằm phơi ngực trần, với những nốt mụn rỗ của lở đạn. Ayooba Shaheed Farooq im lặng quan sát qua cửa sổ xe đang chạy, trong khi các chàng trai của chúng ta, những chiến-sĩ-của-Allah, những jawan đáng-mười-tên-babu gìn giữ sự thống nhất của Pakistan bằng cách chĩa súng phun lửa súng máy lựu đạn vào khu ổ chuột của thành phố. Khi chúng tôi áp giải Sheikh Mujib đến sân bay, nơi Ayooba gí súng vào mông rồi đẩy ông ta lên chiếc máy bay sẽ đưa ông ta tới nơi giam cầm ở Cánh Tây, buddha đã nhắm mắt lại. (“Đừng nhồi vào đầu tao cái lịch sử này,” hẳn đã có lần nói với Ayooba-xe-tăng, “Tao là tao, thế thôi.”)

Và Chuẩn tướng Iskandar củng cố tinh thần binh sĩ: “Vẫn còn những phản tử phản động cần phải tróc nã tận gốc.”

Khi suy nghĩ trở nên quá đau đớn, hành động là liều thuốc công hiệu nhất... các chiến binh chó giăng căng dây xích, thế rồi, khi được thả, sung sướng lao vào nhiệm vụ. Ôi những cuộc săn lùng phản động của bầy mãnh cẩu! Ôi những vụ truy bắt tràn lan giáo sư và thi sĩ! Ôi những vụ bắt giữ không may biến thành bị-bắn-vì-chống-cự của các thành viên Liên đoàn Awami và phóng viên thời trang! Bầy chiến khuyến gieo rắc tang thương khắp thành phố; có điều chó săn tuy không mệt, binh sĩ lại yếu hơn: Farooq Shaheed Ayooba thay nhau nôn mửa khi mùi hôi thối từ khu ổ chuột bốc cháy ào ạt xộc vào mũi họ. Buddha, bị mùi hôi thối khơi dậy trong mũi hẳn những hình ảnh sống động rất bóng, vẫn cứ tiếp tục nhiệm vụ của mình. Ngủ ra chúng: phần còn lại dành cho đám lính cẩu. Những biệt đội CUTIA sục sạo đông đảo nát âm ỉ khói của thành phố. Đêm nay không tên phản động nào được yên thân, không chỗ ẩn náu nào là bất khả xâm phạm. Chó săn St. Hubert săn đuổi những kẻ thù đang trốn chạy của quốc gia thống nhất; chó săn Ireland, không kém cạnh, cắm ngập hàm răng dữ tợn vào con mồi.

Bao nhiêu vụ bắt giữ - mười, bốn-trăm-hai-mươi, một-ngàn-lẻ-một? - được Biệt đội 22 thực hiện đêm đó? Bao nhiêu tên trí thức Dacca èo uột trốn sau sari đàn bà và phải bị tóm cổ lôi ra đường? Bao nhiêu lần Chuẩn tướng Iskandar - “Ngủ đi! Mùi phản loạn đấy!” - thả lũ chiến khuyến của sự thống nhất xỏ ra? Có những điều xảy ra vào cái đêm 25 tháng Ba ấy sẽ phải vĩnh viễn nằm lại trong sự mập mờ.

Sự vô nghĩa của các số liệu thống kê: trong năm 1971, mười triệu người tị nạn đã vượt qua biên giới Đông Pakistan (Bangladesh) sang Ấn Độ - nhưng mười triệu (cũng như mọi con số lớn hơn một ngàn lẻ một) vượt quá giới hạn hiểu biết của con người. Phép so sánh cũng chẳng ích gì: “làn sóng di cư lớn nhất lịch sử nhân loại” - vô nghĩa. To hơn cuộc Xuất hành^[5], lớn hơn đám đông thời kỳ chia cắt, con quái vật nhiều đầu ấy tràn sang Ấn Độ. Ở biên giới, quân Ấn Độ huấn luyện các nhóm du kích lấy tên là Mukti Bahini; tại Dacca, Tiger Niazi toàn quyền kiểm soát thành phố.

[5] Nguyên văn: Exodus, cuộc di cư của dân Do Thái do Moses dẫn đầu rời khỏi Ai Cập (Kinh Thánh).

Còn Ayooba Shaheed Farooq? Các chàng trai áo xanh? Họ làm quen với việc chiến đấu chống lại những đồng bào ăn thịt ra sao? Họ có làm binh biến? Và các sĩ quan - Iskandar, Najmuddin, và thậm

chí Lala Moin - có bị những viên đạn của sự ghê tởm xuyên thủng lỗ chỗ? Họ không sao hết. Sự trong sạch đã mất đi; nhưng bất chấp vẻ tàn nhẫn mới xuất hiện trong mắt, bất chấp tín nhiệm đã mất không thể văn hồi, bất chấp những giá trị tuyệt đối về đạo đức bị xói mòn, cả đội tiếp tục thi hành nhiệm vụ. Buddha không phải là người duy nhất phục tùng mệnh lệnh... trong khi đầu đó phía trên cuộc giao tranh, tiếng hát của Jamila Ca sĩ tranh đấu với các giọng ca vô danh hát ca từ của R. Tagore: “Đời con trôi đi giữa làng quê rợp bóng, đầy ấp thóc từ đồng lúa của Người; chúng làm tim con mê cuồng một nỗi hân hoan.”

Trái tim điên cuồng, nhưng không phải vì một nỗi hân hoan, Ayooba và đồng đội theo lệnh hành sự; buddha theo dấu mùi. Biệt đội số 22 tiến về trung tâm thành phố nơi đã trở nên bạo lực điên cuồng đâm máu khi binh sĩ Cánh Tây phản ứng tồi tệ trước nhận-thức-về-điều-sai-trái của bản thân; xuyên qua phố xá tối tăm, buddha chỉ chuyên tâm vào đánh hơi dấu vết trên mặt đất, mặc kệ sự hỗn loạn ở bề mặt của mùi thuốc lá phân bò xe đạp đổ gãy vứt đi; và sau đó là vào những nhiệm vụ khác: ở nông thôn, nơi những ngôi làng bị đốt trụi vì trách nhiệm tập thể trong việc chứa chấp Mukti Bahini, buddha và ba gã trai tiếp tục tróc nã những cán bộ cấp thấp của Liên đoàn Awami và các phần tử Cộng sản tiếng tăm. Vượt qua từng đoàn lưu dân gánh gồng chạy nạn, những đoạn đường sắt bị xé toang và rặng cây bị cháy trụi, và không ngừng, như thể có một sức mạnh vô hình dẫn dắt từng bước chân, lôi họ vào một hố thẳm đen tối hơn của cơn cuồng dại này, nhiệm vụ dẫn họ mãi miết xuôi về phía Nam Nam Nam, mỗi lúc một gần biển hơn, đến nơi sông Hằng đổ ra biển.

Rốt cuộc - họ đang đuổi theo ai? Tên tuổi có còn quan trọng nữa không? - hẳn là hẳn họ đã gặp phải một con mồi sở hữu những kỹ năng đáng mặt kỳ phùng địch thủ của buddha, không thì tại sao mãi mà họ chưa bắt được hẳn? Sau cùng - không thể thoát khỏi những gì họ đã được huấn luyện - săn-lùng-không-mệt-mỏi-bắt-giữ-không-thương-xót, họ ở vào lưng chừng của một nhiệm vụ không hồi kết, săn đuổi một địch thủ không ngừng cao chạy xa bay, nhưng chẳng thể tay trắng quay về căn cứ, thế là họ đi mãi, về Nam Nam Nam, bị hút theo một dấu mùi liên tục thoái lui và có lẽ còn theo một điều khác nữa: bởi vì, trong đời tôi, vận mệnh chưa bao giờ ngần ngại chìa tay giúp đỡ.

Họ trưng dụng một chiếc thuyền, vì buddha nói rằng dấu vết dẫn đến dòng sông; đói khát thiếu ngủ kiệt sức giữa một thế giới của những đồng lúa bỏ hoang, họ chèo đuổi theo con mồi chưa thấy mặt; họ đi xuôi dòng sông nâu vĩ đại, tới khi cuộc chiến đã ở quá xa không ai nhớ nổi, nhưng cái mùi ấy vẫn kéo họ đi tiếp. Nơi đây dòng sông có một cái tên quen thuộc: Padma. Nhưng cái tên này là một sự lừa dối địa phương; trên thực tế con sông vẫn là Người, là mẹ-nước, là nữ thần Ganga, chảy xuống trái đất qua mái tóc thần Shiva. Đã nhiều ngày buddha không hé răng; hẳn chỉ chỉ, đẩy, hướng đó, thế là họ đi, về phía Nam Nam Nam để ra biển.

Một buổi sáng không tên. Ayooba Shaheed Farooq tỉnh dậy trên con thuyền của cuộc săn đuổi lố bịch của họ, được neo lại bên bờ Padma-Ganga - và thấy hẳn đã biến mất. “Allah-Allah,” Farooq rên lên, “Bị tai lại và câu Chúa rủ lòng thương đi, hẳn đã lừa tui mình đến xứ ngập lụt này rồi bỏ trốn, tất cả tại mày hết, Ayooba, chính mày nghĩ ra trò điện cực và đây là đòn thù của hẳn!”... Mặt trời lên cao dần. Những loài chim lạ bay lượn trên không. Cái đói và nỗi sợ như chuột sục sạo trong dạ dày họ: ngộnhờ, ngộnhờ quân Mukti Bahini... các bậc cha mẹ được kêu gọi hết lời. Shaheed vừa mơ giấc mơ

quả lựu của gã. Nổi tuyệt vọng đập dềnh quanh mạn thuyền. Và đằng xa, gần với chân trời, một bức tường xanh không lồ bất tận không tường, trải dài hai bên đến tận cùng trái đất! Nổi sợ không nói thành lời; có thể nào, có thể nào những gì chúng ta đang thấy là thật, ai lại xây tường vắt ngang thế giới?... Thế rồi Ayooba, “Kìa, kìa, Allah!” Bỗng đang tiên lại gần họ qua ruộng lúa là một cảnh đuổi bắt quay chậm kỳ dị; đầu tiên là buddha với cái mũi dừa chuột, mà quý vị có thể nhận ra từ xa một dặm; và đuổi theo hắn, bị bồm chạy giữa ruộng, là một bác nông dân hoa chân múa tay lăm lăm lưỡi hái, một Đức Cha Thời gian^[6] nổi giận, trong khi chạy dọc con mương là một người đàn bà sari xắn cao giữa hai chân, tóc rối bù, không ngớt la hét van vãn, trong khi kẻ báo thù cầm hái vấp ngã dúi dụi giữa ruộng lúa ngập nước, từ đầu đến chân nhoe nhoét nước và bùn. Ayooba gầm lên đầy nhẹ nhõm: “Thằng dê xồm! Không nhìn nổi cái thói táy máy gái quê! Mau lên, buddha, đừng để bị tóm, lão ta sẽ xẻo hai quả dừa chuột của mày đây!” Và Farooq, “Nhưng sau đó thì sao? Nếu buddha bị xẻo, thì sao?” Lúc này Ayooba-xe-tăng rút súng khỏi bao. Ayooba ngẫm: hai tay giờ ra trước, cô giữ không rung, Ayooba bốp cò: lưỡi hái vẽ một đường cong trong không khí. Và, chậm chậm, chậm chậm, một đôi tay nông dân giờ lên như cầu nguyện; cặp đầu gối quỳ xuống nước ruộng; một khuôn mặt cắm xuống nước và vấp trán vào đất. Trên bờ mương một tiếng phụ nữ rú lên. Và Ayooba bảo buddha: “Lần sau, người ăn đạn sẽ là mày.” Ayooba-xe-tăng run bần bật như một chiếc lá. Và Thời gian nằm chết trên ruộng lúa.

[6] Trong báo chí phương Tây, thời gian thường được nhân cách hóa thành Đức Cha Thời gian (Father Time), một ông già râu bạc, mặc áo choàng đen, tay cầm lưỡi hái và một chiếc đồng hồ cát.

Nhưng vẫn còn đó cuộc săn đuổi vô nghĩa, và kẻ thù chẳng bao giờ thấy mặt; và buddha, “Đi đường kia,” thế là bốn người lại tiếp tục chèo, về Nam Nam Nam, họ vừa giết chết giờ và đã quên mất ngày, họ không còn biết mình đang truy đuổi hay trốn chạy, nhưng dù điều gì thúc đẩy họ thì nó cũng đang đem họ đến gần hơn gần nữa bức tường màu xanh không tường kia, “Đường đó,” buddha quả quyết, và thế là họ đã ở trong nó, một khu rừng rậm rạp đến mức lịch sử hầu như chẳng bao giờ tìm thấy đường vào. Rừng Sundarbans: nó nuốt chửng họ.

Chương 25: Trong rừng Sundarbans

Tôi sẽ thú nhận: chẳng có con mồi sau cùng, khó tróc nã, thôi thúc chúng tôi về Nam Nam Nam nào hết. Trước tất cả độc giả, tôi muốn đưa ra lời khai nhận trần trụi này: trong khi Ayooba Shaheed Farooq không có khả năng phân biệt giữa truy đuổi và trốn chạy, buddha biết rõ hắn đang làm gì. Mặc dù ý thức rất rõ mình đang tiếp thêm đạn dược - thông qua việc thừa-nhận-tội-lỗi, tiết-lộ-sự-suy-đòi-đạo-đức, bằng-chứng-của-sự-hèn-nhát - cho bất cứ bình luận viên tương lai hay cây bút phê bình tầm độc nào (xin nhắc họ rằng: đã hai lần tôi trúng độc nọc rắn; và cả hai lần, tôi đều chứng tỏ mình mạnh hơn nọc độc), tôi vẫn buộc phải nói rằng hắn, buddha, rốt cuộc không thể tiếp tục ngoan ngoãn chấp hành nhiệm vụ được nữa, đã ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Bị nhiễm loài dòi gặm nhấm linh hồn của sự bi quan vô nghĩa hỏ thẹn, hắn đào ngũ, chạy đến chốn vô danh không lịch sử của rừng mưa, tha theo ba cậu bé con. Điều tôi muốn vĩnh viễn bảo tồn trong lọ ngâm cũng như trên giấy: một trạng thái của tâm hồn khi ta không thể chối bỏ những hệ quả của sự cam chịu, khi một toa thuốc hiện thực quá liều sẽ

sinh ra khát khao bức bối muốn vượt thoát đến thế giới an toàn của những giấc mơ... Nhưng, rừng già, như mọi chốn nương thân, hoàn toàn khác - ít hơn mà cũng nhiều hơn - với những gì hấn chờ đợi.

“Em vui,” Padma của tôi bảo, “Em mừng là ông đã chạy.” Nhưng tôi nhấn mạnh: không phải tôi. Hấn. Hấn, buddha. Kẽ, cho tới khi con rắn xuất hiện, vẫn là không-phải-Saleem; kẽ, dù đã trốn chạy, vẫn bị cách biệt với quá khứ; dù hấn luôn giữ chặt, trong bàn tay như có giác hút^[1], một chiếc ống nhỏ bằng bạc.

[1] Nguyên văn: limpet fist. Limpet là một loài động vật thân mềm hình dẹt như con ngao nhưng chỉ có một mặt vỏ cứng, mặt kia bám vào đá bằng phần chân có cấu trúc như giác hút.

Rừng già khép lại sau lưng họ như một nắm mồ, và sau hàng giờ chèo thuyền trong cơn kiệt sức và hoảng loạn ngày một lớn dần, giữa mạng kênh đào nước mặn chằng chịt như mê cung nằm dưới những rặng cây đổ bóng cao ngất như vòm giáo đường, Ayooba Shaheed Farooq hoàn toàn lạc lối; hết lần này đến lần khác họ quay sang buddha, kẽ chỉ hét “Đường kia” đến “Lối đó”; nhưng mặc dầu họ chèo cật lực, bất chấp cơn mệt mỏi, cơ hội thoát khỏi chốn này dường như cứ biến mất trước mắt họ như một ngọn đèn ma; cho tới sau cùng, họ vây quanh chuyên gia truy lùng vốn dĩ không thể sai lầm của họ, và có lẽ đã nhìn thấy một tia hổ thẹn hay nhẹ nhõm lóe lên trong đôi mắt bình thường vẫn xanh-mờ-đục của hấn ta; và giờ Farooq lằm bằm giữa màu xanh như mộ địa của cánh rừng: “Mày không biết. Mày chỉ nói bừa thôi.” Buddha im lặng, nhưng trong sự im lặng của hấn họ đọc thấy số phận của mình, và giờ khi biết chắc mình sẽ không bao giờ thấy mặt trời nữa, Ayooba Baloch, chính gã Ayooba-xe-tăng, òa khóc nức nở như một trận mưa rừng. Cái cảnh tượng treo ngoe khi gã trai lực lưỡng tóc húi cua này khóc oa oa như một đứa bé đã góp phần khiến Farooq và Shaheed mất tự chủ; đến nỗi Farooq suýt nữa làm lật thuyền khi lao vào tấn công buddha, người bình thân chịu đựng những cú đâm như mưa trút lên ngực vai tay hấn, đến khi Shaheed phải kéo Farooq ra cho an toàn. Ayooba Baloch khóc không nghỉ suốt ba giờ hoặc ngày hoặc tuần liền, cho đến khi trời bắt đầu mưa và làm nước mắt của gã trở nên không cần thiết; và Shaheed Dar nghe thấy mình nói, “Khóc cho lắm vào, nhìn xem mày đã mở đầu cái gì,” chứng tỏ rằng họ đã bắt đầu lây nhiễm thứ logic của rừng già, và rằng đó chỉ mới là sự bắt đầu, bởi vì khi sự bí hiểm của đêm tối khiến vẻ phi thực của rừng cây thêm nồng đậm, Sundarbans bắt đầu sinh sôi nảy nở trong mưa.

Ban đầu họ còn mãi mức nước ra khỏi thuyền nên chưa ai nhận ra; nước lại đang lên, hấn đã làm họ rối trí; nhưng dưới ánh sáng cuối ngày, không nghi ngờ gì nữa: khu rừng đang gia tăng về kích cỡ, sức mạnh và độ hung bạo; từng chiếc rễ cà kheo khổng lồ của những cây đước cổ thụ đồ sộ ngoằn ngoèo đói khát trườn trong ánh chiều chạng vạng, hút nước mưa và phình to hơn cả vòi voi, trong khi bản thân những cây đước vươn cao đến mức, như sau này Shaheed Dar miêu tả, lũ chim trên ngọn cây chắc có thể hót cho Chúa nghe. Vòm lá trên cao của những cây dừa nước vĩ đại bắt đầu tỏa rộng như những bàn tay khum khum to tướng màu xanh lục, cứ thế căng phồng lên dưới mưa đêm cho tới khi cả khu rừng như đước lợp mái tranh; và rồi những trái dừa nước bắt đầu rụng, chúng to hơn bất kỳ loại dừa nào trên trên đất và đạt một tốc độ đáng báo động khi từ độ cao chóng mặt lao xuống và nổ tung như bom trên mặt nước. Mưa ngập cả lòng thuyền; họ chỉ có bốn chiếc mũ vải xanh và một hộp thiếc cũ đựng bơ để tát nước; đến khi đêm xuống và trận mưa bom dừa nước từ trên không trút xuống, Shaheed Dar bảo, “Hết cách rồi - phải lên bờ thôi,” mặc dù tâm trí gã tràn ngập giấc mơ về quả lựu và gã thoáng nghĩ có thể đây là nơi nó trở thành sự thật, mặc dù ở đây là loại quả khác.

Trong khi Ayooba ngồi khiếp sợ mắt đỏ ngầu và Farooq cơ hồ tan nát vì thần tượng sụp đổ; trong khi buddha vẫn im lặng gục đầu, Shaheed là người duy nhất còn khả năng suy nghĩ, bởi mặc dù ướt đầm và mệt lả và rừng đêm rú rít xung quanh, đầu gã phần nào trở nên tỉnh táo mỗi khi gã nghĩ đến quả lựu tử vong của mình; thế nên chính Shaheed là người ra lệnh cho chúng tôi, cho họ, chèo con thuyền sắp chìm của chúng tôi, của họ, vào bờ.

Một trái dừa nước rơi chệch con thuyền chỉ hơn một tấc, gây ra một cơn thủy chấn lớn đến mức làm lật thuyền; họ chạt vật bò lên bờ trong bóng tối, ôm theo trên đầu nào súng vải dầu hộp thiếc, sau đó kéo thuyền lên, và khi đã dứt nỗi lo về mưa bom dừa nước và bây rần rể được, lăn ra ngủ giữa con thuyền sưng nước. Khi họ tỉnh dậy, ướt-sũng-và-run-lầy-bầy bất chấp cái nóng, trời đã chuyển mưa phùn dày hạt. Họ thấy trên người phủ một lớp đĩa dài hai tấc gần như hoàn toàn không màu vì thiếu ánh sáng mặt trời, nhưng lúc này đã chuyển màu đỏ nhạt vì mọng máu và lần lượt nổ tung trên cơ thể bốn người vì quá tham lam nên không thể dừng hút dù đã no căng. Máu rùng rùng chảy dọc chân họ xuống nền rừng; khu rừng hút ngay lấy, và biết mùi vị của nó chế nào.

Khi những trái dừa nước giáng xuống nền rừng, chúng cũng trào ra một chất lỏng màu máu, một thứ sữa đỏ ngay lập tức bị hàng triệu con côn trùng bu vào, có cả những con ruồi khổng lồ cũng trong suốt như lũ đĩa. Lũ ruồi cũng ngả đỏ khi bú no thứ sữa từ những trái dừa... suốt đêm ấy, Sundarbans dường như không ngừng lớn lên. Cao hơn hết là những cây sundri, loài cây đã đem đến cái tên cho khu rừng; cao đến nỗi đủ sức ngăn cản tia hy vọng nhỏ nhoi nhất của mặt trời. Bốn người bọn tôi, họ, trèo ra khỏi thuyền; và chỉ sau khi đặt chân lên nền đất cứng trơn trải lổm ngổm bọt cạp màu hồng nhợt và lúc nhúc từng đống giun đất nâu xám, họ mới cảm thấy đói và khát. Nước mưa đọng trên lá cây nhỏ xuống quanh họ, và họ ngửa mặt lên mái rừng mà uống; nhưng có lẽ vì nước này đã chảy qua lá sundri và cành được và tàu dừa trước khi đến chỗ họ, nên từ hành trình ấy, nó đã hấp thụ một phần nào đó sự điên dại của rừng già, cho nên khi uống vào họ lún sâu thêm sâu nữa vào ách áp chế của thế giới màu xanh thẫm ấy hơi tiếng chim nghe như gõ kêu cọt két và tất cả rần đều mù. Trong trạng thái tâm thần mê loạn, hôn ám do cánh rừng gây ra, họ chuẩn bị bữa ăn đầu tiên, một hỗn hợp của dừa nước và giun nghiền, thứ đã giáng xuống đầu tất cả bọn họ một trận ỉa chảy dữ dội đến nỗi họ phải nghiêng răng kiểm tra phân xem ruột gan mình có xổ ra cùng mớ hổ lốn ấy không.

Farooq nói, “Ta chết ở đây mất.” Nhưng ở Shaheed có một khát khao sinh tồn mãnh liệt; bởi vì, sau khi hồi tỉnh khỏi cơn hoang mang đêm trước, gã trở nên tự tin rằng đây không phải là cái kết dành cho gã.

Lạc trong rừng mưa, và biết ngót mưa chỉ là chuyện tạm thời, Shaheed quyết định rằng chẳng có lý do gì họ phải cố gắng tìm đường thoát khi cơn mưa trở lại có thể đánh đắm con thuyền tạm bợ của họ bất cứ lúc nào; dưới sự chỉ đạo của gã, một chỗ trú được dựng lên từ vải dầu và lá cọ; Shaheed bảo, “Chỉ cần kiên trì ăn quả, ta sẽ sống sót.” Tất cả đã quên từ lâu mục đích hành trình của họ; cuộc săn đuổi, được bắt đầu từ rất xa trong thế giới thật, dưới ánh sáng biến dạng của rừng Sundarbans đã nảy sinh đặc tính của một ảo tưởng lố bịch, cho phép họ rũ bỏ nó vĩnh viễn.

Và thế là Ayooba Shaheed Farooq cùng buddha tự nộp mình cho những ảo tượng khủng khiếp của cánh rừng mê. Từng ngày trôi qua, tan lẫn vào nhau dưới sức mạnh của cơn mưa vừa trở lại, và bất chấp buốt giá sốt cao ỉa chảy họ vẫn sống sót, hoàn thiện chỗ trú ẩn bằng cách bẻ thêm những cành sundri và đước mọc thấp, uống sữa đỏ của dừa nước, tích lũy các kỹ năng sinh tồn, như khi năng siết cổ rắn và phóng những cây gậy mài sắc chính xác tới mức chúng đâm xuyên điều những con chim nhiều màu. Nhưng một lần Ayooba tỉnh dậy trong đêm tối và trông thấy hình thù mờ ảo của một người nông dân với một vết đạn giữa tim và lưỡi hái trên tay đang sầm thăm nhìn xuống gã, và khi gã lập bập trèo ra khỏi thuyền (họ đã kéo nó vào căn lán nguyên thủy của mình), một thứ chất lỏng không màu rỉ ra từ cái lỗ ở tim người nông dân và chảy sang cánh tay cầm súng của Ayooba. Sáng hôm sau, cánh tay phải của Ayooba nhất định không chịu cử động; nó cứng đờ và lủng lẳng bên người gã như bị bó bột. Sự giúp đỡ và cảm thông của Farooq Rashid cũng chẳng ích gì; cánh tay vẫn treo bất động trong thứ chất lỏng vô hình của hồn ma.

Sau lần ma hiện hồn này, họ rơi vào một tâm lý tin rằng khu rừng có khả năng làm bất cứ điều gì; mỗi đêm nó lại gửi đến họ những hình phạt mới, ánh mắt ai oán của những người vợ có chồng bị họ săn lùng và bắt giữ, tiếng gào khóc chí chóe của những đứa trẻ đã mất cha dưới tay họ... và trong lần đầu tiên này, lần của sự trừng phạt, ngay cả gã buddha lãnh đạm có chất giọng thành thị cũng buộc phải thú nhận hẳn đã bắt đầu tỉnh giấc về đêm và thấy rừng đang dòn về vây quanh hẳn như một chiếc bàn kẹp, làm hẳn không thể thở được.

Khi đã trừng phạt họ đủ - khi họ chỉ còn là cái bóng run rẩy của những con người trước kia họ đã từng là - rừng già cho phép họ hưởng thụ cảm giác xa xỉ hai lưỡi của nỗi hoài nhớ. Một đêm, Ayooba, người quay về thời thơ ấu nhanh hơn bất kỳ ai trong số họ, và đã bắt đầu mút ngón tay cái còn cử động được, trông thấy mẹ đang nhìn gã và chìa cho gã món kẹo bột gạo mịn màng của tình yêu thương; song đúng lúc gã vươn tay về phía món laddoo, bà líu ríu bỏ chạy; và gã thấy bà leo lên một cây sundri vĩ đại và đánh đu trên cành cao bằng cái đuôi vắt vèo: một con khỉ trắng như hồn ma mang khuôn mặt mẹ gã đến thăm Ayooba hằng đêm, khiến sau một thời gian, gã buộc phải hồi tưởng lại nhiều chuyện khác về bà ngoài món kẹo: bà thích ngồi giữa những hộp hồi môn, như thể bà chẳng qua cũng chỉ là một món đồ, cũng chỉ là một trong những lễ vật cha bà đem tặng chồng bà ra sao; giữa rừng Sundarbans, Ayooba Baloch lần đầu tiên hiểu mẹ mình, và không mút tay nữa. Cả Farooq Rashid cũng nhận được một ảo ảnh. Một hôm vào lúc nhá nhem gã cứ ngỡ mình vừa thấy đứa em trai chạy hộc tốc giữa rừng, và tin rằng cha gã vừa mất. Gã nhớ lại một ngày đã bị lãng quên, khi người cha nông dân nói với gã và đứa em ba chân bốn cẳng rằng lão chúa đất trong vùng, kẻ cho vay nặng lãi 300 phần trăm, đã đồng ý mua lại linh hồn ông cụ để đổi lấy món nợ mới nhất. “Bao giờ bố chết,” ông lão Rashid dặn em trai Farooq, “con nhớ há miệng để linh hồn bố bay vào; rồi chạy chạy chạy ngay, bởi zamindar sẽ đuổi theo con!” Farooq, người cũng bắt đầu hoàn toàn đồng với tốc độ đáng báo động, tìm thấy trong cái chết của cha gã và cuộc đào tẩu của em trai gã sức mạnh để từ bỏ những thói quen con nít mà rừng già ban đầu đã tái lập ở gã; gã thôi không khóc khi đói và hỏi Tại sao. Shaheed Dar cũng được một con khỉ có khuôn mặt tổ tiên đến thăm; nhưng tất cả những gì gã thấy là một người cha từng dạy gã phải làm sao cho xứng với tên mình. Điều này, tuy vậy, cũng giúp khôi phục ở gã ý thức trách nhiệm đã bị xói mòn bởi đòi hỏi nhắm-mắt-phục-tùng của chiến tranh; vậy là dường như cánh rừng thần bí, sau khi hành hạ họ vì những tội ác họ gây ra, đang dẫn dắt họ đến một tuổi trưởng thành mới. Và bay biến giữa rừng đêm là bóng ma của những hy vọng của họ; tuy nhiên, riêng những hình ảnh ấy, họ lại không thể nhìn rõ,

hoặc nắm bắt được.

Buddha, tuy vậy, không được nhận nổi hoài nhớ ngay từ đầu. Hắn đã quen với việc ngồi xếp bằng dưới một gốc sundri, mắt và tâm trí dường như trống rỗng, và về đêm, hắn không bị tỉnh giấc nữa. Nhưng sau cùng, rừng già cũng tìm ra cách đến với gã; một buổi chiều, khi mưa dội xuống rừng cây và bốc hơi tức thì, Ayooba Shaheed Farooq thấy gã buddha ngồi dưới gốc cây của hắn khi một con độc xà mù, trong mờ cản và tiết nọc độc vào gót chân hắn. Shakeed Dar cảm gậy đập nát đầu con rắn; trong khi buddha, bấy giờ đã tê liệt từ đầu đến chân, hình như không nhận thấy gì. Mắt hắn nhắm nghiền. Sau đó, ba gã lính trẻ chờ đợi cái chết của con chó-người; nhưng tôi khỏe hơn nọc rắn. Trong vòng hai ngày, hắn cứng đờ như tượng gỗ, và mắt bị lác đi, khiến gã nhìn thế giới như qua một tấm gương, bên trái thành bên phải. Tôi được tái hợp với quá khứ, được dồn vào nhất thể nhờ nọc rắn; và quá khứ bắt đầu tuôn trào từ môi buddha. Khi mắt hắn đã trở lại bình thường, lời lẽ của hắn chảy dào dạt đến nỗi có cảm giác nó là một phần của mùa mưa. Ba chú lính-trẻ-con lắng nghe, mê mẩn, những câu chuyện từ miệng hắn, bắt đầu với một sự ra đời vào nửa đêm, rồi tiếp diễn không ngừng nghỉ, vì hắn đang giành lại hết thảy, tất cả mọi thứ, tất cả lịch sử bị thất lạc, tất cả muôn vàn quá trình phức tạp đã tạo nên một con người. Mồm há hốc, không sao rút ra được, ba anh lính-trẻ-con uống từng giọt đời hắn như nước đọng trên lá, khi hắn kể về những đứa em họ đái dầm, về những lọ gia vị làm cách mạng, về giọng ca tuyệt mỹ của một người em gái... Ayooba Shaheed Farooq (nếu là ngày xưa) hắn sẽ đánh đôi bất cứ thứ gì để biết rằng những đồn đại ấy là sự thật; nhưng giữa rừng Sundarbans, họ thậm chí không kêu lên một tiếng.

Và hắn tăng tốc: đến câu chuyện tình yêu nở muộn, chuyện Jamila trong căn phòng ngủ dưới vệt ánh trăng. Lúc này Shaheed không nhìn nổi rì rầm, “Ra là thế, sau khi hắn thú nhận, cô ta không thể chịu nổi có hắn ở gần...” Nhưng buddha vẫn tiếp tục, và cả ba thấy rõ rằng hắn đang vật vã, cố nhớ lại một điều gì đấy, một điều dứt khoát không chịu trở lại, một điều ngoan cố lẩn tránh hắn, khiến hắn buộc phải đi đến cái kết khi chưa tìm ra nó, và vẫn tiếp tục nhúu mày không thỏa mãn ngay cả sau khi đã kể đến đoạn cuộc thánh chiến, và đã tiết lộ về thứ từ trên trời rơi xuống.

Im lặng mất một lúc; rồi Farooq Rashid nói, “Quá nhiều thứ, yaar, trong một con người; quá nhiều chuyện đau thương, trách nào hắn chả cảm như hén!”

Cô thấy không, Padma: chuyện này tôi đã kể một lần rồi. Nhưng thứ gì dứt khoát không trở lại? Thứ gì, bất chấp nọc độc giải phóng ký ức của một con độc xà không màu, không chịu xuất hiện trên môi tôi? Padma: gã buddha đã quên mất tên mình. (Chính xác hơn: tên riêng của gã.)

Trời vẫn tiếp tục mưa. Mực nước dâng lên hàng ngày, tới khi họ thấy rõ rằng buộc phải đi sâu hơn vào rừng, để tìm chỗ đất cao hơn. Mưa to đến mức không thể dùng thuyền; thế nên, vẫn dưới sự chỉ đạo của Shaheed, Ayooba Farooq và buddha kéo nó đi xa khỏi bờ sông đang ăn sâu vào đất, buộc dây neo quanh một gốc sundri rồi phủ lá lên; sau đó, chẳng còn lựa chọn nào khác, họ tiến sâu hơn vào thế giới bất trắc rậm rạp của rừng già.

Giờ đây, một lần nữa, Sundarbans lại thay đổi tâm tính; một lần nữa, Ayooba Shaheed Farooq thấy bên tai tràn ngập tiếng khóc than của những gia đình từng bị họ giăng khỏi vòng tay yêu thương những thành viên mà, hàng thế kỷ trước, được họ gọi là “những phần tử phản động”; họ điên cuồng chạy thẳng vào rừng để thoát khỏi tiếng khóc đầy đau đớn và oán hận từ các nạn nhân của họ; và khi đêm xuống, bày khi hồn ma tụ tập trên cây hát bài “Bengal Hoàng Kim Của Chúng Ta”: “... Ôi Đất Mẹ, con dẫu nghèo, nhưng những gì con có, xin đặt dưới chân Người. Điều ấy làm tim con mê cuồng một nỗi hoan.” Không thể trốn thoát cực hình khôn bề chịu đựng của những giọng người không ngừng tra tấn họ, chẳng thể chịu đựng thêm một phút nào nữa gánh nặng của sự hổ thẹn, bây giờ đã tăng lên ghê gớm bởi ý thức trách nhiệm vừa-giác-ngộ-trong-rừng, ba anh lính cậu, cuối cùng, bị đẩy đến chỗ có những phản ứng tuyệt vọng, Shaheed Dar cúi xuống vốc một nắm bùn rừng ẩm nước mưa; quần quai trong ảo giác kinh khủng ấy, gã nhét nắm bùn phản trắc của rừng mưa vào tai. Và bắt chước gã, Ayooba Baloch và Farooq Rashid cũng bịt tai bằng bùn. Chỉ có buddha là không làm gì với đôi tai (một bên tốt, một bên điếc) của gã; như thể riêng gã sẵn sàng hứng chịu sự trừng phạt của rừng già, như thể gã đang cúi đầu trước quả báo cho tội lỗi của mình... Thử bùn của rừng-mê, chắc chắn có chứa những xác trong mớ của côn trùng bị lẫn trong bùn, và ma tính của thứ phân chim màu cam tươi, đã làm tai ba gã lính cậu nhiễm độc và trở nên điếc đặc; bởi thế mặc dù thoát khỏi những lời kết tội ngân nga của rừng già, giờ đây họ buộc phải trò chuyện bằng một kiểu ngôn ngữ ký hiệu hết sức sơ khai. Dù vậy, dường như họ thà bị điếc còn hơn phải nghe những bí mật không hề dễ chịu mà lá sundri đã thì thầm vào tai họ.

Sau cùng, những giọng nói đã dừng lại, mặc dù lúc này chỉ có mình buddha (với bên tai lành) nghe thấy; sau cùng, khi bốn kẻ lữ hành tiến đến ngưỡng hoảng loạn, rừng già dắt họ đi qua một tấm màn địa y^[2] rồi mở ra trước mắt họ một cảnh tượng huy hoàng đến nỗi làm họ nghẹn lời. Buddha dường như cũng siết chặt hơn chiếc ống nhỏ. Bốn người với một cái tai lành duy nhất, họ tiến vào một khoảnh đất trống rộn ràng tiếng chim hót du dương, ở chính giữa là một ngôi đền Hindu hùng vĩ, được tạc, trong những thế kỷ bị lãng quên, lên một vách đá không lồ độc nhất; trên tường dập dờn từng dãy phù điêu nam nữ, được miêu tả đang giao hoan trong những tư thế với độ dẻo dai tốt đỉnh và đôi khi, với vẻ kỳ quặc đầy hài hước. Bộ tứ tiến lại kỳ quan này với những bước chân ngờ ngàng tốt độ. Vào bên trong, họ, sau cùng, đã tìm thấy một chỗ nghỉ ngơi dưới cơn mưa bất tận, và một pho tượng màu đen cao ngất tạc một nữ thần đang nhảy múa, mà ba gã lính-trẻ-con từ Pakistan không nhận ra; nhưng buddha biết: nàng là Kali, phồn thực và đáng sợ, hàm răng còn tàn tích của sơn vàng. Bốn lữ khách nằm xuống dưới chân nàng và chìm vào một giấc-ngủ-không-mưa kéo dài có lẽ phải đến nửa đêm, khi họ đồng thời tỉnh dậy và thấy trước mắt là nụ cười của bốn thiếu nữ diễm lệ không bút nào tả xiết. Shaheed, liên tưởng đến bốn houri đợi gã ở vườn long nảo, đầu tiên tưởng rằng gã đã chết trong đêm; nhưng các houri nhìn khá thật, và sari của họ (họ không hề mặc gì bên dưới) bị rừng già làm rách và ô bẩn. Bây giờ tám đôi mắt nhìn nhau, sari được cởi ra, gấp ngay ngắn, và đặt xuống đất; thế rồi những người con gái khỏa thân và giống nhau như tạc của rừng già đến bên họ, tám tay quấn lấy tám tay, tám chân liền với tám chân; dưới pho tượng Kali nhiều chi, bốn lữ khách đắm mình trong những vuốt ve dường như khá thật, những nụ hôn và cắn yêu nhẹ nhàng mà đau đớn, những nhát cào để lại dấu vết, và họ nhận ra rằng đây đây đây chính là thứ họ cần, thứ họ hằng khao khát mà không biết, rằng sau khi trải qua hiện tượng hoàn đồng và những nỗi buồn thời thơ ấu của những ngày lạc rừng đầu tiên, sau khi sống sót trước đợt công kích của ký ức và trách nhiệm và nỗi đau lớn hơn của những lời tái kết tội, họ đang vĩnh viễn bỏ lại tuổi thơ; thế rồi, quên đi lý trí và hậu quả và bệnh điếc, quên đi hết thấy, họ lao vào bốn mỹ nữ giống hệt nhau với một tâm trí hoàn toàn trống rỗng.

[2] Nguyên văn: *treebeard*, danh pháp khoa học là *Usnea barbata*, một dạng địa y, có hình dáng như bộ râu (*treebeard* nghĩa đen là râu của cây).

Sau đêm đó, họ không thể bút mình ra khỏi ngôi đền, trừ lúc đi lòng thức ăn, và hằng đêm những cô gái ôn nhu từ giấc mơ thỏa mãn nhất của họ trở lại trong im lặng, không nói một lời, luôn gấp sari ngay ngắn, chín chu, và lần nào cũng đem bộ tứ lạc lối này đến tột đỉnh phi thường của sự hợp hoan. Không ai trong họ biết thời kỳ này đã kéo dài bao lâu, bởi vì trong rừng Sundarbans thời gian tuân theo những quy luật bí ẩn, nhưng cuối cùng cũng đến một ngày họ nhìn nhau và nhận ra mình đang trở nên trong suốt, rằng cơ thể họ đã có thể nhìn xuyên qua, mặc dù chưa thật rõ, song đã lơ mờ, như nhìn vào một cốc nước xoài. Trong nỗi kinh hoàng, họ nhận rằng đây chính là trò lừa gạt tối hậu và hiểm độc nhất của rừng già, rằng bằng cách thỏa mãn khát vọng tự đáy lòng họ, nó đã lừa họ vắt kiệt những giấc mơ của mình, bởi vậy khi cuộc-sống-trong-mơ của họ rỉ ra ngoài, họ trở nên trống rỗng và trong mờ như thủy tinh. Giờ đây buddha nhận ra rằng sự không màu ở côn trùng và đĩa và rắn nhiều khả năng liên quan đến việc bị rừng già tước đoạt những mộng tưởng côn trùng, đĩa và rắn của chúng hơn là bởi thiếu ánh mặt trời... bừng tỉnh, như thể lần đầu tiên trong đời, trước cú sốc của một cơ thể trong mờ, họ nhìn ngôi đền bằng con mắt mới, và thấy những vết nứt rộng hoác trên vách đá, nhận ra những khối đá lớn có thể rời ra và giáng xuống đầu họ bất cứ lúc nào; và rồi, trong một góc tối của điện thờ bỏ hoang, họ thấy tàn tích của thứ có lẽ đã từng là bốn đồng lửa nhỏ - tàn tro cổ xưa, vết cháy sém trên đá - mà cũng có thể là bốn giàn thiêu; và giữa mỗi chỗ lại có một đồng xương nhỏ, ám đen, bị lửa thiêu nhưng chưa nát vụn.

Buddha thoát khỏi Sundarbans ra sao: khi họ bỏ chạy khỏi ngôi đền đến chỗ con thuyền, khu rừng ảo ảnh giáng xuống họ ngón đòn sau cùng và khủng khiếp nhất; họ vừa tới chỗ con thuyền thì nó đến, đầu tiên là một tiếng ì ầm ở xa, rồi mau chóng trở thành một tiếng gầm đủ sức xuyên thấu cả những đôi tai điếc đặc vì bùn, họ chỉ kịp cởi dây buộc rồi cuống quýt nhảy lên thuyền khi cơn sóng ập đến, và giờ họ hoàn toàn nằm dưới quyền sinh sát của nước, thứ có thể quật họ nát bét vào một rừng sundri hay được hay dừa, nhưng thay vì làm thế, thủy triều cuốn họ xuôi theo những con kênh nâu dầy sóng, bỏ lại sau khu rừng đã tra tấn họ nhòa đi thành một bức tường xanh không lồ; cứ như thể rừng già, đã chán ngán bốn món đồ chơi, bèn tổng chúng không thương tiếc ra khỏi lãnh địa của mình; được nước chở đi, đẩy về phía trước và tiếp tục về phía trước dưới sức mạnh kinh hồn của cơn sóng, họ nhấp nhô một cách tội nghiệp giữa những cành cây gãy và xác rắn lột, để rồi cuối cùng bị hất văng khỏi thuyền khi cơn sóng rút đi quật nó vào một gốc cây cụt; bị vớt lại khi nước lui giữa một ruộng lúa ngập đến thất lưng, nhưng sóng sót; bị quăng từ trung tâm khu rừng của những giấc mơ, nơi tôi đào tẩu đến với hy vọng tìm thấy sự bình yên và đã thấy vừa ít hơn vừa nhiều hơn, trở lại một lần nữa với thế giới của những đạo quân và ngày tháng.

Khi họ từ rừng trôi ra, là tháng Mười năm 1971. Tôi buộc phải thừa nhận rằng (nhưng, theo quan điểm của tôi, thông tin này chỉ càng củng cố sự nghi ngờ của tôi về ma thuật dịch chuyển thời gian của khu rừng) không có tài liệu nào ghi chép sự xuất hiện của một cơn sóng thủy triều trong tháng này, mặc dù, một năm trước, lũ lụt quả thật đã tàn phá vùng này.

Trong cơn dư chấn hậu Sundarbans, cuộc đời cũ đang chờ tái chiếm tôi. Lẽ ra tôi phải sớm biết:

đường hồng trốn tránh những người quen cũ. Ta mãi mãi là ta của quá khứ.

Trong vòng bảy tháng của năm 1971, ba người lính và con chó săn của họ biến mất khỏi bề mặt cuộc chiến tranh. Tuy nhiên, sang tháng Mười, khi mùa mưa chấm dứt và các toán du kích Mukti Bahini bắt đầu khủng bố các tiền đồn của quân Pakistan; khi các tay súng bắn tia của Mukti Bahini bắn hạ cả lính lẫn sĩ quan cấp thấp, bộ tứ chúng tôi xuất hiện từ hư vô và, do không có nhiều lựa chọn, cố gắng tái hợp với quân chủ lực của Cánh Tây đang chiếm đóng Miền Đông. Sau này, khi bị thẩm vấn, buddha luôn giải thích về sự biến mất của gã với sự trợ giúp của câu chuyện đã được cắt xén về việc bị lạc trong một khu rừng nơi rễ cây quấn lấy gã như một bầy rắn. Có lẽ gã đã gặp may khi chưa bao giờ bị thẩm vấn chính thức bởi những sĩ quan của đội quân mà gã là thành viên. Ayooba Baloch, Farooq Rashid và Shaheed Dar cũng không phải chịu những cuộc thẩm vấn như vậy; nhưng, về phần họ, đó là vì không ai sống sót được đến lúc phải trả lời các câu hỏi.

... Giữa một ngôi làng hoàn toàn bỏ hoang gồm những túp lều tranh, vách trát bùn trộn phân bò - giữa một khu dân cư bị ruồng rẫy, đến cả lũ gà cũng đã bỏ đi - Ayooba Shaheed Farooq ngồi than thân trách phận. Bị điếc vì thứ bùn độc của rừng mưa, một sự tàn tật lúc này bắt đầu làm họ ức chế đáng kể khi những giọng nói cay độc của rừng già không còn lớn vồn trong không khí, họ thở ra những lời than vãn, tất cả tranh nhau nói, chẳng ai nghe ai; buddha, tuy vậy, buộc phải lắng nghe tất cả: nghe Ayooba, người đứng úp mặt vào góc một gian phòng trống trơn, tóc bám đầy mạng nhện, rên rỉ “Tai tôi tai tôi, như có ong vo ve ở trong ấy,” nghe Farooq, người dẫn dỗi hét lên, “Rốt cuộc, tại ai? - Ai, có cái mũi cái đéch gì cũng đánh hơi được? Ai bảo Đường kia, và đường kia? - Và rồi ai, ai sẽ tin? - về khu rừng và ngôi đền và lũ rắn trong suốt? - Chuyện thế kia mà, Allah, buddha, bọn tao nên bắn mày luôn-và-ngay!” Trong khi Shaheed, yếu ớt, “Tao đói.” Một lần nữa quay về thế giới thực, họ đã quên mất những bài học của rừng già, và Ayooba, “Tay tao! Allah, trời, cánh tay khô quắt của tao! Con ma ấy, rỉ nước vào...!” Và Shaheed, “Bọn đào ngũ, họ sẽ bảo thế - tay trắng, không tù binh, sau ngàn ấy tháng! - Allah, khéo sẽ có tòa án binh, anh nghĩ sao, buddha?” Và Farooq, “Đồ chó đẻ, nhìn xem mày đã đẩy bọn tao đến đâu! Ôi Chúa ơi, quân phục của bọn tao! Mày nhìn đi, buddha - lôi-thôi-rách-rưới như một lũ ăn mày! Thử nghĩ xem ngài Chuẩn tướng - và tay Najmuddin ấy - tao thề trên đầu mẹ tao là tao không - tao không phải là đồ hèn! Không!” Và Shaheed, người đang giết kiến rồi giơ tay lên liếm, “Nhưng mà, làm thế nào để quay lại? Ai biết họ ở đâu, mà chắc gì đã còn ở đây? Rồi còn bọn Mukti Bahani nữa - *pằng!pằng!* bọn nó từ chỗ nắp bắn ra, thế là mày chết! Chết, như một con kiến!” Nhưng Farooq đang tiếp tục, “Mà không chỉ quân phục, trời ơi, còn tóc nữa! Đây có còn là đầu nhà binh nữa không? Đây, dài kinh người, rủ xuống tai như một búi giun? Cái đầu đàn bà này? Allah, họ sẽ xử tử bọn mình - bắt đứng dựa tường rồi *pằng!pằng!* - mày cứ chờ xem!” Nhưng giờ Ayooba-xe- tăng đang trấn tĩnh lại; Ayooba lấy tay bưng mặt; Ayooba làm râm với chính mình, “Hồi ôi, hồi ôi. Tao đến đây để chiến đấu với bọn Hindu ăn chay khốn kiếp. Còn đây, là chuyện hoàn toàn khác. Một chuyện quá sức tồi tệ.”

Khi ấy vào độ tháng Mười một; họ đang đi khá chậm, ngược lên phía Bắc Bắc Bắc, qua những trang báo phát phơ in một thứ văn tự vòng vèo kỳ quái, qua những đồng không nhà trống, thỉnh thoảng lại qua một bà cụ gùi một bó củi trên vai, hoặc một nhóm con nít tám tuổi với cái đói lảo liên trong mắt và sự đe dọa của dao găm trong túi, và được nghe chuyện Mukti Bahini âm thầm di chuyển trên vùng đất mờ mịt khói này ra sao, những viên đạn vo ve bay đến như ong- từ-trên-trời-rơi-xuống... giờ

đã đến thời điểm bước ngoặt, và Farooq, “Nếu không phải tại mày, buddha, Allah, đồ quái thai mắt xanh như ngoại quốc, Chúa ơi, yaar, mày *hôi* quá!”

Chúng tôi đều *hôi*: Shaheed, người đang đi (bằng cái gót ủng xơ xác) một con bọ cạp dưới nền đất bẩn thỉu của túp lều bỏ hoang; Farooq, đang lùng tìm một cách lố bịch một con dao để cắt tóc; Ayooba, đang gục đầu vào góc lều trong khi một con nhện bò dọc đỉnh đầu gã; và cả buddha nữa: buddha, kẻ tỏa mùi *hôi* ngất giời, đang nắm chặt cái ống nhổ xin màu trong tay phải, và cố gắng nhớ lại tên mình. Và chỉ gọi ra được các biệt danh: Thò Lò, Mặt Nhọ, Hói, Cả Khịt, Mảnh Trăng.

... Gã ngồi xếp bằng giữa cơn bão khóc than của nỗi sợ hãi trong lòng đồng bạn, cố ép mình nhớ lại; nhưng không, không ăn thua. Và cuối cùng buddha, quật cái ống nhổ xuống nền đất, hét lên với những đôi tai điếc: “Thật không - KHÔNG - CÔNG BẰNG!”

Giữa đồng đồ nát của chiến tranh, tôi khám phá ra sự công-bằng-và-bất-công. Bất công có mùi như hành tây; mùi hăng của nó làm tôi trào nước mắt. Nghẹt trong hương vị cay đắng của sự bất công, tôi nhớ lại Jamila Ca sĩ đã cúi xuống bên giường bệnh - của ai? *tên gì?* - ra sao, đám mê-đay-và-sao cũng có mặt thế nào - em gái tôi - không, không phải em tôi! *cô ta* - cô ta đã nói, “Anh ơi, em phải đi xa đi hát phục vụ tổ quốc; bây giờ Quân đội sẽ trông nom anh - vì em, mọi người sẽ chăm sóc anh rất, rất chu đáo.” Cô ta đeo mạng; từ sau lớp gấm thêu kim tuyến vàng-và-trắng tôi nghĩ thấy nụ cười phản bội của cô ta; qua tấm sa che mặt cô ta đặt lên lông mày tôi nụ hôn phục hận; thế rồi cô ta, người luôn giáng đòn báo thù khủng khiếp lên đầu những kẻ yêu cô ta nhất, vút tôi lại trong vòng tay thương hại của đám mê-đay-và-sao... và sau sự phản bội của Jamila, tôi nhớ đến sự tầy chay tôi phải chịu dưới tay Evie Burns; rồi hai cuộc lưu đày, rồi cú lừa dã ngoại; và cả một núi đồ sộ những sự kiện phi lý giày vò đời tôi; và giờ, tôi khóc hận mũi-dưa-chuột, mặt nhọ, chân vòng kiềng, sừng-thái-dương, đầu sư cọ, ngón-tay-cụt, một-tai-điếc, và cái ống nhổ làm tê liệt, tầy nảo; giờ tôi khóc như mưa, nhưng cái tên vẫn lẩn tránh tôi, và tôi lại hét to - “Không công bằng; *không công bằng*, KHÔNG CÔNG BẰNG!” Và, thật bất ngờ, Ayooba-xe-tăng từ góc nhà bước ra; Ayooba, có lẽ đang nhớ lại chính lần suy sụp của gã trong rừng Sundarbans, ngồi xuống trước mặt và quàng cánh tay lành lặn của gã lên cổ tôi. Tôi chấp nhận sự vỗ về của gã; tôi khóc lên áo gã; nhưng rồi một con ong xuất hiện, vo ve bay đến; trong khi gã ngồi quay lưng vào ô cửa sổ không kính của ngôi nhà, có gì đó rít lên trong không khí oi nồng; trong khi gã bảo, “Coi nào, buddha - thôi mà, buddha - nào, nào!” và trong khi một đàn ong khác, đàn ong của bệnh điếc, vo ve trong tai gã, có gì đó chích vào cổ gã. Gã ọc lên một tiếng sâu trong cổ họng rồi gục lên người tôi. Viên đạn bắn tia đã giết chết Ayooba Baloch lẽ ra đã xuyên qua đầu tôi, nếu gã không ngồi đó. Bằng cái chết, gã đã cứu mạng tôi.

Quên đi những nhục nhã trong quá khứ; gạt sang một bên công-bằng-với-bất-công, và thứ-gì-chữa-không-được-thì-phải-chịu, tôi bò ra từ bên dưới xác Ayooba-xe-tăng; trong khi Farooq, “Ôi Chúa Ôi Chúa Ôi!” còn Shaheed, “Allah, không biết súng của tao có còn...” Và Farooq lại “Ôi Chúa Ôi! Ôi Chúa, làm sao biết thằng chó đẻ ấy nấp ở đâu...!” Riêng Shaheed, y như trong phim, đứng áp sát bức tường cạnh cửa sổ. Tại ba vị trí: tôi ở dưới sàn, Farooq co rúm trong góc nhà, Shaheed dựa lưng vào

lớp vữa trộn phân bò: chúng tôi chờ đợi, trong bất lực, xem điều gì sẽ xảy ra.

Không có phát súng thứ hai; có lẽ tên bắn tĩa, không nắm được quân số kẻ thù nấp trong ngôi nhà vách bùn, chỉ bắn một phát rồi chuồn. Ba chúng tôi tiếp tục nấp trong ngôi nhà suốt một ngày một đêm, cho đến khi xác Ayooba Baloch bắt đầu đòi được xử lý. Trước khi đi, chúng tôi tìm cuộc chim, rồi chôn cất gã... Và sau này, khi quân Ấn đến, chẳng còn Ayooba Baloch để chào đón họ với lý thuyết vì sự ưu việt của thịt so với rau; chẳng còn Ayooba xông ra đám đá, miệng hô, “Bình! Bốp! Hự!!”

Có lẽ như vậy cũng tốt.

... Và vào khoảng tháng Mười hai, ba người bọn tôi, cưỡi xe đạp ăn cắp, đi qua một cánh đồng nơi từ đó có thể nhìn thấy thành phố Dacca ở phía chân trời; một cánh đồng trồng những hoa màu hết sức kỳ quái, bốc ra một mùi hết sức buồn nôn, đến nỗi chúng tôi không thể ngồi vững trên xe. Tụt xuống trước khi ngã khỏi xe, chúng tôi tiến vào cánh đồng khủng khiếp ấy.

Một người nông dân đang tha thần mót đồng nát, vừa sục sạo vừa huýt sáo, lưng đeo một cái bị cói ngoại cỡ. Các khớp ngón tay trắng bệch nắm chặt cái bị thể hiện một tâm trí kiên định, tiếng huýt sáo, chói tai nhưng réo rắt, cho thấy bác đang giữ tinh thần lạc quan. Tiếng huýt sáo vang vọng trên cánh đồng, nảy lên từ những chiếc mũ sắt rơi rụng, dội lại trống rỗng từ những nòng súng tắc bùn, chìm lìm vào những chiếc giày rơi rụng của cánh đồng hoa màu rất kỳ quái, với một thứ mùi, như mùi của sự bất công, có khả năng làm buddha trào nước mắt. Hoa màu đều đã chết, bị một bệnh dịch lạ tấn công... và hầu hết, nhưng không phải tất cả, mặc quân phục Tây Pakistan. Ngoại trừ tiếng huýt sáo, âm thanh duy nhất là tiếng các đồ vật rơi vào tay nải bấu vạt của bác nông dân: thất lưng, đồng hồ, răng vàng, gọng kính, cặp lòng, bi đông, giày bột. Bác ta nhìn thấy họ và chạy về phía họ, cười cầu tài, nói liên thoảng bằng một giọng phỉnh phò mà chỉ một mình buddha phải nghe. Farooq và Shaheed dờ dãn nhìn cánh đồng trong khi bác nông dân bắt đầu giải thích.

“Bắn nhau dữ lắm! *Pằng!Pằng!*” Bác giơ tay làm bộ bắn súng. Bác nói một thứ tiếng Hindi bập bẹ và cứng nhắc. “Bầm các ngài! Quân Ấn đã đến! Bầm vâng! *Bầm* vâng.” - Khắp cánh đồng, loại hoa màu nọ đang rỉ thứ tủy xương giàu dinh dưỡng vào lòng đất trong khi bác ta, “Đừng bắn con, hỡi các ngài. Bầm đừng. Con có tin - bầm, tin nóng hổi! Quân Ấn đã đến! Jessore thất thủ rồi, thừa các ngài; chỉ một-bốn ngày nữa, Dacca, có-hay-không?” Buddha lắng nghe; đôi mắt buddha nhìn qua bác nông dân ra cánh đồng. “Khủng khiếp lắm, thừa ngài! Quân Ấn! Chúng có một tên lính dũng mãnh, giết chết sáu người một lúc, bẻ cổ kẻ thù *khurcc-khurcc* bằng đầu gối, thừa ngài? Đầu gối - đúng chữ ấy chứ ạ?” Bác vỗ đầu gối. “Con đã thấy, thừa ngài. Tận mắt, bầm vâng! Hắn không chiến đấu bằng súng, hay gươm. Bằng đầu gối, và sáu cái cổ gãy *khurcc-khurcc*. Ôi Chúa.” Shaheed đang nôn mửa ra giữa đồng. Farooq Rashid lững thững đi đến đằng kia cánh đồng và đứng nhìn xác một cây xoài. “Chỉ một-hai tuần nữa *nà* chiến tranh kết thúc, thừa các ngài! Tất cả sẽ quay về. Giờ thì đi hết rồi, riêng con thì không, thừa các ngài. Quân lính truy lùng Bahini và giết nhiều rất nhiều, cả con trai con. Bầm vâng, thừa ngài, bầm quả có vậy.” Ánh mắt buddha trở nên mờ đục. Hắn nghe thấy tiếng rền của trọng pháo ở

xa xa. Từng cột khói bốc lên nền trời tháng Mười hai không màu. Cánh đồng hoa màu kỳ quái vẫn nằm yên, không bị gió làm xao động... “Con ở lại, thưa các ngài. Nơi đây con thuộc tên chim muông cây cối. Bẩm vâng. Con tên Deshmukh; chuyên kinh doanh ý tưởng. Con bán nhiều đồ rất xịn. Ngài cần chứ? Thuốc táo bón, cực tốt, bẩm vâng. Con có. Đồng hồ phát quang trong bóng tối, ngài cần? Con cũng có. Rồi sách, bẩm vâng, rồi đồ chơi khăm. Trước con rất nổi tiếng ở Dacca. Bẩm vâng, thực đấy - Đừng bán.”

Nhà buôn ý tưởng tiếp tục huyền thuyên, mời chào hết thứ này đến thứ khác, tí như chiếc thắt lưng thần kỳ cho phép người đeo nói tiếng Hindi - “Con đang đeo đây, thưa ngài, nói quá ngon, phỏng ạ? Quân Ấn nhiều mua lắm, họ nói đủ các thứ tiếng khác nhau, đây là một vật Trời ban!” - và rồi bác ta để ý thấy vật buddha cầm trên tay. “Bẩm ngài! Quả là tuyệt tác! Bằng bạc ạ? Đá quý ạ? Ngài đưa; con đưa đài phát thanh, máy ảnh, gần như hoạt động tốt, thưa ngài! Giá vậy quá hời, thưa ngài. Đổi lấy mỗi cái ông nhỏ, quá tốt. Bẩm vâng. Bẩm vâng, thưa ngài, ta vẫn phải sống; vẫn phải buôn bán, thưa ngài, phỏng ạ?”

“Hãy kể thêm,” buddha nói, “về tên lính đánh nhau bằng đầu gối.”

Nhưng giờ, một lần nữa, một tiếng ong vo ve; ở đằng xa, đầu kia cánh đồng, có một người quy xuống, trán một người gục xuống đất như thể đang cầu nguyện; và ở giữa cánh đồng, một cây hoa màu, mới đây vẫn còn sống đủ để bán, cũng trở nên hoàn toàn bất động. Shaheed Dar hét lên một cái tên:

“Farooq! Bớ Farooq!”

Nhưng Farooq nhất định không trả lời.

Sau này, khi hồi tưởng về cuộc chiến với chú Mustapha, buddha kể lại gã đã chạy vấp lên vấp xuống trên cánh đồng ứ rỉ tủy xương tới chỗ người đồng đội gục ngã ra sao; và, còn cách rất xa cái xác đang cầu nguyện của Farooq, gã đã bị chặn lại bởi bí mật khủng khiếp nhất của cánh đồng thế nào.

Ở giữa cánh đồng, có một kim tự tháp nhỏ. Kiến bò trên đó, nhưng đó không phải là tổ kiến. Kim tự tháp có sáu chân và ba đầu và, ở giữa, một khối bùng nhùng tạo thành bởi những mẩu thân người, những mảnh quân phục, những đoạn ruột và lấp ló những xương vỡ. Kim tự tháp vẫn còn sống. Một trong ba cái đầu bị chột mắt trái, di sản của một vụ cãi vã hồi bé. Một cái khác có mái tóc dính bết dầu bóng. Cái đầu thứ ba kỳ quái nhất: nó có hai hốc lõm sâu ở chỗ đáng ra là thái dương, hai hốc lõm hẳn là do kẹp forcep của bác sĩ phụ khoa gây ra vì kẹp cái đầu quá chặt khi đỡ đẻ... chính cái đầu thứ ba này nói chuyện với buddha:

“Ê mày,” nó nói, “Mày làm cái quái gì ở đây thế?”

Shaheed Dar thấy rõ kim tự tháp của quân địch đang trò chuyện với buddha; Shaheed, bỗng nhiên bị một sức mạnh phi lý thôi thúc, nhào lên người tôi và đè tôi ngã ngửa ra, quát, “Mày là ai? Gián điệp? Phản động? Hả? – Tại sao chúng lại biết mày là...” Trong lúc Deshmukh, nhà buôn ý tưởng,

xoắn xuyết một cách tội nghiệp quanh chúng tôi, “Bầm các ngài! Đánh nhau như vậy là đủ lắm rồi. Bình tĩnh đi, thưa các ngài. Tôi xin đây. Lạy Chúa.”

Kể cả Shaheed có tỉnh táo để lắng nghe, tôi khi đó cũng không thể cho gã biết điều sau này tôi đã tin là sự thật: rằng động cơ của cuộc chiến tranh này nhằm tái hợp tôi với cuộc đời cũ, nhằm đưa tôi gặp lại cố nhân. Sam Manekshaw hành quân đến Dacca để gặp người bạn cũ – con Cọp; và các chế độ liên kết tiếp tục hoạt động, bởi vì trên cánh đồng đang ứa rỉ tủy xương, tôi được nghe kể về cặp đầu gối sắt thủ và được chào đón bởi mộ kim tự tháp ba đầu đang chết; và tại Dacca tôi sắp được gặp Parvati-phù-thủy.

Khi Shaheed bình tâm lại và buông tôi ra, kim tự tháp không còn nói chuyện được nữa. Cuối chiều hôm đó, chúng tôi tiếp tục hành trình về thủ đô. Deshmukh, nhà buôn ý tưởng, hoan hỉ gọi với theo: “Bầm các ngài! Bầm các ngài tội nghiệp! Ai biết được bao giờ một người sẽ chết? Ai, thưa các ngài, biết được vì sao?”

Chương 26: Sam và con Cọp

Đôi khi, núi non phải đổi dời để cố nhân được tái ngộ. Ngày 15 tháng Chín năm 1971, tại thủ đô của nước Bangladesh vừa giải phóng, Tiger (Cọp) Niazi đã đầu hàng ông bạn cố tri Sam Manekshaw; trong khi tôi, về phần mình, tự nộp mình vào vòng tay một cô gái có cặp mắt tròn xoe, mái tóc đuôi ngựa như một sợi thừng đen bóng, và đôi môi ngày ấy còn chưa có cái dáng bữu ra đặc trưng của sau này. Hai cuộc tái ngộ này không đến một cách dễ dàng; và để tỏ lòng kính trọng đến tất cả những ai đã biến chúng thành sự thật, tôi sẽ tạm dừng câu chuyện, trong giây lát, nhằm làm rõ những tại sao và những vì đâu.

Vậy thì, hãy cho phép tôi được tuyệt đối minh xác: nếu Yahya Khan và Z.A. Bhutto không đồng mưu thực hiện cuộc chính biến ngày 25 tháng Ba, tôi đã không được mặc thường phục bay tới Dacca; và, trong mọi tình huống, Tướng Tiger Niazi cũng sẽ không có mặt tại đây vào tháng Mười hai. Để tiếp tục: việc Ấn Độ can thiệp vào xung đột ở Bangladesh cũng là kết quả của sự tương tác giữa những thế lực lớn lao. Có lẽ, nếu mười triệu người không vượt biên sang Ấn Độ, buộc nhà cầm quyền Delhi phải chi phí 200.000.000\$ một tháng cho các trại tị nạn - cuộc chiến năm 1965, mà mục đích bí mật là tận diệt gia đình tôi, đã chỉ tiêu tốn của họ 70.000.000\$! - các binh sĩ Ấn Độ, dưới sự chỉ huy của Tướng Sam, sẽ chẳng bao giờ vượt qua biên giới theo chiều ngược lại. Nhưng Ấn Độ đến còn vì nhiều động cơ khác: bởi tôi sắp được biết, từ các ảo thuật gia Cộng sản sinh sống dưới bóng Thánh đường Thứ Sáu ở Delhi, giới sarkar^[1] tại Delhi hết sức quan ngại về ảnh hưởng đang suy giảm của Liên đoàn Awami của Mujib cũng như việc phong trào Mukti Bahini ngày càng lan rộng; Sam và con Cọp gặp nhau ở Dacca là để ngăn chặn Bahini gia tăng quyền lực. Vì thế nên, nếu không nhờ Mukti Bahini, có lẽ Parvati-phù-thủy cũng chẳng bao giờ tháp tùng quân Ấn trong chiến dịch “giải phóng” của họ... Nhưng đây cũng chưa phải là một lời giải thích đầy đủ. Một nguyên nhân thứ ba buộc Ấn Độ phải can

thiếp là do lo sợ tình trạng hỗn loạn ở Bangladesh, nếu không được không chế kịp thời, sẽ lan rộng qua biên giới sang Tây Bengal; cho nên Sam và con Cọp, cũng như Parvati và tôi, phải mang ơn, ít ra là một phần, những yếu tố bất ổn của tình hình chính trị Tây Bengal về cuộc hội ngộ của chúng tôi: thất bại của con Cọp chỉ là sự mở đầu của một chiến dịch chống lại cánh Tả ở Calcutta và căn cứ địa của phe này.

[1] Tiếng Urdu, có nghĩa là người có quyền lực, địa vị.

Dù sao đi nữa, Ấn Độ đã đến; và sự thần tốc của cuộc hành quân này - bởi vì chỉ trong có ba tuần Pakistan đã mất một nửa hải quân, một phần ba lục quân, một phần tư không quân, và cuối cùng, sau khi con Cọp đầu hàng, hơn một nửa dân số của mình - một lần nữa lại có phần công sức của Mukti Bahini; bởi vì, có lẽ do ngây thơ, không nhận ra rằng việc Ấn Độ xuất quân vừa nhằm tấn công lực lượng chiếm đóng của Cánh Tây vừa là một nước cờ chiến thuật chống lại chính họ, quân Bahini đã mách nước cho Tướng Manekshaw về cách hành binh của quân Pakistan, về các điểm mạnh và điểm yếu của con Cọp; và cả đóng góp của Ngài Chu Ân Lai, người đã từ chối (bất chấp sự van nài của Bhutto) cung cấp bất kỳ khoản viện trợ vật chất nào cho Pakistan trong cuộc chiến. Bị khước từ vũ khí Trung Quốc, Pakistan chiến đấu bằng súng Mỹ, xe tăng và máy bay Mỹ; Tổng thống Hoa Kỳ, một mình trên cả thế giới, quyết tâm “ngả” về phía Pakistan. Trong khi Henry A. Kissinger tranh cãi về trường hợp của Yahya Khan, chính ngài Yahya này đang bí mật thu xếp chuyển thăm nhà nước nổi tiếng của Tổng thống Hoa Kỳ đến Trung Quốc... thế nghĩa là có những thế lực ghê gớm đang vận động chống lại cuộc tái hợp của tôi với Parvati và Sam với con Cọp; nhưng bất chấp ngài Tổng thống ngả nghiêng, chỉ còn vòn vẹn ba tuần nữa thôi tất cả sẽ kết thúc.

Vào đêm 14 tháng Mười hai, Shaheed Dar và buddha đi vòng quanh khu vực ngoại vi của thành Dacca đang bị vây hãm; nhưng cái mũi của buddha (quý vị chắc vẫn chưa quên) có khả năng đánh hơi vượt trội. Dưới sự chỉ dẫn của cái mũi có thể ngửi thấy an toàn và nguy hiểm, họ tìm được đường xuyên qua vòng vây của quân Ấn và tiến vào thành phố dưới sự yểm trợ của bóng tối. Trong khi họ lần lút đi qua những con phố không một bóng người ngoại trừ vài kẻ ăn xin chết đói, con Cọp thề sẽ chiến đấu đến người cuối cùng; nhưng hôm sau, ông ta lại đầu hàng. Điều chẳng ai biết: không rõ người cuối cùng này có cảm cái ơn tha mạng hay lại hậm hực vì lỡ mất cơ hội được vào vườn long não.

Thế là tôi đã trở lại cái thành phố nọ, trong những giờ phút cuối cùng trước những cuộc hội ngộ, Shaheed và tôi đã chứng kiến những điều không phải là thật, không thể là thật, vì các chàng trai của chúng ta không thể nào chẳng thể nào hành động đôi bại đến thế; chúng tôi nhìn thấy những người đàn ông đeo kính, đầu hình trứng^[2] bị bắn trong các ngõ phố, chúng tôi chứng kiến giới trí thức của thành phố bị thảm sát hàng trăm người một, nhưng chuyện ấy không có thật bởi vì nó không thể là thật, con Cọp, nói cho cùng, là một tay quân tử, trong khi các jawan của chúng ta đều đáng mười tên babu, chúng tôi đi giữa ảo cảnh hoang đường này của đêm, nấp sau những ô cửa khi lửa nổ bùng như những vườn hoa, làm tôi nhớ lại cái cách con Khi Đồng thường châm lửa đốt giày dép tìm kiếm sự chú ý, có những người bị cắt cổ và vùi dưới những nắm mộ không bia, và Shaheed bắt đầu, “Không, buddha - kinh khủng quá, Allah, em không thể tin vào mắt mình - không, không phải thế, làm sao có thể - buddha, anh nói đi, cái gì đã lọt vào mắt em thế này?” Và sau cùng buddha lên tiếng, biết rằng Shaheed không nghe được: “Ôi, Shaheeda,” gã nói, thể hiện một sự chán ghét sâu xa, “con người đôi khi phải chọn cái mình thấy và cái mình không thấy; quay mặt đi, quay mặt đi đừng nhìn nữa.” Nhưng giờ Shaheed đang trôn trối nhìn một maidan^[3] nơi các nữ bác sĩ bị đâm bằng lưỡi lê trước khi bị hiếp, rồi bị hiếp lần nữa trước khi bị bắn. Trên đầu họ và sau lưng họ, ngọn tháp trắng lạnh của một thánh đường mù lòa nhìn xuống cảnh tượng ấy.

[2] Egghead (đầu trứng) là một từ lóng chỉ giới tri thức. Rushdie rất thích dùng chữ này (xem thêm *Haroun và Biển truyện*, Nhã Nam và NXB Văn học liên kết xuất bản năm 2010).

[3] Tiếng Urdu, nghĩa là quảng trường.

Như thể cự nói với mình, buddha lẩm bẩm, “Cái cần nhất lúc này là tìm cách bảo toàn tính mạng; Chúa mới biết vì sao chúng ta quay lại.” Gã bước qua ngưỡng cửa một ngôi nhà bỏ hoang – lớp vỏ vỡ nát, bong tróc của một kiến trúc đồ sộ từng chứa một quán trà, một tiệm sửa xe đạp, một nhà chứa và một chiếu nghỉ bé tí chắc hẳn từng là chỗ ngồi của một công chứng viên, vì vẫn còn đó chiếc bàn thấp nơi bác ta đã vớt lại một cặp kính nửa tròng, còn đó những con dấu và xấp tem đã một thời cho phép bác không chỉ là một ông già vô danh - tem và dấu biến bác thành trọng tài phân định cái gì là thật và cái gì không. Người công chứng viên vắng mặt, vì thế tôi không thể yêu cầu bác chứng thực những gì đã xảy ra, tôi không thể đưa ra một lời khai có tuyên thệ; nhưng trên manh chiếu phía sau cái bàn của bác là một chiếc áo rộng và suôn như một tấm djellabah, và không chần chừ gì nữa tôi trút bỏ quân phục, kể cả phù hiệu chó cái của đội CUTIA, và biến thành một người vô danh, một kẻ đào ngũ, giữa một thành phố mà ngôn ngữ của nó tôi không hề biết.

Shaheed Dar, tuy vậy, vẫn đứng ngoài phố; dưới tia sáng ban mai đầu tiên, gã chứng kiến quân lính lần lượt rút khỏi những-điều-chưa-hề-xảy-ra; và rồi quả lựu đạn bay đến. Tôi, buddha, vẫn ở trong ngôi nhà trống; nhưng Shaheed thì không có được sự bảo vệ của những bức tường.

Khó mà biết tại sao thế nào do ai; nhưng có điều chắc chắn là quả lựu đạn đã được ném ra. Vào khoảnh khắc sau cùng của sinh mệnh chưa-bị-xẻ-đôi của gã, Shaheed đột nhiên không thể cưỡng nổi cơn thôi thúc phải nhìn lên... sau đó, ở chuồng bồ câu của người muezzin, gã bảo buddha, “Lạ lắm, Allah - quả lựu ấy - trong đầu em, cứ như thế, chưa bao giờ nó to và sáng thế - anh biết đấy, buddha, như một cái bóng đèn - Allah, em biết làm gì, chỉ biết nhìn thôi!” - Và đúng thế, nó đấy, lơ lửng trên đầu gã, quả lựu đạn trong giấc mơ của gã, lơ lửng ngay trên đầu gã, rồi rơi rơi, phát nổ ngang lưng gã, thổi bay đôi chân gã đốn một phần nào đó của thành phố.

Khi tôi chạy đến, Shaheed vẫn còn tỉnh, dù bị cắt đôi người, và chỉ tay, “Đưa em lên đó, buddha, em muốn lên em muốn,” thế nên tôi mang thứ gì đây chỉ còn là một nửa gã trai (và do vậy khá nhẹ) theo cây cầu thang xoắn ốc hẹp leo lên đỉnh ngọn tháp trắng lạnh, nơi Shaheed lăm nhăm về những bóng đèn trong lúc hai đàn kiến đen và kiến đỏ đánh nhau giành một con gián chết, giao tranh dữ dội dọc theo những rãnh nhỏ trên sàn bê tông trát dôi bằng bay. Bên dưới, giữa những ngôi nhà cháy đen, kính vỡ và khói mù, những con người nhỏ như kiến đang ló ra, chuẩn bị cho hòa bình; tuy nhiên, bây kiến, phốt lò những kẻ-giống-kiến, tiếp tục chiến đấu. Và buddha: gã đứng yên ánh mắt mờ đục nhìn xuống chung quanh, đặt mình vào vị trí giữa nửa người trên của Shaheed và món đồ vật duy nhất trong cái tổ chim này: một cái bàn thấp ở trên đặt một chiếc máy quay đĩa nối với loa phóng thanh. Buddha, đứng chắn cho người bạn đồng hành còn một nửa khối vỡ mộng vì nhìn thấy vị muezzin cơ khí hóa này (chủ nhân của một tiếng gọi cầu nguyện sẽ luôn bị vấp ở những chỗ giống nhau), rút trong vạt áo choàng lưng thùng ra một vật lấp lánh, rồi hướng ánh nhìn mờ đục của gã vào cái ống nhỏ bạc. Chìm trong dòng suy tưởng, gã giật mình khi tiếng thét vang lên; ngẩng nhìn và thấy một con gián bị vớt bỏ.

(Máu đã rỉ theo những rãnh bê tông; bầy kiến, lần theo vết sẫm màu sền sệt này, đã tìm đến nguồn chất lỏng đang ứa ra, và Shaheed đã bày tỏ sự phần nộ khi trở thành nạn nhân của không chỉ một, mà hai cuộc chiến tranh.)

Chạy đến giải cứu, đôi chân nhảy múa trên bầy kiến, buddha vô tình huých khuỷu tay vào một cái công tắc; hệ thống loa được bật lên, và kể từ đó người dân Dacca sẽ không bao giờ quên chuyện một thánh đường đã rú lên nỗi đau đớn hãi hùng của chiến tranh.

Sau một lúc, im lặng. Đầu Shaheed gục về phía trước. Còn buddha, sợ bị phát hiện, liền giấu cái ống nhỏ đi và leo xuống thành phố khi Quân đội Ấn Độ tiến vào; bỏ lại Shaheed, người đã không còn lấy thể làm phiền, để giúp vui cho bữa tiệc hòa giải của loài kiến, tôi hòa mình vào phố phường buổi sớm để chào đón Tướng Sam.

Lúc ở trên tháp, tôi nhìn cái ống nhỏ bằng ánh mắt mờ đục; nhưng tâm trí của buddha khi đấy không trống rỗng. Nó chứa đựng ba chữ, mà nửa trên của Shaheed cũng liên tục nhắc lại, cho tới khi bầy kiến: chính ba chữ từng, sắc sủa mùi hành, đã làm tôi nức nở trên vai Ayooba Baloch - cho đến khi con ong, vo ve... “Không công bằng,” buddha nghĩ, và rồi, như một đứa trẻ, nhắc đi nhắc lại, “Không công bằng,” hết lần này đến lần khác.

Shaheed, bằng việc hoàn thành tâm nguyện thiết tha của người cha, cuối cùng đã xứng với tên gã; nhưng buddha thì vẫn không thể nhớ nổi tên mình.

Buddha đã tìm lại tên gã ra sao: Ngày xưa, lâu rồi, vào một ngày độc lập khác, cả thế giới mang màu xanh và nghệ. Sớm nay, ba màu chủ đạo là xanh, đỏ và vàng. Và các thành phố reo vang “Jai Bangla!” Và phụ nữ cất lên tiếng hát “Bengal Hoàng Kim Của Chúng Ta”, làm tim họ mê cuồng một nỗi hân hoan... tại trung tâm thành phố, trên bục dành cho kẻ chiến bại, tướng Tiger Niazi chờ đợi Tướng Manekshaw. (Lý lịch trích ngang: Sam là người Parsee. Ông ta quê ở Bombay. Dân Bombay hôm ấy được một bữa vui ra trò.) Giữa biển màu xanh và đỏ và vàng, buddha trong tấm áo choàng vô danh lừng thừng bị đám đông xô đẩy; thế rồi, Ấn Độ đến. Ấn Độ, dẫn đầu là Sam.

Đây có phải là ý tưởng của Sam? Thậm chí của Indira? - Né tránh những câu hỏi vô ích này, tôi chỉ ghi nhận rằng cuộc hành quân của Ấn Độ vào Dacca vượt xa một cuộc điều binh thuận tụy; để xứng đáng với một chiến thắng, nó được tô điểm bằng những màn tạp kỹ. Một chiếc quân vận cơ đặc biệt của I.A.F. đã bay tới Dacca mang theo một trăm lẻ một nghệ nhân tạp kỹ và thuật sĩ xuất sắc nhất mà Ấn Độ có thể sản sinh ra. Từ ghetto lừng danh của giới ảo thuật Delhi họ đã đến đây, nhiều người, nhân dịp này, đã khoác lên bộ đồng phục có sức gợi mạnh mẽ của các fauj Ấn Độ, khiến nhiều người dân Dacca nảy sinh suy nghĩ thắng lợi của Ấn Độ từ đầu đã là tất yếu, bởi ngay các jawan mặc đồng phục của họ cũng là các pháp sư cao tay ấn nhất. Các nhà ảo thuật và các nghệ nhân khác điều hành cạnh đoàn quân, mua vui cho đám đông; có các diễn viên nhào lộn xếp hình kim tự tháp trên những cỗ xe do bò thien trắng kéo; những nữ nghệ sĩ uốn dẻo phi thường có thể nuột chân mình đến tận đầu gối; những nghệ sĩ tung hứng biểu diễn vượt khỏi quy luật của trọng lực, khiến đám đông phấn khích mất chữ o mồm chữ a khi họ tung hứng lựu đạn đồ chơi, và giữ bốn trăm hai mươi quả trên không cùng lúc; những tay thần bài có thể rút quân bài nữ hoàng của chiriya (chúa tể của muôn chim, vương hậu của

chất nhép^[4]) ra từ sau tai phụ nữ; có vũ công lừng danh Anarkali, cái tên nghĩa là “hoa lựu”, biểu diễn những màn bật nhảy uốn éo xoay vòng trên cỗ xe lừa với chiếc khuyên bạc khổng lồ, kêu leng keng trên lỗ mũi bên phải; có Đại sư Vikram, nghệ nhân sitar, cây đàn có quyền năng hướng ứng và phóng đại những cảm xúc mơ hồ nhất trong tim khán giả, đến nỗi có lần (người ta đồn thề) ông từng chơi đàn trước một nhóm khán giả đang rất bức bối, và đã kích thích tâm trạng ức chế ở họ mãnh liệt đến nỗi, nếu người chơi tabla^[5] không ngăn khúc raga của ông lại giữa chừng thì sức mạnh từ tiếng đàn của ông hẳn đã xui khiến tất cả rút dao đâm nhau và phá sập cả khán phòng... hôm nay, tiếng đàn của Đại sư Vikram đã khơi dậy niềm hoan hỉ ăn mừng của người dân tới đỉnh điểm; nó làm tim họ, ta hãy nói rằng, mê cuồng một nỗi hân hoan.

[4] Ở đây tức là con Q nhép. Ở miền Bắc Ấn Độ, chất nhép tượng trưng cho loài chim (chiriyā).

[5] Một loại trống nhỏ trong âm nhạc dân gian Ấn Độ.

Và có cả Picture Singh bằng xương bằng thịt, một người khổng lồ cao trên hai mét và nặng một tạ, nổi tiếng là Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất Thế Gian nhờ thuật mê hoặc rắn độc nhất vô nhị. Tài năng của anh ngay cả những tubriwaliah huyền thoại của Bengal cũng không thể vượt qua; anh sải bước, giữa đám đông đang rú lên hớn hờ, từ đầu đến chân quần đầy rắn hổ mang, rắn lục, rắn cạp nong chết người, tất cả vẫn còn nguyên túi nọc... Picture Singh, nhân vật sau cùng trong danh sách những người sẵn lòng trở thành cha tôi... và đi ngay sau anh là Parvati-phù-thủy.

Parvati-phù-thủy mua vui cho đám đông với đạo cụ là một cái giỏ lớn có nắp, đan bằng liễu gai; những khán giả tình nguyện hớn hờ chui vào giỏ, và Parvati làm họ biến mất triệt để đến nỗi họ chỉ có thể quay lại khi cô muốn; Parvati, người được nửa đêm ban tặng ma thuật chân chính, đã sử dụng nó để phục vụ cái nghề nghiệp tầm thường của một ảo thuật gia; đám ra ai cũng hỏi cô, “Mà em làm thế nào vậy?” Và, “Thôi nào, cô em xinh đẹp, tiết lộ đi, việc gì mà ngại?” - Parvati, tươi cười rạng rỡ lẫn lẫn cái giỏ ma thuật của cô, tiến về phía tôi cùng đoàn quân giải phóng.

Quân đội Ấn Độ tiến vào thị trấn, những người hùng của nó theo chân các ảo thuật gia; trong số đó, về sau tôi được biết, có cả gã chiến thần nọ, tên Thiếu tá mặt chuột với cặp đầu gối sắt thủ... nhưng lúc này các ảo thuật gia xuất hiện ngày một nhiều, bởi những thuật sĩ sống sót của thành phố đã chui ra từ chỗ trốn, và bắt đầu một cuộc đua tài tuyệt vời, tìm cách vượt mặt mỗi và mọi màn biểu diễn của các ảo thuật gia phương xa; nỗi đau của thành phố được gột rửa và nguôi ngoai dưới trận phun trào tươi tắn của ma thuật mà họ đem lại. Thế rồi Parvati-phù-thủy nhìn thấy tôi, và trả lại tên cho tôi.

“Saleem! Ôi trời ơi Saleem, Saleem Sinai, có phải cậu không Saleem?”

Buddha giật mình, ngơ ngác như con rối. Mắt đám đông nhìn chòng chọc. Parvati sấn lại gần gã. “Này, đích thị là cậu rồi!” Đôi mắt tròn xoe tìm kiếm trong vùng xanh mờ đục. “Lạy Chúa, cái mũi này, tớ không có ý gì đâu, nhưng đích thị rồi! Này, tớ đây, Parvati đây! Ôi Saleem, đừng có ngó ra thế, coi nào coi nào...!”

“Đúng rồi,” buddha nói. “Saleem: đúng rồi.”

“Ôi Chúa ơi, vui quá là vui!” cô kêu lên, “Arre baap, Saleem, cậu nhớ không - Lũ Trẻ, yaar, Ôi, hay quá đi mất! Mà sao mặt cậu nghiêm trọng thế, trong khi tớ chỉ muốn ôm cậu đến vỡ vụn ra? Bao nhiêu năm tớ chỉ nhìn thấy cậu ở đây,” cô gõ vào trán, “và giờ cậu đứng đây, mặt nghệt ra như cá. Nào, Saleem! Coi kìa, ít nhất cũng chào nhau một câu chứ.”

Ngày 15 tháng Mười hai năm 1971, Tiger Niazi đầu hàng Sam Manekshaw; con Cọp với chín mươi ba nghìn quân Pakistan trở thành tù binh chiến tranh. Tôi, trong khi đó, trở thành tù nhân tự nguyện của các ảo thuật gia Ấn Độ, bởi Parvati đã lôi tuốt tôi vào đoàn diễu hành và bảo, “Giờ đã tìm thấy đây rồi thì đừng hòng tớ thả cậu đi.”

Đêm đó, Sam và con Cọp uống bằng chota-peg^[6] và hỏi tường về thời trong Quân đội Anh. “Nói thật, Cọp ạ,” Sam Manekshaw nói, “ông đầu hàng như thế rất có phong độ.” Và con Cọp, “Sam, ông đánh một trận ác chiến đây.” Một vầng mây nhỏ lướt qua gương mặt của Tướng Sam, “Nghe này, chiến hữu: có những lời đơm đặt khủng khiếp. Về thăm sát, ông bạn ạ, mộ tập thể, các biệt đội tên là CUTIA hay quái quỷ gì đó, được đào tạo nhằm mục đích nhô tận gốc những phần tử đối lập... chuyện này không có thật chứ hả?” Và con Cọp, “Biệt đội Liệp Khuyển chuyên Săn lùng và Hoạt động tình báo? Chưa nghe bao giờ; ông bị lừa rồi, ông bạn già. Tình báo hai bên làm ăn lừa quá. Không, lộ bịch, lộ bịch hết sức, nói ông bỏ quá!” “Đây cũng nghĩ thế,” Tướng Sam đáp, “tôi nói, Cọp ạ, gặp lại ông quá hay, lão quỷ già!” Và con Cọp “Bao nhiêu năm rồi, nhì, Sam? Lâu lắm rồi.”

[6] Một loại ly nhỏ để uống rượu, đặc trưng ở Ấn Độ thời kỳ thuộc địa.

“... Trong khi những người bạn cũ hát “Auld Lang Syne” trong nhà ăn của sĩ quan, tôi thực hiện cuộc đào tẩu khỏi Bangladesh, khỏi những năm tháng Pakistan của tôi. “Tớ sẽ giúp cậu trốn,” Parvati bảo sau khi tôi giải thích. “Cậu muốn cực kỳ bí mật hả?”

Tôi gật đầu. “Cực kỳ bí mật.”

Đầu đó trong thành phố, chín mươi ba nghìn lính Pakistan đang chuẩn bị lên xe đến trại P.O.W.^[7]; nhưng Parati-phù-thủy bắt tôi trèo vào một cái giỏ liễu gai có nắp đậy khít. Sam Manekshaw buộc phải ra lệnh quân thúc bảo vệ đối với con Cọp; nhưng Parvati-phù-thủy trấn an tôi, “Thế này họ sẽ không đời nào tóm được cậu.”

[7] Prisoners of War (tù binh chiến tranh).

Đằng sau một trại lính, nơi các ảo thuật gia đang chờ lên máy bay để quay về Delhi, Picture Singh, Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất Thế Gian, đứng cảnh giới cho tôi, tối hôm đó, trèo vào chiếc giỏ tàng hình. Chúng tôi đứng tha thẩn, hút biris, và đợi đến khi không thấy bóng người lính nào, trong khi Picture Singh kể tôi nghe về tên mình. Hai mươi năm trước, một nhiếp ảnh gia của Eastman-Kodak đã chụp ảnh anh – bức ảnh, ngập trong nụ cười và bầy rần, về sau đã xuất hiện trên phân nửa số áp phích quảng cáo và quầy trưng bày của Kodak tại Ấn Độ; kể từ đó, người dụ rần đã lấy cái biệt danh hiện tại. “Chú nghĩ sao hì, đội trưởng?” anh gặm gù thân thiện. “Tên hay đấy chứ, hì? Biết làm sao, đội trưởng, anh chịu chả nhớ nổi cái tên cũ, hồi xưa, tên cha mẹ đặt cho ấy! Đàn hì, đội trưởng?” Nhưng

Picture Singh không dần; và tài mê hoặc mới chỉ là một phần nhỏ ở anh. Bỗng nhiên, vẻ thân thiện ngái ngủ, suồng sã trong giọng anh biến mất; anh thì thầm, “Mau! Mau, đội trưởng, ek dum, cực nhanh đi!” Parvati nhắc nắp ra; tôi cầm đầu lao vào cái giỏ bí hiểm của cô. Cái nắp đập xuống, che khuất nốt chút ánh sáng cuối ngày.

Picture Singh thì thầm, “Ô kê, đội trưởng - ngon rồi!” Parvati cúi xuống gần tôi; môi cô hẳn là áp sát mặt ngoài cái giỏ. Những gì Parvati-phù-thủy thì thảo qua lớp liễu gai:

“Này, Saleem: nghĩ mà xem, anh bạn! Cậu và tớ - những đứa con của nửa đêm, yaar! Oách đấy chứ, hả?”

Oách đấy chứ... Saleem, bị bao trùm trong bóng tối của liễu gai, hồi tưởng về những nửa đêm của nhiều năm trước, về những cuộc vật lộn tuổi thơ với mục đích và ý nghĩa; lòng tràn ngập nỗi hoài nhớ, tôi vẫn không thể cắt nghĩa nổi cái oách ấy là gì. Rồi Parvati làm rầm gì đó, và, bên trong chiếc giỏ tàng hình, tôi, Saleem Sinai, cùng tấm áo choàng vô danh lung tung, biến mất vào hư không.

“Biến mất? Biến mất thế nào, biến mất là sao?” đầu Padma giật nảy lên; mắt Padma ngơ ngác nhìn tôi chăm chăm. Tôi, nhún vai, thần nhiên nhắc lại: Biến mất, thế thôi. Tan biến. Tiêu biến. Như yêu tinh ấy: bụp, xong.

“Thế,” Padma cất vắn tôi, “cô ấy đích thực quả thật là phù thủy à?”

Đích thực quả thật. Tôi ở trong giỏ, nhưng cũng không ở trong giỏ; Picture Singh nhắc nó lên bằng một tay và tổng nó lên thùng chiếc xe tải Quân đội chở anh và Parvati và chín mươi chín người khác ra chiếc chuyên cơ đang chờ ngoài sân bay quân sự; tôi bị ném lên cùng cái giỏ, nhưng cũng không bị ném lên. Về sau, Picture nói, “Không, đội trưởng, anh không cảm thấy sức nặng của chú”; trong khi tôi cũng chẳng cảm thấy chút thích ạch bịch nào. Một trăm lẻ một nghệ sĩ đã đến đây, bằng quân vận cơ của I.A.F., từ thủ đô của Ấn Độ; một trăm lẻ hai người trở lại, mặc dầu một người trong số họ vừa ở đó vừa không ở đó. Phải, thần chú thỉnh thoảng cũng linh nghiệm. Nhưng cũng có khi không: cha tôi, Ahmed Sinai, chưa một lần thành công trong việc nguyên rửa Sherri, con chó cái lai.

Không hộ chiếu hay giấy phép, tôi quay lại, dưới tấm áo choàng tàng hình, xứ sở nơi tôi sinh ra; tin hay không tùy quý vị, nhưng ngay cả một người hoài nghi cũng sẽ phải đưa ra một cách giải thích khác cho việc tôi có mặt tại đây. Chẳng phải Caliph Haroun al-Rashid (ở một thiên truyền kỳ ra đời sớm hơn) cũng đã từng lang thang, vô danh vô hình vô tướng, khắp phố phường Baghdad trong lớp áo choàng? Điều Haroun làm được trên phố phường Baghdad, Parvati-phù-thủy đã biến thành hiện thực với tôi khi chúng tôi bay xuyên những tuyến hàng không của tiểu lục địa. Cô đã làm được; tôi trở nên vô hình; *bas. Chấm hết.*

Hồi ức về sự vô hình: ở trong giỏ, tôi được biết cảm giác chết là như thế nào, sẽ như thế nào. Tôi có được đặc tính của một bóng ma! Tồn tại, nhưng phi vật chất; hiện hữu, nhưng không có thực thể và trọng lượng... tôi khám phá ra, từ trong giỏ, cách hồn ma nhìn thế giới. Mập mờ nhòa nhạt mơ hồ... nó

tồn tại quanh tôi, nhưng chỉ hơi thôi; tôi lơ lửng trong khối cầu của không-hiện-diện, và tại rìa của nó, tôi có thể thấy, như những hình ảnh phản chiếu mờ mờ, bóng ma của lớp liễu gai. Người chết chết đi, và dần bị lãng quên, thời gian hàn gắn vết thương, và họ nhạt nhòa đi - nhưng trong cái giỏ của Parvati tôi nhận ra rằng điều ngược lại cũng đúng; rằng cả hồn ma cũng bắt đầu quên; rằng người chết cũng mất dần hồi ức về người sống, và sau cùng, sau khi bị tách khỏi sự sống, họ mờ nhạt đi – rằng sự chết, nói tóm lại, vẫn tiếp diễn một thời gian dài sau cái chết. Sau này, Parvati bảo, “Tớ không muốn nói với cậu - không ai nên tàng hình lâu như thế - nguy hiểm lắm, nhưng biết làm thế nào được?”

Dưới pháp thuật của Parvati, tôi cảm thấy thế giới trôi tuột khỏi sự nắm bắt của bản thân - và thật dễ dàng, thật bình yên biết mấy, nếu không bao giờ phải trở lại! – nếu có thể trôi nổi giữa vùng mây mù vô định ấy, phiêu dạt xa hơn xa nữa xa mãi, như một bào tử bị gió thổi bay - tóm lại, tôi đứng giữa sự sống và cái chết.

Thứ mà tôi bầu vút vào trong không-gian-và-thời-gian ma mị ấy: cái ống nhỏ bằng bạc. Thứ, cũng trở thành vô hình như tôi dưới lời thì thầm của Parvati, nhưng vẫn cảnh tỉnh tôi về thế giới bên ngoài... siết chặt món đồ bạc được gò tinh xảo ấy, thứ vẫn lấp lánh kể cả trong bóng tối không tên, tôi sống sót. Bất chấp sự tê liệt từ-đầu-đến-chân, tôi được cứu thoát, có lẽ, nhờ ánh lấp lánh phát ra từ kỷ vật quý giá của tôi.

Không - không thuần túy là nhờ ống nhỏ; vì, như chúng ta đều đã biết, nhân vật chính của chúng ta chịu ảnh hưởng đặc biệt sâu sắc của việc bị giam hãm trong không gian hẹp. Mọi biến đổi đều xảy ra với gã trong bóng tối khép kín. Từ chỗ chỉ là phôi trong không gian bí mật của tử cung (không phải của mẹ gã), chẳng phải gã đã lớn lên thành hiện thân của truyền thuyết mới về ngày 15 tháng Tám, thành đứa trẻ của tiếng tích tắc - chẳng phải gã đã xuất hiện như một Mubarak, Đứa Trẻ được Ban Phước? Trong một phòng tắm chật chội, chẳng phải hai thẻ tên đã bị tráo? Một mình trong chiếc tủ giặt với sợi dải rút thọt lên mũi, gã chẳng phải đã liếc thấy một Trái Xoài Đen và khịt quá mạnh, biến bản thân và quả dưa chuột trên mặt gã thành một đài phát thanh nghiệp dư siêu nhiên? Bị bác sĩ, y tá và mặt nạ gây mê giữ chặt, chẳng phải gã đã đầu hàng những con số và, sau khi bị hút-khệt-ở-trên, chuyển sang giai đoạn hai, thời kỳ của triết gia khừu giác và (sau này) cao thủ săn lùng? Bị đè bẹp, trong ngôi nhà bỏ hoang, dưới cái xác của Ayooba Baloch, chẳng phải gã đã nhận thức được ý nghĩa của công-bằng-và-bất-công? À, thế thì - bị giam hãm trong sự nguy hiểm của chiếc giỏ vô hình, tôi được cứu thoát, không chỉ bởi ánh lấp lánh của cái ống nhỏ, mà còn nhờ một sự biến đổi khác: trong vòng cương tỏa của nỗi cô đơn thoát ly thể xác kinh khủng ấy, một nỗi cô đơn có mùi nghĩa địa, tôi khám phá ra giận dữ.

Bên trong Saleem, có gì đó đang phai nhạt và có gì đó đang ra đời. Phai nhạt: niềm tự hào cũ về tấm-hình-em-bé và lá thư lòng khung kính của Nehru; quyết tâm cũ sẵn sàng nhận lãnh một vai trò lịch sử đã được tiên đoán; và sự sẵn lòng tha thứ, sẵn lòng thông cảm cho việc cha mẹ hay người lạ có quyền lưu đày hay khinh bỉ gã chỉ vì gã xấu; ngón tay cụt và đầu sư cọ xem ra không còn là những lý do đủ thuyết phục cho cách mọi người đối xử với gã, với tôi. Đối tượng của sự phẫn nộ trong tôi, trên thực tế, là tất cả những gì tôi đã, cho tới lúc đó, chấp nhận một cách mù quáng: việc cha mẹ mong mỏi tôi sẽ đền đáp sự đầu tư của họ vào tôi, bằng cách trở nên vĩ đại; thiên-tài-rủ-xuống-tựa-khăn-san; và chính các chế độ liên kết đã khơi dậy trong tôi một cơn giận đột ngột, mù quáng. Sao lại là tôi? Tại

sao, vì những sự ngẫu nhiên của lời tiên đoán lúc chào đời và vân vân, tôi lại phải chịu trách nhiệm về những vụ bạo loạn ngôn ngữ và người-kế-tục-Nehru, về cách mạng của lọ gia vị, và về những quả bom đã tiêu diệt gia đình tôi? Tại sao, tôi, Saleem Thò Lò, Cả Khít, Mặt Bắn Đờ, Mạnh Trắng, lại bị quy kết về những gì quân lính Pakistan không-gây-ra tại Dacca?... *Tại sao, duy nhất trong tất cả hơn-năm-trăm-triệu-con-người, mình tôi phải mang gánh nặng của lịch sử?*

Cảm xúc được khám phá của tôi về sự bất công (có mùi hành) đã khởi đầu, cơn giận vô hình của tôi đã hoàn thiện. Phần nộ giúp tôi sống sót trước sự quyến rũ êm ái mê mị của sự tâng hình; giận dữ làm tôi quyết tâm (sau khi được giải phóng khỏi tình trạng tiêu biến, dưới bóng một Thánh đường Thứ Sáu) bắt đầu, kể từ giây phút ấy, tự chọn cho mình một tương lai riêng, phi-tiền-định. Và ở đó, trong sự tĩnh lặng của cảm giác biệt lập sức mùi nghĩa địa, tôi nghe thấy giọng hát xa xưa của cô Mary Pereira đồng trinh:

Bất cứ gì con muốn thành, con sẽ^[8] được,

Con sẽ được thành, bất cứ gì con muốn.

*[8] Mary phát âm không chuẩn, đọc chữ **you can be** (con có thể) thành **you kin be**.*

Đêm nay, hồi tưởng về cơn giận cũ, tôi vẫn hoàn toàn bình thản, mẹ Góa phụ đã hút kiệt giận dữ khỏi tôi cùng với mọi thứ khác. Nhớ lại cuộc nổi loạn phát sinh trong giỏ, cưỡng lại vận mệnh, tôi thậm chí tự cho phép mình nở một nụ cười giấu cợt, thấu hiểu. “Con trai,” tôi lẩm bẩm một cách độ lượng xuyên qua năm tháng tới Saleem-ở-tuổi-hai-tư, “sẽ mãi là con trai.” Tại Quán trọ Góa phụ, tôi đã nhận được bài học khắc nghiệt và nhớ đời của sự Không Thể Thoát; giờ đây, gò lưng trên giấy dưới quảng sáng Anglepoise, tôi không còn muốn là gì khác ngoài chính bản thân mình. Tôi là ai, cái gì? Trả lời: tôi là tổng hợp mọi thứ diễn ra trước tôi, mọi thứ tôi đã là đã thấy đã làm, mọi thứ được-làm-với-tôi. Tôi là tất cả mọi người mọi vật mà sự-tồn-tại-trên-thế-giới-này tác động đến tôi bị tôi tác động, tôi là bất kỳ thứ gì xảy ra sau khi tôi ra đi nhưng sẽ không xảy ra nếu tôi không xuất hiện. Tôi cũng không phải là ngoại lệ cá biệt trong vấn đề này; mỗi một “Tôi”, mỗi cá nhân trong số này-là-hơn-sáu-trăm-triệu-con-người chúng ta, đều chứa đựng một sự đa dạng tương tự. Tôi nhắc lại lần cuối: để hiểu tôi, quý vị sẽ phải nuốt cả thế giới.

Nguồn ebooks: <http://www.luv-ebook.com>

Mặc dù lúc này, khi quá-trình-trào-ra của những-gì-ở-trong-tôi đã gần tới hồi kết; khi những vết nứt đang toác ra từ bên trong - tôi có thể nghe và cảm thấy tiếng nhay xé găm - tôi bắt đầu mỏng dần đi, gần như trong mờ; chẳng còn bao nhiêu tôi nữa, và không bao lâu nữa sẽ chẳng còn gì. Sáu trăm triệu hạt bụi, tất cả trong suốt, vô hình như thủy tinh...

Nhưng lúc ấy tôi rất giận dữ. Hiện tượng cường vận động nội tiết trong cái bình liểu gai hai quai:

mồ hôi và mùi hôi trào ra từ tuyến eccrine và apocrine, như thể tôi đang cố gắng bài tiết số phận qua các lỗ chân lông; và, để công bằng với cơn phần nộ của mình, tôi phải ghi nhận rằng, nó đã giành được một thành tựu tức thời - rằng khi từ giỏ tàng hình lăn ra dưới bóng thánh đường, tôi đã được, nhờ có cuộc nổi dậy, giải thoát khỏi tình trạng trầm mê của sự tê liệt; khi bỏ nhào xuống nền đất khu ghetto của giới ảo thuật, tay khur khur cái ống nhổ bạc, tôi nhận ra mình đã bắt đầu, một lần nữa, có cảm giác.

Có những nỗi đau, ít ra, vẫn có khả năng bị chế ngự.

Chương 27: Dưới bóng Thánh đường

Không nghi ngờ gì nữa: đang có một sự tăng tốc. Rắc roac rộp - trong khi mặt đường nứt toác dưới cái nóng ghê người, tôi cũng đang bị đẩy nhanh tới chỗ tan rã. Thứ-gặm-mòn-xương (một thứ, như tôi thường xuyên phải giải thích với quá nhiều đàn bà ở quanh mình, vượt xa khả năng nhận biết, chưa nói đến cứu chữa, của các thầy thuốc) sẽ chẳng thể bị kìm hãm bao lâu nữa; mà chuyện chưa kể thì còn quá nhiều... Cậu Mustapha đang lớn dần bên trong tôi, và cái bĩu môi của Parvati-phù-thủy; một lọn tóc của người anh hùng đang chờ đợi sau cánh gà; và một cơn trở dạ kéo dài mười ba ngày, và lịch sử đồng dạng với kiểu tóc của một thủ tướng; sắp có sự phản bội, và trôn vế, và mùi (phảng phất theo những cơn gió trĩu nặng tiếng rên rỉ của những góa phụ) thứ gì đó đang bị rán trên chảo sắt... thế nên, tôi cũng buộc phải tăng tốc, phải bứt phá về đích; trước khi ký ức của tôi vỡ vụn, không mong gì sắp xếp lại được, tôi phải ưỡn ngực chạm đích. (Mặc dù đã có, đã có những chỗ mơ hồ, khiếm khuyết; và đôi khi cần phải ứng tác.)

Hai mươi sáu lọ ngâm ảm đạm xếp hàng trên giá; hai mươi sáu công thức pha trộn đặc biệt, mỗi lọ có một nhãn định danh riêng, được viết ngay ngắn với những hàng chữ quen thuộc: chẳng hạn “Cuộc Hành Quân Của Lọ Gia Vị”, hay “Alpha và Omega”, hay “Cây dùi cui của Trung tá Sabarmati”. Hai mươi sáu cái lọ lạnh lạnh rất hùng hồn mỗi khi đoàn tàu hỏa vàng-và-nâu chạy qua; trên bàn tôi, năm cái lọ rỗng leng keng đầy khăn thiết, nhắc nhở tôi về nhiệm vụ chưa hoàn thành. Nhưng giờ tôi không thể lần nữa bên những chiếc lọ rỗng không; đêm là thời khắc của ngôn từ, và chutney xanh phải đợi đến lượt mình.

... Padma tư lự: “Ôi, ông này, Kashmir tháng Tám chắc là đẹp lắm, trong lúc ở đây nóng như thiêu!” Tôi buộc phải quở trách bạn đồng hành phùng-phính-nhưng-cơ-bấp này vì để tâm trí vợ vẫn tận đâu; và buộc phải thừa nhận Padma Bibi của chúng ta, con người nhẵn nại khoan dung khéo vỗ về, bắt đầu cư xử giống một bà vợ Ấn Độ đích thực. (Còn tôi, với nét xa cách và chỉ mải việc mình, giống một ông chồng?) Gần đây, bất chấp thái độ lãnh đạm phó mặc số mệnh của tôi trước các vết nứt đang lan rộng, tôi đã ngủ thấy, trong hơi thở của Padma, giấc mơ về một kịch bản tương lai khác (nhưng bất

khả); phốt lò cái kết cục bất khả tiêu trừ của những rạn nứt trong nội thể tôi, cô bắt đầu tỏa ra mùi hương ngọt đắng của hy-vọng-hôn-nhân. Bông sen-phân của tôi, người lâu nay vẫn vững vàng trước những cái nhếch môi dè bủ của đội ngũ lao động nữ bấp tay phủ lông tơ; người đã đặt việc chung sống với tôi ra ngoài và lên trên mọi chuẩn mực xã hội, có vẻ đã quy hàng khát vọng được chính danh... tóm lại, dù không đả động gì đến chủ đề này, cô vẫn chờ đợi tôi biến cô thành một người đàn bà đoan chính. Mùi hương hy vọng u sầu ngấm vào những lời lẽ quan hoài vô tư nhất của cô - chậm chích ngay lúc này, khi cô, “Ông này, sao không kết thúc vụ viết lách này rồi nghỉ ngơi; về Kashmir, cho thanh tĩnh một thời gian - và ông có thể đem Padma của ông theo, để cô ta có thể chăm nom...” Đứng sau giấc mơ chớm nở về kỳ nghỉ Kashmir ấy (cũng từng là giấc mơ của Jehangir, Đại đế Mughal; của Ilse Lubin tội nghiệp bị lãng quên; và có lẽ của chính Jesus Christ), tôi đánh hơi thấy sự hiện diện của một giấc mơ khác; có điều cả hai đều sẽ không thể thành hiện thực. Bởi vì giờ đây những vết nứt, những vết nứt và luôn là những vết nứt, đang thu hẹp tương lai của tôi tới một dấu chấm hết duy nhất và tất yếu; và cả Padma cũng sẽ phải ngồi ghế sau để tôi cố thể kết thúc câu chuyện của mình.

Ngày nay, báo chí đang bàn tán về khả năng tái xuất chính trường của Indira Gandhi; nhưng lúc tôi quay về Ấn Độ, nấu mình trong chiếc giỏ liễu gai, “Quý Bà” đang đắm mình trong tột đỉnh vinh quang. Ngày nay, có thể chúng ta đều đã quên, tự nguyện chìm đắm trong vùng mây mù nguy hại của bệnh mất trí nhớ; nhưng tôi vẫn nhớ, và sẽ ghi chép lại, tôi đã - bà ta đã - chuyện đã xảy ra như thế nào mà... - không, tôi không được nói ra, tôi phải kể tất cả theo trình tự, đến khi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tiết lộ... Ngày 16 tháng Mười hai năm 1971, tôi bỏ nhà ra giữa một đất nước Ấn Độ nơi đảng Tân Quốc đại của bà Gandhi nắm hơn hai phần ba số ghế trong Quốc hội.

Trong chiếc giỏ tàng hình, nhận thức về bất công đã biến thành giận dữ, và một số thứ khác nữa - không chỉ biến đổi vì cơn thịnh nộ, trong tôi còn trào dâng cảm giác đau xót của nỗi cảm thông với một đất nước không chỉ là chị em song sinh mà còn dính liền với tôi (một cách hình tượng) ở hông, khiến điều gì xảy ra với người này, cũng xảy đến với người kia. Nếu tôi, mũi thò lò mặt nhọ vân vân, vì thế mà gặp lăm gian truân, thì em cũng vậy, người em tiểu lục địa sinh đôi của tôi; và giờ đây khi đã tự cho mình quyền lựa chọn một tương lai tốt đẹp hơn, tôi quyết rằng đất nước này phải được chia sẻ điều đó. Tôi nghĩ rằng khi bỏ nhà ra giữa bụi bặm, bóng thánh đường và tiếng reo hò thích thú, tôi đã mang sẵn trong lòng một quyết tâm cứu nước.

(Nhưng còn những vết rạn nứt... liệu tôi, khi ấy, đã kịp nhận ra rằng tình yêu tôi dành cho Jamila Ca sĩ đã, theo một nghĩa nào đó, sai lầm? Liệu tôi đã kịp hiểu ra mình đã cứ thế trút lên vai cô sự sùng bái mà giờ đây tôi nhận chức rõ là một tình yêu hướng thượng, quảng đại dành cho đất nước? Tới lúc nào tôi mới nhận ra, rằng những tình cảm loạn luân đích thực của tôi là dành cho người em gái song sinh thật sự, cho chính Ấn Độ, chứ không phải cho nữ xướng ca vô loài đã nhẫn tâm trút bỏ tôi, như một bộ da rần dưng rồi, và vứt tôi vào cái thùng rác ẩn dụ là đời lính? Lúc nào lúc nào lúc nào?... Thừa nhận thất bại, tôi buộc phải ghi lại rằng, tôi không thể nhớ chính xác.)

... Saleem ngồi hấp háy mắt giữa đám bụi, dưới bóng một thánh đường. Một người khổng lồ đứng bên gã, cười toét miệng, hỏi, “À há, đội trưởng, chuyển đi ôn hi?” Còn Parvati, mắt mở to đầy phần

khích, rót nước từ chiếc lotah^[1] vào đôi môi nứt nẻ mặn chát của gã... Cảm giác! Cái buốt giá của nước giữ lạnh trong surahi^[2] bằng đất nung, cái nứt nẻ bỏng rát của đôi môi khô héo, chất bạc và thanh kim thạch siết trong lòng tay... “Tôi cảm thấy rồi!” Saleem reo lên với đám đông thân thiện vây quanh.

[1] Một kiểu ca nước, thường làm bằng đồng

[2] Bình đựng nước cổ cao.

Lúc ấy là thời điểm buổi chiều được gọi là chaya^[3], khi bóng của Thành đường Thứ Sáu cao chói vót bằng gạch đỏ và cảm thạch vắt ngang những căn lều hỗn loạn của khu ổ chuột chen chúc dưới chân nó, với những mái tôn xiêu vẹo tạo thành một không khí nóng hầm hập, đến mức không thể ở nổi trong những túp lều xập xệ này trừ lúc chaya và ban đêm... nhưng lúc này các nghệ sĩ ảo thuật và uộn dẻo và tung hứng và các fakir đều tập hợp dưới bóng râm quanh cột ống khói khổng lồ đơn độc nọ để chào đón người mới đến. “Tôi cảm thấy rồi!” tôi reo lên, và rồi Picture Singh, “Tốt rồi, đội trưởng - nói xem, chú cảm thấy sao hỉ? - khi được sinh ra lần nữa, như một đứa trẻ sơ sinh, lặn ra từ giỏ của Parvati?” Tôi có thể ngửi thấy mùi kinh ngạc ở Picture Singh; anh rõ ràng là sững sốt trước xảo thuật của Parvati, có điều, là dân trong nghề thực thụ, anh không tưởng đến chuyện hỏi xem cô làm điều đó như thế nào. Nhờ vậy mà Parvati-phù-thủy, người sử dụng pháp lực vô biên của mình đưa tôi đến nơi an toàn, đã thoát khỏi bị phát hiện; và cũng còn vì, như về sau tôi khám phá ra, ghetto của giới ảo thuật không tin, với sự quả quyết tuyệt đối của những kẻ sống-bằng-nghề-ảo-thuật, sự tồn tại của pháp thuật. Thế nên Picture Singh bảo tôi, với vẻ kinh ngạc, “Anh thề, đội trưởng - ở trong giỏ chú rất nhẹ, như trẻ sơ sinh!” - Nhưng anh không bao giờ hình dung ra được, tình trạng không trọng lượng của tôi tuyệt không hề là xảo thuật.

[3] Nghĩa là bóng râm.

“Ê này, sahib cu tí,” Picture Singh kêu lên, “Chú thấy sao hỉ, đội trưởng cu tí? Hay là anh kiêu chú lên vai cho chú ợ hơi nhé?” - Và giờ Parvati, khoan dung: “Cái anh này, baba, hơn tí là đùa nhảm.” Cô cười rạng rỡ với tất cả mọi người có mặt... nhưng ngay lúc đó, một việc bất tường xảy ra. Một giọng đàn bà rít lên từ phía sau nhóm ảo thuật gia: “Ai-o-ai-o! Ai-o-o!” Đám đông ngạc nhiên tách ra và một bà già vọt qua lao thẳng vào Saleem; làm tôi buộc phải tự vệ trước một màn múa chào, cho đến khi Picture Singh, kinh hãi, túm lấy cánh tay múa chào của bà già, rồi găm gù, “Này, đội trưởng gái, làm nhận cái gì thế?” Và bà già, dai dẳng: “Ai-o-ai-o!”

“Resham Bibi,” Parvati nói, khó chịu, “Kiến bò trong não bà à?” Và Picture Singh, “Chúng ta có khách, đội trưởng gái ạ - cậu ấy biết làm thế nào khi bà cứ rầm rĩ lên? Arre, im nào, Resham, đội trưởng đây là chỗ bạn bè với Parvati của chúng ta đấy! Đừng gào rú trước mặt cậu ấy nữa!”

“Ai-o-ai-o! Điềm gở đến rồi! Người sang xứ lạ và đem nó về đây! Ai-oooo!”

Nét mặt hoang mang của các nhà ảo thuật nhìn từ Resham Bibi sang tôi - bởi mặc dù là một cộng đồng phủ nhận sự siêu nhiên, họ là nghệ sĩ, và, như mọi người hành nghề biểu diễn, họ ngấm ngấm tin vào vận số, vào may rủi... “Chính ông vừa bảo,” Resham Bibi rít lên, “hắn được sinh ra hai lần, và thậm chí không phải từ đàn bà! Giờ thì hoang tàn, bệnh dịch và chết chóc sẽ giáng xuống. Ta ngàn này tuổi rồi, ta biết. Arre baba,” bà ta sầm sập quay sang tôi, “Hãy rủ lòng thương; đi đi - mau đi!” Tiếng xì xầm nổi lên - “Phải rồi, Resham Bibi biết rõ những chuyện ngày xưa” - nhưng Picture Singh nổi

cầu. “Đội trưởng đây là thượng khách của ta,” anh quát, “Câu ấy sẽ ở lại nhà ta bao lâu tùy thích. Các người xì xào cái gì? Đây không phải là chỗ kể chuyện hoang đường.”

Lần đầu tiên lượ lại ghetto của giới ảo thuật của Saleem Sinai chỉ kéo dài vài ngày; nhưng trong quãng thời gian ngắn ngủi ấy, một số chuyện xảy ra đã làm dịu đi nỗi sợ mà ai-o-ai-o đã khơi lên. Sự thật trần trụi, không màu mè là, hồi ấy, các ảo thuật gia và nghệ sĩ trong ghetto bắt đầu đạt những đỉnh cao mới - các nghệ sĩ tung hứng giữ được một ngàn lẻ một trái bóng trên không cùng lúc; đệ tử nhập môn của một fakir lạc bước vào một thảm than hồng, rồi thản nhiên bước qua, như thể cô đã học được bản tính của sự phụ bằng cách thấm thấu; và tôi nghe nói trò ảo thuật dây thừng^[4] đã thành công. Đồng thời, cảnh sát không thực hiện được đợt càn quét hằng tháng vào ghetto, điều trong ký ức của mọi người chưa từng xảy ra; và khu trại liên tục có khách viếng thăm, người hầu của các nhà giàu, đặt hàng sự phục vụ của một hay nhiều nghệ sĩ trong chương trình văn nghệ của đêm gala này nọ... trên thực tế, có vẻ như Resham Bibi lần này đã đoán nhầm, và tôi nhanh chóng trở nên nổi tiếng tại ghetto. Tôi được đặt tên là Saleem Kismeti, Saleem May mắn; Parvati được chúc mừng, vì đã mang tôi về khu ổ chuột. Và cuối cùng, Picture Singh đưa Resham Bibi đến xin lỗi.

[4] Một tiết mục ảo thuật kinh điển của Ấn Độ, trong đó nhà ảo thuật phù phép cho một sợi dây thừng vươn thẳng lên trời, sau đó một cậu bé phụ tá sẽ leo lên rồi biến mất.

“Sin ối,” Resham móm mém nói rồi bỏ chạy; Picture Singh thêm, “Già rồi khổ thế đấy; não xơ và trí nhớ lộn tung phèo hết cả. Đội trưởng, đây ai cũng bảo chú là vận may của chúng tôi; nhưng chú có định ra đi sớm không?” - Và Parvati, đôi mắt tròn xoe nín lặng nhìn tôi như van nài đừng đừng đừng; nhưng tôi buộc phải trả lời bằng câu khẳng định.

Saleem, ngày nay, tin chắc rằng gã đã trả lời, “Có”; rằng cũng vào buổi sáng hôm ấy, vẫn mặc tấm áo choàng lòng thùng, vẫn không rời cái ống nhô bạc, gã cất bước ra đi, mà không nhìn lại cô gái dõi theo gã với ánh mắt rớm ướt những trách móc; rằng, vội vàng sai bước qua các nghệ sĩ tung hứng đang tập luyện, qua những hàng bánh kẹo phả vào mũi gã thứ mùi quyến rũ của rasgulla, qua các bác thợ cạo lấy mười paisa một lần cạo mặt, qua bước chân tha thẩn vật vờ của những bà cụ và tiếng léo nhéo giọng Mỹ của lũ nhóc đánh giày đang bu lấy từng đoàn xe du khách Nhật mặc đồng phục xanh giống hệt nhau và đội khăn xếp màu nghệ nhìn chẳng ăn nhập gì do những gã hướng dẫn viên xun xoe một cách tinh quái vắn cho, qua những dãy bậc thang cao ngất dẫn lên Thánh đường Thứ Sáu, qua những lái buôn ý tưởng và tinh dầu và mô hình của Qutb Minar^[5] bằng thạch-cao-Ba-lê và ngựa đồ chơi phết sơn và gà chưa cắt tiết cánh vỡ thành phạch, qua những lời mời chơi gà và chơi bài, gã bước ra khỏi ghetto của giới ảo thuật và thấy mình đang đứng tại Faiz Bazar, đối diện bức tường trái dài bất tận của Thành Đỏ, nơi từ trên thành lũy của nó một Thủ tướng đã từng tuyên bố độc lập, và dưới bóng của nó một người đàn bà đã gặp một người chủ hộp vạn hoa, một anh chàng Dilli-dekho người dẫn bà đi vào những ngõ hẹp để nghe tiên đoán về tương lai của con trai bà, giữa bầy chồn và kền kền và các bệnh nhân gãy xương tay bó lá; rằng, nói ngắn gọn, gã rẽ phải và đi khỏi Thành Cổ hướng về những cung điện màu hường do những kẻ chinh phục da hồng xây dựng đã lâu: từ bỏ những cứu tinh của mình, tôi đi bộ đến New Delhi.

[5] Ngọn tháp thánh đường (minaret) cao nhất Ấn Độ, được UNESCO trao danh hiệu Di sản Thế giới.

Tại sao? Tại sao, sau khi hắt hủi một cách vô ơn nỗi buồn nhớ quá khứ của Parvati-phù-thủy, tôi ngoảnh mặt với cái cũ và lên đường đến với cái mới? Tại sao, sau suốt nhiều năm tìm thấy nơi cô một đồng minh trung thành nhất ở các hội nghị về đêm trong tâm trí tôi, tôi lại rời bỏ cô nhẹ tênh đến thế vào buổi sáng? Đấu tranh với những khoảng trống rạn nứt về quá khứ, tôi chỉ có thể nhớ nổi hai lý do; nhưng không dám chắc cái nào là chủ yếu, hay là còn một cái thứ ba... trước hết, dù sao đi nữa, tôi đã đánh giá toàn diện tình hình. Saleem sau khi phân tích cơ hội của mình, không thể không tự thừa nhận

rằng chẳng có gì tốt đẹp hết. Tôi không có hộ chiếu; xét về pháp lý là dân nhập cư bất hợp pháp (đã từng là người di cư hợp pháp); trại P.O.W. đang chờ tôi ở khắp nơi. Và cho dù có gác tình trạng bại-bệnh-chạy-trốn của tôi sang một bên, thì danh sách những bất lợi của tôi vẫn rất ghê gớm: tôi không có tiền hay quần áo; không bằng cấp - chưa hoàn tất bậc học và cũng chẳng nổi trội gì trong những học phần tôi đã trải qua; tôi làm sao để theo đuổi kế hoạch tham vọng là cứu quốc khi không có lấy một mái nhà trên đầu hay một gia đình để bảo vệ ủng hộ hỗ trợ... tôi bỗng nhận ra, như sét đánh bên tai, rằng mình đã nhầm; rằng ở đây, chính tại thành phố này, tôi có họ hàng - và không chỉ họ hàng bình thường, mà họ hàng có thể lực! Cậu tôi Mustapha Aziz, một Công Chức cấp cao, người lần cuối tôi nghe nhắc đến đã là nhân vật số hai ở Sở của cậu; còn có người bảo hộ nào phù hợp hơn cho tham vọng Cứu thế của tôi? Dưới mái nhà cậu, tôi có thể tạo dựng quan hệ và có quần áo mới; có sự bảo trợ của cậu, tôi sẽ được bổ dụng vào Chính quyền, và, trong quá trình tìm hiểu nội tình chính phủ, chắc chắn tôi sẽ tìm thấy chìa khóa cho sự nghiệp cứu quốc; và tôi sẽ được các Bộ trưởng lắng nghe, có thể tôi còn xưng hô bằng tên^[6] với con người vĩ đại...! Chính vào lúc bị viễn cảnh huy hoàng ấy chế ngự tôi đã bảo Parvati-phù-thủy, “Tớ phải đi; nhiều đại sự đang diễn ra!” Và, nhìn thấy sự tôn thương trên hai gò má đột nhiên bùng đỏ, bèn an ủi cô: “Tớ sẽ đến thăm cậu thường xuyên. Thường xuyên thường xuyên.” Nhưng cô không thấy được an ủi... lý tưởng cao đẹp, như vậy, là một động cơ khiến tôi ruồng bỏ những người đã giúp đỡ tôi; nhưng chẳng phải còn một động cơ khác nhỏ mọn hơn, thấp kém hơn, riêng tư hơn sao? Có đấy. Parvati đã bí mật dắt tôi ra một góc sau một căn lán dựng bằng tôn-và-gỗ-phế-thải; nơi gián đê trứng, nơi chuột làm tình, nơi ruồi ngồn ngầu phân chó, cô siết chặt cổ tay tôi và trở nên bùng sáng ở mắt và xuýt xoa ở lưỡi; nấp trong đoạn ruột già thối rữa của ghetto, cô thú nhận rằng tôi không phải đứa trẻ nửa đêm đầu tiên tao ngộ với cô! Và giờ là câu chuyện về đoàn diễu hành ở Dacca, khi các ảo thuật gia sánh bước bên các anh hùng; kia là Parvati nhìn lên một chiếc xe tăng, kia là mắt-Parvati bắt gặp một cặp đầu gối khủng bố, linh hoạt như tay... cặp đầu gối kiêu hãnh gò lên dưới bộ quân phục hồ cứng; kia là Parvati kêu lên, “Ồ này!Ồ này...” và rồi cái tên không thể nói ra, cái tên của tội lỗi của tôi, của kẻ đáng lẽ sẽ sống cuộc đời của tôi nếu không có một tội ác trong nhà hộ sinh; Parvati và Shiva, Shiva và Paryati, mà vận mệnh thần thánh của hai cái tên đã định cho họ gặp nhau, được hội ngộ đúng vào thời khắc chiến thắng. “Anh hùng đấy!” cô xuýt xoa tự hào đằng sau căn lán. “Họ sẽ cho cậu ấy làm quan to này kia!” Và bây giờ, thứ gì được rút ra từ nếp y phục xác xơ của cô? Thứ gì từng kiêu hãnh mọc trên đầu một anh hùng và nay nép vào bầu ngực nàng pháp sư? “Tớ xin và cậu ấy cho,” Parvati-phù-thủy nói, đoạn chìa cho tôi lọn tóc của hân.

[6] Trong tiếng Anh, khi giao tiếp lịch sự, người ta gọi nhau là ông/bà + họ. Còn nếu là chỗ bạn bè thân mật thì gọi nhau bằng tên.

Tôi có bỏ chạy khỏi lọn tóc định mệnh ấy? Saleem, sợ phải tái ngộ với bản thể đối lập của mình, kẻ đã bị gã từ-rất-lâu cấm cửa ở những cuộc họp nửa đêm, có đào tẩu vào vòng tay của cái gia đình mà cuộc sống tiện nghi đã bị tước mất khỏi tay người hùng thời chiến? Vậy là vì lý tưởng hay tội lỗi? Tôi không chắc chắn nữa; tôi chỉ ghi lại những gì nhớ được, ấy là việc Parvati-phù-thủy thì thầm, “Biết đâu cậu ấy sẽ trở lại khi rảnh rỗi; lúc ấy ta sẽ có ba người!” Và cả một câu nữa, lặp đi lặp lại: “Những đứa trẻ của nửa đêm, yaar... oách đấy chứ, hả?” Parvati-phù-thủy khiến tôi nhớ lại những điều tôi đã cố gạt bỏ khỏi tâm trí; và tôi rời bỏ cô, đến nhà Mustapha Aziz.

Lần tiếp xúc cuối cùng thể thảm của tôi với sự thân mật tàn nhẫn của cuộc sống gia đình chỉ để lại những mảnh vụn; tuy nhiên, do tất cả phải được ghi chép để rồi ngâm ứ, tôi sẽ cố gắng chấp nối thành một câu chuyện... vậy thì, để bắt đầu, tôi xin báo cáo rằng, cậu Mustapha tội sông tại một bungalow kiểu Công chức tiện nghi một cách nhợt nhạt trên một mảnh vườn chín chu kiểu Công chức ở ngay trên đường Rajpath giữa trung tâm thành phố của Lutyens^[7]; tôi đi dọc con-đường-từng-là-Đại-lộ-Hoàng-đế, hít thở vô vàn mùi vị của phố phường, phả ra từ Khu Bách hóa Thủ công và ông xả xe tuktuk;

hương bồ đề và tuyết tùng trộn với mùi ma quái của mồ ma các toàn quyền và memsahib^[8] đi găng tay, với cả mùi hơi người khen khét của các begum giàu xôi và dân vô gia cư. Đây là tấm bảng tỉ số bầu cử, nơi (trong trận-chiến-quyền-lực đầu tiên giữa Indira và Morarji Desai) người dân đã bu quanh, chờ đợi kết quả, háo hức hỏi nhau: “Con trai hay con gái?”... giữa cổ và kim, giữa Công Ấn Độ và Văn phòng Chính phủ, tâm trí tôi chen chúc suy nghĩ về hai đế chế (Mughal và Anh) đã tiêu vong và về lịch sử của chính tôi - bởi vì đây là thành phố của lời tuyên bố công khai, của quái vật nhiều đầu, và của một bàn tay trên trời rơi xuống - tôi quyết tâm dần bước, người bốc mùi, như mọi thứ xung quanh, lên tận trời xanh. Và cuối cùng, sau khi rẽ trái về phía đường Dupleix, tôi dừng lại trước một khu vườn vô danh có tường thấp và hàng rào ô rô bao quanh; ở góc vườn tôi thấy một tấm biển đu đưa trong gió, như đã một lần những tấm biển từng nở hoa trong các khu vườn ở Điện trang Methwold; nhưng tiếng vọng này của quá khứ lại kể một câu chuyện khác. Không phải BÁN NHÀ, với hai nguyên âm bất tường cùng bốn phụ âm định mệnh; bông hoa gỗ trong vườn của cậu tôi nở ra một thông báo kỳ quái: *Ngài Mustapha Aziz và Ruồi*.

[7] Edwin Lutyens, kiến trúc sư người Anh, người thiết kế hầu hết các kiến trúc quan trọng của New Delhi trong thời kỳ thuộc Anh vào những năm 1920-1930. Nhà của Mustapha có lẽ nằm ở Khu Bungalow Lutyens, một quần thể rộng gồm những dãy nhà xây kiểu bungalow dành cho viên chức của chính quyền. Rajpath là Đại lộ Hoàng gia ở Delhi, nơi tổ chức các cuộc diễu hành quan trọng của thành phố.

[8] Cách xưng hô kính trọng của thời kỳ thuộc Anh, dành cho những phụ nữ da trắng đã lập gia đình.

Không hề biết chữ cuối cùng là lỗi viết tắt khô khan, quen thuộc của cậu tôi đối với danh từ gây xúc động rộn ràng “gia đình”^[9], tôi rơi vào tình trạng hoang mang vì tấm biển gập gù; tuy nhiên, sau khi đã ở nhà cậu một thời gian rất ngắn, tôi bắt đầu thấy nó hoàn toàn hợp lý, vì gia đình của Mustapha Aziz, quả thật, cũng bị đập bẹp, tâm thương, giống-côn-trùng như con Ruồi bị rút gọn một cách bí hiểm nọ.

*[9] Gia đình trong tiếng Anh là **Family**, nếu cắt bỏ ba chữ **ami** thì còn **Fly** nghĩa là con ruồi.*

Những lời lẽ nào đã chào đón tôi khi, có chút hồi hộp, tôi ấn chuông, lòng tràn trề hy vọng bắt đầu một sự nghiệp mới? Bộ mặt nào đã xuất hiện sau cánh cổng bịt lưới thép và cau lại trong một cơn ngạc nhiên giận dữ? Padma: tôi nhận được sự chào đón của vợ cậu Mustapha, từ bà mợ điên Sonia, với câu cảm thán: “Ptui! Allah! Thằng này hôi khiếp!”

Và cho dù tôi, ra sức lấy lòng, “Xin chào, Mợ Sonia yêu quý,” và toét miệng cười bên lên trước hình thù khuất-sau-lưới-thép của một nhan sắc Iran bắt đầu nhăn nheo ở mợ tôi, bà tiếp tục, “Saleem, phải không? Rồi, tao nhớ mày rồi. Thằng ranh con hỗn xược. Lúc nào cũng nghĩ lớn lên mày sẽ thành Chúa này kia. Mà tại sao? Một bức thư ngu xuẩn chắc hẳn do trợ lý thứ mười lăm của phủ Thủ tướng gửi cho.” Từ buổi gặp đầu tiên ấy lẽ ra tôi phải dự báo được các kế hoạch của mình sẽ tiêu ma; lẽ ra tôi phải đánh hơi thấy, từ bà mợ điên khùng, mùi sắc súa không nguôi của lòng đố kỵ Công chức, điều sẽ phá hoại mọi nỗ lực của tôi nhằm xác lập vị thế trên đời. Tôi được nhận một lá thư, bà ta thì không; điều đó làm chúng tôi thành kẻ thù truyền kiếp. Nhưng có một cánh cửa, rộng mở; thoang thoang mùi quần áo sạch và nhà tắm vòi sen; và tôi, cảm kích trước những ân huệ nhỏ nhất, không xét thấy những mùi hương chết người từ mợ tôi.

Cậu tôi Mustapha Aziz, mà bộ ria một-thời-vuốt-sáp-đầy-kiêu-hãnh không bao giờ hồi phục sau cơn bão bụi gây tê liệt của việc phá hủy Điện trang Methwold, đã bị bỏ qua khi xét để bạt Giám đốc

Sở không dưới bốn mươi bảy lần, và cuối cùng đã tìm thấy niềm an ủi cho sự thiếu năng lực của mình trong việc đánh đập lũ con, và lèm bèm hằng đêm về việc mình rõ ràng là nạn nhân của định kiến bài-Hồi-giáo, trong lòng trung thành đầy mâu thuẫn nhưng tuyệt đối với Chính phủ đương thời, và trong nỗi ám ảnh về khoa phả hệ, sở thích duy nhất của cậu, mà máu đam mê còn lớn hơn khát vọng chứng minh mình là hậu duệ của các Đại đế Mughal của cha tôi năm xưa. Trong niềm an ủi đầu tiên ông nhận được sự nhiệt tình hưởng ứng của vợ, bà Sonia (tên thời con gái Khosrovani) nửa Iran và khao-khát-làm-phụ-nữ-thượng-lưu, người xác thực đã hóa điên vì một cuộc sống trong đó bà buộc phải sắm vai “che tàn bợ dít” cho bốn mươi bảy bà vợ khác nhau và nối tiếp nhau của những nhân vật số một, những người trước đó đã bị bà rẻ rúng với thái độ khệnh khạng bề trên khi họ còn là vợ nhân vật số ba; dưới sự hội đồng tẩm quất của cậu mợ tôi, đám em họ tôi giờ đã bị tấn toại bởi thành một đồng nhào nhoét đến nỗi tôi chịu không nhớ nổi số lượng, giới tính, tầm vóc hay đường nét của chúng nữa; nhân cách của chúng, tất nhiên, từ lâu đã không còn tồn tại. Tại nhà cậu Mustapha, tôi ngồi im lặng giữa lũ em bị tán nhuyễn, nghe màn độc thoại hằng đêm và không ngừng tự mâu thuẫn của ông, quay ngoắt từ cay cú vì không được đề bạt sang trung thành mù quáng kiểu chó cứng với mỗi hành động của Thủ tướng. Nếu Indira Gandhi đề nghị cậu tự sát, Mustapha Aziz chắc sẽ quy việc này cho sự thành kiến với người đạo Hồi nhưng lại bênh vực nhân quan lãnh đạo của đề nghị ấy, và, tất nhiên, sẽ thực hiện nhiệm vụ mà chẳng dám (thậm chí không tưởng đến) phản kháng.

Về phả hệ: cậu Mustapha dành tất cả thời gian rỗi để lấp đầy những cuốn sổ ghi chép dày khựng bằng những cây gia tộc hình nhện, không ngừng đào sâu nghiên cứu và lưu danh sử sách hậu duệ kỳ dị của các đại gia tộc trên cả nước; nhưng một hôm, trong thời gian tôi ở đây, mợ Sonia được biết về một rishi^[10] từ Hardwar, người nghe đồn đã ba trăm chín mươi lăm tuổi, và thuộc lòng phả hệ của mọi gia tộc Bà la môn trên cả nước. “Đến cả cái đây anh cũng chỉ về nhì!” bà rít lên với cậu tôi. Sự tồn tại của vị rishi từ Hardwar đã hoàn tất quá trình rơi vào điên loạn của bà, khiến sự bạo hành của bà với lũ con gia tăng đến mức cả nhà phải sống thường trực trong nỗi lo xảy ra án mạng, và cuối cùng cậu Mustapha buộc phải cho nhốt bà lại, bởi sự quá đáng của bà làm ông khó xử trong công việc.

[10] Ấn giả Hindu.

Đây, như vậy, là gia đình mà tôi đã tìm đến. Sự hiện diện của họ ở Delhi trở nên, trong mắt tôi, như một sự báng bổ với quá khứ của tôi; tại một thành phố mà, với tôi, hồn ma Ahmed và Amina thời trẻ ngự trị vĩnh hằng, con Ruồi gớm ghiếc ấy đang bò lên đất thiêng.

Nhưng điều không bao giờ có thể xác minh được là, những năm sau này, nỗi ám ảnh về phả hệ của cậu tôi sẽ được tuyển mộ phục vụ một chính quyền đang bên bờ, vực sụp đổ dưới bùa phép song hành của quyền lực và thuật chiêm tinh; bởi vậy điều xảy ra ở Quán trọ Góa phụ có lẽ sẽ không bao giờ xảy ra nếu không có sự giúp đỡ của ông... nhưng không, tôi cũng là tên phản bội; tôi không kết tội; tôi chỉ muốn nói rằng đã có lần tôi nhìn thấy, trong đồng sổ phả hệ của ông, một cặp tài liệu màu đen bằng da dán nhãn TỐI MẬT, đề tên KẾ HOẠCH M.C.C.

Cái kết đang đến gần, và chẳng thể bị né tránh bao lâu nữa; nhưng trong lúc sarkar của Indira, như chính quyền của cha bà, ngày ngày đều tham vấn những kẻ bàng môn tà đạo; trong lúc lũ thầy bói Benarsi^[11] góp phần viết nên lịch sử Ấn Độ, tôi phải đi lạc đề sang những hồi ức riêng tư, đau đớn; bởi chính tại nhà cậu Mustapha mà tôi biết tin, xác thực, về cái chết của gia đình tôi trong cuộc chiến năm 65; và còn về sự mất tích, chỉ vài ngày trước khi tôi xuất hiện, của giọng hát Pakistan nổi tiếng

[11] Một thành phố thuộc bang Uttar Pradesh bên bờ sông Hằng.

Khi bà mợ điên khùng biết tôi đã chiến đấu trong hàng ngũ phe địch, bà nhất định không cho tôi ăn nữa (cả nhà đang ăn tối), và rít lên, “Chúa ơi, mày thật là gan cùng mình, biết không hả? Mày không có não để nghĩ à? Mày mò đến nhà một Cán bộ Nhà nước Cấp cao - một tên tội phạm chiến tranh sông chuồng, Allah! Mày tính làm cậu mày mất việc à? Mày muốn đẩy cả nhà tao ra đường à? Mày phải biết nhục chứ! Đi - Đi, cút đi, hay tốt hơn là để tao kêu cảnh sát đến gõ cửa mày lại! Đi mà làm tù binh chiến tranh, việc gì đến chúng tao, mày còn chẳng phải con đẻ của bà chị đã quá cố của chúng tao...”

Hai tiếng sét, nối nhau giáng xuống: Saleem lo sợ cho an toàn của mình, đồng thời biết sự thật không thể trốn tránh về cái chết của mẹ gã, biết rằng gã đang ở vào thế yếu hơn là gã tưởng, bởi việc công nhận gã chưa được thực hiện ở phần này của gia đình gã; Sonia, biết rõ lời thú tội của Mary Pereira, có thể làm bất cứ điều gì!... Và tôi, lấy bầy, “Mẹ cháu? Quá cố?” Và giờ cậu Mustapha, có lẽ cảm thấy vợ mình đã quá lời, gượng gạo nói, “Không sao cả, Saleem, tất nhiên cháu phải ở lại - nó phải ở lại, mình ạ, còn cách nào khác đâu? - thằng bé tội nghiệp còn chẳng biết...”

Rồi họ nói ra.

Tôi bỗng nhận ra, giữa lòng con Ruồi điên đại này, rằng tôi nợ những người đã khuất một cơ sở tang kỳ; sau khi biết về kết cục của cha và mẹ tôi và bác Alia và mợ Pia và dì Emerald, của ông em họ Zafar với quận chúa xứ Kif của gã, của Mẹ Bề trên và vợ chồng bà cô họ xa Zohra, tôi quyết định dành bốn trăm ngày tiếp theo để thương khóc họ, cho đúng phép và phải đạo: mười tang kỳ, mỗi kỳ bốn mươi ngày. Và rồi, và rồi, còn chuyện về Jamila Ca Sĩ...

Em đã biết tin tôi mất tích trong chiến loạn ở Bangladesh; em người luôn thể hiện tình yêu khi quá muộn, có lẽ đã hơi phát điên vì cái tin này. Jamila, Giọng hát của Pakistan, Họa mi của Đức tin, đã ra mặt phản đối giới cầm quyền mới của một Pakistan bị cắt xén, nhậy ăn và chiến tranh chia cắt; trong khi Ngài Bhutto tuyên bố trước Hội đồng Bảo an, “Chúng tôi sẽ xây dựng một Pakistan mới! Một Pakistan tốt đẹp hơn! Đất nước tôi đang lắng nghe tôi!” em gái tôi công khai lên án ông ta; em, thuần khiết nhất trong những kẻ thuần khiết, yêu nước nhất trong những người yêu nước, đã nổi loạn khi nghe tin tôi chết. (Đó, ít ra, là cách nhìn của tôi; tất cả những gì tôi nghe được từ cậu tôi thuần túy là thông tin; ông thu thập chúng qua đường ngoại giao, một kênh tin tức không đi vào phán đoán tâm lý.) Hai ngày sau bài phê phán những kẻ châm ngòi chiến tranh, em tôi đã biến mất khỏi mặt đất. Cậu Mustapha cố gắng vỗ về tôi: “Nhiều chuyện rất tồi tệ đang xảy ra ngoài đó, Saleem; lúc nào cũng có người mất tích; ta phải tính đến tình huống xấu nhất.”

Không! Không không không! Padma: cậu tôi nhầm! Jamila không mất tích trong tay Chính quyền; vì đúng vào đêm đó, tôi mơ thấy em, dưới bóng tối của đêm đen và sự che giấu của một tấm khăn bình thường, không phải cái áo choàng kim tuyến ai thấy là nhận ra ngay của Bác Puffs, mà một tấm burqa đen bình dị, lên máy bay chạy trốn khỏi thủ đô; và đây là em, hạ cánh xuống Karachi, không bị xét hỏi

không bị bắt giữ hoàn toàn tự do, em bắt taxi đi sâu vào lòng thành phố, và kia là một tòa nhà kín cổng cao tường với ô cửa lật mà qua đó, đã có thời, lâu lắm rồi, tôi nhận bánh mì, thứ bánh mì men nở vốn là điểm yếu của em tôi; em gõ cửa xin vào, các nữ tu mở cửa trong lúc em nài xin tị nạn, phải, kia là em, đã vào trong an toàn, cửa chốt lại sau lưng em, đánh đổi một dạng vô hình lấy một dạng vô hình khác, ngày nay đã có một Mẹ Bề trên khác, vì Jamila Ca sĩ người từng, hồi còn là con Khi Đồng, đan dúi với Thiên Chúa giáo, đã tìm thấy an toàn nơi nương náu sự bình yên ở dòng tu kín Santa Ignacia... phải, em ở đó, an toàn, không biến mất, không rơi vào tay bọn cảnh sát chuyên đâm đá bỏ đói tù nhân, mà an nghỉ, không phải dưới một nắm mồ vô danh bên bờ sông Ấn, mà vẫn sống, nướng bánh mì, và hát ngọt ngào cho các nữ tu kín; tôi biết, tôi biết, tôi biết. Làm sao tôi biết? Một người anh biết; thế thôi.

Trách nhiệm, lại một lần nữa công kích tôi: vì không thể phủ nhận - sự sụp đổ của Jamila, như thường lệ, hoàn toàn là lỗi của tôi.

Tôi sống tại nhà Mustapha Aziz bốn trăm hai mươi ngày... Saleem bạn khộc thương muôn những người đã khuất; nhưng chớ nghĩ dù chỉ một giây rằng tai tôi điếc! Đừng tưởng rằng tôi không nghe thấy những điều tiếng quanh mình, những cuộc cãi cọ triền miên của cậu mợ tôi (một điều có lẽ đã giúp ông đi đến quyết định gửi bà vào nhà thương điên): Sonia Aziz la hét, “Thằng bhangì^[12] - thằng ranh bân thiêu dê tiện ấy, nó còn chẳng phải cháu ông, tôi chẳng hiểu ông bị làm sao, ta nên tống thằng cổ nó ra đường!” Mustapha, nhỏ nhẹ, đáp: “Thằng bé tội nghiệp đang tan nát cõi lòng, làm sao mình nỡ, bà chỉ cần để ý là thấy, đầu óc nó có vấn đề, nó chịu đựng quá nhiều điều tồi tệ.” Đầu óc có vấn đề! Một điều thật kinh khủng, khi thốt ra từ miệng họ - một gia đình mà, nếu đặt cạnh họ, một bộ lạc ăn thịt người lí lo còn có vẻ điềm đạm và văn minh hơn! Tại sao tôi lại chịu nỗi điều này? Bởi vì tôi là kẻ đang ôm một giấc mơ. Nhưng trong bốn trăm hai mươi ngày, đó là một giấc mơ không thành hiện thực.

[12] Kẻ nghiện hút (bhang nghĩa là thuốc phiện) và thuộc đẳng cấp thấp hèn.

Ria ủ rũ, cao-nhưng-cồng, một số hai măn kiếp: cậu Mustapha tôi không phải là cậu Hanif tôi. Ông bây giờ là kẻ đứng đầu gia đình, người duy nhất của thế hệ ông sống sót sau vụ thảm sát 1965; nhưng ông chẳng giúp được gì tôi... Tôi đối mặt ông trong phòng làm việc chật đầy phả hệ của ông vào một tối rét căm và giải thích - bằng thái độ nghiêm túc đúng mực và cử chỉ khiêm cung song kiên quyết - về sứ mệnh lịch sử của tôi phải cứu vớt cả dân tộc khỏi định mệnh; nhưng ông thờ dài và đáp, “Nghe này, Saleem, cháu muốn ta làm gì? Ta giữ cháu lại đây; cháu ăn cơm nhà ta và không làm gì cả như vậy cũng không sao, cháu đến từ nhà người chị quá cố của ta, ta phải trông nom cháu - cứ nghỉ ngơi cho khỏe đi đã; từ từ ta sẽ tính. Cháu muốn một chân thư ký hay gì đấy, chắc ta sẽ thu xếp được; nhưng mấy giấc mơ Chúa-mới-biết ấy thì bỏ đi. Đất nước đang ở trong những bàn tay đáng tin cậy. Indiraji đang thực hiện nhiều cải cách cấp tiến - cải cách ruộng đất, tái cơ cấu thuế, giáo dục, kế hoạch hóa gia đình - cháu có thể tin ở bà và sarkar của bà.” Dạy bảo tôi, Padma! Như thể tôi là một thằng ngô ngọng! Ôi hổ thẹn thay, nỗi hổ thẹn ô nhục vì bị những kẻ đàn lên mặt dạy đời!

Ở mỗi ngã rẽ tôi đều vấp phải khó khăn; một nhà tiên tri giữa chốn man di, như Maslama, như ibn Sinani! Dù tôi nỗ lực đến đâu, sa mạc vẫn là phần số của tôi. Ôi sự vô dụng hời hám của những ông cậu xu nịnh! Ôi tham vọng bị xiềng xích bởi những họ hàng bợ đỡ măn kiếp về nhì! Việc cậu tôi từ

chối yêu cầu khẩn thiết được đề bạt của tôi đã gây hậu quả nghiêm trọng: ông càng ca tụng Indira của ông thì tôi càng ghét cay ghét đắng bà ta. Kỳ thực, ông đang chuẩn bị cho tôi trở về với ghetto của giới ảo thuật, và cho... cho *mụ ta*... *mụ Góa phụ*.

Ghen tị: chính thế đấy. Sự ghen tị lớn lao từ bà mợ điên khùng, như thuốc độc rỉ vào tai cậu tôi, ngăn ông làm bất cứ điều gì để giúp tôi khởi đầu sự nghiệp mà tôi đã chọn. Số phận của vĩ nhân vĩnh viễn do lũ tiểu nhân định đoạt. Và còn cả: lũ tiểu phụ nhân điên khùng.

Ngày thứ bốn trăm mười tám tôi ở đây, bầu không khí tại ngôi nhà điên có một thay đổi. Có một người đến ăn tối: một người có cái bụng núng nính, cái đầu thon lại ở đỉnh, phủ những lọn tóc bóng dầu, cái miệng dày thịt như môi âm hộ đàn bà. Tôi nghĩ mình nhận ra hắt qua những bức ảnh trên báo. Quay sang một trong những đứa em không giới tính không tuổi tác không diện mạo, tôi tò mò hỏi, “Này em, có phải Sanjay Gandhi đấy không?” Nhưng sinh vật bị nghiền mịn ấy đã bị hủy diệt triệt để đến mức không còn năng lực trả lời... có phải không nhỉ? Khi ấy, tôi chưa biết điều tôi sắp ghi lại đây: có một số nhân vật cao cấp của cái chính phủ kỳ khôi ấy (và một số con trai không chức danh của thủ tướng) đã có khả năng tự nhân bản... chỉ vài năm sau, hàng đàn hàng lũ Sanjay sẽ lúc nhúc khắp Ấn Độ! Trách nào mà cái vương triều kỳ quái ấy chẳng muốn áp đặt kiểm soát sinh đẻ lên tất cả chúng tôi... có thể như vậy, và cũng có thể không; nhưng ai đó đã biến mất vào thư phòng cùng Mustapha Aziz; và đêm đó - tôi nhìn lên - xuất hiện một cặp tài liệu bìa da đen khóa kín, trên đó chữ TỐI MẬT và KẾ HOẠCH M.C.C.; và sáng hôm sau ánh mắt cậu Mustapha nhìn tôi có chiều khác lạ, với vẻ gần như sợ hãi, hoặc là cái nhìn đặc biệt chán ghét mà giới Công chức dành riêng cho những kẻ bị thất sủng với chính quyền. Đáng lẽ tôi phải biết ngay điều gì đang chờ đợi tôi; song khi hồi cố thì mọi chuyện đều có vẻ đơn giản. Bây giờ hồi cố đến với tôi khi đã quá muộn, khi tôi đã bị đẩy ra vùng ngoại vi của lịch sử, khi các mối liên hệ giữa vận mệnh của tôi và của đất nước này đã vĩnh viễn bị cắt đứt... để tránh cái nhìn không thể giải thích của cậu tôi, tôi đi ra vườn; và nhìn thấy Parvati-phù-thủy.

Cô ngồi trên vỉa hè với cái giỏ tàng hình đặt bên người; vừa thấy tôi ánh mắt cô liền sáng lên đầy trách cứ. “Cậu bảo sẽ quay lại, nhưng chả thấy đâu, nên tớ,” cô lắp bắp. Tôi cúi gầm mặt. “Tớ bận đề tang,” tôi gượng gạo đáp, và cô, “Nhưng lẽ ra cậu vẫn có thể - lạy Chúa, Saleem, cậu không hiểu đâu, ở khu trại tớ không thể thổ lộ với ai về ma thuật thật sự của tớ, không bao giờ, kể cả với Picture Singh người tớ coi như cha, tớ phải nín nhịn và nín nhịn, vì họ không tin vào những điều như thế, và tớ tự nhủ, Có Saleem đây rồi, giờ ít ra mình cũng có một người bạn, chúng mình có thể trò chuyện, có thể ở bên nhau, chúng mình đều đã trải qua, đều đã biết... và, ôi trời, biết nói sao nhỉ, Saleem, cậu chẳng quan tâm, cậu có được cái cậu cần rồi thì cậu bỏ đi thẳng, tớ chẳng là gì với cậu hết, tớ biết...”

Đêm đó mợ Sonia điên khùng của tôi, chỉ còn vài ngày nữa là bị giam trong một chiếc áo tâm thần^[13] (chuyện này bị lên báo, một mẩu tin nhỏ ở trang trong; Sở của cậu tôi chắc khá khó chịu), lên một cơn kích động dữ dội của chứng điên trầm trọng và xông vào phòng ngủ mà, nửa giờ trước, một-người-có-đôi-mắt-to-tròn đã treo vào qua ô cửa sổ ở tầng trệt; bà phát hiện ra tôi trên giường cùng Parvati-phù-thủy, và sau đó cậu Mustapha không còn hứng thú với việc chứa chấp tôi nữa, nói, “Mày là nòi bhangi, mày sẽ là quân dê tiện đến hết đời”; vào ngày thứ bốn trăm hai mươi, tôi rời nhà cậu tôi, bị đoạn tuyệt mọi liên hệ gia đình, rút cuộc đã trở về với di sản thực sự của nghèo khổ và bản hàn mả tội ác của Mary Pereira lừa mất của tôi đã quá lâu. Parvati-phù-thủy chờ tôi trên vỉa hè; tôi không nói

cho cô biết rằng trong chừng mực nào đó tôi mừng vì bị mợ tôi làm gián đoạn, vì khi hôn cô trong bóng tối của cái đêm bất chính ấy, tôi thấy mặt cô biến đổi, trở thành gương mặt của một tình yêu cảm kỳ; những đường nét ma quái của Jamila Ca sĩ đã thay thế nét mặt của cô gái phù thủy; Jamila người đang (tôi biết mà!) an toàn ẩn náu trong tu viện tại Karachi đột nhiên cũng ở đây, có điều em đã trải qua một biến hóa đen tối. Em đã bắt đầu mọc rữa, mụn nhọt và lở loét khủng khiếp của tình yêu cảm kỳ đang lan trên mặt em; như có làn hồn ma của Joe D'Cosca đã mọc rữa vì bệnh hủi ma quái của cảm giác tội lỗi, giờ đây loài hoa loạn luân ôi rữa đang nở trên bộ mặt hồn ma của em tôi, và tôi không thể làm điều đó, không thể hôn hít vuốt ve nhìn ngắm khuôn mặt quý hồn không thể nào chịu nổi này, tôi đang sắp sửa quay ngoắt đi với một tiếng thét của nỗi hổ thẹn và hoài nhớ tuyệt vọng thì Sonia Aziz xông vào cùng ánh đèn điện và rú lên.

[13] Loại áo có tay rất dài, dùng để buộc chéo ra sau lưng nhằm kiềm chế bệnh nhân tâm thần.

Về phần Mustapha, thật ra, tai tiếng của tôi với Parvati, trong mắt ông, chẳng qua chỉ là một cái có hữu ích để rũ bỏ tôi; nhưng điều này vẫn là nghi vấn, bởi chiếc cặp màu đen bị khóa tôi chỉ có thể căn cứ vào một ánh nhìn trong mắt ông, một mùi sợ hãi, ba chữ cái đầu trên một cái nhãn - bởi sau này, khi mọi chuyện đã kết thúc, một người đàn bà thất bại và đưa con trai môi-âm-thần đá khóa cửa phòng trong hai ngày để đốt tài liệu; và làm sao chúng ta biết được trong số đó có-hay-không một hồ sơ dán nhãn M.C.C.?

Dầu sao, tôi cũng chẳng muốn ở lại. Gia đình: một ý niệm bị phóng đại. Chớ nghĩ tôi buồn! Đừng tưởng dù chỉ một giây rằng cổ họng tôi nghẹn lại khi bị trục xuất khỏi ngôi nhà ơn phước cuối cùng mở cửa đón tôi! Nói thật nhé - tinh thần tôi rất phấn khởi khi ra đi... có thể ở tôi có gì đó không tự nhiên, có chút thiếu hụt căn bản của phản xạ cảm xúc; nhưng tâm trí tôi trước giờ luôn hướng đến những điều cao cả hơn. Cho nên tôi mới bền bỉ. Đánh tôi: tôi bật dậy. (Nhưng phản kháng cũng chẳng ích gì trước những vết nứt).

Tóm lại: vứt bỏ niềm hy vọng ngây thơ trước kia về việc được đề bạt công chức, tôi quay về khu ổ chuột của giới ảo thuật và chaya của Thánh đường Thứ Sáu. Học theo đức Cồ Đàm, Buddha đầu tiên và chân chính, tôi từ bỏ đời nhung lụa làm một kẻ hành khất dần thân vào cõi thế. Hôm ấy là 23 tháng Hai năm 1973; các mỏ than và thị trường bột mì đang được quốc hữu hóa, giá dầu bắt đầu tăng phi mã, và sẽ gấp bốn sau một năm, và trong đảng Cộng sản Ấn Độ, chia rẽ phe Moscow của Dange và C.P.I. (M.) của Namboodiripad đã trở nên không thể hàn gắn; và tôi, Saleem Sinai, như Ấn Độ, vừa tròn hai mươi lăm tuổi, sáu tháng, tám ngày.

Các ảo thuật gia đều là Cộng sản, hầu như không có ngoại lệ. Cũng xin nói luôn rằng đồng thời với việc khám phá ra điều ấy, tôi, người đã được nuôi dưỡng trong tín ngưỡng chân chính kia của Ấn Độ (mà ta có thể gọi là Thương đạo^[14]), người đã ruồng-bỏ-và-bị-ruồng-bỏ-bởi những ai tu tập đạo này, ngay lập tức thấy mình như cá gặp nước. Là phản đồ của Thương đạo, tội sứt sảng hóa đỏ, đỏ nữa và đỏ mãi, cũng quả quyết và triệt để như có lần cha tôi từng hóa trắng, khiến giờ đây sứ-mệnh-cứu-nước của tôi có thể được nhìn nhận dưới một ánh sáng mới; nhiều phương pháp luận cách mạng đã nảy sinh trong óc tôi. Đả đảo ách thống trị của những lão cậu bán hàng rong bất hợp tác và những lãnh đạo kính yêu của lão! Đầu trần ngáp tư tưởng về đối-thoại-trực-tiếp-với-quần-chúng, tôi định cư ở khu trại của giới ảo thuật, kiếm sống bằng cách mua vui cho khách du lịch ngoại quốc lần bản xứ bằng tuệ nhãn thần diệu của mũi tôi, thứ cho phép tôi ngửi ra những bí mật giản đơn, kiểu du khách của họ. Picture

Singh rủ tôi về ở chung lầu với anh. Tôi ngủ trên tấm vải bố tả tôi giữa những sọt rỗng kê phi phi; nhưng tôi thấy thoải mái, cũng như tôi thấy mình đủ sức chịu đựng đôi rét muối và (lúc đầu) cái rét buốt của mùa đông Delhi. Picture Singh, Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất Thế Gian này, đồng thời cũng là thủ lĩnh không tranh cãi của ghetto; mọi khúc mắc và cãi cọ đều được giải quyết dưới bóng cái ô đen khổng lồ không đâu không có mặt của anh; và tôi, người biết đọc biết viết và lại biết ngủ, thành ra một kiểu sĩ quan phụ tá cho người đàn ông đồ sộ này, người bao giờ cũng khuyến mại một bài giảng về chủ nghĩa xã hội kèm theo mỗi màn xiếc rỗng, và người nổi tiếng khắp đường to ngõ nhỏ của thành phố này không chỉ về tài dụ rỗng. Tôi có thể nói, với niềm tin tuyệt đối, rằng Picture Singh là người đàn ông vĩ đại nhất tôi từng biết.

[14] Thương tức là thương nhân, thương mại; hiểu nô m na là tín ngưỡng của con buôn.

Một buổi chiều, trong giờ chaya, ở ghetto xuất hiện một bản sao khác của gã thanh niên môi-âm-thần mà tôi đã gặp ở nhà cậu Mustapha. Đứng trên bậc thềm thánh đường, hắn giũ một tấm băng rôn cho hai gã phụ tá giăng lên. Trên đó có dòng chữ XÓA ĐOI GIAM NGHEO và biểu tượng con-bê-bú-mẹ của đảng Quốc đại của Indira. Mặt hắn trông đặc biệt giống khuôn mặt tròn trịa của một con bê, và khi mở miệng hắn phả ra một cơn lốc thối mòm. “Hỡi các anh chị em! Đảng Quốc đại nói gì với các bạn? Đây: rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng! Hắn không kịp nói gì thêm; đám đông rút lại trước hơi thở như phân bò dưới nắng gắt của hắn, và Picture Singh bắt đầu cười hô hô. “Ồ ha ha, đội trưởng, quá hay!” Và cặp môi-âm-thần, ngu ngốc hỏi: “Ồ kê, anh, người anh em, có gì hay thì kê xem nào?” Picture Singh lắc đầu, ôm bụng: “Bài diễn văn, đội trưởng! Diễn văn tuyệt đỉnh!” Tiếng cười của anh từ dưới mái ô lẫn ra và nhiễm vào đám đông cho đến khi tất cả chúng tôi đều lẫn lộn nên mặt đất, cười sằng sặc, nghiền nát kiến, bụi phủ đầy người, và giọng nói của con bê non^[15] Quốc đại la lên thất thanh: “Cái gì thế này? Anh bạn này không cho rằng mọi người đều bình đẳng? Tư tưởng thấp kém quá nhỉ...” nhưng giờ Picture Singh, ô-trên-đầu, đã sải bước về phía lầu của anh. Cặp môi-âm-thần thở phào, tiếp tục diễn thuyết... nhưng không được bao lâu, bởi vì Picture đã quay lại, ôm dưới tay trái một cái sọt tròn nhỏ có nắp và cặp dưới nách phải một ông sáo. Anh đặt cái sọt lên bậc thềm dưới chân anh giai Quốc đại; mở nắp; đặt sáo lên môi. Giữa những tràng cười lại rộ lên, gã chính khách trẻ nhảy bốn bốn mươi bảy xăng ti mét lên không khi một con hồ mang chúa ngái ngủ lắc lư ngóc đầu dậy từ cái sọt... Cặp môi-âm-thần rú lên: “Làm cái gì thế hả? Định giết tươi người ta à?” Và Picture Singh, phớt lờ hắn, ô đã xếp gọn lại, tiếp tục chơi, mỗi lúc một bốc hơn, và con rắn đuôi thẳng ra, Picture Singh chơi nhanh nhanh nữa đến khi tiếng sáo đã lan khắp mọi góc ngách của khu ổ chuột và đe dọa làm tróc tường thánh đường, và sau cùng con rắn khổng lồ lơ lửng giữa không khí, được nâng đỡ chỉ nhờ ma thuật của tiếng sáo, vươn dài ba thước khỏi cái sọt và nhảy múa bằng cái đuôi... Tiếng sáo dịu đi. Nagaraj^[16] thu mình cuộn lại. Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất Thế Gian đưa cây sáo cho gã trai Quốc đại: “Ồ kê, đội trưởng,” Picture Singh hòa nhã nói, “cậu thử xem.” Nhưng cặp môi-âm-thần: “Hả, anh thừa biết tôi không làm được!” Picture Singh liện kẹp cổ con hồ mang, há miệng to thật to, phả ra một mớ tàn tích hào hùng của răng và lợi; nhảy mặt trái với gã trai Quốc đại, anh dứt cái đầu con rắn hồ đang thò thụt lưỡi vào cái động khẩu góm ghiếc đang ngoác rộng của mình! Đúng một phút trôi qua trước khi Picture Singh trả con hồ mang vào sọt. Hết sức nhẹ nhàng, anh bảo gã trai: “Cậu thấy đây, đội trưởng, đây là sự thật của vấn đề: ở đời luôn có kẻ hơn người kém. Nhưng nếu cậu nghĩ ngược lại, chì cũng tốt thôi.”

[15] Ở đây Rushdie chơi chữ: mooncalf trong tiếng Anh nghĩa là thằng ngốc, nhưng về mặt chữ thì nó nghĩa là con bê (calf), có ý mỉa mai Sanjay Gandhi chỉ như một con bê non (logo cũ của đảng Quốc đại thời Indira Gandhi vẽ hình một con bò cái và một con bê).

[16] Rắn chúa (Naga = rắn, Raj(a) = vua).

Chứng kiến cảnh này, Saleem Sinai hiểu ra rằng Picture Singh và các ảo thuật gia là những kẻ nhận thức tuyệt đối chắc chắn về hiện thực; họ nắm bắt nó vững vàng đến nỗi có thể uốn nắn nó ra sao tùy ý

để phục vụ nghệ thuật, nhưng không bao giờ quên bản chất của nó.

[©STENT](#)

Vấn đề của ghetto ảo thuật cũng là vấn đề của phong trào Cộng sản Ấn Độ; trong phạm vi khu trại, ta có thể thấy, dưới dạng thu nhỏ, vô số mâu thuẫn và bất đồng đang giày xéo nội bộ đảng này trên cả nước. Picture Singh, tôi phải nói ngay, đứng trên tất cả; là người cha tinh thần của ghetto, anh sở hữu một chiếc ô mà bóng râm của nó có khả năng khôi phục hòa khí giữa các phe phái đang hục hặc; nhưng những mâu thuẫn được đem đến dưới bóng ô của người-du-rắn ngày càng gay gắt hơn, bởi trong khi các xảo thuật gia, những người lôi thỏ ra từ mũ, hậu thuẫn đảng C.P.I. chính thống theo đường lối Moscow của Ngài Dange, phe đã ủng hộ bà Gandhi suốt thời kỳ ban bố Tình trạng khẩn cấp, thì các nghệ sĩ uốn dẻo bắt đầu ngả hơn về hệ tư tưởng phức tạp ngày càng thiên tả của phe thân Tàu. Những nghệ sĩ ăn lửa và nuốt kiềm hoan nghênh chiến thuật du kích của phong trào Naxalite; trong khi các nhà thời miên và đi-trên-than-hồng ủng hộ tuyên ngôn của Namboodiripad (không theo cả Moscow lẫn Bắc Kinh) và căm ghét đường lối bạo động của phái Naxalite^[17]. Đã xuất hiện xu hướng Trotskyist trong đám cờ bạc bịp, cũng như một phong trào Cộng-sản-thông-qua-bỏ-phiêu trong các thành viên ôn hòa của phe phúc ngữ. Tôi đã bước vào một môi trường nơi, trong khi mọi định kiến tôn giáo và vùng miền vắng bóng hoàn toàn, bản năng thiên phú xa xưa của đất nước này là chia tách đã tìm thấy nhiều hình thức biểu hiện mới. Picture Singh buồn rầu kể cho tôi rằng hội tổng tuyển cử năm 1971 đã xảy ra một vụ án mạng kỳ quái nảy sinh từ vụ cãi cọ giữa một người nuốt lửa phái Naxalite và một thuật sĩ phe Moscow, người, sôi máu vì quan điểm của đối thủ, định lôi từ chiếc mũ ma thuật ra một khẩu súng; nhưng món vũ khí chưa kịp rút ra thì người ủng hộ Hồ Chí Minh đã thiêu chết đối thủ bằng cách thổi bùng lên một lưỡi lửa kinh hồn.

[17] Naxalite là từ chỉ những nhóm cộng sản theo đường lối vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích ở Ấn Độ.

Dưới bóng ô của mình, Picture Singh nói về một chủ nghĩa xã hội hoàn toàn không chịu ảnh hưởng nước ngoài. “Nghe này, đội trưởng,” anh bảo các nghệ sĩ phúc ngữ và múa rối, “khi về làng các cậu có mang chuyện mấy ông Stalin với Mao ra nói không? Nông dân Bihar và Tamil thì quan tâm gì việc Trotsky bị giết?” Chaya của chiếc ô ma thuật của anh làm nguội đi những cái đầu nóng nhất trong giới phù thủy; và gây ấn tượng mạnh mẽ với tôi rằng một ngày rất gần Picture Singh sẽ tiếp bước Mian Abdullah rất nhiều năm trước; và rằng, như con Chim ngân nga huyền thoại, anh sẽ rời ghetto để nhào nặn lịch sử hoàn toàn bằng sức mạnh ý chí của mình; và rằng, không như người anh hùng của ông tôi, không gì có thể ngăn bước anh cho đến khi anh, và lý tưởng của anh, đã giành chiến thắng... nhưng, nhưng. Luôn luôn có nhưng nhưng. Điều gì xảy ra, sẽ xảy ra. Chúng ta đều biết vậy.

Trước khi quay lại với câu chuyện đời tư của mình, tôi muốn tất cả biết rằng chính Picture Singh là người hé lộ cho tôi rằng nền kinh tế “đen”, đồi bại của đất nước này đã tăng trưởng ngang bằng với trạng thái “trắng” và chính thống của nó, bằng cách cho tôi xem một bức ảnh đăng báo của Bà Gandhi. Mái tóc bà ta, rẽ ngôi giữa, bên trắng như tuyết và bên đen như đêm, thành thử, tùy vào diện mạo bà ta muốn phô diễn, bà ta sẽ giống một con ermine hoặc một con chồn đuôi ngắn^[18]. Sự tái hiện của ngôi giữa trong lịch sử; đồng thời, nền kinh tế phản ánh kiểu tóc của Thủ tướng... Những nhận thức quan trọng này đều nhờ Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhật Thế Gian truyền đạt cho tôi. Picture Singh chính là người bảo tôi rằng Mishra, Bộ trưởng Đường sắt, cũng chính là bộ trưởng được chính thức bổ nhiệm của ngành hồi lộ, đầu mỗi phê duyệt những áp phe lớn nhất của nền kinh tế đen, và người môi giới việc dứt lốt các bộ trưởng và quan chức hữu quan; không nhờ Picture Singh, tôi chắc chẳng bao giờ biết đến việc dàn xếp kết quả trong các kỳ bầu cử cấp bang ở Kashmir. Tuy vậy, anh cũng chẳng phải người say mê dân chủ: “Quý tha ma bắt trò bầu cử này đi, đội trưởng,” anh bảo tôi, “Mỗi lần như thế, những chuyện tôi kể lại xảy ra; dân mình lại xử sự như một lũ hề.” Tôi, mê man trong cơn-sốt-làm-cách-mạng,

không thể phản bác lại thầy.

[8] Ermine chính là chồn đuôi ngắn. Loài chồn này lưng xám bụng trắng, nếu nó đi bằng bốn chân, ta chỉ thấy nó màu xám, còn khi nó đứng bằng hai chân sau thì (khi nhìn từ phía trước) ta sẽ thấy nó trắng hoàn toàn.

Quy củ ở ghetto, tất nhiên, cũng có vài ngoại lệ: một hai ảo thuật gia vẫn theo tín ngưỡng Hindu và, về mặt chính trị, ủng hộ đảng Jana Sangh hệ phái Hindu của những kẻ cực đoan tai tiếng theo chủ thuyết Ananda Marga^[19]; có cả cử tri Swatantra^[20] trong số những người tung hứng. Bỏ qua vấn đề chính trị, bà lão Resham Bibi là một trong ít cư dân của cộng đồng này vẫn là một kẻ hoang tưởng vô phương cứu chữa, vẫn mê tín (chẳng hạn) rằng đàn bà cấm được treo dừa, bởi cây dừa nào đã chịu sức nặng của đàn bà thì mãi mãi sẽ đậu quả chua... và có một fakir kỳ lạ tên là Chishti Khan, người có khuôn mặt láng mịn đến mức không ai biết ông ta mới mười chín hay đã chín mươi, và đã dựng quanh lều một kiến trúc kỳ quái bằng tre và giấy màu vụn khiến nhà ông ta trông như một bản sao thu nhỏ, nhiều màu của Thành Đỏ gần đây. Chỉ khi đi qua cánh cổng pháo đài, người ta mới nhận ra rằng đằng sau cái mặt tiền hình cung được chế tác kỳ công gồm một dây lô cốt và công sự bằng tre và giấy bồi ấy cũng là một căn lều xập xệ dựng bằng tôn và bìa như bao căn khác. Chishti Khan đã mắc một sai lầm căn bản khi đề chuyên môn nhiệm sạng đời thật; ông ta bị cả ghetto xa lánh. Giới ảo thuật đều giữ khoảng cách, sợ lây bệnh từ những giấc mơ của ông ta.

[19] Jana Sangh là một chính đảng lớn ở Ấn Độ, tồn tại trong giai đoạn 1951-1980, chủ trương truyền bá đạo Hindu, tiếng Hindi và bảo vệ bò thiêng. Ananda Marga là một chủ thuyết xã hội và tín ngưỡng ở Ấn Độ, có nguồn gốc tư tưởng xuất phát từ các triết lý Vệ Đà và Tantra.

[20] Một chính đảng theo tư tưởng tự do cổ điển ở Ấn Độ.

Có vậy quý vị mới hiểu tại sao Parvati-phù-thủy, người sở hữu ma thuật thần kỳ đích thực, phải giữ kín chuyện đó suốt đời; bí mật về biệt tài được nửa đêm ban tặng của cô không dễ dàng nhận được sự tha thứ của một cộng đồng vẫn hằng phủ nhận khả năng tồn tại của những điều như thế.

Ở góc khuất của Thánh đường Thứ Sáu, nơi vắng bóng các ảo thuật gia, còn nguy cơ duy nhất là từ những người mót-đồng-nạt, kiếm-thùng-gỗ-vứt-đi hay săn-sắt-vụn... đó là nơi Parvati-phù-thủy, hăm hở như mù tạc, cho tôi thấy cô làm được những gì. Mặc một tấm shalwar-kameez khiêm nhường may từ vải vụn của cả chục tấm khác, nữ pháp sư của nửa đêm biểu diễn cho tôi với niềm nhiệt tình và hào hứng của một đứa trẻ. Mặt tròn xoe, tóc đuôi ngựa vụn thùng, môi đỏ căng mọng... tôi sẽ chẳng bao giờ cưỡng lại cô lâu đến thế nếu không vì gương mặt ấy, cặp mắt cái mũi đôi môi thôi rửa ghê rợn của... Ban đầu năng lực của Parvati dường như không có giới hạn. (Nhưng có đấy.) À, thế thì: yêu tinh có được triệu đến? Thần Đèn có hiện lên, hứa cho chúng tôi giàu có và chu du thế giới trên thảm bay? Ech cô hóa thành hoàng tử, và đá có biến thành ngọc quý? Có chuyện bán-rẻ-linh-hồn, và gọi người chết sông dậy? Chẳng có gì hết; ma thuật mà Parvati-phù-thủy biểu diễn cho tôi - thứ ma thuật duy nhất cô bằng lòng biểu diễn - là loại ma thuật “trắng”. Như thế cuốn Kỳ Thư của Bà la môn, *Atharva Veda*^[21], đã tiết lộ mọi bí mật của mình cho cô; cô có thể chữa bệnh và giải độc (để chứng minh, cô cho răn căn mình rồi chống lại nọc độc bằng một nghi lễ kỳ lạ, gồm có cầu thần rắn Takshasa, uống nước hòa với tinh chất của cây Krimuka và sức mạnh của quân áo cũ đã luộc chín, và niệm một câu thần chú: *Garudamand, thân ung, phục thuốc độc, nhưng vô hiệu; tương tự như thế ta chuyển hướng độc lực của nó, như chuyển hướng một mũi tên*) - cô có thể chữa lành những chỗ đau và luyện bùa - cô biết luyện bùa sraktya và Nghi thức Lễ Cây^[22]. Và tất cả những điều này cô đã tiết lộ với tôi,

trong một chuỗi màn trình diễn về đêm phi thường, dưới những bức tường của Thánh đường - nhưng cô vẫn kém vui.

[21] Cuốn thứ tư trong bộ sách thiêng của đạo Hindu (thường gọi chung là kinh Vệ Đà), nội dung chủ yếu là y thuật và pháp thuật.

[22] Sraktya là một loại gỗ quý chuyên dùng để luyện bùa. Câu thần chú của Parvati và nghi thức Lễ Cây đều xuất xứ từ cuốn Atharva Veda.

Như mọi lần, tôi buộc phải nhận trách nhiệm: mùi hương sâu muộn vây quanh Parvati-phù-thủy là tác phẩm của tôi. Bởi vì cô đã hai mươi lăm, và cái cô muốn ở tôi không chỉ là sẵn sàng làm khán giả của cô; Chúa mới hiểu vì sao, nhưng cô muốn tôi vào giường với cô - hay, chính xác hơn, nằm cùng cô trên tấm vải bao tải là giường của cô trong túp lều xập xệ được cô chia sẻ với một gia đình ba nghệ sĩ uốn dẻo đến từ Kerala, ba cô gái cũng mồ côi như cô - và như tôi.

Những gì cô làm cho tôi: dưới sức mạnh ma thuật của cô, tóc bắt đầu mọc ở nơi chúng chưa hề mọc lại từ khi lão Zagallo kéo quá mạnh; pháp lực của cô làm hai vết bót trên mặt tôi nhạt đi sau khi xức thuốc thảo dược chữa thương; thậm chí chân tôi cũng bót vòng kiềng dưới sự chăm sóc của cô. (Tuy nhiên, cô hoàn toàn bất lực trước bên tai điếc của tôi; không phép thuật nào trên trái đất đủ mạnh để tẩy sạch những di sản của cha mẹ để lại.) Nhưng đầu cô làm cho tôi bao nhiêu, tôi vẫn không thể làm cho cô cái điều cô khao khát nhất; bởi mặc dù chúng tôi nằm xuống bên nhau dưới lối đi ở mặt khuất của Thánh đường, ánh trăng vẫn soi tỏ gương mặt ban đêm của cô, hóa thành, luôn luôn hóa thành gương mặt người em gái xa cách, mất tích của tôi... không, không phải em tôi... thành gương mặt thối rữa, biến dạng gớm ghiếc của Jamila Ca sĩ. Parvati xúc lên người loại dầu cao tẩm bùa yêu, cô chải tóc hàng ngàn lần bằng chiếc lược làm từ thứ xương hươu kích tình; và (tôi không hề nghi ngờ) sau lưng tôi chắc hẳn cô đã thử nghiệm đủ loại huyền thuật ái tình; nhưng tôi đã mắc phải một bùa chú cũ hơn, và, dường như, không thể bị phá giải; định mệnh buộc tôi phải thấy khuôn mặt những phụ nữ yêu tôi biến thành đường nét của... nhưng quý vị biết những đường nét rữa nát, xộc vào mũi tôi mùi hôi thối kinh hoàng ấy là của ai rồi.

“Cô bé tội nghiệp,” Padma thở dài, và tôi đồng ý; nhưng cho đến khi mẹ Góa phụ hút kiệt quá khứ hiện tại tương lai khỏi tôi, tôi vẫn phải chịu đựng lời nguyền của con Khi.

Khi Parvati-phù-thủy rút cuộc phải thừa nhận thất bại, gương mặt cô phát sinh, sau một đêm, một nét dần dần nổi bật và đáng lo ngại. Cô thiếp đi trong túp lều của ba chị em uốn dẻo mồ côi và tỉnh dậy với cặp môi đầy đặn bĩu hẳn ra trong một vẻ hờn dỗi tràn trề nhục cảm. Ba chị em mồ côi cho cô biết, và lo lắng bảo nhau không hiểu mặt cô bị làm sao; cô nỗ lực hết sức để đưa nét mặt mình trở lại như cũ, nhưng chẳng cơ bắp hay ma thuật nào có thể giúp cô phục hồi nguyên trạng; cuối cùng, đành lòng chấp nhận bi kịch này, Parvati chịu thua, thế là Resham Bibi bảo bất kỳ ai chịu lắng nghe: “Con bé tội nghiệp - nó đã bị thần phạt khi đang làm mặt dỗi.”

(Thật tình cờ, năm ấy, chị em phụ nữ thành thị sành điệu đều làm vẻ mặt tương tự nhằm tỏ ra gợi tình; đám người mẫu kiêu kỳ ở show thời trang Eleganza năm 73 đều bĩu môi khi sải bước trên sàn

catwalk. Trong cảnh bần hàn cơ cực của khu ổ chuột của giới ảo thuật, nàng Parvati-phù-thủy bữu môi là đỉnh cao của gương mặt thời trang.)

Các ảo thuật gia dốc rất nhiều tâm sức để làm Parvati cười trở lại. Bỏ bê cả công việc lẫn nhiệm vụ nhảm chán hơn là dựng lại những túp lều tôn-và-bìa đã bị gió to giật đổ, hay diệt chuột, họ biểu diễn những tiết mục khó khăn nhất hòng làm cô đẹp ý; nhưng đôi môi vẫn không suy suyển. Resham Bibi pha trà xanh ướp long não và ép cô uống hết. Tác dụng của trà gây ra một cơn táo bón nghiêm trọng đến nỗi không ai thấy cô đi đại tiện ở sau lều suốt chín tuần liền. Hai nghệ sĩ tung hứng trẻ nẩy ra suy đoán rằng có lẽ cô bắt đầu thương khóc người cha quá cố một lần nữa, và đặt ra cho mình nhiệm vụ vẽ chân dung của ông trên một mảnh vải dầu cũ rồi đem treo nó bên trên manh chiếu bao tải của cô. Ba chị em pha trò, còn Picture Singh, hết sức buồn phiền, bắt rấn hổ mang tự thất nút; nhưng tất cả đều không ăn thua, bởi vì nếu mỗi tình trắc trở của Parvati nằm ngoài khả năng chữa trị của chính cô, thì người khác hy vọng gì? Áp lực từ cặp môi của Parvati đã gây ra, ở ghetto, một tâm lý bất an không thể gọi tên, mà lòng thù ghét của toàn bộ giới ảo thuật đối mặt với những điều thần bí cũng không thể xua tan đi hoàn toàn.

Thế rồi Resham Bibi nẩy ra một ý. “Chúng ta đốt quá,” bà lão bảo Picture Singh, “chuyện ngay trước mũi mà chẳng nhìn ra. Con bé tội nghiệp đã hăm lăm, baba - quá lừa nhờ thì đến nơi rồi! Nó đang ao ước một tấm chồng!” Picture Singh kinh ngạc. “Resham Bibi,” anh gật gù tán thành, “nào bà chưa chết hẳn đâu.”

Từ đó, Picture Singh tự lãnh trách nhiệm tìm cho Parvati một chàng trai thích hợp; khá nhiều thanh niên trong ghetto đã ném mùi dụ dỗ nạt nộ dọa dẫm. Một số ứng cử viên đã được chọn ra; nhưng đều bị Parvati từ chối. Vào cái đêm cô bảo Bishmillah Khan, người nuốt lửa triển vọng nhất của khu trại, biến đi với hơi thở cay sè mùi ớt của gã, đến cả Picture Singh cũng tuyệt vọng. Đêm đó, anh bảo tôi, “Đội trưởng, con bé này làm anh vừa bế tắc vừa đau lòng; nó là bạn thân của chú, chú có ý tưởng gì không?” Rồi một ý tưởng nẩy ra trong đầu anh, một ý tưởng phải đợi đến khi anh tuyệt vọng bởi vì ngay cả Picture Singh cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng đẳng cấp - tự động xem tôi là “quá tốt” đối với Parvati, vì xuất thân được cho là “cao quý hơn” của tôi, người Cộng sản lớn tuổi cho đến lúc này chưa từng nghĩ rằng tôi có thể... “Chú nói xem, đội trưởng,” Picture Singh ngần ngại hỏi, “chú định một ngày nào đó sẽ lập gia đình chứ?”

Saleem Sinai nghe một nỗi sợ hãi dâng lên trong lòng.

“Nghe này, đội trưởng, cậu thích con bé, đúng không hi?” - và tôi, không thể phủ nhận, “Tất nhiên.” Và giờ Picture Singh, cười toét miệng đến mang tai, trong khi rần phì phì trong sọt: “Thích lắm không, đội trưởng. *Lắm lắm* không?” Nhưng tôi đang nghĩ đến ra khuôn mặt trong đêm của Jamila; và đi đến một quyết định tuyệt tình “Pictureji, em không thể lấy cô ấy được.” Và giờ anh, nhíu mày: “Không lẽ cậu đã có gia đình, đội trưởng? Có vợ bừ con riu ở đâu rồi?” Giờ thì hết cách; tôi, khề khàng, hổ thẹn, đáp: “Em không lấy ai được, Pictureji. Em không thể có con.”

Sự im lặng trong lều chỉ bị gián đoạn bởi tiếng rần phì phì và tiếng chó hoang gọi nhau trong đêm.

“Cậu nói thật chứ, đội trưởng? Bất lực à?”

“Vâng.”

“Bởi vì không được nói dối về những cái - như thế, đội trưởng. Nói dối về năng lực đàn ông là rất, rất dở. Điều gì cũng có thể xảy ra, đội trưởng.”

Và tôi, tự gieo xuống đầu mình lời nguyên của Nadir Khan, mà cũng là của cậu tôi Hanif Aziz và của, trong vụ đóng băng và suốt một thời gian dài sau đó, cha tôi Ahmed Sinai, bị dồn đến chỗ phải nói dối một cách càng giận dữ hơn: “Em nói rồi,” Saleem kêu lên, “thật đấy, có thể thôi!”

“Vậy thì, đội trưởng,” Pictureji, đập tay lên trán, bí thắm nói, “Chúa mới biết phải làm gì với con bé tội nghiệp ấy.”

Chương 28: Đám cưới

Tôi kết hôn với Parvati-phù-thủy vào 23 tháng Hai năm 1975, đúng vào dịp kỷ niệm hai năm ngày tôi, kẻ bị ruồng bỏ, trở lại ghetto của giới ảo thuật.

Người Padma dờ ra: căng như dây phơi, bông sen-phân của tôi chất vấn: “Kết hôn? Nhưng mới đêm qua ông còn bảo, mình sẽ không - mà sao bao ngày bao tuần bao tháng qua ông không cho em biết...?” Tôi buồn bã nhìn cô, và nhắc cô rằng tôi từng đề cập đến cái chết của Parvati tội nghiệp, một cái chết phi tự nhiên... Padma từ từ xẹp xuống, khi tôi tiếp tục: “Đàn bà tạo ra tôi; và cũng hủy hoại tôi. Từ Mẹ Bề trên đến mẹ Góa phụ, và thậm chí cả sau này, vận mệnh của tôi luôn do những đối tượng được gọi (một cách sai lầm, theo ý tôi) là phái yếu định đoạt. Đây, có lẽ, cũng là câu chuyện về sự liên kết: Mẹ Ấn Độ, Bharat-Mata, chẳng phải vẫn thường được nhân cách hóa thành phụ nữ đầy sao? Và, quý vị đều biết, không thể nào trốn thoát khỏi Người.”

Có ba mươi hai năm, trong câu chuyện này, là lúc tôi chưa ra đời; chẳng bao lâu nữa, tôi có thể sẽ hoàn thành năm thứ ba mươi một của đời tôi. Trong sáu mươi ba năm ấy, trước và sau Nửa đêm, đàn bà đã đem đến những điều tốt đẹp nhất; và cả, tôi buộc phải nói rằng, tồi tệ nhất.

Trong ngôi nhà bên hồ của một lão chúa đất mù xứ Kashmir, Naseem Aziz đã kết án tôi phải chung thân gắn bó với những tấm vải khoét lỗ; và cũng trên mặt hồ ấy, Ilse Lubin đả rì vào lịch sử, và tôi vẫn chưa quên di nguyện của cô;

Trước khi Nadir Khan trốn xuống thế giới ngầm, bà tôi đã, bằng việc trở thành Mẹ Bề trên, mở đầu một chuỗi những người đàn bà sẽ thay tên đổi họ, điều tiếp tục đến tận ngày nay - và thậm chí rĩ sang cả Nadir, người biến thành Qasim, và ngồi trong quán café Pioneer với đôi bàn tay nhảy múa; và sau khi Nadir bỏ đi, mẹ tôi Mumtaz Aziz trở thành Amina Sinai;

Và Alia, với niềm cay đắng của tuổi tác, người bọc tôi trong những quần áo trẻ em thâm đẫm lòng oán hận gái già; và Emerald, người bày bàn ăn cho tôi thực hiện cuộc hành quân của lọ gia vị;

Và Quận chúa xứ Cooch Naheen; người, bằng việc tài trợ cho một người đàn ông ngân nga, đã khai sinh ra dịch bệnh lạc quan, căn bệnh, từ đó, cứ cách một thời gian lại bùng phát; và, ở khu đạo Hồi của Delhi Cũ, một bà cô họ xa tên gọi Zohra, mà nét lả lơi đã gieo mầm, trong cha tôi, cho điểm yếu sau này của ông với những ả Fernanda và Flory;

Rồi đến Bombay. Nơi Vanita của Winkie không thể cưỡng lại cái ngôi giữa của William Methwold, còn Nussie-vịt-bầu thất bại trong cuộc-đua-đẽ; trong khi Mary Pereira, nhân danh tình yêu, đã trao hai chiếc thẻ tên của lịch sử và trở thành người mẹ thứ hai của tôi...

Đàn bà và đàn bà và đàn bà: Toxy Catrack, người đẩy hé cánh cửa sau này sẽ rộng mở đón lũ trẻ của nửa đêm; Bi-Appah bà bảo mẫu đáng sợ của con nhỏ; cuộc tranh giành yêu thương giữa Amina và Mary, và thứ mẹ tôi đã phô ra trước mắt tôi khi tôi nấp trong tủ giặt; phải, Trái Xoài Đen, thứ buộc tôi khịt mạnh, và giải phóng thứ-không-phải-Tổng-Thiên-thần!... Và Evelyn Lilith Burns, căn nguyên của vụ tai nạn xe đạp, người đẩy tôi từ ngọn đồi hai tầng lao xuống vòng xoáy của lịch sử.

Và con Khi. Tôi không được phép quên con Khi.

Và còn nữa, còn nữa, còn Masha Miovic, người khích tôi đến chỗ cụt-ngón-tay, và mợ Pia, làm tim tôi tràn ngập đục-vọng-báo-thù; và Lila Sabarmati, mà sự thiếu đoạn chính đã cho tôi cơ hội thực hiện đòn báo thù khủng khiếp, thao túng kẻ khác, cắt-từ-báo-ra của mình;

Và Bà Dubash, người tìm thấy món quà truyện tranh Siêu nhân của tôi và xây nó, với sự hỗ trợ của con trai, thành Đức Khusro Khusrovand;

Và Mary, nhìn thấy hồn ma.

Tại Pakistan, xứ sở của phục tùng, quê hương của thuần khiết, tôi chứng kiến quá trình hóa thân của Khi-thành-Ca-sĩ, và đi mua bánh mì, và đem lòng yêu; cũng là một người đàn bà, Tai Bibi, cho tôi biết sự thật về bản thân mình. Trong sâu thẳm của bóng tối nội tâm, tôi quay sang các Puffia, và thoát khỏi hiểm họa cô dâu có bộ răng vàng chỉ trong gang tấc.

Tái sinh thành buddha, tôi ngủ với một con nhỏ dọn nhà xí và kết quả là nệm mùi hủ xí dẫn điện; ở Cánh Đồng, một chị nông dân quyến rũ tôi, và hệ quả là Thời Gian bị sát hại; rồi xuất hiện các houri trong một ngôi đền, và chúng tôi thoát thân vừa kịp lúc.

Dưới bóng một thánh đường, Resham Bibi đưa ra lời cảnh báo.

Và tôi kết hôn với Parvati-phù-thủy.

“Ôi, ông ơi,” Padma cảm thán, “nhiều đàn bà quá thẻ!”

Tôi không phản đối; vì tôi còn chưa tính cả cô, chủ nhân của những giấc mơ về hôn nhân và Kashmir đã bắt đầu rỉ sang tôi và làm tôi ao ước, giá như, giá như, khiến tôi, đã từng xuôi tay cam phận trước những vết nứt, giờ đây lại bị những cơn đau nhói của bất mãn, giận dữ, sợ hãi và nuối tiếc giày vò.

Nhưng trên hết, là mẹ Góa phụ.

“Em xin thề!” Padma vỗ đùi, “Quá nhiều, ông ạ; quá nhiều.”

Chúng ta nên hiểu về quá-nhiều-đàn-bà của tôi ra sao? Như nhiều gương mặt của Bharat-Mata? Hay còn hơn như thế... như trạng thái động của maya, như năng lượng vũ trụ, tượng trưng là cơ quan sinh dục nữ?

Maya, ở trạng thái động, được gọi là Shakti; có lẽ không phải ngẫu nhiên mà, trong thế giới thần linh Hindu, năng lượng hoạt động của một vị thần được tích tụ trong vợ của vị thần ấy! Maya-Shakti sinh ra, đồng thời “bao bọc ý thức trong lưới-mộng của mình”. Quá-nhiều-đàn-bà: phải chăng họ đều là hình tượng của Devi, vị Nữ thần - cũng là Shakti, người hạ sát con trâu yêu quái, người đánh bại quái vật Mahisha^[1], và đồng thời là Kali Durga Chandi Chamunda Uma Sati và Parvati^[2]... và người, ở trạng thái động, được tô màu đỏ?

[1] Mahisha là một ác thần (atula) có thể hóa thành người hay trâu tùy ý. Theo truyền thuyết, nữ thần Durga đã chiến đấu với Mahisha và giết chết y sau mười ngày giao tranh.

[2] Devi là Đại nữ thần, đại diện cho giống cái của thần. Mỗi nam thần trong Ấn Độ giáo có một nữ thần tương ứng (tức Shakti). Ví dụ Shakti của Vishnu là Lakshmi, Shakti của Shiva là Parvati. Ở đây Kali, Durga Chandi, Chamunda, Uma, Sati và Parvati đều là Shakti, tức là các hình tượng khác nhau của Devi.

“Em chả biết mấy cái đó” Padma kéo tôi trở lại mặt đất, “Ai cũng là đàn bà cả, thế thôi.”

Hạ xuống từ đôi cánh của trí tưởng tượng, tôi được nhắc nhở về sự quan trọng của tốc độ; bị sự cấp bách của những rách nứt rạn thôi thúc, tôi chấm dứt mọi suy tưởng; và bắt đầu.

Chuyện xảy ra như thế này: Parvati đã tự mình định đoạt số phận; một lời nói dối, thốt ra từ môi tôi, đã đẩy cô vào chỗ tuyệt vọng. Trong tâm trạng ấy, một đêm, cô rút trong manh áo tả tơi ra một lọn tóc anh hùng, và bắt đầu làm rằm niệm chú.

Bị Saleem ruồng rẫy, Parvati nhớ tới kẻ thù không đội trời chung một thời của gã; và, tay cầm một que tre bầy đốt, một đầu gắn chiếc móc sắt tự chế, cô ngồi xồm trong lều và niệm chú; Móc câu của Indra trên tay phải, một lọn tóc trên tay trái, cô triệu hấn đến bên cô. Parvati gọi Shiva; tin hay không thì tùy, nhưng Shiva đã đến.

Ngay từ đầu đã luôn có đầu gối và mũi, mũi và đầu gối; nhưng suốt quá trình kể chuyện, tôi không ngừng đẩy hấn, kẻ kia, vào hậu trường (như một lần, tôi cấm cửa hấn tại các phiên họp của Lũ Trẻ). Tuy nhiên, tôi không thể bùng bít hấn thêm nữa; bởi vì vào một buổi sáng tháng Năm năm 1974 - có phải vì trí nhớ rách nứt của tôi, hay tôi vẫn nhớ đúng khi cho rằng hôm đó là ngày 18, có lẽ đúng vào thời điểm sa mạc Rajasthan chấn động bởi vụ thử bom hạt nhân đầu tiên của Ấn Độ? Có phải việc Shiva bùng nổ vào đời tôi thật sự xảy ra đồng thời với sự kiện Ấn Độ đặt chân, không hề báo trước,

vào kỷ nguyên hạt nhân? - hấn đến ổ chuột của giới ảo thuật. Vận quân phục, mề-day-và-sao chỉnh tề, đã lên lon Thiếu tá, Shiva bước xuống từ một chiếc mô tô Quân đội; mặc dù có lớp kaki bình dị của chiếc quần Nhà binh, người ta vẫn dễ dàng nhận thấy hai chỗ phồng lên rõ mồn một của cặp đầu gối sát thủ... người hùng thời chiến được tôn vinh nhất Ấn Độ, nhưng một thời hấn từng cầm đầu một băng du côn ở Bombay; một thời, trước khi hấn khám phá ra thứ bạo lực hợp pháp của chiến tranh, gái điếm bị siết cổ chết ở cống rãnh (tôi biết, tôi biết - không có bằng chứng); giờ là Thiếu tá Shiva, nhưng cũng là con trai của Wee Willie Winkie, người vẫn nhớ ca từ của những bài hát đã tắt từ lâu: “Chúc Ngủ Ngon, Các Quý Bà” thỉnh thoảng vẫn âm vang bên tai hấn.

Ở đây có những sự trở trêu, mà ta không nên bỏ qua; bởi chẳng phải Shiva đã vươn lên khi Saleem chìm xuống? Giờ đây ai là kẻ đầu đường xó chợ, và ai là người ngao nghể trên cao ngó xuống? Chả có gì bằng chiến tranh trong việc tái tạo những cuộc đời... Dù gì đi nữa, vào cái ngày chắc có lẽ là 18 tháng Năm, Thiếu tá Shiva đã đến ghetto của giới ảo thuật và sải bước qua những con phố khắc nghiệt của khu ổ chuột với một vẻ mặt kỳ quái, kết hợp giữa vẻ khinh miệt bất tận của kẻ vừa thắng tiến đối với sự nghèo đói với một điều gì khác bí hiểm hơn: bởi vì Thiếu tá Shiva, bị trảng thần chú của Parvad-phù-thủy triệu đến nơi trú ngụ khiêm nhường của chúng tôi, không thể hiểu nổi sức mạnh nào đang thôi thúc hấn.

Sau đây là phần tái hiện đường công danh của Thiếu tá Shiva; tôi chấp nhận lại từ lời kể của Parvari, mà tôi nghe được từ cô sau đám cưới. Hình như kinh dịch của tôi thích ba hoa với cô về những chiến tích của hấn, do đó quý vị cũng nên chiều cố những chỗ bóp méo sự thật mà sự vô ngực huênh hoang kiểu đó sinh ra; tuy nhiên, dường như không có lý do gì để tin rằng những gì hấn kể với Parvati và cô nhắc lại với tôi khác xa những gì xảy-ra-trên-thực-tế.

Cuối cuộc chiến tranh ở Đông Pakistan, truyền kỳ về những chiến tích kinh dị của Shiva râm ran khắp phố phường, nhảy lên mặt báo và tạp chí, và nhờ vậy luồn vào phòng khách của giới thượng lưu, tụ lại thành từng đám mây dày như ruồi vo ve bên màng nhĩ các nữ chủ nhân trên cả nước, do vậy Shiva bỗng thấy mình thăng tiến cả về địa vị xã hội lẫn hàm cấp quân đội, và được mời đến dự một ngàn lẻ một cuộc giao tế khác nhau - dạ tiệc, nhạc hội, câu lạc bộ bài bridge, tiếp tân ngoại giao, hội nghị chính đảng, các lễ hội từ lớn chí nhỏ, hội chợ từ thiện, thi đấu thể thao cấp trường và trình diễn thời trang – để được tung hô và độc chiếm sự chú ý của những nhân vật quý phái nhất và mỹ lệ nhất nước, đám người mà truyền kỳ về các chiến tích của hấn bu quanh họ như ruồi, chúng bò qua cầu mắt khiến họ nhìn gã trai qua làn sương truyền kỳ của hấn, bấu kín đầu ngón tay khiến họ chạm vào hấn qua lớp màng huyền thoại kỳ bí mà hấn tạo ra, đậu lên lưỡi khiến họ không thể nói chuyện với hấn như với người bình thường. Quân đội Ấn Độ, thời điểm này đang đối diện với một trận chiến chính trị trước các đề xuất cắt giảm ngân sách, hiểu rõ giá trị của một đại sứ có khí chất đặc biệt như thế, nên cho phép người anh hùng giao thiệp với những người hâm mộ giàu thế lực của hấn; Shiva đón nhận cuộc đời mới một cách đầy hăm hở.

Hấn để một bộ ria dày rậm mà mỗi ngày lính cần vụ riêng của hấn lại xức một liều sáp dầu lạnh ướp lá mùi; luôn phong nhã xuất hiện ở phòng khách của những nhân vật quyền quý, hấn tham gia những cuộc tán gẫu chính trị, và tuyên bố mình là người hâm mộ nhiệt thành của Thủ tướng Gandhi,

chủ yếu xuất phát từ lòng thù ghét đối thủ của bà, Morarji Desai, một lão già cổ hủ không thể mê được, uống nước tiểu của chính mình, da kêu loạt soạt như bánh đa, và, hồi làm Thủ hiến Delhi, từng chủ trương cấm rượu và đàn áp lũ goonda trẻ, nghĩa là lũ du thủ du thực, hay, nói cách khác, đàn áp chính thằng nhãi Shiva... nhưng những chuyện tầm phào này chỉ chiếm một phần rất nhỏ suy nghĩ của hắn, phần còn lại hoàn toàn bị đàn bà chiếm trọn. Shiva, giống tôi, mù mị vì quá-nhiều-đàn-bà, và trong những ngày tháng ngất ngây sau chiến thắng quân sự ấy hắn đã thu được một tiếng tăm thâm kín (hắn bốc với Parvati) và nó tăng nhanh đến mức có thể sánh với danh vọng chính thức, công khai của hắn - một huyền thoại “đen” bên cạnh huyền thoại “trắng”. Điều gì được thì thầm ở những bữa tiệc phụ nữ và những tối chơi bài canasta trên cả nước? Điều gì được khúc khích xì xào ở bất cứ đâu có đám ba quý bà lộng lẫy tụ tập? Điều này: Thiếu tá Shiva bắt đầu trở thành một tay quyến rũ khét tiếng; một gã sở khanh; kẻ cầm sừng giới nhà giàu; tóm lại, một con ngựa giống.

Nơi nào hắn đến - hắn bảo Parvati - nơi đấy có đàn bà: những thân hình mềm mại uốn lượn của họ run rẩy dưới sức nặng của trang sức và dục vọng, mắt họ mờ đi trước huyền thoại về hắn; thật khó cho hắn để từ chối họ kể cả khi hắn có muốn vậy. Nhưng Thiếu tá Shiva không có ý định từ chối. Hắn lắng nghe đầy cảm thông những bi kịch nho nhỏ của họ - những ông chồng bất lực, bạo hành, kém quan tâm - bất cứ lời bào chữa nào những sinh vật xinh xắn ấy muốn đưa ra. Giống hết bà tôi ở cây xăng (nhưng với động cơ gian xảo hơn) hắn kiên nhẫn lắng nghe họ than thở; nhấp whisky trong những đại sảnh lộng lẫy ánh đèn chùm, hắn xem họ chớp chớp mắt và thở hổn hển đầy ngụ ý; và bao giờ cũng vậy, cuối cùng, họ chủ tâm đánh rơi ví, hay làm đổ nước, hay va phải cây gậy nhà binh trên tay hắn, khiến hắn phải cúi xuống nhặt bất-cứ-gì-vừa-rơi-xuống, và sẽ thấy mẫu giấy nhét trong xăng đan của họ, duyên dáng thò ra dưới những ngón chân sơn móng. Đạo ấy (nếu lời ngài Thiếu tá đáng tin) các begum xinh tươi nhiều tai tiếng của Ấn Độ trở nên cực kỳ vụng về, và những đôi chappal của họ nói về những cuộc-hò-hẹn-lúc-nửa-đêm, những dàn hoa giấy ngoài cửa sổ phòng ngủ, những ông chồng vừa khéo vắng nhà để hạ thủy tàu biển hay xuất khẩu chè hay mua vòng bi từ đối tác Thụy Điển. Trong khi những kẻ kém may mắn này đi vắng, viên Thiếu tá ghé thăm nhà họ và đánh cắp tài sản quý báu nhất của họ: đàn bà của họ ngã vào vòng tay hắn. Có khả năng là (tôi đã bót đi phân nửa con số của viên Thiếu tá) vào thời điểm đỉnh cao của thời trăng hoa ở hắn đã có không dưới mười nghìn phụ nữ đem lòng say mê hắn.

Và chắc chắn sẽ có những đứa trẻ. Một đàn em bé xinh xắn nhún nhảy an toàn trong cũi của các nhà giàu. Gieo rắc con hoang khắp Ấn Độ, người hùng thời chiến thích gì làm nấy; nhưng (và, cả điều này, cũng là hắn bảo Parvati) hắn mắc phải cái tật kỳ lạ là cạm hứng thú với bất kỳ người nào có bầu; cho dù họ có xinh đẹp quyến rũ yêu kiều đến mấy, hắn vẫn từ bỏ phòng ngủ của những ai có thai với hắn; và các thiếu phụ xinh tươi vành mắt đỏ hoe lại phải thuyết phục các ông chồng mọc sừng rằng thật mà, dĩ nhiên là con anh, anh yêu, cuộc-sống-của-em, nó giống anh thế còn gì, và không dĩ nhiên là em không buồn, có gì mà buồn, là nước mắt vui sướng chảy thôi.

Một bà mẹ bị ruồng rẫy như vậy là Roshanara, cô vợ bé con của đại gia ngành sắt S.P. Shetty; và tại Trường đua ngựa Mahalaxmi ở Bombay, cô bé đã chọc thủng quả bóng bay kiêu hãnh cỡ bự của hắn. Hắn đang thả bộ quanh mã trường, đi được vài mét lại cúi xuống nhặt trả khăn san và dù cho các quý bà, những vật dường như đã sống dậy và giãy ra khỏi tay chủ nhân khi hắn đi qua; Roshanara Shetty đối mặt hắn ở đây, đứng chắn lối đi của gã và nhất định không nhường bước, đôi mắt mười bảy

của cô chất chứa niềm oán hận dữ dội của trẻ thơ. Hấn lạnh nhạt chào cô, chạm tay lên vành mũ nhà binh, rồi toan bỏ đi; nhưng cô bầu những móng tay nhọn hoắt vào tay gã, nở nụ cười nguy hiểm như băng, và sóng bước bên gã. Vừa đi cô bé vừa rót vào tai gã liều thuốc độc thơ đại của mình, và lòng căm ghét và oán giận đối với người tình cũ dạy cho cô phương pháp buộc hấn phải tin. Một cách tàn nhẫn cô thì thầm rằng thật chết cười, Chúa ơi, cái cách gã vênh váo đi lại trong giới thượng lưu như một gã gà trống, trong khi sau lưng chị em luôn luôn cười nhạo gã, ô phải rồi, Sahib Thiếu tá, đừng tự đánh lừa mình nữa, đàn bà thượng lưu vốn luôn thích ngủ với bọn thú vật nông dân cục súc, nhưng chúng tôi nghĩ về anh như vậy đấy, Chúa ơi chỉ nhìn anh ăn thôi cũng phát tởm, rau quả dầm nhoe nhoét đầy cằm, anh nghĩ bọn tôi không để ý thấy anh chẳng bao giờ cầm chén vào quai, anh tưởng bọn tôi không nghe được anh ợ hơi hay đánh rắm hả, anh chỉ là con khỉ chúng tôi nuôi làm cảnh thôi, Sahib Thiếu tá, hữu dụng thật đấy, nhưng bản chất chỉ là một thằng hề.

Sau cơn cuồng kích của Roshanara Shetty, cách nhìn thế gian của người hùng thời chiến trẻ bắt đầu thay đổi. Giờ đây, hấn cảm giác đàn bà che quạt cười rúc rích ở bất cứ đâu hấn đến; hấn nhận thấy những cái liếc nhìn cười cợt mà trước kia hấn chưa bao giờ để ý; và mặc dù hấn cố gắng cải thiện cách ứng xử, vẫn chẳng ăn thua gì, dường như càng cố thì hấn càng trở nên vụng về, đến nỗi thức ăn văng khỏi đĩa của hấn lên những tấm thảm Kelim vô giá và cổ họng hấn phát ra tiếng ợ như tiếng gầm của tàu hỏa chui ra từ đường ngầm và hấn đánh rắm như cuồng phong thịnh nộ. Cuộc sống mới đầy hào nhoáng trở nên, với hấn, một sự sỉ nhục hằng ngày; giờ hấn lý giải sự tấn công của các phụ nữ xinh đẹp theo cách khác, cho rằng bằng cách nhét tin nhắn gạ tình vào dưới chân họ buộc hấn phải hạ mình quỳ dưới chân họ... khi nhận ra rằng một người đàn ông có thể sở hữu mọi phẩm chất nam nhi nhưng vẫn bị khinh rẻ vì không biết cách cầm thìa, hấn cảm thấy một cơn hung bạo cũ trỗi dậy trong mình, một niềm căm ghét những kẻ cao sang và quyền thế của chúng, và đây là lý do khiến tôi chắc chắn - tôi *biết* - rằng khi Tình trạng Khẩn cấp cho Shiva-đầu-gối-bự cơ hội giành lấy một phần quyền lực cho bản thân, hấn không chờ được hỏi đến lần thứ hai.

Ngày 15 tháng Năm năm 1974, Thiếu tá Shiva quay về trung đoàn của hấn tại Delhi; hấn khẳng định rằng, ba ngày sau đó, hấn đột nhiên bị bóp nghẹt trong niềm ham muốn gặp lại một lần nữa mỹ nhân mắt to tròn mà hấn gặp lần đầu đã lâu lắm rồi trong Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm; nhan sắc tóc đuôi ngựa từng hỏi xin hấn, tại Dacca, một lọn tóc duy nhất. Thiếu tá Shiva tuyên bố với Parvati rằng động cơ của việc hấn đến ghetto của giới ảo thuật là khát khao đoạn tuyệt với những ả nhà giàu của giới thượng lưu Ấn Độ; rằng hấn bị đôi môi bĩu ra của cô mê hoặc từ phút đầu tiên chúng chạm vào mắt hấn; rằng đây là những lý do duy nhất để hấn rủ cô ra đi cùng hấn. Nhưng tôi đã quá hào phóng với Thiếu tá Shiva - trong câu chuyện này, phiên bản lịch sử của riêng cá nhân tôi, tôi đã cho hấn chiếm chỗ quá nhiều; thế nên tôi nhấn mạnh rằng, bất kể viên Thiếu tá đầu-gối-gỗ-nhau có nghĩ gì, lý do kéo hấn đến ghetto, hết sức đơn giản và rõ ràng, là ma thuật của Parvati-phù-thủy.

Saleem không có mặt ở ghetto khi Thiếu tá Shiva cười mô tô đến; trong khi vụ nổ hạt nhân rung chuyển vùng đất hoang Rajasthan xảy ra ngoài tầm mắt, dưới bề mặt sa mạc, thì vụ nổ thay đổi đời tôi cũng diễn ra khuất mắt tôi. Khi Shiva nắm cổ tay Parvati, tôi đang ở cùng Picture Singh tại hội nghị khẩn cấp của rất nhiều chi bộ Cộng sản của thành phố, thảo luận chi tiết về cuộc đình công toàn quốc trong ngành đường sắt; khi Parvati, không chút đắn đo, ngồi lên yên sau chiếc Honda của người anh hùng, tôi đang bận rộn lên án việc chính quyền bắt giữ các thủ lĩnh công đoàn. Tóm lại, trong khi tôi

đang mê mải với chính trị và giấc mơ cứu nước, quyền năng phù thủy của Parvati đã khởi động cái kế hoạch rồi sẽ kết thúc với đôi tay vẽ henna, và hát hò, và một bản hợp đồng.

... Một cách tất yếu, tôi buộc phải dựa vào lời kể của những người khác: chỉ có Shiva mới biết điều gì đã xảy ra với hần; chính Resham Bibi là người thuật lại việc Parvati bỏ đi khi tôi quay về, bảo, “Con bé tội nghiệp, hãy để nó đi, nó phiền muộn suốt bấy lâu nay, sao mà trách nó được?”; và chỉ Parvati là có thể cho tôi biết những gì đã xảy đến với cô khi cô vắng mặt.

Nhờ địa vị tâm cỡ quốc gia của một người hùng thời chiến, viên Thiếu tá được hưởng một mức độ tự do nhất định về nội quy quân đội; do vậy không ai phê bình hần khi mang một người đàn bà vào nơi, nói cho cùng, không phải khu nhà của các sĩ quan đã có vợ; vì hần, không rõ điều gì đã đưa đến sự thay đổi lớn lao này trong đời mình, ngồi xuống một chiếc ghế mây theo lời cô, trong khi cô cởi giày, bóp chân cho hần, mang cho hần nước chanh tươi, cho người cần vụ lui, xúc dầu bộ ria, vuốt ve cặp đầu gối hần và sau cùng bày ra bữa tối là món biriani ngon lành đến nỗi hần thôi không băn khoăn điều gì đang diễn ra nữa, và bắt đầu chuyển sang hưởng thụ. Parvati-phù-thủy biến căn lán Nhà binh đơn sơ thành một cung điện, một Kailasa xứng tầm với Shiva-vị-thần; và Thiếu tá Shiva, chìm trong sóng mắt ám ảnh của cô bị cái dáng bữu ra đầy gợi cảm của môi cô khơi dậy một cơn hưng tình quá sức chịu đựng, đã dành trọn niềm sùng ái chuyên nhất của hần cho cô trong suốt bốn tháng tròn: hay, chính xác hơn, trong một trăm mười bảy đêm. Tuy nhiên, ngày 12 tháng Chín, mọi chuyện thay đổi: bởi Parvati, quỳ dưới chân hần, và biết rõ quan điểm của hần về vấn đề này, cho hần biết rằng cô sắp có con với hần.

Cuộc đan dứ giữa Shiva với Parvati giờ đây trở nên bão táp, đầy những cái tát và bát đĩa vỡ: một sự mô phỏng trần tục của cuộc-chiến-thần-thánh bất tận giữa vợ chồng hai vị thần cùng tên với họ mà người ta kể rằng diễn ra trên đỉnh Kailasa của dãy Himalaya hùng vĩ... Thiếu tá Shiva, dạo ấy, bắt đầu rượu chè; và chơi gái. Dấu vết chơi gái mà người hùng thời chiến lưu lại khắp thủ đô Ấn Độ đặc biệt giống với những cuộc du hành trên Lambretta của Saleem Sinai theo dấu mùi của những con phố Karachi; Thiếu tá Shiva, bị lời tiết lộ của Roshanara Shetty tước sạch phẩm giá nam nhi khi giao du với giới giàu sang, đã chuyển sang ăn bánh trả tiền. Và hần sở hữu một năng lực truyền giống rất ấn tượng (hần đảm bảo với Parvati khi đánh cô) đến nỗi hủy hoại sự nghiệp của nhiều phụ nữ phóng đảng bằng cách cho họ những đứa con mà họ không nở vứt bỏ vì quá yêu thương; hần gieo giống khắp thành phố một đội quân trẻ con đường phố đối xứng với một trung đoàn con hoang hần đã có với các begum của những phòng khách lộng lẫy ánh đèn.

Mây đen cũng đang vần vũ trên bầu trời chính trị: ở Bihar, nơi lạm phát tham nhũng nạn đói mù chữ mất đất hoành hành, Jaya-Prakash Narayan chủ xướng một phong trào sinh viên và công nhân phản đối đảng Quốc đại cầm quyền của Indira; ở Gujarat, bạo loạn nổ ra, đường ray và xe lửa bị đốt phá, và Moraji Desai tiến hành tuyệt-thực-đến-chết để lật đổ chính quyền Quốc đại thời nát (do Chimanbhai Patel lãnh đạo); ở cái bang khổ sở vì hạn hán này... chẳng cần nói cũng biết ông ta sẽ thành công mà không cần phải chết; tóm lại, trong khi giận dữ sục sôi trong tâm trí Shiva, đất nước này cũng đang nổi giận; và cái gì sắp ra đời trong khi có một thứ đang lớn dần trong bụng Parvati? Quý vị đều biết câu trả lời: cuối năm 1974, J.P. Narayan và Morarji Desai thành lập đảng đối lập Janata Morcha:

Mặt trận Nhân dân. Trong khi Thiếu tá Shiva ngã nghiêng từ ả điểm này sang ả điểm khác, đảng Quốc đại Indira cũng đang nghiêng ngã.

Và cuối cùng, Parvati giải thoát hấn khỏi bùa phép của cô. (Chẳng có cách giải thích nào khác; nếu không bị phù phép, vì sao hấn không tống khứ cô ngay khi biết cô có bầu? Còn nếu không phải cô gỡ bỏ nó, làm sao hấn tự mình làm nổi?) Lắc đầu như thể vừa tỉnh mộng, Thiếu tá Shiva bỗng thấy mình bên cạnh một cô gái ổ chuột bụng căng tròn, người dường như đối với hấn lúc này đại diện cho tất cả những gì hấn khiếp sợ nhất - cô là hiện thân của khu ổ chuột thời thơ ấu của hấn, nơi mà hấn đã chạy trốn, và giờ đây, thông qua cô, qua đứa con đáng nguyên rủa của cô, đang cố kéo hấn xuống xuống xuống một lần nữa... túm tóc cô lôi xềnh xệch, hấn ném cô lên xe máy, và chỉ trong chốc lát cô đã, bị vứt bỏ, đứng ở rìa khu ghetto của giới ảo thuật, bị trả về nơi từ đó cô đến, mang theo duy nhất một thứ mà cô không sở hữu lúc ra đi: thứ ẩn trong cô như một người tàng hình trong cái giỏ liễu gai, thứ đang lớn dần lớn dần lớn dần, đứng như cô dự kiến.

Vì sao tôi nói vậy? - Bởi vì chỉ có thể là như thế; bởi vì điều gì đến, đã đến; bởi vì niềm tin của tôi là Parvati-phù-thủy đã có thai để vô hiệu hóa lý do duy nhất của tôi khi không chịu cưới cô. Nhưng tôi sẽ chỉ tường thuật, và dành việc phân tích lại cho hậu thế.

Một ngày tháng Một lạnh giá, khi tiếng gọi của muezzin từ đỉnh tháp cao nhất Thánh đường Thứ Sáu vừa rời môi đã đóng băng rồi rơi xuống thành phố như một thứ tuyết thiêng, Parvati trở lại. Cô đã đợi đến khi không ai có thể nghi ngờ về tình trạng của cô nữa; cái giỏ bên trong cô phồng lên dưới lớp áo mới của niềm say mê giờ đã tiêu tan của Shiva. Đôi môi cô, tự tin về thắng lợi sắp đến, đã mất đi nét bĩu thời trang trước kia; trong cặp mắt to tròn, khi cô đứng trên bậc thềm Thánh đường Thứ Sáu để đảm bảo càng nhiều người trông thấy ngoại hình đã thay đổi của mình càng tốt, ẩn hiện ánh ngân quang của sự thỏa mãn. Tôi thấy cô trong tình trạng này khi trở về dưới chaya của thánh đường cùng Picture Singh. Tôi cảm thấy chán nản, và cảnh Parvati-phù-thủy đứng trên thềm, tay bình thần áp lên cái bụng căng tròn, mái tóc tết vắn thùng phất phơ giữa bầu không khí trong veo, chẳng làm tôi vui lên được tẹo nào.

Pictureji và tôi đến những phố định cư càng vào hàng hẹp sau Bưu điện Trung Tâm, nơi ký ức về thầy bói anh chàng hộp vụn hoa thầy lang bó xương lơ lửng theo gió; và tại đây Picture Singh thực hiện một màn trình diễn ngày càng chính trị hơn. Tài nghệ huyền thoại của anh thu hút những đám đông tử tế; và anh điều khiển lũ rắn truyền đạt thông điệp của mình dưới sự khống chế của tiếng sáo dặt dìu. Trong khi tôi, đóng vai học việc, đọc to một bài diễn thuyết chuẩn bị trước, đọc xà chuyển thể diễn văn của tôi thành kịch. Tôi nói đến sự bất bình đẳng trắng trợn trong phân phối của cải xã hội; hai con hổ mang diễn vở kịch châm một lão nhà giàu không chịu bố thí cho ăn mày. Cảnh sát lạm quyền, đói khổ bệnh tật mù chữ cũng được tôi nói đến và đọc xà khắc họa bằng vũ kịch; thế rồi Picture Singh, khép lại màn trình diễn, bắt đầu nói đến bản chất của cách mạng đỏ, và không khí bắt đầu ngập tràn những lời hứa hẹn, thành thử, từ trước khi cảnh sát xuất hiện từ cổng hậu tòa bưu điện để giải tán đám đông bằng dùi cui và hơi cay, đã có vài gã khán giả ngửa mồm phá đám Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất Thế Gian. Có lẽ, không thấy thuyết phục trước màn kịch châm khó hiểu của bày rắn, mà nội dung rất kịch tôi phải thừa nhận là hơi tối nghĩa, một gã trai hét to. “Ê này, Pictureji, anh phải vào Chính quyền mới đúng, đến

Indiramata cũng chẳng hứa hẹn được oách như anh!”

Thế rồi hơi cay xuất hiện và chúng tôi phải bỏ chạy như tội phạm, ho khạc nôn ọe mù lòa, khỏi cảnh sát chống bạo động, vừa chạy vừa khóc một cách giả tạo; (như đã từng xảy ra, ở Jallianwalabagh - nhưng ít ra lần này không có đạn). Nhưng, mặc dù nước mắt này là nước mắt hơi cay, Picture Singh quả tình đã chìm vào một cơn trầm uất đáng sợ vì lời chế nhạo của kẻ ném đá hội nghị bởi nó nghi ngờ nhận thức của anh về hiện thực, điều anh tự hào hơn cả; và kết thúc trận mưa hơi cay với dùi cui, cả tôi cũng thấy chán nản, đột nhiên phát hiện thấy một con ngài của nỗi bất an trong bụng, và nhận ra rằng, có gì đó trong tôi phản đối cách Picture dùng vũ điệu rắn để khắc họa sự đòi bại vô phương cứu chữa của người giàu; tôi thấy mình nghĩ, “Cái gì chẳng có mặt tốt mặt xấu - và họ đã nuôi nấng em, chăm sóc em, Pictureji!” Sau đấy tôi bắt đầu hiểu ra rằng tội ác của Mary Pereira đi chia cắt tôi khỏi hai thế giới, chứ không chỉ một; rằng dầu bị trục xuất khỏi nhà cậu, tôi cũng không bao giờ thực sự gia nhập được cái thế-giới-theo-lời-Picture-Singh; rằng, kỳ thực, giấc mộng cứu quốc của tôi chỉ là một thứ hư yên huyền ảnh, phi thực, những lời lèm bèm của một thằng ngốc.

Và còn kia là Parvati, với ngoại hình đã thay đổi, trong không khí rõ ràng chói gắt của một ngày đông.

Hôm ấy là - hay tôi nhầm? Tôi phải nhanh lên; mọi thứ đang liên tục tuột khỏi tay tôi - một ngày của những sự kinh hoàng. Ngay sau đó - trừ phi đó là một ngày khác - chúng tôi tìm thấy bà lão Resham Bibi nằm chết cứng trong túp lều xây bằng vỏ thùng Dalda Vanaspati^[3]. Bà cụ đã ngả màu xanh dương, xanh Krishna, xanh tựa Jesus, màu xanh của bầu trời Kashmir, đôi khi rỉ sang những đôi mắt; chúng tôi hỏa táng bà trên bờ sông Jamuna, giữa bãi bồi và đàn trâu, và thế là bà đã huyệt đám cưới của tôi, một điều đáng buồn, bởi vì như mọi bà già Resham thích đám cưới, và từng tham dự những lễ henna lúc ăn hỏi với một niềm háo hức nhiệt thành, lĩnh xướng màn hát đối đáp trong đó các chị em bạn của cô dâu thóa mạ chú rể và gia đình. Có lần những lời thóa mạ của bà ngọt và bài bản đến nỗi chú rể nổi khùng hủy luôn đám cưới; song Resham không vì thế mà e ngại, bảo rằng chẳng phải lỗi của bà nếu thanh niên bấy giờ yếu tim và dễ đổi ý như gà.

[3] Một nhãn hiệu dầu ăn gốc thực vật của Ấn Độ.

Tôi đi vắng khi Parvati bỏ đi; tôi không có mặt khi cô trở về; và có một tình tiết kỳ lạ nữa... trừ phi tôi đã quên, trừ phi nó xảy ra vào một ngày khác... nhưng dù gì đi nữa, tôi vẫn cảm thấy, rằng cái ngày Parvati trở lại, một Bộ trưởng Nội các Ấn Độ đang ngồi trong toa xe của mình, tại Samastipur, khi một vụ nổ thổi bay ông ta vào sách lịch sử; rằng Parvati, người bỏ đi giữa những vụ nổ bom nguyên tử, và trở lại với chúng tôi khi Ngài L.N. Mishra, Bộ trưởng Đường sắt và hối lộ, vĩnh viễn chia tay thế giới này. Hết điềm này đến điềm báo khác... có lẽ, ở Bombay, cá chim đang chết trương bụng và dạt vào bờ.

26 tháng Một, Ngày Cộng hòa, là dịp tốt cho giới ảo thuật. Khi từng đám đông không lò tu tập để xem voi và pháo hoa, các thuật sĩ của thành phố lên đường kiếm ăn. Tuy nhiên, với tôi, ngày này mang một ý nghĩa khác; chính vào Ngày Cộng hòa, số phận hôn nhân của tôi được định đoạt.

Sau khi Parvati trở về, đám đàn bà có tuổi ở ghetto hình thành thói quen bùng tai hổ thẹn mỗi khi đi qua mặt cô; cô, người mang trong bụng đứa trẻ vô thừa nhận mà chẳng có vẻ gì ăn năn, sẽ cười ngây thơ và đi tiếp. Nhưng sáng Ngày Cộng hòa, khi ngủ dậy cô thấy một sợi thừng buộc mấy chiếc giày rách treo trước cửa, liền bật khóc không ai dỗ nổi, sự bình thản của cô sụp đổ trước sức mạnh của sự lẳng nhục ghê gớm bậc nhất này. Picture Singh và tôi, vừa rời lều với những sốt rần trữu nặng, đi qua cô trong tình trạng đau khổ (có tính toán? chân thực?) này, và Picture Singh nghiêng rặng lại với một thái độ đầy cương quyết. “Quay về lều, đội trưởng,” Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất bảo tôi, “Ta cần nói chuyện.”

Khi về đến lều, “Bỏ quá cho anh, đội trưởng, nhưng anh phải nói. Anh nghĩ là sống trên đời mà không có con là một chuyện khủng khiếp đối với đàn ông. Không thể có con, đội trưởng: thật đáng buồn, phải không?” Và tôi, kẹt trong lời nói dối về chuyện bất lực, đành im lặng trong khi Pictureji gợi ý về cuộc hôn nhân sẽ bảo toàn danh tiết cho Parvati và đồng thời giải quyết vấn đề vô sinh tự-thu-nhận của tôi; và bất chấp nỗi khiếp sợ khuôn mặt của Jamila Ca sĩ, thứ, khi trùng hiện trên mặt Parvati, có sức mạnh làm tôi muốn hóa điên, tôi không thể ép nổi mình từ chối.

Parvati - đúng như cô toan tính, tôi cảm chắc như thế - chấp nhận tôi ngay tức khắc, nói có dễ dàng và thường xuyên như trước kia cô đã nói không; và từ đây các lễ hội của Ngày Cộng hòa bắt đầu có không khí như được đặc biệt dàn dựng riêng cho chúng tôi, nhưng trong đầu tôi nghĩ rằng một lần nữa số phận, sự tất yếu, phản đề của lựa chọn, lại xuất hiện ngự trị đời tôi, một lần nữa, một đứa trẻ sẽ ra đời với người cha không phải cha mình, mặc dù với một sự oái oăm khủng khiếp nó vẫn là đứa cháu đích thực của bố mẹ của cha nó; mắc kẹt trong mạng nhện chẳng chịt của các phả hệ, có lẽ trong đầu tôi đã nảy ra nỗi băn khoăn rằng cái gì đang bắt đầu, cái gì đang kết thúc, liệu một tiến trình đếm ngược bí mật khác có đang diễn ra, và thứ gì sẽ ra đời cùng với con tôi?

Bất chấp việc thiếu vắng Resham Bibi, đám cưới đã diễn ra khá suôn sẻ. Lễ cải đạo Hồi cho Parvati (điều làm Picture Singh khó chịu, nhưng là điều tôi thấy mình đòi bằng được, trong một nỗ lực nữa tìm về cuộc đời cũ) được thực hiện bởi một vị Haji râu đỏ, người tỏ ra thấp thỏm trước sự hiện diện của quá nhiều thành viên bốn cột, khiêu khích của đám vô thần; dưới cái nhìn dáo dác của ông già trông như một củ hành lớn có râu này, cô tụng niệm niềm tin rằng không có Chúa nào ngoài Chúa và Muhammad là Đấng Tiên tri của Người; cô nhận cái tên do tôi chọn cho cô từ kho tàng các giấc mơ của tôi, trở thành Laylah, đêm, và bởi thế cũng bị cuốn vào những vòng lặp lịch sử của đời tôi, trở thành sự tái hiện của tất cả những người từng buộc phải đổi tên... như Mẹ tôi, Amina Sinai, Parvati-phù-thủy trở thành một con người mới để có thể có con.

Trong lễ henna, phân nửa giới ảo thuật nhận tôi làm người thân, đóng vai “gia đình” của tôi; nửa kia về phe Parvati, và màn hát đối mại lị nhau vui vẻ kéo dài đến khuya trong khi những họa tiết henna cầu kỳ khô dần vào lòng bàn tay bàn chân cô; và nếu việc vắng Resham Bibi có làm cuộc thóa mạ thiếu đi một màn trình diễn đỉnh cao, chúng tôi cũng không quá buồn lòng về điều đó. Sang nikah, lễ cưới thực sự, tân lang tân nương được đặt ngồi trên một cái bục dựng vọi bằng những thùng Dalda từ

túp lều đã bị phá sập của Resham, và các ảo thuật gia long trọng xếp hàng diễu qua chúng tôi, thả những đồng xu mệnh giá nhỏ vào lòng hai vợ chồng; và khi nàng Laylah Sinai mới ngất xỉu, ai nấy đều cười mãn nguyện, vì mọi cô dâu tốt đều phải ngất xỉu ở đám cưới, và không ai nhắc đến cái khả năng sẽ làm tất cả bối rối là có thể cô ngất xỉu vì buồn nôn hoặc vì cơn đau-đạp do đứa trẻ trong giỏ của cô gây ra. Tối hôm đó các nhà ảo thuật có một màn trình diễn tuyệt vời đến mức tiếng đồn về nó lan khắp Thành phố Cũ, và mọi người chen chúc kéo đến xem, từ các thương gia đạo Hồi ở một muhalla gần đó, nơi một lời tuyên bố công khai từng được thực hiện, rồi những người thợ bạc và bán sữa chua hoa quả từ Chandni Chowk, những kẻ lang thang về đêm và du khách Nhật Bản, những người (trong dịp này) đều đeo khẩu trang vì lịch sự, không muốn lây vi trùng từ hơi thở của họ sang chúng tôi; và những người Âu da hồng tán chuyện ống kính máy ảnh với người Nhật, tiếng màn trập lách tách và đèn flash lạch xạch, và một trong những du khách bảo tôi rằng Ấn Độ quả thật là một đất nước tuyệt vời với nhiều truyền thống đặc sắc, và sẽ cực kỳ chuẩn và hoàn hảo nếu ta không phải suốt ngày ăn đồ ăn Ấn. Và tới valima, lễ hợp cẩn (mà, trong trường hợp này, không có tấm ga dính máu nào, dù có hay không có lỗ thủng, được chăng lên, bởi vì tôi đã trải qua đêm tân hôn với đôi mắt nhắm chặt và lưng quay lại vợ tôi, sợ bị khuôn mặt kinh dị của Jamila Ca sĩ đến ám ảnh tôi trong không khí hoang mang của bóng tối), các nhà ảo thuật còn trình diễn hay hơn chính họ trong đêm lễ cưới.

Nhưng khi mọi phấn khích đã lắng xuống, tôi nghe thấy (với một bên tai lạnh và bên kia điếc) thanh âm lạnh lùng của tương lai đang rình rập chúng tôi: tích, tắc, to dần và to nữa, cho đến khi sự ra đời của Saleem Sinai - cũng như của bố đứa trẻ - được tái hiện trong những sự kiện của đêm 25 tháng Sáu.

Trong khi những sát thủ bí ẩn ám sát các quan chức chính phủ, và chút nữa đã trừ bỏ được Chánh án Tối cao do Bà Gandhi đích thân bổ nhiệm, A.N. Ray, ghetto tập trung sự chú ý vào một bí ẩn khác: cái giỏ căng phồng của Parvati-phù-thủy.

Trong khi Janata Morcha phát triển theo đủ mọi đường lối kỳ quái, cho tới khi nó đi theo chủ nghĩa Cộng sản Maoist (như chính các nghệ sĩ uốn dẻo ở khu trại, kể cả ba chị em chân-tay-cao-su từng sống cùng Parvati trước khi chúng tôi thành hôn - sau hôn lễ, chúng tôi đã dọn đến một căn lều riêng, mà cả trại đã xây cho hai đứa làm quà cưới trên nền túp lều mục nát của Resham) và đón nhận những thành viên cực hữu của Ananda Marg; cho tới khi các thành viên Xã hội cánh Tả và Swatantra bảo thủ đều gia nhập hàng ngũ của nó... trong khi mặt trận nhân dân phình to một cách dị hợm như thế, tôi, Saleem, không ngừng bắn khoăn xem thứ gì đang lớn dần đằng sau cái mặt tiền đang phình to của vợ tôi.

Trong khi dư luận bất mãn với đảng Quốc đại Indira đe dọa nghiền nát chính quyền như một con ruồi, bà Laylah Sinai mới toanh, với đôi mắt to hơn bao giờ hết, ngồi im như đá trong lúc sức nặng của đứa trẻ tiếp tục gia tăng cho đến khi đe dọa nghiền nát xương cô thành cám; và Picture Singh, ngày thơ lập lại một lời nhận xét xa xưa, nói, “Này, đội trưởng! Nó chắc sẽ to phải biết: một anh cu cỡ bự mười đồng hân hoi!”

Và rồi đến ngày mười hai tháng Sáu.

Sử sách báo chí dài phát thanh đều bảo rằng đúng hai giờ chiều ngày 12 tháng Sáu, Thủ tướng Indira Gandhi bị phán quyết là có tội, theo chánh án Jag Mohan Lal Sinha của Tòa án Tối cao Allahabad, với hai tội danh vận động bất hợp pháp trong chiến dịch tranh cử năm 1971; điều trước đây chưa bao giờ được tiết lộ là vào đúng hai giờ chiều, Parvati-phù-thủy (nay là Laylah Sinai) cảm chắc mình đang trở dạ.

Cuộc trở dạ của Parvati-Laylah kéo dài mười ba ngày. Ngày đầu tiên, khi Thủ tướng bác bỏ khả năng từ chức, mặc dù bản án kèm theo hình phạt bắt buộc cấm bà tham gia chính quyền trong sáu năm, cổ tử cung của Parvati-phù-thủy, mặc những cơn co thắt đau như ngựa đá, vẫn ngoan cố không chịu mở; Saleem Sinai và Picture Singh, bị ba chị em uốn dẻo, những người đi lãnh trách nhiệm bà đỡ, cảm cửa khỏi túp lều quần quai của em, chỉ biết nghe tiếng rên la vô vọng của em cho tới khi một đoàn nghệ sĩ nuốt-lửa bạc-bịp đi-trên-phan-hồng lũ lượt kéo đến, vỗ lưng họ và kể chuyện tục tĩu; và chỉ có trong tai tôi là vẫn dội lên tiếng tích tắc... đang đếm ngược đến điều Chúa-mới-biết, cho đến khi tôi bị nỗi sợ xâm chiếm, và bảo Picture Singh, “Em không biết cái gì sẽ chui ra, nhưng nó sẽ chẳng tốt lành gì đâu...” Và Pictureji, trấn an: “Đừng có lo, đội trưởng! Tất cả sẽ ổn thôi! Một thằng cu cỡ bự mười đồng, anh đảm bảo!” Và Parvati, kêu gào la hét, và đêm qua ngày đến, và bước sang ngày thứ hai, khi ở Gujarat các ứng cử viên bầu cử của bà Gandhi thảm bại trước Janata Morcha, Parvati của tôi phải chịu những cơn đau dữ dội đến nỗi người em cứng đờ như sắt, và tôi không chịu ăn uống gì cho tới khi đứa trẻ ra đời hoặc là điều gì phải đến sẽ đến, tôi ngồi xếp bằng ngoài túp lều thống khổ của em, khiếp sợ run bần bật dưới cái nóng, cầu xin đừng bắt em phải chết đừng bắt em phải chết, mặc dầu chưa một lần tôi làm tình với em trong suốt ngàn ấy tháng cưới nhau; bất chấp nỗi khiếp sợ bóng ma của Jamila Ca sĩ, tôi cầu nguyện và nhin ăn; mặc cho Picture Singh can ngăn, “Đừng như vậy mà, đội trưởng,” tôi vẫn tiếp tục, và đến ngày thứ chín thì cả ghetto đã chìm vào một sự im lặng đáng sợ, một sự tĩnh lặng tuyệt đối đến mức kể cả tiếng gọi cầu nguyện của muezzin từ thánh đường cũng không xuyên thủng nổi, một sự vô thanh có uy lực mãnh liệt đến mức làm câm bật tiếng gào rống của đoàn biểu tình do Janata Morcha phát động ngoài Rashtrapati Bhavan, Dinh Tổng thống; một sự câm lặng kinh hoàng cũng xuất phát từ thứ ma thuật đáng sợ, bao trùm hết thảy như sự im lặng vĩ đại từng phủ xuống ngôi nhà của ông bà tôi ở Agra, bởi vậy vào ngày thứ chín ấy chúng tôi không nghe được Morarji Desai kêu gọi Tổng thống Ahmad bãi miễn bà Thủ tướng ô danh, và âm thanh duy nhất của cả thế giới này là tiếng thoi thóp kiệt quệ của Parvati-Laylah, khi từng cơn co thắt đổ dồn lên em như núi, và tiếng em nghe như đang réo gọi chúng tôi dọc một đường hầm dài rỗng của đờn đau, trong khi tôi, ngồi xếp bằng, như bị thống khổ của em chặt thành từng khúc, với tiếng tích tắc vô thanh trong đầu; và trong lều ba chị em uốn dẻo đang rót nước lên người Parvati để bù lại lượng hơi nước như đang phun trào ra khỏi người em, nhét que gỗ vào giữa hai hàm răng để phòng em cắn đứt lưỡi, và cố ép mí mắt em nhắm lại trên đôi mắt đang lồi ra đáng sợ đến nỗi họ sợ chúng sẽ rơi ra ngoài mà bị vấy bẩn trên mặt đất, và sang ngày thứ mười hai thì tôi đã lả đi vì đói trong khi đầu đó trong thành phố Tòa án Tối cao thông báo với Bà Gandhi rằng bà chưa phải từ chức trong thời gian kháng án, nhưng sẽ không có quyền bỏ phiếu trong Lok Sabha cũng như lãnh lương, và trong lúc Thủ tướng đang cơn hạ hê trước chiến thắng một phần này bắt đầu thóa mạ địch thủ bằng thứ ngôn ngữ dư sức làm một mục hàng cá Koli phải tự hào, cơn trở dạ của Parvati bước sang một giai đoạn mà trong đó, dù hoàn toàn kiệt quệ, em vẫn tìm được hơi sức để tuôn ra một tràng chửi rủa tục tằn từ cặp môi không còn huyết sắc, đến nỗi mùi xú uế từ

những lời lẽ tục tĩu của em xộc vào mũi làm chúng tôi ói mửa, và ba chị em uốn dẻo từ trong lều chạy ra bảo rằng người em căng ra và nhợt nhạt đến nỗi gần như nhìn xuyên qua được, và em sẽ cảm chắc chết nếu đứa bé không chui ra lúc này, và trong tai tôi tôi tiếng tích tắc dồn dập tích tắc cho đến khi tôi biết chắc, đây rồi, sẽ sớm sớm sớm thôi, và khi ba chị em trở lại bên giường em vào tối ngày thứ mười ba họ thét lên Rồi rồi cô ấy bắt đầu rặn rồi, cố lên Parvati, rặn rặn rặn đi, và trong khi Parvati rặn ở ở ghetto, J.P. Narayan và Morarji Desai đang khiêu khích Indira Gandhi, trong khi ba chị em thét rặn rặn rặn thì lãnh đạo đảng Janata Morcha thúc giục Cảnh sát và Quân đội bắt tuân những mệnh lệnh phi pháp của Thủ tướng đã bị bãi miễn, bởi vậy về một nghĩa nào đó họ cũng đang ép Bà Gandhi rặn, và khi đêm tối dần đến nửa đêm, bởi vì không có gì là không xảy ra vào thời điểm này, ba chị em bắt đầu réo lên nó đang ra đang ra đang ra, và đầu đó Thủ tướng cũng đang cho ra đời đứa con của mình... ở ghetto, trong túp lều nơi tôi ngồi xếp bằng bên ngoài và chết dần vì đói, con trai tôi đang ra đang ra đang ra, cái đầu ra rồi, ba chị em réo lên, trong khi lực lượng Cảnh sát Trung ương Dự bị bắt giữ các thủ lĩnh của Janata Morcha, bao gồm hai nhân vật già nua đến không tưởng và gần như đã thành truyền kỳ là Morarji Desai và J.P. Narayan, rặn rặn rặn, và vào chính giữa cái nửa đêm khủng khiếp ấy khi tiếng tích tắc vang dội trong tai tôi, một anh cu cỡ bự mười đồng chính hiệu, sau cùng đã phọt ra một cách dễ dàng đến nỗi chẳng ai hiểu nổi bao nhiêu khổ sở vừa qua để làm gì. Parvati rên lên một tiếng yếu ớt cuối cùng, thế là thằng bé phọt ra, trong khi khắp Ấn Độ cảnh sát đang bắt bớ tất cả lãnh tụ đối lập trừ các đảng viên Cộng sản thân Moscow, cả giáo viên luật sư thi sĩ nhà báo công đoàn viên, kỳ thực là bất cứ ai đã phạm sai lầm hắt hơi khi Madam diễn thuyết, và khi ba chị em uốn dẻo tằm cho đứa bé và bọc nó vào một mảnh sari cũ rồi bế ra cho bố xem mặt, chính xác vào thời điểm ấy, lần đầu tiên người ta nghe thấy từ Tình trạng Khẩn cấp, và đình-chỉ-quyền-công-dân, và kiểm-duyet-báo-chí, và các-đơn-vị-thiết-giáp-săn-sàng-cao-độ, và bắt-giữ-các-phần-tử-phản-động; có gì đó đang chấm dứt, có gì khác đang ra đời, và chính xác vào thời khắc khai sinh của nước Ấn Độ mới và khởi đầu của một nửa đêm đảng đảng sẽ kéo dài suốt hai năm, con trai tôi, đứa trẻ của tiếng tích tắc tái xuất, đã bước ra thế giới.

Và còn nữa: bởi vì khi, trong cảnh tối tăm tranh tối tranh sáng của cái nửa đêm sẽ kéo dài vô tận ấy, Saleem Sinai lần đầu nhìn thấy đứa bé, gã bắt đầu phá lên cười không nín được, tâm trí gã tê liệt vì con đói, phải, nhưng cũng vì nhận ra rằng định mệnh tàn nhẫn lại dành cho gã thêm một trò chơi khăm dị hợm nữa, nên dù Picture Singh, kinh hoàng trước tiếng cười của tôi, trong tình trạng suy kiệt nghe như tiếng khúc khích của một nữ sinh, nhắc đi nhắc lại, “Thôi nào, đội trưởng! Đừng điên thế hi! Là con trai rồi, đội trưởng, vui lên hi!” Saleem Sinai tiếp tục đón nhận sự ra đời của đứa trẻ bằng cách rúc rích cười điên loạn trước số phận, bởi thằng bé, thằng bé sơ sinh, thằng-bé-con-trai-tôi Adam, Adam Sinai có hình dáng hết sức hoàn hảo - trừ, chỉ trừ, có đôi tai. Hai bên đầu nó phấp phới cặp cơ quan thánh giác xòe ra như hai cánh bướm, đôi tai lớn vĩ đại đến mức sau này ba chị em tiết lộ rằng khi cái đầu chui ra họ đã nghĩ, trong một khắc hoang mang, đây là đầu một chú voi con.

... “Đội trưởng, Saleem đội trưởng,” Picture Singh van nài, “bình tĩnh nào! Tai chứ gì đâu mà phải phát điên lên!”

Nó ra đời ở Delhi cũ... ngày xưa ngày xưa. Không, như thế không được, không thể né tránh ngày

tháng được: Aadam Sinai chào đời ở một khu ổ chuột chìm trong bóng đêm vào ngày 25 tháng Sáu năm 1975. Thế còn giờ? Giờ cũng quan trọng chứ. Như tôi đã nói: về đêm. Không, nhất thiết phải rõ hơn... Thực tế là, đúng nửa đêm. Kim đồng hồ chấp tay. Ôi dào, nói toẹt ra đi, nói toẹt ra đi: chính vào thời khắc Ấn Độ bước vào Tình trạng Khẩn cấp, nó xuất hiện. Trong tiếng hỗn hển; và, trên khắp đất nước, cảm lạnh và sợ hãi. Và dưới ách áp chế ma quái của thời khắc đêm tối ấy, nó đã bị còng tay một cách bí hiểm vào lịch sử, và vận mệnh của nó đã bị xiềng xích không thể chia lìa với của đất nước nó. Không được tiên đoán, chẳng được tung hô, nó đến; chẳng thủ tướng nào viết thư cho nó; nhưng, dù gì đi nữa, khi thời gian của mối liên hệ của tôi sắp chấm dứt, đến lượt nó bắt đầu. Nó, tất nhiên, chẳng có tiếng nói gì trong chuyện này sất; nói cho cùng, lúc ấy, đến tự chùi mũi nó còn chưa làm nổi.

Nó là con của người cha không phải là cha nó; nhưng cũng là con của một thời kỳ đã hủy hoại hiện thực một cách nghiêm trọng đến nỗi không ai còn có thể tái tạo được nữa;

Nó là chất đích thực của cụ nội nó, nhưng hội chứng chân voi đã nhắm vào tai nó thay vì vào mũi - bởi vì nó cũng là đứa con đích thực của Shiva-và-Parvati; nó là thần Ganesh đầu voi;

Nó được sinh ra với đôi tai phấp phới cao và rộng đến nỗi chắc chúng đã nghe được tiếng nổ sùng ở Bihar và tiếng gào thét của công nhân cảng biển bị dùi cui tấn công ở Bombay... một đứa trẻ nghe thấy quá nhiều, và hệ quả là không nói bao giờ, bị câm vì dư thừa âm thanh, thành thử từ bấy đến giờ, từ ổ chuột đến nhà máy rau quả dầm, chưa bao giờ tôi nghe nó thốt ra lấy một lời;

Nó là người sở hữu một cái rôn lồi ra thay vì thụt vào, làm Picture Singh kinh ngạc thốt lên, “Bimbi của nó, đội trưởng! Trông bimbi của nó kìa!”, và nó trở thành, ngay từ buổi đầu, người tiếp nhận đầy ơn phước niềm kính sợ của chúng tôi;

Đứa trẻ nghiêm trang tốt nét đến nỗi việc nó tuyệt đối không khóc và mè nheo đã hoàn toàn chiếm được cảm tình của cha nuôi, người đã thôi không cười như ma làm trước đôi tai dị dạng và bắt đầu triu mến ru đứa bé lặng lẽ trên tay;

Đứa trẻ được nghe một bài hát khi đu đưa trên tay cha, bài hát được hát bằng chất giọng mang màu lịch sử của người ayah bị ô danh: “Bất cứ gì con muốn thành, con sẽ được; con sẽ được thành, bất cứ gì con muốn.”

Nhưng giờ khi tôi đã cho ra đời đứa con trai im lặng, tai phấp phới có những câu hỏi cần được trả lời vì sự ra đời đồng thời kia. Những nghi vấn khó nói và khó nuốt: Phải chăng, giấc mơ cứu nước của Saleem đã, qua các mô thẩm thấu của lịch sử, ngấm vào suy nghĩ của chính Thủ tướng? Phải chăng tín niệm cả đời của tôi vào sự đồng nhất giữa Quốc gia và bản thân tôi đã chuyển hóa, trong tâm thức Madam, thành câu nói nổi-tiếng-hồi-ấy: *Ấn Độ là Indira và Indira là Ấn Độ*? Phải chăng chúng tôi là đối thủ cạnh tranh nhau vai trò trung tâm - phải chăng bà cũng bị ám ảnh sâu sắc bởi một sự thèm khát ý nghĩa như tôi - và có phải, có phải vì thế mà...?

Ảnh hưởng của kiểu tóc đến tiến trình lịch sử: lại thêm một chuyện đáng cười nữa. Nếu William

Methwold không có ngôi giữa, chắc tôi đã chẳng ở đây hôm nay; và nếu Người Mẹ của Dân tộc có một mái đầu đồng nhất về sắc tố, Tình trạng Khẩn cấp do bà sinh ra nhiều khả năng sẽ thiếu một khía cạnh đen tối hơn. Nhưng tóc bà lại nửa trắng nửa đen; Tình trạng Khẩn cấp cũng thế, có một nửa trắng - công khai, rõ ràng, được ghi chép, vấn đề dành cho giới sử học - và một nửa đen, bí mật, rùng rợn, không ai nhắc đến, là vấn đề của chúng tôi.

Indira Gandhi sinh ngày 19 tháng Mười một năm 1917, con gái của Kamala và Jawaharlal Nehru. Tên đệm là Priyadarshini. Bà không có họ hàng với “Mahatma” M.K. Gandhi; họ của bà là di sản từ cuộc hôn nhân, năm 1942; với một ông Feroze Gandhi, người được cả nước coi như “phò mã”. Họ có hai con trai, Rajiv và Sanjay, nhưng năm 1949 bà dọn về nhà cha mình và trở thành “nữ chủ nhân” ở đây. Feroze cũng thử sống ở đó một lần, nhưng không thành công, ông trở thành người phê phán gay gắt Chính quyền Nehru và phanh phui vụ tai tiếng Mundhra, buộc chính Bộ trưởng Tài chính hồi đấy, T.T. Krishnamachari - tức T.T.K. phải từ chức. Feroze Gandhi mất vì nhồi máu cơ tim năm 1960, thọ bốn mươi bảy tuổi. Sanjay Gandhi và vợ, cựu người mẫu Meneka, là hai nhân vật nổi bật trong Thời kỳ Khẩn cấp. Phong trào Thanh niên Sanjay đặc biệt phát huy hiệu quả trong chiến dịch triệt sản.

Tôi đưa vào bản tiểu sử có phần sơ lược này để phòng khi quý vị chưa nhận ra Thủ tướng Ấn Độ, đến năm 1975, đã mười lăm năm là một góa phụ. Hay (bởi ở đây chữ hoa sẽ có tác dụng): một Góa phụ.

Phải, Padma, Mẹ Indira thực sự có mưu đồ hãm hại tôi.

Chương 29: Nửa đêm

Không! - Nhưng tôi phải.

Tôi không muốn kể! - Nhưng tôi đã thề sẽ kể hết - Không, tôi rút lại, chuyện này thì không, chắc chắn là có những chuyện không kể thì tốt hơn...? - Vớ vẩn; cái gì không chữa được thì phải chịu! - Nhưng chắc là không phải chuyện những bức tường thì thâm, và phản bội, và xoẹt xoẹt, và những người đàn bà ngực bầm chừ? - Đặc biệt là những chuyện đó. - Nhưng sao tôi có thể, nhìn tôi đi, tôi đang giằng xé, không thể nhất trí với bản thân, độc thoại, lý luận như một thằng điên, suy sụp, ký ức tiêu vong, phải, ký ức lao xuống vực thẳm và bị bóng tối nuốt chửng, chỉ còn lại những mảnh vụn, chẳng đâu vào đâu nữa cả! - Nhưng tôi không được tự cho mình quyền phán xét; mà phải cứ thế tiếp tục (sau khi đã bắt đầu) đến hết; có-nghĩa-hay-vô-nghĩa không còn (có lẽ chưa bao giờ) thuộc quyền đánh giá của tôi. - Nhưng nỗi kinh hoàng của điều đó, tôi không thể không muốn không được không đành không chịu không! - Thôi ngay; bắt đầu đi. - Không! - Có.

Thôi thì, về giấc mơ? Tôi có thể kể nó như một giấc mơ. Phải, có lẽ như một ác mộng: xanh và đen và tóc mù Góa phụ và bàn tay siết lại và lũ trẻ ú ớ và những trái bóng nhỏ và từng-đứa-một và xé-làm-đôi và những trái bóng bay lên bay lên xanh và đen tay mù xanh móng tay mù đen thật đen. - Không mơ mộng gì cả. Giờ không phải nơi phải lúc. Sự thật, nhớ sao kể vậy. Cố gắng hết khả năng. Đúng như thực tế: Bắt đầu đi. - Không có lựa chọn hả? - Không; đã bao giờ có đâu? Mệnh lệnh thì có; những hệ quả logic, những sự tất yếu, những sự tái diễn thì có; những điều-họ-gây-ra-cho-ta, những tai biến, những cường-bách-của-số-phận thì có; nhưng đã bao giờ có lựa chọn? Có cái để cân nhắc? Có quyền tự do quyết định, trở thành cái này hay cái kia hay cái khác? Không có đâu; bắt đầu đi. - Vâng.

Nghe đây:

Những đêm ngày tuần tháng bất tận vắng bóng mặt trời, hay đúng hơn (bởi vì chính xác là quan trọng) dưới bóng một mặt trời lạnh giá như đĩa ngâm trong lòng suối, phủ lên chúng tôi một thứ ánh sáng nửa đêm điên loạn^[1]; tôi đang nói tới mùa đông 1975-76. Cùng với mùa đông, là bóng tối; và bệnh lao.

[1] Nguyên văn: lunatic, có nghĩa là điên loạn, nhưng cũng có thể hiểu là thuộc về mặt trăng.

Có lần, trong căn phòng xanh dương nhìn ra biển, dưới ngón tay đang chỉ của một ngư phủ, tôi đã chiến đấu chống bệnh thương hàn, và được nọc rắn cứu mạng; giờ đây, bị mắc vào mạng nhện hoàng tộc của sự tái diễn do tôi đã nhận nó làm con trai, Adam Sinai của chúng tôi cũng phải chiến đấu suốt những tháng đầu đời với đàn rắn vô hình của một căn bệnh. Bầy độc xà của lao phổi quấn quanh cổ thằng bé và làm nó thở rất khó nhọc... nhưng nó là đứa trẻ của tai và sự lặng lẽ, khi nó khục khặc, không một âm thanh; khi nó hỏn hên, không tiếng khò khở nào phát ra từ cổ họng. Tóm lại, con trai tôi ngã bệnh, và mặc dù mẹ nó, Parvati tức Laylah, bỏ đi tìm những thảo dược thần kỳ bí truyền của em - mặc dù chúng tôi sắc thuốc và cho nó uống liên tục; bầy sâu quỷ hồn của bệnh lao nhất định không bị xua đi. Tôi đã nghi ngờ, ngay từ đầu, có một ẩn dụ đen tối ở căn bệnh này - tôi tin rằng, trong những tháng nửa đêm ấy, khi thời kỳ của môi-liên-hệ-với-lịch-sử của tôi giao thoa với của nó, tình trạng khẩn cấp của riêng cha con tôi không phải không liên quan đến căn bệnh lớn hơn, của thế giới vĩ mô, làm mặt trời cũng xanh xao, ốm yếu như con trai chúng tôi. Parvati-hồi-đó (cũng như Padma-bây-giờ) bác bỏ những phán đoán trừu tượng này, quy kết tôi là hoàn toàn điên rồ khi ngày càng bị ám ảnh với ánh sáng, đến nỗi bắt đầu đốt những đĩa đèn đĩa nhỏ trong túp lều bệnh tật của con tôi, thấp sáng căn lều bằng ánh nến khi đang chính ngọ... nhưng tôi vẫn tin rằng chẩn đoán của mình là chính xác; “Anh bảo thật,” tối quả quyết, “chừng nào Tình trạng Khẩn cấp chưa kết thúc, nó sẽ không bao giờ khỏe lại.”

[©STE.NT](#)

Quần trí vì bất lực trong việc chữa bệnh cho đứa trẻ làm lì không bao giờ khóc ấy, Parvati-Laylah nhất định không tin giả thiết bi quan này của tôi; nhưng em lại dễ lung lạc trước mọi ý tưởng kỳ cục khác. Khi một trong mấy bà già trong trại bảo em – điều Resham Bibi chắc cũng sẽ làm – rằng bệnh sẽ không lui chừng nào thằng bé còn cầm, Parvati hình như cũng thấy hợp lý. “Bệnh tật là nỗi đau về thể xác,” em lên lớp tôi, “nó phải được rũ bỏ bằng cách khóc than.” Đêm đó, em trở về lều mang theo một nắm bột màu xanh, gói trong giấy báo và buộc một sợi dây hồng nhạt, rồi bảo tôi rằng đây là một

phương thuốc công hiệu đến mức đá cũng phải hét lên. Khi uống thuốc vào, má thẳng bé bắt đầu phồng lên, như thể mồm nó đầy thức ăn; những âm thanh bị đè nén bấy lâu của thời thơ ấu trào lên sau môi nó, và nó ngậm chặt miệng trong một niềm phần nộ. Tôi thấy rõ là đứa bé gần như bị nghẹn khi cổ nuốt ngược trở vào dòng thác nồn mửa của những âm thanh bị dồn nén mà thứ bột xanh đã khuấy lên; và đây là lúc hai chúng tôi nhận ra, mình đang đối diện với một trong những ý chí bất khuất nhất thế gian. Sau một giờ đồng hồ con trai tôi hết ngả sang màu nghệ đến nghệ-và-xanh, và cuối cùng là màu cỏ, tôi không thể chịu đựng thêm nữa liền gầm lên, “Đồ đàn bà, nếu thằng bé đã muốn im lặng đến thế, ta không thể vì vậy mà hại chết nó!” Tôi bồng Adam lên để ru nó, và cảm thấy thân hình bé nhỏ ấy cứng đờ ra, đầu gối khuỷu tay cổ nó đầy ứ cơn lũ bị kìm nén của những âm thanh không được diễn đạt thành lời, và cuối cùng Parvati phải cúi đầu liền chuẩn bị thuốc giải bằng cách nghiền củ hoàng tinh và cam cúc trong bát nhôm, đồng thời khe khẽ lầm rầm những lời nguyện kỳ quái. Sau lần đó, không một ai cố ép Adam Sinai làm bất cứ điều gì nó không muốn nữa; chúng tôi nhìn nó chiến đấu chống lại bệnh lao vì cố tự trấn an mình bằng suy nghĩ rằng một ý chí sắt đá dường ấy thì sẽ quyết không chịu thua bất kỳ căn bệnh tầm thường nào.

Trong những ngày sau cùng ấy nội tâm của Laylah hay Parvati vợ tôi còn bị lũ ngài của niềm tuyệt vọng gặm nhấm, vì khi em đến bên tôi để tìm sự an ủi hoặc hơi ấm trong sự riêng tư của giấc ngủ ban đêm, tôi vẫn thấy diện mạo bị ăn mòn khủng khiếp của Jamila Ca sĩ chồng lên gương mặt em; và mặc dù tôi đã thú nhận với em bí mật về hồn ma này, an ủi em rằng với tốc độ thối rữa hiện thời thì không bao lâu nữa nó sẽ hoàn toàn tiêu tan, em chỉ buồn thảm bảo tôi rằng ông nhỏ và chiến tranh đã làm tôi nhũn nã, và làm em tuyệt vọng bằng cuộc hôn nhân mà với hiện trạng này sẽ không bao giờ có đêm động phòng; dần dà, dần dà trên môi em hiện ra cái bĩu bất tường của niềm đau khổ... nhưng tôi làm được gì? Tôi có gì để an ủi em? - tôi, Saleem Thò lò, kẻ đã rơi vào cảnh khốn cùng sau khi mất đi sự bảo trợ của gia đình, kẻ đã chọn (nếu đây được coi là lựa chọn) sinh nhai bằng tài năng khứ giác, kiếm vài paisa một ngày bằng cách đánh hơi xem người khác ăn gì tối qua và ai trong số họ đang yêu; tôi biết vớ vẩn em bằng gì, khi bản thân tôi đã nằm trong nắm tay buốt giá của nửa đêm dằng dặc ấy, và đã ngủ thấy trong không khí mùi của cáo chung?

Mùi của Saleem (chắc quý vị chưa quên) có thể ngửi thấy nhiều thứ kỳ lạ hơn là cứt ngựa. Hương của cảm xúc và ý tưởng, mùi của sự-vật-như-thế-nào: tất cả đã và đang được tôi đánh hơi một cách dễ dàng. Khi Hiến pháp được sửa đổi nhằm dành cho Thủ tướng quyền lực gần-như-tuyệt-đối, tôi ngửi thấy hồn ma của các đế quốc cổ đại trong không khí... ở một thành phố lúc nhúc bóng ma của các Vua Nô lệ, các Mughal, của bạo chúa Aurangzeb và của những kẻ chinh phục cuối cùng, da hồng, tôi một lần nữa hít vào mùi gay gắt của tư tưởng độc tài. Nó có mùi giống giẻ rách dính dầu đang cháy.

Nhưng ngay cả những người kém về khứ giác cũng có thể nhận ra rằng, mùa đông 1975-76, có gì đó bốc mùi thối rữa ở thủ đô; điều làm tôi lo sợ là một mùi hôi khác, riêng tư hơn: hơi hướm của một nguy hiểm cá nhân, mà trong đấy tôi nhận ra bóng dáng một cặp đầu gối phản phúc, báo thù... dự cảm đầu tiên của tôi rằng một mâu thuẫn xa xưa, bắt đầu từ khi một cô gái đồng trinh điên tình đánh tráo thể tên, sắp sửa kết thúc trong một cơn hoảng loạn của phản bội và cắt xuyệt.

Đáng lẽ, khi một cảnh báo như vậy nhói lên trong mũi, tôi nên bỏ chạy - được cái mũi phím trước,

tôi đã có thể đào tẩu. Nhưng thực tế lại đặt ra một số trở ngại: tôi sẽ đi đâu? Rồi, vợ búi con ríu, làm sao tôi đi nhanh được? Và chớ nên quên rằng tôi đã từng bỏ chạy một lần, và thử xem tôi lạc đến đâu: Sundarbans, cánh rừng của hồn ma và báo ưng, nơi tôi đã thoát nạn chỉ trong gang tấc!... Dầu gì đi nữa, tôi đã không chạy.

Chạy hay không có lẽ cũng thế thôi; Shiva - không khoan dung, phản phúc, kẻ thù của tôi từ khi ra đời - cuối cùng cũng sẽ tìm ra tôi. Bởi mặc dù cái mũi có công dụng vô song là đánh-hơi-ra-mọi-thứ, đến khi lâm trận không ai phủ nhận được ưu thế của một cặp đầu gối có thể siết chặt và bóp nghẹt.

Tôi sẽ cho phép mình đưa ra một nhận xét cuối cùng, tự mâu thuẫn về vấn đề này: nếu, như tôi vẫn hằng tin, ngôi nhà của những phụ nữ khóc than là nơi tôi biết được đáp án cho câu hỏi về mục đích đã dẫn dắt tôi suốt đời, thì nếu tự cứu mình thoát khỏi cung điện của diệt vong ấy, tôi cũng sẽ tự tước bỏ cơ hội thực hiện khám phá quý báu bậc nhất này. Nói một cách hơi triết lý: trong cái rủi có cái may.

Saleem-và-Shiva, mũi-và-đầu-gối... chúng tôi chỉ có ba điểm chung: thời khắc (và hệ quả của việc) chúng tôi ra đời; tội phản bội; và đứa con trai, Adam, hợp thể của chúng tôi, làm lì, không cười, có đôi tai nghe khắp mười phương. Adam Sinai, trên nhiều khía cạnh, chính là bản thể đối lập của Saleem. Tôi, buổi ban đầu, lớn lên với tốc độ chóng mặt; Adam, vật lộn với đàn rắn của bệnh tật, hầu như chẳng lớn được chút nào. Saleem ngay từ đầu đã nở nụ cười cầu tài; Adam tự trọng hơn, giữ nụ cười lại cho chính mình. Trong khi Saleem khuất phục ý chí của mình dưới ách đồng thống trị của gia đình và vận mệnh, Adam chiến đấu dũng mãnh, kiên quyết không lùi bước, kể cả trước ách áp bức của thứ bột xanh. Và trong khi Saleem quyết tâm tiếp nhận cả vũ trụ đến nỗi, có một thời kỳ, nó không thể chớp mắt, Adam lại muốn nhắm chặt mắt lại... mặc dù, thi thoảng, khi nó hạ cổ mở mắt ra, tôi mới thấy màu của chúng, màu xanh. Xanh-như-băng, sắc xanh của sự tái diễn, sắc xanh định mệnh của bầu trời Kashmir... nhưng không cần diễn giải thêm nữa.

Chúng tôi, những đứa trẻ của Độc lập, điên cuồng và quá vội vã lao đến tương lai; nó, sinh giữa thời Khẩn cấp, đã và sẽ thận trọng hơn, kiên nhẫn đợi thời; nhưng khi nó hành động, sẽ không ai cưỡng lại được. Ngay bây giờ, nó đã khỏe hơn, cứng rắn hơn và cương quyết hơn tôi: khi ngủ, cầu mắt nó bất động dưới mí mắt. Adam Sinai, đứa con của đầu-gối-và-mũi, không (theo như tôi biết) đầu hàng trước những giấc mơ.

Bao nhiêu chuyện đã lọt vào đôi tai pháp phới, có những lúc như thể rục lên vì sức nóng của thông tin chúng thu nhận được ấy? Nếu nói được, liệu nó có cảnh báo tôi về sự phản bội và xe ủi đất? Ở một đất nước bị vô vàn âm thanh và mùi vị đồng ngự trị, chúng tôi đã có thể là cặp đôi hoàn hảo; nhưng con tôi từ chối nói chuyện, còn tôi không tuân theo mệnh lệnh của mũi mình.

“Arre baap,” Padma kêu lên, “Thì ông cứ kể xem có chuyện gì xảy ra nào! Con nít không nói chuyện thì có gì lạ đâu?”

Và một lần nữa sự giằng xé trong tôi: Tôi không thể. - Cậu phải. - Vâng.

Tháng Tư năm 1976 đến, và tôi vẫn sống ở khu trại hay ghetto của giới ảo thuật; con trai tôi Adam vẫn mắc chứng lao mạn tính dường như không phản ứng trước bất kỳ hình thức điều trị nào. Đầu tôi đầy rẫy những dự cảm không lành (và ý nghĩ chạy trốn); nhưng nếu có một người là lý do tôi ở lại ghetto, thì người đó là Picture Singh.

Padma, Saleem quyết định cùng chung số phận với các ảo thuật gia Delhi một phần vì cảm thấy gâ thuộc về nơi này - một niềm tin tự hành xác về sự chính đáng của việc gã trở nên nghèo khó một cách muộn màng (tôi mang theo, từ nhà cậu tôi, đúng hai tấm sơ mi, trắng, hai cái quần, cũng trắng, một áo phông, in hình đàn guitar màu hồng, và giày, một đôi, đen); tôi đến đây, một phần, bởi lòng trung thành, bị ràng buộc bởi những nút thắt của lòng biết ơn người giải cứu tôi, Parvati-phù-thủy; nhưng, tôi ở lại - trong khi, là một thanh niên có học vấn, ít ra tôi có thể làm thư ký ngân hàng hay thầy giáo trường đêm dạy đọc và viết - bởi vì, suốt đời mình, chủ ý hay vô thức, tôi luôn tìm kiếm những người cha. Ahmed Sinai, Hanif Aziz, Sharp-sticker sahib, Đại tướng Zulfikar, tất cả đều buộc phải đóng thế vai trò của William Methwold; Picture Singh là người cuối cùng trong danh sách cao quý này. Và có lẽ, trong sự khao khát song hành: tìm cha và cứu nước, tôi đã phóng đại Picture Singh (cũng như đã bóp méo anh lần nữa trên những trang viết này) thành một ảo-tượng-trong-mơ của trí tưởng tượng của tôi... thực tế là, mỗi khi tôi hỏi, “Chùng nào anh sẽ lãnh đạo chúng em, Pictureji - chùng nào ngày trọng đại ấy sẽ đến?”, anh gượng gạo thoái thác, nói, “Cậu bỏ ý nghĩ ấy đi, đội trưởng; anh chỉ là một gã nghèo quê ở Rajasthan, và Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất Thế Gian; đừng bắt anh làm gì khác.” Nhưng tôi, thúc giục anh, “Nhưng đã từng có tiền lệ - có Mian Abdullah, con Chim ngân nga...” Nghe vậy Picture, “Đội trưởng, cậu có những ý nghĩ kỳ khôi thật.”

Những tháng đầu ban hành Tình trạng Khẩn cấp, Picture Singh tiếp tục chìm trong một sự im lặng u ám gợi nhớ (một lần nữa) đến sự Vô thanh vĩ đại của Mẹ Bề trên (điều cũng đã rỉ sang con trai tôi...), chẳng buồn diễn thuyết cho khán giả trên đường to phố nhỏ của cả thành phố Cũ lẫn Mới, như trước đây anh nhất quyết làm bằng được; nhưng mặc dù anh nói, “Đây là lúc cần im lặng, đội trưởng,” tôi vẫn tin rằng một ngày nào đó, một buổi bình minh của thiên niên kỷ khi nửa đêm kết thúc, dẫn đầu một jooloo hay đoàn diễu hành khổng lồ của những người cùng khổ, và có lẽ vẫn thối sáo và quần rần độc quanh người, chính Picture Singh sẽ dẫn dắt chúng tôi tới con đường sáng... nhưng có lẽ anh luôn chỉ là một người dụ rần không hơn; tôi không phủ nhận khả năng ấy. Tôi chỉ nói rằng, với tôi, người cha cuối cùng này, cao gầy râu rậm, tóc buộc thành một búi sau gáy, dường như chính là hóa thân của Mian Abdullah; nhưng có lẽ tất cả chỉ là ảo tưởng, hình thành từ nỗ lực gắn anh với mạch truyện lịch sử của tôi hoàn toàn bằng sức mạnh của ý chí. Ảo tưởng đeo đuổi tôi suốt đời; đừng tưởng tôi không biết điều này. Tuy nhiên, trước mắt chúng ta là một thời điểm vượt ra ngoài mọi ảo tưởng; chẳng còn lựa chọn nào khác, rốt cuộc tôi sẽ phải ghi lại, trên giấy trắng mực đen, đoạn cao trào mà tôi đã né tránh cả tới nay.

Những mảnh ký ức: đây không phải là cách viết xứng đáng với đoạn cao trào. Cao trào phải trào dâng tận đỉnh Hy Mã Lạp Sơn; nhưng trong tay tôi chỉ còn những mẩu vụn, buộc tôi phải cà nhắc dẫn đến bi kịch của mình như một con rối đứt dây. Việc này nằm ngoài kế hoạch của tôi; nhưng có lẽ câu chuyện ta kết thúc không bao giờ là câu chuyện ta bắt đầu. (Có lần, trong một căn phòng màu xanh,

Ahmed Sinai đã ứng tác ra đoạn kết cho những câu chuyện cổ tích mà cái kết nguyên bản ông đã quên mất từ lâu; con Khi Đồng và tôi, qua năm tháng, được nghe đủ loại phiên bản về những cuộc hải hành của Sinbad, những chuyến phiêu lưu của Hatim Tai... nếu tôi lại bắt đầu, liệu tôi, cũng như ông, có kết thúc ở một chỗ khác?) Vậy thì: tôi phải tự bằng lòng với những mẫu vụn: như hàng thế kỷ trước tôi đã viết, bí quyết là lấp đầy những chỗ trống, dựa trên vài manh mối có sẵn. Hầu hết những điều trọng đại trong đời ta đều xảy ra vắng mặt ta; tôi đành bám vào ký ức về một cặp hồ sơ có ba chữ cái đầu tiết-lộ-bí-mật, mà tôi chỉ thoáng thấy một lần; và vào những mảnh vụn quá khứ còn sót lại, vạ vật trong các ngăn ký ức bị sục sạo của tôi như những chai thủy tinh vỡ trên bãi biển... Giống như những vụn ký ức, những mảnh báo vẫn lăn lóc khắp khu trại của giới ảo thuật trong làn gió nửa đêm lạnh lẽ.

Những mảnh báo gió bay tìm tới lều của tôi để báo tin rằng cậu tôi, Mustapha Aziz, đã là nạn nhân của một nhóm sát thủ giấu mặt; tôi không buồn rơi nước mắt. Nhưng còn những mẫu thông tin khác; và từ đây, tôi phải dựng nên hiện thực.

Trên một mảnh báo (có mùi củ cải) tôi đọc thấy tin Thủ tướng Ấn Độ không đi đâu mà không có nhà chiêm tinh riêng của bà. Từ mảnh giấy ấy, tôi không chỉ phát hiện ra mùi củ cải; một cách bí hiểm, mũi tôi nhận thấy, một lần nữa, mùi của hiểm nguy cá nhân. Điều tôi buộc phải suy ra từ mùi hương cảnh báo này: thầy bói từng tiên tri về tôi; phải chăng cuối cùng chính thầy bói sẽ hủy hoại tôi? Phải chăng một mục Góa phụ, bị ám ảnh về tinh tú, đã được giới chiêm tinh mách bảo về tiềm năng bí ẩn của bất kỳ đứa trẻ nào ra đời vào nửa đêm nhiều năm trước? Và phải chăng đây là lý do khiến một Công chức, chuyên gia về phả hệ, được yêu cầu truy tìm... lý do khiến ông ta nhìn tôi với ánh mắt khác lạ vào buổi sáng? Đây, quý vị thấy chưa, các mảnh vụn đã bắt đầu khớp với nhau! Padma, chuyện đã rõ ràng chưa? *Indira là Ấn Độ và Ấn Độ là Indira...* nhưng có lẽ nào bà ta chưa đọc bức thư của chính cha mình gửi cho một đứa trẻ nửa đêm, trong đó vị thế trung tâm được nâng tầm thành khẩu hiệu của bà ta bị phủ nhận; trong đó vai trò tấm-gương-của-đất-nước được gửi gắm lên tôi? Quý vị thấy chưa? *Thấy chưa?*... Còn nữa, còn những cứ chứng rõ ràng hơn: một mẫu báo khác của tờ *Thời báo Ấn Độ*, trong đó hăng thông tấn của mục Góa phụ trích dẫn mục ta khẳng định “quyết tâm chiến đấu với âm mưu chống đối ăn sâu lan rộng và ngày càng lớn mạnh”. Xin thưa: mục ta không nói về Janata Morcha! Không, bên cạnh nửa trắng, Tình trạng Khẩn cấp còn có nửa đen, và đây là bí mật đã bị che giấu quá lâu dưới lớp mặt nạ của những ngày ngột thở ấy: động cơ thực thụ nhất, sâu xa nhất ẩn đằng sau việc ban bố Tình trạng Khẩn cấp là gieo tang loạn đến mức đập tan, nghiền nát, bất khả văn hồi lên đầu lũ trẻ nửa đêm. (Những chủ nhân của một Hội nghị đã, tất nhiên, giải thể nhiều năm trước; nhưng riêng khả năng tái hợp của chúng tôi cũng đủ để gây ra báo động đỏ.)

Các nhà chiêm tinh - tôi tin chắc là vậy - là người đưa ra cảnh báo; trong một cặp tài liệu màu đen dán nhãn M.C.C., những cái tên được thu thập từ những hồ sơ hiện tồn; nhưng không chỉ có vậy. Có cả những sự phản bội và những lời thú tội; có đầu gối và mũi - mũi, và cả đầu gối.

Những mẫu, những mảnh, những vụn: có vẻ như, ngay trước khi tỉnh dậy, với mùi nguy hiểm trong cánh mũi, tôi đã mơ thấy mình đang ngủ. Tôi tỉnh dậy, trong giấc mơ lạnh gáy bậc nhất ấy, và thấy một

người lạ trong lều: một gã bộ dạng thi sĩ có mái tóc suôn dài trùm kín tai (nhưng rất thưa ở đỉnh). Phải: trong giấc ngủ cuối cùng trước sự-kiện-tôi-sắp-phải-miêu-tả, cái bóng của Nadir Khan đến thăm tôi, nhìn cái ống nhổ bạc khảm thanh kim thạch với vẻ khó hiểu, và hỏi hết sức kỳ quái, “Cậu ăn cắp cái này đúng không? - Bởi vì nếu không, tức là cậu - có nhẽ đâu thế? - là con của Mumtaz?” Và khi tôi thừa nhận, “Đúng, không phải ai khác, chính là tôi đây...” bóng-ma-trong-mơ của Nadir-Qasim liền đưa ra một lời cảnh báo: “Trốn đi. Gấp lắm rồi. Trốn mau khi còn kịp.”

Nadir, người trốn dưới thảm ở nhà ông tôi, đến khuyên tôi làm điều tương tự; nhưng đã quá muộn, quá muộn rồi, bởi giờ tôi đã tỉnh hẳn, và ngửi thấy mùi hiểm nguy như kèn trumpet om sòm trong mũi... sợ mà không biết vì sao, tôi nhồm dậy; và do tôi tưởng tượng ra hay quả thật Aadam Sinai đã mở to đôi mắt xanh mà nhìn vào mắt tôi đầy nghiêm trọng? Phải chăng mắt con tôi cũng ngập tràn lo lắng? Phải chăng đôi tai pháp phới cũng nghe thấy thứ cái mũi đã đánh hơi ra? Phải chăng cha và con đã có một sự giao tiếp không lời, vào thời điểm trước khi tất cả bắt đầu? Tôi đành phải để những câu hỏi ấy lơ lửng, không lời đáp; nhưng điều chắc chắn là vợ tôi Parvati, tức Laylah Sinai, cũng thức giấc mà hỏi, “Gì thế, mình? Anh bồn chồn gì thế?” - Và tôi, dù không thật sự hiểu vì sao: “Trốn đi; ở đây và đừng ra ngoài.”

Rồi tôi bước ra ngoài.

Lúc ấy có lẽ là buổi sáng, cho dù cái u ám của nửa đêm bất tận như sương mù bao trùm khắp ghetto... trong ánh sáng âm u của thời kỳ Khẩn cấp, tôi thấy lũ nhóc đang chơi ném tháp, và Picture Singh, ô xếp lại cặp dưới nách trái, đang đi tiểu vào tường Thánh đường Thứ Sáu; một nhà ảo thuật hói đầu đang tập cầm dao xuyên cổ thằng bé học việc lên mười, và một ảo thuật gia khác đã tìm thấy khán giả, và đang phù phép cho những trái bóng len to rơi ra từ nách người xem; trong khi ở một góc khác của ghetto, Chand Sahib người nhạc công đang luyện trumpet, đặt búp kèn cũ kỹ của chiếc trumpet móp méo vào cổ và chơi bằng cách vận động các cơ cổ họng... còn kia, kia là ba chị em uốn dẻo, đầu đội surahi đựng nước, đang trở về lều từ vòi nước độc nhất của khu trại... tóm lại, tất cả đều có vẻ bình thường. Tôi mắng thầm mình vì những giấc mơ và báo động của khứu giác; nhưng rồi nó bắt đầu.

Xe hòm và xe ủi tiến trước, rầm rập trên trục đường chính; chúng dừng lại đối diện ghetto của giới ảo thuật. Tiếng loa oang oang: “Chương trình làm đẹp đô thị... chiến dịch đã được chuẩn y của Trung ương đoàn Thanh niên Sanjay... chuẩn bị sơ tán ngay lập tức đến địa điểm mới... khu ổ chuột này là vết nhơ trên bộ mặt thành phố, không thể được dung dưỡng lâu hơn nữa... tất cả phải tuyệt đối phục tùng.” Và trong khi loa gọi om sòm, nhiều người từ xe hòm bước xuống: một mái lều sáng màu vãi được dựng lên, có giường đã chiến và dụng cụ phẫu thuật... và lúc này từ trên xe trào xuống một dòng những nữ tú xuất thân quyền quý và du học nước ngoài ăn mặc sang trọng, và rồi một dòng sông thứ hai các nam thanh ăn mặc cũng bảnh chọe không kém: các tình nguyện viên, tình nguyện viên của Đoàn thanh niên Sanjay, đóng góp chút sức mọn cho xã hội... nhưng tôi chợt nhận ra: không, không phải tình nguyện viên, bởi vì tất cả đám thanh niên đều có mái tóc lượn sóng và đôi môi âm-thần-đàn-bà, còn phụ nữ cũng giống hệt nhau, đường nét trên mặt họ hoàn toàn trùng khớp với Menaka vợ của Sanjay, người được những mẫu báo miêu tả là một “mỹ nhân mảnh mai”, và từng làm người mẫu váy ngủ cho

một công ty đêm... trong cảnh hỗn loạn của chương trình giải tỏa khu ổ chuột, một lần nữa tôi lại được chứng kiến vương triều đang cai trị Ấn Độ đã học được cách tự sao chép bản thân; nhưng khi ấy làm gì có thời gian để nghĩ, đội quân vô số môi-âm-thần và mỹ-nhân-mảnh-mai đang tóm lấy các ảo thuật gia và ăn mày già, mọi người bị lôi xềnh xệch đến chỗ xe hòm, và giờ một tin đồn lan khắp khu trại của giới ảo thuật: “Bọn chúng đang thực hiện nasbandi - đang tiến hành triệt sản!” - Một tiếng kêu thứ hai: “Hãy cứu lấy đàn bà và trẻ con!” - Và một cuộc bạo động nổ ra, lũ trẻ vừa chơi ném tháp chuyển sang ném đá vào những kẻ xâm lăng thanh lịch, và đây là Picture Singh tập hợp các nhà ảo thuật về phía mình, múa tít cây dù thịnh nộ, từng là vật tạo lập hòa bình nhưng nay đã biến thành vũ khí, một ngọn thương đông ki sốt xập xòe, và các ảo thuật gia đã thành một phòng tuyến, bom xăng được hô biến hiện ra và ném đi, gạch được rút ra từ túi các thuật sĩ, không khí đặc quánh lại với tiếng gào thét và phi đạn và đội quân môi-âm-thần và mỹ-nhân-mảnh-mai buộc phải rút lui trước cơn thịnh nộ khốc liệt của các huyền giả; còn kia là Picture Singh, dẫn đầu đợt xung phong về túp lều cất ống dẫn tinh... Parvati tức Laylah, không nghe lời tôi, lúc này đang bên cạnh tôi nói, “Lạy Chúa, họ làm cái gì...”; và đúng lúc này một đợt công kích mới, dữ dội hơn được phát động về phía khu ổ chuột: quân đội được điều động đến đàn áp ảo thuật gia, đàn bà và trẻ con.

Một lần, ảo thuật gia nghệ nhân múa rối thần bài và thuật sĩ thôi miên đã kiêu hãnh diễu hành cùng đoàn quân chinh phục; nhưng giờ đây tất cả đã bị lãng quên, và những khẩu súng Nga được chĩa vào cư dân của ghetto. Cơ hội nào cho các phù thủy Cộng sản trước họng súng xã hội chủ nghĩa? Bọn họ, chúng tôi, đang bỏ chạy, tứ tung, Parvati và tôi lạc nhau khi bọn lính xung phong, tôi mất dấu Picture Singh, bóng súng giáng xuống liên hồi, tôi thấy một trong ba chị em uốn dẻo ngã gục dưới cơn cuồng bạo của súng, mọi người bị túm tóc lôi về những cỗ xe hòm đang ngoác miệng chờ đợi; và tôi cũng bỏ chạy, nhưng quá muộn, vừa chạy vừa ngoái cổ nhìn, vấp vào chai Dalda thùng rỗng và bao tải bị các ảo thuật gia kinh hoàng vút lại, và khi ngoái đầu lại giữa đêm tối Khẩn cấp mịt mù tôi bỗng thấy tất cả những thứ này chỉ là một màn khói hỏa mù, một chuyện bên lề, bởi vì đang vùn vụt lao đến, xuyên qua cảnh hỗn loạn của cuộc bạo động, là một nhân vật thần thoại, hóa thân của vận mệnh và hủy diệt: Thiếu tá Shiva gia nhập vòng chiến, và hấn chỉ lòng tìm tôi. Sau lưng, khi tôi bỏ chạy, đôi đầu gối báo hiệu diệt vong của tôi đang đuổi đến.

... Trong óc tôi lóe lên hình ảnh về một túp lều: con trai tôi! Và, không chỉ con trai tôi: một cái ống nhỏ bạc, khảm thanh kim thạch! Đâu đó trong cơn hỗn loạn của ghetto, một đứa bé đã bị bỏ lại một mình... đâu đó một tấm bùa hộ mệnh, được giữ gìn cẩn thận bấy lâu đã bị bỏ quên. Thánh đường Thứ sáu bâng quan nhìn tôi chạy hụp rẽ ngoặt giữa những căn lều nghiêng ngả, đôi chân tôi đưa tôi đến chỗ đứa con tai phấp phới và chiếc ống nhỏ... nhưng tôi có cơ hội nào trước cặp đầu gối ấy? Cặp đầu gối của người hùng thời chiến đã đuổi tới gần rất gần, đôi khớp gối của vị thần báo ứng đang sầm sập về phía tôi, và hấn nhảy vọt đến, đôi chân người hùng thời chiến bay vút qua không trung, như hàm răng nghiền quanh cổ tôi, vất hơi thở khỏi họng tôi, tôi đổ xuống quằn quại nhưng đôi đầu gối vẫn siết chặt, và giờ một giọng nói - giọng nói của sự bội bạc phản phúc thù hận! - vang lên, khi đầu gối đè lên ngực tôi và ghim chặt tôi xuống nền đất của khu ổ chuột: “Chà, công tử bột: ta lại gặp nhau rồi. Salaam.” Tôi khò khè; Shiva mỉm cười.

Ôi hàng khuy bóng nhoáng trên quân phục kẻ phản bội! Lấp lánh nhấp nhánh như bạc... tại sao hấn làm vậy? Tại sao hấn, kẻ từng cầm đầu đám du côn vô chính phủ ở khu ổ chuột Bombay, lại biến thành

chiến tướng của bạo quyền? Tại sao đứa trẻ của nửa đêm lại phản bội những đứa trẻ nửa đêm khác, và ném tôi vào tay định mệnh? Vì thích bạo lực, vì ánh lấp lánh chính danh của hàng khuy trên quân phục? Vì nổi ác cảm xa xưa đối với tôi? Hay - tôi thấy điều này hợp lý hơn cả - để đổi lấy việc được miễn xá mọi hình phạt mà tất cả chúng tôi phải chịu... phải, hẳn thế rồi; Ôi người hùng thời chiến bị tước đoạt mọi quyền vị lúc chào đời! Ôi địch thủ bị tha hóa vì một bát cháo đậu^[2]... Nhưng không, tôi không được dồng dài nữa, và phải kể câu chuyện càng đơn giản càng tốt: khi quân lính lùng sục bắt bớ lôi kéo các nhà ảo thuật ra khỏi ghetto, Thiệu tá Shiva chỉ tập trung vào tôi. Tôi cũng bị thô bạo lôi về phía một chiếc xe hòm; trong khi xe ủi đất tiến vào khu ổ chuột, một cánh cửa đóng sập lại... trong bóng tối tôi gào lên, “Còn con tôi! - Còn Parvati, em đâu rồi, Laylah của tôi? – Picture Singh! Cứu em, Pictureji!” - Nhưng xe ủi đã lăn bánh, và chẳng ai nghe thấy tôi gào thét.

[2] Theo Thánh kinh của người Do Thái, Esau và Jacob là con của Isaac. Một lần vì quá đói, Esau đã bán quyền trưởng nam cho Jacob để đổi lấy một bát cháo đậu.

Parvati-phù-thủy, sau khi cưới tôi, đã trở thành nạn nhân của lời nguyên chết thảm hằng đeo đuổi tất cả người thân của tôi... Tôi không rõ Shiva, sau khi nhốt tôi lên chiếc xe hòm tối tăm bí bưng, có đi tìm em không, hay hẳn bỏ mặc em cho xe ủi đất... bởi lúc này những cỗ máy hủy diệt như cá gặp nước, và những túp lều tồi tàn bé nhỏ của khu dân cư xập xệ đang điên cuồng chui tọt trôi tuột vào dưới bước tiến vũ bão của những sinh vật bất khả kháng cự ấy, chồi lán gãy rắc như cành khô, hộp các tông của nghệ nhân múa rối và giỏ thần kỳ của ảo thuật gia bị nghiền nát thành một mớ hổ lốn; thành phố đang được làm đẹp, và nếu dăm người chết, nếu một cô gái với cặp mắt to tròn và đôi môi bĩu ra vì đau khổ có ngã dưới bánh xe của những cỗ cự xa, hà, thì đã sao, một vết nhơ đang được xóa bỏ khỏi bộ mặt của thủ đô ngàn năm văn hiến... và có tin đồn rằng, trong cơn giãy chết của ghetto của giới ảo thuật, một người khổng lồ râu rậm, người quần đầy răn (nhưng điểm này có thể là phóng đại) lao - HẾT TỐC LỰC - giữa đông đảo nát, chạy điên cuồng trước mũi những cỗ xe ủi đất, tay nắm chặt cán một cái ô đã tơi tả đến nỗi không thể sửa chữa, tìm kiếm và tìm kiếm, như thể tính mạng mình phụ thuộc vào điều đó.

Tới cuối ngày hôm đó, cả khu ổ chuột chen chúc dưới bóng Thánh đường Thứ Sáu đã biến mất khỏi mặt đất; nhưng không phải tất cả các nhà ảo thuật đều bị bắt; không phải ai cũng bị lừa lên xe chở đến khu trại rào thép gai tên là Khichripur, trại thập cẩm, ở bờ bên kia Sông Jamuna; chúng không bao giờ tóm được Picture Singh, và người ta kể rằng một ngày sau khi ghetto của giới ảo thuật bị san bằng, một khu ổ chuột mới nghe nói đã mọc lên ở trung tâm thành phố, ngay sát nhà ga xe lửa của Delhi Mới. Xe ủi được điều động đến hiện trường; nhưng chẳng thấy gì. Từ đấy trở đi, sự tồn tại của khu ổ chuột di động của các nhà ảo thuật lưu vong trở thành một sự thật người dân thủ đô ai cũng biết, nhưng đội quân phá nhà không bao giờ tìm thấy nó. Có tin báo nó ở Mehrauli; nhưng khi đội cắt ống dẫn tinh và quân lính kéo đến, họ thấy Qutb Minar chẳng hề bị lều lán của sự bần cùng xâm hại. Lũ chỉ điểm báo rằng nó đã xuất hiện trong khuôn viên của Jantar Mantar, đài chiêm tinh do Jai Singh xây dựng theo lệnh đại đế Mughal; nhưng những cỗ máy hủy diệt, khi đổ xô đến hiện trường, chỉ thấy vệt và đồng hồ mặt trời. Mãi đến khi Tình trạng Khẩn cấp kết thúc khu ổ chuột di động mới thôi di chuyển; nhưng chuyện đó phải để sau, bởi vì sau rất nhiều trì hoãn, đã tới lúc phải kể, và không được mất tự chủ, về thời gian tôi bị cầm tù tại Khách sạn Góa phụ ở Benares.

Resham Bibi từng rú lên, “Ai-o-ai-o!” - và bà đã đúng: tôi đã gieo họa hủy diệt cho ghetto của các ân nhân của tôi; Thiệu tá Shiva, nhất định là hành động theo chỉ thị trực tiếp của mẹ Góa phụ, đã

đến khu trại để bắt tôi; trong khi con trai mù Góa phụ bố trí chương trình làm đẹp đô thị và cắt ống dẫn tinh như một chiêu đánh lạc hướng đối phương. Phải, dĩ nhiên tất cả đã được mưu đồ như thế; và (nếu tôi được phép nhận xét) hết sức hiệu quả. Điều chúng đạt được trong cuộc bạo loạn của giới ảo thuật: một kỳ tích đích thực khi âm thầm bắt được người duy nhất trên đời nắm giữ chìa khóa xác định vị trí của từng đũa tre của nửa đêm - bởi chẳng phải tôi đã, đêm này sang đêm khác, bắt sóng với từng người trong số chúng? Chẳng phải tôi đã, suốt bấy lâu, lưu giữ tên họ địa chỉ diện mạo của chúng trong đầu? Tôi sẽ trả lời câu hỏi ấy: đúng vậy. Và tôi đã bị bắt.

Phải, dĩ nhiên tất cả đã được mưu đồ như thế. Parvati-phù-thủy đã kể hết cho tôi về kinh dịch của tôi; có thể nào em lại không đề cập đến tôi với hắn? Tôi cũng sẽ trả lời câu hỏi này: không thể nào. Nghĩa là người hùng của chúng ta biết nơi nào, ở thủ đô, kẻ mà chủ nhân của hắn thêm muốn nhất đang ẩn nấp (kể cả cậu Mustapha tôi cũng không biết tôi đi đâu sau khi rời nhà ông; nhưng Shiva biết!) - và, một khi hắn đã phản bội, và, tôi đoán chắc, được hồi lộ mọi thứ từ hứa hẹn được thăng cấp đến đảm bảo an toàn cá nhân, thật quá dễ dàng để hắn giao nộp tôi vào tay nữ chủ nhân của mình, tức Madam, mù Góa phụ với mái tóc hai màu.

Shiva và Saleem, người chiến thắng và nạn nhân; hiểu được mối thù địch giữa chúng tôi thì quý vị sẽ hiểu được thời đại mà mình đang sống. (Nếu đảo ngược lại, tuyên bố này vẫn đúng.)

Ngày hôm ấy, ngoài tự do, tôi còn mất đi một thứ khác: xe ủi đã nuốt mất một cái ống nhỏ bạc. Bị tước mất đồ vật cuối cùng gắn bó tôi với một quá khứ hữu hình hơn, để xác minh hơn về mặt lịch sử, tôi bị đem đến Benares để đối diện với kết cục của phần đời nội tâm, được nửa đêm ban tặng của mình.

Phải, đó là nơi điều ấy xảy ra, ở cung điện của các góa phụ trên bờ sông Hằng, tại thành phố cổ xưa nhất thế giới còn tồn tại, thành phố đã già khi Buddha còn trẻ, Kasi Benares Varanasi, Thành phố của Ánh sáng Thiên, quê hương của Cuốn sách Tiên tri, tử vi của mọi tử vi, trong đó mọi cuộc đời, quá khứ hiện tại tương lai, đều đã được ghi lại. Nữ thần Ganga chảy xuống Trái đất trong mái tóc Shiva... Benares, đền thờ của Shiva-vị-thần, là nơi tôi được Shiva-người-hùng mang đến để đối diện định mệnh của mình. Tại xứ sở của tử vi, tôi tiến đến thời điểm từng được Ramram Seth tiên đoán trên gác thượng: “Lính tráng kết án nó... bạo chúa sẽ rán nó!”, người thầy bói đã phán vậy; thực tế thì không có bản án chính thức nào cả - đầu gối Shiva kẹp quanh cổ tôi, vậy thôi - nhưng tôi có người thấy, vào một ngày đông, mùi thứ gì đó bị rán trên chảo sắt...

Xuôi theo dòng sông, qua Scindia-ghat nơi các vận động viên thể dục quần vợt trắng quanh hông tập chông đẩy bằng một tay, qua Manikarnika-ghat, nơi cử hành lễ tang, nơi ta có thể mua lửa thiêng từ những người giữ đuốc, qua xác chết trôi của chó và bò - những sinh linh bất hạnh không có ai mua lửa cho, qua những tu sĩ Bà la môn ngồi dưới ô rơm ở Dasashwamedh-ghat, vận đồ màu nghệ, đang phân phát những lời ban phước... và giờ nó trở nên rõ ràng: một âm thanh kỳ quái, như tiếng chó tru từ xa vọng lại.. đi theo đi theo đi theo âm thanh ấy, và nó thành hình, và ta hiểu ra đó là một tiếng rên thảm thiết bất tận, phát ra từ những cửa sổ buồng幔 của một cung điện bên sông: Khách sạn Góa phụ! Ngày xưa ngày xưa, nó là tư dinh của một maharajah; nhưng Ấn Độ ngày nay là một quốc gia hiện đại,

và những chỗ như thế đều đã bị sung công. Ngày nay tòa cung điện là nhà của các vị vong nhân; họ, hiểu rằng cuộc đời thật sự của mình đã kết thúc cùng cái chết của chồng, nhưng không được phép tìm sự giải thoát bằng sati^[3] nữa, đã tìm đến thành phố linh thiêng này để sống nốt những ngày vô nghĩa trong niềm khóc than thống thiết. Cung điện góa phụ là nơi cư trú của một bộ lạc gồm toàn những người đàn bà có bộ ngực bầm tím vô phương cứu chữa, hệ quả của việc đâm ngực thùm thụp liên hồi, có mái tóc bị rút tã tời không thể phục hồi, và có giọng nói bị cắt vụn vì liên tục giải bày đây ai oán niềm tiếc thương của họ. Đó là một tòa nhà đồ sộ, một mê cung của những căn phòng tí hìn ở các tầng trên để nhường chỗ cho các đại sảnh khóc than ở tầng dưới; và phải, đây là nơi điều ấy xảy ra, mẹ Góa phụ hút tôi vào trung tâm bí mật của đế chế khủng khiếp của mẹ, tôi bị nhốt vào một căn phòng tầng trên nhỏ tí và ăn cơm tù do đám quả phụ mang đến. Nhưng tôi còn có những vị khách khác: người hùng thời chiến mời hai đồng sự của hắn tới, nhằm mục đích đối thoại. Nói cách khác: tôi được khuyến khích trò chuyện. Bởi một bộ đôi cộc cạch, một béo, một gầy, được tôi đặt tên là Abbott-và-Costello^[4] vì chưa một lần chúng làm tôi thấy buồn cười.

[3] Thủ tục của người Hindu theo đó người vợ góa sẽ tự thiêu chết theo chồng bằng cách gieo mình vào giàn thiêu xác chồng.

[4] William “Bud” Abbott và Lou Costello, bộ đôi diễn viên hài nổi tiếng ở Mỹ những năm 1940, 1950.

Ở đây tôi ghi nhận một khoảng trắng ân huệ trong ký ức. Không gì có thể khơi dậy trong tôi ký ức về những kỹ năng đối thoại của bộ đôi kém hài hước, mặc đồng phục ấy; không chutney hay rau quả dầm gì có khả năng mở khóa những cánh cửa mà tôi đã khóa kín những ngày ấy phía sau! Không, tôi đã quên, tôi không thể, không định nói bằng cách nào chúng đã dụ được tôi phun ra hết - nhưng tôi không thể lẩn tránh cốt lõi đáng hổ thẹn của vấn đề, ấy là bất chấp việc thiếu-vắng-những-trò-đùa-cợt và thái độ nhìn chung là thiếu cảm thông của thẩm tra viên hai đầu của tôi, tôi cảm chắc là đã nói. Và không chỉ nói: dưới tác động của những thủ đoạn gây áp lực không thể kể tên - đã bị lãng quên - của chúng, tôi trở nên ba hoa tốt độ. Cái gì đã trào ra, dào dạt, từ môi tôi (nhưng giờ thì không): tên tuổi địa chỉ ngoại hình. Phải, tôi khai hết, tôi tiết lộ cả năm trăm bảy mươi tám cái tên (bởi vì Parvati, chúng lịch sự báo cho tôi, đã chết, còn Shiva đã đào ngũ sang phe địch, còn năm trăm tám mươi một đứa kia đều đang khai...) - buộc phải bội tín vì sự phản bội của kẻ khác, tôi đã phản bội lũ trẻ nửa đêm. Tôi, Người sáng lập Hội nghị, đã chủ trì sự kết thúc của nó, trong khi Abbott-và-Costello, không hề cười, thỉnh thoảng lại ngắt lời:

“Aha! Tốt lắm! Chưa biết về con bé này!” hoặc, “Anh bạn hợp tác rất tốt, gã đó tụi này mới nghe lần đầu!”

Những chuyện kiểu này là thường. Số liệu thống kê có thể làm rõ bối cảnh tôi bị bắt giam; mặc dù có sự bất đồng đáng kể về con số tù “chính trị” bị bắt giữ trong thời kỳ Khẩn cấp: là ba mươi nghìn, hay một phần tư triệu người đã mất tự do? Mẹ Góa phụ tuyên bố: “Đó chỉ là một phần rất nhỏ của dân số Ấn Độ,” Đủ thứ chuyện xảy ra trong thời kỳ Khẩn cấp: tàu hỏa chạy đúng giờ, bọn đầu cơ tiền bản cum cúp nộp thuế, đến thời tiết cũng được kiểm soát, và mùa màng thì bội thu; bao giờ cũng có, tôi nhắc lại, một nửa trắng và một nửa đen. Nhưng ở nửa đen, tôi bị xiềng xích trong một căn phòng tí hìn, trên tấm thảm rơm là vật dụng duy nhất tôi được phép sở hữu, và chia sẻ bát cơm hằng ngày với gián và kiến. Còn về phần lũ trẻ nửa đêm – cái mưu đồ đáng sợ phải bị đập tan bằng mọi giá ấy - cái bè lũ cùng đồ giết người cắt cổ làm bà Thủ tướng bị ám ảnh chiêm tinh học run lên vì sợ hãi ấy - lũ quái vật

bất thường dị dạng của thời điểm Độc lập, những kẻ mà một quốc gia-dân tộc hiện đại không thể phung phí cả thời gian lẫn lòng trắc ẩn ấy - giờ đây, ở tuổi hai mươi chín, thêm bớt độ một hai tháng, chúng bị bắt đến Khách sạn Góa phụ; từ tháng Tư tới tháng Mười hai chúng bị lừa bắt lại, và tiếng rì rầm của chúng bắt đầu tràn ngập những bức tường. Tường xà lim của tôi (mỏng tang, thạch cao bong tróc, trần trụi) bắt đầu rì rầm, vào một tai lành và một tai điếc, về hậu quả của sự khai báo ô nhục của tôi. Một tên tù mũi dừa chuột, trang sức bằng mớ vòng và nhẫn sắt khiến nhiều hoạt động thông thường trở thành bất khả thi - đi đứng, sử dụng cái xô nhôm, ngồi xôm, ngủ - nằm co ro sát lớp thạch cao bong tróc và thì thầm với một bức tường.

Tất cả kết thúc; Saleem đầu hàng nỗi đau của gã. Suốt đời tôi, và cả trong phần lớn những dòng hồi tưởng này, tôi đã cố gắng giữ những đau khổ của mình trong tầm kiểm soát, ngăn chúng làm hoen ố những câu viết của tôi bằng dòng chất lỏng mằn mặn, sốt mướt của chúng; nhưng hết rồi. Không ai cho tôi biết lý do (cho đến khi Bàn tay Mụ Góa phụ...) tại sao tôi bị giam cầm: nhưng ai, trong ba mươi nghìn hay nửa triệu tù nhân, được biết tại sao hay vì đâu? Ai cần được biết? Trong những bức tường, tôi nghe thấy giọng nói lảm rầm của những đứa trẻ nửa đêm: không cần giải thích gì thêm, tôi nức nở qua lần thạch cao bong tróc.

Những gì Saleem đã thì thầm với bức tường từ tháng Tám đến tháng Mười hai năm 1976:

... Hỡi những đứa trẻ. Tôi biết nói thế nào đây? Mà có gì để nói? Tội của tôi lỗi tại tôi. Mặc dầu có thể viện dẫn nhiều lý do: tôi không có lỗi gì trong chuyện Shiva. Đủ mọi loại người đều bị giam, sao ta lại không? Mà tội lỗi là một vấn đề phức tạp, bởi chẳng phải tất cả chúng ta, mỗi cá nhân trong chúng ta, theo một cách nào đấy, đều có phần trách nhiệm - há chẳng phải tập thể nào thì lãnh đạo nấy sao? Nhưng không lời bào chữa nào được đưa ra. Lỗi tại tôi. Tôi. Hỡi những đứa trẻ: Parvati của tôi chết rồi. Và Jamila của tôi, biến mất. Và mọi người. Biến mất dường như cũng là một trong những đặc điểm lặp đi lặp lại suốt lịch sử của tôi: Nadiar Khan biến mất khỏi một thế giới ngầm, lưu lại một tin nhắn; Aadam Aziz cũng biến mất, trước khi bà tôi dậy cho ngỗng ăn; và Mary Pereira, đã đi đâu? Tôi, nằm trong giỏ, biến mất; nhưng Laylah hay Parvati đã biến mất cái phụt không cần sự trợ giúp của thần chú. Giờ đến lượt chúng ta, biến-mất-khỏi-mặt-đất. Lời nguyên biến mất, những đứa trẻ thân mến, rõ ràng đã rỉ sang các cậu. Không, đối với câu hỏi về tội lỗi, tôi dứt khoát không chọn cách nhìn rộng; chúng ta ở quá gần cái-đang-xảy-ra, cái nhìn toàn cảnh là điều bất khả, sau này có thể các nhà phân tích sẽ lý giải tại sao và vì đâu, sẽ truy nguyên các xu thế kinh tế và diễn biến chính trị liên quan, nhưng lúc này, chúng ta đang ở quá gần màn hình, hình ảnh vỡ vụn thành từng điểm nhỏ, và chỉ có thể đưa ra phán xét chủ quan. Vậy thì, một cách chủ quan, tôi cúi gằm mặt đầy hổ thẹn. Hỡi những đứa trẻ: hãy tha thứ.

Không, tôi không chờ được tha thứ. Chính trị, hỡi những đứa trẻ: khi đẹp trời nhất vẫn là điều bản thiêu. Đáng lẽ ta nên tránh xa nó, đáng lẽ tôi không bao giờ nên mơ tưởng về mục đích; tôi đi đến kết luận rằng sự riêng tư, cuộc sống cá nhân nhỏ bé của mỗi con người, quan trọng hơn tất cả cái hoạt động vĩ mô bị thôi phồng này. Nhưng muộn rồi. Hết thuốc chữa rồi. Mà thứ gì không chữa được thì phải chịu.

Câu hỏi hay, hỏi những đứa trẻ: phải chịu đựng cái gì? Tại sao chúng ta bị lừa vào đây, từng người một như thế này; tại sao gông cùm đeo quanh cổ chúng ta? Và những cách thức giam cầm kỳ lạ (nếu lời thì thâm của bức tường đáng tin): người-có-khả-năng-phi-thăng bị xích cổ chân xuống sàn, còn người sói bị bắt đeo rọ mõm; người-có-thể-tẩu-thoát-quia-gương phải uống nước qua một lỗ nhỏ trên cái bình có nắp, để cậu ấy không thể biến mất qua bề mặt phản xạ của nước; và cô-gái-có-ánh-mắt-giết-người bị trùm đầu bằng bao tải, hai nhan sắc mê hồn xứ Baud cũng chung số phận. Một người trong chúng ta có thể ăn kim loại; đầu cậu ấy bị ngàm chặt, đến bữa ăn mới tháo ra... điều gì đang được chuẩn bị cho chúng ta? Một điều tồi tệ, hỏi những đứa trẻ. Tôi chưa biết là gì, nhưng nó sắp đến. Hỏi những đứa trẻ; chúng ta, cũng phải chuẩn bị.

Hãy truyền tin này đi: một số trong chúng ta đã trốn thoát. Tôi đánh hơi thấy, qua tường, một số sự vắng mặt. Tin vui, hỏi những đứa trẻ! Chúng không bắt được hết chúng ta. Soumitra, người du hành thời gian, chẳng hạn - Ôi sợ điên rồ tuổi trẻ! Ôi lũ ngốc bọn ta, cứ không chịu tin cậu ấy! - không có ở đây; đang ngao du có lẽ, ở một miền thời gian khác hạnh phúc hơn, đã trốn thoát những kẻ săn đuổi mãi mãi. Không, đừng ghen với cậu ấy; mặc dù tôi cũng thèm muốn cơ hội đào thoát về quá khứ, có lẽ về thời khắc khi tôi, niềm kiêu hãnh của vũ trụ, thực hiện cuộc điều hành chiến thắng trong vai đứa trẻ sơ sinh quanh các cung điện của William Methwold - Ôi cơn hoài vọng âm ỉ về những thời kỳ của nhiều triển vọng hơn, trước khi lịch sử, như con phố phía sau Bru điện Trung tâm tại Delhi, bóp hẹp dần lại đến dấu chấm hết cuối cùng này! - nhưng chúng ta đã ở đây rồi; hỏi tướng kiêu này chỉ càng nhụt chí; hãy lấy làm mừng, rằng trong chúng ta có người vẫn tự do!

Và có cả những người đã chết. Chúng cho tôi biết về Parvati của tôi. Người mà trên mặt, tới phút cuối, vẫn hiện lên diện mạo hồn ma rữa nát của... Không, chúng ta không còn là năm trăm tám mươi một nữa. Run rẩy trong cái rét tháng Mười hai, bao nhiêu trong chúng ta đang ngồi sau bốn bức tường và chờ đợi? Tôi hỏi cái mũi; nó trả lời, bốn trăm hai mươi, con số của lừa đảo và gian dối. Bốn trăm hai mươi, bị đám góa phụ cầm tù; và còn một kẻ nữa, sải bước trong đôi ủng quanh Khách sạn - tôi nghĩ thấy xú khí của hân đến gần đi xa, mùi hôi thối của sự phản bội! - Thiếu tá Shiva, người hùng thời chiến, Shiva-đầu-gối-bur, trong vai trò cai ngục. Liệu chúng có bằng lòng với bốn trăm hai mươi? Những đứa trẻ: tôi không biết chúng còn chờ bao lâu nữa.

... Không, các cậu đang giễu tôi, thôi đi, đừng đùa nữa. Vì sao từ đâu thế quái nào lại có cái lỗi thân thiện, cái kiêu hãnh này trong những lời xì xầm truyền tai nhau của các cậu? Không, các cậu phải kết tội tôi, thẳng thừng và miễn kháng án - đừng dẫn vật tôi bằng những lời chào hỏi hân hoan khi từng người trong các cậu bị nhốt trong xà lim; đây là lúc nào ở đâu mà còn salaam, namaskar với cậu-dạo-này-thế-nào? - Những đứa trẻ, các cậu không hiểu à, chúng có thể làm bất cứ thứ gì với chúng ta, bất cứ thứ gì - không, sao các cậu có thể nói thế, sao lại chúng-thì-có-thể-làm-gì? Tôi nói các cậu nghe: cùm sắt kẹp vào mắt cá chân rất đau; báng súng để lại trên trán những vết bầm tím. Chúng làm được gì hả? Gí điện vào hậu môn, các cậu ạ; và đây chưa phải trò duy nhất, còn treo ngược đầu xuống đất, và một ngọn nến - chà, ánh nến lung linh ngọt ngào lãng mạn! - sẽ chẳng hề dễ chịu khi gí, đang cháy, vào da! Thôi ngay đi, bỏ cái trò bạn bè này đi, các cậu không sợ à? Chẳng lẽ các cậu không muốn đám đá giẫm đạp tôi thành nghìn mảnh? Sao cứ mãi rì rầm hỏi tướng, cứ hoài niệm về những vụ cãi cọ ngày trước, về cuộc chiến giữa vật chất và ý thức, sao các cậu cứ cười cợt tôi bằng vẻ thần nhiên, lãnh đạm, bằng sức mạnh vượt-trên-khung-hoảng của mình? Nói thật, tôi chịu đấy, hỏi những

đứa trẻ: làm sao các cậu có thể, ở tuổi hai chín, ngồi trong xà lim thì thăm nhả nhót với nhau? Mẹ kiếp, đây đâu phải một cuộc hội ngộ bạn bè!

Hỡi những đứa trẻ, những đứa trẻ, tôi xin lỗi. Tôi công nhận rằng dạo gần đây tôi không còn là chính mình nữa. Tôi đã là một buddha, một con ma trong giỏ, một cứu-tinh-hụt của đất nước... Saleem đã cắm đầu chạy vào ngó cụt, gặp những vấn đề nghiêm trọng với hiện thực, từ khi cái ống nhỏ rơi xuống như một mảnh... hãy thương xót tôi: tôi thậm chí đã đánh mất cái ống nhỏ. Mà tôi lại nói linh tinh rồi, tôi không định cầu xin sự thương hại, tôi muốn nói rằng có lẽ tôi biết - chính tôi, chứ không phải các cậu, đã không hiểu điều gì đang xảy ra. Thật phi thường, hỡi những đứa trẻ: chúng ta, những người không thể nói chuyện quá năm phút mà không bất đồng; chúng ta, những người hồi bé từng cãi cò xung đột chia rẽ ngờ vực tan rã, thì nay bỗng lại đoàn kết thành một khối! Ôi sự trớ trêu kỳ diệu: mẹ Góa phụ, khi nhốt chúng ta vào đây, hòng đập tan chúng ta, kỳ thực đã mang chúng ta đến với nhau! Ôi cơn cuồng vọng tự thân ứng nghiệm của bạo chúa... bởi vì bọn chúng có thể làm được gì, khi giờ chúng ta đã cùng một trận tuyến, không còn mâu thuẫn ngôn ngữ, không còn định kiến tôn giáo: nói cho cùng, chúng ta đã hai mươi chín tuổi rồi, tôi không nên gọi mọi người là những đứa trẻ nữa...! Phải, đây là niềm lạc quan, như một bệnh dịch: một ngày kia mẹ ta sẽ phải thả chúng ta ra và khi đó, khi đó, cứ chờ xem, có thể chúng ta nên thành lập, tôi không biết, một chính đảng mới, phải, đảng Nửa đêm, chính trị có cơ hội gì trước những người có thể nhân một con cá thành nhiều và hóa sắt thành vàng? Hỡi những đứa trẻ, có một thứ sắp ra đời ở đây, vào thời khắc đen tối của sự tù đày; hãy cứ để lũ Góa phụ giờ trò tòi tệ nhất; đoàn kết là vô địch! *Hỡi những đứa trẻ: chúng ta đã thắng!*

Quá đau đớn. Sự lạc quan, nảy nở như hoa hồng gặp phân: nó làm tôi đau xót khi hồi tưởng lại. Đủ rồi! Sau đó thế nào tôi quên rồi. - Không! - Không, thôi được, tôi vẫn nhớ... Thứ gì đáng sợ hơn gông cùm xiềng xích nên-cháy-gi-vào-da? Thứ gì ăn đứt nhỏ móng tay và bỏ mặc cho chết đói? Tôi xin tiết lộ trò đùa ma mãnh nhất, tinh vi nhất của mẹ Góa phụ: thay vì tra tấn chúng tôi, mẹ cho chúng tôi hy vọng. Nghĩa là mẹ có một thứ - không, không chỉ một thứ: mà là thứ quý giá hơn hết thấy! - để lấy đi. Và giờ, rất sớm thôi, tôi sẽ phải miêu tả mẹ đã cắt đứt nó ra sao.

Ectomy (khởi nguồn từ tiếng Hy Lạp, chắc vậy): sự cắt bỏ. Từ đây, y học đã bổ sung nhiều tiền tố: appendectomy tonsillectomy mastectomy tubectomy vasectomy testectomy hysterectomy^[5]. Saleem xin đóng góp thêm một mục từ nữa, miễn phí và cho không, vào danh mục các phẫu thuật cắt bỏ này; đây, tuy vậy, là một thuật ngữ đúng ra phải thuộc về lịch sử, mặc dù y học cũng có, đã có phần đóng góp:

Sperectomy: sự hút kiệt hy vọng.

[5] Các thuật ngữ y khoa có nghĩa là: cắt bỏ ruột thừa, cắt bỏ amidan, cắt bỏ ngực, cắt bỏ ống dẫn trứng, cắt bỏ ống dẫn tinh, cắt bỏ tinh hoàn, cắt bỏ tử cung.

Ngày đầu năm mới, tôi có khách. Tiếng kẹt cửa, tiếng loạt soạt của vải chiffon đắt tiền. Tông màu:

xanh đen. Kính ả, xanh, giày ả đen thật đen... Báo chí miêu tả ả là “một cô gái quyến rũ, với cặp hông đầy đặn, dong đưa... quản lý một tiệm kim hoàn nhỏ trước khi làm công tác xã hội... Thời kỳ Khẩn cấp, cô phụ trách, một cách bán chính thức, chương trình triệt sản.” Nhưng tôi có tên riêng cho ả: ả là Bàn tay của mẹ Góa phụ. Chộp từng đưa một và lũ trẻ ú ớ và xé và xé những trái bóng nhỏ lăn lóc... vừa xanh vừa đen, mẹ đột kích xà lim của tôi. Hồi những đứa trẻ: bắt đầu rồi. Hãy sẵn sàng. Đoàn kết là sức mạnh. Mặc kệ Bàn Tay mẹ Góa phụ làm việc của mẹ Góa phụ, rồi ta sẽ, ta sẽ... hãy nghĩ đến sau này. Giờ thì gắng đừng nghĩ đến... và ả, ngọt ngào, diêm dăm, “Về căn bản, cậu biết đấy, đây hoàn toàn là một câu hỏi về Chúa.”

(Những đứa trẻ, các cậu có nghe không? Truyền tai nhau đi.)

“Người dân Ấn Độ,” Bàn Tay của mẹ Góa phụ giải thích, “tôn thờ Đức bà như một vị thần. Ấn Độ chỉ có thể tôn thờ một Chúa.”

Nhưng tôi lớn lên ở Bombay, nơi Shiva Vishnu Ganesh Ahuramazda Allah và vô vàn thần linh khác đều có bày chiên của mình... “Vậy còn bách thần điện,” tôi lý luận, “với ba trăm ba mươi triệu vị thần của riêng đạo Hindu? Và Hồi giáo, và Phật giáo...?” Và đây là câu trả lời: “Phải rồi! Lạy Chúa, hàng triệu vị thần, cậu nói đúng! Nhưng tất cả đều là hóa thân của OM. Cậu theo đạo Hồi: cậu biết OM là gì chứ hả? Tốt lắm. Với quần chúng, Đức bà chính là hiện thân của OM.”

Chúng tôi có bốn trăm hai mươi người; vốn vẹn 0,00007 phần trăm của dân số lên đến sáu trăm triệu người của Ấn Độ. Không đáng kể về mặt thống kê; thậm chí, nếu tính trên ba mươi (hay hai trăm năm mươi nghìn) người bị bắt, chúng tôi cũng chỉ chiếm 1,4 (hay 0,168) phần trăm! Nhưng tôi đã học được từ Bàn tay của mẹ Góa phụ rằng, những kẻ muốn làm thần không sợ gì bằng các thần linh tiềm năng khác; và rằng, chính vì vậy và chỉ bởi vậy, nên chúng tôi, những đứa trẻ thần kỳ của nửa đêm, mới phải hứng chịu sự căm ghét khiếp sợ hủy diệt của mẹ Góa phụ, kẻ không chỉ là Thủ tướng Ấn Độ mà còn thêm khát trở thành Devi, hình tượng khủng khiếp nhất của Mẫu-thần, người sở hữu shakti của các nam thần, một linh thần nhiều tay có mái tóc rẽ ngôi giữa và phân liệt... Và tôi đã giác ngộ ý nghĩa của mình tại cung điện đồ nát của những người đàn bà ngực bầm như thế đó.

Tôi là ai? Chúng tôi là ai? Chúng tôi đang là, sẽ là, những vị thần quý vị không bao giờ có. Và còn là một thứ khác; và để giải thích điều ấy, tôi sẽ phải kể đoạn khó khăn cuối cùng.

Nào, thì tăng tốc, nếu không thì sẽ chẳng bao giờ đến được đoạn đó. Tôi xin kể với quý vị rằng vào ngày đầu năm mới, 1977, tôi được một cô gái quyến rũ với cặp hông dong đưa cho biết rằng phải, bọn chúng sẽ bằng lòng với bốn trăm hai mươi, chúng đã xác minh được một trăm ba mươi chín đã chết, chỉ vài trốn thoát, thế nên, việc đó sắp bắt đầu, xoẹt xoẹt, sẽ có thuốc gây mê và đếm-đến-mười, những con số điều hành một hai ba, và tôi, thì thăm với bức tường, Cứ mặc cứ mặc chúng, chừng nào chúng ta còn sống và đoàn kết thì kẻ nào có thể chống lại chúng ta?... Và ai đã dẫn chúng tôi, từng-người-một, xuống căn phòng dưới hầm nơi (vì chúng ta không phải dân man rợ, thưa ngài) có điều hòa

nhật độ, và chiếc bàn bên trên lơ lửng một ngọn đèn treo, và bác sĩ y tá màu xanh và đen, áo choàng màu xanh mắt màu đen... ai đã, với cặp đầu gối lồi bất bại, áp giải tôi đến căn phòng sẽ hủy hoại tôi? Nhưng quý vị biết mà, quý vị có thể đoán ra, câu chuyện này có duy nhất một người hùng thời chiến; không thể tranh cãi với nọc độc của đôi đầu gối ấy, tôi đành đi theo lệnh hấn đến bất cứ đâu... và rồi tôi đến nơi, và một cô gái quyến rũ với cặp hông dong đưa đầy đặn bảo, “Nói cho cùng, cậu không thể phàn nàn, cậu không phủ nhận cậu từng khẳng định mình có Năng lực tiên tri chứ hả?” bởi vì chúng biết tất cả, Padma, tất cả tất cả, chúng đặt tôi lên bàn và chiếc mặt nạ chụp xuống mặt tôi và đếm-đến-mười và những con số thành thích bảy tám chín...

Mười.

Và “Lạy Chúa hấn ta vẫn còn tỉnh, ngoan nào, tiếp tục đến hai mươi đi...”

... Mười tám mười chín hai

Họ là những bác sĩ giỏi: họ không cho may rủi một cơ hội nào. Loại tiểu phẫu, cắt ống dẫn tinh và dẫn trứng, của đám đông không dành cho chúng tôi; bởi những phẫu thuật kiểu này vẫn có cơ may, chỉ là cơ may, phục hồi... chúng tôi cũng được phẫu thuật cắt bỏ, nhưng không thể phục hồi: tinh hoàn bị cắt khỏi bìu, và tử cung biến mất vĩnh viễn.

Bị cắt bỏ tinh hoàn và tử cung, lũ trẻ của nửa đêm đã bị tước bỏ khả năng sinh sản... nhưng đó chỉ là hệ quả phụ, bởi vì đó là những bác sĩ thực sự xuất sắc, và họ đã hút kiệt ở chúng tôi nhiều hơn thế: hy vọng cũng bị cắt đứt, và tôi không biết nó được thực hiện ra sao, bởi vì những con số đã sầm sập tiến đến, tôi đã bị nốc ao, và tất cả những gì tôi nhớ được là kết thúc mười tám ngày của những ca phẫu thuật tê liệt tâm trí được thực hiện với tốc độ trung bình 23,33 ca mỗi ngày, chúng tôi không chỉ mất đi những hòn bi và túi nội tạng, mà cả những thứ khác nữa: về phương diện này, kết cục của tôi khá dễ hơn đa số, việc hút-kiệt-ở-trên đã cướp đi của tôi khả năng ngoại cảm được nửa đêm ban tặng, tôi không còn gì để mất, một cái mũi nhạy cảm là thứ không thể bị hút đi... nhưng về phần những người còn lại, những người mà năng lực thần kỳ còn nguyên vẹn khi bị bắt đến cung điện của các góa phụ khóc than, thì giây phút hồi tỉnh khi tan thuốc mê thực sự tàn nhẫn, và những bức tường thăm thì phát ra câu chuyện về sự hủy hoại của họ, và tiếng khóc ai oán của những đứa trẻ mất đi pháp thuật: ả đã cắt bỏ nó khỏi chúng tôi, một cách quyến rũ với cặp hông nảy nở dong đưa, ả đã thiết kế chiến dịch hủy diệt chúng tôi, và giờ chúng tôi chẳng là gì hết, chúng tôi là gì chứ, chỉ vòn vẹn 0,00007 phần trăm, giờ cá chẳng thể được nhân lên và sắt cũng chẳng thể hóa vàng; kết thúc vĩnh viễn rồi, khả năng phi thăng và hóa sói cùng nguyên-thủy-một-ngàn-lẻ-một điều ước thần kỳ của một nửa đêm thần thánh.

Hút kiệt ở dưới: đó là một phẫu thuật không thể phục hồi.

Chúng tôi là ai ? Những hứa hẹn bất thành; hứa để mà thất hứa.

Và giờ tôi phải kể cho quý vị chuyện cái mùi.

Nguồn ebook: <https://www.luv-ebook.com>

Phải, quý vị phải được nghe hết: dù phóng đại đến đâu, dù gay cấn kiểu chớp-bóng-Bombay đến đâu, quý vị cũng phải thấu hiểu, cũng phải thấy! Cái mà Saleem đánh hơi thấy vào tối 18 tháng Một năm 1977: có gì đó đang được rán trên chảo sắt, thứ gì đó mềm và không thể nói ra được ướp nghệ mùi thì là và cỏ cà ri... mùi cay nồng không lẫn đi đâu được của những-thứ-vừa-bị-cắt-bỏ, nấu trên lửa nhỏ, liu riu.

Trong khi bốn trăm hai mươi con người chịu đựng phẫu thuật cắt bỏ, một Nữ thần báo thù đảm bảo rằng những bộ phận bị cắt bỏ này được nấu cà ri với hành và ớt xanh và đem cho đàn chó hoang ở Benares. (Có bốn trăm hai mươi một ca cắt bỏ: bởi vì một người trong chúng tôi, mà chúng tôi gọi là Narada, hoặc Markandaya, có khả năng chuyển đổi giới tính; cậu ấy, hoặc cô ấy, phải phẫu thuật hai lần.)

Không, tôi không chứng minh được, không một chút gì. Chúng cứ đều đã bốc hơi: một số bị chó ăn; và sau này, vào ngày 20 tháng Ba, hồ sơ bị một bà mẹ với mái tóc hai màu và đứa con trai yêu dấu đốt sạch.

Nhưng Padma biết rõ điều tôi không làm được nữa; Padma, người đã một lần, trong cơn giận dữ, hét lên: “*Anh* thì được tích sự gì, lạy Chúa, như một *người yêu*?” Riêng chuyện này, ít nhất, có thể kiểm chứng: trong lều của Picture Singh, tôi đã tự nguyện rửa bản thân khi nói dối mình bất lực; tôi không thể bảo không có ai cảnh báo tôi, vì anh đã nói: “Điều gì cũng có thể xảy ra.” Nó xảy ra thật.

Đôi khi tôi cảm thấy mình đã một nghìn tuổi: hay (bởi vì tôi chẳng thể, đến tận bây giờ, từ bỏ hình thái), chính xác hơn, một nghìn lẻ một.

Bàn tay của mẹ Góa phụ có cặp hông dong đưa, và từng sở hữu một tiệm kim hoàn. Tôi cũng bắt đầu giữa kim hoàn: ở Kashmir, năm 1915, có kim cương và ngọc bích. Các cụ tôi có một tiệm buôn đá quý. Hình thái! - một lần nữa, tái diễn và định hình! - không thể thoát được nó.

Trong những bức tường, vọng ra tiếng thì thầm tuyệt vọng của bốn trăm mười chín nạn nhân tê liệt; trong khi kẻ thứ bốn trăm hai mươi trút cơn phẫn nộ - chúng cho phép tôi một lần, một khoảnh khắc quát tháo duy nhất - vào câu hỏi ầm ứ sau đây... to đến lạc giọng, tôi thét lên: “Còn hấn thì sao? Thiếu tá Shiva, tên phản bội? Các người không quan tâm đến hấn à?” Câu trả lời, từ cô ả quyền-rũ-có-cặp-

hông-dong-đưa: “Ngài Thiểu tá đã tình nguyện cắt ông dẫn tình.”

Và giờ, trong buồng giam không cửa sổ, Saleem bắt đầu cười, thật lòng, hết cỡ: không, tôi không cười cay độc kinh địch của mình, mà tôi cũng không suy diễn một cách châm biếm chữ “tình nguyện” thành một chữ khác; không, tôi nhớ đến những chuyện Parvati tức Laylah đã kể cho tôi, những huyền thoại về thói phong lưu của người hùng thời chiến, về những binh đoàn con hoang căng phồng trong những cái bụng không bị phẫu thuật của các mệnh phụ phu nhân và gái điếm; tôi cười bởi vì Shiva, kẻ hủy diệt những đứa trẻ nửa đêm, đồng thời đã hoàn thành vai trò còn lại được ẩn giấu trong tên hắc, chức năng của Shiva-linga, của Shiva-đấng-sinh-thành, thành thử đúng thời điểm ấy, ở các khuê phòng và ổ chuột trên cả nước, một thế hệ những đứa trẻ mới, hậu duệ của đứa trẻ hắc ám nhất của nửa đêm, đang được nuôi lớn đến tương lai. Các mẹ Góa phụ kiêu gì cũng quên mất một điều quan trọng.

Cuối tháng Ba năm 1977, tôi bất ngờ được phóng thích khỏi cung điện của các góa phụ gào khóc, đứng hấp háy mắt như chim cú dưới ánh mặt trời, không hiểu vì đâu tại sao thế nào. Sau đó, khi đã nhớ ra cách đặt câu hỏi, tôi phát hiện ra rằng vào ngày 18 tháng Một (đúng ngày xoẹt-xoẹt kết thúc, ngày một số thứ bị rán trên chảo sắt: quý vị còn cần bằng chứng gì nữa để khẳng định chúng tôi, bốn trăm hai mươi đứa trẻ, là đối tượng mẹ Góa phụ khiếp sợ hơn hết thảy?) ngài Thủ tướng đã, trước sự kinh ngạc của tất cả, kêu gọi tổng tuyển cử. (Nhưng giờ khi đã biết về chúng tôi, chắc quý vị cũng dễ hiểu tại sao mẹ tự tin đến thế.) Nhưng ngày hôm ấy, tôi không hay biết gì về thất bại liêng xiêng của mẹ, lần chuyện mẹ đốt hồ sơ; mãi sau này tôi mới biết niềm hy vọng tởm của đất nước này đã được gửi gắm vào tay một lão già lần cần chuyên ăn hạt điều và hạt dẻ cười và mỗi ngày đều uống một cốc “nước tự có” ra sao. Những kẻ uống nước tiểu đã lên nắm quyền. Trong mắt tôi, đảng Janata, với một trong số các lãnh đạo bị nhốt trong máy chạy thận, có vẻ không phải là (khi tôi nghe tin này) đại diện của một bình minh tươi sáng; nhưng có thể tôi rút cuộc đã tự chữa khỏi virus lạc quan - có thể những người khác, bệnh vẫn còn trong máu, lại cảm thấy điều ngược lại. Dù sao đi nữa, tôi ném - vừa mới ném, vào cái ngày tháng Ba ấy - mùi chính trị như thế là đủ, quá đủ rồi.

Bốn trăm hai mươi đứa trẻ đứng hấp háy mắt trong ánh mặt trời và không khí om sòm của những ngõ phố ở Benares; bốn trăm hai mươi người nhìn nhau và thấy trong mắt nhau ký ức về việc mình bị thiến, và rồi, không sao chịu nổi hình ảnh ấy, lúng búng những lời tạm biệt, rồi giải tán, lần cuối cùng, vào sự riêng tư chữa lành vết thương của đám đông.

Thế còn Shiva? Thiểu tá Shiva bị chính quyền mới ra lệnh quản thúc trong nhà tù quân đội; nhưng hắc không ở đây lâu, bởi vì hắc được phép đón một người vào thăm: Roshanara Shetty đã hồi lộ ve vãn luôn lọt để vào được xà lim của hắc, chính cô bé Roshanara đã rót thuốc độc vào tai hắc ở Trường đua Mahalaxmi và từ đó đã phát điên vì một đứa con hoang kiên quyết không chịu nói và không chịu làm điều gì nó không thích. Vợ của nhà tài phiệt thép rút trong xác tay ra khẩu súng lục Đức cỡ đại của chồng mình, bắn xuyên tim người hùng thời chiến. Cái chết, như họ nói, đến ngay tức khắc.

Viên Thiếu tá chết mà không biết rằng khi xưa, tại một nhà hộ sinh màu nghệ-và-xanh giữa cái hỗn loạn thần bí của một nửa đêm không thể nào quên, một người đàn bà nhỏ bé bản loạn đã trao thể tên, và cướp mất của hắn quyền vị lúc chào đời, nghĩa là cái thế giới bọc trong tiền trên đỉnh đồi với những bộ quần áo hồ trắng, và vật chất vật chất vật chất - một thế giới mà hắn sẽ khoái được sở hữu biết mấy.

Còn Saleem? Không còn gắn kết với lịch sử, bị hút kiệt cả ở-trên-và-ở-dưới, tôi tìm đường về thủ đô, ý thức rằng một thời đại, khởi đầu từ cái nửa đêm xa xưa ấy, xem ra đã đến hồi kết thúc. Tôi đi bằng cách nào: tôi đứng trên sân ga Benares hoặc Varanasi với nhón một tấm vé vào sân ga trên tay, và nhảy tót lên một khoang hạng nhất khi chuyến tàu thư chuyển bánh về Tây. Giờ đây, rốt cuộc, tôi đã biết thế nào là cảm giác phải cố sống cố chết bám thật chặt, trong khi bụi bồ hóng đất tro bám đầy mắt, và phải đập cửa kêu nài, “Ohe, mahaji! Mở cửa đi! Cho con vào với, hơi ngái tôn kính, mahaji!” Trong khi ở trong, một giọng nói thốt ra những lời quen thuộc: “Dù thế nào cũng không ai được mở. Dân lậu vé ấy mà.”

Ở Delhi: Saleem hỏi han khắp nơi. Anh có thấy ở đâu? Chị có biết liệu các nhà ảo thuật? Bác có quen Picture Singh? Một người đưa thư với ký ức về người dụ rắn đang nhạt dần trong mắt chỉ về phía Bắc. Và, sau đó, một người bán trâu lừa thậm si trả tôi về đường cũ. Rồi, cuối cùng, tung tích cũng hết luân quần; các nghệ sĩ tạp kỹ giúp tôi bắt được mùi. Một người đàn ông Dill-dekho với cái máy vạn hoa, một người luyện chôn-và-rắn đầu đội chiếc mũ giấy như thuyền buồm đồ chơi của trẻ con, một cô gái bán vé ở rạp phim vẫn giữ những hoài niệm về tuổi thơ học việc với một nhà ảo thuật... như những ngư phủ, hỏ chỉ bằng ngón tay. Về phía Tây Tây Tây, cho đến khi, cuối cùng, Saleem tìm tới bến xe buýt Shadipur ở ngoại ô phía Tây thành phố. Đói khát kiệt quệ ốm yếu, lấy bầy nhầy lò cò khỏi đường đi của đám xe buýt gầm rú ra vào bãi đậu - những chiếc xe sơn màu hớn hở, nắp capô viết dòng chữ như *Y Chúa!* và những tuyên ngôn khác, chẳng hạn như *On Chúa!* ở hông xe - gãi đi đến chỗ một dóm lều bạt rách nát chen chúc dưới gầm cây cầu đường sắt bằng bê tông, và thấy, dưới bóng bê tông, một người không lồ dụ rắn ngoác miệng nở nụ cười sâu răng vĩ đại, và, trên tay anh, mặc tấm áo phông in những cây guitar hồng, là một thằng bé trạc hai mươi một tháng, với đôi tai voi, cặp mắt to tròn như hai cái đĩa, vì nét mặt nghiêm nghị như một nấm mồ^[6].

[6] Rushdie chơi chữ, chữ grave trong tiếng Anh vừa có nghĩa là nghiêm nghị, vừa có nghĩa là ngôi mộ.

Chương 30: Abracadabra^[1]

[1] Câu thần chú mà các ảo thuật gia Ấn Độ thường sử dụng khi diễn trò, tương tự như Úm ba la xì bùa.

Sự thật là, tôi đã nói dối về cái chết của Shiva. Sự dối trá thẳng thừng đầu tiên của tôi - mặc dù phần tường thuật của tôi về thời kỳ Khẩn cấp dưới dạng một nửa đêm kéo dài sáu trăm ba mươi lăm

ngày có lẽ là lãng mạn quá mức, và chắc chắn sẽ mâu thuẫn với hồ sơ dữ liệu về khí tượng. Mặc dầu vậy, và cho dù người khác nghĩ gì đi nữa, dối trá không hề là việc dễ dàng với Saleem, và tôi đang cúi gằm mặt xấu hổ khi thú nhận chuyện này... Vậy thì, vì sao, lời nói dối trắng trợn duy nhất này? (Bởi vì, trên thực tế, tôi không hề biết dịch thủ của/đứa trẻ bị đánh tráo với tôi đi về đâu sau tai biến tại Khách sạn Góa phụ; hẳn ở hỏa ngục hay nhà thổ cuối đường thì tôi cũng chẳng phân biệt được.) Padma, gắng hiểu cho tôi: tôi vẫn khiếp sợ hắn. Nợ nần giữa tôi và hắn chưa thanh toán hết, và mỗi ngày trôi qua tôi vẫn run rẩy trước ý nghĩ rằng biết đâu người hùng thời chiến sẽ khám phá ra bí mật lúc chào đời của hắn - có bao giờ hắn được cho xem một cặp hồ sơ có ba chữ cái đầu bắt-mí-bí-mật? - và rằng, bị sự mất mát không thể vãn hồi của quá khứ thổi bùng lên cơn thịnh nộ, biết đâu hắn sẽ đến tìm tôi để giáng xuống một đòn báo thù ngọt ngào... lẽ nào tất cả sẽ kết thúc như thế, sinh mệnh bị bóp nghẹt khỏi tôi bởi một cặp đầu gối siêu nhân, tàn ác?

Thế nên tôi mới bịa đặt; lần đầu tiên, tôi trở thành nạn nhân của sự cảm dỗ mà mọi người viết tự truyện đều gặp phải, của ảo tưởng rằng bởi vì quá khứ chỉ tồn tại trong những ký ức của con người và những từ ngữ cố gắng một cách vô ích để biểu đạt chúng nên có thể tạo ra những sự kiện trong quá khứ đơn giản bằng cách viết rằng chúng đã xảy ra. Nỗi sợ hiện tại của tôi đã đặt khẩu súng vào tay Roshanara Shetty; với hồn ma của Trung tá Sabarmati đứng sau nhòm qua vai tôi, tôi cho cô hồi lộ ve vãn luôn lọt để vào được xà lim của hắn... tóm lại, ký ức về một trong những tội ác đầu tiên đã tạo nên tình huống (giả tưởng) cho tội ác cuối cùng của tôi.

Kết thúc màn thú tội: bây giờ tôi đang đến gần một cách nguy hiểm cái kết cho những hồi tưởng của tôi. Đêm đã về; Padma đã vào vị trí; ở bức tường trên đầu tôi, một con thần lằn vừa nhai rau rầu một con ruồi; cái nóng nung nấu của tháng Tám, dư sức ngâm cả não người, hân hoan sủi bọt giữa hai tai tôi; và mới năm phút trước chuyến tàu nội hạt cuối cùng đã vạch một đường vàng-và-nâu về phía Nam đến Ga Churchgate, thành thử tôi không nghe thấy điều Padma vừa nói, với vẻ thẹn thùng che giấu một quyết tâm mãnh liệt như dầu hỏa. Tôi đành bảo cô nhắc lại, và những cơ thịt của sự ngỡ ngàng bắt đầu co giật ở bắp chân cô. Tôi phải lập tức ghi lại rằng đóa sen-phân của chúng ta đã nói lời cầu hôn, “để em có thể săn sóc ông mà không phải hổ hẹn với bàn dân thiên hạ.”

Đúng như tôi sợ! Nhưng giờ lời đã nói ra, và Padma (tôi có thể đoán được) sẽ không chấp nhận câu trả lời “không”, tôi phản đối, như một trinh nữ mặt đỏ bừng: “Như vậy thì đường đột quá - rồi còn vụ phẫu thuật, rồi thứ bị vứt cho chó ăn: em không ngại ư? - và Padma, Padma, còn cả thứ-ăn-mòn-xương, nó sẽ biến em thành quả phụ! - và em mà nghĩ xem, còn lời nguyên chết thảm nữa, hãy nghĩ cái Parvati - em có chắc không, có chắc không có chắc không hả...?” Nhưng Padma, hàm răng siết chặt thành khối bê tông của một quyết tâm hùng hồn không gì lay chuyển nổi, trả lời: “Ông nghe em đây - với em không có nhưng nhị gì sất! Không bàn đến mấy chuyện hoang đường ấy nữa. Còn có tương lai để nghĩ tới.” Tuần trăng mật sẽ diễn ra ở Kashmir.

Dưới cái nóng hùng hực từ quyết tâm của Padma, lòng tôi nhói lên một ý nghĩ điên cuồng rằng biết đâu, sau tất cả, em là người có thể thay đổi kết cục câu chuyện của tôi, bằng sức mạnh ý chí phi thường của em, rằng những vết nứt - và bản thân cái chết - có thể sẽ phải lùi bước trước quyền năng của niềm quan thiết khôn nguôi em dành cho tôi... “Còn có tương lai để nghĩ tới,” em nhắc tôi - và biết đâu (tôi

cho phép mình nghĩ lần đầu tiên từ khi bắt đầu câu chuyện này) - biết đâu còn có thật! Hằng hà sa số những cái kết mới chen chúc quanh đầu tôi, vo ve như bầy côn trùng của cái nóng... “Mình cưới nhau đi, ông.” em cầu hôn, và đàn bướm đêm của niềm phấn khích loạn động trong ruột tôi, như thể em vừa đọc một chú ngữ thần bí, một câu abracadabra siêu phàm, giải phóng tôi khỏi định mệnh - nhưng hiện thực đang đeo đuổi tôi. Tình yêu không chinh phục tất cả, trừ trong phim chớp bóng Bombay; rách nát rạn sẽ không bị đánh bại chỉ bởi một nghi lễ; và lạc quan là một căn bệnh.

“Vào sinh nhật ông, có được không?” em gợi ý. “Tam thập nhi lập, đàn ông ba mốt lấy vợ là phải rồi.”

Tôi biết nói thế nào với em? Làm sao tôi nói được, rằng còn có những kế hoạch khác cho ngày hôm đó, tôi luôn bị bóp nghẹt trong một định mệnh điên-cuồng-với-hình-thái, vốn thích gieo rắc tai ương vào những ngày linh thiêng... tóm lại, làm sao tôi nói được với em về cái chết? Tôi không thể; thay vào đó, với vẻ nhu mì và muôn phần cảm kích, tôi nhận lời cầu hôn của em. Tôi, đêm hôm nay, là một tân lang; hãy đừng ai nghĩ khắt khe về tôi vì đã tự cho phép mình - và bông sen kết tóc se tơ của tôi – niềm hoan lạc cuối cùng, tầm thường, vô nghĩa này.

Padma, qua việc cầu hôn, đã cho thấy, em sẵn lòng xem mọi thứ tôi kể cho em chỉ là những “chuyện hoang đường” không hơn không kém; khi tôi trở lại Delhi và thấy Picture Singh cười ngoác miệng dưới bóng chiếc cầu đường sắt, tôi mau chóng hiểu ra rằng cả các nhà ảo thuật cũng đang mất dần ký ức. Đâu đó trong những lần di chuyển của khu ổ chuột lưu động, họ đã làm thất lạc năng lực ghi nhớ của mình, thành thử giờ đây họ đã mất khả năng phán đoán, vì họ đã quên mọi thứ có thể sử dụng để tham chiếu với những việc đã xảy ra. Ngay cả thời kỳ Khẩn cấp cũng đang nhanh chóng rơi vào sự mai một của quá khứ, và các nhà ảo thuật chú tâm vào hiện tại với sự chuyên nhất của loài sên. Họ cũng không nhận ra rằng mình đã thay đổi; họ quên rằng mình đã từng khác bây giờ, chủ nghĩa Cộng sản đã rỉ ra khỏi họ và bị mặt đất khát nước, nhanh như thần lùn, nuốt sạch; họ bắt đầu quên những kỹ năng nghề nghiệp trong cơn hỗn loạn của đói khát, bệnh tật và sự bạo hành của cảnh sát - những yếu tố cấu thành (như thường lệ) hiện tại. Tuy nhiên, với tôi, sự thay đổi ở những bằng hữu cũ này không khác gì một cú sốc. Saleem đã biết thế nào là mất trí nhớ, và đã được thấy mức độ phi đạo đức của nó; trong đầu gã, quá khứ mỗi ngày trở nên một rục rờ hơn trong khi hiện tại (đã bị những lưỡi dao cắt đứt khỏi gã mãi mãi) có vẻ không màu, rối rắm, một thứ chẳng có gì quan trọng; tôi, kẻ nhớ rõ từng sợi tóc trên đầu bọn cai ngục và bác sĩ phẫu thuật, choáng váng sâu xa trước thái độ ngẩn ngại nhìn lại sau lưng của các nhà ảo thuật. “Người chả khác gì mèo, tôi bảo con trai, “chẳng dạy được cái gì hết.” Mặt thẳng bé có vẻ nghiêm nghị rất hợp cảnh, nhưng nó nín thinh.

Con trai tôi Adam Sinai đã, khi tôi tái phát hiện khu trại bóng ma của các nhà ảo thuật, mất hẳn mọi dấu tích của chứng lao phổi từng hành hạ nó hồi mới sinh. Tôi, lẽ dĩ nhiên, tin chắc chắn rằng căn bệnh đã tiêu tan cùng với sự sụp đổ của mộ Góa phụ; Picture Singh, mặc dù vậy, bảo tôi rằng công lao chữa bệnh phải được quy cho một mộ thợ giặt nào đó, tên gọi Durga, người đã nuôi vú thẳng bé suốt thời gian nó ốm, cho nó ngày ngày hưởng dụng hai bầu sữa đồ sộ và bất tận của mộ. “Cái mộ Durga ấy, đội trưởng,” người dụ rắn già nói, giọng anh tố cáo sự thật rằng, khi về già, anh đã trúng bùa xà ngải rắn của mộ dhoban nọ, “Thật là một người đàn bà!”

Mẹ là người đàn bà có bắp tay cuộn cuộn; có cặp vú siêu nhiên đổ ra dòng sữa có khả năng nuôi dưỡng hàng trung đoàn; và, người ta đồn kín với nhau rằng (mặc dù tôi ngờ rằng tin đồn này do chính mẹ tung ra), có hai tử cung. Vú mẹ nhiều sữa bao nhiêu thì đầu mẹ cũng nhiều chuyện tám phào với ngồi lê đôi mách bấy nhiêu: mỗi ngày cả tá chuyện mới tuôn ra từ mồm mẹ. Mẹ sở hữu một nguồn năng lượng vô tận phổ biến trong tất cả đám chị em bạn nghề; khi mẹ quạt những sơ mi và sari lên phiến đá giặt đến phọt hết sinh khí ra ngoài, mẹ dường như gia tăng sức mạnh, như thể mẹ hút cạn sinh lực của quần áo, những món đồ có chung một kết cục là phẳng lì, đứt hết khuy và bị nện nhừ tử. Mẹ là một con quái vật sống hết ngày nào quên ngay ngày ấy. Tôi phải hết sức miễn cưỡng bản thân khi đồng ý làm quen với mẹ; và cũng hết sức miễn cưỡng tôi mới để mẹ bước vào những trang viết này. Tên mẹ, từ trước khi tôi gặp mẹ, đã có mùi của cái mới; mẹ đại diện cho tân kỳ, những khởi đầu, sự xuất hiện của những câu chuyện sự kiện điều phức tạp mới, mà tôi thì không còn hứng thú với bất cứ thứ gì mới nữa. Tuy nhiên, một khi Pictureji đã cho tôi biết anh định lấy mẹ, tôi chẳng còn lựa chọn nào khác; mặc dù vậy, tôi sẽ đề cập đến mẹ vẫn tất nhất mà vẫn bảo đảm tính xác thực.

Nào thì vẫn tất: mẹ Durga thợ giặt là một con hồ ly tinh! Một con thần lẩn hút máu đội lột người! Và ảnh hưởng của mẹ lên Picture Singh chỉ có thể so với uy lực của mẹ đối với những chiếc áo bị quạt vào đá: nói tóm lại, mẹ đè bẹp anh. Gặp mẹ một lần, tôi hiểu tại sao nhìn Picture Singh lại già và sâu thẳm như thế; nay bị tước đi chiếc ô hòa hợp mà nam phụ lão ấu từng tụ tập ở dưới để được nhận lời khuyên và bóng mát, anh như ngày một héo hon đi; khả năng anh trở thành con Chim ngân nga thứ hai đang tan biến ngay trước mắt tôi. Durga, trong khi đó, ngày một vượng hơn: những chuyện ngồi lê đôi mách của mẹ ngày càng tưng tịu, giọng mẹ ngày một to và khàn, đến khi rốt cuộc mẹ làm tôi nhớ đến Mẹ Bề trên những năm cuối đời, khi bà phình ra còn ông tôi co lại. Sự tái hiện đầy hoài niệm hình ảnh ông bà tôi là điều duy nhất làm tôi hứng thú ở tính cách của mẹ thợ giặt mồm loa mép giải này.

Nhưng không thể nào phủ nhận sự hào phóng của tuyến sữa của mẹ: Aadam, ở tháng thứ hai mươi mốt, vẫn đầy thỏa mãn bú vú mẹ. Đầu tiên tôi nghĩ đến việc cho thằng bé cai sữa, nhưng rồi nhớ ra con trai tôi chỉ làm duy nhất điều nó muốn, nên tôi thôi không ép nó nữa. (Và, hóa ra, tôi đã đúng khi không làm thế.) Vì cái tử cung nghe-đồn-là-kép của mẹ, tôi không có khao khát biết chuyện đầy thật hay giả, nên không đi sâu tìm hiểu.

Tôi đề cập đến Durga mẹ dhoban, chủ yếu vì chính mẹ là người đầu tiên, một buổi tối khi chúng tôi đang dùng bữa với hai mươi bảy hạt cơm mỗi suất, tiên đoán về cái chết của tôi. Tôi, phát bực với dòng tin tức và tán nhảm bất tận của mẹ, phản nản, “Durga Bibi, chả ai quan tâm đến mấy chuyện chị kể đâu!” Nghe vậy mẹ, bình thản, “Saleem Baba, tôi tử tế với cậu vì Pictureji bảo rằng sau khi bị bắt chắc cậu tan vỡ ghê gớm lắm; nhưng, nói thật, tôi thấy độ này cậu chả quan tâm đến cái gì ngoài việc vật vờ đi lại. Cậu nên biết rằng khi một người mất hứng thú với cái mới, anh ta đang mở cánh cửa đón Hắc thần.”

Và mặc dù Picture Singh mềm mỏng, “Coi nào, đội trưởng gái, đừng khắt khe với cậu bé,” mũi tên của Durga mẹ dhoban đã trúng đích.

Trong tình trạng kiệt quệ của ngày trở về sau khi bị hút kiệt, tôi tìm thấy ngày tháng trống rỗng bao

bọc lấy tôi như một lớp thạch dày: và mặc dù Durga đề nghị, vào sáng hôm sau, và có lẽ do chậu lòng áy náy về những lời lẽ cay nghiệt của mình, giúp tôi hồi phục sức khỏe bằng cách cho tôi bú vú trái trong khi con trai tôi bú bên phải, “và sau đó biết đâu cậu sẽ suy nghĩ bình thường trở lại,” những điềm báo của tử vong bắt đầu chiếm lĩnh phần lớn tâm trí tôi; thế rồi tôi khám phá ra tấm gương của sự hèn mọn ở bến xe Shadipur, và bắt đầu tin rằng tử kỳ của tôi đang đến.

Đó là tấm gương treo nghiêng phía trên lối vào ga ra xe buýt; tôi, lang thang vô định trong sân trước của bến xe, bị thu hút bởi ánh mặt trời nhấp nháy mà nó phản chiếu ra. Tôi nhận ra đã nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, tôi chưa nhìn thấy mình trong gương, và đi qua đứng bên dưới nó. Nhìn lên tấm gương, tôi thấy mình biến dạng thành một người lùn đầu to, thân trên nặng nề; trong hình ảnh bị thu ngắn lại một cách hèn mọn ấy của bản thân, tôi thấy tóc mình nay đã xám xịt như mây trời; thẳng lùn trong gương, với khuôn mặt nhăn nheo và đôi mắt mờ mịt, gợi nhớ sâu sắc cho tôi về ông tôi Aadam Aziz vào cái ngày ông nói chuyện nhìn thấy Chúa với chúng tôi. Khi ấy những khổ não được Parvati-phù-thủy chữa khỏi đều (hệ quả của việc bị hút kiệt) trở lại hành hạ tôi; tay chín ngón, sừng thái dương, đầu sư cọ, mặt nhỏ, chân vòng kiềng, mũi dừa chuột, bị thiến, và nay lại già trước tuổi, tôi đã thấy trong tấm gương của sự hèn mọn ấy một con người mà lịch sử không còn gì để làm nữa, một sinh vật dị hợm vừa được phóng thích khỏi cái số kiếp tiền định đã đánh đập gã tôi bởi cho đến khi gã chỉ còn nửa điên nửa tỉnh; với một tai lành và một tai điếc tôi nghe thấy tiếng chân vị Hắc thần của cái chết.

Khuôn mặt trẻ-già của thằng lùn trong gương biểu lộ sự nhẹ nhõm sâu sắc.

Tôi đang trở nên rầu rĩ; ta hãy đổi đề tài... Đúng hai mươi bốn tiếng trước khi lời chế nhạo của một anh hàng tràu khiêu khích Picture Singh đến chỗ lên đường đi Bombay, Aadam Sinai con tôi đi đến một quyết định cho phép chúng tôi đồng hành với người dụ rấn: sau một đêm, chẳng hề báo trước, và trước sự bần thần của người vú nuôi thợ giặt, người buộc phải vắt sữa thừa vào những thùng vanaspati năm lít, thằng bé Aadam tai quạt cự cai sữa, lẳng lặng từ chối bầu vú và yêu cầu (không lời) được ăn dặm: com nhão đậu như bích quy. Như thế nó đã quyết định cho phép tôi tiến đến cái đích riêng tư và nay-đã-rất-gần của mình.

Tính tự chủ câm lặng của một đứa trẻ chưa đầy hai tuổi: Aadam không hề nói khi nào nó đói hay buồn ngủ hay nóng lòng thực hiện các nhu cầu tự nhiên. Nó đòi hỏi chúng tôi phải tự biết. Sự quan tâm liên tục mà nó yêu cầu có lẽ là một trong số những nguyên nhân khiến tôi tiếp tục, bất chấp mọi chỉ dấu về điều ngược lại, sống được... chẳng làm được gì khác trong những ngày mới thoát kiếp giam cầm, tôi tập trung vào trông nom con trai tôi. “Anh nói thực, đội trưởng, may mà cậu quay về,” Picture Singh đùa, “không thì thằng bé này đã biến mọi người thành ayah hết.” Tôi một lần nữa hiểu rằng Aadam là thành viên của một thế hệ thứ hai của những đứa trẻ thần kỳ sẽ lớn lên kiên cường hơn nhiều thế hệ trước, không tìm kiếm vận mệnh của mình trong những lời tiên tri hay chiêm tinh, mà tôi luyện ra nó trong lò lửa bất khuất của ý chí của chúng. Nhìn vào đôi mắt đứa trẻ vừa không phải con tôi, đồng thời là hậu duệ của tôi hơn bất kỳ đứa con máu thịt nào, tôi thấy trong đôi đồng tử trống rỗng,

trong veo ấy một tấm gương thứ hai của sự hèn mọn, cho tôi thấy rằng, từ giờ trở đi, tôi chỉ còn đóng vai trò ngoại vi như bất cứ ông già vô dụng nào: chức năng truyền thống, có thể, của một người hồi tưởng, người kể chuyện... Tôi cứ băn khoăn không biết trên cả nước đàn con trai hoang của Shiva có đang, áp đặt ách bạo quyền tương tự lên những bậc cha mẹ bất hạnh, và lần thứ hai mừng tượng ra bầy nhóc con có sức mạnh đáng sợ này, đang lớn lên đợi chờ nghe ngóng, tập dượt cho thời khắc cả thế giới sẽ biến thành đồ chơi của chúng. (Làm thế nào để, trong tương lai, nhận diện những đứa trẻ này: rón chúng lồi ra thay vì thụt vào).

Nhưng đã đến lúc kể tiếp câu chuyện: một lời chế nhạo, một đoàn tàu sau chót chạy về phương Nam Nam Nam, một trận chiến tối hậu... ngay sau cái ngày Aadam cai sữa, Saleem theo Picture Singh đến Connaught Place để phụ anh trong màn xiếc rần. Durga mẹ dhoban bằng lòng dắt con trai tôi theo đến dhobi-ghat: Aadam dành cả ngày quan sát sức mạnh bị nện phọt ra khỏi quần áo của người giàu và được mẹ hồ ly ấy hấp nạp ra sao. Vào cái ngày định mệnh ấy, khi tiết trời ẩm áp đang trở lại thành phố như một đàn ong, tôi bị găm nhảm trong niềm hoài nhớ chiếc ống nhỏ bị xe ủi đè bẹp. Picture Singh đã cho tôi một vật-thay-thế-ống-nhỏ, một can dầu Dalda Vanaspati rỗng, nhưng mặc dù tôi vẫn dùng nó mua vui cho con tôi bằng sự thành thạo trong môn nghệ thuật đầy tinh tế phụt-ống-nhỏ, phun những tia nước trầu dài trong không khí bụi bặm ở khu trại của giới ảo thuật, tôi vẫn không nguôi nỗi nhớ. Câu hỏi: việc gì phải đau khổ chỉ vì một cái hứng bã trầu? Câu trả lời của tôi là quý vị đừng bao giờ đánh giá thấp một cái ống nhỏ. Tao nhả trong salon của Quận chúa xứ Cooch Naheen, nó cho phép giới trí thức rèn luyện một hình thức nghệ thuật đại chúng; lấp lánh dưới hầm, nó biến thế giới ngầm của Nadir Khan trở thành một Taj Mahal thứ hai; nằm phủ bụi trong cái rương tôn cũ, nhưng nó luôn hiện diện trong suốt lịch sử của tôi, ngấm ngấm hấp thụ những tai biến trong tủ giặt, hồn ma, đóng băng - tan băng, hút kiệt, lưu đầy; từ trên trời rơi xuống như một mảnh trăng, nó đã kích phát một sự biến đổi. Ôi chiếc ống nhỏ bùa thiêng! Ôi vật thu nhận ký ức cũng như bã trầu mỹ lệ nay đã thất lạc! Có con người nhay cảm nào lại không thông cảm với nỗi xót xa hoài niệm của tôi trước sự thất lạc của nó?

... Bên cạnh tôi ở cuối cỗ xe buýt căng phòng nhân loại, Picture Singh ngồi với những sọt rần cuộn tròn ngây thơ trên lòng anh. Suốt dọc đường xóc lên nảy xuống chạy xuyên cái thành phố đầy rẫy cả những hồn ma sống dậy của những thành Delhi xa xưa và thần thoại, Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất Thế Gian toát ra một vẻ ngã lòng uể oải, như thể một trận chiến trong một căn buồng tối xa xăm đã kết thúc... cho đến khi tôi quay về, không ai hiểu được nỗi sợ đích thực và không nói ra của Pictureji là anh thấy mình đang già đi, sức mạnh của anh đang lịm dần, anh sẽ sớm trôi dạt và bất lực trong một thế giới mà anh không hiểu: như tôi, Picture Singh bầu víu vào sự hiện diện của Bé Aadam như thể thằng bé là ánh đuốc trong một đường hầm dài tăm tối. “Một thằng bé ngoan, đội trưởng,” anh bảo tôi, “một chàng bé đầy tự trọng: ta hầu như không để ý đến tai nó.”

Tuy nhiên, ngày hôm đó con trai tôi không đi cùng chúng tôi.

Mùi của New Delhi xộc vào mũi tôi trên Connaught Place - hương bích quy từ quảng cáo của J.B. Mangharam, mùi phấn bảng sần thảm của thạch cao bong tróc; và hơi bi kịch của các tài xế xe lam, do xăng tăng giá mà đói đến nỗi buồng xuôi tất cả; và hương-cỏ-xanh của vòng tròn tiêu cảnh nằm giữa bùng binh giao thông, trộn lẫn với mùi những tên lừa đảo đang thuyết phục khách nước ngoài đổi ngoại

tệ chợ đen dưới những mái vòm rợp bóng. Từ Quán cà phê Ấn Độ, nơi dưới mái lều bạt không ngớt rộn lên tiếng lao xao tán gẫu tỏa ra mùi hương kém dễ chịu của những câu chuyện mới đang bắt đầu: tình ái hôn nhân cãi cọ, tất cả đều bị trộn lẫn với mùi trà và pakora cay. Thứ tôi ngửi thấy ở Connaught Place: sự có mặt ăn xin quanh đó của một cô gái mặt sẹo năm xưa từng là Sundari-mỹ-nhân-tuyệt-sắc; và ký-ức-thất-lạc, và hướng-tới-tương-lai, và chẳng-có-gì-thật-sự-thay-đổi... quay lưng lại những dự cảm khúu giác ấy, tôi tập trung vào những mùi nồng nặc và đơn thuần hơn của nước đá (người) và phân động vật.

Dưới hàng cột của Nhà F tại Connaught Place, cạnh met sách vỉa hè, là chỗ ăn nên làm ra của một anh hàng trà. Anh ngồi khoanh chân phía sau cái quầy kính xanh như một tiểu thần của chốn này: tôi đưa anh vào những trang cuối cùng này bởi vì, mặc dù bốc ra mùi nghèo đói, kỳ thực, anh là người có của, chủ nhân của một chiếc Lincoln Continental, mà anh đậu khuất tầm mắt ngoài Bùng binh Connaught, được anh mua bằng gia tài kiếm được từ bán thuốc lá nhập lậu và đài bán dẫn; mỗi năm anh vào tù nghỉ mát hai tuần, và thời gian còn lại trả cho vài viên cảnh sát một mức lương hậu hĩnh. Trong tù anh được biệt đãi như một ông hoàng, nhưng đứng đằng sau cái quầy kính xanh, anh trông rất bình thường, vô hại, thành thử không dễ (nếu không có một cái mũi nhạy bén cỡ Saleem) nhìn ra đây là một người biết tất cả mọi thứ về tất cả mọi thứ, người có mạng lưới quan hệ bất tận cho phép anh nắm được những thông tin bí mật... với tôi anh là sự gợi nhớ bổ sung và không phải là không dễ chịu về một nhân vật tương tự mà tôi biết ở Karachi trong những ngày rong ruổi trên chiếc Lambretta; tôi mãi hít thở mùi hương quen thuộc của hoài niệm đến nỗi, khi anh lên tiếng, anh làm tôi giật mình.

Chúng tôi dựng rạp biểu diễn ngay cạnh quầy của anh; trong khi Pictureji mãi đánh bóng sáo và đội lên đầu cái khăn xếp khổng lồ màu nghệ, tôi thực hiện vai trò hoạt náo viên. “Lại đây lại đây - cơ hội cả đời có một đây - ladees ladah, lại xem lại xem lại xem đi! Đây là ai ? Không phải hạng bhangì tầm thường; chẳng phải loại bịp bợm đầu đường; đây, hỡi các công dân, các ông các bà, là Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất Thế Gian! Phải, lại xem đi lại xem đi: ảnh của anh do chính Công ty Eastman-Kodak chụp! Lại đây mau đừng sợ - PICTURE SINGH ở đây!”... Và đủ thứ ba hoa rác rưởi khác; nhưng rồi anh hàng trà lên tiếng:

“Tôi biết một màn oách hơn. Anh chàng này đâu phải là số một; Ồ không, chắc chắn là không. Ở Bombay có người còn oách hơn.”

Đây là cách Picture Singh biết đến sự tồn tại của kinh địch cũng là lý do vì sao anh, vứt bỏ mọi kế hoạch trình diễn, thẳng tiến đến anh hàng trà đang cười hờ, và sục xuống sâu trong anh để tìm lại giọng nói quyền uy khi xưa, rồi nói, “Cậu sẽ cho tôi biết sự thật về tên bịp bợm này, đội trưởng, nếu không tôi sẽ tố cáo cậu chui vào họng cho đến khi chúng cần vào dạ dày cậu.” Và anh hàng trà, tỉnh khô, thừa biết ba viên cảnh sát lảng vảng gần đó sẽ mau mắn can thiệp để bảo vệ đồng lương của họ nếu cần thiết, thì thào với chúng tôi bí mật về tài vạ sự thông của anh, cho chúng tôi biết ai bao giờ ở đâu, tới khi Picture Singh nói bằng một giọng mà vẻ quả quyết đã che lấp đi nỗi sợ của anh: “Tôi sẽ đi tìm và cho gã Bombay này biết ai là số một. Trên đời này, các đội trưởng, không có chỗ cho hai Người Dụ Hoặc Nhất.”

Người bán các thức trâu trâu phẩm, nhún vai một cách tế nhị, phún xuất dưới chân chúng tôi.

Như một câu thần chú, lời giễu cợt của người bán trâu đã mở ra cánh cửa cho Saleem trở về thành phố chôn nhau cắt rốn, nơi trú ngụ của nỗi hoài nhớ sâu sắc nhất trong gã. Phải, đó là một câu “vùng ời mở ra,” và khi chúng tôi quay về dãy lều nát dưới gầm cầu đường sắt, Picture Singh bôi đất rồi moi lên chiếc khăn mùi soa buộc túm đựng đồ bảo mệnh của anh, mảnh vải bạc màu bụi đất nơi anh tích góp những đồng xu cho lúc tuổi già; và khi Durga mù thợ giặt từ chối đi cùng anh, “Ông nghĩ sao vậy, Pictureji, tôi là loại đàn bà triệu phú hay sao mà có thời gian nghỉ mát kiểu đây?”, anh quay sang tôi với điều gì đó rất gần với sự van nài trong ánh mắt và ngỏ lời muốn tôi đi cùng, để anh không phải bước vào trận chiến ác liệt nhất, thử thách với tuổi tác của anh, mà không có một người bạn... phải, và Aadam cũng nghe thấy - với đôi tai pháp phối nó đã nghe thấy nhịp điệu của câu thần chú, tôi thấy mắt nó sáng lên khi tôi đồng ý, và thế là chúng tôi ngồi trong một khoang tàu hạng ba chạy về phía Nam Nam Nam, và trong sự đơn điệu năm âm tiết của những bánh xe, tôi đã nghe thấy mật ngữ ấy: abracadabra abracadabra abracadabra, tiếng hát của bánh xe khi chúng đưa chúng tôi bay-về-Bom.

Phải, tôi đã bỏ khu trại của giới ảo thuật lại sau mãi mãi, tôi đang abracadabra abracadabra hướng đến trái tim của một nỗi hoài nhớ sẽ giữ tôi sống đủ lâu để viết những dòng này (và tạo ra một số tương ứng những lọ ngậm); Aadam cùng Saleem và Picture Singh nhồi nhét trong toa hạng ba, đem theo một cơ sở sọt đã buộc dây, những chiếc sọt làm phần nhân loại bị nhồi-như-thịt-hộp trong toa kinh hãi vì kêu phì phì liên tục, khiến đám đông dồn ra sau sau sau, tránh xa hiểm họa bày răn, nhường cho chúng tôi một sự thoải mái và rộng rãi nhất định; trong khi những bánh xe hát bài abracadabra cho đôi tai pháp phối của Aadam.

©STENT: <http://www.luv-ebook.com>

Càng gần đến Bombay, vẻ bi quan ở Picture Singh càng lớn dần lên cho tới khi đường nó như đã trở thành một thực thể vật chất chỉ có bề ngoài là giống người dụ răn ngày xưa. Đến ga Mathura, một gã trai người Mỹ cầm đầy mụn và đầu cạo trọc như quả trứng lên toa chúng tôi cùng đội quân hàng rong nhộn nhạo bán con giống đất sét và chaloo-chai^[2] theo cô; gã phe phẩy một cái quạt lông công, và vận đen từ mớ lông công càng làm Picture Singh trầm uất ngoài sức tưởng tượng. Trong khi sự bằng phẳng bất tận của bình nguyên Ấn-Hằng trải rộng ngoài cửa sổ, phả hơi nóng điên dại của gió sa mạc^[3] về chiều vào hành hạ chúng tôi, tay Mỹ trọc giảng giải cho hành khách trong toạ về tính phức tạp của đạo Hindu và bắt đầu dạy họ chân ngôn trong khi tay chìa ra một cái bát ăn xin bằng gỗ hồ đào; Picture Singh như mù trước cảnh tượng kỳ thú này và như điếc trước điệp khúc abracadabra của đoàn bánh xe. “Chẳng ích gì đâu, đội trưởng,” anh buồn thảm giải bày, “tay Bombay này sẽ trẻ và khỏe, và từ nay anh sẽ chỉ còn là người đàn ông dụ hoặc thứ hai.” Khi chúng tôi tới ga Kotah, mùi đen dúi bốc ra từ cây quạt lông công đã hoàn toàn chiếm lĩnh Picture Singh, ăn mòn anh một cách đáng báo động đến nỗi mặc dù mọi người trên toa đều xuống tàu ở phía bên kia so với sân ga để tiện lên thành tàu, anh không có dấu hiệu gì là cần đi cả. Đến Giao lộ Ratlam, trong khi cơn phản kích của tôi dâng cao, anh chìm vào một cơn hôn mê không phải là ngủ mà là sự tê liệt đang lớn dần của tâm lý bi quan. “Cứ cái đà này,” tôi nghĩ, “khéo anh ấy còn chẳng thách đấu được.” Qua Baroda: vẫn thế. Tại Surat, cảng tập kết của John Company ngày xưa^[4], tôi nhận ra rằng mình cần phải hành động ngay, bởi vì mỗi phút abracadabra lại đem chúng tôi đến gần Bombay hơn, thế là cuối cùng tôi nhặt cây sáo gỗ cũ của Picture Singh lên, và bằng cách thổi nó một cách vụng về tệ hại đến nỗi tất cả lũ răn rít lên đau đớn và làm gã trai người Mỹ nín bật vì khiếp đảm, bằng cách phát ra một âm thanh ma tru quỷ khóc đến nỗi

không ai nhận ra tàu đã chạy qua đường Bassein, Kurla, Mahim, tôi đã phá vỡ màn âm khí của lòng công; sau cùng Picture Singh đã rùng mình tỉnh dậy từ cơn tuyệt vọng với một cái nhếch cười yếu ớt và nói, “Tốt hơn là cậu thôi đi, đội trưởng, và đưa tôi thôi cho; không thì có người chắc chết vì đau đớn mất.”

[2] Trà sữa pha đường.

[3] Nguyên văn: *loo-wind, thứ gió mùa mang hơi nóng của sa mạc vào lục địa Ấn Độ.*

[4] *John Company: tên gọi khác của Công ty Đông Ấn thuộc Anh.*

Bầy rắn nguôi dần trong sọt; thế rồi bánh xe thôi hát, và chúng tôi đến nơi:

Bombay! Tôi ôm ghì lấy Aadam, và không cưỡng được bật ra một tiếng reo xa xưa: “Bay-về-Bom!” Tôi reo mừng, trước vẻ ngơ ngác của gã trai người Mỹ, kẻ chưa bao giờ biết đến câu chân ngôn ấy; và nhắc đi, và nhắc lại, nhắc đi, nhắc lại: Bay-về-Bom! Về-Bom!”

Bắt xe buýt xuôi đường Bellasis, tới vòng cua Tardeo, chúng tôi đi qua những người Parsee mắt trũng sâu, qua những tiệm sửa xe đạp và quán café Iran; rồi đến Hornby Vellard bên phải chúng tôi - nơi khách bộ hành chứng kiến cảnh Sherri con chó lai bị vứt bỏ cho ộc máu ra chết! Nơi hình nộm bằng bìa của các đồ vật vẫn ngất ngưỡng trên các lối vào ở sân vận động Vallabhbhai Patel! - chúng tôi xóc nảy tung tung qua những cảnh sát giao thông dưới ô che nắng, qua đền Mahalaxmi – rồi đến đường Warden! Bể bơi Breach Candy! Và kia, nhìn kia, các cửa hàng... nhưng tất cả đã đổi tên: còn đâu nữa Thiên Đường của Độc giả với hàng chõng truyện tranh Siêu nhân? Còn đâu, Tiệm giặt Band Box và hàng bánh kẹo Bombelli’s, với những thanh Sô Cô La Dài Cả Mét? Và, lạy Chúa, nhìn kia, trên đỉnh quả đồi hai tầng nơi những biệt thự của William Methwold từng đứng dưới vòm hoa giấy và kiêu hãnh nhìn ra biển... nhìn nó đi, con quái vật khổng lồ da hồng hình tòa nhà, ngọn tháp chọc trời sắc đào của đám đàn bà nhà Narlikar, lưng lửng đứng đó và xóa sổ hoàn toàn vòng xuyên của tuổi thơ... phải, đây là Bombay của tôi, mà cũng không-phải-của-tôi, bởi vì khi đến Kemp’s Corner, chúng tôi thấy biển quảng cáo cậu bé rajah của Air- India với Thằng nhóc Kolynos đã biến mất, biến mất mãi mãi, và bản thân Thomas Kemp and Co. cũng đã tan biến vào hư không... cầu vượt chằng chịt mọc lên ở nơi, ngày xưa ngày xưa, thuốc được bán theo đơn và một tiểu tinh linh đội mũ diệp lục nở nụ cười sáng bóng với xe cộ qua lại. Rất đổi bi thương, tôi lầm rầm trong hơi thở: “Giữ Răng Shạch và Giữ Răng Sháng! Giữ Răng Kolynos Cực Bóng Loáng!” Nhưng mặc cho tôi niệm chú, quá khứ vẫn không tái hiện; chúng tôi lạch xạch đi xuống đường Gibbs và xuống xe gần Chowpatty Beach.

Ít ra, còn có Chowpatty là chưa thay đổi mấy: một dải cát bần thiêu nham nhản bọn móc túi, và ma cà bông, và những người bán rong channa-nóng-đây, hoặc kulfi và bhel-puri và chatter-mutter^[5]; nhưng phải xuôi xuống Marine Drive tôi mới được thấy chiến tích của đội quân tetrapod. Trên vùng đất mà liên doanh Narlikar đã lấn được của biển, một bầy quái vật khổng lồ vươn thẳng lên bầu trời, mang những cái tên ngoại lai kỳ quái: OBEROI - SHERATON hét vào mặt tôi từ xa. Và còn đâu tám biển neon Jeep?... “Đi thôi, Pictureji,” tôi nói sau một hồi lâu, áp Aadam vào ngực, “Hãy đến nơi chúng ta cần đến và giải quyết cho xong đi; thành phố này đã bị thay đổi rồi.”

[5] Những đồ ăn vặt phổ thông ở Bombay: kulfi là một loại kem nhiều sữa; bheh-puri là một món ăn nhẹ gồm bột gạo, mì

xào giòn, hành tây và khoai tây; chatter-muttor là một kiểu xa lát rau của Ấn Độ.

Tôi biết nói gì về Câu lạc bộ Nửa đêm-Riêng tư? Rằng nó nằm dưới lòng đất, ở một địa điểm bí mật (song không bí mật với những anh bán trâu vạn sự thông); cửa ra vào, không ký hiệu; khách hàng, giới tinh hoa của thành Bombay. Còn gì nữa? À, phải rồi: chịu sự quản lý của một tay Anand “Andy” Shroff, doanh nhân và playboy, người hầu như ngày nào ta cũng thấy phôi nấng tại Khách sạn Sun ’n’ Sand trên Bãi biển Juhu giữa các minh tinh màn bạc và những bà hoàng bị truất ngôi. Xin hỏi quý vị: một người Ấn, tầm nấng? Nhưng hiển nhiên đây là chuyện rất bình thường, những quy tắc quốc tế của giới playboy phải được tuân thủ nghiêm ngặt, trong đó có điều khoản về việc phải sùng bái mặt trời mỗi ngày, tôi cho là vậy.

Tôi mới ngây thơ làm sao (vậy mà tôi từng nghĩ Sonny, đầu bẹp forcep, mới là thằng đơn giản!) - tôi chưa bao giờ nghĩ rằng trên đời có những chỗ như Nửa đêm-Riêng tư! Nhưng tất nhiên là có; tay nắm chặt những cây sáo và những sọt rần, ba chúng tôi gõ cửa.

Có bóng người thấp thoáng, sau tấm lưới sắt nhỏ ở ngang tầm mắt: một giọng nữ ngọt ngào khe khẽ yêu cầu chúng tôi cho biết mục đích cuộc viếng thăm. Picture Singh tuyên bố: “Tôi là Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất Thế Gian. Quý vị đang thuê một người dụ rần khác biểu diễn tạp kỹ ở đây; tôi sẽ thách đấu với anh ta để chứng tỏ mình xuất sắc hơn. Tôi không đòi trả tiền cho việc này. Đó là, đội trưởng gái ạ, vấn đề danh dự.”

Lúc đó là buổi tối; Ngài Anand “Andy” Shroff, may mắn thay, đang có mặt. Và, để khỏi rườm rà: lời khiêu chiến của Picture Singh được chấp thuận, chúng tôi tiến vào nơi mà cái tên chưa gì đã làm tôi ít nhiều mất can đảm, bởi vì nó chứa chữ *nửa đêm*, và bởi vì những chữ viết tắt của nó đã từng hàm chứa thể giới bí mật của riêng tôi: M.C.C., có nghĩa là Metro Cub Club, và cũng từng chỉ Hội nghị Những đứa trẻ Nửa đêm^[6], nhưng nay đã bị hộp đêm bí mật này tiếm đoạt. Nói tóm lại: tôi cảm thấy bị xâm phạm.

[6] Tên tiếng Anh của câu lạc bộ này là Midnite-Confidential Club.

Hai vấn đề song hành của giới trẻ thành thị sành điệu: làm thế nào để tiêu thụ đồ uống có cồn ở một quốc gia cấm rượu; và làm sao để cua gái theo đúng kiểu Tây xịn nhất, nghĩa là bằng cách đưa các em đi ăn chơi đập phá, trong khi vẫn bảo đảm tuyệt đối bí mật, nhằm tránh nỗi ô nhục rất Á Đông của một vụ tai tiếng? Nửa đêm Riêng tư là giải pháp của Ngài Shroff cho những khó khăn day dứt này của giới trẻ lá ngọc cành vàng của thành phố. Dưới không gian ngầm của sự phóng đảng ấy, gã đã tạo ra một thế giới tối tăm như chốn u minh, đen như địa ngục; giữa không gian bí mật của bóng tối nửa đêm, các tình nhân của thành phố gặp nhau, uống rượu, và yêu đương; được bao bọc trong màn đêm cách biệt, nhân tạo, họ mơn trớn nhau mà không bị trừng phạt. Địa ngục là huyền tưởng của nhân loại: mọi truyền thuyết đòi hỏi ít nhất một kẻ phải sa xuống Jahannum, và tôi theo sau Picture Singh vào đêm đen như mực của Câu lạc bộ, ôm đứa con trai bé bỏng trên tay.

Chúng tôi được dẫn xuống trên một tấm thảm đen thăm thẳm - đen-của-đêm, đen như lời nói dối,

đen-của-quạ, đen-của-thịnh-nộ, đen trong “ê này, thằng đen!”; tóm lại, một tấm thảm tối sẫm - bởi một nữ nhân viên với vẻ hấp dẫn nhục cảm mê hồn, với tấm sari gợi tình vắt ngang hông, một đóa hoa nhài cài trên rốn; nhưng khi tiến sâu vào bóng tối, cô quay sang chúng tôi và nở nụ cười trấn an, tôi nhận ra rằng cô nhắm mắt; một đôi mắt long lanh kỳ dị đã được vẽ lên mí mắt cô. Tôi nhìn không nổi phải hỏi, “Vì sao...” Cô đáp lại, đơn giản: “Tôi bị mù; và hơn nữa, không ai đến đây muốn bị nhìn thấy. Ở đây là một thế giới không diện mạo hay tên tuổi; ở đây con người không có ký ức, gia đình, hay quá khứ; nơi đây là cho *hiện tại*, và chỉ hiện tại mà thôi.”

Và bóng tối vây phủ chúng tôi; cô dẫn chúng tôi qua hồ thăm ác mộng ấy, nơi ánh sáng bị gong cùm và xiềng xích, cái nơi nằm ngoài thời gian, cái chốn phủ nhận lịch sử ấy... “Ngồi đây,” cô nói, “Người dự rần kia sẽ sớm có mặt. Khi đến lúc, một ngọn đèn sẽ rơi vào các anh; lúc đó hãy bắt đầu cuộc đấu.”

Chúng tôi ngồi đó trong - bao lâu? vài phút, vài giờ, vài tuần? - và trong đêm lóng lánh ánh mắt của những cô gái mù dẫn những vị khách vô hình vào chỗ ngồi; và dần dà, trong bóng tối, tôi bắt đầu ý thức được: vây quanh mình là những xi xầm se se, đê mê như thể một đàn chuột nhung đang giao phối; tôi nghe tiếng leng keng của ly tách trên những cánh tay xoắn xuýt vào nhau, tiếng cọ xát dịu dàng từ những đôi môi; với một tai lành và một tai điếc, tôi nghe thấy âm thanh của dục tình cấm kỵ tràn ngập bầu không khí nửa đêm... nhưng không, tôi không muốn biết điều gì đang xảy ra; mặc dù mũi tôi có thể ngửi thấy, trong cái lạng lẽ xi xầm của hộp đêm, đủ thể loại câu chuyện và khởi đầu mới, đủ loại ái tình lạ lẫm và cấm kỵ, và những mâu thuẫn vụn vặt vô hình và kẻ-nào-đang-đi-quá-xa, nghĩa là đủ thứ chuyện ngồi lê đôi mách sốt dẻo, tôi quyết định phớt lờ tất cả, bởi vì đây là một thế giới mới, và tôi không có chỗ đây. Tuy nhiên, con trai tôi. Aadam, ngồi cạnh tôi với đôi tai nóng rực lên vì hứng thú; mắt nó sáng lên trong bóng tối trong khi nó lắng nghe, và ghi nhớ, và học hỏi... thế rồi ánh sáng bùng lên.

Một luồng sáng duy nhất đổ xuống thành một quang sáng trên sân Câu lạc bộ Nửa đêm-Riêng tư. Từ bóng đêm nằm ngoài phạm vi vùng ánh sáng, Aadam và tôi trông thấy Picture Singh ngồi cứng đờ, chân khoanh lại, cạnh một thanh niên đẹp trai đầu vuốt Brylcreem^[7]; xung quanh mỗi người là nhạc cụ và những chiếc sọt dây kèn của môn nghệ thuật họ sắp trình diễn. Có tiếng loa thông báo: trận đấu huyền thoại giành danh hiệu Người Đàn Ông Dụ Hoặc Nhất Thế Gian sắp bắt đầu; nhưng có ai lắng nghe? Thậm chí, có ai buồn chú ý đến họ, hay tất cả đều đang mê mải với môi lưỡi tay? Đây là tên đối thủ của Pictureji: Tiểu vương xứ Cooch Naheen.

[7] Một loại dầu bóng vuốt tóc xuất xứ từ Anh.

(Tôi không biết: tự đặt danh hiệu là việc chẳng khó khăn gì. Nhưng có lẽ, có lẽ anh ta đích thực là cháu nội của vị Quận chúa từng một thời, lâu lắm rồi, là bạn của Bác sĩ Aziz; có lẽ hậu nhân của người-ủng-hộ-con-Chim-ngân-nga đã được cử ra thi đấu, trớ trêu thay, với người lẽ ra đã có thể trở thành Mian Abdullah thứ hai! Không loại trừ khả năng này: không ít tiểu vương đã lâm cảnh bần hàn từ khi mẹ Góa phụ xóa tên họ trong danh sách được chính phủ trả lương.)

Họ đã quyết đấu bao lâu, dưới lòng hang không ánh mặt trời ấy? Hàng tháng, hàng năm, hàng thế kỷ? Tôi không biết nữa: tôi chứng kiến, như bị thôi miên, cảnh họ nỗ lực vượt lên đối thủ, mê hoặc đủ

mọi loại rắn con người có thể hình dung ra, yêu cầu mang đến những loài rắn hiếm từ trại rắn Bombay (nơi Bác sĩ Schaapsteker từng...); và anh chàng tiểu vương ngang tài với Picture Singh ở từng loại rắn, thậm chí dụ được cả rắn, điều từ trước đến giờ chỉ có Picture làm nổi. Dưới cái Hộp đêm hỏa ngục ấy, nơi bóng tối là một khía cạnh trong nỗi ám ảnh của chủ nhân với màu đen (nguyên nhân khiến gã tắm nắng ở Sun 'n' Sand cho da ngày một đen hơn), hai nghệ sĩ bậc thầy thúc bách lũ rắn thực hiện những màn trình diễn không tưởng, bắt chúng tự thắt nút, cúi đầu chào, thuyết phục chúng uống nước từ ly đựng rượu, và nhảy qua vòng lửa... thách đố sự mệt mỏi, cái đói và tuổi tác, Picture Singh thi thố màn trình diễn của đời anh (nhưng liệu có ai xem? Bất cứ một ai?) - và sau cùng rõ ràng người trẻ hơn đang xuống sức trước; rắn của anh ta không còn nhảy múa nhịp nhàng theo tiếng sáo; và cuối cùng, bằng một tuyệt chiêu nhanh đến mức tôi không kịp hiểu điều gì vừa diễn ra, Picture đã thắt một con hổ mang chúa quanh cổ chàng tiểu vương.

Lời Picture nói: “Nhận thua đi, đội trưởng, nếu không ta sẽ bảo nó cắn.”

Trận đấu kết thúc ở đó. Vị tiểu vương bị nhục rời Câu lạc bộ và sau đấy có tin anh ta đã tự sát bằng súng trên taxi. Và trên sàn đấu của trận chiến vĩ đại cuối cùng của anh, Picture Singh đổ sập xuống như một gốc bồ đề gục ngã... các nữ tiếp viên mù (tôi gửi Aadam cho một người trông hộ) giúp tôi khiêng anh rời hiện trường.

Nhưng Nửa đêm-Riêng tư còn một trò chơi khăm nữa giấu sau tay áo. Một lần mỗi đêm - như một chút gia vị rắc thêm - ngọn đèn pha di động tìm đến một trong những cặp đôi cầm ky, rồi phơi bày họ dưới ánh mắt ẩn kín của những người đồng hội: một dạng Cò quay Nga^[8] phát quang, không nghi ngờ gì nữa, làm cuộc sống thêm phần kích thích với giới trẻ thời thượng của thành phố... và đêm đó ai là nạn nhân bị rọi trúng? Ai, sừng-thái-dương mặt nhọ mũi dừa chuột, bị nhận chìm trong luồng ánh sáng tai tiếng? Ai, bị lừa như các nữ tiếp viên bởi luồng mắt thị dâm của những bóng đèn, suýt nữa đánh rơi chân người bạn đang bất tỉnh?

[8] Một trò chơi may rủi chết người bằng súng lục ổ quay. Trong ổ đạn sẽ chỉ lắp một viên, mỗi người chơi đến lượt mình sẽ quay ổ đạn rồi cầm súng tự bắn vào đầu mình.

Saleem trở về thành phố chôn rau cắt rốn để đứng dưới ánh đèn trong một căn hầm, trong khi dân Bombay rúc rích cười gã từ trong bóng tối.

Một cách mau chóng, vì ta đã đến đoạn kết của những tai biến, tôi ghi lại rằng, trong một căn phòng hậu trường, nơi được phép bật đèn, Picture Singh hồi tỉnh từ cơn ngất; và trong lúc Aadam ngủ ngon lành, một trong những nữ phục vụ mù dọn cho chúng tôi bữa ăn mừng thắng lợi và hồi sức. Trên bàn tiệc khải hoàn là samosa, pakora, gạo, dal, puri; và chutney xanh. Phải, một bác nhôm nhỏ chutney, xanh, lạy Chúa, xanh như châu chấu... và nhoáng cái một chiếc puri đã nằm trong tay tôi và chutney đã ở trên puri; và tôi đã ném một miếng, và suýt nữa tái diễn màn ngất xỉu của Picture Singh, bởi vì nó đã đem tôi về lại cái ngày tôi ra viện với chín ngón tay và bước vào kiếp lưu đày ở nhà Hanif Aziz, và được cho ăn thứ chutney ngon nhất trần đời... mùi chutney này không chỉ là sự đồng vọng của một mùi vị xa xưa - nó chính là mùi vị của ngày xưa, đích thị mùi vị ấy, với sức mạnh đem quá khứ trở về như

thề nó chưa bao giờ xa khuất... trong cơn kinh hãi của niềm phấn khích, tôi túm chặt tay người nữ phục vụ mù; khó khăn lắm mới kiềm chế nổi bản chân, tôi bật ra: “Món chutney! Của ai làm?” Chắc tôi đã hét lên, bởi Picture, “Yên nào, đội trưởng, cậu làm thằng bé dậy mất... mà làm sao thế? Trông cậu như vừa nhìn thấy hồn ma kẻ thù đáng sợ nhất ấy!” Và, người nữ phục vụ mù, có chút lạnh lùng: “Cậu không thích món chutney à?” Tôi phải ghìm lại một tiếng gầm dữ tợn. “Tôi thích chứ,” tôi nói bằng cái giọng bị nhốt trong lồng sắt, “Tôi *thích* chứ! - giờ cô hãy cho tôi biết nó từ đâu đến?” Và cô ta, kinh sợ, bồn chồn muốn bỏ đi: “Là Rau quả dầm Braganza; ngon nhất Bombay, ai cũng biết.”

Tôi bảo cô đem cho tôi cái lọ; và kia, trên bao bì, là địa chỉ: của một tòa nhà với vị nữ thần neon nhấp nháy màu nghệ-và-xanh trên cổng, một nhà máy được sự bảo hộ của Mumbadevi huỳnh quang, trong khi những đoàn tàu nội hạt chạy vàng-và-nâu qua: Công ty TNHH (Tư nhân) Rau quả dầm Braganza, ở khu đô thị hóa Bắc thành phố.

Một lần nữa, một câu Abracadabra, một câu Vòng oi mở ra: những chữ in trên một lọ chutney, đã mở ra cánh cửa cuối cùng của đời tôi... Tôi bị bóp nghẹt bởi một quyết tâm không gì cưỡng nổi là tìm ra tác giả của thứ chutney không tưởng của ký ức này, và nói, “Pictureji, em phải đi...”

Tôi không rõ chuyện của Picture Singh kết thúc ra sao; anh từ chối đi cùng tôi trong cuộc truy tìm này, và trong mắt anh tôi nhận ra rằng những nỗ lực chiến đấu đã làm tan vỡ một điều gì đấy trong anh, rằng chiến thắng của anh là, kỳ thực, một thất bại; nhưng liệu anh vẫn ở Bombay (có lẽ làm thuê cho Ngài Shroff), hay đã trở về với mẹ thợ giặt của anh; liệu anh còn sống hay đã chết, tôi cũng không biết nữa... “Làm sao em bỏ anh được?” tôi hỏi, trong tuyệt vọng, nhưng anh trả lời, “Đừng ngốc thế, đội trưởng. Cậu đã có chuyện phải làm, thì chẳng có cách gì khác mà phải làm thôi. Đi đi, tôi cần gì cậu chứ? Như mẹ Resham vẫn bảo cậu ấy: đi, đi mau đi!”

Mang Aadam theo cùng, tôi đi.

Đoạn kết của hành trình: từ thế giới ngằm của những nữ tiếp viên mù, tôi tiến về phía Bắc Bắc Bắc, ôm con trai trên tay: và cuối cùng đến nơi ruồi bị thần lẩn nuốt rau rầu, những vại rau quả dầm sôi lục bục, và những người đàn bà cánh tay lực lưỡng kể chuyện cười thô tục; đến thế giới của những đốc công mềm mấp cạy độc có cặp vú hình nón, và tiếng lanh canh vang dội tứ bề của các lọ ngằm ở đây chuyền đóng chai... và ai, ở cuối con đường của tôi, đứng chắn trước mặt tôi, tay chống nạnh, lông tơ ở bắp tay lấp lánh mồ hôi? Ai, luôn thẳng thừng như thế, cất vắn, “Này, ông kia: ông muốn gì?”

“Em!” Padma reo lên, hớn hờ và có chút thẹn thò khi nhớ lại “Dĩ nhiên, còn ai vào đây nữa? Em em em!”

“Xin chào, Begum,” tôi nói. (Padma xen vào: “Ôi ông - bao giờ cũng một niềm lịch thiệp này kia!”)
“Xin chào; tôi xin phép nói chuyện với bà giám đốc?”

Ôi nàng Padma lắm lì, phòng thủ, cứng đầu! “Không được. Begum Giám đốc đang bận. Ông phải hẹn trước, rồi quay lại sau. Giờ thì xin ông đi cho.”

Nghe này: chắc chắn tôi sẽ ở lại, thuyết phục, dọa dẫm, thậm chí dùng vũ lực để vượt qua đôi cánh tay Padma; nhưng có một tiếng kêu từ trên cầu treo - cây cầu treo này đây, Padma, bên ngoài khu văn phòng! - cây cầu treo nơi ai đó từ đầu đến giờ tôi chưa sẵn sàng nói tên đang đứng nhìn xuống, qua dây vại ngâm không lò và những mẻ chutney liu liu - ai đó đang lạch cạch lao bỏ xuống những bậc thang kim loại, rú lên đến lạc giọng:

“Ôi lạy Chúa, ôi lạy Chúa, Ôi Jesus đức Jesus nhân ái, baba, con trai ta, xem ai đây này, arre baba, con không thấy ta sao, con gây quá đi mất, mau, mau, để ta hôn con nào, để ta lấy bánh con ăn nhé!”

Đúng như tôi đoán, Begum Giám đốc của Công ty TNHH (Tư nhân) Rau quả dầm Braganza, người tự xưng là Bà Braganza, quả nhiên chính là người ayah năm xưa của tôi, tên tội phạm của nửa đêm, Cô Mary Pereira, người mẹ duy nhất còn lại của tôi trên đời này.

Nửa đêm, hoặc là tầm đó. Một người đàn ông cầm theo chiếc ô đen cụp lại (và nguyên vẹn) đi về phía cửa sổ phòng tôi từ hướng đường ray xe lửa, dừng lại, ngồi xồm ỉa. Rồi thấy bóng tôi dưới ánh đèn và, thay vì bất bình khi thấy tôi nhìn trộm, hét to: “Xem đây!” đoạn tiếp tục rặn ra cục phân dài nhất tôi từng thấy. “Bốn mươi phân!” anh ta hét to, “Đằng ấy được bao nhiêu?” Trước đây, khi còn sung mãn hơn, tôi chắc sẽ muốn kể câu chuyện đời anh; thời khắc nửa đêm và cái ô mà anh sở hữu là tất cả những mối liên hệ cần thiết để tôi khởi đầu tiến trình dệt anh vào cuộc đời tôi, và tôi tin chắc mình sẽ kết thúc bằng việc chứng minh anh là nhân tố không thể bỏ qua với bất kỳ ai muốn hiểu cuộc đời tôi và những thời kỳ bị bóng đêm ngự trị; nhưng giờ tôi đã bị ngắt điện, rút nguồn, chỉ còn một việc phải làm là viết điều văn. Thế nên, vẫy tay với nhà vô địch đại tiện, tôi đáp trả: “Hôm nào giỏi thì mười lăm,” và quên anh đi.

Ngày mai. Hoặc là ngày kia. Những vết nứt sẽ chờ đến 15 tháng Tám. Vẫn còn một ít thời gian: ngày mai tôi sẽ kết thúc.

Hôm nay tôi cho phép mình nghỉ viết và đến thăm Mary. Một cuộc xe buýt dài nóng nực bụi bặm qua những đường phố đã bắt đầu sục sôi trong niềm háo hức về Ngày Độc lập sắp tới, mặc dù tôi nghĩ thấy cả những mùi khác, ô uế hơn: vỡ mộng, hám lợi, yếm thế... cái huyền thoại sắp ba mươi một tuổi về tự do không còn là nó ngày xưa nữa. Đất nước này cần những huyền thoại mới; nhưng đây không phải là việc của tôi.

Mary Pereira, giờ đây lấy tên là Bà Braganza, sống cùng với em gái, Alice, nay là Bà Fernandes,

tại một căn hộ trên tòa tháp sắc hồng của đám đàn bà nhà Narlikar trên ngọn đồi hai tầng nơi ngày xưa, trong tòa cung điện đã bị phá hủy, bà ngủ trên manh chiếu của người hầu. Phòng ngủ của bà chiếm một khoảng không xấp xỉ khối lập phương không khí ngày xưa, nơi ngón tay đang chỉ của một ngư phủ đã hướng một cặp mắt trẻ thơ về phía chân trời; ngồi trong chiếc ghế ru gỗ tẻch, Mary ru con trai tôi, hát bài “Buồm Đỏ Dưới Hoàng Hôn”. Những cánh buồm dhow sắc đỏ căng phồng trên nền trời xa.

Một ngày thật dễ chịu. Khi ta nhớ về những ngày đã qua. Khi tôi nhận ra rằng một luống xương rồng ngày trước đã sống sót qua cuộc cách mạng của đám đàn bà nhà Narlikar, và mượn cái xéng của người mali^[9] rồi đào lên một thế giới đã bị chôn vùi từ lâu: một quả địa cầu nhôm đựng bức-hình-con-nít-cỡ-đại ó vàng bị kiến gặm, tác phẩm của Kalidas Gupta, và lá thư của Thủ tướng. Và những ngày sau đó: có lẽ đến chục lần chúng tôi hàn huyên về vận may bỗng dưng đổi chiều của Mary Pereria. Về chuyện tất cả đều nhờ vào cô em Alice - vợ của ông Fernandes tội nghiệp đã chết vì mù màu, do bị lẫn lộn, khi lái chiếc Ford Prefect cũ, trước một trong những cột đèn giao thông hồi ấy còn hiếm hoi của thành phố. Về chuyện Alice đã về Goa thăm bà, mang theo cái tin rằng các bà chủ của cô, đám đàn bà ghê gớm và tháo vát nhà Narlikar, sẵn sàng đầu tư một khoản tiền-tetrapod vào một nhà máy rau quả dầm. “Em bảo họ, không ai làm achar-chutney được như chị Mary,” Alice đã nói, với sự chính xác tuyệt đối, “bởi vì chị ấy trút cảm xúc của mình vào trong đó.” Vậy là Alice cuối cùng đã trở thành một cô gái tốt. Và, baba, con nghĩ sao hả, làm sao ta tin nổi cả thế giới đều muốn ăn món chutney quê mùa của ta, ở tận Anh họ cũng ăn. Và giờ, con nghĩ xem, ta ngồi đây, trên nền ngôi nhà cũ thân thương của con, trong khi có Chúa mới biết bao điều đã xảy đến với con, sống và vật bấy lâu, thế giới này thật trở trêu, baapu-re!

[9] Thợ làm vườn.

Và những khúc than đắng cay xen lẫn ngọt ngào: Ôi, ba má tội nghiệp của con! Bà chủ nhân hậu, chết rồi! Còn ông Sinai tội nghiệp, chẳng bao giờ biết ai yêu mình lẫn cách yêu người! Lại còn con Khi nữa... nhưng tôi đã ngắt lời, không, chưa chết: không, không phải đâu, chưa chết. Đang bí mật, ở một tu viện, ăn bánh mì.

Mary, người ăn trộm cái tên của bà hoàng Catharine tội nghiệp, kẻ đã trao cho người Anh những hòn đảo này, đã dạy tôi bí quyết làm rau quả dầm. (Kết thúc một khóa học đã bắt đầu trong chính không gian này khi tôi đứng dưới bếp xem bà khuấy cảm giác tội lỗi vào xoong chutney xanh.) Giờ bà ở nhà, nghỉ hưu khi đã tuổi già tóc bạc, một lần nữa sung sướng đóng vai ayah, với một thằng bé để nuôi nấng. “Giờ chuyện viết lách của con đã xong, baba, con nên dành nhiều thời gian hơn cho con trai.” Nhưng Mary ạ, con làm việc ấy vì nó. Và bà, chuyển chủ đề, bởi vì dạo này tâm trí bà cứ nhảy tanh tách tứ tung như bọ chết: “Ôi, baba, baba, nhìn con này, con già quá rồi!”

Bà Mary giàu có, người chưa bao giờ mơ mình giàu có, đến giờ vẫn không biết ngủ giường. Nhưng uống mười sáu lon Coca một ngày, chẳng sợ sâu răng, vì đường nào răng cũng rụng hết rồi. Lại nhảy tách một phát: “Mà sao con lại dám cưới vội vàng đột ngột thế?” Vì Padma muốn thế. Không, cô ấy đâu có bị sao, làm sao cô ấy có thể, với tình trạng này của tôi? “Không sao, baba. Ta chỉ hỏi vậy thôi.”

Và ngày hôm đó chắc đã bình yên trôi qua, một ngày hoàng hôn gần thời khắc tận cùng của thời gian, nếu như lúc này, cuối cùng, khi ba tuổi, một tháng và hai ngày, Adam Sinai không bật ra một âm

thanh.

“Ab...” Arre, Ôi lạy chúa, nghe kia, baba, thằng bé đang nói gì ấy! Và Aadam, hết sức nấn nót: “Abba...” Cha. Nó gọi tôi là Cha. Nhưng không, thằng bé chưa nói hết, mặt nó lộ vẻ căng thẳng, và cuối cùng con trai tôi, người sẽ buộc phải trở thành phù thủy để đổi mặt với thế giới mà tôi sắp bỏ nó lại, đã hoàn tất tiếng nói đầu đời, thần diệu của nó: “... cadabba.”

Abracadabra! Nhưng không có gì xảy ra, chúng tôi không hóa thành ếch, thiên thần không bay vào qua cửa sổ: thằng bé chỉ đang khởi động. Tôi sẽ không kịp thấy những phép màu của nó... Giữa lúc Mary hoan hỉ đón chào thành tựu của Aadam, tôi quay về với Padma và nhà máy; bước tiến nhập đầu tiên, bí hiểm của con trai tôi vào lãnh địa của ngôn ngữ đã để lại trong mũi tôi một mùi hương đáng lo ngại.

Abracadabra: hoàn toàn không phải tiếng Ấn, mà là một chú ngữ thần bí, xuất phát từ tên thần linh tối cao của các tín đồ Trí huệ giáo dòng Basilidean^[10], hàm chứa con số 365, số ngày trong một năm, số Thiên Đường, và số linh thân tán phát từ đức Abraxas^[11]. “Thằng bé,” tôi tự hỏi, không phải lần đầu, “nghĩ nó là *ai* nhỉ ?”

[10] Trí huệ giáo (Gnosticism) là một tôn giáo ra đời khoảng thế kỷ 2 Công nguyên, sau này bị Thiên Chúa giáo xem là tà thuyết. Basilides là một đạo sư truyền bá Trí huệ giáo ở Alexandria, Ai Cập từ năm 117 đến 138 Công nguyên.

[11] Giáo lý Trí huệ giáo dòng Basilides cho rằng Abraxas là thần linh tối cao, thủ lĩnh của 365 vị thần, đại diện cho 365 ngày và cai quản 365 tầng Thiên Đường, trong đó tầng thấp nhất là trái đất. Abraxas nếu viết bằng ký tự Hy Lạp sẽ tạo nên con số 365, vì vậy chữ này được cho là có sức mạnh thần bí, và chính là từ nguyên của câu thần chú Abracadabra.

Những công thức đặc biệt của tôi: tôi đã để dành chúng từ đầu đến giờ. Giá trị tượng trưng của quá trình ngâm: sáu trăm triệu tế bào trứng đã sinh ra toàn bộ dân số Ấn Độ có thể nhét vừa một lọ ngâm kích cỡ tiêu chuẩn, duy nhất; sáu trăm triệu tinh trùng có thể mức lên chỉ trong một thìa. Mỗi lọ ngâm (hãy tha thứ cho tôi, nếu tôi trở nên hoa mỹ trong giây lát) do đó, chứa đựng triển vọng tối thượng nhất: khả năng chutney-hóa lịch sử; niềm hy vọng vĩ đại là ngâm thời gian! Tôi, tuy vậy, đã ngâm những chương sách. Đêm nay, bằng việc vắn chặt nắp vào chiếc lọ dán nhãn *Công thức Đặc biệt Số 30: “Abracadabra”*, tôi đã đi đến hồi kết của cuốn tự truyện dài dằng dặc của mình; bằng câu chữ và lọ ngâm, tôi đã biến ký ức của mình thành bất tử, mặc dù cả hai phương pháp đều không tránh khỏi có những sự méo mó. Tôi e rằng chúng ta buộc phải chung sống với cái bóng của sự bất toàn.

Những ngày này, tôi quản lý nhà máy cho Mary. Alice - “Bà Fernandes” - phụ trách mảng tài chính; trách nhiệm của tôi là khâu sáng tạo. (Tất nhiên tôi đã tha thứ cho tội lỗi của Mary; tôi cần mẹ cũng như cần cha, mà một người mẹ thì nằm ngoài diện oán giận.) Giữa lực lượng lao động toàn nữ của Rau quả dầm Braganza, trong ánh nhấp nháy sắc nghệ-và-xanh của nàng Mumbadevi neon, tôi tuyển lựa xoài cà chua chanh từ những phụ nữ đội thúng đến đưa hàng lúc rạng đông. Mary, với nỗi căm ghét xa xưa đối với “bọn đàn ông”, không chấp nhận nam giới nào ngoài tôi vào vũ trụ mới, đầm ấm này của bà... tôi, và dĩ nhiên cả con tôi. Alice, tôi ngờ rằng, vẫn có vụng trộm tí chút; còn Padma

đã say tôi ngay từ đầu, thấy ở tôi một nơi để trút bầu quan hoài bao la bị dồn nén của em; phần còn lại thì tôi không dám nói, nhưng đối với đội ngũ nhân công nhà máy, năng lực phi phàm của phụ nữ nhà Narlikar được phản ánh qua nhiệt huyết trong đôi tay lực lưỡng của những người quấy vại.

Quá trình chế biến chutney cần những gì? Nguyên liệu thô, tất nhiên rồi - hoa quả, rau, cá, giấm, gia vị. Những cuộc viếng thăm mỗi ngày của những phụ nữ Koli sari xắn cao giữa hai chân. Dưa chuột cà tím bạc hà. Nhưng chưa hết: cặp mắt, xanh như băng, không bị lừa mị bởi sự phỉnh phờ ngoài mặt của hoa quả - và nhìn thấu chỗ ủng dưới lớp vỏ những loại quả họ cam; những ngón tay chỉ bằng một cú chạm nhẹ tựa lông hồng là đã thăm dò được trái tim thâm kín, không ngừng biến động của những quả cà chua xanh; và trên hết là một cái mũi có năng lực thấu hiểu ngôn ngữ ẩn mật của những-thứ-cần-ngâm, sự hài hước và những thông điệp và cảm xúc của chúng... ở Rau quả đầm Braganza, tôi giám sát quy trình sản xuất theo các công thức huyền thoại của Mary; ngoài ra có cả những hỗn hợp đặc biệt của tôi, trong đó, nhờ sức mạnh của khoang mũi bị hút kiệt, tôi có thể đưa vào ký ức, mơ mộng, tư tưởng, để một khi chúng đi vào sản xuất hàng loạt, tất cả những ai tiêu thụ sẽ biết lọ gia vị đã giành được gì ở Pakistan, và cảm giác khi lạc trong rừng Sundarbans ra sao... tin hay không tùy quý vị, nhưng đó là sự thật. Ba mươi chiếc lọ xếp hàng trên giá, chờ đợi được trút xuống đầu dân tộc mất trí nhớ này.

(Và bên cạnh chúng, một lọ hãy còn trống.)

Quá trình hiệu chỉnh phải diễn ra liên tục và không ngừng nghỉ; chớ nghĩ rằng tôi thỏa mãn với những gì đã có! Trong số những thứ làm tôi kém vui: một mùi hơi gắt từ những lọ chứa ký ức về cha tôi, một sự mơ hồ nào đấy trong mùi vị tình yêu ở “Jamila Ca sĩ” (Công thức Đặc biệt Số 22), có thể làm những ai thiếu nhạy bén kết luận rằng tôi đã hư cấu ra toàn bộ câu chuyện tráo-hài-nhi để biện hộ cho một tình yêu loạn luân; sự mù mờ thiếu hợp lý trong lọ mang nhãn “Tai nạn trong Tủ giầy” - những câu hỏi được rau quả đầm trong lọ đặt ra chưa có sự trả lời thấu đáo, chẳng hạn: Tại sao Saleem phải gặp tai nạn mới có được siêu năng lực? Hầu hết những đứa trẻ khác không cần... Hoặc là, trong “Đài phát thanh Toàn Ấn Độ” và các lọ khác, một nghịch âm xuất hiện trong bản hòa tấu của mùi vị: lẽ nào sự thú nhận của Mary lại gây sững sốt cho một người có năng lực ngoại cảm thực thụ? Có những lúc, ở phiên bản lịch sử của những lọ ngâm, Saleem dường như biết quá ít; và có những lúc, quá nhiều... phải, tôi phải chỉnh sửa và chỉnh sửa, hoàn thiện và hoàn thiện; nhưng tôi không còn cả thời gian lẫn sức lực. Tôi đành phải đưa ra trợ khác một lời giải thích bướng bỉnh này: Chuyện xảy ra như thế vì nó xảy ra như thế.

Rồi còn cả vấn đề của các gia vị chủ đạo. Sự phức tạp của nghệ và thì là, sự vi diệu của cỏ cà ri, khi nào dùng bạch đậu khấu hạt to (và khi nào hạt nhỏ); rồi muôn vàn tác động khác nhau của tỏi, garam masala, quế thanh, rau mùi, gừng... chưa kể thỉnh thoảng còn có sự đóng góp nồng nàn hương vị của vài hạt bụi. (Saleem đã hết bị ám ảnh về sự thuần khiết.) Qua việc pha chế gia vị, tôi học được cách chấp nhận những méo mó tất yếu của quá trình ngâm ủ. Ngâm ủ, nói cho cùng, là mang lại sự bất tử: cá, rau, hoa quả được ướp trong gia-vị-và-giấm; một điều chỉnh nào đó, một sự gia tăng chút ít về mùi vị, chỉ là một vấn đề nhỏ, hửn rồi? Bí quyết là thay đổi về nồng độ, chứ không phải chủng loại gia vị; và trên hết (trong ba mươi và một cái lọ của tôi) là cho chúng hình dạng và hình thái - như thế tức là, ý nghĩa, (tôi từng đề cập đến nỗi sợ sự vô nghĩa của mình.)

Có lẽ một ngày kia thế giới sẽ được ném món rau quả dầm của lịch sử. Đối với một số người, vị của chúng có lẽ sẽ quá nồng nàn, mùi của chúng có lẽ sẽ quá mãnh liệt, nước mắt có thể sẽ ứa ra; tuy nhiên, tôi vẫn hy vọng mình có thể nói về chúng rằng chúng chứa đựng thứ mùi vị nguyên chất của sự thật... rằng chúng là, bất chấp tất cả, những hành động của tình yêu.

Còn một lọ trống... kết thúc thế nào đây? Có hậu, với Mary trong chiếc ghế đu và đứa con bắt đầu bập bẹ? Giữa những công thức, và ba mươi cái lọ có nhãn là tên các chương sách? Giữa nỗi bi ai, đắm chìm trong hồi ức về Jamila và Parvati, thậm chí cả Evie Burns? Hay là với những đứa trẻ thần kỳ... nhưng nếu vậy thì tôi có nên vui vì một số đã chạy thoát, hay nên kết thúc trong bi kịch của quá trình tan rã, hệ quả của việc bị hút kiệt? (Vì căn nguyên của sự rạn nứt nằm trong chính việc bị hút kiệt: cơ thể bất hạnh, bị nghiền nát, bị hút kiệt ở trên và ở dưới của tôi bắt đầu rạn nứt bởi vì nó đã héo quắt đi. Khô kiệt, nó cuối cùng đã đầu hàng trước những di chứng của một đời bị vùi dập cả đời. Và giờ vang lên tiếng nhay xé găm, và một mùi hôi bốc ra qua các kẽ nứt, hẳn là mùi của cái chết. Làm chủ: tôi phải làm chủ được tình hình càng lâu càng tốt.)

Hay là với những câu hỏi: giờ đây, khi có thể (tôi thì) nhìn thấy những vết nứt trên mu bàn tay, nứt dọc theo đường chân tóc và giữa những ngón chân, tại sao tôi không chảy máu? Lẽ nào tôi đã trống trơn khô kiệt bị ngâm ủ sẵn rồi? Lẽ nào tôi đã thành xác ướp của chính tôi?

Hay là những giấc mơ: bởi vì đêm qua hồn ma của Mẹ Bè trên xuất hiện, chăm chăm nhìn xuống tôi qua cái lỗ khoét giữa một đám mây, chờ đợi cái chết của tôi để bà có dịp khóc ra một mùa mưa trong bốn mươi ngày... và tôi, bông bênh ngoài cơ thể mình, nhìn xuống hình ảnh bị rút ngắn của chính tôi, và thấy một thằng lùn tóc muối tiêu, kẻ từng, trong một tấm gương, tỏ ra nhẹ nhõm.

Không, như thế không ổn, tôi sẽ phải viết về tương lai như đã viết về quá khứ, ghi chép nó với sự chắc chắn tuyệt đối của một nhà tiên tri. Nhưng tương lai không thể được bảo quản trong một cái lọ; một cái lọ phải để trống... Điều không thể đem ngâm, vì nó chưa xảy ra, là tôi sẽ sống đến ngày sinh nhật, lần thứ ba mươi một, và chắc chắn lễ cưới sẽ được cử hành, Padma sẽ có hoa văn henna trên bàn tay lẫn bàn chân, và cả một cái tên mới, có lẽ là Naseem, để tỏ lòng tôn kính hồn ma Mẹ Bè trên đang dõi theo chúng tôi, và ngoài cửa sổ sẽ có pháo hoa và đám đông, vì hôm đó là Quốc khánh và những con quái vật nhiều đầu sẽ đổ ra đường, còn Kashmir sẽ đang chờ đợi. Tôi sẽ cầm vé tàu trong túi, sẽ có một chiếc taxi với tài xế là một cậu bé nhà quê từng mơ ước, tại quán Café Pioneer, trở thành minh tinh màn bạc, chúng tôi sẽ chạy về phía Nam Nam Nam, vào trung tâm đám đông huyền ảo này, những người sẽ ném bóng sơn vào nhau, vào cửa sổ đã được kéo lên của chiếc taxi, như thể hôm nay là Holi, lễ hội Sắc màu; rồi dọc theo Hornby Vellard, nơi một con chó bị bỏ mặc đến chết; và đám đông, đám đông lúc nhúc, đám đông không biên giới này, cứ lớn mãi đến khi lập chập thể gian, khiến việc tiến lên trở thành bất khả; chúng tôi sẽ bỏ lại chiếc xe cùng những giấc mơ của anh chàng tài xế, đi bộ vào đám đông chật như nêm này, và phải, tôi và Padma sẽ thất lạc nhau, bông sen-phân của tôi vươn tay về phía tôi qua đại dương dây sóng, cho tới khi em chìm chìm vào đám đông và tôi chỉ còn lại một mình giữa mê mông biên số, những con số điều hành rầm rập một hai ba, tôi bị nhồi lên đập xuống trong khi cơn nhay xé găm lên đến đỉnh điểm, và cơ thể tôi hét lên, nó không thể chịu đựng kiểu đối xử này thêm nữa, nhưng giờ tôi nhìn thấy những khuôn mặt quen thuộc trong đám đông, tất cả đều có mặt, ông ngoại

tôi Aadam và vợ ông Naseem, và Alia và Mustapha và Hanif và Emerald, và Amina người từng là Mumtaz, và Nadir kẻ trở thành Qasim, và Pia và Zafar thẳng nhóc đái dâm và cả Đại tướng Zulfikar, họ chen chúc quanh tôi xô đẩy giẫm đạp và những vết nứt toác ra, từng mẫu cơ thể tôi rơi xuống, còn kia là Jamila người đã rời tu viện để có mặt trong ngày cuối cùng này, màn đêm đang buông xuống đã buông rồi, vang lên tiếng tích tắc đếm ngược về nửa đêm, pháo hoa và trời sao, những mô hình đồ vật bằng bìa các tông, và tôi nhận ra rằng, mình sẽ không bao giờ đến được Kashmir, như Jehangir Đại đế Mughal tôi sẽ chết với Kashmir trên môi, không kịp nhìn thấy thung lũng hoan lạc, nơi con người tìm đến để hưởng thụ cuộc sống hoặc để kết thúc nó, hoặc cả hai; bởi vì giờ tôi đã thấy những bóng dáng khác trong đám đông, bóng dáng khủng bố của một người hùng chiến tranh với đôi đầu gối sắt thủ, người đã khám phá ra tôi ăn cắp quyền vị lúc chào đời của hắn ra sao, hắn đang xô đẩy xông đến chỗ tôi qua đám đông lúc này chỉ toàn những khuôn mặt quen thuộc, kia là anh chàng kéo Rashid xe tay-trong-tay với Quận chúa xứ Cooch Naheen, đây là Ayooba Shaheed Farooq với Mutasim Anh tuấn, còn từ một hướng khác, hướng mộ đạo của Haji Ali^[12], tôi nhìn thấy một bóng ma thần thoại đang tiến lại: Hắc thần, có điều khi đến gần mặt nó màu xanh mặt nó màu đen, tóc nó rẽ ngôi giữa, bên trái xanh và bên phải đen, mặt nó là cặp mắt Góa phụ; Shiva và Hắc thần đang đến gần rất gần, bên tai tôi vang lên những lời nói dối trong đêm: bất cứ gì con muốn thành, con sẽ được - sự dối trá trắng trợn nhất, nứt vỡ rồi: sự phân rã của Saleem, tôi là Quả bom ở Bombay, hãy xem tôi nổ tung, từng đốt xương nứt gãy rạn vỡ dưới sức ép khủng khiếp của đám đông, cái túi da đựng xương rơi rớt rớt; như năm xưa ở Jallianwala, nhưng hôm nay xem ra không có mặt Dyer, và không có Mercurochrome, chỉ có một sinh vật vỡ vụn tung tóe từng mảnh cơ thể ra đường, bởi vì tôi đã từng là rất-nhiều quá-nhiều nhân vật: cuộc đời, không như ngữ pháp, cho phép ta là nhiều hơn ba ngôi^[13], và cuối cùng đâu đó dội lên tiếng chuông đồng hồ, điểm đúng mười hai tiếng.

[12] Haji Ali là một thánh đường đạo Hồi đồng thời là một Kiến trúc lăng mộ tọa lạc trên một hòn đảo tí hon ở phía Nam Bombay.

*[13] Trong tiếng Anh, chữ **person** vừa có nghĩa là con người/nhân vật, vừa có nghĩa là ngôi nhân xưng.*

Phải, chúng sẽ nghiền nát tôi dưới chân, những con số rầm rập diễu hành một hai ba, bốn trăm triệu năm trăm sáu... biến tôi thành vô vàn hạt bụi vô thanh, cũng như, đến một ngày kia, chúng sẽ nghiền nát đứa con trai không phải con trai tôi, và đứa con trai không phải con trai nó, và đứa con trai không phải con trai nó, cho đến tận thế hệ thứ một ngàn lẻ một, cho đến khi một ngàn lẻ một nửa đêm đã ban phát những món quà khủng khiếp của chúng, và một ngàn lẻ một đứa trẻ đã chết, bởi vì những đứa trẻ của nửa đêm đều mang trong mình đặc ân và lời nguyện rằng chúng vừa là chủ nhân vừa là nạn nhân của thời đại chúng, phải từ bỏ sự riêng tư và bị cuốn vào vòng xoáy hủy diệt của đại chúng, và không được sống và chết một cách bình yên.

END

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>